ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO
TĂNG QUẢNG CHÁNH BIÊN

(trọn bộ)

Hán văn: Đại sư Ấn Quang
Chuyển ngữ: Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa
Giảo chánh: Minh Tiến & Huệ Trang

MỤC LỤC

QUYỂN I **13**

LỜI GIÃI BÀY **13**

I. THƯ TỪ **15**

1. Thư gởi hòa thượng Thể An chùa Đại Hưng Thiện 15
2. Thư bàn luận cùng bạn hữu về cương yếu của việc giảo chánh kinh điển 20
3. Thư gởi đại sư Dung Minh 21
4. Thư gởi sư Ngộ Khai 22
5. Thư trả lời sư Hải Thự 24
6. Thư gởi sư Căn Kỳ chùa Tứ Minh Quán Tông 26
7. Thư gởi tòa báo Phật Học (lược trích) 27
8. Thư trả lời cư sĩ Bộc Đại Phàm 33
9. Thư trả lời cư sĩ Tạ Dung Thoát ở Thái Thuận (thư thứ nhất) 37
10. Thư trả lời cư sĩ Tạ Dung Thoát ở Thái Thuận (thư thứ hai) 38
11. Thư trả lời cư sĩ Đặng Bá Thành (thư thứ nhất) 40
12. Thư trả lời cư sĩ Đặng Bá Thành (thư thứ hai) 43
13. Thư trả lời cư sĩ Đặng Tân An 46
14. Thư gởi cư sĩ Lưu Đình Thành ở Phước Kiến 47
15. Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân (thư thứ nhất) 48
16. Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân (thư thứ hai) 51
17. Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân (thư thứ ba) 53
18. Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân (thư thứ tư) 57
19. Thư gởi cư sĩ Trần Tích Châu 60
20. Thư gởi cư sĩ Tâm Nguyện (viết thay cho bạn) 67
21. Thư gởi cư sĩ Vệ Cẩm Châu 67
22. Thư trả lời cư sĩ Lâm Giới Sanh ở Thái Thuận (thư thứ nhất) 73
23. Thư trả lời cư sĩ Lâm Giới Sanh ở Thái Thuận (thư thứ hai) 74
24. Thư gởi cư sĩ Lâm Chi Phần ở Thái Thuận (thư thứ nhất) 77
25. Thư gởi cư sĩ Lâm Chi Phần ở Thái Thuận (thư thứ hai) 79
26. Thư trả lời anh em cư sĩ X… ở Vĩnh Gia 86
27. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ nhất) 90
28. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ hai) 92
29. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ ba) 94
30. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ tư) 97
31. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ năm) 102
32. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ sáu) 116
33. Thư gởi nữ sĩ Từ Phước Hiền 119
34. Thư gởi sư Khang Trạch 125
35. Thư gởi pháp sư Đế Nhàn 127
36. Thư gởi sư Ngọc Trụ 128
37. Thư gởi cư sĩ Hứa Khoát Nhiên ở Quảng Đông (viết thay cho thầy Khang Trạch) 129
38. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo luận về chuyện tý hương 134
39. Thư gởi hiếu liêm Tiêu Vĩnh Hoa ở Quảng Đông (viết thay cho thầy Khang Trạch) 135
40. Thư gởi cư sĩ X… (viết thay sư Liễu Dư) 137
41. Thư gởi phu nhân X… ở Hải Diêm (viết thay thầy Ngộ Khai) 137

42. Thư gởi Cố mẫu Từ phu nhân ở Hải Diêm (viết thay thầy Ngộ Khai) 138
43. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ nhất) 139
44. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ hai) 141
45. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ ba) 143
46. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ tư) 143
47. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ năm) 145
48. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ sáu) 146
49. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ bảy) 147
50. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ tám) 148
51. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ chín) 150
52. Thư trả lời cư sĩ Chu Quần Tranh ở Vĩnh Gia 150
53. Thư trả lời sư Hoằng Nhất 152
54. Thư trả lời cư sĩ Vưu Tích Âm ở Vô Tích 152
55. Thư dự định trả lời vị cư sĩ X… 154
56. Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên 157
57. Thư hỏi thăm bệnh pháp sư Đế Nhàn 160
58. Thư trả lời thầy Hoằng Nhất (thư thứ nhất) 162
59. Thư trả lời thầy Hoằng Nhất (thư thứ hai) 165
60. Thư trả lời cư sĩ Uông Mộng Tùng 166
61. Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Siêu 168
62. Thư trả lời ông Ly Ẩn Tẩu 169
63. Thư trả lời cư sĩ Vưu Hoằng Như 176
64. Thư trả lời cư sĩ Thích Trí Châu (thư thứ nhất) 177
65. Thư trả lời cư sĩ Thích Trí Châu (thư thứ hai) 178
66. Thư trả lời cư sĩ Thích Trí Châu (thư thứ ba) 180
67. Thư trả lời cư sĩ Phạm Cổ Nông (thư thứ nhất) 181
68. Thư trả lời cư sĩ Phạm Cổ Nông (thư thứ hai) 182
69. Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Chân (thư thứ nhất) 185
70. Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Chân (thư thứ hai) 186
71. Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Chân (thư thứ ba) 187
72. Thư trả lời cư sĩ Lục Giá Hiên 188
73. Thư trả lời cư sĩ Lưu Trí Không 189
74. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu 190
75. Thư trả lời cư sĩ X… 194
76. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Trí Hải 195
77. Thư trả lời cư sĩ Phan Đối Phù 199
78. Thư gởi cư sĩ Nhiếp Vân Đài 200
79. Thư trả lời cư sĩ Kiều Trí Như 201
80. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên 202
81. Thư trả lời cư sĩ Đường Đại Viên 203
82. Thư trả lời cư sĩ Uông Vũ Mộc 205
83. Thư trả lời sư Thịnh Cơ 207
84. Thư trả lời cư sĩ Phương Viễn Phàm 209
85. Thư trả lời cư sĩ Huệ Lãng 210
86. Thư trả lời Bàng Khế Trinh 213
87. Thư trả lời cư sĩ Viên Văn Thuần 214

88. Thư trả lời cư sĩ Viên Phước Cầu 215
89. Thư gởi Chu Pháp Lợi đồng tử 219
90. Thư gởi Mã Khế Tây 220
QUYỂN II **222**
91. Thư trả lời cư sĩ Bao Hữu Vũ (thư thứ nhất) 222
92. Thư trả lời cư sĩ Bao Hữu Vũ (thư thứ hai) 222
93. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ nhất) 224
94. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ hai) 228
95. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ ba) 228
96. Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ tư) 229
97. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ năm) 230
98. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ sáu) 230
99. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ bảy) 231
100. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ tám) 232
101. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ chín) 232
102. Thư trả lời cư sĩ Hà Hòe Sanh 233
103. Thư trả lời cư sĩ Chu Quần Tranh (thư thứ nhất) 235
104. Thư trả lời cư sĩ Chu Quần Tranh (thư thứ hai) 237
105. Thư trả lời cư sĩ Chu Quần Tranh (thư thứ ba) 238
106. Thư trả lời cư sĩ Chu Quần Tranh (thư thứ tư) 239
107. Thư trả lời cư sĩ Chu Quần Tranh (thư thứ năm) 241
108. Thư trả lời cư sĩ Chu Quần Tranh (thư thứ sáu) 242
109. Thư trả lời cư sĩ Chu Quần Tranh (thư thứ bảy) 243
110. Thư trả lời cư sĩ Hồng Quán Lạc 244
111. Thư trả lời cư sĩ Uông Cốc Nhân 245
112. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ nhất) 245
113. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ hai) 246
114. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ ba) 247
115. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ tư) 249
116. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ năm) 251
117. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ sáu) 252
118. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ bảy) 253
119. Thư gởi cư sĩ Đinh Phước Bảo 254
120. Thư trả lời cư sĩ X… ở Ninh Ba 255
121. Thư gởi bạn 257
122. Thư trả lời cư sĩ Nhạc Tiên Kiệu 258
123. Thư gởi hòa thượng Tịch Sơn ở chùa Vạn Thọ, Dương Châu 258
124. Thư trả lời cư sĩ Lê Đoan Phủ ở Giang Tây 261
125. Thư gởi tổng nhung Trương Liên Thắng (viết thay cho bạn) 263
126. Thư trả lời cư sĩ Trương Vân Lôi (thư thứ nhất) 265
127. Thư trả lời cư sĩ Trương Vân Lôi (thư thứ hai) 266
128. Thư trả lời cư sĩ Trương Bá Nham 268
129. Thư gởi cư sĩ Tạ Dung Thoát 270
130. Thư trả lời cư sĩ Cố Hiển Vi 274
131. Thư trả lời cư sĩ Tạ Thành Minh ở Tứ Xuyên 280
132. Thư gởi cư sĩ Ngô Bích Hoa 283

133. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ nhất) 284
134. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ hai) 284
135. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ ba) 286
136. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ tư) 288
137. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ năm) 289
138. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ sáu) 290
139. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ bảy) 291
140. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ tám) 291
141. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ chín) 292
142. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ mười) 294
143. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ mười một) 295
144. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ mười hai) 296
145. Thư gởi đốc quân Trần Bá Sanh ở Thiểm Tây 297
146. Thư trả lời cư sĩ X… ở Dũng Giang 302
147. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như 303
148. Thư trả lời hai vị cư sĩ Từ Ngạn Như và Từ Dật Như 305
149. Thư gởi cư sĩ Bao Sư Hiền 306
150. Thư gởi thượng nhân Hoằng Nhất 307
151. Thư trả lời đại sư Pháp Hải 307
152. Thư trả lời cư sĩ Vương Dữ Tiếp 309
153. Thư gởi cư sĩ X… ở Vĩnh Gia 312
154. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm (thư thứ nhất) 317
155. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm (thư thứ hai) 318
156. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm (thư thứ ba) 320
157. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm (thư thứ tư) 322
158. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Ngọc Như ở Sùng Minh 323
159. Thư trả lời cư sĩ Hà Huệ Chiêu 324
160. Thư trả lời cư sĩ Thang Xương Hoằng 328
161. Thư gởi hội Phóng Sanh ở Đại Đồng, Tuyền Châu 330
162. Thư trả lời hiệu trưởng Vạn An ở An Huy 332
163. Thư trả lời cư sĩ Úc Trí Lãng 333
164. Thư trả lời cư sĩ X… 335
165. Thư trả lời tiên sinh Trương Quý Trực 335
166. Thư tuyên ngôn kết xã niệm Phật của chùa Thanh Liên ở Lô Sơn 336
167. Thư trả lời ông Dương Minh Trai, Phó Tư Lệnh Đệ Ngũ Quân ở Hà Nam 344
168. Thư trả lời anh em ông Chu Mạnh Do 345
169. Thư trả lời cư sĩ Phùng Bất Cửu 352
170. Thư trả lời cư sĩ Mã Thuấn Khanh 358
171. Thư trả lời cư sĩ Cừu Bội Khanh (thư thứ nhất) 362
172. Thư trả lời cư sĩ Cừu Bội Khanh (thư thứ hai) 363
173. Thư gởi cư sĩ Phương Thánh Dận 365
II. LUẬN 366
1. Luận Tịnh độ quyết nghi 366
2. Luận Tịnh độ pháp môn phổ bị tam căn 384
3. Luận Tông - Giáo bất nghi hỗn lạm 387
4. Luận Phật giáo đĩ hiếu vi bổn 396

5. Luận Như Lai tùy cơ lợi sanh thiển cận 398
6. Luận trì kinh lợi ích tùy tâm 400
7. Luận kiệt thành phương hoạch thật ích 401
8. Luận văn hồi kiếp vận hộ quốc cứu dân chánh bản thanh nguyên 412
III. SỚ 419
1. Sớ trùng tu ao phóng sanh chùa Cực Lạc ở Nam Tầm 419
2. Bài sớ về ao phóng sanh chùa Pháp Vân ở sông Tam Xoa, Kim Lăng 424
3. Bài sớ [kêu gọi đóng góp] xây dựng viện mồ côi Phật giáo chùa Pháp Vân ở sông Tam Xoa, Kim Lăng 426
4. Sớ phổ khuyến thí tiền khắc in Đại Tạng 429
5. Sớ sáng lập chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân, tỉnh Cát Lâm 430
6. Sớ duyên khởi thành lập liên xã chùa Di-đà tại Hàng Châu 432
7. Sớ trùng tu bảo tháp của Vinh Quốc Thiền Tự ở Nam Cao Phong, Hàng Châu *(viết thay cho thầy trụ trì Chấn Cơ)* 435
8. Sớ mộ duyên làm đàn thủy lục vạn niên ở Phật Đảnh Sơn 437
9. Sớ quyên mộ tu bổ điện đường, tăng phòng và vét ao phóng sanh của chùa Di-đà, núi Thạch Kinh, Hàng Châu 438
10. Sớ quyên mộ xây bến thuyền cho núi Phổ Đà 441
11. Sớ quyên mộ tu bổ điện Tam Thánh chùa Thượng Phương Quảng núi Thiên Thai 444
12. Sớ quyên mộ tu bổ đại điện Bán Sơn Am ở núi Phổ Đà (soạn giùm) 446
13. Sớ quyên mộ thiết lập đại đạo tràng Phổ Môn Vô Giá Phổ Độ Thắng Hội (viết giùm) 447
14. Sớ khuyên đóng góp cho viện tàn tật ở Thượng Hải 448
15. Sớ quyên mộ tu bổ Cảnh Đức Thiền Tự núi La-hán, Vĩnh Gia 449
16. Sớ thuật duyên khởi thành lập liên xã chùa Thanh Liên ở Lô Sơn 450
17. Sớ quyên mộ tu bổ điện Thiên Vương và lầu trống chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà 453
18. Sớ thuật duyên khởi mở niệm Phật đường chuyên tu tịnh nghiệp tại chùa Chân Như ở Gia Hưng 454
19. Sớ quyên mộ đúc chuông U Minh chùa Pháp Vân sông Tam Xoa, Nam Kinh 456
20. Sớ quyên mộ thiếp vàng tượng La-hán chùa Pháp Vũ (viết thay) 459
21. Sớ quyên mộ xây dựng liêu Như Ý chùa Pháp Vũ (viết thay) 460
QUYỂN III 462
IV. TỰ 462
1. Lời tựa in tặng tranh Cực Lạc (viết thay) 462
2. Lời tựa in lại kinh Phật Thuyết A-di-đà (viết thay) 464
3. Lời tựa khắc lại cuốn Di-đà Lược Giải Viên Trung Sao, khuyên nên thọ trì 465
4. Lời tựa giảo chánh khắc in lại sách Tùy Tự Ý Tam-muội 467
5. Lời tựa bản thạch ấn Phổ Đà Sơn Chí 470
6. Lời tựa cho bức khánh đồ (tranh diễn tả chuyện vui mừng) nhà ông Hà Lãng Tiên ở Thiệu Hưng 472
7. Lời tựa quyên mộ làm chay cúng dường ngàn vị tăng (viết thay cho hàng thiện nhân tại gia) 475
8. Lời tựa khắc in lại sách Hộ Pháp Lục của Tống Văn Hiến Công đời Minh 476
9. Lời đề từ và tựa bản in lại Long Thư Tịnh Độ Văn (viết thay cho ông Vương Hoằng Nguyện) 480

10. Tựa chung cho các sách Phật Học Chỉ Nam, Phật Học Khởi Tín Biên và Lục Đạo Luân Hồi Lục 483
11. Lời tựa tái bản bộ An Sĩ Toàn Thư (lời tựa thứ nhất) 487
12. Lời tựa tái bản bộ An Sĩ Toàn Thư (lời tựa thứ hai) 489
13. Lời tựa đúc bản kẽm lưu thông sách Tứ Huấn của ông Viên Liễu Phàm 492
14. Lời tựa tái bản sách Tứ Thư Chú Giải của ngài Ngẫu Ích 495
15. Lời tựa sách Pháp Hoa Nhập Sớ 498
16. Lời tựa cho tác phẩm phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Sớ Sao Hiệt 501
17. Lời tựa cho tác phẩm Kim Cang Thứ Hỗ 503
18. Lời tựa cho bản đúc kẽm tác phẩm Kim Cang Kinh Tuyến Thuyết 505
19. Lời tựa tái bản bộ Tán Lễ Địa Tạng Bồ-tát Sám Nguyện Nghi 508
20. Lời tựa khắc lại bộ Giản Ma Biện Dị Lục 509
21. Lời tựa bản thạch ấn sách Giản Ma Biện Dị Lục (viết thay cư sĩ Xí Giác Triệu Hy Y) 512
22. Lời tựa cho sách Tam Thập Nhị Tổ Truyện Tán 514
23. Lời tựa sách Tịnh Nghiệp Lương Đạo 516
24. Lời tựa sách Phật Học Sơ Giai 517
25. Lời tựa sách Thích Giáo Tam Tự Kinh 517
26. Lời tựa cho tập Mô Tượng Thi của cư sĩ Lưu Viên Chiếu 519
27. Lời tựa cho bản đúc kẽm lưu thông cuốn Phật Học Thuật Yếu 520
28. Lời tựa tái bản cuốn Cách Ngôn Liên Bích 521
29. Lời tựa tái bản sách Bất Khả Lục 523
30. Lời tựa khuyên giữ vẹn luân lý cho sách Bất Khả Lục 525
31. Lời tựa cho cuốn Vạn Niên Bạ bàn giao Phổ Tế Thiền Tự (viết thay cho hòa thượng Liễu Dư, chỉ bàn giao chứ không thay đổi thập phương) 526
32. Lời tựa cho từ đường mới của Thống Tổ ở Biệt Am (viết thay cho thầy Mậu Lượng) 528
33. Lời tựa cho Miên Vân Từ Đường (viết thay cho thầy thư ký chùa Pháp Vũ) 530
34. Lời tựa cho từ đường của pháp sư Thông Trí (viết thay cho đại sư Ngộ Khai) 530
35. Lời tựa cho nhà từ đường của con cháu chi phái lão nhân Lập Sơn (viết thay cho hòa thượng Khai Như) 534
36. Lời tựa quyên mộ dựng thảo xá Dược Vương (viết thay) 536
37. Lời tựa cho cuốn Vạn Niên Bạ chùa Pháp Vũ (viết thay hòa thượng Khai Như) 536
38. Lời tựa nhà từ đường Hóa Văn Lão Nhân (viết thay cho hòa thượng Khai Như) 538
39. Lời tựa cho cuốn pháp phổ am Bạch Hoa 539
40. Lời tựa cho bản quy củ Hương Tích Trai Tăng Hội 540
41. Lời tựa cho cuốn Vạn Niên Bạ am Viên Thông (viết thay hòa thượng Vĩnh Ngộ) 542
42. Lời tựa cho từ đường của hòa thượng Vĩnh Ngộ (viết thay cho người đứng ra tạo dựng) 544
43. Lời tựa sách Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam 545
44. Lời tựa in lại kinh Dược Sư Như Lai Bổn Nguyện Công Đức 547
45. Lời tựa cho bản tu chánh điều lệ quản trị chùa miếu và văn cảo hộ giáo 549
46. Lời tựa cho bộ Phóng Sanh Sát Sanh Hiện Báo Lục của tiên sinh Giang Thận Tu 552
47. Lời tựa trần thuật duyên khởi của Hạ Môn Phật Kinh Lưu Thông Xứ 557
48. Lời tựa cho cuốn Vạn Niên Bạ của am Pháp Như (trích lục phần dẫn nhập) 559
49. Lời tựa sách Phó Đại Sĩ Truyện Lục 560
50. Lời tựa khắc lại cuốn Quán Hà Tập 564

51. Lời tựa lưu thông bản thạch ấn kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật 565
52. Lời tựa cho Phật Quang Nguyệt Báo 568
53. Lời tựa quyên mộ tu sửa tháp viện của thiền sư Vân Cốc 571
54. Lời tựa tái bản bộ Tây Phương Công Cứ 572
55. Lời tựa cho Hồng Kiều Tịnh Độ Đường ở Lạc Thanh 574
56. Lời tựa sách A-di-đà Kinh Trực Giải 577
57. Lời tựa sách Thập Tam Kinh Độc Bản 578
58. Lời tựa dùng phẩm Đoạn Thực Nhục (dứt ăn thịt) của kinh Lăng-già để răn thần đừng hưởng đồ cúng mặn (viết thay cho cư sĩ Lư Trí Duệ ở huyện Y tỉnh An Huy) 580
59. Lời tựa cho Đồng Giới Lục của chùa Phổ Chiếu ở Dương Châu 582
60. Lời tựa khắc lại bộ Thủy Lục Nghi Quỹ 583
61. Lời tựa quyên mộ tu bổ, xây dựng ao phóng sanh chùa Đại Phật ở Tân Xương 585
62. Lời tựa truyền giới của Kim Sơn Giang Thiên Thiền Tự 587
63. Lời tựa cho bộ Trừng Tín Lục Tu Bổ Cầu Cống từ huyện Cận đến Khưu Ải Trấn 590
64. Lời tựa sách Tịnh Độ Thích Nghi 591
65. Lời tựa cho lần tái bản tác phẩm sớ giải kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật của ngài Thiện Đạo 593
66. Lời tựa cho bài Phổ Thuyết Tam Quy Ngũ Giới tại nhà giam thứ nhất ở kinh đô trong ngày Nguyên Đán năm Giáp Tý 595
67. Lời tựa khắc kinh Kim Cang lên đá 597
68. Lời tựa khắc in lưu thông cuốn Phật Di Giáo Kinh Giải 598
69. Lời tựa sách Tâm Kinh Thiển Giải 602
70. Lời tựa thuật duyên khởi sách Quán Thế Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng 603
71. Lời tựa in lại sách Giáo Quán Cương Tông Thích Nghĩa Ký 606
72. Lời tựa cho Phật Học Nghiên Cứu Tùng Thư của Thế Giới Cư Sĩ Lâm tại Thượng Hải 607
73. Lời tựa sách Kim Cang Công Đức Tụng 608
74. Lời tựa sách Nho Thích Nhất Quán 609
75. Lời tựa sách Cận Đại Vãng Sanh Truyện 613
76. Lời tựa cho sách Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp Tùy Văn Lục (tục gọi là Lương Hoàng Sám) 614
77. Lời tựa sách Nhân Quả Lục 616
78. Lời tựa cho sách Sanh Tây Kim Giám (sau này đổi tên thành sách Tịnh Độ Thanh Chung) 618
79. Lời tựa cho đạo tràng niệm Phật quanh năm tại Thê Chân thường trụ 619
80. Lời tựa cho đồng tu tịnh nghiệp của tinh xá Quy Tông 620
81. Lời tựa trình bày duyên khởi của hội Phật Giáo Đài Loan 622
82. Lời tựa Phát Ẩn cho Ngô Tùng Phật Giáo Cư Sĩ Lâm 625
83. Lời tựa cho Phật Hóa Tùy San 626
84. Lời tựa duyên khởi cho Đôn Bản Học Hiệu ở Phật Xuyên 628
85. Lời tụng và lời tựa bức tranh ngàn vị Phật 631
86. Lời tựa sách Phật Pháp Yếu Luận 632
87. Lời tựa trình bày duyên khởi cho hội Thí Quan Tài Thể Nhân ở Phổ Đà 634
88. Lời tựa cho Vạn Niên Bạ của Tam Thánh Đường 635
89. Lời tựa cho sách Anh Minh Tập của cư sĩ Sái Bá Luân 636
90. Lời tựa sách Giáo Hối Thiển Thuyết 637

91. Lời tựa trình bày duyên khởi của Hoành Siêu Liên Xã 639
92. Lời tựa khắc lại mộc bản sách Quán Thế Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng 640
93. Lời tựa cho sách A-di-đà Kinh Bạch Thoại Giải Thích 641
94. Lời tựa phổ khuyến thọ trì lưu thông sách Dục Hải Hồi Cuồng 643
95. Lời tựa cho sách Thọ Khang Bảo Giám 645
96. Lời tựa cho bài văn quở trách tà thuyết tự do kết hôn (soạn thay) 649
V. BẠT 650
1. Lời bạt cho Quy Tâm Đường 650
2. Lời bạt cho sách Phạm Võng Kinh Tâm Địa Phẩm Bồ-tát Giới Sớ Chú Tiết Yếu 651
3. Lời bạt cho bản Thạch Ấn bài Tâm Kinh chép bằng lối chữ thảo của vị tăng lạ lùng là Thủ Tùng 653
4. Lời bạt cho bài văn bia ngự chế của Thanh Thế Tông ở chùa Pháp Vũ tại Phổ Đà (năm Ất Mão, viết thay cho ông Triệu Hy Y) 655
5. Lời bạt cho Lục Độ Thất (viết thay ông Đường Hưu Tử) 656
6. Lời bạt cho Tâm Quy Tịnh Xứ (viết cho cư sĩ Lưu Trí Không) 656
7. Lời bạt cho sách Định Hải Huyện Giám Ngục Giảng Kinh Tham Quan Ký của Hạng Bá Xuy 657
8. Lời bạt cho sách Vãng Sanh Luận Chú 659
9. Lời bạt cho bản điều lệ sắc lệnh quản lý chùa miếu của Đại tổng thống 659
10. Lời bạt cho bản in lại kinh Dược Sư Như Lai Bổn Nguyện 661
11. Lời bạt cho Văn Kinh Thất (căn thất để nghe kinh) 663
12. Lời bạt cho sách Tín Nguyện Niệm Phật Quyết Định Vãng Sanh Thiển Thuyết 663
13. Lời bạt cho Liên Vinh Đường 664
14. Lời bạt cho nghĩa trang của Đặng Bộc Quân 664
QUYỂN IV 666
VI. KÝ 666
1. Bài ký về việc nghênh đón chân thân xá-lợi của Thích-ca Như Lai (viết giùm) 666
2. Bài ký lễ rước tượng Thích-ca Như Lai bằng ngọc về điện Tỳ Lô chùa Vạn Niên núi Nga Mi (viết giùm) 669
3. Bài ký về duyên khởi chuyên tu tịnh nghiệp của Đại Giác Nham Tây Lâm thảo am tại Nam Ngũ Đài Sơn, tỉnh Thiểm Tây 670
4. Bài ký tự trách lỗi trong việc chép kinh Hoa Nghiêm (viết thay sư Khoan Huệ) 674
5. Bi ký về việc trùng tu tháp Thái Tử và xây lan can quanh hồ sen tại Phổ Đà (viết thay sư Liễu Dư) 676
6. Bi ký sáng lập Bi Phường bằng xi-măng bên đường ven biển và trùng tu đình Hồi Lan (đình ngăn sóng) tại Phổ Đà (viết thay sư Liễu Dư) 678
7. Bi ký thuật duyên khởi lão nhân Vô Trước sáng lập am Thường Minh (viết thay thầy Hóa Hoằng) 680
8. Bi ký ghi công đức xây giếng Tiên Nhân ở Phổ Đà (viết thay thầy Giới Như) 682
9. Bi ký của Trinh Tiết Tịnh Độ Viện thuộc Lưu Trang Trường tại Hưng Hóa, tỉnh Giang Tô 683
10. Bài ký về tịnh nghiệp trinh hiếu của trinh nữ Trần Thánh Tánh 686
11. Bi ký lễ phóng sanh nhằm sinh nhật của phu nhân cư sĩ Chu Mộng Pha ở Ô Trình 689
12. Bài ký nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của Tuần Cai Tiểu Trúc 691

13. Bi ký về việc tạo lan can sắt bên đường lên Phật Đảnh Sơn (viết thay cho hòa thượng Văn Chất) 693
14. Bi ký trùng hưng chùa Tịnh Cư ở Tế Nam 694
15. Bi ký Vạn Niên Niệm Phật Hội ở am Thường Minh 697
16. Bài ký nơi tháp hóa thân của chùa Phổ Tế tại Phổ Đà 698
17. Bài ký nơi tháp hóa thân chùa Pháp Vũ, Phổ Đà 699
18. Bài ký về chuyện Lý Thái Phu Nhân ở Trấn Hải thắp đèn soi sáng biển 700
19. Bài ký trùng tu tháp viện của thiền sư Bách Trượng Đại Trí Hoài Hải 702
20. Bi ký công đức xây lại Ngũ Phật Trấn Mãng Tháp tại Tiểu Bạch Lãnh (viết giùm) 705
21. Bài ký huấn dụ của Diệu Ngộ Luật Viện ở Kim Lăng 709
22. Bi ký thuật duyên khởi của con đường Giáp Thọ 711
23. Bi ký thuật duyên khởi Cư Sĩ Niệm Phật Lâm Liên Xã tại Cửu Giang 713
24. Bài ký về chuyện thếp vàng tượng Phật tiếp dẫn trong hang đá của Trung Am thuộc Bí Ma Nham núi Ngũ Đài 714
25. Bài ký về chuyện vãng sanh của cư sĩ Nhạc Vận Sanh 716
26. Bài ký về chuyện vãng sanh của phu nhân Uông Hàm Chương 718
27. Bài ký về chuyện vãng sanh của Dương Thái Phu Nhân mẹ ông Từ 720
28. Bài ký về chuyện cảm ứng của cư sĩ Lục Tây Lâm (đầu thu năm Dân Quốc thứ 15 - 1926) 723
29. Bài ký về chuyện Ô Vưu Sơn Tự dựng tàng kinh các (núi ở tại huyện Lạc Sơn, Gia Định, Tứ Xuyên) 725
30. Bài ký tháp phổ đồng ở Ô Vưu Sơn 727
31. Bi ký thuật duyên khởi sáng lập tinh xá Bồ-đề 729
32. Bi ký ghi công đức sáng lập điện Tây Phương Tam Thánh (viết thay thầy Hoa Đức) 731
33. Bi ký trùng tu miếu Địa Mẫu của chùa Đông Chiếu ở Loa Đầu Miếu 732
34. Bài ký về chuyện vãng sanh của đại sư Kim Thái 733
35. Bài ký về chuyện vãng sanh của cư sĩ Triệu Tôn Nhân 735
36. Bài ký về chuyện vãng sanh của cư sĩ Sa Kiện Am 736
37. Bài ký về chuyện thoát nạn của cư sĩ Trầm Dực Tiên 738
38. Bài ký trùng tu [cầu và đình thờ tượng] Quán Âm và sự linh cảm của Quán Âm Bồ-tát ở Đông Quan thuộc Vĩnh Xuân 740

VII. TẠP TRƯỚC 742

1. Diễn thuyết tại phân hội Phật giáo Triều Dương - Bài 1 (viết thay sư Liễu Thanh) 742
2. Diễn thuyết tại phân hội Phật giáo Triều Dương - Bài 2 748
3. Diễn thuyết tại phân hội Phật giáo Triều Dương - Bài 3 749
4. Diễn thuyết tại phân hội Phật giáo Triều Dương - Bài 4 751
5. Nói về chuyện bột ngọt có thể vãn hồi kiếp vận 752
6. Nói về chuyện ông Nhạc Bộ Vân vì cha mẹ lập Phật đường 754
7. Phổ khuyến yêu tiếc sanh mạng loài vật và dùng xà-phòng Thanh Minh chế tạo từ dầu thực vật để giảm sát nghiệp 755
8. Đề nghị biện pháp dự phòng để tiêu tai, bảo vệ sanh mạng 757
9. Bàn về nhân quả là căn bản của thánh giáo Nho và Thích 760
10. Phổ khuyến kiêng giết ăn chay để vãn hồi kiếp vận 763
11. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn tàng về hành trạng của Phùng Bình Trai Nghi Nhân 769
12. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của tác phẩm Khang Mẫu Vãng Sanh Kỷ Niệm San (viết thay cho Khang Ký Dao) 772

13. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của tác phẩm Giang Mẫu Quách Thái Phu Nhân Tây Quy Sự Lược 773
14. Sự tích vãng sanh của ưu-bà-di Trần Liễu Thường và nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của Phật tánh 774
15. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn tàng của thất Đại Từ Bi 778
16. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín về sự thực vãng sanh của phu nhân Diêu nhà họ Mã 782
17. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của chuyện cư sĩ Liễu Nghĩa Tào Vân Tốn thí nhà để lập Niệm Phật Lâm 784
18. Bày tỏ những ý nghĩa ẩn kín của lời tựa chúc thọ cho tiên sinh Cừu Trác Đình và phu nhân 786
19. Nêu bày nghĩa lý ẩn kín về hành trạng của phu nhân Lâm mẹ ông Tôn 788
20. Nêu bày ý nghĩa ẩn kín trong chuyện vãng sanh của phu nhân Tôn mẹ ông Thôi 790
21. Nêu bày ý nghĩa ẩn kín của bộ sách Từ Bi Kính 792
22. Trình bày nghĩa lý ẩn kín của việc xây kèm tháp của ni sư Thanh Liên thuộc am Đại Thành vào phần mộ cha mẹ họ Đường 793
23. Bày tỏ ý nghĩa ẩn kín của việc lập trường học trong nhà thờ ông Đường Hiếu Tử 795
24. Duyên khởi của Hội Nghiên Cứu Phật Học Cao Châu, tỉnh Quảng Đông (viết thay cho ông Hà Kiếm Tinh) 798
25. Duyên khởi của Thượng Hải Phật Học Biên Tập Xã 801
26. Đề từ và duyên khởi của hội Thường Trai 804
27. Duyên khởi quyên mộ xây dựng Tịnh Độ Đường tại Liễu Thị, Lạc Thanh 805
28. Bài văn cung thỉnh pháp sư Tịnh Quyền giảng kinh Pháp Hoa (viết thay giám viện chùa Pháp Vũ) 806
29. Bài văn cung thỉnh pháp sư Tịnh Quyền giảng Di-đà Sớ Sao (viết thay trụ trì chùa Pháp Vũ) 807
30. Quảng cáo khai trương tiệm bán đồ chay của Ninh Ba Công Đức Lâm 808
31. Bài Tiểu Tham dành cho lễ cử hành pháp hội Thủy Lục (viết thay cho bạn) 809
32. Bài Tiểu Tham dành cho các vong linh (viết thay) 810
33. Bài Tiểu Tham dành cho vong linh trong trai hội Thủy Lục (viết thay cho bạn) 812
34. Bài Tiểu Tham dành cho vong linh trong lễ cầu siêu cha mẹ ông Tống nhung Trương trấn Định Hải (viết thay) 813
35. Văn tế ông Thịnh Dần Hoài (viết thay sư Liễu Dư) 814
36. Văn tế cư sĩ Hàn Sơn Hy (viết thay cho thường trụ Pháp Vũ, cư sĩ phẩm hạnh đoan chánh đáng đứng đầu giới thương nhân) 814
37. Văn tế bà nội ông Hồ Gia Khoa (viết thay) 815
38. Tán dương tượng Phật A-di-đà 816
39. Bài tán dương bức hình Quán Âm ở đầu cuốn sách Quán Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng 816
40. Bài tán dương bức hình vị tăng bị điên 817
41. Tịnh Độ Vấn Đáp và Lời Tựa 817
42. Vì tại gia đệ tử lược nói tam quy, ngũ giới, thập thiện 820
43. Dạy bà tỳ-kheo-ni X… (bà này là người xuất gia thuộc dòng dõi thế gia, viết thay cho bạn) 825
44. Giới Đường Tiểu Thực Bảng 826
45. U Minh Giới Điệp 827

46. Dạy Trần Sanh (ông này sống nhờ tại trường học Hóa Vũ ở Phổ Đà, cha ông ta dạy học tại trường này) 829
47. Dạy những nghĩa lý về pháp môn Tịnh độ và cách đối trị nóng giận 831
48. Biện định về sự sai ngoa trong việc sát sanh tế lễ tại Chiêu Văn Cổ Hội (tức hội tế lễ Chiêu Minh Thái Tử ở Y Huyện, tỉnh An Huy) 835
49. Bài chúc tụng nhân việc khánh thành ngôi chùa mới của Thế Giới Phật Giáo Cư Sĩ Lâm 838
50. Bài tụng phổ hồi hướng việc quyên mộ khắc kinh Hoa Nghiêm 838
51. Đề từ cho tập sách Hám Sơn Đại Sư Lục Vịnh 839
52. Đề tại Tâm Phật Các 839
53. Đề Minh Tâm Kiến Tánh Trai 840
54. Đề từ cho sách Tiên Phật Hợp Tông 840
55. Vì chủ rạp hát X… thượng đường 841
56. Lời chúc dành cho dịp xuất bản nguyệt san Đại Vân 842
57. Diễn từ hoan nghênh hội Phật giáo Đông Doanh (Nhật Bản) đến thăm núi 843
58. Bài minh trên bia mộ của Hoàng Thái Phu Nhân mẹ ông Lý 844
59. Bài ca ngợi nhân dịp mừng cư sĩ Phan Đối Phù sắp được bảy mươi tuổi 847
60. Ca tụng hạnh cao đẹp của cư sĩ Vương Hân Phủ 847
61. Ca ngợi chuyện quy Tây của Tưởng Thái Phu Nhân mẹ ông Vương 847
62. Ca ngợi chuyện quy Tây của Uẩn Không Trương Phu Nhân *(bà này vốn tên là Uẩn Tuyên, pháp danh là Uẩn Không)* 848
63. Ca ngợi hạnh đẹp của Dương Thái Phu Nhân mẹ ông Vương 848
64. Ca tụng điềm lành do chép kinh của phu nhân Cung Viên Thường 848
65. Nêu bày ý nghĩa ẩn tàng của việc khuyên trì kinh Kim Cang 849
66. Nêu bày ý nghĩa ẩn kín của ba mươi hai ứng thân Quán Thế Âm Bồ-tát 851
67. Đề từ cho bộ Gia Ngôn Lục 854
68. Đề từ cho sách Phật Thuyết Luân Chuyển Ngũ Đạo Tội Phước Báo Ứng Kinh Tập Giải 855
69. Bài ca tụng việc nghiền vàng để vẽ những hình tượng thuộc phẩm Phổ Môn 856

VIII. PHỤ LỤC 858

1. Bài ký về chuyện Quán Âm Bồ-tát ứng tích tại chùa Viên Quang, Nam Ngũ Đài Sơn (núi này cách tỉnh thành Thiểm Tây bảy mươi dặm) 858
2. Ghi lại lời sờ voi (nói mò) về niệm Phật tam-muội 861
3. Khuyên thiêu hủy dâm thư 863
4. Phương thuốc thần diệu để cai thuốc phiện 865
5. Nguyên bạt (lời bạt cho bộ Tăng Quảng Văn Sao) 866
6. Công đức in tạo kinh tượng 867
7. Những điều cần chú ý để giảm thiểu tội lỗi khi lật giở xem đọc kinh sách (phụ chú) 880
8. Bài thơ vịnh ngài Tam tạng Nghĩa Tịnh đời Đường qua Tây Vực thỉnh kinh *(đính kèm bài thơ này để thấy niềm may mắn được thấy nghe pháp)* 881
9. Nêu tỏ ý nghĩa in tạo kinh văn (trích từ bộ An Sĩ Toàn Thư) 881
10. Bài văn cùng thệ nguyện trong Tây Tư Xã của pháp sư Chứng Thông 882
11. Cách lưu thông kinh sách hữu ích cho thế đạo nhân tâm 883

QUYỂN I

LỜI GIÃI BÀY

Nếu là một liên hữu Việt Nam, có lẽ không ai không biết đến đại sư Ấn Quang qua dịch phẩm Thiền Tịnh Quyết Nghi của hòa thượng Trí Tịnh và Lá Thư Tịnh độ của cố hòa thượng Thiền Tâm. Khi đọc Lá Thư Tịnh Độ, chúng tôi vẫn luôn kỳ vọng sau này có thiện duyên sẽ được đọc toàn bộ Ấn Quang Văn Sao. Khi được quen biết với đạo hữu Vạn Từ, anh nhiều lần khuyên chúng tôi khi nào có dịp hãy cố dịch toàn bộ tác phẩm này sang tiếng Việt, bởi lẽ văn từ của tổ càng đọc càng thấm, càng thấy có lợi ích. Những giáo huấn của tổ rất gần gũi, hữu ích cho thời đại chúng ta, nhất là những giáo huấn về tín hạnh nguyện, xử thế, tu trì... Khi được biết chúng tôi chưa có nguyên bản Ấn Quang Văn Sao, anh đã sốt sắng lái xe đến khắp các chùa người Hoa trong vùng Nam California để tìm cho được một bản, nhưng cơ duyên chưa tới, vẫn không sao tìm được. Ngay tại một đạo tràng lớn như Phật Quang Sơn Tây Lai Tự vẫn không có một bản Ấn Quang Văn Sao nào. Mãi đến mùa Hạ năm 2001, đạo hữu Minh Lập từ Seattle mới tìm được cho mạt nhân bộ Ấn Quang Văn Sao (do chùa Từ Nguyện ấn tống, không rõ năm in, và được thí tặng bởi chùa Địa Tạng Viên Quang Tự) và Ấn Quang Gia Ngôn Lục (do Phật Quang Viện ở Bản Kiều, Đài Loan, 1982 ấn hành, cũng do chùa Địa Tạng thí tặng). Khi nghe tin đã tìm được Ấn Quang Văn Sao, đạo hữu Vạn Từ mừng rỡ khôn xiết, anh khẩn khoản mạt nhân hãy ráng dịch cho được dẫu chỉ vài phần trọng yếu của tác phẩm này, nhưng do tánh ngại khó cũng như do nhiều chướng duyên, mạt nhân đành thoái thác, không đáp ứng ý nguyện của người bạn đạo thân kính.

Mãi đến giữa hè 2003, nhân đạo hữu Vinh Quyền yêu cầu lần nữa, mạt nhân mới đánh bạo tạm dịch thử bản Gia Ngôn Lục. Khi đó, sau khi đọc và sửa lỗi bản dịch, các đạo hữu Huệ Trang và Vạn Từ đã tha thiết yêu cầu hãy dịch toàn bộ Ấn Quang Văn Sao, bởi lẽ nếu không đọc được toàn bộ một lá thư, chỉ đọc một vài đoạn trích thì khó thể cảm nhận trọn vẹn ý tổ. Nhưng nhìn vào kích thước của bộ sách này, mạt nhân thật e ngại sức mình không thể kham nổi, đành khất lần: *"Nếu ba năm sau không ai dịch tác phẩm này, tôi sẽ đánh liều dịch thử."* Rồi như một nhân duyên ước hẹn, cuối năm 2003, đạo hữu Minh Tiến từ California lại gởi tặng một bộ Ấn Quang Văn Tập hoàn chỉnh (gồm Ấn Quang Văn Sao, Ấn Quang Văn

Sao Tam Biên và Ấn Quang Văn Sao Tục Biên) do Cổ Tấn Báo Ân Niệm Phật Đường ấn hành năm 2002 và bộ Linh Phong Tông Luận (do liên xã Đài Trung ấn hành). Những tác phẩm này do Tịnh tông Học hội Los Angeles lưu thông. Mỗi lần nhìn vào hai bộ sách ấy đặt trên bàn, mạt nhân lại cảm thấy áy náy vì chưa đáp đền những ân tình của các bạn đạo đã dành cho mình. Nay dẫu thời hạn ba năm chưa đến, nhưng quang âm trôi qua vùn vụt, lúc này không làm, e vô thường chợt đến, có muốn làm cũng không kịp nữa!

Đã biết mình không đủ sức mà vẫn cố gượng làm, quả thật là dối mình, dối người, tội ương khó tránh khỏi. Thế nhưng, ngẫm lời các đạo hữu đã khuyên: "Cứ cố hết sức mình ngõ hầu pháp nhũ của chư tổ phần nào được thể hiện, như sữa đem pha nước dẫu nhạt vẫn còn đôi chút vị sữa", mạt nhân vẫn thầm mong được tam bảo gia hộ để không phạm lỗi xuyên tạc ý tổ, ý kinh quá đáng đến nỗi lương phương trở thành độc dược. Chỉ e nghiệp chướng sâu dày, kiến văn quả lậu, kiến giải quá lệch lạc đến nỗi thâm ý, bản hoài của tổ bị diễn đạt sai lệch hoàn toàn, không đem lại chút lợi ích cỏn con nào cho các liên hữu.

Ngưỡng mong, bản dịch nháp này sẽ khiến những bậc đại tâm đại đức, kiến văn quảng bác xót thương, rủ lòng từ bi phủ chính hoặc dịch lại toàn bộ cho chánh xác khiến cho hành nhân Tịnh độ Việt Nam sẽ được lãnh hội đúng đắn giáo huấn quý báu của tổ Ấn Quang. Còn nếu như việc làm liều lĩnh này có chút phần công đức nào, xin hồi hướng đến bổn sư Thượng Tọa thượng Giải hạ Thắng, tọa chủ Bửu Quang Tự, quận 7, Sài Gòn, lịch đại phụ mẫu, sư trưởng, tông thân, cùng các đạo hữu Vạn Từ, Minh Lập, Minh Tiến, Huệ Trang, các liên hữu thuộc Tịnh tông Học hội Đài Loan, cùng hết thảy pháp giới chúng sanh đều được vãng sanh Cực Lạc. Còn như nếu việc làm liều lĩnh này tạo thành tội nghiệp, xin tự mình gánh chịu tội ương, không dám liên lụy ân sư và những liên hữu đã hỗ trợ, khuyến khích, chịu thương chịu khó cùng mình trong suốt thời gian qua.

Ngày 13 tháng 07 năm 2005
Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa kính bạch

I. THƯ TỪ

1. Thư gởi hòa thượng Thể An chùa Đại Hưng Thiện

(Trong bản cảo năm Mậu Tuất, đối với giáo - hạnh - lý, chỉ luận về giáo, nay dùng giáo lý để phân định giáo, dùng hạnh quả để ước định căn cơ, tức là nương vào giáo lý để khởi hạnh, hạnh viên mãn mới chứng được quả)

Giáo, lý, hạnh, quả là cương tông[1] của Phật pháp. Nhớ Phật niệm Phật thật là đường tắt để đắc đạo. Xưa kia, tu pháp nào cũng đều đủ cả bốn điều này; nhưng trong hiện thời, nếu bỏ Tịnh độ thì chứng quả hoàn toàn không có. Bởi lẽ cách thánh[2] đã xa, căn tánh con người tệ kém, không cậy vào Phật lực, quyết khó được giải thoát. Như pháp môn Tịnh độ vừa nói đó, nhiếp khắp các căn thượng, trung, hạ, cao vượt trội Giới, Giáo, Thiền tông, thật là chư Phật tâm bi triệt để, chỉ cho chúng sanh thể tánh vốn sẵn đủ, gộp tam thừa ngũ tánh[3] cùng về Tịnh vực[4], dạy thượng thánh hạ phàm cùng chứng chân thường. Chúng sanh trong chín pháp giới lìa khỏi pháp này, trên thì chẳng thể viên thành Phật đạo; mười phương chư Phật bỏ pháp này, dưới thì chẳng thể lợi ích khắp mọi quần sanh. Do vậy, vãng thánh tiền hiền ai nấy đều hướng đến, ngàn kinh muôn luận chốn chốn chỉ quy. Kể từ sau Hoa Nghiêm dẫn về pháp này, các đại Bồ-tát trong tận mười phương thế giới hải không ai chẳng cầu sanh. Kể từ lúc diễn thuyết tại Kỳ Viên đến nay, phàm mọi trước thuật dù Tây Thiên hay Đông Độ, cuối cùng đều kết quy Liên Bang.

Kể từ khi đại giáo truyền sang Đông, Lô Sơn khởi đầu dựng liên xã, một tiếng xướng, trăm giọng hòa, không ai chẳng thuận theo. Nhưng những người có công lớn lao rõ ràng nhất thì đời Bắc Ngụy có ngài Đàm Loan, Đàm Loan là bậc không thể suy lường, do có việc xuống Nam Triều gặp Lương Võ Đế, sau lại trở về đất Bắc, Võ Đế hướng về phương Bắc, cúi lạy nói: "Pháp sư Loan là nhục thân Bồ-tát." Đời Trần - Tùy thì có Trí Giả, đời Đường có Đạo Xước, noi theo lời dạy của ngài Đàm Loan chuyên tu tịnh nghiệp, suốt đời giảng ba kinh tịnh độ hai trăm mấy mươi lần. Từ cửa Đạo Xước, nảy ra ngài Thiện Đạo, cho đến Thừa Viễn,

---

[1] Cương tông: Cương lãnh và tông chỉ.
[2] Cách thánh: Ý nói cách Phật, cách Bồ-tát và thánh chúng đã lâu.
[3] Ngũ tánh: Năm tánh khác nhau của chúng sanh do chủng tử vốn có trong a-lại-da thức quyết định. Đây là thuyết do tông Pháp Tướng lập ra, gồm: 1 - định tánh Bồ-tát, 2 - định tánh Duyên giác, 3 - định tánh Thanh văn, 4 - bất định tánh tam thừa, 5 - vô chủng tánh (hữu tình không có tánh).
[4] Tịnh vực tức là Tịnh độ.

Pháp Chiếu, Thiếu Khang, Đại Hạnh[5] thì liên phong[6] đã thổi khắp trung ngoại[7]. Do vậy, tri thức các tông không ai chẳng lấy đạo này để mật tu hiển hóa[8], ngõ hầu tự lợi, lợi tha vậy. Ngay như Thiền tông, nếu chỉ đề khởi hướng thượng thì một pháp chẳng lập, Phật còn không kể đến, huống gì niệm Phật cầu sanh Tịnh độ? Ấy là chân đế: một đã không, hết thảy đều không. Như câu nói: "Thật tế lý địa chẳng nhiễm mảy trần", hiển thị tánh thể. Nếu bàn luận đích xác về mặt tu trì thì chẳng bỏ một pháp nào, chẳng làm việc bèn không ăn, huống chi niệm Phật cầu sanh Tịnh độ! Đấy tức là nơi tục đế, một đã lập thì hết thảy đều lập. Như câu nói: "Trong cửa Phật sự, chẳng bỏ một pháp", hiển thị tánh vốn đầy đủ.

Muốn vứt bỏ tục đế để bàn chân đế sẽ không có chân đế. Nếu muốn bỏ tứ đại, ngũ uẩn để tìm tâm tánh thì thân đã không còn, tâm gởi vào đâu? Nếu dùng tục đế để sáng tỏ chân đế thì thật có chân đế. Như tại mắt gọi là thấy, nơi tai gọi là nghe, dùng tứ đại, ngũ uẩn để hiển lộ tâm tánh vậy. Đấy chính là ý chỉ lớn lao "ngầm tu Tịnh độ" của các tổ từ trước, nhưng chưa truyền thuật rộng rãi, rõ ràng; nếu không hiểu sâu xa ý tổ sẽ chẳng thể biết được. Thế nhưng ngài Bách Trượng lập quy chế cầu đảo cho vị tăng mắc bệnh và hóa tống[9] vị tăng đã tịch, đều quy về Tịnh độ. Lại nói: "Tu hành thì niệm Phật là ổn thỏa, thích đáng." Cho đến ngài Chân Hiết Liễu bảo: "Một pháp Tịnh độ nhắm thẳng vào chuyện tiếp dẫn hàng căn khí thượng thượng, kiêm độ hàng căn tánh trung hạ." Lại nói: "Trong tông Tào Động đều chăm chú ngầm tu, bởi sanh về Tịnh độ thấy Phật giản dị hơn tông môn nhiều lắm." Lại nói: "Dù Phật, dù tổ, dẫu giáo hay thiền đều tu Tịnh độ, cùng về một nguồn." Có thể thấy sơ lược như thế đó.

---

[5] Đại Hạnh là một vị tăng sống vào thời Đường, người xứ Lịch Thành, Sơn Đông, không rõ họ tên. Ngài còn được gọi là Diệu Hạnh. Trong niên hiệu Càn Phù, giặc cướp nổi lên như ong, dân không sống yên được, sư bèn vào Thái Sơn, kết cỏ làm áo, lột vỏ cây để ăn, chuyên hành sám pháp Pháp Hoa, Phổ Hiền suốt cả ba năm, cảm được Phổ Hiền Bồ-tát hiện thân. Do vậy càng thêm tinh tấn, sốt sắng nghĩ tưởng pháp của đức Như Lai, tu hành quên ăn bỏ ngủ. Về sau, nghĩ thân vô thường, lo thân sau không biết sẽ về đâu, bèn rút thăm một bản kinh để lựa pháp môn tu hành tối hậu. Ngài rút được kinh A-di-đà, bèn sớm tối trì tụng, đến giữa đêm ngày thứ 21, thấy cõi đất lưu ly tịnh khiết sáng rực trước mặt, tâm nhãn rỗng rang, thấy được Phật A-di-đà và Quán Âm, Thế Chí cùng vô số hóa Phật. Từ đấy, sư chuyên dùng pháp niệm Phật giáo hóa tăng, tục. Đường Hy Tông nghe danh ngài, triệu vào cung giảng pháp yếu, sắc phong là Thường Tinh Tấn Bồ-tát, ban cho tước Khai Quốc Công. Một năm sau, ngài thị hiện mắc bệnh, lại thấy đất lưu ly, bèn thị tịch trong ngày hôm đó, không rõ thọ bao nhiêu tuổi.

[6] Liên phong: Gió sen, chỉ pháp môn Tịnh độ.

[7] Trung là trong nước, ngoại là ngoài nước. Cũng có nghĩa là tại Trung Hoa và những nước ngoài Trung Hoa.

[8] Mật tu hiển hóa: Bản thân ngầm tu Tịnh độ, bề ngoài hoằng dương giáo pháp của tông mình.

[9] Hóa tống: Làm đám ma và đưa đi thiêu hay chôn.

Kịp đến đại sư Vĩnh Minh, mang thân cổ Phật, thừa nguyện xuất thế, mới lưu lại ngôn giáo rõ ràng, viết sách truyền dạy, hoằng dương, lại sợ người không hiểu rõ đường lối, lợi hại hỗn loạn, bèn cực lực nói ra bài kệ Tứ Liệu Giản, có thể nói đã nêu được cương tông của Đại tạng, làm bậc dẫn đường nơi ngõ rẽ, khiến cho kẻ học từ 80 chữ ấy đốn ngộ đạo trọng yếu xuất sanh tử, chứng Niết-bàn. Tâm đau đáu cứu thế, thiên cổ chưa hề có. Sau đấy, các tông sư đều lưu lại ngôn giáo rõ ràng, riêng khen ngợi pháp này, như ngài Trường Lô Trách, như Thiên Y Hoài, Viên Chiếu Bổn, Đại Thông Bổn, Trung Phong Bổn, Thiên Như Tắc, Sở Thạch Kỳ, Không Cốc Long[10] v.v.. Chư đại tổ sư tuy hoằng Thiền tông, lại riêng khen

[10] Trường Lô Trách: Pháp sư tên là Tông Trách, người xứ Tương Dương, lúc nhỏ mồ côi, tinh thông sách Nho. Năm 29 tuổi, lễ thiền sư Tú ở chùa Trường Lô tại Chân Châu làm thầy thế độ, hiểu sâu xa lẽ thiền. Sau tham yết ngài Trường Lô Ứng Phu đắc pháp, nối pháp của ngài. Sư đón mẹ về ở phía Đông phương trượng, khuyên mẹ nên xuống tóc và niệm Phật suốt 7 năm không gián đoạn. Mẹ niệm Phật qua đời. Về già, sư xuất lãnh tứ chúng kết liên xã chuyên tu niệm Phật, sư ngồi niệm Phật qua đời năm 1092, thọ 83 tuổi. Còn để lại hai tác phẩm là lời tựa kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật và Khuyên Người Niệm Phật Kiêm Tu Tịnh Độ.

Thiên Như Hoài: Húy là Nghĩa Hoài, người xứ Lạc Thanh, Vĩnh Gia. Cha làm nghề đánh cá, lúc bé, sư ngồi cuối thuyền, cha bắt được con cá nào, bèn lén thả đi. Cha đánh mắng vẫn không thay đổi. Lớn lên, đến kinh đô, xin làm tiểu ở chùa Cảnh Đức. Trong niên hiệu Thiên Thánh (1023-1031), thi kinh trúng tuyển, được thọ cụ túc. Ngài đến tham học với thiền sư Tuyết Đậu Hiển, giữ chức Thủy Đầu (chuyên gánh nước), một bữa đòn gánh gãy, chợt ngộ, được ấn khả. Sư giáo hóa độ chúng rất nhiều, thường đem pháp môn Tịnh độ dạy người. Ai đến tham học cũng dạy: "Nếu nói 'bỏ uế lấy tịnh, chán đây ưa kia là tình kiến lấy bỏ' thì là chúng sanh vọng tưởng. Nếu nói không có Tịnh độ thì là trái lời Phật, nên tu Tịnh độ như thế nào?" Chúng im lặng, sư tự đáp: "Sanh thì quyết định sanh, đi thì chẳng thật đi! Ví như nhạn bay qua trên không, bóng chìm nước lạnh, nhạn trọn chẳng có ý để lại dấu vết, nước không có tâm giữ bóng hình." Sư mất năm Trị Bình nguyên niên (1064), thọ 72 tuổi.

Viên Chiếu Bổn: Húy là Tông Bổn, người xứ Vô Tích, Thường Châu. Năm 19 tuổi, xuất gia với ngài Đạo Thăng ở Vĩnh An Viện tại Thừa Thiên, về sau yết kiến ngài Thiên Như Hoài, được khế ngộ. Sư về trụ trì chùa Thụy Quang, được Tống Triết Tông ban hiệu Thiền Sư Viên Chiếu. Tuy hoằng dương Thiền tông, nhưng sư ngầm tu tịnh nghiệp. Các vị Lôi Phong Tài Công, Tư Phước Hy Công nhập định, thần thức đến chơi Tịnh độ, thấy trên tòa sen vàng có đề tên sư. Mọi người hỏi sư: "Thầy truyền Trực Chỉ, sao lại được ghi danh trên đài sen?" Sư đáp: "Ở tại tông môn, kiêm tu Tịnh độ!" Sư mất năm Nguyên Phù thứ hai (1099) đời Tống.

Đại Thông Bổn: Húy là Thiện Bổn, người xứ Khai Phong. Thi kinh Hoa Nghiêm trúng tuyển, được thọ cụ túc, tham yết ngài Viên Chiếu Bổn, thầm lãnh ngộ yếu chỉ nhà thiền, siêng tu suốt 5 năm, khế ngộ. Sư vâng chiếu trụ trì chùa Pháp Vân, được ban hiệu là Đại Thông. Sau ngài về chùa Tượng Ô ở Hàng Châu, chuyên tu tịnh nghiệp. Trong định thấy thân kim sắc của A-di-đà Phật. Năm Đại Quan thứ ba (1109) ngày Giáp Tý tháng Chạp, sư gập ba ngón tay bảo môn nhân: "Chỉ còn ba ngày nữa thôi!" Ba hôm sau, sư ngồi yên, hướng mặt về Tây, nhập diệt, thọ 75 tuổi.

Trung Phong Bổn: Húy là Minh Bổn, người xứ Tiền Đường. Năm 15 tuổi, quyết chí xuất gia, lễ Phật, đốt cánh tay, thề giữ ngũ giới, hằng ngày tụng Pháp Hoa, Viên Giác, Kim Cang, đêm thường đi kinh hành không ngủ. Sau qua tham với thiền sư Cao Phong Diệu ở núi Thiên Mục. Do nhìn suối chảy được đại ngộ. Năm Đại Đức thứ 10 (1306) thời Nguyên, sư về trụ trì

Tịnh độ. Cho đến đại sư Liên Trì tới tham học với ngài Tiếu Nham đại ngộ rồi, bèn bỏ pháp kia, giữ lấy pháp này: "Nếu tịnh nghiệp mà thành thì Thiền tông tự đắc. Ví như tắm trong biển cả, ắt đã dùng nước của cả trăm sông. Thân đã ở trong điện Hàm Nguyên, còn hỏi Trường An chi nữa!" Sau đấy, Ngẫu Ích, Triệt Lưu, Tỉnh Am, Mộng Đông v.v., chư đại tổ sư không vị nào chẳng vậy. Ấy là bởi do thời thế mà đặt ra nghi tắc, pháp phải hợp với căn cơ. Nếu không như thế, chúng sanh chẳng thể đắc độ.

Từ đấy về sau, Phật pháp suy dần, lại thêm giặc tóc dài[11], giặc Hồi, pháp luân gần như ngừng xoay. Dẫu có trí thức, nhưng ai lo nghiệp nấy, không rảnh sức lo đến, bỏ qua đạo này không ai hỏi đến. Nếu ai bàn đến chuyện này, người nghe tợ hồ bị vấy bẩn. May có một hai vị tại gia, xuất gia có đại tâm, in khắc lưu truyền, khiến cho giáo huấn của chư tổ không bị diệt mất, khiến đời sau được nghe một phần, thật không gì may mắn lớn lao hơn!

Đệ[12] là kẻ xiển-đề[13] xuất gia, tự thẹn căn tánh hèn kém, tội nghiệp rộng sâu, nên với hai nẻo tông và giáo, trọn chẳng dám tu bừa, lạm dự; nhưng chỉ khá tin tưởng nơi một pháp cậy vào Phật từ lực, mang nghiệp vãng sanh. Đã mười năm

---

Sư Tử Viện, thường được gọi là hòa thượng Trung Phong. Tuy dạy thiền, ngài vẫn đề cao Tịnh độ. Từng soạn Hoài Tịnh Độ Thi gồm 108 bài, viết Báo Ân Viện Ký xiển minh Tịnh độ. Đến năm Chí Trị thứ ba (1323), sư về Đông Cương núi Thiên Mục, đang viết bèn thị tịch, thọ 61 tuổi. Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự là một sám nghi nổi tiếng của ngài.

Thiên Như Tắc: Húy là Duy Tắc, pháp tự Thiên Như, người xứ Vĩnh Tân, huyện Cát An (Giang Tây), từng tham học với các vị Trung Phong, Đại Thiết, đắc ngộ, về trụ trì chùa Sư Tử Lâm ở Tô Châu. Ngài soạn Tịnh Độ Hoặc Vấn để phá các nghi hoặc, sách tấn tịnh nghiệp và soạn bộ Lăng-nghiêm Kinh Hội Giải rất thịnh hành. Sư mất năm Chí Chánh 14 đời Nguyên (1354).

Sở Thạch Kỳ: Húy là Phạm Kỳ, người xứ Tượng Sơn, Ninh Ba. Lên chín xuất gia tại chùa Vĩnh Tộ, thọ cụ túc năm 18 tuổi. Đọc Lăng-nghiêm có chỗ ngộ, qua tham học với thiền sư Đoan ở Kính Sơn. Một đêm, nghe tiếng trống bèn ngộ. Sư tin pháp môn Tịnh độ từ nhỏ, mỗi sáng tu thập niệm cầu được vãng sanh, chưa hề bỏ sót ngày nào. Khi về trụ trì chùa Thiên Ninh, sư chuyên tu tịnh nghiệp. Ngài dùng hiệu Tây Trai để làm thơ Tịnh độ (được gộp thành Tây Trai Tịnh Độ Thi). Năm Hồng Vũ thứ ba (1370), sư trụ trì chùa Thiên Giới, thị hiện mắc bệnh vào mùa thu, tắm gội thay áo, viết kệ xong, bảo với pháp sư Mộng Đường Khương: "Ta đi đây!" Mộng Đường hỏi: "Đi đâu?" Đáp: "Tây Phương!" Mộng Đường hỏi: "Tây Phương có Phật, Đông Phương chẳng có Phật sao?" Sư quát lớn, rồi nghiễm nhiên tịch diệt, thọ 75 tuổi.

Không Cốc Long: Húy là Cảnh Long, hiệu là Không Cốc, người Tô Châu. Từ bé chẳng ăn mặn, ngồi yên như đang nhập thiền. Xuất gia năm 28 tuổi, tham học với hòa thượng Biện Sơn Lãn Vân, được ấn khả. Sư kiêm tu tịnh nghiệp, có làm 108 bài Tịnh độ thi, mất năm Thành Hóa thứ hai (1466) đời Minh, thọ 79 tuổi.

[11] Chỉ loạn Thái Bình Thiên Quốc của Hồng Tú Toàn.

[12] Đệ: lời tổ Ấn Quang tự xưng, coi mình như vai em của hòa thượng Thể An.

[13] Xiển-đề: Tức nhất-xiển-đề, kẻ đoạn diệt thiện căn.

qua, sống uổng, sống phí, chẳng được lợi ích mảy may. Nhưng từ Tây qua Đông, từ Bắc xuống Nam, qua lại hơn vạn dặm, gặp gỡ nhiều người. Có kẻ bình thời tự cậy thông tông, thông giáo, coi Tịnh độ như đồ nhơ, sợ bẩn lây mình, lâm chung đa phần tay chân cuống quít, kêu cha gọi mẹ. Có kẻ chất phác trì giới niệm Phật, dẫu tín nguyện chưa tột bậc, tướng lành chưa hiện, nhưng đều an nhiên mạng chung. Là vì lẽ gì vậy? Là do tâm thủy lặng trong vì phân biệt mà sôi động, sóng thức dâng trào, nhờ Phật hiệu mà lặng dừng. Bởi thế, thượng trí không bằng hạ ngu, khéo quá hóa vụng.

Lại xin hòa thượng phát tâm Bồ-đề hoằng dương pháp này, ví phỏng kinh luận Tịnh độ đều thông triệt hết, may mắn nào hơn? Nếu chưa thể nghiên cứu dùi mài cùng tận, hoặc sợ trái với tông mình, chẳng dám xứng tánh phát huy, hãy tạm ngừng tay công phu nơi hai môn tông và giáo tạm thời. Phàm có ai xiển dương Tịnh độ, hãy bình tâm hòa khí đọc thử, ngõ hầu cái tâm "xiển dương thiền, đè nén Tịnh độ" chẳng bị tơ hào vướng mắc, ắt thấu suốt lý do Phật, tổ riêng khen ngợi pháp này, thấu suốt sự lợi hại khi tứ chúng tuân thủ hay chống trái pháp này, chẳng bị môn đình gây trở ngại, hòng có thể dám đối trước những người tu thiền, giáo, luật xứng tánh phát huy không còn sợ hãi.

Nhưng sách Tịnh độ rất nhiều, quan trọng nhất chỉ có sách Tịnh Độ Thập Yếu. Trong bộ Thập Yếu, đoạn nghi sanh tín thì các sách Hoặc Vấn, Trực Chỉ, Hợp Luận là những công thần đột phá, tinh nhuệ nhất. Ngoài ra, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục chép đủ sự tích vãng sanh của các Bồ-tát, tổ sư, cư sĩ, phụ nữ và ác nhân, súc sanh, đọc rồi sẽ biết tứ chúng thuộc thiền, giáo, luật các đời cầu sanh Tịnh độ như mọi ngôi sao chầu về Bắc Đẩu, như các dòng nước chảy về Đông. Sách Long Thư Tịnh Độ Văn ngôn từ nông cạn, nhưng nghĩa lý hoàn bị, là sách trọng yếu bậc nhất để tiếp dẫn kẻ sơ cơ. Nếu muốn lợi lạc khắp chúng sanh, vạn phần chẳng được coi thường quyển sách này.

Đệ trước kia gặp người giỏi tử bình[14] phê rằng: "Thọ chẳng quá 38 tuổi", nay sắp mãn số, sợ vô thường xộc tới, nên chuyên trì Phật hiệu, đợi trước lúc lâm chung. Nếu vô thường quả thật xảy đến, không dịp gặp gỡ lần nữa, muốn rửa sạch cái tội hủy báng Phật pháp khi còn tại gia, nên chẳng nề kỵ húy, nhặt nhạnh sơ

[14] Tử bình: Một môn bói toán, còn gọi là bát tự, dựa trên ngày, tháng, năm, giờ sanh để phán định số mạng, gần giống với tử vi, nhưng đơn giản hơn.

sài món rau dại, dâng dưới tòa bậc đại phú trưởng giả no đẫy tiệc vua[15], xin thương xót nhận lấy, phước cho xứ Tần[16] của tôi, nêu chánh lệnh của ngài Vĩnh Minh, tuân di quy của ngài Liên Trì, khiến cho mình lẫn người cùng thoát sanh tử, u - hiển cùng sanh Tây Phương, Tịnh độ hưng, nhưng tông phong chẳng đọa. Chúng sanh có phước, quốc vận thường tốt đẹp. Đúng là "dời hoa quyến bướm tới, mua đá được mây giăng". Viết thư này lòng thành như đại hạn mong mưa, mong mỏi niềm vui cùng về Liên Bang, mong rủ lòng khoan dung thì may mắn cho pháp môn, may mắn cho chúng sanh lắm.

2. Thư bàn luận cùng bạn hữu về cương yếu của việc giảo chánh kinh điển

Kinh Phật nghĩa lý vô cùng, tùy theo kiến giải của mỗi người mà tự trước thuật. Chỉ là một kinh nhưng phán định thành "biệt, viên, chung, đốn" khác nhau, do duyên quán tâm nên giải thích sai khác. Huống chi sau này bậc đại hạnh đạo thiền, ai nấy đều thích nghe thuyết trực chỉ, cho là thân thiết, thống khoái, dễ được lợi ích. Do vậy, đa số dùng ý tổ để giải thích ý kinh, ép lời Phật theo lời mình, phế sạch sự tướng, chuyên bàn bổn phận. Hoặc dùng lời cơ phong[17] để phân tích, hoặc giải thích là biểu thị pháp, chỉ có thể chẳng trái nghịch Tâm tông[18] thì đều xem là đáng hỗ trợ lời Phật nói. Dẫu chẳng thể độ khắp ba căn, xứng bổn hoài Phật, cũng có thể lợi ích một loại căn cơ khiến họ theo đường trở về nhà, lại hiển lộ ý nghĩa sâu thẳm, cao xa của kinh. Phật lý viên thông, pháp pháp quy chân, mỗi mỗi hợp đạo. Bởi cái tâm ấy như thái hư không, không ngằn mé, chẳng vì con người sống mỗi nơi khác nhau mà chia thành Nam, Bắc, Đông, Tây. Như châu ma-ni chẳng phải màu xanh, vàng, đỏ, trắng… khi gặp xanh bèn hiện sắc xanh, gặp vàng hiện sắc vàng, nhưng xanh hay vàng không phải là màu sắc vốn có của nó. Màu sắc vốn có của nó chẳng lìa xanh hay vàng, nếu muốn lìa xanh hay vàng để tìm màu sắc vốn có của châu, nếu không phải là bậc Đại sĩ "ngũ uẩn đều không" sẽ không thể làm được.

---

[15] Cỗ vua (vương thiện): ý nói pháp bảo tối thượng viên mãn. Kinh Pháp Hoa, ngài Ca-chiên-diên ví mình như kẻ được đãi bữa ăn của vua nhưng không dám ăn, dẫu nghe Phật nói mình có khả năng thành Phật, nhưng không được thọ ký vẫn chưa dám tin.

[16] Tổ Ấn Quang là người tỉnh Thiểm Tây. Thiểm Tây xưa thuộc nước Tần thời Chiến Quốc.

[17] Những câu thiền ngữ giúp cho đương cơ triệt ngộ thiền cơ, còn gọi là chuyển ngữ hay công án.

[18] Tâm tông: tức Thiền tông.

Như Hoa Nghiêm Luận của Lý Trưởng Giả, như Pháp Hoa Kích Tiết của ngài Hám Sơn, như Tam Tông Thông của ông Tăng Phụng Nghi[19] và Thiền tông lấy niệm Phật làm câu thoại đầu để khán, và thuyết coi y báo, chánh báo của Tịnh độ như bổn phận v.v., chẳng được nhất loạt đánh giá những sách ấy theo cách thức thông thường bên giáo, cho những sách đó là lầm lạc rồi bèn sửa đổi đôi chút. Bởi lẽ những thuyết ấy thuộc riêng về một tông, gộp hết thảy pháp để chỉ quy hướng thượng. Nếu sửa đổi thì mạch văn của phần trước phần sau bản chú giải sẽ bị đứt đoạn, và ý nghĩa giáo lý phần trước, phần sau chẳng còn phù hợp nữa. Vừa bị sửa đổi đôi chút thì cả hai đàng đều mất, khoét thịt thành vết thương chỉ tổn hại vô ích, cứ để cho bản lai diện mục của nó được lưu thông hậu thế. Ví như lan mùa xuân, cúc mùa thu, mỗi loại riêng phô sắc, tận trung hành hiếu, cùng chấn hưng cương thường. Sư ở tại Hải Sơn, bảo lời chú giải kinh Pháp Hoa của ngài Hám Sơn có những chỗ chẳng hợp với ý chỉ kinh, đó là vì Hám Sơn đa phần ước theo bổn phận để bàn lẽ trực chỉ.

Hơn nữa, chuyện giảo chánh kinh thật không dễ dàng. Chỉ sợ sư không rảnh rỗi để làm, ủy cho người khác làm. [Người làm chuyện này] cần phải có kiến thức lỗi lạc, mười phần tinh tế, lại phải đôi ba lượt tra xét kỹ càng, thêm siêng tra cứu mới hòng sửa đúng những sai ngoa, khiến cho những lỗi tệ được sạch hết, thiên chân hiển lộ triệt để. Nếu không, thà cứ theo đúng dạng mà vẽ hồ lô, mới khỏi đến nỗi làm mất đi sự chân xác vốn có vậy.

3. Thư gởi đại sư Dung Minh

Cổ nhân nói: *"Thân người khó được, khó sanh vào chính giữa đất nước, Phật pháp khó nghe, sanh tử khó giải quyết xong."* Chúng ta may được thân người, sanh chính giữa đất nước, được nghe Phật pháp. Điều bất hạnh là tự thẹn nghiệp chướng sâu nặng, không sức đoạn hoặc để mau thoát tam giới, liễu sanh thoát tử. Nhưng lại may mắn được nghe đức Như Lai ta tâm bi triệt để nói ra pháp môn Tịnh độ đại quyền phương tiện khéo lạ, khiến cho hàng phàm phu sát đất được mang nghiệp vãng sanh. Thật không còn may mắn nào lớn hơn được nữa! Nếu không phải là từ vô lượng kiếp đến nay đã trồng thiện căn sâu dày, há nghe được

[19] Tăng Phụng Nghi, tự Thuấn Vi, hiệu Kim Giản, quê ở Hành Dương, Hồ Nam, đậu tiến sĩ đời Vạn Lịch nhà Minh. Ông từng gặp một vị tăng, cùng nhau tranh luận ba ngày không dứt. Do vậy tin Phật, trì giới, ăn chay, nghiên cứu kinh luận. Một hôm thấy trăng lặn, mặt trời mọc, hoát nhiên đại ngộ. Ông soạn bộ Tam Tông Thông gồm Thủ-lăng-nghiêm Kinh Tông Thông, Lăng-già Kinh Tông Thông và Kim Cang Kinh Tông Thông.

pháp chẳng thể nghĩ bàn này ư? Chẳng gấp sanh lòng tin chân thật, phát nguyện cầu sanh ư?

Nay thấy tứ chúng xuất gia, tại gia hảo tâm, đa phần chuộng cao ưa xa, chẳng chịu nghiêm túc chuyên tu tịnh nghiệp. Toàn là do thiện căn đời trước cạn mỏng, đời này chưa gặp người thông suốt, tuy ông hơi có niềm tin đối với Tịnh độ, nhưng chẳng hiểu rõ lý Tịnh độ đến nơi đến chốn. Lại ở nơi vắng vẻ Phật pháp không lưu truyền đến, tôi thật ngại ông thường ngày cùng người đời thù tạc, lâu ngày chầy tháng cũng bị đồng hóa, "gần mực thì đen, gần lửa thì cháy", thế khó tránh khỏi! Phải luôn luôn nỗ lực, nếu có thể hãy niệm niệm nơi đạo, dù bận hay rảnh, chẳng lìa danh hiệu Di-đà. Thuận cảnh, nghịch cảnh, chẳng quên vãng sanh Tây Phương thì có thể tùy duyên thường trụ nơi quê cha đất mẹ. Nếu không thể như thế, nên đến tịnh nghiệp đạo tràng nơi khác và thân cận tịnh nghiệp tri thức, mới chẳng phụ bạc mọi điều may mắn lớn lao vừa nói ở trên, cũng như niềm may mắn không gì lớn lao hơn là được nghe pháp môn Tịnh độ.

Pháp sư Đế (tức ngài Đế Nhàn) chuyên tu tịnh nghiệp, tôi cho rằng ông ta ắt được lợi ích lớn lao. Bởi lẽ những tâm nắm giữ đạo tràng đã đều chết sạch không sót, cái tâm niệm Phật lại càng khẩn thiết đến cùng cực. Chỉ e ông ta đã đạt tam-muội sâu xa, tôi còn chưa thể nhất tâm, ngày sau mặt mũi nào gặp gỡ ông ta. Vì thế, với việc nhân chẳng nhường, tôi lại toan bế quan. Nói chung vẫn ở Phổ Đà, không biết sẽ ở chắc chắn nơi đâu. Sợ ông bỏ lỡ pháp môn Tịnh độ thì đáng tiếc một phen hộ quan[20] ba năm nhọc nhằn, nên khôn ngăn đôi co như thế. Mong thấu hiểu sâu xa nỗi lòng thô lậu canh cánh thì may mắn lắm thay.

4. Thư gởi sư Ngộ Khai

Trộm nghe pháp môn Tịnh độ là pháp phơi bày thông suốt rốt ráo bản hoài của chư Phật, vượt trỗi hết thảy thiền, giáo, luật, thống nhiếp hết thảy thiền, giáo, luật. Nói đại lược thì một chữ, một câu, một sách có thể bao quát không còn sót, nói rộng thì dù những lời huyền diệu thuộc tam tạng mười hai bộ kinh, diệu nghĩa của các tổ sư năm tông[21] cũng không thể diễn tả trọn. Dẫu cho chúng sanh trọn khắp đại địa cùng thành Chánh giác, hiện tướng lưỡi rộng dài, dùng sức thần thông, sức trí tuệ, vi trần nói, cõi nước nói, sôi nổi nói, nói không gián đoạn, há có thể nói hết được ư? Ấy là vì Tịnh độ vốn chẳng thể nghĩ bàn. Thử xem bộ kinh

[20] Hộ quan: trông chừng, chăm sóc người đang bế quan tu luyện.
[21] Năm tông: năm tông phái nhà Thiền, tức Lâm Tế, Tào Động, Vân Môn, Quy Ngưỡng và Pháp Nhãn.

lớn Hoa Nghiêm, vua toàn tam tạng, cuối cùng quy trọng nguyện vương. Áo điển Pháp Hoa mầu nhiệm đứng đầu các kinh, nghe đến liền được vãng sanh, địa vị bằng bậc Đẳng giác.

Còn như ngàn kinh vạn luận, đâu đâu cũng chỉ quy là có lý do vậy. Văn-thù phát nguyện, Phổ Hiền khuyến tấn; Như Lai thọ ký trong kinh Đại Tập rằng: *"Trong đời mạt pháp, nếu không nhờ pháp này không thể đắc độ."* Trong luận Tỳ-bà-sa, ngài Long Thọ dạy giản dị là "đạo dễ hành, mau thoát sanh tử", nên vãng thánh tiền hiền ai nấy đều hướng về, há vô ích sao? Đúng là giáo pháp cả một đời đức Phật đều đặt để nơi pháp môn niệm Phật. Không chỉ như thế, phàm hết thảy cảnh giới được tiếp xúc bởi sáu căn như núi, sông, đất đai, sáng, tối, sắc, không, thấy, nghe, hay, biết, sắc, thanh, hương v.v., có pháp nào không phải là văn tự xiển dương Tịnh độ? Lạnh nóng đắp đổi, già bệnh đưa đẩy, lụt hạn, binh đao, dịch bệnh, bè lũ ma, tà kiến, có thứ gì chẳng phải là lời cảnh sách lay tỉnh con người sớm cầu vãng sanh? Nói rộng ra há có thể hết được hay chăng?

Nói một chữ để thống nhiếp trọn hết thì chính là chữ "tịnh", tịnh đến cực điểm ắt sáng suốt, sao không đạt đến Diệu giác. Một chữ này há dễ đảm đương! Nghiên cứu bài tụng về *lục tức Phật* [22] ắt sẽ biết.

Một câu là tín nguyện hạnh. Không có tín sẽ chẳng thể khởi nguyện, không có nguyện sẽ chẳng thể dẫn dắt hạnh. Không có diệu hạnh trì danh sẽ không thể thỏa mãn sở nguyện hòng chứng được tín ấy. Hết thảy kinh luận Tịnh độ đều phát minh ý chỉ này.

Một kệ là *kệ tán Phật*[23], nêu chánh báo để nhiếp y báo, nêu lên hóa chủ để bao gồm đồ chúng. Tuy chỉ có tám câu nhưng đã nêu trọn đại cương của ba kinh Tịnh độ.

Một sách là Tịnh Độ Thập Yếu, mỗi chữ đều là lời hướng dẫn trong đời mạt pháp, mỗi lời đều là gương báu của Liên tông. Buồn khóc ứa lệ, mổ tim vẩy máu, xứng tánh phát huy, tùy căn cơ mà chỉ bày. Dẫu có ví là vớt người chết đuối, cứu kẻ đang bị lửa thiêu cũng không thể sánh ví được nỗi lòng thống thiết của bộ sách ấy. Bỏ cuốn sách này đi thì chánh tín không thể do đâu mà sanh, tà kiến không

[22] Lục tức Phật: Sáu hạnh vị của Viên giáo do đại sư Thiên Thai Trí Giả lập ra, gồm: lý tức Phật (chưa nghe Phật pháp, nhưng tự tánh chính là Phật), danh tự tức Phật (đã nghe Phật pháp), quán hạnh tức Phật (ngoại phàm, tương đương với Thập tín của Biệt giáo), tương tự tức Phật (nội phàm, thuộc địa vị Thập tín), phần chứng tức Phật (41 địa vị Pháp thân đại sĩ, từ Thập trụ trở lên), cứu cánh tức Phật (quả vị Phật).

[23] Tức bài kệ tán "A-di-đà Phật thân kim sắc, tướng hảo quang minh vô đẳng luân..."

do đâu mà diệt. Trong cuốn sách ấy, quan trọng nhất là sách Yếu Giải, sách này chính là hướng dẫn tốt lành trên đường hiểm để người sơ tâm nhập môn đoạn nghi sanh tín, chỉ bày nẻo ắt phải theo để về được bảo sở[24]. Sách Tịnh Độ Hoặc Vấn của ngài Thiên Như, sách Trực Chỉ của ngài Diệu Hiệp, thật là những bậc công thần đột phá kiên nhuệ nhất.

Hãy nên biết pháp môn Tịnh độ có đủ bốn pháp giới, tất cả sự tướng đều là pháp giới sự sự vô ngại, đọc rồi tu, chẳng thể chấp lý phế sự. Nếu chấp thì cả lý lẫn sự cùng mất. Giống như người biết ý căn tối thắng nhưng phế bỏ năm căn thì ý căn cũng không có chỗ nào để lập được. Chỉ có dùng sự để rõ lý, dùng lý để dung sự mới hòng không lầm lỗi. Như nói đến yếu chỉ Tịnh độ thì toàn sự chính là lý, lý sự viên dung, liền khế hợp bản thể. Sớm biết sư đã no đẫy cỗ vua, vẫn miệt mài hiến món rau cần, chẳng qua là để biểu thị tấc dạ đứa con cùng quẫn[25] mong trở về nhà, đồng thời muốn tẩy sạch tội khiên báng pháp trước kia[26].

5. Thư trả lời sư Hải Thự

Bạn bè gởi cho tôi bài văn gợi ý đăng trên tờ Thời Sự Tân Báo, Quang tôi mong tọa hạ phát huy đạo Phật, tổ nhiệm mầu để kết pháp duyên. Tọa hạ nêu lên bảy đề tài:

1) Chấp tâm ở bên trong.
2) Trực chỉ kiến tánh là tâm, không phải là nhãn.
3) Sắc ấm vốn là Như Lai tạng diệu chân như tánh.
4) Nhãn nhập vốn là Như Lai tạng diệu chân như tánh.
5) Mười hai xứ vốn là Như Lai tạng diệu chân như tánh.
6) Địa đại châu biến (trọn khắp).
7) Nhất tâm nhị môn.

Sai Quang tôi soạn luận, bảo là để làm khuôn mẫu. Quang tôi tuổi nhỏ kém học vấn, lớn lên vô tri, lại thêm túc nghiệp sâu nặng. Vừa sanh ra đã mắc bệnh mắt, hơn 10 năm qua, hết thảy kinh luận đều chẳng thể đọc, chỉ chấp trì Phật hiệu, sám trừ túc nghiệp; mong cậy vào Phật từ lực, mau sanh về Tây Phương mà thôi. Làm sao có thể soạn luận, huống gì làm khuôn mẫu cho được? Khiêm cung tự

[24] Bảo sở: Nơi chốn có của báu. Kinh Pháp Hoa dùng chữ Bảo Sở để ví cho quả Chánh giác.
[25] Kinh Pháp Hoa dùng tỷ dụ con ông trưởng giả cự phú, bỏ cha trốn sang xứ người, phải làm mướn kiếm ăn, không biết mình sẵn có gia tài cự vạn. Cũng như chúng sanh có kho tàng tánh đức trong tự tâm, nhưng mãi chạy theo ngũ dục, lục trần nhỏ nhặt, hư giả, bỏ quên kho báu tánh đức.
[26] Khi còn trẻ, do say mê Tống Nho, tổ Ấn Quang từng viết sách công kích đạo Phật.

chăn giữ mình quả thật còn tốt hơn, chứ ý kiến sai lầm, sao có thể trình bày tường tận cho được? Phàm muốn phát huy những chỗ sâu thẳm của kinh Lăng-nghiêm, của luận Khởi Tín, sao không lấy ý Thích-ca Như Lai và Mã Minh Bồ-tát, cùng những chú giải kinh này, luận này của lịch đại cổ đức? Trái lại, còn toan lấy ý Quang tôi làm khuôn phép. Khác nào nhà Nho muốn phát huy học vấn truyền thừa[27] của nhị đế tam vương, Khổng, Mạnh, nhưng không lấy Tứ Thư Ngũ Kinh, Thập Tam Kinh làm khuôn mẫu, lại lấy câu ca tiếng hát của tiều phu, mục đồng làm khuôn mẫu; người dệt vải muốn dệt gấm cổ hồi văn chẳng lấy cách thức của người dệt gấm làm mẫu mực, lại lấy cách thức của người bện chiếu cói làm khuôn mẫu. Sao lại điên đảo đến nỗi như thế!

Tuy vậy, con người giao tiếp với nhau, chỉ quý ở chỗ ai nấy tận hết sức mà thôi. Xưa có đứa bé trai ôm cát cúng Phật, Phật liền tán thán thâu nhận, bởi lẽ cát là thứ mà sức đứa trẻ có thể lo liệu được. Lòng thành cúng cát và sự cúng dường trân tu diệu vị bằng nhau chẳng khác. Nay Quang tôi đem cát là thứ mình dễ sắm sửa được để dâng lên tọa hạ. Dẫu biết là vô dụng, giãi bày lòng thành, cũng có thể dùng để trải đất, mong diệt được tội cấu của mình, tăng trưởng ruộng phước cho tôi. Do vậy, bèn đem bảy đề tài gộp cả lại, để bàn luận hàm hồ cho xong trách nhiệm, luận rằng: Chấp tâm ở bên trong, bên ngoài, hay trung gian v.v. chính là tình kiến của phàm phu. Chấp tâm nhất định chẳng ở bên trong, bên ngoài, hay trung gian cũng là tình kiến của phàm phu. "Trực chỉ kiến tánh là tâm chứ không phải là nhãn" không đúng, dùng ngọn để tỏ bày cái gốc, chỉ ra sóng chính là nước, đó là chân trí. Vì sao? Do ngũ ấm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, thất đại, mỗi mỗi đều là Như Lai tạng diệu chân như tánh trọn khắp pháp giới. Nếu có chỗ nào tồn tại và chỗ nào đó không tồn tại thì chẳng phải là Như Lai tạng diệu chân như tánh vì không trọn khắp. Bởi lẽ Như Lai tạng diệu chân như tánh chứa đựng, nuôi dưỡng chúng sanh, bao quát có, không, thế gian, xuất thế gian, không một pháp nào có thể vượt ra ngoài, không ở trong đó được. Dùng phàm tình để nhìn thì chẳng những ngũ ấm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, thất đại đều thuộc về sanh diệt, đều chẳng phải là chân như, mà ngay cả đoạn hoặc chứng chân, thành Đẳng chánh giác cũng chẳng vượt ra ngoài sanh diệt được.

Nhìn bằng thánh trí thì chẳng những đoạn hoặc chứng chân, thành Đẳng chánh giác cố nhiên thuộc về chân như, mà ngay cả ngũ ấm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, thất đại toàn thể là chân như. Vốn từ trước đến nay, chưa hề có được

[27] Nguyên văn là "tân truyền", tức cách nói gọn của thành ngữ "tân tận truyền hỏa" (củi hết lửa còn) ý nói học vấn được truyền thừa từ đời này sang đời khác.

mảy may tướng sanh diệt nào. Luận cao hơn nữa thì chân cũng chẳng lập vì như vốn vô danh. Nhất tâm còn chẳng có, huống gì có hai môn để luận nữa ư! Đấy là chân như rốt ráo, Như Lai tạng diệu chân như tánh rốt ráo. Tâm rốt ráo chính là cái được gọi là "ngũ uẩn đều không, độ các khổ ách; viên mãn Bồ-đề trở về cái không thể đạt được" vậy! Một phen bàn luận như trên chính là do 20 năm trước Quang tôi ngẫu nhiên mộng tưởng viết ra, nay vâng theo nhã ý, hiến lên tọa hạ. Còn như nói phải luận từng phần, tỏ tường văn nghĩa, ngữ mạch, chỉ thú thì không phải là chuyện Quang tôi vốn là kẻ tâm mục suy đồi, học vấn hoang đường có thể lo liệu được nổi. Thỉnh cầu chư cổ đức và các vị giảng sư hiện thời thì họ sẽ có thể trình bày thông suốt bản hoài của tọa hạ, hợp với chí vốn có của tọa hạ vậy.

6. Thư gởi sư Căn Kỳ chùa Tứ Minh Quán Tông

Nhận được thư và sách Hiển Cảm Lợi Minh Lục[28], khôn ngăn hoan hỷ, biết Đế Công giảng kinh lần này, so với lần trước càng cảm thấy rạng rỡ hơn nữa. Nhân đó bèn đọc một lượt xong, liền đưa cho người khác. Có nhiều chỗ thấy nghe, thật quá quái lạ; riêng cho rằng: "Đế Công đã chứng thánh quả, Quan Đế còn chưa minh tâm." Quang tôi nghe vậy, bảo: Chuyện này phải nhìn từ chỗ dụng tâm của họ Bạch và họ Quan mà xét thì cả sự lẫn lý đều thỏa đáng, trọn không mắc lỗi lạm thánh khuất hiền.

Bạch Công hãy để đó không bàn tới. Còn Quan Đế lúc còn sống là bậc đại trượng phu phú quý không dâm, khi nghèo hèn không thay đổi, oai vũ không khuất phục được. Mất đi, quy y với ngài Trí Giả, nguyện vì già-lam hộ trì Phật pháp. Từ ngài Trí Giả đến nay đã hơn 1.300 năm, Quan Đế làm chủ nhân của mọi tùng lâm trong thiên hạ. Có nhiều bậc Pháp thân đại sĩ nương nguyện hoằng pháp, Quan Đế đều thân cận hộ trì từng vị; có lẽ đến nay vẫn còn chưa hết, vậy mà vẫn

[28] Theo pháp sư Hội Tánh, Hiển Cảm Lợi Minh Lục là bộ sách do môn nhân thuật chuyện Quan Đế đến cầu được khai thị với ngài Đế Nhàn. Theo Đế Nhàn Niên Phổ ghi: "Năm Dân Quốc thứ bảy (1918), Bắc Kinh mở hội giảng kinh. Sư sai ông Từ Văn Úy chủ trì lo liệu. Ông Từ thỉnh sư giảng kinh Viên Giác, cho nên mùa Xuân năm ấy, ông Từ về Nam, đến chùa Quán Tông, đón sư lên kinh đô… Lúc sư giảng kinh tại kinh đô, thành hoàng của kinh thành là ông Bạch giáng cơ tại nhà ông Vũ Tấn Trạch tại ngõ Lưu Ly ở phía Tây kinh thành, tự nói mỗi tối đến chỗ sư giảng nghe kinh, nay muốn hỏi pháp, sai [người hầu cơ] đến thương lượng mời sư đến đàn cơ một phen, sư chấp thuận. Trước hết, thần nói bộ hạ toàn là ngạ quỷ rất khổ, cầu xin pháp cứu tế… Tiếp đó, nói Quan Thánh cũng muốn hỏi pháp, hiềm là thần lực quá lớn, sợ người hầu cơ không chịu đựng nổi, nên sai ông Bạch chuyển lời, cho biết: Bất luận sau này sư giảng kinh tại đâu, ắt sẽ đến đạo tràng ấy ủng hộ!"

phải cầu Đế Công khai thị dứt khoát. Chẳng lẽ người thông minh như Đế Quân[29] mà lại ngu độn chẳng được lợi ích nơi pháp như thế ư?

Rất có thể là nay nhằm thời mạt pháp, tăng đa phần thuộc loại tệ hại, chỉ biết chuyện lãnh thọ đại giới bèn gọi là tăng, chứ còn danh nghĩa, sự nghiệp của tăng đa số trọn chẳng biết gì. Người tại gia có tín tâm, nếu có thể nghiên cứu Phật pháp, cuối cùng đều coi rẻ tăng lữ. Còn những kẻ không tin, thấy các ông tăng du hành trong nhân gian, tạo đủ mọi nghiệp, bèn nói: "Tăng đều như thế, Phật pháp vô ích cho nước, có hại cho đời." Do có những thứ tri kiến ngã mạn, tà kiến, hèn kém như thế, Quan Đế tâm hộ pháp thiết tha, thấy kinh sư (kinh đô) là chỗ đất trọng yếu trong thiên hạ, cao nhân danh sĩ đều tụ về đó, bèn hiện thân thuyết pháp, thỉnh Đế Công khai thị hòng trấn áp phàm tình ngã mạn, tà kiến của hàng tại gia, chấn động ý niệm xấu xa không hổ, không thẹn của những ông tăng hèn kém.

Cổ nhân nói Như Lai chẳng bỏ phước nhỏ nhặt như mũi kim đâm, nói: "Như ông già tám mươi múa may để dạy con cháu." Quang tôi đối với Quan Đế cũng nghĩ thế. Tuy là suy bậy đoán mò, nếu chất vấn Quan Đế và Đế Công, các ngài đều gật đầu mỉm cười, chẳng hé môi: "Không, không phải như thế!" Luận như trên là ước theo tích mà luận, còn bàn về bổn của Quan Đế và Đế Công thì chỉ có Quan Đế và Đế Công tự biết, Quang tôi làm sao suy lường bình luận cho được!

Căn Mẫn tuy đạo tâm khẩn thiết, e là chưa thấu hiểu quy củ, không hiểu cách thức dụng công, xin hãy dạy hắn tu hành tùy sức, chớ nên gắng gượng quá đáng đến nỗi thân tâm đều bệnh, sẽ khó tự đạt được lợi ích nơi pháp. Nghe ông X… chẳng khéo dụng tâm, đến nỗi thổ huyết không ngừng, do vậy trở thành bỏ phế, lơ là. Với những người sơ học đều nên bảo cho biết ý này.

7. Thư gởi tòa báo Phật Học (lược trích)

Đại Giác Thế Tôn trong vô lượng kiếp lột da làm giấy, chẻ xương làm bút, trích máu làm mực, lấy tủy làm nước để lưu thông thường trụ pháp bảo hòng phổ độ hết thảy chúng sanh. Một cuốn Phật Học Tùng Báo khiến cho Phật pháp được lưu thông trong nước lẫn ngoài nước, mọi hàm thức cùng chứng nhất thừa. Nhưng

[29] Chỉ Quan Đế, tức Quan Công (húy Quan Vũ, hiệu Vân Trường), thời Minh Thần Tông, ông được phong là Tam Giới Phục Ma Đại Đế Thần Oai Viễn Chấn Thiên Tôn Quan Thánh Đế Quân (do đó, dân gian thường gọi là Quan Thánh). Theo Phật Tổ Thống Ký, quyển 6, khi đại sư Trí Giả nhập định tại Ngọc Tuyền Sơn, thấy Quan Đế hiển linh, biến nơi ấy thành bằng phẳng, dâng cúng cho tổ Trí Giả lập đạo tràng hoằng pháp. Quan Đế lại xin cầu thọ ngũ giới với tổ; từ đó, ông trở thành vị hộ pháp thủ hộ già-lam. Do vậy, người Trung Quốc còn gọi ông là Bồ-tát Già-lam.

thế tục đọc sách trọn chẳng kính dè, sáng dậy chẳng súc miệng, vào nhà xí chẳng rửa ráy, hoặc bỏ sách nơi chỗ ngồi, giường chõng, hoặc dùng gối đầu, đêm nằm xem, bỏ chung với đồ lót. Sách để đọc nơi bàn thì bỏ lẫn lộn cùng tạp vật, coi lời lẽ của thánh hiền giống như giấy tờ cũ nát, trọn chẳng dè dặt, chẳng mảy may kính nể. Thậm chí phụ nữ nhà thư hương, sách để đọc trong khuê phòng toàn là kinh truyện; tôi tớ những nhà giàu có lau chùi đồ đạc toàn dùng giấy in văn chương, đủ mọi nỗi khinh nhờn khó thể kể hết. Thói tệ tích tập lâu ngày, quen đi chẳng xét. Nếu chẳng riêng nêu họa phước, quyết định khó tránh khinh nhờn, chưa từng được ích, trước hết đã phải chuốc lấy đại tội. Thương kẻ vô tri nên phải chỉ bày ngăn ngừa trước.

Theo ngu kiến, những hình ảnh ngoài bìa có thể không cần phải in hoặc ghi tên bên cạnh như các sách in theo cách thức thông thường. Chính giữa trích mấy câu kệ, hoặc ghi mấy câu văn xuôi, ít thì mấy câu, nhiều thì hơn mười câu, nên dùng chữ đơn giản, trong sáng, kích thước chữ phải thô to, răn nhắc cho người xem phải để tâm trân trọng, đừng làm bẩn. Đạo mầu độ sanh của Đại Giác pháp vương, kính thì được phước, khinh ắt chuốc họa!

Mặt bìa trong nên dùng chữ nhỏ, trình bày rõ cuốn sách này tuy gọi là báo, nhưng thật ra giống như kinh Phật. Vả nữa, phần đầu có in tượng Phật, Bồ-tát, những bài văn bên trong hoặc là trích dẫn kinh văn, hoặc nêu bày ý nghĩa kinh, chẳng giống như ngôn ngữ cõi tục, đáng nên kính trọng tột bậc. Lại dẫn những đoạn kinh luận, truyện ký nêu chứng cớ tội phước của việc kính trọng hay khinh nhờn kinh điển, ngõ hầu kẻ biết tốt xấu chẳng đến nỗi giữ nguyên thái độ cũ, lầm tạo ác nghiệp. Cứ hai số hoặc mỗi số lại thay đổi, hoặc xen kẽ thay đổi một lần, hoặc vĩnh viễn không đổi chỉ dùng một loại văn tự đều được. Nếu có thay đổi thì chỉ được đổi văn, không được đổi nghĩa, ngõ hầu do thầy nghiêm mà đạo được tôn trọng vậy. Bìa sau cuốn báo đừng in chữ để khỏi bị bôi dơ hòng tỏ lòng kính trọng.

Vị tổ thứ 21 ở Tây Thiên (Ấn Độ) là tôn giả Bà-tu-bàn-đầu (Vasubandhu) tự nói trong kiếp xưa khi sắp chứng Nhị quả, nhân vì lầm lỗi dựa mình vào hình Phật vẽ trên vách nên bị thoái thất hết sạch. Tôi nói: “Bậc Nhị quả còn mất quả vị, nếu là phàm phu ắt vĩnh viễn mất thân người, thường ở trong ác đạo chẳng còn ngờ chi.” Ví như kẻ cự phú phạm phải đại tội, dốc sạch của cải trong nhà để chuộc tội chết, còn kẻ nghèo ắt lập tức bị chém đầu. Chuyện này được chép nơi chương ghi về vị tổ thứ 20 là tôn giả Xà-dạ-đa trong sách Truyền Đăng Lục. Vì thế biết tội khinh mạn chẳng phải nhỏ.

Càn là đại phụ, khôn là đại mẫu[30], trong bốn biển cùng là đồng bào, triều Thanh tuy thuộc giống Mãn Châu, rốt cuộc là cùng một cha mẹ. Huống nữa thánh đức của các đời đáng sánh cùng trời cao đất dày, dẫu Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang cũng không hơn được thế! Gần đây, chiến tranh, đói kém liên miên, bị lân quốc hùng mạnh áp bức, hiến pháp, chánh trị dẫu đổi mới, vẫn có chút sai ngoa, nhưng xét đến lòng nhân của vua thì vẫn y như cũ. Chỉ vì cảnh duyên không tốt đẹp hơn, đến nỗi bị lật đổ. Nay đã thành chế độ cộng hòa, đúng là phải nên coi như cùng một thể.

Luận về chánh thể thì nhiệt liệt khen ngợi chế độ cộng hòa, luận về triều Thanh trước kia thì tán dương lòng nhân của hoàng đế. Ví như vị tân quan sau khi nhậm chức, chẳng ngại dựng bia lập đền để phô bày cái đức của vị quan cũ. Sau khi chế độ cộng hòa được thành lập, hơn 200 năm vỗ về tài bồi của triều Thanh há có thể quên ngay? Tôi thấy trong số báo thứ ba, có những lời lẽ lên án như độc đoán, chuyên chế, nô lệ v.v., lòng rất ấm ức. Phàm đất nước ta từ khi mở cõi đến nay, bậc đại thánh nhân kế thừa ngôi trời cai quản thiên hạ cũng chưa chắc đã không lo nghĩ đến điều đó; có thể là vì các ngài sợ dân hung bạo, chẳng tuân hành hiệu lệnh, thành ra đến nỗi loạn vong. Đấy là bản tâm của việc thánh nhân truyền ngôi lại cho con cháu, há phải đâu Phục Hy, Thần Nông, Thang, Vũ muốn hưởng lợi ích riêng! Nếu không như vậy thì chẳng đủ để chấn chỉnh cương thường, dứt bặt mầm mống tranh chấp, cũng là do thời thế khiến thành như vậy; chứ không phải là các bậc thánh như Phục Hy, Thần Nông không có đức hổ thẹn. Ngày nay mọi người là của chung, cộng hòa rất mực bình trị cũng là do thời thế khiến thành ra như vậy, phải đâu người đời nay tốt đẹp hơn các vị thánh Phục Hy, Thần Nông v.v..

Hãy nên đề cao cộng hòa, bất tất phải chỉ trích triều Thanh đời trước thì mới phù hợp với bản chất của cộng hòa, tránh khỏi cái tội khinh miệt cổ thánh. Nước Tỳ-da-ly thời Phật áp dụng cách này. Trong các kinh, Như Lai cũng chưa hề chê trách Luân Vương đời đời truyền nhau là sai. Đúng như Khổng tử đã nói: "Quân tử truyền cho thiên hạ là vì không có con nối dõi, không ai là không vậy." Ý nghĩa giống như ở đây. Nghĩa giống như ở đây là vì thích nghi với thời thế, mùa hạ mặc áo mỏng, mùa đông mặc áo cừu, khát uống, đói ăn, chẳng thể bảo là sai, cũng chẳng thể chấp chặt một pháp. Chỉ cầu sao cho thích nghi thì sẽ có đại lợi, không chút điều tệ nhỏ. Nhưng nhân tâm bất nhất, vẫn còn có những bài đăng chứa đựng

[30] Quẻ càn tượng trưng cho trời, quẻ khôn tượng trưng cho đất. Câu này ý nói: trong vòng trời đất.

ý tứ ấy, mong hãy sửa chữa cho được hoàn thiện, ngõ hầu đời sau đọc đến bội phục tấm lòng đại công vô tư của các vị.

Phật pháp giữ chí nguyện bình đẳng, tất cả ngôn luận chỉ nhằm đề cao lý, trọn chẳng thiên vị. Do vậy, xưa nay những bậc đại thánh đại hiền không ai chẳng dốc lòng đề cao vậy. Lý thế gian lẫn xuất thế gian chẳng vượt ngoài hai chữ "tâm tánh", chuyện thế gian hay xuất thế gian chẳng ngoài hai chữ "nhân quả". Chúng sanh chìm đắm trong chín giới, Như Lai chứng nhất thừa, nhưng tâm tánh chẳng tăng giảm mảy may. Sở dĩ thăng trầm thật khác, khổ vui khác biệt vời vợi là do tu đức nơi nhân địa khác nhau, đến nỗi thọ dụng quả địa mỗi người mỗi khác.

Xiển dương Phật pháp thật chẳng phải là chuyện dễ, chỉ bàn về lý tánh thời hàng trung hạ căn chẳng thể được lợi ích, chuyên luận nhân quả thì bậc thượng thượng thường chán nghe đến. Sách này phân ra mười môn cách thức khác biệt, tốt nhất là cùng nêu lên cả sự lẫn lý, theo đuổi cả đốn lẫn tiệm, ngõ hầu hợp cả ba căn, lợi căn lẫn độn căn đều được lợi ích. Nên đăng tải những chuyện do học Phật được đắc lực xưa nay, những sự tích đại trung, đại hiếu, thuần nhân, thuần nghĩa, và chuyện họa phước do cung kính tam bảo hay hủy báng tam bảo, và những lời lẽ tốt lành yên đời dẫn dắt cõi tục của bậc cao nhân, những lời bàn luận chí lý về kiêng giết, phóng sanh. Những loại sau số báo nào cũng đăng tải thì ngu phu, ngu phụ cũng được lợi lạc, mà hạng thông thạo giỏi giang do ngộ lý cũng muốn thực hiện. Từ đấy chẳng dám lắc đầu, bịt tai, lại còn gấp gáp ưa thích muốn nghe. Nhưng nhân quả và tâm tánh nếu tách rời nhau thì cả hai cùng bị tổn thất, gộp lại thì cả hai cùng tốt đẹp. Vì thế, ngài Mộng Đông nói: "Kẻ khéo bàn tâm tánh chẳng thể bỏ lìa nhân quả, nhưng kẻ tin sâu nhân quả cuối cùng ắt hiểu rõ tâm tánh. Lý này thế tất nhiên phải như vậy."

Nhưng chúng sanh mạt pháp căn cơ hèn tệ, các pháp thiền, giáo chỉ cậy vào tự lực, khế ngộ còn khó, huống hồ liễu thoát? Chỉ có pháp môn Tịnh độ cậy vào Phật lực, chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, dẫu là ngũ nghịch thập ác cũng có thể vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, cao dự hải hội. Đối với pháp tối thượng thừa chẳng thể nghĩ bàn này nên bàn cả lý lẫn sự, khuyên răn ăn chay, bố thí, rền tiếng hải triều, tưới mưa đại pháp, phá tà chấp của bọn Lỗ Xuyên, nối tiếp pháp mạch của các vị như Liên Trì v.v., ngõ hầu thiên hạ đều cùng được lợi ích nơi Phật pháp, khiến cho đại địa cùng cảm đức của các vị, pháp tràn ngập

hoàn vũ. Cõi đời lại trở về thời đại Đường Ngu[31], đạo thông đến cả những loài vô hình trong trời đất, ân thấu tới những dị loại bay, lặn.

Nếu luận về sự suy vi của Phật pháp thì thật ra không phải là vào cuối đời Minh. Vào cuối triều Minh các tông đều suy. Từ thời Vạn Lịch[32] trở đi, đột nhiên hưng thạnh, tông Hiền Thủ thì có ngài Liên Trì, Tuyết Lãng chấn hưng mạnh mẽ Viên tông. Tông Thiên Thai thì có ngài U Khê, Ngẫu Ích tận lực hoằng dương Quán đạo[33], Thiền tông thì ngài Huyễn Hữu[34] có bốn vị đệ tử, nhưng Thiên Đồng, Khánh Sơn pháp khắp thiên hạ. Tông Tào Động thì có Thọ Xương, Bác Sơn, đời nào cũng có cao nhân. Luật tông được ngài Huệ Vân trung hưng, thật đáng là Ưu-ba[35], ngài Kiến Nguyệt nối gót, vốn là Ca-diếp. Nhưng Diệu Phong, Tử Bá, Liên Trì, Hám Sơn, Ngẫu Ích đúng là những bậc siêu quần bạt tụy, đời mạt pháp chẳng dễ thấy. Tuy chẳng bằng thời kỳ hưng thạnh đời Đường, đời Tống, nhưng có thể nói là Phật nhật lại được sáng lòa.

Kịp đến khi nhà Đại Thanh mở nước, tôn sùng, kính trọng càng nhiều, những bậc ẩn dật chốn lâm tuyền đa số được lễ kính như ngài Ngọc Lâm, Hám Phác, Mộc Trần v.v.. Thanh Thế tổ (Thuận Trị) tuân phụng Phật chế, mở rộng phương tiện, bỏ lệ thí tăng[36], cho được tùy ý xuất gia, nhân đó truyền hoàng giới, chế ra *hộ giới điệp*, từ nay vĩnh viễn miễn *độ điệp*, Phật pháp bị suy thật sự bắt nguồn từ đây. Đương thời cũng có cao nhân đông đảo xuất hiện, tợ hồ hữu ích. Thanh Thế Tông (Ung Chánh) dùng phương tiện đại quyền nương nguyện, kiến trung lập cực[37], phát huy ngôn luận huệ mạng của Phật, tổ, tinh thâm rộng rãi, nhập tạng[38], lưu thông không cần phải nói nữa. Ngoài ra, vua còn soạn Ngự Chế Giản

[31] Đường Ngu là thời Nghiêu - Thuấn, vua Nghiêu (Y Kỳ Phóng Huân) đặt quốc hiệu là Đường, truyền ngôi cho Thuấn (Diêu Trọng Hoa), vua Thuấn đổi quốc hiệu là Ngu.
[32] Vạn Lịch là niên hiệu của Minh Thần Tông (1574-1619). Sau Thần Tông, nhà Minh chỉ truyền được ba đời nữa, tức là 25 năm sau bèn mất ngôi vào tay nhà Thanh.
[33] Gọi là Quán đạo vì tông Thiên Thai đề xướng lối tu chỉ quán.
[34] Ngài Long Trì Huyễn Hữu (1521-1581), húy là Chánh Truyền, pháp tự Nhất Tâm, pháp hiệu Huyễn Hữu, là một thiền sư nổi tiếng của tông Lâm Tế, đắc pháp với sư Tiếu Nham Đức Bảo, bốn người đệ tử đắc pháp nổi tiếng là Mật Vân Viên Ngộ, Tuyết Kiểu Viên Tín, Khán Sơn Viên Tu và Bão Phác Viên Liên.
[35] Tức ngài Ưu-ba-ly, vị đại đệ tử trì giới bậc nhất của Phật.
[36] Thí tăng: Các tăng sĩ muốn được thọ giới phải đậu kỳ thi sát hạch về giáo pháp, kinh nghĩa.
[37] Từ ngữ này không thể dịch cho gọn nên phải để nguyên. Theo giáo sư Từ Quốc Đống tại Đại học Hạ Môn, trung và cực là hai giá trị tối cao trong Nho học, thể hiện đặc tính hợp lý hài hòa của vũ trụ nhân sinh, tương đương với khái niệm nhất chân pháp giới của Phật giáo. Trung là không thiên lệch, hợp lý, thỏa đáng, cực là cao đẹp tột bậc. Như vậy, "kiến trung lập cực" có thể hiểu là kiến lập hai mục đích nói trên.
[38] Nhập tạng: Đưa những bản kinh Phật đã được chư cao tăng cổ đức công nhận vào Đại tạng.

Ma Biện Dị Lục, tám quyển, bốn tập; bạn tôi là Nhậm Thị, khất thực ở kinh đô tìm được cuốn này ở một chợ sách, gởi cho ông Dương Nhân Sơn, bảo gởi sang Đông Dương (Nhật Bản), in kèm vào trong bản Đại tạng mới in. Tôi cho rằng khi sách ấy được phát hành, những người hiếu cổ thích lạ đọc thử sách ấy, chẳng những hữu ích cho tánh mạng, mà học thức văn chương đột nhiên cao lên gấp bội. Ôi, hưng thạnh thay!

Thanh Thế Tông thật sự làm cho pháp được lưu truyền nơi Chấn Đán (Trung Hoa), là người độc nhất vô nhị trong các hoàng đế. Vua đã như vậy thì tể quan, tăng lữ ắt biết được đại khái. Từ đời Cao Tông (Càn Long) trở đi, bậc triết nhân ngày càng hiếm hoi, ngu phu ngày càng lắm, lại thêm binh lửa liên miên, khiến nhiều hạng thô bỉ, bại hoại, vô lại xen lộn vào pháp môn. Tự mình đã không biết gì về Phật pháp, làm sao có thể dạy đồ chúng tu hành! Từ đấy mỗi ngày mỗi tệ, đời sau chẳng bằng đời trước; đến nay tăng tuy không ít, nhưng kẻ biết chữ mười người chưa được một, mong chi hoằng dương đại giáo, lợi khắp quần sanh nữa ư? Do vậy, bậc cao thượng, ngoại trừ những vị kiếp trước có đại căn, trông thấy tăng chẳng biết đạo bèn chán ghét, chẳng dự vào tăng chúng.

Phàm lưu truyền Phật pháp chẳng phải là một sáng một chiều mà được; ắt phải thâm mưu viễn lự, tùy cơ đặt bày cách thức, những gì Phật chế định cố nhiên chẳng thể không tuân, nhưng những phương cách chế định theo thời cũng không thể không nghiên cứu cặn kẽ, nhằm dự phòng thời thế biến đổi, mới không đến nỗi nghiêng ngửa chẳng thể có sức như Phật pháp ngày nay vậy. Nếu các vị không thừa dịp nhìn nhận nhạy bén, tôi e lúc này trong nước Chấn Đán không còn nghe tiếng tăm, dấu vết Phật pháp nữa. Ôi chao, nguy hiểm thay! Phật pháp cao sâu, chẳng phải do sự thấy biết nông cạn mà hòng nhìn trộm được. Nếu muốn biết sâu xa, ắt phải từ giáo mà vào, rồi mới đến Thiền tông thì mới khỏi bị tệ hại. Bọn Tống Nho như Chu, Trình, Trương, Chu v.v. đời trước cố nhiên có linh căn, nhưng thoạt đầu thân cận toàn những bậc tông sư trực chỉ, đối với một buổi giảng, một công án tợ hồ lãnh hội được sự hư linh bất muội, nhưng đối với ý nghĩa "đầy đủ các lý ứng với vạn sự" thật sự chưa triệt ngộ tự tâm, bèn tự cho là đã đắc, vạch đất làm giới hạn, chẳng chịu tiến lên. Ấy là do dậm chân tại con đường nghĩa lý, trọn chưa từng thật sự tận lực tham cứu. Lại thấy nhà Thiền pháp nào, chuyện nào cũng chỉ quy hướng thượng. Do vậy, dù có xem kinh giáo cũng đem ý nhà Thiền ra để giải thích, để hiểu, bảo Phật pháp chỉ có vậy mà thôi. Với những lý thật, sự thật, nhân quả họa phước cũng dùng ý kiến chỉ quy hướng thượng để lãnh hội, đến nỗi mê muội tự tâm, bác không nhân quả. Cướp lấy vật của người ta cho là

gia bảo, nhặt lấy những thứ sót thừa của Phật pháp để chống đỡ môn đình Nho giáo. Lại sợ hậu sinh đề cao họ Thích, bèn khéo bày phương cách, lập kế trộm linh[39], ngang ngược bày lời phỉ báng, phô bày họa hại, nhốt kín hậu sinh vĩnh viễn chẳng thoát ra được. Lại còn sợ hậu sinh chưa chết lòng trọn ý tin theo, bèn lấy bản thân để giảng giải: "Ta trước kia cầu đạo, cũng từng thân cận Thích, Lão, nhưng đều không đạt được gì. Sau trở về cầu nơi sáu kinh bèn được. Từ đấy phá vòng Thích, Lão, mỗi mỗi thấy thấu suốt, theo thuyết thành ý chánh tâm của chư tử, dốc sức tu dưỡng, thật đáng làm bậc sư biểu cho cửa Nho!"

Nhưng do ý niệm phù trì môn phái quá nặng, đến nỗi từ chỗ đáng biểu dương cảm phục, lại thành ra biến sở trường của người ta thành sở đoản, cái mình có được là từ người ta, lại nói ngược người ta không bằng mình, khiến cho thành ý chánh tâm dù dốc lòng thực hiện chẳng thể viên mãn hoàn bị, cắt đầu xén đuôi. Ôi, đáng buồn đến thế! Cư sĩ Nhất Thừa bảo là "khách vào nhà quơ giáo, ồn ào lấn chủ". Lời ấy thật xác đáng, nhưng nếu không nêu rõ căn nguyên, người trong ải (tức những kẻ chấp vào học thuyết Tống Nho) sẽ chẳng chịu phục. Nên đem chỗ "chư tử học Phật được lợi ích và do dùng ý nhà Thiền hiểu lầm giáo nghĩa, do vậy không tin nhân quả, chẳng tin luân hồi, không những nghịch Phật mà còn trái nghịch cả kinh Nho; lại còn bảo là cầu đạo nơi Thích, Lão đều chẳng được, về sau từ sáu kinh được ích" trình bày, biện luận cặn kẽ, rõ ràng thì chứng cớ ăn cắp đầy đủ, chẳng những kẻ bế quan bội phục mà còn ngay lập tức ra khỏi cửa. Dẫu cho chư tử sống lại cũng sẽ nhận lỗi tự trách, không thể già hàm cãi bướng; từ đây huệ phong quét sạch mây chướng, Phật nhật lại sáng tỏa vũ trụ.

8. Thư trả lời cư sĩ Bộc Đại Phàm

Xa nhận tờ mây, thật hổ thẹn sâu xa. Bất Huệ[40] tôi tuổi nhỏ kém học vấn, lớn lên vô tri, lênh đênh nẻo khách, ăn bám Phổ Đà. Không ngờ các hạ xưa đã vâng lời Phật phó chúc, thừa nguyện tái lai, lãnh hội được tâm tông cả Nho lẫn Phật, thấu hiểu tột cùng bí tạng tánh tướng, tham học khắp kẻ tăng người tục, là bậc hào kiệt lỗi lạc chuyên tu tịnh nghiệp. Bậc đại nhân rộng lượng chẳng hiềm hạ mình hỏi đến. Hỏi tới kẻ cắt cỏ mà khiêm tốn quá sức khiến người không còn chỗ dung thân. Ví thử đại địa có kẽ nứt ắt sẽ triệt để rúc sâu vào, dám đâu ngửa đáp. Thường nghĩ các hạ học vấn rộng như thế, kiến giải cao như thế, mấy câu ngài nêu ra đó nghĩa lý thật thiển cận, há lẽ nào thật sự hoài nghi chẳng quyết đoán

[39] Trộm linh ở đây liên quan đến từ ngữ "bịt tai trộm linh" (linh là cái chuông nhỏ có quả lắc). Đi ăn trộm cái linh, bịt tai lại để khỏi nghe tiếng linh kêu, cứ nghĩ người khác không biết.
[40] Bất Huệ: tổ Ấn Quang tự xưng, ngụ ý mình không có trí tuệ.

được ư? Chắc có lẽ là muốn phát khởi đồng nhân đó thôi. Các hạ liễu tri làm như vô tri, Bất Huệ tôi cũng không ngại gì lấy không biết làm biết. Do vậy bèn căn cứ theo từng khoản mà phê phán, thuận theo lời lẽ mà mổ xẻ. Chẳng dám bắt chước vị quan già đời phán án, bất quá chỉ như khóa sinh nộp quyển đó thôi. Trình bày lời mọn giãi bày như trong phần sau có được hay chăng? Mong ngài rủ lòng sửa lại cho đúng.

Niệm Phật tuy quý là tâm niệm, nhưng chẳng thể bỏ miệng tụng. Vì ba thứ thân khẩu ý hỗ trợ cho nhau. Nếu tâm nghĩ nhớ, thân chẳng lễ kính, miệng chẳng trì tụng cũng sẽ khó được lợi ích. Thế gian nâng vật nặng còn phải hò reo để giúp sức, huống hồ muốn nhiếp tâm để chứng tam-muội ư? Do vậy, kinh Đại Tập dạy: *"Niệm lớn thấy Phật lớn, niệm nhỏ thấy Phật nhỏ."* Cổ đức nói niệm lớn tiếng thì thấy thân Phật lớn, niệm nhỏ tiếng sẽ thấy thân Phật nhỏ. Nhưng phàm phu đầy dẫy phiền não, tâm thường hôn trầm, tán loạn, nếu chẳng nhờ vào sức lễ tụng của thân miệng mà muốn đắc nhất tâm thì không thể được. Nơi thật tế lý địa mới là vô sanh diệt. Trong cửa Phật sự, có pháp nào không phải là pháp sanh diệt? Đẳng giác Bồ-tát phá 41 phẩm vô minh, chứng 41 phần bí tạng cũng không ra ngoài lẽ sanh diệt. Sanh diệt ấy chính là gốc rễ sanh tử, mà cũng là gốc của Bồ-đề, tùy thuộc người ta sử dụng như thế nào mà thôi. Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối chính là đem cái sanh diệt "trái nghịch với giác, xuôi theo trần lao" chuyển thành sự sanh diệt "trái nghịch trần lao, hiệp với giác" để cầu chứng được chân như Phật tánh bất sanh bất diệt, niệm niệm nơi Tịnh độ mới có thể vãng sanh, mà cũng là thân phận thượng phẩm vãng sanh. Nếu chấp chặt nghĩa này để tự cầu thượng phẩm thì còn gì lành hơn? Còn nếu chấp chặt vào nghĩa này để dạy kẻ trung, hạ căn sẽ trở ngại sự tiến lên của người khác không ít. Vì sao? Bởi họ ắt sẽ nghĩ pháp này quá cao, bèn cam phận hèn kém, chẳng chịu tu trì.

Hơn nữa, việc niệm Phật tuy thuộc về ý thức, nhưng các thức đều đủ, chẳng thấy đoạn kinh văn đã nói "nhiếp trọn sáu căn" trên đây hay sao? Sáu căn đã nhiếp thì sáu thức sẽ làm gì? Những gì sáu thức đưa vào hàm tàng thức (a-lại-da thức) cũng chỉ là chuyện này mà thôi. Đoạn văn "đao chém không vào" vốn không thể nghi, do các hạ chưa phân định giới hạn giữa tự lực và tha lực, giữa Thiền tông và Tịnh tông nên đến nỗi thành một khối nghi lớn. Một pháp niệm Phật là nương Phật lực thoát ra tam giới, sanh về Tịnh độ. Nay đã không phát nguyện, cũng không có lòng tin (có lòng tin chân thật ắt có nguyện thiết tha), tín lẫn nguyện hoàn toàn không có, chỉ niệm Phật trì danh thì vẫn thuộc tự lực. Do không tín nguyện nên chẳng cảm ứng đạo giao với Di-đà hoằng thệ. Nếu đoạn hết kiến tư

hoặc có thể được vãng sanh. Còn nếu hoàn toàn chưa đoạn và đoạn chưa hết thì nghiệp căn vẫn còn, làm sao thoát khỏi luân hồi cho được? Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh [41] v.v. chính là những bằng chứng xác đáng. Phải biết, nếu bỏ tín nguyện mà niệm Phật thì chẳng khác gì nhà Thiền tham cứu. Nếu được vãng sanh thì nhân quả chẳng khế hợp nhau vậy! Ngài Ngẫu Ích nói: *"*Được vãng sanh hay không, hoàn toàn do tín nguyện có hay không? Phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn", ấy là lời phán định sắt đá.

Như kinh nói "nhất tâm bất loạn" là tiếp ý đoạn kinh văn giảng về công đức y báo, chánh báo ở tận phía trên, nhằm dạy cho sanh tín; còn nếu thừa tiếp ý của đoạn văn gần đó, tức đoạn "chúng sanh nghe vậy, phải nên phát nguyện, nguyện sanh cõi ấy" thì chính là dạy phải phát nguyện. Đã thế, đoạn văn tiếp theo đó là khuyến tín, khuyến nguyện, không gì chẳng đủ. Các hạ cắt xén những đoạn văn trước, chỉ chấp một câu nên mới có mối nghi "không trọng phát nguyện". Lại còn xem "không tín nguyện nhất tâm" và "có tín nguyện nhất tâm" bình đẳng như nhau, nên mới thấy có đoạn kinh đao chém không vào, há phải đâu không thuần nhất; sao lại nghi ngờ chuyện "không tín nguyện trì danh không được vãng sanh"?

Hơn nữa, luận về chuyện ngoài việc niệm Phật có niệm thứ hai xen tạp thì khó thể nêu hết. Chỉ nêu lên những cái chánh thì như cầu đại triệt đại ngộ, cầu được đại tổng trì v.v. [đó chính là xen tạp], chứ không phải phát nguyện là niệm thứ hai xen tạp. Phải biết một pháp Tịnh độ lấy ba pháp tín nguyện hạnh làm tông, hạnh như bò kéo xe, nguyện như người cầm cương, tín như người dẫn đường, người dẫn đường và người đánh xe mới là chánh yếu để quyết định sự tiến bước của con bò kéo xe. Vì thế, sáng chiều phải hướng về Phật phát nguyện. Hơn nữa, lúc không niệm Phật cũng chớ câu nệ. Dẫu cho mỗi lần niệm cả vạn năm cũng chẳng ngại có một ngày tạm ngưng. Nếu bảo "có lúc không niệm, có lúc phát nguyện sẽ thành gián đoạn, xen tạp, sẽ khó thành tựu" thì thử hỏi một tâm niệm ấy cũng từng thấy sắc, nghe tiếng, mặc áo, ăn cơm, giở tay, động chân, có hay

[41] Ngũ Tổ là tên núi, đồng thời là tên chùa. Thiền sư Giới, người thời Tống, thuộc tông Vân Môn, nối pháp của ngài Song Tuyền Sư Khoan, trụ trì chùa Ngũ Tổ núi Ngũ Tổ tại Tô Châu, nên thường gọi là Ngũ Tổ Giới, chấn hưng tông phong mạnh mẽ. Theo Tây Quy Trực Chỉ, quyển ba: *"Thanh Thảo Đường thiền sư khá có giới hạnh, tuổi ngoài chín mươi, thường được nhà họ Tăng cúng dường hậu hĩ, bèn hứa thác sanh vào nhà ấy làm con. Sau họ Tăng sinh được một người con, cho người đến tìm Thảo Đường thì sư đã tọa hóa."* Theo pháp sư Viên Anh, Thanh Thảo Đường là người đời Tống, là bậc tông tượng trong nhà Thiền, tuổi già, thấy vị tể tướng đã cáo lão hồi hương hết sức vinh diệu, chợt khởi tâm niệm hâm mộ, bèn thác sanh vào nhà ấy. Về sau, trở thành tể tướng Tăng Lỗ Công. Do một tâm niệm tham luyến mà công hạnh tu thiền cả đời bị vứt bỏ!

không? Nếu có, với những chuyện ấy đã không gián đoạn, xen tạp, sao riêng mình chuyện này (tức chuyện phát nguyện) lại có gián đoạn, xen tạp? Nếu không, trừ khi là bậc Pháp thân đại sĩ. Nhưng bậc Pháp thân đại sĩ ở yên một chỗ mà hiện thân khắp trần sát[42]; những gián đoạn, xen tạp ấy còn nhiều không xiết. Tâm có đủ các lý ứng với vạn sự, lẽ nào chỉ tính đến phát nguyện và niệm Phật cùng một lúc mà thôi! Ước theo sự tu trì thường ngày, nên phát nguyện vào lúc sáng tối, cũng có khi niệm Phật xong liền phát nguyện.

Các hạ thông đạt tánh tướng sâu xa, bảo niệm Phật và ý niệm cầu sanh Tịnh độ chẳng thể đầy đủ cả hai, thì tợ hồ đối với cái lý tròn đầy "sự sự vô ngại" chưa thể tin triệt để. Lại có đoạn ngài viết niệm này có thể chia thành hai, một nửa quy về Phật, một nửa quy về nguyện. Nếu thế, một người lẽ ra phải thành hai vị Phật! Trong cuộc sống hằng ngày, lúc các hạ mắt thấy sắc thì tai, mũi, lưỡi, ý chẳng thể nghe tiếng, duyên theo pháp ư? Nếu chúng cùng hoạt động chẳng mâu thuẫn nhau, sao lại riêng nghi nơi chuyện này? Phải biết thể của một niệm tâm, tác dụng vô lượng. Tám thức há chẳng phải là dụng của một tâm thể ư? Chúng đã chẳng trở thành tám vị Phật thì sao cái niệm này lại thành ra hai vị Phật được? Kẻ bình sinh trọn không tín nguyện, lúc lâm chung chắc chắn khó thể nhờ vào Phật lực. Đã nói "thiện ác cùng một lúc nhanh chóng hiện ra" thì đừng nói chi bốn chữ A-di-đà Phật không hiện bèn không được vãng sanh, dẫu có hiện cũng chẳng được vãng sanh. Vì sao? Do chẳng nguyện sanh vậy. Do chẳng cầu Phật nên chẳng được Phật tiếp dẫn.

Kinh Hoa Nghiêm nói: "Giả sử ác nghiệp có thể tướng thì mười phương hư không chẳng thể chứa đựng nổi." Cổ đức nói: "Như người mắc nợ, chủ nợ nào mạnh sẽ lôi đi trước." Tâm tình lắm mối, đặt nặng nơi đâu sẽ rơi về đó. Nay thiện ác đều hiện, do không tín nguyện liền chẳng thể làm gì được ác nghiệp. Phải biết, cậy vào tự lực thì dẫu có tí ti ác nghiệp cũng chẳng thể thoát khỏi sanh tử, huống gì là nhiều! Lại nữa, không tín nguyện, dẫu niệm đến nhất tâm, trong vô lượng vô biên kẻ, họa may có hai ba kẻ được vãng sanh, quyết chẳng thể lấy đó làm chuẩn để đoạn thiện căn vãng sanh Tịnh độ của hết thảy thiên hạ và người đời sau. Vì sao? Cậy vào tự lực, niệm đến mức nghiệp tận tình không, chứng Vô Sanh Nhẫn, cả thế gian ít có một, hai người. Nếu như ai nấy đều hành trì theo đó, bỏ tín nguyện đi không theo đuổi nữa thì biết bao nhiêu chúng sanh vĩnh viễn ở trong biển khổ, không nhờ vào đâu để xuất ly được. Lời nói ấy toàn là ngây ngô, thế mà kẻ ấy còn dương dương đắc ý, cho là lời lẽ thật cao, chẳng biết là đoạn huệ

[42] Trần sát: cõi nước (Phật sát độ) nhiều như vi trần.

mạng Phật, là lời cuồng vọng khiến chúng sanh bị lầm lạc (thiện nghiệp thế gian chẳng ra khỏi luân hồi, nếu sánh với tín nguyện đầy đủ vãng sanh tịnh nghiệp thì thiện nghiệp kia vẫn là ác nghiệp).

Than ôi, một pháp Tịnh độ phải nhìn bằng con mắt riêng, chớ dùng giáo nghĩa thông thường để so đo. Giả sử Như Lai chẳng mở ra pháp này thì chúng sanh đời mạt không thể nào thấy được cách giải quyết sanh tử. Sách Di-đà Yếu Giải của đại sư Ngẫu Ích lý sự đều đạt đến cùng cực, kể từ khi có kinh này đến nay, nó là bản chú giải bậc nhất, hành theo sách ấy thì ngày sau phẩm vị vãng sanh của các hạ không ai sánh bằng. Cổ nhân tu hành đều chứng được đạo, người đời nay tu hành ít thấy ai minh tâm. Nào có phải là do căn tánh con người chẳng bình đẳng ư? Cũng chỉ là do kính trọng hay khinh mạn mà ra. Xem khắp truyện ký của cao nhân, đều thấy họ coi kinh tượng như Phật sống. Sự kính nể của họ dẫu trung thần thờ thánh chúa, hiếu tử đọc di chúc, há tương tự được một hai phần? Do cung kính đến tột cùng nên có thể đoạn hoặc chứng chân, siêu phàm nhập thánh. Xem Nhị tổ đứng trong tuyết43; Dương, Du đứng trong tuyết ngoài cửa họ Trình44 là đủ thấy. Người đời nay coi tượng Phật như đất gỗ, coi kinh Phật như giấy cũ, dẫu có tín tâm đọc tụng thọ trì cũng chẳng qua là để nhanh mồm nhạy miệng mà thôi, nào có lợi ích thật sự gì để bàn được nữa. Tuy gieo được viễn nhân nhưng cái tội khinh nhờn chẳng thể nghĩ tưởng được nổi. Nguyện các hạ dùng học vấn quảng bác, ngôn từ sâu rộng, lúc đề xướng Phật pháp thường đem điều này lợi ích khắp hết thảy thì may mắn cho pháp môn lắm, may mắn cho chúng sanh lắm!

9. Thư trả lời cư sĩ Tạ Dung Thoát ở Thái Thuận (thư thứ nhất)

"Ngô hữu tri hồ tai, vô tri dã! Hữu bỉ phu vấn vu ngã, không không như dã. Ngã khấu kỳ lưỡng đoan nhi kiệt yên." (Tạm dịch: Ta biết gì đâu, không biết gì! Có bỉ phu hỏi ta thì là rỗng không như thế; chuyện được hỏi và căn cơ người hỏi phù hợp với nhau vậy[45]). Đấy là thánh nhân do tâm chính mình không có niệm lự nên tùy cơ thuyết pháp dạy người, trọn chẳng thể coi đó là lời nói khiêm. Tâm thánh nhân giống như gương sáng rỗng rang, trọn chẳng có một vật, nào có biết

[43] Nhị tổ Thần Quang cầu đạo với tổ Bồ-đề-đạt-ma, đứng ngoài cửa chờ tổ đáp lời đến nỗi tuyết ngập đến tận đầu gối.

[44] Thời Tống, Dương Thời và Du Thố đến cầu học với Trình Di, họ Trình ngồi nhắm mắt trong nhà, Dương và Du hai người đứng chờ ngoài cửa cho đến khi họ Trình nhận ra, kêu vào, tuyết đã xuống dày cả thước. Nho gia thường dùng điển tích "trình môn lập tuyết" này để diễn tả sự cung kính của trò đối với thầy (theo Vương Đồng Ức, Tân Thế Kỷ Hiện Đại Hán Ngữ Từ Điển)

[45] Câu này được dịch dựa theo lời giải thích của tổ Ấn Quang trong lá thư này.

gì? "Bỉ phu đến hỏi" là như Hồ đến, Hán đến[46], "khấu lưỡng đoan nhi kiệt" là như Hồ hiện, Hán hiện. Chữ "khấu" có nghĩa là tức (chính là), "lưỡng đoan" (hai bên) là chuyện được hỏi và căn cơ của người hỏi, "nhi kiệt yên" là vừa vặn phù hợp, không thái quá, không bất cập, tức là như nhà Phật gọi là khế lý, khế cơ. Nếu chỉ khế lý mà không khế cơ sẽ không có ích gì cho người ấy, trở thành lời nói thừa thãi. Như ông hỏi về nhân, về hiếu, về chánh v.v. thì câu hỏi giống nhau, nhưng lời đáp khác nhau, tức là thuận theo căn cơ của người hỏi mà đáp cho, như nhìn lỗ tra chốt, đối bệnh phát thuốc, vừa vặn thích nghi, trọn chẳng mảy may có lỗi dạy chẳng phù hợp căn cơ. Nếu tâm chẳng trống không như gương, sao có thể được như vậy?

Giải thích "không không" có nghĩa là "bỉ phu" thì có thể nói là uổng công đọc sách thánh hiền. Tâm Khổng tử chí thành không vọng, nên bảo là "không không như dã". Nhan tử kém hơn đức thánh một bậc, tuy chưa thể rốt ráo không vọng, mà vọng cũng chẳng còn mấy, nên cũng đã mấy lần đạt được cái không, "ba tháng không trái nghịch" chính là chuyện này. Vì thế, Phu tử bảo Nhan tử "gần như đạt được". Nếu cho rằng do Nhan tử dẫu giỏ cơm, bầu nước mấy lần trống rỗng vẫn vui vẻ không thay đổi nên được coi là "gần như đạt" thì là bỏ gốc theo ngọn, đánh mất lời bàn luận chí lý dựa trên căn cơ để phê bình của thánh nhân vậy. Còn như luận về chuyện Tử Cống buôn bán là tùy loại mà luận, há có thể đem hai người ấy sánh đôi với nhau ư? Thánh nhân do người mà luận người, há nên bắt chước người đời sau làm thơ cử nghiệp, phải đối nhau thật chặt chẽ mới là hợp cách ư?

Thế nhưng các hạ chí mộ Phật pháp nên chẳng ngại đem tâm thánh nhân ra tùy cơ chỉ điểm. Nếu các hạ đến dạy trẻ học vỡ lòng ở thôn Tam Gia hãy nên tuân theo lời chú giải của Chu Hy. Nếu không bọn chấp chặt vào văn chương sẽ gièm báng tứ tung; chẳng những không thể biết cái tâm thánh nhân, mà trái lại còn hủy báng Phật pháp. Do vậy, họ vĩnh viễn chìm trong biển khổ, đánh mất ý chỉ sâu xa "khấu lưỡng đoan nhi kiệt yên" vậy!

10. Thư trả lời cư sĩ Tạ Dung Thoát ở Thái Thuận (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết các hạ chưa thọ giới cụ túc và tình hình Phật pháp lưu thông tại quê hương ông, vui khôn ngăn nổi. Tuy nhiên, trong lúc vui, tôi không thể không hết sức lo lắng, vì sao nói vậy? Phàm Phật pháp là pháp chung của cả

[46] Phải đọc cả đoạn này theo mạch văn, ý tổ nói: Tâm thánh nhân như cái gương trong suốt, người Hồ đến hay người Hán đến đều hiện bóng, người nào đến hiện bóng người ấy, gương không phân biệt.

chín pháp giới, không ai không nên tu mà cũng không ai chẳng thể tu. Người trì trai niệm Phật nhiều, xét đến hiệu quả thì người hưng long pháp đạo, phong tục thuần thiện chỉ sợ không nhiều, chứ càng nhiều càng tốt. Còn như kẻ xuất gia làm tăng hòng giữ gìn đạo pháp Như Lai và lập bày cách để lưu thông đạo pháp; nếu người ấy lập chí hướng thượng, phát đại Bồ-đề, nghiên cứu Phật pháp, triệt ngộ tự tánh, rộng học tam học[47] nhưng riêng khen ngợi Tịnh độ thì trong một đời sẽ mau thoát khỏi khổ luân, người như vậy chỉ sợ không nhiều, chứ càng nhiều càng tốt.

Nếu là kẻ hơi có tín tâm, không có đại chí, muốn dựa vào cái danh làm tăng để ăn không ngồi rồi, sống bám Phật pháp, mang danh Phật tử, chứ thật sự chỉ là gã trọc đầu. Dẫu không tạo ác nghiệp nhưng đã là hạt giống hư hoại nơi pháp, là phế nhân của đất nước. Nếu còn phá giới tạo nghiệp, nhục lây Phật pháp, dẫu sống trốn được phép nước, lúc chết quyết định đọa địa ngục. Đối với pháp, đối với bản thân cả hai vô ích. Một kẻ như thế còn chẳng được, huống chi là nhiều!

Cổ nhân nói "xuất gia là chuyện của bậc đại trượng phu, kẻ quan cao lộc cả không thể làm được"[48] không phải là ức chế kẻ quan cao lộc cả đề cao tăng-già đâu! Là vì gánh vác gia nghiệp của Phật, nối tiếp huệ mạng Phật, không phải là kẻ phá vô minh hòng khôi phục bản tánh, hoằng dương đạo pháp hòng lợi lạc chúng sanh sẽ không thể làm được. Nay kẻ làm tăng đa số là hạng bỉ lậu, bại hoại, vô lại, mong sống thảnh thơi, nhàn nhã, những kẻ chỉ trì trai niệm Phật còn chưa được mấy, huống gì là những người có thể gánh vác gia nghiệp, nối tiếp huệ mạng?

Phật pháp ngày nay lụn bại sát đất là vì Thanh Thế tổ (Thuận Trị) không xét thời cơ, ngửa tuân theo quy chế nhà Phật, bỏ lệ thí tăng của triều đại trước, vĩnh viễn miễn độ điệp[49], cho tùy ý xuất gia, gây nên sai lầm. Phàm tùy ý xuất gia đối với người thượng thượng căn thì có lợi ích lớn, nhưng với kẻ hạ căn lại có hại lớn. Nếu như đời toàn là thượng sĩ thì cách thức ấy cố nhiên hữu ích cho đạo pháp. Nhưng bậc thượng sĩ như vẩy lân, kẻ hạ căn như lông bò, lợi ích tạm thời khi ấy (trong khoảng đầu nhà Thanh đến thời Càn Long, thiện tri thức như rừng, nên có ích), họa lan rộng đến hậu thế. Tới nay, sự lạm dụng, xô bồ đến mức cùng cực,

[47] Tam Học: tức giới, định, huệ.

[48] Nguyên văn: *"Xuất gia nãi đại trượng phu chi sự, phi tướng tướng sở năng vi."* Trong bài giảng Sa-di Luật Nghi Yếu Lược, hòa thượng Tịnh Không giảng chữ tướng thứ nhất là tướng quân, chữ tướng thứ hai là tể tướng. Ngài nói tướng tướng ở đây có nghĩa là người cao sang, quyền uy tột bậc.

[49] Thời Minh quy định tăng sĩ phải trúng tuyển khoa thi sát hạch về kinh điển, giới luật. Ai trúng tuyển sẽ được cấp giấy chứng nhận gọi là độ điệp. Ai thi hỏng bị đuổi về nhà làm dân.

dẫu có tri thức chỉnh đốn một phen cũng chẳng biết bắt đầu từ đâu, chẳng đáng buồn ư?

Từ rày về sau người cầu xuất gia, thứ nhất phải là thật sự phát tâm đại Bồ-đề lợi mình, lợi người, thứ hai là phải có thiên tư hơn người thì mới được xuống tóc. Nếu không, không được! Nếu là nữ nhân có tín tâm, nên bảo họ tu hành tại gia, muôn vàn chẳng cho xuất gia. E rằng có chuyện sai xẩy đến nỗi ô bại Phật môn chẳng nhẹ vậy. Người nam nếu là chân tu, xuất gia càng dễ, vì có thể tham phỏng tri thức, y chỉ tùng lâm. Nữ dẫu chân tu xuất gia vẫn khó, bởi hành động dễ chuốc lấy miệng đời gièm báng, mọi việc thường khó lòng tùy ý được. Chọn lựa thế độ như trên, chẳng độ ni chúng chính là hộ trì Phật pháp trong đời mạt, là yếu nghĩa bậc nhất để chỉnh lý pháp môn. Mong hãy tha thiết nói với lệnh sư[50] và hết thảy những vị tăng quen biết thì công đức sẽ vô lượng vô biên. Mong lắm thay, mong lắm thay!

11. Thư trả lời cư sĩ Đặng Bá Thành (thư thứ nhất)

Kể từ khi quen biết đến nay, chớp mắt đã sáu năm, chẳng những tinh sương đã mấy lượt thay đổi, mà quốc lịch cũng chẳng còn y như cũ[51]. Tướng thế gian vô thường, thật đáng than thở. Nhận được thư, biết ông không phế tịnh nghiệp, thật quá tốt đẹp, nhưng ông nói thân tâm đến nỗi chẳng an, vì cảnh ngộ không tốt mà đến nỗi bất an hay sao? Hay là bệnh tật triền miên, nên đến nỗi bất an vậy?

Nếu do cảnh ngộ không tốt thì hãy lùi một bước, suy nghĩ, thử nghĩ coi trong đời kẻ hơn được mình cố nhiên là nhiều, nhưng những người không được như mình cũng chẳng ít. Chỉ cần không đói, không rét, mong chi đại phú, đại quý? Vui theo mạng trời, tùy ngộ nhi an (an vui theo cảnh duyên), như thế sẽ chuyển được phiền não thành Bồ-đề, há chẳng thể chuyển ưu khổ thành an lạc ư?

Nếu bị tật bệnh dây dưa thì hãy đau đáu nghĩ thân này là gốc khổ, sanh lòng nhàm lìa hết mức, ra sức tu tịnh nghiệp, thề cầu vãng sanh. Chư Phật lấy khổ làm thầy, nên thành Phật đạo; chúng ta nên lấy bệnh làm thuốc, mau cầu xuất ly. Phải biết phàm phu đầy dẫy phiền não, nếu không khổ vì bần cùng, tật bệnh v.v., ai có thể sẽ không suốt ngày rong ruổi trong trường thanh sắc, danh lợi, ai chịu trong lúc đắc ý lừng lẫy quay đầu nghĩ đến lúc chìm đắm trong tương lai? Mạnh tử nói: "Trời vì muốn giao phó trách nhiệm lớn lao cho người nào thì trước hết phải làm

[50] Lệnh sư: tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng thầy người khác.
[51] Tinh sương: chỉ thời gian năm tháng. Cả câu ý nói, không những thời gian đã thay đổi mà chế độ cũng khác xưa.

khổ tâm chí, nhọc nhằn gân cốt người ấy, khiến thân người ấy đói khát, thân thể trống thiếu, gây nên những điều trái ngược với những gì người ấy làm. Do vậy, nảy sanh tánh nhẫn, tăng thêm [khả năng làm được] những điều người ấy không thể làm." Do vậy biết rằng, trời muốn thành tựu người thường hay tạo ra nghịch cảnh, con người chỉ nên thuận theo mạng trời là được.

Cái gọi là trách nhiệm lớn như Mạnh tử đã nói chính là tước vị thế gian, vậy mà còn phải lo âu, nhọc nhằn như thế mới chẳng phụ lòng trời. Huống chi chúng ta là phàm phu sát đất, muốn trên thì gánh vác gia nghiệp của đấng Pháp Vương, dưới hóa độ pháp giới hữu tình, nếu không bị chút nghèo bệnh vùi dập thì phàm hoặc ngày càng lẫy lừng, tịnh nghiệp khó thành, mê muội bản tâm, vĩnh viễn đắm trong ác đạo đến tận đời vị lai, không mong có lúc thoát ra. Cổ đức từng nói: "Chẳng trải một phen lạnh buốt xương, há được hoa mai thơm ngát mũi", chính là nói về điều này vậy. Hãy nên chí tâm niệm Phật để tiêu nghiệp cũ, trọn chẳng nên khởi lòng bực bội, lo nghĩ, oán trời hận người, cho là nhân quả hư huyễn, Phật pháp không linh.

Phải biết rằng, chúng ta từ vô thỉ đến nay, ác nghiệp đã tạo vô lượng vô biên, kinh Hoa Nghiêm nói: "Giả sử ác nghiệp có thể tướng thì mười phương hư không chẳng thể chứa đựng nổi", huống gì tu trì lơ là, hờ hững, há có thể tiêu hết được nổi ư? Do vậy Thích-ca, Di-đà, hai vị giáo chủ hai cõi đau đáu nghĩ chúng sanh không sức đoạn hoặc, riêng mở ra pháp môn cậy vào Phật từ lực, mang nghiệp vãng sanh này. Lòng từ đại bi sâu thẳm, dẫu trời đất, cha mẹ cũng chẳng thể ví bằng một phần Hằng hà sa. Chỉ nên phát lòng hổ thẹn, phát tâm sám hối, sẽ được Phật gia bị, nghiệp tiêu, thân an. Nếu bệnh khổ đến mức dữ dội, chẳng thể nhẫn chịu được thì ngoài lúc niệm Phật hồi hướng sáng tối ra, hãy chuyên tâm dốc ý, niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát. Quán Âm hiện thân trong sát-na, tầm thanh cứu khổ, người nào trong lúc nguy cấp, nếu có thể trì tụng, lễ bái, không khi nào không thuận theo lòng cảm mà ứng, Bồ-tát liền rủ lòng từ che chở khiến cho thoát khỏi khổ não, được an vui.

Một pháp niệm Phật là pháp giản dị nhất, dễ dàng nhất, rộng nhất, lớn nhất, nhưng phải khẩn thiết, chí thành đến tột cùng mới có thể cảm ứng đạo giao, được lợi ích thật sự ngay trong đời này. Nếu biếng trễ, lười nhác, không mảy may kính sợ, dẫu gieo được viễn nhân nhưng cái tội khinh nhờn khó thể tưởng được nổi; dẫu cho được làm người, sanh lên trời, trọn khó thể dự vào hải hội. Đối với tượng Phật nên coi như là Phật thật, chẳng thể xem như đất, gỗ, đồng, sắt v.v.. Kinh điển là thầy của ba đời chư Phật, như xá-lợi của pháp thân Như Lai cũng nên xem như

Phật thật, chẳng được coi như giấy, mực v.v.. Lúc đối trước kinh tượng nên như trung thần thờ thánh vương, như con hiếu đọc di chúc. Làm được như thế thì không nghiệp chướng nào chẳng tiêu, không phước tuệ nào chẳng đủ. Nay những sĩ đại phu học Phật thì nhiều nhưng thảy đều là đọc kinh văn, hiểu ý nghĩa, lấy đó để ăn nói, hòng được tiếng là một tay thông gia mà thôi, còn như cung kính chí thành, y giáo tu trì, thật khó được mấy kẻ!

Tôi thường nói: "Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp thì phải hướng về cung kính mà cầu. Có một phần cung kính thì tiêu tội nghiệp một phần, tăng phước tuệ một phần; có mười phần cung kính thì tiêu tội nghiệp mười phần, tăng phước tuệ mười phần. Nếu không cung kính đến nỗi khinh nhờn thì tội nghiệp càng tăng, phước tuệ càng giảm." Than ôi, hễ gặp bạn tri giao hãy nên ra rả đem lời này bảo cho họ biết, không còn pháp thí nào lớn hơn. Pháp môn Tịnh độ nếu tin đến nơi, còn tốt chi bằng! Nếu trí mình chưa tỏ hãy nên ngửa tin lời thành thật của chư Phật, chư tổ, trọn đừng có một niệm nghi tâm. Hễ nghi ắt trái nghịch Phật, lâm chung chắc chắn khó thể cảm thông. Cổ nhân nói: "Pháp môn Tịnh độ chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu suốt rốt ráo, Đăng địa Bồ-tát[52] còn chẳng thể biết được chút phần." Ôi, Đăng địa Bồ-tát còn chẳng thể biết trọn vẹn nữa là phàm phu sát đất vọng sanh ức đoán ư?

Nếu muốn nghiên cứu, nên xem sách Tịnh Độ Thập Yếu, cuốn sách này do đại sư Ngẫu Ích chọn lấy những tinh hoa trong các sách Tịnh độ, khéo léo khế hợp thời tiết và căn cơ, thật là bậc nhất. Mở đầu sách là Di-đà Yếu Giải, kể từ khi đức Phật nói kinh này đến nay, trong Tây Thiên, Đông Độ là bản chú giải có một không hai, nên khéo tuân thủ chớ nên xem thường. Nay người thông minh tuy học Phật pháp, do chưa thân cận bậc thiện tri thức có đủ hai mắt, thảy đều chuyên trọng lý tánh, bác bỏ sự tu[53] và nhân quả. Đã bác sự tu, nhân quả thì lý tánh cũng mất. Do vậy thường có những kẻ tài cao, ngôn từ kinh khiếp quỷ thần, xét đến hành vi chẳng khác gì gã vô tri vô thức đầu đường xó chợ. Gốc bệnh đều là do phế sự tu, nhân quả mà nên nỗi, khiến bậc thượng trí nảy lòng xót thương, kẻ hạ ngu dựa theo đó làm xằng. Đấy đúng là dùng thân báng pháp, tội lỗi vô lượng.

Sách Pháp Uyển Châu Lâm (100 quyển, chùa Thiên Ninh ở Thường Châu phân thành 30 tập; Mã Não Kinh Phòng ở Tô Châu chia thành 24 tập, bản của Mã Não Kinh Phòng hư nát, mờ mịt, bản của chùa Thiên Ninh là khắc mới) bàn luận chi tiết về nhân quả, lý sự cùng nêu, rành mạch phân minh. Đọc đến khiến người

[52] Đăng địa Bồ-tát: Hàng Bồ-tát từ Sơ địa trở lên.
[53] Sự tu: tu hành nơi mặt sự tướng.

không lạnh mà rét buốt, dẫu ở trong nhà tối, phòng kín thường như đối trước Phật, trời, chẳng dám chớm một tí ác niệm. Thượng, trung, hạ căn trọn chẳng đến nỗi nhận lầm đường nẻo, chấp lý phế sự, xuôi theo cái tệ thiên tà cuồng vọng. Ngài Mộng Đông nói: "Người khéo bàn tâm tánh ắt chẳng lìa nhân quả, người tin sâu nhân quả, cuối cùng ắt hiểu được thấu suốt tâm tánh. Lẽ tất nhiên là phải như vậy." Mấy lời này của ngài Mộng Đông đúng là lời bàn luận chí lý ngàn đời chẳng thay đổi được, mà cũng là nhát kim đâm xuống đỉnh đầu bọn rông rỡ cuồng huệ vậy. Sách này các chỗ phát hành kinh sách đều có, hãy nên thỉnh về xem. Lợi ích nên tự biết, cũng nên làm cho hết thảy tri giao đều đọc sách ấy. Lệnh đệ[54] mùa thu năm ngoái lên núi, tôi cũng từng đem thuyết cung kính khuyên lơn, nhưng không biết anh ta có coi lời tôi là đúng hay không?

12. Thư trả lời cư sĩ Đặng Bá Thành (thư thứ hai)

Nhận được thư, đọc thư thấy tinh thần vui sướng. Cừ Bá Ngọc[55] khi 50 tuổi, biết 49 năm trước sai trái. Khổng tử tuổi gần 70 còn muốn trời cho sống thêm vài năm để học xong kinh Dịch, ngõ hầu khỏi mắc lỗi lớn. Cái học của thánh nhân chưa bao giờ chẳng đặt rốt ráo nơi khởi tâm động niệm. Vào thời gần đây, Nho gia chỉ học từ chương, chánh tâm thành ý gác lại chẳng giảng. Tuy hằng ngày đọc sách thánh hiền nhưng trọn chẳng hiểu cái ý để lại sách răn đời của thánh hiền. Những gì miệng họ nói, những gì thân họ làm cùng với ngôn ngữ, hành vi của hiền thánh khác nào tối sáng chẳng hòa, tròn vuông chẳng khớp vậy. Hiếm hoi thay những ai rảnh rang học hỏi cho thấu suốt những lẽ ẩn vi!

Kinh Phật dạy người thường hành sám hối ngõ hầu đoạn sạch vô minh, viên thành Phật đạo. Tuy địa vị đến bậc Đẳng giác như Di-lặc Bồ-tát vẫn trong mười hai thời lễ mười phương chư Phật để mong hết sạch vô minh, viên chứng pháp thân, huống gì những kẻ thấp hơn! Thế nhưng phàm phu sát đất khắp thân là nghiệp lực, chẳng sanh hổ thẹn, chẳng tu sám hối; tuy nhất niệm tâm tánh bình đẳng với chư Phật, nhưng do phiền não ác nghiệp chướng lấp nguồn tâm, chẳng thể hiển hiện. Ví như tấm gương báu tròn lớn bao kiếp bụi phủ, chẳng những trọn không có ánh sáng mà chất đồng cũng không hiển hiện được. Nếu biết bản thể cái gương bị bụi lấp ấy có đủ ánh sáng soi trời chiếu đất, ra sức chùi mài, ngày lại qua ngày, đổ công chẳng thôi, chất đồng tự lộ, lại càng gia công, quang minh dần dần lộ ra. Quang minh tuy đã phát nhưng chùi mài càng thêm sốt sắng, lực

[54] Lệnh đệ: tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng em trai người khác.
[55] Cừ Bá Ngọc: Người đời Xuân Thu, làm quan đại phu nước Vệ, là đệ tử của Khổng tử (theo tự điển Từ Hải)

cực công thuần, chất dơ hết ánh sáng hiện, soi trời chiếu đất, là vật quý nhất trong thế gian. Phải biết quang minh ấy gương vốn sẵn đủ, chẳng phải do mài mà có. Nếu không sẵn có, do mài mà có thì mài gạch mài đá lẽ ra cũng phải tỏa ánh sáng.

Thêm nữa, phải biết: Quang minh ấy gương tuy sẵn có nhưng không chùi sẽ vĩnh viễn chẳng có ngày tỏa sáng. Tâm tánh chúng sanh cũng giống như thế, dẫu bình đẳng với Phật, nếu chẳng cải ác tu thiện, trái nghịch trần lao, hiệp theo giác thì tánh có đủ công đức sẽ trọn chẳng thể phát hiện. Dùng tâm thức sẵn đủ Phật tánh để tạo nghiệp khổ trầm luân bao kiếp dài lâu, khác nào chạm phải vật báu trong nhà tối, chẳng những không thể thọ dụng, trái lại còn đến nỗi bị tổn thương, đáng buồn làm sao!

Một pháp niệm Phật chính là trái nghịch trần lao, hiệp với tánh giác, là diệu pháp bậc nhất để phản bổn quy nguyên; đối với thân phận người tại gia lại càng thân thiết. Do người tại gia thân vướng lưới thế gian, công việc đa đoan, nhiếp tâm tham thiền và tịnh thất tụng kinh v.v. thì hoặc là do tình thế chẳng thể làm, hoặc sức không làm xuể. Chỉ một pháp niệm Phật là thuận tiện nhất, sáng tối đối trước Phật tùy phận, tùy lực, lễ bái trì niệm, hồi hướng phát nguyện. Ngoài ra, đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, động tịnh, mặc áo, ăn cơm, hết thảy thời, hết thảy chỗ đều khéo niệm. Nhưng nếu ở nơi sạch sẽ, lúc cung kính thì hoặc niệm ra tiếng, hoặc niệm thầm đều được, nếu đến nơi không sạch sẽ (như vào nhà xí v.v.) hoặc lúc không cung kính (như ngủ nghỉ, tắm rửa v.v.) thì nên niệm thầm, đừng niệm ra tiếng. Không đúng thời, không đúng chỗ chớ nên niệm ra tiếng, lúc ngủ niệm ra tiếng thì chẳng những không cung kính mà lại còn tổn khí, lâu ngày thành bệnh, công đức niệm thầm cũng giống như lúc bình thường. Đó gọi là niệm đâu tâm đó, gấp rút cũng như thế, lúc khốn khổ cũng như thế.

Cư sĩ đã có thể phát lộ sám hối, dễ tương ứng nhất đối với pháp môn Tịnh độ, đấy chính là "tâm tịnh cõi nước tịnh". Nhưng đã biết lỗi, lại chịu phát lộ sám hối, ắt phải cải ác hướng thiện. Nếu chẳng đổi ác hướng thiện thì nói đến sám hối chỉ là bàn suông, chẳng được lợi ích thật sự. Còn như nói muốn cho tâm chẳng tham sự bên ngoài, chuyên niệm Phật, nhưng không thể chuyên, cứ muốn chuyên chuyện khác, chẳng thể niệm, cứ niệm chuyện khác, chẳng thể nhất tâm, cứ muốn nhất tâm nơi khác v.v., thì cũng không có pháp tắc áo diệu chi khác, chỉ đem một chữ "chết" dán trên trán cho rủ xuống tận mày, tâm thường niệm rằng:

- Tôi tên là… từ vô thỉ mãi cho đến đời này đã tạo ác nghiệp vô lượng vô biên, nếu như ác nghiệp có thể tướng thì mười phương hư không chẳng thể chứa đựng. Đời trước do may mắn nào nay được thân người, lại nghe Phật pháp, nếu không

nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương, một khi hơi thở ra không hít vào thì chắc chắn hướng vào trong địa ngục, vạc sôi, lò than, rừng gươm, núi đao mà thọ khổ chẳng biết bao nhiêu kiếp. Dẫu ra khỏi địa ngục, lại đọa vào ngạ quỷ, bụng to như biển, họng bé như kim, bao kiếp dài lâu đói khát, trong họng lửa cháy, chẳng nghe đến tên nước, nước trái ép, khó được tạm no. Dẫu thoát khỏi ngạ quỷ lại làm súc sanh để cho người cưỡi, hoặc gieo thân vào nhà bếp của người. Dẫu được thân người, ngu si vô tri, lấy tạo nghiệp làm đức năng, coi tu thiện như gông cùm, không biết mấy mươi năm, rồi lại đọa lạc không biết bao nhiêu trần điểm kiếp luân hồi lục đạo. Tuy muốn xuất ly chẳng có cách nào.

Niệm được như thế thì những sở cầu như trên sẽ được thành tựu ngay. Do vậy, Trương Thiện Hòa, Trương Chung Quỳ lâm chung tướng địa ngục hiện, niệm Phật mấy tiếng liền đích thân thấy Phật đến tiếp dẫn vãng sanh. Trong trăm ngàn vạn ức pháp môn khác của giáo pháp suốt một đời đức Phật không hề thấy có lợi ích như thế, tôi thường nói: "Chúng sanh trong chín pháp giới lìa pháp này thì trên chẳng thể viên thành đạo, mười phương chư Phật bỏ pháp này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần manh", là nói về điều này. Nếu tâm sanh tử quả thật khẩn thiết, tin đến nơi, tâm chẳng sanh một niệm nghi hoặc, thì tuy chưa ra khỏi Sa-bà, đã không còn là khách lâu ngày của Sa-bà nữa. Chưa sanh về Cực Lạc, nhưng đã là khách quý chốn Cực Lạc. Thấy người hiền mong được bằng, gặp việc nhân chẳng nhường ai, há chịu lần chần, biếng trễ, coi thường để đến nỗi lầm lỡ một phen trở thành lầm lỡ vĩnh viễn ư! Trượng phu có huyết tánh trọn chẳng chịu sống làm thịt đi thây chạy, chết mục nát cùng cỏ cây. Gắng lên, gắng lên!

Thêm nữa, niệm Phật cố nhiên quý ở chuyên nhất, nhưng cư sĩ trên có cha mẹ, dưới có vợ con, những chuyện lo toan ngoài bổn phận vọng động mong được giàu vui, quả thật không nên. Còn những chuyện thuộc bổn phận phải làm, càng nên gắng sức làm, đừng vứt bỏ hết thảy thì mới là tu hành. Nếu vứt bỏ hết thảy mà chẳng khuyết chuyện nuôi nấng cha mẹ, vợ con thì được; nếu không liền thành trái nghịch với hiếu đạo, tuy nói là tu hành nhưng thật sự trái nghịch lời Phật dạy, điều này lại chẳng thể không biết. Lại phải đem lợi ích của pháp môn Tịnh độ khuyên cha mẹ, khiến cho họ niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu họ tin nhận vâng làm, lúc lâm chung quyết định vãng sanh. Hễ được vãng sanh thì ngay lúc ấy siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, cao dự hải hội, thân cận Di-đà, mãi cho đến khi thành Phật mới thôi. Cái hiếu của thế gian làm sao sánh bằng được! Nếu lại có thể đem chuyện này bảo khắp đồng nhân, khiến cho cha mẹ của họ đều được vãng sanh thì công đức giáo hóa ấy quy về mình, khiến cho phẩm vị của

mình và của cha mẹ càng cao hơn. Kinh Thi có câu: *"*Hiếu tử chẳng nghèo, vĩnh viễn ban cho ngươi." Muốn hiếu với cha mẹ hãy nên suy nghĩ sâu xa, tận lực thực hành.

13. Thư trả lời cư sĩ Đặng Tân An

Mùa xuân năm nay lệnh huynh gởi thư đến, xem ý khẩn khoản thiết tha, do vậy Quang tôi chẳng nề mình bỉ lậu, trình bày đại lược. Đến khoảng tháng Tư lại gởi một lá thư nêu lỗi tự trách, xin chỉ cho những điều trọng yếu, khá phù hợp hạnh khắc kỷ, giữ lễ, thân cận thầy bạn. Quang tôi đọc xong, vui mừng khôn xiết, nhân đấy cũng phân tích trình bày cặn kẽ để trả lời. Nay nhận được thư của cư sĩ, tuy ngôn từ không nhiều nhưng ý tứ cũng chẳng kém gì thư lệnh huynh cho mấy, có thể nói là "anh lẫn em đều hiếm có". Thiên luân, Phật pháp đều là đồng khí liền cành, nếu không phải là nhiều kiếp cùng trồng thiện căn, đồng tu tịnh hạnh, há được như thế!

Nay cư sĩ có những câu hỏi về lợi ích, Quang tôi thật khó phúc đáp. Vì sao? Do cư sĩ chí lớn, cái biết của Quang tôi lại nhỏ nhoi, lớn nhỏ chẳng phù hợp nhau, căn cơ giáo pháp chẳng khế hợp. Tuy nhiên, trong nhất thừa thật tướng, tìm tướng lớn hay nhỏ trọn chẳng thể được. Trong cái bất khả đắc ấy, nếu nêu ra cái lớn thì lớn là pháp giới, hết thảy pháp hướng về cái lớn, không vượt qua được; nói đến nhỏ thì nhỏ là pháp giới, hết thảy pháp đi về cái nhỏ, không lọt ra được. Quang tôi biết pháp nhỏ, chính là pháp bao gồm pháp của hết thảy chư Phật trong mười pháp giới.

Hòa thượng Thiện Đạo nói: "Nếu muốn học giải thì từ địa vị phàm phu cho đến địa vị Phật, hết thảy các pháp không pháp nào chẳng nên học. Nếu muốn học hạnh thì nên chọn lấy một pháp khế lý, khế cơ, tinh chuyên ra sức mới mau chứng được lợi ích thật sự. Nếu không, dầu trải kiếp này sang kiếp khác vẫn khó được xuất ly." Nói đến pháp khế lý khế cơ thì không gì bằng tín nguyện trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương, pháp ấy được giảng đầy đủ trong sách Di-đà Yếu Giải và các sách Tịnh độ. Hãy tìm lấy đầu mối, pháp này không quá rườm rà. Phải biết Phật pháp chính là pháp chung của mười pháp giới, không một ai chẳng nên tu, cũng không một ai chẳng thể tu.

Ai nói Phật giáo vứt bỏ nhân luân, hại thánh đạo thì đều là kẻ chưa thấy màu sắc mà bàn luận mù quáng. Do đâu mà nói như thế? Phật đối với cha dạy từ, đối với con dạy hiếu, đối với vua dạy nhân, đối với bầy tôi dạy trung, phu xướng phụ tùy, anh nhường em kính, mọi lời lẽ tốt đẹp, mọi hạnh tốt lành trong thế đế kinh

Phật không gì không trình bày rõ ràng nhân đời trước, quả đời này, nhân đời này, quả đời sau. Những lời dạy về từ, về hiếu v.v. giống với Nho gia, nhưng giảng tường tận về nhân quả ba đời thì trong Nho giáo còn chưa nghe đến, huống chi chuyện đoạn hoặc chứng chân, viên mãn Bồ-đề, quy về pháp vô sở đắc! Tiếc cho kẻ ấy chưa thấy, nếu đọc kỹ, nghĩ sâu ắt sẽ đau buồn trào lệ, tiếng rền cả đại thiên thế giới, buồn tiếc cho tội lỗi báng Phật.

Tuy nhiên, dùng lời lẽ để báng bổ tội ấy còn nhỏ; dùng thân để báng tội ấy lớn lắm. Nay miệng bàn Đại thừa, tự cho mình ngộ đạo: "Ta chính là Phật, cần gì phải niệm Phật nữa; phiền não chính là Bồ-đề, cần gì phải đoạn phiền não! Dâm - nộ - si chính là giới - định - tuệ, cần gì phải đoạn dâm - nộ - si?" Do vậy, lời nói cao vót chín tầng mây, hạnh thấp tệ xuống tuốt chín tầng đất. Những hạng như vậy gọi là oán gia của nhà Phật, so với những kẻ không biết gì về Phật pháp mà hủy báng tội càng sâu hơn vạn phần. Kẻ ấy từng nghiên cứu Phật pháp không phải là hoàn toàn vô ích, nhưng chỉ tạo thành cái nhân đắc độ trong tương lai. Cái tội dùng thân để báng pháp không biết trải bao kiếp, trong tam đồ chịu các tội khổ.

Cư sĩ nên lấy việc nghiên cứu kinh luận Đại thừa khai viên đốn giải để dẫn đường, lấy tín nguyện trì danh cầu sanh Tây Phương làm chánh hạnh. Còn nếu chú tâm nơi hành sự, e làm quá mức không biết, phước tiêu không hay. Nên đọc kỹ bộ An Sĩ Toàn Thư và bộ Pháp Uyển Châu Lâm, sẽ tự nhiên với mỗi pháp, mỗi sự biết được pháp tắc, tâm tâm niệm niệm không đến nỗi trái vượt. Nếu như sợ mình xem xét không đến nơi hãy nên thực hành theo "Công Quá Cách" của Phù Hựu Đế Quân sẽ siêu phàm nhập thánh, đoạn hoặc chứng chân. Tại Chấn Đán Trung Quốc sẽ tôn ông là bậc nhất. Công Quá Cách là do thiền sư Vân Cốc đời Minh truyền cho ông Viên Liễu Phàm, chớ cho sách ấy vụn vặt rồi coi thường. Lệnh huynh nhiều lần viết thư cho biết sách ấy đối với thân tâm tánh mạng có lợi ích lớn lao. Không tự oán, tự đoạn như thế, trọn khó thể khắc kỷ, giảm lỗi. Nay gởi kèm sách ấy theo thư này, chỉ mong cư sĩ cũng giống như lệnh huynh tự mình oán thì tự mình đoạn, ngõ hầu sau này đoạn hoặc chứng chân, viên mãn Bồ-đề mà thôi.

14. Thư gởi cư sĩ Lưu Đình Thành ở Phước Kiến

Chư Phật vốn do một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong đời, đại sự nhân duyên vừa nói đây không có gì khác hơn là muốn cho chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, ngay đó thành Phật mà thôi. Do vì căn tánh chúng sanh bất

nhất, nên giáo pháp của Như Lai muôn vàn sai khác, do vậy giáo pháp cả một đời tùy cơ diễn sướng. Pháp môn tuy rộng nhiều như cát bụi nhưng hành nhân y giáo tu trì, rốt ráo quy nguyên, đều chứng tự tánh chính nơi tâm mình. Nhưng trong trần sa pháp môn, tìm lấy pháp chẳng lìa sự tu, phô bày trọn vẹn tâm tánh, trùm khắp ba căn, lợi độn cùng thâu, thượng thượng căn chẳng vượt được ải này, hạ hạ căn cũng đến được nơi ấy, cao trỗi hết thảy thiền, giáo, luật, thống nhiếp hết thảy thiền, giáo, luật, hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít mà được hiệu quả nhanh, thuận lợi nhất trong đời mạt pháp, vượt thẳng ngũ trược thì không gì thù thắng siêu tuyệt như pháp trì danh niệm Phật của Tịnh độ. Quả thật có thể nói là chúng sanh trong chín pháp giới lìa pháp này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo, mười phương chư Phật bỏ pháp này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần sanh. Do vậy, ngàn kinh muôn luận nơi nơi chỉ quy, vãng thánh tiền hiền ai nấy đều hướng về như các ngôi sao chầu về Bắc Đẩu, vạn dòng nước chảy về Đông. Cư sĩ đã tin sâu niệm Phật, nhưng nếu chưa tham học với tịnh nghiệp thiện tri thức, lại không đọc rộng các kinh luận Tịnh độ thì lòng tin chân thành, nguyện thiết tha do đâu mà phát sanh cho được? Dẫu có thể chấp trì danh hiệu, nhưng vì chẳng cầu xuất ly liền thành cái quả nhân thiên, thọ hưởng si phước. Do phước tạo nghiệp lại chìm trong ác đạo. Nếu đường nẻo vẫn không đúng, lạc vào tà kiến thì thiện nhân lại chiêu ác quả, phước báo nhân thiên còn chưa thể được, bao kiếp khó thoát khỏi sự khổ cùng cực trong A-tỳ. Ví như vào biển đã không có hoa tiêu, lại thiếu la bàn, trôi nổi trong sóng cuồng, sóng lớn, mịt mờ chẳng biết đi về đâu. Dẫu có thể chèo chống, lèo lái, khó khỏi bị chìm đắm. Quang thuở nhỏ ít học, lớn lên vô tri, chỉ với pháp Tịnh độ còn hơi rành rẽ, cảm lòng thành của ông, nay đem những điều thiết yếu nhất của kinh luận Tịnh độ giới thiệu sơ lược một hai điều, mỗi điều chỉ nêu đại ý. Nếu có thể quay về mà cầu, tâm lãnh hội, tinh thần thể hội ắt sẽ múa tay giậm chân mà không biết, vượt xa kẻ ngu cứ nói lem lém.

15. Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân (thư thứ nhất)

Ông Tạ Ân Quang lên núi cầm theo thư của các hạ. Mở ra xem thấy tâm mộ đạo khẩn thiết, nguyện lực rộng lớn, thề mong thâm nhập, nhưng chẳng cho chút ít là đủ, tôi mừng vui vô lượng. Còn như quá khen ngợi Bất Huệ khiến người hổ thẹn khôn cùng. Các hạ muốn liễu sanh tử đại sự, nhưng tuổi tác đã gần tri mạng[56], tháng ngày còn lại không nhiều, lại không có tri thức, bạn bè hữu ích để thân cận. Nhưng không chuyên tu tịnh nghiệp, nhất tâm niệm Phật, lại muốn nghiên cứu

[56] Tuổi tri mạng: 50 tuổi, do câu nói "ngũ thập tri thiên mạng" nên thường gọi tuổi 50 là tuổi tri mạng.

rộng rãi nghĩa lý áo diệu và điển cú của các kinh, dường như là vì chưa biết sâu xa duyên do của Tịnh độ vậy. Hãy nên đến chùa Hoa Nghiêm mượn đọc bộ Tịnh Độ Thập Yếu và Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, lắng lòng đọc kỹ, ắt tự biết chỗ hướng về.

Hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ quá khứ, là vị lai chư Phật. Giết để ăn sao nuốt cho trôi? Nếu biết nghĩa này, dẫu táng thân mất mạng cũng chẳng thể ăn hết thảy loại thịt. Nhưng Phật dạy người khéo dẫn dụ dần dần, với bậc thượng căn liền dạy đoạn hoàn toàn, với trung hạ căn bèn dạy giảm dần cho đến khi hoàn toàn đoạn được.

Bài văn Phát Nguyện tuy văn từ rộng sâu nhưng phải chân thật từ tâm mà phát, vậy mới gọi là nguyện. Nếu không, tâm và miệng trái nghịch nhau thì sao gọi là nguyện cho được? Với cái nguyện trong đời này tuy cũng không trở ngại, nhưng muốn sanh con cháu phước tuệ, phải cầu nơi tích tụ âm đức lớn lao, rộng hành phương tiện. Huống chi các hạ năm nay tuổi đã 48, đã cưới ba vợ nhưng chỉ sanh con gái, cho thấy đời trước đời này đều kém tài bồi. Nay muốn chuyển hồi lòng trời ắt phải chân thật sửa lỗi làm lành như tiên sinh Viên Liễu Phàm cuối đời Minh đã dốc sức thực hiện vậy, trọn chưa có ai không được cảm ứng, thỏa mãn điều nguyện. Lại đừng nói nhà mình bần hàn, chẳng thể rộng tích âm đức, rộng hành phương tiện. Phải biết, ba nghiệp thân miệng ý đều ác thì không ác gì lớn hơn, nếu như ba nghiệp đều thiện thì không tốt lành gì lớn lao hơn!

Đối với kẻ ngu không tin nhân quả, chẳng tin tội phước báo ứng, ương bướng cứng đầu, hãy theo những gì An Sĩ Toàn Thư đã giảng mà diễn nói khiến cho họ bắt đầu tin nhân quả dần dần, lần hồi sẽ tin sâu Phật pháp, cuối cùng được vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Một người như thế công đức còn vô lượng vô biên, huống chi nhiều người. Nhưng chính mình tận lực thực hành không sai sót mới hòng cảm hóa người chung quanh. Vợ con mình nếu tin nhận, phụng hành, người khác nhìn vào thấy là thiện, há có phải vì nhiều của cải ư? Chỉ cầu không đói, không rét, mong chi phát tài cự vạn? Để cho con một rương vàng đầy không bằng dạy cho con một quyển kinh. Tổ đức bị khuyết, bèn thẹn đến chết; tổ nghiệp dù bị khuyết, nào thương tổn gì?

Nhưng đến giờ đây, thân không còn nhiều ngày tháng nữa, nghĩ muốn nhanh chóng khôi phục tổ nghiệp, uổng sanh vọng tưởng, trọn không có lợi ích thật sự gì. Hãy nên tùy duyên qua ngày chính là tri mạng, vui theo lẽ trời. Sống vừa thọ vừa khỏe trong đời, chỉ thuận không nghịch, người đời ai không mong được vậy, nhưng người được như thế rất ít, người không được thật nhiều. Do đời trước, đời

này không vun bồi lớn lao, không nhân chẳng thể có được quả vậy. Nay các hạ muốn sanh Tây Phương liễu sanh tử hãy nên nguyện thần thức của *cao, tằng, tổ phụ mẫu*[57] v.v. nương vào sức tu trì tịnh nghiệp tự hành, dạy người của chính mình liền được Phật từ tiếp dẫn vãng sanh, như vậy mới đáng gọi là "đại hiếu tôn thân" vậy. Còn như cúng tế tổ tiên chẳng dứt và khôi phục tổ nghiệp v.v. đều là cảnh giới thấy biết thiển cận của khắp phàm tình thế gian.

Hơn nữa, cầu sanh Tây Phương không được sợ chết, nếu chết ngay ngày hôm nay thì hôm nay bèn sanh về Tây Phương, như câu nói*: "Triêu văn đạo, tịch tử khả hỹ"* (buổi sáng nghe đạo, tối chết cũng được), há đâu hôm nay phải chết lại chẳng muốn chết. Đã tham luyến trần cảnh, chẳng thể buông xuống, bèn do tham thành chướng, cảnh Tịnh độ không hiện, cảnh giới theo nghiệp thọ sanh trong đường thiện, nẻo ác bèn hiện, cảnh hiện sẽ theo nghiệp thọ sanh trong đường thiện, nẻo ác vậy. Chuyện vãng sanh Tây Phương bèn thành bánh vẽ! Vì thế, người tu Tây Phương hôm nay chết cũng được, dẫu phải sống tới 120 tuổi mới chết cũng xong, hết thảy phó mặc nghiệp trước, chẳng vọng sanh so đo. Nếu tín nguyện chân thành, thiết tha, khi báo hết mạng tận, thần thức bèn siêu nơi tịnh vực, nghiệp trả lại trần lao, sen nở hoa chín phẩm, trong một đời được Phật thọ ký.

Lại nữa, người đời không con thường lấy thêm nhiều vợ lẽ, chẳng biết vun quén đức, tiết dục. Làm như vậy chính là cách để chết cho mau, chẳng phải là phương cách cầu con. Chuyện này liên quan đến phong hóa và thờ cúng tổ tiên, ai nấy đều mạo muội mà làm, chuyện liên quan mối luân thường lớn lao của con người nên tôi cũng chẳng thẹn mà bàn bạc. Bất Huệ tôi người kém đức mỏng, trăm điều chẳng làm được một, ăn bám Phổ Đà, tạm kéo dài hơi tàn, không dám làm thầy cho người. Vì thế, trước kia ông Tạ Ân Quang cũng nói lời ấy, nhưng đều từ tạ chẳng nhận.

Các hạ quy y tam bảo thì hãy chọn lấy người phẩm hạnh đoan chánh, đàng hoàng ở chỗ mình, bái người ấy làm thầy, bèn trở thành đệ tử của Như Lai. Từ đây về sau, trong thư từ chớ nhắc đến chữ "quy y" nữa. Quê ngài đã không có người thông minh, Quang tôi tự thẹn đạo nghiệp chưa thành, chẳng dám làm thầy, nhưng vẫn tùy duyên khai thị. Ví như người không chân, một bước khó dời, ngồi yên giữa ngã ba, có người muốn về thẳng quê nhà nhưng không biết đường lối, bèn chỉ cho người ấy đường đúng, mau về quê nhà. Người muốn về nhà ấy trọn chẳng vì người chỉ đường kia không đi được mà vứt bỏ lời ấy vậy.

[57] Cao, tằng, tổ phụ mẫu: Tổ là đời ông bà, tằng là đời bố mẹ của ông bà, tức cố; cao là bố mẹ của cố, ta thường gọi là ông sơ.

16. Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân (thư thứ hai)

Ông gởi thư cho biết đang lễ kinh Pháp Hoa, nhiếp tâm niệm Phật, và muốn bớt lỗi nhưng chưa thể, toan dựa theo *Công Quá Cách* để thường ngày kiểm điểm. Đủ thấy gần đây ông siêng năng tu, đáng cho tôi học theo, chẳng như người đời nay chỉ muốn mua danh chuốc dự, dối mình lừa người mới cam. May mắn thay, may mắn thay!

Lễ tụng trì niệm, các thứ tu trì đều phải lấy thành kính làm chủ, nếu thành kính đến cực điểm thì công đức sẽ như trong kinh nói: "Dẫu thuộc địa vị phàm phu, tuy chưa thể viên đắc nhưng sở đắc của người ấy đã khó thể nghĩ bàn." Nếu không thành kính sẽ giống như diễn tuồng, khổ sướng, buồn vui đều là giả vờ, chẳng do nội tâm phát ra. Dẫu có công đức cũng chẳng thể vượt khỏi si phước trong nhân thiên mà thôi, nhưng ắt sẽ lại ỷ vào si phước ấy tạo ác nghiệp, cái khổ tương lai khi nào hết được? Hãy đem ý này bảo khắp bè bạn, ngõ hầu tu thì phải chân tu, hành thì phải thật hành, lợi ấy rộng khắp. Quy củ bái kinh như ông đã lập về lý cố nhiên vô ngại, nhưng nếu luận về sự tướng, nếu lễ bái chung chung thì nên niệm Nam-mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ-tát, lễ xuống, tưởng bài kệ lễ kinh như sau:

Chân không pháp tánh như hư không,
Thường trụ pháp bảo nan tư nghị,
Ngã thân ảnh hiện pháp bảo tiền,
Nhất tâm như pháp quy mạng lễ.

Tạm dịch:
Chân không pháp tánh như hư không,
Pháp bảo thường trụ khó nghĩ bàn,
Thân con hiện bóng trước pháp bảo,
Nhất tâm như pháp quy mạng lễ.

Tưởng toàn bộ kinh văn phóng quang, và những vị Phật, Bồ-tát đã nói trong kinh đều phóng quang chiếu đến thân mình và pháp giới hữu tình. Nếu lễ từng chữ hãy niệm: *"Nhất tâm đảnh lễ Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh chữ... pháp bảo"*, lễ chữ nào niệm chữ đó, từ "như thị ngã văn" cho đến hết kinh đều niệm như vậy. Nhưng pháp quán tưởng thật chẳng phải là chuyện dễ. Nếu chẳng rõ thấu lý và tâm thức rối loạn, rất có thể khởi lên các ma sự. Chỉ lấy chí thành cung kính làm chủ, quán được thì quán, nếu không thì cứ dốc cạn lòng thành đến cực điểm, cứ lễ thẳng ngay vào kinh thì cũng được công đức vô lượng.

Như ông lập chương trình lễ kinh là đối trước kinh mà lạy, lạy xuống tưởng bài kệ, ngẩng lên lại niệm Phật, quán Phật thì chẳng bằng thờ kinh trước tượng Phật, chuyên lễ một đức A-di-đà Phật cho chuyên tinh nhất trí. Chớ bảo duyên tưởng một vị Phật công đức chẳng lớn bằng duyên tưởng nhiều vị Phật. Phải biết A-di-đà Phật là pháp giới tạng thân, một mình Phật A-di-đà có đủ toàn thể công đức của tất cả mười phương pháp giới chư Phật, như những hạt châu nơi cái lưới của Thiên đế, ngàn hạt châu in bóng trong một hạt châu, một hạt châu trọn khắp ngàn hạt châu, nêu lên một mà thâu trọn tất cả, chẳng thiếu, chẳng thừa. Nếu là bậc Đại sĩ tu hành đã lâu thì cảnh duyên rộng lớn chẳng ngại, cảnh càng rộng tâm càng chuyên nhất. Nếu là kẻ sơ tâm mạt học mà duyên cảnh rộng thì tâm thức phân tán, nhưng chướng sâu tuệ cạn rất có thể khiến cho các ma sự khởi lên. Vì thế, đức Phật Thế Tôn ta và chư tổ các đời đều dạy nhất tâm chuyên niệm A-di-đà Phật là vì lý do này. Đợi đến khi nào niệm Phật chứng được tam-muội thì trăm ngàn pháp môn, vô lượng diệu nghĩa thảy đều đầy đủ, cổ nhân nói: "Đã tắm trong biển cả ắt dùng nước trăm sông, thân đã đến điện Hàm Nguyên cần gì hỏi Trường An chi nữa!" Có thể nói là hình dung ý này khéo nhất.

Còn như việc dứt ác tu thiện, cật lực kiểm điểm, xét mình thì tuy không gì hay hơn Công Quá Cách, nhưng nếu tâm chẳng lấy thành kính làm chủ, dẫu hằng ngày ghi công, chép tội cũng chỉ là viết suông. Ở nơi đây, chưa có sách Công Quá Cách. Theo như tôi thấy, chỉ nên trọng lòng kính, giữ lòng thành, trong mười hai thời chẳng có một niệm hư phù lười nhác, coi thường, ứng xử với người đời chỉ giữ lòng trung hậu, khoan thứ thì trong hết thảy thời, hết thảy chỗ ác niệm chẳng thể khởi từ đâu được. Ví như túc nghiệp xui khiến, ngẫu nhiên phát sanh, nhưng luôn giữ lòng thành kính, trung hậu, khoan thứ sẽ tự có thể vừa khởi niệm liền nhận biết, biết rồi liền mất, quyết chẳng đến nỗi phát sanh, nảy nở, khiến cả ba nghiệp phải xuôi theo nó.

Sở dĩ tiểu nhân giả vờ làm thiện mà thật ra làm ác là vì nghĩ rằng người khác không biết mà mình biết, chẳng biết rằng những kẻ không biết chỉ là phàm phu thế gian đó thôi, nếu là thánh nhân đắc đạo cố nhiên biết rành rẽ, chư thiên quỷ thần tuy chưa đắc đạo nhưng do quả báo đắc tha tâm thông cũng đều biết rõ ràng. Huống hồ Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, chư Phật, tha tâm đạo nhãn thấy trọn ba đời như nhìn lòng bàn tay ư? Muốn người khác không biết, chỉ có chính mình không làm mà thôi! Nếu tự mình biết thì thiên địa quỷ thần, Phật, Bồ-tát v.v. không vị nào không biết, không thấy tất cả. Nếu biết nghĩa này thì dẫu ở trong nhà tối phòng kín cũng chẳng dám coi thường, biếng nhác, dẫu nơi người ta không

biết cũng chẳng dám manh nha ác niệm, bởi thiên địa quỷ thần, chư Phật, Bồ-tát v.v. đều cùng biết. Dẫu là kẻ không biết hổ thẹn, biết được nghĩa này, cũng sẽ hổ thẹn vô ngần, huống gì bậc chân tu thực tiễn.

Vì thế, muốn giảm bớt lỗi, trước hết phải khởi đầu từ chỗ sợ các thánh phàm đều biết đều thấy. "Thấy tiên triết nơi canh, nơi tường, cẩn thận, dè dặt ngay cả với bóng áo"[58], vẫn chỉ là lời nói thiển cận ước theo tình kiến thế gian. Thật ra, tâm ta cùng mười phương pháp giới bản thể hợp nhau khít khao, do ta mê nên cái biết bị hạn cuộc nơi một thân; mười phương pháp giới thánh nhân triệt chứng pháp giới tạng tâm sẵn có nơi tự tâm, phàm hết thảy hữu tình trong pháp giới khởi tâm động niệm thì các ngài không gì chẳng tự biết, tự thấy. Vì cớ sao? Vì cùng bẩm thọ chân như, ta người không hai. Nếu biết nghĩa này ắt sẽ run sợ, kiêng dè, chú trọng lòng kính, gìn giữ lòng thành, thoạt đầu phải ra sức dứt vọng, lâu ngày không vọng nào có thể khởi được. (Ác niệm vốn thuộc vọng tưởng, nếu không giác chiếu sẽ thành ác thật sự; nếu có thể giác chiếu thì vọng tưởng giảm, chân tâm hiện).

17. Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân (thư thứ ba)

Mỗi lời trong thư đều chân thật, muốn được lợi ích nơi Phật pháp, chỉ vì chưa biết duyên do Tịnh độ, tâm nguyện bèn thành trái nghịch Phật nguyện. Trong thế gian, người tu trì cầu liễu sanh tử thì nhiều, nhưng thường là dùng ngu kiến của chính mình để suy lường đại pháp chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai, đến nỗi xoay xe sai hướng[59], không thể liễu thoát. Đời này còn chưa chánh kiến, huống chi đời mai sau! Vạn nhất lại được thân người, lại bị si phước đã tu trong đời này làm mê, mong chi lại càng tinh tấn cầu xuất ly nữa ư?

Phật nói hết thảy pháp môn đại, tiểu, quyền, thật đều phải cậy vào công lực của chính mình để đoạn hoặc chứng chân mới thoát được sanh tử. Nếu còn sót

---

[58] Nguyên văn: *"Kiến tiên triết ư canh tường, thận độc tri khâm ảnh."* Canh tường là điển tích nói về vua Ngu Thuấn do hâm mộ đức hạnh của vua Đường Nghiêu nên trong suốt ba năm ăn canh thấy bóng vua Nghiêu hiện trong bát canh, ngồi thấy bóng vua Nghiêu hiện trên tường. Đời sau thường dùng chữ "canh tường" để chỉ lòng cung kính, chí thành đến cực điểm. "Thận độc" là ở một mình, hành vi luôn dè dặt, chẳng cẩu thả. "Khâm ảnh" là bóng chiếc áo, lấy từ thành ngữ "khâm ảnh vô quý" (chẳng thẹn với bóng áo). Như vậy "thận độc khâm ảnh" ngụ ý hành vi luôn cẩn thận, nghiêm cung, không hề phải hổ thẹn với ai, dù ngay cả với bóng của chính mình.

[59] Nguyên văn *"Bắc viên thích việt"* (càng xe vừa xoay về phương Bắc), theo ý thành ngữ: *"Bắc viên thích Sở."* Ý nói: muốn đi về nước Sở ở phương Nam mà quay đầu xe về phương Bắc, ý nói chí nguyện và hành động tương phản.

mảy may hoặc nghiệp, sanh tử quyết định khó ra. Do vậy, từ đời này sang đời khác, từ kiếp này qua kiếp khác, xoay vần tu trì, nếu có sức lực đầy đủ, tiến thẳng chẳng lùi ắt được liễu thoát. Đa phần là đang giác chợt mê, tiến ít lùi nhiều trải kiếp số như bụi trần, chẳng thể xuất ly. Do vậy, ông lẫn tôi đến nay vẫn là phàm phu, đều là vì không biết đến pháp môn Tịnh độ độ khắp ba căn, chí cực viên đốn của Như Lai vậy. Dẫu ông chưa thân cận tri thức nhưng đã từng tụng kinh Di-đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Thập Lục Quán, và các bài Tịnh Độ Phát Nguyện Văn, Long Thư Tịnh Độ Văn, Quy Nguyên Trực Chỉ, những sách ấy thảy đều dạy vãng sanh ngay trong đời này, riêng ông lại muốn chuyển sang đời sau.

Phật thương chúng sanh không sức đoạn hoặc, khó liễu sanh tử, vì thế riêng mở pháp môn hoành siêu[60] cậy vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Bất luận đoạn hoặc hay không, nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha trì danh hiệu Phật (đây là chánh hạnh) và tu trì các điều thiện, hồi hướng vãng sanh (đây là trợ hạnh) thì không một ai chẳng được vãng sanh. Dẫu kẻ ngũ nghịch thập ác, lâm chung tướng địa ngục hiện, nếu tâm thức không mê, nghe thiện tri thức dạy niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu niệm được mười tiếng, hoặc chỉ một tiếng, ngay khi đó mạng chung cũng được vãng sanh (điều này chép trong kinh Thập Lục Quán, chương Hạ Phẩm Hạ Sanh là lời chân thành từ kim khẩu). Đã vãng sanh liền được cao dự hải hội, vĩnh viễn thoát luân hồi, dần dần tấn tu viên thành Phật quả. Tội nhân nghịch ác như thế nếu chẳng được nghe pháp không thể nghĩ bàn này, trải kiếp số nhiều như vi trần khó thoát khỏi địa ngục. Ngạ quỷ, súc sanh còn khó được sanh vào, huống gì lại được làm thân người để tu hành liễu sanh tử?

Hãy nên phát tâm quyết định, lâm chung nhất định muốn sanh về Tây Phương. Đừng nói chi thân người tầm thường kém cỏi chẳng muốn thọ nữa, ngay cả làm vua trời, người, hay xuất gia làm tăng nghe một hiểu ngàn, đắc đại tổng trì, làm thân cao tăng đại hoằng pháp hóa, lợi khắp chúng sanh cũng xem như cỏ độc, rừng tội, quyết định chẳng sanh một niệm tâm muốn hưởng. Quyết định như thế thì tín nguyện hạnh của chính mình mới có thể cảm được Phật, thệ nguyện của Phật mới nhiếp thọ được mình, cảm ứng đạo giao được Phật tiếp dẫn, lên thẳng chín phẩm, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi. Tam quy ngũ giới là cửa ban đầu để vào Phật pháp, tu các pháp môn khác đều nương vào đây để nhập, huống chi pháp môn Tịnh độ giản dị, dễ dàng nhất, chí viên, chí đốn chẳng thể nghĩ bàn? Chẳng

[60] Hoành siêu: Siêu việt tam giới theo chiều ngang. Sở dĩ gọi là hoành siêu vì những pháp môn kia phải theo thứ tự vượt từ Dục giới lên Sắc giới rồi mới thoát khỏi tam giới, còn pháp môn Tịnh độ từ nhân gian vượt thẳng sang Tịnh độ.

soi xét tam nghiệp, chẳng trì ngũ giới sẽ không có phần được thân người lần nữa, huống gì muốn được thân liên hoa hóa sanh, đầy đủ quang minh tướng hảo!

Ông nói chiều tà đường xa, nên theo đường thẳng tắt thì hãy chuyên đọc tụng ba kinh Tịnh độ và phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, nghiên cứu chú sớ của các kinh Tịnh độ, còn các Ngữ Lục, Kim Cang, Pháp Hoa hãy nên để ra ngoài, vì việc nào cần gấp thì phải làm trước, không chia tâm làm hai vậy.

Còn như chuyện giảm bớt lỗi, quả thật là công phu thiết yếu của cả Nho lẫn Phật, Cừ Bá Ngọc lúc 50 tuổi biết 49 năm trước sai trái, bảo với người khác: "Muốn giảm bớt lỗi nhưng chưa thể." Chuyện này quả thật là dụng công nơi ý, chứ không phải là thân miệng có lỗi. Cư sĩ tại gia hằng ngày cùng người đời thù tạc, phải nên khăng khắng đề phòng. Nếu không, chẳng những ý nghiệp không tịnh, mà thân miệng cũng có thể ô uế không tịnh. Muốn cho cả mình lẫn người cùng được lợi, không gì bằng biết nhiều về những lời lẽ hành vi của cổ nhân để làm khuôn phép. An Sĩ Toàn Thư quả là kỳ thư bậc nhất xưa nay, dung thông tâm pháp cả Phật lẫn Nho, trình bày rõ nhân quả báo ứng và phương pháp tu trì cho cả đạo lẫn tục, nên thường mở ra xem, ngõ hầu không mối nghi nào chẳng được gỡ, không hạnh nào chẳng cẩn thận. Pháp Uyển Châu Lâm lại càng rộng lớn, tuy không phải là kinh điển thậm thâm, nhưng sách ấy giúp kẻ sơ tâm từ cạn vào sâu, không bị phạm lỗi hiểu lầm. Nếu trước hết chẳng hiểu tội phước nhân quả, lại toan dò ngay vào diệu lý đệ nhất nghĩa đế thật tướng, chỉ e kiến giải không rõ ràng, hiểu nhầm ý nghĩa, coi mê là ngộ, cầu thăng lên trái lại bị đọa.

Ông đã chuyên tu tịnh nghiệp, nên lấy bài Tân Định Tịnh Độ Phát Nguyện Văn của đại sư Liên Trì làm chánh (Tỉnh Am Ngữ Lục quyển hạ có chú giải bài phát nguyện này, tự đọc sẽ biết được chỗ hay khéo của nó). Ông tự lập bốn nguyện, hoặc dùng kèm, hoặc không dùng đều được. Bài nguyện văn ấy sự lẫn lý chu đáo, trọn không sót một pháp, một nghĩa nào. Ngài nói bao quát pháp giới không sót; ông lại nói là đại thiên, đem so với lượng của pháp giới khác gì đem một hạt bụi sánh với đại địa, đem một giọt nước sánh với biển cả.

Xem khắp thư ông, tợ hồ chân thật dụng công nơi tâm địa, nhưng kẻ học ngày nay thường hay chuyên nói lời giả, chẳng tu thật hạnh. Ý muốn mua danh chuốc dự để cầu thể diện, trọn chẳng phải là chân thật tự xét, giảm lỗi mà nói lời ấy. Đấy gọi là tự hại, là tự vứt bỏ, là đại vọng ngữ, là không biết hổ thẹn. Nếu không phải vậy thì là bậc thánh hiền; nếu mang cái thói ấy thì là phường hạ lưu, là tội nhân nơi pháp, là nghịch tử của Phật. Có thì hãy sửa, không thì càng cố gắng, trực tâm trực hạnh mới hợp với Phật. Lại tự mình đã tu trì tịnh nghiệp (tức là sửa lỗi

hướng thiện và niệm Phật, ngay trong đời này liền nguyện vãng sanh Tây Phương) thì cũng nên dạy hết thảy những người quen biết cũng tu tịnh nghiệp. Hãy nên dựa theo phần Phổ Khuyến trong Long Thư Tịnh Độ Văn, khiến họ tùy phận tùy lực gieo thiện căn chẳng thể nghĩ bàn này.

Nay đã muốn dạy người thì phải từ thân đến sơ, nỡ để thê thiếp con cái chẳng được lợi ích này sao? Văn Vương nêu gương cho vợ mình, gương ấy lan đến anh em, rồi lan ra khắp đất nước, khiến nước nhà yên ổn[61]. Tự hành, hóa tha trong thế gian hay xuất thế gian không ai chẳng vậy. Ông chuyên cầu vãng sanh, sáng sớm ngoài mười niệm ra, phàm đi đứng, nằm ngồi, nói năng, im lặng, động tịnh, mặc áo, ăn cơm, đại tiện, tiểu tiện, trong hết thảy lúc, hết thảy chỗ đều nên lấy sáu chữ hồng danh đặt nơi tâm miệng. Nhưng ở chỗ đúng pháp, đúng thời thì niệm ra tiếng hay niệm thầm đều tùy nghi, nếu nhằm lúc đại tiểu tiện, ngủ nghỉ chỉ nên niệm thầm, chớ niệm ra tiếng. Niệm thầm công đức vẫn bằng như niệm ra tiếng. Niệm ra tiếng thì không cung kính, nếu nằm niệm lại còn bị tổn khí, không thể không biết!

Phải biết thế giới Tây Phương Cực Lạc đừng nói là phàm phu không hiểu, ngay cả thánh nhân Tiểu thừa cũng không thể hiểu nổi, bởi pháp này thuộc về cảnh giới Đại thừa chẳng thể nghĩ bàn vậy. Tiểu thánh hồi tâm hướng đại mới hòng đạt tới. Phàm phu nếu không dùng tín nguyện để cảm Phật, dẫu có tu hết thảy các hạnh thù thắng khác cùng với hạnh trì danh thù thắng vẫn chẳng thể vãng sanh. Do vậy, tín nguyện là khẩn yếu nhất. Ngài Ngẫu Ích nói: "Được vãng sanh hay không toàn là do có tín nguyện hay không, phẩm vị cao hay thấp toàn là do trì danh sâu hay cạn", đấy chính là lời phán định đanh thép dẫu ngàn đức Phật xuất thế cũng không thay đổi được. Tin cho tới nơi, đảm bảo ông sẽ có phần nơi Tây Phương (kinh A-di-đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ – còn gọi là kinh Thập Lục Quán, ba kinh này gọi là Tịnh độ tam kinh. Thêm vào phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện gọi là Tịnh độ tứ kinh, hình như chỉ có một bản Tịnh độ tứ kinh. Còn như bản kinh Vô Lượng Thọ do ông Ngụy Thừa Quán khắc in thì lại y theo những kinh khác để tăng bổ thêm. Về lý tuy là hữu ích, nhưng sự thật lại sai lầm nhiều, không thể noi theo đó được).

[61] Đây là một câu lấy từ kinh Thi, bài Tư Tề: *"Văn Vương hình ư quả thê, chí ư huynh đệ, dĩ ngự ư gia bang."* Sách Mạnh Tử Tập Chú giảng "hình" là nêu gương, làm gương, lấy thân mình làm mẫu mực. "Quả thê" là tiếng Văn Vương gọi vợ (vua xưng là quả nhân), rồi chú thích câu này như sau: Văn Vương lấy thân mình làm gương cho vợ, gương ấy thấu đạt đến anh em ngài, rồi lan ra khắp đất nước, khiến cho nước nhà yên ổn.

18. Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân (thư thứ tư)

Nhận được thư, biết gần đây cư sĩ tu trì thân thiết, tự trách, bớt lỗi, mong thành thánh thành hiền, chẳng phải là uổng mang hư danh tu hành mà thôi, mừng vui vô lượng. Phàm muốn học Phật, tổ liễu sanh tử, phải bắt đầu từ hổ thẹn, sám hối, dứt ác tu thiện (hổ thẹn, sám hối, dứt ác tu thiện chính là tự trách, giảm lỗi, khắc kỷ, giữ lễ. Nếu có thể tự trách sẽ tự nhiên ít lỗi, ít lỗi chính là thực hành chuyện khắc kỷ. Đã khắc kỷ sẽ tự nhiên giữ được lễ). Ăn chay, răn nhắc, ý thật chân thành, thiết tha. Nhưng phải thật sự thực hiện, tận lực mà làm. Nếu không sẽ trở thành vọng ngữ bậc nhất trong các vọng ngữ. Biết không khó, làm được mới khó. Thế gian bao kẻ thông minh đều chỉ nói chứ không làm, hết cả đời này uổng công đến núi báu trở về tay không. Đáng đau tiếc thay, đáng đau tiếc lắm!

Còn như vọng niệm đầy dạ, thấp thoáng qua lại quấn quýt nơi ý tưởng là vì chưa thật sự đề khởi chánh niệm vậy. Nếu như chánh niệm chân thành, khẩn thiết ắt ý tưởng sẽ xuôi theo chuyên chú chánh niệm một cảnh vậy. Đấy gọi là kiềm chế đúng pháp khiến cho giặc cướp đều thành con đỏ; kiềm chế sai đường, dẫu chân tay cũng trở thành oán gia. Còn là phàm phu ai không phiền não? Phải đề phòng trước trong lúc bình thời, tự nhiên gặp cảnh chạm duyên, phiền não chẳng đến nỗi bộc phát. Dẫu có phát cũng sẽ nhanh chóng giác chiếu khiến phiền não bị tiêu diệt.

Cảnh khởi phiền não, nào phải chỉ một, nhưng gây nên phiền não nhiều nhất chỉ có mấy cảnh như tài sắc và thuận nghịch mà thôi. Nếu biết của cải vô nghĩa, hại quá rắn độc, sẽ chẳng lâm vào cảnh phiền não vì lấy của cẩu thả. Biết tạo phương tiện cho người, rốt cuộc vẫn là tạo tiền trình cho chính mình, sẽ không bị phiền não khi gặp kẻ cùng quẫn, cấp bách, hoạn nạn cầu cứu mà do tiếc của chẳng chịu giúp cho. Về sắc thì dẫu đối trước dung mạo như hoa, như ngọc, thường giữ ý tưởng coi như chị, như em. Dẫu nhìn thấy kỹ nữ vẫn nghĩ như thế, sanh lòng thương xót, sanh tâm độ thoát sẽ không bị phiền não thấy sắc đẹp động lòng ham muốn. Vợ chồng kính trọng nhau như khách, coi thê thiếp như ân nhân giúp mình có con nối dõi, chẳng dám coi họ như món đồ thỏa dục hành lạc thì không bị phiền não do ham sắc dục đến nỗi diệt thân, vợ không thể sanh, con không thể thành lập. Dạy dỗ, uốn nắn con cái từ nhỏ sẽ không có phiền não con cái ngỗ nghịch cha mẹ, bại hoại môn phong. Còn như gặp cảnh ngang trái phải sanh lòng thương xót, thương nó vô tri, không biết suy xét. Lại nên nghĩ do mình đời trước từng não hại nó nên nay mới gặp cảnh này hòng trả nợ xưa, tâm sanh hoan hỷ sẽ

không có phiền não ngang trái báo thù. Nhưng những điều vừa nói trên đây là dành dạy cho kẻ sơ cơ.

Nếu là bậc Đại sĩ tu lâu đã rõ ngã không thì vô tận phiền não đều hóa thành đại quang minh tạng. Ví như dao do mài mà bén, vàng do luyện được thuần, sen do bùn lầy bón tưới mới được thanh tịnh sáng sạch. Cảnh không tự tánh, tổn hại hay ích lợi là do người. Tam nghiệp, tứ nghi (tứ nghi là đi, đứng, nằm, ngồi) thường giữ như "bốn điều không" của Nhan Uyên, ngũ giới thập thiện phải học theo "ba lần phản tỉnh" của Tăng Tử. Dẫu nhà tối không ai thấy nhưng thiên địa quỷ thần đều biết, niệm vừa mới manh nha ẩn kín, vi tế mà tội phước đã phân định rạch ròi một trời một vực. Nếu có thể tu tỉnh như vậy sẽ thấy mọi cử động đều lành, ác chẳng thể sanh từ đâu cho được. Đây chính là quy củ rộng lớn của việc chánh tâm thành ý, chớ cho là đạo Thích vụn vặt, chẳng giản dị, nhanh chóng như đạo Nho. Nếu luận về pháp môn niệm Phật thì chỉ lấy ba pháp tín nguyện hạnh làm tông yếu, đầy đủ ba pháp quyết định vãng sanh. Nếu không tin thật, nguyện thiết thì dẫu có chân hạnh cũng chẳng thể vãng sanh, huống gì tu hành hời hợt, hờ hững ư? Ngài Ngẫu Ích đã nói: "Được sanh hay không toàn là do có tín nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp là do trì danh sâu hay cạn." Đấy chính là lời bàn luận thường hằng ba đời chẳng đổi được, là đạo mầu độ khắp ba căn vậy, phải dốc toàn thân dựa theo đó mới hòng chứng được ích lợi thật sự. Ba điều tín nguyện hạnh đều được giải thích tường tận trong sách Thập Yếu, nhưng trọng yếu nhất là phần thứ ba là phần Minh Tông (minh định tông chỉ của một bản kinh) thuộc đoạn *ngũ trùng huyền nghĩa* của sách Yếu Giải đã phát huy ba pháp này đến mức tinh xác, tường tận nhất. Trong những phần sau, đoạn nào, tiết nào cũng đều chỉ bày, hãy nên đọc kỹ, không thể viết đầy đủ hết.

Còn như niệm Phật, tâm khó quy nhất, hãy nên nhiếp tâm khẩn thiết niệm sẽ tự có thể quy nhất. Pháp nhiếp tâm không pháp nào chẳng trước hết phải chí thành khẩn thiết, tâm không chí thành mà muốn nhiếp tâm thì không có cách nào cả. Nếu đã chí thành mà vẫn chưa thuần nhất, hãy nên lắng tai nghe kỹ, bất luận niệm ra tiếng hay niệm thầm đều phải niệm từ tâm khởi, tiếng từ miệng lọt ra, âm thanh lọt vào tai (niệm thầm dẫu miệng không động, nhưng trong ý vẫn có tướng miệng niệm), tâm miệng niệm cho rõ ràng rành mạch, tai nghe cho rõ ràng rành mạch. Nhiếp tâm như thế, vọng niệm tự dứt.

Nếu vọng niệm vẫn còn nổi sóng, thì dùng pháp "thập niệm ký số", tức là đem sức lực toàn tâm đặt nơi một tiếng Phật hiệu, dẫu muốn khởi vọng cũng không có sức. Diệu pháp nhiếp tâm niệm Phật rốt ráo này xưa kia các vị hoằng truyền Tịnh

độ chưa đề cập đến là vì căn tánh con người khi ấy còn thông lợi, chẳng cần phải làm như thế mới có thể quy nhất được. Ấn Quang do tâm khó chế phục, mới biết cái hay của pháp này, càng thử càng thấy hay, chẳng phải là nói mò đâu. Nguyện khắp thiên hạ những kẻ độn căn đời sau đều cùng sử dụng, khiến cho vạn người tu vạn người về.

Pháp thập niệm ký số vừa nói đó chính là trong lúc niệm Phật, từ một câu đến mười câu phải niệm cho phân minh, lại phải nhớ phân minh, đến mười câu là thôi. Lại phải niệm từ một câu đến mười câu, chẳng được niệm hai mươi, ba mươi. Niệm đâu nhớ đấy, không được lần chuỗi, chỉ dựa vào tâm để nhớ. Nếu nhớ thẳng vào mười câu thấy khó thì chia thành hai hơi, tức là từ câu thứ nhất đến câu thứ năm và từ câu thứ sáu đến câu thứ mười. Nếu vẫn thấy mệt, nên từ câu một đến câu ba, từ câu bốn đến câu sáu, từ câu bảy đến câu mười, chia làm ba hơi để niệm. Niệm cho rõ ràng, nhớ cho rõ ràng, nghe cho rõ ràng, vọng niệm không chỗ chen chân, nhất tâm bất loạn, niệm lâu ngày sẽ tự được.

Phải biết mười niệm này giống như cách nhiếp vọng bằng pháp thập niệm buổi sáng, nhưng công dụng khác xa. Buổi sáng mười niệm thì hết một hơi là một niệm, chẳng luận số câu niệm Phật nhiều hay ít. Cách này lấy một câu Phật hiệu làm một niệm, còn cách kia chỉ có thể niệm mười hơi vào buổi sáng, nếu niệm hai mươi, ba mươi hơi sẽ tổn khí thành bệnh. Cách niệm này một niệm là một câu Phật hiệu, tâm biết một câu, niệm mười câu Phật hiệu, tâm biết mười câu. Từ một đến mười, rồi lại từ một đến mười, dẫu cả ngày niệm mấy vạn tiếng cũng đều nhớ như thế, chẳng những trừ vọng lại còn dưỡng thần tốt nhất. Niệm mau hay chậm trọn không trở ngại, từ sáng đến tối không gì không thích hợp.

So với cách lần chuỗi nhớ số, lợi ích khác nhau một trời một vực. Cách kia (tức cách niệm bằng lần chuỗi) thân mệt, thần động, cách này thân nhàn tâm an. Nhưng lúc làm việc nếu khó nhớ số thì cứ khẩn thiết niệm thẳng, làm việc xong thì lại nhiếp tâm nhớ số như cũ, dẫu ý niệm loang loáng đến đi cũng vẫn quẩn quanh chuyên chú nơi một cảnh Phật hiệu. Đại Thế Chí nói: "Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa, ấy là bậc nhất." Kẻ lợi căn chẳng cần phải nói nữa, nếu là hạng độn căn như bọn ta, bỏ pháp thập niệm ký số này mà muốn nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối thật khó khăn lắm!

Lại phải biết pháp nhiếp tâm niệm Phật này tuy cạn mà sâu, tuy nhỏ mà lớn, là pháp chẳng thể nghĩ bàn. Chỉ nên thường ngửa tin lời Phật, chớ vì mình thấy không đến nơi đến chốn bèn sanh nghi hoặc, đến nỗi thiện căn nhiều kiếp do đây bị mất, chẳng thể rốt ráo tự đạt được lợi ích thật sự, đáng buồn lắm! Lần chuỗi

niệm Phật chỉ nên làm trong hai lúc đi và đứng, nếu tịnh tọa dưỡng thần, do tay động nên thần chẳng an, lâu ngày thành bệnh. Pháp thập niệm ký số này đi đứng, nằm ngồi không gì chẳng thích hợp; lúc nằm chỉ nên niệm thầm, không được niệm ra tiếng, nếu niệm ra tiếng thì một là bất kính, hai là tổn khí, hãy nhớ kỹ, nhớ kỹ!

Cư sĩ nay đã gần năm mươi, thân bị ràng buộc, chưa tham tầm tri thức, muốn liễu thoát trong đời này hãy chỉ nên chuyên chú một môn Tịnh độ. Kim Cang, Pháp Hoa hãy gác ra ngoài, đợi đến khi thông suốt Tịnh độ, đã đắc nhất tâm rồi mới lại nghiên cứu cũng không muộn. Nếu theo đuổi ngay trong lúc này, e trí lực không đủ, được cái kia mất cái này. Một pháp chưa tinh, hai điều lợi đều mất! Sách Giản Ma Biện Dị Lục thuộc Thiền tông, dẫu bậc thông đạt giáo lý sâu xa còn chưa dễ gì biết được, huống là cư sĩ. Phàm những sách vở của Thiền tông, nhất loạt chớ nghiên cứu, bởi Thiền tông "ý tại ngôn ngoại", nếu dựa theo mặt chữ để hiểu nghĩa sẽ hiểu lầm Phật pháp, do nhân lành chuốc lấy quả ác. Thích Thị Kê Cổ Lược là sách sử truyện, lấy Thiền tông làm chánh, phàm những sách như thế hãy gác lại chớ nghiên cứu thì mới nên.

Tôi thường nói: "Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp thì phải cầu nơi cung kính, có một phần cung kính thì diệt được một phần tội nghiệp, tăng một phần phước tuệ, có mười phần cung kính, diệt mười phần tội nghiệp, tăng mười phần phước tuệ. Nếu trọn chẳng cung kính, dẫu gieo được viễn nhân nhưng cái tội khinh nhờn chẳng thể tưởng được nổi." Phàm thấy hết thảy những người tín tâm, đều đem ý này bảo họ. Đây chính là thật nghĩa quyết định từ sơ tâm cho đến rốt ráo. Nếu coi đó là lời bàn cổ hủ của ông tăng hủ bại thì chính là tự hại, tự vứt bỏ, nào phải là cô phụ Ấn Quang, mà là cô phụ chính mình đó thôi!

19. Thư gởi cư sĩ Trần Tích Châu

Như Lai xuất thế, thuyết pháp độ sanh, vốn muốn cho hết thảy chúng sanh ngay đây được liễu sanh thoát tử, tự chứng vô thượng giác đạo mà thôi. Nhưng do căn cơ không bình đẳng, chẳng thể rốt ráo diễn giảng thông suốt bản hoài của Phật, chỉ đành tùy thuận cơ nghi, khéo dẫn dụ dần dần. Với kẻ đại căn bàn thẳng lẽ xứng tánh, giảng cho Phật thừa khiến họ ngay trong đời này viên chứng Phật quả, như Thiện Tài trong kinh Hoa Nghiêm, như Long Nữ trong kinh Pháp Hoa v.v..

Hạng kém hơn thì giảng Bồ-tát thừa, Thanh văn thừa khiến họ dần dần tu tập, dần dần chứng quả. Thấp hơn nữa thì giảng ngũ giới thập thiện, khiến cho họ

chẳng đọa ác đạo, được thân trời người, dần dần gieo thiện căn, tùy thiện căn đã gieo lớn hay nhỏ, trong tương lai sẽ nơi pháp tam thừa, tùy thiện lực đời trước phát hiện mà hoặc là nương vào Bồ-tát thừa, tu lục độ vạn hạnh, tự chứng được pháp thân, hoặc nương theo Duyên giác, Thanh văn thừa, ngộ thập nhị nhân duyên và pháp tứ đế để đoạn hoặc chứng chân hòng có thể siêu xuất luân hồi, liễu sanh thoát tử.

Những pháp môn này tuy lớn nhỏ bất đồng, tiệm đốn đều khác, nhưng mỗi một pháp đều phải do sức chính mình tu tập sâu xa mới hòng đoạn hoặc chứng chân, mới có thể vượt thoát luân hồi, liễu sanh thoát tử. Nếu trong tam giới, hai thứ kiến hoặc, tư hoặc dẫu còn sót lại mảy may chẳng đoạn thì căn bản sanh tử chưa thể cắt đứt, dẫu có sức định tuệ sâu, vẫn cứ y như cũ không nhờ đâu được giải thoát. Ngay như thánh nhân Tam quả còn phải sanh trong trời Ngũ Bất Hoàn[62], phải qua nhiều kiếp mới chứng Tứ quả. Nếu chứng Tứ quả thì căn bản sanh tử đoạn sạch không sót; nhưng chỉ là tiểu quả Thanh văn, vẫn phải đem tiểu quả mình đã chứng hướng về đại đạo của Như Lai, thừa nguyện thọ sanh trong mười phương thế giới, rộng hành lục độ vạn hạnh. Trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sanh, tùy theo công hạnh của chính mình sâu hay cạn, là tiệm hay đốn sẽ dần dần dự vào các địa vị Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Đẳng giác. Đến Đẳng giác lại phá một phẩm vô minh, chứng một phần tam đức[63], liền nhập địa vị Diệu giác thành Phật.

Trong giáo pháp cả một đời Như Lai, những pháp môn đã nói tuy vô lượng vô biên, nhưng địa vị chứng nhập rốt ráo chẳng thể vượt ngoài những địa vị như vậy. Tuy Thiền tông chỉ thẳng tâm người, kiến tánh thành Phật, thật là viên đốn thẳng chóng, nhưng kiến tánh thành Phật là ước trên pháp thân vốn có, chứ chẳng luận trên nhân quả tu chứng của phàm thánh. Nếu luận theo địa vị tu chứng thì cũng trọn chẳng khác gì đường lối của bên giáo, nhưng trong đời mạt, căn tánh con người hèn kém, tri thức hiếm hoi còn khó tìm được người ngộ, huống hồ bậc thật chứng.

Như Lai biết các chúng sanh chỉ cậy vào tự lực khó thể liễu thoát, nên ngoài hết thảy các pháp môn, riêng mở một môn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Chỉ cần

[62] Trời Ngũ Bất Hoàn: Năm tầng trời phía trên của Sắc giới (tức Vô Tưởng, Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiện Kiến và Sắc Cứu Cánh), do không còn dục tưởng, không đọa trong nhân gian và Dục giới nên gọi là Ngũ Bất Hoàn. Do chư thiên cõi này toàn là thánh nhân Tam quả, không có phàm phu thiên nên còn gọi là Tịnh Cư Thiên.
[63] Tam đức: Pháp thân, bát-nhã và giải thoát

chân tín, nguyện thiết, dẫu kẻ ngũ nghịch thập ác tội lỗi cực nặng, lúc mạng sắp dứt, tướng địa ngục hiện, có thiện tri thức dạy cho niệm Phật, nếu niệm Phật được mười tiếng, hoặc chỉ mấy tiếng, hoặc chỉ một tiếng cũng được Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Huống hồ những ai tu hành sự thiện thế gian, chẳng tạo các điều ác! Nếu là người tinh tu phạm hạnh, sức thiền định sâu thì phẩm vị vãng sanh càng cao, thấy Phật nghe pháp thật chóng. Dẫu là người đại triệt đại ngộ, đoạn hoặc chứng chân cũng cần hồi hướng vãng sanh để mong viên chứng pháp thân, mau thành Phật quả.

Các pháp môn khác, pháp nhỏ thì đại căn chẳng cần tu, pháp lớn thì tiểu căn chẳng thể tu nổi. Chỉ có một môn Tịnh độ này, độ khắp ba căn, lợi độn gồm thâu, trên thì như Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền chẳng thể vượt ra ngoài pháp này, dưới thì ngũ nghịch thập ác, chủng tánh địa ngục A-tỳ cũng có thể dự vào. Nếu Như Lai chẳng mở ra pháp này thì chúng sanh đời mạt muốn trong đời này liễu sanh thoát tử trọn chẳng có hy vọng gì. Tuy pháp môn này rộng lớn như thế, nhưng cách tu lại cực giản dị. Do vậy, nếu không phải là kẻ đời trước có thiện căn Tịnh độ sẽ khó thể tin chắc không nghi. Chẳng những phàm phu không tin, Nhị thừa còn đa nghi; chẳng những Nhị thừa không tin, quyền vị Bồ-tát rất có thể còn ngờ. Chỉ có Đại thừa Bồ-tát thuộc những địa vị sâu xa mới có thể triệt để thỏa đáng tin tưởng không nghi.

Có thể sanh lòng tin sâu xa đối với pháp này, dẫu là phàm phu đầy dẫy triền phược thì chủng tánh ấy đã trội vượt bậc Nhị thừa. Ví như thái tử rớt xuống đất vẫn cao quý hơn quần thần, tuy tài đức chưa lập nhưng cậy vào sức vua, cảm được báo như thế. Người tu Tịnh độ cũng giống như vậy, do dùng tín nguyện trì danh hiệu Phật bèn có thể đem cái tâm phàm phu gieo vào biển giác của Phật, cho nên ngầm thông Phật trí, thầm hợp đạo mầu. Muốn nói pháp tu Tịnh độ mà không nêu đại lược sự khó khăn của các pháp cậy vào tự lực để liễu thoát, và sự dễ dàng của pháp cậy vào Phật lực vãng sanh này thì nếu không nghi pháp cũng sẽ nghi chính mình. Nếu có mảy may tâm nghi sẽ do nghi mà thành chướng. Đừng nói gì không tu, dẫu có tu cũng chẳng thể được lợi ích thật sự rốt ráo. Do vậy phải nói, một pháp tín phải gấp gáp suy cầu, ngõ hầu tạo lòng tin sâu xa đến tột cùng vậy!

Nói đến tín thì phải tin Sa-bà quả thật là khổ, Cực Lạc quả thật là vui. Sa-bà khổ vô lượng vô biên, nói tóm lại chẳng ngoài tám khổ, tức là: sanh, già, bệnh, chết, thương yêu phải xa lìa, oán ghét phải gặp gỡ, cầu không được, ngũ ấm hừng hực. Tám nỗi khổ này dù sang đến cực phẩm hay hèn như ăn mày, ai nấy đều có, bảy nỗi khổ đầu là quả do đời quá khứ cảm thành. Suy nghĩ kỹ ắt tự biết, không

cần phải viết tường tận, nói nhiều quá tốn bút mực. Cái khổ thứ tám là ngũ ấm hừng hực chính là hiện tại khởi tâm động niệm và những hành động, nói năng chính là nhân của cái khổ trong vị lai. Nhân quả kéo dắt nhau, nối tiếp không ngừng từ kiếp này sang kiếp khác, không thể giải thoát.

Ngũ ấm chính là *sắc, thọ, tưởng, hành, thức*, sắc chính là cái thân do nghiệp báo cảm thành; thọ, tưởng, hành, thức chính là cái tâm khởi huyễn vọng khi tiếp xúc cảnh. Do những pháp "thân tâm huyễn vọng" này bèn khởi hoặc tạo nghiệp nơi sáu trần cảnh như lửa cháy hừng hực chẳng thể ngưng tắt nên gọi là "xí thạnh" (cháy hừng hực) vậy. Ngoài ra, ấm 陰 (bộ phụ) có nghĩa là che kín, đồng nghĩa với chữ ấm 蔭 (cũng có nghĩa là che lấp, bộ thảo), do năm pháp này che lấp chân tánh chẳng thể hiển hiện, như mây dày che khuất mặt trời. Tuy mặt trời tỏa sáng rực rỡ, trọn chẳng bị tổn giảm, nhưng vì mây che nên chẳng chiếu sáng được. Phàm phu chưa đoạn hoặc nghiệp, bị năm ấm này chướng ngăn, mặt trời trí tuệ nơi bầu trời chân tánh chẳng thể hiển hiện, cũng giống như thế. Sự khổ thứ tám này là gốc của hết thảy các khổ.

Người tu đạo sức thiền định sâu, đối với cảnh giới sáu trần trọn chẳng chấp trước, chẳng khởi yêu ghét. Từ đây gia công dụng hạnh, tiến lên chứng vô sanh, hoặc nghiệp sạch hết, cắt đứt gốc rễ sanh tử, nhưng công phu này thật chẳng dễ dàng, trong đời mạt đạt được thật khó. Vì thế nên chuyên tu tịnh nghiệp, cầu sanh Cực Lạc, nương Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Đã được vãng sanh thì liên hoa hóa sanh, không có các khổ. Thuần là tướng đồng nam (bé trai), thọ như hư không, thân không tai biến. Những cái tên như già, bệnh, chết v.v. chẳng còn nghe đến, huống gì thật có. Theo chân thánh chúng, thân cận Di-đà, nước, chim, cây cối đều diễn pháp âm, tùy căn tánh mình do nghe pháp bèn chứng. Thân còn trọn chẳng thể được, huống gì có oán! Nghĩ đến áo bèn có áo, nghĩ ăn bèn có ăn; lầu gác, nhà viện đều do bảy báu hợp thành, chẳng nhọc sức người, chỉ là hóa ra, biến bảy sự khổ nơi Sa-bà thành bảy niềm vui. Lại thêm thân có đại thần thông, có đại oai lực, chẳng lìa chỗ mình liền có thể trong một niệm ở khắp trong mười phương thế giới chư Phật làm các Phật sự, thượng cầu hạ hóa. Tâm có đại trí tuệ, có đại biện tài, từ một pháp biết thật tướng các pháp, tùy cơ thuyết pháp không lầm lạc, dẫu nói bằng ngôn ngữ thế đế nhưng đều khế hợp diệu lý thật tướng, không có nỗi khổ ngũ ấm hừng hực, hưởng niềm vui thân tâm tịch diệt. Vì thế kinh nói: "Không có các khổ, chỉ hưởng các sự vui nên gọi là Cực Lạc."

Sa-bà khổ, khổ không nói được; Cực Lạc vui, vui chẳng ví nổi. Tin sâu lời Phật, trọn chẳng nghi hoặc mới gọi là chân tín. Chớ nên dùng tri kiến phàm phu

ngoại đạo lầm sanh suy lường, bảo các thứ thù thắng trang nghiêm mầu nhiệm trong Tịnh độ đều là ngụ ngôn, tỷ dụ tâm pháp, chẳng phải là cảnh thật. Nếu có sự thấy biết tà vạy, sai lầm như thế sẽ mất lợi ích thật sự được vãng sanh Tịnh độ, tai hại quá lớn, không thể không biết.

Đã biết Sa-bà là khổ, Cực Lạc là vui, hãy nên phát tín nguyện thiết thực, nguyện lìa Sa-bà khổ, nguyện được Cực Lạc vui. Nguyện khẩn thiết như đang té trong hầm xí mong gấp được thoát ra; lại như đang bị trói buộc trong lao ngục, tha thiết nhớ đến quê nhà, sức mình chẳng thể tự ra, ắt phải cầu người có đại thế lực kéo ra. Hết thảy chúng sanh trong thế giới Sa-bà đối với cảnh thuận hay nghịch, khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm, ô uế diệu giác minh tâm sẵn có, khác nào hầm xí không đáy. Đã tạo ác nghiệp phải chịu ác báo, trải kiếp dài lâu, luân hồi lục đạo, không được tha khỏi lao ngục.

A-di-đà Phật trong kiếp xưa, phát ra 48 nguyện độ thoát chúng sanh, có một nguyện là: "Nếu có chúng sanh nghe danh hiệu ta, cầu sanh nước ta, dẫu chỉ mười niệm, nếu như chẳng sanh, chẳng lấy Chánh giác." A-di-đà Phật thệ nguyện độ sanh, nhưng nếu chúng sanh chẳng cầu tiếp dẫn, Phật cũng chẳng làm gì được. Nếu chí tâm xưng danh, thệ cầu xuất ly Sa-bà, không ai chẳng được Phật rủ lòng từ nhiếp thọ. A-di-đà Phật có đại thế lực, cứu được người trong hầm xí không đáy, trong lao ngục không tha, ngay đó được xuất ly, đều được đặt yên nơi quê nhà Cực Lạc vốn có, khiến được nhập cảnh giới Phật, thọ dụng giống như Phật. Muốn sanh Tây Phương, trước hết phải có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha. Nếu không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dẫu có tu hành nhưng chẳng thể cảm ứng đạo giao cùng Phật, chỉ được phước báo nhân thiên và thành cái nhân đắc độ trong tương lai mà thôi; nếu tín nguyện đầy đủ thì vạn người tu vạn người về, không sót một ai. Tổ Vĩnh Minh nói "vạn người tu, vạn người về" là chỉ những người có đủ tín nguyện. Đã có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, nên lấy niệm Phật làm chánh hạnh, dùng tín nguyện để dẫn đường, niệm Phật là chánh hạnh, ba thứ tín nguyện hạnh là tông yếu của pháp môn niệm Phật. Có hạnh nhưng không tín nguyện, chẳng thể vãng sanh, có tín nguyện không hạnh cũng chẳng thể vãng sanh, ba thứ tín nguyện hạnh đầy đủ không khuyết thì quyết định vãng sanh. Được vãng sanh hay không hoàn toàn do tín nguyện có hay không, phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn.

Nói đến chánh hạnh niệm Phật thì tùy theo sức mình mà lập, chẳng được chấp cố định một pháp. Nếu như thân không bận việc, cố nhiên phải từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, đi đứng, nằm ngồi, nói năng, im lặng, động tịnh, mặc áo, ăn cơm,

đại tiện, tiểu tiện, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ giữ cho một câu hồng danh thánh hiệu này chẳng lìa tâm miệng. Nếu khi tắm táp, súc miệng thanh tịnh xong, mũ áo tề chỉnh, và ở nơi thanh khiết thì niệm ra tiếng hoặc niệm thầm đều được. Nếu lúc ngủ nghỉ, lõa lồ, tắm rửa, đại tiểu tiện và lúc đến những nơi ô uế không sạch chỉ nên thầm niệm, chớ nên niệm ra tiếng, công đức niệm thầm cũng giống vậy. Niệm ra tiếng là không cung kính, chứ không phải là ở những nơi, những lúc ấy không được niệm Phật. Phải biết, trong những nơi, những lúc ấy không được niệm ra tiếng. Thêm nữa, lúc nằm nếu niệm ra tiếng, chẳng những không cung kính mà còn đến nỗi bị tổn khí, không thể không biết.

Tuy là trường thời niệm Phật không gián đoạn, nhưng cần phải vào lúc sáng sớm hướng về Phật lễ bái xong, trước hết niệm kinh A-di-đà một biến, niệm chú Vãng Sanh ba biến, liền niệm bài kệ tán Phật: "A-di-đà Phật thân kim sắc..." Niệm xong, niệm Nam-mô thế giới Tây Phương Cực Lạc đại từ đại bi A-di-đà Phật, tiếp đó chỉ niệm sáu chữ Nam-mô A-di-đà Phật, hoặc là một ngàn tiếng, hoặc năm trăm tiếng. Nên vừa đi nhiễu vừa niệm, nếu không tiện nhiễu thì quỳ hoặc ngồi, hoặc đứng niệm đều được. Lúc niệm sắp xong, trở về chỗ quỳ, niệm Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát mỗi danh hiệu ba lần, rồi mới niệm bài Tịnh Độ Văn để phát nguyện hồi hướng vãng sanh. Niệm bài Tịnh Độ Văn thì phải theo văn nghĩa mà phát tâm, nếu chẳng y theo văn nghĩa mà phát sẽ trở thành uổng công đọc văn suông, chẳng được lợi ích thật sự. Đọc Tịnh Độ Văn xong, niệm tam quy y, lễ bái lui ra. Đấy là công khóa buổi sáng, buổi tối cũng giống như vậy.

Nếu muốn lễ bái nhiều hơn thì trong lúc niệm Phật, lúc trở về chỗ thì ngoài việc lễ Phật bao nhiêu đó, lúc xưng danh hiệu Bồ-tát chín lần, bèn lễ chín lạy. Lễ xong bèn phát nguyện hồi hướng, hoặc sau khi niệm xong công khóa bèn lễ bái, miễn sao thuận tiện cho mình đều được. Nhưng phải khẩn thiết chí thành, chẳng được láo nháo qua loa. Bồ đoàn không được quá cao, nếu cao sẽ thành ra không cung kính.

Nếu công việc đa đoan, hầu như không rảnh rỗi, nên vào lúc sáng sớm, súc miệng xong, nếu có tượng Phật bèn lạy ba lạy, đứng ngay ngắn chắp tay niệm Nam-mô A-di-đà Phật, hết một hơi là một niệm. Niệm đến mười hơi, bèn niệm bài Tiểu Tịnh Độ Văn, hoặc chỉ niệm bốn câu kệ: "Nguyện sanh Tây Phương Tịnh độ trung…" Niệm xong lễ Phật ba lạy, rồi lui. Nếu không có tượng Phật thì hướng về Tây xá bái, chiếu theo cách trên để niệm. Đây gọi là pháp môn thập

niệm do ngài Từ Vân Sám Chủ đời Tống vì hàng vua quan quá bận rộn chánh sự không rảnh rỗi để tu trì mà lập ra.

Vì sao phải niệm hết một hơi? Do chúng sanh tâm tán, lại không rảnh rỗi để chuyên niệm. Lúc niệm như thế, mượn hơi thở nhiếp tâm, tâm tự chẳng tán. Nhưng phải tùy theo hơi thở dài ngắn, chẳng được cưỡng niệm cho nhiều, hễ cưỡng niệm sẽ bị tổn khí. Lại chỉ được niệm mười niệm, chẳng được niệm hai mươi, ba mươi hơi, niệm nhiều cũng tổn khí. Do tán tâm niệm Phật khó được vãng sanh nên pháp này có thể làm cho tâm quy một chỗ, nhất tâm niệm Phật quyết định vãng sanh. Số câu niệm tuy ít nhưng công đức khá sâu. Kẻ cực nhàn hay cực bận đều có pháp riêng, còn kẻ nửa nhàn nửa bận hãy tự châm chước thời gian để định pháp tắc tu trì.

Lại nữa, người niệm Phật đối với mỗi sự phải giữ lòng trung hậu, khoan thứ, tâm luôn đề phòng lỗi hại. Biết lỗi liền sửa, thấy điều nghĩa ắt làm, mới hợp với Phật, người như thế quyết định vãng sanh. Nếu không như thế là trái nghịch Phật, quyết khó cảm thông. Lại phàm lễ bái đọc tụng kinh điển Đại thừa, và làm hết thảy những chuyện có ích cho đời cho người, đều đem chuyện đó hồi hướng Tây Phương, chẳng nên chỉ đem việc niệm Phật hồi hướng Tây Phương, còn những công đức khác hồi hướng cho phước báo thế gian, làm vậy thì niệm chẳng quy nhất, sẽ khó vãng sanh. Phải biết người thật sự niệm Phật chẳng cầu phước báo thế gian, mà tự được phước báo thế gian (như trường thọ, không bệnh, gia đình yên vui, con cháu phát đạt, các duyên như ý, vạn sự cát tường v.v.). Nếu cầu phước báo thế gian, chẳng chịu hồi hướng vãng sanh thì phước báo thế gian đạt được lại thành hèn kém, do tâm không chuyên nhất, vãng sanh lại càng khó quyết định. Pháp môn niệm Phật này, kinh điển Đại thừa trong cả một đời giáo hóa của đức Phật thảy đều tán dương, còn trong kinh Tiểu thừa tuyệt chẳng nhắc đến. Có kẻ không thông giáo lý, chê pháp này là Tiểu thừa, thật là vô tri tà thuyết, chớ nên nghe theo.

Lại những lời nói trong những đàn cầu cơ, đa phần là những linh quỷ dựa theo kiến thức của người cầu cơ mà nói ra. Nếu nói về đạo lý thế gian may ra chúng còn biết nhiều, chứ bàn về Phật pháp thì không phải là điều chúng tự biết, bèn đặt ra lời đồn đãi xằng bậy. Như cuối sách Kim Cang Trực Giải, in kèm bảo hiệu của tiên thiên cổ Phật, chính là diệt huệ mạng, làm mù con mắt chánh pháp của người khác, là lời tồi tệ cực ác khôn sánh. Đem sách ấy tặng cho người thì tội lỗi vô lượng!

20. Thư gởi cư sĩ Tâm Nguyện (viết thay cho bạn)

Tâm là chủ của thân, là tông của muôn pháp. Thuận theo sẽ mau thành Bồ-đề, trái nghịch ắt phải chìm mãi trong sanh tử. Hết thảy chúng sanh mê trái bổn tâm, đuổi theo vọng cảnh, khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm, luân hồi trong lục đạo, ngụp lặn trong tam giới, trải kiếp dài lâu không thể xuất ly. Ông đã phát tâm quy y tam bảo, làm đệ tử Phật, hãy nên phát tứ hoằng thệ nguyện của Bồ-tát, tự lợi lợi tha.

Tứ hoằng thệ nguyện là: "Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành." Phải biết tứ hoằng thệ nguyện này chính là thệ nguyện gốc của hết thảy ba đời chư Phật. Hằng ngày, ông khởi tâm động niệm phải hợp với nguyện này. Nếu hợp, hãy mở rộng cho viên mãn; nếu chẳng hợp, hãy đoạn trừ cho sạch hết. Muốn lợi tha trước hết phải tự lợi. Nếu chính mình không xuất sanh tử trước, sao có thể độ chúng sanh thoát sanh tử? Ví như người đang chết chìm trong biển chẳng thể cứu người khác bị chết đuối trong biển. Như Lai nói ra vô lượng vô biên pháp môn liễu sanh thoát tử, chỉ có mỗi một pháp Tịnh độ hạ thủ dễ dàng, thành công cao, dùng sức ít, đạt hiệu quả nhanh. Nếu muốn thành tựu ngay trong đời này mà bỏ pháp này sẽ chẳng có cách nào cả!

Nói đến pháp Tịnh độ thì phải sanh tín, phát nguyện, niệm A-di-đà Phật, cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nếu quả thật tín nguyện chân thành khẩn thiết, nhất tâm niệm Phật, đến lúc lâm chung quyết định được Phật tiếp dẫn vãng sanh cõi ấy. Đã được vãng sanh liền tạ từ xác phàm, cao dự dòng thánh, thấy Phật, nghe pháp, chứng vô sanh nhẫn, thần thông trí tuệ chẳng thể nghĩ bàn. Rồi lại nương theo bổn nguyện trở vào Sa-bà, dùng đủ mọi phương tiện độ thoát chúng sanh, như Quán Thế Âm Bồ-tát: Nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy mà thuyết pháp, khiến cho khắp hết thảy chúng sanh đồng thoát sanh tử, cùng thành Phật đạo, rồi mới viên chứng tâm diệu chân như chính mình sẵn đủ. Như thế mới là rốt ráo khế hợp tứ hoằng thệ nguyện của Bồ-tát, với bốn mươi tám nguyện của A-di-đà Phật và mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ-tát. Ý nghĩa của tâm nguyện là như vậy. Nếu có thể nhìn vào danh nghĩ đến ý nghĩa, ra sức thực hành thì có thể gọi là bậc trượng phu lỗi lạc, sen mọc trong lửa, là con thật sự của đức Như Lai, là đích tôn của Đại sĩ, hãy gắng lên, hãy cố lên!

21. Thư gởi cư sĩ Vệ Cẩm Châu

(Ông này do nhà hàng xóm cháy lan qua nên nhà cửa, của cải mất sạch, vợ kinh hãi thành bệnh, vì thế tâm thần mê loạn, như say, như cuồng)

Kinh Pháp Hoa dạy: *"Ba cõi không yên, ví như nhà lửa. Các khổ dẫy đầy, rất đáng kinh sợ."* Do trời muốn thành tựu người nên có khổ, có vui, có nghịch, có thuận, có họa, có phước, vốn không nhất định. Chỉ cần người trong cuộc có con mắt thông suốt, khéo hiểu ý trời thì không khổ, không vui, không nghịch, không thuận, không họa, không phước vậy. Do vậy, quân tử vui theo mạng trời, trên chẳng oán trời, dưới chẳng hận người, tùy ngộ nhi an, không lúc nào không tự tại tiêu dao. Do vậy, *"tố phú quý hành hồ phú quý"* (tố có nghĩa là hiện tại, hành có nghĩa là thong dong, nhàn hưởng; hễ giàu thời chu cấp kẻ bần cùng, hễ quý hiển bèn tận trung với vua, yêu dân, tận bổn phận phú quý; ấy gọi là tố phú quý hành hồ phú quý), *"tố bần tiện hành hồ bần tiện"* (nếu nhà không dư dật, thân chưa làm quan thì giữ khí tiết thanh bần, chẳng dám làm bậy), *"tố di địch hành hồ di địch"* (nếu tận trung mà bị sàm tấu, bị biếm ra nơi xa, như các vùng Vân Nam, Quý Châu, Lưỡng Quảng, Hắc Long Giang v.v. thì tâm bình khí hòa, chẳng oán vua, chẳng hận kẻ sàm báng, tự sống như người ở nơi ấy), *"tố hoạn nạn hành hồ hoạn nạn"* (hoặc có thể chẳng những bị biếm truất, lại còn bị xử tội, nhẹ thì đánh đập, giam cầm, nặng thì chém đầu, phanh thây, hoặc đến nỗi diệt môn, vẫn chẳng oán vua, chẳng hận gian đảng, cũng như chính mình đáng bị như thế. Đối với hoạn nạn do người gây ra còn như thế, huống chi những hoạn nạn do trời giáng xuống, há oán hận ư? Người như vậy được người yêu thương, trời hộ trì, trong đời này hoặc trong đời sau hoặc là đời con cháu quyết định được hưởng phước báo vô cùng để xứng với đức ấy). Cư sĩ tuy có tư chất ham làm lành nhưng chưa rõ lý tột cùng của Nho và Phật, vì thế vừa gặp nghịch cảnh bèn đâm ra cuồng loạn. Nay tôi khuyên rằng: Rộng dày, cao minh nhất trong thế gian không gì hơn thiên địa, nhật nguyệt. Mặt trời đứng bóng rồi chênh, trăng tròn rồi khuyết, bờ cao thành hang, hang sâu thành vách núi, biển xanh biến thành ruộng dâu, ruộng dâu biến thành biển xanh.

Xưa nay người đạo cao đức trọn vẹn nhất không ai bằng Khổng tử, thế mà còn bị tuyệt lương nơi đất Trần, bị vây nơi đất Khuông, chu du liệt quốc, rốt cuộc không gặp được minh quân, chỉ có một người con, tuổi mới năm mươi liền bị chết mất; may còn một cháu nối dõi. Tính trở xuống thì Nhan Uyên đoản mạng, Nhiễm

Bá Ngưu[64] cũng đoản mạng, Tử Hạ[65] bị mù, Tả Khâu Minh[66] cũng bị mù, Khuất Nguyên tự trầm dưới sông (Khuất Nguyên tận trung bị gièm, sau Sở Hoài Vương bị vua Tần bắt giữ, khôn ngăn ưu phẫn, không làm gì được, ngày mồng 5 tháng 5 tự trầm nơi sông Mịch La), Tử Lộ[67] bị bằm vụn (chữ 醢 đọc là hải, có nghĩa là thịt làm thành mắm. Tử Lộ làm quan nước Vệ, Vệ Khoái Quý và con toan chiếm nước. Tử Lộ bị chết trong nạn ấy, bị quân địch băm vụn ra).

Thiên địa, nhật nguyệt còn chẳng thể thường hằng bất biến, đại thánh đại hiền cũng chẳng thể chỉ có thuận không nghịch; chỉ vui theo mạng trời thì không chuyện gì chẳng an vui, lại được trăm ngàn đời sau, từ thiên tử cho đến thứ dân không ai không ngưỡng mộ. Nếu luận theo tình cảnh khi ấy, tợ hồ họ vô phước; nhưng nếu luận trên mức độ được truyền tụng hậu thế thì không ai có phước bằng được họ. Người sống trong thế gian nghĩ ngàn lối, tính muôn bề, đặt bày mọi cách, xét đến rốt ráo chẳng qua là để nuôi thân miệng, để lại của cải cho con cháu mà thôi. Nhưng thân thì vải thô cũng đủ che mình, cần gì phải lụa là, the đoạn? Miệng thì canh rau đủ nuốt trôi cơm, cần gì phải cá thịt, hải sản? Con cháu thì hoặc là đọc sách, hoặc cày ruộng, hoặc buôn bán tự nuôi được thân, cần chi phải giàu có trăm vạn?

Vả nữa, từ xưa đến nay những kẻ mưu cầu phú quý muôn đời cho con cháu ai bằng Tần Thủy Hoàng, thôn tính lục quốc, đốt sách, chôn học trò, thâu binh khí thiên hạ đúc thành chuông lớn, không chuyện gì chẳng nhằm làm cho nhân dân ngu yếu chẳng thể nổi dậy. Nào biết Trần Thiệp vừa khởi, quần hùng đua nhau, sau khi nhất thống chưa đầy mười hai, mười ba năm bèn đến nỗi thân chết nước tan, con cháu bị giết sạch hết, khác nào cắt cỏ trừ rễ, nào còn sót gì? Đấy là muốn cho con cháu yên vui, lại đến nỗi làm chúng mau chết sạch.

---

[64] Nhiễm Bá Ngưu (tên thật là Nhiễm Canh), là người được Khổng tử ngợi khen về đức hạnh. Khi Nhiễm Canh bị mù, Khổng tử đến thăm, cầm tay than: *"Là số mạng vậy, người như thế này mà bị mù là vì số mạng vậy!"*

[65] Tử Hạ tên thật là Bốc Thương, tự là Tử Hạ. Sau khi Khổng tử mất, ông lui về Tây Hà dạy học, con chết, ông khóc đến mù mắt.

[66] Tả Khâu Minh: Người thời Xuân Thu, làm quan thái sử nước Lỗ. Ông giám định, nhuận sắc tác phẩm Xuân Thu, nên bản ấy được gọi là Tả Thị Xuân Thu (thường gọi tắt là Tả Truyện). Khi về già ông bị mù.

[67] Tử Lộ: Tên thật là Trọng Do, tự Tử Lộ, hoặc Quý Lộ, là đệ tử của Khổng tử, tánh hiếu dũng, thờ cha mẹ rất có hiếu, thường đi đội gạo thuê cả trăm dặm để có tiền phụng dưỡng cha mẹ. Ông là một trong số 24 gương hiếu tử trong tác phẩm Nhị Thập Tứ Hiếu Diễn Ca của Lý Văn Phức. Ông có tài cai trị nên thoạt đầu làm quan nước Lỗ, rồi sang làm quan nước Vệ.

Thời Hán Hiến Đế, Tào Tháo làm Thừa tướng, chuyên đoạt uy quyền, những việc hắn làm không gì chẳng nhằm làm suy yếu quyền thế nhà vua, tăng thêm quyền lực cho bản thân; muốn khi mình chết đi, con mình sẽ làm vua. Kịp đến khi chết đi, Tào Phi bèn soán ngôi, xác cha chưa liệm, Tào Phi đã dời hết cả phi tần đưa sang cung mình. Tháo chết đi mãi mãi đọa trong ác đạo, đến hơn 1.400 năm sau, nhằm đời Càn Long nhà Thanh, tại Tô Châu có người giết heo, moi gan phổi ra thấy đề hai chữ Tào Tháo. Xóm giềng có kẻ trông thấy sợ hãi vô cùng, liền lập tức xuất gia, pháp danh là Phật An, nhất tâm niệm Phật liền được vãng sanh Tây Phương. Chuyện này được ghi trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục.

Ôi, Tào Tháo phí sạch tâm cơ vì con bày mưu, dù làm hoàng đế nhưng chỉ được 45 năm, nước liền diệt vong. Nhưng hằng ngày cùng Tây Thục, Đông Ngô tranh chấp, có ngày nào được an lạc đâu? Sau đó, như hai nhà Tấn[68], Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy và Lương, Đường, Tấn, Hán, Chu thời Ngũ Đại đều chẳng dài lâu. Tựu trung, chỉ có nhà Đông Tấn dài nhất, cũng chỉ được 103 năm, những triều đại khác hoặc hai, ba năm; hoặc tám, chín năm; mười, hai mươi năm; bốn mươi, năm mươi năm liền bị diệt vong. Đấy chỉ mới kể những triều đại chánh thống, chứ còn những kẻ chiếm cứ bừa bãi, tiếm xưng ngụy quốc số lượng càng nhiều, thời gian tồn tại càng ngắn hơn nữa. Xét đến cái tâm ban đầu, không ai không muốn cho con cháu được phú quý tôn vinh; nhìn vào hiệu quả thật sự, trái lại khiến cho con cháu gặp phải kiếp nạn tru lục, diệt môn tuyệt hộ. Dù quý như thiên tử, giàu khắp bốn biển còn chẳng thể khiến cho con cháu đời đời hưởng phước, huống hồ kẻ phàm phu hèn mọn. Từ vô lượng kiếp đến nay đã tạo ác nghiệp dày hơn đại địa, sâu quá biển cả, há có thể giữ cho gia đạo thường hưng thạnh, có phước không tai ương được sao?

Phải biết vạn pháp trong thế gian đều là hư giả, trọn không chân thật, như mộng như huyễn, như bọt như bóng, như sương như chớp, như ánh trăng trong nước, như hoa đốm trên hư không, như ánh nước gợn khi trời nắng, như thành Càn-thát-bà (Phạn ngữ Càn-thát-bà, Hán dịch là tầm hương, chính là nhạc thần của Thiên đế, thành của họ huyễn hiện, không thật. Thế tục thường gọi là "thần

[68] Tây Tấn (266-316) do Tư Mã Viêm thành lập. Đến thời Tấn Nguyên Đế (Tư Mã Duệ), chư hầu nổi dậy, phải dời đô sang Đông gọi là nhà Đông Tấn, truyền đến đời Tấn Phế Đế bèn bị diệt vong (năm 369), vừa đúng 103 năm. Nam Triều: Nhà Lưu Tống truyền được 59 năm (420-478), nhà Tiêu Tề truyền được 23 năm (479-501), nhà Tiêu Lương của Lương Võ Đế truyền được 55 năm (502-556), nhà Trần được 32 năm (557-588), nhà Tùy 29 năm (589-617). Thời Ngũ Đại gồm nhà Hậu Lương truyền được 16 năm (907-922), nhà Hậu Đường 13 năm (923-935), nhà Hậu Tấn 11 năm (936-946) và nhà Hậu Chu 9 năm (951-959).

lâu hải thị" (lầu sò chợ biển) chính là nó). Chỉ một niệm tâm tánh của chính mình hằng cổ hằng kim, chẳng biến, chẳng hoại. Dẫu không biến hoại nhưng thường tùy duyên. Hễ ngộ tịnh duyên bèn thành Thanh văn, thành Duyên giác, thành Bồ-tát, thành Phật. Do công đức có cạn sâu nên quả vị có cao thấp. Hễ mê nhiễm duyên bèn sanh lên trời, sanh trong nhân gian, đọa vào tu-la, đọa trong súc sanh, đọa vào ngạ quỷ, đọa xuống địa ngục. Do tội phước có nặng nhẹ nên khổ vui có dài ngắn. Nếu là người không biết Phật pháp thì không biết phải nên làm như thế nào.

Ông đã sùng tín Phật pháp, sao chẳng do nghịch cảnh này thấy thấu suốt tướng thế gian, bỏ duyên mê nhiễm, ngộ theo tịnh duyên, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương? Từ đây vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi lục đạo, cao chứng quả vị tứ thánh. Há chẳng phải là nhân họa nhỏ này mà thường hưởng phước to ư? Lại mịt mờ chẳng rõ, như say như cuồng. Nếu như lo nghĩ quá độ, đến nỗi táng thân mất mạng sẽ bao kiếp dài lâu khó thoát khỏi luân hồi, lại còn vợ yếu con côi lấy gì tự lập? Vốn muốn tự lợi, lợi người, lại trở thành tự hại, hại người (chữ "người" ở đây chỉ vợ con). Sao lại ngu si đến nỗi như thế?

Kinh dạy: "Bồ-tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả." Bồ-tát sợ gặp quả ác nên đoạn trừ sẵn nhân ác. Do vậy tội chướng tiêu diệt, công đức viên mãn, mãi cho đến khi thành Phật mới thôi. Chúng sanh thường gây nhân ác, muốn tránh quả ác, như dưới mặt trời toan trốn bóng, uổng công nhọc nhằn rong ruổi. Thường thấy kẻ ngu vô tri vừa làm chút điều lành nhỏ nhoi bèn mong phước to, vừa gặp nghịch cảnh bèn nói làm thiện mắc họa, không có nhân quả. Từ đó, lui hối cái tâm ban đầu, quay ngược lại phỉ báng Phật pháp, nào biết ý chỉ sâu huyền "báo thông ba đời, chuyển biến do tâm"!

"Báo thông ba đời" có nghĩa là đời này làm thiện, làm ác, ngay đời này được phước, mắc họa, đó gọi là hiện báo. Đời này làm thiện, làm ác, ngay trong đời sau hưởng phước, mắc họa, đó gọi là sanh báo. Đời này làm thiện, làm ác, đến đời thứ ba, hoặc đời thứ tư, hoặc mười, trăm, ngàn vạn đời, hoặc đến vô lượng vô biên kiếp sau mới hưởng phước, mắc họa, đó gọi là hậu báo. Hậu báo sớm trễ không nhất định, hễ gây nghiệp quyết định không thể không thọ báo.

"Chuyển biến do tâm" là ví như có người tạo ác nghiệp sẽ vĩnh viễn đọa địa ngục, chịu khổ bao kiếp dài lâu. Về sau, người ấy sanh lòng hổ thẹn lớn lao, phát tâm đại Bồ-đề, cải ác tu thiện, tụng kinh niệm Phật, tự hành dạy người, cầu sanh Tây Phương. Do vậy, đời này hoặc bị người khác khinh rẻ, hoặc bị chút bệnh khổ, hoặc bị bần cùng đôi chút, hoặc gặp hết thảy chuyện chẳng như ý, cái nghiệp vĩnh

viễn đọa địa ngục bao kiếp chịu khổ dài lâu đã trót tạo trước kia nay liền tiêu diệt, lại còn có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Kinh Kim Cang dạy: "Nếu có người thọ trì kinh này, bị người khác khinh rẻ là do tội nghiệp đời trước của người ấy đáng lẽ đọa ác đạo, vì đời này bị người khác khinh rẻ nên tội nghiệp đời trước bèn tiêu diệt, sẽ đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác." Đấy chính là ý nghĩa "chuyển biến do tâm" vậy.

Người đời vừa gặp chút tai ương, nếu không oán trời thì cũng trách người, trọn chẳng có ý tưởng trả nợ, sanh lòng hối tội. Phải biết: "Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu." Trồng cỏ dại chẳng thể được hạt thóc ngon, trồng gai góc mong chi thóc nếp. Làm ác mà được phước là do đời trước tài bồi sâu xa, nếu không làm ác thì phước còn lớn hơn nữa. Ví như con cháu nhà giàu có, ăn uống phung phí, xài vàng như đất, nhưng không đến nỗi đói rét là do vàng nhiều. Nếu cứ ngày ngày như thế, dẫu giàu có đến trăm vạn thì chẳng mấy năm sẽ nhà tan người chết, hết sạch sành sanh. Làm lành mắc họa là do tội nghiệp đời trước sâu dày, nếu không làm lành thì tai ương càng lớn hơn. Ví như kẻ phạm tội nặng, chưa kịp xử phạt, lại lập công nhỏ, do công nhỏ nên chưa được tha hoàn toàn, đổi tội nặng thành tội nhẹ. Nếu có thể hằng ngày lập công, do công nhiều thành lớn nên tội hết, được tha miễn, lại còn được phong hầu bái tướng, thế tập tước vị[69], tồn tại mãi cùng đất nước.

Đại trượng phu sống trong thế gian nên có tri kiến vượt trội, há để vật ngoài thân phiền lụy, hủy hoại thân mình. Ví như vàng ngọc đầy nhà, cường đạo lại cướp, chỉ nên bỏ đó trốn lẹ, há nên giữ của đợi chết ư? Bởi lẽ vàng ngọc tuy quý, nhưng so với thân mạng vẫn hèn kém hơn! Đã chẳng thể toàn vẹn đôi bề, chỉ có thể bỏ vàng ngọc để toàn thân mạng. Tài vật của ông đã cháy hết, buồn suông ích gì? Chỉ nên tùy duyên sống qua ngày, dốc hết sức niệm Phật, cầu sanh Tây Phương thì trong đời vị lai vĩnh viễn lìa khỏi các khổ, chỉ hưởng các sự vui. Như thế thì do nạn lửa này bèn thành đạo vô thượng, phải cảm ân báo đức còn không xuể, há lại oán hận, buồn phiền như thế chăng?

Xin hãy đem lời tôi suy nghĩ cặn kẽ ắt sẽ được gỡ rối giải thoát. Như vén mây mù thấy được mặt trời, từ đây tai ương biến thành người dẫn đường tốt lành, chuyển ngay nóng bức thành mát mẻ. Nếu cứ chấp mê không ngộ ắt sẽ phát điên phát cuồng, bổn tâm bị mất, tà ma dựa thân, dẫu ngàn đức Phật xuất thế cũng không cách nào giúp được ông.

[69] Tước vị của cha, con trưởng được kế thừa, thường gọi là tập ấm.

22. Thư trả lời cư sĩ Lâm Giới Sanh ở Thái Thuận (thư thứ nhất)

Bất Huệ học Nho không xong, học Phật chẳng thành, lìa quê cũ đã lâu, muốn quay về nhưng chưa được, mỗi phen tự xét, thẹn thùng không biết ẩn vào đâu. Chợt tiếp được thư ông, khác nào gặp lại cố nhân, nhưng trong thư khen ngợi quá lẽ, khiến người như phải chịu búa rìu. Sau này có viết thư, xin chớ dùng lời khách sáo ấy nữa! Được gặp mặt lệnh huynh Chi Phần hôm 14 tháng 7, nhân đấy hỏi thăm chuyện tu trì, gia cảnh cư sĩ. Ông ta cho biết cư sĩ cật lực làm lành, đạo niệm ngày càng tăng trưởng, nhưng gia đình bất hạnh, lệnh lang[70] mất sớm, hai cháu còn thơ, khá đáng ưu tư.

Tôi nghe xong khôn ngăn thở dài, phải biết: Cảnh nghịch xảy đến hãy thuận theo mới gọi là "vui theo mạng trời", tu thân trồng đức mới là "tận tánh". Đời có kẻ ngu, chẳng biết thiện ác đời trước, chỉ nhìn chuyện tốt xấu trước mắt, thấy làm lành mắc họa bèn bảo: "Chẳng nên làm lành, làm ác được phước", còn nói: "Ác chẳng đáng kiêng", chẳng biết thiện báo, ác báo chẳng phải một sớm một chiều mà thành, phải do dần dần mà ra. Ví như ba thước băng há do một ngày lạnh bèn có thể ngưng đọng, nước trăm sông ngập tràn há vì trời nóng một bữa liền tiêu được ư? Chớ nên oán trời trách người, do dự, ngã lòng, hối hận. Hãy nên học theo Du Tịnh Ý tu thân, học theo Viên Liễu Phàm lập mạng thì sẽ thấy hai cháu thành đạt, sẽ thấy sanh nhiều con quý[71].

Còn như việc trùng tu chùa Hoa Nghiêm, thật không công đức nào lớn bằng, nhưng ở chốn núi sâu quyên mộ khó lắm, chỉ nên tùy duyên, chớ nên miễn cưỡng. Có chánh điện để thờ Phật, có liêu phòng để an thân, có chỗ để hành đạo, cư ngụ là đủ rồi, cần gì phải dựng nhiều điện vũ, xây nhiều nhà ngang, chẳng lợi ích gì cho mình lẫn người, chỉ nhằm sướng con mắt tục ư?

Tạ Hữu tài chí tuy cao, đáng tiếc là chưa gặp được người thông hiểu, tự nói đáng tiếc thời đã qua khó học, chuyên theo cử nghiệp. Nào biết chuyện học thánh, học hiền chẳng có thời mà cũng chẳng có chuyện lỡ thời, mà học theo thánh hiền cũng chẳng khó, chẳng dễ. Vì sao nói vậy? Khổng tử bảy mươi tuổi còn muốn sống thêm vài năm để học Dịch, hòng tránh được lỗi lầm lớn. Há vì từ nghĩa tinh thông bèn vùng vẫy bút mực để hòng được tước vị cao ư? Năm mươi tuổi dốc chí nơi học, bảy mươi tuổi vẫn còn học. Ông ta tuổi gần bốn mươi, há phải đâu là đã quá thời chẳng thể học?

---

[70] Lệnh lang: tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng con trai người khác.

[71] Nguyên văn là "lân nhi" (con kỳ lân) ví cho đứa trẻ thông minh, giỏi giang.

Đạo Nghiêu Thuấn chỉ là hiếu đễ mà thôi! Cả ngày khắc kỷ, giữ lễ, thiên hạ quy về nhân. Thánh nếu mất niệm sẽ thành cuồng, cuồng mà khắc chế được niệm ắt thành thánh. Trong ấy, há có khó dễ gì để luận được ư? Tôi nói: Tạ Hữu mà học thì không gì tốt hơn lúc này, có cha mẹ để tận hiếu, có anh em để hết dạ thương yêu, có con cái để giáo huấn, có thi thư để bắt chước theo, thật hợp với đạo "ở nhà mà tham dự quyền chánh trị"[72] của Phu tử. Lúc này không học thì đúng là lỡ thời khó học vậy. Dẫu cho văn chương quán thế, quan cao nhất phẩm, rốt cuộc vẫn chỉ là người tài khéo cùng cực vi diệu, há nào phải kẻ sĩ hợp thời tận lực học. Do nghe lời Phật bèn ăn chay trường, đủ biết túc căn sâu dày, nhưng vứt bỏ công sức trước kia, ý muốn xuất gia, đủ thấy đạo nhãn còn mê muội.

Như Lai thuyết pháp hằng thuận chúng sanh, gặp cha nói về từ, gặp con nói đến hiếu, ngoài tận hết nhân luân, trong tiêu tịnh lự, ngõ hầu khôi phục chân tâm vốn có. Đấy gọi là đệ tử Phật, nào phải luận trên đầu tóc? Huống chi quê ông ở sâu trong núi thẳm, người biết pháp thì ít, kẻ cao minh vì không thông ngôn ngữ không đến nơi ấy. Nương theo tâm lành ấy dốc tận sức học đạo, tu hiếu đễ để cảm hóa xóm giềng, lập trai giới hòng giết, trộm dần tiêu, nghiên cứu kinh luận Tịnh độ hòng biết yếu đạo xuất khổ. Thọ trì An Sĩ Toàn Thư sẽ biết khuôn mẫu tốt lành để an cõi đời. Đem pháp môn Tịnh độ khuyến dụ cha mẹ, đem pháp môn Tịnh độ dạy cho con và những người thân quen.

Phải nên vì sanh tử đại sự mà đau đáu xót thương thân sau, bất tất phải chọn riêng một chỗ, gia đình chính là đạo tràng, lấy toàn bộ cha mẹ, anh em, vợ con, bằng hữu, thân thích làm pháp quyến, tự hành, dạy người, miệng khuyên, thân làm gương, khiến họ cùng về cõi tịnh, cùng thoát vòng khổ, đáng gọi là bậc cao tăng để tóc, là Phật tử tại gia vậy! Nên dùng ý thô tệ này để bảo với ông ta. Nếu nghe lời này không phỉ báng, vẫn muốn tiến bước nhưng đường nẻo chưa dứt khoát được, mà nếu rảnh rang thì chẳng ngại gì đích thân đến Phổ Đà gặp gỡ một phen. Nếu không, chỉ xem Tịnh Độ Thập Yếu và Tịnh Độ Thánh Hiền Lục sẽ tự biết đường lối, chẳng cần phải nhọc công hỏi ai khác nữa.

Lệnh huynh trung hậu có thừa, dường như có duyên với đạo này, hãy khuyên ông ta thọ trì An Sĩ Toàn Thư, ngõ hầu chẳng uổng một phen gặp gỡ. Di-đà Sớ Sao, An Sĩ Toàn Thư mỗi thứ một bộ gởi kèm theo thư để kết tịnh duyên.

23. Thư trả lời cư sĩ Lâm Giới Sanh ở Thái Thuận (thư thứ hai)

[72] Ý nói tuy không ra làm quan, vẫn góp phần giúp vua giữ yên đất nước.

Mấy phen chưa gặp gỡ, lòng luôn nghĩ nhớ. Mùa thu năm nay lệnh huynh Chi Phần đi thi Hương, mang thư lên núi mới rõ sự tu trì gần đây của cư sĩ, lại nói gia đình bất hạnh, phải chôn con yêu, sáng tối lo buồn chẳng thể yên dạ. Tôi muốn trình bày rõ sự lý nhân quả nhưng lệnh huynh kẹt khóa thi Lục Di[73] buổi sáng, không thể ở lại đêm, cho nên phải nói đại lược. Nay ngày Rằm thanh nhàn, thầy Triệt Quyền đến thăm cho biết tình trạng oán hận của cư sĩ, bảo với vô tri tục nhân rằng: "Làm lành mắc họa, tu hành vô ích" v.v., đủ mọi tà thuyết. Tôi nghe xong đau xót, sợ bậc thượng trí nhân đó biếng nhác tu hành, kẻ hạ ngu dám làm chuyện ác.

Vì thế chẳng nề bỉ lậu, đem lời nói thẳng trình bày. Như Lai giảng kinh báo thông ba đời, phàm sanh con đại lược có bốn nhân, báo thông tam thế là:

1) Thứ nhất là hiện báo, nghĩa là hiện tại làm lành, làm ác, đời này được phước, mắc họa. Như sĩ tử tập tành cử nghiệp, đời này được công danh. Đây là điều mắt phàm thấy được.

2) Thứ hai là sanh báo, nghĩa là đời này làm thiện, làm ác, ngay đời sau được phước, chịu tội, như tổ phụ trọng học vấn, cháu con mới phát đạt. Mắt phàm chẳng thấy được điều này, thiên nhãn vẫn có thể thấy được (đời này, đời sau là ước theo người ấy mà nói, nhưng chuyện cách đời khó thể dùng thí dụ để chỉ rõ nên mới đành tạm thời dựa vào con cháu, tổ phụ cho người khác dễ hiểu, chẳng được chấp vào từ ngữ, khiến ý nghĩa bị trở ngại).

3) Thứ ba là hậu báo, nghĩa là đời này làm lành, làm ác, đến đời thứ ba, hoặc thứ tư, năm, sáu, bảy, hoặc mười, trăm, ngàn, vạn đời, hoặc một, mười, trăm, ngàn, vạn kiếp, hoặc đến vô lượng vô biên Hằng hà sa kiếp mới chịu báo thiện hay ác. Như vương nghiệp nhà Thương, nhà Chu thật ra bắt đầu nền móng từ lúc ông Tắc, ông Khiết[74] phù tá vua Thuấn, vua Vũ. Nếu là chuyện ba đời, thiên nhãn có thể thấy được. Nếu như trăm ngàn kiếp, thiên nhãn chẳng thể thấy được, nhưng đạo nhãn của Thanh văn còn thấy được. Nếu là vô lượng vô biên Hằng hà sa kiếp chỉ có ngũ nhãn viên minh của Như Lai mới thấy được, còn chẳng phải là cảnh giới của đạo nhãn Thanh văn, huống gì thiên nhãn, nhục nhãn!

---

[73] Thời Minh Thanh, trước khi thi Hương, có thêm một khóa thi bổ sung gọi là Lục Di. Ai đỗ khóa ấy mới được vào thi Hương. Mục đích của khóa thi này nhằm loại bớt những sĩ tử kém cỏi.

[74] Tắc là Hậu Tắc, thủy tổ nhà Chu, làm quan coi việc nông thời vua Nghiêu. Ông Khiết là thủy tổ nhà Thương.

Biết được ý nghĩa ba thứ báo này thì làm lành sẽ được điều lành giáng xuống, làm điều chẳng lành phải vướng tai ương, thánh ngôn vốn chẳng sai lầm. Giàu sang, nghèo hèn, thọ yểu, cùng thông, mạng trời chưa hề thiên vị. Cảnh duyên xảy tới như gương hiện bóng, người trí biết sửa hình dung ngoài gương, kẻ ngu uổng công ghét hình ảnh hiện trong gương. Cảnh nghịch xảy đến bèn thuận chịu mới là vui theo mạng trời, chẳng oán chẳng hờn mới hòng lập mạng. Con có bốn nhân: một là báo ân, hai là báo oán, ba là trả nợ, bốn là đòi nợ.

1) Báo ân là cha mẹ sanh con, đời trước có ân với nó, nên để báo ân bèn sanh vào làm con hòng hầu hạ phụng dưỡng, sống thờ chết chôn, khiến cho lúc sống thì cha mẹ vui vẻ, lúc mất bèn thờ cúng. Thậm chí tận trung với vua, yêu dân, danh lưu sử xanh, khiến thiên hạ hậu thế do kính người ấy bèn kính trọng cả cha mẹ. Như ông Tăng Lỗ Công, Trần Trung Tú, Vương Quy Linh, Sử Đại Thành (ba vị Tăng, Trần, Vương đều là danh thần đời Tống, ông Sử là trạng nguyên đầu đời Thanh; bốn vị đều tin Phật, chỉ mình ông Trung Tú ngộ nhập rất sâu, bởi đời trước từng là cao tăng, nên dẫu có địa vị cao vẫn không quên nhân gốc). Con hiếu cháu hiền đời này đều thuộc về loại này.

2) Báo oán là cha mẹ đời trước phụ ơn. Để báo oán bèn sanh vào làm con, nhỏ thì ngỗ nghịch mẹ cha, lớn lên gây họa vạ lây cha mẹ, sống chẳng phụng dưỡng ngọt bùi, chết đi mang nhục nơi chín suối. Lại quá mức đến nỗi con giữ ngôi vị oai quyền, mưu mô trái lẽ, diệt môn sát tộc, quật mồ cuốc mả, khiến thiên hạ hậu thế thóa mạ kẻ ấy lẫn cha mẹ. Như Vương Mãng, Tào Tháo, Đổng Trác, Tần Cối v.v. là loại này.

3) Trả nợ là con đời trước đoạt của cha mẹ, nay để đền nợ bèn sanh vào làm con. Nếu mắc nợ nhiều thì có thể sống với cha mẹ suốt đời, nếu nợ ít thì chẳng tránh khỏi giữa đường chết mất. Như học sắp thành danh bèn táng mạng, buôn bán vừa có lời bèn mất thân.

4) Đòi nợ là cha mẹ đời trước mắc nợ tiền tài của con, để đòi nợ ấy nó bèn sanh vào làm con. Nợ nhỏ uổng phí lễ vật[75], tiền sính lễ mời thầy, cưới vợ cùng răn dạy đủ cách, mong con thành tài, nhưng đại hạn đã tới, chợt chết mất đi. Nợ nhiều thì chẳng phải chỉ vậy, ắt phải táng gia bại sản, nhà tan người chết mới thôi.

[75] Nguyên văn là Thúc Tu (một loại thịt muối), lấy điển tích khi xưa Khổng tử dạy học, học trò đến học bèn biếu thầy một miếng Thúc Tu để xin nhập môn. Cho nên, cổ văn hay dùng chữ Thúc Tu để chỉ quà cáp, lương bổng trả cho thầy để xin cho con theo học.

Xét kỹ con ông, e rằng là hạng đến để đòi nợ. May là nợ ít nên vừa qua tuổi nhược quan (20 tuổi) liền mất. Hãy nên sám hối túc nghiệp, nỗ lực siêng tu, trời ắt ban cho ông đứa con tốt lành, rỡ ràng nhà cửa. Huống chi Khổng tử là bậc thánh nhân, tuổi trung niên chôn con, Nhan Uyên là bậc đại hiền, đang tuổi tráng niên chết yểu. Nguyên Hiến nghèo rớt, Tử Lộ tuẫn nạn, Di Tề chết đói nơi Thủ Dương[76], Bá Ngọc cùng quẫn nơi nước Vệ. Há có thể nói là thánh nhân do tu đức mà bị trời khiển trách ư? Hay là sanh tử hữu mạng, phú quý tại trời ư? Chỉ trách đức mình chẳng chân thành, chớ hỏi trời báo họa phước! Làm được như thế thì tự nhiên ngũ phước lâm môn[77], lục cực[78] quyết định tránh khỏi nhà mình. Cho lời tôi nói không đáng tin thì kìa như vầng dương sáng chói: Phải biết người sống trong thế gian có đủ tám khổ, dẫu sanh lên trời chưa khỏi ngũ suy[79], chỉ riêng thế giới Tây Phương Cực Lạc không có các sự khổ, chỉ hưởng những sự vui.

Chẳng phải là do ông đề xướng, chỉ dạy Tịnh độ mà trời bèn dùng đứa con vô phước, vô thọ làm một nhát kim đâm vào đảnh đầu ông khiến cho ông biết ba cõi không yên, khác nào nhà lửa, các khổ đầy dẫy, thật đáng kinh sợ hay sao? Mạng người vô thường, nhanh như ánh chớp, đại hạn xảy tới, ai lo phận nấy, hết thảy pháp hữu vi như mộng huyễn, bọt bóng. Với điều này còn không tỉnh ngộ, dốc sức tu tịnh nghiệp thì khác gì gỗ đá vô tình cùng sanh trưởng trong vòng trời đất. Là trang nam tử có huyết tánh, há chịu sống làm thây đi thịt chạy, chết mục nát cùng cỏ cây, đề cao thánh cảnh nhưng tự mình lại chịu phận phàm ngu, gặp lời cảnh sách lớn lao chẳng phát phẫn, nghe đạo của thánh hiền, Phật, tổ lại chẳng chịu hành, ấy là trời phụ người hay người phụ trời vậy? Xin hãy rủ lòng dùng trí tuệ quán sát.

24. Thư gởi cư sĩ Lâm Chi Phần ở Thái Thuận (thư thứ nhất)

[76] Khi Trụ Vương bị Chu Võ Vương hưng binh tru diệt, nhà Thương mất ngôi; Bá Di, Thúc Tề là con cháu nhà Thương không chịu ăn thóc nhà Chu, nhịn đói đến chết.

[77] Ngũ phước lâm môn: Năm thứ phước vào cửa, tức là trường thọ (sống lâu), phú quý (giàu sang), khang ninh (mạnh khỏe yên ổn), hiếu đức (tính lương thiện, nhân hậu), khảo chung (chết an lành).

[78] Lục cực: Theo Từ Tỉnh Dân trong bài Nho Học Giải Thuyết thì lục cực là bị vùi dập, bệnh tật, lo buồn, nghèo cùng, bị ghét bỏ và thân thể suy yếu.

[79] Ngũ suy: Năm tướng suy hiện ra khi một vị trời sắp hết tuổi thọ, tức là hoa trên mão héo úa, nách rịn mồ hôi, áo quần nhơ nhớp, thân mất vẻ oai nghi có mùi hôi và mắt thường hay chớp, không thích chỗ ngồi cũ của mình hoặc làm những việc thô tháo với ngọc nữ.

Lý Cương[80] là một tác gia thông đạt, ông ta đem kinh Dịch đối chiếu với Hoa Nghiêm để bàn luận, bảo chúng hoàn toàn phù hợp nhau. Ông ta là bậc thiện tri thức không cự tuyệt người đến học, dẫn người vào chỗ thù thắng, mở rộng tầm hiểu biết. Như Mạnh tử do thấy vua Tề bất nhẫn trước cái chết của một con trâu; suy lòng trắc ẩn ấy thì biết vua có thể bảo bọc dân, làm vua thiên hạ, chứ không phải là do yêu thương suông một con trâu mà hòng làm vua thiên hạ. Đấy là dẫn dụ, chứ không phải là luận khít khao; phàm đọc văn tự của cổ nhân quý ở chỗ lãnh hội được ý, nếu không chỉ là nhai bã hèm mà thôi!

Ôi, Hoa Nghiêm là pháp tự chứng của Như Lai, tất cả các độ, các địa vị đều là sự thật, đều có thể biểu thị pháp. Tứ quả Thanh văn tuy dự pháp hội còn như câm điếc, nhân thiên thuộc địa vị phàm phu há thấy biết được ư? Dẫu có thiên long bát bộ tham dự pháp hội nhưng đều là những bậc đã đích thân chứng được pháp thân, nhằm thượng cầu hạ hóa lợi ích hữu tình, nên đặc biệt hiện thân tám bộ đó thôi, chứ không phải là phàm phu nghiệp báo thật sự vậy. Còn kinh Dịch lập ra những hình tượng hư giả để đoán định cát hung, thuận thiên lý để hướng dẫn tình cảm con người, là thường pháp để trị thế, không phải là đại đạo xuất thế, là nghi tắc, tiêu chuẩn luân thường, chứ không phải là chuẩn mực của Phật đạo. Nhưng với người thông đạt Phật pháp, không pháp gì, chuyện gì chẳng phải là đạo, nói dọc, nói ngang nào có dấu vết? Nếu chẳng thể hiểu rõ triệt để tự tâm, cũng bắt chước nói theo như gã thầy thuốc dốt chưa biết chẩn mạch đã bắt chước róc xương. Lông vũ yếu ớt, đậu trên cành còn khó mà đã toan bay cao, chẳng khiến cho cả mình lẫn người cùng mất mạng là chuyện hiếm lắm.

Nay tôi dùng thí dụ để nói rõ: Kinh Dịch gọi cha mẹ là "nghiêm quân", cổ nhân cũng gọi ấp lệnh[81] là quân, há có phải cha mẹ, ấp lệnh bằng vai phải lứa với thánh thiên tử, chẳng có cao thấp hay chăng? Lại như gọi một bọt nước là biển, nêu một hạt bụi là cõi đất; biết bọt nước và hạt bụi là chút phần của biển và đất thì được, chứ nói bọt nước và biển cùng sâu rộng như biển cả, cùng rộng dày như cõi đất thì chẳng được. Một tia nắng qua kẽ hở chính là mặt trời chiếu trời, soi đất; mảnh trời nhìn qua ống hẹp cũng là cõi trời không ngằn, không mé, nhưng

[80] Lý Cương, tự Bá Kỷ, người xứ Thiệu Vũ, ra làm quan dưới thời Tống Huy Tông. Trong thời Tĩnh Khang, ông thuộc phe chủ chiến nên bị giáng chức. Khi Cao Tông nối ngôi, ông được triệu ra làm tể tướng. Lý Cương rất tin Phật pháp, đặc biệt hâm mộ kinh Hoa Nghiêm. Ông mất năm Thiệu Hưng thứ 10 (1126), thọ 58 tuổi. Trong cuốn Dịch Dữ Hoa Nghiêm Đối Luận (so sánh kinh Dịch và kinh Hoa Nghiêm), ông viết: "Dịch lập ra hình tượng để diễn đạt ý, kinh Hoa Nghiêm mượn sự để biểu thị pháp. Lý vốn không hai, thế gian và xuất thế gian cũng không hai đạo. Vì sao vậy? Thiên địa vạn vật, hữu tình không gì chẳng nhiếp!"

[81] Ấp lệnh: người đứng đầu một ấp.

phải ra khỏi cửa ngắm mặt trời, bỏ ống hẹp để ngửa trông bầu trời. Há có nên nói ngoài kẽ hở không có mặt trời, ngoài ống chẳng có bầu trời hay chăng?

Cổ nhân gọi Nho là Đạo, đa phần nói như thế. Nếu bảo nói như thế là thật ắt có lẽ thánh thiên tử và ấp lệnh cùng tôn quý như nhau, biển cả, cõi đất cùng bọt nước, hạt bụi sâu rộng, rộng dày như nhau hay sao? Mặt trời nơi kẽ hở và bầu trời trong ống cùng mặt trời, bầu trời rộng lớn không ngằn mé cùng trọn khắp như nhau hay sao? Ấy là lời luận bàn tệ hại của những kẻ nhà quê vùng Tề Đông[82], chẳng phải là pháp ngôn của bậc minh tâm kiến tánh. Các hạ nên tự trì giới niệm Phật, lấy sự tu trì của Nho gia làm thường pháp, lấy sự tu trì của Phật giáo làm gia hạnh. Bàn sâu vào lý ắt mất mấy năm, muốn học Phật, tổ, trước hết phải noi theo thánh hiền. Nếu chính mình thực hiện còn có tỳ vết, trái nghịch luân thường thì đáng gọi là tội nhân danh giáo, sao xứng là đệ tử Phật?

Phật giáo tuy là pháp xuất thế, nhưng gặp vua nói đến nhân, gặp bầy tôi nói trung, gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, do cạn mà vào sâu, học cái thấp thỏi nhưng đạt được điều cao cả. Hãy đọc kỹ An Sĩ Toàn Thư ắt biết được đại khái. Phàm phu sửa lỗi hướng thiện và tu tịnh nghiệp chỉ quý nơi chân thành, kỵ nhất hư giả, chẳng được phô trương cái danh hành thiện tu hành bề ngoài, bên trong ôm lòng bất trung, không khoan dung. Cừ Bá Ngọc lúc 50 tuổi biết 49 năm trước là sai. Có như thế mới mong thành thánh, thành hiền, học Phật, học tổ là công thần danh giáo, làm con đích thật của Như Lai. Vì thế chẳng phải do kẻ tăng, người tục cùng quẫn hay thông đạt mà luận vậy.

Điều Bất Huệ mong mỏi nơi các hạ cũng chính là điều mong mỏi nơi hết thảy những người thân quen, có vậy mới khỏi bõ công một phen đến Phổ Đà triều bái Đại sĩ, gặp gỡ Bất Huệ, như thế chính là nghe Phật thừa vậy.

25. Thư gởi cư sĩ Lâm Chi Phần ở Thái Thuận (thư thứ hai)

Phật pháp đến nay suy tàn quá đỗi, chúng sanh mờ mịt như kẻ mù không ai dẫn đường. Dẫu có một hai thiện tri thức khai thị, nhưng do nghiệp sâu chướng nặng, chánh trí chẳng khai, tuy nghe chánh pháp nhưng chẳng sanh tin tưởng. Dẫu sanh tin tưởng cũng vẫn là phù phiếm như say, như mộng, trọn chẳng có định kiến. Vừa gặp tà ma ngoại đạo bèn như nhặng bu theo mùi thối, như thiêu thân đâm đầu vào lửa, kiến bu, chim tụ xúm xít muôn ngàn. Vì thế năm đầu niên hiệu

[82] Nguyên văn "Tề Đông dã nhân chi bỉ luận". Tề Đông Dã Nhân là một thành ngữ, hàm nghĩa những lời đồn đãi không có bằng chứng, toàn là ngoa truyền. Tương truyền, người vùng Tề Đông thường nói những lời không đúng sự thật, thích đồn thổi.

Quang Tự (1875), ở Quan Đông[83] có tà phái gọi là Hỗn Nguyên[84], mỗi năm người quy y hơn mười vạn người, đến năm Quang Tự mười một, mười hai do thói tệ đã bộc lộ, người ta thường ghét thấy. Trong vòng một năm, [kẻ theo tà phái ấy vẫn] còn được mấy vạn.

Gần đây có kẻ xuất gia là con cái ma, toan muốn được đại danh lợi, 30 năm trước gã đã cắt xén ngữ lục của cổ nhân hòng lập ngôn, thay đầu đổi mặt, bảo là ngữ lục của chính mình. Nhưng gã ma con ấy một là không thông tông, hai là chẳng thông giáo, ba là không học vấn, sợ người khác nói mình không học vấn, làm sao có thể nói được như thế, bèn đặc biệt dùng rất nhiều chữ sai cho giống thật[85], khiến người khác bảo hắn đúng là đại triệt đại ngộ, thuận miệng nói ra, từ ngữ lẫn lý lẽ cao siêu mầu nhiệm. Chuyện không thích đáng nhất là do gã chưa từng đọc sách, chẳng thông hiểu nghĩa chữ nên bợ nguyên xi Vạn Pháp Quy Tâm

[83] Quan Đông: vùng đất ở phía Đông ngoài Sơn Hải Quan, nay thuộc vùng Đông Tam Tỉnh, tức đất Mãn Châu khi xưa.

[84] Hỗn Nguyên Môn là một thứ tà giáo thời Minh Thanh, vốn là một chi phái của Bạch Liên giáo. Giáo phái này còn có tên là Hồng Dương giáo, Nguyên Thuần giáo, do Hàn Thái Hồ ở Khúc Châu, tỉnh Trực Lệ sáng lập. Giáo này phát triển rầm rộ tại vùng Đông Bắc Trung Hoa. Hàn Thái Hồ sanh năm Long Khánh thứ 4 (1570). Năm Vạn Lịch 16 (1588), ông ta đến núi Thái Hổ ở Lâm Thành thuộc tỉnh Trực Lệ tu hành. Sau ba năm tự xưng đắc đạo sáng lập Hồng Dương giáo, tôn giáo tổ La Thanh của Vô Vi Giáo làm tổ sư, tự xưng mình chính là hậu thân của La Thanh, mô phỏng bộ La Tổ Ngũ Bộ Kinh để soạn ra Hồng Dương Thán Thế Chân Kinh, tạo thành Ngũ Đại Bộ Kinh của giáo phái mình. Rồi trộm lấy những thần chú, Phật hiệu nhà Phật, sửa chữa, cắt xén tạo thành bộ Tỏa Thích Hỗn Nguyên Vô Thượng Đại Đạo Huyền Diệu Chân Kinh gồm 5 bộ khác nhau, gọi là Tiểu Ngũ Bộ. Năm Vạn Lịch 23, ông ta đến Bắc Kinh truyền giáo. Lúc ấy, triều đình nhà Minh rất sùng bái thuật đồng cốt, họ Hàn bèn kết giao với tổng thái giám. Do vậy, được triều đình phong tặng danh hiệu Hộ Pháp, phong thưởng tước vị. Năm Vạn Lịch 26 (1598), Hàn Thái Hồ chết, chỉ mới 29 tuổi. Giáo đồ nhân đó thêu dệt rất nhiều chuyện để thần bí hóa họ Hàn. Vị thần được giáo phái này tôn sùng nhất là Hỗn Nguyên Lão Tổ (còn gọi là Vô Sanh Lão Mẫu), tất cả các kinh sách của đạo này đều bắt đầu bằng Hỗn Nguyên, Hồng Dương hay Hoằng Dương. Giáo nghĩa chủ yếu của họ là thế giới sắp tận thế, ai tu theo Hồng Dương giáo sẽ được cứu độ. Vào những ngày đản sanh của Phật, Quán Âm, Địa Tạng, và sáng tổ của đạo hoặc các dịp ma chay, giáo đồ tụ tập cử hành tế lễ, tuyên niệm những bài kinh Hoằng Dương Khổ Công Ngộ Đạo Kinh, Hỗn Nguyên Hồng Dương Lâm Phàm Phiêu Cao Kinh, Hộ Quốc Hựu Dân Phục Ma Bảo Quyển, Thái Sơn Đông Nhạc Thập Vương Bảo Quyển v.v.. Các hình thức trị bệnh bằng bùa chú, ban thánh thủy, thánh dược cũng rất thịnh hành. Trong thời vua Gia Khánh, giáo phái này giao tranh khốc liệt với Thiên Lý giáo nên bị nhà Thanh đàn áp, nên suy yếu dần. Hỗn Nguyên Môn mạnh mẽ trở lại vào thời Quang Tự rồi lại bị suy yếu. Chính quyền Trung Hoa Dân Quốc liệt giáo phái này vào danh sách những tà giáo. Đến nay, ở Trung Hoa Đại Lục vẫn còn một hai nhóm theo giáo phái này.

[85] Ý nói: Cố ý dùng những chữ không đúng chỗ, không thích hợp để làm ra vẻ như đang thuận miệng giảng nói, chứ không phải là do biên soạn ra nên từ ngữ không được trau chuốt, gãy gọn.

Lục, Lục tổ Đàn Kinh, thi kệ của Hàn Sơn chỉ đổi dăm ba chữ mà thôi. Tất cả câu chữ đều như thế, bèn lưu truyền gần xa, nhưng cũng không quyến dụ được nhiều.

Gần đây, gã lại khoe đắc "diệu pháp" khiến cho thiện nam, tín nữ bắt chước nhau quy y, lại bảo muốn đắc diệu pháp nào ắt sẽ được như thế. Do gã ma con ấy thoạt đầu vờ xưng ngộ đạo, người ta chưa quy phục. Gần đây, hắn bèn dối xưng đắc đạo, nên xa gần tranh nhau theo về, tự nói: "Pháp của ta nói khiến người dễ đắc đạo!" Vì thế cả một vùng như cuồng cùng nhau sùng phụng. Dối xưng đắc đạo thì phải có sự thật người ta mới chịu tin, vì thế hắn phóng túng không e dè, thuận miệng nói càn, thường bảo cùng người: "Ta có thể nhập định siêu độ cho vong hồn được sanh lên trời, hoặc sanh về Tịnh độ, có thể biết hết thảy người đã mất sanh lên trên trời hoặc sanh trong nhân gian và ba ác đạo. Lại biết người này thượng phẩm vãng sanh Tây Phương, người kia trung phẩm vãng sanh, người nọ sanh vào hạ phẩm." Do vậy, chẳng những ngu phu, ngu phụ cố nhiên ngả theo chiều gió, ngay cả những bậc sĩ đại phu không thông Phật lý cũng tưởng hắn thật sự đắc đạo, bèn quy y tin thờ.

Chuyện như vậy nay thấy nhiều lắm, dẫu có người trí chê là cuồng vọng, nhưng vì tà thuyết đó đã ăn sâu vào lòng người nên chẳng ai tin lời bậc trí giả. Từ xưa, cao tăng hoặc Phật tái lai hoặc Bồ-tát thị hiện đều giữ phận phàm phu, trọn chẳng nói ta là Phật, ta là Bồ-tát. Vì thế, kinh Lăng-nghiêm nói: "Sau khi ta diệt độ, truyền cho các Bồ-tát và A-la-hán ứng thân sanh trong thời mạt pháp, hiện đủ mọi hình, độ những kẻ đang luân chuyển, trọn chẳng được tự nói mình thật là Bồ-tát, thật là A-la-hán, tiết lộ mật nhân của Phật, dễ dãi nói cùng kẻ chưa học. Chỉ trừ khi mạng chung, ngầm để lại dặn dò."

Như đại sư Trí Giả thật sự là hóa thân của Phật Thích-ca, đến lúc lâm chung có người hỏi đến địa vị chứng nhập, bèn đáp: "Nếu ta không lãnh chúng, ắt tịnh sáu căn, do tổn mình lợi người nên chỉ dự vào ngũ phẩm", tức là vẫn còn thuộc địa vị phàm phu. Ngũ phẩm chính là địa vị Quán hạnh trong Viên giáo, sở ngộ ngang với Phật, đã khuất phục trọn vẹn ngũ trụ phiền não nhưng chưa thể đoạn kiến hoặc. Ngài Trí Giả lúc lâm chung còn chẳng hiển bổn, ý muốn cho hàng hậu học dốc chí tu hành tinh ròng, chẳng đến nỗi được chút ít đã cho là đủ, cũng như chẳng lấy phàm lạm thánh vậy! Nay lũ ma kia bịp xằng đắc đạo chính là hoại loạn Phật pháp, là kẻ đại vọng ngữ lầm lạc chúng sanh. Cái tội đại vọng ngữ ấy thậm chí còn nặng gấp trăm ngàn lần tội ngũ nghịch thập ác. Thầy đó, trò đó sẽ vĩnh

viễn đọa trong địa ngục A-tỳ, trải Phật sát vi trần kiếp số[86] luôn chịu cực khổ còn chưa được xuất ly. Sao lại khổ vì danh lợi hư phù một lúc, cam chịu hình phạt thảm khốc bao kiếp? Danh lợi mê hoặc người đến nỗi như thế ấy!

Gã ma con kia bảo pháp hắn đã nói khiến người dễ đắc đạo tức là hiểu cái tâm sanh diệt là thường trụ, tưởng "không làm thiện, không đoạn ác" là bất sanh bất diệt, bác không nhân quả, sụp hầm tà kiến. Đấy chính thực tế của chuyện gã ma con chèo kéo đồ chúng, khiến họ lầm tưởng đều đã đắc đạo. Vì thế, có kẻ thường ngày trì trai niệm Phật, vừa thân cận bọn chúng liền không trì trai, không niệm Phật nữa. Kỳ dư, hết thảy những chuyện cải ác hướng thiện, biết nhân hiểu quả, vun đức trồng phước v.v. thảy đều bỏ hết.

Chúng chỉ dạy người ta khán một câu thoại đầu, nhưng thật ra chẳng biết khán như thế nào, thế nào là thoại đầu? Bèn đem những lời đối ứng căn cơ của cổ nhân bảo người khác y văn giải nghĩa, suy lường, dò đoán. Như những câu "con chó không có Phật tánh, cây bách trước sân, que cứt khô, ba cân gai, cái áo vải nặng bảy cân" v.v., thảy đều bóc trần từng chữ để giảng nghĩa, cho là tu tham thiền, là thấu triệt công án. Vừa mới ngồi yên được một chút và có thể giải nghĩa dựa theo văn tự, bèn ấn chứng: "Người này túc căn sâu dày, người kia hiện đang tu hành tinh thuần, nên dụng công chưa lâu đã thấu triệt." Chuyện tham thiền nói dễ dàng sao? Cổ nhân như thiền sư Triệu Châu Thẩm xuất gia từ nhỏ, đến lúc ngoài tám mươi vẫn còn hành cước[87]. Vì thế có bài tụng rằng:

Triệu Châu bát thập do hành cước,
Chỉ vị tâm đầu vị tiêu nhiên.

(Triệu Châu tám chục còn hành cước,
Do bởi trong tâm chửa rỗng rang.)

Ngài Trường Khánh ngồi rách bảy cái bồ đoàn rồi mới khai ngộ, ngài Dũng Tuyền đến năm bốn mươi vẫn còn nhọc nhằn, Tuyết Phong ba lần lên gặp ngài Đầu Tử, chín lượt lên Động Sơn. Những vị đại tổ sư đại triệt đại ngộ còn khó khăn như thế, bọn ma con kia vừa mới nghe ma thuyết đều khai ngộ ngay, những vị tổ sư vừa nói ấy có xách giày cho chúng cũng chẳng đáng hay sao?

Phải biết tổ sư ngộ là từ mê đến ngộ, hễ ngộ rồi sẽ ngộ vĩnh viễn, còn cái ngộ của bọn ma là do mê bèn lầm, hễ lầm rồi bèn vĩnh viễn lầm. Tuy đồng âm với

[86] Phật sát vi trần kiếp số: Tức số lượng nhiều như số tất cả hạt vi trần trong một cõi Phật.
[87] Hành cước: Thiền khách đi tham học khắp với các bậc tôn túc đã chứng ngộ trong tùng lâm thiên hạ.

ngộ[88], nhưng sự thật trái nghịch với ngộ. Do bọn ma kia từ lúc mới phát tâm, một là không giới hạnh, hai là không có chánh trí, ba là chẳng biết thoại đầu là phương tiện để đánh động, tham thấu tự tâm, cứ tưởng dựa theo văn nghĩa suy đoán chính là tham thoại đầu. Tham thiền kiểu đó thì người thông minh trong thế gian sẽ đều là bậc đại triệt đại ngộ hết.

Như kẻ chẳng biết bảo châu ma-ni, thấy mắt cá bèn quý trọng cất đi, khoe khoang cùng người: "Tôi đã có được châu ấy." Mọi người cũng chẳng biết thế nào là châu, thế nào là mắt cá, bèn xúm xít tìm cầu, ai nấy đều được châu ấy. Từ đó phát đại thệ nguyện khiến cho khắp đồng bào nghèo khổ đều được châu ấy. Một mai gặp được khách thương người Hồ[89] muốn đổi châu lấy nhiều vàng, khách thương người Hồ ném đi, mắng rằng: "Sao lại đem mắt cá làm bẩn mắt ta?" Mới biết mình đã phí sạch tâm cơ, chỉ đành hổ thẹn muốn chết mà thôi!

Nhưng thói thường con người buông lung thì dễ, câu thúc thì khó. Dạy trì trai niệm Phật bèn cảm thấy miệng ăn mất ngon, thân tâm thường khổ sở, nhọc nhằn. Gã ma kia bảo chỉ cần giữ tâm tốt, cần gì phải ăn chay? Ngươi vốn là Phật, cần gì phải niệm Phật? Do vậy, thật là hợp với cái tánh lười nhác, biếng trễ của mình, chẳng muốn bó buộc, mặc tình phóng túng như tù được lệnh tha, vui mừng khôn xiết! Nếu hỏi đến duyên do, bèn nói:

- Đạt-ma từ trời Tây sang đây, không lập văn tự, chỉ thẳng tâm người, kiến tánh thành Phật. Ngươi chỉ khán một câu thoại đầu ắt thấy được tánh, thấy được tánh rồi liền gọi là thành Phật, đã thành Phật rồi thì hết thảy đều không: không nhân, không quả, không tu, không chứng, một pháp chẳng lập, gọi là chân giải thoát. Ai dạy người trì trai niệm Phật, cải ác tu thiện, sợ nhân quả, vun bồi phước đức đều là chẳng biết trong tự tánh không pháp nào chẳng đủ, cũng như không thể lập được một pháp nào. Người chấp trước pháp tướng, chẳng chịu lìa bỏ. Bỏ gốc đuổi theo ngọn, không dây mà tự buộc. Người như thế gọi là Tiểu thừa. Sao có thể coi là thiện tri thức để thân cận được ư? Phải biết những pháp Như Lai nói về nhân quả, tu chứng v.v. đều là lấy lá vàng giả làm vàng để dỗ trẻ nín khóc, bọn họ lại chấp là thật, vậy là trí bọn họ có khác gì trẻ nít đâu! Nếu là đại trượng phu, Phật còn chẳng thể được, há còn có những pháp nhân quả, tu chứng v.v.. Nếu lập một mảy trần, sẽ chẳng phải là Phật pháp. Ông chỉ tự biết mình đã là Phật thì dù

[88] Ngộ 悟 (bộ tâm) là giác ngộ, còn Ngộ 誤 (bộ ngôn) là lầm lẫn, mê lầm. Ngộ của bọn ma chính là ngộ (lầm lẫn).
[89] Nguyên văn "Cổ Hồ" là những lái buôn người Hồ. Xưa những người từ Tây Vực, Tân Cương thường vào Trung Hoa buôn bán, người Trung Hoa nhất loạt gọi họ là người Hồ.

cho ăn thịt, uống rượu, trộm cắp, hành dâm, không pháp nào chẳng phải là Phật pháp. Trên thiên đường, dưới địa ngục, áo trời, thức ăn trời, vạc dầu, lò than, có cảnh nào chẳng phải là Phật cảnh? Tự ta chính là Di-đà, ngay nơi đây chính là Cực Lạc, há nên khuấy động cái tâm vọng tưởng nghiệp thức, quang quác cái miệng do cha mẹ sanh ra để cả đời niệm Phật suốt ngày, chịu nhiều oan uổng ư? Cầu đến lúc lâm chung vãng sanh Tây Phương, bỏ mình cầu nơi người, bỏ nhà lang thang, há chẳng phải là tri kiến điên đảo, tu tập lầm loạn hay sao?

Các thứ ma thuyết đại để là như thế. Nay thử luận xem:

- Nếu "chỉ cần tâm tốt cần gì phải trì trai" thì giết thân mạng chúng sanh để sướng cái miệng là tâm tốt hay không tâm tốt? Vả nữa, khi binh kiếp, giặc đến giết người cũng nên coi đó là tâm tốt. Ví như lúc ngươi bị nó giết bèn sẽ cảm ơn hay oán hận vậy? Ngươi vốn là Phật, chẳng chịu niệm đức Phật nào khác, sao lại chịu giết chúng sanh để ăn? Những chúng sanh ấy chẳng phải đều là cha mẹ quá khứ, chư Phật vị lai hay sao? Như vậy, tâm tánh của ngươi vốn đã là Phật, nhưng hành vi của ngươi vốn là chúng sanh, sao chưa đắc bảo là đắc, đem phàm xen lộn thánh, coi niệm đức Phật khác là nhục, coi sát sanh là vinh hiển như vậy?

Đạt-ma từ trời Tây qua, không lập văn tự là vì muốn cho con người chứng ngộ triệt để bản thể, chẳng chú trọng đọc tụng ngôn ngữ suông. Nếu khế nhập bổn thể thì văn tự chính là bản thể, chính là tướng giải thoát. Suốt ngày đọc tụng, y giáo tu hành, rốt cuộc chẳng có được tướng văn tự. Như các bậc đại lão Vĩnh Minh Diên Thọ, Thủ Sơn Niệm, Thê Hiền Thực, Dục Vương Vi v.v. đều suốt đời đọc tụng, há các ngài đều không biết ý chỉ "chẳng lập văn tự" hay sao? Chỉ do ngươi hiểu lầm ý nghĩa "bất lập" là phế bỏ, bèn nói hết thảy kinh điển Tiểu, Đại thừa, vô lượng pháp môn do Như Lai đã nói đều là dùng lá vàng giả làm vàng để phỉnh phờ trẻ nhỏ. Nếu như vậy, Ca-diếp, A-nan, Mã Minh, Long Thọ, Vĩnh Minh, Thủ Sơn v.v. đều là những gã chơi với lá vàng. Ngươi đã cho là họ đều sai, vậy sao còn truyền thừa pháp của họ, bảo mình là Thiền tông. Nếu họ đúng thì "Thiền tông" của nhà ngươi chẳng phải là Thiền tông của họ. Ngươi chỉ mạo danh họ, là ác tặc phá hoại pháp của họ mà thôi!

Hơn nữa, ngươi chấp trước vứt bỏ văn tự mới là "không lập văn tự" thì Lục tổ nói: "Chỉ một câu 'chẳng lập' ấy đã là văn tự, huống gì còn có tám chữ chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật!" Mười sáu chữ ấy của tổ Đạt-ma từ trời Tây qua là văn tự hay không phải là văn tự? Lại nữa, hết thảy đều không, không nhân, không quả, không tu, không chứng, một pháp chẳng lập gọi là chân giải thoát, thế sao lại lập phá trai, báng Phật? Sao chẳng chịu để cho các pháp nương

vào ác, phế thiện, mê muội nhân quả, chiết phước tổn đức v.v. đều không? Thượng trí biết "không" càng tăng tấn đức, hạ ngu biết "không" bèn bỏ thiện. Ngàn trăm năm trước, Phật tổ sớm đã vì ngươi phán định, ngăn ngừa.

Ngươi gièm báng người khác chấp vào thiện pháp là "bỏ gốc theo ngọn, là không dây tự trói, là Tiểu thừa", còn ngươi chấp vào ác pháp, chẳng chịu vứt bỏ, đời này sẽ chịu phép nước, chết đi đọa mãi trong A-tỳ, ấy có phải là bỏ ngọn theo gốc, ấy có phải là trói mà không trói, ấy có phải là Đại thừa hay chăng? Ngươi nói: "Đại trượng phu Phật còn chẳng thể được, huống hồ có nhân quả tu chứng. Nếu lập một mảy trần thì không phải là Phật pháp, cho nên Phật, nhân quả, tu chứng đều là mảy trần, đều chẳng được lập", nhưng ăn thịt, uống rượu, trộm cắp, hành dâm, há chẳng phải là mảy trần đều lập được hay sao?

Lại hỏi: Cái tâm ăn thịt, uống rượu, trộm cắp, hành dâm là tâm Phật hay tâm chúng sanh? Nếu bảo là tâm Phật, há Phật giữ cái tâm ấy ư? Làm những chuyện ấy ư? Nếu bảo là tâm chúng sanh thì há có còn là vượt ngoài nhân quả, có còn chẳng phải là trần, có còn là Phật pháp nữa hay chăng? Địa ngục vẫn là cảnh Phật, ngay nơi đây chính là Tây Phương thì khổ cũng chẳng chán, vui cũng chẳng cầu, không lấy, không bỏ, quên ghét, quên yêu, sao lại tham cầu danh lợi đời này, hư vọng mong chết đi để lại tiếng tốt? Xén trộm lời cổ nhân, thay đầu đổi mặt cho là ngữ lục của chính mình, chưa đắc bảo là đắc, chưa chứng bảo đã chứng, đem phàm xen lộn thánh, dối xưng tri thức, dạy nhiều nam nữ thiện tâm đọa hầm tà kiến, chôn mất huệ mạng, từ đây đọa mãi trong ác đạo, muốn thoát ra không có cách nào. Xét đến bổn nhân của gã ma con ấy chẳng qua là muốn được danh lợi hư phù, mong người khác gọi mình là bậc đại thiện tri thức mà thôi. Biết rõ hậu báo thì tình trạng đau đớn thê thảm dẫu hết sạch trúc[90] khó chép hết được nổi, chẳng đáng buồn sao?

Ông đã phát tâm niệm Phật, nên dựa theo những gì đã nói trong kinh luận Tịnh độ mà tu. Những lời gã ma con nói chỉ là ăn cắp từ lời lẽ của các tổ sư tông môn, do bản thân gã hiểu lầm ý nhà Thiền, nên gã nói gì cũng đều dường như là đúng nhưng thật ra là sai, thật sự trái nghịch đạo lý nhà Thiền, thật sự là kẻ oán của Phật pháp. Nếu bị hắn dụ, theo bè đảng hắn sẽ khó tránh khỏi vì tâm tốt mà chuốc lấy quả ác, trọn chẳng thể thân cận gã ma con ấy! Nên khăng khăng giữ lấy quy củ của liệt tổ Tịnh tông đã thành lập, trì trai niệm Phật, cải ác hướng thiện, biết nhân hiểu quả, vun phước trồng đức để mong đời này tiêu trừ nghiệp chướng,

[90] Thời cổ dùng thẻ tre làm giấy ghi chép, nên thường có thành ngữ *"khánh trúc nan thư kỳ tội"* (hết sạch trúc khó chép hết nổi tội).

lâm chung chánh niệm vãng sanh mới hòng khỏi uổng một đời này, đích thân làm đệ tử Như Lai. Phải biết một pháp Thiền tông gọi là *"giáo ngoại biệt truyền"* (truyền riêng ngoài giáo), phàm những gì đề xướng đều là "ý tại ngôn ngoại", ngàn lời vạn lẽ đều nhằm chỉ về "pháp thân lý thể" chẳng dính dáng gì đến nhân quả, tu chứng, phàm thánh, chúng sanh, Phật, để con người trước hết ngộ được thể này rồi mới bắt đầu tu nhân chứng quả, siêu phàm nhập thánh, tức là chúng sanh thành Phật đạo về mặt sự.

Thế nhưng những lời ứng với căn cơ gọi là "cơ phong", hoặc gọi là "chuyển ngữ" ấy đều là muốn cho người ta tham thấu tự hiểu, nên không có nghĩa lý gì. Nếu hiểu được thì là may mắn lớn. Nếu không hiểu thì lấy câu nói ấy làm bổn mạng nguyên thần, quên ăn bỏ ngủ, suốt ngày thâu đêm như một người chống lại vạn người, chẳng dám có chút gián đoạn, phóng túng. Một năm chẳng ngộ bèn tham hai năm, mười năm chẳng ngộ bèn tham hai mươi năm, một đời chẳng ngộ bèn đời đời tham. Nếu quả thật dốc trọn thâm tâm này mà tham cứu câu ấy, quyết chẳng có lẽ nào không ngộ! Ngộ rồi, bèn gọi là "ngộ đạo", vẫn phải trải qua các cảnh duyên để rèn giũa tập khí, ngõ hầu phiền hoặc hết sạch mới gọi là chứng đạo. Gã ma con kia tưởng lầm là ngộ, ngộ của hắn xét về toàn thể là ngộ nhận, nói chi đến chứng, nhưng chẳng biết hổ thẹn, chẳng sợ nhân quả, đến nỗi vô lượng nam nữ tâm tốt bị gã dụ dỗ cùng đoạn thiện căn. Ông dốc lòng tin vào lời này sẽ chẳng bị gã đó hãm hại. Hãy nhớ lấy, nhớ lấy!

26. Thư trả lời anh em cư sĩ X… ở Vĩnh Gia

Giữa xuân vừa hết, đã sang tiết hè, quang âm vùn vụt, thật đáng kinh người. Thường nhớ hai vị tín tâm chân thành, khẩn thiết, pháp nhãn chưa tỏ, nên đến nỗi bỏ chỗ cao minh chọn lấy chỗ tối tăm, hèn tệ. Khác nào bỏ vị Phật sống trong nhà mà đi thờ pho tượng đất ngoài đồng, chẳng những tự đánh mất chánh kiến, mà còn để tiếng chê cười cho thiên hạ. Tuy Quang tôi tiến thoái lưỡng nan, thẹn thùng sâu xa, vẫn gởi thư để sau này quý vị có dịp sẽ tùy thời xem đến. Quang tôi mắt mờ, sức yếu, nếu không có chuyện gì bèn chẳng gần gũi bút mực, ví như có chuyện phải đụng đến thì khác gì gom chữ, chồng giấy, nào có khả quan gì? Nhưng sợ cô phụ lòng mong mỏi, nay bèn đem những cơm thừa, canh cặn trước đây tạm gom thành một hai món, nếu chẳng hiềm chua hôi thì cũng có thể coi như là thứ khác thường để nếm vị diệu tuyệt của tự tánh.

Bài Tịnh Độ Quyết Nghi Luận là do vào năm Dân Quốc thứ ba (1914), cư sĩ Địch Sở Thanh vì ông Đoan Phủ trở về quê, số báo thứ mười ba không đủ bài nên

mới bảo tôi viết một hai bài cho xôm tụ. Sau này, không người chủ trì bèn ngừng không xuất bản. Bài luận văn ấy tuy dở vụng, nhưng giúp đoạn nghi sanh tín không ít, phần giải thích về bài Tứ Liệu Giản của tổ Vĩnh Minh nên xem kỹ càng, nếu không tin tưởng như thế bèn thành hư văn. Đấy là những điều Bất Huệ tôi đau lòng nhức óc phát huy trong mấy mươi năm, muôn vàn chớ vì người đời nay nói này nói nọ mà cô phụ tâm đại từ bi của tổ Vĩnh Minh. Bài luận "Lợi ích của việc trì kinh phải do tâm mà luận" là vì người đời nay thọ trì kinh điển trọn chẳng sanh khởi lòng kiêng dè mà viết. Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp, phải cầu nơi kính sợ. Có thể dốc kiệt lòng thành, dốc cạn lòng kính thì dẫu là quả đức rốt ráo còn có thể chứng được, huống chi những thứ kém hơn ư?

Các bài khác đều là tùy sự mà viết, đấy chính là lấy đá nơi núi khác chế biến thành ngọc, chỉ xét đến phần lợi ích, đừng so sánh về hình tích, vậy sẽ được lợi ích. Nếu đem sánh với trước tác của cổ đức ắt phải đem đốt ngay không chần chừ, huống hồ còn có thể để lọt vào mắt được ư?

Sách Giản Ma Biện Dị Lục văn lý cao sâu, Thiền Giáo dung quán, soạn từ mùa hạ năm Ung Chánh thứ mười một (1733) đến năm mười ba (1735) mới xong, chưa kịp khắc in, xe rồng đã lên làm khách cõi trời. Đến sau này lúc in, do nguyên bản dùng nhiều chữ thảo để thay thế[91], kẻ chép lại không xem xét kỹ bèn thay nhiều chữ thảo bằng chữ đủ nét, [nhưng không xét đến văn cảnh] nên khiến tác phẩm bị sai ngoa nhiều không kể xiết. Giả sử Thanh Thế Tông (Ung Chánh) còn sống, chắc chắn chẳng đến nỗi như thế. Mùa xuân năm nay, tôi giảo chánh tường tận hai lượt, mong hoàn lại bản lai diện mục của sách, đợi sau này đầy đủ nhân duyên, ngõ hầu chẳng phụ Thế Tông một phen dốc cạn tâm ý.

Hòa thượng Thiện Đạo là Di-đà hóa thân, có đại thần thông, có đại trí tuệ, xiển dương Tịnh độ rộng rãi, không chuộng huyền diệu, chỉ trọng chỗ chân thật, thiết thực, bình phàm, thực tiễn dạy người tu trì. Lời dạy của ngài về hai cách chuyên tu và tạp tu lợi ích vô cùng.

1) Chuyên tu nghĩa là thân nghiệp chuyên lễ (phàm những khi đi nhiễu và hết thảy những khi thân chẳng buông lung thì chính là thân nghiệp chuyên lễ), khẩu nghiệp chuyên xưng (phàm tụng kinh chú, có thể chí tâm hồi hướng thì cũng có thể gọi là chuyên xưng), ý nghiệp chuyên niệm. Như thế thì vãng sanh Tây Phương vạn người chẳng sót một.

[91] Ý nói trong nguyên bản có nhiều chỗ dùng lối chữ thảo để viết tắt, hoặc dùng chữ đồng âm để viết cho gọn (tức là lối giả tá). Khi người ta sao lại để in không xét kỹ ngữ cảnh, cứ thay bằng chữ đủ nét tương ứng nhưng không phù hợp ngữ cảnh làm cho sai lạc ý nghĩa.

2) Tạp tu là kiêm tu các pháp môn, hồi hướng vãng sanh. Do tâm chẳng thuần nhất khó được lợi ích, trong trăm người khó được một, hai; trong ngàn kẻ hiếm được ba bốn người vãng sanh.

Đấy là lời thành thật từ kim khẩu, là lời phán định đanh thép ngàn đời chẳng đổi được. Hai vị nên dùng lời này để tự lợi, lại nên dùng lời này để lợi khắp hết thảy. Còn như pháp trì chú chỉ có thể dùng làm trợ hạnh, chẳng được coi pháp niệm Phật là hạnh tu kèm, coi trì chú là chánh hạnh. Tuy pháp môn trì chú cũng chẳng thể nghĩ bàn, nhưng phàm phu vãng sanh hoàn toàn do tín nguyện chân thành khẩn thiết, cảm ứng đạo giao với hoằng thệ đại nguyện của Phật A-di-đà, nên được tiếp dẫn. Nếu chẳng biết ý này, thì pháp nào, hạnh nào cũng đều chẳng thể nghĩ bàn, tùy ý tu pháp nào cũng đều thấy là pháp nào cũng được, bèn thành "không Thiền không Tịnh độ, giường sắt và cột đồng, vạn kiếp lẫn ngàn đời, không một ai nương tựa".

Nếu tự biết mình là phàm phu đầy dẫy phiền não, nghiệp lực đầy thân, không dựa vào hoằng thệ nguyện lực của Như Lai, quyết khó thể trong đời này thoát khỏi luân hồi, mới biết lực dụng của giáo pháp cả một đời đức Phật đều chẳng thể sánh với một pháp Tịnh độ. Trì chú, tụng kinh để trồng phước tuệ, tiêu tội nghiệp thì được. Nếu sanh tâm lầm lạc, muốn cầu thần thông thì có thể nói là bỏ gốc theo ngọn, chẳng khéo dụng tâm. Nếu tâm ấy cố kết, lại còn chẳng thông mặt lý, giới lực không vững, tâm Bồ-đề chẳng sanh, tâm ta người càng thạnh, ắt sẽ có ngày bị ma dựa phát cuồng. Phàm muốn đắc thần thông, trước hết phải đắc đạo, hễ đắc đạo sẽ tự có thần thông. Nếu chẳng dốc sức nơi đạo, chỉ cầu thần thông, đừng nói chi thần thông chẳng đắc, dẫu có đắc cũng trở thành chướng đạo. Vì thế, chư Phật, chư tổ đều nghiêm cấm chẳng cho người tu học vậy. Do trong đời thường có hạng người kiến giải như vậy nên phải thuật tỉ mỉ nhiều lượt.

Lệnh thân[92] của hai vị còn tại thế, hãy nên đem pháp môn Tịnh độ, sự tích, cảm ứng thường giảng giải cho họ, ngõ hầu họ sanh tâm hoan hỷ, tin nhận, phụng hành. Nếu chẳng coi đó là hiếu, dẫu có thực hiện trọn những điều thế gian gọi là hiếu thì rốt cuộc có lợi ích gì cho cha mẹ đâu? Đại Vũ là bậc đại thánh nhân chẳng cứu nổi hồn ông Cổn hóa thành con hoàng nãi[93] chui vào vực Vũ Uyên. Thấy điều đó chẳng đáng kinh sợ ư? Nếu đã tỉnh ngộ, hãy cầu sao dẫn dắt được thần thức

[92] Lệnh thân: tiếng tôn xưng cha mẹ của người khác.

[93] Chữ Hán ghi là hoàng năng (黃能), tổ Ấn Quang chú thích: *"Âm nãi, bình thanh, tức tam túc miết"* (đọc là nãi, đọc thanh ngang, chính là con ba ba có ba chân). Ông Cổn là bố vua Đại Vũ.

của cha mẹ cao dự hải hội, thân cận Di-đà, hòng chứng được vô lượng quang thọ sẵn có nơi tự tâm.

Cư sĩ Chí Liên tuy siêng khổ hạnh, chỉ e tông chỉ Tịnh độ còn chưa biết, rất có thể lòng bà ta sẽ cầu chuyển được thân nữ, hoặc cầu sanh vào chốn an vui trong cõi trời người, chẳng thể triệt để buông xuống, đến nỗi đánh mất vô biên lợi ích nơi những chuyện vui nhỏ nhặt của thế gian. Cũng nên thường giảng nói cho bà ta biết khiến chí hướng được quyết định. Phàm khuyên một người sanh Tịnh độ chính là thành tựu cho một chúng sanh làm Phật, phàm thành Phật ắt độ vô lượng chúng sanh, công ấy do ta khởi đầu, công đức lợi ích há thể nghĩ bàn được ư?

Lại nữa, tự mình đã tu Tịnh độ, phải nên đem pháp môn này khuyên khắp hết thảy, huống hồ với thê thiếp, con cái há chẳng nên khuyên phát tâm khiến họ bị mất lợi ích lớn lao hay sao? Nếu họ do thiên tánh thân cận pháp này thì còn gì thiện bằng, nếu họ hơi trái nghịch cũng sẽ dần dần tiêm nhiễm, ắt sẽ từ xa thành gần. Đấy mới là yêu thương sâu xa, mới là lòng từ rộng lớn. Bỏ đi điều này mà bảo là từ ái thì chỉ là hữu danh vô thực mà thôi!

Nói suông chẳng đủ để thuyết phục, tạm chép một hai điều để hai vị thấy đại lược, muốn xem tường tận hãy đọc Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Lạc Bang Văn Loại[94] v.v. ắt sẽ có căn cứ để bắt chước theo, không còn hoài nghi được nữa. Một bộ Pháp Uyển Châu Lâm[95] thuật rõ nhân quả, lý sự đều cao, có thể đối trị cố tật mù quáng bài bác nhân quả, phóng túng, không e dè gần đây. Phàm ai có tín tâm đọc sách nên thường khuyên họ đọc sách ấy, chẳng những hữu

[94] Lạc Bang Văn Loại: Tác phẩm này gồm năm quyển, do ngài Tông Hiểu (1151-1214) soạn vào đời Nam Tống, hoàn thành vào năm Khánh Nguyên thứ sáu (1200). Nội dung bao gồm các đoạn văn trọng yếu trong các kinh luận liên quan đến Tịnh độ, cũng như liệt kê tên các trước thuật, thi kệ, truyện ký của chư tổ sư, phân thành mười bốn môn (đề mục), chia thành hơn 220 thiên. Về sau, ngài Tông Hiểu soạn thêm cuốn Tục Biên Lạc Bang Di Cảo để bổ sung.

[95] Pháp Uyển Châu Lâm tổng cộng gồm 100 quyển do ngài Đạo Thế (?-683) soạn vào năm đầu niên hiệu Tổng Chương đời Đường (668). Đây là một loại bách khoa toàn thư vô cùng quý giá về các kinh luận Phật giáo. Ngài Đạo Thế đã dựa theo bộ Đại Đường Nội Điển Mục Lục và Tục Cao Tăng Truyện của anh mình là Đạo Tuyên để biên soạn. Tác phẩm này gồm một trăm thiên, chia thành 668 tiểu loại, trình bày đại lược tư tưởng, thuật ngữ, pháp số v.v. của Phật giáo. Sách dẫn rộng các kinh, luật, luận, ký, truyện (hơn cả bốn trăm thứ). Rất nhiều tác phẩm được Pháp Uyển Châu Lâm nhắc đến nay đã bị thất lạc.

ích cho thân tâm tánh mạng, lại còn thật sự có ích cho chuyện cách vật trí tri[96], văn chương, học vấn. An Sĩ Toàn Thư cũng có tác dụng tương tự, kẻ văn nhân đều chẳng thể không biết. Nỗi khổ Sa-bà nói chẳng thể hết, dẫu nhằm thời thanh bình vẫn thường ngày khổ não, do chúng sanh tiếp xúc lâu ngày thành quen nên chẳng tự biết.

Gần đây, Trung Quốc trải mấy lượt binh biến, đúng là khổ chẳng thể nói. Nhưng các nước bên Âu Tây đại chiến ba năm, người chết gần ngàn vạn, mở đầu cuộc binh kiếp lần thứ nhất, nhưng tình hình chiến tranh vẫn còn dữ dội, chẳng biết rốt cuộc thế nào? Lặng im suy nghĩ, quả thật đáng sợ hãi, bên kia họ đang tận lực tìm cách tàn diệt nước khác. Ác báo do ác nghiệp của chúng sanh trong quá khứ chiêu cảm cũng chưa lúc nào đến nỗi cực độ như thế. Nay nghe lời này, hãy nên phát phẫn đại tâm, mau cầu vãng sanh. Sau đấy trở vào Sa-bà, phổ độ hết thảy. Kinh dạy: "Bồ-tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả." Bồ-tát sợ chuốc lấy quả ác nên đoạn nhân ác, nhân ác đã đoạn thì quả ác không sanh từ đâu được. Chúng sanh đua nhau gây nhân ác, đến nỗi thọ quả ác. Khi hứng chịu quả ác, chẳng biết tự sám hối nghiệp cũ, lại gây tạo pháp ác nghiệp để đối trị nên oan oan tương báo bao kiếp chẳng ngơi. Chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng sợ sao? Biết rồi mà chẳng cầu sanh Tịnh độ thì chẳng phải là người nữa!

27. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ nhất)

Nhìn chung, ông chọn lựa học vấn trong 20 năm, trải đủ nạn hiểm rồi mới có thể từ Nho học Phật, từ tục tu chân, bỏ tự lực, chuyên đề cao Tịnh độ. Có thể nói là "tam sanh hữu hạnh", đồng về một đạo vậy. May mắn lắm! An ủi lắm! Phàm con người trong đời trước quả thật đã trồng thiện căn thì đừng nói là vì học cầu đạo nên có thể tạo thành cơ sở tốt đẹp cho đại sự xuất thế, mà ngay cả phiền não hoặc nghiệp tham sân si, tật bệnh dây dưa, đủ mọi ác báo vẫn đều có thể tạo thành nhân duyên xuất sanh tử nhập Phật pháp, tùy thuộc người ấy có thể tự tỉnh ngộ hay không.

Không thể tự phản tỉnh thì đừng nói chi kẻ tầm thường bị cái học thế gian câu thúc, ngay cả Hối Am, Dương Minh, Tĩnh Tiết, Phóng Ông v.v. tuy học vấn, tu dưỡng, kiến giải thảy đều kỳ đặc, trác tuyệt, nhưng rốt cuộc cũng chẳng thể triệt ngộ tự tâm, liễu thoát sanh tử. Học vấn, tu dưỡng, kiến giải của họ có thể dùng

[96] Cách vật trí tri: Theo cách hiểu thông thường của Tống Nho, cách vật trí tri nghĩa là học hỏi nghiên cứu sự vật để hiểu biết thấu đáo. Tổ Ấn Quang giảng câu này phải hiểu là "cách trừ vật dục" (tức trừ khử lòng ham muốn) mới thấu đáo được đạo.

làm cơ sở cho vô thượng diệu đạo, nhưng họ không biết tự phản tỉnh, rốt cuộc thành chướng ngại cho việc nhập đạo. Đủ biết nhập đạo khó khăn, đúng là khó hơn lên trời vậy!

Những câu như "chớ chấp trước" về lý thì đúng, nhưng về sự lại chẳng phải là chuyện hàng phàm phu sát đất có thể làm được. Suốt ngày mặc áo, ăn cơm, bèn nói khơi khơi chẳng chấp đói lạnh, bảo với kẻ bụng rỗng, suốt ngày chẳng được chén nước hạt cơm, sắp chết đói rằng: "Ta xem gan rồng, tủy phượng giống như vật nhơ, nghĩ đến muốn ói, huống gì nuốt xuống được!" Cùng là một loại nói suông như vậy thôi. Hiện thời người không rõ giáo lý, ngay những kẻ tham thiền thường đa phần mắc bệnh giải thoát suông này. Còn như khi tịnh tọa lắng lòng, không cảnh hiện tiền, bất quá là do ngưng lặng khuất phục vọng tưởng nên ngẫu nhiên huyễn cảnh phát hiện. Nếu tưởng lầm đó là dấu hiệu [chứng tỏ mình chứng ngộ] rồi sanh hoan hỷ lớn ắt sẽ mất trí thành cuồng, Phật cũng khó lòng trị được. Nếu may mắn quan sát kỹ, không chấp trước, vứt bỏ huyễn vọng, chợt quán thông các pháp môn, có thể nói là: "Đi trong gai góc đã lâu, chợt đến chỗ quang đãng."

Con người đời mạt căn tánh hèn kém, tri thức hiếm hoi, nếu chẳng cậy vào Phật từ lực, chuyên tu tịnh nghiệp, chỉ cậy vào tự lực, tham khấu Thiền tông, thì những người đạt được minh tâm kiến tánh, đoạn hoặc chứng chân, hiếm có một ai; kẻ tưởng huyễn là chân, coi mê là ngộ, ma dựa phát cuồng, thật nhiều vô kể. Do vậy, các vị Vĩnh Minh, Liên Trì v.v. quán xét căn cơ đương thời, cực lực chủ trương pháp môn Tịnh độ. Nếu như sánh ví thì đấy chính là lý luận xác đáng ngàn phần đúng, vạn phần đúng trong hiện tại. Hưng điều lợi, trừ thói tệ, ắt phải xét đến kết quả rốt ráo trong tương lai thì mới hợp thời. Nếu không lại noi theo vết xe đổ: chặt bỏ đầu chân hòng để trị bệnh nơi đầu và chân, há chẳng khiến người khác đau buồn ứa lệ, thở than dài ư? Còn đối với câu hỏi lời đáp về chuyện tín tâm chân thành, khẩn thiết, hạnh nguyện chuyên nhất, xét về lý tuy đích xác, nhưng chưa thể khai phát tín tâm cho người, trình bày chủ kiến của chính mình, nay tôi xin đáp thay rằng:

- Tôi đã nghiên cứu khắp giáo lý, xem khắp các thánh, nên mới được như thế, há nào phải là nghiên cứu, thân cận tầm thường ư? Vì sao nói thế? Pháp môn Tịnh độ do Thích-ca và Di-đà kiến lập, do Văn-thù, Phổ Hiền chỉ bày, hướng dẫn về, do Mã Minh, Long Thọ hoằng dương, do các vị Khuông Lô[97], Thiên Thai, Thanh Lương, Vĩnh Minh, Liên Trì, Ngẫu Ích phát huy, đề xướng, hướng dẫn hòng

[97] Khuông Lô: Chỉ sơ tổ Tịnh tông, tức ngài Huệ Viễn. Ngài dựng Liên xã nơi núi Khuông Lô. Chữ Lô còn đọc là Lư, nên có sách viết là Khuông Lư.

khuyên khắp dù thánh hay phàm, dù ngu hay trí. Các vị Bồ-tát Đại sĩ ấy từ ngàn trăm năm trước, sớm đã vì tôi nghiên cứu khắp tạng giáo, đặc biệt chọn ra diệu pháp "chẳng đoạn hoặc nghiệp mà được dự vào Bổ xứ, ngay trong một đời này quyết định sổ lồng" chí viên, chí đốn, hết sức giản dị, thống nhiếp Thiền, Giáo, Luật, vượt trỗi Thiền, Giáo, Luật, vừa cạn vừa sâu, vừa quyền vừa thật, đặc biệt, siêu việt thiên nhiên này. Tôi tin tưởng Phật, tổ, lấy cổ đức làm thầy, há chẳng bằng thân cận thiện tri thức đời nay hay sao? Kinh Hoa Nghiêm là vua trong tam tạng, cuối cùng quy trọng nguyện vương. Hoa Tạng hải chúng đều chứng pháp thân, đều cầu vãng sanh hòng viên thành Phật quả. Tôi là hạng người nào dám chẳng tuân theo? Hãy bỏ cái tâm cuồng ấy, tận lực hành theo đạo ấy, công đức lợi ích sẽ tự chứng biết, nào phải đợi đến khi tham học rộng khắp mới là biết pháp ư!

28. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ hai)

Sách Di-đà Trung Luận, dù kinh hay luận đều có công với tịnh nghiệp hành nhân, mà cũng là đầu mối để người đời sau bài bác cổ nhân xằng bậy, lỗi ấy thật chẳng phải cạn cợt. Như sách ấy viết: Hãy nên chọn lấy pháp bế quan chuyên tu, hoặc kể từ khi ngài Khuông Lô sáng lập Liên tông đến nay, không ai hiểu nghĩa lý kinh, tự chứng tam-muội, chỉ một mình đại sư Tỉnh Nhất. Đấy là lời bàn luận thiên kiến, hạn hẹp, khinh miệt cổ đức thậm tệ, mở ra đầu mối ngã mạn, mưu toan ngang hàng với bậc thông triết, há chẳng phải là vì báng pháp, báng tăng nên mới lập ra thuyết ấy, thật ra là muốn phô mình tự được chân truyền của bậc thánh sư, đúng là công thần bậc nhất của Tịnh tông mà thôi. Còn như tác giả chỉ trích các vị Tử Các, Vân Thê, Ngẫu Ích v.v. thì càng lộ rõ sự ít thấy ít nghe, chẳng thông đạt các pháp môn quyền - thật của Như Lai, muốn lấy căn cơ của mỗi một mình ông ta làm chuẩn.

Như cổ đức nói: "Một mắt lưới bắt được chim, chẳng thể nói mắt lưới ấy chính là toàn thể cái lưới. Một người có công trị quốc, chẳng thể coi một người là cả đất nước." Ông Vương Canh Tâm quyết muốn coi một mắt lưới là cái lưới, coi một người là đất nước, nên lập ra luận ấy, khá là kiêu căng. Vẫn là tuổi trẻ bụng rỗng tâm cao, nhưng chớ nên giữ thái độ ngông cuồng ấy suốt đời. Ông ta khoe mình bế quan hai kỳ, cũng có sở chứng, thật khó tin tưởng! Vì sao nói thế? Người chứng tam-muội chẳng lập ra nghị luận biện bác như thế, chỉ tâm bình khí hòa, chỉ đề cao lý. Nếu cuốn luận của ông ta có nhiều chỗ hợm mình chê người, ấy

chính là lời lẽ của kẻ biện bác "kiên bạch đồng dị"[98], không phải là bộ luận khế lý, khế cơ quyết định. Dẫu có công đi nữa, tôi chẳng dám hướng về người khác tán thán, bảo họ thọ trì, lưu thông.

Lưu thông Phật pháp thật chẳng phải chuyện dễ, phiên dịch kinh luận chẳng phải là chuyện chơi. Do vậy, trong dịch trường phải có vị chủ dịch, vị dịch ngữ, vị chứng nghĩa, nhuận văn, nào dám tùy tiện tự tâm cắt xén, truyền bá kinh Phật. Bản kinh Đại Di-đà[99] của ông Vương Long Thư từ triều Tống đến cuối đời Minh được nhiều người thọ trì, do ngài Vân Thê chê có những chỗ không hợp lý thích đáng nên từ đó về sau dần dần ẩn mất. Ông Ngụy Thừa Quán học thức không bằng Vương Long Thư, tự cho mình hơn hẳn Long Thư, noi theo dấu vết của người khác mà ra công nên dễ đắc lực, phải đâu Thừa Quán vượt trội Long Thư? Tổ Liên Trì còn không lưu thông bản của họ Vương, bọn ta dám đâu lưu truyền bản của họ Ngụy, bởi lẽ sẽ tạo đầu mối cho hậu nhân lầm lạc sửa đổi kinh Phật và tạo thành nạn bài xích Phật, chê: "Kinh Phật toàn do người đời sau biên soạn, chứ chẳng phải từ ban đầu kinh quả thật được dịch từ nước Phật ra!"

Nhưng nếu bậc chân tu thượng sĩ xem đến kinh[100] ấy, luận ấy ắt có lợi ích lớn, chỉ chọn lấy những gì ích lợi mà chẳng bị nhiễm những điều tệ. Nếu kẻ hạ căn xem đến, chẳng được ích lợi gì, trước hết còn bị tổn hại, bắt chước thói tệ sửa kinh, chê cổ đức, chẳng học đòi hạnh thẳng chóng, chuyên tinh. Quán sát căn cơ mà dạy cho thích hợp, đối chứng bệnh mà phát thuốc. Dạy chẳng khế hợp căn cơ, cho thuốc chẳng đúng bệnh vậy. Dám vì một hai điều chấp nhận được bèn cho lưu thông rộng khắp hầu tạo tội khiên cho kẻ hạ căn ư? Bộ Thích Quần Nghi Luận,

---

[98] Công Tôn Long (320-250 trước Công nguyên), người nước Triệu, tân khách của Bình Nguyên Quân, chủ trương thuyết hình danh (mọi sự vật tồn tại chỉ do cái tên), mang nặng tính ngụy biện. Tác phẩm đặc trưng của ông ta là Kiên Bạch Luận và Danh Thật Luận. Luận điểm chủ yếu của ông ta là: *"Ngựa trắng không phải là ngựa. Vì trắng là màu sắc, ngựa là hình trạng. Ngựa và trắng chỉ là hai khái niệm độc lập không ăn nhập gì với nhau."* Luận điểm thứ hai là "kiên bạch thạch tam": *"Kiên (cứng) là tánh, bạch là màu, thạch (đá) là hình, ba tướng này cũng là ba khái niệm tách rời nhau, không liên quan gì với nhau, không thể nhận biết đồng thời được."* Từ đó, Công Tôn Long quan niệm vật chất không tồn tại, chỉ thừa nhận quan niệm tinh thần tồn tại, không có sự vật cụ thể. Vì thế, người ta thường dùng từ ngữ "kiên bạch đồng dị" để chỉ luận thuyết của Công Tôn Long. Ở đây, tổ dùng từ ngữ này hàm ý những luận thuyết của Vương Canh Tâm đều là ngụy biện, biện luận hàm hồ.

[99] Kinh Đại A-di-đà là bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của ông Vương Nhật Hưu đời Tống, bản này được hội tập từ bốn bản nguyên dịch. Ông Vương có hiệu là Long Thư.

[100] Kinh ở đây chỉ bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của ông Ngụy Thừa Quán được ông Vương Canh Tâm nhuận sắc, phân đoạn. Di-đà Trung Luận là bộ luận do Vương Canh Tâm soạn nhằm giải thích kinh A-di-đà.

Quang tôi trước kia chưa từng thỉnh được, cũng đã từng được xem qua một lần. Do mục lực chẳng đủ, đành chịu lỗi chẳng thể đọc nhiều lượt.

Nếu luận về sách phù hợp căn cơ hay nhất thì nên lấy Tịnh Độ Thập Yếu làm đầu, sách Di-đà Yếu Giải là lời chú giải tinh diệu nhất của ngài Ngẫu Ích, trong những bản chú giải kể từ khi đức Phật nói ra kinh này đến nay, nên tôn sách này là bậc nhất. Dẫu cho cổ Phật tái xuất trong đời, hiện tướng lưỡi rộng dài, chú giải lại kinh này, cũng chẳng thể hay hơn được nữa! Huống hồ kẻ hậu sinh nghe hiểu nông cạn, lại toan chê trách, mong trỗi vượt hơn ư? Đem lửa đom đóm sánh với mặt trời, thật chẳng biết lượng sức. Tiếc cho họ Vương sao lại khổ sở như thế! Chú Am hỏi đến sách nào đều đọc được, đấy chính là tha tâm thông, tôi muốn trình bày rõ ý chỉ ấy nhưng cần phải tu bổ lầu tàng kinh nên không rảnh, đành đợi khi khác.

29. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ ba)

Để hiểu kinh A-di-đà nên dựa theo sách Yếu Giải của ngài Ngẫu Ích, những lời giải thích trong sách Di-đà Trung Luận phần nhiều là ý kiến tùy tiện của chính tác giả, trái nghịch ý chỉ kinh, không thể tin cậy được. Phật vì chúng sanh trong chín pháp giới thuyết pháp, há có nên vì trí lực của mình chẳng thấu tới bèn đoan quyết chẳng có lý ấy hay chăng? Lời giải thích về đoạn kinh "từ một ngày đến bảy ngày" chứng tỏ tác giả đã đem chính mình so lường chín pháp giới. Nếu nói như vậy, không riêng gì bộ kinh Di-đà chẳng thể thống nhiếp mọi căn cơ, mà ngay cả toàn bộ những đàm luận nhiệm mầu viên đốn trong giáo điển cả một đời đức Phật cũng sẽ do trí của chính mình không hiểu thấu mà trở thành vọng ngữ. Báng Phật, báng pháp, báng tăng, tội chẳng thể dung. Dẫu sách ấy cũng có chỗ cảnh tỉnh, khải phát hạng hạ căn, nhưng làm tổn hại đại thể. Do vậy, Quang tôi chẳng dám khuyên người khác thọ trì.

Pháp môn Tịnh độ khác nào biển cả; sông to, rạch lớn đều đổ vào biển, chén nước, giọt nước cũng đổ vào. Bậc chứng ngang với chư Phật còn cầu vãng sanh, kẻ ngũ nghịch thập ác cũng dự vào phẩm cuối. Há có nên đem chuyện đắc nhất tâm và tam-muội để cự tuyệt người chưa đắc? Chỉ nên học theo như trên, hòng được như vậy, tự mình quyết chí cầu sanh, hãy chỉ nên mong mỏi được như thế. Nếu nói không nhất tâm và đắc tam-muội quyết định chẳng được vãng sanh thì chính là tự lập luận thuyết, chẳng nương theo lời Phật nói. Ba kinh Tịnh độ lưu thông từ xưa cùng với phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện là bốn kinh, há nên nói là chẳng đáng tôn làm khuôn phép ư?

Nay người tu tịnh nghiệp, đa số chẳng biết tông chỉ, chỉ dựa theo sự tướng. Nói dễ dãi thì cũng có thể gọi là hành nhân Tịnh tông, nhưng nếu nói nghiêm khắc, thật ra trong trăm người có đến chín mươi lăm người đều thuộc loại "không Thiền, không Tịnh độ". Há có thể lấy những người như vậy làm chuẩn được sao? Do tiểu bổn (kinh A-di-đà) văn giản dị, nghĩa phong phú, nên được dùng làm kinh nhật tụng, còn những kinh kia thì tùy mỗi người thọ trì khác biệt. Những gì được nói trong sách Di-đà Trung Luận, cố nhiên có nhiều điều hữu ích, nhưng những điều gây trở ngại lại cũng chẳng ít. Nếu không có mắt trí tuệ chọn lựa pháp, chỉ e chẳng được lợi ích gì, lại còn bị tổn hại hết cả, như những lời sách ấy giải thích về một ngày đến bảy ngày, thập niệm chẳng độ v.v..

Thọ trì đọc tụng từ đầu đến cuối là chánh hạnh của nhà Phật, dẫu là kẻ chuyên chú tham cứu trong Thiền tông cũng phải thọ trì như thế, như các vị Dược Sơn, Ngưỡng Sơn, Vĩnh Minh, Thủ Sơn, Thê Hiền Thực, Dục Vương Vi v.v.. Chỉ khăng khăng đề cao hướng thượng thì tợ hồ có bài bác việc thọ trì, chẳng biết đề cao hướng thượng thì khắp thế gian, pháp gì, chuyện gì cũng đều quy về bổn phận. Còn những kẻ chưa đắc môn ấy, chỉ hiểu nghĩa lý trên mặt văn tự rồi từ đó tham thiền, đa phần miệt thị kinh giáo. Bọn họ tuy tự xưng là thiền nhân, nhưng thật ra là tội nhân của pháp môn, là nghịch tử của Như Lai, sao đáng nói đến? Khuyên nên thọ trì đọc tụng thì các kinh không kinh nào chẳng dạy như thế, há nào phải chỉ mình Kim Cang hạnh nguyện?

Kinh Hoa Nghiêm là vua trong tam tạng, cuối cùng quy trọng nguyện vương, nhưng coi trọng Hoa Nghiêm chẳng được coi thường các kinh khác, vì các kinh Đại thừa đều lấy thật tướng làm thể của kinh. Kinh Hoa Nghiêm lớn lao vì là đại pháp vượt ngoài pháp giới bàn thẳng vào chuyện xứng tánh, chẳng gồm Nhị thừa. Pháp Hoa hay khéo ở chỗ gom ba thừa về Nhất thừa, khai quyền hiển thật, khai tích hiển bổn[101]. Vì thế tông Thiên Thai bảo kinh Pháp Hoa "thuần viên độc diệu", bởi lẽ Hoa Nghiêm vẫn còn nói kiêm về Quyền giáo (tức là kinh Hoa Nghiêm còn nói đến những địa vị Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, những địa vị ấy thuộc về Quyền giáo). Nhưng đối với kinh Pháp Hoa, Phật khen ngợi Pháp Hoa là vua trong các kinh; với Hoa Nghiêm cũng thế. Sau này, những người hoằng

[101] Khai quyền hiển thật, khai tích hiển bổn: Chỉ rõ pháp nào là quyền (tạm thời, phương tiện), pháp nào là thật, tức pháp Nhất thừa. Tích là những gì do pháp thân hóa hiện nhằm thích ứng căn cơ, bổn là pháp thân. Bổn còn có nghĩa là địa vị thật sự chứng đắc của một vị Pháp thân đại sĩ, còn tích là những gì các ngài thị hiện nhằm giáo hóa chúng sanh.

truyền kinh trong thế gian quyết định trong năm bộ phận lớn[102], chia ra kinh này cao, kinh kia thấp, chẳng phải là kinh nào cũng riêng được khen ngợi ư? Người tu thiền ca ngợi Thiền tông, người tu Tịnh độ ca ngợi Tịnh độ. Nếu không như thế sẽ chẳng thể khiến cho con người sanh chánh tín, phát khởi lòng ngưỡng mộ. Phải khéo hiểu ý nghĩa, chớ để văn từ hại ý. Mạnh tử ca ngợi Khổng tử là vị thánh chưa từng có trong trăm họ, nhưng Khổng tử thấy vua Nghiêu trong canh, thấy vua Thuấn nơi tường, thấy Chu công trong mộng, lòng bắt chước, ngưỡng mộ ba vị thánh ấy sao mà chí thành đến mức cùng cực như thế!

Người niệm Phật chỉ cần chân thật, khẩn thiết niệm Phật sẽ tự có thể cậy vào Phật từ lực, tránh khỏi đao binh, nước lửa. Nếu có gặp thì là do túc nghiệp kéo lôi cũng như vì được chuyển tội nặng trong địa ngục thành báo nhẹ trong đời này nên mới gặp phải những nạn ấy. Nhưng do thường ngày có lòng tin chân thành, nguyện khẩn thiết, chắc chắn lúc ấy sẽ được Phật tiếp dẫn. Nếu đã chứng tam-muội trong hiện tại, cố nhiên đã dự vào dòng thánh, tự thân như huyễn, đao binh, nước lửa đều chẳng gây trở ngại được. Dẫu hiện thời gặp nạn, thật ra không khổ, trong thế giới mênh mông được mấy ai như thế?

Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện nghĩa lý rộng mênh mông, văn tự vi diệu, tụng phẩm này sẽ khiến cho những chấp trước "ta, người, chúng sanh" của người tụng trở nên không còn nữa, thiện căn vãng sanh Tịnh độ ngày càng tăng trưởng. Lẽ ra phải nên tự hành, dạy người, nhưng chớ nên vì không trì kinh này, tu ngay Tịnh độ, [mà cho rằng người như vậy] cũng thuộc hạng bạc phước, kém cỏi. Các vị Liên Trì, Ngẫu Ích cũng đều cực lực hoằng dương kinh này, trong Di-đà Yếu Giải có câu: "Trong giáo pháp suốt cả một đời của Như Lai, chỉ có mình kinh Hoa Nghiêm luận về sự viên mãn ngay trong một đời, nhưng cái nhân để được viên mãn trong một đời thì đến cuối cùng Phổ Hiền Bồ-tát dùng mười nguyện vương dẫn về Cực Lạc, khuyến khích Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng. Ôi, bẩm tánh của kinh Hoa Nghiêm đã được đặt trọn trong kinh này, nhưng thiên hạ xưa nay tin ít ngờ nhiều, viết càng lắm, nghĩa càng hao, tôi chỉ còn có cách mổ tim vẩy máu mà thôi."

Do vậy, ngài Vô Ẩn nói kinh Hoa Nghiêm chính là quảng bổn (bản kinh giảng chi tiết) của kinh Di-đà, Di-đà chính là lược bổn của Hoa Nghiêm. Ngẫm lời hai vị đại sư liền biết: Nếu xem kinh mà không có con mắt viên dung sẽ cô phụ Phật ân nhiều lắm! Những gì Bất Huệ vụng về viết ra, tuy nghĩa lý có chỗ đáng dùng

[102] Tông Thiên Thai chia toàn bộ kinh điển nhà Phật thành năm bộ phận lớn (ngũ thời) là Hoa Nghiêm, A-hàm, Phương Đẳng, Bát-nhã, và Pháp Hoa - Niết-bàn.

được, thật chẳng đáng coi là tác phẩm kiệt xuất thiên cổ, chẳng phải là thứ văn chương thường được khen ngợi cả một đời, chớ nên đem phàm xen lộn thánh, xem miếng gỗ một tấc trội hơn lầu cao.

Trong thư trước, ông nói sẽ qua Dương Châu, xin cứ tùy hỷ, tôi chưa từng đến đó. Lại nghĩ ông trên có mẹ già, trong nhà vợ yếu con thơ, lẽ ra nên tu trì tại gia, chớ nên rong ruổi bên ngoài, chủ nhân có mặt ắt những chuyện bất ngờ bên ngoài tự nhiên chẳng khởi. Nếu ra ngoài lâu ngày không về, chẳng những hiếu giáo[103] bị khuyết, chỉ e tiểu nhân thừa dịp, trộm cướp, nước lửa đều nên đề phòng. Chẳng những không nên đi Dương Châu, ngay cả Phổ Đà cũng không nên tới. Nếu muốn chuyện trò, giãi bày, đã có bưu cục thay mình thông báo. Đôi bên đã thấu tình nhau, tốn kém quả thật chẳng mấy, sao không tính cho đôi bề vẹn lẽ vậy? Mong từ đây về sau đừng đánh điện tín, nếu có chuyện gì cần trình bày, hãy đợi ba tháng rưỡi sau hãy gởi.

Đi qua Dương Châu nói chung là bốn tháng rưỡi, nếu lại quyết định muốn lên núi Phổ Đà thì cũng nên tới vào ba tháng rưỡi sau. Nay đang nhằm lúc mọi người lên núi dâng hương, không biết khách dâng hương quá nhiều, mọi chuyện khó lòng đúng pháp. Gần đây đường tàu đã mở, từ tháng Giêng đến tháng Tám đều có người đến. Lúc rảnh thì mọi chuyện đều đúng thứ tự, lúc bận bịu thì mọi việc đều trở thành láo nháo hết, người chân tâm lễ yết Đại sĩ không thể không biết. Phật đạo không sâu, không cao, không cạn, không lớn, phải vừa sâu vừa cạn mới gọi là thường trụ. Ngôn từ chẳng diễn đạt được ý, nên nói là "vừa cạn vừa sâu, vừa nhỏ vừa lớn, pháp nào cũng viên thông nên gọi là thường trụ".

30. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ tư)

Đại sư Vân Thê lập pháp dạy người đều là những chuyện thực hiện trong cuộc sống thường nhật, thực tiễn, tu trì theo đó thì ngàn phần thích đáng, vạn phần ổn thỏa, trọn chẳng đến nỗi được chút ít cho là đủ, bị ma dựa phát cuồng. Vương Canh Tâm chưa mười phần hiểu rõ yếu chỉ nhập đạo, lại mặc tình múa bút, mặc sức huênh hoang mạt sát hết thảy, dẫu có tâm hoằng pháp, nhưng thật ra mắc lỗi hoại pháp. Đấy đều là do hai chứng bệnh "chẳng gần gũi bậc tri thức sáng mắt" và "chẳng phản tỉnh tự vấn" mà nên nỗi.

Tâm gặp ác mộng là dấu hiệu ác nghiệp đời trước hiện ra, nhưng cảnh được hiện không có thiện ác, chuyển biến ở nơi chính mình. Ác nghiệp hiện nhưng

[103] Hiếu giáo: hiếu dưỡng mẹ, dạy dỗ con.

chuyên tâm niệm Phật thì ác nhân duyên biến thành thiện nhân duyên, ác nghiệp đời trước chuyển thành người hướng dẫn cho đời này. Tiếc cho người đời thường bị nghiệp buộc ràng, chẳng thể chuyển biến, thành ra đã té giếng còn bị ném đá, khổ càng thêm khổ! Quang tôi do mắt quáng chẳng thể xem kinh viết chữ, mùa hạ này toan soạn bài luận nói về sự dốc kiệt lòng thành mới được lợi ích thật sự, nhưng viết chưa được một nửa thì thị lực đã không kham nổi, do đó phải ngừng giữa chừng. Vẫn muốn trong những tháng mùa đông sẽ chuyên tâm sám hối túc nghiệp, ngõ hầu sức nhìn mạnh hơn một chút, sẽ tiếp tục hoàn thành bài luận ấy. Lại do năm ngoái đáp ứng lời cư sĩ Trần Tích Châu tu chỉnh cuốn Phổ Đà Sơn Chí, vì Quang nhãn lực như thế chắc cũng phải kéo dài hai ba năm. Nếu mắt sáng sẽ nguyện tận lực trong năm sáu năm, đem hết những sự tích về Quán Âm trong Đại tạng phân môn chia loại, soạn theo thể phú, chép tường tận dưới bản văn. Sách soạn thành, khắc thành hai bản, một để tại chỗ in kinh, còn một giữ ở Phổ Đà, mong cho hết thảy những ai hữu duyên cùng được thấm nhuần sự chẳng thể nghĩ bàn của Đại sĩ. Nếu mắt vẫn như cũ, chỉ đành nói số mạng như thế, biết làm sao được!

Đại giáo truyền sang Đông, tất cả tông phái thạnh suy, nếu không đọc thấu suốt toàn bộ Đại tạng, vừa nghe liền nhớ ngay sẽ chẳng thể hiểu. Nếu khinh suất làm bừa, ắt chẳng những không thể phát dương quang đại Phật pháp, trái lại còn làm nhục Phật pháp. Kinh Thập Vãng Sanh nay trong Đại tạng không có, chẳng cần phải tìm trọn khắp. Tập Chư Kinh Lễ Sám Hối Văn, Tây Phương Lễ Tán v.v., dù kệ hay văn đa phần là trích từ văn trong Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ của ngài Thiện Đạo, nếu xem kỹ lời chú trong chương Thượng Phẩm Vãng Sanh của Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ sẽ biết: Nói đến Quán kinh, chỉ nêu một câu trong Quán kinh, rồi ở dưới bèn giải thích tường tận, chứ không phải toàn thể [những câu trong tác phẩm ấy] đều thuộc về kinh văn.

Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ của ngài Thiện Đạo ở Trung Quốc thất truyền đã lâu, gần đây từ Đông Doanh (Nhật Bản) thỉnh về, Kim Lăng[104] khắc bản lưu truyền đã lâu, sai ngoa rất nhiều, ngay cả Chư Kinh Lễ Sám Hối Văn cũng bị sai ngoa không ít. Đem Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ và Sám Hối Văn so sánh, cũng có thể sửa đúng được ít phần, những chỗ còn lại có thể dựa theo nghĩa lý mà sửa cho đúng. Mười năm trước, Quang từng một phen duyệt sửa, tuy chưa dám nói đã khôi phục

[104] Chỉ nhà in kinh Kim Lăng Khắc Kinh Xứ ở Nam Kinh.

được diện mạo ban đầu, nhưng cũng có thể nói là những phần sửa đúng thì nhiều, những phần sửa sai thì ít[105]. Tôi tự tin như thế!

Tha tâm thông có nhiều thứ bất đồng, nếu luận theo sự chứng đạo thì như ông Chú Am[106] hễ hỏi đến bất cứ sách nào, liền có thể đọc được thông suốt hết thảy, không sai một chữ. Ông ta chưa hề đọc sách, sao lại làm được như thế? Ấy là do nghiệp tận, tình không, tâm như gương sáng; lúc không ai hỏi, trong tâm một chữ cũng chẳng có. Đến khi ai hỏi tức là người ấy đã đem những gì chính mình từng đọc qua từ trước ra hỏi, người hỏi tuy đã lâu không nhớ, nhưng trong tám thức điền vẫn còn giữ lại hình ảnh của những câu chữ ấy (xem kinh Phật cũng giống như thế, cổ nhân nói: *"nhất nhiễm thức thần, vĩnh vi đạo chủng"* (một phen lọt vào thần thức, vĩnh viễn thành hạt giống đạo), hãy nên tin tưởng chắc điều này). Người kia cố nhiên vì vô minh che lấp kín mít, trọn chẳng hay biết, còn người này có tha tâm thông, nên thấy rõ ràng rành mạch những hình ảnh trong tâm thức của người kia, vì thế hỏi đến bèn đọc ra, không sai sót gì. Nếu người hỏi chưa từng đọc sách ấy, cũng có thể thấy trong tâm thức của người khác mà đọc ra. Đấy là dùng tâm người khác làm tâm mình, chứ không phải trong tâm người ấy ghi nhớ không quên rất nhiều kinh sách như thế. Phàm phu không rõ, cho là thật kỳ đặc, thật sự chỉ là do nghiệp tiêu tuệ rạng, chướng tận trí viên mà thôi!

Cầu cơ đa phần là linh quỷ giả mạo tiên, Phật, thần thánh, con quỷ nào kém cỏi sẽ không có sức thần thông ấy, quỷ nào khá hơn thì biết được tâm người, vì thế nó có thể mượn dùng trí thức và sự thông minh của con người. Ông Kỷ Văn Đạt bảo: "Cầu cơ đa phần là linh quỷ giả vờ, tôi cùng anh là Thản Nhiên[107] hầu cơ bút, tôi làm được thơ nhưng viết chữ xấu. Khi tôi hầu cơ bút thì thi từ mẫn tiệp, chữ viết nguệch ngoạc; Thản Nhiên hầu cơ bút thì thi từ tầm thường, chữ viết ngay ngắn, cứng cỏi. Quỷ giả mạo cổ nhân, hỏi đến những điều bí hiểm, sâu kín

[105] Ý tổ nói: Trong những phần ngài đính chánh, đa phần là sửa những chỗ sai thành đúng, còn những chỗ ngài do hiểu sai nên sửa đúng thành sai, hoặc sửa từ cái sai này sang cái sai khác thì ít.

[106] Theo sách Di-đà Trung Luận, sư Chú Am người xứ Cam Tuyền, Giang Nam, lúc nhỏ tính tình thô lỗ, vô lại, không giữ giới luật, thường sống tại thiền tự Dương Châu, hay cà khịa với vị sư giữ chức phạn đầu, chửi bới tục tằn, vô lễ. Trụ trì quở trách. Về sau, sư hối cải, bế quan ba năm, chuyên trì chú Đại Bi. Lúc xuất quan, phong cách thay đổi hẳn, khiêm nhường nhũn nhặn, ai trông thấy cũng phải lấy làm lạ, kính ngưỡng. Bất cứ sách vở thế gian, kinh điển nhà Phật nào, ngay cả những thứ tiểu thuyết nhảm nhí chẳng cần đem sách lại, hễ hỏi đến sư bèn đọc ra thông suốt.

[107] Pháp sư Hội Tánh nói: Khi in Ấn Quang Văn Sao, tên ông này bị ghi sai, đúng ra phải là Thản Cư.

trong những tác phẩm của cổ nhân[108], bèn bảo niên đại quá lâu, không còn nhớ được. Do vậy biết không phải thật!" Nhưng sự linh thiêng của quỷ là chỉ có thể mượn dùng những gì tâm con người hiện đang biết, còn những gì được ghi nhớ trong thần thức nhưng hiện nay người hỏi không biết, hoặc những nghĩa chính người hỏi cũng không biết thì quỷ chẳng thể nêu ra để chỉ dạy cho người. So với tha tâm thông của người nghiệp tận tình không thì khác hẳn một trời một vực, nhưng nhìn vào tình cảnh khá tương tự. Lại sợ các ông bị mê hoặc bởi những lời giáng cơ, nên mới phải bất đắc dĩ nhắc đến chuyện này. Lại trong sách Tống Cao Tăng Truyện có chép ngài Tăng Giam đến thọ trai nơi Vương Xử Hậu, Xử Hậu đọc ra văn chương thật đắc ý, nhân đó sư hỏi:

- Đang đọc những văn từ gì vậy?

Xử Hậu nói:

- Đó là bài văn đậu tiến sĩ của tôi.

Sư nói:

- Dưới mái hiên hóng gió, thong dong đến thế ư?

Liền lấy một tập sách trong bọc ra và bảo:

- Đây chẳng phải là bài văn sách của ông hay sao?

Xử Hậu đọc thấy chính là nguyên bản bài văn sách khi trước, bèn hỏi:

- Về sau tôi đã gọt giũa bài này.

Tăng Giam nói:

- Dĩ nhiên tôi biết nó không phải là bài văn sách gốc của ông.

Nhân đó bèn hỏi:

- Trong bọc của sư sao lại có bài văn sách này của tôi?

Tăng Giam đáp:

- Chẳng những chỉ có bài văn sách này, phàm những sách ông đã đọc từ trước đến nay, thậm chí một nét, một vạch đùa bỡn, trong bọc của tôi đều có đủ hết.

Xử Hậu hoảng sợ, chẳng dám hỏi tới. Chú Am tuy có tha tâm thông, nhưng chưa thấy có thần thông, Tăng Giam vừa có tha tâm thông lại có cả đại thần thông, có thể hiện những gì trong tâm thức người khác thành sách, hiện thành hình chất để chỉ bày cho người khác, chứ không phải là trong bọc mình thật sự có chứa sẵn để lôi ra.

Gần đây, Thượng Hải rầm rộ mở đàn cầu cơ, những gì cơ bút khai thị về sửa lỗi hướng thiện, tiểu luân hồi, tiểu nhân quả v.v. đều có lợi ích cho thế đạo, nhân

[108] Nguyên văn là *tập*, các tác phẩm cổ điển của Trung Hoa được chia thành bốn loại lớn: kinh, sử, tử, tập. Tập chính là các tác phẩm, thi tập của những văn nhân, thi sĩ nổi tiếng.

tâm. Còn như giảng về cõi trời, giảng về Phật pháp đúng là nói lăng nhăng. Chúng ta là đệ tử Phật, chẳng được bài xích pháp ấy kẻo mắc lỗi chướng ngại người khác hướng thiện, nhưng cũng chẳng được phụ họa, khen ngợi pháp ấy, bởi những gì cơ bút giảng về Phật pháp toàn là nói mò, sợ rằng đến nỗi tạo thành tội khiên lầm lạc hoại loạn Phật pháp, lầm lạc chúng sanh. Ấn Quang xưa nhiều ác nghiệp, đến đời này có mắt như mù, trọn chẳng dám thuận theo tình cảm chẳng dựa vào lý, tự lầm, lầm người, mong hãy châm chước tình và lý mà hành mới không bị tệ hại.

Với mười thứ lợi ích của việc niệm Phật xin hãy xem cẩn thận mười thứ lợi ích thù thắng nơi cuối quyển hạ của Tịnh Độ Chỉ Quy Tập. Từ Vân Sám Chủ[109] bảo các kinh đều có nói, chưa biết trích ra từ kinh nào, hoặc là ước theo nghĩa lý mà viết gọn lại cũng chưa biết chừng. Trong mấy trang đầu có nói đến chuyện lớn tiếng niệm Phật, tụng kinh và lễ Phật đều có mười thứ công đức[110], ghi là trích từ kinh Nghiệp Báo Sai Biệt, kinh Hộ Tịnh, tôi chưa kiểm, lúc rảnh rỗi sẽ đọc. Những câu ghi trên bìa sách đừng ghi nhiều, chỉ nên ghi giản dị, rõ ràng. Nếu dẫn nhiều thì hãy nên đăng nơi bìa trong cuốn sách, hoặc nơi bìa sau in riêng một trang. Niệm Phật hồi hướng chẳng được bỏ đi, hồi hướng chính là tín nguyện được phát ra từ miệng, nhưng chỉ nên hồi hướng sau khi xong khóa tối, và sau

[109] Từ Vân Sám Chủ: tức ngài Tuân Thức (964-1032), cao tăng đời Tống, người huyện Lâm Hải, Thai Châu (nay thuộc tỉnh Chiết Giang), họ Diệp, tự Tri Bạch. Xuất gia năm 18 tuổi với ngài Nghĩa Toàn của tông Thiên Thai, 20 tuổi thọ giới cụ túc. Lúc đầu, ngài chuyên học Luật, từng đốt một ngón tay trước tượng Phổ Hiền Bồ-tát để cúng dường, thề hoằng dương giáo pháp Thiên Thai. Ngài lãnh hội sâu xa giáo nghĩa Thiên Thai từ ngài Nghĩa Thông chùa Bảo Vân. Ngài giảng rất nhiều kinh, như Pháp Hoa, Duy-ma, Niết-bàn, từng nhóm tăng chúng chuyên tu tịnh nghiệp. Ngài chuyên giảng kinh, tu sám ở vùng Hàng Châu, Tô Châu, học chúng rất đông hơn ngàn người. Đời Tống Chân Tông, năm Càn Hưng nguyên niên (1022), ngài được vua ban hiệu là Từ Vân. Dưới ảnh hưởng của ngài, giáo điển của Thiên Thai Tông đã được đưa vào Đại tạng kinh thời Tống. Hầu như đối với kinh nào ngài cũng soạn sám nghi nên được xưng tụng là Bách Bổn Sám Chủ, hoặc Từ Vân Sám Chủ, Từ Vân Tôn Giả, Linh Ứng Tôn Giả, Thiên Trúc Tôn Giả (vì cuối đời ngài trụ tại chùa Thiên Trúc). Tác phẩm Tịnh độ Sám Nghi của ngài được đặc biệt lưu truyền rộng rãi. Ngài mất năm Đạo Nguyên nguyên niên (1032) đời Tống Nhân Tông, thọ 67 tuổi.

[110] Kinh Nghiệp Báo Sai Biệt nói: "Lớn tiếng niệm Phật, tụng kinh, có mười thứ công đức: trừ được buồn ngủ, thiên ma kinh sợ, tiếng vang khắp mười phương, tam đồ dứt khổ, tiếng bên ngoài chẳng lọt vào, tâm chẳng tán loạn, dũng mãnh tinh tấn, chư Phật hoan hỷ, tam-muội hiện tiền, vãng sanh Tịnh độ."

Kinh Lễ Phật Công Đức Nghiệp Báo Sai Biệt nói: "Lễ Phật một lạy thì từ đầu gối xuống đến Kim Cang Tế, mỗi một hạt bụi là một ngôi Chuyển Luân Vương, được 10 thứ công đức: được diệu sắc thân, nói ra người khác tin tưởng, ở trong chúng không sợ hãi, được Phật hộ niệm, có đại oai nghi, mọi người thân cận, chư thiên kính yêu, có đại phước đức, mạng chung vãng sanh, mau chứng Niết-bàn."

khi niệm Phật, tụng kinh trong ngày xong. Nên niệm Phật từ sáng đến tối không gián đoạn, trong tâm chỉ có ý niệm nguyện sanh chính là "thường thời hồi hướng" (luôn luôn hồi hướng). Nếu theo nghi thức tụng niệm mà hồi hướng thì lẽ cố nhiên chẳng được thường xuyên như thế.

Các kinh Đại thừa kinh nào cũng đều làm cho chúng sanh được vào thẳng Phật đạo, hiềm vì chúng sanh chẳng thành tâm niệm tụng, cho nên không được lợi ích hoàn toàn. Phần cuối quyển năm kinh Lăng-nghiêm, tức chương Đại Thế Chí Bồ-tát, chính là phần khai thị tối thượng của Tịnh tông. Chỉ riêng một chương này đã có thể sánh cùng bốn kinh Tịnh độ thành năm kinh, há cứ phải văn từ dài dòng mới đáng nể ư? Quân tử học vì mình, niệm niệm nhắc nhở mình tự tỉnh[111]. Tỉnh và mộng như một, chỉ có công phu đến nơi đến chốn mới có thể làm được, chỉ cần luôn tu dưỡng trong lúc thức thì lâu ngày trong mộng cũng tự có thể chẳng làm chuyện gì sai quấy lớn.

31. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ năm)

Từ tháng Chạp năm ngoái đến hạ tuần tháng Ba đã nhận được bốn lá thư, và Sư Trân đã mang đến lời vấn đáp giữa hai vị và ông Từ[112], cùng với vải vóc, thực phẩm v.v., đủ thấy lòng vì đạo pháp thiết tha, lòng thương mến tôi sâu xa. Thoạt tiên thì mong ngóng ông Từ đến, tiếp đấy lại phải duyệt bản Văn Sao do ông ta đứng in, tợ hồ mắt tôi càng yếu thêm, vì thế mới phải phúc đáp thư trễ tràng. Thư tháng Chạp năm ngoái quả thật đã nêu lên cái nghĩa dùng tình bạn hòng hỗ trợ điều nhân, nhưng đề cao tôi quá mức khiến người càng thêm hổ thẹn.

Phàm giềng mối lớn của đời người chỉ có năm, tức là vua tôi, cha con, anh em, chồng vợ, bè bạn, nhưng cha sanh, thầy dạy, vua nuôi, ba mối quan hệ này trọng bằng nhau, vì sao trong ngũ luân không nhắc đến thầy? Không biết rằng thầy có đức tánh thành tựu cho ta, do vậy thầy giống như cha. Kế đến, khuyên nhủ, khen thưởng, khuyến khích cho mình thành tài nên thầy giống như anh. Vì thế Mạnh tử nói: "Thầy cũng là cha anh." Tiếp đến, thầy trò tạo lợi ích tốt đẹp cho nhau giống như hai vầng trăng cùng chiếu, như hai tay giúp đỡ lẫn nhau, nên thầy giống như bạn (chữ bằng do hai chữ nguyệt ghép lại, chữ hữu do hai chữ thủ ghép lại). Vì thế, nhà Phật thường nói "tìm thầy hỏi bạn". Ấn Quang trọn chẳng có thật đức, chẳng dám làm thầy người, chỉ có cái tâm làm bạn để giúp điều nhân.

---

[111] Sách Luận Ngữ Kim Giải giảng câu này có nghĩa là: Người quân tử nhằm bồi dưỡng học vấn của chính mình nên nỗ lực học tập.

[112] Tức cư sĩ Từ Úy Như, người in Ấn Quang Văn Sao lần đầu.

Vì vậy, từ lúc dốc chí theo đuổi việc học cho đến ngày nay chưa từng quên nghĩ tới, nhưng người ta chẳng khoan dung với mình, chẳng những không dùi mài cho mình, có lúc còn vứt bỏ.

Ông mong tôi đích thân chứng tam-muội, lại sợ phụ mất ý nguyện ban đầu nên gởi thư khuyến tấn chẳng tiếc sức thừa. Tôi từ lúc búi tóc đọc sách đến nay, chưa từng gặp được bạn bè hữu ích như thế, cảm thấy thật xấu hổ! Nhưng bốn chữ tử tội là từ ngữ do kẻ bầy tôi ngay thẳng can vua nói khích để vua phải nghe theo, đem áp dụng vào chỗ thầy - bạn thật không thích hợp. Ấn Quang túc nghiệp sâu nặng, mới sanh ra được nửa năm đã mắc bệnh mắt sáu tháng, gào la khóc lóc, trừ lúc ăn ngủ ra, không ngưng khóc một khắc nào. Nỗi thống khổ ấy không biết ví như thế nào? May nhờ sức thiện căn xưa, được thấy mặt trời, thật là vạn hạnh. Tuổi niên thiếu đọc sách, do túc nghiệp dẫn phát đến nỗi nhiễm phải bả độc báng Phật của họ Hàn, họ Âu[113], sau đấy tỉnh ngộ sâu xa, tự xét, tự biết hổ thẹn, quy mạng tam bảo, xuất gia làm tăng. Nếu không phải là tam bảo rủ lòng ngầm gia bị khiến cho tôi tự tỉnh ngộ thì ngay trong lúc ấy đã vào địa ngục A-tỳ từ lâu rồi, chịu các sự khổ dữ dội, há còn có thể cùng các vị quân tử chỉ Đông nói Tây, bàn về tự lực và tha lực để mong cùng chứng chân thường, sanh lên bờ giác nữa ư? Kết thất đã mãn, tam-muội chưa thành: một là do túc nghiệp sâu nặng, hai là vì tinh thần suy yếu mà nên nỗi. Nhưng cố nhiên Phật chẳng bỏ kẻ tội nhân, phải nương theo hạnh ấy để được vãng sanh.

Phép *thập niệm ký số* không phải là sổ tức (đếm hơi thở), do vì đếm từ một đến mười nên giống với sổ tức. Lại do sách Liên Tông Bảo Giám chép sai là niệm đến trăm, đến ngàn, đến vạn, e sẽ bị bệnh. Ông dẫn điều ấy để chứng minh, gọi cách ấy là sổ tức trì danh, hoàn toàn không thể được! Muốn chứng tam-muội thì đã có cách do Phật, tổ đã dạy, ba đời chẳng đổi, sao lại còn phải hỏi đến sở chứng của tôi rồi mới chịu tu tập? Kinh Di-đà dạy: "Chấp trì danh hiệu hoặc một ngày cho đến bảy ngày, nhất tâm bất loạn." (Câu "một ngày cho đến bảy ngày" chỉ là nêu thí dụ, không thể chấp chặt, nếu là bậc căn tánh Đẳng giác thì chỉ một niệm đã có thể chẳng loạn, cần gì phải mất một ngày; nếu là căn tánh nghịch ác, suốt đời còn khó được nhất tâm, huống chỉ bảy ngày. Vương Canh Tâm gộp bừa thượng, trung, hạ căn thành một loại, đưa ra lời bàn luận, thật quá kiêu căng, cho

[113] Âu là Âu Dương Tu (1007-1072) là một văn gia kiêm sử gia thời Tống. Ông này đã viết Bản Luận gồm ba thiên cực lực bài xích tư tưởng Phật giáo. Lúc biên soạn Tân Đường Thư và Tân Ngũ Đại Sử, ông ta còn cắt bỏ hơn 200 bài ký sự về Phật giáo. Sau này, về già, ông lại trở thành tín đồ Phật Giáo. Còn họ Hàn chính là Hàn Dũ (768-824), hiệu là Xương Lê, văn nhân thời Đường, cực lực báng Phật, đòi đốt kinh Phật, dẹp chùa, đuổi tăng về làm dân.

là mình đã phát huy được điều người xưa chưa hề phát. Thật ra là trên trái nghịch lời chân thành của Phật, dưới mở đường cho kẻ hậu tiến cuồng vọng, khiến người khôn ngăn đau xót, buồn thương, không gì ngăn dứt được!)

Quán kinh dạy: "Chư Phật Như Lai là pháp giới thân vào trong tâm tưởng của hết thảy chúng sanh. Vì thế, lúc các ngươi nghĩ đến Phật thì tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo. Tâm này làm Phật, tâm này là Phật." (Chữ "làm" chỉ tâm tưởng, chữ "là" chỉ "tâm làm". Quán tưởng đã là "làm", trì tụng, lễ bái lẽ nào chẳng phải là "làm"? Nêu một điều, phủ nhận ba điều, nhà Nho mà còn như thế, huống gì phàm phu sát đất? Ngửa trông Phật ý, há có nên không y theo viên đốn diệu giải, cứ tự đem cái nhìn hẹp hòi của mình để suy lường ư?) Trong kinh Lăng-nghiêm, Đại Thế Chí Bồ-tát nói: "Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa, ấy là bậc nhất." Trong bài kệ chọn lựa pháp viên thông, ngài Văn-thù nói: *"Phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo"* (Xoay tánh nghe lại để nghe nơi tự tánh thì tánh trở thành vô thượng đạo). Nay tôi phỏng theo nói: "Xoay cái niệm lại niệm nơi tự tánh thì tánh thành vô thượng đạo." Kinh Tứ Thập Nhị Chương dạy: "Hễ tâm đặt nơi một chỗ thì không sự gì chẳng làm được." Ngài Mộng Đông nói: "Thật vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật." Mười sáu chữ ấy là đại cương tông của pháp môn niệm Phật. Sao chẳng toàn thân dựa theo những câu, những chữ ấy? Chẳng lấy thánh ngôn làm lượng, sao lại lấy kẻ phàm phu tội nghiệp như tôi làm chuẩn? Há chẳng phải điên đảo quá đáng ư?

Nhưng ông thốt ra lời ấy chắc cũng có nguyên do. Ấy là do sách Trung Luận thuật rõ cảnh được thấy bởi đại sư Tỉnh Nhất và ông Vương Canh Tâm bảo mình được thừa truyền tâm ấn của sư, hàm ý: mình có đủ mọi diệu cảnh chẳng thể nghĩ bàn và những bí quyết mầu nhiệm do miệng truyền tâm nhận vậy! Chẳng biết: tam-muội, tiếng Hán gọi là chánh định, hoặc còn dịch là chánh thọ, chánh định có nghĩa là tịch và chiếu cùng dung hội, chánh thọ có nghĩa là vọng bị khuất phục, chân hiện ra. Tịch và chiếu cùng dung hội thì còn có cảnh giới nào để được nữa? Tâm kinh nói: "Soi thấy ngũ uẩn đều không, độ hết thảy khổ ách." Lại nói: "Do không có gì để đắc nên ba đời chư Phật chứng Vô thượng chánh đẳng chánh giác." Kinh Lăng-nghiêm nói: "Viên mãn Bồ-đề trở về chỗ không được gì."

Người tu thiền định (chỉ tứ thiền bát định) và người tham thiền chỉ cậy vào tự lực, không cầu Phật gia hộ. Vì thế, lúc công phu đắc lực, chân và vọng chống chọi nhau nên thường thấy các cảnh giới huyễn hoặc hiện ra, mất đi. Ví như lúc mưa dầm sắp tạnh, mây dày bị xé toạc, chợt thấy ánh nắng, trong khoảng chớp

nhoáng biến hiện không lường được. Không phải là người thật sự có đạo nhãn sẽ chẳng thể phân biệt, nhận biết được tất cả cảnh giới. Nếu lầm tưởng là dấu hiệu chứng ngộ, sẽ bị ma dựa phát cuồng, không sao trị được. Người niệm Phật dùng tín nguyện chân thật, khẩn thiết, trì vạn đức hồng danh, ví như vầng mặt trời sáng rỡ giữa không trung, đi trên đường lớn của vua, chẳng những lỵ mỵ võng lượng[114] mất bặt tăm tích, ngay cả những ý niệm ngoắt ngoéo, thị phi cũng không sanh khởi được.

Xét đến cùng cực chẳng qua là "niệm đến công thuần, tận sức thì toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm - Phật không hai, tâm - Phật như một" mà thôi! Lý này, hạnh này chỉ sợ người ta không biết, chẳng thể hợp với nguyện phổ độ chúng sanh của Phật, lẽ đâu bí mật không truyền, chỉ truyền riêng cho ông ư? Nếu có những bí quyết mầu nhiệm chỉ truyền miệng, ghi nhớ trong lòng, dạy ở nơi kín đáo thì đấy chính là tà ma, ngoại đạo, không phải là Phật pháp. Nhưng Ấn Quang quả thật có bí quyết người khác không đắc, chỉ mình tôi đắc, do ông cầu thỉnh bèn chẳng ngại gì đem bảo khắp các Phật tử trong thiên hạ. Bí quyết ấy chỉ có gì? Là thành, là cung kính. Những chữ ấy cả thế gian đều biết, nhưng đạo ấy cả thế gian đều lầm. Ấn Quang do tội nghiệp sâu nặng, mong tiêu trừ tội chướng để báo ân Phật nên thường tìm cầu khuôn mẫu tu trì tốt đẹp của cổ đức, do vậy mới biết thành và cung kính quả thật là bí quyết cực diệu để siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vì thế tôi thường ra rả bảo cùng những ai hữu duyên. Trì Kinh Lợi Ích Tùy Tâm Luận tuy đã nêu ra đầu mối, nhưng chưa nói rõ nguyên tắc đại lược. Toan muốn dài dòng một hai vạn chữ, dẫn đủ khắp những chuyện thành kính và đạo cảm ứng của cổ đức hòng phụ thêm vào lời nói dở tệ của mình, phát huy bình luận, ngõ hầu ai đọc đến hiểu phân minh pháp và giới, biết lấy và bỏ như thế nào, chẳng đến nỗi do cái nhân to chỉ được quả nhỏ, do nhân thiện lại phải chuốc lấy quả ác! Những lời ấy tôi đã nói với ông Từ. Phải biết thành và kính, không riêng gì học Phật mới nên như thế, mà hết thảy các pháp thế gian hay xuất thế gian muốn được tinh nhất thì không thể không lấy thành và kính làm cơ bản. Nhìn vào chuyện Mạnh tử lấy Dịch Thu[115] để dạy về chuyện đánh cờ vây thì biết.

---

[114] Lỵ mỵ võng lượng: Lỵ mỵ (lỵ đúng ra phải đọc là si) là loài quỷ trong núi sâu, võng lượng là loài quỷ trong rừng. Nói chung, lỵ mỵ võng lượng là các loài quỷ quái do sơn thần, thủy tinh biến hiện hại người.

[115] Dịch là một loại cờ vây. Mạnh tử nói Dịch Thu là một người thời cổ do giỏi đánh cờ vây mà mang tên là Dịch Thu. Trong sách Mạnh Tử, thiên Cáo Tử, có chép: "Phàm phu học nghề đánh cờ vây là nghề mọn, chẳng chuyên tâm dốc chí sẽ không học được. Dịch Thu là người giỏi cờ vây nhất nước. Nếu Dịch Thu dạy hai người, một người chuyên tâm dốc chí, chỉ lắng

Ông Từ vốn sẵn linh căn từ đời trước, lại đời đời thờ Phật, từ lúc ra đời đến nay đã được dạy dỗ đàng hoàng, lại còn có cái học vấn lịch duyệt hai ba mươi năm, sao lại bỏ cái cao minh để chọn lấy cái hèn tệ, trân trọng đem văn Ấn Quang lưu truyền trong đời như vậy? Phải biết hoằng pháp lợi sanh quý ở chỗ biết thời cơ, pháp người đời nay nên nhận cũng như căn bệnh người đời nay mắc phải, bậc cao minh không chịu nói rõ, những lời họ nói dẫu huyền diệu cùng cực, đa phần không phải là thuốc trị đúng bệnh, e rằng diệu dược ấy lại làm bệnh nặng thêm.

Ấn Quang khác nào gã thầy lang dốt vô tri vô thức, chẳng những không biết gốc bệnh, cũng chẳng biết dược tánh, chỉ biết dùng thuốc *a-già-đà vạn ứng hoàn* của tiên tổ đã ngầm chế tạo thành, mọi căn bệnh hư, thực, hàn, nhiệt đều cắt thuốc ấy. Nếu chẳng nghi hoặc, lấy thuốc ấy uống vào, lập tức khỏi hẳn, dẫu là chứng bệnh tần hoãn, biển thước phải chịu bó tay, vừa uống thuốc này lập tức khởi tử hồi sanh. Do vậy, ai có tâm cứu người giúp đời bèn cho phát hành rộng rãi hòng những ai có bệnh cùng được uống thuốc này. Tuy biết tài thần diệu của những người như Tần Hoãn chẳng thể nào lường được, nhưng chẳng thể chỉ dạy rộng rãi, vì căn bệnh này thuộc về túc nghiệp, dẫu thần tiên cũng chẳng trị được, huống gì thần y!

Còn những lời phán định của ông về những lời lẽ trong sách Trung Luận, quả thật là đau lòng rát miệng rọi sáng thêm cho Ấn Quang, riêng muốn mở chánh nhãn cho người, không phải là tô vẽ cho Ấn Quang. Những lời bình luận của cụ Nhân (Dương Nhân Sơn) cũng cực thống thiết, nhưng còn chưa chỉ rõ tâm bệnh của chàng Vương (Vương Canh Tâm) cũng như những điều tác tệ của [Di-đà] Trung Luận. Những lời Ấn Quang đã nói đa phần chú trọng vào hai điều ấy, còn những lời đáp khác đều thích đáng trọn vẹn.

Riêng đoạn văn luận về bốn cõi thì về lý cố nhiên không trở ngại chi lớn, nhưng ước theo sự còn thiếu tinh tường. Bởi lẽ, hai cõi Phàm thánh đồng cư và Phương tiện hữu dư là ước theo phàm phu mang nghiệp vãng sanh và bậc tiểu thánh đã đoạn kiến tư hoặc mà lập, chứ không thể ước theo Phật mà luận. Nếu ước theo Phật mà luận thì không riêng gì toàn thể của bốn cõi Tây Phương đều là Tịch quang, mà ngay cả ngũ trược ác thế, tam đồ ác đạo nơi đây nếu nhìn từ phía Phật thì không gì chẳng phải là Tịch quang. Vì thế nói: "Tỳ-lô-giá-na trọn hết thảy mọi nơi, chỗ Phật ở được gọi là Thường Tịch quang." Khắp mọi nơi đều là cõi Thường Tịch quang, cứ hễ viên chứng được Pháp Thân Quang Minh Biến

---

nghe Dịch Thu; người kia tuy nghe Dịch Thu nói nhưng lại nghĩ có con chim hồng hộc bay tới, mình sẽ giương cung bắn. Tuy là cùng học, kết quả lại chẳng giống nhau!"

Chiếu Tỳ-lô-giá-na bèn tự được thọ dụng, ngoài ra đều là phần chứng. Nếu xét từ bậc Thập tín trở xuống phàm phu, về lý thì có, nhưng về sự lại không. Muốn hiểu tường tận nên đọc kỹ đoạn luận về bốn cõi trong sách Di-đà Yếu Giải, mà sách Phạm Võng Huyền Nghĩa cũng bàn luận rõ ràng (Tỳ-lô-giá-na, Hán dịch là Quang Minh Biến Chiếu, hoặc Biến Nhất Thiết Xứ, là hiệu chung của pháp thân thanh tịnh được chứng bởi hết thảy chư Phật khi đã viên chứng cực quả rốt ráo. Viên mãn báo thân Lô-xá-na cũng thế. Còn Thích-ca, Di-đà, Dược Sư, A-súc v.v. là những danh hiệu khác biệt của mỗi hóa thân Phật. Lô-xá-na, Hán dịch là Tịnh Mãn, do hoặc nghiệp đã hết sạch, trí tuệ viên mãn. Đây là ước trên trí đức và đoạn đức cảm được quả báo mà nói).

Lại phải biết Thật báo và Tịch quang vốn cùng là một cõi, nếu ước theo cái quả do xứng tánh cảm được thì gọi là Thật báo, nếu ước theo cái lý rốt ráo chứng được thì gọi là Tịch quang. Bậc Sơ trụ vừa dự vào Thật báo, chứng một phần Tịch quang; Diệu giác mới là thượng thượng Thật báo, rốt ráo Tịch quang. Từ Sơ trụ đến Đẳng giác đều chỉ chứng được một phần hai cõi ấy, đến Diệu giác cực quả mới được rốt ráo cả hai cõi ấy. Nói đến Thật báo là chỉ ước trên phần chứng, còn Tịch quang là ước trên rốt ráo. Tịch quang không có tướng, Thật báo có đủ vi trần số những trang nghiêm vi diệu chẳng thể nghĩ bàn của Hoa Tạng thế giới hải. Ví như hư không, thể của nó không có các tướng, nhưng hết thảy các tướng đều do hư không mà phát hiện. Lại như gương báu, trống sáng rỗng rang, trọn chẳng có một vật, nhưng hễ người Hồ đến bèn hiện bóng người Hồ, người Hán đến bèn hiện bóng người Hán. Thật báo và Tịch quang là một mà lại hai, tuy hai nhưng một. Muốn cho con người dễ hiểu nên nói là hai cõi.

Những gì được dạy trong Kim Luân chú pháp chính là nhân quả ba đời, làm thợ săn, làm vị tăng đều là nhân quả đời trước; nay được làm người, phước hết sẽ đọa. Đấy là ước theo người mê không tu bèn dạy nhân trước quả sau. Niệm Phật, đọc kinh, ngộ lý nhị không[116], chứng pháp thật tướng, là luận theo người tỉnh ngộ tu trì mà chỉ dạy hiện nhân hậu quả. Chớ có buông tuồng mặc ý, cho rằng đời này sẽ lại được như thế. Trong đời này người chứng được thật tướng không phải là không có ai, chỉ e hiền khế[117] không có thiện căn ấy. Nếu chẳng trình bày rõ nguyên do, e sẽ hư vọng mong mỏi chứng thánh, chí cao nhưng hạnh không thấu, lâu ngày chầy tháng ắt đến nỗi táng tâm cuồng dại, chưa đắc nói đã đắc, chưa chứng nói đã chứng, cầu thăng lại đọa, hóa khéo thành vụng. Xét đến kết quả,

[116] Nhị không: ngã không và pháp không.
[117] Hiền khế: tiếng gọi tỏ vẻ trân trọng bạn hữu.

khó tránh khỏi vĩnh viễn chìm đắm trong đường ác. Chẳng những mai một linh tánh của chính mình, mà quả thật còn cô phụ ơn Phật.

Cái lý nhị không chỉ nói về ngộ thì phàm phu lợi căn có thể làm được, như những người thuộc vào địa vị Danh tự trong Viên giáo, tuy *ngũ trụ phiền não* chưa phục đoạn[118] được mảy may, nhưng sở ngộ đã bằng với chư Phật không hai, không khác (ngũ trụ: kiến hoặc là một trụ, tư hoặc gồm ba trụ, hai loại này thuộc về giới nội; trần sa hoặc và vô minh hoặc gộp thành một trụ, hai loại này thuộc về giới ngoại). Nếu nói theo nhà Thiền thì gọi là đại triệt đại ngộ, còn nói theo Giáo thì gọi là đại khai viên giải, đại triệt đại ngộ và đại khai viên giải không phải là lờ mờ, phảng phất hình như hiểu rõ đâu nhé! Như cư sĩ Bàng[119] nghe Mã Tổ nói: "Đợi khi nào ông một hơi uống cạn nước Tây Giang sẽ bảo cho ông biết", ngay khi đó, cư sĩ Bàng bèn quên ngay nhân ngã, thấu hiểu lẽ huyền. Ngài Đại Huệ Cảo nghe ngài Viên Ngộ nói "gió nồm từ phương Nam thổi đến, điện gác đều mát mẻ" cũng thế. Trí Giả tụng Pháp Hoa đến câu "là chân tinh tấn, gọi là pháp cúng dường Như Lai chân thật" trong phẩm Dược Vương Bổn Sự bèn hoát nhiên đại ngộ, lặng lẽ nhập định, thấy một hội Linh Sơn nghiễm nhiên chưa tan. Ngộ được như thế mới gọi là đại triệt đại ngộ, đại khai viên giải.

Nếu nói đến việc chứng pháp thật tướng thì không phải là chuyện hạng phàm phu sát đất có thể làm được. Thiền sư Nam Nhạc Tư Đại, là thầy đắc pháp của ngài Trí Giả, có đại trí tuệ, có đại thần thông, lâm chung có người hỏi đến sở chứng, bèn nói: *Thoạt đầu ta mong được Đồng luân* (tức địa vị Thập trụ, phá vô minh, chứng thật tướng, vừa dự vào Thật báo, phần chứng Tịch quang. Bậc Sơ trụ có thể thị hiện làm thân Phật trong tam thiên đại thiên thế giới giáo hóa chúng sanh. Bậc Nhị trụ có thể hiện trong một ngàn tam thiên đại thiên thế giới, Tam trụ thì một vạn, địa vị càng cao lên thì con số càng tăng gấp mười, há tiểu căn làm

---

[118] Phục đoạn: khuất phục, đè nén chứ chưa đoạn trừ cội rễ.

[119] Cư sĩ Bàng tên là Bàng Uẩn, tự Đạo Huyền, người xứ Hành Dương, học Nho, từ nhỏ đã ngộ trần lao, chí cầu xuất thế. Năm đầu niên hiệu Trinh Nguyên (785) đời Đường, tham yết sư Thạch Đầu, hỏi: "Chẳng cùng vạn pháp làm bạn thì là ai?" Thạch Đầu lấy tay che miệng. Đột nhiên Bàng Uẩn hơi tỉnh ngộ, sau tham yết Mã Tổ, hỏi lại câu trên đây. Mã Tổ đáp: "Đợi khi nào ông một hơi uống cạn nước Tây Giang sẽ bảo cho ông biết", ngay khi đó bèn đốn ngộ huyền chỉ. Khi cư sĩ sắp nhập diệt, bảo với con gái là Linh Chiếu: "Huyễn hóa không thật, tùy ngươi duyên theo. Hãy ra ngoài xem mặt trời, khi nào đúng ngọ bảo cha!" Linh Chiếu ra khỏi cửa, trở vào bảo: "Mặt trời đứng bóng rồi lại chênh, hãy ra xem thử!" Cư sĩ ra cửa xem, Linh Chiếu bèn lên tòa của cha, chắp tay qua đời. Cư sĩ cười: "Con ta lanh lẹ quá!" Bèn dời ngày chết lại bảy hôm. Người đứng đầu vùng ấy là Vu Công Đốn đến hỏi thăm, cư sĩ nói: "Chỉ nguyện không vô sở hữu, chớ đừng mọi thứ đều thật, chẳng phải không! Khéo trụ trong thế gian, đều như bóng, như tiếng vang." Nói xong, tựa đầu vào gối ông Vu, qua đời.

được ư?). *Nhưng vì lãnh chúng quá sớm, chỉ chứng được Thiết luân mà thôi!* (Thiết luân là địa vị Thập tín. Sơ tín đoạn kiến hoặc, Thất tín đoạn tư hoặc. Bát, Cửu, Thập tín phá trần sa hoặc, khuất phục vô minh. Ngài Nam Nhạc thị hiện ở vào địa vị Thập tín, còn chưa chứng được pháp thật tướng. Nếu phá một phẩm vô minh, liền dự vào Sơ trụ, mới có thể nói là viên chứng pháp thật tướng).

Đại sư Trí Giả là hóa thân của Phật Thích-ca, lâm chung có người hỏi: "Chưa rõ đại sư chứng nhập địa vị nào?" Bèn đáp: *Nếu ta không lãnh chúng ắt tịnh được sáu căn* (tức là thuộc địa vị Thập tín, sáu căn đều tịnh, như đã thuyết minh trong phẩm Pháp Sư Công Đức kinh Pháp Hoa), *do tổn mình lợi người nên chỉ chứng được Ngũ phẩm* (Ngũ phẩm là Quán hạnh vị, đã khuất phục hoàn toàn phiền não nhưng chưa đoạn trừ được kiến hoặc).

Đại sư Ngẫu Ích lúc lâm chung để lại bài kệ:

Danh tự vị trung chân Phật nhãn,
Vị tri tất cánh phó hà nhân?

(Chân Phật nhãn trong địa vị Danh tự còn chưa biết rốt ráo, giao phó cho ai đây?)

(Người thuộc địa vị Danh tự đã viên ngộ tạng tánh, ngang với chư Phật, nhưng kiến tư còn chưa khuất phục được, huống chi là đoạn. Những người đại triệt đại ngộ trong đời mạt đa phần mang thân phận này. Ngũ Tổ Giới làm thân Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh trở thành Lỗ Công, còn là bực thượng. Kế đến là như Hải Ấn Tín làm con gái của Chu Phòng Ngự, kém hơn nữa là như vị tăng ở Nhạn Đãng trở thành con nhà họ Tần mang tên Cối. Rõ ràng là vì lý tuy đã đốn ngộ, nhưng hoặc chưa khuất phục được, trải qua một phen thọ sanh, rất có thể bị mê mất. Tạng tánh chính là Như Lai tạng diệu chân như tánh, tức là tên gọi khác của thật tướng).

Đại sư Ngẫu Ích thị hiện thuộc địa vị Danh tự, Trí Giả thị hiện thuộc địa vị Ngũ phẩm, Nam Nhạc thị hiện chứng địa vị Thập tín, nhưng bổn địa của ba vị đại sư chẳng thể lường được, nhưng các ngài thị hiện ba địa vị Danh tự, Quán hạnh, Tương tự cho thấy thật tướng không dễ chứng, hàng hậu tấn khó thể vượt lên. Quả thật các ngài sợ rằng hậu nhân chưa chứng nói đã chứng, nên bèn hiện thân thuyết pháp khiến cho họ tự biết hổ thẹn, chẳng dám làm xằng. Ân thị hiện sau cùng của ba vị đại sư, chúng ta dẫu nát xương tan thân cũng không báo đáp được! Ông hãy tự suy nghĩ xem mình có thể trội hơn được ba vị đại sư ấy hay chăng? Nếu nói niệm Phật, duyệt kinh hòng vun bồi thiện căn; sau khi vãng sanh, thường

hầu Di-đà, cao dự hải hội, tùy theo công hạnh sâu hay cạn, ắt sẽ chứng thật tướng sớm hay muộn thì đấy là lời quyết định không nghi, hết thảy người vãng sanh cùng được chứng đắc.

Lại như Kim Luân chú pháp chẳng cho hỏi việc gì khác, chỉ cho hỏi về thiện căn, hỏi về pháp môn. Chúng sanh đời mạt bất luận có thiện căn hay không đều nên quyết định chuyên tu Tịnh độ, cũng chẳng cần hỏi đến pháp môn nữa, hãy nên nỗ lực. Nếu không có thiện căn hãy cứ tận lực vun bồi, nên cũng không cần phải hỏi về thiện căn nữa. Chỉ nên trì chú để trợ tu tịnh nghiệp, chớ tự tiện tác pháp làm phiền Phật, thánh. Nếu bộp chộp tác pháp, nhưng thân tâm chẳng cung kính, hoặc chẳng chí thành, rất có thể khiến cho ma sự khởi.

Chỉ có mỗi một việc nên tác pháp nhưng không phải là phận sự của ông. Tức là nếu như có người muốn xuất gia, nhưng tự mình chưa chứng đạo, chẳng thể quán sát căn cơ kẻ ấy, bèn trên cầu Phật từ, ngầm dạy cho mình biết kẻ ấy có thích hợp hay không, ngõ hầu khỏi bị cái nạn những kẻ giặc cướp, bại hoại xen lẫn [vào cửa Phật]. Nhưng nay người ta thâu đồ chúng, chỉ sợ không thâu được nhiều, dẫu biết rõ kẻ đó là phường hạ lưu, vẫn cứ gấp gáp muốn thâu nạp, chỉ sợ hắn vuột thoát. Ai chịu làm pháp này để quyết định! Tham danh lợi, ưa quyến thuộc đến nỗi làm cho Phật pháp bị suy bại sát đất, không sao hưng khởi được.

Còn như ai nghiệp chướng nặng nề, tham sân lừng lẫy, sức yếu tâm khiếp nhược, chỉ nên nhất tâm niệm Phật, lâu ngày các chứng bệnh đều sẽ tự khỏi. Phẩm Phổ Môn nói: "Nếu có chúng sanh nhiều dâm dục, nóng giận, ngu si, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ-tát liền được lìa khỏi." Niệm Phật cũng thế, nhưng phải tận tâm kiệt lực, không còn ngờ vực thì chẳng cầu gì không được. Quán Âm có nhân duyên lớn với Sa-bà, ngoài việc niệm Phật ra, trì thêm danh hiệu Quán Âm cũng được, hoặc kiêm trì các chú Lăng-nghiêm, Đại Bi v.v. cũng đều được cả. Còn như duyệt kinh, nếu muốn làm pháp sư để tuyên dương cho đại chúng thì hãy nên đọc kinh văn trước, kế đến là đọc chú sớ. Nếu tinh thần không sung túc, kiến giải không hơn người, chớ nên uổng công lao tâm lao lực, uổng phí năm tháng.

Nếu muốn tùy sức chứng được lợi ích thật sự, phải chí thành khẩn thiết, thanh tịnh ba nghiệp, trước hết đoan tọa một lát để thân tâm ngưng lặng, rồi sau đấy mới lễ Phật tụng ra tiếng, hoặc chỉ thầm đọc, hoặc lễ Phật rồi đoan tọa một chút, sau đấy mới mở kinh ra. Cần phải ngồi ngay ngắn nghiêm chỉnh như đối trước thánh dung, đích thân nghe viên âm, chẳng dám chớm một niệm lười nhác, cũng chẳng dám khởi một niệm phân biệt. Đọc thẳng từ đầu đến cuối, bất luận dù văn

hay nghĩa đều nhất loạt chẳng dụng công để hiểu. Đọc kinh như thế, người lợi căn liền có thể ngộ được lý nhị không, chứng pháp thật tướng. Nếu như căn cơ độn, kém, cũng có thể tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước tuệ. Lục tổ nói: "Chỉ xem kinh Kim Cang liền có thể minh tâm kiến tánh", tức là nói đến cách xem như vậy đó, vì thế nói "chỉ". Có thể xem như thế thì xem kinh Đại thừa nào cũng có thể minh tâm kiến tánh, há phải riêng gì kinh Kim Cang là như vậy!

Nếu cứ một bề phân biệt, câu nói này nghĩa là gì, đoạn này nghĩa là gì, bèn hoàn toàn thuộc vào phàm tình vọng tưởng, đoán mò, suy lường, há có thể ngầm hợp ý Phật, viên ngộ ý chỉ của kinh, nhân đó nghiệp chướng tiêu trừ, phước tuệ tăng cao ư? Nếu biết cung kính, còn trồng được một chút thiện căn. Nếu hoàn toàn như nhà nghiên cứu già dặn đọc sách Nho sẽ thấy cái tội khinh nhờn như núi cao vút, như vực sâu thăm thẳm. Do nhân lành chuốc lấy quả ác, chính là hạng người này đấy! Cổ nhân chuyên trọng nghe kinh vì tâm chẳng thể khởi phân biệt. Như có một người đọc tụng ra tiếng, người khác ở bên cạnh nhiếp tâm lắng nghe kỹ càng từng chữ từng câu sao cho phân minh, tâm người ấy chuyên chú chẳng dám duyên theo hết thảy thanh sắc bên ngoài, nếu hơi phóng túng liền bị đoạn tuyệt, văn nghĩa chẳng thể quán thông được. Người tụng có kinh văn để nương vào, tâm chẳng cần chuyên chú lắm vẫn có thể tụng rõ ràng, còn người nghe chỉ có thể nhờ vào âm thanh nên nếu phóng túng sẽ bị đứt đoạn. Nếu nghe được như thế sẽ bằng với công đức chí thành cung kính của người tụng. Nếu người tụng hơi kém cung kính thì công đức khó thể sánh bằng người nghe.

Con người hiện thời coi kinh Phật như giấy cũ, để lẫn lộn kinh với những thứ khác trên án kinh, tay chẳng rửa ráy, miệng không súc sạch, thân đung đưa, chân gác lên, thậm chí phóng thí[120], gãi chân, hết thảy phóng túng chẳng e sợ mà muốn đọc kinh để được phước tiêu tội thì chỉ có ma vương muốn tiêu diệt Phật pháp mới chứng minh, tán thán, bảo là hoạt bát viên dung, phù hợp sâu xa với diệu đạo chẳng chấp trước của Đại thừa. Phật tử chân tu thực sự tu hành, trông thấy chỉ đành ngấm ngầm đau lòng, lặng lẽ ứa lệ, than thở quyến thuộc ma hoành hành, chẳng biết làm sao!

Trí Giả tụng kinh, hoát nhiên đại ngộ, lặng lẽ nhập định, há có phải là do tâm phân biệt mà hòng đạt được ư? Một vị cổ đức chép kinh Pháp Hoa, nhất tâm chuyên chú bèn được niệm cực tình vong, đến khi trời tối mịt vẫn cứ viết mãi. Thị giả vào nói trời đã tối đen rồi sao vẫn viết mãi, liền duỗi tay ra chẳng thấy

[120] Phóng thí: tức trung tiện (break the wind, passing gas)

được bàn tay[121]. Duyệt kinh như thế cùng với tham thiền, khán thoại đầu, trì chú, niệm Phật có cùng sự chuyên tâm chuyên chí, ra sức như thế thì lâu ngày ắt có bữa sẽ được lợi ích hoát nhiên quán thông.

Thời Minh, thiền sư Tuyết Kiểu Tín người phủ thành Ninh Ba, không biết chữ nào, trung niên xuất gia, nhọc nhằm tham cứu tận lực, nhẫn được những điều người khác chẳng thể nhẫn, làm được những điều người khác không thể làm, hành những hạnh khổ người khác quả thật khó thể làm được. Lâu ngày đại triệt đại ngộ, thuận miệng nói ra những điều khéo khế hợp thiền cơ, dẫu không biết chữ, chẳng thể viết được, nhưng lâu ngày bèn biết chữ. Lâu sau ngọn bút vẫy vùng, nghiễm nhiên thành một nhà thư pháp lớn. Các lợi ích này đều cầu từ nơi chẳng phân biệt, chuyên tinh tham cứu. Người duyệt kinh cũng nên lấy cách này làm pháp tắc. Ngữ lục của vị này đã được đưa vào tạng kinh đời Thanh. Đàm Tảo Am mang danh tiến sĩ, quy y dưới tòa, soạn bài bia thuật đạo hạnh của sư hơn một vạn chữ.

Lúc duyệt kinh trọn chẳng được khởi phân biệt, tự nhiên vọng niệm nép phục, thiên chân phát hiện. Nếu muốn nghiên cứu nghĩa lý hoặc đọc chú sớ, nên dành lúc khác chỉ chú trọng nghiên cứu. Trong lúc nghiên cứu, tuy không nghiêm túc như lúc duyệt kinh, cũng chẳng thể hoàn toàn không cung kính, bất quá so với lúc duyệt kinh thư thả hơn một chút. Chưa thể nghiệp tiêu trí rạng thì lấy duyệt kinh làm chánh, nghiên cứu chỉ là phụ kèm theo. Nếu không, quanh năm suốt tháng chỉ lo nghiên cứu, dẫu nghiên cứu đến mức như vẹt mây thấy mặt trăng, mở cửa thấy núi, cũng chỉ là lưu loát ngoài miệng, đối với thân tâm sanh mạng và chuyện sanh tử trọn không can dự mảy may. Ngày Ba Mươi tháng Chạp xảy đến, quyết định chẳng dùng được tí ti nào. Nếu có thể duyệt kinh như vừa mới nói thì ắt nghiệp sẽ tiêu, trí sẽ rạng, ba thứ tình kiến sẽ quy về chốn làng quê chưa hề có. Nếu không duyệt như thế, chẳng những ba thứ tình kiến chưa chắc không phát sanh, lại e do sức túc nghiệp dẫn khởi tà kiến, bác không nhân quả, và giết trộm dâm đủ mọi phiền não nối tiếp nhau dấy lên như lửa cháy hừng hực, nhưng cứ tưởng mình là người tu Đại thừa, hết thảy vô ngại, bèn vin vào lời Lục tổ *"tâm đã bình cần gì phải nhọc lòng trì giới"*, bèn cho các giới đều phá mà không phá mới là chân hành trì, thật là tu hành khó được chân pháp vậy! Do vậy, chư Phật, chư tổ chủ trương Tịnh độ, nương vào Phật từ lực để chế phục nghiệp lực, chẳng cho nghiệp lực phát hiện.

[121] Theo Tử Bách Lão Nhân Tập, quyển 22, vị tăng này chính là thiền sư Nhất Am, sống vào thời Gia Tĩnh (1522-1566) nhà Minh.

Nên lấy niệm Phật làm chủ, duyệt kinh làm phụ. Như Pháp Hoa, Lăng-nghiêm, Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Kim Cang, Viên Giác, hoặc chuyên chú một kinh, hoặc lần lượt duyệt sáu kinh này cũng được, nhưng cách duyệt trọn chẳng thể không tuân theo cách tôi đã trình bày. Nếu làm cẩu thả đến nỗi lợi ích chẳng thể nghĩ bàn bị mất vì phóng túng không kiêng dè và phân biệt, vọng tình thì há chẳng đáng buồn ư?

Trước kia, tôi cho rằng ông và Sư Trân đã có thể triệt để tin theo pháp môn Tịnh độ, đến khi xem những thư từ hỏi đáp giữa ông và ông Từ thấy ông lại muốn trì chú, lại toan nghiên cứu giới học, cho rằng mật chú có công đức thù thắng chưa hề thấy xưng thuật trong Tịnh độ, tâm bèn chao đảo, không có mảy may ý kiến nhất định nào. Ông căn cơ như thế nào mà muốn pháp gì cũng đều thông cả vậy? Do bị những chuyện cấp thiết khuấy động lâu ngày rất có thể bị mất trí, tôi bảo ông Từ: "Mong ông hãy cực lực khai thị cho ông ta để trọn tình thầy bạn cùng một pháp môn." Sư Trân cho rằng Mật tông [nói đến những chuyện] hơi xông, bụi dính[122] đều được giải thoát, còn Tịnh tông không có những lợi ích ấy, sao chẳng xét ngũ nghịch thập ác lúc lâm chung địa ngục hiện, niệm Phật mấy tiếng bèn được vãng sanh? Lại chẳng thấy những vị Đẳng giác trong hội Hoa Nghiêm chứng ngộ bằng với chư Phật, vẫn dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh để cầu viên mãn Phật quả đó ư? Nếu bảo là có pháp nào thù thắng hơn pháp này, bèn muốn bỏ pháp này để tu pháp kia thì sao chẳng suy xét Phật, tổ trong ngàn kinh muôn luận đã đinh ninh ân cần dốc cạn ý vậy?

Nói thật ra, các pháp môn Đại thừa pháp nào cũng đều viên diệu, nhưng do căn cơ có xanh - chín, duyên có cạn - sâu, nên lợi ích thành ra có dễ đạt và khó đạt. Thiện Đạo là hóa thân của Phật Di-đà, ngài dạy chuyên tu vì sợ hành nhân tâm chí bất định, bị các pháp môn khác đoạt chí. Dẫu cho khắp tất cả từ Sơ, Nhị, Tam, Tứ quả thánh nhân và các Bồ-tát Trụ, Hạnh, Hướng, Địa, Đẳng giác, cuối cùng là mười phương chư Phật tận hư không, trọn pháp giới, hiện thân phóng quang khuyên bỏ Tịnh độ, giảng cho diệu pháp thù thắng cũng chẳng chịu nhận, bởi thoạt đầu đã phát nguyện chuyên tu Tịnh độ, chẳng dám trái nghịch nguyện ấy. Hòa thượng Thiện Đạo đã sớm biết người đời sau đứng núi này trông núi nọ, chẳng có tí ti định kiến nào nên mới nói như vậy, hòng giết chết cái tâm chụp giựt cuồng vọng cứ luôn mong mỏi, ngưỡng mộ lòng vòng. Ai biết lấy ngài Thiện Đạo

[122] Trong Mật tạng, có nói những bài chú nếu gió thổi qua người trì tụng chạm vào người khác, người khác cũng được lợi ích. Như chú Đại Tỳ-lô-giá-na Quán Đảnh, tụng vào cát đem rải lên xương người chết, người chết cũng được giải thoát.

làm thầy mà chẳng thuận theo! Người thuận theo [ý tổ Thiện Đạo] chỉ e không thấy nhiều. Há chẳng phải là ác nghiệp đời trước sai khiến đến nỗi pháp khế cơ khế lý nhất ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, thành ra kẻ nghiệp thức mờ mịt không Thiền, không Tịnh độ, luân hồi không có gốc rễ để nương tựa đó ư? Buồn thay!

Tôi thấy tâm ông tha thiết muốn học hỏi, nhưng nếu thường gởi thư hỏi han, đôi bên đều bị phiền rộn. Do vậy, hỏi Sư Trân có hay không những sách giảng về *Giáo thừa pháp số*[123] để thỉnh ắt sẽ có cái để tra duyệt. Sách Phiên Dịch Danh Nghĩa thuộc về [loại giải thích] danh nghĩa tiếng Phạn, Thích Thị Kê Cổ Lược là sách chuyên chép sự tích nhiều đời trong nhà Phật, Duyệt Tạng Tri Tân là sách tóm tắt đại ý của các kinh luận, ngữ lục và những trước thuật trong Đại tạng, Long Tạng Vựng Ký chính là mục lục của Đại tạng kinh đời Thanh. Những sách ấy đều thuộc loại không thể không có, có những cuốn sách ấy như có một vị thầy theo sát bên cạnh, hễ hỏi liền đáp.

Người chưa đoạn phiền hoặc cần phải y theo mặt sự để sám hối, khẩn thiết đến cùng cực thì diệu lý chẳng thể nghĩ bàn sẽ triệt để phô bày trọn vẹn. Nếu bỏ sự nói lý sẽ chỉ được lợi ích bánh vẽ; lúc nói thì có, lúc dùng thì không. Lại như trong những tập một, hai, ba, bốn của Cao Tăng Truyện, Cư Sĩ Truyện, Tỳ-kheo-ni Truyện, Thiện Nữ Nhân Truyện, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục đều ghi chép những lời lẽ, hành vi tốt đẹp của cổ đức, đọc đến tâm sẽ tự vui sướng ngưỡng mộ, trọn chẳng đến nỗi được chút ít đã cho là đủ, tự cam phận ở nơi hèn kém, mất mát lớn lao. Hoằng Minh Tập, Quảng Hoằng Minh Tập, Đàm Tân Văn Tập, Chiết Nghi Luận, Hộ Pháp Luận, Tam Giáo Bình Tâm Luận, Tục Nguyên Giáo Luận, Nhất Thừa Quyết Nghi Luận đều là những sách hộ trì giáo pháp, đọc đến chẳng bị ma tà, ngoại đạo mê hoặc, lại còn phá được thành lũy tà kiến của chúng. Những sách này đọc đến có thể làm cho chánh kiến kiên cố, có thể hỗ trợ chứng minh cho kinh giáo. Chớ nói mình nhất tâm duyệt kinh, gác những sách ấy ra ngoài không hỏi tới, kẻo tri kiến sai biệt chẳng mở mang, gặp địch ắt bị đánh bại nhục nhã vậy. Những điều trình bày trong thư có những chỗ chưa nêu ra, nhưng nếu chú tâm suy xét thì những ý nghĩa ấy sẽ tự hiện rõ.

Lại nữa, nhị không chính là ngã không và pháp không. Ngã không có nghĩa là đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, hiểu rõ dù sắc hay tâm (sắc là sắc pháp, bốn thứ sau chính là tâm pháp) đều do nhân duyên hòa hợp sanh ra, nhân duyên tách rời bèn diệt, trọn không có được cái chủ tể thật ngã. Pháp không là đối với pháp

[123] Ở đây Pháp Số chỉ những sách chuyên giải nghĩa những thuật ngữ Phật giáo như Tam Quy, Ngũ Giới, Tâm Vương, Tâm Sở, Ngũ Trụ, Tứ Đảo v.v…

ngũ ấm, hiểu rõ thể của chúng hoàn toàn là không, Tâm kinh nói "soi thấy năm Uẩn đều không" chính là nghĩa này. Lý pháp không này chính là thật tướng, do phá vô minh, chứng thật tướng, nên nói "độ hết thảy khổ ách". Thật tướng là pháp thân lý thể, bỏ lìa trọn vẹn các tướng sanh, diệt, đoạn, thường, không, có v.v., là gốc của hết thảy các tướng, là chân thật nhất. Vì thế gọi là thật tướng. Thật tướng ấy chúng sanh và Phật cùng có, nhưng phàm phu, Nhị thừa do mê trái nên chẳng thọ dụng được. Giống như minh châu trong áo, do không biết nên chẳng tránh khỏi bần cùng, chứ không phải là phàm phu đang mê và hàng Nhị thừa chứng chân đế không có lý thể ấy.

Hễ ngộ thì rành mạch phân minh như mở cửa thấy núi, vẹt mây thấy mặt trăng. Lại như người mắt sáng đích thân thấy đường về, cũng như kẻ sĩ nghèo lâu ngày chợt mở được kho báu. Người chứng như theo đường về nhà, khỏi phải đi nữa, ngồi yên ổn, cũng như nắm được kho báu này thì tùy ý thọ dụng. Về ngộ thì đại tâm phàm phu giống như chư Phật, còn chứng thì Sơ địa chẳng biết được chỗ cất chân, hạ chân của Nhị địa. Hiểu được nghĩa ngộ và chứng này tự nhiên chẳng khởi tăng thượng mạn, chẳng bị thoái khuất mà cái tâm cầu sanh Tịnh độ dẫu vạn con trâu cũng khó kéo lại được.

Lại nữa, phàm sao lục văn tự ắt phải xét kỹ càng, tinh tường, chẳng được làm qua loa cho xong việc. Bài tựa sách Di-đà Yếu Giải, lúc soạn xong, đại sư Ngẫu Ích bỏ đi những câu chữ chưa trọn vẹn. Nhưng câu cuối trong bài tựa, đại sư đã viết: *"Chẳng dám đua chen khác với hai vị[124], cũng chẳng bất tất phải ép cho giống với hai vị. Ví như nhìn nghiêng thành chỏm, nhìn ngang thành rặng đều là chân cảnh Lô Sơn bất tận, không cần phải bỏ đi cái nhìn Lô Sơn của riêng mỗi người."* Khi ấy, sư lược bỏ thí dụ này. Chữ tất trong "bất tất phải ép cho giống với hai vị" bị sửa sai thành chữ cảm (dám), bèn thành ngã mạn tự đại, miệt thị hai vị kia, ngụ ý: Trong những lời chú của hai vị có những điều trái nghịch với kinh, chẳng dám nương theo những ý nghĩa ấy, đâm ra tương phản với thí dụ tiếp theo đó. Quả thật là oan uổng cho ngài Ngẫu Ích, khiến hậu học bị lầm lạc, khiến cho người đọc đến phải đau lòng buốt óc.

Nay đang là lúc nào? Nam Bắc đánh lẫn nhau, trong ngoài chống chọi nhau, ba bốn năm nay, người chết bốn năm ngàn vạn, kể từ khi có loài người đến nay, chưa từng nghe thê thảm như thế. Đã thế lại còn gió lốc, nước ngập, động đất, ôn dịch xảy ra liên miên khắp mọi nơi. Lại thêm lũ lụt, hạn hán, không một năm nào

[124] Hai vị ở đây là đại sư Liên Trì và U Khê (tác giả Di-đà Viên Trung Sao)

chẳng kèm thêm những tai nạn ấy. Vật giá đắt đỏ hơn trước mấy lần, ngay trong lúc như vậy, may sao còn được sống, dám chẳng kiệt lực chuyên tu tịnh nghiệp để cầu được vãng sanh Tịnh độ ư? Dám do may được thân người bèn phóng túng tâm chí, chẳng chuyên chú một pháp, phù phiếm, ơ hờ phí sức nơi pháp môn chẳng khế cơ, khế thời ư? Ví như một hơi thở ra không hít vào được, muốn lại được nghe pháp môn thẳng tắt này, chỉ sợ rằng chẳng được may mắn như thế nữa đâu!

32. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ sáu)

Quang đã không có học vấn, lại không có sức lực, nếu nói quá nhiều mắt bèn đỏ au, khó xem được chữ, sao có thể giảng kinh? Huống hồ hiện thời còn bận chuyện in sách, vạn phần chẳng rảnh tay giúp người khác. Dẫu không bận chuyện gì cũng chẳng thể đáp ứng được chuyện này. Lời của ông nói chính là vì hình hài gỗ đất mà thếp vàng, nghe rất hay, còn đối với người hiểu thấu suốt thì chẳng đáng nửa đồng. Từ nay về sau chẳng nên nói như vậy nữa, để Quang tôi khỏi phải hổ thẹn, kẻo người ta biết đâm ra chê cười. Người học đạo nếu đạo niệm nặng một phần thì phàm tình nhẹ được một phần, đấy là cái thế tất nhiên. Nhưng người chưa đoạn hoặc thường phải nỗ lực, nếu vừa phóng túng thì bệnh cũ nhất định sẽ lại nổi dậy.

Người đoạn sạch kiến tư hoặc mới có thể khéo tùy ý bay nhảy, không cần bó buộc nhiếp trì. Nhà nào muốn hưng thạnh thì gia quy nhà ấy ắt phải nghiêm nhặt từ đầu, nhà nào muốn lụn bại ắt gia quy nhà ấy phải suy đồi, phế bỏ ngay từ đầu. Muốn con em thành người thì phải bắt đầu từ hành vi của chính mình có phép tắc, làm gương cho con em, đấy là lý nhất định. Nay muốn khởi sự từ chỗ bớt việc, bớt tốn sức nên lấy nhân quả báo ứng làm câu đầu tiên để bắt đầu, khiến cho tập quen thành tánh, ngõ hầu sau này chẳng đến nỗi phạm phải sai sót lớn. Đấy chính là diệu pháp bậc nhất để yên đời, làm cho dân lương thiện, tề gia, dạy con.

Đại sư Trí Giả được đời xưng tụng là Thích-ca hóa thân, ai biết được sở chứng của ngài. Nhưng Phật vì chúng sanh hiện thân làm gương nên tự mang thân phận phàm phu, nói: “Nếu ta không lãnh chúng, ắt tịnh sáu căn.” Dùng chính mình để răn người, hiện thân thuyết pháp vậy. Do đại sư thoạt đầu cầu đoạn hoặc chứng chân, mong dự vào những bậc Địa, Đẳng (Địa là Thập địa, Đẳng là Đẳng giác), do hoằng pháp lợi sanh nên bỏ lỡ công phu thiền định của chính mình, vì thế chỉ chứng được địa vị *Ngũ phẩm quán hạnh* trong Viên giáo mà thôi. Do vậy ngài nói: “Tổn mình lợi người chỉ chứng Ngũ phẩm.”

Ngũ phẩm chính là tùy hỷ, đọc tụng, giảng nói, kiêm hành lục độ, chánh hành lục độ, năm thứ như vậy. Địa vị Ngũ phẩm trong Viên giáo viên ngộ tạng tánh (tạng tánh là diệu lý thật tướng, khi tại triền (còn triền phược) thì gọi là Như Lai tạng; khi thoát khỏi triền phược thì gọi là pháp thân. Triền là vô minh, do vô minh chưa đoạn nên gọi là "tại triền"), sở ngộ trọn không khác gì Phật. Khuất phục trọn vẹn kiến tư, vô minh, trần sa phiền não, nhưng chưa đoạn được kiến hoặc, nếu đoạn được kiến hoặc sẽ chứng Sơ tín. Cho đến Thất tín, đoạn sạch tư hoặc, thật sự chứng sáu căn tùy ý chẳng nhiễm sáu trần, nên gọi là địa vị "lục căn thanh tịnh". Lại trong mỗi một căn có đủ công đức của sáu căn, sáu căn làm Phật sự, vì thế còn gọi là "lục căn hỗ dụng" (sáu căn dùng lẫn cho nhau) như trong phẩm Pháp Sư Công Đức kinh Pháp Hoa đã nói, ngài Nam Nhạc Tư thị hiện chứng địa vị này. Người thuộc địa vị này chẳng những có đại trí tuệ mà còn có đại thần thông, thần thông ấy Tiểu thừa A-la-hán chẳng thể sánh bằng. Vì thế ngài Nam Nhạc lúc sống cũng như sau khi mất, đều có những chuyện chẳng thể nghĩ bàn khiến cho kẻ thấy, người nghe đều phát khởi tín tâm.

Nam Nhạc lẫn Trí Giả đều là Pháp thân đại sĩ, địa vị các ngài thật sự chứng không ai dò được mức cao thâm. Chẳng qua là muốn khuyên hậu thế chuyên tinh học đạo nên thị hiện thấp kém như thế, há phải họ thật sự chỉ chứng địa vị Thập tín tương tự hay Ngũ phẩm quán hạnh mà thôi! Hạng phàm phu sát đất chúng ta sao kham bắt chước các ngài, chúng ta chỉ nên khéo thô trì trọng giới[125], nhất tâm niệm Phật, kiêm tu những điều thiện thế gian để làm trợ hạnh, nương theo cách của các vị Vĩnh Minh, Liên Trì mà hành thì không gì chẳng được lợi. Tự mình cải ác tu thiện, nhất tâm niệm Phật.

Phàm với hết thảy những người thân thiết và hữu duyên cũng nên đem pháp này dạy cho. Với những ai phản đối nên sanh ý tưởng thương xót, chẳng được cưỡng bức họ phải hành, đè đầu bò bắt gặm cỏ, muôn vàn chẳng nên. Nếu nói ta nhất tâm niệm Phật, mặc kệ mọi việc, chẳng những trở ngại nơi pháp thế gian mà còn chẳng phù hợp Phật pháp, hành xử theo đúng địa vị mới nên. Khuyên người niệm Phật tu hành, cố nhiên là công đức bậc nhất, dưới là vợ con, anh em, trên là cha mẹ, ông bà đều nên khuyên lơn. Nếu chẳng thể uyển chuyển phương tiện trong gia đình khiến cho thân thuộc của mình cùng được lợi ích liễu sanh thoát tử chẳng thể nghĩ bàn này thì chính là bỏ gốc theo ngọn, làm lợi cho kẻ sơ chẳng tính lợi cho người thân, há có nên chăng?

[125] Gọi là thô trì vì chỉ mới giữ được giới tướng trên mặt sự tướng, chưa lãnh hội được giới thể.

Công khuyên người niệm Phật thì sách Tịnh độ nói rất nhiều, chỉ sợ phí bút mực, nên chẳng viết cặn kẽ. Ông và Sư Thọ đã tu tịnh nghiệp, chỉ nên tại gia niệm Phật, chẳng nên thường đến Phổ Đà, còn những danh sơn khác nếu có triều yết, cũng chẳng qua là ngắm phong cảnh núi non mà thôi. Sao không ở nhà tu trì, chẳng phí tiền tài, thời gian, chẳng nhọc thân tâm bôn ba có tốt hơn không? Lại kẻ ngu vô tri lấy tai làm mắt[126], một người bịa chuyện, truyền đến vạn người thành thật, đồn xằng Địa Tạng Bồ-tát chính là thái tử nước Tiêm La (Thái Lan), đến tháng Bảy nhuận, quốc vương nước ấy đích thân đến mở cửa tháp thờ nhục thân. Đấy toàn là những chuyện không chứng cớ, trọn chẳng nên coi đó là thật. Đợi tới lúc ấy mà đến thì do người đông đất chật, có thể bị xô đẩy, chen lấn, chịu đủ mọi đau khổ. Thật ra, ngài là vương tộc nước Tân La[127] xuất gia, họ Kim tên Kiều Giác, vào thời Đường Huyền Tông đến núi Cửu Hoa, sống ở đó mấy mươi năm, sau tọa thoát (ngồi mà tịch), nhục thân bất hoại, đem toàn thân nhập tháp, trọn chẳng có chuyện mở cửa tháp.

Trong thời Đường, Cao Ly gồm ba nước: một là Cao Câu Ly, hai là Tân La, ba là Bách Tế; sau này Cao Câu Ly thôn tính hai nước kia, nên chỉ gọi là Cao Ly. Cận đại, kẻ ngu không biết đến nước Tân La, bèn ngoa truyền là Tiêm La. Thời Đường cũng chưa có danh xưng Tiêm La. Danh xưng này gồm hai nước: Một là nước Tiêm (Siam), hai là nước La Hộc (Lavo)[128], sau này hợp thành một nên mới gọi là Tiêm La. Sự tích của vị tăng ấy được chép đầy đủ trong Cửu Hoa Chí và Tống Cao Tăng Truyện.

Nếu muốn lễ pháp nhan, nên chọn nhằm lúc vắng vẻ. Nhằm đúng kỳ dâng hương ở núi Cửu Hoa, khách dâng hương đông đảo gấp trăm lần Phổ Đà, huống chi năm nay lại có lời đồn ấy, người lên núi lễ không biết đông gấp mấy lần thường kỳ. Huống chi tháp xây ở chỗ cao, nếu trước tháp có chừng hai ba trăm người, ắt sẽ có chuyện chen lấn, xô đẩy. Nếu không hiểu chuyện, mang theo phụ nữ, do chen lấn bị táng thân mất mạng, hoặc cũng khó giữ gìn. Há có nên chẳng y theo pháp ngôn, chuyên tin lời đồn, tự chuốc lấy phiền não? Quang thấy hai vị

[126] Ý nói nghe tin đồn rồi tin tưởng như chính mắt mình thấy.
[127] Tân La (Silla) một vương quốc cổ ở Đại Hàn. Cùng với Cao Câu Ly (Koguryo) và Bách Tế (Pakje) hợp thành thế chân vạc, sử Triều Tiên gọi là Tam Quốc thời đại.
[128] Lawo hoặc Lavo là một vương quốc cổ của người Mon-Khmer, nay thuộc tỉnh Lobpuri của Thái Lan (thành phố Lobpuri có tên xưa là Lavo). Sau khi vương quốc Ayuthaya thành lập, Lavo trở thành kinh đô thứ hai. Siam được phiên âm sang tiếng Hán là Tiêm, nhưng ta thường đọc là Xiêm.

lệnh tôn tuổi đã cao, sợ các vị không biết lợi - hại, cứ cho như vậy mới là tận hiếu, nên khôn ngăn dài dòng, mong hãy xét kỹ thì may mắn thay!

33. Thư gởi nữ sĩ Từ Phước Hiền

Tôi ăn bám Phổ Đà hơn 20 năm, trọn chẳng giao thiệp cùng hai chúng tại gia. Do lão hữu Chí Ngu trụ tích[129] tại Từ Nham nên thường gặp nhau trò chuyện, gần đây thầy Phước Nghiêm đến đây chưa đầy một tuần, thường đến chỗ tôi, nhắc đến sự trinh tháo của bà liền khởi lòng thương xót, nhân đấy tôi bèn an ủi rằng: "Tuy bà ta trinh liệt đáng phong tặng, nhưng đáng tiếc là không biết đường tu ra sao? Tôi sẽ trình bày đại lược những điểm cương yếu để bà tùy phận tùy sức, dốc lòng tu tịnh nghiệp." Thầy Nghiêm bèn lễ thỉnh khẩn thiết, nhân đó, tôi bảo:

- Phật pháp chính là pháp vốn có trong tâm hết thảy chúng sanh. Tam thừa (Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát), lục phàm (thiên, nhân, a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) đều nên tuân hành, tại gia hay xuất gia đều có thể thọ trì. Huống chi thân nữ nhiều chướng ngại, chuyện gì cũng không được tự do. Lìa quê sang tỉnh khác, dễ chuốc lấy lời chê trách, gièm xiểm, hủy nhục của người ngoài. Vì lo nghĩ đến điều ấy, theo tôi bà chỉ nên ở nhà trì giới niệm Phật, quyết chí cầu sanh thế giới Cực Lạc, trọn chẳng nên xa lìa quê nhà, xuất gia làm ni. Còn như nghiên cứu kinh giáo đến cùng tột, tham phỏng minh sư quyết định là phận sự của nam tử, nữ nhân chẳng nên bắt chước! Nữ nhân chỉ nên dốc lòng tu tịnh nghiệp, chuyên trì Phật hiệu.

Nếu thật sự có thể nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, tự nhiên trong đời này tự chứng niệm Phật tam-muội, lâm chung vãng sanh thượng phẩm. Dẫu chưa thể tự chứng tam-muội cũng được cao dự hải hội, hầu cận Di-đà mãi mãi. Do đấy, tự chứng vô sanh, khôi phục tâm tánh vốn có, nên vô biên giáo hải thảy đều hiểu rõ, như gương báu đặt trên đài, muôn hình ảnh đều hiện. Sau đấy, nương vào từ lực của Phật và bổn nguyện của mình chẳng lìa An Dưỡng, trở vào Sa-bà, dùng đủ mọi phương tiện độ thoát chúng sanh, mong hết thảy hữu tình cùng lên Liên Bang, đều chứng vô sanh, ngõ hầu chẳng phụ một phen tâm quyết liệt tu trì, đáng gọi là hoa sen trong lửa, là bậc trượng phu của nữ giới. Phàm tu tịnh nghiệp, phải lấy quyết chí cầu sanh Tây Phương làm gốc, pháp môn Tịnh độ lấy ba pháp tín nguyện hạnh làm tông.

---

[129] Tích là tích trượng, cây gậy có những vòng sắt để vị tăng cầm đi đường hoặc khất thực. Trụ tích là ở lại một nơi nào đó tu hành.

Nói đến tín thì phải tin Sa-bà là khổ, khổ không nói nổi; Cực Lạc là vui, vui không thể ví. Cái khổ trong Sa-bà là sanh, lão, bệnh, tử, yêu thương phải chia lìa, chán ghét cứ phải gặp gỡ, cầu không được, ngũ ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) hừng hực (ngũ ấm hừng hực nghĩa là chúng sanh đối với năm ấm sắc, thọ, tưởng, hành, thức khởi hoặc tạo nghiệp, như lửa cháy bừng bừng, chẳng thể ngưng dứt. Cái khổ này thuộc về nhân chiêu cảm quả khổ, bảy thứ trước là quả khổ được chiêu cảm. Cái khổ trong Sa-bà tuy nhiều hơn cát sông Hằng, nhưng tám thứ khổ này bao gồm trọn hết không sót. Các nỗi khổ đích thân đã trải qua, nên không cần phải giải thích chi tiết).

Sự vui trong Cực Lạc nếu ước theo căn thân thì hoa sen hóa sanh, trường sanh bất tử, mang thân nam, trọn không có hình dáng nữ, chẳng nghe đến cái tên ác đạo, huống gì thật có. Ước theo khí thế giới thì vàng ròng làm đất, bảy báu làm ao, hàng cây kín trời, lầu gác trụ trên không. Nghĩ đến áo bèn có áo, nghĩ đến ăn được ăn, phàm những thứ gì mình thọ dụng không gì chẳng được như ý, nhưng những gì dùng đến đều là hóa hiện; không như cõi này phải do sức người tạo tác mới thành. Di-đà đạo sư tướng hảo, quang minh vô lượng vô biên, vừa thấy từ dung liền chứng pháp nhẫn. Huống hồ còn có Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh hải hội, mỗi vị đều phóng tịnh quang cùng tuyên diệu âm. Vì thế, tuy là phàm phu đầy dẫy phiền não, nghiệp lực đầy thân nhưng nếu như tín nguyện chân thành, khẩn thiết liền được Phật từ nhiếp thọ, vừa vãng sanh thì phiền não, ác nghiệp bèn bị tiêu diệt triệt để, công đức, trí tuệ rốt ráo hiện tiền. Tin được như thế thì gọi là chân tín. Muốn biết tường tận nên đọc kỹ kinh A-di-đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, những kinh này được gọi chung là Tịnh độ tam kinh, chuyên giảng về duyên khởi, sự lý Tịnh độ.

Những kinh Đại thừa khác đều nói kèm Tịnh độ, nhưng kinh Hoa Nghiêm là lúc Như Lai mới thành Chánh giác vì 41 địa vị Pháp thân đại sĩ xứng tánh giảng thẳng vào diệu pháp Nhất thừa. Cuối cùng Thiện Tài đồng tử tham học khắp các thiện tri thức, chứng ngang với chư Phật, bèn được Phổ Hiền Bồ-tát dạy cho mười đại nguyện vương, khiến cho Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, ngõ hầu viên mãn Phật quả. Trong Quán kinh, hạ phẩm hạ sanh ngũ nghịch thập ác đủ mọi chuyện bất thiện, lúc lâm chung, tướng địa ngục hiện, có thiện tri thức dạy niệm Phật, người ấy liền vâng lời dạy, xưng niệm Phật danh, chưa đủ mười tiếng liền thấy hóa Phật xòe tay, tiếp dẫn vãng sanh.

Kinh Đại Tập chép: "Đời mạt pháp ức ức người tu hành, hiếm có một kẻ đắc đạo, chỉ có niệm Phật mới thoát khỏi sanh tử." Do vậy, biết một pháp niệm Phật chính là đạo để thượng thánh hạ phàm cùng tu, là hạnh chung để hành của mọi người dù ngu hay trí, hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít, hiệu quả nhanh chóng. Do chuyên cậy vào Phật lực, nên lợi ích thù thắng, là đạo pháp siêu việt đường lối thông thường. Người xưa nói: "Học đạo nơi các môn khác như con kiến bò lên núi cao, niệm Phật vãng sanh như căng buồm xuôi gió, thuận nước." Có thể gọi là khéo hình dung nhất!

Nếu muốn nghiên cứu kinh A-di-đà thì có bản Yếu Giải do đại sư Ngẫu Ích soạn, lý sự đều đạt đến tột bậc, là bản chú giải bậc nhất kể từ khi Phật đã giảng kinh này. Hay khéo, xác đáng cùng cực, quả thật dẫu cổ Phật tái sanh nơi đời chú giải lại kinh này cũng không thể hay hơn được! Chớ có xem thường, hãy nên tin nhận kỹ càng. Kinh Vô Lượng Thọ có bản sớ giải của pháp sư Huệ Viễn đời Tùy, giải thích ý nghĩa theo kinh văn rất trong sáng, gãy gọn.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật có bản Tứ Thiếp Sớ của hòa thượng Thiện Đạo, do muốn độ khắp ba căn nên đa phần ngài ước theo sự tướng mà phát huy. Cuối chương Thượng Phẩm Thượng Sanh, ngài lại phát huy sự hơn kém giữa hai cách chuyên tu và tạp tu, khiến người đọc sanh tín tâm kiên cố, chân thật: Dẫu Thích-ca và chư Phật hiện thân bảo bỏ pháp Tịnh độ này, tu những pháp môn khác, cũng chẳng đổi dời ý chí đôi chút. Có thể nói lời ấy chính là kim chỉ nam cho hành giả Tịnh độ vậy. Như Quán Kinh Sớ Diệu Tông Sao của tông Thiên Thai đế lý cực viên dung, nhưng người trung hạ căn chưa thể được lợi ích. Vì thế chẳng bằng Tứ Thiếp Sớ độ khắp ba căn, lợi căn lẫn độn căn cùng được lợi ích.

Đã biết những nghĩa lý như trên vừa nói thì phải nương theo đó mà tin tưởng chắc chắn, tự mình nhận biết, tin tưởng được như thế. Nếu như mình không thấy được như thế thì cũng nên tin tưởng như thế. Ngửa tin lời Phật, trọn chẳng nên vì phàm tình suy lường không được rồi nảy sanh mảy may nghi niệm thì mới gọi là chân tín. Đã sanh lòng tin rồi, ắt phải phát nguyện: Nguyện lìa Sa-bà như đang bị tù mong thoát khỏi lao ngục, nguyện sanh Cực Lạc như đứa con cùng quẫn mong về lại cố hương.

Nếu trước khi được sanh về Tịnh độ, dẫu được trao ngôi vua trong cõi trời cõi người cũng nên coi đó là nhân duyên đọa lạc, trọn chẳng có một niệm mong mỏi, hâm mộ. Còn những chuyện như đời sau chuyển nữ thành nam, xuất gia từ tấm bé, nghe một hiểu ngàn, đắc đại tổng trì, cũng nên coi như là đường tu đi vào ngõ rẽ, tâm trọn chẳng có một niệm mong mỏi. Chỉ muốn lúc lâm chung được Phật

tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương, đã được vãng sanh liền liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, ở vào địa vị bất thoái, chứng vô sanh nhẫn. Ngoảnh lại nhìn những chuyện làm vua trời người và xuất gia làm tăng, không biết đến Tịnh độ, tu các pháp môn khác, trải bao kiếp nhọc nhằn, không do đâu được giải thoát, giống như lửa đóm sánh cùng mặt trời rạng ngời, tổ kiến sánh cùng Thái Sơn, buồn bã khôn ngăn, thương xót khôn cầm. Vì thế người tu Tịnh độ trọn chẳng thể cầu mong phước lạc nhân thiên trong đời sau và xuất gia làm tăng v.v.. Nếu tâm có mảy may mong cầu đời sau thì chính là không chân tín, nguyện thiết, bị cách ngăn với thệ nguyện của Phật Di-đà, chẳng thể cảm ứng đạo giao, chẳng được Phật tiếp dẫn, biến diệu hạnh thù thắng chẳng thể nghĩ bàn này thành cái nhân phước báo hữu lậu nhân thiên. Huống chi lúc hưởng thụ ắt tạo ác nghiệp! Đã tạo ác nghiệp, khó tránh khỏi ác báo, như bỏ chất độc trong đề-hồ có thể giết người, chẳng khéo dụng tâm còn tệ hơn thế. Phải triệt để chém đứt những ý niệm ấy mới mong được lợi ích hoàn toàn nơi Tịnh độ, toàn thân thọ dụng. Đã có chân tín, nguyện thiết, ắt phải chí tâm chấp trì sáu chữ thánh hiệu "Nam-mô A-di-đà Phật", bất luận đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, im lặng, mặc áo, ăn cơm, và lúc đại tiểu tiện v.v. đều chẳng lìa sáu chữ hồng danh (hoặc trì bốn chữ cũng được), ắt phải dốc toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm - Phật không hai, tâm - Phật như một. Nếu có thể niệm đâu chú tâm đó, niệm đến cùng cực, bao tình kiến mất hết, tâm không, Phật hiện, thì trong đời này tự có thể chứng được tam-muội. Đến lúc lâm chung, sanh vào thượng thượng phẩm, có thể nói là đã tu trì đến cùng cực vậy.

Ngay trong sanh hoạt thường ngày, với tất cả những điều thiện nhỏ nhặt và các thiện căn như tụng kinh, lễ bái… đều đem những công đức ấy hồi hướng vãng sanh. Như thế thì hết thảy hạnh môn đều thành trợ hạnh cho Tịnh độ, như gom các trần thành đất, tụ các dòng nước thành biển, rộng lớn sâu thẳm, ai cùng tột được. Nhưng phải phát tâm Bồ-đề, thệ nguyện độ sanh, tất cả công đức tu trì hồi hướng cho khắp pháp giới chúng sanh bốn ân ba cõi. Giống như đổ dầu vào lửa, như mạ gặp mưa; đã kết pháp duyên sâu xa cùng hết thảy chúng sanh lại còn có thể mau thành tựu hạnh Đại thừa thù thắng cho chính mình. Nếu không biết nghĩa này thì là kiến giải tự lợi của phàm phu, Nhị thừa, dẫu tu diệu hạnh này, chỉ cảm được quả hèn kém.

Tuy hết thảy thời, hết thảy lúc niệm Phật đều không trở ngại, nhưng phải thường nên kiêng dè, coi tượng Phật giống như Phật sống, coi kinh Phật, lời tổ giống như Phật, tổ đang hướng về mình thuyết pháp, chẳng dám ôm lòng hoài nghi, khinh mạn tí nào. Dẫu hiếu tử đọc di chúc, trung thần vâng sắc chỉ cũng

chẳng thể hơn được. Trong lúc bình thời niệm Phật, niệm ra tiếng hay niệm thầm tùy ý, còn lúc ngủ nghỉ hoặc đại tiểu tiện, tắm gội, rửa chân v.v. và đi qua chỗ hôi nhơ, chẳng sạch đều nên niệm thầm, chớ nên niệm ra tiếng. Niệm ra tiếng là không cung kính, niệm thầm công đức cũng thế.

Tôi thường nói muốn được lợi ích nơi Phật pháp phải hướng về cung kính mà cầu, có một phần cung kính ắt tiêu một phần tội nghiệp, tăng một phần phước tuệ; có mười phần cung kính, tiêu được mười phần tội nghiệp, tăng được mười phần phước tuệ. Nếu trọn chẳng cung kính thì dù có trồng viễn nhân, nhưng cái tội khinh nhờn chẳng thể tưởng tượng được! Nay những kẻ tại gia đọc kinh Phật đều phạm phải những bệnh ấy, vì thế đối trước những kẻ hữu duyên phải thường ra rả nói. Niệm Phật cần phải nhiếp tâm, niệm từ tâm khởi, tiếng từ miệng phát ra, đều phải mỗi câu mỗi chữ phân minh rành rẽ. Lại phải lắng tai nghe kỹ, từng câu từng chữ nạp vào trong tâm. Nhĩ căn đã nhiếp thì các căn kia không cách chi rong ruổi bên ngoài, mới hòng mau đạt nhất tâm bất loạn.

Đại Thế Chí Bồ-tát nói: "Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa, ấy là bậc nhất" chính là chỉ về điều này vậy. Ngài Văn-thù nói: "Quay trở lại nghe nơi tự tánh, tánh thành vô thượng đạo" cũng nhằm chỉ điều này. Chớ bảo pháp trì danh là thiển cận rồi bỏ bê, tu theo những pháp quán tượng, quán tưởng, thật tướng, phàm trong bốn cách niệm Phật chỉ có trì danh là khế cơ nhất. Trì đến nhất tâm bất loạn thì diệu lý Thật Tướng hiển lộ toàn thể, Tây Phương diệu cảnh triệt để phô bày trọn vẹn. Do trì danh chứng được thật tướng, chẳng cần quán tưởng vẫn thấy được thấu triệt Tây Phương, một pháp trì danh chính là huyền môn để nhập đạo, là đường tắt để thành Phật. Người đời nay giáo lý quán pháp chẳng hiểu rõ, nếu tu quán tưởng thật tướng rất có thể bị ma dựa, khéo quá hóa vụng, cầu thăng hóa đọa. Nên tu hạnh dễ hành, ắt tự cảm được quả chí diệu.

Sách Tịnh Độ Thập Yếu là do đại sư Ngẫu Ích dùng con mắt Kim Cang, từ các sách xiển dương Tịnh độ chọn lấy những quyển khế lý khế cơ cùng tột không còn thêm gì được nữa. Thứ nhất là Di-đà Yếu Giải do chính đại sư tự chú thích, văn uyên thâm nhưng dễ hiểu, lý viên đốn duy tâm, không còn gì tuyệt diệu hơn, hãy nên thường nghiên cứu. Còn chín tác phẩm sau không cuốn nào chẳng lý viên mãn, từ hay khéo, khế hợp thời cơ sâu xa. Tuy chưa chắc có thể hoàn toàn hiểu rõ từng cuốn, nhưng mỗi lần đọc đều giống như uống tiên đơn, lâu ngày chầy tháng xác phàm sẽ thành cốt tiên vậy. (Đây là nói ví von pháp môn mầu nhiệm, chẳng được hiểu lầm là thành tiên).

Tịnh Độ Thánh Hiền Lục chép tường tận những hạnh nguyện của Phật Di-đà khi còn tu nhân cũng như công đức khi đã chứng quả, và những chuyện tự hành hóa tha của các vị Bồ-tát Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ. Kế đến chép sự tích vãng sanh của Viễn công (tổ Huệ Viễn), Trí Giả và các đại tổ sư, thiện tri thức cho đến đầu đời Thanh và những chuyện tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, vua, quan, sĩ thứ, phụ nữ, ác nhân, súc sanh niệm Phật vãng sanh. Lại còn chọn lọc những ngôn luận thiết yếu chép vào từng truyện, ngõ hầu người đọc có căn cứ để bắt chước, không còn gì nghi ngờ, lấy cổ nhân làm thầy, tận lực tu tịnh nghiệp. So với tham phỏng tri thức lại càng chân thành, khẩn thiết hơn!

Long Thư Tịnh Độ Văn đoạn nghi khởi tín, phân môn chia loại, chia chẻ pháp môn tu trì thành từng điều cặn kẽ, là cuốn sách kỳ diệu dẫn dụ sơ cơ bậc nhất. Nếu muốn lợi khắp hết thảy, chẳng thể chẳng khởi đầu từ sách này. Ba thứ trên đây và Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ, tổng cộng năm loại; trước đây tôi đã bảo thầy Phước Nghiêm thỉnh rồi gởi qua bưu điện, không biết đã thỉnh được chưa? Nếu không, hãy hồi âm để gởi lại. Có những cuốn sách ấy, ắt biết trọn các nghĩa lý Tịnh độ, dẫu không đọc khắp các kinh, cũng chẳng bị thiếu khuyết gì. Nếu chẳng biết pháp môn Tịnh độ, dẫu thâm nhập kinh tạng, triệt ngộ tự tâm, muốn liễu sanh tử còn chẳng biết phải mất mấy đại kiếp mới hòng mãn được nguyện ấy. Thuốc a-già-đà (Phạn ngữ a-già-đà, Hán dịch là phổ trị (trị khắp tất cả), trị được hết thảy bệnh tật) trị được vạn bệnh. Không biết điều này, đáng đau tiếc thay! Biết nhưng không tu, hoặc tu chẳng chuyên tâm dốc lòng, càng đáng đau tiếc hơn nữa. Nữ nhân ra khỏi cửa bị trở ngại lớn, huống chi độ dụng (chi phí hằng ngày) gian nan, càng thêm bất tiện.

Đối với việc thọ giới, nếu nam tử xuất gia làm tăng thì phải vào chùa tập tành oai nghi mới biết quy củ của chốn tùng lâm, giữ đúng oai nghi của tăng thì du phương hành cước mới trọn không bị trở ngại. Nếu không, thập phương tùng lâm không cách nào ở được. Nếu là nữ nhân, nhà cửa giàu có, tự mình làm chủ thì đến chùa thọ giới cũng không phải là không được. Còn như gia cảnh khốn cùng, cần gì phải làm như thế? Chỉ nên đối trước Phật khẩn thiết, chí thành, sám hối tội nghiệp bảy ngày, tự thệ thọ giới. Đến ngày thứ bảy, đối trước Phật xướng rằng: "Đệ tử là Phước Hiền, thề giữ năm giới, làm mãn phận ưu-bà-di (ưu-bà-di, Hán dịch là cận sự nữ, nghĩa là đã thọ năm giới, kham vâng thờ Phật, mãn phận nghĩa là cả năm giới đều trì). Suốt cuộc đời không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục (nếu có vợ chồng thì nói là không tà dâm), suốt cả một đời không vọng ngữ, suốt cả một đời không uống rượu." Nói ba lần như thế, liền được đắc giới. Nhưng

phải tự chí tâm thọ trì, công đức trọn chẳng hơn kém. Chớ bảo kẻ tự thệ thọ giới chẳng đúng pháp. Điều này chính là thánh huấn của Như Lai trong kinh Phạm Võng.

Phổ Đà mùa thu không truyền giới, truyền giới bắt đầu vào thượng tuần tháng Giêng đến ngày 19 tháng 2 là viên mãn. Nhưng tôi mong bà hãy ở yên tu trì tịnh nghiệp, chớ nên bôn ba lặn lội. Nếu vẫn chấp trước không đổi chính là không phân tốt xấu, trở ngại sự thanh tu của chính mình, phụ lời trung thực của lão tăng. Tôi mong bà đời này thành tựu đạo nghiệp, chứ trọn chẳng ngăn trở pháp duyên của bà, bà hãy nên suy nghĩ kỹ, tự biết lấy bỏ ra sao. Còn như chẳng thể xuất gia toan bỏ mạng này, ý niệm ấy tuy trinh liệt, nhưng tâm ấy thật si khờ. Tăng ni đời nay ai có thể kham làm thầy? Trụ trì am miếu cường bạo thật nhiều. Bà là phận gái, bậc thượng sĩ khó thể dạy dỗ, uốn nắn vì phải tỵ hiềm, kẻ hạ ngu bèn kiệt lực chạy theo duyên do muốn tạo nghiệp.

Bà chỉ biết xuất gia làm ni là giải thoát, không biết xuất gia làm ni là chướng ngại. Vì thế chẳng ngại phiền toái, ân cần bảo ban, bà tưởng xả mạng là giải thoát ư? Chẳng biết thức bị nghiệp lôi đi, lại phải thọ sanh vào trong bụng ngựa cái, lừa cái cũng không biết chừng, muốn lại có được thân người nữ, chỉ e không được may mắn lớn lao như thế! Dẫu lại được làm thân người nữ, hoặc làm thân nam, hoặc làm vua trong loài người, vua cõi trời, há dám bảo đảm gặp được Phật pháp bèn tin nhận ư? Há dám chắc còn gặp được pháp môn Tịnh độ liễu thoát ngay trong đời này ư? Dẫu cho gặp được, sao bằng đời này nhẫn nại cố sống, báo hết liền sanh về Tây Phương chẳng hơn ư?

Từ lúc sanh ra đến nay, có ai vì bà tính toán như vậy hay chăng? Nếu vẫn không tin lời tôi tức là vong ân phụ nghĩa, cái khổ trong tương lai còn vô lượng vô biên gấp bội ngày nay. Nắm tay người ta kéo đi không được, phải là tự người ta có chịu đi thì mới tương ứng. Có nghe lọt tai hay không? Mong bà hãy tự suy xét, cũng mong bà đem những lời này bảo cho trinh nữ Phước Liên biết.

34. Thư gởi sư Khang Trạch

Quang tôi túc nghiệp sâu nặng, hiện hạnh yếu kém, dẫu [bế quan tu luyện] trường kỳ trọn chẳng tiến bộ, vọng niệm nhiều hơn Phật niệm, nghiệp thức chướng lấp tri thức, Phật từ thấm khắp mà tôi vẫn chẳng thể được lợi ích, mỗi lần nghĩ đến lại hổ thẹn khôn ngằn. Dù Phật chẳng nhiếp thọ kẻ dối trá đi nữa, Quang tôi ắt phải đến chết mới cam lòng thất bại (Nguyên văn: "dĩ tử kỳ bại liệt", đây là phương ngôn của người phương Bắc, liệt là công oanh liệt, bại là bại hoại (thua

chết), như Trương Tuần giữ Duy Dương, thề phá giặc công lao oanh liệt, lấy cái chết làm hạn, quyết chẳng thất bại. Nếu không chết quyết định phải thành tựu công lao oanh liệt ấy, nếu chết mới chịu thất bại. Đây là thành ngữ người phương Bắc thường dùng, người phương Nam chưa từng nghe đến nên phải ghi ý nghĩa này ở đây), buồn thương cầu gia bị; dẫu nay chưa được gia bị, nhưng rốt cuộc cũng có ngày được gia bị. Nay tôi tính từ ngày 30 theo đại chúng đón năm mới, đến ngày mồng 1 bèn lại bắt đầu kỳ bế quan cho đến khi hòa thượng thoái ẩn mới thôi, lại định chương trình cho sau này, quyết định phải tâm tương ứng Phật, mới hơi yên dạ.

Hiện thời, pháp đạo ngày càng thấy suy đồi, nghiêng ngửa, sự thể sau này chẳng đành lòng nói đến! Hãy nên dốc sức niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ngõ hầu chẳng uổng công xuất gia tu hành. Nếu không, e rằng sau này muốn tu hành cũng không chỗ nào tu được, dẫu muốn cầu pháp cũng chẳng có pháp gì để cầu, biết làm sao đây? Trong kỳ hạn bế quan sẽ đem Vô Lượng Thọ Kinh Sớ đọc kỹ hai lần, phần huyền đàm phán định chung của bản sớ này tuy chẳng bằng tông Thiên Thai, nhưng phần giải thích kinh văn, ý nghĩa thật rõ ràng, không thể không xem! Đọc Quán Kinh Sớ ba lượt. Hòa thượng Thiện Đạo chuyên lấy sự tướng bình thường thực tiễn của pháp môn để tiếp dẫn phàm phu đời mạt, chẳng dùng đến những pháp môn huyền diệu quán tâm ước giáo, có thể nói là lòng từ bi đến mức cùng cực không gì hơn được nữa. Ấy là vì nghiệp thức chưa tiêu, tam-muội chưa thành, dẫu có bàn đến lý tánh, cũng trọn thành bánh vẽ!

Lại vì cổ nhân nghe nói đến lý tánh, "ngay nơi bản thể chính là" liền tiến triển thật nhanh, người đời này nghe đến những lời lẽ ấy bèn vứt bỏ đạo nghiệp, chỉ muốn mặc tình mặc sức coi nghiệp thức mờ mịt là thiên chân. Sách này trong nước, ngoài nước sao lục, biên chép sai lầm nhiều quá đỗi. Những chỗ ông Dương Nhân Sơn chấm câu để đọc đều thích đáng, còn như việc giảo chánh những chỗ sai lầm cũng chỉ là đối chiếu cho có lệ, chưa hoàn toàn chỉnh hết những sai ngoa. Đối với những bản Di-đà Sớ Sao đã khắc, Quang chẳng ngại mắc tội, đại lược đính chính. Biết nỗi lòng đau đáu của ngài Thiện Đạo càng thêm thân thiết, nhưng chẳng dám được xem như ông Dương và những vị hoằng pháp đương thời. Nếu bọn họ xem đến lại khác nào như tôi công khai nhục mạ người thông minh. Đọc Vãng Sanh Luận Chú một lượt, văn nghĩa hiển lộ, rộng rãi, thẳng tắt, trên thật sự có thể kế tục ngài Khuông Lô, dưới có thể dẫn khởi các vị Thiên Thai, Tây Hà, Trường An[130] v.v., hãy nên đọc kỹ. Những chữ sai lầm trong ba bộ sách ấy đều

[130] Thiên Thai là ngài Trí Giả, Tây Hà là ngài Đạo Xước, Trường An là ngài Thiện Đạo.

ghi bên trái mỗi dòng[131], đợi đến hết kỳ hạn bế quan mùa xuân năm sau sẽ trình cho thầy rõ.

35. Thư gởi pháp sư Đế Nhàn[132]

Quang từ khi xuất gia đến nay liền tin một pháp Tịnh độ, nhưng do nghiệp chướng ngăn che, đã 20 năm, phè phỡn sống thừa, miệng tuy niệm Phật, tâm chẳng nhiễm đạo. Gần đây được pháp sư dạy dỗ, khuyến khích, thệ lập kỳ tu tập, hòng chẳng phụ tấm lòng đau đáu. Hiềm rằng hôn tán chen lẫn, vẫn cứ lần quần y như cũ. Nhân đó mỗi ngày đọc hơn mười tờ kinh điển Tịnh độ để phát khởi tâm thắng tấn.

Thử dùng pháp môn Bảo Vương Tùy Tức[133] liền nhận thấy vọng niệm không còn trào dâng, ồ ạt như trước. Nghĩ tu cách này lâu ngày ắt sẽ có lúc sương tan, mây tiêu, thấy tỏ mặt trời. Lại tra trong sách Lạc Bang Văn Loại, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục đều có chép đoạn này. Nhân đó, hiểu phép thập niệm của ngài Từ Vân nhờ vào hơi thở để trói buộc cái tâm, cội gốc là đấy, nhưng Liên Tông Bảo Giám[134] cũng chép cách này. Đủ thấy cổ nhân đã thấy trước cơ nghi của hậu thế,

---

[131] Nguyên văn: *"Tiêu ư đỉnh cách."* Theo Vương Đồng Ức, "đỉnh cách" là cách viết ghi chú sao cho chữ đầu của mỗi hàng ghi chú nằm đúng ngay bên trái dòng ấy.

[132] Đế Nhàn (1858-1932), danh tăng tông Thiên Thai sống vào cuối đời Thanh cho đến đầu thời Dân Quốc, người Hoàng Nham, Chiết Giang, họ Chu, tên Cổ Hư, hiệu Trác Tam. Thuở bé thấy sa-môn liền vui mừng, lúc trẻ học y, năm 20 tuổi từng nhiều lần thí thuốc cho người nghèo ở Hồ Ấp. Về sau, vợ chết, con mất, bèn bỏ vào núi Bạch Vân, xuất gia với ngài Thành Đạo. Năm 24 tuổi, thọ giới cụ túc ở chùa Quốc Thanh, núi Thiên Thai. Lần lượt học Pháp Hoa, Lăng-nghiêm với các vị Mẫn Hy, Hiểu Nhu, Đại Hải v.v.. Năm Quang Tự 12 (1886), được ngài Tích Thụy Dung Tổ truyền pháp, kế thừa tông phong Thiên Thai đời thứ 43. Trước sau ngài bế quan ba lần chuyên tu thiền quán. Ngài từng làm trụ trì các chùa Đầu Đà ở Vĩnh Gia, chùa Giới Châu ở Thiệu Hưng, chùa Long Hoa ở Thượng Hải, chùa Quán Tông ở Cẩn Huyện. Ngài giảng kinh thuyết pháp hơn 40 năm. Năm Tuyên Thống thứ 2 (1910), lập Phật Giáo Sư Phạm Học Hiệu ở Nam Kinh, kiêm nhiệm vai trò hiệu trưởng. Năm 1919, lập Quán Tông Học Xá tại chùa Quán Tông. Các vị Thường Tỉnh, Nhân Sơn, Hiển Ấm, Đàm Hư, Giới Trần, Trì Tùng, Diệu Chân, Tưởng Duy Kiều, Hoàng Thiếu Hy là những học trò nổi tiếng của sư. Ngài nhập diệt tháng 7 năm 1932. Trước thuật nổi tiếng nhất là các bộ Viên Giác Kinh Giảng Nghĩa, Kim Cang Kinh Tân Sớ, Chung Thủy Tâm Yếu Giải, Quán Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa..., được gom thành bộ Đế Nhàn Đại Sư Di Tập.

[133] Bảo Vương Tùy Tức do ngài Phi Tích đời Đường chế ra. Trong Niệm Phật Tam-muội Bảo Vương Luận, quyển trung, ngài dạy như sau: "Người trên đời đa phần dùng bảo ngọc, thủy tinh, hạt kim cang, hạt bồ-đề, hạt mộc-hoạn để làm xâu chuỗi, còn ta dùng hơi thở ra vào để làm xâu chuỗi. Xưng danh hiệu theo hơi thở thì chắc chắn lắm, nào sợ thở ra không hít vào được bèn thuộc đời sau. Ta đi - đứng - nằm - ngồi thường dùng xâu chuỗi này, dẫu cho mê mệt cũng ôm Phật mà ngủ, thức lại niệm tiếp. Ắt trong mộng thấy được đức Phật!"

[134] Bộ sách này do ngài Ưu Đàm Phổ Độ chùa Đông Lâm, Lô Sơn (sống vào đời Nguyên) soạn, gồm 10 quyển. Còn có những tên gọi khác như Lô Sơn Ưu Đàm Bảo Giáo, Lô Sơn Liên Tông

không có cách này chẳng nhập được, bèn lập sẵn pháp ấy. Nhưng cổ nhân không thường đem cách ấy dạy người, bởi căn tánh con người khi ấy còn thông lợi, hễ chịu phát tâm bèn tự được nhất tâm.

Nhưng người đời nay như Quang, chướng nặng căn độn, e cả đời chẳng đạt được nhất tâm bất loạn. Vì thế trình bày chuyện mình để hỏi bậc cao minh nên hay không nên, xin bảo rõ cho. Quang lại cho rằng chỉ một pháp này có đủ cả *ngũ đình tâm quán*[135]. Nếu có thể niệm Phật theo hơi thở bèn gồm cả hai pháp quán sổ tức, niệm Phật. Nhiếp tâm niệm Phật sẽ có thể dần dần đoạn được nhiễm tâm, sân khuể ắt chẳng lừng lẫy, hôn trầm, tán loạn vừa hết, trí tuệ hiện tiền, ngay cả ngu si cũng phá được, lại chính là pháp môn nhiếp trọn sáu căn của ngài Đại Thế Chí. Theo ngu ý cho rằng đối với kẻ niệm Phật hờ hững hiện thời, có lẽ không nên dạy họ tuân theo pháp này, sợ rằng do không nhớ số bèn thành giải đãi.

Có ai chịu bằng lòng tu tập thì nếu không theo pháp này, e chắc chắn khó thành tam-muội. Pháp sư nương nguyện lợi ích người, tuy tự mình chẳng dùng, nhưng nên vì hậu học thử dùng để dạy cho thông sáng về sau. Nếu là kẻ lợi căn, trong một thất, hai thất quyết định được nhất tâm. Như Quang là kẻ hôn ám, độn căn, thô lậu, hèn kém, nghĩ phải mười năm, tám năm thì có lẽ sẽ được bất loạn!

36. Thư gởi sư Ngọc Trụ

Trộm nghe Như Lai vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong đời, tùy cơ lập giáo, nói đủ mọi pháp, không gì chẳng nhằm làm cho chúng sanh khai - thị -

---

Bảo Giáo Niệm Phật Chánh Nhân, hoặc Niệm Phật Bảo Giám. Ngài Ưu Đàm coi mình là người nối tiếp chí hướng của sơ tổ Huệ Viễn, xiển dương giáo nghĩa của ngài Từ Chiếu Từ Nguyên thời Nam Tống. Sách gồm những trích lục trọng yếu về pháp niệm Phật tam-muội, sử truyện của Tịnh Tông. Ngài soạn tập sách này nhằm thuyết minh cặn kẽ giáo nghĩa Tịnh độ được xiển dương bởi ngài Huệ Viễn và Tử Nguyên nhằm bài trừ những tà thuyết, kiến giải sai lầm của những người tự xưng là Tịnh độ thời ấy. Nội dung chia thành các mục: niệm Phật chánh nhân, niệm Phật chánh giáo, niệm Phật chánh tông, niệm Phật chánh phái, niệm Phật chánh tín, niệm Phật chánh hạnh, niệm Phật chánh nguyện, niệm Phật vãng sanh chánh quyết, niệm Phật chánh báo, niệm Phật chánh luận. Mỗi quyển gồm có phần tổng thuyết, rồi đến những đoạn kinh luận trọng yếu, hành trạng của cổ đức, giáo ngữ v.v..

[135] Ngũ đình tâm quán: Năm pháp quán để dứt phiền não, mê hoặc gồm:

Bất tịnh quán (quán tưởng thân thể mình và người khác dơ bẩn để dứt tham ái).

Từ bi quán (quán tưởng lòng từ bi để đối trị sân hận).

Duyên khởi quán (quán tưởng 12 nhân duyên thuận và nghịch để đối trị ngu si).

Giới phân biệt quán (quán tưởng các pháp của 18 giới đều do đất, nước, gió, lửa, không và thức hòa hợp để đối trị ngã chấp).

Sổ tức quán (đếm hơi thở để đối trị tâm tán loạn và khiến cho tâm dừng lặng nơi một cảnh).

ngộ - nhập tri kiến Phật mà thôi. Nhưng chúng sanh vốn sẵn có tri kiến Phật, do mê muội từ vô thỉ sâu hay cạn khác nhau, nên người mê cạn thì tu một pháp bèn được ngộ nhập; nếu như mê sâu mà không nhờ vào sức hoằng thệ nguyện của Phật Di-đà vãng sanh Tịnh độ thì quyết khó được chứng đắc. Huống hồ pháp này là chỗ quy túc của các pháp, là chỗ cùng cực của tu chứng. Lúc Như Lai mới thành Chánh giác, nói kinh Hoa Nghiêm có đủ vô lượng pháp môn, thâu tóm căn tánh Nhất thừa, nhưng Thiện Tài sau khi chứng ngộ bằng với chư Phật, Phổ Hiền Bồ-tát bèn dạy phát mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, và khuyên hải hội đại chúng cùng cầu vãng sanh. Do vậy, các kinh Đại thừa đều cùng tán dương, nhưng ba kinh Tịnh độ chuyên thuyết minh điều này cặn kẽ nhất. Có kẻ bảo Tịnh độ là quyền tiệm Tiểu thừa, chẳng chịu tu tập, lại còn ngăn trở người khác tu; toàn là do chưa thể nghiên cứu kinh luận Đại thừa, chỉ chấp vào ý chỉ trực chỉ, chưa thấy vầng trăng nơi tự tánh, cứ xem phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm thì biết. Huống chi Ca-diếp, A-nan, Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh v.v., các đại tổ sư đều chú giải kinh, tạo luận, cực lực tán dương. Đó không phải là sáu phương chư Phật hóa thân, là người kế thừa đích thực của giáo chủ hai cõi ư? Vì thế nói "ngàn kinh muôn luận, chốn chốn chỉ quy, vãng thánh tiền hiền, ai nấy đều hướng về!" Huống hồ trong đời mạt này, căn tánh con người hèn tệ, tri thức hiếm hoi, bỏ pháp này sao yên cho được? Xin huynh lúc rảnh rang nơi Tông Giáo, hãy phân tâm nơi pháp này, ngõ hầu tự lợi lợi tha, báo ân sâu của Phật. Nếu như còn nghi hoặc, hãy nên đọc nhiều kinh luận Tịnh độ. Sách Tịnh Độ Thập Yếu đoạn nghi khải tín, là bậc công thần đột phá tinh nhuệ nhất, hãy nên đọc trước. Các sách Di-đà Sớ Sao và Diễn Nghĩa quả thật là hướng dẫn tốt lành cho những người tham cứu Tông Giáo. Càng đọc kỹ, suy nghĩ tinh tường, sẽ thấy những sách ấy chẳng chỉ phát huy Tịnh độ mà thôi, ngài Trung Phong nói: "Thiền là Thiền nơi Tịnh độ, Tịnh độ là Tịnh độ của Thiền", hai sách ấy quả thật là như vậy. Hơn nữa, nếu huynh muốn tham khảo khắp các lời chú giải hay khéo trong tông Hiền Thủ (Hoa Nghiêm) thì hai sách Sớ Sao[136] quả là lời chú giải hay khéo thiết thân nhất cho sự tu chứng của thân tâm. Hãy nên rắp tâm nghiên cứu thì lợi ích mầu nhiệm ấy ngay cả đệ cũng chẳng thể hình dung được nổi!

37. Thư gởi cư sĩ Hứa Khoát Nhiên ở Quảng Đông (viết thay cho thầy Khang Trạch)

[136] Gọi là "hai sách Sớ Sao", vì ngài Liên Trì viết Di-đà Sớ Sao, đệ tử ngài viết cuốn A-di-đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa để chú giải thêm lời Sớ Sao.

Cư sĩ ở nơi thiện đường, tận lực làm thiện sự, suốt ngày tuyên giảng khuyên người làm lành, gánh vác cái đạo "ở nhà giúp nước, ngoài nội tận trung" của thánh hiền, tuân thủ pháp "đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành" của Phật, tổ; mỗi lần nghĩ tới, ngưỡng mộ khôn cùng! Nhưng thiện sự có lớn nhỏ sai khác, thiện thư (sách khuyến thiện) cũng có cạn sâu khác biệt. Muốn cho mình lẫn người cùng lên cõi thiện hãy nên chọn lấy những thiện thư tinh vi, rõ ràng nhất để ấn loát, lưu truyền, khiến cho thiên hạ hậu thế thấy nghe những sách ấy đều sửa lỗi làm lành, mong thành thánh, thành hiền, khác nào các hạ nói rót vào tai khắp thiên hạ hậu thế khiến cho họ đều nghe lời vậy. So sánh với việc tuyên giảng một lúc, một chỗ thì công đức lớn nhỏ dẫu cả năm cũng không thể nói hết.

Thiện thư tuy nhiều, nhưng toàn là dạy về tiểu nhân, tiểu quả thế gian, chỉ riêng mình An Sĩ Toàn Thư giác thế, mở mang trí óc cho dân, tận thiện tận mỹ, giảng đạo, luận đức tuyệt cổ siêu kim, ngôn từ giản dị nhưng bao quát, lý sâu nhưng dễ hiểu, dẫn sự tích làm chứng cứ đích xác, nêu những lời nghị luận thông suốt, uyên nguyên. Quả thật là của báu truyền đời quý nhất, cũng là một cuốn kỳ thư về mặt tuyên giảng, lời nào cũng đều là tâm pháp của Phật, tổ, là đạo mạch thánh hiền, là đạo trọng yếu để đời yên, dân lành, là phương thuốc bí truyền để sáng tỏ sự trước, an vui sự sau. Nếu hành theo sách ấy thì có thể nối tiếp thánh hiền, liễu sanh thoát tử như đưa bằng khoán ra lấy lại vật cũ. So với những thiện thư được lưu thông trong đời kia, khác nào quả núi sánh với ổ kiến, biển cả sánh với vũng nước vậy. Nhân vì thầy Liễu Đắc từ Phổ Đà đến triều bái Cửu Hoa, lão nạp[137] riêng nhờ thầy tiện đường qua Kim Lăng (Nam Kinh) thỉnh sách ấy gởi qua, trình cho các hạ, mong hãy chú tâm vui thích đọc, nếm món ngon biết được ý chỉ, học đạo tột cùng biết được điều thiện. Cái tâm in khắc, lưu truyền bố thí rộng rãi để giúp chúng sanh ắt sẽ có cái thế như sông ngòi cuồn cuộn khôn ngăn được!

An Sĩ tiên sinh họ Chu tên Mộng Nhan, còn có tên là Tư Nhân, người Côn Sơn, tỉnh Giang Tô, thông suốt mọi kinh sách tam giáo, tin tưởng sâu xa pháp môn niệm Phật. Đến tuổi nhược quan (20 tuổi) vào trường, bèn chán khoa cử, phát tâm Bồ-đề, soạn sách giác ngộ con người, muốn cho dân chúng trước hết tạo lập được căn bản không lầm lỗi, rồi do đấy bèn thoát khỏi biển sanh tử. Vì thế, ông viết sách khuyên kiêng giết là Vạn Thiện Tiên Tư, sách khuyên kiêng dâm là Dục Hải Hồi Cuồng, bởi lẽ chúng sanh tạo nghiệp chỉ có hai điều này là nhiều

[137] Lão nạp: Tiếng tự xưng của các vị tăng sĩ. Do ca-sa bằng các mảnh vải khâu chằm lại, nên thường gọi là nạp-y (áo chằm vá), các tăng sĩ cũng thường xưng là lão nạp hay nạp tử.

nhất, sửa lỗi cũng chỉ hai điều này là trọng yếu nhất. Lại còn soạn Âm Chất Văn Quảng Nghĩa, khiến cho con người đối với pháp gì, chuyện gì cũng đều biết phải theo khuôn phép nào, đều biết ngăn dè. Phê bình, biện luận thông suốt tinh vi, có thể nói là công thần của Đế Quân[138], trực tiếp đem cái tâm rủ lòng giáo huấn của Đế Quân triệt để mở toang ra, giãi bày trọn vẹn, khiến cho ngàn đời về trước, ngàn đời về sau, người dạy, người được dạy không ai còn tiếc nuối gì. Do kỳ tài diệu ngộ, ông dùng văn tự và sự tích thế gian để phát huy ý nghĩa áo diệu, u vi của Phật tổ, thánh hiền, để kẻ nhã, người tục cùng xem, trí ngu cùng hiểu.

Lại do pháp môn tu hành chỉ có Tịnh độ là thiết yếu nhất, ông lại soạn cuốn Tây Quy Trực Chỉ nhằm thuyết minh đại sự niệm Phật cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Ấy là vì tích đức tu thiện chỉ được phước nhân thiên, phước hết lại phải đọa lạc, còn niệm Phật vãng sanh liền dự vào địa vị Bồ-tát, quyết định thẳng đến thành tựu Phật đạo. Ba cuốn sách trước tuy dạy người đời tu thiện, nhưng cũng có đủ pháp liễu sanh thoát tử, cuốn sách này tuy dạy người liễu sanh thoát tử nhưng lại phải tận lực hành thiện sự thế gian. Đúng là hiện thân cư sĩ, thuyết pháp độ sanh; nếu bảo ông ta không phải là Bồ-tát tái lai, tôi không tin!

Trộm nghĩ, Ngu - Thuấn làm lành, bỏ mình theo người; Thương Thư[139] luận về tu đức lấy thiện làm thầy. Đã biết các hạ và các vị thiện nhân chung một thiện đường không việc gì chẳng lập, có chuyện thiện gì đều dung nạp, nên mới dám thỉnh cầu in khắc, tuyên giảng lưu thông, xoay vần truyền bá, tuyên dương những sách này ngõ hầu ánh đèn tiếp nối đến tận đời vị lai, ai nấy đều được thọ ân. Xin hãy phát tâm đau đáu cứu thế, chớ vì người cầu thỉnh kém cỏi mà bỏ lời này thì may mắn lắm!

---

[138] Âm Chất Văn là thiên sách tương truyền do Văn Xương Đế Quân soạn ra. Ông Chu Mộng Nhan chú giải thiên sách này tường tận nên gọi là công thần của Đế Quân. Người ta thường đồng nhất Đế Quân với sao Văn Xương (tức Văn Xương Tinh Quân). Theo thiên Kê Chí của Minh Sử, Văn Xương Đế Quân còn có hiệu là Tử Đồng Đế Quân, họ Trương, tên Á Tử, làm quan nhà Tấn, tử trận được lập miếu thờ tại Độc Thất Khúc Sơn (thuộc huyện Tử Đồng, tỉnh Tứ Xuyên). Có thuyết nói ngài sống vào thời Đường, sùng tín Đạo giáo, do phẩm đức cao đẹp nên sau khi chết được dân lập miếu thờ tại Độc Thất Khúc Sơn. Miếu ấy nay vẫn còn tên là Thanh Hư Quán. Lúc đó, ngài chỉ mới được gọi là Tử Đồng Thần. Đến thời nhà Nguyên, vào năm Diên Hựu thứ 3 (1316), Đế Quân được Nguyên Nhân Tông phong tặng là Phụ Nguyên Khai Hóa Văn Xương Tư Lục Hoằng Nhân Đế Quân, nên từ đó ngài thường được gọi là Văn Xương Đế Quân. Theo Đạo giáo, ngài được Thượng đế giao cai quản phủ Văn Xương, chủ trì văn học, đỗ đạt. Bản Âm Chất Văn xuất hiện vào thời Nam Tống.

[139] Thương Thư là một thiên sách của kinh Thư, gồm những bài ngắn ghi lại những sự việc liên quan đến nhà Thương.

Cư Sĩ Truyện do tiến sĩ Bành Thiệu Thăng[140] ở Trường Châu, Tô Châu đời Càn Long, thanh nhàn xem khắp các sách, chọn lấy những gương đại trung, đại hiếu, thanh bạch, trung chánh, liêm khiết, có công danh giáo, thông hiểu Phật pháp sâu xa từ đời Hán đến nay, chép lại chuyện nhập đạo tu chứng cũng như những bài văn phát huy Phật pháp của họ. Số người được chọn hơn mấy trăm, viết thành sáu tập.

Tam Giáo Bình Tâm Luận do học sĩ Lưu Mật đời Nguyên soạn, trước hết thuyết minh tam giáo đều khuyên con người dứt ác hành thiện, chẳng thể phế bỏ một đạo nào, kế đến thuyết minh công năng cùng cực sâu cạn khác nhau, cuối cùng phá rộng rãi thuyết của Hàn Dũ, Trình, Chu, Âu Dương Tu[141].

Thích Thị Kê Cổ Lược[142] lấy các niên kỷ lịch đại làm cương, lấy các sự tích Nho - Thích làm mục[143] từ đời Phục Hy cho đến cuối đời Minh: Quốc gia bình trị hay loạn lạc, Phật pháp hưng hay suy, tội phước của việc tin nhận hay hủy báng, lợi ích của việc tu trì, pháp ngôn của tổ sư, hành trạng của cao tăng và những gương trung hiếu lỗi lạc, kẻ gian ác cùng cực đều chép những chuyện chánh yếu khiến cho ai đọc đến bèn biết pháp giới, ngồi yên mà xem khắp cổ kim. Nào phải chỉ hữu ích cho người tu đạo mà quả thật còn là kỳ trân trong tay áo của người

---

[140] Bành Thiệu Thăng (1740-1796), cư sĩ học giả đời Thanh, người Trường Châu (Ngô Huyện), tỉnh Giang Tô, tự Doãn Sung, hiệu Xích Mộc, còn hiệu là cư sĩ Nhị Lâm, pháp danh là Tế Thanh. Ông đậu tiến sĩ đời Càn Long, nhưng không ra làm quan. Ông thông suốt sách Nho, rất giỏi về Lý học, tu tiên suốt ba năm không thành tựu gì. Về sau, đọc kinh Phật mãi đến năm 29 tuổi mới chuyển sang tin Phật, tự đặt hiệu là Tri Quy Tử. Ông xem khắp Đại tạng kinh, thọ Bồ-tát giới, ăn chay, trì giới. Rồi lại học Tịnh độ với ngài Văn Học Định Công (1712-1788), bế quan ở Văn Tinh Các tại Tô Châu tu *nhất hạnh tam-muội*. Bình sinh ông tận lực hoằng dương Tịnh độ, chủ trương thiền tịnh dung hợp, Phật Nho nhất trí. Những tác phẩm tiêu biểu của ông là Hoa Nghiêm Niệm Phật Tam-Muội Luận, Tịnh độ Tam Kinh Tân Luận, Cư Sĩ Truyện, Thiện Nữ Nhân Truyện, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục v.v..

[141] Trình Minh Đạo, Trình Y Xuyên và Chu Hy là những người sáng lập Tống Nho, đã vay mượn lý thuyết Phật giáo để đưa những khái niệm như lý và khí vào trong Nho giáo, rồi lại quay ra đả kích Phật giáo.

[142] Thích Thị Kê Cổ Lược (gọi tắt là Kê Cổ Lược) là một bộ biên niên sử Phật giáo do sư Bảo Châu Giác Ngạn soạn vào niên hiệu Chí Chánh thứ mười bốn đời Nguyên (1354), gồm bốn cuốn, được xếp vào tập 46 của Đại Chánh Tân Tu Đại tạng kinh. Nguyên lai, bộ này chép từ lúc đạo Phật được truyền vào Trung Hoa cho đến cuối đời Nam Tống. Năm Sùng Trinh thứ 11 (1638) đời Minh; Huyễn Luân soạn tiếp bộ Thích Thị Kê Cổ Lược Tục Tập gồm ba quyển, chép từ năm Chí Nguyên nguyên niên đời Nguyên (1264) đến năm Thiên Khải thứ 7 (1627) đời Minh.

[143] Ý nói sách chép theo lối biên niên, tức là những sự kiện được trình bày theo thứ tự thời gian.

đọc sách bàn chuyện cổ. Phật pháp chỉ dạy người dứt ác tu thiện, minh tâm kiến tánh, đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử.

Cả Đại tạng kinh trọn chẳng có một chữ nào dạy người vận khí luyện đan, cầu thành tiên bay lên trời, trường sanh bất lão. Năm đầu thời Dân Quốc (1911), gã dân ma Liễu Hoa Dương[144] soạn Huệ Mạng Kinh, tận dụng kinh Phật, lời tổ hòng chứng thực pháp luyện đan, biến chánh thành tà, dùng pháp báng pháp. Người chưa mở mắt thấy tà thuyết ấy tưởng là chân thật, chánh kiến vĩnh viễn bị mất. Lời lẽ, pháp tu trong sách ấy đều là phá hoại Phật pháp, nhưng cứ nhơn nhơn tự đắc bảo ta may mắn gặp được chân thừa, được nghe chánh pháp. Đó là nhận giặc làm con, nấu cát thành cơm, một kẻ quáng dẫn lũ mù, kéo nhau sụp hầm lửa. Chẳng đáng buồn ư? Pháp luyện đan không phải là vô ích, nhưng chỉ có thể kéo dài tuổi thọ, hết mức là thành tiên thăng thiên, còn chưa phải là chân truyền của Lão tử, huống hồ là chánh đạo Phật pháp ư? Khổng tử nói: *"Triêu văn đạo, tịch tử khả hỹ!"* (Sáng nghe đạo, tối chết cũng được vậy!) Lão tử nói: *"Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân"* (Ta có mối lo lớn là vì ta có thân). Nếu lãnh hội được những lời này sẽ chẳng bị chúng nó mê hoặc.

Và nếu có thể đọc kỹ những sách An Sĩ Toàn Thư, Cư Sĩ Truyện, Tam Giáo Bình Tâm Luận, Thích Thị Kê Cổ Lược v.v. sẽ như gương sáng đặt trên đài, tốt

---

[144] Liễu Hoa Dương không rõ năm sanh, môn nhân của ông ta thường ngoa truyền họ Liễu sanh vào năm đầu niên hiệu Càn Long (1736) để chứng tỏ ông ta đã thành tiên sống rất lâu. Họ Liễu là người làng Hồng Đô (nay là Nam Xương, tỉnh Giang Tây), lúc nhỏ học Phật từng xuất gia tại chùa Song Liên ở Hoán Thủy, sau bỏ theo học tu tiên với đạo sĩ Ngũ Thủ Dương của Toàn Chân Giáo Long Môn Phái. Do vậy, đôi khi các sách vở Đạo giáo vẫn gọi ông ta là thiền sư Liễu Hoa Dương thay vì chân nhân Liễu Hoa Dương. Theo môn nhân, một đêm kia, Hoa Dương nghe một vị trưởng lão nói: "Xưa Ngũ tổ vào lúc canh ba, bí mật truyền đạo cho Lục tổ", bèn hoát nhiên đại ngộ, biết chứng đạo phải được bí truyền. Tìm không được vị thầy nào khai ngộ, ông ta bèn tham học khắp các vị thầy thuộc tam giáo. Về sau, gặp được Ngũ Thủ Dương (chân nhân Xung Hư) bèn ngộ áo chỉ, biết được huệ mạng. Tương truyền, ông ta gặp đạo sĩ Hồ Linh núi Khuông Lô căn dặn: "Pháp tu Phật - Đạo song hành nay đã thất truyền, ngươi nên khéo nối tiếp huệ mạng." Phái đạo sĩ của Ngũ Thủ Dương và Liễu Hoa Dương được gọi là Ngũ Liễu Tiên Tông. Họ vay mượn một số khái niệm thiền học để pha trộn với bí quyết luyện đan, vận khí cũng như luyện phù chú Ngũ Lôi. Xin trích một đoạn Huệ Mạng Kinh để minh thị những lập luận nhập nhằng của họ Liễu: *"Tu luyện tánh mạng không gì bằng quy nhất. Cổ thánh tiên hiền đem tông chỉ tánh mạng quy nhất khéo léo ví dụ với ngoại vật, chẳng chịu chỉ rõ bàn thẳng, nên hậu thế không ai tu được. Tôi đọc được đồ hình luyện khí, chẳng dám tiết lộ bừa bãi, tức là tuân theo pháp Lậu Tận trong kinh Lăng-nghiêm, biểu thị diệu chỉ của kinh Hoa Nghiêm, gom những lời rải rác trong các kinh để đưa về đồ hình chánh yếu… Lập ra đồ hình này là nguyện những ai cùng chí hướng hiểu rõ cơ trời song tu này, chẳng đọa bàng môn, mới biết chủng tánh chân thật do đây mà thành, Lậu Tận do đây mà thành, xá-lợi do đây mà luyện…"* Trong đoạn này, y đã nhập nhằng bảo phải do luyện đan, vận khí theo đồ hình do y chỉ dạy mới đạt được Lậu Tận, thành tựu xá-lợi!

xấu tự phân biệt. Lò luyện lớn thử vàng, thật giả biết ngay lập tức! Chỉ sợ ông đã từng theo đuổi sách ấy nên mới khôn ngăn dài dòng nhiều lẽ. Pháp Thiền tông chỉ dạy người chân tham thật ngộ, vì thế tất cả câu lời đều không có ý nghĩa gì, chẳng nên dùng tri kiến phàm phu để lãnh hội nghĩa lý trên mặt văn tự. Nếu không thân cận bậc thiện tri thức sáng mắt và không một phen liều mạng chết lòng công phu tham cứu ắt chẳng thể đốn minh tự tâm, tâm đã chẳng minh ắt chẳng hiểu ý chỉ tổ sư. Chớ nên hiểu nghĩa theo mặt văn tự, học "khẩu đầu thiền" (thiền nói suông ngoài miệng). Ví như dân hèn ngoài rẫy bái, núi non, xưng bừa là đế vương, tội ắt diệt tộc. Phàm hết thảy những cơ phong chuyển ngữ trong Kê Cổ Lược, Cư Sĩ Truyện và hết thảy ngữ lục chớ có hiểu xằng, mong mỏi lắm thay!

38. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo luận về chuyện tý hương

Tý hương là đốt hương trên cánh tay. Linh Phong lão nhân (tổ Ngẫu Ích) mỗi ngày trì hai kinh Lăng-nghiêm và Phạm Võng, vì thế từng đốt hương nhiều lần. Ấy là vì hết thảy chúng sanh không ai chẳng yêu tiếc thân mình, quý báu gìn giữ thân mình, lại giết thân kẻ khác, ăn thịt, tâm càng vui sướng. Đối với chính mình, muỗi đốt, gai đâm liền cảm thấy khó thể chịu đựng được. Trong các kinh Đại thừa như Pháp Hoa, Lăng-nghiêm, Phạm Võng... đức Như Lai xưng tán khổ hạnh, dạy đốt thân, đốt cánh tay hay ngón tay cúng dường chư Phật nhằm đối trị tâm tham và tâm yêu tiếc bảo trọng tự thân. Trong sáu ba-la-mật, cách này thuộc về bố thí độ, vì bố thí có nội ngoại bất đồng, ngoại là quốc thành, vợ con; nội là đầu, mắt, tủy, não.

Thắp hương đốt thân đều gọi là xả, cần phải chí thành, khẩn thiết, ngưỡng mong tam bảo gia bị, chỉ mong mình lẫn người nghiệp tiêu tuệ rạng, tội diệt phước tăng (nói "mình lẫn người" nghĩa là dù thật sự vì mình, nhưng lại nên đem công đức này hồi hướng pháp giới chúng sanh, nên nói là mình lẫn người). Tâm trọn chẳng mảy may vì cầu tiếng tăm và cầu phước lạc nhân thiên thế gian, chỉ vì thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh mà hành thì công đức vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Ấy gọi là "tam luân thể không, tứ hoằng phổ nhiếp"[145]. Công đức do tâm nguyện nên rộng lớn, quả báo do tâm nguyện nên nhanh chóng đạt được. Nếu vì tâm chuộng hư danh, hoặc mong cầu chấp trước rồi bắt chước thực hiện cái hạnh trừ chấp trước thì đừng nói là đốt tý hương, dẫu có đốt sạch toàn thân cũng chỉ là khổ hạnh vô ích!

[145] Tam luân thể không, tứ hoằng phổ nhiếp: Tam luân thể không là người thí, người nhận, vật được thí thể đều không; tứ hoằng phổ nhiếp là bao gồm trọn vẹn bốn hoằng thệ nguyện.

Do tâm chấp trước, ý niệm cầu danh dự nên đã không hiểu nổi ý chỉ tam luân thể không, mà cũng chẳng có cái tâm tứ hoằng phổ nhiếp. Biến pháp phá trừ thân kiến của Như Lai thành tăng thân kiến[146] thêm kiên cố. Tội phước do tâm phân định, quả báo do tâm mà khác. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm nói: *"Ngưu ẩm thủy thành nhũ, xà ẩm thủy thành độc. Trí học chứng Niết-bàn, ngu học tăng sanh tử"* (Bò uống nước thành sữa, rắn uống nước thành nọc. Trí học chứng Niết-bàn, ngu học thêm sanh tử).

39. Thư gởi hiếu liêm[147] Tiêu Vĩnh Hoa ở Quảng Đông (viết thay cho thầy Khang Trạch)

Sách Ngũ Đăng Hội Nguyên[148] trong danh mục của các nhà xuất bản kinh đều không có, không cách nào thỉnh được. Chỉ vì không biết do lẽ gì các hạ tìm sách này nên khôn ngăn hỏi đi hỏi lại:

1) Vì làm bậc chân tham thật ngộ, thấu suốt rõ ràng tự tâm, thấy triệt để diện mục sẵn có trước khi cha mẹ sanh ra?

2) Hay là muốn học một gậy, một tiếng hét[149], hét Phật mắng tổ, ngõ hầu miệng lưỡi biện bác trơn tru hòng được tiếng khen trong cõi tục? Hoặc là muốn nhớ được lời lẽ để bút lực mạnh mẽ, ngõ hầu lúc vung ngọn bút viết lách thần cơ hoạt bát, văn từ u huyền, thâm thúy như bọn ông Tô Tử Chiêm[150] phun châu nhả ngọc, gần như không phải là người ăn cơm thế gian có thể làm được!

Nếu muốn được như trường hợp thứ nhất, trước hết hãy nên nghiên cứu kinh Phật cho thông suốt giáo pháp. Lại phải thân cận bậc cao nhân sáng mắt, được

---

[146] Thân kiến: chấp thân này thật có.

[147] Hiếu liêm vốn là một khoa thi phát xuất từ thời Hán nhằm tuyển người ra làm quan, tiêu chuẩn thời ấy là những người ấy phải vừa hiếu thuận vừa liêm khiết. Đến thời Minh - Thanh vẫn giữ khoa này, tuy thế chỉ thuần là khoa cử, không còn dựa trên tiêu chuẩn hiếu và liêm nữa. Người đậu khoa này được gọi là hiếu liêm.

[148] Do ngài Phổ Tế đời Nam Tống soạn, gồm 25 quyển, được xếp vào tập 138 của Tục Tạng Kinh. Bộ sách này toát yếu năm bộ sách Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, Quảng Đăng Lục, Tục Đăng Lục, Liên Đăng Hội Yếu, Phổ Đăng Lục, nên gọi là Ngũ Đăng Hội Nguyên. Nội dung chép sự tích quá khứ thất Phật, hai mươi tám vị tổ Ấn Độ, các vị tổ Thiền tông Trung Hoa từ Lục tổ cho đến ngài Nam Nhạc và những vị thiền sư đích truyền thuộc pháp hệ này.

[149] Thiền tông Lâm Tế dùng gậy đánh và tiếng hét để khai thị cho học nhân.

[150] Tức Tô Thức (1036-1101), người huyện Mi Xuyên, tỉnh Tứ Xuyên, sống vào đời Bắc Tống, tự là Tử Chiêm, hiệu Đông Pha, là một trong tám đại văn hào thời Đường - Tống; rất hâm mộ Phật pháp, chủ trương Thiền Tịnh song tu, thường giao du mật thiết với ngài Phật Ấn. Ông biện luận Phật pháp rất thông suốt, thường mang theo một bức tượng Phật Di-đà bên mình, nói "đây là sự nghiệp chung thân của ta" nhưng không chuyên tâm tu tịnh nghiệp, cuối cùng vẫn không được vãng sanh.

nghe một chữ, một câu, tận lực tham cứu đến cùng cực, đến khi tận sức công thuần tự nhiên "tro lạnh, đậu nổ"[151], triệt ngộ tự tâm như duỗi tay thấy được lòng bàn tay, trọn chẳng còn mối nghi ta người. Lại cần có cao nhân ấn chứng, kẻo sợ hiểu lầm dấu hiệu. Nếu làm được như thế thì hãy xem sách ấy và hết thảy sách thiền. Người trong nhà và người trong cùng một nhà nói chuyện trong nhà, chỉ có ích chứ không tổn hại mảy may gì. Nếu chưa thể dụng công như thế và chưa được khai ngộ ấn chứng mà trước đó lại toan coi sách thiền mong được khai ngộ thì cũng như gương cổ bụi lấp, muốn mau tỏa ánh sáng, chẳng mài chất nhơ, chỉ bôi phấn trắng, bôi bao nhiêu kiếp cũng chẳng tỏa sáng. Đấy gọi là nương theo người khác để hiểu, tự lấp cửa ngộ, kể chuyện ăn, đếm của báu, sao cứu được đói nghèo.

Nếu muốn được như trường hợp thứ hai thì tuy là nhân lành nhưng trái lại chuốc lấy quả ác, đây chính là cái hố sâu vạn trượng tăng - tục hiện thời bị hãm trong ấy. Bởi những gì Thiền tông nêu bày, đề xướng đều một mực quy về hướng thượng. Người ngộ giải sẽ lãnh hội thần diệu, kẻ mê hoàn toàn bị ngôn ngữ chuyển, chẳng hiểu ý cổ nhân đập gậy, hét, chửi, bèn lấy đó để hành trì. Sự tổn thất ấy há nào phải chỉ là Vương Mãng[152] học đòi Chu công, Tào Tháo học đòi Văn Vương, đề-hồ thượng vị được cõi đời trân trọng gặp phải những người ấy biến thành độc dược. Ông Bùi Công Mỹ[153] nói: "Hiểu được ý thì mau thành Phật đạo, đánh mất ý chỉ sẽ vĩnh viễn vào nê-lê (địa ngục)." Chẳng đáng sợ ư? Nguyện các hạ đừng manh nha ý niệm ấy. Còn như muốn trước tác giống như cổ nhân, không biết cổ nhân ai nấy đều đã tỏ rõ tự tâm lớn lao. Vì thế, nói lời thốt chữ diệu hợp thiền cơ, ví như đầu bếp xẻ trâu, Dưỡng Do Cơ bắn vượn[154], không thể chỉ học mà được như thế đâu!

---

[151] Câu thành ngữ "lãnh hôi đậu bộc", có nghĩa là trong tro lạnh chợt nổ ra hạt đậu nóng, ngụ ý chuyện không thể có được. Ở đây, tổ dùng thành ngữ này với ngụ ý: thực hiện được chuyện tưởng chừng như không thể nào xảy ra được.

[152] Vương Mãng người đời Hán, vốn là cháu của hoàng hậu Hiếu Nguyên. Sau được làm Đại Tư Mã cầm binh quyền. Hán Ai Đế băng, Mãng lập Bình Đế lên ngôi, bắt vua lấy con gái mình làm hoàng hậu. Mãng độc đoán chuyên quyền, coi mình như Chu công, tự xưng là Hán An Công. Không lâu sau, Mãng giết Bình Đế, lập con Bình Đế là Lưu Anh lên ngôi, gọi là Nhụ Tử, được ba năm bèn soán ngôi, đổi quốc hiệu là Tân. Mãng làm vua được 15 năm (từ năm thứ 9 Công Nguyên đến năm 23 Công Nguyên), khi tông thất nhà Hán là Quang Vũ Đế nổi dậy, khôi phục nhà Hán, thương nhân Đỗ Ngô bèn lập mưu giết Vương Mãng.

[153] Bùi Công Mỹ tên thật là Bùi Hưu, tự Công Mỹ, làm tể tướng đời Đường Tuyên Tông, đắc pháp với thiền sư Hoàng Bá Hy Vận. Ông có để lại tác phẩm Truyền Tâm Pháp Yếu.

[154] Nguyên văn: *"Bào đinh giải ngưu, Do Cơ xạ viên."* "Bào đinh giải ngưu" là điển cố xuất phát từ thiên Dưỡng Sanh Chủ của Trang tử: Văn Huệ Quân thấy mổ trâu bèn nói: "Ôi, giỏi thay! Tuyệt đến mức ấy", người bào đinh (đầu bếp) thưa: "Thần khéo léo được như vậy là do tập quen, khéo léo dần." Từ ngữ "bào đinh giải ngưu" được dùng để ví sự khéo léo, nhanh nhẹn

40. Thư gởi cư sĩ X… (viết thay sư Liễu Dư)

Giữa xuân lên núi, chớp mắt đã nửa năm; dẫu thọ trăm năm, khảy tay liền qua. Còn một hơi thở nên cầu đường ra, chớ để đến lúc lâm chung hối không kịp nữa! Thường nhớ kinh dạy: "Thân người khó được, chính giữa đất nước khó sanh, Phật pháp khó nghe, tín tâm khó sanh." Ông may mắn hội đủ cả bốn điều ấy, càng phải nên nỗ lực, như lên núi báu phải được ma-ni. Do còn ở địa vị phàm phu, chưa đoạn hoặc nghiệp, sanh tử chưa giải quyết khó khỏi đọa lạc.

Vì vậy, đức Như Lai cực lực khuyên chúng sanh phát chân tín tâm và tâm nguyện khẩn thiết, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tịnh độ. Mọi công đức như cúng dường tam bảo, trọn đời giữ giới, hết thảy việc làm… chớ dùng để cầu phước báo nhân thiên trong đời sau, chẳng cầu đời này trường thọ, mạnh khỏe, bình yên, chỉ cầu lâm chung vãng sanh Tịnh độ, tương khế, tương hợp với thệ nguyện của chư Phật, cảm ứng đạo giao nhất định mãn sở nguyện.

Như người té xuống biển, có thuyền đến cứu, nếu chịu ngồi lên thuyền liền lên được bờ kia, cầu phước nhân thiên, chẳng cầu sanh Tịnh độ giống như không chịu lên thuyền, khó khỏi chết chìm. Phật muốn khiến cho ông siêu phàm nhập thánh, ông lại chỉ nguyện được phước hữu lậu, khi phước báo hết rồi, đọa mãi trong tam đồ, như dùng châu ma-ni để bắn chim sẻ, được thì ít, mất thì nhiều, chẳng đáng tiếc ư? Hãy nên cảnh tỉnh!

Phải biết một pháp niệm Phật vãng sanh chính là đạo trọng yếu bậc nhất để hết thảy chúng sanh mau thoát khỏi sanh tử, quả thật là pháp môn tối thượng để hết thảy chư Phật mau thành Chánh giác. Đừng nghĩ pháp này giản tiện, dễ hành, rồi coi là chuyện nhàn hạ, phải chí tâm siêng năng, khẩn thiết mới có thể thành tựu. Còn như pháp tắc tu trì thì trong Long Thư Tịnh Độ Văn đã ghi đủ. Lại có An Sĩ Toàn Thư chép đủ pháp tắc niệm Phật vãng sanh và những việc để tích đức, sống trong cõi trần học đạo, tề gia, dạy con, làm cho đời yên, dân lành, đủ mọi pháp tắc đều bàn luận áo diệu đến cùng cực. Có thể nói là bộ sách độc nhất vô nhị thông Nho lẫn Phật, là tác phẩm vô song xưa nay, hết thảy tăng tục, nam nữ đều có thể lấy sách ấy làm gương mẫu vậy!

41. Thư gởi phu nhân X… ở Hải Diêm (viết thay thầy Ngộ Khai)

đến cùng cực do tập luyện. Dưỡng Do Cơ là một tay thiện xạ nổi tiếng bách phát bách trúng "bách bộ xuyên dương" (bắn trúng lá dương liễu ở cách xa một trăm bước) thời Chiến Quốc. Tương truyền, Dưỡng Do Cơ đi săn, loài vượn thấy ông ta bèn khóc ròng vì biết không thể nào tránh tên được, cho nên ở đây mới nói "Do Cơ bắn vượn."

Thân chính là cái gốc chuốc khổ, chán ghét nó chính là cơ sở để được vui. Do túc nhân sâu dày, hiện tại nhiều điều thiện, nên báo nặng nhiều kiếp biến thành báo nhẹ phải thọ trong đời hiện tại, mắc tai họa nhưng dũng mãnh tu trì thì sự đau khổ cõi Sa-bà biến thành đạo sư cho Cực Lạc. Nên nghĩ như mình phải trả nợ thì áo não, phiền muộn tự tiêu, nếu sanh lòng oán hận thì tội nghiệp nối tiếp nhau khởi lên. Cảnh nghịch xảy đến hãy thuận chịu mới là người biết vui theo mạng trời, chán cõi này, ưa cõi kia mới là người tu Tịnh niệm Phật. Nghĩ cư sĩ sùng tín đại pháp, nhờ vào đức hạnh trong đời lẽ ra phải được hưởng báo khỏe mạnh, bình yên, do duyên gì thân lại mang bệnh ngặt? Phải chăng là Di-đà Như Lai, Đại sĩ Quán Âm tha tâm, thiên nhãn, phóng đại quang minh nhờ cơn bệnh huyễn của phu nhân để làm lời cảnh tỉnh cho những kẻ đồng nhân, ngõ hầu cứu vớt khắp mọi kẻ đang đắm chìm trong biển khổ? Dám mong bà hãy sâu xa khuyên từ con, dâu, cho đến tôi tớ và xóm giềng, thân quyến bên ngoài đều cùng kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật, thì gia pháp của Tịnh Như ngàn năm mãi tốt đẹp, ngõ hầu tước lộc rỡ ràng, lưu danh thơm muôn đời. Như thế thì cái thân bệnh thê lương này trở thành mái chèo thoát biển khổ, lời than bệnh ủ rũ trở thành hướng dẫn tốt lành cho trần thế. Nào còn phải đợi chứng vô sanh pháp nhẫn mới có thể vào cõi tục độ sanh, nào phải lên địa vị bất thoái mới có thể hiện thân thuyết pháp. Kinh dạy: "Chí tâm niệm Phật một tiếng diệt được trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử." Dạy người niệm Phật một tiếng hơn bố thí bảy báu suốt trăm năm. Chỉ cần chí tâm niệm Phật thì không bệnh nào chẳng lành, hãy theo vết chân thơm của bà phu nhân họ Phùng dạy người niệm Phật thì phẩm vị vãng sanh tối cao, chẳng kém khuôn mẫu tốt đẹp của phu nhân Kinh Vương[155] cho mấy. Dùng điều đó cầu đảo nơi Phật, lập tức thấy thuyên giảm. Xin hãy dốc sức, chớ nên nghi ngờ. Thêm nữa, cuốn Di-đà Sớ Sao Hiệt (trích yếu Di-đà Sớ Sao) của Tịnh Như ngôn từ giản dị nhưng tinh xác, lý sâu nhưng dễ hiểu, là một cuốn sách quan trọng trong Tịnh độ, quả thật là người hướng dẫn tốt lành cho kẻ sơ cơ, hãy nên đọc kỹ. Mong rằng có ai đến đem về mấy bộ để cuộc thí pháp của Tịnh Như được mở rộng.

42. Thư gởi Cố mẫu Từ phu nhân ở Hải Diêm (viết thay thầy Ngộ Khai)

Người tên X… lên núi, hỏi đến cuộc sống của bà, cho biết: Bà thường ngày đọc Thiền Lục, thường bàn luận công án. Ngu tôi cho rằng: Lúc tuổi già suy, nên siêng niệm Phật, lấy Tịnh độ làm tông mới có thành tựu thật sự, xin thử bàn xem:

[155] Đây là những vị nữ nhân tu pháp trì danh niệm Phật được vãng sanh, tiểu truyện của họ được ghi lại trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục.

Thiền và Tịnh độ lý vốn không hai, nếu luận trên mặt sự tu thì tướng trạng khác nhau một trời một vực, Thiền nếu không triệt ngộ triệt chứng sẽ chẳng thể siêu xuất sanh tử. Vì thế, ngài Quy Sơn nói: "Nơi chánh nhân thì có thể đốn ngộ, còn xuất trần phải tiến từ từ theo thứ tự. Nếu đời đời bất thoái thì thành Phật quyết định có kỳ." Lại nói: "Sơ tâm do duyên đốn ngộ tự tánh, nhưng hãy còn có tập khí từ vô thỉ bao kiếp chưa thể diệt ngay được, nên phải dạy ngươi trừ cho hết hiện nghiệp lưu thức." Ngài Hoằng Biện[156] nói: "Đốn ngộ tự tánh bằng với chư Phật, nhưng chưa thể nhanh chóng hết sạch tập khí vô thỉ. Cần phải nhờ vào đối trị mới hòng khởi công dụng thuận theo tánh được, như người ăn cơm chẳng thể ăn một miếng liền no ngay!" Ngài Trường Sa Sầm[157] nói: "Thiện tri thức trong thiên hạ chưa chứng quả Niết-bàn là vì công hạnh chưa bằng với chư thánh vậy." Do vậy, Ngũ Tổ Giới lại trở thành Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại thành Lỗ Công, cổ kim tông sư triệt ngộ nhưng chưa triệt chứng phần nhiều như vậy. Ấy là do chỉ cậy vào tự lực, chẳng cầu Phật gia bị, hoặc nghiệp còn mảy may chưa tận thì sanh tử quyết chẳng thể thoát khỏi.

Tịnh độ hễ có đủ ba pháp tín nguyện hạnh liền có thể mang nghiệp vãng sanh. Hễ được vãng sanh liền thoát sanh tử, kẻ ngộ chứng bèn mau lên Bổ xứ, kẻ chưa ngộ cũng chứng A-bệ-bạt-trí (Bất thoái chuyển). Vì thế, Hoa Tạng hải chúng đều nguyện vãng sanh; các tri thức bên Tông, bên Giáo cùng sanh Tịnh độ. Là vì hoàn toàn cậy vào Phật lực, lại thêm tự mình tâm khẩn thiết. Vì thế được cảm ứng đạo giao, do vậy mau thành Chánh giác.

Nay tôi vì bà tính toán: Hãy nên gạt bỏ hết Thiền Lục, chuyên tu tịnh nghiệp, dùng cái tâm mảy trần chẳng nhiễm trì thánh hiệu vạn đức hồng danh, hoặc niệm ra tiếng, hoặc niệm thầm, không xen tạp, không gián đoạn. Niệm phải khởi từ tâm, tiếng lọt vào tai, từng chữ phân minh, từng câu chẳng loạn, lâu ngày chầy tháng sẽ tự thành phiến, đích thân chứng niệm Phật tam-muội, tự biết Tây Phương tông phong. Đấy là đem cái công phu "xoay trở lại nghe nơi tự tánh" của Quán Âm để tu tịnh nghiệp "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" thì tu Tịnh mà là Thiền, còn gì diệu bằng!

43. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ nhất)

[156] Hoằng Biện là người nối pháp (pháp tự) của thiền sư Chương Kính Huy, sống vào thời Đường Tuyên Tông. Câu nói trên trích từ sách Ngũ Đăng Hội Nguyên trong cuộc vấn pháp của nhà vua vào năm 851.

[157] Trường Sa Cảnh Sầm là người nối pháp của ngài Nam Tuyền Phổ Nguyện. Câu nói trên cũng trích từ sách Ngũ Đăng Hội Nguyên.

Người niệm Phật cũng không phải là không được trì chú, nhưng chủ và trợ phân minh thì trợ cũng quy về chủ. Nếu cứ tràn lan không phân biệt, coi đều như nhau thì chủ cũng không phải là chủ. Chuẩn Đề và Đại Bi nào có hơn kém, nếu tâm chí thành, pháp nào cũng linh; tâm không chí thành, pháp nào cũng không linh. Một câu Phật hiệu bao quát trọn vẹn không sót cả đại tạng giáo. Người thông Tông, thông Giáo mới có thể thật sự làm người niệm Phật chân chánh; nhưng người không biết gì, không làm được gì, chỉ cần miệng nói được thì cũng có thể là người niệm Phật chân chánh. Ngoài hai hạng này ra thì chân chánh hay không chân chánh đều là do chính mình có nỗ lực, có y giáo phụng hành hay không?

Còn như tu hành Tịnh độ đã có lý quyết định không nghi, cần gì phải hỏi đến sự hiệu nghiệm nơi người khác. Dẫu người khắp thế gian đều không có hiệu nghiệm, cũng chẳng sanh một niệm nghi tâm, lấy lời thành thật của Phật, tổ làm bằng chứng. Nếu hỏi đến sự hiệu nghiệm của người khác tức là chưa tin cùng cực vào lời Phật, phải lấy lời người để quyết định nên thành cái tâm mong ngóng, không thể thành tựu. Làm thân nam tử anh hùng, tráng liệt trọn chẳng đến nỗi bỏ Phật ngôn để tin lời người khác, tâm mình vô chủ, chuyên muốn lấy sự hiệu nghiệm của người ta để hướng dẫn tiền đồ, chẳng đáng buồn ư?

Tùy Tự Ý Tam-muội chính là đường tu chung từ phàm đến thánh, tuy nói là sơ tâm Bồ-tát bao gồm hết thảy phàm phu, nhưng thật ra là hạng Sơ trụ Bồ-tát phát trọn vẹn ba tâm, tam đức viên chứng trong Viên giáo (nếu ước theo Biệt giáo thì là Sơ địa): Do lấy phát lý tâm làm chánh nhân nên chứng pháp thân đức, do phát huệ tâm làm liễu nhân nên chứng bát-nhã đức, do phát thiện tâm làm duyên nhân nên chứng giải thoát đức. Vì thế có thể hiện thân mười pháp giới ứng khắp mọi căn cơ trong mười phương thế giới, thượng cầu hạ hóa; ông lại nói sơ phát tâm chỉ là kẻ sơ phát tâm vừa mới phát tâm tu hành thôi ư? Ông thấy Kim Luân chú pháp đã dạy "ngộ pháp nhị không, chứng lý thật tướng" liền hớn hở, vui mừng, bèn muốn gánh vác; Quang sợ ông bị ma dựa, nên trình bày rõ thân phận khiến cho ông trọn chẳng còn lầm lạc nữa. Ngộ pháp nhị không, chứng lý thật tướng chính là thân phận của sơ phát tâm Bồ-tát vậy. Pháp được giảng trong sách ấy phàm phu đều có thể y theo đó để tu trì, nhưng đừng hiểu thân phận được sách nhắc đến là phàm phu thật sự. Thanh văn, Duyên giác có đại thần thông còn chẳng thể đạt đến, huống gì phàm phu! Lúc khắc in riêng sách ấy nên xem kỹ:

1) Vô trụ sanh tâm.
2) Chẳng trụ vào pháp để hành bố thí.
3) Tam luân thể không.

4) Ý nghĩa nhất đạo thanh tịnh.

(Bốn câu này là cương yếu của Phật pháp, người xem kinh tu hành phải nên biết) thì sẽ được thông hiểu lớn lao.

Quang muốn đem những nghĩa này làm thành bài tụng để người xem đến biết được cương yếu. Đã bàn cùng Úy Như, nhưng bận rộn lắm việc chưa thể rảnh rỗi, phải đợi năm sau. Khắc in Thập Vãng Sanh Kinh[158] và ba thứ tịnh nghiệp ban đầu trong Quán kinh để lưu truyền trong đời cũng được, tôi đã bảo với Úy Như nhưng chưa rảnh để sửa những chữ sai trong bản ấy, nên đem nguyên bản gởi đi. Chữ cổ tuy không sai, nhưng không nên dùng. Còn như nói quán thân, chẳng quán hết thảy, chỉ quán vô duyên thì vô duyên là Tùy Tự Ý Tam-muội, nghĩa là tánh không, vô sở hữu; đã vô sở hữu nên không có gì để vin nắm (phan duyên). Nếu chẳng một nhát dao chặt đôi từ căn bản thì tâm duyên trùng trùng, giải thoát sao được? Mấy lời này giản lược cùng cực, nhưng ý nghĩa sâu rộng, mong hãy bảo với ông Úy Như.

44. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ hai)

Hòa thượng Pháp Tràng xưa đã sẵn linh căn, thoạt đầu là bậc chân Nho, sau thành bậc chân Thích, có thể nói là chẳng uổng công đọc sách học đạo vậy! Đời có bậc chân Nho nên mới có chân tăng, bọn vô lại xuất gia kia cố nhiên đều là ma vương ngoại đạo phá hoại Phật pháp. Ngữ lục của hòa thượng thống khoái thẳng chóng, mở rộng tâm mắt con người, đáng nên khắc in lưu thông làm pháp bảo cho Thiền gia, nhưng sách ấy chỉ phát huy đạo "chỉ thẳng tâm người, kiến tánh thành Phật", chúng ta chuyên tu tịnh nghiệp chớ nên sờ soạng, dò lường lời ngài đến nỗi đánh mất lợi ích cả hai bên. Không thể không biết điều này! Điều được nhà Thiền đề xướng là chỉ hướng về bổn phận, ngoài ra [mọi chuyện khác] đều không xiển phát, chuyện tu nhân đạt quả, đoạn hoặc chứng chân của họ đều là tự ngầm tu trì. Người ngoài thấy nhà Thiền chẳng đề xướng những đạo lý tu chứng ấy bèn bảo nhà Thiền không dùng đến những pháp đó, thành ra hủy báng Thiền, báng Phật, báng pháp.

Mã Tăng Ma[159] kiến địa cao siêu, văn tự khéo léo, đẹp đẽ, cũng đáng nên khắc bản lưu thông. Vương Huyễn Như không thấu hiểu Tông môn, chỉ vì không chịu

[158] Kinh Thập Vãng Sanh chính là kinh Phật Thuyết Thập Vãng Sanh A-di-đà Phật Quốc, được xếp vào quyển 87 của Vạn Tục Tạng Kinh, không rõ ai đã dịch kinh này từ Phạn sang Hán. Nội dung kinh này dạy 10 pháp quán niệm để được vãng sanh thế giới Cực Lạc.
[159] Mã Tăng Ma là thọ nghiệp sư của hòa thượng Pháp Tràng.

nghiên cứu sâu xa giáo lý và cũng do chưa hề thân cận tri thức, vì thế chỉ thành một kẻ hiểu biết Tông môn trên mặt văn tự mà thôi. Năm Quang Tự hai mươi mốt, tức mùa xuân năm Ất Mùi (1895), người ấy đến Phổ Đà, được thế phát bởi hòa thượng Hóa Văn trụ trì chùa Pháp Vũ, chưa thọ giới, sống được nửa năm bèn trở về nhà, lại trở thành cư sĩ. Trong cuốn đầu, ông ta viết năm Bính Thân (1896) đến Phổ Đà làm tri kỷ của sư Hóa Văn, toan muốn xuất gia, nhưng vì gia sự thúc bách phải quay về. Từ chỗ này có thể thấy ngôn hạnh chẳng tương ứng.

Quang từng gặp người này, nhưng chưa hề nói với nhau một lời. Hỏi đến những người ông ta thường gặp gỡ xem ông ta hành trì những gì, họ nói ông ta không niệm Phật mà cũng chẳng xem kinh. Những gì chép trong sách Minh Tâm Lục của ông quá nửa là những câu dựa theo sách Kính Hoa Tập xưa kia, ông ta có sở đắc nơi ý Thiền tông, nhưng hạnh nhà Thiền chưa từng thực sự tu tập. Do vậy mới đến nỗi chẳng biết thời vụ, trao xằng pháp dược, khiến cho những kẻ vô tri vô thức học phải những lời sáo rỗng ấy bèn quay ra bài bác, vứt bỏ những lý thật, sự thật trong kinh, khiến mình mù, làm cho người mù, từ đầu đến cuối sách chẳng hé lộ triều đại và niên hiệu với thâm ý khiến người đời sau tưởng mình là bậc cao nhân thời thượng cổ mà thôi! Toàn thể sách ấy là cái tâm phàm phu sanh tử kết nghiệp, chớ hề có ý nghĩa tùy duyên mặc lòng tự vui thiên chân. Hạng người như vậy chẳng nên tán thán, chỉ sợ do tôi tán thán, người đời bèn tưởng ông ta hoàn toàn đúng; mà cũng không nên báng bổ, vì sợ do tôi gièm báng người khác bèn cho là ông ta hoàn toàn sai. Nhưng ông giữ pháp của ông, tôi giữ đạo của tôi mà thôi, rảnh công đâu bàn chuyện rỗi hơi của người ta chẳng ăn nhập gì đến mình!

Bài tiểu tự của sách Vạn Liên Tịnh Độ Thi, hai dòng đầu nêu lên thuyết "nhất tâm được biểu hiện hay che lấp" chính là lý luận sai lầm. Lời dạy chuyên tu tịnh nghiệp của ngài Thiện Đạo có thể gọi là "tỏ rõ tâm chuyên nhất", nhưng ngài Vĩnh Minh dạy "vạn thiện đều tu" há có thể gọi là "ngăn lấp tâm chuyên nhất" ư? Đúng là sai lầm đến cùng cực! Phải nói là pháp môn Tịnh độ có chuyên và viên, do căn khí của chúng sanh bất nhất, nên các tổ lập pháp bất đồng. Ngài Thiện Đạo dạy người nhất tâm trì danh, không dạy tu tạp nghiệp là vì sợ người căn tánh trung hạ do tạp nghiệp đến nỗi tâm khó quy nhất, do vậy ngài dạy chuyên tu. Ngài Vĩnh Minh dạy người vạn thiện đều tu, hồi hướng Tịnh độ là vì sợ bậc thượng căn hạnh chấp vào một bên, đến nỗi phước tuệ chẳng thể xứng tánh viên mãn nên dạy viên tu.

Nếu là người chưa đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ thì lập ngôn quyết khó khỏi mắc điều tệ. Ví như ếch ngồi đáy giếng chỉ thấy được khoảng trời xanh chừng bằng miệng giếng mà thôi. Bài tựa giảo chánh tái bản sách Tùy Tự Ý Tam-muội, nếu nói thông thường thì đại tâm phàm phu là sơ phát tâm Bồ-tát, và nói đúng ra thì phải hiểu sơ phát tâm Bồ-tát thuộc địa vị Sơ trụ trong Viên giáo. Hiểu như thế sẽ không mắc cả hai lỗi ngã mạn và thoái khuất.

45. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ ba)

Đã đến Phổ Đà mấy lần, hãy nên ở nhà lắng lòng niệm Phật, chẳng nên tới thường, đến đây tốn phí công sức, thời gian, hao tài, đối với mình lẫn người đều không có lợi ích gì. Nếu chưa từng đến thì đến chiêm bái đạo tràng Bồ-tát một lần cũng được; nếu đã đến rồi nên ở nhà cúng dường, cung kính, lễ bái, lẽ đâu Bồ-tát chỉ ở tại Phổ Đà, chẳng cảm ứng khắp pháp giới ư? Quán Âm Bồ-tát thường trụ trong khởi tâm động niệm của hết thảy chúng sanh, hiển lộ đại thần thông, diễn thuyết diệu pháp, tiếc là chúng sanh mê trái bỏ lỡ, cô phụ từ ân. Nếu có thể thường niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ sẽ tự thường được ngài che chở. Nên đem ý này bảo lại cùng hết thảy kẻ tri giao.

46. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ tư)

Biết ý ông muốn sống ở Thông Châu, tuy có chí muốn thành tựu con em, nhưng không biết con em được thành tựu chỉ là do gia đình dạy dỗ. Đối với con cái, từ nhỏ phải dạy hiếu, đễ, trung, tín, cần (siêng năng), kiệm (tiết kiệm), ôn (ôn hòa), cung (cung kính), thì khi đến lớn đi học đọc sách mới có cơ sở để hưởng được lợi ích. Nếu từ nhỏ dung túng thành quen thói, đừng nói chi những đứa không có thiên tư, không khéo dạy, ngay cả những đứa có thiên tư, được khéo dạy cũng chỉ thành một gã thợ khéo văn chương, thành phường bại hoại trong làng Nho mà thôi. Đời có kẻ tài cao Bắc Đẩu, học khắp năm xe[160], nhưng hành vi đều ỷ vào thông minh, độc hại sanh linh, hủy diệt đạo nghĩa, nguyên nhân đều bắt đầu do lúc ban đầu thiếu gia giáo vậy! Văn Vương nêu gương cho vợ, gương ấy thấu đến anh em, rồi lan ra khắp nước nhà, điều này cùng một ý vị với điều được nói trong sách Đại Học: “Muốn bình trị thiên hạ, quốc gia thì phải khởi đầu từ

[160] Điển cố *“học phú ngũ xa”* (học khắp năm xe) xuất phát từ câu văn trong sách Trang Tử: *“Huệ Thí hữu phương, kỳ thư ngũ xa.”* Huệ Thí là một triết gia thời Chiến Quốc, học vấn rất rộng. Câu trên có ý nói Huệ Thí học rất rộng, đọc rất nhiều sách, phải dùng năm cái xe mới chở hết được.

cách vật trí tri, thành ý, chánh tâm.” Đây chính là bí quyết vô thượng dạy người mong thành thánh thành hiền của Nho gia vậy. Bỏ nơi đây cầu nơi khác đều là chạy theo cái ngọn.

Nay tôi bàn tính: Khi con cái đã có thể nói năng, hiểu biết thì trong gia đình trước hết phải dạy cho con biết mặt chữ (con gái tuy không cần phải có học vấn rộng, nhưng trọn chẳng thể chỉ dạy cho con biết mặt chữ, không thông ý nghĩa. Mẹ còn phải nên dạy con từ thuở còn nằm trong thai. Nếu con gái biết chữ, thông văn lý thì con cái do mình sanh ra sẽ càng dễ dạy). Mỗi một tờ giấy chỉ viết một chữ, đừng viết cả hai mặt, nếu viết hai mặt khác sẽ giống như nhớ khẩu quyết vậy[161]. Mỗi ngày hạn định mấy chữ, mỗi ngày phải nhận rành mặt chữ, lại phải nhận được mặt chữ hai ba lần, chưa đầy một năm đã biết được nhiều chữ. Về sau lúc đọc sách, hễ đọc đến đều nhận được mặt chữ, chẳng đến nỗi vướng cái tệ chỉ nhớ ca kệ.

Phàm những gì trẻ làm được đều nên dạy nó thường tập quen siêng năng (như quét tước, dọn dẹp v.v.). Phàm thức ăn, y phục chớ nên hoa mỹ. Nếu trẻ phung phí ngũ cốc và làm hư đồ đạc, bất luận là vật sang hèn, nặng nhẹ đều nên bảo cho nó biết vật ấy chẳng dễ có, và những nghĩa lý chiết phước tổn thọ. Nếu vẫn như thế nhất định phải trách phạt, quyết chẳng bỏ qua. Như thế, trẻ sẽ tự mình kiệm ước, trọn chẳng đến nỗi xa xỉ, phung phí. Khi trẻ đọc được sách, nên đem những sách Âm Chất Văn, Cảm Ứng Thiên dạy trẻ đọc thuộc, thuận theo mặt chữ mà diễn giảng. Những hành vi thường nhật nếu hợp với điều thiện thì chỉ cho trẻ thấy điều ấy hợp với những điều thiện được nêu trong hai cuốn sách trên mà khen thưởng. Nếu làm điều bất thiện thì chỉ cho trẻ thấy điều ấy phù hợp với chuyện bất thiện được nói trong hai sách ấy để quở trách (nhà cư sĩ Bành Nhị Lâm (Bành Tế Thanh) đỗ đạt đứng đầu tỉnh Giang Tô, đời đời tuân thủ hai sách ấy. Nhà ấy Trạng Nguyên thật nhiều, nhưng suốt đời đều tuân thủ hai sách ấy không thay đổi). Như vàng đổ vào khuôn, như nước có đê ngăn, há lẽ nào chẳng thể thành đồ vật, vẫn cứ chảy ngang y như cũ hay sao? Căn bản để con người làm người là đây! Không giảng điều này mà muốn thành con người hoàn toàn, trừ phi là hạng có thiên tư bằng Mạnh tử trở lên mới được mà thôi.

Nhưng đến lúc đi học, chẳng nên cho con vào ngay những trường đã lập hiện thời, nên để con ở nhà vài năm, mời một vị thầy văn chương lẫn đức hạnh đều khá, tin sâu nhân quả để dạy trẻ học Tứ Thư và Ngũ Kinh trước. Đến khi trẻ học

[161] Ý nói: Nếu viết nhiều chữ trong một tờ giấy, trẻ có thể nhớ âm đọc, cầm lên đọc nằm lòng nhưng không nhận biết từng chữ.

được vài phần, đối với toàn bộ văn tự đạo lý chẳng bị tà thuyết tục luận mê hoặc thì mới cho con vào trường hòng mở mang tầm mắt, biết so sánh sự việc, chẳng đến nỗi hành xử trái thời, không cách nào tiến lên được. Làm được như vậy thì đứa có thiên tư sẽ tự thành đạt, đứa không thiên tư cũng thành lương thiện, tốt lành cho mình lẫn người, tự lợi, lợi tha, quả thật chẳng ngoài những điều lão tăng thường nói.

Lại nữa, trước kia ở Dương Châu có thỉnh mười ba bộ Cảm Ứng Vựng Biên tặng cho người, Vân Lôi cũng tặng một bộ. Ngày hôm sau Vân Lôi đến chỗ tôi ở, tôi bảo ông ta mang cho ông một bộ, ông ta đem tặng cho người khác, nói ông có thể thỉnh được sách nơi thư cục chánh, không biết đã thỉnh hay chưa? Những văn bút đàm luận trong sách này đều siêu diệu (sách ấy có đôi ba chỗ hơi trở ngại đôi chút, nhưng xét về toàn thể đều tốt nên có thể dùng được), nhưng không quán thông Phật pháp bằng An Sĩ Toàn Thư. Ngoại trừ An Sĩ Toàn Thư ra, nên coi sách này là nhất, nhưng chẳng dễ gì chỉ dạy cho đàn bà, con trẻ. Quang ở Dương Châu nhân thấy sách này phần đầu chưa khắc Cảm Ứng Thiên, bèn cho khắc bổ sung. Do tìm sách bèn gặp được một bản Cảm Ứng Thiên Trực Giảng, sách ấy do một bậc đại thông gia soạn, lời chú giống với lối văn bạch thoại, đọc theo mạch văn ý nghĩa càng rõ ràng, rất thích hợp cho con cái đang tuổi thơ ấu. Nay đem sách ấy gởi đi, mong ông sẽ dùng sách ấy để răn dạy con cái, tương lai ắt được lợi ích thật sự mà lại còn thiết thân nữa (ông Vương Lôi vào mùa hạ từng khắc Nhị Thập Nhị Sử Cảm Ứng Lục của ông Bành Hy Tốc, đều là những chuyện thực trong chánh sử, rất dễ làm cho người khác đọc đến phải kiêng dè, sách này chỉ có hai bản).

47. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ năm)

Những lời Úy Như nói hơi có đạo lý, nhưng tôi là một gã vô tri vô thức chỉ biết lo tự độ[162], dạy người cũng dùng những pháp tắc để tự độ, còn ông ta muốn cho người khác thông hiểu rộng rãi Phật pháp rồi nhờ đó mà tin sâu Tịnh độ; do vậy mới đến nỗi bề ngoài tợ hồ không phù hợp, nhưng bên trong quả thật do chú trọng đến những điểm khác nhau, ai nấy có sở trường riêng và cũng có khuyết

[162] Nguyên văn: "Tự liễu hán", từ điển Phật Quang Sơn giảng "tự liễu hán: Chỉ hạng người không có ý niệm lợi tha, chỉ mong chính mình được lợi ích. Chỉ biết đến thân mình, không quan tâm đến đại cuộc. Nhà Thiền thường gọi kẻ chỉ tự mình tu hành, không có ý niệm độ sanh là Tự Liễu Hán." Ở đây, Tổ tự xưng mình là Tự Liễu Hán vì có những người chỉ trích pháp môn Tịnh độ là ích kỷ, chỉ lo cầu giải thoát cho riêng mình.

điểm riêng nên mỗi cách có những thiếu sót riêng. Nếu có thể chọn lấy những chỗ lợi ích thì chẳng đến nỗi trở thành thói tệ, pháp môn sẽ may mắn lắm!

Tuy vậy rất khó, pháp do Như Lai, chư tổ đã lập, hậu nhân làm theo còn bị biến thành tệ hại, huống gì bọn ta? Ai nấy chỉ nên giữ lấy một pháp ngõ hầu tự lợi và kiêm dùng pháp đó để lợi ích người hữu duyên thì mới nên. Kẻ vô duyên Phật còn chẳng độ được, dù chúng ta có lập đủ cách cũng sẽ chỉ có thể nói "không làm gì được" mà thôi! Hai lá thư của Úy Như đã khen ngợi Bất Huệ quá mức, khiến cho người ta thẹn thùng không lánh vào đâu được. Trọn chẳng được học theo cái lối ấy, học theo sẽ khiến người khác nghi ngờ, miệt thị cổ nhân, đâm ra cả mình lẫn người cùng bị tổn hại. Thư ông viết cũng rất hữu lý, nhưng Quang sự việc quá nhiều, không rảnh rang trình bày rõ. Những lời thỉnh vấn nếu phù hợp bèn đáp, nếu không hợp bèn bảo đi hỏi cao nhân khác, như các cửa tiệm ngoài chợ, mỗi tiệm có bán hàng hóa chuyên biệt: hoặc chỉ một món hàng mà có thể thông thương làm nước giàu, hưng gia lập nghiệp; hoặc bán nhiều món hàng nhưng chẳng qua cũng chỉ nhằm để thông thương, nước giàu, hưng gia, lập nghiệp mà thôi.

Chúng tôi đã chẳng dựng đại pháp tràng, nhặt cơm thừa canh cặn bị vất bỏ ở cửa nhà trưởng giả đại phú để tự nuôi thân; nếu ai chẳng nề hà hôi chua bèn chẳng ngại chuyền tay trao lại. Nếu không, hãy cứ mặc lòng lấy gan rồng tủy phượng để tự bồi bổ, há có nên nói "tặng hết cho mọi người, khiến cho ai nấy đều hưởng thứ cơm thừa canh cặn của ta mới đẹp dạ mình" ư? Ở chợ, nếu cửa hàng chuyên bán một thứ luôn luôn phát đạt thì kẻ bán nhiều mặt hàng cũng sẽ trích vốn [để buôn mặt hàng đó]. Sao riêng chuyện hoằng pháp lợi sanh lại chẳng giống như thế? Ngàn căn cơ đều cùng dạy chính là lý do xuất thế của Như Lai, Như Lai giáng tích thị hiện làm thiện tri thức, cũng chẳng lấy đó làm chuẩn. Tôi pháp gì cũng chẳng thông, chỉ chịu niệm Phật thì cũng có thể cậy vào đó để liễu sanh tử; tôi cũng chẳng thẹn vì mình không thông, chỉ thẹn mình ngôn hạnh không tương ứng, hữu danh vô thực mà thôi!

48. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ sáu)

Giấc mộng tốt lành kỳ lạ, đặc biệt, ắt có con quý xuất loại bạt tụy nối dòng thư hương, kế nghiệp tổ tông, do Phật, trời ban cho. Lòng vui mừng, an ủi khôn cầm, chúc mừng, chúc mừng! Kinh Hoa Nghiêm nói: "Hết thảy chúng sanh đều có đủ đức tướng, trí tuệ của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc." Do vậy, biết trí tuệ, đức tướng chúng sanh và Phật giống nhau,

ấy chính là tánh đức. Do có vọng tưởng, chấp trước và lìa vọng tưởng, chấp trước nên chúng sanh và Phật khác hẳn nhau, đấy chính là tu đức vậy.

Tu đức có thuận, có nghịch, tu thuận theo tánh thì càng tu càng gần, tu đến cùng cực bèn chứng triệt để, tuy chứng nhưng trọn chẳng được điều gì; tu nghịch với tánh thì càng tu càng xa, tu đến cùng cực bèn vĩnh viễn đọa trong ác đạo, đọa nhưng trọn chẳng mất gì. Hiểu rõ điều này thì kẻ ngu có thể là hiền, kẻ hiền có thể là ngu, kẻ thọ bị chết yểu, kẻ chết yểu được sống thọ, phú quý, bần tiện, con cháu đầy đàn hay tuyệt diệt, mỗi chuyện đều có thể tự mình làm chủ, có chỗ nương tựa có thể thành không nơi nương tựa, không nơi nương tựa có thể thành có nơi nương tựa; như núi cao không lên được, con người không có cách nào thì cũng chẳng ngại đục vách núi xếp bậc, rồi cũng lên thẳng được chót đỉnh. Con người xưa nay không biết đến nghĩa lý "tùy tâm tạo nghiệp, tùy tâm chuyển nghiệp", bao nhiêu kẻ đại thông minh, đại học vấn trở thành bỏ sạch mọi công trước, lại còn di hại bao kiếp.

Nếu chẳng tu đức thì thân dù giàu trùm thiên hạ, quý như thiên tử, hoặc quan vị cao cùng cực, thanh thế lừng lẫy như địa vị tể tướng, phụ thần, có hay không những kẻ ngay trong đời này thân bị giết, nhà tan cửa nát? Như vậy thì những gì thân mình tự có được đều chẳng thể nương cậy được. Viên Liễu Phàm khá hiểu nghĩa này, nên coi hết thảy những gì mình được hưởng thụ không gì chẳng phải do nhân trước định sẵn. Thế tục thường gọi "tiền nhân" là trời, "thiên định thắng nhân" nghĩa là khó chuyển được cái nhân trước, nhân định cũng có thể thắng được trời nghĩa là tu trì chống lại nghiệp thì nhân trước chẳng đáng nương cậy. Tức là dùng cái nhân hiện tại làm nhân để tiêu diệt cái nhân trước, còn nếu mặc tình làm càn thì sẽ trở thành trái ngược lại. Hiểu điều này thì kẻ ngu sẽ thành hiền, kẻ dở tệ, tầm thường sẽ thành siêu quần bạt tụy, đều do chính mình giữ cái lòng tu đức và tùy thời khéo dạy mà thôi! Há chẳng nên nỗ lực tài bồi ngõ hầu giấc mộng tốt đẹp trở nên có căn cứ hay sao?

49. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ bảy)

Nhất Hạnh Cư Tập[163] nét chữ khắc quá nhỏ, in tạm mấy ngàn bộ, là do các vị Úy Như v.v. không chăm sóc tử tế. Bản in được duyệt sửa khá tinh tế, không thấy sai ngoa. Sách này quả thật là đại hộ vệ cho Tịnh tông, nhưng cũng có chỗ có thể

[163] Đây là một tác phẩm của Bành Thiệu Thăng, xiển dương Tịnh độ, đồng thời dẫn dụng những công án bên Nho để xiển dương Phật pháp. Ông viết tác phẩm này trong khi đang bế quan tu nhất hạnh tam-muội tại Văn Tinh Các.

làm cho người khác mắc bệnh. Nay tôi không thể không bảo cho ông biết, những người khác cũng do đây mà hiểu đại lược. Nhị Lâm cư sĩ (Bành Tế Thanh) rất tin vào cầu cơ, những lời giáng cơ được ông chép lại rất phù hợp với giáo pháp, nếu chịu hành trì theo đó ắt được đại lợi ích. Nhưng thời thế khi ấy khác, thời này lại khác! Nếu chấp rằng lời giáng cơ ắt đều phù hợp với giáo pháp nhà Phật, đều có thể nương theo những lời ấy ắt sẽ mắc lỗi do cầu cơ bèn nghịch giáo. Những kẻ giáng cơ đa số là linh quỷ, chân tiên rất ít. Dẫu chân tiên đi nữa, há có thể hơn được chư Phật, chư tổ ư? Chớ nên viện cớ "cư sĩ Nhị Lâm còn tin vào lời giáng cơ, lẽ nào chúng ta dám không tin", vậy thì là lầm lạc quá lắm!

Trong sách ấy có lời bạt ghi kinh Thiền Tông Bí Mật Liễu Nghĩa do chính Phật đã nói. Ông Nhị Lâm chưa mở mang sai biệt trí, nên tạo thành đầu mối bịa đặt bừa bãi cho người đời sau. Kinh này ở chùa Pháp Vũ trước kia cũng có một bản, Quang đã từng đọc qua, lời lẽ thật sự không có lỗi lầm gì, nhưng toàn là những câu trích từ các kinh Lăng-nghiêm, Hoa Nghiêm, Viên Giác, Kim Cang... và Lục Tổ Đàn Kinh, cũng như những câu dung hội hai tông Thiền - Tịnh trong Tịnh tông ghép thành. Bậc thông gia xem thấy cố nhiên được lợi ích, còn kẻ không thông suốt dùng chuyện này làm chuẩn để đánh giá mọi lời giáng cơ thì trật rồi. Do vậy, Quang bèn đốt đi để diệt mối hại. Nhị Lâm đem sách ấy giảo chánh, in lại, đó là vì trí của Nhị Lâm chỉ biết đến mặt lợi ích, không biết sách sẽ gây ra mối tệ vô cùng: mai sau có những kẻ biến tà thuyết thành chánh giáo đều sẽ dùng lời bạt ấy để xướng xuất. Nếu Ấn Quang khắc in sách ấy sẽ trọn chẳng khắc lời bạt ấy, lưu thông Phật pháp chẳng phải là chuyện nhỏ nhặt, há chẳng nên cẩn thận từ đầu ư?

Tôi là người ngoài cõi đời, cần gì phải mừng tết, mừng thọ? Năm dương lịch đã hết, cần gì phải gởi thiệp chúc mừng? Há chẳng phải là vô sự bèn sanh sự? Dẫu hết năm âm lịch cũng chẳng cần phải ăn mừng. Thói tục phù phiếm, nhân tình thế gian ấy nếu có nhân duyên tiện dịp bèn đề vài câu còn được, chứ riêng vì lẽ mừng tuổi bèn từ xa vài ngàn dặm gởi đến một phong thư thì chẳng bằng lắng lòng, giảm việc, có hay hơn không?

50. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ tám)

Nhận được thư, biết ông trong cơn bệnh nhờ sức tam bảo biến hiểm thành lành, mới biết sanh tử trắng tay, nếu không thâm nhập một môn sẽ chẳng làm được gì. Nhân nghiên cứu, đọc các sách Tịnh tông mới biết Di-đà vì ta phát nguyện, lập hạnh để mong thành Phật; ta do trái nghịch Di-đà hạnh nguyện nên

bao kiếp dài lâu thường luân hồi lục đạo, vĩnh viễn làm chúng sanh. Hiểu rõ Di-đà là Phật trong tâm ta, ta là chúng sanh trong tâm Di-đà. Đã là một mà phàm và thánh khác nhau một trời một vực là vì ta một mực mê trái nên mới thành ra nông nỗi ấy. Tín tâm như thế mới là chân tín. Từ tín tâm này, phát ra cái nguyện quyết định vãng sanh, hành cái hạnh quyết định niệm Phật, ngõ hầu thâm nhập pháp giới Tịnh độ, thành tựu ngay trong một đời, siêu nhập thẳng vào Như Lai địa, như mẹ con gặp gỡ, vui sướng vĩnh viễn.

Tuy nhiên, biết không khó, làm được mới khó, trong đời có hạng người nói suông, khoe mẽ[164] nghe được lý "tâm, Phật, chúng sanh cả ba không sai biệt", hoặc do duyệt Giáo tham Tông ngộ được lý ấy, bèn nói: "Ta đã giống hệt Phật thì tu hay chứng còn có ích gì", bèn buông tâm phóng ý trong hết thảy cảnh duyên, lầm lạc bảo: "Sáu trần chính là giác, tham sân si chính là giới định tuệ, cần gì phải chế tâm nhiếp thân, không dây tự trói?" Loại kiến giải này hèn kém nhất, chính là chấp lý phế sự, bác không nhân quả, như dùng bánh vẽ để khỏi đói, xây nhà trên không, tự lầm, lầm người, tội há thể cùng tận nổi? Do nhân thiện chuốc lấy quả ác, ba đời chư Phật gọi kẻ ấy là "hạng đáng thương xót". Ông nên nương vào lý tâm Phật, nhân quả bất nhị này để thiết thực tu trì pháp tín nguyện hạnh thì vãng sanh sẽ có ngày, có hy vọng thành Phật, may mắn lắm thay!

Bài tựa kinh Thiền Tông Bí Mật Liễu Nghĩa nơi sách Nhất Hạnh Cư Tập tôi đã nói với ông Úy Như rồi, ông ta viết thư trả lời: "Ông ta chưa hề thấy kinh ấy, nên lúc khắc đã sơ ý bỏ qua, sẽ bỏ bài tựa ấy đi, ngõ hầu khỏi tạo nên nghi ngờ, lầm lạc." Tôi lại bảo khắc chữ to hơn, hòng [sử dụng bản gỗ khắc] in được nhiều lần hơn; ông ta cũng cho biết đã bảo thợ khắc chữ to hơn, lại còn cho biết trong đầu tháng hai sẽ lên miền Bắc. Quang cũng chẳng hỏi ông ta đã trở lại làm việc cho chính quyền hay chưa? Ở Bắc Kinh hiện đang lập xưởng in kinh, nếu Úy Như không chăm sóc sẽ không xong. Toa thuốc cữ hút thuốc phiện[165] truyền xa bốn phương, ai nương theo đó cữ thuốc, khi dùng hết thuốc bệnh bèn lành, quả thật là thần phương (bài thuốc tuyệt hay).

Như Lai thuyết pháp vốn thích ứng căn cơ, vì thế mới có chuyện vì thật bày ra quyền, khai quyền hiển thật, năm thời ban bố giáo pháp. Lại vì cậy vào tự lực để liễu thoát thì khó khăn, cậy vào Phật lực để liễu thoát thì dễ dàng; lại thêm

[164] Nguyên văn là "lược hư hán", tự điển Phật Quang Sơn giải thích: Đây là thuật ngữ nhà Thiền chỉ kẻ thích nói suông, làm ra vẻ tu hành. Lược là "lược thủ" (cướp lấy), hư là hư vọng không thật. "Lược hư" tức là nói suông, mô phỏng ngôn ngữ của người khác, làm ra vẻ.
[165] Bài thuốc này được đăng tải trong phần phụ lục thuộc quyển 4 của Ấn Quang Văn Sao.

chúng sanh đời mạt căn cơ hèn kém, do vậy Phật đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh độ, ngõ hầu ba căn thượng trung hạ cùng được lợi ích, cùng chứng bất thoái. Đời có kẻ ham cao chuộng xa, chẳng xét thời cơ, thường dạy người tu tập những pháp đa phần chẳng thể khế ngộ, ý họ tuy rất tốt lành, nhưng ước về Giáo lại chẳng thể thích hợp căn cơ, nên dùng sức nhiều lại được lợi ích ít ỏi.

51. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ chín)

Thư ông gởi đến khá hợp thuyết chuyên tu của ngài Thiện Đạo, lại còn khế ngộ người căn cơ tầm thường, hèn kém. Rất vui! Chúng sanh mỗi người tập khí sai khác, mỗi người thiên về một chỗ, kẻ ngu thiên về hèn kém, tầm thường, bậc trí thiên nơi cao thượng. Nếu kẻ ngu yên chịu phận ngu, chẳng dụng tâm tạp loạn, chuyên tu tịnh nghiệp thì ngay trong đời này quyết định được vãng sanh, có thể nói là không ai sánh kịp kẻ ngu ấy. Nếu người trí chẳng cậy vào trí, vẫn cứ theo đuổi một môn cậy vào Phật từ lực, cầu sanh Tịnh độ, thì có thể nói là đại trí; nếu ỷ vào kiến giải của chính mình, miệt thị Tịnh độ sẽ thấy từ kiếp này sang kiếp khác trầm luân ác đạo, có muốn được bén gót những gã ngu trong hiện thời cũng hoàn toàn chẳng thể được.

Tôi thật sự yêu mến, hâm mộ những kẻ hiểu sâu xa Tánh, Tướng, Tông, Giáo kia, nhưng chẳng dám thuận theo. Vì sao? Dây ngắn chẳng kéo được nước sâu, giấy nhỏ không thể bọc rộng, nguyên do là vậy. Chứ không phải là hết thảy mọi người đều phải bắt chước việc tôi làm. Nếu cũng hèn kém giống như tôi mà muốn học theo hành vi của bậc đại thông gia, muốn diệu ngộ ngay tự tâm, xem đọc biển giáo, tôi sợ chẳng thể thành bậc đại thông gia; trái lại còn bị hạng ngu phu ngu phụ thật thà niệm Phật vãng sanh Tây Phương thương xót. Há chẳng phải là quá khéo biến thành vụng to, bay lên không lại rớt xuống vực sâu ư? Một lời bao trùm hết: Phải tự xét kỹ căn cơ của chính mình mà thôi! Chúng ta chỉ nên an phận chịu ngu, mặc cho người khắp cõi đời đều là bậc thông gia, chỉ mong Phật pháp được rực sáng trong đời, chúng sanh đều được độ thoát mà thôi, còn gì sướng hơn. Cũng mong ông đem lời này bảo với Sư Thọ. Thầy Hoằng Nhất muốn lánh vào ở trong núi sâu, đáng gọi là bậc có lòng tin sốt sắng, chân tu, tôi vui mừng vô lượng!

52. Thư trả lời cư sĩ Chu Quần Tranh ở Vĩnh Gia

Lời ông nói khá có đạo lý, tôi cảm thấy an ủi lắm! Đại sự sanh tử cần phải lo liệu sẵn, nếu đợi đến lúc ra đi mới tu chỉ sợ bị nghiệp lực đoạt mất. Bế phương tiện quan, cự tuyệt những sự duyên không cấp bách: rất hữu ích! Ông La Đài

Sơn[166] không vãng sanh mà đọa vào chỗ phước báo là vì tập khí văn tự quá nặng, tập khí ấy đã nặng thì dù bảo là niệm Phật, nhưng thật ra niệm niệm luôn đặt nơi công phu văn tự, công phu niệm Phật chỉ là duy trì bên ngoài mà thôi. Đấy là căn bệnh chung của văn nhân, không riêng gì La Đài Sơn. Phật bảo *thế trí biện thông* là một trong tám nạn chính vì lẽ này.

Niệm Phật muốn được nhất tâm, ắt phải phát tâm chân thật vì liễu sanh tử, chẳng vì để được cái danh người đời gọi ta là "kẻ chân thật tu hành". Lúc niệm phải từng chữ, từng câu từ tâm phát khởi, từ miệng thốt ra, lọt vào tai, một câu như thế, trăm ngàn vạn câu cũng như thế. Làm được như vậy thì vọng niệm không do đâu khởi được, tâm và Phật tự có thể khế hợp. Lại phải khéo dụng tâm, chớ chấp trước quá mức đến nỗi thân tâm chẳng yên, hoặc đến nỗi khởi các ma sự. Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, hành theo đó, quyết chẳng bị lầm lạc đi vào đường rẽ.

Không biết Liễu Phàm Tứ Huấn [ông nhắc đến trong thư] là bản chép từ An Sĩ Toàn Thư hay bản được lưu thông riêng. Quang thấy trong một bản đang được lưu thông, thiên Tích Thiện khuyết mười điều sự tích nhân quả. Nếu muốn in, nên đem so với bản được chép sau cuốn An Sĩ Toàn Thư, hễ thiếu bèn bổ sung, hễ sai bèn sửa. Lời tựa đến hơn một ngàn chữ, ý nghĩa chấp nhận được, nhưng văn từ chẳng thông suốt, Quang vốn muốn phát huy những ý chỉ chưa được thông suốt của Liễu Phàm Tứ Huấn, ý nghĩa bị ngôn từ gây trở ngại nên rốt cuộc chưa được nêu tỏ, nhưng đặt bài tựa ấy nơi đầu sách cũng có cái lợi nhỏ là có thể dùng để tham khảo, làm chứng lẫn nhau.

Lại nữa, cái chí muốn được thấy Phật trong hiện tại có thể nói là chân thiết, nhưng sự này há phải dễ dàng! Nên lấy "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" để cầu nhất tâm bất loạn làm điều chánh yếu quyết định. Trước khi chưa được nhất tâm, trọn chẳng nên manh nha ý niệm thấy Phật. Hễ được nhất tâm thì tâm hợp với đạo, tâm hợp với Phật, muốn thấy liền thấy ngay, không thấy cũng không trở ngại gì. Nếu muốn gấp thấy Phật, tâm niệm lăng xăng, cái ý niệm muốn thấy Phật cố kết trong bụng dạ, trở thành căn bệnh lớn cho việc tu hành. Lâu ngày, oan gia nhiều đời nương theo cái tình tưởng vọng động ấy hiện thành thân Phật hầu báo túc oán. Tự mình tâm không chánh kiến, toàn thể là khí phận ma. Hễ thấy

[166] La Đài Sơn: người Giang Tây, đậu cử nhân thời Càn Long, sống cùng thời với Bành Thiệu Thăng. Ông mất sớm, chỉ thọ 46 tuổi. Trong Nhất Hạnh Cư Tập có sao lục những thư từ trao đổi giữa Bành Thiệu Thăng và La Đài Sơn.

bèn sanh hoan hỷ, từ đấy ma nhập vào tâm tạng, bị ma dựa phát cuồng, dẫu có Phật sống cũng chẳng biết làm sao được.

Chỉ nên nhất tâm, nào cần phải tính sẵn có thấy Phật hay không? Nhất tâm rồi sẽ tự biết tốt xấu. Khi không thấy đã tăng tiến công phu, thì khi được thấy, lại càng phải lắng lòng chuyên tu, trọn chẳng mắc lỗi hiểu lầm, chỉ có lợi ích thắng tấn. Người thế gian không hiểu lý, vừa có chút tu trì đã ôm lòng mong mỏi quá phận. Ví như mài gương, nếu hết bụi nhơ, quang minh quyết định tỏa lộ chiếu trời soi đất, nếu chẳng tận lực mài gương, chỉ mong gương tỏa sáng, toàn thể gương là cấu uế thì nếu có quang minh cũng chỉ là ánh sáng quỷ quái, chứ không phải là ánh sáng của gương. Quang sợ ông không khéo dụng tâm, đến nỗi tự mình đánh mất lợi lành, lui sụt tín tâm của người khác, nên mới viết thêm. Ngài Vĩnh Minh nói: "Chỉ được thấy Di-đà, lo gì không khai ngộ." Nay tôi cũng bắt chước nối đuôi rằng: "Chỉ cầu tâm bất loạn, chẳng kể thấy, không thấy." Biết vậy hãy dốc sức nơi đạo tâm hợp với Phật vậy.

53. Thư trả lời sư Hoằng Nhất

Nhận được thư biết sư phát tâm đại Bồ-đề, thề chứng niệm Phật tam-muội, định kỳ yểm quan hầu thỏa đại nguyện ấy, Quang đọc xong khôn ngăn hoan hỷ, còn như sư xin lời huấn thị tối hậu, Quang nào dám nhận, nhưng há chẳng nên đem hết lòng ngu thành của mình dâng lên hay sao? Tuy đã biết tọa hạ dùng cách nói ràng buộc ấy, nhưng bằng hữu qua lại, giàu nghèo đều trọn phận, không riêng gì trí hay ngu đều chẳng như thế. Chỉ tận tấm lòng ngu thành mà thôi, chẳng kể người khác có dùng được hay không.

Trộm thưa: Tâm ấy của tọa hạ thuộc tâm chẳng thể nghĩ bàn, nhưng trong lúc bế quan dụng công nên lấy chuyên tinh bất nhị làm chánh. Nếu tâm thật sự chuyên nhất sẽ tự có cảm thông chẳng thể nghĩ bàn, lúc chưa được nhất tâm, chớ nên vọng động cầu được cảm thông trước. Nhất tâm rồi thì quyết định có cảm thông, cảm thông thì tâm càng tinh nhất. Đó gọi là gương sáng đặt trên đài gặp hình liền hiện bóng, hình tự lăng xăng, can chi đến mình. Chưa nhất tâm mà cầu cảm thông thì cái tâm cầu cảm thông ấy bèn trở thành đại chướng bậc nhất cho việc tu đạo, huống chi vọng động mong mỏi chuyện phi thường rất có thể khiến cho ma sự khởi, phá hoại tịnh tâm. Ngài Đại Thế Chí nói: "Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa, ấy là bậc nhất." Dám vì tọa hạ trình bày!

54. Thư trả lời cư sĩ Vưu Tích Âm ở Vô Tích

Cư sĩ vô ngã, thích được rèn giũa, nhưng mắc lỗi hiểu lầm ý Quang, nên đầu thư gọi Quang là "sư tôn", không dùng bốn chữ "pháp sư Ấn Quang" khiến cho Ấn Quang và bản thân cư sĩ đều bất an. Ấn Quang là một ông tăng chỉ biết cơm cháo, xưng là "pháp sư" thì đã quá phận cùng cực rồi. Dẫu là xưng hô chung chung thông thường cũng chẳng thể không gọi như vậy. Nếu như không gọi tên, lại gọi là "sư tôn" thì quả thật đã mất đi cái đạo chánh danh giao hữu vậy, lần sau chớ dùng cách xưng hô sáo rỗng ấy. Còn như ký tên, cổ kim thông dụng, phàm với những người ngang hàng đều nên ghi như thế, chứ không phải chỉ đối trước bậc đáng tôn trọng mới dùng từ ngữ "hòa nam[167] đảnh lễ" v.v.. Nay lễ giáo bị tước bỏ, phàm người nghiên cứu học Phật gởi thư cho tri thức đa phần hay dùng những câu như "chắp mười ngón tay kính cẩn thưa lên", nhưng chẳng chịu kém cạnh tí nào.

Vua Vũ lạy và nhận lời nói hay, Tử Hạ mù mắt oán trời, bị Tăng Tử quở trách, còn quăng gậy lễ tạ. Người ngang hàng với mình có một lời dạy dỗ mình, đều phải cúi mình lễ tạ. Như nay đi tới chỗ ngõ rẽ, không thể quyết đoán [nên đi đường nào], muốn hỏi người ta còn phải chắp tay, huống chi muốn được giúp đỡ về đại sự liễu sanh tử lại dùng cung cách chào nhau ngoài đường để tiếp nhận thì là khinh pháp vậy. Khinh pháp sẽ chẳng thể được lợi ích thật sự nơi pháp. Xưa kia, thiền sư Cổ Linh Tán sau khi đại ngộ, muốn báo ân thầy thế độ bèn nhiều phen khơi gợi. Thầy ngài lấy làm lạ, bảo hãy vì mình tuyên nói, ngài bảo: "Nên bày pháp tọa", bảo thầy đón mình lên tòa lễ bái, rồi mới nói sau. Thầy ngài tuân theo, ngay trong lúc ngài đang nói, vị thầy ấy bèn đại ngộ. Nếu Cổ Linh chẳng trọng pháp như thế, và vị thầy chẳng trọng người đắc pháp như thế, đừng bảo là không nói, dù có nói cũng chỉ là tri kiến văn tự mà thôi, quyết chẳng thể ngay trong một lời bèn minh bạch bổn tâm.

Sách Luận Ngữ nói: "Chẳng hạ thấp hơn người khác thật sâu, chẳng được lẽ chân." Như Lai diệt độ, chỉ còn kinh tượng tồn tại, nếu coi tượng bằng đất, gỗ, vàng, sơn vẽ v.v. là Phật thật thì sẽ diệt được nghiệp chướng, phá phiền hoặc, chứng tam-muội xuất sanh tử; nếu coi là đất, gỗ, vàng, sơn vẽ v.v. thì chỉ là đất, gỗ, vàng, sơn vẽ mà thôi. Khinh nhờn đất, gỗ, vàng, sơn vẽ thì không mắc lỗi gì, nếu khinh nhờn tượng Phật bằng đất, gỗ, vàng, sơn vẽ thì tội ngập trời. Đọc tụng kinh Phật, lời tổ phải nghĩ Phật, tổ đang hiện diện đích thân nói cho chúng ta, chẳng dám manh nha ý niệm lười nhác, coi thường. Tôi nói người làm được như thế ắt được vãng sanh, cao đăng phẩm vị, chứng ngộ triệt để nhất chân. Nếu không,

[167] Hòa nam (Vandana): có nghĩa là kính lễ, đảnh lễ.

bèn là đùa cợt với pháp môn, được lợi ích bất quá là thấy nhiều, biết nhiều, nói trơn tru, chẳng được thọ dụng thật sự mảy may gì, chỉ thành chuyện nghe lỏm nói mò.

Đối với tam bảo, cổ nhân luôn giữ lòng kính trọng thật sự, chẳng phù phiếm bàn suông. Người bây giờ ngay một chữ "khuất" còn không nói được, huống gì thực hành? Xưa kia, Thanh Thế Tổ Chương Hoàng Đế (Thuận Trị) bái thiền sư Ngọc Lâm Thông Tú[168] làm thầy, còn muốn xin được đặt cho một pháp danh. Ngài Thông Tú nói: "Đế vương cần gì phải dùng đến thứ này!" Vua không chịu, xin được đặt cho một cái tên xấu xí. Ngọc Lâm liền viết hơn mười chữ xấu xí cho nhà vua tự chọn, vua bèn chọn lấy chữ si. Thiền phái ấy đến đời vua là chữ hành, nên vua có pháp danh là Hành Si. Phàm mỗi khi vua viết thư cho đệ tử ngài Ngọc Lâm đều ký tên là "pháp đệ Hành Si hòa-nam". Khai quốc hoàng đế còn tự khuất mình như thế, nếu người đời nay suy xét, trước hết phải phạt tội, rồi mới vấn pháp thì mới hợp cách thức. Nếu không, dân thường không còn là dân thường, hoàng đế không còn là hoàng đế.

Đối với Phật học, Quang không đạt được điều gì, như kẻ mù đối trước ngũ sắc, như kẻ điếc nghe ngũ thanh, trọn chẳng biết tiếng như thế nào, màu sắc ra sao. Nhưng đối với phương diện chú trọng lòng kính, gìn giữ lòng thành, tôi nguyện dốc hết lòng ngu thành, để trọn vẹn cái lợi ích nhỏ nhoi đá nơi núi khác[169]. Đã là tâm giao hãy nên bỏ đi những trò phiền toái.

55. Thư dự định trả lời vị cư sĩ X…

Đính kèm thư của vị cư sĩ ấy:

---

[168] Ngọc Lâm Thông Tú (1614-1675): Người Thường Châu, tỉnh Giang Tô. Năm 19 tuổi xuất gia thọ cụ túc giới với ngài Khánh Sơn Viên Tu (thuộc dòng pháp Long Trì Huyễn Hữu. Ngài Viên Tu còn được gọi là Thiên Ẩn Viên Tu) thuộc tông Lâm Tế. Sau khi ngài Thiên Ẩn Tu viên tịch, bèn được kế thừa pháp tịch, trụ trì chùa Báo Ân ở Vũ Khang, tỉnh Chiết Giang. Năm Thuận Trị 15 (1658), vâng chiếu vào cung, hoằng dương đại pháp tại Vạn Thiện Điện. Không lâu sau, ngài lui về núi, lưu đệ tử là Hành Sâm ở lại hoằng pháp nơi Bắc Kinh. Năm Thuận Trị 17, vua thọ giới Bồ-tát, đặc biệt yêu cầu ngài Ngọc Lâm làm bổn sư truyền giới, ban hiệu Đại Giác Phổ Tế Năng Nhân Quốc Sư. Khi giảng pháp trong cung, sư có soạn một thiên sách gọi là Khách Vấn. Đại học sĩ Kim Chi Tuấn phụng chiếu viết lời bình chú và viết lời tựa để lưu hành. Về già, sư sáng lập chùa Thiền Nguyên tại núi Tây Thiên Mục thuộc Chiết Giang, thường trụ nơi đó. Ngài thị tịch vào ngày mồng Mười tháng Tám năm Khang Hy 14 (1675) tại am Từ Vân ở Hoài An, thọ 62 tuổi. Đệ tử nối pháp hơn 20 người, lưu lại ngữ lục gồm 12 quyển. Vua Ung Chánh do đọc ngữ lục này mà lãnh hội pháp yếu.

[169] Câu này dựa theo thành ngữ *"Dĩ tha sơn thạch công tự kỷ chi ngọc"*: Lấy đá nơi núi khác làm ngọc cho mình.

"Bỉ nhân là tín đồ Tịnh độ, đã quyết định phụng hành, nhưng với hai chữ 'nguyện hạnh' còn phải xin chỉ dạy: Nguyện và hạnh là hai thứ vận dụng riêng biệt hay là phải cùng vận dụng?

1) Nếu bảo là vận dụng hai thứ riêng biệt thì lúc niệm Phật trước hết phải phát nguyện cầu sanh như bài Thập Niệm Cầu Sanh Văn của ngài Từ Vân rồi mới niệm. Chỉ lúc niệm Phật mới giữ ý chỉ "ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm", tâm và miệng như một, cứ như thế mà niệm mãi. Trong mỗi niệm chỉ giữ ý niệm ấy, cũng chẳng có ý nguyện cầu sanh. Niệm theo cách như thế thì đều vãng sanh thượng phẩm. Đây là chiếu theo lời của thiền sư Triệt Ngộ.

2) Nếu nói phải vận dụng cả nguyện lẫn hạnh cùng một lúc thì lúc niệm Phật mỗi tiếng như trẻ nhỏ té xuống nước, gấp gáp gọi mẹ đến cứu. Đây là thuyết của thiền sư Ngọc Phong ở Hàng Châu. Lại như đại sư Kiên Mật[170] nói: "Sáu chữ hồng danh trong mỗi một niệm có đủ cả ưa thích và nhàm chán", cũng giống với thuyết của ngài Ngọc Phong[171].

Trong hai thuyết trên, theo thuyết thứ nhất thì trong lúc niệm Phật tợ hồ thiếu ý khẩn thiết, đại sư Ngẫu Ích từng nói: "Cầu sanh Tịnh độ hoàn toàn dựa vào tín nguyện. Nếu không có tín nguyện dẫu niệm đến mức gió thổi chẳng lọt, mưa chẳng ướt được như tường bạc vách sắt, cũng không thể được vãng sanh." Như vậy dù có niệm được nhất tâm bất loạn, sợ rằng vẫn chưa được mười phần ổn thỏa, thích đáng. Theo như thuyết thứ hai, lúc niệm Phật có đủ cả hạnh lẫn nguyện, nhưng trong mỗi niệm, trong tâm thường còn chứa một nguyện, e rằng đối với nhất tâm bất loạn chẳng thuần. Gần đây vị sư… ở Hàng Châu cũng lo ngại về chuyện không thể kiêm nguyện và không thể không kiêm nguyện như tôi. Ngài

---

[170] Kiên Mật: Cao tăng đời Thanh, người huyện Khâm, Huy Châu. Xuất gia năm 28 tuổi, tham học rộng khắp các bậc tông tượng Thiền, Giáo. Đến khi gặp được đại sư Liên Trì, kính mộ vô cùng, thề suốt đời y chỉ hoằng truyền đạo thầy. Ngài tịch năm Khang Hy 17 (1678). Ba ngày trước khi đại sư vãng sanh, mùi hương lạ tràn ngập thất (theo Tịnh Độ Thánh Hiền Lục).

[171] Đại sư Ngọc Phong pháp húy Cổ Côn, người cuối đời Thanh, tự Ngọc Phong, hiệu Luyến Tây, người huyện Thượng Nhiêu, tỉnh Giang Tây, không rõ sanh vào năm nào, xuất gia năm mười tuổi tại chùa Phổ Ninh, thọ cụ túc giới tại chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai, nhân nghe tiếng chuông bèn đại ngộ. Về sau, sư trụ tại chùa Sùng Phước ở Hàng Châu, đọc bộ Di-đà Viên Trung Sao của đại sư U Khê Truyền Đăng bèn cảm ngộ, tự xưng mình là hậu duệ truyền pháp của ngài U Khê. Sư nghiêm trì giới luật, nhất tâm thệ nguyện cầu vãng sanh. Tự hạn định mỗi ngày trì danh sáu vạn biến, hai thời hồi hướng. Sư cực lực san khắc kinh luận Đại thừa và những sách đề cao Tịnh độ. Năm Quang Tự thứ mười lăm (1892), sư thị hiện có bệnh rồi nhập diệt. Trước tác gồm các bộ: Tịnh Độ Tùy Học (2 quyển), Tịnh Độ Tất Cầu, Liên Tông Tất Độc, Niệm Phật Yếu Ngữ, Niệm Phật Tứ Đại Yếu Quyết (bộ này được đưa vào Tục tạng kinh), Tịnh Độ Tự Cảnh Lục, Tịnh Độ Thần Châu, Tây Quy Hành Nghi, Vĩnh Minh Thiền Sư Niệm Phật Quyết, Niệm Phật Khai Tâm Tụng, Thượng Phẩm Tư Lương v.v..

Ngọc Phong có thí dụ dụng binh, kẻ mạt học độn căn chưa hiểu rõ rốt ráo, mong bậc cao hiền ắt có lời bàn luận xác đáng để làm bến bờ cho hàng hậu học."

* * *

Pháp môn Tịnh độ lấy ba pháp tín nguyện hạnh làm tông, như ba chân của cái đỉnh, khuyết một chẳng thể được. Các hạ đã dốc chí tu tịnh nghiệp thì một chữ tín ắt đã đảm đương trọn vẹn, rốt ráo không nghi. Đối với hai pháp nguyện và hạnh vẫn còn có chấp trước hai thứ đối đãi như thế, chẳng thể dung hội quán thông đến nỗi đối với pháp viên dung vô ngại, sanh khởi nhiều chướng ngại, để rồi ánh trăng viên mãn muôn hào quang chiếu khắp của ba vị đại sư Triệt Ngộ, Kiên Mật, Ngẫu Ích chỉ vì một sợi tơ nơi mắt mình bèn thành phân cách. Tiếc thay!

Nay tôi bảo người thật sự niệm Phật thì lúc niệm Phật ba thứ tín nguyện hạnh đều toàn thể đầy đủ như con nhớ mẹ, không hề có chuyện gián đoạn và cũng không có ý niệm hồ nghi chẳng tin và chẳng mong thấy mẹ. Ông nói đến chuyện "cùng vận dụng" hay "vận dụng riêng rẽ", cho rằng "hễ có nguyện thì nhất tâm chẳng thuần". Chúng vốn là một, sao lại trên đầu chồng thêm đầu rồi lo ngại "chẳng thể kiêm" và "chẳng thể không kiêm"? Xem những gì các hạ đã nói và lời bàn luận của vị tăng nọ quả thật là chưa thể thật sự theo đuổi [tịnh nghiệp], ấy chính là trước lúc chưa cất bước đã lo bàn cảnh tượng khi về đến nhà. Vì thế, đối với pháp ngôn đối trị phân biệt của cổ nhân nảy sanh đủ mọi phân biệt. Thử hỏi: "Ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm", nếu chẳng khẩn thiết có làm được như thế hay chăng? Không tín nguyện có làm được như vậy hay chăng? Lời của hai vị Triệt Ngộ và Kiên Mật tuy khác nhau, nhưng ý nghĩa thật sự hỗ trợ, hoàn thành lẫn nhau.

Ông nghĩ có chuyện "cùng vận dụng" và "vận dụng riêng rẽ" thì có thể nói là thiếu con mắt chọn lựa pháp. Còn lời ngài Ngẫu Ích nói chính là pháp dược cho hạng dựa dẫm Tông môn, niệm tự tánh Di-đà, sanh duy tâm Tịnh độ, và những kẻ chẳng y theo tông chỉ Tịnh độ để tu, chỉ lấy chuyện "niệm đến nhất tâm bất loạn" làm cùng cực rốt ráo. Sao lại dẫn chuyện ngoài cửa Tịnh tông để so sánh với chuyện chân tu tín nguyện đầy đủ đến nỗi đường lối bị lộn xộn. Đây là nói chung trên mặt lý.

Nếu luận riêng theo sự thì sớm tối lúc niệm Phật xong (pháp Thập Niệm buổi sáng thì cũng niệm Phật trước, phát nguyện sau) có thể dùng bài Tiểu Tịnh Độ Văn. Nếu thân tâm rảnh rang nên dùng bài Tân Định Tịnh Độ Văn của đại sư

Liên Trì để hồi hướng. Bài này ngôn từ lẫn nghĩa lý đều chu đáo, đứng đầu cổ kim. Nên biết: Phát nguyện đọc văn thì phải nương theo văn để phát nguyện, không phải cứ đọc văn hồi hướng một lượt là đã phát nguyện đâu nhé! Ngoại trừ sáng tối phát nguyện ra, trong hết thảy thời chỉ chí thành khẩn thiết niệm Phật là được rồi.

56. Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên

Nam Ngũ Đài Sơn, một ngàn ba trăm năm trước đây, Quán Thế Âm Bồ-tát hiện thân tỳ-kheo hàng phục rồng độc ở đó[172], đáng gọi là đạo tràng cổ. Nơi ấy cũng là chỗ bắt nguồn trung hưng Liên Tông của vị tổ Liên Tông thứ tám: đại sư Vân Thê Liên Trì. Thời Gia Tĩnh (1522-1566) nhà Minh, có lão hòa thượng Tánh Thiên Văn Lý ẩn cư trên động Vô Môn của núi này. Sau này, do ngài vân du đến Hàng Châu, trụ tại Tây Sơn Hoàng Long Am, đại sư Liên Trì ngưỡng mộ đạo phong của ngài, cùng với phu nhân họ Thang quy y dưới tòa. Không đầy hai, ba năm sau, lại theo ngài xuất gia. Nếu vị này không có đạo đức lỗi lạc, sao có thể khiến cho đại sư là một bậc quân tử bác học, văn chương lỗi lạc, chú trọng thực tiễn, đức hạnh sung mãn chịu khuất thân dưới tòa, thủy chung y chỉ làm đệ tử? Sau khi đại sư xuất gia, lão nhân lại quay về Quan Trung (Thiểm Tây). Đại sư chí hâm mộ tham học rộng khắp nên không thể theo hầu.

Đạo pháp ở Quan Trung sau thời Càn Long ngày càng suy vi, bậc hiền triết mất đi, sách vở truyện ký bị thất lạc, đến nỗi lời hay hạnh đẹp của lão nhân không được lưu truyền mãi mãi cho hậu thế, đáng cảm thán khôn cùng! Nhưng một vị tăng từ nơi khác lại có thể khiến cho ngài Liên Trì quy y xuất gia thì có thể hình dung ngài là người như thế nào. Chuyện này có thể đọc từ bài minh nơi tháp của đại sư Liên Trì trong bộ Vân Thê Pháp Vựng. [Bài kệ truyền dòng của] phái này là:

Tông phước pháp đức nghĩa,
Phổ Hiền hạnh nguyện thâm,
Văn-thù quảng đại trí,
Thành Đẳng chánh giác quả[173].

[172] Xin xem bài ký Quán Âm Bồ-tát Ứng Tích Tại Chùa Viên Quang thuộc Nam Ngũ Đài Sơn trong phần phụ lục của quyển 4.
[173] Theo sách Phật Tổ Tâm Đăng, đây là bài kệ truyền thừa pháp phái của ngài Khuê Phong Tông Mật thuộc tông Hiền Thủ đời Đường.

Đại sư thuộc hàng chữ thù, sau đổi thành chữ châu. Vào thời Hồng Vũ (1368-1398), có một vị cao tăng, vua Hồng Vũ (Minh Thái tổ) triệu kiến, rất sủng ái, đặc biệt dùng chén ngọc đựng sữa ban cho sư uống. Nhân đó, sư làm thơ tạ ơn, có câu:

Nhất trản quỳnh tương lai thù vực,
Cửu trùng ân đức tự thượng phương.

(Một chén quỳnh tương từ xứ lạ,
Phương trên ân đức chín tầng ban.)

Vua Hồng Vũ họ Châu[174] liền nghĩ: "Chữ thù chính là "ngạt châu"[175] (họ Châu xấu xa), sư có ý mắng ta", liền ra lệnh chém. Chém rồi, mới biết sư không có ý mạ lỵ vua, nhưng hối cũng không kịp. Đây là do sát nghiệp đời trước cảm thành, lúc nghiệp lực hiện không thể tự chủ được. Sát nghiệp khó tiêu như thế, chẳng kiêng dè ư? Trong các giới của Như Lai đều lấy sát giới làm đầu, lòng từ bi sâu xa rộng lớn đến cùng cực không gì hơn được nữa! Nhưng ngu phu điên đảo, mê hoặc không biết cảm ân, trái lại còn phỉ báng, tất nhiên từ kiếp này sang kiếp khác giết hại lẫn nhau, chẳng đáng buồn ư?

Đại sư Liên Trì do nguyên nhân ấy, bỏ bộ ngạt 歹 trong chữ thù 殊, thay bằng bộ y 衣, nên trở thành chữ châu 袾[176]. Thế gian không xem xét, thường viết sai chữ châu 袾 với bộ thị 示, không hiểu nghĩa chữ, tâm khí thô phù, nên mới sai như vậy, khiến cho cái đạo cẩn thận, tế nhị, dứt mầm họa, chánh danh thuận ngôn của đại sư bị mai một, tiếc thay!

Vô Môn Động chính là Tương Tử Động ngày nay, nhớ xưa kia còn có tên là Tương Tử Động, khi lão nhân (tức hòa thượng Tánh Thiên Văn Lý) ngụ ở đó bèn đổi tên là Vô Môn Động. Khi lão nhân mất đi, kẻ tăng người tục vô tri, không biết ý nghĩa chữ Vô Môn, coi chuyện Hàn Tương Tử[177] thành tiên mới là kỳ lạ

[174] Minh Thái Tổ tên là Chu Nguyên Chương.
[175] Chữ thù gồm chữ ngạt và chữ châu ghép lại.
[176] Pháp danh của đại sư vốn là Thù Hoằng, nhưng thay bộ ngạt bằng bộ y nên thành Châu Hoằng (trong âm Quan Thoại, hai chữ này có âm đọc gần giống nhau). Châu 袾 (bộ y) là màu đỏ sậm; còn chữ Châu 侏 (bộ thị) lại có nghĩa là nguyền rủa. Chữ châu thứ hai nghĩa không đẹp, trong tiếng Tàu âm đọc lại không giống với chữ thù lắm, nên tổ mới chê những người viết sai là tâm khí thô phù.
[177] Hàn Tương Tử là một trong bát tiên của Đạo giáo (những người kia như Lã Động Tân, Hà Tiên Cô, Lý Thiết Quải, Tào Quốc Cữu v.v.), là một nhân vật có thật thời Đường. Ông ta chính là cháu của văn hào Hàn Dũ. Sự tích ông tiên này được chép trong cuốn tiểu thuyết Đông Du Bát Tiên.

nên vẫn gọi động ấy là Tương Tử Động. Vì sao biết vậy? Nam Ngũ Đài Sơn không có động lớn để ở được, cũng không có cái động nào tên là Vô Môn cả. Chỉ có Tương Tử Động cao sâu rộng rãi, có thể ở được, lại còn khuất sau núi, dưới vách đá treo, lại rất gần dòng suối thánh, củi nước đều thuận tiện. Địa thế lại còn hướng về phía nam[178], đông ấm, hạ mát. Du khách, tiều phu đều chẳng đến đó, thật là chỗ tối thắng để tu tập. Từ thời Hàm Phong, Đồng Trị đến nay, binh lửa liên miên, vì thế đã lâu không có ai ở.

Đến đầu triều Quang Tự, các vị Pháp Nhẫn, Dã Khai v.v. chọn ngụ nơi này, đến nay trở thành đại lan-nhã. Đạo do người hoằng, đất do người mà linh, chẳng đáng tin ư? Gọi là Vô Môn vì Đại sĩ (Quán Thế Âm Bồ-tát) dùng đạo pháp Phổ Môn độ thoát chúng sanh, lão nhân bắt chước Đại sĩ nên gọi nơi mình ở là Vô Môn, cũng lấy Lăng-già Phật ngữ tâm làm tông, Vô Môn có nghĩa là pháp môn. Phải biết Vô Môn chính là Phổ Môn. Bởi lẽ pháp nào, chuyện nào nếu mê đều sẽ khởi hoặc tạo nghiệp, còn ngộ thì đều có thể đoạn hoặc chứng chân. Vì thế, hai mươi lăm vị thánh giả trong kinh Lăng-nghiêm đối với lục căn, lục trần, lục thức, thất đại mỗi mỗi đều chứng viên thông. Do vậy, không pháp nào không phải là diệu lý tam đế[179], mà cũng không pháp nào chẳng khế hợp bí tạng tam đức. Do tất cả đều là môn (cửa vào) nên không cần phải lập riêng một môn, vì thế gọi là Vô Môn.

Cư sĩ may mắn được ở núi này, rất có thể trước kia đã được pháp nhuận của vị sư này thấm đến, hãy nên đem ý này trình bày rõ cùng vị tăng chủ ngôi chùa tranh để ông ta biết rõ chuyện xưa của bậc cao nhân cũng như biết tên gọi chân chánh sâu xa là gì, chẳng nên gọi chốn ấy theo cái danh suông do ngoại đạo truyền lại đến nỗi cái tên chánh đáng trong nhà Phật bị mất đi.

Nhiếp Thân Nham đỉnh ngọn chót vót, chớn chở, vách núi cao vạn nhận[180], lên tận chót núi nhìn xuống, khôn ngăn run rẩy, sợ hãi, thân tâm run sợ, vọng tưởng tiêu diệt, chánh niệm tỏ ngời, chính là giống như ý câu kinh Lăng-nghiêm: "Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối." Do thân là tên gọi chung, sáu căn là chia ra từng hạng mục riêng, dùng chung để thâu tóm riêng, nên chỗ này chỉ gọi là Nhiếp Thân mà thôi. Sau này, triết nhân mất đi, sách vở truyện ký bị thất lạc, tản mác, vô tri tăng tục bèn gọi sai là Xả Thân. Sai lầm truyền mãi, không ai cải chánh,

[178] Nguyên văn "hướng dương", phía nam của núi gọi là dương.
[179] Tam đế: không, giả, trung.
[180] Nhận: Đơn vị đo chiều dài. Đời Chu tám thước là một nhận, tức khoảng 6.48 m.

phỉ báng danh sơn không gì bằng vậy! Nếu có Bồ-tát hiện thân khai sơn, lẽ đâu lại đem cái tên hại đạo lầm người để đặt cho ngọn núi ấy?

Lại có gã dân ma, tạo tác ma thuyết, nói Quán Âm xả thân ở đấy nên mới thành đạo quả để lừa dối ngu phu, ngu phụ. Những lời nói vô căn cứ như thế ở huyện Tề Đông[181] (thuộc tỉnh Sơn Đông) làm ô danh Đại sĩ, làm nhục pháp đạo, chuốc lấy điều tà báng của ngoại đạo, gợi lên những suy nghĩ quỷ quái nơi người ngu, mối hại thật chẳng cạn cợt. Chuyện này cũng giống như ở Phổ Đà, tảng đá Quán Âm Thiếu (Quán Âm dõi nhìn) bị hiểu sai thành Quán Âm Khiêu (Quán Âm nhảy)[182], cùng một loại ma kiến. Thật khiến cho người ta cảm thấy đáng than, đáng hận, đáng buồn, đáng thương xót!

Duyên khởi khai sơn của Nam Ngũ Đài Sơn xưa kia trọn không có căn cứ, năm Quang Tự thứ mười một (1885), Quang ở Đại Đảnh, đích thân hầu hương đèn cho Đại sĩ. Một ngày nọ xuống núi, đến chùa Tây ở Lưu Thôn (thuộc về hạ viện của Đại Đảnh), thấy vài tấm bia, những chuyện ghi chép trên ấy đều không phải là duyên khởi tối sơ. Trong số ấy có một tấm bia bị nước và chất bẩn phủ kín giống như một miếng đá. Quang lấy gạch cạo, thì ra là tấm bia dựng năm Chí Nguyên thứ bảy (1271) đời Nguyên tường thuật duyên khởi cổ nhất. Nếu Quang không cạo ra, biết đâu kẻ vô tri tăng tục chẳng dùng tấm bia ấy như một tấm đá thì sự tích linh thiêng cứu khổ chẳng thể nghĩ bàn của Đại sĩ vĩnh viễn bị mai một. Nay may mắn đã mất mà lại khôi phục được, nên tôi vì cư sĩ trình bày cặn kẽ, kính chép lại lời ghi trên bia để ông giữ xem (phần văn bia được chép vào phần phụ lục)

57. Thư hỏi thăm bệnh pháp sư Đế Nhàn

Hạ tuần tháng hai, nghe ngài từ Ôn Châu trở về, thân mắc bệnh ngặt, chân tay cử động khó khăn. Đương nhiên, Quang biết ngài bi tâm sâu nặng, muốn thị hiện ngõ hầu các đệ tử và hết thảy tứ chúng phải sớm nỗ lực tu hành, đừng đợi đến lúc con ma bệnh vào thân sẽ chẳng dễ gì thoát khỏi, dẫu trực tiếp dùng miệng nói còn e chẳng thân thiết, bèn hiện thân để nói. Có thể nói là đại từ bi sâu xa không chi hơn được nữa! Quang tự thẹn cả pháp lẫn tài đều khuyết, muốn bắt chước bày tỏ

[181] Tề Đông: Tương truyền, dân vùng này hay đồn nhảm nên những lời nói không căn cứ thường được gọi là "Tề Đông dã nhân chi ngữ".

[182] Cái sai này đến nay vẫn còn. Nay ở Phổ Đà vẫn còn tảng đá khắc rất to ba chữ Quán Âm Khiêu. Thậm chí người ta còn đặt ra truyền thuyết đại sĩ Quán Âm giành núi Phổ Đà với xà vương, và tảng đá Quán Âm Khiêu là do lúc Bồ-tát từ Cực Lạc trở về nhảy xuống in dấu chân trên tảng đá này.

tấm lòng ngu thành nhưng không có sức, nên chỉ hỏi qua những người như Căn Kỳ, Căn Nhiên, Căn Vân… Sau nghe Phật Hy nói ngài bệnh đã lành, nhưng chân không thể đi nhiều được. Tôi cứ nghĩ rằng: Đi thì vẫn đi được, nhưng khó đi ra ngoài mà thôi! Hôm qua, gặp mặt trụ trì Vạn Niên Tự là thầy Liễu Ngộ, hỏi thăm, thầy cho biết: "Ăn cơm, nói năng không khác gì người bình thường, chỉ có tay chân trọn chẳng thể cử động được, muốn ăn uống, tiêu tiểu, nhất nhất phải nhờ người khác châu toàn cho!"

Quang trộm nghĩ tình hình bệnh tật như thế làm sao hoằng pháp cho được, rất có thể khiến cho kẻ hiểu biết nông cạn nói Phật pháp không linh. Bởi lẽ một vị đại pháp sư giảng kinh nổi danh mấy mươi năm trong thiên hạ, thân mắc bệnh ngặt, cầu thầy uống thuốc cũng chẳng thấy lành. Những điều ông ta hay nói như "y giáo tu trì chuyển được định nghiệp và thuốc a-già-đà chữa được vạn bệnh" đều là dối người. Nếu không dối người, vị pháp sư ấy hãy nên y giáo chuyển định nghiệp, ông ta tôn sùng Tịnh độ sao không lấy danh hiệu Di-đà làm thuốc a-già-đà để uống đi? Lại lúc giảng giải phẩm Phổ Môn Quán Âm Viên Thông không biết bao nhiêu là đạo lý, nào là xưng danh cầu cứu Bồ-tát liền đến. Nếu đã như vậy, sao không buông xuống thân tâm, dốc hết tánh mạng chí tâm niệm Quán Âm Bồ-tát để cầu thân tâm đều được an ổn và được đại giải thoát, đạt được chân viên thông? Quang nghĩ người đời đa phần nghĩ như thế.

Nếu như ngài ngưỡng cầu Đại sĩ rủ lòng từ khiến cho quý thể được khôi phục, phước tuệ cao rạng thì những kẻ tri kiến nông cạn kia sẽ đoạn sạch hồ nghi, tăng trưởng chánh tín, đưa nhau ra khỏi đường tà, vào trong Phật đạo, ngõ hầu lợi khắp mình người không gì chẳng trọn vậy. Ấy quả thật là dùng lòng đại từ bi hiện thân thuyết pháp, lợi ích lớn lao thay! Theo cuốn Quán Âm Trì Nghiệm Ký của Chu Khắc Phục[183] có chép câu chuyện bệnh tật gần giống như bệnh của ngài, nhân phẩm kẻ ấy kém xa ngài một trời một vực, kẻ ấy còn được Bồ-tát gia bị khiến cho túc nghiệp nhanh chóng tiêu trừ, cố tật lành ngay. Huống chi ngài là người bậc nhất trong pháp môn trong hiện tại, pháp đạo hưng suy tùy thuộc vào sự tồn vong của một thân ngài. Nếu có thể đem những gì ngài thường ngày giảng cho người khác về phẩm Phổ Môn và toàn bộ tinh thần viên thông của Quán Âm để xưng niệm hồng danh, thường chẳng lìa tâm ấy, sẽ được tiêu túc nghiệp lại được an ổn, khiến những kẻ trước kia đã sanh lòng gièm báng, chê cười Phật pháp chẳng linh đều nương theo quy y tín phụng, chỉ sợ bị tụt hậu.

[183] Chu Khắc Phục là một vị cư sĩ đầu đời Thanh. Cuốn Quán Thế Âm Bồ-tát Kinh Chú Trì Nghiệm Ký được xếp vào Vạn Tục Tạng Kinh.

Năm Tân Tỵ (1641) niên hiệu Sùng Trinh nhà Minh, tại Đồ Huyện, Quan Vu, có một người bại liệt từ Sơn Đông đến, dùng tay thay chân, ăn xin ở chợ, thường bị người ta chán ghét. Kẻ liệt tuy bệnh nhưng tánh tình nóng nảy, bị chửi mắng liền bất bình, nghe nói ở am Đường Kiều có một vị tăng tu hành tên Thủy Cốc, bèn đến kể lể nỗi niềm khất thực gian nan, thầy Thủy Cốc nói: "Nếu ông có thể phát tâm xuất gia, nương theo đại lực từ bi thì có thể có người thí cho." Người liệt thuận theo, bèn xuống tóc, thọ trai giới, dẫu ăn xin nhưng không ăn mặn, dẫu bị nhục mạ vẫn yên lặng chịu đựng. Thầy Thủy Cốc lại dạy niệm danh hiệu Quán Thế Âm và trì chú Chuẩn Đề, thọ trì hơn hai năm, vào mùa thu năm Mậu Tý (1648), chợt mộng thấy một bà lão kêu: "Ngươi đứng lên, đứng lên!" Người liệt nói: "Tôi là người liệt, sao đứng lên được?" Bà lão dùng tay chỉ vào hai chân, cảm thấy chân thẳng ra không co quắp nữa, sáng ra liền khỏi bệnh liệt, nghiễm nhiên thành một ông tăng hiên ngang, lẫm liệt, lấy hiệu là Bán Nhai, liền có người cúng dường. Chuyện này trích từ sách Kỷ Cầu của ông Đường Nghi Chi[184].

Đại sĩ Quán Âm chuyên lấy việc tầm thanh cứu khổ làm sự nghiệp, từ xưa đến nay, người được cảm ứng lìa khổ não nào chỉ phải trăm ngàn vạn ức, những gì được chép trong truyện tích chỉ là đại lược thấy một hai kẻ trong ức vạn người mà thôi! Lẽ dĩ nhiên, Quang chẳng biết được ý ngài, cứ ước theo thiển kiến của mình mà luận thì: Để thật sự được an lạc, trọn không khổ não cũng nên cầu Bồ-tát cứu khổ, nêu gương cho đại chúng vậy!

58. Thư trả lời thầy Hoằng Nhất (thư thứ nhất)

Tọa hạ dũng mãnh, tinh tấn, làm được điều người khác khó thể làm. Lại muốn trích máu chép kinh, có thể nói là "trọng pháp, khinh thân, ắt thỏa được đại nguyện lớn lao!" Tuy vậy, Quang xin tọa hạ trước hết hãy chuyên chú tu niệm Phật tam-muội, đợi khi nào chứng đắc rồi mới hành pháp sự này. Nếu thoạt đầu đã làm ngay hạnh này thì e rằng máu thiếu, tinh thần kém, khó lòng xoay trở. Nhập đạo có nhiều cửa, chỉ do chí hướng của mỗi người, trọn không có một pháp nhất định. Cái nhất định là thành, là cung kính, hai sự này dẫu chư Phật tột cùng đời vị lai xuất thế cũng chẳng thể thay đổi được. Nhưng bọn phàm phu sát đất chúng ta muốn tiêu nghiệp lụy nhanh chóng, mau chứng Vô sanh lại chẳng dốc sức nơi hai chuyện này thì ví như cây không rễ lại muốn sum suê, chim không cánh lại muốn bay, há có được chăng?

[184] Đường Nghi Chi là một danh sĩ cuối thời Minh, đậu tiến sĩ trong niên hiệu Gia Tĩnh. Chu Khắc Phục lấy câu chuyện này từ sách Kỷ Cầu của ông Đường Nghi Chi.

Nay tôi sẽ đem những điều hay dở của cách thực hiện và lấy sự chứng nghiệm của tiền nhân để trình bày đại lược một hai điều, ngõ hầu ngài tùy ý tác pháp: Trích máu chép kinh có người chỉ dùng máu để chép, có người pha thêm vàng, thêm chất son, hay mực, chuyện pha vàng chúng ta không đủ sức làm. Đại sư Hám Sơn chép kinh được hoàng thái hậu cung cấp giấy và vàng. Chép bằng chữ vàng thì phải dùng giấy màu lam mới nổi chữ, giấy trắng không hiện rõ, dù là giấy lam chữ vàng vẫn không rõ bằng giấy trắng mực đen và chữ son, Quang từng đã thấy qua. Nếu trộn chung vàng, mực, son v.v. thì chỉ có chút máu để biểu lộ lòng chí thành.

Như ngài Hám Sơn ở am Diệu Đức, núi Ngũ Đài, rạch lưỡi lấy máu pha vàng chép kinh Hoa Nghiêm. Ngài Diệu Phong[185] mỗi ngày khứa lưỡi trích máu hai phần, một phần hòa son để chép kinh Hoa Nghiêm, một phần dành để soạn nghi thức Mông Sơn Thí Thực, thí cho quỷ thần. Thiền sư Nam Hồ Kỳ của Cao Ly thấy cuốn Di-đà Yếu Giải của ngài Ngẫu Ích muốn lưu thông rộng rãi, bèn khứa lưỡi lấy máu hòa mực chép Yếu Giải để làm bản mẫu khắc in, ngõ hầu sách này lưu thông trọn khắp pháp giới đến tận cùng đời vị lai. Cứ viết một chữ lại lạy ba lạy, nhiễu ba vòng, xưng mười hai tiếng Phật hiệu, có thể nói là thấy biết siêu quần, tu trì tinh chuyên vậy.

Ba vị này khứa lưỡi trích máu chẳng làm cách nào khác cả, máu trích ra bèn hòa ngay với vàng, son, mực để chép ngay; quyết chẳng phải là thuần dùng máu, mà là pha thêm nước vào. Nếu chuyên dùng máu để viết thì lúc trích máu phải để sẵn chén nhỏ để hứng, dùng kim dài tận lực khuấy để loại gân máu, ngõ hầu máu chẳng quánh ngọn bút mới hòng tùy ý biên chép. Nếu chẳng loại những sợi gân máu ra, bút sẽ bị những sợi gân máu bó cứng chẳng thể viết được. Xưa có người trích máu chép Hoa Nghiêm, gân máu ngày ngày tích lại, đem đắp thành tượng Phật, cao hơn một tấc.

Thêm nữa, tánh của máu là trong và nhạt, dính giấy liền lan ra, trọn không thành nét bút, mà thành một đốm máu. Giấy ấy trước hết phải dùng phèn trắng

[185] Diệu Phong: Cao tăng đời Minh, tên Phước Đăng, quê ở Bình Dương, Sơn Tây. Ngài sanh ra có hình dáng lạ lùng, môi hớt, răng vẩu, mũi hếch, hầu lộ. Năm bảy tuổi mồ côi phải đi chăn dê cho người khác. Năm 12 tuổi, xin xuất gia tại một ngôi chùa gần nhà, bị tăng chúng ngược đãi quá mức phải bỏ đi ăn xin ngoài chợ, đêm ngủ tại Văn Xương Các do Sơn Âm Vương dựng. Sư xin vị trụ trì chùa Vạn Cố là Lãng Công cho ở nhờ. Một ngày nọ, Sơn Bình Vương trông thấy, bảo Lãng Công: *"Đứa nhỏ này ngũ quan đều lộ, nhưng thần thí ngưng đọng, xương cứng, sau này sẽ thành bậc đại pháp khí, nên thâu làm đồ chúng."* Vương tu bổ Thê Nham lan nhã ở Điều sơn, dạy sư bế quan ở đó chuyên tu thiền quán. Về sau, sư trụ tại Thanh Lương thuộc Ngũ Đài.

xát lên mới có thể dùng được. Giấy bôi phèn xong không thấm, đỡ hao máu, trong những tiệm bán giấy lớn có bán loại này, không cần phải tự chế, loại giấy này dành cho người vẽ theo lối tỉ mỉ từng nét bút sử dụng. Giấy đã nhúng phèn đặc biệt dày nặng, lại còn để được lâu. Như giấy vàng đã nhuộm phèn bèn cứng chắc, giấy chưa nhuộm thì khô giòn. Cổ nhân trích máu từ lưỡi, hoặc ngón tay, hoặc cánh tay, hoặc trước ngực không nhất định. Nếu trích trên thân thì từ tim trở xuống trọn chẳng được dùng, nếu dùng sẽ mắc tội chẳng cạn! Không biết tọa hạ tính chép kinh gì, nếu là bộ kinh nhỏ thì máu nơi lưỡi cũng đủ dùng; nếu là bộ kinh lớn và dùng thuần máu để chép thì e rằng máu nơi lưỡi khó đủ, phải dùng máu nơi ngón tay và cánh tay mới hòng đủ được. Do lưỡi là chót ngọn của tim, nếu lấy máu quá nhiều sợ rằng tâm lực bị tổn thương, khó thể tấn tu.

Quang thấy những người trích máu chép kinh gần đây đúng là tạo nghiệp, trọn chẳng cung kính. Mỗi lần trích máu quá nhiều, nhằm tiết xuân, tiết thu, hai ba ngày sau bèn trở mùi, mùa hạ chỉ nửa ngày là hôi, cứ dùng để chép. Lại có kẻ còn đem máu phơi khô, mỗi lúc chép dùng nước hòa máu khô để viết. Lại còn chép nguệch ngoạc, chẳng cung kính mảy may, đúng là trò đùa trẻ nít, chẳng phải là dùng máu để biểu lộ chí thành, mà là dùng máu chép kinh hòng chuốc cái danh chân tâm tu hành. Tôi trộm nghĩ: máu nơi ngón tay, máu nơi lưỡi, mỗi lần chẳng được trích quá nhiều. Nếu ở cánh tay, mỗi lần trích máu có thể hứng chừng nửa chén. Còn như máu đã hôi vẫn dùng và máu phơi khô nghiền ra dùng thì chẳng bằng lúc ban đầu hòa máu với son làm thành thỏi, phơi khô để dùng, vừa không phí máu, lại chẳng bị máu hôi làm ô uế kinh, tiện lợi đôi bề! Nhưng thỏi son máu này không có chất keo, sợ lâu ngày son sẽ rã ra, lúc trộn nên trộn thêm bạch cập[186] để khỏi bị rã. Thêm nữa, nếu sắp trích máu thì trước đó mấy ngày nên bớt ăn muối và những thứ nêm nhiều gia vị, nếu không kiêng những thứ đó trước thì máu sẽ tanh tưởi; nếu kiêng những thứ ấy máu sẽ không có mùi tanh.

Vả nữa, chép kinh chẳng giống như viết bình[187] cốt sao diễn đạt được cái thần, viết bình không cần phải tề chỉnh, nắn nót. Nếu viết kinh hãy nên như chàng tiến sĩ viết bài văn sách, mỗi một nét bút chẳng được cẩu thả, viết tắt. Kiểu chữ dùng phải tuân theo thể loại chánh thức, nếu tọa hạ dùng kiểu chữ viết trát thì không thể được. Xưa nay, người ta đa số dùng lối *hành thư, thảo thư* để viết kinh, Quang

[186] Bạch cập (hyacinth bletilla): là một loại thảo mộc thuộc họ lan, có tên khoa học là bletilla striata, rễ nó thường được dùng làm chất cầm máu trong Đông y.
[187] Viết bình hay đề bình: Lối viết chữ đề trên bình phong, trên quạt hoặc trên những mảnh giấy dài rộng để phô diễn tài thư pháp.

trọn chẳng tán thành. Bởi lẽ, thầy Khoan Huệ ở Dương Châu phát tâm chép kinh Hoa Nghiêm, đã chép được hơn 60 quyển, nét bút luông tuồng, người biết đẹp xấu trọn chẳng muốn xem. Quang cực lực chê trách, bảo mỗi một nét bút, mỗi một vạch phải cung, phải kính, lại còn bảo thầy ấy viết bài ký trách lỗi để nêu lỗi mình hòng giãi bày cùng người đọc. Ông ta nhờ Quang viết giùm, nên tôi chép thêm vào trong cuốn Văn Sao dở tệ này. Muốn dùng cách chép kinh này để đoạn phiền hoặc, liễu sanh tử, độ chúng sanh, thành Phật đạo, há có nên biến thành trò đùa ư?

Trong thời đại này, người đàm huyền thuyết diệu không thiếu! Nếu từ đây mà kiểm điểm thì lại càng thưa thớt. Ông Vưu gởi thơ đến, lời lẽ khá khiêm cung, Quang phúc đáp xong, lại gởi thơ cảm tạ, có thể gọi là hạng có lòng tin sốt sắng; tuy thế còn mang tri kiến xã hội, chưa thể ở trong Phật pháp lắng lòng thật sự cầu được lợi ích. Vì sao thấy thế? Như nay có người đi đường, không biết đường phía trước, muốn hỏi người, còn phải chắp tay. Trong hai lá thư gởi đến, phần ký tên, ông Vưu chỉ viết là "hợp thập" (chắp mười ngón tay); vậy là pháp liễu sanh tử chỉ bằng với người đi đường hỏi đường thôi ư? Viết thư còn chưa thấy khuất mình, làm sao chịu tự khuất để lễ tăng cho được? Quang và tọa hạ là bạn tâm giao, mà cũng là bạn tâm giao của ông Vưu, không phải là trách ông ta ngạo mạn, mà chỉ là thật sự mong ông ta được lợi ích đó thôi!

59. Thư trả lời thầy Hoằng Nhất (thư thứ hai)

Nhận được thư, dạng chữ khéo, chỉnh, có thể y theo đó để chép kinh. Phàm chép kinh là muốn chuyển cái tâm thức phàm phu thành trí tuệ Như Lai, giống như chàng tân tiến sĩ vào trường thi trong đền vua, phải nghiêm cung, dè dặt, không giải đãi, coi thường chút nào. Làm được như thế ắt mới có thể biến cái tâm nghiệp thức thành Như Lai tạng, mới hòng đậu trạng nguyên trong trường thi tuyển Phật. Người hiện thời chép kinh, mặc tình ngoáy bút, không phải là chép kinh mà chỉ là nhờ vào việc này để luyện chữ, cũng như muốn lưu lại bút tích cho hậu thế mà thôi! Chép kinh như vậy không phải là hoàn toàn vô ích, bất quá chỉ thành cái nhân đắc độ trong vị lai, nhưng cái tội khinh nhờn cũng chẳng cạn nhỏ.

Tọa hạ gởi thư cho cư sĩ Vưu, mấy hôm trước ông ta cũng gởi thư đến, ông ta nghĩ Quang là hạng người chỉ muốn được người khác cung kính, nên vừa mở đầu thư đã xưng Quang là "sư tôn", không dùng bốn chữ "pháp sư Ấn Quang" nữa! Quang đã trình bày cặn kẽ duyên do. Đầu thư của tọa hạ cũng nên dùng hai chữ "Ấn Quang", chẳng nên quá khiêm hư kẻo trở thành khách sáo như thế tục. Như

cổ nhân nếu có người ngang hàng với mình dạy cho mình một lời đều làm lễ cảm tạ, ấy là lễ nghi thông thường bất luận tăng, tục. Nay lễ giáo sa sút, vì thế thường hay tập thành thói quen ngã mạn, tự đại. Dẫu học một tài, một nghề khéo mà không chịu ở dưới người khác còn là chuyện chẳng nên, huống chi học đạo vô thượng Bồ-đề! Đây chính là tấm lòng thành ngu muội dùng đá nơi núi khác làm ngọc cho chính mình của Quang. Chuyện trích máu chép kinh xin hãy thư thả, trước hết hãy lấy chuyện nhất tâm niệm Phật làm trọng, e rằng huyết hao thần suy, đâm ra thành chướng ngại, thân có an thì đạo mới tăng tấn. Trong địa vị phàm phu, chẳng được học đòi khổ hạnh của địa vị Pháp thân đại sĩ, như vậy mới có hiệu quả. Hễ được nhất tâm thì pháp nào cũng đều viên dung!

60. Thư trả lời cư sĩ Uông Mộng Tùng

Hôm qua nhận được thư, phô trọn nỗi lòng, tuy chưa gặp mặt đã thấu lòng nhau. Quang chỉ là một ông tăng dở tệ, chẳng có một mảy gì tốt đẹp, chẳng qua những gì tôi nói ra chỉ là dựa trên bổn phận của chính mình, chẳng dám nói chuyện lớn lao vượt quá sức mình, lừa mình, bịp người. Cư sĩ Úy Như do thấy ý kiến của tôi phù hợp với mình bèn đem [những thư từ của tôi] nhiều lần in ra lưu truyền, đến nỗi mùi thức ăn thừa cặn chua hôi nhức tai gai mắt khắp mọi người. Không ngờ các hạ chẳng cho đó là chua hôi đáng vứt bỏ, lại còn đề cao, khôn ngăn người ta thẹn thùng không biết ẩn vào đâu! Qua một lá thư này, biết được đức và lỗi của các hạ, chẳng nề hà Quang vô tri, cứ xin Quang nói cho một vài điều đại lược.

Chán ghét nhà Nho mượn kinh truyện thánh hiền để dối đời trộm danh, chán kẻ học Phật mượn cớ phổ độ chúng sanh để lừa gạt tiền tài. Ông mang ý chí mạnh mẽ chẳng ngơi ấy, ắt có thể chánh tâm thành ý, trở thành bậc chân Nho, đoạn hoặc chứng chân, thành người học Phật thật sự. Cái tâm chán ghét càng khẩn thiết thì cái tâm tu hành càng đắc lực, cái tâm tu hành càng đắc lực thì lợi ích chứng đắc càng lớn lao. Cái đức ấy quả thật có thể kế tục người xưa, mở đường cho hàng hậu lai. Nếu chỉ biết chán nhưng không chịu theo đuổi thì chỉ thành chí khí, tiết tháo của một kẻ ngay thẳng yếm thế ghét đời. Có thể nói là chẳng khéo dùng lòng ghét, đức trở thành lỗi vậy! Dường như các hạ một dạ ôm lòng chán ghét, nay hãy chuyển mình nơi lòng chán ghét ấy, hoàn toàn biến khuyết điểm thành đức thì với tâm pháp của Nho và Phật ắt sẽ nhân đó tự đạt được.

Dám vì các hạ tính sẵn: Muốn làm một Phật tử chân thật, trước hết phải thành một nhà Nho chân thật đã. Nếu chẳng đôn đốc, tu dưỡng nơi chánh tâm thành ý, khắc kỷ, giữ lễ, trọng lòng kính, giữ lòng thành, hiếu thuận với cha mẹ, yêu

thương anh em, bè bạn, cung kính v.v. thì căn cơ chẳng vững, làm sao học Phật cho được. Tuyển trung thần từ nơi hiếu tử, lẽ nào kẻ hành vi trái nghịch Nho đạo lại có thể gánh vác gia nghiệp của Như Lai, trên tiếp nối huệ mạng, dưới hóa độ chúng sanh ư? Phật pháp không gì to lớn chẳng bao hàm, không gì nhỏ nhặt chẳng nêu lên, thế gian hay xuất thế gian không pháp nào chẳng thuộc phạm vi Phật pháp. Những kẻ nông nổi trong đời thường cho xuất gia làm tăng là trái luân lý, đã chẳng suy nghĩ đến nơi đến chốn, trái lại còn hủy báng thêm, như kẻ mắc nghẹn bèn bỏ ăn, tự mất tánh mạng, thật đáng thương xót!

Nếu có thể mở rộng tầm mắt, mới hay Phật pháp lưu truyền khắp trong nước, ngoài nước, hai ngàn năm qua, đạo pháp thịnh hành, được không biết bao nhiêu vua thánh tôi hiền, bậc kiệt sĩ vĩ nhân hộ trì truyền bá, cố nhiên trong ấy phải có cái đạo chân thật mà phàm tình chẳng thể suy lường được. Dẫu có một hai nhà Nho nông cạn chê trách, hoặc vua bạo ác hủy diệt, rốt cuộc một tay không bịt nổi mặt trời, ngửa mặt nhổ lên trời càng lộ rõ cái lỗi thấy nghe kém ít, làm càn, làm bậy của chính họ, chứ rốt cuộc có tổn hại gì đến Phật đâu. Lại có kẻ bề ngoài ra vẻ chê trách, bác bỏ, nhưng bên trong lại thật sự tu chứng. Từ đời Tống trở đi, phàm những tay cự phách trong làng Nho không ai chẳng vậy. Như Quang nói "thành ý chánh tâm do vậy bị khiếm khuyết", quả thật là lời bàn luận quyết định vậy!

Các hạ túc căn sâu dày, nên từ trong lòng chán lại mong cầu được cái chân thật, chẳng nề hà cầu tìm cho được lối vào nơi Quang là hạng không ra gì. Nhưng cái học của Quang khác nào con muỗi uống nước biển cả, chỉ biết no bụng, chẳng suy lường nổi sự sâu rộng của biển. Nếu muốn làm bậc đại thông gia, phải từ đường lối chung học Phật mà luận. Khởi Tín Luận, kinh Lăng-nghiêm là thiết yếu nhất, nên chuyên chú dụng công nơi chúng để làm cái gốc tự lợi, lợi người, thượng cầu, hạ hóa. Nhưng đạo lý rộng sâu, chỉ hoàn toàn thông suốt đã chẳng dễ gì, huống gì là do thông suốt bèn tự chứng! Những kinh luận Đại thừa khác đều nên nghiên cứu, nhưng pháp môn vô lượng, ắt phải lấy hai pháp Thiền và Tịnh làm gốc. Như thế thì tự mình có thể hoằng dương pháp hóa, dẫn dắt lợi lạc chúng sanh. Nếu không phải là bậc thiên tư cao tột, thật khó thể đạt được lợi ích lớn lao.

Nếu muốn tùy phận, tùy sức tu trì, liễu sanh tử ngay trong đời này thì nên chuyên chú vào một môn Tịnh độ. Dùng lòng tin chân thành, nguyện khẩn thiết, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, bất luận công phu sâu hay cạn, không ai lúc lâm chung không được toại nguyện. Pháp này chính là do Như Lai vì chúng sanh đời mạt không đủ sức đoạn hoặc, chẳng thể liễu sanh tử bèn đặc biệt lập ra một pháp

quyết định liễu thoát vậy. Nếu Phật chẳng mở ra pháp này thì kẻ không sức đoạn hoặc đều chẳng có hy vọng gì liễu thoát sanh tử. May mắn sao gặp được pháp này, dẫu không phải là kẻ căn cơ lớn lao tự đoạn được hoặc vẫn mang nghiệp vãng sanh mau thoát sanh tử, nào còn thiếu sót, tiếc nuối gì? Một pháp này thống nhiếp hết thảy, người tự đoạn được hoặc, tự liễu sanh tử, còn nên hồi tâm hướng về mới mau chứng được địa vị Phật. Chớ bảo pháp này là pháp thiển cận dành cho hạng ngu phu, ngu phụ tu tập, sẽ tự đánh mất lợi ích. Hãy nên xem trong bộ Văn Sao của Quang cũng có trình bày đại lược một hai điều, nay không nhắc lại nữa.

Muốn niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì phải biết nhân hiểu quả, những gì thân làm, những gì tâm nghĩ phải hợp với Phật. Nếu trái nghịch Phật, dù có niệm Phật cũng khó vãng sanh, đó là vì đạo cảm ứng chẳng tương giao! Nếu có thể sanh lòng hổ thẹn, sợ hãi lớn lao, sửa lỗi như trừ ghẻ độc, lập chí như giữ bạch ngọc thì vạn người không sót một ai, ai nấy đều được vãng sanh. Ý này trong bộ Văn Sao của Quang và các sách Tịnh độ đều đã trình bày cặn kẽ nên chẳng cần phải nhiều lời.

61. Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Siêu

Nhận được thư, biết tấm lòng mộ đạo của cư sĩ cực kỳ khẩn thiết, an ủi khôn cùng! Nhưng do phải giảo định An Sĩ Toàn Thư và bận rộn nhiều việc, chẳng rảnh phúc đáp, nên mới lần chần đến bây giờ. Tâm tham sân si ai nấy đều có, nếu biết đấy là bệnh thì thế lực của chúng khó thể lừng lẫy. Ví như kẻ giặc vào nhà người ta, nếu chủ nhân coi nó là người nhà thì toàn bộ những thứ quý báu trong nhà đều bị nó lấy trộm hết sạch; nếu biết nó là giặc, chẳng cho nó lưu lại trong nhà mình một khắc, phải đuổi nó đi xa cho khuất mắt, ngõ hầu của cải chẳng bị mất mát, chủ nhân mới yên dạ. Cổ đức nói: "Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ biết chậm." Tham sân si vừa khởi nhận biết liền thì ngay lúc ấy chúng sẽ bị tiêu diệt, nếu coi tham sân si là chủ nhân chánh thức của nhà mình thì cũng như nhận giặc làm con, của cải quý báu trong nhà ắt phải tiêu tán.

Lúc niệm Phật chẳng thể khẩn thiết là vì không biết Sa-bà là khổ, Cực Lạc là vui vậy. Nếu nghĩ đến thân người khó được, khó sanh vào chính giữa đất nước, Phật pháp khó gặp gỡ, pháp môn Tịnh độ lại càng khó gặp gỡ. Nếu không nhất tâm niệm Phật, một khi hơi thở không hít vào được, chắc chắn sẽ theo ác nghiệp nặng nề nhất trong đời này hay đời trước đọa trong tam đồ ác đạo, chịu khổ bao kiếp dài lâu, trọn không có ngày thoát ra. Như vậy chính là "nghĩ địa ngục khổ,

phát tâm Bồ-đề", tâm Bồ-đề là tâm địa lợi mình, lợi người, tâm ấy vừa phát ra giống đồ vật nhiễm điện, như thuốc pha thêm lưu huỳnh, sức chúng rất lớn, lại rất mau chóng. Điều này tiêu nghiệp chướng, tăng phước tuệ; không phước đức, thiện căn bình thường nào có thể sánh ví cho được. Bị cảnh giới xoay chuyển là do sức tu dưỡng (tháo trì) còn cạn nên hỷ - nộ còn bị động, xấu - tốt hiện ra mặt, "tháo trì" có nghĩa là hàm dưỡng vậy. Nếu coi trọng chánh niệm thì hết thảy những thứ khác đều thành nhẹ. Vì vậy, người thật sự tu hành phải dồi mài trong trần lao, ắt phải làm cho phiền não tập khí dần dần tiêu diệt thì mới là công phu thực tại.

Người tại gia không ở trong chúng, mỗi người niệm Phật, ngồi, đứng, đi nhiễu, quỳ đều được cả, nhưng chẳng nên chấp cứng một pháp. Nếu chấp chặt một pháp sẽ dễ bị nhọc nhằn, nhưng tâm khó được tương ứng, hãy nên châm chước tùy theo sức lực và công phu của mình để chọn hạnh thích hợp. Nếu hành theo cách thông thường thì trước hết nên đi nhiễu, rồi ngồi, rồi quỳ, đi nhiễu hay quỳ cảm thấy nhọc nhằn thì hãy nên ngồi niệm. Nếu ngồi niệm mà thấy hôn trầm thì hãy nên nhiễu niệm, hoặc đứng niệm, hết hôn trầm lại ngồi niệm. Nên dựa theo giờ, chẳng nên lần chuỗi, vì lần chuỗi sẽ khó dưỡng tâm.

An Sĩ Toàn Thư quả thật là hướng dẫn tốt lành tối thắng trong đời mạt, cư sĩ Vưu Tích Âm cực lực muốn cho sách này được lưu truyền toàn quốc, ngõ hầu mọi người đều mở rộng tầm mắt, nhờ đấy vãn hồi thế đạo nhân tâm, ngừng dứt thiên tai nhân họa. Nay đã quyên được hơn một vạn bộ, nhưng vẫn còn khó thể rộng lưu truyền. Nay gởi một bản thông cáo và một trang biện pháp, mong các hạ đọc xong, tùy phần tùy sức giúp đỡ, tùy duyên, tùy cơ khuyên lơn. Không đủ sức bỏ tiền của thì dùng lời lẽ khen ngợi khiến người ta phát tâm, cũng là công đức! Cốt sao bọn mê muội nghe tiếng chuông ban mai tỉnh giấc mộng, lũ tham ái thấy nhân quả lòng run sợ, nếu chuyển được lòng người thiên tai sẽ tự tiêu. Đây thuộc về cái đạo "nguồn trong, gốc chánh", tuy là pháp thiển cận thuộc thế đế, nhưng đạt được phương tiện tối thắng của pháp xuất thế sâu xa không thể suy lường. Với những ai tri giao hãy nên khuyến phát; với người không tin chớ có khuyên ép, bởi điều này thuộc về kết thiện duyên, nếu miễn cưỡng bèn xen tạp phiền não, dẫu có công lao nhỏ nhoi, nhưng quả thật là lỗi lầm lớn, chưa thể đạt được lợi ích lớn lao, trở ngại cái tâm tự lợi, lợi tha.

62. Thư trả lời ông Ly Ẩn Tẩu

Ngày hôm qua từ chỗ đạo nhân Hải Thi ở Gia Hưng chuyển thư các hạ tới, biết ngài dốc sức nơi Đạo học (tu tiên) đã lâu, có sở đắc sâu xa, nay lại muốn hỏi đến ngọn ngành pháp môn Tịnh độ thành thỉ thành chung trong Phật pháp, có thể nói là đời trước từng gieo thiện căn sâu dày nơi Phật pháp, không chấp vào kiến giải hẹp hòi của Hà Bá[188], muốn biết những điều trọng yếu nơi biển pháp vậy. Ngài đã biết đạo nhân Hải Thi[189], sao không hỏi ông ta, lại bỏ bậc cao minh tìm người hèn tệ, đến nỗi phụ lòng mong mỏi. Ông Hải Thi thông suốt cả Tông lẫn Giáo, Thiền Tịnh song tu, quả thật là thuyền đại nguyện trong biển sanh tử; nhưng do khiêm tốn quá mức nên lấy tên là Thi (xác chết). Nếu trong biển sanh tử gặp được cái xác ấy bảo đảm mau lên được bờ kia, về nhà ngồi yên vậy. Còn Quang là một ông tăng tầm thường chỉ biết đến cơm cháo, trong pháp môn chẳng biết được chuyện gì. Ngài đã lầm hỏi đến nên chẳng ngại vì ngài trừ bớt đôi chút nghi nan mà thôi.

Trộm nghĩ cội nguồn Thích, Đạo vốn không hai, nhưng nhánh nhóc, chi phái quả thật khác xa một trời, một vực. Phật giáo dạy người trước hết phải tu quán tứ niệm xứ: quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Đã biết thân, thọ, tâm, pháp đều là huyễn vọng, khổ, không, vô thường, vô ngã, bất tịnh thì diệu tánh chân như tự có thể hiển lộ. Đạo giáo nguyên sơ chánh truyền cũng chẳng coi trọng việc "luyện đan, vận khí, chỉ cầu trường sanh bất tử"; hậu thế hễ tu theo Đạo giáo không một ai chẳng coi chuyện đó là chánh tông. Phật

---

[188] Hà Bá: Họ Mã, tên Di, còn có tên khác là Băng Di. Do qua sông chết đuối nên được Thượng đế phong làm thần sông. Thiên Thu Thủy của sách Trang tử có câu: *"Hà Bá vui sướng vô ngần, cho mọi vẻ đẹp trong thiên hạ đều thuộc về mình."* Do vậy mới có thành ngữ *"Hà Bá chi câu kiến"* (sự thấy biết câu nệ, hẹp hòi của Hà Bá). Ở đây, tổ dùng điển tích này với ý nghĩa khiêm nhường, cho cái thấy biết của mình cũng như sự thấy biết của Hà Bá, không thể sánh với sự hiểu biết rộng rãi như biển cả của đạo nhân Hải Thi.

[189] Đạo nhân Hải Thi chính là cư sĩ Phạm Cổ Nông (1881-1951), một nhà nghiên cứu Phật giáo cận đại. Ông có hiệu là Huyễn Am, biệt hiệu là Ký Đông, thường dùng bút danh là đạo nhân Hải Thi, quê ở Gia Hưng tỉnh Chiết Giang. Thoạt đầu, ông đã không thích con đường cử nghiệp, không hâm mộ Phật pháp. Sau giao du với các ông Quế Bá Hoa, Lê Đoan Phủ, bèn chịu ảnh hưởng. Sau ông đọc được bộ Viên Giác Kinh Đại Sớ, tâm vô cùng khâm phục, tự theo đuổi chương trình học Phật do ông Dương Nhân Sơn đề ra, lãnh hội sâu sắc. Năm 1911, nhân nghe giảng kinh A-di-đà, nghiên cứu Đại Thừa Khởi Tín Luận, ông tin tưởng sâu xa pháp môn Tịnh độ. Năm 1918, quy y, thọ cụ túc giới với đại sư Đế Nhàn, lại thông hiểu giáo nghĩa Thiên Thai. Về sau, ông chuyên giảng kinh hoằng pháp tại Thượng Hải, Hàng Châu, Giang Tô, Dương Châu v.v.. Ông cũng thông hiểu sâu xa Duy Thức Tông, thường nói: *"Học lý cao sâu không gì bằng Thành Duy Thức Luận, phương pháp hành trì không gì hơn được Du-già Sư Địa Luận."* Ông cũng xuất bản các báo Phật Học Bán Nguyệt San, biên tập bộ Phật Học Tiểu Tùng Thư, Phật Học Bách Khoa Tùng Thư, Hải Triều Âm Văn Khố, cũng như chủ trì việc ấn tống Đại tạng kinh theo bản đời Tống.

giáo không gì lớn lao chẳng bao gồm, không gì nhỏ nhặt chẳng nêu lên, chẳng những phát huy trọn vẹn cái đạo thân tâm tánh mạng không còn sót, mà ngay cả những sự nhỏ nhặt thuộc thế đế như *hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ* v.v. không bỏ sót mảy may điều thiện nào. Chỉ có những chuyện luyện đan, vận khí v.v. là tuyệt đối không nhắc đến một chữ, lại còn ngăn cấm nghiêm nhặt. Bởi lẽ một đằng biết thân tâm là huyễn vọng, một đằng lại khư khư thân tâm là chân thật. Cái tâm vừa nói đó chính là cái tâm sanh diệt tùy duyên, không phải là chân tâm vốn có. Một pháp luyện đan không phải là vô ích, nhưng chỉ có thể kéo dài tuổi thọ, tột bậc là thành tiên sanh lên trời. Nếu bảo là liễu sanh thoát tử khác gì lời nói trong mộng!

Các hạ đã biết kiếp tiên có số, Phật thọ vô lượng, thì ngay trong lúc cao niên này đúng là lúc nên tu pháp môn niệm Phật, chuyên tinh dốc sức, còn các pháp Thiền, Giáo khác hãy nên giản lược. Bởi lẽ các pháp ấy rộng lớn sâu xa, chẳng dễ nghiên cứu đến cùng tột. Dẫu cho đạt đến chỗ cùng cực, vẫn phải nên quy hướng, đề cao pháp môn Tịnh độ mới hòng rốt ráo thành tựu được. Phàm với kinh luận Tịnh độ hãy nên gấp gáp nghiên cứu đến cùng, y giáo phụng hành, chẳng nên vì mình không hiểu bèn sanh chút niệm nghi tâm. Ngửa tin lời thành thật của Phật, tổ, sanh lòng tin phát nguyện trì danh hiệu Phật, sẽ tự được Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Hễ được vãng sanh sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, hầu cận Di-đà dài lâu, theo gót hải chúng, rồi sẽ chứng ngộ triệt để Vô sanh, mau đạt lên Bổ xứ. Nhìn lại những chuyện thành tiên bị Thiên đế cai quản, cách xa một trời, một vực!

Những lời các hạ dẫn từ Mộng Đông Ngữ Lục và lời ông Bành Thiệu Thăng tựa hồ đều đã bị bọn luyện đan sao chép sửa đổi xằng bậy, không phải là những lời trích từ tác phẩm gốc. Bởi lẽ, trong số những người luyện đan cũng có kẻ coi tịnh tọa là tham thiền nên nói "niệm Phật và tham thiền giống nhau, hơi khác một chút với pháp Đạo giáo". Câu "hơi khác một chút với pháp Đạo giáo" là do bọn luyện đan thêm vào. Bỏ câu ấy ra, những đoạn văn trước và sau đó tuy ý nghĩa không sai lầm lớn, nhưng cũng lủng củng, mập mờ. Mộng Đông Ngữ Lục trọn chẳng có đoạn văn ấy. Bọn họ sao lục lấy ý nghĩa ấy, nhưng quả thật chẳng hiểu duyên do, nhưng vẫn cứ sao lục. Nay tôi cũng không cần phải biện luận cặn kẽ, mong ngài hãy lắng lòng xem Mộng Đông Ngữ Lục ắt sẽ tự biết.

Còn như lời cư sĩ Bành Nhị Lâm đã được trích dẫn cũng giống như trên, sai lạc quá mức! Như nói: "A-di-đà Phật bốn chữ dễ niệm, chỉ cần niệm niệm tiếp nối nhất tâm bất loạn thì nhất khí mới có thể tuần hoàn, tinh - khí - thần ngưng tụ

một chỗ, lâu ngày sẽ thành xá-lợi tử, lại lâu hơn nữa bèn kết thành bồ-đề châu, bèn thành Phật.” Lời này biến pháp niệm Phật thành pháp luyện đan, tuyệt đối Nhị Lâm chẳng nói như vậy! Chánh nhãn chưa mở, kéo chánh thành tà, chuyện như vậy nhiều lắm. Huệ Mạng Kinh, Tiên Phật Hiệp Tông[190], những thứ như vậy càng tệ hơn nữa: Dẫn lời người nhưng chẳng hiểu ý nghĩa, sửa đổi, cắt xén xằng bậy để chứng minh pháp của mình. Cái tội miệt thị lý, vu báng người, dối đời lầm người chẳng thể dùng lời lẽ, bút mực kể hết được. Tham cầu hư danh nhất thời, chẳng sợ họa thật sự bao kiếp dài lâu, Như Lai gọi người như vậy là “kẻ đáng thương xót”.

Còn cái pháp hồi quang phản chiếu như ông nói đó dẫu không gây trở ngại lớn, hai mắt nhìn vào đầu ngón tay chính là “nhìn vào chót mũi” bị ngoa truyền. Có thể cách này do cư sĩ Nhị Lâm lập ra, tuy cũng có ích, nhưng chắp tay một lúc lâu thật rất tốn sức, chẳng an lạc tự tại bằng nhìn xuống ánh sáng trắng nơi chót mũi, thân lẫn tâm đều thảnh thơi. Do sơ tâm tập định, niệm khó thể quy nhất, nếu có thể thường quán chót mũi thì tâm sẽ chẳng vọng động rong ruổi bên ngoài, cách này thuộc về pháp quán thiển cận ban đầu. Mộng Đông Ngữ Lục do cư sĩ Tiền Y Am trích lấy những câu nói chuyên dạy về Tịnh độ từ Mộng Đông Di Tập đem lưu truyền ở phương Nam để thỏa lòng những ai mong đợi đã lâu nhưng không có duyên hội ngộ. Toàn tập ở Bắc Kinh thì có, nhưng phương Nam chỉ có lược bản của Tiền Y Am. Cuốn sách này từ ngữ, nghĩa lý tinh diệu, là trước tác bậc nhất sau thời các vị Ngẫu Ích, Tỉnh Am. Nếu có thể thấu triệt cuốn sách này, tin tưởng chắc chắn không nghi, Quang dám bảo đám búp sen của các hạ sẽ nở tươi trong ao quý, lâm chung gởi thân nơi đó, làm khách quý nơi Tịnh độ.

Di-đà Yếu Giải là bản chú giải mầu nhiệm từ khi có kinh này đến nay, quả thật là chỉ nam cho người tu tịnh nghiệp, cuốn này được chép làm quyển đầu trong bộ Tịnh Độ Thập Yếu. Tịnh Độ Thập Yếu là do đại sư trích lấy những trước thuật Tịnh độ khế lý khế cơ nhất hợp thành bộ này, tổng cộng gồm mười quyển, nên gọi là Thập Yếu. Do Yếu Giải chú thích kinh nên được xếp đầu tiên để tỏ ý tôn trọng kinh.

Như nói đến xá-lợi thì đó là tiếng Phạn, Hán dịch là thân cốt (xương nơi thân), hoặc linh cốt (xương thiêng), do giới - định - tuệ của người tu đạt được, chứ không phải do luyện tinh - khí - thần hợp thành. Đây chỉ là biểu thị tâm hợp với đạo, tâm

[190] Huệ Mạng Kinh là tác phẩm của Liễu Hoa Dương, Tiên Phật Hiệp Tông Ngữ Lục là tác phẩm của Ngũ Thủ Dương. Hai người này trộm lấy rất nhiều ý nghĩa trong kinh Phật, diễn giải xuyên tạc để chứng minh cách tu tiên luyện đan của họ.

hợp với Phật, chẳng phải riêng gì chết rồi đem thiêu, thịt, xương, tóc trên thân biến thành xá-lợi. Xưa có vị cao tăng tắm gội bèn được xá-lợi; lại còn thiền sư Tuyết Nham Khâm[191] cạo đầu, tóc rớt xuống biến thành một chuỗi xá-lợi; lại có người chí tâm niệm Phật, trong miệng có xá-lợi; lại có người khắc bản Long Thư Tịnh Độ Văn, từ trong ván in hiện ra xá-lợi; lại có người thêu hình Phật, thêu kinh, kim đâm xuống bèn được xá-lợi; lại có người chết đem thiêu xá-lợi vô số, môn nhân ai nấy đều có. Có một người đi xa chưa về, lúc về, cúng tế trước tượng, cảm khái đau buồn, bèn được xá-lợi ngay trước tượng. Ngày thiêu hóa thiền sư Trường Khánh Nhàn trời nổi cơn gió lớn, khói bay xa ba bốn mươi dặm, chỗ nào khói lan tới đều có xá-lợi, nhặt gom lại được hơn bốn thạch[192].

Nên biết xá-lợi do đạo lực tạo thành, kẻ luyện đan không biết căn do, đoán bừa là do tinh - khí - thần luyện thành, vì những kẻ luyện đan thấy danh tướng trong nhà Phật, chẳng xét đến nguồn gốc chỉ chấp vào hình tích. Vì thế, đem những chuyện thuộc lãnh vực luyện đan của mình ghép bừa vào. Đắc Bồ-đề đạo là thành Phật, chứ chưa hề nghe nói luyện tinh - khí - thần trước hết thành xá-lợi tử, sau đó thành bồ-đề châu là thành Phật! Kẻ luyện đan khư khư gìn giữ sắc thân, cho là giữ đến mức cùng cực sẽ thành Phật. Lấy đó làm chứng, người mắt sáng trông thấy chẳng bõ một trận cười. Nhà luyện đan nói đến tánh, nói đến mạng đều là những điều biện luận dựa trên sắc thân, lại nói ngược Phật pháp chỉ biết tu tánh, không biết tu mạng, không biết những điều họ đang theo đuổi đều là những điều bị Phật giáo phá trừ. Quán tứ niệm xứ sẽ tự biết rõ.

Huệ Mạng Kinh là do gã ma dân Liễu Hoa Dương soạn vào đầu đời Thanh. Gã xuất gia làm tăng, nhưng chủng tánh tà vạy, vì thế gã dùng những điều trích dẫn kinh Phật nhất nhất được hiểu theo ý nghĩ sai lầm của chính gã để chứng minh pháp luyện đan. Chỗ nào bất tiện bèn sửa đổi câu chữ, lại còn tự chú thích, ý mong người khác coi mình là cao nhân bậc nhất từ xưa tới nay. Những kẻ vô tri vô thức bèn khắc in, truyền dạy riêng cho nhau, chỉ sợ người mắt sáng biết đến thì họa ương chẳng nhỏ. Phàm ai xem những loại sách ấy đều là hạng tà chánh chẳng phân. Nếu người có đủ mắt xem đến sẽ quăng ngay vào lửa mạnh, để khỏi

[191] Thiền sư Tuyết Nham Khâm là một vị cao tăng thuộc tông Tào Động. Sư từng nói: "Sơn tăng xuất gia lúc năm tuổi, được hầu Thượng Nhân, nghe ngài trò chuyện cùng khách, liền biết có sự này, liền tin tưởng đến nơi, bèn học tọa thiền… Nếu luận về sự thực hành thì phải vận dụng công phu, như người đi đường, đi được một hai dặm chỉ nói được những gì thuộc một hai dặm. Đi được ngàn dặm, vạn dặm mới nói những lời ngàn dặm, vạn dặm."

[192] Thạch: Đơn vị đo dung tích thời xưa. Mỗi thạch là mười đấu, tức một trăm thăng (ta thường gọi là thưng). Ngoài ra, thạch còn là đơn vị đo trọng lượng, mỗi thạch bằng 120 cân Tàu (gần bằng 120 pounds).

làm hại chánh nhãn của thiên hạ hậu thế. Sách Tiên Phật Hiệp Tông vu báng Phật pháp so với Huệ Mạng Kinh còn tệ hơn nữa. Phàm muốn luyện đan thì lấy ngôn luận của chính các nhà luyện đan để đề xướng, hướng dẫn thì được, sao lại biến chánh thành tà, bày kế bịt tai trộm linh[193]? Dẫn lời người nhưng chẳng dựa theo nghĩa của người, đã mộ cái danh nhưng lại ghét cái thật, há chẳng mất trí thành cuồng, cầu thăng hóa đọa ư? Những chuyện này vốn chẳng đáng nhắc đến, sao lại còn bày tỏ cặn kẽ? Chỉ vì các hạ chưa biết cội nguồn của đây và kia (tức Phật và Đạo giáo) tuy đồng, nhưng những gì phát sanh từ bên kia, bên đây lại khác. Nếu chẳng phân biện, vẫn cho phép luyện đan là đủ[194], chẳng thể như Trang Phục Chân[195] bỏ ngay đạo kia, chọn lấy pháp này; há Quang chẳng nên biện luận kỹ hay sao? Thật sợ rằng nếu chỉ nói hàm hồ sẽ khiến cho các hạ đối với cả hai môn đều chẳng được lợi ích.

Quán Thế Âm Bồ-tát trong kiếp xa xưa, thành Phật đã lâu, hiệu là Chánh Pháp Minh, nhưng do tâm từ bi thiết tha nên tuy an trụ trong cõi Thường tịch quang lại thùy tích trong ba cõi Thật báo, Phương tiện, Đồng cư. Tuy thường hiện thân Phật, nhưng lại còn hiện đủ mọi thân Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn và thân trong sáu đường trời người lục đạo, tuy thường hầu Di-đà, nhưng lại hiện sắc thân trong khắp mười phương vô tận pháp giới, có thể nói là "chỉ có lợi ích, không ai không ngưỡng mộ, sùng kính". Nên dùng thân nào để độ bèn hiện thân ấy để thuyết pháp. Núi Phổ Đà là chỗ Bồ-tát ứng tích, muốn cho chúng sanh có chỗ gởi tấm lòng

---

[193] Yểm nhĩ đạo linh: Bịt tai để khỏi nghe tiếng linh kêu, hòng ăn trộm cái linh đó. Ý nói làm chuyện ngây ngô, rồ dại, tự mình dối mình.

[194] Nguyên văn *"dĩ luyện đan vi phụ quách điền"* (coi pháp luyện đan là khoảnh ruộng gần bờ thành): "Phụ quách điền" là một điển tích xuất phát từ Tô Tần Liệt Truyện trong sách Sử Ký. Tô Tần nói: *"Nếu ta có được hai khoảnh ruộng gần thành Lạc Dương, ta há còn có thể mong đeo ấn sáu nước nữa ư?"* Đời sau thường dùng chữ "Phụ Quách Điền" để chỉ được chút ít đã thỏa mãn, không còn mong mỏi tiến lên nữa.

[195] Trang Phục Chân là một danh sĩ thời Minh tên là Quảng Hoàn, người xứ Đồng Hương, tỉnh Chiết Giang. Lúc nhỏ học Nho, năm bốn mươi chán ngán sự đời bèn học thuật Dưỡng Sinh của đạo sĩ, lâu ngày thành bệnh, bèn tậu một miếng vườn nhỏ, trồng hoa cỏ, sắp xếp sơn thủy tự vui. Một bữa thấy hoa nở rồi tàn, ngộ thân vô thường, liền hủy khu vườn ấy, bế quan tọa thiền, tụng kinh Kim Cang. Về sau, qua chơi Hàng Châu, cùng người khác bàn về đạo Phật. Người ấy nói: "Ông học Phật, ai là thầy ông?" Đáp: "Chưa có ai!" Người kia lại hỏi: "Chưa đọc cuốn Phục Khí của Liễu Tử Hậu phải không? Sách ấy nói ở Vân Thê có thiền sư Liên Trì đó!" Ông bèn đến yết kiến ngài Liên Trì. Đại sư dạy niệm Phật, bèn thọ ngũ giới. Trở về nhà lập thường khóa mỗi ngày niệm năm vạn câu danh hiệu Phật, chưa đầy nửa năm, tâm địa rỗng rang. Năm ông 80 tuổi lại đến thọ Bồ-tát giới với đại sư Liên Trì. Do thương xót người trong làng không biết chánh pháp, thường sùng tín tà thuyết bèn soạn bộ Tịnh Độ Tư Lương Tập để khuyến hóa họ.

thành nên bèn thị hiện tại núi này, nào phải Bồ-tát chỉ ở Phổ Đà, không ở nơi khác!

Một vầng trăng vằng vặc giữa trời, vạn con sông đều hiện bóng, dẫu nước nhỏ như một chước[196], một giọt thảy đều hiện trọn vẹn bóng trăng. Nếu nước vừa đục vừa xao động, bóng trăng chẳng thể phân minh. Tâm chúng sanh như nước, nếu nhất tâm chuyên niệm Bồ-tát thì Bồ-tát liền ngay trong lúc niệm ấy bèn khiến cho được lợi ích hiển hiện hoặc thầm kín; nếu tâm không chí thành, không chuyên nhất, ắt khó được cứu hộ. Nghĩa này rất sâu, hãy xem trong Ấn Quang Văn Sao bài tựa Thạch Ấn Phổ Đà Sơn Chí sẽ tự biết. Ngài có tên là Quán Thế Âm, là vì lúc tu nhân Bồ-tát do quán tánh nghe chứng được viên thông, lúc đắc quả do quán sát âm thanh xưng danh của chúng sanh để ban bố sự cứu hộ nên có tên là Quán Thế Âm.

Phổ Môn là đạo Bồ-tát lớn lao không ngằn, tùy thuận khắp mọi căn tánh của chúng sanh, khiến cho ai nấy đều theo đường về nhà, chẳng lập riêng một môn. Như trong đời có ngàn căn bệnh nên thuốc có vạn phẩm, chẳng chấp nhất định một pháp nào, tùy theo con người mê chỗ nào và chỗ nào người ấy dễ ngộ, liền chỉ điểm cho. Như nơi sáu căn, sáu trần, sáu thức, bảy đại, mỗi mỗi đều có thể chứng viên thông. Do vậy, pháp gì, chuyện gì cũng đều là cửa để thoát sanh tử thành Chánh giác, nên gọi là Phổ Môn. Nếu Bồ-tát chỉ ở tại Nam Hải thì chẳng đáng gọi là Phổ vậy! Đối với sự lý chẳng thể nghĩ bàn của Phật, Bồ-tát, các hạ đã chẳng dốc lòng suy xét, vì thế đối với những sự thiển cận này đều mê muội không rõ.

Những điều vừa nói chính là vì các hạ hỏi nên mới bàn, chứ quả thật chưa phải là chuyện để các hạ rốt ráo được lợi ích nơi pháp môn Tịnh độ vậy. Nếu muốn trình bày cặn kẽ, quá tốn bút mực, xin hãy đọc kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Triệt Ngộ Ngữ Lục. Xem rồi sẽ tự biết phải tu như thế nào, chứng như thế nào. Vả nữa, cư sĩ Từ Úy Như gom góp những thư từ trao đổi của Ấn Quang hai lần đem in ở kinh đô, đặt tên là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, hai bản, đã gởi đi hết. Mùa xuân năm nay lại nhờ Thương Vụ Ấn Thư Quán tái bản và giữ lại bản lưu; nhưng nhà

[196] Chước: Đơn vị đo lường dung tích rất nhỏ, có thuyết nói khoảng chừng 1centilitre (cl). Sách Tôn Tử Toán Kinh chỉ mô tả như sau: *"Mười toát là một sao, mười sao là một chước, mười chước là một hợp, mười hợp là một thăng…"* Nếu hiểu thăng tương ứng 1 lít hiện thời thì một chước bằng một centilittre. Nhưng thăng biến đổi theo các triều đại nên cũng khó thể nói nhất định một chước là bao nhiêu.

in nói chi nhánh các nơi của họ sẽ phân phối giùm, đến nay còn chưa ra sách, có lẽ vào cuối năm sang đầu xuân sẽ in xong, mong hãy thỉnh về đọc. Tuy không phát huy lớn lao, nhưng hơi có chút lợi ích nhỏ nhoi cho kẻ sơ cơ. Vì thế, Từ Úy Như mới đem in nhiều lần, ngõ hầu được lưu truyền rộng rãi. Xem đến thì giới hạn giữa Thiền và Tịnh sẽ phân minh, lợi ích lớn nhỏ giữa tự lực và Phật lực rõ ràng như xem ngọn lửa. Chẳng đến nỗi tự mình muốn liễu sanh tử nhưng không biết đường nẻo, trong hết thảy pháp, thấy pháp nào cũng viên diệu nhưng chẳng đến nỗi theo đuổi pháp không thích hợp vậy!

63. Thư trả lời cư sĩ Vưu Hoằng Như

Các hạ túc căn sâu dày, tâm mộ đạo tha thiết, lại là bạn thân thiết với đại sư Hoằng Nhất, nay muốn buộc Quang làm pháp khế[197] trong hội Liên Trì, khôn ngăn vui sướng, nhưng do nhân duyên phơi kinh nên chẳng rảnh rỗi để trả lời ngay, thiếu sót quá! Quang tuổi nhỏ thiếu học vấn, đến già không biết gì. Hai ba năm gần đây, thường có những người lầm nghe lời người khác, hỏi đến, chỉ đem những gì mình biết được, mình làm được ra đáp. Còn như những nghĩa lý tinh vi trong Phật pháp, thật chứng nơi thiền định, Quang không biết được, cũng chẳng dám không biết coi như biết, vọng động bàn luận. Sư Hoằng Nhất bác học đa văn, còn Quang hèn kém, nhưng giữ tấm lòng khá chân thật, chuyện tu hành đương nhiên y theo bổn phận của kẻ kém hèn, nên chu toàn cho nhau, quả thật chẳng dám chạm mặt. Nay sư phát tâm bế quan, cự tuyệt hết thảy, ắt sẽ tự chứng niệm Phật tam-muội hòng giúp hết thảy kẻ hữu duyên, khôn ngăn mong mỏi. Người đời nay nghiên cứu Phật pháp, đa số muốn thành một bậc đại thông gia, mong đối trước hết thảy đại chúng thanh đàm cao luận, khiến cho người khác nể phục, ít ai vì liễu sanh tử mà chuyên học Phật pháp. Nếu các hạ muốn thành một người bậc nhất thì tri kiến của Quang trọn chẳng thể đưa lại lợi ích kém cỏi nào, hãy nên cầu học với bậc đại thông gia trong giới tăng tục đương thời mới hòng chẳng uổng lòng kỳ vọng. Còn nếu muốn trong cõi tục tu chân, dùng quang âm hữu hạn để kiêm lo liệu chuyện đời, lại mong ngay trong đời này nhất định liễu sanh tử thì Quang chẳng ngại đem những gì mình nghe được từ cổ nhân thuật lại cùng các hạ.

Ngài Mộng Đông nói: *"Thật vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật."* Mười sáu chữ này là đại cương tông của pháp môn niệm Phật. Đoạn khai thị này tinh vi, khẩn thiết đến cùng cực, hãy nên đọc kỹ. Mộng

[197] Pháp khế: bạn đạo

Đông Ngữ Lục từ ngữ lẫn lý lẽ đều chu đáo, là kim chỉ nam cho Tịnh tông. Nếu muốn tìm cầu cao hơn thì có bộ Di-đà Yếu Giải của lão nhân gia Ngẫu Ích, quả thật là người hướng dẫn tốt lành thiên cổ độc nhất vô nhị. Nếu có thể chết lòng nương theo hai bộ sách ấy thì chẳng cần phải nghiên cứu hết thảy kinh luận, chỉ thường xem đọc ba kinh Tịnh độ và Thập Yếu, ngửa tin lời thành thật của Phật, tổ, sanh lòng tin chân thật, phát nguyện khẩn thiết, dùng lòng chí thành cung kính trì danh hiệu Phật. Dẫu ở trong nhà tối phòng kín vẫn như đối trước Phật, trời, khắc kỷ, giữ lễ, cẩn thận, kiêng dè, giữ lòng thành, chẳng học đòi những phường thông nhân trong thế gian gần đây trọn chẳng câu thúc, phóng túng không kiêng dè. Quang tuy là sanh tử phàm phu, dám bảo đảm các hạ trong đời này sẽ từ tạ Sa-bà, cao dự hải hội, đích thân làm đệ tử Phật Di-đà, làm bạn lành của Đại sĩ. Nhưng đối với pháp Tịnh độ, nếu chẳng chết sạch cái lòng mong ngóng ngấm nghé[198], quyết chí tu trì, trọng lòng kính, giữ lòng thành, khắc kỷ, giữ lễ, lại toan đem lễ không chấp trước để làm lá bùa khéo léo che đậy thói coi thường, tán loạn, buông lung mà hòng được lợi ích thì Quang do hiểu biết kém tệ chẳng thể nào hiểu được chuyện ấy. Những điều khác trong bộ Văn Sao dở tệ của Quang đã trình bày rõ. Do vậy không cần đọc nhiều, xem kinh thì chỉ có cung kính mới được lợi ích; nếu không cung kính, dẫu có được lợi ích thì chẳng qua cũng chỉ là hiểu ý nghĩa theo mặt chữ, chứ nghiệp tiêu trí rạng, triệt ngộ tự tâm, trọn chẳng thể cầu may như thế. Huống chi cái lỗi khinh nhờn càng không thể nói được. Đấy là căn bệnh chung của cả thế gian, chỉ đành đau đớn khóc lóc thở dài mà thôi!

64. Thư trả lời cư sĩ Thích Trí Châu (thư thứ nhất)

Đã ở Hàng Châu hãy nên lắng lòng tu đạo, cần gì phải chờ đến kỳ hội dâng hương lại đến Phổ Đà? Đại sĩ không cõi nào chẳng hiện thân, có chỗ nào lễ bái, cúng dường chẳng tốt? Nếu nói vì cốt ý để gặp Quang thì cũng không cần phải đến. Bộ Văn Sao được in lần này có hơn chín mươi thiên, những thứ tầm thường đầy ắp trong bụng Quang đã lôi hết ra cả rồi, há còn có bí quyết "miệng truyền tâm nhận" nào để truyền riêng cho ông nữa ư? Quang học thức nông cạn, không phát huy điều gì lớn lao, nhưng nếu có thể hành theo đó, quyết định sẽ có ích

[198] Nguyên văn: Thâu tâm (có nghĩa là cái tâm trộm cắp). Đây là dụng ngữ nhà Thiền, chỉ cái tâm hướng ngoại phân biệt, khởi tâm mong ngóng, luôn đứng núi này trông núi nọ. Hòa Thượng Tịnh Không giảng "thâu tâm" là cái tâm không kiên định tu một pháp môn nào, nay chạy theo pháp này, mai chạy theo pháp khác, luôn nghĩ cách tu tắt, cầu may, chẳng hạn nghe nói trì chú này có công hiệu bèn trì chú đó, được vài bữa, thấy nghe nói chú khác có công hiệu lớn lao bèn bỏ chú này trì chú khác. Nay học pháp thiền này, mai đi nghe giảng lại bỏ theo cách thiền khác, suốt đời học tạp nham, không chuyên tu được một pháp nào.

không bị tổn hại, quyết định liễu sanh tử trong đời này, hầu cận Di-đà sau khi mất. Chỉ e rằng ông coi đó là hèn kém thì nó trở thành hèn kém vậy! Ví như đối với tượng Phật được làm bằng vàng, gỗ, đất nặn, hay sơn vẽ mà kính trọng như đức Phật thật thì bèn có thể thành Phật; coi những tượng ấy chỉ là vàng, gỗ, đất nặn, sơn vẽ thì chúng chỉ là vàng, gỗ, đất nặn, sơn vẽ mà thôi. Nhưng khinh nhờn vàng, gỗ, đất, sơn vẽ thì không bị tội khiên gì; nếu khinh nhờn tượng Phật bằng vàng, gỗ, đất, sơn vẽ thì tội lỗi sẽ ngập trời.

Người khéo được lợi ích thì đối với mọi chuyện, không chuyện gì không được lợi ích: quạ kêu, sẻ hót, nước chảy, gió động, không gì chẳng chỉ bày thiên chân[199] con người vốn sẵn có (Thiền tông gọi là "ý của tổ sư từ trời Tây sang"), huống gì bộ Văn Sao của Quang, văn tuy vụng về, chất phác; nhưng những điều được viết trong đó bất quá đều là tùy ý tùy cơ lấy những lời đã nói của Phật, tổ biến thành những lời nói thông dụng mà thôi, nào phải Quang tự bịa ra ư? Quang chỉ truyền dịch lại để người sơ cơ dễ hiểu đó thôi! Dẫu là sơ cơ nhưng nếu thực hiện đến cùng cực thì cũng chẳng thể bỏ những điều này để tu điều gì khác, bởi một pháp Tịnh độ là pháp thông trên thấu dưới, chẳng giống như pháp Tiểu thừa không thích hợp cho người Đại thừa tu tập.

65. Thư trả lời cư sĩ Thích Trí Châu (thư thứ hai)

Thầy Quang Thuận đến đây cầm theo thư của ông và hạt sen Hạ Bố đưa cho Quang, thuật những chuyện như ông đã trụ tại am thầy ấy v.v.. Trộm nghĩ ông đã không dư dật, sao còn phải bắt chước thói người thế gian làm cái trò đem đào bù mận? Ông và tôi quen biết nhau qua tình đạo, hãy nên trực tiếp hành xử theo đạo. Những gì đã gởi đến sẽ dùng để làm phước, cảm ơn lắm. Lệnh nghiêm, lệnh nhạc mẫu[200] đã sanh lòng tin tưởng, hãy nên đem lợi ích của Tịnh độ khuyên chỉ, khiến cho tín tâm của họ từ nhỏ nhặt trở thành rõ ràng. Nếu như tín nguyện chân thiết, quyết định được sanh về Tịnh độ, đấy là hiếu vậy, cái hiếu thế gian há sánh bằng được ư? Ông còn chưa hiểu rành rẽ cách tu Tịnh độ, hãy nên lấy việc xem đọc, nghiên cứu Tịnh độ làm chánh, nửa ngày học giải, nửa ngày học hành, ngõ hầu rõ thấu đầu đuôi, trọn không nghi hoặc mới được.

---

[199] Thiên chân: Chân lý tồn tại tự nhiên không cần phải tạo tác. Sách Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoằng Quyết, quyển 1 giảng: "Lý không tạo tác, nên gọi là thiên chân."

[200] Lệnh nghiêm: Tiếng gọi tỏ ý tôn trọng cha người khác. Nhạc mẫu: mẹ vợ hoặc mẹ chồng. Ở đây là mẹ vợ.

Lăng-nghiêm Chánh Mạch[201] hãy khoan tính đến, dẫu có đích thân thấy được Như Lai tạng diệu chân như tánh cũng chẳng thể liễu sanh tử được ngay. Thấy tánh là ngộ, chưa phải là chứng; chứng rồi mới liễu sanh tử được. Nếu chỉ ngộ chưa chứng, dẫu chỗ ngộ cao sâu, mà nếu hai thứ kiến hoặc và tư hoặc chẳng thể nhanh chóng đoạn được ngay thì chuyện luân hồi trong ba cõi quyết chẳng thể do đâu mà thoát lìa được. Nếu chẳng thông hiểu Lăng-nghiêm, nhưng tu pháp môn Tịnh độ, ngửa tin lời Phật quyết định không nghi, tin chân thật, nguyện khẩn thiết, do tu thật hạnh sẽ quyết định được vãng sanh, làm người trong thế giới Cực Lạc. Huống chi hiện tại cõi nước nguy ngập, vẫn toan trong lúc nguy hiểm, tinh thần hữu hạn làm những pháp vụ không cần gấp, mong được cái tiếng đại thông gia để thỏa thể diện, đến nỗi chuyện chuyên tu của chính mình rốt cục trở thành lan man ư? Nếu đã tin chắc, biết sâu xa pháp môn Tịnh độ thì có nghiên cứu kinh Lăng-nghiêm và các kinh luận cũng chẳng ngại gì.

Trước kia, ông đã xin Quang khai thị, Quang gởi bộ Văn Sao cho, nhưng ông vẫn không thể xem trọn mỗi điều, đương nhiên Quang biết ông không biết đâu là chuyện thong thả, đâu là chuyện gấp gáp, cứ lan man bắt chước người thời nay nghiên cứu kinh Phật chỉ mong thành một bậc đại thông gia đó thôi! Bộ Văn Sao của Quang văn tự tuy kém cỏi, vẫn có thể chỉ cho người khác đường lối tu trì. Xưa kia luật sư Đại Trí[202] thông hiểu sâu xa giáo pháp của tông Thiên Thai, nghiêm tịnh tỳ-ni (giới luật), hạnh nguyện tinh thuần, chí lực rộng lớn, chỉ đối với Tịnh độ chẳng sanh tin tưởng. Về sau, do bệnh nặng mới biết lỗi trước, từ đó trở đi hơn 20 năm tay chẳng rời kinh, chuyên nghiên cứu Tịnh độ, mới biết pháp này lợi ích siêu việt thù thắng, bèn dám đối trước mọi người xứng tánh phát huy trọn chẳng sợ hãi. Dẫu là đứa trẻ lên ba cũng có thể niệm Phật, ông còn chưa nhận biết rõ ràng đường lối pháp môn này, lại chẳng bị thời hạn giảng giải kinh điển bức bách như vị giảng sư muốn chống đỡ môn đình, cần gì phải nghiên cứu kinh Lăng-nghiêm trước, chẳng coi chuyện biết đường về nhà là cấp bách? Những lời Quang đã nói bất quá nhằm ngăn chặn chuyện sai để khỏi phụ lòng gởi thư đến, chứ nào phải là đã thật sự hiển thị ý nghĩa trọng yếu của kinh Lăng-nghiêm. Đức

[201] Lăng-nghiêm Chánh Mạch là tác phẩm chú giải kinh Lăng-nghiêm của đại sư Giao Quang đời Minh.

[202] Luật sư Đại Trí (1048-1116) là ngài Thích Nguyên Chiếu, tự là Trạm Nhiên, hiệu An Nhẫn Tử, người xứ Dư Hàng, tỉnh Chiết Giang. Ngài xuất gia từ nhỏ, thọ cụ túc giới năm 18 tuổi, theo học giáo nghĩa Thiên Thai với ngài Thần Ngộ Xử Khiêm, nhưng rất hâm mộ tỳ-ni. Về sau, sư thọ Bồ-tát giới với ngài Quảng Từ, nối tiếp Nam Sơn Luật Tông. Trong thời Nguyên Phong nhà Tống, sư trụ trì chùa Chiêu Khánh, hoằng truyền giới luật. Về già trụ trì chùa Linh Chi, nên thường được gọi là tôn giả Linh Chi. Khi ngài mất, được tôn thụy hiệu là luật sư Đại Trí.

Như Lai muốn cho hết thảy chúng sanh theo đường về nhà, vì thế bảo 25 vị thánh trình bày túc nhân của chính mình để chúng sanh đời mạt bất luận căn cơ thượng, trung, hạ, đều dùng pháp môn niệm Phật của ngài Thế Chí tự lợi lợi tha, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm nối tiếp, quay lại niệm nơi tự tánh, tánh thành vô thượng đạo. Đây chính là điều cư sĩ nên dốc sức, còn chuyện "chỉ tâm, biện định cái thấy, phá ấm, siêu trược", hãy đợi đến khi niệm đến mức tâm - Phật bất nhị, tâm lẫn Phật cùng mất, tự chứng niệm Phật tam-muội rồi hãy tính, giống như đức Thế Tôn cầm cành hoa giơ lên, Ca-diếp mỉm cười vậy. Nếu không, vào biển đếm cát đầu choáng váng, tâm mê muội, kể chuyện ăn, đếm của báu, chẳng đỡ đói rét. Người biết tốt xấu quyết chẳng coi thường lời tôi.

66. Thư trả lời cư sĩ Thích Trí Châu (thư thứ ba)

Ý Quang muốn cho các hạ ở yên nơi nhà mình, tu chân ngay trong cõi tục, trên có thể cảm phát bậc trưởng thượng phát sanh lòng tin trong sạch, dưới có thể dắt dìu vợ con đồng thấm ơn Phật. Nếu ông cứ muốn sống nhờ ở chùa người ta thì cũng được. Đối với chuyện nghe kinh không cần phải đến chùa Linh Ẩn[203], bởi lẽ pháp sư Huệ Minh thường bỏ bớt, nêu đại lược ý nghĩa kinh văn, chuyên chú trọng dẫn chứng những công án nhà Thiền; có lẽ ích lợi cho bậc đại đạt, chứ kẻ sơ cơ sẽ bị hoang mang, không biết về đâu. Đối với người thông minh đôi chút rất có thể bị xen lạm hỗn độn giữa Tông và Giáo, lỗi ấy quả thật chẳng nhỏ cạn. Mười nguyện Phổ Hiền, một hạnh Văn-thù[204], nếu có thể tinh tu dẫu chẳng quán thông hết thảy kinh luận vẫn có thể thoát nhanh khỏi lồng rọ phiền não, cao dự hải hội. Nếu đối với pháp cậy vào Phật từ lực này lòng tin không chân thật, không dựa chắc vào, dù có thông Tông, thông Giáo cũng chỉ là tam-muội ngoài cửa

[203] Chùa Linh Ẩn nằm ở núi Linh Ẩn tại Tây Hồ, Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang. Năm Hàm Hòa nguyên niên (326) nhà Đông Tấn, sa-môn Ấn Độ Huệ Lý đến nơi này, thấy ngọn Phi Lai, khen ngợi: "Ngọn núi nhỏ của Linh Thứu không biết bay đến đây từ năm nào? Hồi Phật còn tại thế, nhiều vị tiên linh ẩn cư nơi này." Bèn lập chùa sau núi, đặt tên là Linh Ẩn, gọi tên ngọn núi đó là Phi Lai. Năm Cảnh Đức thứ tư đời Tống (1007), đổi tên là Cảnh Đức Linh Ẩn Thiền Tự. Đến năm cuối niên hiệu Kiến Viêm, chùa bị hủy hoại trong loạn lạc, trong năm Thiệu Hưng mới được tái lập. Năm Chí Chánh thứ 19 (1359) đời Nguyên, chùa lại bị phá hủy, rồi được tái lập trong niên hiệu Hồng Vũ đời Minh, đổi thành tên hiện đại là Linh Ẩn. Trong niên hiệu Khang Hy, chùa được sắc tứ là Vân Lâm Thiền Tự, nhưng dân gian vẫn gọi theo tên cũ.

[204] Văn-thù nhất hạnh: Tức nhất hạnh tam-muội được dạy trong kinh Văn-thù Bát-nhã: "Thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn hành nhất hạnh tam-muội, nên vào chỗ vắng vẻ, bỏ các loạn ý, chẳng chấp vào hình tướng, dốc lòng chuyên xưng niệm danh hiệu một đức Phật. Tùy theo đức Phật ở phương nào bèn hướng thẳng về đó. Nếu có thể đối với một đức Phật niệm niệm liên tục, thì ở ngay trong ấy sẽ thấy được quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật. Vì sao? Niệm một đức Phật công đức vô lượng vô biên, cùng một công đức với niệm vô lượng chư Phật không hai. Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn vô phân biệt."

miệng. Muốn dùng tam-muội ngoài miệng ấy để liễu sanh tử thì đúng là như muốn dùng bánh vẽ để khỏi đói, ắt đến nỗi cùng đường hối hận sâu xa, chẳng được lợi ích mảy may. Đời, đạo hiện thời chẳng biết tương lai sẽ như thế nào, còn toan dùng quang âm sắp hết để làm chuyện không gấp rút nữa ư?

Tuy trước kia, Quang có ý nguyện tu sửa bộ Sơn Chí[205], nhưng nếu không được Đại sĩ thầm gia hộ khiến cho mục lực được sáng quyết chẳng thể theo đuổi được. Nếu mục lực có thừa, ở đâu mà chẳng soạn tập được, cần gì phải muốn sang Hàng Châu ở nhờ chỗ người ta. Mong hãy chuyên tâm niệm Phật, đấy mới là quyến thuộc thật sự trong pháp môn, chớ đừng đến núi này khiến cho đôi bên đều bị khốn khó. Còn chuyện ông muốn xuất gia hãy nên lễ thỉnh bậc tri thức cao minh khác, trọn chớ vì Quang ngăn ngại mà bèn chẳng lễ các vị thầy khác, đến nỗi mất lợi ích lớn lao. Pháp sư Đế (ngài Đế Nhàn) ở chùa Quán Tông, Ninh Ba, bệnh chưa lành, cũng không cần phải qua đó nghe kinh. Cổ nhân nói: "Thật ít hơn dối nhiều, khéo quá chẳng bằng vụng, nói được một trượng không bằng làm được một tấc." Người thật lòng vì mình phải suy nghĩ những câu ấy.

67. Thư trả lời cư sĩ Phạm Cổ Nông (thư thứ nhất)

Một pháp Tịnh độ lấy ba pháp tín nguyện hạnh làm tông, chỉ khi nào có đủ lòng tin chân thành, nguyện khẩn thiết thì mới dốc sức thực hành. Khi họa hại bức bách khẩn thiết mới thành khẩn, còn lúc nhàn nhã vô sự bèn hoãn đãi, đấy là bệnh chung của phàm phu. Nhưng trong lúc này, tình hình đời đạo như đang nằm yên trên đống củi, phía dưới đã bốc lửa mạnh chưa đốt đến thân, nhưng nháy mắt bèn cháy bùng toàn thể, khắp pháp giới không trốn tránh vào đâu được, thế mà vẫn còn hờ hững, coi thường để ngày tháng trôi qua, chẳng thể chuyên chí cầu cứu nơi một câu Phật hiệu thì cái tri kiến ấy nông cạn quá sức vậy!

Tu trì trong các tông của Phật pháp ắt phải đạt đến chỗ hạnh khởi giải tuyệt mới có ích lợi thật sự, chứ chẳng riêng gì tu quán trong Tịnh tông là phải như vậy. Nhà Thiền lấy một câu thoại đầu không có ý nghĩa gì đặt vào trong tâm, coi như bổn mạng nguyên thần, chẳng kể ngày giờ thường luôn tham cứu câu ấy. Đến khi nào thân tâm, thế giới thảy đều chẳng biết, mới có thể đại triệt đại ngộ, chẳng phải là hạnh khởi giải tuyệt hay sao? Lục tổ nói: "Chỉ xem kinh Kim Cang liền có thể minh tâm kiến tánh", chẳng phải là hạnh khởi giải tuyệt hay sao? Ngu tôi cho rằng: một chữ *khởi* nên hiểu nghĩa là cực, chỉ có ra sức đến cùng cực thì mới đạt đến năng lẫn sở cùng mất, nhất tâm hiển lộ triệt để. Hạnh nếu chưa cùng cực,

[205] Tức bộ Phổ Đà Sơn Chí, tức bộ sách ghi chép lịch sử truyền thừa của núi Phổ Đà.

dẫu có quán niệm vẫn là có năng, có sở. Toàn là phàm tình dụng sự, toàn là tri kiến phân biệt, toàn là tri giải, sao có thể đạt được lợi ích chân thật? Chỉ dùng sức đến cùng cực thì tình kiến năng sở mới tiêu diệt, chân tâm vốn có mới hiển hiện. Vì thế, xưa kia có người đầu như gỗ khô[206], về sau đạo phong của vị ấy chói lọi cổ kim. Lợi ích đều chỉ ở một chữ cực mà thôi!

Người đời nay đa phần bàn suông, chẳng trọng thực tiễn, khuyên tu tịnh nghiệp hãy nên nêu cả lý lẫn sự, nhưng cần nhất là phải lấy sự làm phương cách tu trì, vì sao? Vì đối với người hiểu rõ lý thì toàn sự chính là lý, suốt ngày sự trì chính là suốt ngày lý trì. Nếu chưa hiểu trọn vẹn lý - sự, vừa nghe đến lý trì liền cảm thấy nghĩa này thâm diệu, lại còn hợp với cái tánh lười nhác, biếng trễ, sợ trì niệm nhọc nhằn của mình, bèn chấp lý phế sự. Đã phế sự thì lý cũng chỉ thành bàn suông. Mong các hạ đem cái lý "toàn sự chính là lý" của bậc viên ngộ khuyên hết thảy mọi người thì lợi ích lớn lao lắm!

68. Thư trả lời cư sĩ Phạm Cổ Nông (thư thứ hai)

Trung ấm[207] là thức thần, không phải là thức thần biến thành trung ấm, thế tục thường gọi là "linh hồn" vậy. Như nói trung ấm cứ bảy ngày lại sống chết một lần, bốn mươi chín ngày bèn đầu thai v.v. chớ nên câu nệ, chấp trước. Nói đến sự sống chết của trung ấm chính là nói đến những tướng sanh diệt được hiện trong cái tâm vô minh của trung ấm; chẳng thể ngờ nghệch đem những tướng sanh tử của người đời để luận. Trung ấm thọ sanh nếu nhanh thì như trong khoảng khảy ngón tay, liền vào trong tam đồ lục đạo; chậm thì bốn mươi chín ngày hoặc hơn bốn mươi chín ngày v.v..

Kẻ mới chết có thể cho người quen biết trông thấy trong ban ngày, ban tối, hoặc tiếp xúc cùng người khác, hoặc nói năng, chuyện này không phải chỉ trung ấm mới như vậy. Dẫu đã thọ sanh trong đường lành, nẻo ác, cũng vẫn có thể hiện hình trước người quen biết, thân thiết. Tuy điều này do ý niệm của chính người đó biến hiện, nhưng thực ra do những vị thần kỳ chủ trì quyền tạo hóa làm ra, ngõ hầu tỏ rõ con người chết đi thần minh bất diệt và quả báo thiện ác chẳng dối vậy.

---

[206] Nguyên văn: Mộc đầu nhân, là một thành ngữ chỉ những người ngu độn, ương bướng.

[207] Còn gọi là *trung hữu*, là khoảng tồn tại trung gian sau khi đã chết, trước khi thọ sanh. Câu Xá tông cho nhất định là có trung ấm, Thành Thật tông bác quan điểm này. Còn Đại thừa cho rằng trung ấm có hay không chẳng nhất định: Người cực thiện hay cực ác sẽ không có thân trung ấm vì sanh thẳng vào thân sau. Còn những người khác sẽ có thân trung ấm. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương giảng: "Khi mạng báo đã hết, thì gọi là vô hữu. Sau khi sanh ra, trước khi chết đi thì gọi là bổn hữu. Giữa hai thân ấy thì hình dáng hiện trong cõi âm gọi là trung hữu."

Nếu không, người dương gian chẳng biết chuyện cõi âm, cái lý luận mù quáng "con người chết đi thân hình đã mục nát thì thần thức cũng phiêu tán" ắt sẽ được người đời xúm nhau phụ họa; người cả cõi đời bị hãm trong hầm sâu tà kiến "không nhân, không quả, không đời sau, hậu thế", khiến cho người trông thấy điều thiện chẳng càng dè dặt, gắng sức tu đức, kẻ ác càng cùng hung cực ác muốn tạo ác. Tuy có lời Phật dạy, nhưng không có gì để chứng minh, ai chịu tin nhận? Do có những chuyện hiện hình cho thấy như thế, đủ chứng tỏ lời Phật nói không dối, quả báo phân minh, chẳng những người lành càng thêm hướng đến điều lành, mà tâm kẻ ác cũng bị những tình lý ấy chiết phục, cũng chẳng đến nỗi mười phần cạn tàu ráo máng. Thiên địa, quỷ thần muốn cho con người biết được điều này, nên mới có chuyện người chết hiện thân trong nhân gian, người cõi dương xử án chốn u minh v.v. đều nhằm để phù trợ Phật pháp, giúp đỡ, khen ngợi trị đạo. Lý này rất vi tế, quan hệ rất lớn. Những chuyện này xưa nay được ghi chép rất nhiều, nhưng chưa thuật rõ quyền ấy do đâu cũng như chưa nêu lên mối quan hệ lợi ích của những chuyện ấy.

Trung ấm tuy đã lìa thân xác, nhưng vẫn còn mang tình kiến thân xác như cũ, đã có tình kiến thân xác, cố nhiên cần phải có cơm áo để đắp đổi. Do phàm phu nghiệp chướng sâu nặng, chẳng biết ngũ uẩn vốn không, không khác gì người thế gian. Nếu là bậc có đại trí tuệ sẽ ngay trong lúc thoát xác không nơi nương dựa, ngũ uẩn trống không, các khổ bèn tiêu diệt, nhất chân hiển hiện, nên vạn đức trọn bày. Tuy cảnh giới ấy không nhất định phải giống nhau, nhưng chẳng ngại tùy tình kiến của mỗi người mà giúp đỡ cho. Như đốt áo giấy cho người chết, trong tâm người sống chỉ có ý nghĩ ban cho áo, tuy lớn, nhỏ, dài, ngắn làm sao vừa vặn, thích hợp cho được, nhưng do tình kiến của người sống và tình kiến của kẻ mất kia tương ứng, nên những áo ấy đều vừa khít, thích hợp. Từ điều này có thể thấy được cái nghĩa lớn lao "hết thảy pháp chuyển biến theo tâm". Sau khi chết đi, khi chưa thọ sanh trong sáu đường, thì gọi là trung ấm. Nếu đã thọ sanh trong lục đạo thì chẳng gọi là trung ấm. Những hồn dựa vào người khác để nói chuyện khổ, chuyện vui đều là tác dụng của thần thức.

Đầu thai ắt phải do thần thức hòa hợp với tinh huyết của cha mẹ, lúc thọ thai, thần thức đã trụ trong thai. Lúc sanh nở từng có trường hợp tận mắt thấy người ấy (tức người sẽ đầu thai làm con) đi vào nhà mẹ, vì lúc cha mẹ giao cấu đã có thức khác thay thế thần thức của người ấy nhập thai. Đến lúc thành thai, bổn thức (tức thức của người thật sự sẽ đầu thai làm con nhà ấy) đến, cái thức thay thế mới ra đi. Sách Dục Hải Hồi Cuồng quyển ba, trang thứ mười hai, dòng tám, chín,

mười, mười một, mười hai đã từng hỏi về chuyện này, nhưng lời đáp chưa trúng lý lắm. Quang bèn sửa cho đúng, hãy nên tra duyệt. Lời đáp nguyên thủy như sau: "Ví như trứng gà, có trứng có cồ, có trứng không có cồ. Khi chưa có thức gá vào thai giống như trứng chưa có cồ vậy." Chẳng biết trứng không có cồ, dẫu đem cho gà ấp cũng chẳng thể nở, làm sao sánh ví cho được? Quang chỉ mong lý được sáng tỏ, chẳng nề hà chuyện tiếm quyền, vượt phận, nên vì cư sĩ trình bày duyên do. Bà mẹ của sư Viên Trạch[208] mang thai ba năm chính là vì lẽ này. Đấy là luận theo lẽ thông thường.

Phải biết nghiệp lực của chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn, như người tịnh nghiệp đã thành, dẫu thân chưa chết nhưng thần thức đã hiện nơi Tịnh độ; kẻ ác nghiệp

[208] Viên Trạch: Trong lần khai thị tại pháp hội Tức Tai Hộ Quốc ở Thượng Hải, tổ Ấn Quang đã kể chuyện thiền sư Viên Trạch đời Đường như thế này: Do cha của Lý Nguyên làm quan trấn thủ Đông Đô bị An Lộc Sơn làm phản, giết chết. Lý Nguyên chẳng muốn làm quan, bèn biến căn nhà mình ở Lạc Dương thành chùa Huệ Lâm, thỉnh Viên Trạch làm Hòa Thượng; Lý Nguyên cũng tu hành ngay tại đấy. Qua mấy năm, Lý Nguyên muốn triều bái Nga Mi, mời Viên Trạch cùng đi. Viên Trạch muốn đi theo đường Thiểm Tây, nhưng Lý Nguyên chẳng muốn đến kinh đô nên nhất định theo đường thủy Kinh Châu. Viên Trạch đã tự biết mình chẳng trở về được nên liền dặn dò hậu sự, rồi cùng Lý Nguyên ngồi thuyền đi. Thuyền bơi đến thượng du Kinh Châu, sắp gần đến Giáp Sơn, thế nước chảy xiết, chưa đến tối đã phải cắm thuyền. Chợt có một người đàn bà mặc quần gấm, ra kéo nước bên sông. Viên Trạch vừa trông thấy, hai mắt ứa lệ. Lý Nguyên hỏi nguyên do, Viên Trạch đáp: "Ta chẳng chịu đi theo đường này là vì sợ bà ta. Bà ta mang thai đã ba năm, chờ ta sanh làm con. Chẳng thấy bà ta còn có thể trốn lánh, chứ nay đã thấy, không cách nào không làm con bà ta được! Ông nên tụng chú, giúp ta mau sanh. Đến ngày thứ ba, hãy đến nhà thăm ta. Ta trông thấy ông, cười một tiếng làm tin. Mười hai năm sau, đêm rằm tháng tám, đến bên bờ giếng Cát Hồng tại Thiên Trúc ở Hàng Châu gặp lại ta." Nói xong, Viên Trạch tọa thoát. Bà nọ liền sanh con. Ngày thứ ba, Lý Nguyên đến thăm, đứa bé liền cười. Sau đấy, Lý Nguyên quay về chùa Huệ Lâm, thấy trong quyển kinh đã viết sẵn lời dự ngôn về hậu sự, càng thêm tin sư Viên Trạch chẳng phải là thường nhân. Mười hai năm sau, Lý Nguyên đến Hàng Châu. Tới đêm rằm tháng tám, ông đến chỗ ước hẹn chờ đợi; chợt thấy bên sông có đứa bé trai chăn trâu, ngồi vắt vẻo trên lưng trâu, dùng roi gõ sừng trâu, hát:

Trên đá ba sinh, vẫn nguyên hồn
Ngâm gió, thưởng trăng lọ phải bàn
Thẹn thấy cố nhân tìm đến gặp
Thân này tuy khác, tánh thường còn.

Lý Nguyên nghe xong bèn đến chào hỏi. Hàn huyên xong xuôi, đứa bé lại đọc:

Thân trước, thân sau sự vấn vương
Bàn chuyện nhân duyên luống đoạn trường
Ngô Việt giang sơn chơi khắp cả
Gác chèo mây khói, ẩn ao chuôm.

Rồi ruổi trâu đi mất.

sâu nặng, thân còn nằm trên giường bệnh nhưng thần thức đã bị xử phạt nơi U Minh. Mạng tuy chưa tận, thức đã đầu thai. Đợi đến lúc sắp sanh, toàn phần tâm thức mới gieo vào trong thai ấy. Lý này cũng chẳng phải là hoàn toàn không có; nên thông thường, đa phần là có thức thay thế để thọ thai vậy. Các pháp trong tam giới duy tâm sở hiện, chúng sanh tuy mê nhưng nghiệp lực của họ chẳng thể nghĩ bàn chính là do tâm lực chẳng thể nghĩ bàn, cũng là do thần thông đạo lực của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn. Hơn mười năm gần đây, sức nhìn của Quang chẳng ra gì nên chẳng thể dẫn rộng kinh luận để làm chứng, nhưng cố nhiên lý ấy chẳng phải do Quang bịa ra nói mò để phải chuốc lấy tội lệ. Sanh tử là chuyện lớn của chúng sanh, nhân quả là phương tiện giáo hóa lớn lao, nguyện các hạ chẳng tiếc tướng lưỡi rộng dài dùng nhân quả báo ứng chuyển phiền não sanh tử thành sự trợ giúp cho Bồ-đề Niết-bàn thì pháp môn may lắm, chúng sanh may mắn lắm!

69. Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Chân (thư thứ nhất)

Một pháp niệm Phật ước có bốn thứ là trì danh, quán tượng, quán tưởng, và thật tướng. Trong bốn pháp này, chỉ có mỗi pháp trì danh nhiếp thọ căn cơ phổ biến nhất, hạ thủ dễ dàng nhất, chẳng đến nỗi khởi ma sự. Như muốn quán tưởng thì phải đọc kỹ Quán kinh, biết sâu xa "tâm này làm Phật, tâm này là Phật", và "tâm tịnh Phật hiện, cảnh chẳng từ bên ngoài đến, duy tâm sở hiện", chẳng sanh chấp trước thì cảnh càng thêm sâu mầu, tâm càng thêm tinh nhất. Làm được như vậy thì sự lợi ích của việc quán tưởng thật chẳng nhỏ nhoi. Nếu quán cảnh không thuần thục, chẳng rõ lý luận, do tâm bộp chộp, vọng động muốn cảnh hiện gấp thì toàn thể là vọng, đều chẳng tương ứng với cả Phật lẫn tâm liền đọa vào thai ma. Do vậy, vọng động muốn thấy cảnh, tâm càng thêm vọng động, ắt đến nỗi khơi động nhiều kẻ oan gia hiện ra cảnh giới. Nhân địa lúc ban đầu đã không thật, làm sao biết những cảnh đó do ma nghiệp hiện ra cho được, bèn sanh lòng hoan hỷ lớn, tình chẳng tự yên, ma bèn dựa thân, mất trí thành cuồng, dẫu có Phật sống hiện thân cứu độ cũng không làm gì được. Hãy nên tự lượng căn tánh, chớ có ham cao xa, đến nỗi cầu được lợi ích lại trở thành tổn hại. Hòa thượng Thiện Đạo nói: "Chúng sanh đời mạt pháp thần thức chông chênh, tâm thô, cảnh tế, quán khó thành tựu. Vì thế đại thánh bi mẫn, riêng khuyên chuyên trì danh hiệu, vì xưng danh dễ dàng, niệm Phật liên tục bèn được sanh." Thật chỉ sợ có kẻ chẳng khéo dụng tâm đến nỗi lạc vào ma cảnh, hãy nên tự suy xét tường tận. Lại nữa, chí thành khẩn thiết chính là pháp mầu nhiệm để tiêu trừ sự vọng động, bộp chộp, ma cảnh, hãy nên tận tâm dốc sức mà hành thì may mắn lắm!

70. Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Chân (thư thứ hai)

Được dự pháp hội Lăng-nghiêm, mừng rỡ, may mắn khôn ngằn. Một pháp quán tưởng nếu không hiểu rõ đạo lý, không thông thuộc quán cảnh, tâm vọng động mong gấp đạt được, không có chí vững vàng chẳng dời, ắt sẽ bị tổn hại nhiều, lợi ích ít. Còn về thật tướng niệm Phật chính là diệu hạnh theo đường lối thông thường của hết thảy pháp môn trong cả một thời giáo hóa của đức Phật. Như pháp chỉ quán của tông Thiên Thai, pháp tham cứu hướng thượng của nhà Thiền đều là nó cả, tức là niệm đức Phật thiên chân[209] nơi tự tánh vậy. Kinh Lăng-nghiêm thật sự là pháp niệm đức Phật nơi thật tướng thiết yếu nhất. Lại như trì danh niệm Phật, quyết chí cầu sanh Cực Lạc là vô thượng đại giáo, sao có thể nói gì cho được? Mới thoạt đầu mà đã nêu bày cái tâm, biện định cái thấy, thì chỉ e coi vọng là chân, hiểu lầm tin tức. Đợi đến khi ngộ rồi hãy chỉ bày *ấm, nhập, giới, đại* đều là Như Lai tạng diệu chân như tánh, bèn biết pháp nào, sự nào cũng đều thuộc thật tướng. Đã ngộ thật tướng thì trọn chẳng thể tìm được cái tướng của ấm, nhập, giới, đại, mà ấm, nhập, giới, đại bày ra la liệt cũng chẳng ngại gì. Hai mươi lăm pháp viên thông đã dạy đó, ngoại trừ pháp viên thông của ngài Thế Chí là pháp dạy thẳng vào trì danh và kiêm cả ba pháp niệm Phật kia, những pháp khác đều là pháp môn niệm thật tướng Phật. Còn như nhân quả của bảy đường[210], địa vị tứ thánh[211], cảnh ngũ ấm ma, không pháp nào chẳng hiển thị duyên do thuận nghịch, mê ngộ lý thật tướng.

Niệm đức Phật nơi thật tướng như thế nói có vẻ dễ dàng, nhưng tu chứng thật là khó nhất trong những điều khó. Nếu không phải là bậc Đại sĩ tái lai, ai có thể tự chứng ngay trong đời này? Do khó như vậy nên đặc biệt khuyên nhủ, khen ngợi pháp trì danh niệm Phật. Hiểu rõ điều này rồi mà vẫn muốn cậy vào tự lực để đoạn hoặc chứng chân, khôi phục tâm tánh vốn có, chẳng chịu sanh lòng tin, phát nguyện, chấp trì Phật hiệu cầu sanh Tây Phương, quyết chẳng có lẽ ấy! Do thật tướng trọn khắp hết thảy pháp, một pháp trì danh là một đại pháp môn "sự chính là lý, tuy cạn mà sâu, tu chính là tánh, tâm phàm phu chính là tâm Phật" vậy. Do trì danh biết được thật tướng ngay nơi thể, lợi ích ấy rộng sâu. Ngoài cách trì danh, cứ chuyên tu thật tướng thì trong vạn người khó được hai, ba kẻ thật chứng; nếu được quả báo như Tô Đông Pha, Tăng Lỗ Công, Trần Trung Tú,

---

[209] Đức Phật thiên chân là tên gọi khác của Pháp Thân.
[210] Bảy đường (thất thú): tức là lục thú (nhân, thiên, a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) và tiên đạo.
[211] Tứ Thánh: Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác.

Vương Thập Bằng v.v. vẫn còn là bậc thượng. Một sự liễu sanh thoát tử há có thể dùng chí to, lời lẽ lớn lao để hoàn thành được ư? Hãy nên tự suy xét cặn kẽ thì biết lý thật tướng chẳng thể không biết, dứt lòng nghiên cứu Lăng-nghiêm thì phàm thánh, nhân quả, mê ngộ, tu chứng dù sự hay lý đều rõ như xem ngọn lửa. Tự lực, Phật lực, trì danh, thật tướng lợi ích lớn nhỏ cũng rõ ràng như xem ngọn lửa. Vì thế, dù là mình hay người, đều mong lấy trì danh để tu thật tướng, quyết chẳng đến nỗi ham cao chuộng xa, bỏ pháp trì danh tu thật tướng khiến cho uổng có tâm tu, nhưng chẳng chứng quả.

71. Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Chân (thư thứ ba)

Phật thấy chúng sanh đều là Phật, chúng sanh thấy Phật đều là chúng sanh. Phật thấy chúng sanh đều là Phật nên tùy thuận cơ nghi vì chúng sanh thuyết pháp ngõ hầu chúng sanh tiêu trừ vọng nghiệp, tự chứng cái mình sẵn có. Dẫu cho hết thảy chúng sanh đều chứng được Niết-bàn rốt ráo, Phật trọn chẳng thấy ta là người hóa độ, chúng sanh là kẻ được hóa độ; bởi lẽ họ chính là Phật. Chúng sanh thấy Phật đều là chúng sanh nên 95 thứ ngoại đạo ở Tây Thiên (Ấn Độ) và những nho sĩ câu nệ, hủ bại không ai chẳng tận tâm tận lực hủy báng nhiều cách ngõ hầu Phật pháp loạn diệt, trọn chẳng còn tiếng tăm, dấu tích gì nữa, tâm họ mới vui sướng. Mặt trời rạng ngời giữa hư không, toan dùng một tay bưng bít càng khiến quang minh Phật pháp sáng tỏ, càng phơi bày sự thiển cận, hèn kém của chính mình mà thôi. Kẻ có túc căn do nhân duyên báng Phật, chê Phật, bèn lại quy y Phật pháp, làm đệ tử Phật, thay Phật hoằng dương, giáo hóa; kẻ không túc căn sẽ do nghiệp lực vĩnh viễn đọa trong địa ngục A-tỳ. Đến khi nghiệp báo hết, thiện căn "nghe được danh hiệu Phật trong kiếp xưa" bèn phát hiện; do vậy mới nhập Phật pháp, rồi sẽ gieo thiện căn dần dần đến khi nghiệp tận tình không mới hoàn lại cái mình sẵn có mà thôi. Thật là ơn Phật rộng lớn, sâu xa, không thể nào hình dung được!

Một câu nhiễm vào thần thức, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo. Ví như nghe tiếng cái trống đã bôi thuốc độc, dù xa hay gần đều chết. Ăn chút Kim Cang, quyết định chẳng tiêu. Sanh được lòng tin như thế thì gọi là chánh tín, ông hãy gắng lên. Thêm nữa, kẻ khéo được lợi ích, không gì chẳng phải là lợi ích, kẻ cam chịu tổn hại thì không gì là chẳng tổn hại. Người đời nay hay cậy vào thế trí biện thông nghiên cứu Phật học, vừa biết chút nghĩa lý liền bảo mình đã đích thân chứng đắc, từ đó tự đặt mình lên cao, miệt thị cổ kim: Đừng nói là người thời nay chẳng thèm để vào mắt, dẫu bậc cao tăng mấy ngàn, mấy trăm năm trước đa phần là cổ Phật tái lai hoặc là pháp thân Bồ-tát thị hiện đều bị kẻ ấy coi là tầm thường,

chẳng đáng học hỏi. Chưa đắc nói là đắc, chưa chứng khoe đã chứng, nghe lời họ nói cao vượt chín tầng trời, xét cái tâm họ hèn tệ tụt dưới chín tầng đất. Tập nhiễm như thế phải nên trừ gấp, nếu không sẽ như đựng đề-hồ trong đồ chứa có chất độc, sẽ giết được người.

Nếu có thể niệm niệm quay trở lại soi xét tự tâm thì chẳng những được lợi ích nơi những pháp đức Như Lai đã nói, mà với tảng đá, gạch, ngói, đèn, lồng, trụ trống và tất cả mọi hình sắc, âm thanh khắp cõi đại địa không gì chẳng phải là diệu lý *thật tướng đệ nhất nghĩa đế*. Nói "cổ kim không có ai" há từng mộng thấy, mong hãy tin chắc, gắng sức hành.

72. Thư trả lời cư sĩ Lục Giá Hiên

Chiều hôm qua, cư sĩ Hạc Niên đem đến bản kinh Pháp Hoa do cư sĩ Trang chép, thấy bút pháp của ông ta cứng cáp, tinh xảo, đẹp đẽ, khôn ngăn khâm phục. Nhưng cách viết của ông ta vẫn còn tập khí của kẻ văn nhân, đối với chuyện lưu thông pháp đạo tợ hồ chưa thích hợp. Như tục thể, thiếp thể, biến thể[212] v.v. là thuận theo thói tệ thế tục, lại còn chấp nệ vào cổ thể, như chữ ma 魔 viết thành ma 磨, chữ huyền 懸 viết thành huyền 縣, mã não xa cừ 瑪瑙硨磲 viết thành mã não xa cừ 馬腦車渠, trận 陣 viết thành trần 陳 v.v. mắc lỗi trái thời[213]. Nếu nói phải y theo cổ văn thì lúc này phải theo chánh thể, những chữ viết như vậy đều chẳng thích hợp, mỗi chữ đều phải sửa đổi, không dùng được một chữ viết theo lối cổ nào. Ông Dương Nhân Sơn đả phá những người nệ cổ như sau: "Chữ viết phải theo thời, việc gì cứ phải nệ cổ. Nếu như cứ muốn theo lối cổ thì xin trước hết hãy từ hai chữ nhân 人 (người) và nhập 入 (vào) mà sửa đổi. Chữ nhân viết theo lối cổ là 入, chữ nhập 入 viết là nhân 人. Nếu nhân và nhập không sửa được

---

[212] Tục thể là lối viết thường dùng trong dân gian cho nhanh, không đúng với cách viết chánh thức của chữ Hán, như chữ đăng 燈 viết thành 灯, thiên 遷 viết thành 迁 v.v.. Đặc điểm lớn nhất của tục thể là giản lược nét bút, đôi khi biến cải âm thanh. Đa số chữ tục thể biến thành chữ Hán giản thể hiện thời.

Thiếp thể là lối viết trên các tờ thiếp, bình phong, quạt cho đẹp, mềm mại hơn lối viết cứng cỏi dùng để khắc bia.

Biến thể là cách viết biến đổi tự dạng sao cho thật đẹp, thật bay bướm trong thư pháp, gần với lối chữ thảo.

Nói chung, ba thể loại này khiến người không chú ý dễ đọc sai chữ, hoặc hiểu lầm ý nghĩa, thậm chí không nhận được mặt chữ, nên bị tổ quở.

[213] Sở dĩ nói là trái thời vì thời cổ, các chữ ấy được dùng lẫn nhau không phân biệt. Nay nếu viết theo lối cổ, sẽ gây hiểu lầm; ví dụ chữ ma 魔 (ma quỷ) khác với ma 磨 (mài).

thì cần gì phải riêng thay đổi những chữ khác. Vả lại, cổ thể cũng chẳng phải là những chữ được chế ra thời Thương Hiệt[214], không biết biến đổi đến thế nào mới thành ra dạng như vậy!"

Ông đã chuộng cổ hãy nên lấy "trùng văn điểu thư"[215] làm chánh thể thì tôi không còn cách nào chõ miệng vào được nữa. Nếu không, rốt cuộc là vô sự bèn sanh sự, nhọc nhằn vô ích, sống thời bây giờ lại quay về thời cổ, bậc thánh đã có lời minh huấn. Nếu cư sĩ Trang có chí lưu thông, hãy nên quét sạch tập khí văn nhân, chữ nào cũng tuân theo thời bây giờ. Phàm những lối phá thể[216], tục thể v.v. đều nhất loạt không dùng, ngõ hầu mỗi nét bút, mỗi vạch đều có thể làm khuôn mẫu để khắc in, lưu truyền, khiến cho người khác trông thấy, đọc đến, phát khởi tín tâm. Dù Quang hèn tệ cũng sẽ làm bài tựa khen ngợi. Bản chép kinh này nên giữ trong nhà hòng làm di niệm cho con cháu đời sau. Thêm nữa, phàm chép kinh, những chỗ giấy xếp[217] giữa hai trang sách nên đề tên kinh, số quyển, số trang để người đọc vừa nhìn vào liền biết ngay. Dẫu có sắp lộn trang cũng xếp lại không khó, sao không theo cách này khiến cho người đời sau xem đến nếu không thông Phật pháp sẽ chẳng bị mắc cái vạ điên đảo, lầm lẫn. Mong hãy viết bổ túc vào chỗ giáp trang tên sách, số trang thì công đức chép kinh mới là viên mãn. Quang mục lực không đủ lại thêm không rảnh rỗi, chưa thể xem trọn, chỉ tùy tiện nêu ba bốn chữ trong bản chép ấy, những chỗ khác chưa coi, không thể biết được.

73. Thư trả lời cư sĩ Lưu Trí Không

Hôm qua nhận được thư mới biết bệnh đã lâu nay mới lành, khôn ngăn mừng vui. Sanh tử đại sự, vô thường nhanh chóng. Kẻ nghe đến hoảng sợ không thống thiết bằng người đích thân trải qua, hãy nên phát khởi tâm đại Bồ-đề để dạy người nhà, quyến thuộc và bằng hữu, người quen biết cũ bên ngoài cũng như kẻ hữu duyên thì lợi ích lớn lao vậy. Trong thư ông nói hễ niệm Phật gấp thì bị hụt hơi là do ông chưa khéo dụng tâm mà nên nỗi. Phàm chuyện niệm Phật phải tùy sức mỗi người, tùy tiện niệm ra tiếng hoặc niệm thầm, lớn tiếng hay nhỏ tiếng, không

[214] Thương Hiệt: Theo truyền thuyết, Thương Hiệt là sử quan của Hoàng Đế, ông là người đầu tiên sáng tạo ra chữ Hán.
[215] Trùng văn điểu thư: chỉ lối chữ Hán theo lối cổ, lối viết ngoằn ngoèo giống như con nòng nọc nên còn gọi là chữ khoa đẩu, "trùng văn điểu thư" là chữ viết trông giống như con trùng, hoặc vết chân chim.
[216] Phá thể là những chữ viết tự sáng chế không tuân theo năm thể loại tục thể, thiếp thể, biến thể, bi thể, cũng như không tuân thủ các loại chữ hành, chân, khải, thảo.
[217] Khi xưa chép kinh, chép sách trên một mặt mảnh giấy dài, chép đủ bao nhiêu trang đó sẽ xếp tờ giấy ấy sao cho có mặt có chữ lộ ra ngoài, khâu lại thành sách. Những chỗ xếp giấy giữa hai trang thường có dòng chữ đề tên sách và số trang.

gì là không được, cớ sao cứ một mực niệm lớn tiếng đến nỗi tổn khí mắc bệnh vậy? Chứng bệnh nặng của ông tuy do tổn khí mà ra, nhưng thật ra là vì nghiệp lực từ vô lượng kiếp đến nay biến hiện, do ông tinh tấn niệm Phật nên chuyển hậu báo thành hiện báo (báo trong đời này), chuyển báo nặng thành báo nhẹ. Căn bệnh ấy không biết đã tiêu bao nhiêu tội tam đồ ác đạo mấy kiếp! Phật lực khó nghĩ tưởng, Phật ân khó báo, hãy nên sanh ý tưởng may mắn, mừng rỡ lớn lao, sanh lòng hổ thẹn lớn lao, sanh lòng tin trong sạch lớn lao, dùng một pháp Tịnh độ để tự hành, dạy người, ngõ hầu quyến thuộc trong nhà và hết thảy những ai hữu duyên cùng sanh Tây Phương thì mới chẳng phụ căn bệnh này và Phật vì mình hiện thân vậy. Phổ Đà không cần phải tới, bởi lẽ phí tổn đi về nặng gấp mười lần, ở nhà niệm Phật một là công hạnh dễ tiến, hai là chẳng tốn kém, tốt lắm, hay lắm!

74. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu

Thưa cư sĩ Chu Mộc! Nhận được thư, biết ông sanh lòng tin trong sạch, muốn quy y Phật pháp. Nhưng quy y Phật pháp thì cần phải đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tận lực giữ vẹn luân thường, tận hết sức mình, sanh lòng tin, phát nguyện, niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Lại còn phải kiêng giết, cứu giúp sanh mạng, ăn chay, nếu chẳng thể ăn chay hoàn toàn thì cũng chớ nên tham ăn là được rồi. Lại nên giữ sáu ngày chay[218], hoặc thập trai. Nếu không, sẽ trái nghịch với Phật. Nay tôi đặt pháp danh cho ông là Trí Mậu, vì tâm tánh như cây cối: do phiền não chướng lấp nên tâm tánh chẳng thể hiện, như cây khô kháo. Đã có trí tuệ thì phiền não chẳng sanh, cây tâm tánh cố nhiên sum suê, tươi tốt.

Còn về ngũ giới, hãy tự xét tâm mình, nếu có thể thọ được chẳng phạm thì hãy hỏi Hóa Tam về quy củ thọ giới trước đức Phật, ông ta sẽ dạy cho ông, Quang không viết đầy đủ ra. Đã quy y Phật pháp hãy nên đọc kỹ bộ Văn Sao, hành theo đó, sẽ chẳng đến nỗi bị người tầm thường gây lầm lạc. Còn những chuyện cầu phước báo trong đời sau và luyện đan, vận khí của ngoại đạo để cầu thành tiên

[218] Sáu ngày chay (lục trai): Còn gọi là nguyên thủy lục trai, tức mỗi tháng ăn chay sáu ngày: mồng tám, mười bốn, rằm, hai mươi ba, hai mươi chín, ba mươi. Theo những kinh trong tạng A-hàm như kinh Tứ Thiên Vương, kinh Tạp A-hàm, kinh Phật Bổn Hạnh, luật Thập Tụng, trong sáu ngày này, Tứ thiên vương giáng thế tuần tra nhân gian thiện ác.

Thập Trai: Thập trai chỉ tồn tại trong những truyền thống Phật giáo chịu ảnh hưởng của Phật giáo Trung Quốc, tức là mỗi tháng ăn chay mười ngày để lễ kính một vị Phật hoặc Bồ-tát tương ứng. Mồng một: Định Quang Phật, mồng tám: Dược Sư Như Lai, ngày 14: Phổ Hiền Bồ-tát, ngày 15: A-di-đà Phật, ngày 18: Quán Thế Âm Bồ-tát, ngày 23: Đại Thế Chí Bồ-tát, ngày 24: Địa Tạng Bồ-tát, ngày 28: Tỳ-lô-giá-na Phật, ngày 29: Dược Vương Bồ-tát, ngày 30: Thích-ca Như Lai. Mười ngày chay này đôi khi còn gọi là chuẩn đề thập trai (theo Phật Quang Sơn Đại Từ Điển).

v.v., nếu ông thật sự lãnh hội được ý nghĩa của bộ Văn Sao, dù có trăm ngàn ngoại đạo cũng chẳng thể dao động cái tâm ông. Chớ bảo những điều ấy do Quang nói ra chỉ sợ không đủ làm chứng cứ, nên biết rằng Quang chỉ nói dựa theo ý của Phật, Bồ-tát, tổ sư, thiện tri thức, chứ không phải do Quang tự nghĩ ra nói bậy. Mong hãy sáng suốt xét soi thì may mắn lắm thay!

Tâm ông cao như trời, chí hèn như đất, miệng tuy nói "nương theo những gì Quang nói", nhưng thật ra hoàn toàn dựa theo thiên kiến của chính mình. Pháp môn Tịnh độ chỉ lấy tín làm gốc, tin đến cùng cực thì ngũ nghịch thập ác đều được vãng sanh. Tin chưa tới thì dù là bậc thông Tông, thông Giáo chưa hề đoạn hoặc cũng chẳng có phần! Ông đã không thể thông Tông, thông Giáo, đoạn hoặc chứng chân, cậy vào tự lực để liễu sanh tử, lại không tin Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, tự tánh công đức chẳng thể nghĩ bàn. Nếu có đủ lòng tin chân thành, nguyện khẩn thiết, niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì không một ai không được sanh, pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn viên đốn thẳng chóng vô thượng để liễu sanh tử ngay trong đời này. Nếu còn chưa hiểu rõ phương hướng của pháp môn này, tâm cuồng vọng ham cao chuộng xa bèn nghiên cứu Khởi Tín Luận, Khởi Tín Luận quả thật là cương yếu để học Phật, nhưng đối với kẻ căn cơ kém cỏi và sơ cơ cũng khó được lợi ích nơi luận ấy. Dù nghiên cứu Khởi Tín Luận thông triệt không nghi ngờ, nhưng dụng công vẫn phải nương vào pháp môn niệm Phật cầu sanh thì mới ổn thỏa, thích đáng; huống hồ Pháp Tướng, Thiền, Giáo dù tinh vi, áo diệu, cao sâu, vẫn không thể mong bằng được.

Tâm ông cao như thế, chính là không biết phân lượng của cái cao. Chí ông lại cho rằng mình căn tánh kém yếu, mong chi sanh Tây? Chỉ cần chẳng đọa ác đạo đã rất an ủi rồi! Ông không biết chẳng sanh Tây Phương, tương lai ắt đọa ác đạo, đây chính là trái nghịch lời Phật dạy và những gì đã nói với Quang; sao có thể nói là từ đầu đến cuối phụng hành lời răn dạy, nhất tâm trì niệm Phật Di-đà cho được? Nay đem cái thân của ông hứng lấy thức nghiệp của người, lại không phải là tư cách thượng đẳng, cái chí và tâm ông đã lập ấy thật đáng khiến cho người khác than thở, cười cợt! Ông nên dứt cái lòng cuồng vọng muốn thành bậc đại thông gia, hãy chuyên tâm nghiên cứu những sách thuộc pháp môn Tịnh độ. Trong Văn Sao, Quang đã nói đầy đủ trong những lá thư gởi cho ông Cao Thiệu Lân hoặc nữ sĩ Từ. Thuận theo những gì đã khai thị, sanh lòng tin, phát nguyện, chẳng vì căn khí của mình hạ liệt bèn đề cao sự vãng sanh là chuyện vượt khỏi sức mình.

Phải thường dù động hay tịnh, lấy một câu Di-đà làm bổn mạng nguyên thần, giữ lòng cư xử phải hợp với tông chỉ "chớ làm các điều ác, vâng làm các điều

thiện". Nếu còn thừa sức thì tùy ý thọ trì, đọc tụng các kinh Đại thừa cũng chẳng trở ngại gì, nên lấy việc chí tâm thọ trì làm gốc, chớ chuyên chú mong gấp được thấu triệt nghĩa lý. Nếu có thể chí thành đến cùng cực sẽ tự thấu triệt giáo lý; nếu cứ muốn thấu triệt trước, chẳng thuận thọ trì đọc tụng, dẫu thấu triệt cũng không có lợi ích thật sự, huống hồ thật khó thấu triệt ư? Pháp Tướng, Thiền, Giáo nghiên cứu cả đời cũng khó nắm được chỗ chỉ quy. Dẫu được, ai là người có thể chẳng đoạn hoặc nghiệp mà liễu sanh thoát tử? Muốn đoạn hoặc nghiệp, liễu sanh thoát tử, chỉ sợ dù có mộng cũng không thể mộng nổi.

Ông còn chưa đọc kỹ bộ Văn Sao, nên mới nói những lời cao thấu trời thẳm, ngõ hầu vào được chốn biển rộng. Bộ Văn Sao đã nhiều lần nói đến những sách nên xem và pháp tắc xem kinh, cũng như chỗ khó được lợi ích nơi Pháp Tướng, Thiền, Giáo. Do pháp môn Tịnh độ cậy vào Phật từ lực, các pháp môn khác đều phải cậy vào chính mình, một đằng là giáo lý thông thường, như kẻ sĩ trong đời do tư cách bèn làm quan; một đằng là giáo lý đặc biệt như vương tử trong đời, dù có té xuống đất vẫn được hết thảy quan tướng cung kính. Hai thứ pháp môn chẳng thể đem ra đối biện được! Kẻ phàm phu có đủ hoặc nghiệp há nên chẳng cẩn thận chọn lựa ư? Quỹ lưu thông kinh sách nếu muốn tăng thêm nên làm biện pháp quyên mộ như thế nào ư? Nếu ai có tín tâm có tài lực thì hãy thương lượng với họ, ngõ hầu họ giúp đỡ thì cũng được.

Thêm nữa, kinh điển rất nhiều, tâm ông muốn mở rộng môn đình, nhưng ở Trịnh Châu có mấy ai thỉnh! Nên chọn những kinh sách mà người bình thường có thể đọc được, thỉnh về để sẵn. Hãy tính sẵn những sách mà đại đa số người bình thường chưa xem đến, hãy thay họ thỉnh trước thì sẽ giảm được tiền vốn mà cũng chẳng đến nỗi thỉnh về bán không được, tốn tiền nhưng chẳng có lợi ích. Ông tự nói ngày tháng không còn nhiều, thực lực hữu hạn, nên Quang mới nói như thế. Nếu không phải như vậy thì cứ y theo tâm tướng của chính mình mà hành, Quang cũng không miễn cưỡng ông. Làm được một bậc đại thông gia cũng là điều may mắn cho cửa Phật; chỉ sợ ông không thành bậc đại thông gia được, lại tin pháp môn Tịnh độ chẳng tới nơi, cả hai đầu đều hỏng. Đời này tu chút công đức, đời sau nhất định sanh vào nhà phú quý, ông thử chú tâm nghĩ kỹ xem: Người phú quý có mấy ai chẳng tạo nghiệp? Ngày nay vận nước nguy ngập, dân không sống nổi, đều là do những người tu hành không có trí tuệ, đời sau có phước báo bèn khuấy đảo mà ra. Ông khởi vọng tưởng khó thể cùng tận như thế, muốn chẳng đọa ác đạo, chẳng sanh Tây Phương thì một đời không đọa ác đạo còn may ra, chứ hai đời không đọa thì hiếm lắm.

Phật nói kinh chú rất nhiều, ai có thể trì được hết tất cả? Cổ nhân chọn lấy những thứ trọng yếu gộp thành khóa tụng hằng ngày, buổi sáng thì Lăng-nghiêm, Đại Bi, mười chú nhỏ, Tâm Kinh. Niệm xong bèn niệm Phật bao nhiêu tiếng đó, hồi hướng Tịnh độ. Khóa tối thì kinh Di-đà, Đại Sám Hối, Mông Sơn, niệm Phật hồi hướng. Nay tùng lâm đều muốn giảm bớt công phu, sáng chỉ tụng chú Lăng-nghiêm, Tâm Kinh; khóa tối thì ngày lẻ niệm kinh Di-đà và Mông Sơn, ngày chẵn niệm Đại Sám Hối, Mông Sơn. Ông nói Thiền Môn Nhật Tụng kinh chú quá nhiều, không biết ngoài khóa tụng sáng tối còn có phần phụ lục. Cư sĩ tại gia công khóa hoặc chiếu theo Thiền Môn Công Khóa mà hành hoặc cũng có thể tùy ý lập ra, như khóa sáng chuyên niệm kinh Di-đà, chú Vãng Sanh, niệm Phật, hoặc khóa sáng chuyên niệm chú Đại Bi, niệm Phật, khóa tối thì niệm kinh Di-đà, chú Vãng Sanh, niệm Phật, hoặc có người trì kinh Kim Cang cũng được. Bất luận tụng kinh nào, trì chú nào, cũng đều phải niệm Phật bao nhiêu tiếng đó rồi hồi hướng thì mới hợp với tông chỉ tu tịnh nghiệp.

Những điều ông nói chính là thấy khác, nghĩ lệch, dẫu là hảo tâm, nhưng thật ra tâm không có chủ định, bị chuyển theo cảnh. Kinh nào, chú nào chẳng xưng tán công đức thù thắng? Theo cái tri kiến của ông, hễ xem kinh này ắt phải bỏ kinh kia, trì chú này ắt phải bỏ chú kia, do sức chẳng thể xem hết nên tình thế tất nhiên phải như thế. Như vậy còn được gọi là bậc chân tu hiểu rõ lý hay chăng?

Nói rộng hơn nữa, nếu ông gặp người tham thiền khen ngợi Thiền, chê trách Tịnh độ ắt sẽ theo người ấy tham thiền. Gặp những tông khác như Thiên Thai, Hiền Thủ, Từ Ân[219], Bí Mật[220], cứ hễ gặp một vị tri thức đề xướng bèn bỏ pháp này tu theo pháp kia, không biết ông thuộc căn tánh nào! Muốn làm bậc đại thông gia pháp nào cũng thông nhưng nghiệp sâu, trí cạn, không làm bậc đại thông gia được, lại gác pháp cậy Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh ra ngoài, đợi đến lúc lâm chung nếu chẳng tiến vào vạc sôi, lò than, thì chắc cũng đi vào thai lừa, bụng ngựa. Dẫu may mắn không mất thân người thì đời này tuy không có chánh trí, nhưng còn có si phước do tu hành. Do hưởng thụ si phước ấy bèn tạo ác nghiệp, một hơi thở ra không hít vào được, bèn vào thẳng tam đồ. Muốn được biết danh

[219] Hiền Thủ là tông Hoa Nghiêm, do ngài Hiền Thủ hoằng dương tông này nên gọi là tông Hiền Thủ. Từ Ân: Tức Pháp Tướng tông hay Duy Thức tông. Tông này do ngài Huyền Trang sáng lập, nhưng đệ tử ngài Huyền Trang là pháp sư Khuy Cơ ở chùa Từ Ân (thuộc kinh đô Trường An đời Đường) cực lực xiển dương nên thường gọi là tông Từ Ân.

[220] Bí Mật: Chỉ Mật tông (còn gọi là Chân Ngôn tông).

hiệu thiên địa, cha mẹ còn không thể, huống gì là biết được pháp môn Tịnh độ nữa ư?

Ông xem bộ Văn Sao của Quang hiểu như thế nào? Phải biết một câu A-di-đà Phật, trì đến cùng cực thì thành Phật vẫn còn dư! Há nên bảo niệm kinh Di-đà, niệm Phật chẳng diệt được định nghiệp ư? Phật pháp như tiền, do người khéo dùng, ông có tiền thì làm gì mà chẳng được? Ông chuyên tu một pháp, cầu gì chẳng được? Há cứ khăng khăng trì chú này, niệm kinh này sẽ được công đức này, chẳng được những công đức khác ư? Hãy khéo hiểu lời Quang, tự có thể hiểu rõ một điều thì trăm điều sẽ rõ. Nếu không, dù nói cho nhiều, tâm ông vẫn không có định kiến, có ích gì đâu?

Phàm phu đang mê, tín tâm bất định, nên lúc tin, lúc ngã lòng, lúc tu, lúc tạo nghiệp, cũng do người dạy ban đầu chẳng hiểu đường lối mà ra. Nếu thoạt đầu, khởi đầu từ những chuyện nhân quả thiển cận sẽ chẳng đến nỗi có những chuyện mê hoặc, điên đảo như thế. Tội dĩ vãng dẫu cực sâu nặng, nhưng nếu dốc chí nơi chí tâm sám hối, sửa đổi tu tập, dùng chánh tri kiến dốc lòng tu tập tịnh nghiệp, lợi mình, lợi người thì tội chướng như sương tiêu, bầu trời chân tánh rạng ngời. Vì thế kinh nói: "Thế gian có hai hạng người mạnh mẽ: một là không tạo tội, hai là tạo rồi biết sám hối." Một chữ hối phải từ tâm khởi, tâm không hối thật sự thì nói gì cũng vô ích! Ví như đọc đơn thuốc nhưng không uống thuốc, quyết chẳng mong gì lành bệnh. Nếu có thể theo toa uống thuốc, sẽ được bệnh lành, thân yên. Chỉ sợ lập chí chẳng vững, một ngày nóng mười ngày lạnh, chỉ uổng có hư danh, chẳng ích lợi mảy may gì!

75. Thư trả lời cư sĩ X…

Dịch vốn do thánh nhân xem xét hình tượng rồi lập pháp nhằm dạy cho con người cái đạo làm sáng tỏ minh đức, tân dân[221], chứ chẳng phải chỉ nhằm để bói tốt xấu mà thôi. Người đời sau học đến, bỏ gốc theo ngọn, Dịch trở thành một nghề khéo, đáng buồn làm sao! Thử xem phần Đại Tượng của mỗi quái (quẻ), lời lẽ thiết thực, tường tận, rõ ràng. Như quẻ Càn thì nói: "Thiên hành kiện, quân tử gắng sức không ngơi." Quẻ Khôn thì là: "Địa thế khôn, quân tử dùng đức dày để chở vật." Từ những Đại Tượng của 64 quẻ[222], chép thành một bức, có thể dùng

[221] Tân dân: Tuy mặt chữ viết là thân dân (親民) nhưng phải đọc là "tân dân", vì thời cổ tân 新 và thân 親 dùng lẫn nhau. Thông thường, "tân dân" được hiểu là làm cho dân bỏ cũ đổi mới, tức là bỏ điều ác hướng đến cái thiện.

[222] Quẻ (quái): Kinh Dịch dùng một vạch liền tượng trưng cho dương, một vạch đứt tượng trưng cho âm (âm và dương gọi là lưỡng nghi). Chồng hai vạch lên nhau, ta có được bốn tượng

làm tiêu chuẩn để lập thân hành đạo. Do những điều ấy có thể kế tục quá khứ, mở mang tương lai, há phải đâu cứ khăng khăng biến Dịch thành một nghệ thuật đoán số mạng hòng cầu cơm áo mà thôi? Nếu thấy lời tôi chẳng đủ để thuyết phục, xin hãy thử đọc kỹ phần Đại Tượng của mỗi quẻ, ắt sẽ tự biết, huống hồ toàn văn của mỗi quẻ và toàn văn của cả bộ Dịch vậy. Dịch chính là cội nguồn của thánh đạo, vì thế Khổng tử đọc kinh Dịch đến nỗi ba lần đứt lề sách, đến tuổi bảy mươi còn mong trời cho sống thêm vài năm để học Dịch hòng tránh được lỗi lớn. Tự gắng sức không ngơi, dùng đức dày chở vật là như thế nào vậy? Xin hãy suy nghĩ cặn kẽ, sâu xa thì may mắn lắm thay!

76. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Trí Hải

Nhận được thư biết ông tu trì nghiêm mật, mừng vui vô cùng. Người đã ngoài năm mươi tuổi lại thêm công chuyện đa đoan, chỉ tốt nhất là chuyên tu tịnh nghiệp. Nếu cứ nghiên cứu tràn lan, sợ rằng chẳng thể thông suốt kinh luận, tịnh nghiệp đâm ra trở thành chuyện phụ. Nói đến sự phân biệt giữa tánh, tâm và ý, thì tâm đa phần là ước theo thể mà nói, ý chính là niệm lự, tức là dụng của tâm. Tánh chính là luận trên phương diện bản thể không biến động của tâm. Nếu nói chung chung thì tâm và tánh có thể dùng lẫn cho nhau, nhưng ý thì chỉ có thể chỉ cho niệm lự mà thôi. Nhưng tâm có chân tâm và vọng tâm, nếu ước theo thể thì tâm chỉ chân tâm, vọng tâm cũng thuộc về niệm lự, tức là vọng niệm nơi tâm thể vậy. Bốn giáo Tạng, Thông, Biệt, Viên chính là Như Lai thuận theo căn cơ của chúng sanh nói ra những pháp phù hợp. Do có những nghĩa ấy nên ngài Trí Giả dựa theo ý nghĩa mà lập ra những tên gọi ấy.

1) Tạng giáo là vì căn tánh Tiểu thừa, nói ra ba tạng Kinh, Luật, Luận, do đó gọi là Tạng giáo. Đại thừa cũng có ba tạng, ở đây chỉ nói riêng về Tiểu thừa.

2) Thông giáo là Đại thừa sơ môn, do căn tánh bất đồng, độn căn thông với Tạng giáo ở trên, lợi căn thông với Biệt giáo, Viên giáo ở phần sau, nên gọi là Thông giáo.

(hai vạch liền, đứt trên liền dưới, hai vạch đứt, liền trên đứt dưới) đặt tên là thái dương, thiếu dương, thái âm, thiếu âm (gọi chung là tứ tượng). Chồng mỗi vạch âm hay dương lên bốn quẻ này ta có được tám quẻ (gọi là bát quái). Lần lượt chồng tám quẻ ấy lên nhau, ta có được 64 quẻ kép. Chẳng hạn như quẻ Càn trên, quẻ Khôn dưới thì gọi là thiên địa bỉ. Đối với mỗi quẻ, lại có lời giải thích ý nghĩa của từng quẻ, thường gọi chung là các "đại tượng".

3) Biệt là khác biệt, giáo này là pháp để dạy riêng cho Bồ-tát. Tất cả giáo, lý, trí đoạn, hạnh, vị, nhân quả, mỗi mỗi đều khác biệt, chưa thể viên dung bao gồm lẫn nhau như Viên giáo, nên gọi là Biệt giáo.

4) Viên là viên mãn, viên dung. Do pháp nào cũng viên dung, pháp nào cũng trọn đủ, nên gọi là Viên giáo. Giáo này là Phật pháp tối thượng, do đức Phật đem những lý chính mình đã ngộ, đã chứng, giảng cho hết thảy đại căn Bồ-tát. Hãy xem Giáo Quán Cương Tông[223] sẽ tự biết được nghĩa ấy. Nếu muốn dùng bút mực để trình bày rõ, chẳng những quá tốn công lại còn chẳng bằng xem sách ấy tự hiểu vậy.

Chúng sanh đời mạt căn cơ mỏng ít, muốn được lợi ích chân thật nơi giáo nghĩa Thiền tông hết sức khó khăn, chỉ có pháp môn Tịnh độ là nương cậy được. Hãy thử xem cái chết của Hiển Ấm[224] kém xa những kẻ ngu phu, ngu phụ, những gì Hiển Ấm biết được, kẻ ngu phu, ngu phụ không sao mong bằng được, nhưng những gì kẻ ngu phu, ngu phụ đạt được, Hiển Ấm lại không sao mong bằng được. Chính là như Quang đã nói: "Tánh thủy lặng trong, do phân biệt bèn xao động, đục ngầu, sóng thức bủa giăng, nhờ Phật hiệu bèn ngừng lặng." Do vậy, thượng trí chẳng bằng hạ ngu, khéo quá biến thành vụng to. Xin cư sĩ hãy chuyên chí tịnh nghiệp, đừng hâm mộ chuyện tông thông, thuyết thông, ngõ hầu chuyện liễu sanh thoát tử chẳng bị biến thành bánh vẽ.

Ông Chu Đức Quảng ngày mồng hai tháng hai, ngồi niệm Phật qua đời, không có tâm tình bi luyến, vẻ mặt vui vẻ, ắt vào thẳng Liên Bang, làm đệ tử Phật Di-đà vậy. Năm ngoái ông Chu sanh bệnh, phát nguyện dùng một vạn đồng mình đã để dành dùng làm điều thiện. Nhân đó, đem bảy ngàn đồng giao cho Quang, ba ngàn bốn trăm đồng dùng in Đại Sĩ Tụng một vạn bộ, một ngàn sáu trăm đồng in

[223] Giáo Quán Cương Tông là tác phẩm của ngài Trí Húc Ngẫu Ích (1599-1655) soạn vào đời Minh, được xếp vào quyển 43 của *Đại chánh tân tu đại tạng kinh*, trình bày đại lược những giáo nghĩa trọng yếu của tông Thiên Thai. Do nhận thấy cuốn Thiên Thai Tứ Giáo Nghi của tổ Trí Giả giảng về cách tu hành chỉ quán quá đại lược, nên tổ soạn thêm cuốn này để xiển dương giáo nghĩa ấy.

[224] Hiển Ấm (1902-1925), người xứ Sùng Minh, tỉnh Giang Tô, tự là Đại Minh, đệ tử xuất gia của ngài Đế Nhàn, thiên tư thông mẫn, học thông Tam tạng, giỏi nhất là về mặt từ chương. Năm Dân Quốc 12 (1923) cùng với Bao Thừa Chí qua Nhật Bản học Mật tông tại Thiên Đức viện ở núi Cao Dã, được truyền quán đảnh. Năm Dân Quốc 14 quay về Thượng Hải, Hàng Châu truyền thọ Mật pháp, nổi danh một thời, nhưng cũng thị tịch ngay trong năm ấy, chỉ thọ 24 tuổi

bộ Bất Khả Lục[225], hai ngàn đồng để in bộ Tăng Quảng Văn Sao mới san định xong, còn dư ba ngàn đồng làm những thiện sự khác. Bốn người con ông Chu đều không dư giả lắm, nhưng có thể đem tiền cha đã để dành vì cha làm công đức, chẳng chịu dùng tiền đó để tự mình xài, cũng đáng nói là đã làm được chuyện khó làm vậy.

Mong ông chuyên chí nơi Tịnh tông, đừng bị lay động bởi thuyết "thành Phật ngay nơi thân này" của Mật tông. Thành Phật ngay trong thân đời này chính là lý tánh, chứ không phải là sự thật. Nếu hiểu là sự thật thì Tây Tạng, Đông Dương (Nhật Bản), Phật nhiều vô kể, đừng nói chi là hạng bình dân, ngay cả tâm hạnh, hành vi của Ban Thiền[226] còn chưa có phong thái của Phật, huống gì bảo là thành Phật được ư? Vì ông ta nhằm lúc dân không lẽ sống, vẫn chẳng biết tiếc thương xương máu của bá tánh, mặc tình bày vẽ hao phí, tiền lọt đến tay quý như tánh mạng, chẳng có mảy may ý niệm từ bi hỷ xả. Hiển Ấm tự khoe mình đắc chánh truyền nơi Mật tông, bảo Phật pháp truyền sang Đông đến Trung Quốc, chỉ có mình giáo lý của đại sư Hoằng Pháp[227] là viên diệu, thường chê bai tổ sư các tông

[225] Bất Khả Lục chính là bộ Thọ Khang Bảo Giám, nội dung khuyên nên tiết chế sắc dục, cũng như nêu những chuyện phước báo do biết chế ngự sắc dục, những ngày tháng nơi chỗ, dịp nào, vợ chồng không nên chung đụng để khỏi bị tổn hại v.v..

[226] Ban Thiền (Panchen Lama): là vị lãnh tụ tôn giáo đứng hàng thứ hai của Tây Tạng sau Đại-lai Lạt-ma. Khi Đại-lai Lạt-ma đời thứ năm (Ngawang Lobsang Gyatso) thống nhất Tây Tạng, ông đã phong cho thầy mình là Lobsang Chokyi Gyatsen tước vị Panchen Lama và truy tặng lên đến ba đời trước đó. Do vậy, Lobsang Chokyi Gyatsen được coi là Ban Thiền Lạt-ma đời thứ tư. Ban Thiền có nghĩa là "đại trí tuệ, đại học giả". Ông này được coi là hóa thân của vị đệ tử thứ tư (tức Kherabje) của tổ Tông Khách Ba (Tsong Khapa) thuộc Hoàng Giáo (Gelugpa) Tây Tạng. Vua Thuận Trị nhà Thanh phong cho Ban Thiền tước hiệu Bác-khắc-đa (Bác-khắc-đa là tiếng Mông Cổ, có nghĩa là Duệ Trí Anh Vũ). Đến đời Ban Thiền thứ năm, lại được Thanh Thánh Tổ (Khang Hy) phong thêm hiệu Ngạch-nhĩ-đức-ni (Erdeni), nghĩa là Quang Hiển. Ban Thiền thường được coi là hóa thân của Phật A-di-đà vì Đại-lai Lạt-ma thứ năm tự xưng là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ-tát. Ban Thiền đời thứ chín do bất hòa với Đại-lai nên chạy sang Trung Quốc sống ở Bắc Kinh, đến năm 1935 theo lời mời của Đại-lai thứ 13 mới trở về Tây Tạng, nhưng mất trên đường về. Vị Ban Thiền được tổ Ấn Quang nhắc đến ở đây xét theo niên đại chính là vị Ban Thiền thứ chín.

[227] Đại sư Hoằng Pháp (Kobo Dashi 774-835): Khai tổ Chân Ngôn tông Nhật Bản. Sư xuất gia năm 12 tuổi tại Hòa Tuyền Trấn Vĩ Sơn Tự, pháp danh là Giáo Hải, sau đổi là Như Không, thọ cụ túc giới ở chùa Đông Đại năm 14 tuổi, được đổi tên là Không Hải. Năm 15 tuổi, trong mộng từng cảm được kinh Đại Nhật, nhưng chưa giải ngộ. Năm 23 tuổi, vượt biển sang Trung Hoa, được thọ pháp Mật tông nơi A-xà-lê Huệ Quả chùa Thanh Long, được quán đảnh làm A-xà-lê, mật hiệu Biến Chiếu Kim Cang. Năm Đại Đồng nguyên niên (806), sư trở về Nhật Bản, giảng kinh Đại Nhật ở chùa Cửu Mễ thuộc Kinh Đô (Kyoto), cực lực hoằng dương Mật tông, biện luận khuất phục các vị Đạo Hùng của Hoa Nghiêm tông, Viên Chứng của Thiên Thai tông nên được triều đình cho phép hoằng dương Mật giáo rộng khắp nước Nhật. Ngài từng truyền thọ Mật pháp Kim Cang Giới cho các vị Tối Trừng (tổ dòng Thai Mật), Hòa Khí, Chân Cương

phái Trung Quốc, đều chê họ chẳng được chánh truyền như đại sư Hoằng Pháp, nhưng lúc chết rốt cuộc trở thành kẻ nghiệp thức mịt mờ, không có cội gốc gì để nương cậy. Ông ta đã thành Phật ngay nơi thân này, sao kết quả lại như thế? Mong ông hãy thấu hiểu thì may mắn lắm!

Tâm Bồ-tát ví như thái hư, không gì chẳng bao gồm, muốn lợi ích chúng sanh làm đủ mọi phương tiện, trước hết dùng dục để lôi kéo, sau dạy họ nhập Phật trí, chớ nên dùng tri kiến phàm phu để suy lường xằng bậy, bởi các ngài đã chứng pháp nhẫn, trọn không còn ta người, chỉ muốn nhiếp thọ hết thảy chúng sanh vào trong biển pháp đại giác của Như Lai. Nếu so lường, suy tính sẽ thuộc về tình kiến, chẳng thể ngầm khế hợp với đạo vô nhân ngã cho được. Nói các ngài bố thí đầu, mắt, tủy, não là thật, còn như nói bố thí kỹ nữ, thể nữ v.v., bất quá nhằm diễn tả rộng cái tâm Bồ-tát, chớ vì lời hại ý[228]. Nếu chấp chết vào từ ngữ để hiểu đoạn văn "kỹ nữ đầy khắp a-tăng-kỳ thế giới" thì sẽ an trí họ nơi đâu? Điều này nhằm hiển thị Bồ-tát trong ngoài đều bỏ được, trọn chẳng tham tiếc. Trong là đầu, mắt, tủy, não; ngoài là quốc thành, vợ, con, chẳng sanh tham đắm một pháp nào, vì thế trong sanh tử riêng ngài được giải thoát.

Những kẻ nhận bố thí, được nguyện lực của Bồ-tát nhiếp trì sẽ ngay trong lúc ấy hoặc vào đời sau không ai chẳng tự hưởng lợi ích liễu sanh thoát tử. Như vua Ca-lợi[229] cắt chặt thân thể [của tiên nhân Nhẫn Nhục], về sau thành người được độ đầu tiên tức ngài Kiều-trần-như. Tâm đại Bồ-đề lượng như thái hư sao có thể dùng tiểu tri tiểu kiến của phàm phu để dò lường cho được? Phải biết: phàm phu

---

v.v.. Năm Hoằng Nhân thứ bảy (817), sư được vua ban cho Cao Dã Sơn để kiến lập đạo tràng, được ban hiệu là pháp sư Truyền Đăng. Năm thứ 14, vua ban chiếu công nhận Cao Dã Sơn là đạo tràng vĩnh cửu của Mật tông. Sư nhập diệt năm Thừa Hòa thứ hai (835), thọ 62 tuổi. Những trước tác quan trọng nhất Biện Hiển Mật Nhị Giáo Luận, Bí Tạng Bảo Thược, Thập Trụ Tâm Luận, Tức Thân Thành Phật Nghĩa, Thanh Tự Nghĩa, Hồng Tự Nghĩa, Bát-nhã Tâm Kinh Bí Kiện (những tác phẩm này được coi là cơ sở lý luận kinh điển cho Chân Ngôn tông Nhật Bản), Phó Pháp Truyện, Ngự Di Cáo, Đại Tất Đàm Chương, Triện Lệ Vạn Tượng Danh Nghĩa, Văn Bút Nhãn Tâm Sao, Tánh Linh Tập v.v..

[228] Ý nói chớ hiểu lầm văn tự, đến nỗi không hiểu được ý nghĩa chân thật của kinh.

[229] Vua Ca-lợi (Kalingarā) là một vị vua trong kiếp quá khứ của Phật, đôi chỗ còn phiên âm là Yết-lợi vương, Ca-lăng-già vương, Yết-lăng-già vương, hoặc Già-lam-phù vương, hoặc dịch nghĩa là Đấu Tránh vương, Ác Sanh vương, Ác Thế vương, Ác Thế Vô Đạo vương. Thuở quá khứ, Phật là một vị tiên nhân tu Nhẫn Nhục, ông vua này ác nghịch vô đạo. Một hôm, vua rời cung du hành. Khi vua ngủ, các thị nữ bỏ đi chơi, gặp vị tiên nhân đang tọa thiền bèn ngồi lại nghe pháp. Vua tỉnh giấc, đi tìm, thấy vậy, ghen tức, sai người chặt chân tay tiên nhân. Tiên nhân vẫn không sân hận, lại còn thề khi thành Phật sẽ độ vua này trước. Vị tiên nhân khi ấy nay là Phật Thích-ca, vua Ca-lợi là ngài Kiều-trần-như.

chưa đắc pháp nhẫn trong tâm hãy nên kính mộ đạo Bồ-tát, nhưng hành động nên học theo những lý thông thường của phàm phu. Nếu không, bèn đối với việc trụ trì pháp đạo rất có thể bị phương ngại. Nếu chưa chứng Vô sanh pháp nhẫn tức là chưa trụ trì pháp đạo, cũng chẳng nên học theo những chuyện bỏ đầu, mắt, tủy, não v.v. của Bồ-tát, bởi sức mình chưa đủ, chẳng kham nhẫn chịu được, dù mình hay người đều không ích lợi gì. Phàm phu phải hành theo những gì mình có thể làm thì mới nên.

77. Thư trả lời cư sĩ Phan Đối Phù

Trước kia đại mộng chưa tỉnh, nên có xung đột, khôn ngăn hổ thẹn! Nay tỉnh mộng rồi, vốn chẳng muốn nói năng chi, nhưng sợ các hạ có chỗ chưa thấu tỏ nên phải bèn trình bày đại lược. Mạnh tử nói: "Có tiếng tăm không ngờ tới, ắt sẽ bị cái vạ chê trách cầu toàn." Mạnh tử nói lời ấy hết sức xác đáng, nhưng chưa nêu rõ được nguyên do. Phật nói hết thảy lợi, suy, đề cao, hủy báng, khen ngợi, chê trách, khổ, vui, mỗi điều đều có nhân trước đây nên hiện thời chịu quả. Hiểu rõ điều này thì chỉ nên tự sám hối túc nghiệp, hơi đâu oán trách người khác. Vì vậy, quân tử trên chẳng oán trời, dưới chẳng hờn người, hễ phú quý bèn sống theo phú quý, hễ bần tiện bèn sống theo bần tiện, hễ sống nơi mọi rợ bèn sống theo lối mọi rợ, gặp hoạn nạn bèn thuận theo hoạn nạn, được sủng ái bèn sợ, bị nhục chẳng oán, cảnh nghịch xảy đến bèn thuận theo, không gì chẳng tự tại tiêu dao.

Bài truyện ấy[230] viết vào năm Dân Quốc thứ mười ba (1924), ông ta ở công ty Duyệt Lai tại Thanh Đảo, gởi thư cho Quang, chứ quả thật chưa gởi tác phẩm đến, Quang cực lực chê trách, bảo ông ta hãy hủy bản cảo đi. Đến tháng tư năm nay, ông ta đem cuốn Niên Phổ do mình soạn đưa cho Quang xem. Trong phần Niên Phổ năm Dân Quốc thứ mười ba (1924) có chép đoạn văn ấy. Quang xé nát bài truyện ấy, cực lực quở trách, bảo ông ta là người như thế nào mà lại tự soạn Niên Phổ, cớ sao lại bịa chuyện hãm Quang vào cái tội cực đại "đem phàm lạm thánh, miệt thị những bậc tri thức Tông, Giáo và những bậc hiền sĩ, đại phu trong thiên hạ", bảo ông ta vĩnh viễn không được chép nữa! Đến tháng tám, do thúc giục nhà in ấn loát bản Quán Âm Tụng, đến đất Thân (Thượng Hải), từ nơi chỗ bè bạn, trông thấy bản văn của ông ta được in dầu[231], Quang đem về xé đi. Khi ấy, ông ta cũng đang ở nhờ chùa Thái Bình, tôi bảo ông ta: "Ông xưng tụng Quang như thế

[230] Bài Ấn Quang Pháp Sư Truyện do Mã Khế Tây viết.
[231] Du ấn: Một lối in dùng mực pha dầu để in, ta thường gọi là quay ronéo.

này, thật còn hơn cầm dao giết Quang trăm ngàn vạn lần, chớ nên lưu truyền", không ngờ bài ấy đã sớm gởi cho tờ Hải Triều Âm[232] đăng báo rồi!

Đến khi các hạ gởi bài tới, Quang vẫn cho rằng mới in chưa lâu, vẫn còn có thể thu thập được, cho nên mới bảo Úy Như khuyên các hạ tận sức thiêu hủy, mới là yêu thương tôi thật sự. Lại bảo những tờ lâm san[233], nguyệt san của Thượng Hải Cư Sĩ Lâm, Tịnh Nghiệp Xã đăng bài thanh minh kẻo người không biết tưởng ông ta thuận theo ý Quang mà viết bài đó. Đến khi các hạ gởi thư tới mới biết chẳng thể thu thập, bèn ngộ được sự lý của những lời Mạnh tử, Tử Tư[234], Phật đã nói, trong tâm không còn bận lòng về chuyện ấy nữa. Ấy là do túc nghiệp sai khiến, chỉ có thể oán đời trước ít chịu vun bồi, hơi đâu oán ông ta tạo lời đồn đãi xằng bậy. Đối với hành động ấy của Mã Khế Tây, và đối với hết thảy cảnh trước, Quang đều chẳng bận lòng nghĩ đến, may ra trở lại được với thiên chân của chính mình, rốt cuộc chẳng thẹn với tâm mình thì nhân họa bèn được phước, thật là may mắn lắm.

Các hạ in truyện ấy tùy ý các hạ, đốt đi cũng tốt, vứt đi cũng xong. Nếu như lòng thật yêu thương tôi, xin hãy đem những lời tôi khuyên răn ông ta trình bày tóm tắt độ vài trăm chữ in vào phần giấy trắng ở mặt trong bìa sách, ngõ hầu người không biết khỏi bắt chước theo thì càng tốt, chứ hoàn toàn chẳng phải nhằm rửa sạch lời vu báng ấy để khỏi bị người khác thóa mạ. Vì sao? Người ta thóa mạ càng nhiều, Quang được lợi ích càng sâu, bởi Quang không tự làm, lại bị thóa mạ, bèn được tiêu nghiệp chướng, tăng phước tuệ, như trong phần thứ mười sáu của kinh Kim Cang đã nói. Quang sắc lực suy nhược, bận rộn nhiều việc, đến nỗi công phu tịnh nghiệp xao nhãng thật đáng thẹn. Do nhân duyên này, chẳng tu mà được lợi ích, may mắn nào hơn!

78. Thư gởi cư sĩ Nhiếp Vân Đài

[232] Hải Triều Âm là tờ tạp chí Phật giáo trứ danh do đại sư Thái Hư, Tưởng Tác Bảo, Trần Nguyên Bá, Hoàng Bảo Thương v.v. sáng lập. Thoạt đầu báo có tên là Giác Xã Tùng Thư, ra số đầu vào tháng 11 năm Dân Quốc thứ 7 (1918), cứ ba tháng ra một số, đăng tải những bài nghiên cứu và hoằng dương Phật pháp. Sau khi phát hành được năm kỳ bèn đổi thành nguyệt san và đổi tên là Hải Triều Âm. Tờ báo này hiện vẫn còn đang phát hành tại Đài Loan.

[233] Lâm san: Tạp chí của Cư Sĩ Lâm.

[234] Tử Tư chính là cháu của Khổng tử, ông tên thật là Khổng Cấp. Tương truyền, Mạnh tử học đạo với ông này.

Nhận được lời của ngài khôn ngăn khâm phục, các hạ đã tiếp thừa được tâm pháp của Văn Chánh Công[235], vì thế có thể thoát ly tập khí phú quý, vui theo cái thiên chân của chính mình, chẳng bị vật chuyển. Còn như cuốn sách của ông X… nọ quả thật là diệu pháp để chấn hưng tình thế suy đồi, chỉ e ông X… nọ không có chí hướng ấy thì trọn chẳng có ích lợi gì. Nhưng phổ biến cho mọi người xem, ắt có người chịu hành theo. Trộm nghĩ nếu thúc đẩy nhân duyên đến cùng cực ắt có thể làm thánh, làm hiền, sẽ là bài văn chí lý để cứu thế; do sách ấy sẽ biết được đạo nhân quả thật sâu, thật xa.

Ông ta cho nhân quả là quyền tiệm Tiểu thừa, toàn là nghe lỏm nói mò đó thôi. Quang thường nói: "Nhân quả là phương tiện lớn lao để bậc thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Trong thời thế hiện tại, nếu chẳng đề xướng nhân quả, báo ứng, dẫu Phật Bồ-tát, thánh hiền cùng xuất hiện trong đời cũng chẳng làm gì được!" Lại nói: "Khéo dạy con cái là cái gốc để bình trị thiên hạ, nhưng dạy con gái là quan trọng nhất." Lại nói: "Quyền trị quốc bình thiên hạ, hàng nữ nhân chiếm quá nửa." Đời ít hiền nhân là vì thế gian thiếu hiền nữ! Có hiền nữ ắt có hiền thê, hiền mẫu vậy; có hiền thê, hiền mẫu mà chồng, con người ấy chẳng hiền cũng hiếm hoi lắm.

Trường học đề xướng nam nữ bình quyền, thật là chẳng biết thời thế. Phải biết, nam có nam quyền, nữ có nữ quyền, giúp chồng dạy con chính là thiên chức của người nữ, quyền ấy cực lớn. Chẳng thấu hiểu điều đó, cứ đề xướng phụ nữ tham dự chánh trị là bình quyền, đúng là không phân đen, trắng, tạo thành mối loạn. Ngu kiến của Quang là như vậy đó, không biết các hạ có chấp nhận hay không? Nếu không quá sai lầm, trái nghịch, dám mong các hạ hãy ra sức phát huy rộng rãi điều này, cũng là một phương cách hỗ trợ cho thế đạo chưa hẳn là không thể vãn hồi được.

79. Thư trả lời cư sĩ Kiều Trí Như

Phàm nhân làm việc phải nghiêm túc làm, chớ nên qua quýt, tắc trách, huống chi đệ tử Phật làm người giáo hóa trong nhà tù, có cái tâm cảm hóa con người, mang trách nhiệm thành tựu chánh khí. Sách Luận Ngữ nói: "Quân tử chẳng nghĩ ra ngoài địa vị." Đã nhận lãnh chức ấy ắt phải đặt nặng chuyện mong mỏi tù nhân sửa đổi tấm lòng, nhận lãnh sự giáo hóa thì công đức ấy lớn lắm.

[235] Văn Chánh Công là thụy hiệu của danh thần Tăng Quốc Phiên đời Thanh. Nhiếp Vân Đài chính là cháu ngoại của Tăng Quốc Phiên. Ông Tăng học rộng, văn chương tinh áo, có tài chính trị, cùng với Lý Hồng Chương, ông đã tích cực dẹp yên nội loạn dưới thời vua Quang Tự. Những trước tác của ông được tập hợp thành bộ Tăng Văn Chánh Công Toàn Tập rất nổi tiếng.

Ông nói ba vị nữ cư sĩ muốn quy y, hãy bảo họ nên ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, chẳng được cầu phước báo trời người trong đời sau, cần phải đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, kiêng giết, cứu vớt sanh mạng, khéo dạy con cái. Con cái tuy còn nhỏ, vạn phần chẳng được để chúng nó mặc tình quen thói kiêu ngạo, thường phải nói chuyện nhân quả báo ứng cho chúng biết, khiến cho trong tâm chúng thường mang lòng kinh sợ, tự nhiên chẳng đến nỗi mai sau làm chuyện thương thiên tổn đức.

Chuyện đề xướng nhân quả báo ứng ấy và khéo dạy con cái chính là căn bản pháp luân khiến thiên hạ thái bình. Đối với hết thảy mọi người đều nên dùng điều này để khuyên lơn, chứ chẳng riêng gì nữ nhân. Bà Trần Ngô Thị pháp danh là Chí Thanh, bà Khang Kim Thị[236] pháp danh là Chí Tịnh, bà Nghê Khang Thị pháp danh là Chí Trừng, nói chung thể hiện ý chí lìa khỏi thế giới trược ác này, sanh về cõi Phật thanh tịnh kia mà thôi. Mong ông gởi thư đến họ, nói kèm ý cầu chúc của Quang, khiến họ trở thành người chân thật tu hành, cũng như dạy con cái tu hành, ngõ hầu chẳng thẹn với đại sự quy y Phật pháp vậy. Thiên hạ trị hay loạn là do sự rèn luyện trong gia đình có đạo đức hay không, căn bản ấy là điều nghị luận thiết thực vậy.

80. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên

Nhận được thư biết pháp môn Tịnh độ ở quý địa do chính các hạ đề xướng khiến được thịnh hành, tôi lấy làm an ủi lắm. Quang chỉ uổng phô trương hư danh, chẳng có mảy may đức hạnh thật sự gì! Nhưng muốn người khác được ích lợi nên vờ phô trương thanh thế, dẫu tổn hại mình, nhưng có ích cho người khác cũng vui lòng. Như nói đến quả mơ miệng thấy chua, nghĩ đến vách đá, chân thấy run; tuy không phải là chuyện thật, nhưng người ta khởi tâm ấy cũng không phải là vô ích. Các hạ toan bắt chước chuyện cũ ở Từ Giác, thật là khiến cho Quang hổ thẹn không còn chỗ nào lánh được, Quang còn mong gởi đi 20 bộ Văn Sao, mong ông gởi cho những ai hữu duyên, cũng như giữ trong thư viện để người ta xem đọc lâu dài.

Lại như nay đề xướng Phật học, nên chuyên trọng pháp môn Tịnh độ và nhân quả báo ứng, dạy người dự vào liên xã ai nấy đều phải kiêng giết, cứu vật, ai nấy khéo dạy con cái. Đất nước hoang loạn do thiếu người hiền, nguyên nhân là do trong gia đình không khéo dạy mà ra, trong sự giáo dục gia đình thì sự giáo dục

[236] Đây là cách nói quen thuộc của người Tàu thời xưa, khi đã có chồng không gọi tên tục (nhũ danh) mà gọi ghép họ chồng và họ mình. Khang Kim Thị nghĩa là bà họ Kim vợ ông họ Khang.

của mẹ lại càng khẩn yếu. Vì thế, dạy dỗ con gái lại càng quan trọng hơn dạy con trai, có gái hiền ắt có vợ hiền, mẹ hiền. Con người lúc nhỏ có mẹ hiền, lớn lên có vợ hiền, muốn chẳng thành người hiền cũng không được. Đấy là "gốc chánh nguồn trong" để mong cầu thái bình yên ổn vậy, mong các hạ lúc đề xướng Phật học, hãy ra rả nhắc đến điều này ngõ hầu Phật pháp lẫn thế gian pháp đều được chấn hưng.

81. Thư trả lời cư sĩ Đường Đại Viên[237]

Xem thư ông thấy nói đến chuyện làm học sinh, khó khiến người ta không bật cười. Nay tôi nêu một thí dụ, ví như quan Ngự y ở Thái y viện, phàm là sách thuốc, gốc bệnh, bí quyết xem mạch[238], đọc nhuần như gương sáng hiện bóng, nhưng đến lúc chẩn bệnh bèn rối beng không biết đường nào mà lần, chẳng biết nên dùng thuốc gì, lời hỏi của ông chẳng khác với kiến thức của ông thầy thuốc ấy mảy may nào! Phật pháp vốn dạy người liễu sanh tử, chẳng phải chỉ là một kiểu nói năng cao siêu huyền diệu, những kẻ tri kiến hèn kém kia dùng triết học để nghiên cứu Phật pháp, ắt trước hết phải bảo cho họ biết duyên do Phật thuyết pháp là vì muốn đối trị tập khí của con người, rửa lòng gột ý, giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, từ bi, nhân nhượng, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử, tự lợi, lợi tha cùng chứng chân thường, tu tập dần dần, cho đến khi thành Phật đạo. Tất cả kinh giáo đều nhằm nêu tỏ những sự lý như trên vừa nói. Nếu chỉ mong hiểu rõ, chẳng muốn thật hành, khác gì kép hát đóng tuồng, còn nói là học sinh được ư?

Như ai thiên tư thông minh, mẫn tiệp, nghiên cứu các tông Tánh, Tướng chẳng trở ngại gì, nhưng vẫn phải lấy pháp môn Tịnh độ làm chỗ nương về, ngõ hầu chẳng đến nỗi có nhân không quả, biến diệu pháp liễu sanh thoát tử thành lời nói trơn tru ngoài miệng, không do đâu được lợi ích thật sự. Ắt phải trọng lòng kính, giữ lòng thành, xem kinh - tượng như vị Phật sống, chẳng dám chớm chút ý coi thường, ngõ hầu tùy lòng thành của mình lớn hay nhỏ sẽ được những lợi ích sâu

---

[237] Ông này là người Vũ Cương, tỉnh Hồ Nam, không rõ năm sanh, mất năm 1941. Thoạt đầu quy y với đại sư Ấn Quang, tu học Tịnh độ, sau ngả theo học Duy Thức, từng đảm nhiệm vai trò giáo vụ của Phật học viện Vũ Xương, chủ biên những tạp chí Hải Triều Âm, Đông Phương Văn Hóa. Ông cũng là trợ thủ trọng yếu cho sự nghiệp hoằng pháp của đại sư Thái Hư trong thời kỳ đầu. Ông viết rất nhiều về Duy Thức như các tác phẩm Phật Học Giảng Diễn Tập, Duy Thức Nghiên Cứu Thuật Yếu, Duy Thức Dị Giản...

[238] Chỉ chung các loại sách dạy về cách xem mạch chẩn bệnh như Bình Hồ Mạch Quyết, Vương Thúc Hòa Mạch Quyết.

hay cạn. Đối với người độn căn, hãy nên chuyên nghiên cứu pháp môn Tịnh độ. Nếu quả thật tin cho tới nơi, giữ cho chắc, nhất định trong đời này sẽ liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, so với những kẻ hiểu sâu xa kinh luận chẳng thật hành pháp môn Tịnh độ thì lợi ích đúng là khác biệt một trời một vực. Những điều vừa nói đó, bất luận là tư cách nào, lúc ban đầu cứ cho uống loại thuốc một vị này, bất luận những căn bệnh như tà chấp, thấy biết sai lầm, ngã mạn, phóng túng, đề cao thánh cảnh nhưng tự mình cam phận hèn kém, không bệnh nào kê thuốc *a-già-đà nhất vị* trị chung vạn bệnh này mà chẳng lành.

Ông học đầy một bụng Phật pháp, đối với hai loại học sinh ấy không biết làm sao? Cho thấy ông chỉ biết nói đến thuốc, chứ tự mình chưa từng thực hành; nếu ông thực hành, trọn chẳng đến nỗi ôm mối nghi ấy. Xưa kia, có kẻ coi các ngài Văn-thù, Phổ Hiền như bè bạn ngang hàng, đều là do không thể phân biệt chân ngụy, đến nỗi bối rối không biết làm sao, rất có thể coi ngụy là chân. Cha ông không thể ăn chay là do không chú tâm suy xét, quay trở lại quán thân. Nếu như thấy chính mình là con vật bị giết để ăn, sẽ trọn chẳng mong người ta giết mình ăn thịt. Nay có ngũ cốc để dưỡng mạng, vẫn còn muốn thỏa lòng tham, sanh tử chẳng xong, đến lúc bị người ta giết, thật đáng thương xót, nhưng không thể cứu giúp, buồn thay! Niệm Như đã xuống tóc, thọ giới, đương nhiên là chánh lý, cần gì phải chờ đợi! Chỉ cần xét kỹ tâm mình, và suy xét cảm tưởng trong lúc đối cảnh hằng ngày, nếu có thể tu dưỡng trong sạch bèn thành tựu tăng tướng. Dù có gần gũi khí tượng ấy, nhưng nếu khó trọn cái tâm sắt son trăm lần vấp ngã chẳng lùi thì lấy chồng vẫn tốt hơn, Niệm Quang cũng vậy!

Trong một số báo nào đó, ông cho đăng tải những lời nghị luận của hai người Niệm Như, Niệm Quang, Quang tôi trọn chẳng cho đó là đúng. Dẫu quả thật đó là lời của bé gái chín tuổi nói thì không đăng báo có mất gì đâu! Nếu là viết thác ra như thế lại thành dối đời lừa người, trở thành trá ngụy, nếu do chính những người đó viết thì chắc là tự kiêu, tự thị, trở thành ngã mạn. Đấy đều là vì ông gặp chứng bệnh không biết cách bốc thuốc vậy. Ông đã không coi Quang là vô tri thì Quang cũng chẳng ngại lấy vô tri làm hữu tri, thưa cùng ông: ông trọn chẳng biết pháp tắc dạy người tiểu căn nên mới làm như vậy, nếu ông biết sẽ trọn chẳng đăng báo! Hiển Ấm thiên tư cực thông minh, ông ta vốn háo thắng, háo danh, pháp sư Đế (ngài Đế Nhàn) chẳng thể cắt thuốc để đè nén cái bệnh phô trương, kiêu căng của ông ta, rồi sau ông ta đoản mạng chết đi. Đối với Niệm Quang, ông cũng giống như thế.

Cư sĩ Vô Đắc có cha già 60 tuổi, có nên xuất gia chăng? Nếu không xuất gia không cách nào nghe pháp tu hành, vẫn có cách bổ cứu. Nay những rào ngăn đã rỡ bỏ[239], người tại gia nghiên cứu tu tập nhiều như rừng, mà lợi ích sanh về Tây Phương cũng thường có chuyện như thế, cần gì phải bỏ cha xuất gia? Quang tuyệt đối chẳng tán thành chuyện này. Dựa theo sự thực mà nói, trong việc tu hành hiện thời, tu tại gia vẫn tốt hơn, vì sao? Do hết thảy vô ngại, người xuất gia có nhiều chướng ngại hơn người tại gia. Vì thế, những ai không thật sự phát đạo tâm đều trở thành phường hạ lưu, không ích lợi gì cho pháp, nhục lây đến Phật!

82. Thư trả lời cư sĩ Uông Vũ Mộc

Đính kèm thư của ông Uông:

"Vũ Mộc niệm Phật mười năm, biết đại lược chỉ thú. Trộm nghĩ, phương pháp niệm Phật dạy bởi các đại sư Linh Phong, Mộng Đông và bộ Văn Sao của thầy tôi đại để đều vì ngu phu, ngu phụ nói chung mà lập thuyết. Nếu bọn chúng tôi là những người thông hiểu văn tự, tâm tư phức tạp mà vẫn dùng phương pháp niệm Phật của hàng ngu phu, ngu phụ ấy, chắc chắn chẳng thể vãng sanh Tịnh độ. Ý kẻ hèn này cho rằng người niệm Phật cầu được vãng sanh, trước hết phải biết "người niệm Phật là ai", có thấy được vị chủ nhân ông thì niệm Phật mới có ích lợi, vãng sanh mới nắm chắc được! Chẳng riêng gì niệm Phật phải như thế, ngay cả niệm kinh, trì chú, cũng không thể không như vậy. Người ta bây giờ cứ động đến bèn nói "thật thà niệm Phật, chết lòng niệm Phật liền được vãng sanh", không biết rằng nếu không biết "người niệm Phật là ai" làm sao thật thà niệm Phật cho được, làm sao chết lòng niệm Phật cho được, dù có ngày đêm niệm mười vạn tiếng, đối với sanh tử nào có liên can chi! Có người đem chuyện "cổ nhân đa phần chuyên chú trì danh, chẳng tham cứu người niệm Phật là ai" để cật vấn, Vũ Mộc nói: "Đấy là chuyện của cổ đức sau khi đã tham cứu xong, kẻ sơ tâm chẳng thể bắt chước được!" Vũ Mộc thấy người niệm Phật ngày nay mười người hết chín chẳng hiểu ý chỉ này, thật đáng thương xót, thường luôn luôn rát miệng khuyên người, nhưng trong hàng cư sĩ có người cho tôi là kẻ tà kiến. Chân nghĩa của Phật pháp chìm tối đến như thế, khôn ngăn buồn đau than thở! Nay riêng tỏ bày nỗi ưu hoài, kính cầu ấn chứng, cũng như khai thị cho rõ thêm thì chúng sanh may mắn lắm, nào phải riêng mình Vũ Mộc may mắn mà thôi!"

* * *

[239] Ý nói những hạn chế về việc nghiên cứu kinh giáo đã bị bỏ đi, chẳng hạn như xưa kia tại gia cư sĩ không được nghiên cứu Luật tạng.

Xem kỹ thư ông gởi đến, khôn ngăn khâm phục. Các hạ muốn cho hết thảy mọi người tự thấy được bổn lai, thẳng lên thượng phẩm. Quán kinh nói "đọc tụng Đại thừa, hiểu đệ nhất nghĩa, phát tâm Bồ-đề, khuyến tấn hành giả" có phải là nói đến các hạ đấy chăng? Tuy nhiên, thuyết pháp phải xét căn cơ. Nếu chẳng xét căn cơ, trao lầm pháp dược, thì chẳng khác gì gã thầy thuốc dốt dùng thuốc giết người. Phải biết hai tông Thiền, Tịnh, quy về gốc là một, nhưng cách tu khác nhau: Thiền lấy thấy thấu triệt bản lai diện mục làm tông, Tịnh lấy tín nguyện niệm Phật cầu sanh làm tông. Nếu cõi đời đều là thượng căn thì những gì các hạ nói quả thật hữu ích, nhưng thượng căn rất ít, trung căn, hạ căn thật nhiều, chẳng dạy họ lấy tín nguyện cầu sanh mà lại dạy họ tham cứu "người niệm Phật là ai", tham thấu tỏ được thì may mắn vô cùng, nhưng vẫn phải chú trọng phát nguyện thiết tha cầu được vãng sanh. Nếu tham không thấu, trong tâm giữ hoài ý niệm không biết "người niệm Phật là ai" thì chẳng thể vãng sanh, sẽ trọn chẳng có chuyện cảm ứng đạo giao cùng Phật, đích thân được Phật tiếp dẫn.

Nhưng hiện thời người tham cứu thật sự đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ được mấy kẻ? Phàm ai hiểu "người niệm Phật là ai" chính là người đại triệt đại ngộ minh tâm kiến tánh vậy. Đừng nói ai khác, ngay đến các hạ cũng chưa hề đạt đến địa vị ấy! Vì sao biết các hạ chưa đạt? Vì nếu đạt, quyết chẳng dám nói những câu: "Các vị Linh Phong, Mộng Đông vì kẻ ngu phu, ngu phụ mà lập thuyết, không biết người niệm Phật là ai, dù có thật thà niệm Phật, chết lòng niệm Phật, cũng chẳng được gọi là thật thà, chết lòng. Dù ngày đêm niệm mười vạn tiếng, đối với sanh tử chẳng liên can gì!" Cũng như bảo: "Cổ nhân chuyên chú trì danh vì đã tham cứu xong. Sơ tâm chẳng thể bắt chước theo." Do vậy tôi nói rằng: tâm các hạ quả thật muốn tự lợi, lợi người, nhưng lời các hạ quả thật là mình lầm, làm người khác lầm, xin hãy nín lặng chớ nói. Nếu không một đại pháp môn phổ độ chúng sanh của Như Lai bị các hạ đóng chặt, lấp kín, không cách gì khai thông được. Tội ấy bằng với tội báng Phật, báng pháp, báng tăng, há chẳng thận trọng ư!

Các hạ thấy biết như vậy là vì chẳng biết khế lý khế cơ, lầm chấp pháp lợi lạc bậc thượng căn, nên khuyên khắp mọi người đều tu tập, thành ra thiên chấp, thấy lầm; đem pháp chẳng hợp căn cơ lầm lạc khuyên người khác tu, cho đó là chân nghĩa của Phật pháp. Quang tuy tầm thường, hèn kém, nào dám tán thành, chấp nhận cái tội báng Phật, báng pháp, báng tăng của các hạ ư? Nếu các hạ cho là không đúng, xin hãy quăng thư này vào ngọn lửa, ai theo đường nấy mà thôi. Quang há có thể cưỡng các hạ bỏ cái học của chính ông để theo cái học của mình

được sao? Chẳng qua các hạ hỏi đến, chẳng thể không thẳng thắn dâng lòng ngu thành, mong các hạ thấu hiểu cho thì may mắn lắm!

83. Thư trả lời sư Thịnh Cơ

Hôm qua nhận được thư thầy, khôn ngăn cảm thán. Thầy học Phật, há có nên dùng tri kiến của chính mình để suy lường cảnh giới Phật ư? Suy không thấu bèn nảy sanh nghi hoặc ư? Phàm chứng chân như thì tam tế[240] đều đoạn, mười giới[241] chìm hết. Do có nhân duyên nên cũng có thể trong một niệm hiện vô lượng kiếp, biến vô lượng kiếp thành một niệm, niệm và kiếp viên dung, nhưng hai thứ chẳng lẫn lộn. Thầy nói "mười sáu tiểu kiếp giống như một bữa ăn, năm mươi tiểu kiếp chỉ như nửa ngày" không thể có sự lý ấy, như vậy những chuyện kinh nói lớn nhỏ vào trong nhau, niệm và kiếp hiện lẫn nhau đều là nói dối ư? Như Lai lúc mới thành Chánh giác, hiện tướng Báo thân viên mãn, vì bốn mươi mốt địa vị Pháp thân đại sĩ nói kinh Hoa Nghiêm, hàng Nhị thừa trong hội chẳng thấy chẳng nghe, chỉ thấy đức Phật mang hình tướng một vị lão tỳ-kheo, pháp họ được nghe chính là sanh diệt tứ đế. Vì thế, kinh Duy-ma nói: "Phật dùng một tiếng diễn thuyết pháp, chúng sanh tùy mỗi loại đều được hiểu." Ông nói không có sự lý ấy hay sao? Phải biết, thời không phải là pháp nhất định, tùy mỗi người thấy khác nhau. Hãy gác cảnh giới của Phật, Bồ-tát lại; chỉ lấy cảnh giới của phàm phu, tiểu trí để bàn. Con của Chu Linh Vương là Tử Tấn[242] học đạo tiên, qua bảy ngày, xuất hiện tại Hầu Sơn, đã qua đời Tấn. Vì thế có thơ rằng:

Vương tử khứ cầu tiên,
Đan thành nhập cửu thiên,
Động trung phương thất nhật,
Thế thượng kỳ thiên niên.

(Vương tử học đạo tiên,
Đan thành[243] lên trời thẳm,

[240] Tam tế, còn gọi là tam thế, tức quá khứ, hiện tại, vị lai.
[241] Mười giới chính là thập pháp giới gồm lục phàm pháp giới (trời, người, súc sanh, a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ) và tứ thánh pháp giới (Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật).
[242] Tử Tấn: theo truyền thuyết ông này vốn là thái tử của Chu Linh Vương, thường được gọi là Vương Tử Tấn, tính thích thổi tiêu, vào Tung Sơn tu luyện 30 năm, sau cỡi bạch hạc bay lên tận đỉnh Hầu Sơn. Về sau thành tiên. Hầu Sơn nay thuộc huyện Yển Sư, tỉnh Hà Nam.
[243] Những người tu tiên về sau theo thuyết của Cát Hồng thường nấu luyện thủy ngân, chì, vàng, lưu huỳnh... theo những phương thức bí truyền thành một loại thuốc họ tin là uống vào sẽ trường sanh bất tử, thành tiên bay lên trời, gọi là kim đan. Vì thế, khi ai tu thành tiên cũng gọi là "đan thành" (luyện kim đan thành công). Rất nhiều người đã trúng độc chết do uống những thứ kim đan này.

Trong động vừa bảy bữa,
Ngoài đời gần ngàn năm.)

(Chữ kỷ 幾 đọc âm bình thanh, có nghĩa là gần. Từ Chu Linh Vương đến đời Tấn gần một ngàn năm).

Lại như Lữ Thuần Dương[244] gặp Chung Ly Quyền nơi quán trọ Hàm Đan, họ Chung khuyên học đạo tiên, ông Lữ muốn được phú quý rồi mới học, ông Chung đưa cho một cái gối bảo nằm ngủ. Họ Lữ mộng thấy làm quan chức từ nhỏ đến lớn, làm đến Tể tướng, 50 năm phú quý vinh hoa hiếm có trong đời, con cháu đầy nhà, vui sướng không tai ương. Về sau chỉ do một chuyện không hợp ý bề trên, bèn bị giáng. Tỉnh dậy, thấy lúc mới ngủ, chủ quán trọ nấu nồi cháo kê vàng; ra vào làm tướng, trong giấc mộng bao nhiêu là chuyện suốt cả 50 năm, đến lúc tỉnh, nồi cháo kê vàng vẫn chưa chín. Đấy chẳng qua là những cảnh do tiên hiện, trong một niệm còn hiện được những sự nghiệp cảnh giới trong 50 năm, huống chi là cảnh giới của Phật là trời của các vị trời, thánh của các thánh, cảnh giới của các vị Bồ-tát đã chứng pháp thân ư?

Vì thế, Thiện Tài vào lầu gác của Di-lặc Bồ-tát, vào trong lỗ chân lông của ngài Phổ Hiền, đều trong mười phương thế giới hành lục độ vạn hạnh, trải Phật sát vi trần số kiếp[245]. Ông xem đoạn kinh văn ấy có suy lường được hay không? Phải biết tam tế không có thật thể, phận phàm phu chỉ thấy được những cảnh phàm phu có thể thấy, chẳng nên vin vào cảnh được thấy bởi phàm phu rồi cho là Phật, Bồ-tát cũng giống như thế, trọn chẳng khác gì. Nay tôi dùng thí dụ để luận rõ, như tấm gương chiếu mấy mươi tầng nước non, lầu gác, thật không có gần xa, nhưng lại thấy xa gần rành rành. Sắc pháp thế gian còn được như thế, huống gì tâm pháp đã chứng duy tâm tự tánh? Bởi thế nói: "Trong một đầu lông, hiện cõi Bảo Vương[246], ngồi trong vi trần chuyển đại pháp luân." Mười đời xưa

[244] Lữ Thuần Dương: Tức Lữ Nham, tự Động Tân, đạo hiệu Thuần Dương Tử, là người huyện Vĩnh Lạc, Phố Châu. Trong thời Đường Vũ Tông (841-846), ông hai lượt thi rớt tiến sĩ, lúc ấy đã 64 tuổi, ở Trường An (Hàm Đan), gặp được tiên sinh Vân Phòng (Chung Ly Quyền), thị hiện giấc mộng như tổ Ấn Quang đã thuật trong đoạn văn trên. Họ Lữ tỉnh mộng, theo Chung Ly Quyền tu học, sau thành tiên.

[245] Cuối phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, sau khi tham học với năm mươi mốt vị thiện tri thức, Thiện Tài gặp vị thiện tri thức thứ 52 là ngài Di-lặc Bồ-tát. Di-lặc Bồ-tát dẫn Thiện Tài vào Tỳ-lô-giá-na tạng lâu các của mình. Thiện Tài quán sát những cảnh tượng trong ấy bèn tự chứng ngộ pháp thân.

[246] Bảo Vương là một danh hiệu tôn xưng đức Phật, nói đủ là Bảo Vương Như Lai, ý nói đức Phật quý báu không gì bằng. Cõi Bảo Vương tức là phạm vi hóa độ của đức Phật (tối thiểu là một tam thiên đại thiên thế giới).

nay, đầu cuối chẳng lìa cái niệm hiện tại, vô biên cõi nước, ta người chẳng cách đầu một sợi lông. Thầy đã phát tâm bế quan, hãy nên khẩn thiết chí thành lễ bái, trì tụng cầu tam bảo gia bị khiến cho nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước cao.

Phàm những gì thuộc cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chỉ nên ngửa tin lời Phật, chớ suy lường xằng. Nếu có thể khẩn thiết đến cùng cực, sẽ tự có thể hiểu rõ, cũng không cần phải hỏi ai khác. Nếu chẳng dốc sức khẩn thiết, chí thành lễ bái, trì tụng, suốt ngày lầm lạc suy lường những cảnh giới mà phàm phu chẳng thể suy lường được sẽ đi vào vết xe đổ của pháp sư Huyễn Nhân[247], muốn chẳng vướng lấy tội báo báng Phật, báng pháp, báng tăng, há có được chăng? Mong hãy sáng suốt suy xét thì may mắn lắm.

84. Thư trả lời cư sĩ Phương Viễn Phàm

Người thế gian bệnh tật phần nhiều đều do chính họ tự tạo, ngay cả căn bệnh của lệnh nghiêm[248] là do chẳng biết cẩn thận bụng miệng, ham ăn trái cây và những thứ lạnh mát mà ra. Đến khi mắc bệnh lại chẳng khéo dưỡng sức để khôi phục, cứ một mực thay đổi nhiều thầy thuốc. Mỗi khi thầy thuốc gặp được người bệnh giàu có liền hoan hỷ quá đỗi, bèn dùng đủ mọi phương pháp bày vẽ, rồi mới làm cho bệnh bớt đi, ngõ hầu thâu được nhiều tiền. Nhưng người giỏi thuốc cũng chỉ chữa được bệnh, chẳng thể chữa được nghiệp. Ngay như Tử Trọng mắc bệnh loét ruột, bác sĩ bảo không giải phẫu không được, bà thím Tư của ông chẳng cam lòng, bèn không chữa, cùng Đức Chương liều mạng niệm Phật, niệm kinh Kim Cang, năm ngày bèn khỏi. Căn bệnh ấy có thể nói là ngặt nghèo nhất, nguy hiểm nhất, nhưng không trị năm ngày bèn khỏi. Tử Tường bị điên là do túc nghiệp, do bà thím Tư của ông chí thành lễ tụng, nửa năm bèn khỏi. Cha ông đã quy y Phật pháp, hãy nên y theo lời Phật, chớ tin tưởng bác sĩ Tây y phải đến chữa tại y viện của họ.

Nếu như hết thảy bệnh đều do y học chữa lành, không chữa sẽ không lành thì hoàng đế và những kẻ đại phú quý xưa nay đều vĩnh viễn không đổ bệnh, cũng vĩnh viễn không chết mất. Nhưng kẻ nghèo khó lại ít bệnh, thường sống lâu, kẻ phú quý lắm bệnh, lại hay đoản thọ. Nguyên nhân vì đâu? Do một là tự gây ra bệnh, hai là do thầy thuốc gây nên bệnh. Có hai công năng tạo bệnh như thế mà muốn thoát khỏi bệnh khổ há có được ư? Mong ông hãy bảo cùng cha, không cần

[247] Pháp sư Huyễn Nhân là một nhà sư sống cùng thời tổ Ấn Quang. Sư không tin Tịnh độ, thường chê cười Tịnh độ. Trong Thái Hư Đại Sư Toàn Tập cũng có cho biết vị này từng tranh biện với tổ Ấn Quang.

[248] Lệnh nghiêm: tiếng gọi tỏ vẻ kính trọng cha người khác.

phải lên Thượng Hải cầu Tây y, cứ ở nhà cầu A-di-đà Phật, Quán Thế Âm Bồ-tát đại y vương, sẽ tự có thể không dùng thuốc mà bệnh lành. Cầu Tây y thì lành hay không chỉ có một nửa, cầu đại y vương thì hoặc là thân lành bệnh, hoặc là thân chưa lành nhưng thần thức chắc chắn thấy tốt hơn.

Nếu muốn được khỏe ngay, hoàn toàn phế bỏ những giới đã giữ trước kia, thật giống như khoét thịt thành vết thương, bị tổn hại vô ích. Khi Tây y chưa truyền vào Trung Quốc, người Trung Quốc có bệnh đều chẳng thể trị lành ư? Vì thế, phải buông vọng tưởng xuống, đề khởi chánh niệm, sẽ cảm ứng đạo giao, có thể tự khỏi hoàn toàn. Như nói "trời lạnh thân yếu, phải mặc áo tơ lụa; nếu không, chẳng thể sống được!" Nếu mượn cớ lạnh yếu để tự mong cầu loại vải nhẹ nhàng, hoa mỹ thì là kẻ không biết hổ thẹn, bởi phải giết mạng tằm quả thật không ít. Còn như chuyện uống a giao[249] càng không nên hỏi, có khác gì ăn thịt đâu! Uống a giao có khỏi lạnh được chăng? Nếu hằng ngày lễ bái thân thể tự nhiên sẽ mạnh mẽ, cần gì phải dùng a giao? Những người nghèo khó kia họ cũng sống qua được mùa đông, có ai cần dùng vải lụa, a giao đâu? Một lời tóm gọn hết: "không biết hổ thẹn" và "chẳng biết mình là hạng người gì" mà thôi! Mong hãy thấu hiểu thì may mắn lắm!

85. Thư trả lời cư sĩ Huệ Lãng

Nhận được thư khôn ngăn cảm khái, thẹn thùng. Quang là một ông tăng tầm thường chỉ biết đến cơm cháo, sao có thể cùng các vị luận bàn ngoại điển[250]? Nhưng đã nhờ cậy đến, chỉ đành nói đại lược duyên do. Muốn biết nghĩa lý ấy và chủ trương của Liệt Tử[251] thì trước hết phải biết mạng là vật gì, lực là vật gì, cũng như nơi ý ông ta hiểu hai chữ ấy nghĩa là gì, rồi mới bàn đến chủ trương thì mới là ngôn luận hữu ích cho thế đạo nhân tâm. Nếu điều gì cũng không biết thì cái thuyết lực mạng ấy, cả Nho lẫn Phật đều không chấp thuận.

Mạng là gì? Chính là quả báo của những gì đã làm trong đời trước, lại là những gì có được do thuận theo đạo nghĩa mà hành thì mới gọi là mạng. Cái gì có được do chẳng theo đạo nghĩa mà hành đều chẳng được gọi là mạng, bởi sau khi đạt được, cái khổ đời sau sẽ chẳng nỡ thấy nghe được nổi. Như trộm cướp tiền tài

[249] A giao: tên một loại thuốc, đặc sản của huyện A tỉnh Sơn Đông. Thuốc chế bằng cách dùng nước giếng A Tỉnh nấu da con lừa đen thành keo, nên gọi là a giao.
[250] Ngoại điển: Những kinh sách không phải của Phật giáo đều gọi là ngoại điển.
[251] Liệt Tử: Tức Liệt Ngự Khấu, một tư tưởng gia thời Chiến Quốc. Tác phẩm của ông ta cũng được gọi là Liệt Tử, hay gọi theo truyền thống Đạo gia là Xung Hư Kinh. Thiên văn sách được nói đến trong lá thư này chính là thiên Lực Mạng của sách Liệt Tử.

của người ta, dường như tạm thời giàu có, một mai quan phủ biết được, ắt phải đầu một nơi, thân một nẻo, sao có thể lấy cái vui tạm thời gọi là mạng cho được?

Lực là gì? Là những gì đã làm trong đời này. Nhưng cái làm ấy có hai thứ, một đằng là chuyên dùng tài trí mưu mô dối trá, một đằng là chuyên dùng khắc kỷ, giữ lễ để tu trì. Liệt Tử nói đến mạng lẫn lộn chẳng phân biệt, nói đến lực đa phần chú trọng đến mánh khóe, lừa dối. Vì thế, khi bị bắt bẻ "dẫu dốc sức nhưng sao vẫn bị mạng đè nén", không thể trả lời được! Liệt Tử xem chuyện Khổng tử bị khốn đốn ở đất Trần, đất Sái, xem chuyện Điền Hằng[252] chiếm nước Tề là mạng, như vậy còn có thể bảo là biết mạng được chăng? Khổng tử chẳng gặp được vua hiền, chẳng thể làm cho thiên hạ bình trị yên vui, là do nghiệp lực của dân chúng trong thiên hạ cảm vời, nào có liên can gì đến Khổng tử! Nhan Uyên chết yểu, nghĩa cũng giống như thế. Điền Hằng có được nước Tề là do soán đoạt mà được, sao có thể gọi là mạng? Nay tuy là vua Tề, nhưng một hơi thở ra không hít vào được, liền thành tù nhân trong địa ngục A-tỳ. Gọi đó là mạng thì chính là dạy người đừng tu đạo nghĩa mà hãy mặc sức cướp đoạt vậy!

Vì thế tôi nói: "Liệt Tử không biết mạng! Chẳng thấy Mạnh tử luận về mạng hay sao?" Cái mạng ắt phải do cùng lý tận tánh mà đạt được mới gọi là chân mạng. Nếu chẳng y theo đạo nghĩa mà được, hoặc chẳng y theo đạo nghĩa mà mất đều chẳng thể gọi là mạng. Liệt Tử luận về lực, đa phần thuộc về tài trí mánh khóe, biến trá, thánh hiền không thèm nói đến. Hiền thánh đều nói chuyện khắc kỷ, giữ lễ để tu trì: "Chỉ vì thánh mất niệm thành cuồng, nhưng cuồng khắc chế được niệm sẽ thành thánh. Nhà tích thiện ắt điều mừng vui có thừa, nhà chất chứa bất thiện ắt tai ương có thừa. Làm lành trăm điều lành giáng xuống, làm điều chẳng lành trăm họa ương giáng xuống. Cưa cây dõi theo dây mực ắt thẳng, vua nghe theo lời can gián nên thành thánh, thuận theo đạo dẫn đến điều tốt lành, trái nghịch lại là xấu, chỉ là do ảnh hưởng vậy. Đến năm mươi tuổi biết bốn mươi chín năm trước là sai, muốn giảm bớt lỗi nhưng chưa thể, cho ta sống thêm vài năm, năm mươi tuổi học Dịch hòng tránh lỗi lầm lớn. Ai cũng đều có thể là Nghiêu, Thuấn, kiêng dè cẩn thận ngay cả khi không bị nhìn thấy, kinh sợ ngay cả khi không bị nghe thấy", đấy đều là lực. Đấy chính là những gì đạo Nho nói.

Còn như Phật giáo thì hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật, dạy sám hối nghiệp cũ, cải ác tu thiện, phải mong sao đừng làm các điều ác, vâng

[252] Năm 418 trước Công nguyên, Điền Hằng đánh bại tướng của Tề Giản Công. Tề Giản Công phải bỏ trốn, sau bị giết, Điền Hằng trở thành vua nước Tề. Tề Giản Công là hậu duệ của Khương Thượng (Khương Tử Nha).

làm các điều thiện, dùng giới để giữ thân, chẳng làm điều phi lễ, dùng định để nhiếp tâm, chẳng khởi vọng niệm, dùng tuệ đoạn hoặc, thấy rõ bản tánh, đều dùng cái lực khắc kỷ, giữ lễ tu trì. Hành theo cái lực ấy còn thành được Phật đạo, huống gì những thứ thấp hơn ư? Vì thế, kinh Lăng-nghiêm nói: "Cầu vợ được vợ (cầu vợ là cầu người vợ hiền lành, trí tuệ, trinh tịnh; nếu không như thế, làm sao hướng về Bồ-tát cầu cho được) cầu con được con, cầu trường thọ được trường thọ, cầu tam-muội được tam-muội, như thế cho đến cầu đại Niết-bàn đắc đại Niết-bàn." Đại Niết-bàn chính là Phật quả rốt ráo, đều do y giáo tu trì mà được, lực ấy lớn lắm, nào có hạn lượng!

Viên Liễu Phàm gặp Khổng tiên sinh đoán những chuyện trước việc sau, nhất nhất ứng nghiệm, bèn cho rằng "mạng có nhất định"; về sau gặp thiền sư Vân Cốc[253] khai thị, bèn ra sức tu trì cẩn thận, những điều ông Khổng đã đoán, không ứng nghiệm mảy may nào. Liễu Phàm là người hiền, dù ông ta có làm xằng, làm bậy, lời đoán của ông Khổng cũng chẳng linh. Do vậy biết rằng: Hiền thánh răn đời chỉ chú trọng tu trì, Như Lai dạy người cũng giống như thế. Vì vậy, Phật nói pháp môn Quyền, Thật, Đại, Tiểu, không gì chẳng nhằm làm cho chúng sanh đoạn trừ hoặc nghiệp huyễn vọng, chứng triệt để Phật tánh vốn sẵn có. Vì trong đời có kẻ cực ngu, cực độn, tu trì lâu ngày liền trở thành đại trí tuệ, đại biện tài. Liệt Tử quy hết thảy về mạng chính là ngăn trở cái chí mong thành thánh, thành hiền của người khác, khen ngợi cái tâm soán đoạt, gian ác, khiến kẻ thấp hèn bị họa hại vô cùng, người bậc thượng cũng nhụt chí phấn đấu gắng công cùng thời thế, đến nỗi suốt đời chẳng được dự vào hàng thánh hiền, trở thành một kẻ tầm thường xoàng xĩnh. Thiên văn sách ấy (tức thiên Lực Mạng trong sách Liệt Tử) hoàn toàn vô ích cho đời, nào có giá trị gì đáng để nghiên cứu! Quang lúc nhỏ không nỗ lực, tuổi già chẳng biết gì, ngẫu nhiên có ai hỏi đến, cứ mặc tình đáp theo ý mình, đúng hay sai mặc người chỉ dạy. Hơn nữa, Quang tuổi gần bảy mươi, tinh thần suy lụn, lại thêm bận việc quá nhiều, thật chẳng thể gắng gượng được, xin đừng đem những chuyện như thế này lại hỏi. Nếu còn hỏi nữa sẽ gởi lại nguyên thư, quyết chẳng hồi đáp kẻo khỏi vô ích cho người, tổn hại cho mình. Mong hãy sáng suốt xét soi thì may mắn lắm.

[253] Hòa thượng Vân Cốc không rõ năm sanh và mất, là một vị cao tăng thuộc tông Lâm Tế, sống vào thời Nam Tống. Thoạt đầu theo học với Thạch Khê Nguyệt Tâm, được nối pháp vị này. Năm Bảo Hựu thứ 4 (1256) đời Tống Lý Tông, sư trụ trì chùa Thánh Thọ ở Tô Châu, rồi chùa Bản Giác ở Gia Hưng, chùa Khai Nguyên ở Kiến Ninh (Giang Tây), cuối cùng trụ trì chùa Vân Nham tại núi Hổ Khâu ở phủ Bình Giang, còn để lại bộ Vân Cốc Hòa Thượng Ngữ Lục gồm 2 quyển.

86. Thư trả lời Bàng Khế Trinh

Thiền sư Đạo Tế[254] là bậc thánh nhân đại thần thông, muốn cho hết thảy mọi người sanh tâm chánh tín, nên thường hiện những chuyện chẳng thể nghĩ bàn, như uống rượu, ăn thịt để che giấu cái đức của bậc thánh nhân, ngõ hầu kẻ ngu thấy ngài là người điên cuồng, chẳng theo khuôn phép, do đó chẳng thể tin tưởng. Nếu không, ngài sẽ chẳng thể ở trong thế gian này. Phàm Phật, Bồ-tát hiện thân, nếu thị hiện giống như phàm phu thì chỉ dùng đạo đức để giáo hóa người khác, trọn chẳng hiển lộ thần thông. Còn nếu hiển lộ thần thông sẽ chẳng thể ở trong thế gian này. Chỉ khi nào thị hiện điên cuồng mới có thể hiển lộ thần thông không trở ngại gì, chứ không phải là người tu hành đều nên uống rượu, ăn thịt vậy! Người lành trong thế gian còn chẳng nên uống rượu ăn thịt, huống gì đệ tử Phật. Nếu muốn giáo hóa chúng sanh nhưng chính mình chẳng y giáo phụng hành thì chẳng những chẳng thể làm cho người khác sanh lòng tin, trái lại còn khiến họ thoái thất tín tâm. Vì thế, chẳng thể học đòi uống rượu, ăn thịt. Ngài ăn thứ chết vào, mửa ra thứ sống, ông ăn thứ chết vào còn chẳng thể mửa ra miếng thịt nguyên dạng, làm sao học đòi ngài ăn thịt cho được? Ngài uống rượu vào, bèn có thể biến thành vàng để thếp tượng Phật, có thể khiến cho vô số cây gỗ lớn từ trong giếng trồi lên. Ông uống rượu vào, khiến cho nước giếng còn chẳng trồi lên nổi, sao học đòi ngài cho được? Truyện Tế Công có mấy thứ, chỉ có truyện Túy Bồ-đề là hay nhất. Gần đây, truyện ấy được lưu truyền đến tám loại, đa phần do người đời sau thêm thắt. Túy Bồ-đề cả văn lẫn nghĩa đều hay, thuật những chuyện đều là sự thật khi ấy. Người đời chẳng biết nguyên do, nếu không học đòi xằng bậy thì lại lầm lạc hủy báng, học xằng sẽ quyết định đọa địa ngục A-tỳ, hủy báng bậy bạ chính là đem tri kiến phàm phu dò lường bậc thánh nhân thần thông, cũng là tội lỗi. So với những kẻ học đòi, còn nhẹ hơn nhiều lắm! Thấy chỗ chẳng thể nghĩ bàn, nên sanh kính tín, thấy chỗ uống rượu ăn thịt trọn chẳng chịu học, sẽ được ích lợi chẳng bị tổn hại, mong hãy thấu hiểu thì may mắn lắm!

---

[254] Đạo Tế (1150-1209), người huyện Lâm Hải (tỉnh Chiết Giang) đời Tống, thuộc phái Dương Kỳ tông Lâm Tế. Sư họ Lý, tên Tâm Viễn, tự là Hồ Ẩn. Năm 18 tuổi, xuống tóc tại chùa Linh Ẩn, thị hiện cuồng điên, ăn thịt chó, uống rượu, nên người đời gọi là Tế Điên. Trước sau, sư tham học với các vị Pháp Không Nhất Bổn chùa Quốc Thanh, Đạo Thanh ở chùa Kỳ Viên, Đạo Tịnh chùa Quán Âm, sau trở thành môn hạ của ngài Hạt Đường Huệ Viễn ở núi Hổ Khâu, nối pháp vị này. Sư lại ở nhờ chùa Tịnh Từ, khi chùa bị cháy, sư bèn đi quyên mộ xây dựng lại. Sư thường hiện nhiều chuyện thần dị. Chẳng hạn như cư dân ở Tần Hồ ăn ốc chặt bỏ phần đuôi vỏ ốc. Sư thường nhặt lấy bỏ xuống hồ, ốc sống lại không có đuôi. Năm Gia Định thứ hai (1209), sư đoan tọa nhập diệt, thọ 60 tuổi.

87. Thư trả lời cư sĩ Viên Văn Thuần

Nhận được thư của Đại Viên cho biết cư sĩ và phu nhân cùng lệnh lang đều muốn quy y với Quang, nhưng Quang là một ông tăng chỉ biết cơm cháo hủ bại không ra gì, Đại Viên chẳng xét tường tận nên lầm lạc quy y. Sao cư sĩ lại noi theo cái sai lầm ấy, chẳng coi đó là nhơ bẩn vậy? Tuy nhiên, tượng Phật bằng đất nặn, gỗ chạm, kính trọng cũng có thể sanh phước, ông đã phát tâm, bèn đem lầm lạc đáp tạ lầm lạc, một mai ngộ ra đó chẳng phải là Phật thật cũng chẳng ngại gì chuyển sang kính trọng vị Phật thật, cố nhiên chưa hề không thể được!

Nay đặt cho ông pháp danh là Trí Thuần, lệnh phu nhân là Trí Bổn, bởi chúng sanh vốn sẵn có Phật trí, do phiền não xen tạp như vàng trong quặng, chẳng thể thật sự thọ dụng nên cái trí sẵn có ấy biến thành vọng tri. Tuy vọng tri ấy từ bổn trí mà khởi, nhưng thể và dụng của bổn trí hoàn toàn bị mất. Nếu xoay ngược lại, niệm Phật để nhiếp tâm thì trí sẽ dần dần quy về thuần, đạt được bổn. Đấy là đại ý đặt tên cho vợ chồng ông vậy, chẳng biết có hợp ý ông hay không? Thêm nữa, Trí Bổn đã có thể một tháng ăn chay mười ngày, một năm ăn chay ba tháng, sao không trường trai? Ăn thịt loài vật để nuôi thân ta, con người ta vốn đã quen nên yên lòng; hãy thử nghĩ lại, ắt sẽ run sợ chẳng yên, huống gì thật sự giết chúng để ăn hay sao? Mạnh tử nói: "Nếu biết điều gì là phi nghĩa thì nó sẽ mau kết thúc." Chồng và con đều trường trai, sao bà nỡ chẳng ăn chay trường? Chánh nhân tịnh nghiệp lấy từ tâm không giết, tu thập thiện nghiệp làm điều đầu tiên, người ăn thịt, dẫu chẳng tự giết cũng khó tránh khỏi sát nghiệp, bởi không giết sẽ không có thịt, dùng tiền ép người giết thay cho mình.

Phù Cầu nên gọi là Phước Cầu, cái họa trên hoàn cầu là do không biết sự lý nhân quả báo ứng sanh tử luân hồi, nên tâm mình mặc tình dã man, gây nên thảm sự kẻ mạnh ăn thịt kẻ yếu, tàn hại lẫn nhau. Ông đã quy y Phật pháp, chính mình hãy nên thực hành sự này, do mình tự hành sẽ dần dần thấu đến người khác, khiến cho hết thảy trong là quyến thuộc, ngoài là xóm giềng, làng nước và hết thảy những ai quen biết cùng biết đến lý này, cùng đều chẳng làm các điều ác, cùng vâng làm các điều thiện, kiêng giết, bảo vệ sanh vật, ăn chay, niệm Phật thì sát nghiệp tiêu, phong tục thuần hậu, thần và người hòa thuận, thiên hạ thái bình.

Hai câu "đừng làm các điều ác…" chính là Giới kinh nói giản lược của ba đời chư Phật, chớ nên coi thường, phải xét kỹ từ nơi khởi tâm động niệm. Nếu có thể thực hiện điều này đến cùng cực sẽ còn có thể thành Phật đạo, huống là những quả vị phước tuệ khác. Trong kinh Đại thừa, Phật đã nói đến nhiều lần, chứ không phải câu này trích từ bài Âm Chất Văn, mà chính là Văn Xương Đế Quân trích

dẫn kinh Phật vậy. Còn những thuyết tu trì tịnh nghiệp khác trong Văn Sao đã nói đủ, không cần phải viết cặn kẽ. Đường đời hiện thời chính là tình thế hoạn nạn, nếu chẳng lấy A-di-đà Phật, Quán Thế Âm Bồ-tát để làm chỗ nương tựa mà thường niệm, khi họa hoạn xảy tới, hoặc gặp chuyện bất trắc và những chuyện thình lình xảy tới, kêu suông ích gì? Nếu trì niệm sẵn ắt sẽ được ngầm chuyển dời, huống khi sanh tử xảy đến, ai cũng phải có ngày này, vì thế phải nên thường nghĩ đến khi lâm chung thì sẽ chẳng phí sức theo đuổi hết thảy những vọng tưởng trái phận và những pháp môn chẳng giúp ích gì cho việc liễu sanh tử, bỏ phế không tu pháp quyết định có thể nương cậy để liễu sanh tử này. Nguyện vợ chồng, cha con ông cùng không cho lời Quang là hủ bại thì may mắn lắm.

Chúng sanh đời mạt căn cơ hèn kém, chẳng nương theo pháp môn Tịnh độ, quyết định chẳng nhờ đâu liễu thoát được. Những phường ham cao chuộng xa, đa phần vượt quá phận mình, tự kiêu, biết được sự uyên thâm của lý tánh Thiền, Giáo, bèn chẳng chú trọng Tịnh độ. Do vậy, bỏ Phật lực cậy vào tự lực, hóa ra đến lúc kết cục đều trở thành gieo cái nhân xa, trọn chẳng được lợi ích thật sự. Trí Bổn đã kết nghĩa vợ chồng cùng ông, nếu ông thật hành, lâu ngày chầy tháng bà ta trông thấy sẽ được cảm hóa, không còn phải lo lắng nữa. Đàm Bích Vân ham gấp thành tựu, không phải mình ông ta mắc căn bệnh này, hết thảy người học Phật, đa phần phạm phải căn bệnh ấy. Đã có căn bệnh ấy, nếu không chiêu cảm ma cảnh cũng sẽ chưa đắc nói là đã đắc. Phải biết tâm vốn là Phật, do chưa trừ phiền não nên phải oan uổng làm chúng sanh, hễ tiêu diệt được phiền não, Phật tánh sẵn có sẽ tự nhiên hiển hiện giống như mài kính vậy, chỉ mong trừ sạch chất bẩn, đừng lo không có ánh sáng. Giống như chữa bệnh mắt, trừ được màng mộng, mắt tự sáng lại; khi chưa trừ sạch cấu uế, chưa khử được màng mộng, muốn cho quang minh sáng tỏ há có được ư? Nếu quang minh có phát thì chỉ là yêu ma hiển hiện, quyết chẳng phải là quang minh thật sự của kính hay mắt vậy. Phàm với những ai mới phát tâm đều nên đem ý này bảo rõ.

88. Thư trả lời cư sĩ Viên Phước Cầu

Ông nói do Phật Học Toát Yếu[255] chợt nảy sanh chánh tín thì một là do thiện căn đời trước, hai là do nghiêm từ[256] un đúc nên được như vậy. Ấn Quang là một

[255] Tác phẩm này do ông Đinh Phước Bảo biên soạn. Trong Ấn Quang Văn Sao Tam Biên, quyển 4, phần thư gởi cho Đinh Phước Bảo, tổ có khen ngợi: "Sách này từ cạn vào sâu, sự tích nhân quả, luân hồi báo ứng và vãng sanh Tây Phương đều như đèn soi cho người đang ở trong nhà tối."

[256] Nghiêm từ: tiếng gọi tỏ vẻ kính trọng cha mẹ người khác.

ông tăng tầm thường, đối với pháp đạo chẳng hiểu biết gì, chỉ tin tưởng chắc chắn nơi Tịnh độ mong mang nghiệp vãng sanh; với những ai có chí nguyện tương đồng bèn tùy tiện lấy việc đối đáp làm sự nghiệp của chính mình. Về ý tợ hồ có thể dùng được nhưng văn bút nông cạn, kém cỏi, thật đáng bị bậc cao minh chê cười, khôn ngăn hổ thẹn, bàng hoàng, sao dám nhận tiếng khen "văn từ lẫn nghĩa lý đều viên diệu" cho được. Chẳng sợ vì thế phải vướng lấy tội khiên "đem phàm lạm thánh" hay sao?

Như nói đến niệm Phật tam-muội, nói có vẻ dễ, đạt được thật khó! Chỉ nên thường nhiếp tâm, khẩn thiết niệm, lâu ngày sẽ tự đạt được. Dù chẳng thể đạt được, vẫn do công đức tin tưởng chân thành, nguyện thiết tha, nhiếp tâm tịnh niệm ắt sẽ ngầm được đức Phật tiếp dẫn, mang nghiệp vãng sanh. Sự nhất tâm, nếu ước về lý theo như đại sư Ngẫu Ích đã phán định thì còn chưa phải là thân phận của người tu hành hiện thời, huống gì lý nhất tâm ư? Vì đoạn kiến tư hoặc mới gọi là sự nhất tâm; phá vô minh chứng pháp tánh mới gọi là lý nhất tâm. Nếu là bậc trong ngầm tu hạnh Bồ-tát, ngoài hiện làm phàm phu thì với hai thứ nhất tâm này cố nhiên đều chẳng khó khăn gì, nhưng nếu thật sự là hạng phàm phu đầy dẫy phiền não thì sự nhất tâm còn chưa mấy ai đạt được, huống gì lý nhất tâm? Xin hãy xem kỹ bức thư trao đổi thật dài giữa Ấn Quang và vị cư sĩ X… ở Vĩnh Gia ắt sẽ biết.

Còn như sau khi ngộ Vô sanh, hộ trì, gìn giữ, tiêu dung tập khí còn thừa sót, lúc ấy sẽ tự hiểu rõ, cần gì phải hỏi trước? Như người uống nước, lạnh nóng tự biết. Nếu không, dù người uống có mô tả đến mười phần đích xác, người chưa uống rốt cuộc vẫn chẳng biết mùi vị ra sao! Vì cư sĩ xem chuyện ngộ Vô sanh nhẫn là dễ dàng, lại sợ mình ngộ rồi chẳng biết gìn giữ hộ trì đến nỗi các tập khí khác lại khởi lên, được rồi lại bị mất đi nên mới hỏi như thế. Chân vô sanh nhẫn, kẻ tiểu căn thật không thể đạt được, vì phải phá vô minh chứng pháp tánh, thấp nhất là bậc Sơ trụ Bồ-tát trong Viên giáo, hoặc bậc Sơ địa trong Biệt giáo mới hòng làm được, nói dễ dàng sao! Xin hãy hành theo những gì đã nói trong Ấn Quang Văn Sao, đợi đến khi nào biết được gốc ngọn của pháp môn Tịnh độ cũng như tín nguyện hạnh chẳng bị các dị thuyết của hết thảy tri thức lung lạc, khi ấy nếu còn thừa sức sẽ chẳng ngại gì nghiên cứu kèm thêm các kinh luận Đại thừa để mở mang trí thức hòng làm căn cứ hoằng dương Tịnh độ. Như thế dẫu là phàm phu, vẫn có thể tùy cơ lợi sanh, hành Bồ-tát đạo, đừng lầm mong cao xa, sợ rằng chẳng rõ sự lẫn lý, khó khỏi bị ma dựa. Lá thư dài trả lời vị cư sĩ X… ở Vĩnh Gia chuyên trị căn bệnh ấy. Bệnh ông và bệnh ông ấy tuy tên gọi khác nhau, nhưng

tánh chất là một. Cố nhiên Quang chẳng muốn nói nhiều, mong ông sẽ lãnh hội nơi lá thư đó.

Phải biết người đã ngộ rồi và người chưa ngộ tu trì vẫn giống nhau, nhưng tâm niệm lại khác. Người chưa ngộ Vô sanh thì cảnh chưa xảy đến bèn săn đón, cảnh hiện tiền bèn nắm níu, cảnh qua rồi bèn nghĩ nhớ (hai chữ *"phan lãm"* 攀攬 (tạm dịch là "nắm níu") chỉ chung những ý niệm yêu ghét, ưa nhàm, đừng nói là yêu mến mới là nắm níu, còn ghét nhàm không phải là nắm níu). Người ngộ Vô sanh thì cảnh tuy sanh diệt nhưng tâm không sanh diệt, giống như gương sáng, đến không dính, đi không lưu dấu. Tâm đối cảnh như gương hiện hình, trọn chẳng có mảy may tư tưởng chấp trước đam luyến. Tuy là đối cảnh vô tâm, nhưng sóng trào biển hạnh, mây phủ cửa từ, phàm mọi cương thường luân lý thế gian và những chuyện thượng hoằng hạ hóa mỗi mỗi đều nỗ lực thực hành. Dẫu mất thân mạng, cũng chẳng trái vượt. Lại đừng tưởng "đối cảnh vô tâm" là đối với những chuyện tu trì tự lợi, lợi tha, thượng hoằng hạ hóa đều bỏ sạch; nếu hiểu vậy là dính sâu vào *không ma*, đọa vào *ngoan không*. Do vậy, bác không nhân quả, mặc tình làm điều tối tăm, trở thành đem phàm lạm thánh, hoại loạn Phật pháp, gây nghi ngờ, lầm lạc, là hạt giống địa ngục A-tỳ. Chuyện này quan hệ rất sâu, do vậy Quang chẳng thể không trình bày đại lược sự lợi hại vậy. Con người hoằng được đạo, chứ không phải đạo hoằng người, thế gian loạn là do ác nghiệp của chúng sanh đồng phận cảm vời, các thuyết tà vạy, hủy báng cũng thế. Phong tục cõi đời biến đổi thoạt đầu là do một hai người phát khởi; trị loạn, tà chánh, không gì đều chẳng phải vậy. Sao không luận nơi sức người có thể chuyển biến mà lại chuyên quy về Phật, Bồ-tát hiển lộ thần thông biến hóa? Không phải là Phật, Bồ-tát chẳng thể hiển lộ thần thông biến hóa, nhưng vì chúng sanh nghiệp nặng nên cũng không làm gì được. Ví như mây dày sương phủ kín, mờ mịt chẳng thấy được mặt trời, há có thể nói là mặt trời không có hay sao?

Con người cùng trời đất gọi là tam tài; tăng, Phật và pháp gọi là tam bảo, gọi như thế là vì ý nghĩa tham dự hỗ trợ công cuộc sanh trưởng, hoằng dương pháp đạo, ông muốn chuyên vứt bỏ sức người, phó mặc cho sức của Phật, Bồ-tát, thiên địa, thì còn có thể được gọi là biết đạo hay chăng? Đời đại loạn, đại bi Bồ-tát thị hiện cứu giúp cũng chỉ cứu được người hữu duyên, do loạn là đồng nghiệp, còn những túc nhân (nhân trong đời trước), duyên hiện thời chính là biệt nghiệp. Có biệt nghiệp cảm được Bồ-tát thì sẽ được Bồ-tát gia bị cứu giúp, há nên bàn luận hỗn độn. Phương tiện thuận nghịch của Bồ-tát, sự cứu giúp chúng sanh, chẳng phải là chỗ thấy biết của kẻ thấy lầm biết sai.

Nay tôi vì ông nêu một thí dụ, do đây sẽ suy ra, đừng nói chi Bồ-tát, dẫu là oan gia thật sự cũng có thể khéo tạo thành nền tảng để nhập đạo thành Phật. Chư Phật lấy tám khổ làm thầy, thành vô thượng đạo, khổ là cái gốc để thành Phật. Thêm nữa, Phật dạy đệ tử lúc ban đầu phải tu quán bất tịnh, quán lâu ngày sẽ đoạn hoặc chứng chân, thành A-la-hán, như vậy bất tịnh lại chính là cái gốc của thanh tịnh. Người châu Bắc Câu-lô[257] trọn không có khổ, vì thế chẳng thể nhập đạo; Nam Diêm-phù-đề sự khổ quá nhiều nên người nhập đạo liễu sanh tử chẳng thể tính nổi số. Giả sử thế gian trọn không có những nỗi khổ sanh lão bệnh tử, đao binh, thủy, hỏa v.v. thì ai nấy sống say chết mộng trong vòng dục lạc, ai chịu phát tâm xuất thế để cầu liễu sanh thoát tử? Còn như nói người nắm giữ quân mạnh, ở địa vị cao, gây ra đủ mọi chuyện khổ não chúng sanh cũng rất có thể là bậc đại bi thị hiện đó chăng? Nghĩa này chỉ có thể nói với người thông hiểu, chẳng thể nói cùng kẻ vô tri thức. Nếu là người thông suốt thì dù gặp ác ma thật sự cũng được lợi ích; kẻ vô tri nếu biết nghĩa này sẽ chẳng biết phát tâm tu hành, trái lại còn hủy báng Phật pháp. Ví như dùng thuốc, trẻ nít chẳng chịu uống thuốc, bèn bôi lên vú, trẻ không uống bèn thành ra uống. Ông muốn làm bậc thông nhân phô rộng nghĩa này thì hại người nhiều, lợi người ít, xin hãy im lặng, chớ bàn nói xằng. Cảnh giới của Phật, Bồ-tát, phàm phu chẳng thể dò lường được!

Trung Quốc nghèo yếu là do chẳng nương vào lễ nghĩa, nếu y theo lễ nghĩa đâu đến nỗi yếu nghèo. Thử hỏi đến cái nhân của sự yếu nghèo chẳng phải điều thứ nhất là do bọn tham quan ăn hối lộ làm lợi cho ngoại nhân đó ư? Ông chưa nhận rõ nguồn bệnh, nên mới nói thuốc không kiến hiệu, có thể gọi là trí hay chăng? Ngoại quốc mạnh là vì nước họ nhỏ, nếu chẳng đồng tâm hiệp lực, sẽ

[257] Châu Bắc Câu-lô (Uttara-kuru), còn phiên là Bắc Uất-đan, Bắc Đan-việt, Uất-đan-việt, Uất-đa-la-la-cứu-lưu, Ốt-đát-la-câu-lô, dịch nghĩa là Thắng Xứ, Thắng Sanh, Cao Thượng. Theo các kinh Trường A-hàm, kinh Đại Lâu Thán, kinh Khởi Thế, kinh Đại Pháp Cổ, Lập Thế A-tỳ-đàm Luận và Câu-xá Luận thì Uất-đan-việt là một trong bốn đại châu ở quanh núi Tu-di, thuộc vùng biển nước mặn ở phía Bắc Tu-di. Châu này vuông vắn, mỗi bề rộng hai ngàn do-tuần, hình dáng như nắp hộp, được bao quanh bởi bảy núi vàng và núi Đại Thiết Vi. Vàng ròng làm đất, ngày đêm luôn sáng sủa. Nhân dân cõi ấy mặt mũi giống nhau, luôn an vui, không có những khổ nạn, người ác, tranh chấp. Đồ vật toàn bằng chất báu như vàng bạc, lưu ly… Mọi tài sản là của chung. Nam nữ sống riêng mỗi nơi, nếu khởi dâm dục bèn ân ái cùng nhau. Người nữ mang thai bảy ngày bèn sanh con, đặt bên vệ đường, mọi người đều đến nuôi dưỡng, dùng đầu ngón tay đút cho liền tiết sữa. Bảy ngày liền khôn lớn, bằng với người hai mươi tuổi ở Diêm-phù-đề, sống thọ ngàn năm. Đến khi lâm chung sanh lên trời Đao-lợi hoặc trời Tha Hóa Tự Tại. Ba châu khác đều có địa ngục, riêng châu này không có (theo Phật Quang Sơn Tự Điển).

chẳng thể tự lập. Trung Quốc mỗi người một ý, dù có đồng tâm, nhưng hễ ngoại nhân đem lợi ra dụ, bèn bị của hối lộ xoay chuyển, chẳng những không đoái đến nước, đến dân, ngay cả chính bản thân mình cũng chẳng đoái hoài, rồi bảo là do phụng hành lễ nghĩa nên bị thua thiệt, há có được chăng? Xưa Lâm Văn Trung Công[258] đuổi kẻ mọi rợ, chính là chứng cớ. Bất cứ chuyện lớn nhỏ nào về sau, có chuyện nào chẳng phải là thay mặt cho Trung Quốc chu toàn đó ư? Người Trung Quốc quá nửa là hạng người quên mất tám chữ (tức hiếu, đễ, lễ, nghĩa, trung, tín, liêm, sỉ), cho nên ngoại quốc mới mạnh như thế, Trung Quốc yếu ớt như thế. Nếu như ai nấy đều tuân thủ lễ nghĩa thì những hàng hóa vô ích của ngoại quốc tiêu thụ vào đâu, Trung Quốc mỗi năm tiết kiệm được mấy ngàn vạn vạn đồng. Người Trung Quốc không làm, nhưng thật sự có thể nói là làm đến cùng cực. Mạnh tử nói: "Kẻ làm quan không được sủng ái, đứa con dòng thứ, thường bận lòng về những nguy cơ, lo lắng hoạn nạn sâu xa, cho nên thông đạt"[259].

Ông tuy đọc sách trải đời, nhưng không biết cái đạo đọc sách thấu hiểu đời nên mới có lời hỏi như thế. Kế sách ngày nay là phải nên đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi và cải ác tu thiện, tín nguyện vãng sanh là kế bậc nhất để vãn hồi kiếp vận, cứu nước cứu dân. Đàm huyền thuyết diệu còn phải xếp vào loại kém hơn. Nhưng muốn cứu thế mà chính bản thân không tận lực hành, trọn chẳng có hiệu quả thật sự, từ bản thân đến cả nhà, từ cả nhà đến cả ấp, từ ấp đến nước. Phong hóa ấy vừa xướng, rất có thể sẽ có hiệu quả chẳng thể nghĩ tưởng được nổi, nếu không sẽ khó thể mộng thấy được!

89. Thư gởi Chu Pháp Lợi đồng tử

Con người một đời thành hay bại đều do lúc niên thiếu nhiều phen tài bồi mà ra. Ngươi đã thành đồng[260], phải biết tốt xấu, trọn chẳng được học đòi những thói

---

[258] Lâm Văn Trung Công chính là Lâm Tắc Từ (1785-1850), người Hầu Quan, tỉnh Phước Kiến, đỗ tiến sĩ dưới đời vua Gia Khánh, tự là Thiếu Mục và Nguyên Vũ. Ông lo việc chính sự sốt sắng, chăm lo đê điều rất hiệu quả nên rất được Thanh Triều coi trọng. Do tận lực bài trừ nha phiến, tháng 6/1840, ông đã chủ trương tấn công tô giới Hương Cảng, tịch thu và đốt các rương đựng thuốc phiện. Dưới áp lực của Anh, nhà Thanh cách chức ông đầy đi Y-lê. Do Hoàng Hà vỡ đê, ông lại được triệu về Hà Nam đốc thúc đắp đê rồi lại trở về Y-lê (Tân Cương). Mãi đến năm 1845, mới được xá tội, thăng chức. Hiện ông còn miếu thờ ở Phước Kiến, dân gian gọi là Lâm Văn Trung Công Từ (miếu thờ Lâm Văn Trung Công).

[259] Nguyên văn: "Độc cô thần nghiệt tử kỳ tháo tâm dã nguy, lự hoạn dã thâm, cố đạt." Chúng tôi dịch câu này theo cách giải thích của sách Tứ Thư Dị Giải. Ở đây, "nghiệt tử" theo từ điển Từ Hải là đứa con dòng thứ, nghiệt có nghĩa là ngành nhánh, không thuộc dòng chính.

[260] Thành đồng: tuổi chuyển tiếp từ thiếu niên sang thanh niên, từ 15 tuổi trở lên, 19 tuổi trở xuống.

thời thượng, hãy nên học hiếu, học đễ, học trung hậu, thành thật. Trong lúc tuổi trẻ này, tinh lực cường tráng, nên nỗ lực đọc sách, phàm đọc qua những sách gì nên nghĩ đến những điều sách đã nói, phải hành theo điều đó, chẳng phải là đọc xong rồi thôi. Những điều sách nói nếu chẳng dễ lãnh hội thì Âm Chất Văn, Cảm Ứng Thiên v.v. đều là nói thẳng, hãy khéo lãnh hội. Hãy nên thường đọc, thường ngẫm nghĩ, sửa lỗi hướng thiện, trong lúc rảnh nên niệm A-di-đà Phật và Quán Thế Âm Bồ-tát để mong tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước tuệ, chớ cho như vậy là nhọc nhằn. Cổ ngữ nói: "Trẻ khỏe không nỗ lực, già lớn luống buồn thương!" Lúc này nếu để lỡ làng quang âm, sau này dù có nỗ lực cũng khó thành tựu, bởi thời giờ đã qua, sức nhớ đã kém, học phải dùng sức nhiều nhưng hiệu quả ít ỏi.

Thứ nhất phải làm một người tốt, thấy người hiền mong được bằng, thấy người không hiền trong lòng tự cảnh tỉnh. Thứ hai là phải biết nhân quả báo ứng, nhất cử nhất động chớ mặc tình phóng ý, cần phải nghĩ việc này có ích gì cho mình, cho người thân và cho mọi người hay không? Chẳng những làm việc như thế, mà ngay cả suy nghĩ động niệm cũng nên như thế. Khởi tâm tốt sẽ có công đức, khởi tâm xấu sẽ mắc tội lỗi. Phải nghĩ mong được quả báo tốt, phải giữ tâm tốt, nói lời tốt, làm chuyện tốt, có lợi cho người và vật, vô hại cho mình và người mới nên. Nếu không thể như vậy, há có báo tốt gì để mà mong? Ví như đem hình tượng xấu đặt trước gương sáng, quyết định chẳng thể có hình ảnh đẹp đẽ xuất hiện, hình bóng hiện ra trọn chẳng khác gì hình tượng xấu xí ấy. Nếu ngươi hiểu sâu xa nghĩa này, tương lai ắt thành một bậc chánh nhân quân tử, khiến cho hết thảy mọi người đều tôn trọng ái mộ. Mong hãy suy nghĩ cẩn thận, xét nghĩ kỹ càng thì may mắn lắm thay!

90. Thư gởi Mã Khế Tây

Con người sống trong thế gian phải biết giữ yên bổn phận, làm chuyện vượt phận cũng như khen ngợi những chuyện đó đều là cội nguồn chiêu họa, chuốc nhục. Quang là một ông tăng tầm thường, hèn kém, chỉ biết cơm cháo, vì đâu ông lại soạn truyện cho tôi, bạo gan dám viết bốn câu: "Nay cách thánh đã xa, bậc chân tu hành ít ỏi…", gán cho tôi khiến tôi đắc tội với bậc thiện tri thức, hiền sĩ, đại phu trong Tông, Giáo. Ý ông cho rằng càng nói dễ nghe là càng vinh hạnh ư? Chẳng biết mình đã đem phàm lạm thánh, tội chẳng thể dung! Ông cũng đã từng xem kinh Lăng-nghiêm, sao chẳng biết phạm đại vọng ngữ, tội ấy nặng hơn tội sát, trộm, dâm trăm ngàn vạn ức lần sao? Ông biết sai cứ làm, chẳng những chính ông tội lỗi quá sức, ngay cả Quang cũng đang bị người sáng mắt thóa mạ, tương

lai phải chịu khổ báo nơi địa ngục A-tỳ, không có ngày ra. Ví như thứ dân xưng bừa là đế vương, tội ắt phải diệt tộc. Ấy là vì đại vọng ngữ hoại loạn Phật pháp, gây nghi ngờ, lầm lạc chúng sanh. Ông có nên bày ra lời bịa đặt ấy chăng?

Mong hãy đem bản thảo ấy thiêu đi, từ nay về sau chớ nên viết gì nữa. Tôi chỉ mong được sanh Tây Phương, muốn truyền lại truyện ấy để làm gì? Ông cho rằng do vậy mới có thể lưu tiếng thơm trăm đời ư? Không biết mù quáng soạn cuốn truyện bịa đặt ấy, chẳng những để tiếng xấu vạn năm lại còn phải chịu khổ vĩnh kiếp. Nếu cho lời tôi nói là sai thì chính là quyến thuộc của ma vương, xin từ nay hãy đoạn tuyệt!

QUYỂN II

91. Thư trả lời cư sĩ Bao Hữu Vũ (thư thứ nhất)

Vừa nhận được thư, khôn ngăn cảm khái, thẹn thùng. Ấn Quang là một ông tăng chỉ biết đến cơm cháo, những chuyện trong pháp môn nhất loạt chẳng biết gì, chỉ có mỗi Tịnh độ là khá, muốn cho cả mình lẫn người cùng được vãng sanh. Bởi vậy, nếu có kẻ tăng, người tục hỏi đến, đều dùng chuyện này để phụng đáp. Cư sĩ Từ Úy Như cho rằng những phân tích rõ ràng giới hạn giữa Thiền và Tịnh, cũng như những nghị luận ngoài da về sự khó dễ, được mất giữa tự lực và Phật lực, cũng như việc trọng lòng kính, giữ lòng thành của tôi đều hơi có ích cho hàng sơ cơ cho nên tuy văn từ tệ vụng cũng chẳng vứt bỏ, ba bốn lượt ấn loát lưu thông, ngõ hầu những ai có chí liễu sanh tử đều cùng nhận lấy những lời nghị luận ngô nghê này[261] mà thôi. Nhưng đem cơm thừa canh cặn bày trước mặt người đã no ứ tiệc vua ắt sẽ nhớm gờm mắc ọe, nào còn dám chú giải kinh?

Các hạ chẳng cho lời tôi là chua hôi, đáng vứt bỏ, nên kính tặng một bộ Văn Sao hủ bại. Bản này do ông Từ Úy Như yêu cầu Thương Vụ Ấn Thư Quán sắp chữ in riêng. Năm nay in ra, do Thư Quán sợ bán không được nên chỉ in hai ngàn bản. In sách xong, chưa kịp phát hành đã bán hết sạch. Tuy còn bản lưu, nhưng do Thư Quán ấy chú trọng những cuốn sách mới mang tính thời thượng cho nên đến nay vẫn chưa in lần thứ hai. Một hai năm nay, cũng có bạn bè quen biết khuyên Quang khắc in, Quang tính đợi cho Thương Vụ Ấn Thư Quán sắp xếp sách hoàn chỉnh rồi mới cho khắc ván để đỡ tốn tâm lực. Năm ngoái, miền Bắc mất mùa lớn, các thiện sĩ lập cách quyên mộ, Quang bèn đem hết số tiền dự định khắc kinh ra đóng góp cho công cuộc cứu trợ, làm như thế hai lần tổng cộng là năm trăm đồng. Nếu như sách này có ích cho hàng sơ cơ, hãy nên in ra, lưu truyền, chưa hề chẳng có lợi cho người khác vậy!

92. Thư trả lời cư sĩ Bao Hữu Vũ (thư thứ hai)

Biển cả sanh tử không nhờ niệm Phật không cách nào vượt được! Muốn biết gốc cội của pháp niệm Phật nhưng chẳng xem kinh luận Tịnh độ, làm sao biết được? Vì thế, hằng ngày nên tụng kinh A-di-đà, thường xem kinh Vô Lượng Thọ

[261] Nguyên văn là "sô nghị" (lời nghị luận của kẻ tiểu phu), ý nói chẳng phải là cao kiến gì nên tạm dịch là "lời nghị luận ngô nghê".

và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, đó là ba kinh Tịnh độ. Đọc những kinh ấy sẽ biết thệ nguyện rộng sâu của Phật A-di-đà, cảnh duyên thù thắng của Tịnh độ, hành tướng vãng sanh của hành nhân. Ngoài ra, khai thị phương pháp niệm Phật thân thiết nhất thì có chương Đại Thế Chí Bồ-tát Niệm Phật Viên Thông ở cuối quyển năm kinh Lăng-nghiêm, lại còn có phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm, dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Đọc những kinh này sẽ biết pháp niệm Phật cầu sanh Tây Phương chính là bước cuối cùng để thành Phật trong một đời của kinh Hoa Nghiêm, là phương tiện tối thắng để tự lợi lúc tu nhân, để lợi tha khi đã chứng quả của mười phương ba đời chư Phật. Những kẻ nói xằng pháp môn Tịnh độ là Quyền - Tiệm - Tiểu thừa đều là những kẻ có tội cực nặng hủy báng kinh Hoa Nghiêm và hủy báng Phật pháp tăng. Còn những bản chú giải ba kinh Tịnh độ và những sách Tịnh độ nên chuyên tinh xem đọc thì trong lá thơ gởi cho bà nữ sĩ Từ trong bộ Văn Sao tôi đã trình bày đầy đủ, ở đây không phải viết chi tiết nữa.

Phép *thập niệm* buổi sáng nên thực hành vào lúc súc miệng, rửa ráy xong và trước khi thực hành công khóa. Trong Tịnh Độ Thập Yếu và Tây Quy Trực Chỉ đều có nghi thức này, làm theo đó là được rồi. Nhưng chẳng được niệm hơn mười niệm, vì niệm nhiều sẽ bị tổn khí, trong bộ Văn Sao, Quang cũng đã nhiều lần nêu lẽ lợi hại, công khóa sáng tối cứ chiếu theo công khóa mà niệm là được. Nếu công việc đa đoan, chẳng rảnh rỗi để niệm công khóa thì dùng cách thập niệm cũng được. Ngoài ra thì chỉ niệm một câu "nam-mô A-di-đà Phật" là được rồi.

Pháp thập niệm vừa nói đó cứ hết một hơi là một niệm, niệm mười hơi như thế thì gọi là thập niệm. Như người hơi mạnh, một niệm có thể niệm được nhiều đến mười, hai mươi câu; người khí yếu, chỉ niệm được vài câu. Bất luận niệm Phật nhiều ít, chỉ lấy từ một hơi đến mười hơi làm chừng, chỗ mầu nhiệm của pháp này trong bộ Văn Sao cũng đã nói rồi. Nếu niệm nhiều sẽ bị tổn khí thành bệnh, không thể không biết. Cổ nhân nói: "Thông minh chẳng cự nổi nghiệp, phú quý chẳng khỏi luân hồi", sanh tử xảy đến không dựa vào đâu được, chỉ có A-di-đà Phật là nương dựa được. Tiếc là người đời biết điều này quá ít, tuy biết nhưng chân tín thật niệm lại càng ít hơn nữa. Ông Vương Thiết San ở Thông Châu[262]

[262] Thông Châu: tên đất cũ, có hai nơi:
1) Ở tỉnh Hà Bắc, nay đổi thành Thông Huyện.
2) Tại tỉnh Giang Tô, nay đổi thành huyện Nam Thông.
Không rõ Thông Châu nói ở đây là Thông Châu thuộc tỉnh nào; nhưng trong những lá thư sau tổ có nói là Bắc Thông Châu, nên chúng tôi đoán Thông Châu nói ở đây thuộc tỉnh Hà Bắc.

từng làm chức Phiên đài[263] ở Quảng Tây vào đời nhà Thanh trước kia, cõi ấy thổ phỉ rất nhiều, ông bày kế tiễu trừ, giết không biết bao nhiêu mà kể. Năm trước mắc bệnh, nhắm mắt liền thấy mình ở trong nhà tối, quỷ thật đông cùng xông đến bức bách, hoảng sợ thức dậy. Suốt ba ngày ba đêm như thế, vừa chợp mắt liền thấy cảnh ấy, con người suy sụp, hơi thở thoi thóp. Bà vợ ông ta khuyên ông niệm Phật, liền niệm mấy mươi tiếng bèn ngủ được. Do ngủ được đẫy giấc, tinh thần dần dần tỉnh táo, bệnh liền giảm bớt, ông liền trường trai niệm Phật. Nếu lúc ấy không có ai đem pháp niệm Phật bảo cho, e rằng vạn phần chẳng sống được đến bây giờ. Vì thế dạy người niệm Phật công đức vô lượng, những người biết đến lợi ích niệm Phật đều là do thiện căn nhiều đời nhiều kiếp tạo thành.

Những chuyện lệnh thân đã được thấy quả thật là hiếm lạ, có thể nói là đời trước đã có thiện căn, nhưng phải tự gắng tu trì thật cẩn thận, ngõ hầu chẳng uổng giấc mộng ấy. Nếu vì tri kiến phàm phu, lầm lạc bảo mình đã được tam bảo gia bị, đã dự vào dòng thánh, từ đó sanh ra đại ngã mạn, chưa đắc bảo là đắc, chưa chứng nói là chứng thì là do thiện nhân chuốc lấy ác quả. Người trong đời mạt tâm trí hèn kém, thường mắc cái bệnh này! Ấy là như kinh Lăng-nghiêm đã dạy: "Tâm chẳng coi đó là thánh cảnh thì gọi là cảnh giới lành. Nếu hiểu là cảnh thánh sẽ bị mắc vào các tà", chính là nói về điều này vậy. Xin hãy đem chuyện tận lực tu pháp môn Tịnh độ để tự khích lệ thì tương lai chắc chắn đạt được đại lợi ích.

Phải biết một pháp Tịnh độ chính là lò luyện lớn để nung phàm luyện thánh của mười phương ba đời chư Phật. Chúng sanh trong chín pháp giới nếu không vào trong lò ấy thì không ai thoát ra ngoài chín pháp giới được, bởi thoát ra chính là rốt ráo thành Phật vậy. Tin tưởng được như thế mới gọi là chánh tín, mới gọi là "có Tịnh độ" vậy!

93. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ nhất)

Ngày hôm qua nhận được thư luận về chuyện dạy con gái là cái gốc để tề gia trị quốc, có thể nói là ông đã thấy thấu triệt được cái lý. Nhà Chu lập quốc nền tảng là do ba bà Thái, Văn Vương thành thánh là nhờ thai giáo[264]. Do vậy, biết đời không có bậc thánh hiền là do thế gian ít có người mẹ thánh hiền mà nên nỗi. Nếu như bà mẹ nào cũng giống như ba bà Thái thì con họ dẫu chẳng là Vương

[263] Phiên đài, chức quan tương đương với Bố chánh của ta, lo việc trị an trong một tỉnh.
[264] Thai giáo: Dạy con từ khi con còn nằm trong bụng mẹ. Người mẹ khi mang thai phải tập tánh hiền lành, ăn nói khoan thai, từ tốn, không nói lời thô ác, không làm những cử chỉ hung bạo, xem kinh sách của thánh hiền v.v..

Quý, Văn Vương, Chu công[265] thì cũng chẳng là kẻ gian ác, điều này cũng rõ ràng lắm. Nhưng người đời chỉ biết yêu thương con gái, mặc tình cho nó kiêu căng thành thói, chẳng biết đem lễ mẫu nghi ra dạy. Đấy chính là một điều đại bất hạnh của nước ta!

Con người lúc nhỏ thường kề cận bên mẹ, nên chịu ảnh hưởng thói quen của mẹ rất sâu. Những kẻ làm con gái người ta hiện thời, ngày sau sẽ là mẹ người ta, ai muốn bồi đắp quốc gia phải lấy chuyện dạy con gái làm nhiệm vụ cấp bách. Chớ nói: "Con gái là con người ta, cần gì phải uổng công chịu đựng nhọc nhằn, lo lắng làm gì?" Phải biết rằng: Vì trời đất, vun bồi một người dân lành biết giữ phận thì không có công đức nào lớn hơn! Huống chi nếu người nữ có thể giữ vững đức hạnh của nữ nhân thì con cái cô ta sẽ phỏng theo khuôn mẫu tốt lành, còn vinh dự nào hơn; huống gì con dâu, cháu dâu của chính mình cũng đều là con gái nhà người ta đó thôi. Muốn cho nước nhà quật khởi hưng thạnh, nếu không có hiền mẫu sẽ không có gì hỗ trợ được, đời không có mẹ hiền thì chẳng những nước không có lương dân, mà nhà cũng chẳng có con ngoan. Ngay cả những gã sư tăng tồi tệ ăn bám Phật pháp cũng đều chẳng phải do những người mẹ tốt lành sanh ra, nếu như người mẹ thật sự hiền, bọn ấy trọn chẳng đến nỗi kém hèn đến thế. Tiếc thay!

Phật pháp không gì lớn lao chẳng bao gồm, không gì nhỏ nhặt chẳng nêu lên, ví như một trận mưa thấm khắp, cây cỏ cùng tươi tốt, cái đạo tu thân, tề gia, trị quốc, tân dân không gì chẳng đầy đủ. Xưa nay những kẻ văn chương lừng lẫy một thuở, công nghiệp vang rền vũ trụ, và những người nhân hiếu rất mực, muôn đời kính ngưỡng, người ta chỉ biết đến hình tích chứ chưa xét đến cội nguồn. Nếu khảo sát kỹ căn do thì tinh thần, chí khí, tiết tháo của họ đều do học Phật vun bồi mà ra. Những chuyện khác không cần phải nhắc đến, chứ ngay như tâm pháp của thánh nhân do Tống Nho[266] phát minh cũng phải nhờ vào Phật pháp để làm khuôn mẫu vậy, huống gì những thứ khác. Thế nhưng bọn Tống Nho khí lượng hẹp hòi, muốn hậu thế cho rằng những điều ấy do chính trí của họ tìm ra, nên đặt ra những

[265] Vương Quý là sáng tổ nhà Chu. Chu công tên thật là Cơ Đán, là con thứ của Chu Văn Vương, em của Chu Vũ Vương, từng phù tá Vũ Vương diệt nhà Ân Thương. Khi Vũ Vương chết, con là Thành Vương còn bé, ông nắm quyền nhiếp chính, tận lực bảo vệ vương quyền nhà Chu. Tương truyền, phần Tượng trong kinh Dịch do ông viết. Vì thế sau này, có rất nhiều tác phẩm bói toán được gán cho ông làm tác giả, như cuốn Chu Công Giải Mộng chẳng hạn.

[266] Tống Nho là Nho học theo quan điểm diễn dịch của Trình Hạo, Trình Di, Chu Hy đề xướng (thường được gọi là Lý Học). Họ vay mượn, xuyên tạc những khái niệm nhà Phật để biện minh cho Nho học, rồi cực lực đả kích Phật pháp.

lời chê trách Phật để làm kế "bịt tai trộm linh", từ đời Tống đến nhà Nguyên rồi sang nhà Minh, không lúc nào chẳng vậy. Thử dốc lòng khảo sát thì không ai chẳng lấy Phật pháp để tự làm lợi cho mình. Còn như họ nói đến chuyện tịnh tọa, nói đến chuyện tham cứu, đều là chứng cớ chứng tỏ họ dụng công; lâm chung biết trước lúc mất, nói cười ngồi thác là những chứng cớ sau cùng để phát hiện họ có tu Phật. Những chuyện như vậy chép trong các truyện ký của Lý học không thể nào nêu trọn. Há có phải học Phật là mối lo cho xã hội ư?

Tống Cát Phồn[267] hằng ngày làm chuyện lợi người, Triệu Duyệt Đạo[268] ban ngày làm điều gì, ban đêm ắt thắp hương tâu cùng Thượng đế. Viên Liễu Phàm lập mạng, Chu Mộng Nhan soạn sách, không vị nào chẳng tha thiết mong người đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tỏ nhân quả, chỉ tội phước, khiến cho người khác biết: Khởi tâm động niệm thì thiên địa quỷ thần không gì chẳng đều thấy đều biết. Dẫu muốn dối người nhưng vì thiên địa đều thấy biết tất cả nên chẳng dám làm. Từ đấy, gắng sức làm lành, thật tâm kiêng ác, tuy là kẻ ương ngạnh khó giáo hóa nhất chẳng thể dùng lý để dẫn dụ được, nhưng do nghe đến cái đạo nhân quả ba đời ắt sẽ dần dần chừng lại, thậm chí chuyển bạo ác thành lương thiện không biết là bao nhiêu.

Tôi trộm cho rằng: Cha mẹ yêu con không gì chẳng lo lắng, chỉ có bệnh tật hoạn nạn mới đành cam chịu. Trẻ nhỏ vừa mới biết nói liền dạy niệm "Nam-mô A-di-đà Phật" và danh hiệu "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát", dẫu cho đời trước ít vun bồi, nhờ vào nguyện lực này ắt có thể tiêu được họa ngay khi chưa chớm,

---

[267] Tống Cát Phồn: Người xứ Trừng Giang, tuổi trẻ đã đỗ đạt. Theo truyện ký, có một viên quan lên kinh đô tìm mua hia, thấy một đôi hia rất to, nhận ra đó là đôi hia đã chôn theo cha mình, bèn hỏi người thợ sửa hia do đâu mà có? Người đó bảo do một viên quan mang đến sửa và hứa sẽ trở lại lấy. Viên quan ấy bèn chờ, quả nhiên thấy cha mình, trả tiền lấy hia. Người con lạy cha, cha chẳng thèm ngó tới, thót lên ngựa, phóng đi. Người con đuổi theo hai ba dặm vẫn không đuổi kịp, gào lên: "Đã là cha con một thuở với nhau, sao chẳng nói một lời?" Cha bảo: "Hãy học theo Tống Cát Phồn." Người con bèn tìm hỏi, mới biết Cát Phồn đang làm thái thú Trấn Giang. Hỏi nguyên do vì sao ông được người cõi âm nể trọng, họ Tống đáp: "Tôi thoạt đầu mỗi ngày làm một chuyện lợi người, rồi tăng dần lên cho đến mười chuyện. Suốt 40 năm nay, chưa từng bỏ phế ngày nào." Lại hỏi: "Lợi người bằng cách nào?" Cát Phồn chỉ xuống cái ghế kê chân: "Nếu như vật này không ngay, tôi kê lại cho ngay. Nếu người ta đang khát, tôi cho họ chén nước, cũng là chuyện lợi người vậy. Hễ gặp chuyện gì có lợi cho người bèn làm." Cát Phồn làm quan ở đâu cũng lập một gian tịnh thất để thờ Phật. Có lần ông vào thất lễ tụng, cảm được xá-lợi giáng xuống. Ông thường khuyên người khác niệm Phật, cảm hóa được rất nhiều người, trong định từng dạo chơi Cực Lạc. Về già, không bệnh tật gì, ngồi ngay ngắn hướng mặt về Tây mà mất (theo Long Thư Tịnh Độ Văn và Tây Quy Trực Chỉ).

[268] Triệu Duyệt Đạo làm quan Ngự sử thời Tống Nhân Tông, chí công vô tư, được người đời xưng tụng là Thiết Diện Ngự sử (Ngự sử mặt sắt).

phước đưa đến mà không biết, có thể không còn phải lo gì đến những chuyện bệnh tật, tai ương, hiểm nạn. Con vừa mới hiểu biết, liền dạy cho con trung hậu, khoan thứ, nhân từ, kiêng giết, phóng sanh và những sự tích nhân quả ba đời rõ ràng, ngõ hầu con tập thành tánh. Lúc nhỏ, chẳng dám tàn bạo đối với loài trùng kiến nhỏ nhặt, lớn lên trọn chẳng đến nỗi làm chuyện gian ác, làm nhục tổ tiên cha mẹ. Phật pháp gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, gặp anh nói nhường, gặp em nói kính, chồng xướng vợ thuận theo, chủ đối xử có nghĩa, tớ trung thành. Tuy gọi chung là "pháp xuất thế", nhưng quả thật đầy đủ những khuôn phép tốt lành để sống trong đời.

Những khuôn phép tốt lành để sống trong đời cũng giống như Nho giáo, nhưng Nho giáo chỉ dạy con người tận nghĩa, còn Phật giáo mỗi mỗi đều nói đến nhân quả. Tận nghĩa chỉ có thể dạy người thượng trí, khó cảm hóa kẻ hạ ngu; nhân quả thì thượng trí hạ ngu không ai chẳng được lợi ích. Trong xã hội ngày nay, chuyên lấy trí xảo làm chủ thể. Vì thế, đề ra chuyện gì đều mượn cái danh vì dân, vì hạnh phúc của chế độ cộng hòa, chứ thật ra là anh em một nhà đánh nhau, khiến cho thế nước ngày càng nguy ngập, nhân dân ngày càng thêm khốn khổ vì chuyện tranh chấp ý kiến, tranh chấp quyền lực. Trở thành ra kết quả như vậy toàn là do chẳng biết nhân quả báo ứng, nếu ai cũng biết nhân quả thì tự lợi, lợi tha, tự lập, lập người, sao đến nỗi cùng cực như thế này? Nói "dạy trẻ học Phật" chỉ là học mấy nghĩa như vừa đã nói đó mà thôi, há nào phải dạy chúng những chuyện tham thiền ngộ tánh, xem kinh giáo, quán sát cái tâm? Ông Vương chưa biết Phật pháp nên mới lo lắng quá mức như thế, nếu làm như lời ông ta nói thì dù gần hết cả một đời cũng chẳng dám nói đến Phật pháp. Trong thư phúc đáp ông Vương, ông nên dùng những ý Quang vừa nói để dung hội và mở rộng ra.

Như tôi đã viết nhiều lần về pháp danh, trộm nghĩ: Trẻ nhỏ chọn lấy một tên thích hợp là được rồi, cần gì nhất định phải chọn lấy ba tên. Tên của Khổng tử chính là nhũ danh, nào có phải nhũ danh[269] chỉ dùng lúc nhỏ thôi ư? Pháp danh cũng do đời sau đặt ra, tên các vị đệ tử Phật không tên nào chẳng phải là tục danh tại gia, nay dùng pháp danh là để phân biệt người đã nhập pháp hay chưa. Nếu con cái ngay thoạt đầu đã chọn đặt cho cái tên đẹp đẽ thì có thể dùng tên ấy suốt đời, cần gì phải mất công đặt hai ba tên? Trước hết tận lực việc người, sau nghe

[269] Nhũ danh: tên sữa, tên đặt lúc mới sanh ra, ta thường gọi là "tên hèm" ("hèm" là kiêng kỵ, không nhắc đến) hoặc "tên húy". Đến khi lớn lên lại đặt tên tự và hiệu. Khi xưng hô với nhau chỉ dùng tên tự hoặc hiệu. Khi chết, căn cứ vào đức hạnh của người ấy khi còn sống lại đặt cho một cái tên gọi là "thụy hiệu" dùng để đọc trong văn tế khi cúng giỗ. Chẳng hạn Chu Văn An có thụy hiệu là Văn Trinh, Phạm Trọng Yêm có thụy hiệu là Văn Chánh.

theo mạng trời, chuyện gì con người không tính được bèn cậy vào oai thần tam bảo thì sẽ âm thầm tự nhiên có chuyển biến chẳng thể nghĩ bàn.

94. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ hai)

Hôm qua nhận được thư ông, biết tâm của Sư Thọ đã xoay chuyển, không còn nhất quyết muốn xuất gia, may mắn thay! Người đời nay hay coi chuyện xuất gia như một cách để dựa dẫm, sống bám, tìm chỗ yên thân; kẻ kém hơn nữa thì do không còn đường sống bèn tính kế ăn bám, nên những kẻ xuất gia ngày nay phần nhiều đều là phường vô lại, cho nên pháp đạo suy sụp sát đất đều là vì hạng xuất gia này làm chuyện bại hoại mà nên nỗi!

Quang thấy căn tánh của Sư Thọ nếu tu trì tại gia sẽ chẳng uổng là một bậc thiện sĩ trong làng xóm, dẫu chẳng thể hoằng dương giáo pháp rộng lớn, nhưng đều có lợi ích thiết thực cho cả mình lẫn người. Nếu xuất gia, do tuổi tác quá thời, lại do thân yếu đuối chẳng kham chịu khổ được, đối với chuyện tham thiền học giáo nếu không hỏi đến bờ bến sẽ trọn chẳng biết đâu là phương hướng. Nếu đi tham học thì dù có dốc hết sức cả một đời này, vẫn còn chưa thể thấu đạt. Tông, Giáo không biết thì đối với cái đạo niệm Phật chỉ có thể lợi ích cho mình, chứ chuyện lợi người thì không thể, vì còn thiếu tham học. Do vậy, chẳng bằng ở nhà theo cách tu trì của các vị Long Thư, An Sĩ, Nhị Lâm thì tốt hơn!

95. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ ba)

Hôm qua nhận được thư biết ông lại có con quý, vui lắm! Những điều ông viết trong thư đều có đạo lý. Chuyện ông Trương Hoán Bá dạy con cái là biết thể nhưng không biết dụng, chẳng thể hoàn toàn học theo cách ấy. Con còn bé, khi con đi học về phải lấy chuyện nhân quả báo ứng và lợi ích của pháp môn Tịnh độ để ra rả giáo huấn khiến cho con cái hiện thời được lợi ích nơi niệm Phật, ắt khỏi phải lo lắng những chuyện xảy ra ngoài dự liệu; trong tương lai khi lập gia đình, lập nghiệp, đó lại là cái gốc tiêu tội được phước. Nếu hoàn toàn chẳng giao thiệp cùng trường học sẽ chẳng am hiểu thời vụ, dẫu đứa có khả năng cũng khó tiến bộ, huống chi những đứa tầm thường.

Người tại gia trước hết phải tìm được một cách mưu sinh, cách cư xử của Hoán Bá chỉ có thể dùng được trong 30 năm trước, chẳng thích hợp cho hiện thời. Thời bây giờ là thời như thế nào? Chính là cái thời "gian dối đua chen, tranh giành lẫn nhau", nếu hoàn toàn chẳng giao thiệp với những kẻ ấy ắt sẽ bị chúng dối lừa, làm nhục, khó thể an thân.

Còn về pháp danh, đứa lớn đã quy y, không cần phải chọn tên khác nữa, những đứa còn lại lấy chữ Phước làm chữ đầu, [chữ thứ hai lần lượt là] Huệ, Dung, Uyên, Hòa, Minh. Mẹ chúng nó nên đặt tên là Sư Việt, do bà phu nhân Kinh Vương họ Vương đời Tống, tự hành, dạy người, chuyên tu tịnh nghiệp, đứng đầu hàng nữ lưu, nên nếu đặt tên cho bà vợ ông là Sư Vương tợ hồ chẳng thích hợp. Do phu nhân Kinh Vương còn xưng là phu nhân Việt Quốc, nên đặt tên là Sư Việt thì ổn thỏa.

Thêm nữa, lìa ngũ trược, sanh về Tịnh độ, chính là siêu việt phàm tục trược ác, sau khi vãng sanh dần dần thăng lên, cũng là sự siêu việt vậy. Danh là khách của thực, ắt phải thường răn dạy khiến cho con cái biết đạo lý thế gian, biết đạo lý Phật pháp, tương lai khi chúng trở thành cha mẹ, tự có thể lập ra quy tắc cho con cái, chẳng đến nỗi tuy có thiên tư thượng đẳng như ông tăng nọ, như kẻ tục nọ, đều có thiên tư kham làm Phật, làm tổ, nhưng lại vùi lấp đường chánh nhân thiên của mình lẫn người, đào hố sâu địa ngục. Nguyên do đều là vì cha mẹ những kẻ ấy thoạt đầu chẳng đem nhân quả báo ứng dù sự hay lý để bảo ban cho mà ra. Nếu nhân quả chẳng giảng thì danh và thực trọn chẳng tương ứng, huống còn muốn được hiệu quả thật sự làm thánh, làm hiền, làm Phật, làm tổ ư? Hai chữ "nhân quả" chính là nghĩa lý trọng yếu "gốc chánh nguồn trong" để cứu nước trị dân cho ngày nay vậy, bỏ điều này sẽ không còn phương cách nào khác, huống chi là chuyện dạy con cái ư?

96. Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ tư)

Gia thuộc của ông đông quá, khi các cô em dâu, em gái, con gái đi học về, nên đem những chuyện nhân quả báo ứng và lợi ích niệm Phật bàn luận cùng họ, ngõ hầu trong tâm ai nấy biết tâm mình thông với thiên địa quỷ thần, tương thông cùng từ phụ Di-đà. Do vậy, đoạn trừ ác niệm, tăng trưởng chánh tín, ngõ hầu hiện tại họ kham làm vợ hiền của người, tương lai làm mẹ hiền cho người. Biến điều ấy thành phong tục cho làng xóm thì cũng là căn bản pháp luân để bình trị thiên hạ quốc gia vậy. Bồ-tát sống trong cõi tục để lợi sanh, chẳng lập riêng quy cách, đối bệnh phát thuốc, khiến cho ai nấy đều theo đường về nhà mới thôi.

Nay những phụ nữ trong chốn học đường đa phần lầm lạc nảy sanh những mong muốn lạ lùng, muốn nắm giữ chánh quyền, chẳng biết giữ bổn phận. Giúp chồng dạy con chính là căn bản để thiên hạ thái bình. Do vậy, vương nghiệp nhà Chu có nền tảng là ba bà Thái, các bà Thái Khương, Thái Tự, Thái Nhậm chính là bậc thánh nhân trong nữ giới, chỉ chú trọng âm thầm giúp đỡ chồng, dạy con

từ thuở còn trong thai. Người đời nay chẳng học theo gương đó, những điều họ tính toán, lo nghĩ đều là những mầm mống mưu mô gây loạn thiên hạ, còn nói gì được nữa. Quang vốn là người ngoài cõi đời, há nên bàn chuyện phụ nữ! Do vì gia quyến ông đàn bà đông quá nên mới bàn đến, mong rằng họ sẽ là gương mẫu cho hàng nữ lưu trong tương lai, là gương tốt cho chốn khuê khổn[270] hòng phát dương ánh sáng mặt trời Phật pháp vậy.

97. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ năm)

Dạy con cái phải bắt đầu từ căn bản, cái căn bản vừa nói đó chính là hiếu với cha mẹ, giúp đỡ mọi người, nhẫn nhục, tận tụy, lấy thân làm gương, lấy đức làm khuôn phép. Như nung chảy vàng hay đồng, đổ vào khuôn, khuôn ngay ngắn sẽ đúc ra vật ngay ngắn, khuôn méo mó sẽ đúc ra vật méo mó; lớn nhỏ, dày mỏng, trước khi đổ khuôn đã có thể biết trước, huống gì lúc đã trút khỏi khuôn. Gần đây con người đa phần chẳng biết điều này, vì thế những con em có thiên tư đa số là cuồng vọng, trái nghịch, những đứa không có thiên tư lại thành ra ương bướng, hèn tệ. Đó là do lúc nhỏ đánh mất khuôn phép, như vàng lỏng rót vào khuôn hư trở thành đồ hư hỏng, cố nhiên vàng là một, nhưng đồ vật lại sai khác một trời một vực. Tiếc thay! Phật lấy vô ngã để dạy, người đời nay hễ có chút tri kiến bèn nghếch mắt lên tận trời thẳm, là vì chỉ biết Phật pháp qua nghĩa lý văn tự, chẳng biết Phật pháp chính là tu thân tịnh tâm, diệt trừ ngã tướng, tận lực tu định tuệ, ngõ hầu đoạn hoặc chứng chân.

98. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ sáu)

Thế giới Sa-bà là một lò luyện lớn, ai chịu được chưng luyện sẽ không còn là người trong thế gian nữa, ai không chịu nổi sự chưng luyện thì lò luyện lớn lao bèn thành món đồ độc hại, thành món đồ gây khổ não, ấy là do tùy mỗi người mà tự được lợi ích. Người cùng một nhà nên trong lúc nhàn hạ vô sự, nhẹ nhàng, uyển chuyển, trình bày, mở mang những lý tột cùng khiến cho họ biết có những chuyện đúng sai, nên hay không nên thì tâm thức họ sẽ bất tri bất giác dần dần bị ảnh hưởng rồi chuyển biến. Nếu gặp lúc tánh tình ngu bướng, ngạo mạn của kẻ ấy lộ ra, nếu như đối trị được thì hãy dùng những câu danh ngôn chí lý, hòa dịu bình tâm để đối trị. Nếu không, cứ để mặc đó, nhất loạt không bận tâm đến nữa, đợi khi nào hết nóng, lại dùng tâm bình khí hòa bàn luận đến đầu đến đũa, lâu ngày kẻ ấy sẽ được cảm hóa. Nếu dùng thủ đoạn mạnh bạo, nặng nề để trói buộc

[270] Khuê khổn: Chỗ ở của nữ nhân gọi là khuê khổn, hoặc khuê phòng.

thì hoàn toàn không thích hợp, do kẻ ấy có chỗ dựa dẫm (chỗ dựa dẫm chính là con cái người ấy) cũng như đánh mất pháp tắc giáo huấn con cái. Niệm Phật phải luôn nghĩ mình sắp chết, sắp bị đọa địa ngục thì không khẩn thiết cũng sẽ tự khẩn thiết, không tương ứng cũng tự tương ứng; vì cái tâm sợ khổ mà niệm Phật chính là diệu pháp bậc nhất để thoát khổ, cũng là diệu pháp bậc nhất để tùy duyên tiêu nghiệp.

99. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ bảy)

Lão nhân Linh Phong (tổ Ngẫu Ích) là người độc nhất vô nhị trong đời mạt pháp, lời lẽ, lý sự của ngài đều trọn đủ, há lường được lợi ích ư? Tùy theo căn cơ của mỗi người, ai nấy được hưởng lợi ích. Con em có tài hoa, nếu được khéo dạy sẽ dễ thành tựu chánh khí, không khéo dạy thì đa số trở thành phường bại hoại. Ngày nay dân không lẽ sống, vận nước gian nan, gần như sụp đổ, đều là do những kẻ có tài hoa nhưng không được khéo dạy dần dần ấp ủ tạo thành mối họa. Đứa không tài hoa cố nhiên nên dạy nó thành thật, đứa có tài hoa càng nên dạy nó thành thật, nhưng dù là đứa thành thật cũng có thể làm điều dối trá. Thoạt đầu phải dạy lẽ nhân quả báo ứng và chuyện "một khởi tâm động niệm của con người thiên địa quỷ thần đều thấy biết hết từng điều", thường nên khuyên dạy như thế.

Phải dạy chúng đọc thuộc Âm Chất Văn, Cảm Ứng Thiên, đừng cho đấy không phải là sách Phật rồi coi thường. Do phàm phu tâm lượng thiển cận, nếu dùng những lẽ xa xôi, lớn lao, sâu xa để trình bày sẽ khó thể lãnh hội, những sách ấy dù già hay trẻ nghe đến đều được lợi ích, huống chi những sách ấy đều chú trọng lấy vô thường làm thầy, lấy điều thiện làm thầy.

Phật còn dạy con người ta quán tử thi, phẩn uế, rắn độc để chứng A-la-hán, số người chứng quả còn nhiều hơn cát sông Hằng. Huống chi những câu nói thiết thực, nuôi dưỡng thiện tánh, cảnh tỉnh, tự xét của những sách này. Kinh Lăng-nghiêm, nếu người không biết pháp Tịnh độ đọc đến sẽ cho là công thần bậc nhất để đả phá Tịnh độ, còn người đã biết Tịnh độ sẽ thấy kinh này là hướng dẫn tốt lành cho Tịnh độ. Vì sao nói thế? Dùng tự lực để ngộ đạo khó lắm, còn vãng sanh Tịnh độ lại dễ. Nhân quả của mười pháp giới, mỗi mỗi phân minh. Nếu chẳng cậy vào Phật lực, dù phá được một hai ấm, vẫn có thể bị ma dựa, trở thành chủng tử địa ngục. Đã thế, hai mươi bốn công phu viên thông, người bây giờ ai có thể tu tập được? Chỉ có niệm Phật như con nhớ mẹ, hễ ai có tâm đều phụng hành được, hễ tịnh niệm tiếp nối bèn tự chứng được tam-ma (chánh định). Người biết tốt xấu đọc đến có còn chịu chỉ cậy vào tự lực, chẳng nương vào Phật lực hay chăng? Kẻ

không phân tốt xấu thì ngược lại, chỉ muốn trở thành một bậc thông gia, không hề có cái tâm liễu sanh tử.

100. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ tám)

Thư gởi đến nêu rõ chuyện kính trọng toàn thể tăng ni, lý ấy, sự ấy quả thật rất xác đáng, nhưng về chuyện dạy dỗ con cái lại phải bàn đi luận lại, bởi lẽ nếu chỉ nhắc đến một lần, e rằng ông chẳng biết chọn lấy điều thân sơ, rất có thể bị tổn hại. Ví như có người, dù thơ hay văn, dù Tông hay Giáo, thảy đều cao siêu, nhưng phẩm hạnh kém hèn, chẳng đáng làm gương cho người khác. Nếu chẳng biết phân biệt, cứ nhất loạt thân cận thì thân cận người như vậy chẳng những là hành vi có thể bị xoay chuyển theo, gã đó lại còn dùng những ý kiến ức đoán của chính mình nói ra những đạo lý xằng bậy nên kẻ không có tri kiến chân chánh rất có thể bị lầm lạc bởi gã đó. Như vậy, phải giữ tấm lòng "đối với người hiền hay kẻ ngu đều cung kính, chẳng sanh lòng ngạo mạn", nhưng về mặt hành sự thân cận thì phải thân hiền, xa ngu, chọn ưu, bỏ hèn. Như thế sẽ tránh được cái tệ bị lây nhiễm cũng như khỏi bị lầm lạc oan uổng. Chuyện thiên hạ có lý nhất định, nhưng không có pháp nhất định, nếu chẳng dùng tình và sự để định đoạt, như chữa bệnh có biến chứng mà cứ chấp chặt vào một phương thuốc ắt sẽ chết nhiều, sống ít. Lý và tình cần phải phù hợp, pháp và sự phải tương ứng thì mới nên.

101. Thư trả lời cư sĩ X… ở Vĩnh Gia (thư thứ chín)

Trong thư gởi đến, những điều ông viết đều từ sự suy xét những tập khí nơi thân tâm của chính mình, khôn ngăn mừng rỡ, cảm động. Nhưng ở địa vị phàm phu, tuy không thể không có bệnh, nhưng cũng chẳng nên mặc kệ không trị. Cách chữa trị ít tốn sức nhất lại được lợi nhiều là lấy ngay bệnh làm thuốc, lấy ngay bệnh làm thuốc thì bệnh chẳng làm phiền rộn mình được. Như cái bệnh yêu thương con cái quyết chẳng thể đoạn được thì chẳng ngại gì lấy ngay lòng yêu thương đó làm gốc, muốn cho con cái lúc sống làm người chân chánh, lúc chết sanh về Tịnh độ. Yêu thương như vậy chính là dùng phàm tình thế gian để thành tựu thánh quả xuất thế gian. Nếu chẳng khéo dùng lòng yêu thương, mặc lòng dung dưỡng thói kiêu căng còn hơn giết con trăm ngàn vạn ức vô lượng vô biên lần. Đất nước diệt vong, nhân dân điêu đứng đều vì những bậc cha mẹ chẳng hiểu sự việc này ấp ủ thành. Chẳng đáng buồn ư?

Công khóa mỗi ngày hồi hướng mỗi mỗi đều vì pháp giới chúng sanh. Nếu làm công khóa này vì chuyện này, công khóa kia vì chuyện kia, tuy không phải là không được, nhưng cần phải có cái nguyện hồi hướng rộng khắp thì mới tương

ứng với ba thứ hồi hướng. Ba thứ hồi hướng thì một là hồi hướng chân như thật tế, tâm tâm khế hợp; hai là hồi hướng Phật Quả Bồ-đề, niệm niệm viên mãn; ba là hồi hướng pháp giới chúng sanh cùng sanh Tịnh độ. Mỗi người ai nấy có chí, ai nấy có nghiệp (nghiệp là thức nghiệp), cứ tùy duyên tùy phận là được rồi, bất tất mọi người đều phải giống nhau.

102. Thư trả lời cư sĩ Hà Hòe Sanh

Nhận được thư biết cư sĩ có chí hướng thượng, nhưng chưa biết duyên do và thời cơ của pháp môn, nếu đã từng đọc Văn Sao của Quang thì ông cũng chưa xét rốt ráo những ý chỉ Quang đã nói. Phàm tu hành dụng công vốn là vì liễu sanh tử, nếu dụng công nhưng chẳng thể liễu sanh tử là vì chẳng chịu hành theo pháp có thể liễu được sanh tử, há chẳng phải là gánh gai bỏ vàng[271], tự chuốc lấy vạ hay sao? Tham thiền dù có đại triệt đại ngộ như Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh, Chân Như Triết, Đoạn Nhai Nghĩa[272] còn chẳng thể liễu, hễ thọ sanh lần nữa bèn bị mê mất, kém xa đời trước, huống hồ bọn ta! Vị hòa thượng X… tuy đã biết phương hướng của Thiền môn, nhưng chưa vượt ra được giới hạn của Thiền tông nên chẳng thể làm cho các hạ lắng lòng niệm Phật.

Ý ông cho rằng hễ ngộ ắt sẽ không có sanh tử để kết liễu, cũng chẳng có Niết-bàn để chứng, nhưng chẳng biết rằng dẫu có ngộ đến địa vị "thấy không có sanh tử để kết liễu, không có Niết-bàn để chứng đắc" thì vẫn cứ ở trong sanh tử y như cũ, chẳng thoát ra được, chẳng thể chứng được Niết-bàn. Chúng sanh đời mạt cậy vào tự lực để đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử rất ư là khó; huống chi ông đã quán sát nhất niệm rớt vào chốn nào thì phải luôn luôn quán sát niệm ấy đi về đâu. Ngoại trừ chuyện này ra, bất cứ điều gì khác cũng không quan tâm đến, thật giống như truy tầm oan gia, chẳng chịu lãng ý một nháy mắt kẻo nó trốn mất, phải sao cho bắt được nó ngay khi đó, khiến cho nó táng thân mất mạng mới thôi.

---

[271] Trong chuyện ngụ ngôn Tàu có câu chuyện một anh chàng đang cầm vàng đi thấy bên đường có một đống sợi gai to. Thấy đống gai to bèn tối mắt, vứt vàng đi để cặm cụi gánh gai về.

[272] Chân Như Triết: Húy là Mộ Triết, quê ở Lâu Xuyên, theo học với luật sư Vĩnh An Viên Giác ở Kiến Xương, thọ trì giới luật tinh nghiêm. Khi thiền sư Thúy Nham Chân du phương, sư đến cầu học, ngài bảo ba bốn mươi năm sau, Chân Như Triết sẽ làm Phật sự lớn lao. Khi thiền sư Chân mất, ngài y chỉ Tổ Hoàng Bá, chấn hưng tông phong.

Đoạn Nhai Nghĩa: Trong vạn người cầu pháp với đại thiền sư Nguyên Diệu ở núi Thiên Mục, chỉ có ngài Đoạn Nhai và Trung Phong Minh Bổn đắc pháp. Không rõ hành tích của ngài, chỉ biết trong Thiền Quan Sách Tấn, tổ Liên Trì có ghi lại một đoạn pháp ngữ của sư: "Muốn siêu phàm nhập thánh, vĩnh viễn thoát khỏi trần lao, thì phải thay da đổi xương, chết đi sống lại, như tro lạnh sanh lửa, như cây khô tươi tốt lại. Há nên nghĩ là dễ dàng."

Nhưng ông nói rằng khi cái niệm ấy khởi lên đủ mọi cảnh giới bèn bỏ toàn thể chuyện quán sát những cảnh giới ấy đi về đâu, cho rằng mọi cảnh giới đã hiện ra chính là do tâm đạt được, tức là chẳng biết những cảnh giới ấy đều do tịnh định mà phát hiện, quả thật là chướng ngại cho sự tham thiền. Vì sao? Vì quên mất chuyện suy xét đến tận cùng xem cái niệm này đi về đâu, tưởng huyễn cảnh là điều mình đạt được. Vả nữa, cảnh giới ấy còn xen tạp những cảnh giới của bọn luyện đan. Trước đây, các hạ đã từng dùng qua công phu ấy, nên nay do tịnh định, chúng bèn hiện ra. Nếu cho đó là chứng đắc, ắt có mối lo sau này sẽ bị ma dựa. Các hạ chẳng biết vứt bỏ toàn bộ những chuyện ấy, vẫn cứ mong thường giữ được lâu dài. Do chẳng thể đạt được bèn bứt rứt, than thở, há chẳng phải là nhận giặc làm con, giao cho nó giữ gia nghiệp hay sao? Kinh Kim Cang dạy: "Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng", Tâm kinh nói: "Soi thấy ngũ uẩn đều không, vượt hết thảy khổ ách." Tướng ấy của các hạ là tướng hay không phải tướng vậy? Là ngũ uẩn hay không phải ngũ uẩn vậy? Nếu là tướng, là ngũ uẩn thì đều phải bỏ đi, sao lại trân quý nó? Nếu nó là không phải tướng, là không phải ngũ uẩn thì cái niệm để thấy còn chẳng thể có, những cảnh tướng ấy do đâu mà có? Cổ nhân nói: "Người học đạo chẳng hiểu lẽ chân đều là vì từ trước chẳng hiểu được thức thần là cái gốc của vô lượng kiếp sanh tử, người ngu cho đó là con người sẵn có của mình." Câu nói đó chính là món thuốc mầu nhiệm thật thích hợp để trị chứng bệnh của các hạ vậy. Há có nên vọng động đem ý mình để tham thiền ư? Hãy nên ngay trong lúc một niệm khởi, phải quán xem ý niệm ấy đi về đâu. Chẳng dốc sức vào đó thì sai chỉ hào ly, lạc đi ngàn dặm, lại còn cho đó là đắc, há chẳng quá đáng buồn hay sao? Tuy thế, Quang chẳng phải là Thiền khách, trọn chẳng dùng Thiền học để dạy người, đây chẳng qua là vì các hạ không biết cảnh nào là tà chánh, đúng sai, nên mới khôn ngăn biện luận, phân tích đôi chút. Nếu các hạ muốn dựng cao cờ xí nhà Thiền, lấy đại triệt đại ngộ làm chuyện chánh yếu, hãy nên tham học với những bậc đại lão trong Thiền tông. Nếu nói "tôi trong một đời này, quyết định phải liễu sanh tử" thì xin hãy đem ý niệm tham thiền vứt ra ngoài Đông Dương đại hải, y theo pháp môn Tịnh độ, sanh tín, phát nguyện, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, nương vào Phật từ lực, chắc chắn sẽ được mãn nguyện. Nếu chẳng y theo pháp môn Tịnh độ thì tất cả những gì đã tu trì đều trở thành phước báo nhân thiên và nhân duyên để đắc độ trong tương lai mà thôi, muốn liễu sanh tử khó thể mộng thấy được. Muốn biết nguyên do của Thiền và Tịnh mà không xem rộng khắp các sách Thiền - Tịnh sẽ không thể nào hiểu được. Dẫu có thể xem rộng khắp, nhưng nếu không có mắt chọn lựa pháp cũng sẽ thành dõi nhìn biển cả thở than, mịt mờ chẳng biết về đâu. Do vậy, hãy nên chuyên đọc các

trước thuật Tịnh độ, nhưng các trước thuật về Tịnh độ rất nhiều, người chưa nhập môn khó nắm được cương yếu. Tìm lấy một tác phẩm dẫn người tiến vào chỗ thù thắng, phân tích minh bạch giới hạn giữa Thiền và Tịnh, Phật lực và tự lực, không gây nghi ngờ, trệ ngại, ngôn ngữ đơn giản, rõ ràng, nghĩa lý bình thường, thực tế, là hướng dẫn ban đầu để nghiên cứu các trước thuật của cổ đức, thì có lẽ là bộ Ấn Quang Văn Sao chăng? Xin hãy lắng lòng nghiên cứu ắt sẽ tự biết!

103. Thư trả lời cư sĩ Chu Quần Tranh (thư thứ nhất)

Ngài Ngẫu Ích sanh vào cuối đời Minh, mất vào đầu đời Thanh[273], một đời hoằng pháp đều ở phương Nam, chưa từng lên đất Bắc. Thêm nữa, trong những năm đầu thời Thuận Trị, phương Nam còn nhiều chỗ chưa quy phục, sau khi vua Sùng Trinh[274] thăng hà, lãnh thổ nhà Minh tan nát, phàm trước thuật gì, đại sư đều chỉ ghi năm tháng, không ghi quốc hiệu và niên hiệu. Đến khi các xứ Ninh Ba, Phước Kiến quy thuận nhà Thanh, chưa đầy một hai năm sau, đại sư bèn nhập Niết-bàn, nhưng trong tông Thiên Thai có người bắt chước, trước thuật vào thời Khang Hy cũng chẳng ghi quốc hiệu và niên hiệu, có thể nói là vu báng, khinh miệt ngài Ngẫu Ích lẫn quốc gia vậy. Do chẳng khéo học nên mới có chuyện như thế! Học giả ở phương Nam đa số thiên về giáo pháp Thiên Thai, các học giả phương Bắc đa số chuộng giáo nghĩa Hiền Thủ hoặc Từ Ân. Do không người học tập nên những tác phẩm [của tông Thiên Thai được lưu hành ở phương Bắc] cũng ít. Thanh Thế Tông (Ung Chánh) tuy đề xướng khắc in Đại tạng, nhưng đầu mùa hạ năm ấy đã lên làm khách cõi trời. Những kinh sách được đưa vào hay gạt ra khỏi Đại tạng đời Thanh thường nói là do Thanh Thế Tông định đoạt, nhưng thật ra quá nửa là do vị thân vương đặc phái và vị đại hòa thượng thủ lãnh tổng lý việc in khắc Đại tạng chủ trì.

Hơn nữa, những vị tăng sắp đặt việc in khắc đều là người thuộc các tông Hiền Thủ, Từ Ân, Lâm Tế. Tông Thiên Thai chỉ có một vị, nhưng chỉ giữ vai trò giảo duyệt, không có quyền quyết định. Những trước thuật của ngài Ngẫu Ích được

---

[273] Ngài Ngẫu Ích sanh năm 1599 (năm Vạn Lịch thứ 27 đời Minh), mất năm 1655 (nhằm năm Thuận Trị thứ 12 nhà Thanh). Dẫu nhà Thanh đã chiếm được Trung Hoa, nhưng con cháu nhà Minh vẫn chiếm cứ một số vùng ở Nam Trung Hoa, xưng là Nam Minh, như Phước Vương (Chu Do Tung), Đường Vương (Chu Duật Kiện) và Quế Vương (Chu Do Lang). Mãi đến năm Khang Hy thứ hai (1663), nhà Thanh mới hoàn toàn diệt được con cháu nhà Minh, bình định được Trung Hoa. Dư đảng di thần nhà Minh một số theo Trịnh Thành Công chạy ra Đài Loan tiếp tục phù Minh phản Thanh.

[274] Sùng Trinh là vua cuối đời Minh. Trước khi quân Mãn Châu chiếm Trung Hoa, Lý Tự Thành đã nổi loạn lật đổ nhà Minh, xưng quốc hiệu là Đại Thuận, làm vua gần được hai năm (1644-1645).

nhập tạng chỉ có hai thứ là Tướng Tông Bát Yếu[275] và Thích Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn[276], những thứ khác ở phương Bắc không có, lấy đâu mà nhập tạng cho được? Đây là chuyện thuộc về cuối đời Ung Chánh, đầu đời Càn Long. Đến cuối đời Càn Long, ở kinh đô, những trước thuật của ngài Ngẫu Ích không còn được bao nhiêu. Lão nhân Triệt Ngộ đọc bộ Duyệt Tạng Tri Tân[277], liền muốn khắc in. Ngài mong tìm được một bộ thì chẳng cần phải chép riêng[278] hòng giảm bớt tâm lực nên tìm tòi khắp nơi, chỉ được một bộ. Phàm những trước thuật của đại sư được truyền đến kinh đô thì ngài Triệt Ngộ và môn nhân của ngài Triệt Ngộ đều cho khắc bản, cũng được mười hay hai mươi loại.

Những kẻ không biết thời thế cứ đổ riệt Thanh Thế Tông chẳng chọn lấy những tác phẩm ấy, đúng là đã vu báng vua Thế Tông. Nếu như Thanh Thế Tông được thấy toàn bộ những trước tác của ngài Ngẫu Ích thì chắc chắn sẽ cho nhập tạng toàn bộ, chẳng sót bộ nào. Phải biết, Đại tạng kinh đời Thanh do Thanh Thế Tông khởi xướng, đến khi Thanh Thế Tông băng hà, Cao Tông (Càn Long) kế vị,

---

[275] Tướng Tông Bát Yếu: Tên gọi đầy đủ của tác phẩm này là Tướng Tông Bát Yếu Trực Giải, là một tác phẩm chú thích của ngài Ngẫu Ích cho tám tác phẩm trọng yếu của tông Pháp Tướng (Duy Thức). Tám tác phẩm ấy là: 1. Bách Pháp Minh Môn Luận của ngài Thế Thân; 2. Duy Thức Tam Thập Luận cũng của ngài Thế Thân; 3. Quán Sở Duyên Duyên Luận của ngài Trần Na; 4. Lục Ly Hợp Thích Pháp Thức của ngài Trừng Quán (cuốn này trích từ bộ Hoa Nghiêm Kinh Tùy Sớ Diễn Nghĩa Sao); 5. Quán Sở Duyên Duyên Luận Thích của ngài Hộ Pháp; 6. Nhân Minh Nhập Chánh Lý Luận của ngài Thương Yết La Chủ; 7. Tam Chi Tỷ Lượng của ngài Huyền Trang và; 8. Bát Thức Quy Củ Tụng cũng của ngài Huyền Trang.

[276] Đây là tác phẩm chú giải bộ Đại Thừa Chỉ Quán của ngài Huệ Tư (thầy ngài Trí Khải).

[277] Duyệt Tạng Tri Tân gồm bốn mươi tám quyển, là một loại sách tổng mục, phân định 1.773 bộ kinh sách trong Đại tạng thành bốn loại *kinh, luật, luận, tạp*. Đối với mỗi tác phẩm đều có những lời giải thích thiết yếu. Nội dung gồm:

1) Kinh tạng: gồm 976 bộ kinh Đại thừa (căn cứ theo tiêu chuẩn ngũ thời phán giáo của tông Thiên Thai) và 211 bộ kinh Tiểu thừa.

2) Luật tạng gồm 30 bộ Luật Đại thừa và 61 bộ Luật Tiểu thừa.

3) Luận tạng gồm luận Đại thừa, chia thành 71 bộ Thích kinh luận (luận nhằm giải thích kinh theo từng đoạn kinh) và 117 bộ Tông kinh luận (giải thích giáo nghĩa chánh yếu của một kinh), 32 bộ Chư luận thích (chú giải các bộ luận)) và 47 bộ luận Tiểu thừa.

4) Tạp tạng gồm các thể loại: Tây Phương (những kinh điển của ngoại đạo hoặc bị nghi ngờ là ngụy tạo của Ấn Độ, gồm 48 bộ) và Thử Độ (những nghi thức sám hối, các trước tác Tịnh độ, Thiên Thai, Thiền tông, Hiền Thủ tông, Từ Ân tông, Mật tông, Luật tông, truyện ký, hộ pháp, âm nghĩa, mục lục, bài tựa, bài tán, pháp sự v.v. của Trung Hoa, tổng cộng 176 bộ).

[278] Thuở xưa, in sách bằng ván gỗ (thường gọi là in mộc bản). Trước hết phải nhờ người chữ tốt chép lại bản sách ấy rõ ràng, rồi đưa bản chép ấy cho thợ khắc gỗ khắc ngược những chữ ấy lên ván gỗ. Nhà in sẽ dùng những ván gỗ ấy, phết mực lên, áp xuống giấy trắng để in thành sách.

phàm những chuyện khắc in Đại tạng đều do những người có quyền thế trong giới tăng tục thời ấy làm chủ, chẳng qua Cao Tông cũng chỉ chủ trì trên danh nghĩa đó thôi. Vì sao biết như vậy? Bộ Giản Ma Biện Dị Lục[279] do Thế Tông soạn vừa mới hoàn tất bản thảo, còn chưa sửa chữa hoàn chỉnh, vua liền băng hà ngay. Tuy Cao Tông sai người biên chép, khắc bản, nhưng chẳng rảnh rỗi để kiểm điểm. Do vua không sai một bậc đại thông gia chủ trì, nên rốt cuộc sai ngoa không biết bao nhiêu mà kể. Di bút của cha mà còn để như thế, huống gì là Đại tạng?

Vả nữa, lúc Thế Tông bắt đầu soạn tác phẩm này liền ban lời dụ, trong đó có nhắc đến chuyện nhập tạng lưu thông. Về sau, chỉ khắc bản in sách, rốt cuộc không nhập tạng, chỉ đem lời dụ này in kèm vào sau cuốn Ngữ Lục của cư sĩ Viên Minh[280], há cũng nên bảo là vì Thế Tông tỵ hiềm sách ấy có tập khí nên không được nhập tạng ư? Nguyên nhân chẳng được nhập tạng là vì những kẻ ngoại hộ của con cháu sư Hán Nguyệt Tạng[281] đa phần là những người đang nắm quyền, nên chẳng ai dám đề xướng nhập tạng sách ấy mà thôi. Nếu luận về tập khí, có thể nói ngài Ngẫu Ích hoàn toàn không có; thế nhưng những kẻ thiền hòa[282] mù quáng cho là ngài uổng có văn tự, nhưng chưa đại ngộ, cống cao ngã mạn. Những kẻ như thế ngửa mặt nhổ lên trời, há có nên lấy những lời của họ để làm cơ sở bình luận ư? Những kẻ hủy báng Thanh Thế Tông cũng như hủy báng ngài Ngẫu Ích, đều là những kẻ nghe lỏm nói mò, hùa theo phụ họa mà thôi!

104. Thư trả lời cư sĩ Chu Quần Tranh (thư thứ hai)

Hôm qua nhận được tin từ Sư Đạo cho biết tháng trước bệnh tình ông thật nguy ngập, gần đây đã thuyên giảm, may mắn thay! Con người xử thế, nhất nhất

---

[279] Bộ sách này gồm tám quyển, biên soạn vào năm Ung Chánh thứ 11 (1733). Nguyên khởi là do sư Hán Nguyệt Pháp Tạng thuộc dòng Thiền Lâm Tế soạn cuốn Ngũ Tông Nguyên, môn nhân của sư là Đàm Cát Hoằng Nhẫn cũng soạn cuốn Ngũ Tông Cứu để đả kích giáo nghĩa dòng Thiền Tào Động lúc ấy, gây nên tranh luận ồn ào trong chốn thiền lâm bấy giờ, cho đến tận đời Thanh vẫn còn chưa dứt. Thanh Thế Tông bèn soạn tác phẩm này, phán định chủ trương của Hán Nguyệt và Hoằng Nhẫn là tà ma dị thuyết, phê phán những cuốn Ngữ Lục của hai vị này. Vua còn chê trách môn nhân của hai vị trên ăn thịt, uống rượu, hủy phá giới luật, gây nguy hại cho Phật giáo rất lớn, cần phải phế trừ.

[280] Viên Minh là một biệt hiệu khác của Ung Chánh. Tác phẩm này có tên là Viên Minh Bách Vấn, trích ra từ quyển thứ 12 của bộ Ung Chánh Ngự Soạn Ngữ Lục. Tác phẩm này gồm một trăm đoạn văn ngắn biện định về Thiền tông.

[281] Tức sư Hán Nguyệt Pháp Tạng. Đệ tử tại gia của môn nhân ngài Hán Nguyệt Pháp Tạng là những kẻ đương nắm giữ quyền chức thời ấy nên họ tìm cách ngăn không cho cuốn Giản Ma Biện Dị Lục được nhập tạng.

[282] Thiền hòa: Gọi tắt của "thiền hòa tử" hoặc "thiền hòa giả", là tiếng để chỉ những người tham thiền.

nên án theo bổn phận, chẳng được lầm lạc lo lắng vượt ngoài bổn phận. Đấy là như câu nói: "Quân tử chẳng nghĩ ra ngoài địa vị." Lại nói: "Quân tử chỉ thuận theo địa vị mà hành." Tuy ông đã hơi sanh tín tâm đối với pháp môn Tịnh độ, nhưng vẫn còn có ý niệm ham cao chuộng lạ chưa buông xuống được, chưa chịu tu tập như hàng ngu phu, ngu phụ. Phải biết liễu sanh tử đối với ngu phu, ngu phụ thì dễ, bởi tâm họ chẳng có dị kiến; còn nếu là bậc thông Tông, thông Giáo mà khắp thân buông xuống được, thực hành công phu của kẻ ngu phu, ngu phụ thì cũng dễ. Nếu không, bậc cao nhân thông Tông, thông Giáo lại chẳng bằng kẻ ngu phu, ngu phụ mang nghiệp vãng sanh. Pháp môn Tịnh độ lấy vãng sanh làm chánh yếu, tùy duyên, tùy phận, chuyên tinh chí hướng, chắc chắn Phật chẳng dối người. Nếu không, cầu thăng hóa ra bị đọa, đấy chính là tự mình tạo lỗi, nào phải lỗi Phật đâu!

105. Thư trả lời cư sĩ Chu Quần Tranh (thư thứ ba)

Học Phật phải chuyên chú lấy việc giải thoát cho chính mình làm chuyện chánh yếu, nhưng cũng phải tùy phần tùy sức làm chuyện công đức. Nếu là người có sức lớn lao thì mới có thể triệt để buông xuống, triệt để đề khởi. Còn người trung hạ căn, nếu hết thảy đều không làm sẽ trở thành biếng nhác, lười trễ, ngay cả tự lợi cũng chẳng nỗ lực, chuyện lợi người hoàn toàn gác qua một bên, rớt vào thói tệ "dù chỉ nhổ một sợi lông để làm lợi cho người khác cũng chẳng chịu làm" của Dương Tử[283]. Vì thế, phải hành cả hai pháp để bổ trợ cho nhau, nhưng chuyên chú nơi tự lợi, cũng chớ nên hiểu lầm lời của ông Nhị Lâm (Bành Tế Thanh). Hiểu lầm sẽ đắc tội với ông Nhị Lâm chẳng nhỏ! Ý của ông Nhị Lâm là phải chuyên chú nơi tự lợi, chứ không phải hoàn toàn vứt bỏ chuyện tùy phần tùy sức dạy người khác tu tập pháp môn Tịnh độ. Chuyện lợi người chỉ bậc đại Bồ-tát mới có thể gánh vác nổi, những kẻ kém cỏi hơn nào ai dám nói lời lẽ lớn lao ấy? Người trung hạ căn phải biết tùy phần tùy lực để làm chuyện lợi ích người khác thì mới hợp với cái đạo tu hành tự lợi vậy. Do vì pháp môn tu hành có lục độ vạn hạnh, nên tự mình chưa độ thoát thì lợi người vẫn thuộc về tự lợi.

Nhưng chẳng nên chuyên chú làm những chuyện thuộc về hình tích bên ngoài, còn chuyện đối trị phiền não tập khí trong tâm mình bèn gác lại, không nhắc gì tới, tức là có ngoại hạnh, nhưng công phu bên trong hoàn toàn bỏ phế. Do đấy, đâm ra nảy sanh ngã mạn, tự cho công hạnh lợi tha là đức hạnh, sẽ bị tổn thất rất

[283] Tức Dương Châu, tự Tử Cư, người nước Vệ, sống vào thời Chiến Quốc, chủ trương vị ngã, nhổ một cái lông mà có lợi cho người khác cũng không làm.

nhiều. Ví như ăn cơm phải có thức ăn kèm vào, cũng như thân thể phải dùng áo mũ để trang hoàng. Trên con đường tu hành để liễu sanh tử dài dằng dặc, sao lại muốn thâm nhập một môn, phế sạch các môn khác? Thâm nhập một môn[284], bỏ hết các môn khác chỉ có lúc đả thất thì được; bình thời nếu không phải là Bồ-tát tái lai, trọn chưa có ai chẳng vướng mối tệ trở thành giải đãi, khinh mạn, bởi cái tâm phàm phu hễ cái gì thường có quá ắt sẽ sanh chán.

Trời sanh ra muôn vật ắt phải dùng trời tạnh, mưa dầm xoay vần, nóng lạnh đắp đổi thì mới có thực tế sanh thành tạo hóa. Nếu cứ thường tạnh hoặc mưa mãi, hoặc nóng mãi, lạnh mãi thì dưới gầm trời sẽ không có một vật nào cả. Huống chi tâm bọn ta như khỉ vượn, chẳng dùng đủ mọi pháp đối trị muốn cho nó ở yên một chỗ, chẳng rong ruổi lung tung thì rất ư là khó! Con người hãy nên tự lượng sức mình, chớ nên thiên chấp một pháp, cũng chớ nên tràn lan không lớp lang gì, lấy trì giới niệm Phật cầu sanh Tây Phương làm chánh. Gặp hết thảy mọi người, trên là cha mẹ, giữa là anh em, bè bạn, dưới là vợ con, đầy tớ, đều đem chuyện này chỉ dạy, há có nên nói đây chẳng phải là tự lợi ư? Một ngọn đèn chỉ là một ngọn đèn, một ngọn đèn thắp truyền sang trăm ngàn vạn ức ngọn đèn, nhưng ngọn đèn ấy trọn chẳng bị tổn hại gì, ai được, ai mất, nào đến, nào đi? Còn phải đợi hỏi người khác mới hiểu rõ nữa sao?

106. Thư trả lời cư sĩ Chu Quần Tranh (thư thứ tư)

Ngày rằm tháng trước nhận được thư ông. Do ông bảo khi Mạnh Do[285] đến, ông sẽ lên đường ngay, nên sợ thư trả lời sẽ bị lạc mất, vì thế không phúc đáp. Trưa nay lại nhận được thư ông, biết Mạnh Do còn chưa về lại tỉnh nhà. Do ông ta nấn ná chưa về, nên ông không dám dứt khoát. Nếu ông ta trở về, ông sẽ dứt khoát lên đường. Sao ông không hiểu lòng tôi và tấm lòng những người khác mà thành ra đạo lý ương ngạnh như thế? Quang cũng là người xuất gia, há cứ nhất định phải ngăn trở ông, trở ngại ông, học theo thói người tại gia lưu luyến nhà cửa, chẳng muốn cho người khác mau được giải thoát ư? Nhưng cơ duyên gặp gỡ của mỗi người có muôn vàn kiểu chẳng giống nhau.

---

[284] Ở đây, xin đừng hiểu lầm ý tổ. Tổ nói quở trách người thâm nhập một môn là người chấp khăng khăng vào pháp môn của chính mình, bài xích các pháp môn khác, không chịu học hỏi kinh điển nhà Phật, chứ không hề dạy tu tập tràn lan, pháp nào cũng tu, pháp nào cũng học, không biết lượng sức. Vì thế, chư tổ Tịnh độ thường đề xướng "thâm nhập một môn, huân tu lâu dài". Đọc kỹ những lời giáo huấn của tổ, sẽ thấy tổ quở trách chuyện học tràn lan không chuyên nhất. Ý của tổ ở đây nhằm quở trách những kẻ chỉ cho niệm Phật là đủ, không bận tâm tu tập các trợ hạnh khác để hỗ trợ chánh hạnh niệm Phật.

[285] Mạnh Do là anh ruột của Chu Quần Tranh.

Luận theo phần ông, quả thật tại gia có ích rất lớn, còn xuất gia chỉ được lợi ích nhỏ nhoi. Tổ nghiệp của ông gần như sống qua ngày được, trên có mẹ hiền để thờ, giữa có anh em để nương tựa, trong nhà có vợ hiền, dưới gối không con cái. Nhưng anh cả của ông khá tin tưởng vào Phật pháp, chú Ba, chú Tư cũng chẳng chống trái đạo pháp lắm. Ông tại gia dốc sức tu tịnh nghiệp, cũng có thể hướng dẫn khiến cho mẹ hiền sanh lòng tin niệm Phật, ngõ hầu được liễu thoát mà cũng có thể vì anh em đang ở ngoài lo liệu chuyện trong gia đình, cũng như suất lãnh vợ, em dâu v.v. cùng tu tịnh nghiệp, cùng thoát vòng khổ. Bên ngoài thì xóm giềng, thân thích, tùy duyên hướng dẫn, chỉ vẽ, thì nhà cửa bèn thành đạo tràng, hết thảy mẹ, anh em, vợ con, cháu chắt, xóm giềng, thân bằng đều thành pháp quyến. Tùy sức, tùy phận, thân làm gương, miệng giáo hóa khiến cho mọi kẻ lạc đường ở Vĩnh Gia cùng những kẻ chủng tánh tà kiến kia cùng được nạp vào trong lò luyện lớn là pháp môn Tịnh độ chí cực viên đốn của Phật pháp, cùng trở thành pháp khí[286], cùng tu tịnh nghiệp, tương lai cùng lên Liên Bang, cùng chứng Bồ-đề. Há chẳng bằng ông xuất gia làm tăng, bỏ mẹ đi xa, người trong nhà ôm mối hận không người nương cậy, mẹ đem lòng oán con hay sao? Đã thế, những kẻ chẳng hiểu rõ lý cùng cực sẽ đâm ra nói Phật pháp trái nghịch thế đạo, lầm sanh hủy báng, khiến cho những kẻ ấy tạo ác nghiệp, đọa ác đạo. Chưa thấy ích gì mà trước hết đã mắc lấy những tổn hại to lớn như thế, như vậy là tốt hơn hay sao?

Huống chi mẹ ông đã không bằng lòng, há có nên chẳng tuân theo ý mẹ, vẫn cứ ôm ấp ý niệm ấy? Nếu như mẹ ông trọn chẳng bằng lòng cho ông tu hành, thì chuyện bỏ nhà đi xuất gia còn chấp nhận được, chứ ông tu hành mẹ rất hoan hỷ, lẽ đâu lại muốn bỏ mẹ đi tu? Trong Phật pháp có đủ mọi công nghiệp, lục độ vạn hạnh đều vì lợi ích chúng sanh. Ông không xuất gia sẽ có lợi ích lớn lao cho mẹ, chỉ nội một điều này đã nên chiều theo lòng mẹ, sống trong cõi trần học đạo, khiến cho mẹ hằng ngày trông thấy quen mắt, chẳng mong mẹ tin tưởng mà mẹ tự nhiên tin tưởng, còn công đức nào lớn lao hơn? Huống chi nào phải chỉ một mình mẹ được lợi ích?

Hơn nữa, mẹ đã không chấp thuận, thì về mặt đạo nghĩa, chẳng nên nghĩ tới chuyện xuất gia nữa! Vì trong giới luật nhà Phật, cha mẹ chẳng bằng lòng cho con xuất gia, mình cứ tự tiện xuất gia thì nhà chùa chẳng được phép dung nạp, xuống tóc, và thọ giới v.v.. Nếu không cả thầy lẫn trò đều mắc tội. Ông đã thờ

[286] Pháp khí: Chỉ những người có thể tu hành Phật đạo. Sách Sơn Đường Tứ Khảo chép: "Nhị Tổ Huệ Khả thờ ngài Đạt-ma đã lâu, chưa được nghe giáo huấn, bèn chặt tay cầu pháp, sư biết là pháp khí, bèn trao cho y bát."

Quang làm thầy, coi Quang là thiện tri thức, tuy Quang thật chẳng phải là thiện tri thức, nhưng chuyện trái nghịch Phật pháp quyết chẳng dám làm. Chỉ mong ông nghe theo lời Quang, thuận lòng mẹ, tại gia tu hành mới nên. Cổ nhân có người vì tri kỷ, chẳng ngại đem thân đền đáp, huống chi mẹ ông đã lưu giữ ông, Quang khuyên ông: Lẽ nào lại chống trái, cố chấp không thay đổi ư? Phải biết, hiếu thuận cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu thập thiện nghiệp, chính là chánh nhân để vãng sanh Tây Phương. Hãy nên học đòi Vương Hư Trung[287], Chu An Sĩ, Bành Xích Mộc (Bành Thiệu Thăng) ba vị tiên sinh thì mới chẳng thẹn là đệ tử Phật!

107. Thư trả lời cư sĩ Chu Quần Tranh (thư thứ năm)

Chuyện trong thiên hạ đều có nhân duyên, chuyện được thành hay chăng đều do nhân duyên gây ra. Tuy có người làm cho chuyện ấy thành hay bại, nhưng quyền lực thực tế là do cái nhân trước của chính ta, chứ không do cái duyên hiện tại. Hiểu điều này sẽ vui theo mạng trời, chẳng oán, chẳng hận, thuận theo địa vị mà hành, không trong hoàn cảnh nào chẳng tự tại vậy. Riêng ông chẳng biết phận làm con, đúng lý ra phải nghe lời cha mẹ; thêm nữa, muốn làm học trò của người ta, nên nghe theo lời thầy. Những gì cha mẹ mưu tính cho con cái rất có thể không thích đáng, là vì yêu thương sâu nặng nên có thể bị thiên lệch, còn thầy đã có thể coi là bậc tri thức, trọn chẳng đến nỗi tính toán những điều quá sai lầm.

Sống trong cõi trần học đạo, tu chân ngay trong cõi tục, chính là chuyện đạt nhân danh sĩ lẫn ngu phu, ngu phụ đều có thể làm được. Gắng sức tu trì, do tại gia có đủ mọi hệ lụy, nên coi như những lời cảnh tỉnh[288], lâu dài sanh cái tâm chán lìa, ngõ hầu sẽ dài lâu nuôi lớn cái tâm ưa thích, lấy bệnh làm thuốc, biến tắc thành thông, trên chẳng khiến mẹ phải thở than, dưới gia đình riêng của mình chẳng mất nơi nương tựa, lại còn khiến cho hết thảy mọi người do cùng thấy nghe bèn được tăng trưởng tịnh nghiệp, còn vui nào bằng?

Chỉ mong ông trên là nghe theo lời mẹ, cũng như thuận theo lòng Quang, tùy phận tùy duyên tự lợi, lợi tha. Bồ-tát bỏ đầu, mắt, tủy, não để cứu chúng sanh đói khát. Tại gia tu hành đối với mẹ, đối với ông đều có lợi ích lớn lao, sao lại lầm sanh chống trái? Như ông cứ nhất quyết muốn y theo tâm hạnh của mình, làm sao Quang có thể chấp nhận như thế được, chỉ mong hãy đem cái danh tự thầy trò giả

[287] Chính là ông Vương Nhật Hưu, tác giả bộ Long Thư Tịnh Độ Văn.
[288] Nguyên văn "đương đầu bổng hát": Tông Lâm Tế dùng gậy đánh, tiếng hét để khai ngộ. Nên "đương đầu bổng hát" cũng có nghĩa là nhân duyên, cảnh tượng giúp mình tỉnh giác.

tạm thủ tiêu đi, ông cứ việc bái vị cao tăng nào đó làm thầy, Quang hoàn toàn không hỏi đến nữa. Ngày sau gặp gỡ như người đi trên cùng một đường gặp nhau, đừng giữ cái lễ thầy trò nữa.

Nếu không như thế thì xin hãy nghe theo lời tôi nói, thay Quang khuyến hóa trai gái vùng Âu Giang[289] cùng vào Liên Trì Hải Hội. So với việc ông cứ muốn làm tăng, khiến cho mẹ chẳng vui lòng, anh em, vợ con đều buồn bã, người xứ Âu Giang lầm lạc khởi lên tâm nghiệp phỉ báng Phật pháp. Lẽ được mất khác biệt tựa hồ một trời một vực, ông hãy thử nghĩ kỹ xem, Quang vì ông hay là hại ông vậy? Quang đã nói hết lời, chẳng thể viết thêm một chữ thừa thãi nào nữa, mặc lòng ông tự tiện mà thôi!

108. Thư trả lời cư sĩ Chu Quần Tranh (thư thứ sáu)

Một pháp nhân quả là bước đầu để nhập môn Phật giáo, cũng là phương sách trọng yếu để thành tâm, chánh ý, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Cuốn sách của họ Đinh[290] dù có sai sót, nhưng về đại thể là tốt. Chớ vì họ Viên thiếu đức mà cho là chẳng đáng lưu thông. Họ Viên[291] đã mất rồi, người biết ông ta thiếu đức được mấy người? Nếu như chuyện nhân quả báo ứng đập vào mắt, thấm vào lòng, dẫu họ Viên hèn kém cũng nên giảm lòng tà, giữ lòng thành, khắc kỷ, giữ lễ,

---

[289] Âu Giang: Con sông lớn thứ hai của tỉnh Chiết Giang, phát nguyên từ núi Đồng Cung, chảy theo hướng về Đông Nam đến huyện Thanh Điền mới có tên là Âu Giang, đổ ra biển ở thành phố Ôn Châu.

[290] Họ Đinh ở đây là ông Đinh Phước Bảo, trong lá thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn, tổ có nói: "Cuốn Phật Học Đại Từ Điển do ông Đinh Phước Bảo biên soạn, danh tướng thật rộng, nhưng khảo cứu chưa thật tường tận. Nói chung, cứ ba mươi điều có một điều bị sai lạc, chỉ có bậc thông gia mới phân biệt được, nếu không rất có thể do đó bị lầm."

[291] Họ Viên ở đây là ông Viên Tử Tài (1716-1797). Lời tựa cuốn Kỷ Văn Đạt Công Bút Ký Trích Yếu có chép: "Từ đời Thanh đến nay, người bác học đa văn thì tiên sinh Giang Thận Tu là bậc nhất, kế đến là Kỷ Văn Đạt rồi đến là ông Viên Tử Tài… Viên Tử Tài thoạt đầu bài bác Phật, đến tuổi trung niên trở đi, lịch duyệt ngày càng sâu, bèn sanh lòng tin chân thật đối với Phật pháp, chỉ vì cuồng vọng, tự đại, lười nhác, biếng trễ, chẳng chịu thân cận cao nhân, lắng lòng nghiên cứu…" Qua lời nhận định này, có thể đoan chắc họ Viên nói ở đây là ông Viên Tử Tài. Ông tên thật là Viên Mai, tự Tử Tài, hiệu lão nhân Tùy Viên, là người Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang, đỗ tiến sĩ dưới đời vua Gia Khánh, từng làm tri huyện bốn lần. Về sau, từ quan sống ở Tiểu Thương Sơn tại Nam Kinh, dựng Tùy Viên để hưởng nhàn, chuyên tâm viết lách, nghiên cứu nghệ thuật ẩm thực. Ngoài danh hiệu lý luận gia lừng danh, ông cũng là một nhà văn nổi tiếng biết thưởng thức món ăn ngon. Thi văn của ông trang nhã, bóng bẩy, tình tứ. Bộ Tùy Viên Thực Đơn của ông nổi tiếng đến nỗi được xuất bản ngay trong đời Thanh, và được phiên dịch sang tiếng Nhật. Năm 1983, Quảng Đông Khoa Kỹ Xuất Bản Xã đã tái bản cuốn sách này.

mong chính mình tránh khỏi tội lệ, vun trồng phước đời sau, chớ vì một lỗi mà giấu kín đi.

Hơn nữa, họ Viên lúc ban đầu bài bác Phật, sau đọc nhiều, đọc sâu hơn, biết đích xác nhân quả không sai chạy mảy may, tuy chưa dứt khoát nghiên cứu sách vở nhà Phật, nhưng xem đến những sự tích cảm ứng đã được ghi chép thì quả thật tâm đã vui mừng, khâm phục Phật pháp. Sở dĩ, ông ta chưa được như ông Bành Nhị Lâm là vì do văn tự chướng ngại sâu xa, lại thêm biếng nhác, trễ nải, thành ra kết quả chỉ là gieo nhân cho tương lai, đáng tiếc thay! Tôi cho rằng do ông Viên, ông Kỷ[292] học rộng mà còn chăm chú gom soạn nhân quả báo ứng như thế, người sau xem đến, há đâu chẳng cảm động sâu xa ư? Nếu không muốn lưu thông thì thôi, còn muốn lưu thông hãy nên lưu thông, đừng có nên nghĩ ngợi thái quá.

109. Thư trả lời cư sĩ Chu Quần Tranh (thư thứ bảy)

Giảng Khởi Tín Luận rất tốt, chỉ e ít người lãnh hội được, nên kẻ căn cơ nông cạn sẽ bị mất lợi ích nhiều. Có lẽ nên giảng kèm pháp môn Tịnh độ khiến cho họ trước hết biết được đạo trọng yếu để liễu sanh tử, lại còn biết được tâm pháp trọng yếu của Phật pháp thì cả lý lẫn cơ đều được khế hợp. Để đối chứng cấp thuốc cho người hiện thời thì nhân quả báo ứng là bậc nhất, còn trong các pháp nên tu thì Tịnh độ là bậc nhất. Nếu nghiên cứu Khởi Tín Luận thì tuy cũng có nhân quả Tịnh độ, nhưng tri kiến phàm phu không thể lãnh hội trọn vẹn nghĩa lý, lại còn chẳng thể nương theo luận ấy để khởi tu, chỉ hiểu được ý nghĩa mà thôi. Bất luận căn tánh nào, không thể không trước hết nghiên cứu nhân quả, Tịnh độ; còn về giáo tướng thì cũng phải chọn người mà thí, bởi lẽ học trò mỗi người có chuyện phải học riêng, Phật học chỉ là chuyện kèm thêm. Nếu người căn cơ thiên tánh cạn cợt lại chuyên chú vào giáo tướng, rất có thể sẽ quăng Tịnh độ ra sau ót, đến nỗi thành ra kết quả "có nhân mà không có quả". Đấy là lập cách chẳng phù hợp căn cơ vậy.

Nay trong những kẻ tôn sùng Tướng tông, thói tệ ấy cũng giống như thế. Chuyện họ đề xướng chẳng thật sự vì liễu sanh tử mà chỉ vì thông suốt lý tánh để thuyết giảng mà thôi. Nếu như họ biết được nỗi khó khăn của việc dùng tự lực để liễu sanh tử, quyết sẽ chẳng chịu dốc sức nơi chuyện ấy, bỏ qua Tịnh độ không hỏi đến. Nếu kẻ nào chê bai thì kẻ ấy đều thuộc hạng ham cao chuộng thù thắng,

[292] Ông Kỷ ở đây là Kỷ Văn Đạt (1724-1805) tên thật là Kỷ Quân, tự Hiểu Lam, tên thụy là Văn Đạt. Người huyện Hiến, tỉnh Hà Bắc, làm quan đến chức Thượng thư bộ lễ, Hiệp biện đại học sĩ, từng đảm nhiệm việc biên tập tác phẩm đồ sộ Tứ khố toàn thư dưới thời Càn Long.

chẳng biết duyên do của sự cao, sự thù thắng. Nếu thật sự biết thì dù có giết họ, họ cũng chẳng chịu gác bỏ Tịnh độ không dốc sức tu. Thật là học đạo khó khăn thay! Chí của sư Hoằng Nhất chỉ có mình ngài Hoằng Nhất biết rõ. Nếu chẳng đại tinh tấn, tâm sanh tử không khẩn thiết sẽ thành hạng biếng nhác, bê trễ.

Tăng nhân ngày nay thật khó khiến cho người ta tin tưởng, nhưng đã truy điệu tăng nhân, há nên phỉ báng tăng nhân. Nếu nêu lên những điều thiện, răn dè những điều bất thiện thì không mắc lỗi gì, nhưng nếu đã dự vào hàng học trò người ta, thì chuyện chỉ trích cũng nên im lặng. Chuyện ấy chỉ có người đức cao trọng vọng mới có thể tiến hành, không phải là chuyện hàng chim non miệng vàng nên làm.

Những kinh hư rách không thể tu bổ được thì đốt đi cũng không sao, nếu còn xem được, còn có thể tu bổ được thì chẳng nên thiêu. Nếu chẳng biết lẽ biến thông, cứ một mực không dám thiêu, kinh ấy rốt cuộc chẳng thể xem, mà cũng không được cất giữ như kinh tốt, thành ra khinh nhờn, lại còn tạo thành cái lỗi khinh nhờn cho người đời sau vậy, há có nên chẳng biết quyền biến ư? Quang thường nói: "Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh." Lúc này nếu chẳng coi nhân quả là nhiệm vụ cấp bách để cứu nước cứu dân thì dù ông trí xảo, đạo đức cao siêu đến đâu cũng chỉ uổng công, bởi lẽ chẳng giảng đạo lý cũng như không có vương pháp vậy.

110. Thư trả lời cư sĩ Hồng Quán Lạc

Thánh hiền xưa kia không ai chẳng dè dặt, kinh sợ tự tu trì, vì thế tâm họ chẳng bị phú quý, cùng thông xoay chuyển. Nếu bần cùng thì riêng một thân mình thiện, còn hiển đạt sẽ kiêm làm điều lành cho thiên hạ. Người đời nay trong cách cư xử, nói năng hằng ngày, giữa cha con, anh em, vợ chồng với nhau còn chẳng thể mỗi mỗi đều đúng pháp. Có chút tri kiến liền lầm lạc mong thành bậc cao nhân lỗi lạc, nếu chưa có quyền lực bèn mặc tình cuồng vọng biện luận mù quáng lừa đời dối dân, khi đã có địa vị bèn phô bày ác niệm bạo ngược của chính mình rồi nước hại dân. Cái gốc bệnh là do lúc ban đầu cha mẹ, thầy bạn kẻ ấy chưa từng đem cái đạo nhân quả báo ứng ra dạy dỗ cho kẻ đó. Nếu hắn biết chút ít về nhân quả báo ứng thì khởi tâm động niệm ắt sẽ có chỗ kiêng sợ, chẳng dám phóng túng. Dẫu chẳng mong thành thánh thành hiền, cũng vẫn dè dặt, kiêng sợ như rớt xuống vực sâu, như đi trên băng mỏng, không thể không như vậy được. Do vậy, kẻ có thiên tư cao lại càng phải bắt tay từ chỗ thiển cận, đừng thấy điều thiện nhỏ bèn không làm, đừng cho là điều ác nhỏ rồi cứ làm. Lúc nhỏ huân tập thành tánh,

như cây lúc nhỏ đã mọc ngay thẳng, đến khi lớn, muốn cho nó cong vẹo cũng không thể nào được.

111. Thư trả lời cư sĩ Uông Cốc Nhân

Chân cảnh có hạn lượng, do không biết hai chữ "chân cảnh" nên tính toán lầm lạc. Thế giới không đồng dị, chỉ bậc đã viên chứng Tịch quang mới thấy được như thế. Sanh tử và Niết-bàn cùng một nguồn, nhưng do mê ngộ khác biệt nên mới có trói buộc và giải thoát sai khác; chân và vọng vốn không hai thể, nhưng mê chân thành vọng, nên chỉ thấy được vọng, chẳng thấy được chân. Nếu hỏi vì sao thành ra như thế, xin hãy tự tham cứu nơi chính mình, đến khi nào thấy ngay cả chính mình cũng chẳng thể được thì sẽ tự biết, như người uống nước, lạnh nóng tự hay. Nếu hướng về người khác hỏi han hòng biết rõ, dù người khác nói rất rành rẽ, cũng giống như nghe nói về bánh, chính mình làm sao biết được mùi vị, dứt cơn đói khát cho được?

Toàn thể chân biến thành vọng, há hỏi bản thể của cái chân nếu có thì có ở chỗ nào? Nếu toàn thể vọng biến thành chân, há có thể hỏi tướng vọng vốn không, cái không ấy đi về đâu? Những kẻ hỏi như vậy chẳng gọi là người trí. Dẫu Phật ngữ như sấm, nhưng tâm đầy nghiệp chướng thì làm sao đây? Nếu thật sự thông đạt Nhất thừa thì tứ đại đều mất bổn tánh, sáu căn thảy đều dùng lẫn cho nhau. Lý thể như thế nói có vẻ dễ, chứng được thật khó. Xưa kia may ra còn có người chứng đắc, chứ hiện thời toàn là những kẻ ham cao chuộng xa, chẳng trọng thật tu, toàn là những kẻ hư vọng, vờ vịt bàn xằng bát-nhã. Xin hãy đọc kỹ phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, cùng cầu vãng sanh với những vị Đẳng giác Bồ-tát đã chứng ngang bằng với Phật, đấy chính là điều Quang tôi mong mỏi sâu xa. Nếu không, ai giữ chí nấy, chẳng cần phải thương lượng nữa!

112. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ nhất)

Người chưa thọ giới chẳng được xem Luật tạng:

1) Một là vì sợ kẻ chưa hiểu lý sâu, trông thấy hành vi của những người phạm giới cấm, chẳng biết là bậc Đại quyền Bồ-tát thị hiện, vì mong Phật chế giới hòng lợi lạc cho đời sau, bèn hiện tướng chẳng như pháp để Phật có dịp chế lập giới, nêu khuôn phép. Do chẳng hiểu lý này, chỉ căn cứ vào những hành vi trước mắt, cho là khi Như Lai tại thế, các đệ tử Phật phần nhiều chẳng như pháp. Từ đấy, khởi lên tà kiến miệt thị tăng chúng, tội đó chẳng nhỏ.

2) Hai là những chuyện trong Luật tạng chỉ tăng được biết, nếu để kẻ chưa phải là tăng đọc được, rất có thể có kẻ ngoại đạo giả vờ dự vào hàng tỳ-kheo, làm chuyện sai pháp, vu báng Phật pháp thì hại chẳng nhỏ.

Do vậy, nghiêm cấm như thế là để dự phòng. Còn như kẻ hảo tâm hộ pháp, giảo chánh, lưu thông, há có nên cứ tuân theo thường lệ chăng? Nếu chấp chặt vào lời ấy thì luật phải do tăng chép, tăng khắc, tăng in, tăng truyền mới khỏi trái nghịch cấm chế của Phật. Vạn sự trong thiên hạ đều có lý nhất định, làm điều gì phải thuận theo cái lý nhất định, nhưng cách thực hiện thì phải tuân theo cái đạo thích nghi thời tiết, nhân duyên. Lý khế hợp với quyền, pháp phù hợp cùng đạo mới nên. Trong luật ắt có những đoạn văn nói rõ điều ấy, Quang mắt mờ chẳng thể xem trọn. Bộ Tỳ-ni Tập Yếu của ngài Ngẫu Ích cũng nhắc đến nghĩa lý này, ông cũng không cần phải kiểm lại.

Nếu đã không vướng vào những lỗi như: không phải người hiểu lý sâu xa, chỉ biết căn cứ vào chuyện trước mắt, muốn biết chuyện cơ mật trong Phật pháp, hoặc muốn giả vờ dự vào chúng tỳ-kheo v.v. thì cứ thanh thản yên tâm giảo chánh, lưu thông. Công đức ấy vô lượng vô biên, cần gì phải lo nghĩ quá? Nhưng phải im lặng, chẳng được đem những sự tướng chép trong luật tuyên nói cho kẻ vô tri vô thức, cũng như trích đăng bừa bãi trong những văn tập tầm thường, khiến kẻ vô tri lầm lạc tạo khẩu nghiệp. Lý thế gian hay xuất thế gian về lý đều nhất định, nhưng pháp không nhất định. Lớn như chuyện giữ nước yên đời, nhỏ như một miếng ăn hớp uống, không chuyện gì chẳng như vậy. Sao lại riêng chấp khăng khăng nơi Luật tạng?

113. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ hai)

Trước kia tôi ở Dương Châu, biết thái phu nhân mắc bệnh, các hạ phải trở về đất Thân (Thượng Hải) để chăm sóc. Tôi cho rằng bà cụ đã ngoài bảy mươi, tịnh nghiệp đã thuần, rất có thể là vì muốn răn nhắc những người đồng hàng nên dùng đại sự Tây quy để nhân đó họ được tỉnh ngộ đó chăng? Cho đến ngày mồng bốn tháng chín, Quang đến đất Thân, hôm sau gặp Vân Lôi, cho biết thái phu nhân thân thể đã mạnh khỏe, các hạ cũng đã quay lại Bắc Kinh mấy ngày rồi. Khôn ngăn mừng rỡ vô cùng! Ai ngờ thái phu nhân rốt cuộc chẳng muốn trụ lâu trong thế giới này, dùng chính thân mình thuyết pháp, chỉ muốn cho hết thảy thân bằng quyến thuộc đều biết tướng thế gian vô thường, hễ sanh ắt có tử, dốc sức tu tịnh nghiệp, cầu mau được thoát khỏi đời ác ngũ trược này, chứng triệt để thiên chân

Phật tánh chúng ta vốn sẵn có mới thôi. Có thể nói thật là đại từ bi, hiện thân thuyết pháp vậy!

Nhận được tin từ Vân Lôi, tâm tôi rất bi thương; kế đó nghĩ thái phu nhân quả thật muốn cho chúng ta khỏi chịu khổ luân hồi, nên mới thị hiện đến đi. Điều đáng bi thương chỉ là ông mất nơi nương cậy, mất đi mẹ hiền mà thôi. Tuy vậy, thần thức cụ đã siêu về Tịnh Vực, nghiệp trả lại trần lao, sen chín phẩm nở hoa, Phật thọ ký ngay trong một đời. Do các hạ thiên nhãn chưa mở, chẳng thể thấy thấu suốt, xét về phần được thái phu nhân chở che, cố nhiên tơ hào chẳng cách, nhưng đã thành chuyện dĩ vãng. Xin ông bớt buồn, lấy chuyện niệm Phật ngõ hầu phẩm sen của cụ được cao thêm, mau chứng Vô sanh làm trọng, quyết chớ nên quá bi thương, đến nỗi hai bên đều vô ích. Quang may chẳng bị ghét bỏ, được dự vào hàng bè bạn của ông, pháp lẫn tài đều nghèo, biết lấy chi làm lễ, chỉ đành vào lúc sáng tối lễ tụng, vì thái phu nhân hồi hướng Bồ-đề, để tận tình bạn bè phương ngoại[293] mà thôi.

114. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ ba)

Hôm qua nhận được thư cùng thiệp báo tin buồn, đọc xong, khôn ngăn buồn than khôn xiết. Phàm chư Phật, Bồ-tát, Pháp thân đại sĩ nghĩ thương chúng sanh, thị hiện sanh trong thế gian, hòa quang đồng sự[294] dùng hạnh giáo hóa, khiến cho dù nam, dù nữ, hoặc quốc vương, đại thần, phi hậu, đại gia, và những kẻ bần cùng hạ tiện trông thấy đều được cảm hóa, phát khởi, bất cứ đâu, bất cứ ai đều được nhập vào Nhất thừa viên diệu, sâu xa mà chẳng tự biết. Như thế thì pháp đạo lưu thông, như xuân về trên lãnh thổ của vua Vũ, mặt nhật rạng ngời trời Nghiêu, không chỗ nào, không một ai chẳng được hưởng quang minh, được thấm nhuần nuôi dưỡng. Xét việc làm của cả một đời thái phu nhân và tình hình khi lâm chung, trước đây Quang đã từng bảo bà cụ là bậc thừa nguyện thị hiện, mang thân phận nữ nhân mà thuyết pháp, luận như vậy là đích xác nhất.

Quang uổng mang thân nam, lạm chen vào tăng chúng, 40 năm qua chẳng được mảy may lợi ích gì nơi pháp môn cả. Đọc thấy thái phu nhân sốt sắng lưu thông Đại tạng, khắc in những sách khế lý khế cơ, thẹn đến chết được! Sáng chiều

[293] Phương ngoại có nghĩa là thế ngoại (ở ngoài cõi đời). Tăng sĩ kết bạn với tục gia đệ tử thường xưng là "phương ngoại hữu", tức là người bạn ở ngoài cõi đời. Trong Thiền lâm, khi một vị tăng đảm nhiệm mới đến đảm nhiệm trụ trì một ngôi chùa, các vị thân sĩ viết bài văn chúc mừng, bài văn ấy cũng gọi là *phương ngoại sớ*.

[294] Hòa quang đồng sự, còn gọi là hòa quang đồng trần: Sống chung với chúng sanh, sanh hoạt, xử sự giống như chúng sanh để dễ bề giáo hóa.

lễ tụng hồi hướng chỉ để giãi bày tấm lòng thành của tôi, còn mong thái phu nhân từ mẫn, dẫn thánh chúng của Phật Di-đà mau đến độ tôi, sao có thể nói là tôi làm pháp thí cho cụ bà được? Nhưng tôi chẳng ngại nhờ vào duyên sự này để tăng trưởng cái tâm tự lợi, lợi tha. Do vậy, hàng phàm phu sát đất, trong lúc lễ tụng còn vì chư Phật hồi hướng, huống chi những vị thị hiện địa vị phàm phu thì về mặt lý nào có ngại gì?

Trong thời gian làm thất và trong hết thảy lúc, hết thảy sự, đều nên lấy niệm Phật làm chánh, chứ nào phải chỉ trong lúc chưa đưa đám. Do hiện nay, đa số tăng lười nhác, người không biết tụng kinh thì nhiều, mà tăng lại đọc nhanh như nước chảy, người khác dù có biết tụng kinh nhưng không thuộc cũng chẳng thể niệm theo. Dẫu có mười mấy người, số người niệm theo chẳng được mấy. Chỉ có niệm Phật thì ngoại trừ những kẻ không phát tâm ra, chắc chắn không có cái tệ chẳng niệm theo. Lại dù họ chẳng chịu niệm, nhưng một câu Phật hiệu đã lọt qua tai vào tâm thì tự được lợi chẳng cạn. Đấy chính là lý do Quang tuyệt chẳng đề xướng làm các đạo tràng khác.

Người đang lúc lâm chung, chỉ đồng thanh niệm Phật hiệu là có ích. Nếu thức tâm của người sắp mất chưa rời khỏi xác thân thì tắm rửa, cất tiếng khóc v.v. đều gây trở ngại lớn. Do vậy, người tu tịnh nghiệp trong lúc bình thời phải thuật rõ duyên do cùng thân quyến ngõ hầu họ chẳng đặt lòng yêu thương sai chỗ. Nếu là người có sức lớn lao, là bậc cao sĩ lỗi lạc, ắt sẽ chẳng sợ bị những thứ ấy gây vướng mắc. Bởi lẽ, những vị ấy phước đức sâu dày, ngay trong lúc uế nghiệp đã diệt, tịnh cảnh hiện tiền, liền ngay trong lúc ấy, những gì họ thấy họ nghe đã không còn thuộc vào thế gian này nữa.

Thái phu nhân vốn đã chẳng phải hạng tầm thường, vì thế chẳng nên theo lệ thường. Bà cụ ắt vãng sanh, phẩm vị ắt chẳng thuộc vào trung, hạ, nhưng Phật pháp rộng sâu, chỉ khi nào thành Phật rồi mới có thể buông tay, muốn quyết định được vãng sanh, quả thật chẳng ngại gì khẩn thiết niệm Phật, thường hành truy tiến[295], tức là như kinh Phật thường nói: "Tuy biết tội tánh vốn không, nhưng thường hối tội trước, chẳng nói mình đã được thanh tịnh." Ngài Liên Trì cũng nói: "Trong năm, thường nên truy tiến tiên vong[296], chẳng được bảo họ đã được giải thoát nên chẳng cử hành."

[295] Truy tiến: Làm các pháp sự hoặc thiện sự để hồi hướng cầu cho người đã mất được siêu sanh Tịnh độ.
[296] Tiên vong: Những người đã mất.

Phải biết niệm Phật, tụng kinh tuy nói là để cầu siêu cho người thân, nhưng thật ra là để cho quyến thuộc hiện tiền tự biết, khai tâm địa, trồng thiện căn, và đem tất cả công đức cầu siêu cho người thân để hồi hướng cho hết thảy chúng sanh trong pháp giới, hòng mở rộng tâm lượng của mình lẫn người, của kẻ còn, người mất, nhằm tiêu diệt những chấp trước trở ngại còn - mất của mình lẫn người. Còn như không lấy lòng thành làm chánh, chỉ cốt xa hoa, bày vẽ, phô trương với người thì đúng là dùng đám tang cha mẹ để bày trò náo nhiệt, chẳng phải là điều kẻ làm con nên làm. Các hạ thông hiểu Phật pháp sâu xa, quyết chẳng đến nỗi như thế, chỉ e quyến thuộc, người quen bị ảnh hưởng bởi những thói ưa thích xa hoa của những nhà giàu có gần đây, nên tôi chẳng ngại nhắc nhở các hạ, ngõ hầu ngăn chặn những tâm trái pháp, trái lý, xu thời vậy.

115. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ tư)

Hôm trước, Vân Lôi gởi đến cuốn Kim Cang Liễu Nghĩa của đạo nhân Vô Y, đọc xong, biết Phật học của các hạ đến nay cũng sâu xa lắm, khôn ngăn cảm phục. Mạnh Do gởi đến cuốn Nhất Hạnh Cư Tập, tôi thấy chữ cũng nhỏ quá, không thể dùng để in lâu được[297], đấy chính là điều nhà khắc kinh ở Bắc Kinh chưa nghĩ đến. Bản để in kinh sách nên khắc chữ thật to, bản in hiện thời nhỏ quá, chẳng thể chiếu theo cách ấy, nhưng cũng nên phỏng theo cách thức ở Dương Châu, Nam Kinh. Mong ông hãy gởi thư đến người trông coi, nhắc đến nguyên do, sao cho cứ một bức gỗ khắc in được cả mấy ngàn cuốn, lợi ích rất lớn.

Thêm nữa, Nhất Hạnh Cư Tập cả văn lẫn lý đều hay, chỉ có phần Bạt, nói về Thiền Tông Bí Mật Liễu Nghĩa Kinh quả là trong đề-hồ có lẫn chất độc. Bản kinh ấy do đàn cầu cơ mà có, toàn nhặt nhạnh những câu trong Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng-nghiêm, Viên Giác cũng như Lục Tổ Đàn Kinh gộp thành, và gom góp những đoạn văn trong các Ngữ Lục Thiền, Tịnh. Bậc đại thông gia xem đến cố nhiên là hữu ích, nhưng người không đầy đủ con mắt trí tuệ sẽ cho rằng kinh này từ đàn cầu cơ mà có, do chính miệng vàng nói ra. Từ đó, sẽ bảo những kinh có được từ đàn cầu cơ đều là kinh Phật. Xưa kia có kẻ nhắm mắt tụng ra kinh, nhưng những kinh ấy đều chẳng được lưu thông, vì sợ rằng sẽ tạo thành đầu mối bịa đặt vậy. Hoàng hậu Nhân Hiếu thời Minh mộng cảm được kinh[298], nghĩa lý

[297] Thời ấy in bằng mộc bản (chữ khắc trực tiếp trên ván) nên nếu khắc chữ nhỏ quá, khi bôi mực lên ván rồi ép xuống giấy in thành sách, bị ép nhiều, chữ sẽ bị vỡ, phải khắc bản gỗ mới.
[298] Hoàng hậu Đại Minh Nhân Hiếu chính là hoàng hậu Từ Nghi Hoa của vua Minh Thành Tổ, bà vốn là con gái của Khai Quốc Công Thần Từ Đạt của nhà Minh, sanh năm 1361. Năm 1376 lấy Chu Lệ, được sách phong Yên Vương Phi, rồi được phong hoàng hậu khi Chu Lệ lên ngôi.

lợi ích đều chẳng thể nghĩ bàn, nhưng trong bộ Duyệt Tạng Tri Tân, lão nhân Linh Phong xếp kinh ấy vào loại nghi ngụy[299]. Đầu đời Thanh, kinh này cũng được khắc in, nhập tạng; nhưng sau đời Cao Tông (Càn Long) bèn bỏ ra để phòng chuyện ngụy lạm. Nhị Lâm kiến địa thật cao, cớ sao chẳng nghĩ đến điều ấy! Ở chùa Pháp Vũ trước kia cũng có một bản, Quang đã đốt đi để ngăn mối họa, đối với bậc tri kỷ pháp môn chẳng ngại gì dài dòng một phen.

Hiện thời nước cùng quẫn, dân khốn khó đã đến mức cực điểm, cái nạn hút thuốc phiện đã dính đến tận xương, chưa thể trừ được, cũng là một mối lo nghĩ lớn cho những ai nặng lòng trách nhiệm với thế đạo dân sinh. Mùa hạ năm nay có người bạn từ Cáp Nhĩ Tân[300] đến, cho biết nơi ông ta cấm thuốc phiện rất ngặt, cũng có hai ba người bạn muốn cai thuốc nhưng khổ vì không có phương thuốc hay. Trước kia, Quang nghe nói ông Trần Tích Châu có bài thuốc cai thuốc phiện linh nghiệm phi thường, trước nay chưa hề có. Đến khi ông ta lên núi thăm tôi, bèn bảo ông ta viết ra gởi đi, lại còn chép lại một bản giao cho phó tự của chùa mình bảo phân phát cho người khác, vì ông ấy đã từng đến làm việc trong thương vụ, giao du ắt phải rộng, chỉ mong bài thuốc ấy được phổ biến lưu truyền. Giữa tháng 11, từ Cáp Nhĩ Tân có thư gởi đến, nói bài thuốc do Quang gởi cho linh nghiệm phi thường, xin thay mặt cho những bạn bè đã cai được thuốc hết sức cảm tạ, khôn ngăn hoan hỷ!

Nhân đó tôi hỏi thăm vị phó tự của chùa mình, ông cho biết vợ của ông Uông Thiềm Thanh (bạn của ông ta), do bị khí thống nên hút thuốc phiện, về sau muốn cai, liền mua thuốc viên bán ngoài chợ về uống, nhưng trọn chẳng dứt tận gốc được. Nếu chẳng uống thuốc thì cơn thèm thuốc phiện lẫn bệnh khí thống cùng nổi lên, được phương thuốc này uống một liều liền khỏi, hai chứng ghiền thuốc và khí thống đều hết sạch. Con ông ta mở tiệm thuốc Uông Lý Tế Đường, sanh lòng cảm kích lớn lao, in bài thuốc ấy tặng cho người, và theo toa chế thành thuốc viên, thuốc nước hòng giúp người, bán ở các tiệm thuốc của mình. Quang liền yêu cầu in ra hai trăm tờ bài thuốc này, để hễ gởi thư cho những tri giao xa gần đều gởi kèm một toa, người có sức sẽ in ra lưu truyền rộng rãi. Trộm nghĩ các hạ

Bà mất năm 1497, hưởng thọ 46 tuổi. Bản kinh bà mộng thấy mang tên kinh Đại Minh Nhân Hiếu Hoàng Hậu Mộng Cảm Phật Thuyết Đệ Nhất Hy Hữu Đại Công Đức, là bản kinh số 10, tập X01 của Vạn tục tạng.

[299] Nghi ngụy: là kinh bị coi là do người đời bịa đặt ra, không phải là kinh Phật thật sự.

[300] Cáp Nhĩ Tân (Harbin) là thủ phủ của tỉnh Hắc Long Giang, tỉnh cực Bắc của Trung Quốc (Vùng Mãn Châu khi xưa nay được chia thành ba tỉnh Cát Lâm, Liêu Ninh và Hắc Long Giang). Thành phố này nằm ở phía Nam sông Tùng Hoa, ngay giao lộ của đường xe lửa Trường Xuân.

và Vân Lôi đều là những người có tâm làm lợi cho người khác, hãy nên đem toa thuốc này đăng lâu dài trên báo để khắp cõi đời đều biết đến thì công đức vô lượng vậy. Tôi đã bàn với Vân Lôi sẽ bỏ ra một nửa tiền đăng báo. Khoản phí tổn ấy nên kiếm dăm ba người có lòng với thế đạo chia sẻ thì sự việc ắt sẽ tiến hành được, đối với tòa báo, đối với chính mình đều không trở ngại gì. Nếu ai muốn cai thuốc liền có thể nhanh chóng thoát khỏi nỗi khổ ấy, đây cũng là một đầu mối để cứu nước cứu dân vậy. Đối với các xứ Quảng Đông, Vân Nam, Quang đều gởi kèm bài thuốc ấy theo Văn Sao, bảo họ in bài thuốc ấy ra phổ biến truyền bá. Lúc gởi cho người bạn ở Cáp Nhĩ Tân trước kia, cũng bảo ông ta kiếm dăm ba người có tài lực chịu lợi người bỏ tiền ra đăng báo suốt năm trên hai tờ báo ở nơi đó, ngõ hầu người nơi ấy và người chung quanh đều biết đến. Nay đã tự đạt được sự hiệu nghiệm, ắt phải nên thường đăng báo. Người thật sự tu đạo, sao lại xen vào chuyện người khác? Nhưng toàn thân chưa thể buông xuống, cắt đứt muôn duyên thì chẳng ngại gì vun bồi tâm địa, ngõ hầu cứu vớt phần nào *(Bài thuốc được in kèm ở cuối Văn Sao, quyển 4).*

116. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ năm)

Cư sĩ Vương Hoằng Nguyện tuy sùng tín Mật tông, khá có hiệu nghiệm[301], nhưng lúc đầu do nhận lầm tin tức[302] nên mới mắc lỗi chưa đắc đã bảo là đắc, về sau do đọc nhiều giáo điển mới biết mình sai lầm. Lại thêm hiện thời tuy công phu đắc lực nhưng hư hỏa bốc lên, không cách nào trị được. Do hai điều này, Quang nhận định rằng một pháp Mật tông chẳng thể độ khắp ba căn, chẳng bằng Tịnh độ ngàn vạn phần ổn thỏa, thích đáng, có thể nói là ông ta xưa đã có linh căn, kiến địa cao siêu, mà còn hiểu lầm cũng như mắc bệnh chẳng biết đối trị thì biết: Người đời do chẳng bằng ông ta sẽ thành ra như thế nào rồi!

Ông ta cho là Mật tông vượt trội Hiển giáo, dẫn đủ mọi ngôn luận để biện bác, nhưng Phật không hai tâm, cũng không hai pháp, muốn đề cao Mật tông nhưng chỉ luận về những chỗ cao siêu của Mật tông, bởi xét về mặt chứng đắc thì chỗ mầu nhiệm của Mật tông và chỗ mầu nhiệm của Hiển giáo giống như nhau, dù có muốn suy tôn thì thật ra vẫn ngang như nhau. Lời luận của ông ta là ước theo giáo

[301] Ý nói tu tập, tác pháp đã được đôi chút cảm ứng, hảo tướng đã hiện.

[302] Trong Mật tông, khi trì chú, tác pháp thường cầu những hảo tướng như mộng thấy thân mình bay lên hư không, được Bổn tôn cho ăn sữa và những thức ăn màu trắng, thấy pháp khí tỏa sáng, tràng phan lay động v.v. để cầu ấn chứng pháp mình đang tu đã được hành trì đúng cách. Rất nhiều hành giả Mật tông thấy những tướng trạng ấy tưởng mình đã thành tựu, dự vào hàng thánh, nên gọi là "lầm nhận tin tức".

pháp, bỏ sót căn cơ; Quang ước theo chỗ lợi ích cho từng căn cơ mà luận giáo. Bởi khế lý nhưng chẳng khế cơ thì không thể cảm ứng đạo giao, nghĩa là thuyết pháp chẳng hợp với căn cơ thì chỉ thành lời nói suông, đại ý là như vậy. Những gì Quang nói đa số là lập đi lập lại, lại thêm mục lực chẳng đủ, những thư từ nói chung không giữ lại bản nháp. Hai câu nói: "Một vị bao gồm hết thảy vị, từ cạn đến sâu, hành tướng vẫn phải luôn rõ ràng như thế, viên dung chẳng trở ngại gì đến việc bố thí" rất thích đáng. Bởi lẽ viên dung chính là viên dung nơi việc hành bố thí. Nếu không hành bố thí sao nói là viên dung được? Hành bố thí chính là hành bố thí nơi viên dung, nếu không viên dung thì sự bố thí ấy sẽ thành sanh diệt, bèn thuộc đế lý Tiểu thừa, chẳng phải là cái đạo "bao gồm nhân, thấu triệt quả"!

117. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ sáu)

Nhận được thư và bản Quán Kinh Nghĩa Sớ của đại sư Gia Tường, duyệt kỹ một lần nữa, văn chương của bản chú sớ ấy quả thật khiến người đọc rối ren. Một câu nói đi nói lại nhiều lần, ý nghĩa hàm hồ, lại chỉ chú trọng giải thích danh nghĩa, trước đã không giảng tường tận duyên do, sau lại chẳng kết về chỗ quy túc. Quang phỏng đoán bản chú sớ chưa chắc đã do chính đại sư Gia Tường[303] viết, có lẽ là do bọn người Nhật Bản cả tin mạo danh đại sư soạn ra. Nếu không, dẫu bị sao chép sai ngoa, cũng chẳng đến nỗi toàn bộ không thành văn lý, tạp nhạp, lụn vụn, trọn chẳng hiển thị được đại nghĩa. Như đoạn văn "núi Tu-di cao vượt khỏi biển

[303] Đại sư Gia Tường tức ngài Cát Tạng (549-623), người đời Tùy, họ An, húy là Thế, sanh tại tỉnh An Huy, vốn là người Hồ, sau dời đến Kim Lăng (Nam Kinh), nên còn được gọi là An Cát Tạng hoặc Hồ Cát Tạng. Năm lên bốn tuổi, theo cha mẹ đến yết kiến pháp sư Chân Đế nên được đặt pháp danh là Cát Tạng. Về sau, cha ngài xuất gia, ngài thường theo cha đến chùa Hưng Hoàng nghe ngài Pháp Lãng giảng Tam Luận. Năm bảy tuổi (có thuyết nói là 13 tuổi), xuất gia với ngài Pháp Lãng. Do ngài Pháp Lãng là truyền thừa của ngài La-thập về giáo học Tam Luận Tông, nên ngài Cát Tường chuyên học các bộ Trung Luận, Bách Luận, Thập Nhị Môn Luận. Đến năm 19 tuổi, đại sư lên giảng kinh. Năm 21 tuổi thọ đại giới. Năm 581, sư Pháp Lãng thị tịch, ngài bèn qua Giang Đông, đến chùa Gia Tường ở Cối Kê, tỉnh Chiết Giang, chuyên tâm giảng thuyết trước tác. Phần nhiều những chú sớ Tam Luận được hoàn thành tại chùa này, nên sư thường được gọi là đại sư Gia Tường. Ngoài Tam Luận, đại sư còn hết sức uyên thâm giáo nghĩa các kinh Pháp Hoa, Niết-bàn. Ngài cũng từng gởi thơ cho đại sư Trí Giả để học thêm về giáo nghĩa Thiên Thai Tông. Ngài chuyên chú phục hưng Tam Luận Tông, nên được coi là một vị tổ sư của tông này. Đại sư còn tự tay chép được hai ngàn bộ Pháp Hoa. Năm Vũ Đức thứ sáu đời Đường (623), sư tắm gội thanh tịnh, đốt hương niệm Phật, viết bài luận "Chết không sợ hãi" rồi nhập diệt, thọ 75 tuổi. Bình sinh đại sư giảng kinh thật nhiều, chẳng hạn như giảng Tam Luận hơn trăm lần, giảng kinh Pháp Hoa hơn ba trăm lần, viết rất nhiều chú sớ cho các kinh Đại thừa. Bản Quán Kinh Nghĩa Sớ này cũng được đưa vào *Đại chánh tân tu đại tạng kinh*.

cả, tám thứ gió thổi chẳng động, dẫu khiến cho tốt đẹp lại thêm trang nghiêm, vẫn chẳng thể dời động một chữ" thật đáng nghi. Thập Nhất Diện Sớ[304] cũng thế! Bọn họ hâm mộ tên tuổi của bậc cao nhân nước ta, bèn xằng bậy viết sách mạo danh, chẳng biết chính mình chẳng phải là cao nhân, dù có mạo danh thì cũng chẳng mạo danh được.

Thêm nữa, gần đây ở Bắc Kinh in sách dùng loại giấy Mao Biên, giấy này hiện giờ trông thấy khá tốt, nhưng để lâu bèn bị giòn vụn. Lúc Quang ở Bắc Kinh, thấy những cuốn sách đã hơn trăm năm, giấy đều đã giòn vụn, kẻ thô tâm giở xem, sẽ bị vỡ nát. Tâm tôi đã trộm ngờ, nhưng chẳng biết nguyên do. Năm Quang Tự thứ 31 (1905), hỏi tiên sinh Dương Nhân Sơn, ông nói: "Do bị muội than hun." Thuyết ấy tuy hữu lý nhưng cũng chưa thể dứt lòng ngờ, bởi sách được cất giữ nhiều, há đều cất ở những chỗ có muội than ư? Ở Hồng Loa[305] không có than, sách cũng bị giòn, mới biết tiên sinh nói ra lời ấy cũng chỉ là nghĩ ra lý do, chứ chưa phải căn cứ vào thực nghiệm.

Cho đến năm ngoái, vào Tàng kinh viện, cùng một vị chuyên làm sách già đời bàn về tánh chất của giấy; nhân đó nhắc đến chuyện sách cũ ở Bắc Kinh đều bị giòn gẫy, ông cho biết: "Vì in bằng loại giấy Mao Biên! Giấy Mao Biên lúc mới cảm thấy rất dày cứng, kiên cố, do dùng chất liệu bằng cỏ nhiều, chất liệu tre ít, nên để lâu ngày bèn bị giòn. Chất giấy Mao Thái, Trọng Thái không dày chắc như giấy Mao Biên, nhưng để lâu không bị biến chất. Người ngoài nghề thường cho giấy Mao Biên là tốt, những người in sách chúng tôi cũng thích in sách bằng giấy Mao Biên, bởi nó cứng cáp dễ in. Thật ra giấy Mao Thái, Trọng Thái để được lâu hơn." Quang nghe xong, tâm nghi dứt sạch.

118. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như (thư thứ bảy)

Quán Kinh Sớ thích văn thích nghĩa hết sức thiếu sót, qua loa; việc phân khoa ba bốn lượt nhắc đi nhắc lại, thật là dở tệ vô cùng. Nay các hạ cũng biết sách ấy là ngụy tạo, có lẽ nên bảo người phát tâm ngừng việc in khắc để đại sư Gia Tường khỏi bị vu oan. Phàm lưu thông chú sớ của cổ nhân cần phải lấy tiêu chuẩn chọn lựa là "chọn những bản mà nghĩa lý văn tự khải phát lòng người, phô bày triệt để ý nghĩa kinh". Còn những sớ văn như cuốn này khắc in có ích gì? Dù bảo Quang tu chỉnh cũng không khá hơn được! Nếu sửa chữa quá nhiều sẽ thành ra một trước tác khác, chẳng thể gọi là tu chỉnh được. Huống chi các bộ sớ của ngài Thiên Thai,

[304] Thập Nhất Diện Sớ là bản chú giải kinh Phật Thuyết Thập Nhất Diện Quán Âm Tâm Chú.
[305] Núi Hồng Loa thuộc tỉnh Liêu Ninh, có chùa Tư Phước là đạo tràng tu tập của tổ Triệt Ngộ.

Thiện Đạo đã được lưu thông khắp pháp giới, sao chẳng tiếc tiền của đem làm chuyện vô ích này? Đem những bản tốt đẹp lưu thông thì sẽ làm rạng rỡ cổ nhân, tạo ích lợi cho hậu học. Nếu chẳng xét chân ngụy, đều cùng lưu thông hết sẽ khiến cổ nhân bị vu hãm, hàng hậu học nhọc lòng phiền trí, trọn chẳng ích lợi gì. Mong hãy nói cùng ông đó. Năm trước, Quang thấy bản sớ giải kinh Thập Nhất Diện cũng là ngụy tạo, nhưng chưa bàn luận rõ ràng. Những loại sách như thế đừng lưu thông thì mới nên!

119. Thư gởi cư sĩ Đinh Phước Bảo

Gần đây, hàng sĩ đại phu đa số có kiến giải hẹp hòi, câu nệ, có người nếu đem chuyện nhân quả báo ứng sanh tử luân hồi nói với họ, sẽ bảo: "Những chuyện do dã sử, tiểu thuyết vụn vặt bịa đặt ra, há đáng tin tưởng được!" Hạng người ấy đã từng đọc kinh, duyệt sử, tuy thấy những sự tích ấy nhưng chẳng hiểu được duyên do, nên mới có cái nhìn hạn hẹp, câu nệ như vậy. Cư sĩ đem những chuyện nhân quả báo ứng sanh tử luân hồi trong lịch sử biên soạn lại, trên là Lân Kinh[306], dưới là Minh Sử, những sự tích rành rành có thể khảo chứng được. Những kẻ câu nệ hẹp hòi kia đọc đến ắt sẽ câm họng chẳng dám bảo là chuyện bịa không có căn cứ được nữa.

Còn như chuyện học Phật thì phải trọn vẹn đạo làm người mới hòng tiến vào được. Nếu đối với những chuyện hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ không thực hiện một điều nào, dẫu có suốt ngày thờ Phật, Phật cũng chẳng thể nào gia hộ được, ấy là vì Phật pháp bao trùm hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian. Do vậy, với cha nói đến từ, với con nói hiếu, thảy đều cho ai nấy tận hết đạo làm người, rồi sau đấy mới tu pháp xuất thế. Ví như muốn xây lầu cao vạn trượng, trước hết phải đắp vững nền móng, khai thông đường nước thì lầu cao vạn trượng mới xây dần lên được, lại còn vĩnh cửu chẳng hư hoại. Nếu như nền móng không chắc, ắt đến nỗi chưa xây xong đã sụp, sách Luận Ngữ nói: "Tuyển trung thần nơi nhà hiếu tử", người học Phật cũng phải như thế. Xưa kia, ông Bạch Cư Dị hỏi thiền sư Ô Khoa[307]: "Thế nào là đại ý Phật pháp?" Sư nói: "Đừng làm các điều ác, vâng

[306] Tức kinh Xuân Thu, đây là một bộ cổ sử do Khổng tử san định. Khổng tử được coi như kỳ lân trong loài người (theo truyền thuyết khi sắp sinh ra ngài, thân mẫu mộng thấy kỳ lân. Khi hiệu đính bộ sử này, ngài nghe tin ngoài đồng bắt được kỳ lân bèn ngưng không viết tiếp), nên bộ sử do ngài san định được gọi là Lân Kinh.

[307] Ô Khoa Đạo Lâm (741-824), người đời Đường, thuộc dòng Thiền Ngưu Đầu, họ Phan (có thuyết nói là họ Ông), tên lúc nhỏ là Hương Quang. Xuất gia năm chín tuổi, năm 21 tuổi đến Kinh Châu (tỉnh Hồ Bắc) thọ cụ túc giới ở chùa Quả Nguyện. Sau qua theo học kinh Hoa Nghiêm, Đại Thừa Khởi Tín Luận với pháp sư Phục Lễ ở chùa Tây Minh tại Trường An. Sau

làm các điều thiện.” Muốn học Phật pháp, trước hết phải khắc kỷ, cẩn thận, dè dặt, sự sự đều phải từ tâm địa chân thật mà làm, người như thế đáng gọi là đệ tử thật sự của Phật. Nếu tâm gian ác mà muốn nhờ vào Phật pháp để khỏi tội nghiệp thì có khác gì trước hết uống thuốc độc rồi lại uống thuốc tốt lành để thân thể nhẹ nhàng, khỏe mạnh, há có sống thọ được ư?

Bộ sách thực nghiệm quả đã phá được cái tệ ấy, lưu thông trong đời lợi ích lớn lao. Lại nữa, ông Bành Hy Tốc[308] ở Tô Châu từng soạn cuốn Nhị Thập Nhị Sử Cảm Ứng Lục trích tuyển hơn 180 điều liên quan đến sự thật nhân quả trong lịch sử, không biết các hạ đã có cuốn sách ấy hay chưa? Nếu có, hãy nên in ra để mở rộng tầm mắt cho bọn câu nệ, hẹp hòi. Hơn nữa, 24 bộ sử[309] ghi chép rất nhiều chuyện lạ, cư sĩ đọc rộng không sót, hãy nên đem những chuyện phàm tình không thể thấu hiểu được, giống như những chuyện đã được nêu lên trong phần sau bộ Dục Hải Hồi Cuồng và những chuyện nhân quả luân hồi chép hết soạn thành một bộ sách để giúp cho việc trị quốc an dân, liễu sanh thoát tử thì công đức ấy lớn lắm. Chẳng biết ông có chịu thỏa mãn ý nguyện ngu muội của tôi hay không?

120. Thư trả lời cư sĩ X… ở Ninh Ba

---

ngài khế ngộ tâm yếu nơi pháp sư Đạo Khâm rồi quay về Nam, thấy núi Tần Vọng có cây tùng mọc um tùm như cái tàn, bèn sống ở đó. Người thời ấy bèn gọi ngài là thiền sư Ô Khoa (khoa là cái ổ, sách Thuyết Văn Giải Tự giảng: “Hang ổ gọi là khoa, tổ chim gọi là sào”). Do có nhiều loại quạ làm tổ nơi ấy, nên ngài còn được gọi là thiền sư Ô Sào. Ông Bạch Cư Dị hỏi đạo nơi ngài, tâm phục khẩu phục, bèn dựng căn gác bằng trúc cho ngài ở để tiện hỏi đạo, nơi đây về sau thành chùa Quảng Hóa. Còn có truyền thuyết nói lúc ngài sanh ra bị cha mẹ bỏ rơi, được quạ nuôi nên gọi là thiền sư Ô Sào. Đây có lẽ là lời đồn bịa đặt vì không thấy Cảnh Đức Truyền Đăng Lục chép như vậy.

[308] Bành Hy Tốc, tự Lạc Viên, hiệu Lan Đài, người xứ Nguyên Hòa ở Tô Châu, vốn là cháu ông Bành Tế Thanh. Cùng với Bành Tế Thanh, ông đảm nhiệm việc tu đính bộ Vãng Sanh Tập của ngài Vân Thê, tạo thành bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Năm Càn Long 58, ông vừa bị bệnh sốt rét, vừa bị kiết ly, bèn đến chỗ mẹ ở, tuyệt không nhắc đến việc nhà, chỉ tận lực khuyên mẹ niệm Phật, bảo: “Ngày nọ tướng hảo Tây Phương đã hiện.” Trước hôm mất ba bữa, ông thỉnh hòa thượng Trừng Cốc đến trước giường bệnh, lập bàn thờ thọ tam quy ngũ giới, sám hối phát nguyện, càng thêm khẩn thiết. Sáng ngày 30, ông bảo người nhà treo tượng Phật, dời giường hướng về Tây, thưa với hòa thượng: “Phiền thầy niệm Phật cho con!” Đến tối, miệng niệm Phật râm ran, nằm trên hông phải qua đời, mùi hương lạ ngập thất, thọ 33 tuổi. Vợ ông là Cố Thị, cực thông minh, giúp chồng rất lớn trong việc biên tập, trước đó đã niệm Phật qua đời vào năm bà 29 tuổi.

[309] 24 bộ sử gồm: Sử Ký, Hán Thư, Hậu Hán Thư, Tam Quốc Chí, Tấn Thư, Tống Thư, Nam Tề Thư, Lương Thư, Trần Thư, Ngụy Thư, Bắc Tề Thư, Chu Thư, Nam Sử, Bắc Sử, Tùy Thư, Cựu Đường Thư, Tân Đường Thư, Cựu Ngũ Đại Sử, Tân Ngũ Đại Sử, Tống Sử, Liêu Sử, Kim Sử, Nguyên Sử và Minh Sử. Thời Càn Long, 24 bộ sử này được chỉnh lý, nhuận sắc và hợp thành một bộ lớn gọi chung là Nhị Thập Tứ Sử.

Nhận được thư biết ông mang cái tâm đối trị tập khí, tuy siêng năng, khẩn thiết, nhưng chưa đạt, chưa thấy được hiệu quả tập khí tiêu trừ. Vì sao như vậy? Ấy là vì cái tâm sanh tử chưa khẩn thiết, chỉ biến chuyện siêu phàm nhập thánh, tiêu trừ hoặc nghiệp, thành tựu tịnh niệm thành chuyện nói suông ngoài miệng, nên không có hiệu quả thật sự. Nếu biết thân người khó được, Phật pháp khó nghe, pháp môn Tịnh độ lại càng khó được nghe hơn, nay may mắn được làm thân đại trượng phu, lại được nghe pháp môn Tịnh độ khó được nghe nhất, có dám để quang âm hữu hạn bị tiêu hao sạch nơi thanh sắc, vật chất, lợi lộc, khiến cho vẫn sống thừa chết uổng y như cũ, vẫn bị trầm luân lục đạo, không mong có ngày thoát ra hay sao?

Phải đem một chữ chết (chữ chết này hay lắm) dán cho rủ xuống trán. Phàm khi những cảnh tham luyến đáng lẽ chẳng nên có mà lại hiện tiền liền biết đấy chính là vạc sôi, lò than của chính mình, sẽ trọn chẳng đến nỗi như con thiêu thân gieo mình vào lửa, tự đốt thân mình. Phàm với những chuyện thuộc về bổn phận nên làm, liền biết đấy chính là bè từ để thoát khổ của ta vậy, quyết chẳng đến nỗi thấy việc nhân bèn nhường cho người khác, thấy điều nghĩa chẳng làm. Như vậy thì trần cảnh sẽ trở thành duyên để nhập đạo, cần gì phải tuyệt sạch muôn duyên mới tu hành được? Vì đã làm chủ được tâm, chẳng chuyển theo cảnh thì trần lao chính là giải thoát. Vì thế, kinh Kim Cang nhiều lượt dạy con người tâm chẳng nên trụ vào tướng, phát tâm độ tận hết thảy chúng sanh, nhưng chẳng thấy ta là người độ, người khác và chúng sanh là kẻ được độ, cũng như chẳng thấy tướng thọ giả, Vô dư Niết-bàn để đắc thì mới là thật sự hành đạo Bồ-tát. Nếu thấy có ta là người độ, chúng sanh là kẻ được độ, và pháp Vô dư Niết-bàn dùng để độ, thì tuy là độ sanh nhưng thật ra chẳng thể khế hợp đạo nhất thừa thật tướng. Vì chẳng hiểu rõ bản thể của chúng sanh chính là Phật, Phật tánh bình đẳng, lầm lạc khởi lên phàm tình toan hiểu trí thánh, đến nỗi chẳng được lợi ích, trở thành công đức hữu vi; huống chi khằn chặt vào thanh sắc, của cải, lợi lộc?

Nhưng người sống trong thế gian chẳng thể không làm gì, phải tận tình, tận phận, quyết chẳng mong ngóng ra ngoài bổn phận, trách nhiệm. Sĩ, nông, công, thương ai nấy chăm chú nghề mình để làm cái gốc nuôi thân, nuôi gia đình, tùy phận, tùy sức chấp trì Phật hiệu, quyết chí cầu sanh. Phàm những việc lành sức mình có thể làm được bèn bỏ ra tiền của, hoặc giúp lời nói, ra sức tán trợ; nếu không làm được như thế bèn phát tâm tùy hỷ thì cũng là công đức. Dùng những điều này để vun trồng phước điền, tạo thành trợ hạnh vãng sanh, như thuận nước giương buồm, lại thêm lèo lái, đến được bến bờ chẳng càng nhanh hơn ư?

Ngày 30 tháng Chạp, chính là ngày cuối cùng của một năm, nếu trước đó chưa từng dàn xếp cho khéo thì chủ nợ oan gia lũ lượt kéo đến bức ngặt, há dung cho ông sao? Lúc mạng sắp hết chính là ngày 30 tháng chạp của một đời người vậy. Nếu tư lương tín nguyện hạnh chưa đầy đủ, ác tập khí tham sân si vẫn còn thì oán gia chủ nợ trong vô lượng kiếp đều kéo đến bắt tính sổ, há chịu dễ dãi với ông sao? Đừng nói chi kẻ không biết đến pháp môn Tịnh độ không biết làm sao, phải tùy nghiệp thọ sanh; dẫu cho kẻ biết đi nữa, nhưng không thật sự chuyên chú tu tập cũng sẽ giống như thế, bị ác nghiệp lôi vào trong tam đồ lục đạo, vĩnh viễn luân hồi. Muốn cầu đường trọng yếu để thoát khổ chỉ có niệm niệm sợ chết và sợ chết đi phải đọa lạc trong tam đồ ác đạo thì niệm Phật sẽ tự thuần, tịnh nghiệp sẽ tự thành, hết thảy trần cảnh sẽ chẳng thể đoạt được chánh niệm nữa. Tâm kinh nói: "Soi thấy ngũ uẩn đều không, độ hết thảy khổ ách", trong là căn thân, ngoài là khí thế gian, thế giới, bao gồm trọn trong ngũ uẩn, thấy được chúng đều là không thì từ ngay nơi ngũ uẩn sẽ lìa được ngũ uẩn; pháp gì, chuyện gì cũng đều là pháp môn đại giải thoát, là cảnh giới đại Niết-bàn.

121. Thư gởi bạn

Phàm là thiện tri thức, nhất cử nhất động đều có liên quan đến huệ mạng của Như Lai và thiện căn của chúng sanh, chứ không phải chỉ lên tòa thuyết pháp mới là hoằng pháp lợi sanh mà thôi. Tôi đọc bộ Tục Truyền Đăng Lục[310], thấy thiền sư Đầu Tử Ngung có đại trí tuệ, có đại bản lãnh, lên tòa đoái nhìn chung quanh khiến cho Phú Trịnh Công ngay khi đó biết chỗ chỉ quy, từ ấy tận lực tham cứu, thành tựu nhanh chóng. Nhưng do thiền sư có đến hơn mười người gánh theo hành lý khiến cho quan Tư Mã Ôn Công[311] muốn đến gặp thiền sư nhưng nửa đường dừng lại, rốt cuộc cả đời làm kẻ đứng ngoài cửa đối với đại pháp của Như Lai và bổn tánh của chính mình. Nếu như thiền sư Ngung một trượng, một bát, chưa chắc Ôn Công đã kém Trịnh Công, nhưng Ôn Công lo thổi lông tìm vết, tự đánh mất lợi ích lớn lao. Thiền sư Ngung dùng đồ vật quá nhiều, tổn phước điền của đại chúng, có trách nhiệm với pháp đạo, xin hãy coi gương ấy.

---

[310] Gồm 36 quyển, do ngài Viên Cực Cư Đảnh soạn vào đời Minh để tiếp theo bộ Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, chép phổ hệ truyền thừa của nhà Thiền từ môn nhân đời thứ 10 của tổ Huệ Năng đến đời thứ 20, chú trọng ghi lại những câu thoại đầu, chỉ chép sơ sài sự tích, tổng cộng gồm 1.203 vị. Sự tích các vị này lấy từ các sách Ngũ Đăng Hội Nguyên, Phật Tổ Huệ Mạng, Tăng Bảo Truyện, Thiền Môn Tông Phái Đồ, Chư Tổ Ngữ Lục v.v..

[311] Phú Trịnh Công là thừa tướng Phú Bật đời Tống, Tư Mã Ôn Công chính là Tư Mã Quang, ông này cũng từng làm tể tướng thời Tống, từng chống đối Vương An Thạch.

122. Thư trả lời cư sĩ Nhạc Tiên Kiệu

Nếu muốn tự được lợi ích thật sự trong đời này, hãy nên nương vào pháp môn Tịnh độ, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương sẽ quyết định liễu sanh thoát tử. Nếu chẳng nương vào pháp môn niệm Phật, đừng nói chi kẻ chưa đắc chân truyền của Phật giáo chẳng thể liễu, ngay cả người đắc rồi cũng chẳng thể liễu. Vì sao vậy? Vì được chân truyền chỉ là bậc đại triệt đại ngộ, chưa phải là thật chứng; có chứng mới liễu được, còn ngộ thì chưa thể liễu. Tu các pháp môn khác đều phải đoạn hoặc chứng chân mới có thể liễu sanh tử. Pháp môn Tịnh độ chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha trì danh hiệu Phật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, hành cả chánh hạnh lẫn trợ hạnh thì chẳng những quyết định vãng sanh mà phẩm vị còn ưu thắng. Không riêng gì kẻ tinh ròng, thuần thành, sốt sắng quyết định được vãng sanh, ngay cả phường ngũ nghịch thập ác lúc lâm chung nếu có thể sanh lòng hổ thẹn lớn lao, sanh lòng lo sợ lớn lao, chí tâm niệm Phật mấy tiếng, ngay khi đó bèn mạng chung, cũng quyết định được vãng sanh. Do lòng từ của Phật rộng lớn, chuyên chăm chú độ sanh, nhất niệm hồi quang liền được Phật nhiếp thọ, đấy gọi là "cậy vào từ lực của Phật, mang nghiệp vãng sanh". Chúng sanh đời mạt chẳng y vào Tịnh độ, tu các pháp môn khác, chỉ được phước báo trời người và thành nhân duyên đắc độ trong tương lai mà thôi. Do không có sức đoạn hoặc, nên cội rễ sanh tử vẫn còn, sao không nảy mầm sanh tử cho được?

123. Thư gởi hòa thượng Tịch Sơn ở chùa Vạn Thọ, Dương Châu

Ngưỡng mộ cao phong đã lâu, chưa được một phen gặp gỡ, may nhờ pháp duyên Khai Mông của Thông Công[312], được nghe tiếng đằng hắng[313]. Ngài chẳng khinh mạt học, hạ cố hỏi đến kẻ tiều phu, cắt cỏ; nỗi lòng cảm khái, thẹn thùng, bút mực khôn bày tỏ hết. Hôm qua, thầy Ngộ Khai nhận được thư ngài[314] bèn đưa

[312] Thông Công: tức là ngài Thông Trí Tầm Nguyên.

[313] Nguyên văn "khánh khái". Tiếng đằng hắng là một trong mười thần lực Phật thị hiện trong kinh Pháp Hoa. Khánh khái có nghĩa là trước khi muốn nói, bèn đằng hắng cho cổ họng thông suốt. Theo Pháp Hoa Văn Cú, "khánh khái" có hai nghĩa:

1) Khánh khái để tỏ ý sự việc đã xong, tức là hơn 40 năm thuyết pháp, ẩn giấu sự thật, nay trong hội Pháp Hoa khai quyền hiển thật, bèn được diễn tả thông suốt, trọn không ngăn trệ. Vì thế, trước khi cất tiếng diễn bày thông suốt đại sự bèn đằng hắng.

2) Khánh khái phó chúc, nghĩa là Phật muốn đem pháp này giao phó cho các vị Bồ-tát để các ngài chỉ dạy lại cho chúng sanh đời sau, nên bèn đằng hắng.

Ở đây, Khánh Khái là một cách diễn tả tôn trọng, ý nói may được hòa thượng thương tưởng đến ban cho pháp ngữ.

[314] Nguyên văn là "hoa hàn": Hoa là hoa tiên, một thứ giấy đẹp để viết thư, hàn là bút mực. Cổ văn hay dùng chữ này để tôn xưng thư từ, giấy tờ viết lách của người khác.

cho xem, biết cư sĩ Lê Đoan Phủ chấp thuận sửa chữa tác phẩm này, đã định kỳ hạn hoàn thành, vãn bối mừng vui lộ rõ ra ngoài, khôn ngăn chân tay múa may. Lúc ngài ở núi này, vãn bối cũng từng nhắc đến ông Lê, chỉ lo ông ta đã nhận lời mời sửa chữa bộ Địa Luận, chỉ e không rảnh rỗi để làm.

Nay ông ta đã chấp thuận lời ngài mời mọc, cho thấy bậc Đại sĩ trí tuệ khác nào vầng mặt trời giữa trưa, chiếu khắp đại địa, bọn chúng tôi cầm lửa đom đóm dõi theo từng nét chữ dễ hòng sánh được nổi sao! Bộ Khai Mông của Thông công quả thật đã tuyển chọn được tinh hoa của các nhà, những lý tánh được sách ấy phát huy có thể nói là thâm thiết rõ ràng, nhưng vì bản tánh thật thà, chẳng quan tâm đến chi tiết, cho nên sử dụng từ ngữ, lập luận không chỗ nào chẳng vướng cái tệ sơ sót. Nếu lược bỏ những chỗ tạp nhạp để chọn lấy cái tinh túy ắt phải đợi người được ý quên lời; còn kẻ ưa tranh ảnh, sợ rồng thật, chỉ có thể dõi theo mấy hàng mực[315]. Nếu chẳng sửa chữa thật nhiều, quyết khó thể lợi ích trọn ba căn. Trộm nghĩ kinh Xuân Thu là sử nước Lỗ, qua tay Trọng Ni[316] gọt dũa mới thành bộ đại kinh thiên cổ quý giá. Hám Sơn Toàn Tập do giao cho Khiêm Ích hiệu đính, sửa chữa mới thành tác phẩm nhiệm mầu được nhập tạng, lưu thông. Xưa đã như thế, nay cũng nên như vậy.

Chỉ mong hiển lộ triệt để diện mục của Lô Sơn, bất tất cứ phải theo quy củ giữ đúng nguyên bản. Ví như rỡ toang lầu Ngũ Phượng để xây lại, tách rời bài tựa của họ Tả để soạn thành tập riêng, tài liệu tuy vẫn y như cũ, nhưng kết cấu phải thuận theo việc đáng nên làm, chẳng ngại lấy cột làm kèo, mặc tình cắt dài nối ngắn. Văn rườm rà thì bỏ bớt, nghĩa thiếu sót bèn thêm vào, đáng để ở phần trước thì dời lên trước, đáng đem ra sau bèn để ra sau, ngõ hầu lý đại Phật đảnh[317], tánh thường viên thông, dù văn hay lý đều được phơi bày triệt để, giãi bày trọn vẹn. Dù là thượng, trung hay hạ căn không ai vừa đọc đến không liền hiểu rõ, ai nấy được lợi ích lớn lao, như vậy mới có thể làm cho bản hoài của ông Thông, ông Lê và ngài được phô diễn thông suốt rốt ráo.

---

[315] Nguyên văn: *"Nhược phù lược huyền hoàng nhi thủ thần tuấn, tu đãi đắc ý vong ngôn chi nhân, ngoạn đồ tượng nhi bố chân long, mỗi đa tầm sổ hàng mặc"* (nếu lược bỏ những con ngựa sắc đen vàng xen tạp, chọn lấy con ngựa hay, phải đợi người được ý quên lời, còn kẻ thích chơi tranh ảnh, lại sợ rồng thật, chỉ có thể thường đọc dò theo câu văn). "Tầm sổ hàng mặc" là một thành ngữ, ý nói chỉ biết đọc thông mặt chữ, không lãnh hội được ý nghĩa. Ở đây, tổ tự khiêm mình tài hèn sức kém, không làm công việc nhuận sắc, biên tập được.

[316] Trọng Ni là tên tự của Khổng tử, Khổng tử húy là Khâu (Khưu).

[317] Lý Đại Phật Đảnh: Chỉ những giáo lý của kinh Lăng-nghiêm, kinh Lăng-nghiêm có tên gọi đầy đủ kinh Đại Phật Đảnh Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa Chư Bồ-tát Vạn Hạnh Thủ-lăng-nghiêm.

Nếu chỉ hạn định trong vòng hai tháng sẽ xong, e rằng chỉ thành sửa chữa sơ sài. Kỳ hạn quá ngắn, tài khéo của ông Lê chưa thành hình, sửa chữa hiệu đính không tinh tường, cái tâm tha thiết của ông Lê bị khuất lấp. Khắc in, lưu truyền, muốn được cùng tồn tại mãi trong cõi đời với bản chú giải khác của kinh Lăng-nghiêm e khó đạt được. Xin hãy bỏ đi ý niệm mong cho chóng xong, tăng thêm thời hạn vài tháng nữa để xem đi xét lại nhiều lần, tra xét kỹ càng, sửa chữa tinh xác, tự nhiên trên khế hợp với diệu tâm của chư Phật, dưới thỏa mãn hoằng nguyện của các vị, được lưu thông đến tận đời vị lai, khắp mọi loài chúng sanh được độ mới thôi.

Phần tựa đề bộ sớ hai vị cùng viết, trước hết đề Ức Liên Sa Môn Thông Trí Tầm Nguyên soạn, rồi đề Đoan Phủ Cư Sĩ Lê Dưỡng Chánh hiệu đính. Tuy ông Lê tâm dạo chơi cõi Hoa Tạng, mang chí hướng lợi người, ngộ nhân ngã đều không, hiểu rõ ta người không hai, nhưng trong phần cảm ân ca tụng đức, cố nhiên chúng ta nên trình bày như thế. Sửa chữa, hiệu đính đã xong, liền trao cho thợ in không cần phải gởi đến nữa. Ông Lê là Thái Sơn, Bắc Đẩu trong làng Nho, là bến bờ trong biển pháp, tông thuyết cùng thông, hạnh giải tương ứng. Nếu không phải là Quán Âm, Phổ Hiền ứng hóa, chắc chắn là Phương Sơn, Vô Vi[318] tái lai. Tất cả trước thuật đều khế lý khế cơ, nếu treo tác phẩm ấy trên cửa ngọ môn[319], ai đổi được một chữ thưởng một ngàn vàng, sẽ thấy hết năm rốt tháng không ai dám sửa một nét bút, há nào còn ngờ chi, cần gì phải có người ngoài chứng minh nữa?

Đợi đến khi toàn bộ khắc in xong, mong hãy rủ lòng pháp thí rộng khắp. Vãn bối tuy mắt lòa, chẳng thể đích thân thấy được ánh mặt trời, nhưng trong đêm dài tăm tối cũng thường mong được chiếu thấu. Cầm bút dò dẫm, chẳng thể phô diễn theo ý tưởng được.

---

[318] Phương Sơn chính là Trưởng Giả Lý Thông Huyền, tác giả bộ Hoa Nghiêm Hợp Luận. Ông ẩn cư tại Phương Sơn vào niên hiệu Khai Nguyên thời Đường. Còn Vô Vi chính là Dương Kiệt đời Tống, tự Thứ Công, hiệu Vô Vi Tử, đắc pháp với ngài Thiên Y Hoài Nghĩa. Sau do cưu tang mẹ, duyệt Đại tạng kinh, ngộ pháp môn Tịnh độ thù thắng, bèn tận lực tu trì dạy người. Lâm chung nói kệ, nghiễm nhiên qua đời.

[319] Nguyên văn là "quốc môn" tức cái cửa chánh nơi đền vua, chúng tôi dịch là ngọ môn, theo cách gọi cửa chánh vào cung điện Huế. Ở đây nhắc đến chuyện ngài Huyền Trang khi sang Tây Thiên thỉnh kinh, nhằm năm ngài 41 tuổi, vua Giới Nhật mở đại hội Vô Giá ở thành Khúc Nữ, mời toàn bộ các luận sư Đại Tiểu thừa và hàng Bà-la-môn ở 18 tiểu quốc của Ấn Độ đến dự, cùng nhau biện luận về Phật pháp. Đại sư nhận lời vua thỉnh, làm chủ tọa đại hội, xưng dương Đại thừa, ngài soạn bản luận Chân Duy Thức Lượng treo ngoài cửa quốc thành suốt cả 18 ngày. Vua Giới Nhật truyền lệnh ai sửa được một chữ sẽ thưởng ngàn vàng. Không ai bắt bẻ được một chữ nào!

124. Thư trả lời cư sĩ Lê Đoan Phủ ở Giang Tây

Phương Đông hết rét, mong xiển dương tông chỉ Hiển Mật dung thông; mặt trời giáo hóa tỏa rạng, nguyện được hưởng ánh sáng Phật đảnh viên mãn. Ngửa trông đại cư sĩ Đoan Phủ Lê Công, kiếp xưa đã gieo cội đức, thừa nguyện tái lai, rộng xem cùng tột các sách, thâm nhập kinh tạng. Thương giáo pháp đời tượng pháp suy đồi, làm sáng tỏ cương yếu của pháp tánh, xuất ngôn thành chương, khế cơ, khế lý, lập nguyện cứu đời, giải hạnh đều cao, tiếng sấm phá mộng tỉnh mê vang rền kinh động cái tâm, giúp Giáo hoằng Tông, ban bố cơ duyên tỉnh ngộ, thành tựu điều tốt đẹp cho người chẳng nài nhọc khổ. Khéo léo dẫn dắt kẻ mạt học, hòa quang lợi vật. Nếu chẳng phải là Phổ Môn ứng hiện, ắt phải là hậu thân của Duy-ma[320], có phải là như vậy hay chăng?

Quang tuổi nhỏ thiếu học vấn, lớn lên chẳng biết gì. Cửa Tông môn cao ngất không thể dấn bước, đành nương Tịnh độ để ẩn náu. Thiên tư kém hèn, vì thế không thể tham học với nhiều bậc tri thức, nẻo khách lênh đênh, do vậy đành cam ăn bám Phổ Đà 20 năm. Giữa Đông năm Nhâm Tý (1912), được xem Phật Học Tùng Báo, mới biết bậc hoằng pháp Đại sĩ phần nhiều hiện thân trong làng Nho, hoan hỷ cảm thán, không lời lẽ nào sánh ví nổi! Đối những trước thuật của các hạ càng thêm khâm phục, chỉ hận mình độn căn, cốt cách ruỗng nát, chẳng thể thường theo hầu nơi trượng thất, hòng lạm dự phần được gọt dũa.

Cuối thu, Tịch công[321] ở chùa Vạn Thọ do nhân duyên san định bộ Khai Mông, hạ cố đến chỗ Quang, nhân khuyên nên sửa chữa, tu đính, tôi nhắc nhở đến ngài. Lại lo ngài không rảnh rỗi để làm, may sao tam bảo gia bị, đã hiện sẵn điềm mộng, đã được hứa khả, may mắn nào hơn? Tịch công bèn gởi thư nêu duyên do, hạn định hai tháng sẽ hoàn thành. Quang sợ rằng ngài chưa đọc kỹ nguyên cảo, ngài Tịch Sơn chưa trình bày rõ cách thức biên tập, chỉ sợ ngài thuận theo ý sư sửa chữa đại lược. Do vậy, tôi trình bày những điều khó khăn gởi đến Tịch công; chẳng ngờ thư ấy được chuyển đến ngài soi xét, cảm kích, thẹn thùng vô cùng. Đến bữa khác, nhận được thư ngài dạy dỗ, chứng tỏ ngài tiếp độ mọi loài đọc kinh, đúng như cái chuông lớn treo trên giá hễ gõ bèn kêu, gương báu đặt trên đài, không hình sắc nào chẳng hiện. Cảm kích lắm!

---

[320] Duy-ma (Vimakirti): Gọi đủ là Duy-ma-cật, dịch nghĩa là tịnh danh. Ngài là một vị đại Bồ-tát hiện thân cư sĩ thời đức Phật. Những lời ngài giảng về pháp môn không hai được ghi trong kinh Duy-ma-cật Sở Thuyết.

[321] Tức hòa thượng Tịch Sơn ở chùa Vạn Thọ vừa được nhắc đến trong lá thư trước.

Trộm nghĩ bản thảo Khai Mông tuy do Thông Công (tức ngài Thông Trí Tầm Nguyên) soạn, nhưng phát huy, nhuận sắc hoàn toàn nhờ vào các hạ. Nếu tinh thần không đủ thì chỉ thành ra làm đãi bôi cho xong. Nếu sắc lực mạnh mẽ, chẳng ngại gì ngoài Hiển giáo ra, ở những chỗ khác, với mỗi chỗ bèn nêu thêm cương yếu của Mật giáo ngõ hầu người đọc đến biết Hiển Mật viên thông, pháp môn vô nhị. Về sự tu nên thâm nhập một môn, về lý tánh cố nhiên hai pháp ấy nhiếp trọn lẫn nhau. Xin đừng tiếc bút lực như rường cột, khiến cho Phật đảnh phóng quang minh viên mãn, phổ chiếu hết thảy hữu tình tận cùng đời vị lai. Hơn nữa, những nhà giảng giải đời mạt thường thích luận thiền, khiến cho thính chúng đa phần bị những câu thoại đầu xoay chuyển. Trộm nghĩ, những câu cơ phong chuyển ngữ của Thiền gia trọn chẳng có ý nghĩa gì, chỉ nhắm vào căn cơ của người đến tham phỏng mà chỉ về lẽ hướng thượng, chỉ nên tham cứu, chớ nên giảng nói. Giảng kinh như thế thì chỉ bậc Đại sĩ tư chất thù thắng mới được lợi ích; còn những kẻ trung hạ căn khác thảy đều mắc bệnh. Đối với Tông thì cơ phong chuyển ngữ chẳng biết tận lực tham cứu, tự lầm lạc suy đoán ý nghĩa, đối với Giáo thì do những lý thật, sự thật chẳng phải là cảnh của mình, bèn cho những điều đó chỉ nhằm ngụ ý biểu thị pháp. Dùng Tông phá Giáo, dùng Giáo phá Tông, gần đây thói tệ ấy không gì tệ bằng, mong ngài hãy hiện tướng lưỡi rộng dài, cứu vớt những kẻ chết đuối ấy.

Thêm nữa, thầy Ngộ Khai túc căn sâu chắc, tâm hiếu thắng mạnh mẽ, thoạt đầu chuyên chú Thiền tông, miệt thị Tịnh độ. Về sau, dự vào pháp hội của ngài Thông Trí, từ đó mới dần dần sanh tín tâm, tuy ấp ủ tánh cuồng vọng, chí nguyện cao chẳng thể đè lấn được, nhưng sắc lực yếu đuối, hành trì thật khó tương ứng, mùa đông năm ngoái từng bộc lộ bản ý, Quang bèn cực lực quở trách. Hiềm vì tâm chấp quá nặng, chẳng vãn hồi được! Có lẽ nên cũng thưa cùng các hạ: Ngày 21 vào tháng mùa đông, thầy ấy ôm bệnh về núi, kể cho sư huynh nghe chuyện ngoài núi chưa xong, liền chẳng nói được nữa, đến giờ Mùi hôm sau bèn qua đời, nào có tướng cảm ứng tốt lành nào để nói đâu? Dương Thứ Công[322] nói: "Ái chẳng nặng chẳng sanh Sa-bà, niệm bất nhất chẳng sanh Cực Lạc." Thầy Ngộ Khai chẳng phải là không tin có Tây Phương, nhưng do ái căn cố kết, ý niệm bất nhất, những điều bình sinh mong mỏi đều thành bánh vẽ. Thầy ấy mong thấy được đạo, mong lâm chung hiện đủ mọi tướng lành đều hé lộ ái căn, "thoạt đầu

[322] Dương Thứ Công chính là Dương Kiệt, hiệu là Thứ Công, tức Vô Vi Tử trong chú thích ở phần trên.

chẳng gặp tác gia[323], đến già trọn thành đống xương" là nói về thầy Ngộ Khai vậy. Buồn thay!

Lại nữa, tháng Chạp năm Nhâm Tý, do đọc Phật Học Tùng Báo, thấy báo in bằng giấy Tây, chẳng để được lâu như giấy Tàu, khiến cho những bài văn, bài luận kỳ vĩ của quý vị vì dùng loại giấy ấy đều bị mất hết, chẳng thể tạo ích lợi rộng rãi, dài lâu. Do vậy, tôi chẳng nề hà mắc tội, trình bày đại lược những điều hèn tệ mình đang ấp ủ, tuy có vài điều, nhưng điều này là chánh. Vào mồng Một tháng Giêng năm Quý Sửu (1913), đã gởi đến ban biên tập, có lẽ ông Nhất Thừa Bộc[324] chê là lẩm cẩm trọn chẳng để mắt tới, cư sĩ Cao (Cao Hạc Niên) đến đây bèn sao lục lại, chuyển đạt tới các vị ngõ hầu các vị biết rõ cái hại của loại giấy Tây, chẳng biết đã lọt vào mắt xanh hay chưa?

Nay tuy Tùng Báo đã đình bản, nhưng vẫn phải ngửa lên thưa trình: Cái hại của loại giấy Tây còn hơn cả nước lũ, mãnh thú, nghèo nước, khốn dân, đoạn diệt Nho Thích thánh giáo, cái họa ấy không có cùng cực! Mong có bậc đại lực dứt trừ thói quen ấy thì phước cho đồng bào, pháp đạo được vĩnh truyền vậy. Ông Địch Sở Thanh có chí lưu thông, có chánh thư cục, gần đây in mấy đầu sách đều dùng giấy Tây. Nếu chẳng thống thiết trình bày lợi hại, tương lai các nơi in khắc Đại tạng chắc chắn khó lòng không dùng loại giấy ấy, do vậ, lưu thông lại thành ra diệt vong nhanh chóng. Đấy là điều Bất Huệ tôi đau lòng buốt óc, vô phương khẩn cầu. Nay may được ngài rủ lòng dạy dỗ, nên mới dám trình lên.

Sức học của ngài trùm khắp cả nước, đạo cao ngút đời, giao du khắp cả trong nước, ngoài nước, ngôn luận khuất phục lòng người. Khẩn khoản xin ngài bảo cùng khắp những vị hoằng pháp, và soạn thuật một bài văn rộng lớn đăng lâu dài trên báo chí, ngõ hầu đồng bào cả nước đều biết họa hại. Phàm những gì thuộc loại kinh sách thánh hiền lưu truyền trong đời và khế ước, văn bằng, đều nhất loạt chẳng dùng loại giấy ấy, ngõ hầu tam giáo chẳng đến nỗi mau diệt vong, ngũ tộc [325] cùng thấm nhuần ơn lớn rộng vậy.

125. Thư gởi tổng nhung Trương Liên Thắng (viết thay cho bạn)

[323] Tác gia: Chữ "tác gia" thoạt đầu là chỉ người giỏi soạn thơ văn. Do thiền giả cũng thường dùng thơ văn để trình bày yếu chỉ nhà Thiền nên nếu ai khéo lãnh hội nghĩa Thiền, khéo độ được người cũng được gọi là tác gia.

[324] Nhất Thừa Bộc: cư sĩ Bộc Đại Phàm, một trong những người biên tập tờ Phật Học Tùng Báo.

[325] Ngũ tộc: năm sắc dân chính của Trung Hoa là Hán, Tây Tạng, Mông Cổ, Hồi, Mãn Châu.

Xuân về trên lãnh thổ vua Vũ[326], ngày Nghiêu vĩnh cửu, Bắc Uyển mai nở, hoa trình ngũ phước như Cơ Tử đã phân định, vườn Đông trúc mướt, lá báo Hoa Phong tam đa [327]. Kính khen tổng nhung Trương Đại Nhân tài kiêm văn võ, giữ chức trọng yếu, đạo luôn rỡ ràng, hưng thạnh; tước ngày càng nâng cao. Từ đầu xuân đến nay, vinh hiển lãnh phẩm trật cao quý, đã thế chỗ nhậm chức ở gần Nam Hải, rất gần Quán Âm. Đấy chính là do nhiều đời nhiều kiếp từng gieo thiện căn nơi Đại sĩ, và Đại sĩ bi tâm muốn nhờ vào oai lực [của tổng nhung để] hộ trì pháp môn nên khiến ra như thế. Đạo thể khỏe mạnh, yên vui, nơi ăn chốn ở hưởng phước không cần coi bói cũng có thể biết; mừng rỡ, vui sướng chúc mừng.

Trộm nghĩ Phổ Đà là đất ứng hóa của Đại sĩ, trải các triều đại đều được sắc tứ kiến tạo, cả đời đều kính ngưỡng, sùng mộ, nhất là có đại nhân duyên đối với các tổng nhung. Xưa kia thì không biết, chứ gần đây, có ba người có công huân lớn lao đối với núi này. Trong niên hiệu Vạn Lịch đời Minh, tổng nhung Hầu Kế Cao, khi rảnh rỗi về việc võ bị, bèn biên soạn, tu chỉnh Sơn Chí, hộ trì, lưu thông, khắng khít nơi chuyện này. Từ thời mở nước đến nay[328], vùng biển chẳng yên, chùa núi hư nát, đến năm Khang Hy thứ 28 (1689), cõi đời yên bình, xa giá hoàng đế tuần du phương Nam[329], tổng nhung Hoàng Đại đến khải tấu tình trạng đổ nát của danh sơn, vua liền ban công khoản sắc truyền tu sửa. Chưa đầy năm ấy, ông Hoàng đã được thăng tước.

Năm sau, tổng nhung Lam Lý đến thay, phụng chỉ trông nom việc xây dựng, cúc cung tận tụy, kiệt lực lo liệu. Chuyện nhà Phật, chuyện vua một vai ông gánh vác, hai ngôi chùa trước và sau núi đều lập miếu thờ sống ông, vĩnh viễn theo Đại sĩ hưởng hương đèn, mà ông Hoàng cũng được thờ cúng. Những bậc quan võ khác hộ trì núi này khó thể nêu hết, là vì các quan võ mỗi khi quân trận đối địch,

---

[326] Nguyên văn "Vũ điện": Điện là lãnh thổ cai trị. Vũ là vua Đại Vũ, khai sáng nhà Hạ.

[327] Ngũ phước phát xuất từ thiên Hồng Phạm trong sách Thượng Thư gồm: thọ, phú, khang ninh, tố hảo đức, khảo mạng chung (sống lâu, giàu có, mạnh khỏe bình yên, làm điều đức hạnh tốt, chết yên lành). Tương truyền tác giả là Cơ Tử.

Tam đa: đa phước, đa thọ, đa tử (phước nhiều, sống lâu, lắm con), theo sách Hoa Nhạc Chí, quyển 1 đời Thanh, di chỉ Hoa Phong ở phía Đông Bắc Hoa Sơn. Cũng theo sách Hoa Dương Huyện Chí, thiên Cổ Tích, có chép một đoạn đối thoại giữa vua Nghiêu và dân vùng này: *"Đào Đường Đế đến Hoa Sơn, dân Hoa Phong thưa: 'A! Xin chúc thánh nhân lắm phước, lắm thọ, lắm con cái'. Vua nói: 'Thôi đi! Lắm con thì lo nhiều, lắm phước ắt lắm chuyện, lắm thọ càng lắm nhục."* Vì thế, mới có điển tích "Hoa Phong tam đa".

[328] Ý nói kể từ đầu triều đại nhà Thanh.

[329] Nguyên văn "thúy hoa nam hạnh": Nam hạnh là hoàng đế đi tuần sát phương Nam, thúy hoa là một loại cờ hiệu của hoàng đế, phía trên gắn lông đuôi chim phỉ thúy (chim bói cá), nên được gọi là "thúy hoa".

xông pha ngọn giáo mũi tên, thường hay thầm niệm Đại sĩ, ngầm được ngài hộ trì, gia hộ. Nhờ vậy, lập chiến công được thái bình, nên họ mới hộ trì núi này như thế. Dẫu nhằm lúc yên ổn, cũng nhờ oai lực của Đại sĩ, trấn quân oai giữ yên cõi xa, tiêu họa loạn trước khi chớm nảy. Bởi chịu ân đã sâu nên báo ân cũng thiết tha, do báo ân thiết tha nên cúng tạ cũng hậu. Như hai vị Hoàng và Lam, và những vị như Tăng, Bành, Tả v.v. vào thời gần đây không ai chẳng đều như vậy.

Hiện nay nhằm lúc mạt pháp, pháp nhược ma cường, thường có kẻ vô lại trà trộn pháp môn, chẳng giữ thanh quy, bại hoại Phật pháp. Do vậy, hàng Nho sĩ chẳng hiểu lý sâu trông thấy tăng sĩ du hành nhân gian tạo tác ác nghiệp, bèn nói tăng chúng trong cả cõi đời không ai là chẳng giống vậy. Từ đấy, một giọng xướng, trăm tiếng hòa, phỉ báng, vùi dập, thậm chí phá hủy chùa miếu, thiêu đốt kinh tượng. Chẳng biết ngọc tuy phát xuất từ dãy Côn Luân[330], nhưng ngọc ẩn, đá lộ, nếu chẳng đục khoét thì chỉ thấy đá, chẳng thấy được ngọc. Do không thấy ngọc bèn muốn đốt cháy sạch cả núi, hiềm vì đá xấu bèn đốt sạch ngọc đẹp vậy!

Xưa có người ôm tảng đá có ngọc báu hiếm có trong đời của núi Kinh còn bị chặt đứt hai chân[331], huống chi người ôm diệu bảo thật tướng của núi vô thượng đại Niết-bàn, tri kiến thế tục làm sao biết được, nên lắm phen bị hủy nhục. Kính mong các hạ hộ trì danh sơn, dẹp tà giúp chánh, làm nanh vuốt cho đất nước, làm kim thang[332] cho Đại sĩ, nối gót thơm của ông Hoàng, ông Lam, gỡ màng mộng trong mắt thế tục, đấy là cúng tạ vậy. Ắt sẽ được chứng quả Vô sanh, đạt địa vị Bất thoái, thành Chánh giác trong tương lai, làm bậc điều ngự trượng phu, há nào phải chỉ ấn phong biến thành vuông, ngạch trật chuyển sang quan văn[333], trăm năm phước thọ, tiếng thơm truyền đến cả con cháu mà thôi!

126. Thư trả lời cư sĩ Trương Vân Lôi (thư thứ nhất)

[330] Một rặng núi lớn ở Tây Nam Trung Quốc, bắt nguồn từ cao nguyên Pamir đến tận tỉnh Tứ Xuyên, toàn bộ rặng núi dài đến 2.500 km. Theo truyền thuyết, đây là nơi cư ngụ của các vị tiên và có nhiều ngọc quý.

[331] Đây là chuyện Biện Hòa thời Chiến Quốc, biết trong tảng đá có ngọc quyết dâng lên vua, bị gièm pha đến nỗi bị chặt chân, cứ ôm tảng đá ngồi khóc ngoài đồng. Sau có người thương tình tâu lên vua, vua sai chẻ tảng đá ra, quả thật có ngọc quý vô giá, thường gọi là "ngọc liên thành". Sau Tần Thủy Hoàng cướp ngọc ấy, cho khắc thành ấn truyền quốc.

[332] Kim Thang: Chữ kim chỉ tường thành chế tạo bằng kim loại; thang chỉ sông hào bảo vệ vây quanh thành. Ý nói phương tiện bảo vệ kiên cố.

[333] Theo quy chế thời ấy, quan võ phẩm trật kém hơn quan văn, không được sử dụng ấn vuông.

Lương Nhậm Công[334] có tài xuất chúng, đáng kính nể trong đời, sao chẳng dùng hoài bão, tài năng sẵn có để quay sang tận lực tham cứu đại pháp xuất thế, ngõ hầu triệt ngộ diệu tánh sẵn có. Lại còn tận lực tu tịnh nghiệp, hồi hướng vãng sanh, ngõ hầu mỗi điều đã ngộ đều tự chứng đắc. Sau đấy, lại nương vào đại nguyện, thị hiện sanh trong cõi đời ác trược, dùng thần thông biến hóa chẳng thể nghĩ bàn, bày cách đối trị: đối với kẻ mạnh bạo chẳng hòa hoãn bèn đối trị bằng cách cứng rắn, với kẻ hòa hoãn, bèn đối trị bằng cách mềm dẻo; bất luận trung hạ căn, không ai chẳng được gội ơn. Đấy chính là nghĩa tự lợi lợi tha rốt ráo của bậc đại trượng phu nối tiếp quá khứ, mở đường tương lai. Trong đời này, thời này, nếu chẳng kiệt lực nghiên cứu, uổng lòng ôm cái tâm lo lắng cho đời, khó tránh mối lo bị nguy đến thân; mà là hành vi của kẻ anh hùng hào kiệt phẫn thế buồn đời, chẳng phải là bản sắc "tùy theo địa vị mà hành xử, vui theo mạng trời" của thánh hiền vậy. Kiếp xưa vun bồi được huệ căn này, cố nhiên chẳng dễ dàng, nếu chẳng chuyên tinh dốc sức nơi đây ngõ hầu tự chứng thì sẽ giống như chén bát chưa nung, gặp mưa liền rã. Quang âm ngắn ngủi, mạng người được mấy, một hơi thở ra không trở lại là đã thuộc đời sau. Người chưa chứng đạo từ ngộ vào mê vạn người có đến mười ngàn, từ ngộ tăng thêm ngộ, trong ức người chưa được một hai! Nỡ để cái chén vô thượng pháp khí, qua cơn mưa "tái sanh" lại trở thành bụi đất ư? Nhậm Công và Quang trọn không có giao tình, gần đây nghe lầm lời người, cũng muốn làm bạn tri kỷ. Tri kỷ phải tính toán cho tri kỷ, phải vì đại thể nói lời trọn vẹn mới chẳng đánh mất tình "vì một lời hợp nhau, cả đời làm bạn tri kỷ". Chẳng biết ông Lương xem thấy như vậy sẽ gật đầu hay là lắc đầu, mong hãy đem ý này chuyển đạt đến ông ta.

127. Thư trả lời cư sĩ Trương Vân Lôi (thư thứ hai)

Cuốn sách Nhập Phật Vấn Đáp dẫn dắt kẻ chưa ngộ, khiến họ sanh chánh tín, tùy cơ khai thị, từ từ thâm nhập, biếu tặng kết duyên quả thật không công đức nào lớn hơn. Nhưng sách ấy chỉ bàn chung chung về sự lý nhập môn nhà Phật, tuy cũng khen ngợi Tịnh độ, nhưng quả thật chưa hoằng dương rộng lớn được yếu chỉ của pháp môn này. Nếu đã có tín tâm hãy nên đọc các sách Tịnh độ. Nếu chẳng thể đọc nhiều thì cuốn rõ ràng, giảng rộng nhất là cuốn Kính Trung Kính

[334] Lương Nhậm Công chính là Lương Khải Siêu (1873-1929), tự là Trác Như, hiệu Nhậm Công, còn có biệt hiệu là Băng Thất Chủ Nhân. Người xứ Tân Hội, Quảng Đông, sanh vào thời Đồng Trị. Ông là một nhà tư tưởng lẫy lừng thời cận đại, đồng thời là một nhà nghiên cứu Phật giáo. Cùng với Khang Hữu Vi mưu giúp vua Quang Tự lật đổ Từ Hy thái hậu nhưng thất bại, ông phải lưu vong một thời gian.

Hựu Kính[335] (Đường tắt hơn hết trong số các con đường tắt), cuốn sách này tuyển chọn lấy yếu nghĩa của các nhà, phân môn chia loại, khiến cho người đọc chẳng phí nhiều công sức xem đọc, tiến thẳng vào chỗ uyên áo của Tịnh độ. Sách này có lợi ích rất lớn đối với người sơ cơ. Còn những trình tự nghiên cứu được trình bày trong bộ Nhập Phật Vấn Đáp chỉ có người thiên tư cao, túc căn sâu mới kham đảm nhiệm được. Nếu cả hai điều này đều kém thì dù muốn dựa theo những điều sách ấy đã chỉ dạy để nghiên cứu thì e rằng chẳng thể thông suốt hoàn toàn giáo lý, mà đối với pháp Tịnh độ, do dốc sức nghiên cứu giáo lý bèn thành ra lui sụt. Phật pháp vì con người mà lập bày, trọn chẳng thể chấp vào quy củ thông thường được, khiến thành ra bị trái nghịch căn cơ đến nỗi bị mất lợi ích thù thắng "liễu sanh tử ngay trong đời này". Cốt sao người đương cơ tự biết căn tánh để chọn pháp tu trì vậy.

Học chú Vãng Sanh bằng tiếng Phạn cũng rất tốt, nhưng chẳng được sanh tâm phân biệt, cho bài chú giản lược [được lưu truyền trong cõi này] là sai hoàn toàn. Khởi lên ý niệm ấy thì sẽ sanh lòng nghi đối với toàn bộ các chú trong Đại tạng, cho là không hợp ý Phật. Phải biết người dịch kinh chẳng tầm thường, sao lại vì họ dịch khác nhau bèn liền xem thường? Hơn ngàn năm qua người trì tụng chú ấy đã được lợi ích, biết bao nhiêu mà kể, há có phải là mọi người hơn ngàn năm qua đều chẳng biết Phạn văn hay sao? Cố nhiên là nên học nhưng chẳng được khởi ý niệm hơn kém, thua trội, vậy thì lợi ích chẳng thể nghĩ bàn được! Hơn nữa, một pháp trì chú gần giống với khán thoại đầu, do khán một câu thoại đầu không có nghĩa gì nên dứt được phàm tình phân biệt, chứng chân trí vốn sẵn có. Trì chú chẳng biết được ý nghĩa câu chú, chỉ chí thành khẩn thiết mà trì, dốc kiệt tấm lòng thành đến cùng cực, sẽ tự được nghiệp tiêu trí rạng, chướng hết, phước cao, lợi ích chẳng thể nào nghĩ bàn cho thấu được.

Nghi thức lễ Phật đối với người rất bận chẳng cần phải lập riêng, chỉ cần chí thành khẩn thiết xưng niệm Phật hiệu, thân lễ dưới chân Phật, ắt phải thành kính như Phật đang hiện diện là được rồi. Cõi đời đang nhằm lúc kiếp trược, giết cướp

[335] Kính Trung Kính Hựu Kính là tác phẩm của Trương Sư Thành thời Minh. Trương Sư Thành tự là Tâm Hữu, hiệu Lan Chử, người Quy An, Hồ Châu. Cha mộng thấy mặt trời chiếu vào cửa sổ, tỉnh dậy thì thấy Sư Thành được sanh ra. Ông thờ cha hiếu có tiếng, đỗ đạt từ lúc nhỏ, đảm nhiệm việc trấn giữ biên cương. Khi làm tuần vũ tỉnh Giang Tô, thấy người địa phương sát nghiệp nên nhiều lần ban cáo thị khuyên kiêng sát sanh, nghiêm cấm bắt cá. Trong dinh ông không tiệc tùng, không sát sanh. Ông trường trai thờ Phật, dốc lòng nơi Tịnh độ, tự lấy hiệu là cư sĩ Nhất Tây. Cuốn Kính Trung Kính Hựu Kính của ông được đưa vào *Vạn tục tạng kinh*, tập 62, đánh số 1185.

lẫn nhau, chẳng có đạo bùa nào để hộ thân, quyết khó thể vĩnh viễn không bị họa hại. Cái gọi là "đạo bùa hộ thân" cũng chỉ là chí thành lễ niệm A-di-đà Phật mà thôi! Nhưng Đại sĩ Quán Âm bi nguyện rộng sâu, theo tiếng cứu khổ, hễ cảm liền ứng, hãy nên ngoài lúc sáng tối lễ niệm Phật ra, hãy kèm thêm lễ niệm Đại sĩ thì sẽ ngấm ngầm được gia bị, tự có thể chuyển họa thành phước, gặp nạn mà hóa ra lành, nhưng chẳng tự biết. Đây chính là cách của kẻ ngờ nghệch lánh ngoài cõi đời này dùng làm phương pháp vì tri kỷ cứu đời vậy. Có thể nói là khắp cõi đời không ai chẳng thể cứu, chỉ có người chẳng chịu hành theo pháp này thì đành chẳng biết làm sao được!

128. Thư trả lời cư sĩ Trương Bá Nham

Thư ngừng chiến đọc qua một lượt, có thể nói Giang Thần Đồng quả là người phi thường, ôm chí hướng phi thường, tính làm chuyện phi thường, làm cho khắp thiên hạ nhân dân đạt được "đạo thường hằng" phi thường, thật là thiên cổ hy hữu! Nếu chẳng phải là thánh hiền tái thế thì cũng là Bồ-tát thị hiện thọ sanh, cuộc đời này chẳng uổng phí vậy. Muôn nước trong khắp thiên hạ trong đêm dài sẽ đều được lay tỉnh bởi tiếng ngân của quả chuông to này. Do muốn mình được thành tựu bèn giúp người thành tựu, mình muốn thành đạt bèn khiến cho người thành đạt, tự lợi lợi tha, coi người khác như chính mình, cùng về trong cảnh giới vô ngã, cùng hưởng ngọn gió đại đồng. Quang đã già rồi, chỉ e không kịp thấy, chẳng ngại gì không chúc mừng trước muôn nước.

Tuy nhiên, phương cách đã lập ấy vẫn có chỗ không hợp thời, cơ, xứ. Quang vô tri, vô thức, sao dám bình luận trước thuật của ông Giang; nhưng trước mặt người tri kỷ, chẳng ngại gì một phen bàn bạc, mong chẳng bắt tội. Thế đạo nhân tâm hiện thời hư hoại đến cực điểm, muốn cứu vãn mà chỉ dùng đạo đức của ngũ giáo[336] thánh hiền để uốn nắn thì cách ấy chỉ có thể chuyển biến được người có bẩm tánh cao sâu, còn đối với hàng trung hạ căn mặc sức ông nói nát môi, cháy lưỡi, dù họ có lãnh hội cũng chẳng thấy ăn nhằm gì đến tâm họ, huống gì kẻ không lãnh hội được lại chiếm hơn quá nửa, thành ra đổ sức nhiều mà hiệu quả ít ỏi. Muốn cho vạn quốc cùng sốt sắng thực hiện đề nghị này trừ phi người trong vạn quốc đều là hạng thiên tư thượng đẳng, muốn tận lực cầu lấy đạo thánh hiền nhưng chưa rõ đường lối thì mới có lợi ích thật sự. Nếu không, dẫu ông có giảng

[336] Ngũ giáo: Phật giáo, Khổng giáo, Đạo giáo, Thiên Chúa giáo và Y Tư Lan giáo (Islam).

ra rả, người ta nghe lời ông nói bèn xem thường. Vệ Võ Công[337] đã sớm nói như vậy từ hai ngàn năm trước rồi! Giang Thần Đồng[338] có thể nói là "biết thể" nhưng chưa "biết dụng", đắc *căn bản trí* nhưng chưa khai *sai biệt trí*. Cách tổ chức hội nghị của ông ta lại quá lớn, chỉ sợ không có món chi phí lớn lao như thế, không thành chuyện bàn suông thì cũng hóa ra có đầu không đuôi.

Hơn nữa, loại đại hội như vậy há có nên lập riêng một đại hội cho nữ giới? Lập ra đại hội nữ giới sẽ khiến cho nữ nhân toàn quốc lầm lạc ra sức tranh quyền, chuyện gì cũng đều phải nghĩ nam nữ cùng một bản thể. Nếu được như hai bà phi của đời Ngu, ba bà Thái của nhà Chu, mới thật là may mắn lớn lao. Nếu không, sẽ tệ hại không thể nào diễn tả được! Trời sanh bậc kỳ nhân phi thường, nhưng mở ra mối tệ này, quả thật Bất Huệ tôi rất đau lòng, tiếc nuối, tôi nói "quyền trị quốc bình thiên hạ, nữ nhân nắm giữ quá nửa!" Do giúp chồng dạy con trong gia đình sẽ khiến cho đứa con nào có thiên tư liền mong thành thánh, thành hiền, gây dựng đức nghiệp lớn lao; đứa không có thiên tư cũng có thể thuận theo quy củ, làm một kẻ lương dân. Nếu bỏ điều này không xét đến, cứ muốn cho nữ nhân nắm quyền giống như nam giới thì chính là đại họa gây loạn thiên hạ bậc nhất vậy. Sao ông Thần Đồng không nghĩ đến điều này?

Bài văn ấy luận về Phật giáo cũng có chỗ sai sót lớn. Nếu bậc thượng đẳng nghe đến ắt sẽ gấp gáp cầu nơi giới - định - tuệ - không. Nếu kẻ hạ đẳng nghe đến ắt sẽ rất có thể khiến cho cái thói muốn lấy người ép người, đốt sách của người ta liên tiếp khởi lên. Ngay trong lúc sát kiếp lừng lẫy này, chẳng lấy lòng từ trọn khắp, vô hình, tâm bi cứu bạt ba đời của Phật làm nghĩa trọng yếu cứu nước cứu dân bậc nhất để răn dạy, lại đề xướng ý kiến cho Phật giáo là tà ngụy, nêu chứng

---

[337] Vệ Võ Công, tên là Cơ Hòa, người xứ Triều Ca, là con của Vệ Ly Hầu, ở ngôi vua từ 812 đến 758 trước Công Nguyên. Năm 771 trước Công Nguyên, quân Khuyển Nhung giết Chu U Vương. Vệ Võ Công cùng chư hầu hợp binh giúp nhà Chu dẹp loạn có công, được Chu Bình Vương phong tước Công. Vua chăm lo chánh sự, lo cho dân giàu nước mạnh, rất được dân chúng hai nước Chu, Vệ kính trọng.

[338] Không rõ Giang Thần Đồng ở đây là ai? Nhưng trong thư gởi cho cư sĩ Sái Khế Thành năm 1923, tổ Ấn Quang có viết: "Giang Thần Đồng là quỷ thần dựa vào thân mà có năng lực ấy, chứ không phải thật sự là thần đồng. Năm trước, bạn tôi là ông Trương Chi Minh đem bài Thư Đình Chiến của Giang Thần Đồng đưa cho Quang xem, nhờ phê bình những chỗ không thích hợp để xem có nên lưu truyền hay không. Đến khi Quang chỉ ra những khuyết điểm, người bạn ấy nhất loạt không đề cập đến nữa. Tôn Giáo Đại Đồng Hội là gì? Thích-ca Hóa Thân là gì? Người có trí thức nghe đến liền biết hắn ta là ma vương hiện chuyện lạ lùng để mê hoặc con người, cần gì phải hỏi ai nữa?" Căn cứ vào đoạn văn trên, Giang Thần Đồng phải là một đứa bé nổi tiếng thần đồng thời ấy.

cớ là Phật giáo vứt bỏ luân thường, bàn chuyện họa phước! Phàm nhân quả báo ứng chính là đại phương tiện để bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh của thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian. Ngay trong lúc tâm con người đắm chìm này, đúng là lúc nên đề xướng nhân quả, báo ứng. Dẫu là kẻ trung hạ căn, tuy muốn làm ác nhưng không dám, dẫu không muốn làm thiện nhưng chẳng thể.

Thế mà ông ta lại bài xích, đả phá họa phước là tà ngụy, là đáng đau hận, há có phải thật sự hiểu biết Phật giáo hay chăng? Nhưng bỏ qua luân thường, bàn về họa phước có bao giờ không ngụy, cũng như có bao giờ chẳng là chân? Nếu đã nhất loạt coi là ngụy thì Thích-ca bèn thành kẻ tội lỗi đứng đầu, những người thấp hơn Phật còn đáng bàn nữa hay chăng? Nếu bảo các hiền nhân chê trách Phật giáo chính là bằng cớ thì là chưa biết sự thật, tôi không bàn tới. Nếu bảo "chư hiền chê trách là ngụy là do lỗi nơi Phật giáo, chứ chẳng phải lỗi của chư hiền", cho rằng câu nói "Phật giáo là ngụy" không phải là diệt trừ Phật giáo, chỉ giữ lại giới - định - tuệ - không, thì chẳng thể được! Phàm giới - định - tuệ - không lúc Phật chưa xuất thế, pháp chưa truyền sang Đông, nhưng đã ngập tràn vũ trụ, không khiếm khuyết chút nào, nhưng các vị thánh như Nghiêu, Thuấn, Chu công, Khổng tử cũng chưa tỏ rõ được, đến khi Phật giáo truyền sang Đông mới biết chúng ta đang sống trong giới - định - tuệ - không, từ sống đến chết, chẳng thể ra ngoài những điều này được. Nhưng kẻ bỗng dưng đâm sợ cái đầu chạy cuồng lên[339] thật là đáng thương.

Thầy thuốc trị bệnh, gấp thì trị đằng ngọn, thong thả bèn trị nơi gốc. Ví như có người cổ họng ủng thũng, ăn uống khó trôi, hít thở khó khăn, ắt phải làm tiêu chứng thũng trước, rồi mới có thể dựa theo nguồn bệnh, điều hòa tạng phủ; nếu chẳng tiêu trừ chứng thũng trước, người ta đã chết mất, dù có bài thuốc hay khéo trị tận gốc cũng không sao thi thố được. Nhân quả chính là diệu pháp để tiêu trừ chứng thũng hiện thời, nhưng một pháp nhân quả trị chung cả đằng ngọn lẫn đằng gốc. Kẻ sơ cơ nương theo đó sẽ có thể cải ác tu thiện, người thông hiểu nương vào đó sẽ có thể đoạn hoặc chứng chân. Chính là pháp thông trên thấu dưới, từ phàm phu sát đất cho đến viên mãn Phật quả đều chẳng thể lìa pháp này được, há nào phải chỉ để trị chứng bệnh đằng ngọn mà thôi!

129. Thư gởi cư sĩ Tạ Dung Thoát

[339] Kinh Lăng-nghiêm có nhắc đến chàng Diễn-nhã soi gương thấy cái đầu mình đâm ra hoảng sợ, phát cuồng!

Quê ông được biết đến pháp môn Tịnh độ là do ông Lâm Giới Sanh thỉnh kinh sách Tịnh độ. Nếu trong đời trước các vị cư sĩ đối với pháp môn này chưa từng gieo thiện căn, sao có thể lấy cổ nhân làm thầy, vừa mới nghe bèn sanh lòng tin, phát nguyện, tự hành, dạy người, khiến chưa đầy 15 năm, đạo ấy đã được thạnh hành như thế? Quán thiên tư, cảnh duyên của các hạ và pháp vận, thời cơ hiện tại, tợ hồ nên giữ ngũ giới hộ trì tam bảo, hoằng dương Tịnh độ để khuyên khắp mọi người vãng sanh mới chính là yếu nghĩa khế lý khế cơ bậc nhất. Vì sao nói thế? Các hạ niên kỷ đã ngoài bốn mươi, thiên tư chẳng phải là bậc thượng đẳng, muốn nghiên cứu cùng tận kinh tạng, tham phỏng tri thức thì e rằng pháp môn vô lượng, quang âm không nhiều, sẽ phải than thở dẫu muốn dùi mài nhưng không thực hiện được.

Hơn nữa, hiện tại tuy có tri thức, nhưng tăng đa phần hỗn tạp, thiếu người cùng hạnh (cùng hạnh còn gọi là "nội hộ", tức người có thể rèn giũa, nâng đỡ mình tinh tấn nơi đạo). Nếu chí hướng thượng bị suy bèn xuôi theo lười nhác, biếng trễ, chẳng còn sốt sắng nữa. Như Bất Huệ năm 21 tuổi, từ biệt cha mẹ đi tu, cũng có thể nói là phát chân tâm lập hạnh dũng mãnh, đến nay 53 tuổi dù Tông hay Giáo đều chẳng biết gì. Uổng công phụ ân cha mẹ, uổng làm Phật tử, may là đối với một pháp Tịnh độ, khi xuất gia lúc học kinh Di-đà đã sanh tín tâm, quả thật chưa từng được một vị tri thức nào khai thị, bởi nghiệp sư[340] và các vị tri thức khi ấy đều chú trọng tham cứu, bao nhiêu khai thị đều đả phá Tịnh độ. Tôi tự lượng sức mình, chẳng bị người khác lay chuyển, dẫu Phật, tổ hiện thân vẫn chẳng thay đổi, huống chi những lời tri thức nói.

Thêm nữa, hiện nay pháp nhược ma cường, muốn hộ trì Phật pháp, ở cõi tục thì dễ, làm tăng lại khó. Nếu các hạ có thể nghiêm trì ngũ giới, chuyên niệm Phật Di-đà, khắc kỷ, giữ lễ, ngôn hạnh tương ứng; sau đấy, thực hiện việc hóa độ người khác một cách rộng rãi, lợi khắp muôn loài, chớ nghĩ mình là thầy rồi tự cao, chớ nhận tiền tài để tự lợi ích. Ở nhà vì cả nhà diễn thuyết, đối với đại chúng bèn trình bày cặn kẽ thì mọi người đều ngưỡng mộ đức, tin vào lời nói, đấy chính là không tự truyền lệnh mà người hành theo, gió thổi qua cỏ phải rạp. Lệnh lang không tin đạo này, cũng chớ nên cưỡng bách. Cứ để đến khi gặp cảnh chạm duyên, thiên cơ phát hiện, bèn chỉ bảo cho, sẽ tự có cái thế cuồn cuộn không thể chế ngự được.

Liên xã vừa mở, cần phải có quy củ nhất định, cho nữ nhân tham dự thì trọn chẳng thể được. Chẳng được bắt chước cách của người ta luông tuồng không ước

[340] Vị thầy độ cho mình đi xuất gia gọi là nghiệp sư.

thúc, khiến cho một pháp vừa lập, trăm nghiệp tệ hại bèn nảy sanh. Điều này quan trọng lắm! Chẳng thể lễ xá-lợi, chẳng thể thân cận tùng lâm, nào có thiếu sót gì đâu? Cứ hễ thấy tượng Phật, liền nghĩ đó là đức Phật thật, thấy kinh Phật, lời tổ, liền tưởng như Phật, tổ đang đối mặt dạy mình, phải cung, phải kính, không biếng nhác, không coi thường thì chẳng phải là suốt ngày thấy Phật, suốt ngày thân cận chư Phật, Bồ-tát, tổ sư, thiện tri thức, xá-lợi, tùng lâm hay sao?

Người xuất gia nếu chẳng phải là chân tu thì tập khí đầu đường xó chợ còn quá kẻ tục. Nếu muốn xa lìa, trước hết phải hiểu rõ hết thảy các pháp trong thế gian đều là khổ, là không, là vô thường, là vô ngã, là bất tịnh thì tham sân si ba độc không do đâu khởi được. Nếu chưa ngưng dứt được thì hãy dùng trung hậu, tha thứ, nhẫn nhục để đối trị, nó sẽ tự dứt. Nếu vẫn không dứt, phải lập cách nghĩ đến chữ chết thì tự nhiên vô biên nhiệt não hóa thành thanh lương. Kinh Báo Ân (tức kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân) dạy "theo thứ tự thọ giới"; nay người xuất gia thọ giới, trước hết cũng phải thọ tam quy, rồi đến ngũ giới, tiếp đến thập giới, rồi đến cụ túc giới, rồi đến Bồ-tát giới. Nhưng thuở xưa, người thọ giới là vì phát tâm liễu sanh tử, người đời nay thọ giới đa phần chỉ để được làm đại tăng cho thỏa thể diện, chuyện đắc giới chưa hề thực hiện hay nghĩ tưởng đến. Vì vậy, bọn lỗ mãng, phường hạ lưu bên ngoài không ai chẳng được dự *tam đàn đại giới*[341] trở thành tăng.

Mối tệ này là do Thanh Thế Tổ (Thuận Trị) bãi lệ thí tăng, miễn độ điệp, cũng như vì những vị sư trong thời gần đây tham lợi danh, thích quyến thuộc đông đảo mà nên nỗi. Tôi chỉ sợ chư tăng ở chỗ ông chẳng biết đến nghĩa này, tưởng độ người xuất gia là chuyện tốt bậc nhất, đến nỗi kẻ giặc trà trộn trong pháp, pháp bị diệt theo. Vì thế, chẳng nề hà phiền phức, bao lượt bàn ra. Phải biết một pháp Tịnh độ chính là pháp môn tối huyền, tối diệu, chí viên chí đốn trong giáo pháp của cả một đời Như Lai (một pháp trọn đủ hết thảy pháp nên gọi là viên, tu trong đời này liền được vãng sanh ngay trong đời này nên gọi là đốn). Hạng phàm phu lè tè sát đất cũng có thể dự vào trong pháp này, Đẳng giác Bồ-tát cũng chẳng thể vượt ra ngoài pháp này được. Quả là một con đường tắt để thượng thánh hạ phàm mau thành Phật đạo, là một chiếc thuyền từ để chư Phật, chư tổ phổ độ chúng

[341] Tam đàn đại giới: Quy củ truyền thọ giới pháp, chia làm ba giai đoạn: sơ đàn, nhị đàn và tam đàn. Sơ đàn truyền sa-di, sa-di-ni giới, nhị đàn truyền tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni giới, tam đàn truyền Bồ-tát giới. Khi sơ đàn và nhị đàn đã xong, Phật tử tại gia mới được dự tam đàn cùng thọ Bồ-tát giới. Một đàn truyền đại giới phải hội đủ tam sư (đắc giới hòa thượng, yết-ma a-xà-lê, giáo thọ) và bảy vị tôn chứng a-xà-lê đóng vai trò chứng minh. Thông thường đàn truyền giới được cử hành trong ba ngày liên tiếp.

sanh. Chẳng có lòng tin nơi pháp này hoặc tin không chân thành, khẩn thiết, tức là nghiệp sâu chướng nặng, chẳng hợp liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, muôn đời muôn kiếp ở trong thế gian này thường xoay vần trong lục đạo, không có lúc nào ra. Dù có được làm trời người, nhưng thời gian thật ngắn ngủi như người khách ở trọ, một phen đọa tam đồ thời gian rất dài như ở yên nơi quê nhà. Mỗi phen nghĩ đến, lông tóc dựng cả lên. Chẳng sợ rát họng khẩn khoản bảo cùng đồng nhân.

Nay tôi vì các hạ dẫn một chuyện chứng minh ngõ hầu khơi gợi mạnh mẽ cái tâm tín nguyện, cổ vũ sức tán dương rộng rãi vậy. Pháp môn này chỉ có kinh A-di-đà, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, kinh Vô Lượng Thọ chuyên nói, trong hết thảy các kinh Đại thừa khác không kinh nào chẳng nêu tỏ chuyện này. Khỏi cần nói đến kinh nào khác, một kinh Hoa Nghiêm chính là lúc đức Phật mới thành đạo, vì hàng Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, 41 địa vị Pháp thân đại sĩ giảng thẳng vào đại pháp vượt khỏi các giới, chẳng chung cùng phàm phu, Nhị thừa. Cuối cùng là phẩm Nhập Pháp Giới, Thiện Tài đồng tử ("đồng tử" là tiếng xưng tụng người đoạn hoặc chứng chân, phá vô minh, khôi phục bổn tánh, chứ không phải như tượng đắp thường tạc hình một đứa bé nhỏ mới là đồng tử; trong kinh Hoa Nghiêm có chỗ gọi Văn-thù Bồ-tát là Văn-thù đồng tử, các kinh khác cũng chỗ gọi ngài bằng danh xưng này) tuân lời ngài Văn-thù dạy, tham học khắp các tri thức, đầu tiên gặp Đức Vân, liền được ngài dạy pháp môn niệm Phật, bèn chứng Sơ trụ. Từ đấy, hễ tham học bèn chứng, đến vị thứ 53 là Phổ Hiền Bồ-tát, Phổ Hiền dùng sức oai thần gia bị, khiến cho Thiện Tài được chứng ngang bằng với Phổ Hiền, ngang với chư Phật (đây gọi là Đẳng giác Bồ-tát). Sau đấy, ngài Phổ Hiền dạy Thiện Tài cùng Hoa Tạng hải chúng, hết thảy các đại Bồ-tát phát mười đại nguyện vương, đem công đức của mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, mong được viên mãn Phật quả.

Lại như kinh Quán Vô Lượng Thọ, chương Hạ Phẩm Hạ Sanh: Hạ phẩm hạ sanh là nếu có chúng sanh gây nghiệp bất thiện, ngũ nghịch thập ác, đủ mọi điều bất thiện, kẻ ngu như thế đáng phải đọa vào ác đạo trải qua nhiều kiếp, chịu khổ vô cùng. Lúc mạng sắp dứt, gặp thiện tri thức dạy xưng danh hiệu Phật, đủ mười tiếng xong, diệt tội vãng sanh. Trong Long Thư Tịnh Độ Văn có kể chuyện các ông Trương Thiện Hòa, Trương Chung Quỳ v.v. đều là người như thế. Trên thì như ngài Văn-thù (Văn-thù Bồ-tát có kinh phát nguyện), Phổ Hiền, là những bậc đại Bồ-tát đã thành Phật đạo từ lâu, dưới thì như kẻ ngũ nghịch thập ác là những

chúng sanh sắp đọa địa ngục, đều nương sức tiếp dẫn của A-di-đà Phật, đều là căn cơ được nhiếp thọ bởi Tịnh độ. Có thể thấy là pháp môn này lớn lao, trọn chẳng phải là thứ bỏ đi, Phật nguyện rộng sâu, coi chúng sanh đều bình đẳng. Tôi thường có câu liễn rằng:

Xả Tây Phương tiệp kính, cửu giới chúng sanh, thượng hà dĩ viên thành Phật đạo,

Ly Tịnh độ pháp môn, thập phương chư Phật, hạ bất năng phổ lợi quần manh.

(Bỏ đường tắt Tây Phương, cửu giới chúng sanh trên dùng gì viên thành Phật đạo?

Lìa pháp môn Tịnh độ, mười phương chư Phật dưới chẳng thể lợi khắp quần manh.)

Các hạ nên phát đại dũng mãnh, đại tinh tấn gánh vác pháp này. Đem những ngôn luận hoằng dương Tịnh độ thích hợp căn cơ của cổ nhân để đề xướng trong làng xóm, sống trong cõi trần chẳng nhiễm, tu chân ngay trong cõi tục, mới hợp ý nghĩa đặt tên là Dung Thoát, bởi Dung Thoát là hòa quang nhưng chẳng đồng trần vậy. Ý kiến hèn tệ của tôi như vậy đó, không biết các hạ nghĩ như thế nào? Mong hãy tự suy xét!

130. Thư trả lời cư sĩ Cố Hiển Vi

Sở dĩ lệnh hữu[342] là ông X… có những thứ tình kiến đối với Phật học, và trong thư trả lời các hạ viết đến mấy trăm câu, là vì đối với nhân quả, có - không, sự - lý, tánh - tướng bị lầm loạn, cho nên đối với Kim Cang, đối với Tịnh độ đều chẳng thể nương theo lời thành thật của Phật, tổ để sanh khởi lòng tin, lầm lạc đem chuyện trái nghịch lý để suy xét lý, muốn làm người đại trí tuệ lỗi lạc, chẳng chịu ép mình theo khuôn khổ của hàng ngu phu, ngu phụ, tự cho mình bị lý chướng, nhưng thật ra là nghiệp chướng nơi tâm. Như kẻ mù nhìn mặt trời, trọn chẳng thấy được tướng ánh sáng, lại bảo người thấy được tướng sáng ấy là hư vọng, há chẳng đáng buồn lắm sao? Thứ tri kiến ấy chẳng dễ gì phá được, huống chi những gì Quang nói lời lẽ vụn vặt, khó thể thấu triệt lý. Vì thế sẽ càng làm cho người ta nghi ngờ, chỉ tổn hại, chứ không có ích gì.

Muốn chẳng tuân mạng, nhưng lại sợ bị trách móc, đành làm chuyện tắc trách, bình luận xằng bậy, mong đừng gởi thư này đến ông X… Nếu không, rất có thể khó tránh khỏi bị xé nát, giẫm đạp. Nếu là những câu văn bình luận của Quang

[342] Lệnh hữu: Tiếng gọi tỏ vẻ trân trọng bạn người khác.

thì đáng bị như vậy, còn những câu trong ấy nếu không dẫn kinh văn thì cũng đề cao ý nghĩa kinh, mà chữ nghĩa lại là của quý báu nhất trong thế gian, lại bị ông ta giẫm đạp thì chẳng những ông ta tự chuốc lấy tội chẳng cạn, mà các hạ lẫn Quang cũng bị mắc tội không cạn.

Nay tôi thay mặt các hạ, trả lời: Xem kỹ thư ông gởi đến, mọi điều nghị luận có thể nói tóm gọn một lời: "Dùng tri kiến phàm phu để suy lường xằng bậy Phật trí mà thôi!" Vả nữa, chúng ta từ sống đến chết, trong là thân tâm, ngoài là cảnh giới, nào có biết nguyên do của vật nào đâu. Từ khi có tri thức đến nay, thấy người trước làm sao, cũng làm theo như thế thì thân thể được thành lập, mọi việc được trót lọt, thích đáng, thân tâm yên vui; từ lúc sanh ra cho đến chết, thọ dụng tự tại. Nếu đối với lời dẫn dụ của đức Như Lai, do chính mình chẳng biết cội nguồn tri kiến Phật và cội nguồn của pháp Tịnh độ, dù Phật, tổ nói lời thành thật cũng vẫn chẳng chịu nhân đó phát sanh lòng tin thì hãy suy tìm xem: Các hạ suốt ngày ăn cơm, suốt ngày mặc áo, nhưng cội nguồn của chuyện chống đói, ngăn lạnh có biết hay là không? Nếu bảo là biết thì người biết là ai, xin hãy chỉ ra xem! Nếu chỉ không được, mà vẫn cứ ăn cơm mặc áo, noi theo quy củ do người đời trước đã thành lập, thì sao đối với diệu pháp bậc nhất để liễu sanh thoát tử lại cứ phải đòi tìm biết cho được cội nguồn trước đã rồi mới chịu tin, trọn chẳng chịu do lời thành thật của Phật, tổ mà sanh lòng tin vậy?

Thêm nữa, các hạ có bệnh cần phải uống thuốc thì trước tiên phải đọc hết các sách Bản Thảo[343], Mạch Quyết, hiểu biết dược tánh, nguồn gốc bệnh, rồi thì mới căn cứ trên bệnh tình để kê toa, sau đấy mới uống thuốc; hay là ngay lập tức mời thầy lang chẩn mạch, lập tức uống thuốc vậy? Nếu lập tức uống thuốc thì chuyện trị bệnh và học Phật đâm ra mâu thuẫn lẫn nhau. Dù có đọc hết Bản Thảo, Mạch Quyết, biết được dược tánh, nguồn gốc bệnh, thì vẫn mâu thuẫn với chuyện học Phật. Vì sao vậy? Bản Thảo, Mạch Quyết là tác phẩm của người đời trước; ông chưa thể đích thân thấy được họ, sao lại tin lời? Nếu bảo lời lẽ của Bản Thảo, Mạch Quyết chẳng thể không tin, vậy lời của Phật, tổ, thiện tri thức vì sao đều chẳng tin, cứ muốn tự thấy rồi mới chịu tin? Theo sự thấy biết của ông, nếu luận rạch ròi thì trước hết phải thấy được thuốc sẽ chạy theo kinh[344] nào, trị bệnh gì

[343] Tức Bản Thảo Cương Mục của Lý Thời Trân soạn vào đời Minh, một loại bách khoa tự điển về dược tánh của các cây cỏ, vật liệu dùng làm thuốc. Mạch Quyết là những sách dạy bắt mạch để chẩn đoán bệnh tật.

[344] Theo Đông y, kinh lạc là đường tuần hành khí huyết đi nuôi dưỡng toàn thân, duy trì mọi hoạt động sinh lý của cơ thể, chống ngoại tà, bảo vệ cơ thể. Kinh là đường đi theo chiều dọc,

rồi mới chịu kê toa, uống thuốc, trọn chẳng thể dựa theo những gì sách Bản Thảo, Mạch Quyết đã nói để kê toa, uống thuốc. Vì sao vậy? Vì chưa thấy! Nay chưa thấy được cội nguồn của chuyện dứt đói, chống lạnh, trị bệnh, mà vẫn cứ ăn cơm, mặc áo, uống thuốc, còn cội nguồn của Phật và Tịnh độ do tự mình chưa đích thân thấy nên chẳng chịu tin tưởng lời thành thật của Phật, tổ, là vì lẽ gì vậy? Một đằng vì liên quan đến tánh mạng, dẫu chẳng biết cũng chẳng dám không làm như thế; một đằng là tự phụ cao minh, ắt phải thấy thấu suốt rồi mới chịu tu trì pháp ấy.

Xưa nay không biết bao kẻ hào kiệt lỗi lạc, do vì tri kiến này cả một đời chẳng được lợi ích thật sự nơi Phật pháp. Ông ta nói những kẻ ngu phu, ngu phụ, thoạt đầu cũng chẳng biết nhưng có thể nương theo quy củ của tiền nhân đã lập, cắm cúi niệm Phật; do vậy, ngầm thông Phật trí, thầm hợp đạo mầu, bèn được mang nghiệp vãng sanh hay đoạn hoặc vãng sanh, rồi sẽ ắt chứng Phật quả, huống hồ những người đã biết được nguồn cội. Nhưng những kẻ tự mệnh danh là lỗi lạc ấy, do nghi ngờ bèn phỉ báng, ắt sẽ bị từ kiếp này sang kiếp khác đọa trong ác đạo dài lâu, bị những kẻ ngu phu, ngu phụ niệm Phật vãng sanh thương xót, muốn ra tay cứu giúp cũng không thể được. Vì sao? Do vì ác nghiệp bất tín trong đời trước gây chướng ngại.

Trí của các hạ như Can Tương, Mạc Gia[345], chặt ngọc như bùn. Do chẳng khéo dùng trí ấy, khác nào dùng Can Tương, Mạc Gia chém bùn nhưng chẳng thể chém được, uổng phí gươm bén, chẳng đáng buồn sao? Phật pháp là tâm pháp, hết thảy pháp thế gian chẳng thể sánh ví được. Những ví dụ chẳng qua chỉ nhằm để con người lãnh hội ý nghĩa, há nên chấp chết cứng nơi sự, rồi coi hai đằng giống hệt như nhau để luận bàn ư? Giơ cái quạt để ví mặt trăng, nhờ vào cây lay động để chỉ gió, há có nên cầu quang minh nơi cái quạt, tìm sự phe phẩy nơi cây cối, như thế có còn được gọi là trí hay chăng? Mộng cảnh là giả, nhân quả là thật, cũng chẳng ngại gì dùng mộng cảnh để sánh ví nhân quả, coi chúng giống như nhau. Vì sao? Vọng tâm là nhân, mộng cảnh là quả; nếu không có vọng tâm, quyết chẳng có mộng cảnh, đấy là lời bàn luận quyết định không thay đổi được. Tâm thiện ác và sự tu trì là nhân, được quả báo thiện ác và quả báo tu trì là quả. Các

---

Lạc là đường đi theo chiều ngang. Đông y cho rằng cơ thể gồm 12 kinh chính, 12 biệt kinh, 15 kinh lạc, 8 mạch v.v..

[345] Tên hai thanh gươm báu thời Chiến Quốc, tương truyền do Can Tương đúc ra. Hùng kiếm gọi là Can Tương, thư kiếm là Mạc Da (hoặc Mạc Tà). Theo truyền thuyết, Can Tương nấu đồng sắt cả tháng không chảy, vợ là Mạc Da bèn tắm gội sạch sẽ, nhảy vào lò nấu sắt, sắt bèn chảy tan ra. Nhờ đó, Can Tương đúc được hai thanh kiếm báu chém sắt như chém bùn.

hạ có tin hay không? Vọng tâm làm nhân cho mộng nên được mộng cảnh. Cái tâm niệm Phật là nhân để thành Phật, gần là được vãng sanh Tây Phương, xa là rốt ráo viên thành Phật đạo. Điều này khiến ông nghi ngờ hay khởi lòng tin vậy?

Chuyện Phật rốt ráo là có hay không hãy tạm gác lại, các hạ cứ muốn cật vấn Phật là có hay không, xin hỏi bản thân các hạ rốt ráo là có hay không? Nếu bảo là không thì những lời lẽ dông dài đây do ai thuật nói? Nếu bảo là có, xin hãy chỉ ra người thuật nói là ai? Ngôn ngữ là do họng, lưỡi và thức tâm kết hợp mà có văn tự, cũng do thức tâm, tay, bút vận động mà hiện ra. Hai thứ này đều chẳng ra ngoài ngũ uẩn *sắc, thọ, tưởng, hành, thức*, đều chẳng phải là bản thân các hạ. Nếu lìa ngoài năm pháp này mà chỉ ra được thì tôi sẽ chấp nhận câu hỏi "Phật rốt ráo là có hay không?" của các hạ là câu hỏi đại trí tuệ. Nếu không chỉ ra được chính mình rốt ráo là có hay không, cứ muốn biết "Phật là có hay không?" trước đã, thì chính là câu hỏi cuồng vọng không đáng nói, chứ không phải là câu hỏi tột cùng lý thiết thực cho chính mình vậy. Phật rốt ráo là có, do phàm tình của ông chưa gột sạch, nên trọn chẳng thể thấy được. Chính các hạ cũng là có, do ngũ uẩn của ông chưa rỗng không nên cũng chẳng thể lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà hòng chỉ ra đích xác được.

Kinh Kim Cang dạy Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, phát tâm độ tận hết thảy chúng sanh, khiến họ đều chứng Vô dư Niết-bàn, nhưng chẳng thấy có một chúng sanh nào được diệt độ. Chẳng trụ vào *sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp* để hành bố thí, bố thí đứng đầu lục độ vạn hạnh. Nêu lên bố thí thì trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cho đến vạn hạnh đều chẳng được trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà tu. Chỗ này kinh văn nói đại lược, chỉ nêu bố thí để bao gồm mọi điều khác. Không trụ vào đâu để sanh cái tâm, không có tướng "ta, người, chúng sanh, thọ giả", tu hết thảy thiện pháp. Hãy nói xem: Những lời như vậy là có tướng hay không có tướng? Tướng quang minh rộng lớn như thế đầy lấp hư không mà lại bảo là không thì có khác gì kẻ mù từ lúc mới lọt lòng?

Nói "không một chúng sanh nào đắc độ, chẳng trụ tướng, vô tướng, không trụ vào đâu" là muốn cho con người chẳng vướng mắc vào tướng chấp trước dù phàm tình hay thánh kiến. Nói "độ tận chúng sanh, hành bố thí, sanh tâm, tu thiện pháp" là vì muốn cho con người xứng tánh tu tập pháp tự lợi, lợi tha, ngõ hầu cả mình lẫn người cùng được viên mãn Bồ-đề mới thôi. Chẳng nhìn thấy điều này, lầm lẫn chấp vô tướng là rốt ráo, chính là cùng một tri kiến với kẻ nhai bã hèm, há còn được gọi là người có trí tuệ sao? Sanh khởi lòng tin nào khó khăn gì, trừ khử nghi hoặc há khó khăn chi, mà ông quyết định chẳng khởi, quyết định chẳng trừ

khử? Dù Phật đích thân thuyết pháp cũng không thể làm gì được, huống chi bọn tôi là phàm phu sát đất!

Muốn biết Phật là giả hay thật thì sao không khởi tín đoạn nghi đối với những lý lẽ đã luận, đối với những sự việc đã chép trong Tịnh Độ Văn, Tây Quy Trực Chỉ[346]? Có nên cho những ngôn luận, sự tích ấy đều là bịa đặt, đồn thổi, chẳng đáng lọt vào mắt sao? Nếu thấy như vậy thì linh hồn quyết định chẳng đọa vào năm đường kia, chỉ đọa trong địa ngục A-tỳ đến tột cùng đời vị lai, sẽ hưởng mãi vạc sôi, lò than, rừng gươm, núi đao do tâm biến hiện ra, coi những cảnh đó giống như cảnh vui đủ mọi thứ thọ dụng vậy, không gì sánh ví được.

Cứ muốn biết Phật là giả hay thật, cho những gì Tịnh Độ Văn và Tây Quy Trực Chỉ đã nói đều chẳng phải thật, chỉ có điều gì mình đích thân thấy được, chứng được mới là thật thì nay tôi đem một sự hỏi ông, ông phải thẳng thắn đáp lời, chẳng được hàm hồ trả lời qua loa. Ông Vương Thiết San ở Bắc Thông Châu vào triều Thanh trước kia từng làm Phiên đài ở Quảng Tây. Khi ấy Quảng Tây rất nhiều thổ phỉ, lúc ông Vương coi việc binh ở tỉnh ấy, liền lập kế tiễu trừ phỉ đảng, giết hại rất nhiều. Bốn năm trước, ông mắc bệnh rất nặng, vừa chợp mắt bèn thấy mình ở trong nhà tối, cái nhà ấy rất to lại rất tối, quỷ vô số đều ùa tới bức bách, ông bèn hoảng kinh, thức dậy. Một lúc sau chợp mắt lại thấy cảnh như thế, lại kinh hãi tỉnh giấc. Suốt ba ngày đêm chẳng dám nhắm mắt, người đã thở thoi thóp. Nhân đó, vợ ông ta khuyên dụ: "Ông như vậy làm sao khá được? Ông niệm Nam-mô A-di-đà Phật đi, niệm Phật sẽ khỏe ngay!" Thiết San vừa nghe lời ấy bèn cố sức niệm, được một chốc bèn thiếp đi, ngủ được đẫy giấc, không còn thấy cảnh tượng gì nữa, bệnh cũng dần dần được lành. Do đó, ông ta ăn chay trường, niệm Phật. Năm trước, Thiết San và Trần Tích Châu có lên núi Phổ Đà đích thân kể chuyện này với Quang.

Nếu các hạ lâm vào cảnh ấy, có cần phải biết "Phật là thật hay giả" trước đã rồi mới chịu niệm, hay là vừa nghe bèn niệm liền? Nếu lúc ấy chẳng rảnh để xét xem "Phật là giả hay thật" rồi mới niệm thì nay sao lại xét ngôn luận sự tích của tiền nhân dạy người là giả hay thật, nhất loạt coi đó là vọng? Chỉ cầu lấy điều không chánh yếu, vin vào cái tâm cảnh lờ mờ mê man này để rồi phải khóc lóc sao? Phú quý còn có thể coi như chiếc giày rách, sao chẳng thể coi chấp trước này cũng giống như chiếc giày rách, bỏ cho hết sạch đi? Ông tưởng thứ tri kiến ấy là cửa ngõ để nhập đạo sao? Không biết nó chính là đường để đọa vào địa ngục

[346] Tịnh Độ Văn chính là Long Thư Tịnh Độ Văn, tác phẩm của ông Vương Nhật Hưu. Tây Quy Trực Chỉ là sách của ông Chu Mộng Nhan, được in trong bộ An Sĩ Toàn Thư.

A-tỳ đấy! Dùng mộng ví với Phật, vọng tâm là nhân, mộng cảnh là quả. Ví niệm Phật là nhân, vãng sanh thấy Phật là quả, há có nên lấy sáu thí dụ[347] trong kinh Kim Cang để làm chứng?

Phàm ngôn ngữ, văn tự thế gian tuy mỗi chữ là một sự, nhưng chẳng ngại gì cùng nêu lên cái cao quý lẫn cái hèn kém, cùng chỉ cả sự tốt lẫn điều xấu. Như một chữ tử, dùng để chỉ riêng mình Phu tử (tức Khổng tử) cũng được, mà dùng để chỉ một kẻ bình thường cũng được, mà dùng để chỉ con cái cũng được. Cần phải dựa vào văn cảnh để hiểu nghĩa, trọn chẳng thể giải thích Phu tử cũng có nghĩa là con cái. Cõi Phật là mộng cảnh đợi khi nào các hạ thành Phật hãy nói, bây giờ mà nói như vậy thì chỉ tổn hại chứ không ích lợi gì. Sự lý, tánh tướng, có không, nhân quả hỗn độn chẳng phân, chỉ nên học theo ngu phu, ngu phụ, cắm cúi niệm Phật, chí cung, chí kính, chỉ nên thành khẩn, lâu ngày chầy tháng, nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận, phước cao. Cái tâm nghi ấy triệt để rớt mất thì Phật có hay là không, chính mình có hay là không, đường nẻo vào cửa Phật, căn cứ đích xác nơi bờ kia, cần gì phải hỏi ai khác nữa. Nếu chẳng chuyên tâm dốc chí niệm Phật, chỉ hiểu đôi phần từ miệng người khác bàn bạc thì cũng giống như xem kinh Kim Cang nhưng chẳng biết thật tướng. Xem Tịnh Độ Văn, Tây Quy Trực Chỉ chẳng sanh tín tâm là do nghiệp chướng trong tâm nên chẳng thể lãnh hội, như kẻ mù nhìn mặt trời, cố nhiên mặt trời ở trên không, thấy được mặt trời là nhờ có mắt, kẻ không thấy quang minh và lúc chưa thấy không khác gì nhau, nếu mắt được sáng lại, vừa nhìn liền thấy tướng quang minh. Một pháp niệm Phật chính là pháp thiết yếu nhất để mắt được sáng lại, muốn thấy tướng quang minh hãy nên dốc cạn lòng thành nơi pháp này, ắt sẽ có lúc được thỏa nguyện điều mình ấp ủ.

Muốn đích thân thấy được chân ngã, mà chẳng phải là bậc đại triệt đại ngộ thì sẽ không thể nào thấy được, muốn chứng nhưng nếu chẳng đoạn hoặc chứng chân sẽ không thể nào được, muốn viên chứng mà tam hoặc[348] chẳng đoạn sạch, nhị tử[349] không vĩnh viễn mất thì sẽ không thể nào đạt được. Nếu luận về nơi chốn thì các hạ sẽ luân hồi bao kiếp dài lâu, cũng như những lời cật vấn trái lý hiện thời đều là nhờ vào sức của chân ngã để thực hiện; do trái nghịch giác, xuôi theo trần lao nên chẳng thể chân thật thọ dụng. Ví như cái đầu của chàng Diễn-nhã,

[347] Tức là lộ, điển, mộng, huyễn, bào, ảnh (sương đọng, ánh chớp, mộng, huyễn, bọt nước, hình bóng).
[348] Tam hoặc: kiến tư hoặc, trần sa hoặc và vô minh hoặc.
[349] Nhị tử: Phần đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử.

châu nơi vạt áo[350], từ đầu đến cuối chưa hề mất, lầm sanh sợ hãi, lầm chịu nghèo cùng. Người niệm Phật lâm chung được Phật tiếp dẫn, chính là chúng sanh và Phật cảm ứng đạo giao. Tuy chẳng lìa tưởng tâm, nhưng cũng chẳng được nói đó chỉ là tâm tưởng biến hiện, trọn chẳng có chuyện Phật - thánh nghênh tiếp. Tâm tạo địa ngục thì lúc lâm chung tướng địa ngục sẽ hiện, tâm tạo cõi Phật thì lúc lâm chung tướng cõi Phật sẽ hiện.

Nói "tướng tùy tâm hiện" thì được, còn bảo "chỉ có tâm không cảnh" thì chẳng thể được. "Chỉ có tâm không cảnh" thì phải là bậc Đại Giác Thế Tôn đã viên chứng duy tâm nói ra thì mới không mắc lỗi gì, nếu các hạ nói sẽ đọa vào đoạn diệt tri kiến thì sẽ là tà thuyết phá hoại pháp môn tu chứng của Như Lai, chẳng thể không thận trọng. Nếu mỗi điều đều nói cặn kẽ sẽ quá tốn bút mực, biết một điều sẽ suy được ba điều kia chẳng còn sót nghĩa nào!

131. Thư trả lời cư sĩ Tạ Thành Minh ở Tứ Xuyên

Vừa nhận được thư, biết Nho - Phật tâm pháp nơi quý địa do một vai ông gánh vác, mừng rỡ, vui sướng không chi bằng. Chuyện ông khen ngợi Bất Huệ gần như rớt vào kiểu cách khách sáo thế tục, khoe mắt cá quý hơn bảo châu, đúng là coi tấc gỗ trội hơn lầu cao khiến người thẹn thùng không chỗ lánh. Quang chỉ là một ông tăng tầm thường, không có pháp gì để tự dùng, thường ăn xin nơi cửa bậc trưởng giả đại phú, thấy những cơm thừa canh cặn bị vứt bỏ bèn nhặt lấy để tự nuôi thân. Ai không hiềm hôi chua thì cũng đem những thứ ấy trao lại. Từ Úy Như nghĩ những thứ ấy có ích cho người đói nên nhiều lần lưu truyền; tuy ý nghĩa có thể chấp nhận được, nhưng văn từ chẳng đáng xem, chẳng ngờ rốt cuộc làm bẩn mắt xanh của các hạ, cảm thấy hổ thẹn khôn xiết!

Bộ Văn Sao hèn tệ được in hai lần là vì mùa hè, Úy Như về cưu tang mẹ, rời Bắc Kinh, nhờ người bạn giảo chánh, đối chiếu, do người hiểu biết ấy không chú tâm, nên đến nỗi sai ngoa mấy mươi chỗ. Mùa xuân năm ngoái, Úy Như lại yêu cầu Thượng Hải Thương Vụ Ấn Thư Quán in soạn riêng và giữ lại bản lưu (lần này giảo chánh, đối chiếu khá kỹ càng), đến tháng Giêng mùa xuân năm nay in xong, in được hai ngàn bộ, chưa hết tháng Giêng đã bán sạch. Nhà in bận bịu nên chưa rảnh để in lần nữa. Về sau, do những người muốn thỉnh sách nhiều lần thôi

[350] Chàng Diễn-nhã trong kinh Lăng-nghiêm soi gương thấy đầu mình đâm ra hoảng sợ phát cuồng. Còn châu trong vạt áo là ví dụ trong kinh Pháp Hoa (phẩm thứ 8). Ví dụ này do 500 vị La-hán đã nói sau khi được Phật thọ ký: Gã nghèo đến chơi nhà bạn, ngủ say, bạn buộc châu vô giá vào trong áo để giúp cho khỏi bị đói nghèo, nhưng gã không biết, thân mang vật quý vô giá, nhưng vẫn phải làm thuê làm mướn vất vả kiếm sống.

thúc, nhà in bèn thừa dịp rảnh rỗi in trước một ngàn cuốn để cung ứng. Đợi sau này rảnh rỗi sẽ in nhiều hơn, nay kính dâng lên ông hai bộ, mong ông hãy xét duyệt. So với hai lần in ở Bắc Kinh, bản in lần này nhiều hơn ba mươi thiên. Trong bộ sách này, những ý chỉ "chánh tâm thành ý, dốc lòng thành, cạn lòng kính" cũng được phát huy đại lược hòng đối trị thói hướng ngoại mong cầu cũng như cái bệnh phóng túng không kiêng dè của người hiện thời, cũng có ích đôi chút cho người sơ học. Nếu bậc thông Tông, thông Giáo trông thấy không khỏi phát ói. Nhưng nếu quả thật họ ói sạch những thứ thức ăn nặng nề chẳng tiêu của Tông, của Giáo, thì những thứ cơm thừa canh cặn này cũng có thể bồi bổ nguyên khí, đợi khi nào sức lực sung túc sẽ lại dùng tiệc vua thì mới được lợi ích thật sự.

Ở Tứ Xuyên, nếu có những người chẳng hiềm hôi chua thì hãy nên thay cho chi nhánh Thương Vụ Ấn Thư Quán đại diện phát hành ở đó cũng được. Các pháp môn Luật, Giáo, Thiền, Tịnh, pháp nào hợp căn cơ ư? Hãy nên lắng lòng đọc kỹ Tịnh Độ Quyết Nghi Luận[351] sẽ tự biết đại khái, nay tôi chẳng viết kỹ. Còn như bảo dùng Phật pháp hỗ trợ đạo Nho, cùng hành hai pháp ngõ hầu hết thảy mọi người đối với pháp thế gian là chân Nho, đối với pháp xuất thế là chân Thích. Nếu là bậc đại thông gia thì Thiền Tịnh song tu, nhưng phải lấy Tịnh độ làm chánh. Nếu là hạng người bình thường, cũng bất tất phải nghiên cứu rộng rãi các kinh luận sâu xa, uyên áo, chỉ nên đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương là được rồi. Những người này chẳng bỏ nghiệp tại gia nhưng kiêm tu pháp xuất thế, tuy dường như là bình thường không kỳ lạ gì, nhưng lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Ấy là vì ngu phu, ngu phụ cắm cúi niệm Phật liền sẽ ngầm thông Phật trí, thầm hợp đạo mầu, so với những bậc đại thông gia dò đoán, suy lường, suốt ngày thần thức miệt mài trong vòng phân biệt, thì lợi ích càng nhiều hơn. Vì thế ngu phu, ngu phụ niệm Phật dễ được lợi ích, bậc đại thông gia nếu có thể buông xuống toàn thân, cũng dễ được lợi ích. Nếu chỉ suy lường nghĩa lý sẽ chẳng được lợi ích, trái lại còn thành bệnh, và có kẻ còn chưa được nói đã được, nhập vào bọn cuồng nữa kia.

Một pháp tham thiền chẳng phải là pháp con người hiện thời nên học, dù có học cũng chỉ thành tri kiến văn tự, quyết chẳng thể nhanh chóng sáng tỏ tự tâm,

[351] Tịnh Độ Quyết Nghi Luận là một bài viết về Tịnh độ của tổ Ấn Quang, được in trong quyển thứ hai của bộ Ấn Quang Văn Sao này. Tổ mượn lời pháp sư Mộ Liên ở núi Hồng Loa bàn định về giới hạn giữa Thiền và Tịnh.

đích thân thấy tự tánh. Vì sao vậy? Một là không có thiện tri thức đề trì[352], quyết trạch[353] cho, hai là kẻ học chẳng biết căn cội của thiền. Tuy gọi là tham thiền, nhưng thật ra là hiểu lầm. Trong những bài Tông Giáo Bất Nghi Hỗn Lạm Luận (luận về sự chẳng nên lẫn lộn giữa Tông và Giáo) và Tịnh Độ Quyết Nghi Luận, Quang đã chỉ bày đại khái. Con người hiện thời bất luận thượng, trung, hạ căn đều phải chuyên chú tận lực giữ vẹn luân thường, đề cao lòng kính, giữ lòng thành, tin sâu nhân quả, rộng hành các điều thiện, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Một pháp nhân quả chính là lò luyện lớn lao để nung phàm luyện thánh của thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian. Nếu thoạt đầu chẳng xét thấu nhân quả thì sau khi thông Tông, thông Giáo, vẫn còn có chuyện hiểu lầm nhân quả. Hễ hiểu lầm nhân quả thì đọa lạc ắt có phần, không do đâu siêu thăng được. Đừng cho lý này là thiển cận rồi coi thường, Như Lai thành Chánh giác, chúng sanh đọa tam đồ đều chẳng ra ngoài nhân quả.

Nhưng phàm phu tâm lượng nhỏ nhoi rất có thể sẽ chẳng lãnh hội được những chuyện đại nhân quả nói trong kinh, nên lấy chuyện nhân quả thế gian làm phương tiện để nhập vào sự thù thắng; như Văn Xương Âm Chất Văn, Thái Thượng Cảm Ứng Thiên v.v. (ở Trung Hoa Thư Cục có Cảm Ứng Thiên Vựng Biên là tác phẩm chú giải bậc nhất về Cảm Ứng Thiên từ xưa đến nay, văn và lý đều hay, có hai bản), hãy đọc nhuần, nghĩ kỹ rồi hành theo thì ai nấy đều có thể thành lương dân, ai nấy đều được liễu sanh thoát tử. Năm ngoái, Quang từng khắc An Sĩ Toàn Thư (trong Văn Sao có hai bài tựa, có thể biết được đại khái), tồn bản ở Dương Châu, các chỗ phát hành kinh đều có lưu thông, quả thật là một bộ sách quan trọng khiến cho đời yên dân lành vậy.

Niệm Phật chú trọng tại vãng sanh, niệm đến cùng cực cũng có thể minh tâm kiến tánh, chứ không phải niệm Phật hoàn toàn chẳng ích gì cho đời hiện tại. Xưa kia, thiền sư Minh Giáo Tung[354] công khóa mỗi ngày niệm mười vạn thánh hiệu Quán Âm, về sau đối với mọi kinh sách thế gian không cần đọc đều biết. Nên

[352] Đề trì: phương pháp của vị thầy trong nhà Thiền dùng để hướng dẫn học trò, tức là nhằm tiếp độ hàng hậu học, thầy bèn dùng những cử chỉ, hành vi, lời nói để phá sạch những kiến giải, ngã kiến sẵn có của trò, chỉ cho đường nẻo hướng thượng.

[353] Quyết trạch (nairvedhika): Nói đầy đủ là "quyết đoán giản trạch", tức là dùng *vô lậu thánh trí* để đoạn trừ dứt khoát (quyết đoán) các mối nghi, phân biệt chọn lựa (giản trạch) những gì phù hợp với tứ đế.

[354] Tức ngài Khiết Tung đời Tống. Sư là người Đàm Tân, Đằng Châu (nay là huyện Đằng, tỉnh Quảng Tây), thông suốt các nội ngoại điển tịch, có tài trước thuật. Năm Gia Hựu thứ 7 (1062) đời Tống Nhân Tông, sư soạn bộ Truyền Pháp Chánh Tông Ký. Phụ Giáo Thiên v.v. được nhập tạng, nên được vua ban hiệu là đại sư Minh Giáo.

xem Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục mới biết được sự hay khéo của việc niệm Phật, trong bộ Văn Sao dở tệ của Quang từng nhắc đến nhiều lần. Cư sĩ bảo niệm Phật là vô ích cho đời hiện tại tức là không những ông chưa thấu hiểu sâu xa các kinh luận Tịnh tông, mà đối với bộ Văn Sao của Quang cũng chỉ cưỡi ngựa xem đèn, chưa bỏ công đọc kỹ.

Luật không phải chỉ là những sự việc thuộc về mặt thô mà thôi, nếu chẳng chú trọng lòng kính, giữ lòng thành thì cũng là phạm luật, nhưng nhân quả là cốt lõi của luật; nếu ai không biết nhân quả và lầm lẫn nhân quả thì đều là phạm luật. Người niệm Phật khởi tâm động niệm thường hợp với Phật thì Luật, Giáo, Thiền, Tịnh cùng hành cả. Phải biết, hết thảy các pháp môn đức Như Lai đã dạy đều phải đoạn hoặc chứng chân mới hòng liễu sanh tử, trọn chẳng có chuyện hoặc nghiệp chưa đoạn mà được liễu thoát.

Riêng trong pháp môn niệm Phật, người đoạn hoặc vãng sanh sẽ mau chứng pháp thân; người còn đủ hoặc nghiệp vãng sanh cũng đã siêu lên địa vị thánh. Một đằng cậy vào tự lực, một đằng là nương theo Phật lực, lại kiêm tự lực. Hai đằng khó dễ, khác nào trời với vực. Thường có kẻ thông minh xem tràn lan sách Thiền, biết được mùi vị ấy bèn muốn lấy Thiền làm tánh mạng, muốn làm bậc cao nhân thông suốt, đấy đều là hạng chẳng biết căn cội của Thiền và Tịnh, lầm lạc tự cho mình là cao quý. Tri kiến như thế trọn chẳng thể nương theo! Nếu nương theo tri kiến ấy, sợ rằng dù trải qua số kiếp nhiều như bụi trần vẫn không có hy vọng gì được liễu sanh thoát tử. Mong hãy xem kỹ bộ Văn Sao của Quang ắt sẽ biết.

132. Thư gởi cư sĩ Ngô Bích Hoa

Tâm tánh của bọn ta giống hệt như Phật, chỉ do mê trái nên luân hồi chẳng ngơi. Như Lai thương xót, tùy cơ thuyết pháp, khiến cho khắp mọi hàm thức theo đường trở về nhà; pháp môn tuy nhiều, nhưng trọng yếu chỉ có hai, tức là Thiền và Tịnh liễu thoát dễ nhất. Thiền chỉ có tự lực, Tịnh kiêm Phật lực. So sánh hai pháp thì Tịnh khế cơ nhất, như người vượt biển, nhờ vào thuyền bè, mau đến được bờ kia, thân tâm thản nhiên. Chúng sanh đời mạt chỉ kham hành được pháp này, nếu không thì là trái cơ, nhọc nhằn nhưng khó thành. Phát đại Bồ-đề, sanh chân tín nguyện, suốt đời giữ vững, chỉ nghĩ đến Phật, niệm đến cùng cực, tình kiến mất sạch, tuy niệm mà vô niệm, diệu nghĩa Thiền giáo triệt để hiển hiện, đợi đến lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn, thẳng lên thượng phẩm, chứng Vô sanh

nhẫn. Có một bí quyết tha thiết bảo ban: "Cạn lòng thành, tận lòng kính", mầu nhiệm làm sao!

133. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ nhất)

Nói "ngoài việc trường trai niệm Phật ra, nên giữ quy luật", chính là tận sức hiếu với cha mẹ, hòa thuận cùng anh em, chuyên chú trọn hết luân thường, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, chẳng để lòng động niệm nơi tà vạy, hư ngụy, hễ làm việc cho người bèn trọn hết chức trách, gặp kẻ hữu duyên bèn khuyên lơn khiến cho nhập đạo. Những hành tướng ấy chẳng cần phải nêu ra hết, chỉ khuyên ông nên đọc Ấn Quang Văn Sao và An Sĩ Toàn Thư sẽ tự biết. Phải biết, làm đệ tử Phật, phàm những hành vi đều phải vượt trỗi những hành vi thế tục, thì chính mình mới hưởng lợi ích thật sự, khiến cho người ta trông vào thấy là thiện. Nếu miệng nói tu hành, tâm ôm ấp những điều bất thiện, đối với cha mẹ, anh em và hết thảy mọi người trên cõi đời chưa thể trọn hết bổn phận thì người như thế gọi là người thiện giả dối; nhân địa đã hư ngụy, làm sao đạt lợi ích thật sự cho được. Cái học của thánh hiền đều khởi đầu từ cách vật trí tri, thành ý chánh tâm, huống chi muốn liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh sao? Về "cách vật trí tri" nên xem bài tựa bản in lại cuốn chú giải Tứ Thư của ngài Ngẫu Ích và bài tựa sách Liễu Phàm Tứ Huấn của ông Viên Liễu Phàm[355].

Xưa kia, ông Bạch Cư Dị hỏi thiền sư Ô Khoa: "Thế nào là đại ý của Phật pháp?" Ngài Ô Khoa đáp: "Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện." Ông Bạch nói: "Hai câu ấy đứa trẻ lên ba cũng nói như thế được!" Ngài Ô Khoa nói: "Tuy đứa trẻ lên ba nói được, ông lão tám mươi làm không được!" Phải biết lời này chính là lời nói tổng quan thiết yếu cho hết thảy những ai học Phật pháp. Các điều ác, những điều thiện đều là từ tâm địa mà luận, chứ không chuyên chỉ về sự thực hành nơi mặt sự tướng mà thôi. Trong tâm địa trọn chẳng khởi ác thì toàn thể là thiện, niệm Phật như thế hơn công đức của người bình thường niệm Phật trăm ngàn vạn ức lần. Muốn được tâm địa "chỉ thiện không ác" thì trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, phải chú trọng lòng kính, giữ lòng thành như đối diện Phật, trời, mới hòng đạt được. Nếu tâm vừa phóng túng thì các ý niệm không đúng pháp sẽ theo nhau khởi lên.

134. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ hai)

[355] *Bài số 14 và 13 trong Văn Sao, Quyển 3*

Trong phần giải quyết mối nghi về *quyền, thật, tiệm, đốn* của sách Tây Phương Lộ (con đường Tây Phương), trước hết phải giảng rõ bốn chữ quyền, thật, tiệm, đốn; rồi mới luận đến niệm Phật, tham thiền là quyền, hay thật, là tiệm hay đốn thì mới trọn chẳng bị nghi ngờ nghĩa lý. "Quyền" có nghĩa là Như Lai thuận theo căn cơ của chúng sanh, bày ra phương tiện khéo léo; "thật" có nghĩa là Phật án theo những nghĩa chính tâm ngài đã chứng mà nói; "đốn" là chẳng cần theo thứ tự, thẳng tắt, mau chóng, hễ vượt khỏi liền chứng nhập ngay; "tiệm" nghĩa là dần dần tu cao lên, chứng nhập theo thứ tự, cần phải tốn nhiều đời nhiều kiếp mới có thể đích thân chứng được thật tướng.

Những kẻ tham thiền nói pháp tham thiền chính là pháp "chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành phật; do vậy, Thiền là thật, là đốn"; nhưng chẳng biết tham thiền dù có đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh mới chỉ là thấy được vị Phật lý tánh sẵn có trong tự tâm. Nếu là căn tánh đại Bồ-tát thì hễ ngộ bèn chứng, tự có thể vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, vượt thoát khỏi tam giới. Từ đấy, thượng cầu, hạ hóa, dùng đó làm nền tảng để trang nghiêm cả phước lẫn tuệ. Loại căn tánh này nếu luận trong số những người đại triệt đại ngộ thì cũng phải cả trăm ngàn người mới có được một hai. Nếu căn khí kém hơn, dù có thể diệu ngộ, nhưng kiến tư phiền não chưa thể đoạn trừ thì vẫn ở trong tam giới chịu sống, chịu chết. Đã bị sống chết thì từ ngộ thành mê sẽ nhiều, từ ngộ vào ngộ hiếm lắm!

Do vậy, tuy pháp này là thật, là đốn, nhưng nếu không đúng người cũng sẽ chẳng được hưởng lợi ích thật sự nơi thật, nơi đốn, vẫn trở thành pháp quyền tiệm mà thôi. Vì cớ sao? Do cậy vào tự lực. Nếu tự lực mười phần đầy đủ thì còn may mắn nào hơn, hễ kém khuyết một chút sẽ chỉ ngộ được lý tánh, chẳng thể đích thân chứng được lý tánh. Ngày nay, kẻ đại triệt đại ngộ còn khó kiếm được, huống gì người chứng được điều họ đã ngộ.

Một pháp niệm Phật thông trên thấu dưới, vừa là quyền vừa là thật, vừa tiệm vừa đốn, chẳng thể phê phán bằng giáo lý thông thường. Trên đến Đẳng giác Bồ-tát, dưới đến chủng tánh A-tỳ đều nên tu tập (đây gọi là "thông trên thấu dưới" vậy). Như Lai vì chúng sanh thuyết pháp, chỉ muốn cho hết thảy chúng sanh liễu sanh thoát tử, các pháp môn khác bậc thượng căn có thể giải quyết ngay trong một đời này, kẻ hạ căn bao kiếp vẫn khó thành được. Chỉ có mình pháp này, bất luận căn tánh nào, đều vãng sanh Tây Phương, liễu được sanh tử ngay trong đời này. Thẳng chóng như thế đó, há gọi là Tiệm được sao?

Tuy có căn cơ nhưng chẳng phải là loại căn cơ như trong những pháp viên đốn thông thường nên có vẻ giống như tiệm. Nhưng oai lực của pháp môn này

nằm ở chỗ thệ nguyện của Như Lai khiến cho những căn tánh hèn kém mau được đại lợi ích, lợi ích ấy hoàn toàn do cậy vào Phật từ lực. Phàm những kẻ giảng thiền, nếu chưa nghiên cứu Tịnh tông, không ai chẳng miệt thị Tịnh độ là thiển cận. Nếu nghiên cứu Tịnh tông sâu xa, ắt sẽ tận tâm kiệt lực hoằng dương, há còn chấp trước vào những biện luận sai lầm quyền, thật, tiệm, đốn để tự lầm, lầm người nữa sao?

Niệm Phật phải khéo phát tâm, tâm là chủ của sự tu trì. Nếu hợp với tứ hoằng thệ nguyện thì niệm một câu Phật hiệu, làm một chuyện lành, công đức vô lượng, vô biên. Huống chi ba nghiệp thân khẩu ý luôn chú trọng lấy niệm Phật để lợi sanh. Nếu tâm chỉ cầu tự lợi, chẳng muốn lợi người, tuy làm nhiều việc, nhưng đạt được công đức rất ít; huống chi lại đèo thêm ý niệm khuynh loát người, hại người, cũng như cái tâm khoác lác, tự kiêu thì cái tâm niệm Phật, điều thiện đã làm ấy cũng chẳng phải hoàn toàn là không có công đức gì, nhưng thật ra trong trăm ngàn vạn ức phần chỉ đạt được một phần, hay nửa phần, nhưng cái lỗi ác niệm cũng chẳng nhỏ nhoi đâu. Vì vậy, người tu hành đều phải khéo phát tâm, chứ không riêng gì người niệm Phật.

Nếu ước theo thật nghĩa rốt ráo để nạn (nạn nghĩa là cật vấn) chuyện lấy bỏ, thì tức là chẳng biết "rốt ráo không lấy không bỏ" chính là chuyện sau khi đã thành Phật. Nếu chưa thành Phật thì trong khi ấy, đoạn hoặc chứng chân đều thuộc về lấy bỏ. Đã chấp nhận đoạn hoặc chứng chân là lấy bỏ thì sao không chấp nhận chuyện lấy bỏ trong việc bỏ Đông, lấy Tây, lìa cấu lấy tịnh? Nếu trong pháp tham thiền, lấy bỏ đều sai, thì trong pháp niệm Phật lấy bỏ lại đều là đúng. Bởi một đằng chuyên suy xét tự tâm, một đằng kiêm nhờ Phật lực. Những người chẳng xét đến duyên do của pháp môn, lầm lẫn dùng pháp tham thiền để phá pháp niệm Phật, tức là dùng sai ý nghĩa.

Chuyện không lấy bỏ vốn là đề-hồ, nhưng người muốn niệm Phật cũng chẳng lấy bỏ thì lại thành độc dược. Mùa hạ mặc áo mỏng, mùa đông mặc áo cừu, khát uống, đói ăn, chẳng thể trái nghịch mà cũng chẳng thể cố chấp, chỉ chọn lấy những gì thích nghi sẽ có lợi ích không gì tệ hại. Chỉ mong ông dốc sức trọn hết luân thường, chuyên chí niệm Phật, nếu còn sức thì đối với cha mẹ, anh em, vợ con, bằng hữu v.v. tùy phần tùy sức khuyên dạy, ngõ hầu họ đều cùng được lợi ích nơi niệm Phật để khỏi uổng dịp gặp gỡ trong kiếp sống này.

135. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ ba)

Phó Đại Sĩ Ngữ Lục[356] sai ngoa không biết bao nhiêu mà kể, lại thêm những bài kệ tụng trong ấy đa phần đề xướng Thiền tông, sợ ông không đủ học thức, nếu không nghi Đại sĩ nói sai cũng sẽ dựa theo ý kiến của chính mình hiểu lầm ý ngài thì tội lỗi vô lượng. Hãy nên đưa cho bậc thông gia coi, còn ông ngàn vạn lần chớ nên xem! Nếu muốn coi thì đợi đến năm sau, pháp sư Hưng Từ khắc ván in lần thứ hai xong, mới lại thỉnh về coi. Thoạt đầu, pháp sư Hưng Từ được bản này bèn giám định, khắc bản, năm ngoái gởi cho Quang một bộ. Quang lắng lòng giảo chánh, khuyên thầy ấy khắc bản khác. Thầy ấy định năm sau mới in, bản này đáng nên đọc kỹ nhiều lần.

[356] Tác phẩm gồm bốn quyển, do ngài Lâu Dĩnh triều Đường biên tập kể về hành trạng của Phó Hấp (497-569). Bộ sách này còn có tên là Thiện Huệ Đại Sĩ Ngữ Lục, hoặc Thiện Huệ Đại Sĩ Lục, được xếp vào tập 120 của *Vạn tự tục tạng kinh*. Nội dung gồm những pháp ngữ, hành trạng và thi ca do Phó Hấp sáng tác, cũng như những lời vấn đáp về đạo giữa người tham học và Phó Hấp. Nguyên tác phẩm này gồm tám quyển, đến đời năm Thiệu Hưng 13 (1143) đời Tống, Lâu Chiểu san định, lược bỏ những chỗ rườm rà, sai sót, thâu gọn thành bốn quyển. Phó Hấp (497-569) là một vị tôn túc trong Thiền tông đời Lương Nam Triều, người huyện Đông Dương (nay thuộc Nghĩa Ô, tỉnh Chiết Giang), tự là Huyền Phong, hiệu là Thiện Huệ. Còn được gọi là đại sĩ Thiện Huệ, đại sĩ Ngư Hành, đại sĩ Phó, đại sĩ Đông Dương v.v.. Cùng với ngài Bảo Chí, được đời xưng tụng là "hai vị đại sĩ đời Lương" (Lương đại nhị đại sĩ). Ngài thường cùng người bắt cá, mỗi khi bắt cá bèn bỏ vào giỏ tre, nhúng xuống chỗ nước sâu, bảo: "Muốn đi thì đi, muốn ở thì ở." Người khi ấy cho ngài là kẻ ngu. Năm 16 tuổi, lấy bà Lưu Diệu Quang, sanh được hai con là Phổ Kiến, Phổ Thành. Năm 24 tuổi, đang bắt cá bên sông, chợt gặp đầu đà Hồ Tăng Tung (tức tổ Đạt-ma) bèn vứt bỏ đồ bắt cá, vào dựng am ở Tùng Sơn thuộc huyện Ô Thương, tự xưng là Song Lâm Thụ Hạ Đương Lai Giải Thoát Thiện Huệ Đại Sĩ, tự cho biết mình từ trời Đâu-suất xuống giảng kinh thuyết pháp. Ban ngày làm lụng, ban đêm kinh hành, khổ hạnh bảy năm, tự bảo đã đắc Thủ-lăng-nghiêm Định, người theo về học đông dần. Năm Đại Thông thứ sáu (534), đời Lương Võ Đế, ông sai đệ tử dâng lên vua ba thiên sách. Tháng 12 nhuận năm ấy, vua truyền nhập cung, giảng kinh tại Trùng Vân Điện, vua đích thân đến nghe. Mọi người thấy vua đến đều đứng lên, riêng ngài ngồi im bất động. Quần thần bắt bẻ, ngài đáp: "Pháp địa nếu động, hết thảy bất an." Tháng Tư năm Đại Đồng nguyên niên (535) lại trở về Tung Sơn. Năm Đại Đồng thứ năm, lại vào Thọ Quang Điện giảng chân đế cho vua nghe, dâng bài kệ. Năm Đại Đồng thứ sáu, ngài dựng điện Phật tại Tùng Sơn, xây tháp gạch chín tầng, chép kinh luật hơn ngàn quyển. Năm Đại Đồng thứ bảy, tự xưng là một trong ngàn vị Phật ở Hiền kiếp. Năm Thái Thanh thứ hai (549) muốn thiêu thân cúng dường tam bảo, đệ tử van nài, có đến 19 người xin thiêu thân thế thầy, ngài bèn thôi. Đồ chúng tại gia của Phó Hấp rất đông, ngài thường hay suất lãnh đồ chúng thiêu ngón tay đốt cánh tay cúng dường Phật, tổ chức pháp hội tụng Pháp Hoa 21 lần, nhiều lần tổ chức Vô Giá Hội. Ngoài ra, ngài còn có chỗ phát huy độc đáo về giáo thuyết Nhất Tâm Tam Quán của tông Thiên Thai, đề xướng thuyết Tam Quán Nhất Tâm Tứ Vận. Tháng Tư năm Thái Kiến nguyên niên (569) đời Trần, dặn dò đệ tử xong, ngài ngồi kiết già tịch diệt. Đệ tử làm lễ trà-tỳ trên đảnh núi Song Lâm, đặt hiệu cho thầy là Di-lặc Hạ Sanh. Những trước tác của ngài gồm có Vương Tâm Minh, Ngữ Lục bốn quyển, Hoàn Nguyên Thi v.v..

Sách Hộ Pháp Lục[357] rất hay, nhưng không chuyên chú Tịnh độ, những chỗ sách ấy bàn về Thiền chớ nên hiểu sai, nhưng đọc đến lời hay hạnh đẹp của bậc cao tăng sẽ trưởng dưỡng thiện căn. Đối với Vãng Sanh Luận Chú[358] nên chiếu theo những gì Quang đã chỉ bày, có chiếu theo được hay chưa? Cuốn sách này cả văn lẫn lý đều thật tuyệt, hãy nên đọc kỹ.

Cái tâm vọng tưởng của ông ngập trời trùm đất, không biết lắng lòng niệm Phật, có thể nói là "hướng ngoại rong ruổi tìm cầu, chẳng biết phản chiếu hồi quang". Học Phật như thế rất khó được lợi ích thật sự! Mạnh tử nói: "Đạo học vấn chẳng có gì khác, cầu sao buông được cái tâm mà thôi!" Ông học Phật mà chẳng biết lắng lòng niệm Phật, đối với Nho giáo còn chưa thật sự tuân thủ, huống gì đối với Phật giáo là pháp thật sự lắng lòng ư? Quán Thế Âm Bồ-tát xoay trở lại nghe nơi tự tánh, Đại Thế Chí Bồ-tát nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, kinh Kim Cang không trụ vào đâu để sanh tâm, chẳng trụ vào *sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp* để hành bố thí, cho đến vạn hạnh; Tâm kinh "soi thấy năm Uẩn đều không" đều nhằm dạy cho con người diệu pháp "từ cảnh biết được tâm" vậy. Nếu cứ một mực muốn xem rộng khắp hết thảy thì sẽ không có lợi ích gì. Hễ nghiệp chướng chưa tiêu, sẽ chưa đạt lợi ích ấy, mà trước hết còn bị mắc bệnh.

136. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ tư)

Những sách của ngài Vĩnh Minh có sách nào không hợp? Ông hãy nên nghiêm túc niệm Phật. Một cuốn sách Tịnh Độ Thập Yếu xem nhiều lần là đủ rồi, những thứ khác đợi đến khi nào tài trí có thừa hãy thỉnh về mà đọc cũng chẳng trễ tràng đâu. Niềm vui niệm Phật chỉ người thật sự niệm Phật tự biết, nhưng cần phải chí thành khẩn thiết, nhiếp tâm mà niệm, chẳng được chấp trước cảnh tướng bên ngoài. Nếu không, tâm địa chẳng thông, quán đạo chẳng rành, ma cảnh hiện tiền cũng chẳng hiểu rõ thì tệ lắm. Hãy nhớ lấy, nhớ lấy nhé!

Nay những người thật sự hoằng dương Tịnh độ thật khó có ai, nếu đổi ý niệm "tham học với khắp các tri thức" thành "nhất tâm niệm Phật" thì lợi ích lớn lao

---

[357] Hộ Pháp Lục gồm mười quyển, do ngài Tống Liêm soạn vào đời Minh, Tiền Ích Khiêm giảo đính. Tống Liêm đã từng đọc hết Đại tạng kinh ba lần, là một bậc thâm Nho đa văn. Tác phẩm này bao gồm những bài nói về hộ trì tam bảo trích từ cuốn Kim Hoa Văn Tập của chính ông, kèm thêm những bài minh, bài bia, bài ký, bài tựa, cáo, tán, tụng, kệ, thuyết, đề bạt do ông ta soạn.

[358] Tác phẩm gồm hai quyển do ngài Đàm Loan thời Bắc Ngụy soạn, nhằm chú giải bộ Vãng Sanh Luận của ngài Thế Thân soạn. Bộ luận này nguyên mang tên là Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyện Sanh Kệ.

lắm! Nếu không, sẽ thành ra nhọc nhằn, bôn ba mà thôi. Nên thỉnh giáo nhiều ở chỗ pháp sư Đế (ngài Đế Nhàn), những người khác Quang không biết. An Sĩ Toàn Thư đứng đầu các thiện thư xưa nay, hãy nên khắc in phổ biến lưu truyền, nhờ đó vãn hồi thế đạo nhân tâm. May là cư sĩ Vưu Tích Âm đã cực lực chuyên lo quảng cáo, khuyên khắp mọi người in tặng, nhân đó cho làm ra bốn khuôn in, tính in hai mươi, ba mươi vạn bộ, ngõ hầu những chỗ quan trọng thuộc 2.041 huyện trong toàn quốc và những người quan trọng đều được xem đến, về sau sẽ càng lưu thông phổ biến xa rộng hơn nữa. Nhưng thành sự tại trời, chẳng cần phải tính trước, chỉ lấy chuyện cứu quốc cứu dân làm trọng, tận lực mà làm đó thôi!

Niệm Phật chẳng thể thuần nhất thì phải chế ngự tâm chẳng cho nó đuổi theo bên ngoài, lâu dần sẽ tự có thể thuần nhất, "thành phiến" là thuần nhất không tạp. Đại trượng phu nếu như văn chương trùm lấp thiên hạ, công nghiệp rền vang vũ trụ, nhưng không thể đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử là vì chấp vào cái bên ngoài, bỏ phế cái bên trong, chấp vào cái ngọn hữu vi, bỏ sót cái gốc vô vi. Người thế gian ai có thể vẹn toàn mọi điều, chúng ta chỉ giữ lấy chuyện trọn hết luân thường, tận lực tu tịnh nghiệp mà thôi, cần gì phải tính toán chi khác nữa!

137. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ năm)

Lúc niệm Phật, ai nấy hãy cốt sao thích hợp với mình. Nay niệm Phật đường trong các tùng lâm đều trước hết niệm kinh Di-đà, tụng kinh xong, niệm chú Vãng Sanh ba biến hoặc một biến, sau đó mới cử bài kệ tán Phật, niệm kệ xong, niệm tiếp "Nam-mô thế giới Tây Phương Cực Lạc đại từ đại bi A-di-đà Phật", liền vừa đi nhiễu vừa niệm. Phải đi nhiễu từ Đông qua Nam, qua Tây rồi lên Bắc, đó là thuận chiều, là tùy hỷ. Nhiễu theo chiều thuận có công đức, Tây Vực coi trọng nhất là đi nhiễu quanh. Phương này (Trung Hoa) cũng thực hiện chuyện đi nhiễu cùng với lễ bái. Nếu đi từ Đông sang Bắc, đến Tây, đến Nam là đi nhiễu ngược chiều, có tội lỗi, chẳng thể không biết. Nhiễu niệm một nửa thời gian rồi ngồi niệm thầm ước chừng một khắc, lại niệm ra tiếng. Niệm xong lại quỳ niệm Phật mười tiếng, Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng mỗi danh hiệu ba lượt, sau đó niệm bài văn phát nguyện. Người tại gia sợ rằng thất nhỏ khó đi nhiễu thì đứng, quỳ, ngồi niệm, đều án theo tinh thần mà định, đúng là chẳng cần cậy người khác lập pháp tắc cho mình.

Niệm nhưng không niệm, vô niệm mà niệm, niệm đến lúc tương ứng thì tuy thường niệm Phật, nhưng trọn chẳng có tướng khởi tâm động niệm (trước lúc tương ứng, chẳng khởi tâm động niệm để niệm thì sẽ không có niệm). Tuy chẳng

khởi tâm động niệm, nhưng một câu Phật hiệu thường luôn xưng niệm, hoặc ức niệm, vì thế nói "niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm". Chớ hiểu "vô niệm" là không niệm, "vô niệm mà niệm" nghĩa là không có cái tướng khởi tâm động niệm để niệm, nhưng vẫn niệm niệm không gián đoạn, cảnh giới này thật chẳng dễ đạt được, chớ có hiểu sai! Pháp quán tưởng tuy hay, nhưng phải biết rõ tượng Phật ta thấy được vốn thuộc về duy tâm sở hiện, nếu cho đó là cảnh bên ngoài sẽ rất có thể bị ma dựa phát cuồng, không thể không biết điều này. "Duy tâm sở hiện" là tuy những hình tướng ấy rành rành phân minh, nhưng quả thật chẳng phải là vật cụ thể, nếu nghĩ là cảnh bên ngoài, coi nó là thật có thì liền thành ma cảnh. Nhắm mắt hay mở mắt cứ thuận tiện là được.

Kiêm trì thánh hiệu Quán Thế Âm đáng là pháp để nương tựa, hết thảy mọi người đều nên tu như thế. Lúc làm lụng chẳng thể "niệm đâu chú tâm vào đó" là vì chưa đạt đến cảnh giới nhất tâm bất loạn nên tâm không thể dùng vào hai việc cùng một lúc được, khó tránh khỏi bị gián đoạn. Nếu có thể thường giữ được sự giác chiếu thì không trở ngại gì. Con người ai nấy nên tuân thủ bổn phận, ông trên còn có bà nội, có cha mẹ, dưới có em nhỏ, vợ con, nhưng công việc cực nhàn, dễ dàng tu trì nhất, chẳng thể chân thật, khẩn thiết dụng công trong cảnh ấy lại vọng động mong muốn xuất gia tu hành. Nếu xuất gia thì ông có được cơ duyên tốt như thế để chuyên tâm tu đạo hay chăng? Ông chẳng biết xuất gia có công chuyện xuất gia, ai mà có thể việc gì cũng chẳng cần phải ngó ngàng tới? Ngay như Quang trọn chẳng có chuyện gì mà cũng gần như bận bịu quanh năm, chẳng rảnh rỗi để chuyên tâm niệm Phật, huống gì những người khác? Mong hãy tùy phận, tùy lực tu trì, chớ mong tưởng chuyện ngoài bổn phận thì may mắn lắm!

138. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ sáu)

Người tu hành phải lắng lòng tịnh dưỡng, ông tên là Tịnh Am, sao chẳng nghĩ đến ý nghĩa của cái tên ấy, cứ một mực vô sự bày ra chuyện, khiến cho hết thảy mọi người chán nhàm, tự mình bụng dạ chương phềnh, chóng mặt, mệt trí, lại chẳng biết tự giữ sức khỏe, đến nỗi thổ huyết. Nhẹ thì sẽ thành bệnh dây dưa, nếu nặng thì ắt đến nỗi tổn mạng, đâm ra khiến cho người ta nói: "Ông học Phật tu hành chẳng những vô ích mà còn bị tổn hại." Từ đó, những kẻ vô tri bèn chê Phật pháp sai trái; nhân đấy, phỉ báng, ngăn trở, đoạn mất thiện căn của người, chứ họ đâu biết là vì ông chẳng y theo lời Phật dạy để tu hành nên mới bị như thế. Ông phải tự biết tốt xấu!

Tu hành chuyện gì phải tận hết sức mình, ngầm tu thầm khế hợp thì mới nên. Bệnh của ông là do chính ông tự chuốc lấy, nói gì bây giờ? Hãy gấp gáp sửa lỗi, nhiếp tâm niệm Phật, ngay cả kinh cũng tạm thời chẳng nên xem, một hai tháng sau bèn được phục hồi. Nếu không, bèn tuyệt giao, ngày sau gặp nhau, đối đãi với nhau như người đi trên đường thấy nhau mà thôi.

139. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ bảy)

Danh để biểu thị cái thực, có danh có thực cũng chẳng lấy làm vinh, vì sao? Vì thuộc về bổn phận. Không có thật mà được danh thì còn gì nhục bằng! Huống hồ muốn phô trương dấy động cho người ta nghe biết, ắt phải đăng trên khắp báo chí; kẻ nào phô phang như thế, ắt phải nghi ngờ, đoán định kẻ ấy là kẻ dối đời trộm danh vậy. Ông chỉ biết một, chẳng biết đến hai, do vậy không thể không bảo rõ một lần nữa. Ông tín tâm khá sâu, nhưng ưa phô phang, ham giao du, ham kết giao, quả thật là đại chướng ngại cho việc tu hành. Ông mới hơn 20 tuổi mà đã kết giao như thế, sau này lúc học Phật thông suốt rồi, suốt ngày sẽ chẳng thể rảnh rỗi. Mong ông hãy náu mình ẩn tiếng, ắt được lợi ích vô lượng, hãy coi chừng!

140. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ tám)

Đã nhiều lần răn nhắc ông nên náu mình, kín tiếng, nhất tâm niệm Phật, nhưng rốt cuộc vẫn không chịu buông xuống thói quen phô phang, Hiển Ấm đã đem bản thảo ghi những chuyện đã biết cho đăng trên tờ Hải Triều Âm, đó đã là chuyện không thông hiểu sự việc, ông lại lấy làm đắc ý, chẳng phải là cũng chỉ nhằm cầu danh hay sao? Việc quyên góp in Ấn Quang Văn Sao nên dừng lại, vì chưa phải là lúc ông nên làm chuyện đó, hãy nên lắng lòng niệm Phật, đừng cầu đọc rộng khắp. Lệnh nội[359] đã phát tâm quy y, tôi bèn đặt pháp danh là Khế Tịnh, tên ấy có nghĩa là tuy hiện thời chưa có công phu, nhưng đến lúc rảnh sẽ hành. Những câu hỏi trong phần sau của thư ông quả thật đều là những chuyện thiết yếu, chỉ vì ông chẳng lắng lòng niệm Phật nên vẫn ngẩn ngơ chẳng biết đi về đâu. Ông hãy nên nghiêm túc niệm Phật, lâu dần ắt tự biết, không cần ai bảo cho nữa! Lệnh nội đã quy y, nên khiến cho bà ta tâm y theo lời Phật, trừ khử tập khí nữ nhân, ngõ hầu được đại lợi ích. Y theo lời Phật chính là nương vào tứ hoằng thệ nguyện, và đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Tuy chưa phải là bổn phận của bà ta, nhưng cố nhiên phải nên phát cái tâm lợi mình lợi người; trừ khử tập khí nữ nhân, đừng chăm chút trang điểm, đừng ôm lòng dua vạy, đối với người trưởng thượng,

[359] Lệnh nội: Tiếng gọi tỏ vẻ kính trọng vợ người khác.

hoặc kẻ ngang hàng đều tận hiếu, tận tình hòa thuận, như thế mới chẳng thẹn là đệ tử Phật vậy!

141. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ chín)

Tiện Mông Sao[360] là tác phẩm được soạn bởi pháp sư Mộ Liên ở núi Hồng Loa vào năm cuối triều Đạo Quang, Tịnh Độ Quyết Nghi Luận đặc biệt mượn giọng điệu của ngài để phát khởi. Năm Dân Quốc thứ ba (1914), ông Địch Sở Thanh gởi thư bảo tôi viết bài luận ấy để đóng góp tài liệu cho Phật Học Tùng Báo. Quang trước đó đã không muốn dùng cái tên Ấn Quang, nên bèn mượn tên ngài, dưới tựa đề ghi rằng "Di cảo của pháp sư Hồng Loa Sơn Mộ Liên, Vân Thủy Tăng Thường Tàm[361] sao chép"; đến khi gởi cho ông Mạnh Do thì đề là "mượn khẩu khí của pháp sư Mộ Liên ở Hồng Loa". Khi ông Úy Như ấn hành, cả hai thứ tiêu đề ấy đều bị lược bỏ mất, nên ông mới nghi Ấn Quang đã từng soạn sách ấy; trước kia đã hỏi, nay trình bày rõ.

Tâm vốn không có hình tượng, nhưng sâm la vạn tượng đều do tâm hiện, tâm vốn không có pháp (pháp là sự, phàm những gì có thể gọi tên đều gọi chung là "pháp"), nhưng hết thảy các pháp đều do tâm hiển hiện. Vì thế, mới nói: "Không có hình tượng nhưng là chủ của muôn hình tượng, không có pháp nhưng là tông của các pháp" *(*tông có nghĩa là quy thú (hướng về), như sông ngòi chảy xuôi về biển; tông lại có nghĩa là chủ thể, bởi các pháp không pháp nào chẳng lấy tâm làm thể vậy), chúng sanh và Phật đồng thể, nào có sai biệt. Nếu sai biệt sao gọi là "đồng" được! Ông lẫn lộn tướng, dụng với thể, nên mới hỏi câu ấy.

Chúng sanh và Phật về thể vốn không hai, chỗ bất đồng chính là mê ngộ, thuận nghịch nơi tướng và dụng của thể. Chúng sanh mê nghịch đối với thể, còn Phật, Bồ-tát ngộ thuận theo thể; mê ngộ, thuận nghịch nơi tướng và dụng bèn thành khác biệt một trời một vực. Ngài Phổ Hiền dùng mười đại nguyện vương khuyến tấn Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng, hãy nên xem phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện sẽ tự biết, trong bộ Văn Sao của Quang chỗ nào cũng nói đến điều này, sao chẳng lãnh hội? Về bốn cõi của Cực Lạc thì kẻ mang nghiệp vãng sanh sống trong cõi Phàm thánh đồng cư, người đã đoạn kiến tư hoặc sống trong cõi Phương tiện,

[360] Tức cuốn Phật Thuyết A-di-đà Kinh Yếu Giải Tiện Mông Sao của pháp sư Đạt Mặc (chỉ biết sư có hiệu là Mộ Liên, chưa rõ sự tích). Tác phẩm này nhằm chú giải đại lược cuốn A-di-đà Kinh Yếu Giải của tổ Ngẫu Ích. Tác phẩm này nằm trong Vạn tục tạng, mang số thứ tự 875, tập 91.

[361] Thường Tàm (thường hổ thẹn) là một biệt hiệu khác của tổ Ấn Quang.

người phá được vô minh sống trong cõi Thật báo, người đoạn sạch vô minh sống trong cõi Tịch quang.

Thêm nữa, cõi Thật báo là ước trên quả báo cảm được mà nói, Tịch quang là ước trên lý tánh chứng được mà nói, vốn cùng là một cõi, nhưng giảng như thế để cho người ta dễ hiểu. Do vậy, kẻ phần chứng thuộc về Thật báo, còn người mãn chứng thuộc về Tịch quang, chứ thật ra trong hai cõi đều có phần chứng và mãn chứng. Trong Văn Sao cũng nói cặn kẽ điều này. Cõi Đồng cư tuy có đủ ba cõi kia, nhưng người chưa đoạn hoặc chỉ thọ dụng được cảnh của Đồng cư. Tuy là người mang nghiệp vãng sanh nhưng chẳng thể gọi là phàm phu, bởi họ đã đều đắc ba thứ bất thoái. Đây chính là lý luận thông thường, muốn so sánh với sở chứng của người được vãng sanh Cực Lạc thì cứ đọc kỹ sẽ tự biết.

Sự trì là tin có Phật A-di-đà ở Tây Phương, tuy chưa đạt "tâm này làm Phật, tâm này là Phật", nhưng quyết chí cầu sanh như con nhớ mẹ, không lúc nào tạm quên, đây là chưa đạt lý tánh nhưng chỉ tu trì theo mặt sự. Lý trì là tin Tây Phương A-di-đà Phật tâm ta sẵn có đủ, do tâm ta tạo, tâm có đủ nghĩa là tâm ta vốn sẵn đủ lý ấy; tâm tạo là nương vào lý "tâm có đủ" ấy để khởi tu, thì lý ấy mới hiển hiện, do vậy gọi là tạo. Tâm có đủ chính là lý thể, tâm tạo chính là sự tu. Tâm có đủ chính là tâm này là Phật, tâm tạo chính là tâm này làm Phật. Tâm này làm Phật bèn xứng tánh khởi tu, tâm này là Phật bèn toàn tu nơi tánh. Tu đức hữu công, tánh đức mới hiển, tuy ngộ lý nhưng vẫn chẳng phế sự thì mới là chân tu. Nếu không, bèn rớt vào tri kiến cuồng vọng chấp lý phế sự. Do vậy mới nói: "Dùng cái hồng danh tự tâm sẵn đủ, do tâm tạo ra, để buộc tâm nơi cảnh, chẳng để cho tạm quên mất." Giải pháp này thiên cổ chưa từng có, quả thật là khế lý lẫn khế cơ, lý sự viên dung, chẳng phải là bậc Pháp thân đại sĩ, ai có thể đạt đến điều này?

Vì sự trì dẫu chưa ngộ lý nhưng há có thể ra ngoài lý được ư? Bất quá là hành nhân chưa thể viên ngộ tự tâm, hễ đã ngộ thì sự chính là lý, há nào phải cái lý được ngộ chẳng nằm trong sự? Lý chẳng lìa sự, sự chẳng lìa lý, lý sự không hai. Như thân và tâm con người, cả hai thứ cùng sử dụng một lúc, trọn chẳng hề có chuyện thân và tâm đây kia tách rời nhau, người đã đạt dù có muốn chẳng dung hợp cũng không được. Còn tri kiến cuồng vọng chấp lý phế sự thì chẳng thể dung hợp được. Toàn chân thành vọng, toàn bộ vọng chính là chân, do giống như toàn thể nước biến thành sóng, toàn thể sóng chính là nước. Nước là tướng tịnh, sóng là tướng động, động tịnh tuy khác, tánh ướt vốn đồng, suốt ngày tùy duyên nhưng suốt ngày bất biến, suốt ngày bất biến nhưng suốt ngày tùy duyên.

Giống như hư không trọn chẳng có các tướng, nhưng mây đùn bèn tối, mặt trời chiếu bèn sáng tỏ. Bụi do gió thổi dậy nên bẩn thỉu, bụi do mưa gột bèn sạch sẽ. Hư không là bất biến, chẳng ngại tùy thuận các duyên, thành ra sáng tối, trong đục. Tuy là sáng tối, trong đục khác nhau, nhưng bản thể của hư không trọn chẳng biến đổi. Hiểu rõ điều này sẽ tùy thuận cái duyên ngộ tịnh để tạo cõi Phật sẵn có trong tự tâm, bỏ cái duyên mê nhiễm để diệt sáu cõi và tam giới huyễn hiện trong chính cái tâm này (đây chính là ước theo mười pháp giới mà nói, nên bảo lục đạo là sáu cõi và tam thừa là ba cõi, chớ nên hiểu lầm). Tâm này trọn khắp thường hằng, hệt như hư không, chúng ta do mê nhiễm nên khởi các chấp trước, ví như hư không bị vật ngăn ngại nên chẳng thể trọn khắp, chẳng thường hằng vậy. Nhưng chẳng trọn khắp, chẳng thường hằng chính là chấp trước vọng hiện, há nào phải hư không thật sự bị vật chướng ngại nên chẳng thể trọn khắp, chẳng thể thường hằng. Do vậy, cái tâm phàm phu và cái tâm bất sanh bất diệt mà đức Như Lai đã chứng trọn chẳng khác gì nhau, có khác là vì phàm phu mê nhiễm nên thành ra như vậy, chứ không phải tâm thể vốn có biến đổi.

Tịnh độ của Phật Di-đà hoàn toàn ở trong một niệm tâm tánh của chúng ta, tâm ta sẵn có Phật Di-đà. Đã là tâm ta sẵn có thì cố nhiên phải nên thường niệm, đã có thể thường niệm thì sẽ cảm ứng đạo giao, tu đức hữu công, tánh đức mới hiển hiện. Sự lý viên dung, chúng sanh và Phật chẳng hai, do vậy nói: "Dùng cái tâm sẵn có Phật của ta để niệm đức Phật tâm ta sẵn có, lẽ đâu đức Phật sẵn có trong tâm ta lại chẳng ứng với cái tâm ta sẵn có Phật?" Những điều đã nói đến trong phần sau của thư ông viết đều là vì chẳng hiểu: Thật sự chẳng có tự tướng, thuận theo mê nhiễm nên cái thể ấy biến thành vọng; vọng vốn không có tự tánh, bởi lẽ bản thể của mê nhiễm vốn là chân. Hai câu "suốt ngày tùy duyên, suốt ngày bất biến" và "suốt ngày bất biến, suốt ngày tùy duyên" soi rọi lẫn nhau, tán trợ lẫn nhau. Do tâm ông không có chánh trí nên nghi hai điều ấy là mâu thuẫn. Niệm Phật xong, bèn khởi ý niệm ta người chính là tự sanh chướng ngại. Phàm người hành đạo Bồ-tát, phải phát tứ hoằng thệ nguyện, nếu có được cái tâm tứ hoằng thệ nguyện thì dù cảnh ta người có phát, trong tâm địa rốt cuộc vẫn chẳng khởi chấp trước ta người. Khởi ta người đều là do tâm trụ vào tướng, chẳng biết ý chỉ vi diệu "tâm Bồ-tát không trụ vào đâu, hành lục độ vạn hạnh, thượng cầu hạ hóa". Những điều vừa nói trên đây nếu tự lãnh hội được thì tốt; nếu như không thể lãnh hội thì cứ lắng lòng niệm Phật đến lúc nghiệp tiêu trí rạng, sẽ tự hiểu biết rõ ràng, chẳng cần phải chuyên chú hỏi ai khác nữa!

142. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ mười)

Pháp danh của lệnh ái[362] nên đặt là Phước Trinh, trinh là chánh, là gốc đức hạnh của phụ nữ. Nếu có thể nhất tâm niệm Phật khiến cho phiền não hoặc nghiệp tiêu diệt hết sạch, công đức, trí tuệ triệt để phơi bày toàn thể, cũng như đức hạnh trinh lương của người nữ không bị bên ngoài làm nhiễm, chánh đáng nghiễm nhiên tự lập. Vì thế kinh Dịch nói: "Trinh giả, sự chi cán dã" (trinh là cái cốt lõi của sự), "cán" chính là cái thân chánh của cây cối. Vì thế, người tu hành đạt được chánh thân Bồ-đề thì đạo nghiệp sẽ tự thành tựu, tự được trọn đủ phước tuệ. Tuy đứa bé chưa thể đạt được như vậy, nhưng mong mỏi như thế nên đặt tên như vậy đó, mong nó sẽ nghĩ đến ý nghĩa của cái tên rồi cuối cùng cũng đạt được như vậy thì sau này sẽ là vợ hiền của người ta, là mẹ hiền của người ta, giúp chồng thành tựu đức hạnh, dạy con cái từ khi còn đang mang thai, vẻ vang nào hơn? Lệnh nội đã quy y, nên siêng năng tu trì, chớ để hữu danh vô thật, vậy may mắn lắm! Kinh lướt qua mắt tức là đã duyệt rồi, chớ nên xem rồi vướng mắc vào đó. Nếu có cần xem thì cũng mong nên xem ít, chỉ lấy việc niệm Phật để đối trị tập khí, tiêu nghiệp làm trọng. Nghiệp tiêu rồi thì hễ xem sách, vừa đọc liền lãnh hội được chỗ mầu nhiệm, đây là ước theo sự đạt được diệu pháp mà luận. Người đời nay căn tánh hèn kém, xem nhiều sẽ lan man, không nơi nương tựa, tâm tình lắm mối phân vân, khó thể tương ứng được.

143. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ mười một)

Hai lần bão lốc, các xứ bị tai ương, Phổ Đà cũng thế, ấy là do chúng sanh đồng phận ác nghiệp chiêu cảm mà ra. Chẳng biết quý trạch[363] phòng ốc ra sao? Cư Khoa đang độ tuổi tráng niên, phong thái thuần hậu, đáng làm pháp khí nhập đạo. Quang vì người khác trọn chẳng chấp trước, ai trước đó nghĩ Quang đáng tin tưởng được bèn chẳng ngại kết giao, sau cho rằng Quang chẳng thể tin được bèn chẳng ngại tuyệt giao. Đến đi mặc người, tôi vốn không để tâm đến chuyện kết giao hay cự tuyệt. Người khác dạy người đa phần chú trọng dốc sức nơi chỗ huyền diệu, còn Quang dạy người đa phần phát huy ý chỉ "tận hết bổn phận". Nếu chẳng thể tận hết bổn phận thì dù có thấu triệt tận nguồn tột đáy mọi sự trong Thiền, trong Giáo, cũng chỉ thành một kẻ khiến cho ba đời chư Phật bị oan mà thôi. Huống chi còn có sự chưa thể tột nguồn thấu đáy ư!

Cư Quân đã đến núi này rồi, cần gì tháng Bảy lại phải lên đây? Qua lại nhiều lượt, lộ phí tiêu dùng tốn kém biết là bao nhiêu, xin đừng tới nữa! Nếu có nghi

[362] Lệnh ái: Tiếng gọi tỏ vẻ kính trọng con gái người khác.
[363] Quý trạch: danh xưng hoa mỹ để chỉ nhà của người khác.

vấn thì đã có cư sĩ Hiển Vi rồi, nếu muốn hỏi Quang thì bưu điện là tiện lợi nhất, cần gì lại phải lên đây, làm chuyện vô ích khiến hại đến sự hữu ích. Nay vì Cư Quân đặt pháp danh là Khế Tâm, vì ông ta tên là Bỉnh Bàn, tự Thấu Am. Nếu tâm ông ta quả thật ngay thẳng, kiên cố, chẳng động như "bàn thạch" (đá tảng), lại còn "thấu đãng" (gột rửa sạch) những chất nhơ bên ngoài thì bổn thể của cái tâm sẽ tự hiển hiện. Chữ tâm chỉ cho chân tâm thường trụ, chứ không phải là cái tâm tùy duyên khởi lên tập khí, tâm tập khí chính là tình nhiễm, chứ không phải là bổn thể.

144. Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây (thư thứ mười hai)

(Răn đừng in [danh hiệu Phật, Bồ-tát] lên vải bọc đệm quỳ lễ[364])

Đương gia[365] của hạ viện đem thơ Nhậm Niên gởi đến và gói hàng giao cho Quang, mới biết vải trơn được gởi tới là nhờ Nhậm Niên in. Chuyện này tội lỗi đến cùng cực, đem danh hiệu của Bồ-tát in trên vải làm đệm quỳ để lễ, thuộc vào cái tội khinh nhờn đến cùng cực, huống chi có chỗ dùng vải ấy để bọc đệm ngồi. Năm Quang Tự thứ hai mươi (1894), ở Phổ Đà tôi đã từng trông thấy, năm Quang Tự hai mươi mốt (1895) ở chùa A-dục Vương, tôi lại thấy, thật là quái dị. Tôi bảo cùng điện chủ điện Xá-lợi, ông ta bảo: "Đấy là tập quán của vùng Ninh Ba." Tự thẹn mình không có sức để cứu vãn thói ác đấy. Nếu như Quang là chủ nhân một phương, ắt sẽ đi khắp chốn nói rõ lỗi hại của chuyện này, ngõ hầu những ai có tín tâm chỉ được lợi ích chứ không bị tổn hại. Người gởi đã là bà con rất thân của ông, sao không thuật rõ tội phước, mong ông ta chỉ dùng vải trơn để làm đệm quỳ lễ, một là chẳng làm bẩn vải, hai là chỉ được lợi ích không bị tổn hại. Vậy mới là có ích cho ông ta, có nên theo thói tục im lặng chăng? Hãy thay tôi thỉnh cầu ông ta! An Sĩ Toàn Thư in chữ ở cuối sách (bìa sau) ông còn chịu nói đến tội lỗi, thế mà cái lỗi này còn lớn gấp trăm ngàn vạn lần lỗi kia. Hãy nên bảo tường tận cùng hết thảy những người tín tâm.

Ấn ở chùa A-dục Vương đã hư nát chẳng thành dạng chữ nữa (đây chính là cái ấn mà Quang đã thấy trong năm Quang Tự hai mươi mốt), quả thật là ấn chân thân xá-lợi bảo tháp của Thích-ca Như Lai. Phổ Đà có mấy cái ấn, ấn vàng, ấn ngọc chùa Pháp Vũ, đều là Quán Âm bảo ấn sắc tứ kiến tạo Nam Hải Pháp Vũ

[364] Nguyên văn là "khấp đầu bố" (vải để rập đầu). Đây chính là loại vải dùng để bọc những cái tọa ỷ để người ta quỳ làm lễ, hay những cái đệm để áp đầu vào khi làm lễ.

[365] Đương gia: Theo nghĩa thông thường, đương gia là người lãnh trách nhiệm quản trị sự vụ chánh yếu trong một gia đình. Trong tùng lâm có thể hiểu là vị tăng đảm lãnh trách nhiệm trị sự trong chùa. Chùa ở trên núi chia làm nhiều khu vực nên mới có thượng viện, hạ viện.

thiền tự. Trong cõi tục, nếu con cháu đem tên tuổi tổ phụ in trên đệm quỳ lễ, ắt bị quở là ngỗ nghịch, huống hồ danh hiệu của Phật, Bồ-tát, đại thánh nhân ư? Hãy nên tự đối trước kẻ thân tín, khuyên họ chớ làm như thế, từ một truyền mười, từ mười truyền trăm, truyền ngàn, truyền vạn, há chẳng thể diệt được thói ác ấy hay sao? Phàm mọi chuyện đều do một người đề xướng, mọi người hùa theo bèn thành tục lệ, há riêng mình chuyện phản tà quy chánh là chẳng giống như vậy hay sao?

145. Thư gởi đốc quân[366] Trần Bá Sanh ở Thiểm Tây

Quang là một ông tăng tầm thường, trọn không có hành trạng tốt đẹp nào, tuy xuất gia đã 41 năm, lìa khỏi đất Tần[367] 36 năm, nhưng đạo nghiệp vẫn chưa thành, không mặt mũi nào để gặp người cùng quê cũ, còn dám cho phép mình quay về nữa ư? Năm ngoái được lọt mắt xanh của các hạ, khiến cho hòa thượng Định Huệ sai Quang về đất Tần hoằng dương pháp hóa. Quang tuy cảm cái tâm chẳng chê bỏ, nhưng quả thật chẳng có tài đức đảm đương trách nhiệm ấy. Do vậy, lấy cái nguyện đã lập ban đầu "nếu đạo nghiệp chưa thành, dù chết già nơi đất khách trọn chẳng quay lại đất Tần" để từ tạ. Các hạ gương sáng treo cao, ắt sẽ thể tình lượng thứ cho. Kẻ bất tiếu[368] như Quang còn được từ ái chấp thuận như thế, đủ thấy cái tâm tôn trọng đức hạnh, thích đạo, vì pháp vì dân của các hạ. Mùa xuân năm nay, Thượng Hải Thương Vụ Ấn Thư Quán có xuất bản bộ Ấn Quang Văn Sao, riêng gởi đến ngài năm bộ để đáp tạ lòng yêu thương nồng hậu.

Người dân đất Tần đáng gọi là lương thiện. Thói đời ngày càng biến đổi, pháp luật bỏ phế, những phường du thủ du thực bại hoại bèn mặc sức hoành hành, cấu kết với những kẻ bại hoại nơi địa phương cướp đoạt hương thôn, thê thảm chẳng nỡ nghe. Trong mấy năm gần đây, có người từ đất Tần đến cho biết tình trạng hiện thời của đất Tần, không thể không ứa lệ nghẹn ngào. Bởi thổ phỉ xông đến gặp ai dư giả đôi chút bèn nung nướng, kềm kẹp, không chuyện gì chẳng làm, miễn sao người ta phải dâng sạch những gì đã tích cóp mới thôi. Người ta không chịu nổi khổ, ắt phải hiến sạch. Nhưng người đã bị hành hạ kiểu ấy, dẫu chưa chết ngay khi ấy cũng khó sống lâu được. Có nhiều nhà giàu đều phải đào sâu ba thước đất, phàm hầm lò tường vách đều bị hủy hoại để tìm chỗ chôn vàng. Thói cướp

[366] Đốc quân: Cấp chỉ huy quân sự cao nhất của một tỉnh sau cách mạng Tân Hợi (1911) trước khi Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được thành lập.
[367] Tỉnh Thiểm Tây là lãnh thổ nước Tần thời Xuân Thu Chiến Quốc nên người ta thường quen gọi Thiểm Tây là Tần.
[368] Bất tiếu: kẻ không xứng đáng, không nối nghiệp tổ tiên được, không xứng với ông bà cha mẹ, trò không xứng với thầy thì gọi là "bất tiếu".

đoạt hung tàn quá mức ấy quả là từ ngàn xưa chưa từng nghe nói đến. Do quan phủ chẳng ngăn chặn được, trăm họ không biết kêu vào đâu, thật giống như ở mãi trong địa ngục, trọn chẳng có kỳ ra. Đấy là bọn thổ phỉ lớn. Còn bè lũ thổ phỉ nhỏ, tuy ít người hơn, nhưng cũng tàn khốc y hệt như thế, chúng thường đến cướp vào ban đêm, nên mỗi khi nghe tin tức ấy, lúc trời sắp tối, mọi người đưa phụ nữ ra ngoài thôn trước hoặc cho ẩn vào đồng lúa, rừng cây, hoặc nơi mồ mả, dù mưa gió, tuyết, sương, cũng chẳng dám về. Trẻ con kêu khóc bèn dùng đồ vật nhét vào miệng, thường có đứa bị nghẹt thở chết luôn. Đàn ông thường núp ở trong nhà, thổ phỉ kéo qua như lửa cháy rụi, không còn vật gì sống sót được. Tình trạng khổ sở ấy nói chẳng thể hết nổi, còn chẳng biết rốt cục sẽ ra sao?

Các hạ tuy ở đất Tần, nhưng quả thật chưa nghe [những chuyện ấy], bởi đi thì có quân lính ủng hộ, ở thì có lính bảo vệ, chưa từng đích thân đi thăm hỏi, xem xét; trăm họ cũng khó kêu nài, nên không cách chi biết được. Do vậy, phàm những kẻ có của ăn của để đều bỏ đi nơi khác, đều phải bỏ quê cha đất tổ, trốn tránh sang đất khách quê người. Những người trốn sang Thượng Hải không biết là bao nhiêu, huống chi các xứ khác. Chỉ một nạn thổ phỉ đã khó chịu đựng nổi, lại thêm quân Tĩnh Quốc[369] đánh nhau nhiều năm, đội quân ấy đi đến đâu cướp bóc tràn lan, còn nói gì được nữa. Than ôi, người xứ Tần do tội gì mà phải mắc hung hiểm đến thế?

Các hạ túc căn sâu dày, tài thao lược rộng sâu, nên binh lính suy tôn làm đốc soái. Tiếc là trong kiếp xưa, ít kết duyên cùng người nên đa số nhân dân chẳng chịu mến mộ. Do vậy, những kẻ chẳng lo cho nước, cho dân, lén gia nhập Nam Quân, trở thành quân Tĩnh Quốc đối địch cùng các hạ. Tuy đánh nhau mấy năm, chưa phân thắng bại, quân hai bên đối địch, tiếng đại bác như sấm, tiếng đạn bay như mưa, người bị chết kẻ bị thương đều là đồng bào xứ Tần chúng ta. Binh lính hai đoàn quân đi đến đâu, nhân dân bị cướp đoạt tàn nhẫn cũng đều là đồng bào xứ Tần chúng ta. Thương thay đồng bào, kêu trời không thấu, không lối chui xuống đất, thân làm cá thịt, ai thương xót cho?

Quang trộm nghĩ: Tuy các hạ địa vị tôn quý, quyền oai cao trọng, ai dám khinh thường, nhưng thật ra trăm họ sợ thổ phỉ, không phân thượng hạ, lỡ có kẻ muốn

[369] Sau Cách Mạng Tân Hợi (1911), Trung Hoa rơi vào tình trạng nội chiến, các tướng lãnh quân phiệt thừa cơ nổi lên thống trị từng địa phương, đánh nhau lung tung để giành quyền lực. Chính quyền Trung Hoa Dân Quốc phải phái quân đi dẹp các sứ quân, đội quân ấy mang tên là Tĩnh Quốc. Do chính quyền Dân Quốc lúc đó đóng đô ở Nam Kinh nên quân đội chính phủ còn được gọi là Nam Quân.

hành thích, sẽ chẳng biết như thế nào? Huống chi quân Tĩnh Quốc đang phất cờ gióng trống để chống cự ngài, may là các hạ túc phước sâu dày, chưa phải lo điều ấy. Nhưng quân hai bên đánh nhau, cố nhiên nguy hiểm muôn bề. Nếu chẳng lo liệu, thì hai vị cao đường (cha mẹ) và anh em, vợ con nương tựa vào đâu? Huống chi tâm của địch nhân quyết khó thể nghĩ tình hiếu hữu để bảo bọc cả nhà, chẳng chịu ra tay tàn sát một phen ư? Mối hoạn hại cay đắng của trăm họ thảm độc còn cạn, mối hoạn hại cay đắng của các hạ, thảm độc càng sâu. Chánh phủ trung ương thiết tha nghĩ đến dân chúng, cho rằng các hạ tuy tài đức cao sâu, nhưng chưa hợp lòng người, nên mới có quân Tĩnh Quốc dấy lên. Nếu các hạ chịu lui, ắt quân Tĩnh Quốc sẽ tự triệt thoái, vì thế mới đặc phái đốc tướng Diêm thay thế.

Các hạ đã từng trải, hãy nên nghĩ lại mấy năm gần đây, cừu địch như rừng, tuy chưa bị thương, cũng rất nguy hiểm. Dẫu cho quân oai lừng lẫy, quả thật là mộng mị chẳng yên, dẫu muốn rút mình ra khỏi cũng không thể được. Nay may sao có người khác thay thế, tự có thể trút bỏ được trách nhiệm nặng nề, rút lui về vườn rẫy, tiêu dao an lạc, dùng hiếu hữu để cai trị, vui với thiên chân của chính mình, gác ra ngoài chuyện cạnh tranh, khuyến hóa kẻ tham tàn kia. Tuy sống trong thời đại cạnh tranh, nhưng làm người trong thời Hy - Hoàng[370], một là chẳng phụ sở học, hai là vĩnh viễn đáp ứng lòng kỳ vọng của dân. Bỏ chuyên chế, hưng khởi cộng hòa, triệt để tương ứng với danh xưng tạo phước cho đồng bào, trọn chẳng trái nghịch. Há có nên nghe lời xúi giục sai trái của những kẻ chẳng biết đại thể, lầm lạc mong mỏi đoạt công danh mà cự tuyệt chẳng nghe lệnh chánh phủ, đem binh chống cự, khiến cho nhân dân lầm than, ngân sách đất nước trống rỗng? Dẫu cho các hạ một trận thắng ngay, vẫn giữ được nguyên chức vị, há có tránh khỏi về sau không bị các đội quân tấn công hay chăng?

Phàm vũ khí là thứ bất tường, thánh nhân bất đắc dĩ mới phải dùng đến. Nay chẳng phải là chuyện bất đắc dĩ, chỉ vì nghe lời kẻ dối trá, dua vạy, mong muốn giữ chắc tước vị của chính mình, chẳng đoái hoài trăm họ thường bị lầm than, nguyên khí quốc gia bị hao hớt. Hành vi như thế khác nào như cái đích để bắn được dựng thẳng để hứng lấy các mũi tên, há có nên hằng ngày đem thân mạng tối trọng và cha mẹ, anh em, vợ con ra đánh đổi lẽ sống trong tay cừu địch? Ấn Quang tuy ngu, cũng chẳng thấy đó là cách hay. Dẫu thủy chung không lo lắng

[370] Hy Hoàng: Hy là Phục Hy, Hoàng là Hoàng Đế, hai vị thánh quân của Trung Hoa thời cổ, tương truyền thời ấy là thời thái bình thịnh trị, con người đều là thánh hiền. Sử gọi là thời Hoàng Kim.

đến chuyện đó, nhưng trong lúc đêm thanh lặng lẽ nghĩ suy, há không hổ thẹn đối với những binh lính chết trận, người dân chết đói ư?

Mạnh tử nói: "Tuy có trí tuệ chẳng bằng nương theo thế. Tuy có phương tiện, chẳng bằng được thời." Tài trí, thao lược của các hạ chính là trí tuệ, phương tiện vậy. Dân không bội phục, đua nhau nổi dậy chống lại, là vì đời trước ít kết duyên cùng người, nay cai trị chưa hợp lòng người tức là không có cái thế nào để nương vào, không có thế gì để nương vào mà cứ cưỡng làm tức là chẳng đắc thời vậy. Đại trượng phu muốn tạo đại công, lập đại nghiệp, chưa hề có ai trên chẳng thuận theo thiên lý, dưới chẳng hợp lòng người cả. Vì thế, Khổng tử thấy ra làm quan được bèn làm quan, nên thôi bèn thôi, cái gì nên lâu thì lâu, cái gì nhanh được thì nhanh, đợi thời cơ thích hợp, không gì chẳng thích đáng. Ngài từng bảo Nhan Uyên: *"Dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng. Duy ngã dữ nhĩ hữu thị phù"* (Dùng đến thì ra sức, bỏ đi thì ẩn. Chỉ mình ta với ngươi là được như vậy thôi!) Mong các hạ noi gương Khổng tử, coi cái địa vị đốc quân giống như nguồn tội, chẳng những không khởi chiến sự, mà cũng chẳng sanh tâm tiếc nuối thì không những dân Tần được nhờ mà quốc gia cũng chẳng phải lo âu. Các hạ sẽ thật sự được phước không ngằn mé, phước thừa đượm khắp hậu duệ. Nếu giữ chắc ý kiến ấy, chẳng chịu nghĩ lại, ắt sẽ thành tượng Kháng Long Hữu Hối[371] của quẻ Càn, tuy quý nhưng không có địa vị, cao nhưng không có dân, sau này ắt phải hối hận. Sau này có hối, há còn kịp chăng? Khổng tử giải thích quẻ này như sau: "Kháng là đức, biết tiến nhưng không biết thoái, biết còn mà chẳng biết mất, biết được nhưng chẳng biết mất. Chỉ mình thánh nhân biết tiến thoái tồn vong, nhưng chẳng đánh mất lẽ chánh, chỉ có mỗi mình thánh nhân ư?" Nhắc lại câu "chỉ mình thánh nhân ư" lần nữa để con người suy nghĩ sâu xa học lấy. Dẫu các hạ chẳng ở vào bậc thánh nhân, nhưng chẳng lẽ không xuôi theo cái tốt, tránh cái xấu hay sao? Mong các hạ trên hãy nghĩ đến chuyện nối tiếp dài lâu đức dày của tổ tiên, dưới nghĩ để lại hạnh phước cho con cháu, sanh ý tưởng tri túc, mau dứt chiến sự thì nhân dân đất Tần mới còn sống sót được, cường bạo các nơi không cậy vào đâu hoành hành được nữa. Tuy lui về ruộng rẫy, nhưng quả thật đã ban ân trạch "xương khô được mọc thịt" cho dân Tần không gì lớn lao hơn!

[371] Kháng Long Hữu Hối: Kháng Long Hữu Hối là phần Tiểu Tượng Truyện (giải thích ý nghĩa hình tượng từng vạch trong mỗi quẻ). Tượng "Kháng Long Hữu Hối" chỉ vạch thứ sáu trong quẻ Thuần Càn (gồm sáu hào dương), cụ Nguyễn Hiến Lê giảng: "Rồng lên cao quá, có hối hận. Hào Dương này ở trên cao của quẻ, cương kiện đến cùng rồi, như con rồng bay lên cao quá, không xuống được nữa, nếu vẫn còn hành động sẽ có điều đáng tiếc, vì lẽ thịnh quá ắt suy, đầy thì không được lâu."

Ấn Quang tài đức đều thiếu, nào dám mạo phạm oai phong, bất quá muốn báo đáp các hạ một phen yêu thương nồng hậu, ngõ hầu dân xứ Tần ít phải chịu tai nạn binh đao. Do vậy, chẳng nề hà bị giết chóc, dâng lời thẳng lên ngài, nếu ngài rủ lòng xét soi tấm lòng ngu thành thì dân Tần may lắm, quốc gia may mắn lắm. Lại mong các hạ thiết thực nghĩ đến đời sống của nhân dân, ắt sẽ suy xét nguyên do họa phước, kết quả thiện ác. Một là để mở rộng bụng dạ, hai là để hướng dẫn, cảm hóa đồng nhân, nên tự đem một bộ Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, Phật Học Tiệp Kính, Phật Học Cơ Sở, Phật Học Khởi Tín Thiên, Phật Học Chỉ Nam, Lục Đạo Luân Hồi Lục[372], mỗi thứ một bản gởi kèm theo thư, mong ngài sẽ đọc vào những lúc nhàn hạ vô sự thì cái đạo thành ý, chánh tâm, cùng lý tận tánh, siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử sẽ tự đạt được nơi tâm.

An Sĩ Toàn Thư là thiện thư đứng đầu thiên hạ từ xưa đến nay, tỉnh trưởng Lưu từng thỉnh 400 bộ kết duyên, sẽ bảo ông ta gởi cho các hạ đọc. Ngoài ra, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên cũng thuộc vào bậc nhất, sách này tuy nghị luận chẳng mười phần thấu triệt bằng An Sĩ Toàn Thư, nhưng so trong các thiện thư, chưa thấy sách nào bằng được, huống gì là hay hơn! Năm bộ sách kia đều từ cạn tiến vào sâu, do nhân quả để liễu sanh tử, không căn cơ nào chẳng kể đến, không pháp nào chẳng bao gồm. Người sâu sắc sẽ thấy sách sâu sắc, tự có thể đoạn hoặc chứng chân; người nông cạn sẽ thấy chúng là nông cạn, cũng kham tiêu tai tăng phước. Pháp không có tướng nhất định, tổn hại hay lợi ích là do mỗi người, người dốc chí tận tụy nơi đại sự để mình được luôn trường tồn bao kiếp sẽ chẳng cho là Quang lắm chuyện.

Phật pháp một phen nghe đến, lợi ích vô tận. Ông Vương Thiết San ở Bắc Thông Châu, từng làm chức Phiên đài tỉnh Quảng Tây đời nhà Thanh trước kia, do cõi ấy thổ phỉ quá đông, ông bèn lập cách tiêu diệt, giết hại không biết bao nhiêu mà kể. Đến năm trước bị bệnh, vừa chợp mắt bèn thấy thân ở trong nhà tối, vô số quỷ muốn đến bức bách khổ não, bèn hoảng hốt tỉnh dậy. Lúc lâu sau chợp mắt, lại thấy y hệt như thế, lại kinh hoảng thức dậy. Suốt ba ngày ba đêm chẳng ngủ yên giấc như thế, người đã suy sụp không kham nổi, vợ ông ta dạy ông niệm "Nam-mô A-di-đà Phật", ông bèn cạn kiệt lòng thành niệm rõ, chưa được một lúc lâu sau bèn ngủ thiếp đi, ngủ được đẫy giấc, bệnh dần khỏi hẳn, mới biết công đức niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn. Mùa hè năm ngoái, ông Thiết San lên núi,

[372] Ba cuốn Phật Học Khởi Tín Thiên, Phật Học Chỉ Nam, Lục Đạo Luân Hồi Lục là tác phẩm của ông Đinh Phước Bảo. Trong Ấn Quang Văn Sao quyển 3, tổ có viết lời tựa cho ba tác phẩm này.

chính ông ta kể cùng Quang chuyện ấy. Quang đem chuyện này tỏ bày cùng các hạ, cũng mong các hạ được lợi ích thật sự nơi niệm Phật.

146. Thư trả lời cư sĩ X… ở Dũng Giang[373]

Chuyện sắc dục là bệnh chung của người cả cõi đời, chứ không riêng gì hạng trung hạ căn bị sắc mê hoặc. Dù là người thượng căn nếu chẳng luôn canh cánh giữ gìn, luôn nghĩ kinh sợ thì cũng khó khỏi bị mê hoặc. Thử xem từ xưa đến nay bao nhiêu hào kiệt lỗi lạc, kham làm thánh làm hiền, chỉ do chẳng phá được cửa ải này, đâm ra thành kẻ hạ ngu bất tiếu, lại còn bị vĩnh viễn đọa trong ác đạo, chẳng biết là bao nhiêu! Kinh Lăng-nghiêm nói: "Nếu chúng sanh thuộc sáu đường trong các thế giới tâm chẳng dâm sẽ chẳng bị sống chết tiếp nối. Ông tu tam-muội vốn để thoát trần lao, dâm tâm không trừ, chẳng thể xuất trần được!" Người học đạo, vốn để thoát lìa sanh tử, nếu chẳng đau đáu dứt trừ bệnh này thì khó thể thoát lìa sanh tử.

Ngay như pháp môn niệm Phật tuy có thể mang nghiệp vãng sanh, nhưng nếu tập khí dâm cố kết sẽ bị cách ngăn cùng Phật, khó thể cảm ứng đạo giao. Muốn tuyệt cái họa này, không gì bằng trông thấy hết thảy nữ nhân đều khởi thân tưởng, oán tưởng, bất tịnh tưởng:

1) Thân tưởng là thấy người già coi như mẹ, thấy người lớn hơn coi như chị, thấy người trẻ hơn coi như em gái, thấy trẻ nhỏ coi như con, dục tâm dẫu lừng lẫy chẳng dám khởi ý niệm bất chánh đối với mẹ, chị, em, con. Xem hết thảy nữ nhân đều là mẹ, chị, em, con của mình thì lý bèn chế ngự dục, dục không do đâu phát được.

2) Oán tưởng là phàm thấy gái đẹp bèn khởi tâm ái; do tâm ái đó bèn đọa ác đạo, chịu khổ bao kiếp chẳng thể thoát lìa. Như thế thì những gì gọi là mỹ lệ, kiều mị so ra còn độc hại hơn giặc cướp, cọp, sói, rắn độc, bò cạp độc, phê sương, trầm độc[374] gấp trăm ngàn lần. Với những oan gia cực đại ấy vẫn cứ quyến luyến mơ tưởng, há chẳng phải là kẻ mê gấp bội sao?

3) Bất tịnh là vẻ đẹp lộng lẫy động lòng người chỉ là một lớp da mỏng bên ngoài, nếu bóc lớp da ấy đi thì chẳng dám nhìn: xương, thịt, máu mủ, phân, tiểu,

[373] Dũng Giang là một con sông lớn thuộc tỉnh Chiết Giang, chảy qua thành phố Ninh Ba.
[374] Phê sương (đôi khi còn gọi là tỳ sương) là chất độc, tức chất arsenic, còn gọi là thạch tín hoặc nhân ngôn. Trầm độc là chất độc của con chim trầm (hoặc còn đọc là trấm), một loài chim rất độc theo truyền thuyết, tương truyền một cái lông của nó rớt xuống sẽ làm chết sạch cả hồ cá.

lông, tóc, đầm đìa, ròng ròng, trọn không có vật gì đáng cho người khác yêu mến được. Nhưng do lớp da mỏng bao bọc, nên lầm sanh ái luyến; bình đẹp đựng phân, người ta chẳng muốn nâng niu. Nay lớp da mỏng của mỹ nhân chẳng khác cái bình đẹp đẽ, những thứ được bọc trong đó còn gớm ghiếc hơn phân nữa. Há nên yêu mến lớp da bên ngoài, quên đi những thứ bẩn thỉu chứa bên trong da, lan man khởi vọng tưởng ư? Nếu chẳng khăng khăng kiêng sợ, đau đáu trừ khử tập khí ấy, sẽ chỉ thấy tư chất mỹ lệ khiến cho mũi tên ái lọt thấu xương chẳng thể nhổ được. Thường luôn như thế, lại muốn chết đi chẳng vào bụng người nữ sẽ chẳng thể được. Vào trong bụng người nữ còn tạm được, chứ vào trong bụng súc sanh cái biết làm sao đây? Thử suy nghĩ đến điều này, tâm thần kinh hãi.

Nhưng muốn thấy cảnh mà chẳng khởi nhiễm tâm thì phải trong lúc chưa thấy cảnh, thường khởi ba thứ tưởng này; khi thấy cảnh sẽ tự có thể chẳng bị cảnh chuyển. Nếu không, dẫu không thấy cảnh, ý vẫn vấn vương, rốt cục vẫn bị tập khí dâm dục ràng buộc. Vì thế, phải nỗ lực gột trừ các tập khí ác nghiệp thì mới có phần được tự do. Mỗi ngày ngoại trừ lúc làm việc ra, chuyên tâm niệm danh hiệu Phật. Sáng chiều đối trước Phật, cạn lòng thành, trọn lòng kính, khẩn thiết sám hối tội nghiệp từ vô thỉ đến nay. Hành như thế lâu ngày sẽ có lợi ích chẳng thể nghĩ bàn mà không hề hay biết. Kinh Pháp Hoa dạy: "Nếu có chúng sanh nhiều dâm dục, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ-tát liền được lìa dục", sân khuể, ngu si cũng thế. Do vậy ta biết: Chí thành niệm thánh hiệu Di-đà, Quán Thế Âm thì ba hoặc tham sân si sẽ tự tiêu trừ. Thêm nữa, cõi đời nay đang hoạn nạn, ngoại trừ việc niệm Phật ra, cần phải niệm thêm thánh hiệu Quán Thế Âm, trong âm thầm sẽ có sự xoay chuyển chẳng thể nghĩ bàn, ngõ hầu chẳng đến nỗi khi túc nghiệp hiện tiền, không cách gì đối phó. Lại nên thường đọc những sách dạy về kiêng dâm, nhân quả, báo ứng, xa lìa những bạn bè cuồng loạn, phóng đãng, hèn tệ thì trong tâm được chánh, sự dụ hoặc bên ngoài dứt tuyệt, sẽ tự có thể thành tựu tịnh nghiệp vậy, hãy gắng lên!

147. Thư gởi cư sĩ Từ Úy Như

Nhận được thư nhưng công việc bộn bề, chưa thể trả lời được. Quang tuy vì thái phu nhân sáng chiều hồi hướng, há nào thật sự có ích cho thái phu nhân? Chỉ mong thái phu nhân thương cho một niệm chân thành của tôi, lôi kéo Di-đà, Quán Âm đến cứu vớt tôi. Các hạ ngợi khen tôi quá lẽ, khôn ngăn khiến cho người ta thẹn thùng. Lệnh đệ cũng đã phát tâm, xin hãy vì ông ta diễn giảng, đủ biết đời trước đã cùng gieo thiện căn, tương lai cùng làm anh em muôn kiếp trong Liên Trì Hải Hội, mừng mừng tủi tủi. Bài thuốc cai thuốc phiện đăng báo nên đăng

nhiều kỳ suốt năm thì người ta mới biết rộng rãi được, nên kêu gọi những người có tài lực cùng làm. Nếu một người trang trải phí tổn, e không đủ sức kéo dài.

Cách tóm gọn bộ Văn Sao hủ bại đều nên làm sao cho hợp lý, bởi thư Quang đã viết đều chỉ nhằm cho một người nào đó, nếu phổ cập đại chúng thì phải trọn không có chỗ trở ngại nào mới khỏi chuốc lấy lời gièm chê. Những chỗ chỉ trích những thứ cuồng vọng của bọn con cái của ma nên dùng cách trình bày tóm lược, sao cho phù hợp với văn thể. Nhưng nay đa phần môn đồ Thiền tông chẳng biết Thiền, nếu chẳng chỉ ra những hình tích thật sự đơm đặt đồn thổi của bọn họ, môn đồ Thiền tông sẽ cho là Quang báng Thiền. Ngay cả đối với bài *Tông Giáo bất nghi hỗn lạm luận* (luận về Tông và Giáo chẳng nên xen trộn), bọn thiền giả chẳng hiểu tông phong cũng cho là báng Thiền. Kiến thức của đồ chúng nhà Thiền đa phần đều là như thế cho nên pháp thiền mới bị suy sụp sát đất.

Gần đây Phật pháp lưu thông, cư sĩ Vương Hoằng Nguyện[375] ở Triều Châu rất ham Mật tông; y theo đó tu trì, hơi có hiệu nghiệm, đối với các tông khác tuy chưa thông tỏ hoàn toàn, nhưng đã mon men ngoài bờ rào. Ông ta dịch cuốn Mật Giáo Cương Yếu[376] của Nhật Bản rồi in ra, gởi cho tôi hai bộ. Nay tôi gởi cho ông một bộ, mong ông tùy hỷ. Nhưng ông ta là người hoằng truyền Mật tông, nên thiên về đề cao Mật tông. Ước theo giáo mà luận, cố nhiên chẳng trở ngại lớn lao gì; nhưng nếu xét trên pháp môn Tịnh độ độ khắp ba căn, thuyết giáo tương ứng với căn cơ mà luận thì cố nhiên khác hẳn nhau. Những điều Vương Hoằng Nguyện đã viết trong thư gởi đến đều là ước theo giáo bỏ sót căn cơ, Quang gởi thư cho ông ta ước trên căn cơ để luận sự lợi ích của giáo pháp, tuy chẳng phù hợp, nhưng cũng không trái nghịch cho lắm. Người ấy đã ngoài bốn mươi tuổi, nếu lại nghiên cứu hơn mười năm nữa cũng có thể trở thành bậc đại thông gia.

Bài bạt *Thiền tông bí mật liễu nghĩa kinh*, quyết phải nên thủ tiêu để khỏi gây nghi ngờ, lầm lẫn. Còn như Thanh văn chuyển xoay tiểu quả họ đã chứng để

---

[375] Ông Vương Hoằng Nguyện người Triều An, Quảng Đông, là người đi tiên phong trong việc phục hưng Đông Mật tại Trung Hoa. Ông từng theo học Mật tông với Quyền Điền Lôi Phủ suốt 13 năm, được truyền pháp quán đảnh. Về sau ông truyền quán đảnh cho người khác ở chùa Lục Dung tại Quảng Châu, chủ trương cư sĩ có thể làm a-xà-lê, chấp nhận các tỳ-kheo thọ pháp đảnh lễ mình, khiến cho các vị Thái Hư, Mạn-thù-yết-đế v.v. công kích, tạo thành đầu mối tranh luận gay gắt giữa Hiển giáo và Mật giáo.

[376] Mật Giáo Cương Yếu là tác phẩm nhập môn Mật giáo gồm bốn quyển của ông Quyền Điền Lôi Phủ người Nhật biên soạn, Vương Hoằng Nguyện dịch cuốn này ra tiếng Hán vào năm 1918. Nội dung trình bày sự phát triển của Mật giáo tại Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản, trình bày những giáo nghĩa, cách thức tác pháp tu trì theo truyền thống Đông Mật (gọi là Đông Mật để phân biệt với truyền thống Mật giáo của Tây Tạng).

hướng về Như Lai đại đạo, tuy là đốn tiệm sai khác, nhưng những địa vị theo thứ tự trong khoảng giữa ấy bất tất phải dẹp mất. Đại bàng hễ cất cánh bèn bay chín vạn dặm, cũng là từ thấp bốc dần lên cao. Dao bén chặt một nhát đứt ngàn tờ giấy, cũng là từ một đến ngàn. Đốn giáo chỉ ước trên mặt đốn mà nói nên không có địa vị thứ tự, nhưng trong chỗ không có địa vị thứ tự ấy, chẳng trở ngại chuyện có địa vị thứ tự rành rành. Nếu khác với tiệm thì tiệm chẳng phải là tiệm như trong đốn giáo nói, mà đốn cũng chẳng phải là đốn như trong tiệm giáo. Hai pháp phán định khác biệt, trọn chẳng tương tức[377], chỉ nên dùng thật nghĩa để lập ngôn, chẳng nên dùng cách biểu hiện tiệm đốn làm căn cứ thì Phật pháp không pháp nào chẳng thông với nhau.

Vương Hoằng Nguyện luận về Mật tông cũng là dùng những lời lẽ biểu thị hoằng dương Mật tông để luận. Do vậy, biết là ông ta vẫn chưa hiểu biết ý tột cùng trong giáo pháp Như Lai là "phải khế cơ". Căn tánh La-hán cũng không nhất định, có người hồi tiểu hướng đại bèn vượt lên, chứng ngay vào địa vị sâu; có người tiến lên từ từ. Dù đốn tiệm sai khác, nhưng vị thứ vẫn rành rành, tợ hồ chẳng sai khác gì lớn. Tùy loại hiện thân trong mười phương thế giới, bậc Sơ trụ trong Viên giáo đã làm được như vậy. Không trải qua các địa vị Hạnh, Trụ, Hồi Hướng v.v. thì chỉ có bậc đã thành Phật, rồi thị hiện làm La-hán, mới có thể như thế. Nếu là thật chứng, tức thật sự là bậc La-hán hồi tiểu hướng đại, e rằng không có bản lãnh ấy. Nếu có thì các Bồ-tát thuộc những địa vị Trụ, Hạnh, Hồi hướng đều thành hạng người độn căn, không có gì kỳ lạ cả, có lẽ ấy chăng? Lìa đốn nói tiệm, lìa tiệm nói đốn, lìa giáo nói tông, lìa tông nói giáo, đề cao Mật tông, miệt thị Hiển giáo, đều đáng gọi là "đảm bản hán"[378] (gã vác gỗ) chỉ thấy được một bên mà thôi. Khéo hiểu Phật pháp thì pháp pháp lưu thông, nếu không thì pháp nào cũng gây ra trở ngại. Quang thật là kẻ thấy ít, nghe ít, nhưng ước nghĩa, ước lý mà luận thường dung thông như thế, trọn chẳng có hai đạo lý. Ý kiến hèn mọn của tôi là như vậy đó, chẳng biết các hạ nghĩ như thế nào?

148. Thư trả lời hai vị cư sĩ Từ Ngạn Như và Từ Dật Như

Quý vị nói chuyện đời ràng buộc, không cách gì thoát khỏi được thì ngay trong lúc bị ràng buộc ấy chỉ cần không bị chúng xoay chuyển thì ràng buộc liền

[377] Tương tức: Pháp này chính là pháp kia, như thường nói "một tức là nhiều, nhiều tức là một".
[378] Nguyên văn là *"từ lục đảm bản, chỉ kiến nhất biên"* (kẻ đi vác gỗ, chỉ thấy được một bên). *Đảm bản hán*, nguyên là những người công nhân chuyên vác các tấm gỗ, phiến gỗ. Do khiêng nặng và cồng kềnh họ chỉ có thể nhìn về đằng trước, không thể ngó xung quanh. Thiền lâm dùng thuật ngữ "đảm bản hán" để chỉ kẻ thiên chấp, chẳng dung thông toàn thể.

thành cởi gỡ như gương chiếu hình tượng, hình đến chẳng cự tuyệt, hình đi chẳng giữ lại. Nếu không biết nghĩa này, dẫu có trừ sạch mọi chuyện thế tục không còn có chuyện gì phải lo toan thì cũng vẫn bị cái tâm vọng tưởng, tán loạn, ràng buộc kiên cố, chẳng thể gột rửa, thoát khỏi. Người học đạo phải hành xử thuận theo địa vị, tận hết bổn phận của mình, như thế thì dù suốt ngày việc đời ràng buộc, nhưng suốt ngày vẫn cứ tiêu dao ngoài vật. Câu nói "nhất tâm vô trụ, vạn cảnh đều nhàn, chẳng ghét lục trần vẫn đồng Chánh giác" chính là nói về điều này vậy.

Chuyện niệm Phật quan trọng nhất là liễu sanh tử, đã vì liễu sanh tử thì tự sanh lòng nhàm chán đối với nỗi khổ sanh tử, tự sanh lòng ưa thích đối với sự vui Tây Phương. Như thế thì hai pháp tín nguyện sẽ được vẹn toàn ngay trong một niệm, lại thêm niệm chí thành khẩn thiết như con nhớ mẹ thì Phật lực, pháp lực, sức công đức tín nguyện nơi tự tâm, ba pháp đều phô bày trọn vẹn. Ví như mặt trời rạng rỡ giữa hư không, dẫu mây dày, băng đóng tầng tầng, chẳng mấy chốc liền tiêu tan. Lúc sơ tâm niệm Phật, chưa tự chứng được tam-muội, ai có thể không có vọng niệm cho được? Quý sao tâm thường giác chiếu, chẳng chuyển theo vọng, ví như quân hai bên đối địch, ắt phải giữ vững thành quách của chính mình, chẳng cho quân giặc xâm phạm tí ti nào, đợi khi giặc vừa tấn công bèn đánh chặn đầu. Ắt phải xua quân chánh giác vây kín bốn mặt khiến cho chúng nó không lối lên trời, không nẻo chui xuống đất, khiến chúng sợ bị diệt chủng, liền đua nhau quy hàng. Quan trọng nhất là chủ soái không mê muội, không lười nhác, thường luôn tỉnh táo mà thôi! Nếu mê muội, lười nhác thì chẳng những không diệt được giặc mà trái lại còn bị giặc diệt. Do vậy, người niệm Phật không biết nhiếp tâm thì càng niệm càng sanh vọng tưởng, nếu nhiếp được tâm thì vọng niệm sẽ dần dần mỏng nhẹ, cho đến không còn nữa. Vì thế nói:

Học đạo do như thủ cấm thành,
Trú phòng lục tặc, dạ tỉnh tỉnh,
Tướng quân chủ soái năng hành lệnh,
Bất động can qua định thái bình.

Tạm dịch:

Học đạo dường như giữ cấm thành,
Ngày phòng sáu giặc, đêm thường tỉnh,
Tướng quân chủ soái nghiêm quân lệnh,
Chẳng dấy can qua, quyết thái bình.

149. Thư gởi cư sĩ Bao Sư Hiền

Tai họa ở Ôn Châu nghe thê thảm quá, thiên tai, nhân họa không biết đến mức nào. Quả đúng là "ba cõi không yên, giống như nhà lửa", đấy cũng là lời răn nhắc thiết yếu nhất đối với chuyện tín nguyện niệm Phật vãng sanh Tây Phương. Niệm Phật tâm không quy nhất là do tâm sanh tử chưa khẩn thiết, nếu nghĩ như đang bị nước cuốn lửa đốt, không được cứu giúp, tưởng sắp bị chết, tưởng sắp đọa địa ngục thì tâm sẽ tự quy nhất, không cần đến diệu pháp nào khác. Vì thế trong kinh thường nói: "Nghĩ cái khổ trong cõi địa ngục, phát tâm Bồ-đề." Đấy chính là khai thị thiết yếu nhất của đức Đại Giác Thế Tôn, tiếc là con người chẳng chịu thật sự suy nghĩ! Cái khổ trong địa ngục so với sự thảm thương của nước lửa sâu nặng hơn vô lượng vô biên lần. Thế mà nghĩ đến nước dâng lửa đốt bèn run rẩy, nghĩ đến địa ngục lại coi thường là vì một đằng do tâm lực nhỏ nhoi chẳng thể thấu hiểu sự khổ ấy, còn một đằng là chính mắt thấy, bất giác lông tóc đều dựng đứng!

150. Thư gởi thượng nhân Hoằng Nhất

Giảng Khởi Tín Luận bất tất phải tuân theo Liệt Võng Sớ[379], nhưng quyết chẳng thể nói Liệt Võng là sai. Đấy là pháp quyết định chẳng thay đổi! Những trước thuật của ngài Linh Phong xưa nay hiếm có, những kẻ chưa mở chánh nhãn chẳng biết được lẽ trọng yếu, bèn giống như chó sủa bóng trăng khiến người sơ học bị lầm lạc; còn người quả thật đầy đủ chánh tri chánh kiến nghe đến sẽ triệt để thấu hiểu bụng dạ của ngài. Lão nhân Linh Phong chính là người độc nhất vô nhị trong thời mạt pháp, câu chữ, lý sự đầy đủ, lợi ích không thể lường được! Tùy theo căn cơ của mỗi người ai nấy đều được lợi ích.

151. Thư trả lời đại sư Pháp Hải

Hơn mười năm qua tọa hạ tìm thầy hỏi đạo, tự lợi lợi tha khôn ngăn khâm phục. Nay ngài buông xuống muôn duyên, nhất tâm niệm Phật, lấy cái giác nơi quả địa làm cái tâm tu nhân, ắt sẽ tự chứng niệm Phật tam-muội, lâm chung chắc chắn lên thượng phẩm. Đã chịu dốc lòng, quyết được thành tựu. Nhưng người đời niệm Phật thì đông, chứng được tam-muội thật ít lắm, ấy là do chưa thể "buông xuống toàn thân, chỉ đề khởi một niệm"! Do vậy, thành ra tâm và Phật khó thể

[379] Đại Thừa Khởi Tín Luận Liệt Võng Sớ (còn gọi là Khởi Tín Luận Liệt Võng Sớ, hoặc Liệt Võng Sớ) gồm sáu quyển, là tác phẩm của ngài Ngẫu Ích Trí Húc, được xếp vào quyển 44 trong *Đại chánh tân tu đại tạng kinh*. Đây là tác phẩm chú giải cuốn Khởi Tín Luận (bản dịch của ngài Thật-xoa-nan-đà). Tổ Ngẫu Ích đặt tên bản chú giải này là Liệt Võng (xé rách lưới) với ngụ ý phá trừ lưới rập kiến giải sai biệt giữa hai tông Pháp Tướng và Pháp Tánh. Trong luận này, tổ đã dùng giáo nghĩa Viên giáo để phối hợp nhất tâm với chúng sanh, nêu lên vọng tâm trong quán cảnh của Viên giáo.

tương ứng. Tọa hạ đã chân thành, thiết tha buông xuống, quyết chẳng lẽ nào không chứng đắc; nhưng đối với những chuyện liễu sanh thoát tử, minh tâm kiến tánh, và "nắm được mấu chốt sự chứng đạo" cần phải phân biệt đôi chút.

Nếu dựa theo giáo lý thông thường để tu thì dù đã minh tâm kiến tánh vẫn còn cách liễu sanh thoát tử xa lắm, bởi minh tâm kiến tánh là ngộ, chứ chưa phải là chứng. Người đời nay ngộ được còn ít, huống chi là chứng! Chứng là hoặc nghiệp hết sạch, đã đoạn cái nhân sanh tử, tự chẳng cảm lấy cái quả sanh tử. Bậc Sơ quả bảy lần sanh lên trời, bảy lần trở lại nhân gian mới đoạn sạch được kiến hoặc và tư hoặc, chứng quả A-la-hán. Ngài Thiên Thai (đại sư Trí Giả) thị hiện ở địa vị Ngũ phẩm, ngài Nam Nhạc[380] thị hiện ở địa vị Thập tín. Bậc Đại sĩ như thế còn tự ẩn đức mình, thị hiện trong địa vị nội ngoại phàm phu[381], thì việc chứng đạo không phải là chuyện dễ. Đây là ước theo giáo lý thông thường, muốn ngay trong một đời này chứng đạo khó lắm.

Nếu căn cứ theo pháp môn đặc biệt mà đức Như Lai đã lập "sanh lòng tin, phát nguyện, niệm Phật cầu sanh Tây Phương" thì trên đến bậc Đẳng giác, dưới đến phường ngũ nghịch thập ác không ai chẳng nương Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Đã sanh về Tây Phương thì ngộ đạo, chứng đạo đều giống nhau khít khao, cực nhanh, cực dễ. Tọa hạ đã chuyên tâm niệm Phật, nhưng đối với chuyện lâm chung chẳng nói là "vãng sanh" mà nói là "bằng cớ chứng đạo đến tay". Phàm nói "chứng đạo" là được rồi, há nên nói là "bằng cớ đến tay", bằng cớ đến tay thì không cần phải bàn nữa, nếu bằng chứng không nắm được thì làm sao đây? Xem ngữ ý của các hạ tợ hồ chỉ niệm Phật chứ không sanh lòng tin, không phát nguyện cầu sanh. Đấy là cách Thiền, Giáo dùng câu niệm Phật như câu thoại đầu vậy, chứ không phải là pháp tín nguyện hạnh ba điều cùng hành trong Tịnh tông. Không tín nguyện niệm Phật so với tham thiền, khán thoại đầu tuy công đức lớn hơn, nhưng chưa tự đoạn hoặc, cậy vào tự lực sẽ chẳng thể liễu thoát.

Lại nữa, không có tín nguyện sẽ chẳng được Phật tiếp dẫn liễu thoát, nên vẫn là pháp môn thông thường cậy vào tự lực. Chứng đạo kiểu này chẳng phải dễ

---

[380] Tức ngài Huệ Tư, thầy của tổ Trí Khải.

[381] Là những địa vị trước khi đạt đến địa vị Kiến đạo. Theo Thành Thật Luận, tu hành Phật đạo chưa thấy được chánh lý thì gọi là phàm phu. Có trí giải tương tự đối với chánh lý thì gọi là "nội phàm", chưa phát được tương tự trí giải thì gọi là "ngoại phàm". Trong Tiểu thừa, ba địa vị Ngũ đình tâm, Biệt tướng niệm xứ, Tổng tướng niệm xứ là ngoại phàm; bốn địa vị thiện căn Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế đệ nhất là nội phàm. Trong Đại thừa, Thập tín phục nhẫn là ngoại phàm, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng là nội phàm; những địa vị này còn gọi là Địa tiền Bồ-tát.

dàng chi lắm! Đừng bảo tín nguyện cầu sanh là hèn kém, Hoa Tạng hải hội đều cùng dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh làm chỗ kết thúc cuối cùng cho kinh Hoa Nghiêm. Huống chi tất cả ngôn giáo của các Bồ-tát, tổ sư Tịnh độ đều dạy tín nguyện cầu sanh. Sao tọa hạ lại tự lập môn đình, chẳng dựa theo quy củ đã thành lập của Phật, của tổ?

Vả nữa, người suốt đời suốt ngày trọn năm niệm Phật há có nên đối với Phật chẳng hành lễ kính? Trong mười đại nguyện vương, lễ kính đứng đầu, mọi chuyện tọa hạ có thể bỏ, chứ lễ kính quyết chẳng được bỏ. Nếu không lễ Phật, sẽ khó cảm thông. Vì sao vậy? Do thân mong cầu an nhàn, thong dong, nên tâm thành cũng không cách nào đạt đến cùng cực được. Ngài Thiện Đạo chuyên tu, thân nghiệp chuyên lễ, khẩu nghiệp chuyên xưng, ý nghiệp chuyên niệm. Niệm đến cùng cực thì vị Phật trong tâm và vị Phật bên ngoài hệt như một không hai, chứng đạo như vậy thì sự chứng đạo do tự lực chẳng thể nào so sánh được. Cổ nhân nói: "Kẻ hèn kém nhờ vào sức Luân bảo[382] một ngày có thể đi khắp bốn đại bộ châu[383]", há có nên dùng pháp môn niệm Phật đặc biệt để tu quán hạnh theo đường lối tự lực thông thường? Quang tuy hạ ngu, chẳng dám tán thành. Nếu đem cái tâm thanh tịnh mảy trần chẳng nhiễm này để viên chứng tam tâm thì đời này tự chứng tam-muội, lâm chung vãng sanh thượng phẩm, xin mừng trước cho tọa hạ. Một tấm lòng ngu, kính mong soi xét.

152. Thư trả lời cư sĩ Vương Dữ Tiếp

Quang là một ông tăng tầm thường, trọn chẳng có hành trạng tốt đẹp gì, một bề ăn xin mà còn chẳng được, nên bèn nhặt nhạnh những thứ cơm thừa canh cặn vứt bỏ ngoài cửa trưởng giả đại phú để tự nuôi thân. Cũng có người chẳng hiềm chua hôi, nài ép tôi thí cho, bèn đem những thứ ấy trao ra, chỉ nhằm thích hợp giữa hai bên người xin, kẻ cho, chứ chẳng dám khiến cho người khác chán nghe chẳng muốn thấy. Do vậy, một là chẳng có tông phái gì, hai là không môn đình, ba là không quyến thuộc, chưa từng kết bạn lập hội để tham cứu cùng ai. Phàm có ai hỏi đến đều bảo nên trọn hết bổn phận, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, dẫu là người thiên tư thượng đẳng, học thức tót vời cũng dâng lên những lời ấy. Ví như bé trai dâng

[382] Tức Kim luân bảo (bánh xe bằng vàng) của Chuyển Luân Thánh Vương, Luân Vương ngự trên luân bảo này bay đi khắp bốn bộ châu.
[383] Bốn đại bộ châu là Nam Thiệm Bộ châu (Diêm-phù-đề), Tây Ngưu Hóa châu, Bắc Câu-lô châu và Đông Thắng Thần châu. Bốn châu này ở quanh núi Tu-di.

cát[384], chỉ mong bày tỏ lòng thành của mình, hoàn toàn chẳng tính xem người khác có dùng được hay chăng! Chẳng ngờ hai chữ tiện danh đã làm bẩn tai các hạ. Ngày hai mươi nhận được thư, khôn ngăn thẹn thùng, hoảng sợ, vui mừng, lo lắng xen lẫn.

Do các hạ nghe lầm lời người, lầm tưởng tôi là người trong pháp môn, nên bèn đem sai lầm đáp tạ sai lầm, trình bày quẩn quanh kiến giải hèn kém của mình để đáp tạ sự khen lầm. Biết lời mình viết cố nhiên chẳng đáng lọt vào mắt các hạ, nhưng chẳng ngại giãi bày tấm lòng mình mà thôi. Trộm nghĩ hiện nay thế đạo nhân tâm chìm đắm đến cực điểm, lại thêm quốc khố trống rỗng, thuế má nặng nề hơn trước biết bao lần, vật giá đắt đỏ, dân không lẽ sống, thiên tai, nhân họa liên miên xảy ra. Gặp thời buổi này, muốn hoằng pháp đạo chỉ có thể đối với khắp những người đến hỏi chỉ dạy họ học lấy những nghĩa trọng yếu của Phật. Với cha nói đến từ, với con nói đến hiếu, anh nhường, em kính, chồng xướng, vợ theo, ai nấy tận hết bổn phận để lập nền tảng. Từ đấy, lại thêm trọng lòng kính, giữ lòng thành, khắc kỷ, giữ lễ, hiểu nhân rõ quả, mong khỏi luân hồi, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dù thiên tư cao cũng vẫn cứ hành theo đó. Lúc có dư sức chẳng ngại nghiên cứu hết thảy kinh luận, dạy cho họ ở trong gia đình, tùy phận tu trì, chẳng cần phải tạo dựng điện đường cho nhiều, cắt đặt nhân viên cho đông, hai bên qua lại bận bịu chức vụ, tốn kém thời gian. Đây thật là cách tương kế tựu kế thích hợp nhất để hoằng pháp hiện thời.

Còn như chương trình khai khẩn chốn hoang vu của các hạ đã định, dù lúc đất nước hưng thạnh, dân chúng giàu có còn chẳng nên làm, huống chi đang lúc vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống này. Nhưng các hạ đã đưa ra đề nghị ấy, người trong toàn quốc không ai chẳng hoan hỷ khen ngợi, mừng đạo pháp sắp được hưng khởi. Quang thật ôm lòng lo lắng sâu xa, không thể không vì các hạ trình bày đại khái. Chỉ dựa theo những việc đã nêu ra trong chương trình thì số tiền vàn muôn cũng chẳng đủ dùng. Nếu các hạ có thể biến cả đại địa thành vàng ròng thì lời Quang nói quả thật là ngu si vô tri. Còn nếu muốn dựa vào sự quyên góp để thực hiện sự nghiệp trùm khắp vũ trụ này thì thật giống như giấc mộng đêm xuân, chẳng thực tế mảy may nào! Huống chi chưa từng nghe các hạ có đại

[384] Thời Phật còn tại thế, có một đứa trẻ thấy Phật hoan hỷ, kính quý, bèn dâng một vốc cát lên Phật để cúng dường.

thần thông, bất luận ai dù xa hay gần đều có cách nhiếp trì, khiến họ chẳng vượt thoát được mảy may giống như tôn giả Ưu-ba-cúc-đa[385].

Như vậy, đại sự như thế, số người sử dụng há có thể bảo đảm ai nấy đều ôm lòng vì việc chung, tuyệt đối chẳng nảy sanh mối tệ hay chăng? Con người hiện thời con thờ cha còn làm chuyện tệ hại, nữa là đại sự mênh mông không bờ bến này? Thêm nữa, con người hiện thời không có chí hướng nhất định, bất luận xã hội nào, đa phần đều thuộc loại như vậy. Nếu có kẻ mang lòng sai khác, xen vào trong ấy, dẫn dụ kẻ vô tri vô thức làm vây cánh, một mai sự việc dấy động ắt đến nỗi lửa thiêu rặng Côn Luân, ngọc đá đều cháy. Nhằm lúc nhân tâm chìm đắm đến cùng cực này, sao các hạ chẳng lo nghĩ đến điều ấy?

Thời tống, sám chủ Từ Vân qua đất Tô giảng kinh, người nghe giảng ngày đến vạn người, đêm cả ngàn người, kẻ đồ tể, kẻ bán rượu chẳng buôn bán, pháp đạo lừng lẫy, quả là chưa từng có. Ngài Từ Vân lo sợ, e rằng có điều mình chưa tính đến, ắt sẽ có chỗ vụng về. Ngài Từ Vân là bậc cao tăng đại trí tuệ, đại biện tài, lại còn có thần thông, nhằm lúc quốc gia thái bình, nhân tâm thuần thiện mà còn thận trọng như thế. Những nội hạnh bí mật của các hạ đương nhiên Quang chẳng thể biết được, nhưng căn cứ theo bên ngoài thì các hạ so với ngài Từ Vân nào chỉ như đem Thái Sơn sánh với Tu-di! Huống đang nhằm lúc trên không pháp để suy lường, dưới không pháp để tuân theo, dẫu là đại ân của cha mẹ, tình nghĩa vợ chồng riêng tư còn muốn vứt bỏ, họ công nhiên đề xướng ý tưởng "tận hiếu chính là tánh chất nô lệ, cùng chia xẻ vợ với nhau". Nếu những kẻ như vậy trà

[385] Ưu-ba-cúc-đa (Upagupta), vị tổ thứ tư của Thiền tông Ấn Độ, tên ngài còn được phiên âm là Ưu-ba-cấp-đa, Ưu-ba-quật-đa, Ô-ba-quật-đa, Ưu-ba-cúc-đề, Ưu-ba-cúc, Ưu-ba-quật, hoặc gọi tắt là Quật-đa, dịch sang tiếng Hán là Đại Hộ, Cận Tạng, Cận Hộ. Ngài là người xứ Mathura, Ấn Độ, là một trong những vị thầy nổi danh của vua A-dục (Asoka). Ngài là người nổi tiếng thông minh, từ mẫn. Ngài được vị tổ thứ ba là ngài Thương-na-hòa-tu dạy phép quán: "Nếu khởi ác tâm, bèn quán tướng có một viên đá đen ở bên trái; nếu khởi thiện tâm, quán một viên đá trắng bên phải." Ngài bèn nhiếp tâm quán niệm. Thoạt đầu đá đen rất nhiều, quán đến ngày thứ bảy, chỉ thấy tướng đá trắng. Tổ Thương-na-hòa-tu bèn thuyết pháp tứ đế, ngay khi đó, tổ Ưu-ba-cúc-đa bèn chứng quả Tu-đà-hoàn. Ngài lần lượt quán các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã, chứng lần lượt từ Nhị quả đến quả A-na-hàm. Khi xuất gia thọ cụ túc giới bèn chứng quả A-la-hán. Ngài trụ tại núi Ưu-lưu-mạn-trà ở nước Mathura thuyết pháp. Đồ chúng đông đến một vạn tám ngàn người. Ngài từng thuyết pháp cho vua nước Hoa Thị, chỉ bày các dấu tích cũ của Phật, dựng tháp cúng dường Phật và các đại đệ tử như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, A-nan v.v.. Số tháp dựng nhiều đến tám vạn bốn ngàn cái. Theo các nhà nghiên cứu hiện thời, tôn giả Mục-liên-tử-đế-tu (Moggaliputta-tissa), thầy của vua A-dục, rất có thể chính là tôn giả Ưu-ba-cúc-đa, bởi lẽ danh hiệu Mục-liên-tử-đế-tu chính là ghép tên của ngài Mục-liên và họ của ngài Xá-lợi-phất. Theo truyện ký, ngài Ưu-ba-cúc-đa trí tuệ như Xá-lợi-phất, thần thông như Mục-liên, nên rất có thể cổ nhân dùng danh xưng Mục-liên-tử-đế-tu để xưng dương tổ Ưu-ba-cúc-đa.

trộn vào thì nên xử trí thế nào? Nếu không thì họ kỵ pháp mình, lại nói bậy bạ, lại phải xử trí thế nào đây? Phàm một pháp đã lập, trăm mối tệ dần dần sanh; chẳng cẩn thận từ đầu, khó thể xong xuôi được. Vả nữa, cổ đức hoằng pháp ai nấy đều tự lập giới hạn. Các hạ vứt bỏ thời đại chuyên chế, lại lập một môn đình Phật pháp chuyên chế, mình nghiễm nhiên làm pháp vương, tự tại nơi pháp, ngàn căn cơ đều nuôi dưỡng, muôn phái đều chầu hầu; hay thì hay lắm, quả thật chỉ sợ không có sức thần thông chế phục, ắt có kẻ gian trà trộn phá hoại, hoặc ôm lòng đố kỵ, ghen ghét nên bèn vu báng, chưa thấy được ích lợi hưng thịnh pháp đã mắc vào cái họa diệt pháp. Do tâm đại Bồ-đề chuốc lấy quả ác này, người có tâm không ai chẳng đau thương! Tuy đau thương, rốt cuộc có ích gì?

Vì thế, Quang không thể không vì các hạ nói trước, chẳng tính đến chuyện người ta ghi nhận hay không. Nếu nhất quyết làm theo chương trình đã định thì Quang cũng chỉ khen ngợi cái tâm tốt đẹp của các hạ mà thôi, há có thể cưỡng các hạ đừng nên làm hay sao? Ngàn phần mong hãy đem cái tên hèn kém của Ấn Quang thủ tiêu đi, Ấn Quang quyết chẳng dám thừa nhận cái chức vị danh dự "đạo sư Thượng Tọa" đâu! Quang một mực rút lui, bởi kiến giải của mình khác với người ta. Nếu chẳng cho lời Quang là đúng, ắt sẽ có lúc phải hối nhưng không kịp. Kinh Dịch nói: "Chỉ có mình thánh nhân mới biết tiến thoái tồn vong mà chẳng mất lẽ chánh, có lẽ chỉ có mình thánh nhân đó ư?" Xin các hạ hãy suy nghĩ cặn kẽ!

153. Thư gởi cư sĩ X… ở Vĩnh Gia

Lệnh hữu cầu con tính bỏ ra trăm đồng để thỉnh 100 bộ Cảm Ứng Thiên Vựng Biên để tặng cho những bậc chánh nhân quân tử thông hiểu văn lý, có tín tâm, quả thật là công đức chẳng thể nghĩ bàn, sẽ được cảm thông. Lại nên biết để cầu con thì phải bắt đầu từ chuyện vun bồi đức, tiết dục, in tặng thiện thư chính là một cách để vun bồi đức. Nhưng không phải chỉ có mỗi cách đó, hãy xem Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn để biết cách vun bồi đức: Điều thiện thì tùy phận, tùy sức thực hành, còn điều ác thì bỏ đi như thù, như oán. Viên Liễu Phàm nỗ lực chiêm nghiệm Công Quá Cách[386], chẳng chịu bỏ lỡ mảy may gì. Vì thế, mạng

[386] Công Quá Cách là một bộ thiện thư Đạo giáo, không rõ xuất hiện vào thời nào, thường được coi là của Phù Hựu Đế Quân (tức Thuần Dương Lã Động Tân) giáng cơ, có thuyết nói là Thái Vi Tiên Quân giáng cơ. Bản Công Quá Cách hoàn chỉnh cổ nhất mang tựa đề Thái Vi Tiên Quân Công Quá Cách được chép năm 1171. Từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 18, có rất nhiều dị bản Công Quá Cách khác nhau được lưu hành. Do nội dung khuyến thiện tích cực của nó, Công Quá Cách được Phật giáo Trung Hoa đón nhận nồng nhiệt và đề xướng. Người tích cực nhất

ông ta vốn không thọ lại sống thọ, không đại công danh lại được đại công danh, không con mà có con. Nếu có thể noi theo dấu thơm ấy để mong đức ngày càng tăng trưởng, lỗi ngày càng giảm, dẫu chẳng dùng đến Công Quá Cách thì những gì Viên Liễu Phàm đạt được, lệnh hữu cũng sẽ đạt được.

Huống chi ông ta làm chủ tòa báo, nắm quyền cơ quan ngôn luận, phàm những văn tự thương phong bại tục vô ích trọn chẳng cho đăng báo. Phàm những lời hay ý đẹp khiến đời yên dân lành mỗi ngày nên đăng mấy câu, dùi mài mãi sẽ từ từ nhiễm, khiến cho con người ngày càng hướng đến điều thiện mà chẳng tự biết. Đấy chính là đại trượng phu chẳng có quyền thế mà lại thực hành quyền hạn lớn lao để cứu quốc cứu dân vậy. Đầy đủ những nhân duyên này mà không biết làm như thế, có thể nói là "tuy đã lên núi báu nhưng vẫn trở về tay không". Tiếc thay!

Chuyện tiết dục về lý rất thâm, quan hệ rất lớn, nói chẳng dễ dàng đâu nhé! Phàm trời sanh trai gái, thánh nhân phỏng theo trời lập ra quy củ cho nam nữ lập gia đình, chính là mối quan hệ lớn nhất giữa người với người, trên liên quan đến phong hóa, dưới để tiếp nối giống nòi, há phải đâu hằng ngày mong cầu khoái lạc, coi dục sự là trọng ư? Người tham dục, tinh loãng vô lực, như hạt giống lép chẳng thể nảy mầm, vì thế khó sanh con. Nếu sanh con được, đa phần chưa thành người đã chết yểu. Nếu may mắn không chết yểu thì cũng bấy bớt, yếu đuối, không thể lớn mạnh được. Nếu bảo dưỡng tinh thần, tiết dục nửa năm, đợi đến khi vợ qua kỳ thiên quý, chọn ngày lành tháng tốt, cùng nhau vui vầy, quyết sẽ hoài thai. Sau đấy, vĩnh viễn dứt dục sự thì đứa con được sanh ra chẳng những tánh hạnh trinh lương, dục niệm mỏng nhẹ, mà thể chất mạnh mẽ, không lo bị thai độc, đậu chẩn[387], tật bệnh v.v.. "Thiên quý" tức là hành kinh vậy. Phải qua kỳ kinh nguyệt mới đậu thai được, những lúc khác chẳng thể thọ thai. Khi kinh nguyệt chưa hết, trọn chẳng được ân ái. Ân ái thì người vợ sẽ mắc bệnh dây dưa, đừng mong chi hoài thai nữa.

Chuyện quan hệ lớn lao của con người há có thể làm vào ngày xấu, tiết xấu, vì thế phải chọn lấy bữa tốt lành. Thiên Nguyệt Lệnh của sách Lễ Ký[388] có chép

---

chính là tổ Vân Thê Liên Trì, cuốn Tự Tri Lục của Ngài được viết theo tinh thần Công Quá Cách. Hiện nay bản được phổ biến nhất là bản đầu đời Thanh mang tựa đề Thái Vi Tiên Quân Lữ Thuần Dương Tổ Sư Công Quá Cách. Công là những điều thiện, Quá là những chuyện ác. Ghi chép lại như nhật ký để tự sửa đổi nên gọi là Cách.

[387] Thai độc: các bệnh truyền nhiễm từ người mẹ lây sang con trong khi mang thai. Đậu chẩn: các loại sởi, ban đỏ, thủy đậu v.v..

[388] Lễ Ký là một bộ cổ thư ghi chép những nguyên lý về lễ nghi, ứng xử thời cổ. Tác phẩm này là công trình ghi chép, san định của các môn đệ Khổng tử và các học giả đời sau. Thoạt đầu,

thánh nhân vào lúc giữa xuân, trước khi sấm động ba ngày, đánh mõ lớn để truyền cho dân biết: *"Lôi tương phát thanh, hữu bất giới dung chỉ giả, sanh tử bất bị, tất hữu hung tai"* (Sấm sắp động, kẻ nào chẳng biết kiêng cử chuyện ăn nằm thì sanh con chẳng vẹn toàn, ắt bị tai họa hung hiểm). "Gõ mõ gỗ truyền lệnh cho nhân dân" là sai quan địa phương truyền báo cho trăm họ, "dung chỉ" còn gọi là động tịnh, "bất giới dung chỉ" (chẳng biết kiêng cử chuyện ăn nằm) là cứ ân ái, "sanh con chẳng vẹn toàn" nghĩa là ngũ quan[389] chẳng hoàn toàn v.v.. Trong đời thường có kẻ sanh con chẳng ra người, hoặc thân hình thiếu sứt đều là vì lẽ này. "Ắt có tai họa hung hiểm", ý nói cha mẹ còn gặp tai ương nguy hiểm như mắc bệnh ngặt nghèo, yểu thọ v.v., chứ chẳng phải chỉ sanh con không vẹn toàn. Thời xưa, thánh vương coi trọng mạng dân nên đặc biệt chú ý đến điều này, gõ mõ gỗ để báo cho dân biết. Chẳng những khi sấm sắp động nên kiêng kỵ, mà ngay cả khi mưa to gió lớn, gặp ngày có sao xấu, và lúc đổi mùa, nhằm ngày đản sanh của Phật, thánh đều nên kiêng kỵ cả.

Đây thật là đại đạo tôn trời kính thánh, tuân theo vương pháp, giữ vẹn nhân luân. Tiếc rằng người đời nhất loạt chẳng chịu nói ra điều này khiến cho thể chất của con cháu đời sau ngày càng tệ hơn đời trước, hoặc là tuổi trẻ đã sớm chết yểu, hoặc vì hành dục quá độ, dẫu không chết yểu, cũng trở thành suy tàn, không làm nên trò trống gì. Quá nửa đều là do cha mẹ chẳng biết đạo nhân luân mà nên nỗi! Cha mẹ không biết là vì ông bà không dạy. Lúc con cái trưởng thành, nên đem những chuyện tiết dục bảo tồn thân thể v.v. cặn kẽ bảo ban, cha dạy con gái không tiện, còn mẹ thì không ngại gì. Làm được như thế mới là thật sự yêu thương con cái. Nhưng thế gian yêu thương đa phần là mặc cho nó phóng túng dục sự thì cái hại ấy còn quá giết chết con cái nữa, chẳng đáng buồn ư?

Thánh nhân trọng thai giáo, hết sức chú ý đến điều này, lúc chưa có thai đã chuẩn bị dạy sẵn. Tôi lạm dự vào tăng chúng, há nên lại bàn chuyện ăn nằm giữa vợ chồng? Là vì trước khi xuất gia đã từng coi những lời luận bàn chí lý của cổ nhân về chuyện củng cố cái gốc, nên muốn truyền cho tri kỷ để báo cái ân hộ pháp. Một lẽ nữa là vì đức Phật là đại y vương, không bệnh nào chẳng trị, Quang

---

bộ sách này gồm 214 thiên. Về sau, Đới Đức san định, rút gọn thành 85 thiên, tục gọi là Đại Đới Ký. Về sau, Đới Thánh đời Hán lại chỉnh lý lần nữa, rút gọn thành 49 thiên, tục gọi là Tiểu Đới Ký. Lễ Ký thông dụng hiện thời chính là Tiểu Đới Ký. Nguyệt Lệnh là một thiên sách trong Lễ Ký, ghi chép những chánh lệnh trong 12 tháng. Chánh lệnh là những quy định, lễ nghi phải tuân thủ theo quan điểm cổ nhân.

[389] Ngũ quan: Theo tự điển Từ Hải, ngũ quan có hai cách hiểu: 1. Tai, mắt, mũi, miệng, tim; 2. Tai, mắt, mũi, miệng, da.

làm đệ tử Phật cũng muốn tùy phận, tùy sức hành y đạo. Căn bệnh này là căn bệnh lớn chung của cả thế gian, nếu cứ để cho căn bệnh lớn phổ biến của cả thế gian này mặc tình phát sanh nảy nở, chuyên đi trị những căn bệnh riêng biệt nhỏ nhặt khác, há chẳng phải là điên đảo không phân nặng nhẹ hay sao?

Đặng Bá Thành cũng muốn cầu con, Quang viết thư cũng lược thuật ý này, đến khi ông Úy Như ấn hành ba lá thư ấy và in bộ Văn Sao đều lược đi, vì cho rằng chuyện ấy chẳng hợp với tăng sĩ, cũng chẳng hợp với những gì đã nói trong Phật pháp. Ý ấy cố nhiên là tốt lành, nhưng người ta khổ vì không con, dám đem sự ấy hướng về Phật mà cầu, hướng về tăng mà nói, tăng bèn vì người ấy nói đầu đuôi thiện pháp, khiến cho con cháu người ấy đều được đại thọ dụng thì nào có lỗi gì! Cho rằng tăng dạy người tiết dục là lạm bàn dâm dục, hóa ra tăng dạy người tránh giết chính là dính vào sát nghiệp sao?

Nhưng chuyện này chẳng thể nói cùng kẻ vô tri vô thức, sợ hắn không hiểu được ý, trái lại còn giễu cợt. Nếu nói cùng người quân tử hiểu lý, đúng là chẳng có địa vị mà lại gõ mõ gỗ để hiệu triệu nhân dân. Trị khi chưa loạn, giữ đất nước khi chưa nguy chính là cùng một phương kế với điều này vậy. Bảo nói đến chuyện này là sai trái thì thánh vương, thánh hiền, Phật, Bồ-tát chính là đầu sỏ gây lỗi vậy. Ở Hồ Nam có một nho sĩ họ Lưu, không nhớ tên, cưới vợ nhưng không gần gũi, vợ bảo: "Cưới vợ vốn để sanh con, ông không gần gũi thì dòng giống bị đoạn tuyệt", bèn gần gũi một lần, sanh được con, nhân đó đặt tên là Truyền Chi, rồi tuyệt dục. Vợ lại bảo: "Chỉ một mụn con, trơ trọi không nương tựa, chi bằng sanh thêm một đứa nữa." Lại gần vợ lần nữa, lại sanh con, đặt tên là Tái Chi, hai con đều vào viện Hàn Lâm. Cả đời người ấy chỉ ân ái hai lần, nhưng lại ghi rõ những ngày nên kiêng ăn nằm, cũng như thanh tâm ít dục, bảo tồn nguyên khí, khang kiện tinh thần, chép vào trong gia phả ngõ hầu con cái đời đời tuân theo đó. Một người bạn ở Hồ Nam kể cho tôi nghe chuyện này.

Muốn cầu quý tử mà bỏ cách này để cầu thì dù có được, cũng chỉ là chuyện cầu may; cầu theo cách này thì cầu ắt được! Phàm đỗ đạt đều là do tổ phụ có đại âm đức, nếu không âm đức mà cứ dùng sức người để phát khởi ắt sẽ có đại họa về sau, chẳng thà không phát còn tốt hơn. Xem khắp từ xưa đến nay, bậc đại thánh đại hiền sanh ra đều là do tổ phụ tích đức mà được, đại phú đại quý cũng thế. Con cháu sanh trong phú quý chỉ biết hưởng phước tạo nghiệp, quên mất tổ phụ đã một phen vun bồi, do đấy chôn vùi tổ đức, phá sạch tổ nghiệp, trở thành nghèo hèn. Đấy chính là căn bệnh chung cho những người phú quý trong cả cõi đời.

Đời đời giữ được đức tổ tiên, vĩnh viễn không thay đổi chỉ có nhà họ Phạm ở Tô Châu xưa nay là bậc nhất, từ Văn Chánh Công (Phạm Trọng Yêm[390]) đời Tống cho mãi đến cuối đời Thanh, hơn 800 năm gia phong chẳng đọa, luôn luôn đỗ đạt, có thể nói là nhà đức hạnh thư hương đời đời. Họ Bành (dòng họ của ông Bành Tế Thanh) ở Trường Châu từ đầu đời Thanh đến nay đỗ đạt đứng đầu thiên hạ. Nhà ấy bốn năm người đỗ trạng nguyên, có khi anh em cùng đỗ ba hạng đầu của bảng vàng, nhưng họ đời đời sùng phụng Phật pháp, dẫu là trạng nguyên, tể tướng vẫn hằng ngày đọc Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn ngõ hầu thành ý chánh tâm, làm tấm gương tận trung với vua, yêu dân. Kẻ cuồng sinh kia cho những sách ấy là những chuyện để ông già, bà cả dốt nát thực hành, chẳng những không biết vì sao thánh hiền thành thánh hiền mà còn chẳng biết con người phải nên làm người như thế nào nữa. Sống làm thây đi thịt chạy, chết mục nát cùng cỏ cây, nhưng ác nghiệp khó tiêu, vĩnh viễn trầm luân ác đạo. Bọn họ vênh váo tự cho mình là người thông suốt hiểu rộng đến nỗi đời sau trong thời gian không biết là bao lâu sau, những danh từ "trời đất, cha mẹ" còn chẳng được nghe.

Muốn cho con cháu chẳng theo con đường hư hỏng, cùng vào chánh đạo, hãy nên dùng Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, Âm Chất Văn Quảng Nghĩa làm kim chỉ nam định hướng, dù thế tục tập nhiễm sóng ác ngập trời, mây đen che khuất mặt trời cũng chẳng đến nỗi không biết phương hướng, lạc lõng, chìm đắm. Nếu không, dẫu gió lặng, sóng yên, mặt trời rạng chiếu, cũng khó giữ khỏi lặn ngụp, bị đắm chìm mất. Huống chi trọn chẳng có hy vọng thế đạo nhân tâm sẽ sóng yên, gió lặng, mặt trời chiếu rạng. Phải biết hai chữ *âm đức* bao trùm rộng lắm, khiến cho con em người ta được thành tựu, khiến cho chúng được dự vào bậc thánh hiền, cố nhiên là âm đức. Thành tựu con em của chính mình, khiến cho chúng nó được dự vào bậc thánh hiền cũng là âm đức. Trái lại, khiến cho con em người ta bị lầm lạc cố nhiên bị tổn đức, mà làm con cái mình lầm lạc cũng bị tổn đức. Nếu đủ sức làm được thì còn may mắn nào hơn? Nếu không thì hãy nêu gương thánh,

[390] Phạm Trọng Yêm (989-1052), người đời Tống, tự là Hy Văn, mồ côi cha từ năm hai tuổi, nhà nghèo nên mẹ phải tái giá. Lớn lên một chút, bèn bỏ nhà ở nhờ ngôi chùa trong làng, dốc sức học hành. Sau đỗ tiến sĩ, giữ chức Giảo Lý trong Bí thư các. Thường khảng khái luận chuyện thiên hạ, sĩ phu đương thời rất kính trọng. Ông làm tướng thời Tống Nhân Tông, trấn thủ tỉnh Thiểm Tây, phòng ngự quân Tây Hạ, giặc chẳng dám xâm phạm. Sau bị sàm báng, bị truất làm Thị lang bộ Hộ. Ông mất năm Hoàng Hựu thứ tư, hưởng thọ 64 tuổi, được truy tặng chức Binh bộ Thượng thư, đặt thụy hiệu là Văn Chánh (do vậy, tổ Ấn Quang thường gọi ông là Văn Chánh Công). Trọng Yêm nghiêm trì giới luật, khắc khổ tinh chuyên. Dù làm quan lớn, thích thân cận cao tăng, tham cứu thiền pháp, thích làm lành, bố thí, tạo nghĩa điền (ruộng nghĩa) nuôi người nghèo. Ngày ông mất, tiếng than khóc khôn xiết kể, dân chúng khóc như mất cha mẹ vậy.

gương hiền qua những cư xử hằng ngày trong gia đình, đấy chính là tu chân ngay trong cõi tục, hiện thân cư sĩ để thuyết pháp vậy. Mong ông hãy đem ý này bảo cùng lệnh hữu và hết thảy bạn tri giao, tha thiết bảo ban, chưa bao giờ không phải là một cách để tự lập, lập người, tự lợi, lợi tha vậy!

154. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm (thư thứ nhất)

Nhận được thư biết phu nhân mắc phải bệnh tật đã hơn cả tháng, dùng thuốc khó khăn, các thầy thuốc đều bó tay. Nhằm ngay lúc này, đúng là lúc nên dùng thuốc a-già-đà trị chung vạn bệnh, các hạ hay đem thuốc này thí khắp cho người, sao đối với bệnh của phu nhân lại chần chừ, lo ngại khó dùng thuốc này vậy? Lệnh lang, lệnh ái, lệnh tức[391] v.v. đều thọ ân sanh thành; đúng ngay lúc thân mẹ mắc bệnh nặng, sống chết khó bảo đảm này, hãy dạy họ ai nấy vì mẹ chí thành khẩn thiết niệm "Nam-mô A-di-đà Phật", để cầu tuổi thọ mẹ chưa hết sẽ chóng lành bệnh, tuổi thọ đã hết sẽ mau được sanh về Tây Phương. Các cậu con trai… hiếu tâm thuần thành, sốt sắng, ắt đều như cứu đầu cháy, sẽ thường trì niệm. Như thế chẳng phải chỉ hữu ích cho phu nhân mà còn có lợi ích sâu xa cho các cậu con trai, các cô con gái v.v. nữa. Phàm con người mắc bệnh, có thể dùng thuốc để trị được thì cũng không nhất quyết chẳng dùng đến thuốc. Nếu chẳng dùng thuốc để trị được thì dù có thuốc tiên cũng vô ích, huống gì là thuốc thế gian?

Bất luận bệnh có trị được hay không, đều nên uống thuốc a-già-đà, thuốc này tuyệt đối chẳng hại người, uống vào dù thân hay tâm đều thấy công hiệu. Người sống trong thế gian, bất luận lâu mau, rốt cục đều phải chết. Chết không đáng tiếc, chết rồi sẽ đi về đâu há chẳng nên sắp đặt sẵn ư? Người có sức tự mình sắp đặt thỏa đáng sẵn sàng thì khi lâm chung cố nhiên chẳng cần đến ai khác giúp đỡ, nhưng nếu được phụ trợ lại càng thêm đắc lực. Người không có sức nên bảo gia thuộc thay mình niệm Phật, ắt đề khởi được chánh niệm, chẳng đến nỗi bị ân ái buộc ràng, vẫn cứ bị ái tình trói buộc y như cũ, trụ mãi nơi đây không thoát ra được.

Quang nói lời này chẳng những vì lệnh phu nhân tính kế mà còn vì thái phu nhân đã 83 tuổi, dẫu đức của các hạ đủ để kéo dài tuổi thọ của mẹ, sau này rốt cuộc phải có ngày qua đời. Sợ các hạ chưa thể nghĩ tới điều này, lại chú ý lo chạy thuốc men, tức là bỏ gốc theo ngọn, chẳng đạt lợi ích. Trái lại, khiến cho nhất tâm niệm Phật do bận bịu nơi thuốc men thành ra gián đoạn, chẳng thể thuần nhất, như thế sẽ bị tổn hại lớn. Vì thế, nương theo căn bệnh của phu nhân, trình bày sẵn

[391] Lệnh tức: Tiếng gọi con dâu người khác một cách kính trọng.

để các hạ tận tâm lực lo cho điều mà thần thức của mẹ sẽ đạt được, ngõ hầu rốt cuộc các hạ có thể báo được ân mẹ. Nay đem bài "Nêu tỏ ý nghĩa Phật tánh và trợ niệm cho trần liễu thường"[392] gởi kèm theo thư, tuy văn không tao nhã, trôi chảy, nhưng ý nghĩa thì có thể chấp nhận được.

Đối với việc cầu an cho người bệnh, tiến vong, người đời nay hay chú trọng tụng kinh, bái sám, làm đàn Thủy Lục[393] v.v.. Quang đều bảo những bạn bè quen biết nên niệm Phật, bởi niệm Phật lợi ích hơn tụng kinh, bái sám, làm đàn Thủy Lục nhiều lắm. Vì sao vậy? Tụng kinh thì người không biết chữ chẳng thể đọc theo, dù biết chữ nhưng tụng nhanh như nước chảy thì người miệng lưỡi hơi chậm chạp cũng không tụng được. Người biếng nhác tuy tụng được nhưng cũng không chịu tụng, thành ra hữu danh vô thực. Bái sám, làm đàn Thủy Lục cũng cứ theo đó mà suy. Niệm Phật thì không một ai chẳng thể niệm được, dẫu cho kẻ biếng nhác không chịu niệm, nhưng mọi người đồng thanh cùng niệm, kẻ ấy nếu không bịt tai thì một câu Phật hiệu cố nhiên sẽ rành rẽ phân minh rót vào tâm, tuy chẳng niệm mà cũng chẳng khác gì niệm. Như người nhiễm hương thân có mùi thơm, tuy không cố ý muốn thơm mà ngờ đâu lại được như thế. Vì thân quyến đảo bệnh, cầu siêu, không thể không biết điều này.

155. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm (thư thứ hai)

Ngày 28 tháng 5 nhận được thư viết ngày 24, biết tôn phu nhân bệnh tình trầm trọng, các thầy thuốc đều bó tay, nhân đó yêu cầu gia quyến vì bà ta niệm Phật ngõ hầu tuổi thọ chưa hết sẽ mau lành, tuổi thọ đã hết sẽ mau được vãng sanh. Chẳng ngờ phu nhân tịnh nghiệp đã chín muồi bèn thoát xác ra đi, hôm qua nhận được thư Khế Tây gởi đến mới biết, khôn ngăn than thở cho các hạ đã mất đi vợ hiền, lệnh lang mất nơi nương tựa. Nhưng phu nhân túc căn sâu dày, nên mới khiến cho lệnh từ[394], các hạ và lệnh lang v.v. cùng tha thiết nghĩ đến sự vô thường, gấp cầu xuất ly, riêng dùng thân mình thuyết pháp, ngõ hầu mọi người cùng tu

[392] Xin coi bài "Sự tích vãng sanh của ưu-bà-di Trần Liễu Thường và nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của Phật tánh" trong quyển 4.

[393] Còn gọi là Thủy Lục Trai, Thủy Lục Đạo Tràng, Bi Trai Hội. Đây là pháp hội thí thực cho tất cả hữu tình sống trong nước (thủy) trên đất liền (lục) và các loài ngạ quỷ. Nguyên khởi do Lương Võ Đế (Tiêu Diễn) mộng thấy có vị tăng dạy lập đàn Thủy Lục, cúng thí cho lục đạo tứ sanh. Vua bèn ra lệnh cho biên tập khoa nghi từ các kinh điển, dựa theo chuyện A-nan gặp ngạ quỷ Diện Nhiên (quỷ mặt bốc lửa cháy bừng bừng), được Phật dạy tạo *bình đẳng hộc* để thí cho ngạ quỷ, soạn ra khoa nghi, tu Thủy Lục Trai Hội tại chùa Kim Sơn khoảng năm 504. Khoa nghi này được các đời sau bổ sung chi tiết hơn.

[394] Lệnh từ: tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng mẹ người khác.

tịnh nghiệp, đồng sanh Tịnh độ vậy! Quang được lọt vào mắt xanh, cũng chẳng thể không tận hết tấm lòng, nhưng Quang luôn khác với người đương thời, tuy hết sức đau buồn trước tang tóc của thân hữu, nhưng trọn chẳng làm những chuyện phúng viếng, viết điếu văn v.v., chỉ trong khóa tụng sáng tối, đối trước Phật hồi hướng một hai thất cho trọn tình bạn. Chiều tối hôm qua đã vì phu nhân hồi hướng, toan lấy hai thất làm chừng, nhưng ban ngày đủ mọi chuyện bận rộn, chỉ ban đêm mới có lúc rảnh. Mong các hạ đem đại nghĩa khai thị cho các con để họ lắng buồn, niệm Phật, ngõ hầu người mất, kẻ còn đều được lợi ích. Nếu chấp theo tình đời, buồn đau đến cùng cực, rốt cuộc có ích gì cho vong linh của mẹ đâu.

Làm Phật sự, bất tất phải niệm kinh, bái sám, làm đàn Thủy Lục, bởi những chuyện ấy đều thuộc bề ngoài, nên chuyên niệm Phật, khiến cho các con trai gái từ đầu đến cuối đều niệm theo, những người nữ nên ở trong phòng niệm, chẳng nên ngồi sau chư tăng. Như thế thì chẳng những tôn phu nhân và lệnh quyến thật sự được lợi ích mà ngay cả những vị tăng niệm Phật và những ai thấy nghe không ai chẳng được lợi ích. Phàm khi làm Phật sự, nếu chủ nhân chịu tham dự đàn tràng thì tăng sẽ tự phát tâm chân thật, nếu chủ nhân chỉ làm cho đủ lệ thì tăng cũng chỉ làm chiếu lệ. Như một kỳ Phật sự đã xong, trong ban đêm tổ chức lễ Diệm Khẩu[395] là xong.

---

[395] Diệm Khẩu: Pháp sự nhằm thí thực cho ngạ quỷ căn cứ trên kinh Cứu Bạt Diệm Khẩu Ngạ Quỷ Đà-la-ni. Pháp hội này lấy ngạ quỷ làm đối tượng chủ yếu để cúng thí, thường được cử hành nhằm hồi hướng công đức cầu siêu cho người đã khuất. Pháp cúng căn bản của Diệm Khẩu là cúng nước sạch, cùng một chút thức ăn như cơm, mì, bánh trái v.v. tụng chú Biến Thực, chú Cam Lộ Thủy mỗi thứ bảy biến, xưng danh hiệu các vị Phật Đa Bảo, Diệu Sắc Thân, Ly Bố Úy v.v. rồi đổ vào chỗ đất sạch. Về sau, những nghi thức Diệm Khẩu thêm vào các khoa phức tạp hơn như thăng tòa, nhập định, sái tịnh, quy y, đạo tràng quán, hiến mạn-đà-la v.v.. Theo Mật điển, khoa nghi này không được cử hành kéo dài quá 11 giờ đêm, vì sau giờ đó các ngạ quỷ không ăn được nữa. Bản kinh Diệm Khẩu được dịch sớm nhất ở Trung Hoa bởi ngài Thật-xoa-nan-đà (tức kinh Cứu Diện Nhiên Ngạ Quỷ Đà-la-ni và Cam Lộ Đà-la-ni) vào đời Đường. Về sau, ngài Bất Không Tam Tạng dịch thêm kinh Du-già Tập Yếu Cứu A-nan Đà-la-ni Diệm Khẩu Nghi Quỹ. Đến đời Tống, do nhận thấy chư sư thực hành khoa này chưa đúng cách nên ngài Tuân Thức bèn soạn lại nghi thức, ngoài các mật chú, còn thêm phương pháp quán tưởng của tông Thiên Thai, chia pháp thí thực thành ba loại: Hộc Liệu, Minh Đạo và Thủy Lục. Hộc Liệu chính là Du-già Diệm Khẩu, Minh Đạo chính là đại trai Vô Giá thí thực cho người cõi âm. Thế nhưng vẫn có vị như Tông Hiểu chủ trương thí chung tất cả như thí Khoáng Dã Quỷ Thần, Quỷ Tử Mẫu v.v.. Đến đời Nguyên, do ảnh hưởng của Mật giáo, nghi thức Du-già Diệm Khẩu của Tây Tạng được truyền vào Trung Hoa. Nghi thức này cũng hơi giống với khoa nghi kinh Du-già Tập Yếu Cứu A-nan Đà-la-ni Diệm Khẩu Nghi Quỹ do ngài Bất Không dịch, nhưng thêm các phần tam quy, Đại Luân Minh Vương Thần Chú, Chuyển Pháp Luân Bồ-tát Chú, danh hiệu 35 vị Phật, Phổ Hiền Hạnh Nguyện Kệ, nhập Quán Âm định, Phá Địa Ngục chân ngôn, phần sau lại thêm những chú như Tôn Thắng Chân Ngôn, Kim Cang Tát Đỏa Bách

Quang đem chuyện 43 năm trải đời của mình tỏ bày cho tri kỷ, nếu chẳng coi lời này là hủ bại thì may mắn lắm! Thư chưa dán đã thấy bưu tá mang thư các hạ viết hôm mồng Năm đến, nhân đấy biết phu nhân bệnh tình tuy nặng, nhưng chánh niệm vẫn phân minh, đã có thể thường thấy Đại sĩ, lại thêm có tín nguyện, có thể đoan chắc bà ta được vãng sanh. Như trong thư nói cho người đã khuất ăn mặc theo kiểu ni cô thì không nên; bà ta đã nguyện thọ tam quy ngũ giới thì vẫn cứ mặc thường phục, đắp thêm pháp y lên trên là được rồi (pháp y chính là áo dài tăng nhân thường mặc), hoặc mặc vào thân, hoặc xếp vào trong quan tài. Nếu quan tài đã đóng thì đốt trước linh vị, quy y thọ giới sẽ tiến hành trong đêm nay, một mình Quang đối trước Phật kiền thành lễ bái xong, sẽ thuyết giới cho phu nhân. Vì thế, chẳng nên dùng các nghi thức phô trương lòe loẹt, chỉ nên lấy lòng chí thành cảm thông là được rồi. Pháp danh sẽ là Uẩn Không, trở thành tam quy ngũ giới ưu-bà-di vậy. Nếu làm như hình thức ni sư thì về sự, về lý đều bị trở ngại.

Nên khuyên lơn các con trai gái, dâu v.v. lấy chí thành tựu sự vãng sanh cho mẹ làm hiếu, nỗ lực thay mẹ niệm Phật, ngõ hầu phẩm sen được cao thêm, hoa nở mau hơn, đấy mới là tận hiếu. Đừng uổng công bắt chước người đời làm chuyện vô ích gây hại cho chuyện hữu ích. Còn về tang sự, từ đầu đến cuối chẳng ăn mặn, để nhờ vào đây dạy dỗ cho kẻ ngu tục. Đấy cũng là trách nhiệm lớn lao của ông vậy!

156. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm (thư thứ ba)

Thư ngày mồng Chín đã nhận được, hôm qua nhận được thư ngày mồng Mười, biết tôn phu nhân quả thật được vãng sanh, trọn không còn nghi ngờ gì nữa! Đời trước bà ta đã vun bồi lớn lao nơi pháp môn Tịnh độ, tiếc rằng các hạ đề xướng hơi chậm, chứ nếu đề xướng trước đó 10 năm khiến cho đối với pháp môn Tịnh độ dù sự hay lý thảy đều hiểu rõ, lại thêm tận lực tu tập thì bà ta sẽ thành tựu tịnh

---

Tự Chú v.v.. Đến đời Minh, do các khoa nghi Diệm Khẩu truyền thừa bất nhất, trở thành mạnh ai nấy làm theo cách mình, nên ngài Thiên Cơ bèn san định lại, lược bỏ những chỗ rườm rà, soạn thành Tu Tập Du-già Tập Yếu Thí Thực Đàn Nghi, khoa nghi này được gọi là Thiên Cơ Diệm Khẩu. Tổ Vân Thê Liên Trì của Tịnh tông lại san định khoa nghi Diệm Khẩu của ngài Thiên Cơ một lần nữa, soạn thành Tu Thiết Du-già Tập Yếu Thí Thực Đàn Nghi, đồng thời viết lời chú giải. Năm Khang Hy 32 (1693), ngài Đức Cơ ở núi Bảo Hoa lại biên tập khoa nghi do tổ Liên Trì soạn một lần nữa, đặt tên là Du-già Diệm Khẩu Thí Thực Tập Yếu. Khoa nghi này thường được gọi là Bảo Hoa Diệm Khẩu. Ngày nay, hai khoa nghi Diệm Khẩu được sử dụng phổ biến nhất ở Trung Hoa là Thiên Cơ và Bảo Hoa Diệm Khẩu. Ở Việt Nam, khoa nghi Trai Đàn Chẩn Tế do chư tổ người Việt soạn, có các bước pháp sự gần giống với đàn Thủy Lục hơn Diệm Khẩu.

nghiệp không biết cao trỗi hơn bao nhiêu lần nữa. Bình thời, tâm yêu thương con cháu sâu nặng, tự nghĩ mình yếu hèn, đến lúc lâm chung lại bỏ sạch tình ái, quyết chí cầu sanh, đấy chính là thiện căn đời trước sai khiến. Bình thời, nằm hướng mặt về Đông, lúc lâm chung ngoảnh mặt về Tây nằm bên hông phải, cũng là do sức thiện căn đời trước xui khiến nên mới không mong cầu mà được như vậy. Lúc lâm chung có những thứ tướng lành sẽ chắc chắn vãng sanh, không cần phải khám xem hơi nóng nơi đảnh và ngực chỗ nào lạnh trước. Mặc pháp y hiện hình tướng đệ tử Phật, thỏa mãn ý nguyện, thật tốt lành thay!

Đã dặn dò con trai, con gái, dâu… sáng chiều đối trước bài vị niệm Phật cho nhiều thì các hạ nên khai thị cho họ biết: Thỏa nguyện cho thần thức của mẹ chính là hiếu cùng cực; dù thật sự được vãng sanh vẫn phải chí thành niệm Phật để cầu cho phẩm sen được tăng cao, mau chứng Vô sanh, ai nấy tận hết lòng hiếu kính. Chuyện này tuy là lợi lạc cho vong linh nhưng cũng giúp cho con trai, con gái, dâu v.v. cùng gieo căn lành. Nếu đứa cháu nào niệm được cũng bảo chúng niệm theo. Lúc lâm chung, cả nhà không khóc lóc, niệm Phật là có lợi ích nhất. Lúc ấy tuy ngắn ngủi nhưng nên trong ba tiếng đồng hồ, không dứt tiếng niệm Phật, chẳng cất tiếng khóc, và di chuyển v.v. là tốt nhất. Mong hãy nhớ kỹ!

Lục số[396] cũng không cần phải bày vẽ thêm thắt, bởi nó không quan trọng, khẩn yếu, nếu cho đó là nhất định thì lại thành ra xuyên tạc. Phải biết *sáu* là con số của quẻ Khôn, phu nhân trọn vẹn đức hạnh người nữ, kham làm khuôn mẫu cho đời, dẫu cho không có con số nào là sáu, nhưng từ sống đến chết, hằng ngày xoay vần trong con số sáu, vì thế không một hơi thở nào không phải là sáu. Ý nghĩa của con số sáu là tận tụy làm, chứ không phải ở nơi năm tháng, nhà cửa v.v.. Năm tháng, nhà cửa trúng nhằm con số sáu cũng rất bình thường, trọn chẳng có mảy may gì lạ lùng, đặc biệt cả. Ấy là "các pháp từ duyên sanh, các pháp theo duyên diệt".

Người ác nghiệp nặng cứ hở ra là bị tai họa, người thiện căn sâu dày, không gì chẳng tốt lành, cũng là tự nhiên như thế, chẳng an bài gì mà tợ hồ thật sự có an bài. Người đời muốn được tốt lành, may mắn nhưng chẳng biết vun bồi đức, như phá hủy đuốc để cầu ánh sáng, muốn đi về hướng Nam mà xoay bánh xe hướng

[396] Lục số: một khái niệm dựa theo Dịch Học. Căn cứ theo Hà Đồ Lạc Thư, người ta chia ra thiên số và địa số. Địa số gồm những số chẵn 2, 4, 6, 8, 10. Số 6 thuộc âm, hào âm cũng được gọi là hào lục. Quẻ Khôn (tượng trưng cho đất, cho nữ giới) cũng thuộc về âm. Phép lục số ở đây là nói đến chuyện coi ngày giờ chết để đoán định sự cát hung cho người thân còn đang sống.

về phía Bắc, uổng công nhọc nhằn khổ tâm, bị tổn hại vô ích. Mong hãy đem nghĩa này bảo cùng lệnh lang và dâu, con v.v. sẽ có lợi lớn lắm. Chuyện làm Phật sự, Quang trước đây đã nói rõ rồi, mong đừng bắt chước thói đời, làm những chuyện sáo rỗng.

Nếu niệm Phật suốt 49 ngày thì so với chuyện tụng kinh lợi ích nhiều hơn lắm. Phép niệm Phật trọng tại tín nguyện, tín nguyện chân thành, khẩn thiết, dù trong tâm chưa thể thanh tịnh, cũng được vãng sanh. Vì sao vậy? Do trong tâm có Phật để có thể cảm, nên Phật Di-đà bèn ứng, như nước trong sông biển, chưa thể trọn không có tướng động, nhưng hễ không có gió bạo, sóng cuồng thì vầng trăng sáng trên không trung sẽ hiện bóng rõ ràng, cảm ứng đạo giao như mẹ con nhớ nhau. Những ai chuyên trọng tự lực, chẳng cậy vào Phật lực là vì không biết đến nghĩa này vậy!

157. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm (thư thứ tư)

Nhận được thư khôn ngăn mừng rỡ, tôn phu nhân đời trước có đại thiện căn, nên được các hạ uyển chuyển giúp thành tịnh nghiệp, hỗ trợ vãng sanh. Lại còn suất lãnh con trai, con gái, dâu v.v. niệm Phật dài lâu, há chẳng riêng gì người mất được lợi, mà quả thật cũng khiến cho những người kia gieo thiện căn sâu xa. Lập pháp như thế có thể nói là đại từ, so với người đời vẫn giữ chuyện sát sanh nên bị chiết phước tổn thọ, khiến người mất bị lụy chốn u đồ, há có thể sánh kể được ư?

Chuyện của tôn phu nhân có thể nói là đúng pháp, nhưng thái phu nhân tuổi đã 83, hãy nên thường khuyên dụ, khiến cho cụ tín nguyện niệm Phật. Nếu muốn cho cụ suốt ngày niệm Phật, e rằng chẳng thể làm như thế được. Trước đây tôi đã từng muốn lập cách để trợ niệm ngay khi còn sống, nhưng nghĩ chưa ra. Khi trấn thủ sứ Vương Duyệt Sơn đưa mẹ lên núi, thấy quyến thuộc đông đảo, nhân đấy tìm được một cách trợ niệm tuyệt diệu; tôi đã từng nói đại lược cùng ông ta, nay cũng đem những lời đã bảo cùng ông ta kể với các hạ. Nếu các hạ thực hành được thì ông ta cũng chẳng đến nỗi coi thường bỏ xó, cũng là đạo tự lợi, lợi tha vậy.

Trong quyến thuộc của các hạ thì các ông con trai ai nấy đều có công việc làm, cố nhiên khó thể thường xuyên hành theo được, nhưng các con dâu thì vô sự rảnh rỗi, bọn tớ gái như các bà vú v.v. cũng không có chuyện gì quan trọng, nên dạy bọn họ căn theo đồng hồ, suốt ngày ở bên cạnh thái phu nhân, lớn tiếng niệm Phật nửa tiếng đồng hồ. Hết giờ lại đổi phiên, suốt ngày không ngớt tiếng niệm Phật. Thái phu nhân có thể niệm theo thì cũng tốt, nếu chẳng thể niệm theo thì hãy bảo

cụ nhiếp tâm lắng nghe, trong một ngày sẽ thường chẳng rời Phật. Mà những người kia cũng không mất sức, do trong một ngày, bất quá chỉ niệm một lần, hoặc hai lần, thời gian cách quãng cũng lâu. Bọn họ không có sự gì để phải chăm lo, nhờ vào việc này để tận lòng hiếu kính, gieo căn lành, bọn tớ gái cũng nhờ vào nhân này gieo duyên thoát ly sanh tử.

Từ đây trở đi, lấy đó làm thường, dẫu cho thái phu nhân sống rất thọ, cũng chớ để cách này bị thiếu sót giữa chừng, lợi ích sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Phàm những ai có tín tâm muốn thành tựu đạo nghiệp vãng sanh cho cha mẹ, đều nên đem lời này bảo cùng họ. Các hạ việc nước đa đoan, chẳng thể lập giờ giấc nhất định, nếu có rảnh rỗi cũng nên niệm như thế một lần để làm gương thì con, dâu, tớ gái v.v. cũng sẽ hớn hở, hoan hỷ. Ý Quang cho rằng hành như thế quả thật là thuận tiện, ích lợi, nên đem cách này viết thành một bài, in kèm vào sau bộ Ấn Quang Văn Sao để những người muốn báo ân phụ mẫu chẳng đến nỗi uổng công ngâm câu "hạo thiên võng cực"[397].

158. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Ngọc Như ở Sùng Minh

Nhận được thư, khôn ngăn mừng rỡ, an ủi. Pháp trì danh là pháp thích ứng căn cơ nhất trong đời mạt pháp, ngài Thiện Đạo tuy sớ giải Quán kinh, nhưng thật ra ngài trọng nhất hạnh trì danh. Chẳng thấy đoạn văn ngài viết "chúng sanh đời mạt pháp thần thức chông chênh, tâm thô, cảnh tế, quán khó thành tựu; Đại Thánh bi mẫn, riêng khuyên chuyên trì danh hiệu, bởi xưng danh dễ dàng, niệm Phật liên tục bèn được vãng sanh" hay sao? Tuy có mười sáu hạnh (pháp quán), nhưng hành giả tu tập phải hành từ pháp dễ tu trước, hoặc là quán tướng bạch hào[398] của

---

[397] Bài thơ Lục Nga (cỏ nga xanh mướt) trong phần Nhĩ Nhã của kinh Thi, có đoạn: *"Phụ hề sanh ngã, mẫu hề cúc ngã, phụ ngã súc ngã, trưởng ngã dục ngã, cố ngã phúc ngã, xuất nhập phúc ngã, dục báo chi đức, hạo thiên võng cực."* (Tạm dịch: Cha sanh ra ta, mẹ nuôi nấng ta, vỗ về chăm nom, quan tâm che chở, ra vào lo lắng, muốn báo ân đức, trời xanh thăm thẳm, khôn thấu cho cùng). Cổ nhân thường mượn bài thơ này để diễn tả nỗi lòng người con ngậm ngùi, hận chưa báo được ân cha mẹ.

[398] Bạch hào (ūrna laksana): Còn gọi là hào tướng, mi gian bạch hào tướng, bạch hào trang nghiêm tướng, mi gian bạch hào nhuyễn bạch đâu-la-miên tướng. Đây là một trong 32 tướng hảo của đức Như Lai. Tức là khoảng giữa hai mày Phật có một sợi lông mềm mại, trắng, sạch, cuộn tròn, kéo ra dài đến một tầm (có kinh nói lúc sơ sanh dài năm thước Tàu, lúc thành đạo dài một trượng sáu), buông tay ra liền uyển chuyển xoay về phía hữu, trông như một con ốc trắng, bên trong rỗng, lóng lánh như ống lưu ly. Bạch hào trông xa như một viên minh châu giữa trán, tỏa quang minh chói ngời, quang minh ấy gọi là "bạch hào quang". Chúng sanh được quang minh ấy chạm vào bèn tiêu trừ túc nghiệp, thân tâm yên vui. Tướng này do trong lúc tu nhân, Như Lai luôn tán dương tùy hỷ những người tu tập giới - định - tuệ. Theo kinh Quán Phật

Như Lai, hoặc quán tưởng pháp Tạp Quán thứ mười ba. Đến phần quán chín phẩm, chẳng qua là để cho người ta biết nhân trước và quả sau của hành nhân vãng sanh mà thôi. Chỉ mong hiểu rõ là được rồi, thật ra không cần phải quán riêng phép này.

Quán về mặt lý không thể không biết, nhưng về mặt sự, phải từ từ hành. Nếu không hiểu rõ lý, quán cảnh chẳng rành, dùng cái tâm tháo động, bộp chộp để tu rất có thể khởi lên ma sự. Khi quán cảnh hiện tiền, nếu tâm lầm lạc nảy sanh ý niệm vui sướng, thì cũng do vui sướng mà thành chướng, rất có thể bị lui sụt công tu tập từ trước. Do vậy kinh Lăng-nghiêm nói: "Chẳng khởi tâm tưởng là thánh cảnh thì gọi là cảnh giới lành, nếu tưởng là thánh cảnh bèn vướng vào các tà." Mong ông nhất tâm trì danh, bởi đây là hạnh ngàn vạn phần ổn thỏa, thích đáng. Đợi đến khi tâm đã quy nhất, tịnh cảnh sẽ tự hiện tiền. Tứ Thiếp Sớ[399] bị in chép sai ngoa rất nhiều; 20 năm trước, Quang đã từng giảo chánh đại lược. Năm ngoái, hòa thượng Diệu Liên thuộc Quán Âm Am ở ngõ Dương Bì tại Nam Kinh muốn khắc riêng bản ấy, sang năm chắc sẽ ra sách, xin hãy thỉnh về xem.

Tùy tự ý tam-muội[400] là hạnh cùng tu của ba căn thượng, trung, hạ, người niệm Phật tuy chẳng chuyên lấy pháp ấy làm chủ, nhưng cũng không thể không biết. Biết pháp này thì tâm Bồ-đề niệm Phật càng thêm thù thắng, bởi biết đi, đứng, nằm, ngồi, ăn uống, nói năng, không lúc nào chẳng phải là lúc tự lợi lợi tha. Nhưng cần phải từ "không làm các điều ác, vâng làm các điều lành, ăn chay, kiêng giết" mà khởi sự thì mới là người thật sự niệm Phật vậy.

159. Thư trả lời cư sĩ Hà Huệ Chiêu

Nhận được thư, biết túc căn rất sâu, hạnh hiện tại khá thuần, nên mới có các cảnh tướng thù thắng hiển hiện, nhưng người đời nay quá nửa là chuộng thể diện, xây lầu gác trên không. Tuy chỉ có một phần, nửa phần, lại nói là có trăm ngàn

---

Tam-muội Hải, tướng bạch hào là tướng thù thắng nhất trong vô lượng tướng của Như Lai (theo kinh này, ba mươi hai tướng đại nhân chỉ là ba mươi hai tướng tiêu biểu, dễ thấy nhất trong vô lượng tướng của Như Lai).

[399] Tứ Thiếp Sớ chính là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ của ngài Thiện Đạo trước tác. Do tác phẩm này được chia thành bốn quyển nên còn gọi là Tứ Thiếp Sớ.

[400] Theo Ma-ha Chỉ Quán, quyển 2, tùy tự ý tam-muội là một trong bốn loại tam-muội của tông Thiên Thai, còn gọi là "phi hành phi tọa tam-muội". Gọi là tùy tự ý với ngụ ý: Hễ khởi ý liền tu tập thiền định, chẳng hạn cuộc là đi, đứng, hay nằm, ngồi. Kinh Đại Phẩm Bát-nhã gọi cách tu này là giác ý tam-muội, ngài Nam Nhạc Huệ Tư gọi là tùy tự ý tam-muội, với thâm ý: Trong hết thảy thời, hết thảy sự, tùy ý dụng quán, hễ niệm khởi bèn giác, hễ ý khởi bèn tu tam-muội.

vạn phần. Như trong cuốn sách của ông cư sĩ X… nọ, những cảnh giới được thuật toàn là do ngọn bút tạo ra, chẳng phải do tâm địa tạo thành. Cố nhiên ông chẳng bịa chuyện, tôi thật chỉ sợ ông có tập khí ấy thì lỗi hại chẳng nhỏ. Phật xếp vọng ngữ vào năm giới căn bản, chính là để ngăn ngừa thói tệ này. Nếu như thấy nói là không thấy, không thấy nói thấy thì thuộc vào hạng vọng ngữ. Nếu xây lầu gác trên không, bịa nói cảnh giới thù thắng, chính là phạm vào giới đại vọng ngữ; chưa đắc bèn nói là đã đắc, chưa chứng nói đã chứng, tội ấy còn gấp trăm ngàn vạn ức lần tội giết, trộm, dâm. Người ấy nếu chẳng tận lực sám hối, khi một hơi thở ra không hít vào được nữa liền đọa địa ngục A-tỳ, bởi kẻ ấy hoại loạn Phật pháp, gây lầm lạc, nghi ngờ cho chúng sanh.

Ông phải rất thận trọng, thấy cảnh chỉ có một phân chẳng được nói lên một phân mốt, cũng chẳng được nói chín ly chín; nói quá lên cũng là tội lỗi, mà nói giảm cũng là tội lỗi. Vì sao vậy? Do hàng tri thức chưa đắc tha tâm đạo nhãn, chỉ có thể dựa vào lời nói để phán định. Đem cảnh giới ấy thưa cùng tri thức để chứng minh tà chánh, đúng sai thì không có lỗi gì. Nếu chẳng vì để chứng minh, chỉ muốn tự khoe khoang, cũng sẽ có lỗi. Nếu hướng về hết thảy những người khác nói ra thì sẽ mắc lỗi. Ngoại trừ chuyện cầu tri thức chứng minh ra, đều không được nói. Hễ nói ra, sau này sẽ vĩnh viễn không thể đạt được cảnh giới thù thắng ấy nữa. Cái ải lớn nhất của người tu hành này trong giáo thuyết tông Thiên Thai đã nhiều lần nói đến. Sở dĩ gần đây những người tu hành phần nhiều bị ma dựa, đều là do tâm tháo động, vọng niệm, mong cầu cảnh giới thù thắng. Đừng nói là cảnh ma, dẫu cho cảnh ấy là cảnh thù thắng, vừa sanh tâm tham chấp, hoan hỷ v.v. bèn bị tổn hại, chẳng được lợi ích, huống chi cảnh ấy chưa đích xác là cảnh thù thắng ư? Nếu người ấy có hàm dưỡng, không mang tâm bộp chộp, vọng động, tâm không tham đắm, dù thấy các cảnh giới cũng hệt như không thấy. Đã không sanh tâm hoan hỷ, tham đắm, lại chẳng sanh tâm sợ hãi, kinh nghi, thì đừng nói là người ấy sẽ được lợi ích khi cảnh thù thắng hiện, dẫu là cảnh ma hiện cũng vẫn được lợi ích. Vì sao vậy? Do chẳng bị ma chuyển nên có thể tiến lên.

Lời này tôi chẳng thường bảo cùng người khác, chỉ vì ông có chuyện ấy nên mới không thể không nói. Hình tượng Đại sĩ ông thấy được khi mới lễ Phật không đích xác, bởi nếu thật sự là đúng thì sẽ chẳng vì ông nghĩ hình tượng đó không phù hợp với Quán kinh mà hình tượng ấy bèn ẩn. Nhưng do đấy, tín tâm của ông càng tha thiết nên đó cũng là nhân duyên tốt; tuy vậy, chớ nên thường mong được thấy tượng, chỉ nên chí thành lễ bái mà thôi, để khỏi phải lo lắng chi khác. Lúc ngủ thấy trước mắt có ánh sáng trắng và khi lễ Phật thấy tượng Phật đứng lơ lửng

trên hư không tuy thuộc về thiện cảnh, nhưng chẳng nên tham đắm. Từ rày, chẳng lấy đó làm điều mong mỏi nữa thì sẽ có thể không hiện. Trộm xem căn tánh của ông, tợ hồ đời trước đã từng tu tập thiền định, nên mới thường hay có tướng ấy.

Đời Minh, ngài Ngu Thuần Hy bế tử quan[401] tịnh tu trên ngọn núi cao của núi Thiên Mục[402], lâu ngày, bèn có khả năng tiên tri, đoán trước được trời sẽ âm u hay trong sáng, việc họa phước của người khác. Sư quy y với đại sư Liên Trì, đại sư nghe chuyện, gởi thư cực lực quở trách, bảo sư đã lọt vào rọ ma, về sau sư không biết nữa. Nên biết, người học đạo phải biết chuyện lớn; nếu không, được điều ích nhỏ nhặt ắt sẽ bị tổn hại lớn lao. Đừng kể chi loại cảnh giới này, dẫu thật sự đắc ngũ thông vẫn còn phải gác bỏ ra ngoài thì mới đạt được lậu tận thông. Hễ tham đắm sẽ khó thể tiến lên, rất có thể bị lui sụt, không thể không biết!

Mộng thấy vào Phật điện nhớ hai câu kinh văn cố nhiên là thiện cảnh, nhưng hai câu kinh ấy lời lẽ thật minh bạch: "Quay lưng với hư, nương theo đường giác. Quy chân, ngộ thường không", ý nói con người lầm tưởng các pháp thế gian là thật, cho nên mê muội vào trong sanh tử. Nếu có thể xoay trở lại, quán sát bản thể của pháp vốn là không thì sẽ đi theo con đường giác, xuất mê nhập ngộ, quy chân đế, ngộ chân thường, chân không, thật tướng. Cảnh ma và cảnh thù thắng phân biệt ở chỗ nó có hợp với kinh giáo hay không, nếu thật sự là thánh cảnh sẽ khiến cho người ta vừa trông thấy thì ngay khi đó tâm địa thanh tịnh, trọn không có cái tâm vọng động, chấp lấy; nếu là cảnh ma, trông thấy sẽ khiến cho tâm không thanh tịnh, lại sanh khởi những tâm chấp trước, tháo động, vọng niệm v.v.. Hơn nữa, Phật quang tuy cực sáng chói, nhưng chẳng lóa mắt, nếu ánh sáng làm chói mắt thì không phải là đức Phật thật.

Khi Phật hiện, nếu dùng lý "phàm những gì có tướng đều là hư vọng" để khám định sẽ càng hiển hiện, nếu dùng lý này để khám những tướng do ma hiện, chúng sẽ ẩn mất. Đây chính là lò nung luyện lớn để khám nghiệm chân ngụy vậy. Ban đêm thấy ánh sáng trắng và những cảnh xanh trắng trên hư không thì đó đều là do tâm tịnh biến hiện, sao lại nghĩ là pháp giới nhất tướng tịch chiếu bất nhị? Tự nghĩ như thế sẽ thành "đem phàm lạm thánh", lỗi ấy thật chẳng nông cạn đâu!

---

[401] Bế quan suốt đời không ra khỏi nơi ấy nữa thì gọi là tử quan.

[402] Núi Thiên Mục ở huyện Lâm An, tỉnh Chiết Giang, tiếp giáp ranh giới tỉnh An Huy. Tên cổ là núi Phù Ngọc. Chia làm hai ngọn: Đông Thiên Mục dài đến 290 km, cao 1.520 m, gồm các ngọn Đại Sơn, Tướng Quân, Bảo Châu v.v.. Tây Thiên Mục lấn sang địa phận huyện Tiềm dài 216 km, cao 1.547 m. Ngọn núi này từ cổ đã nổi tiếng vì các đạo tràng đạo Phật, đạo Lão. Ngài Trung Phong Minh Bổn cũng từng tu ở núi này.

Hai câu kinh văn ấy chưa thấy phát xuất từ đâu, có lẽ cũng là văn được ghi nhớ từ đời trước, chưa chắc đã là câu văn từ trong kinh. Người tu tịnh nghiệp chẳng coi các cảnh giới là quan trọng, nên cũng chẳng thấy các cảnh giới phát sanh. Nếu trong tâm cứ chuyên muốn thấy cảnh giới thì cảnh giới sẽ nhiều lắm, nếu chẳng khéo dụng tâm, rất có thể bị tổn hại, không thể không biết.

Lời nói của vị đầu-đà kia thuộc về đạo lý thiền gia, ông ta không phá Tịnh độ, ấy là điểm hay; nhưng ông ta hoàn toàn chẳng biết tông chỉ Tịnh độ, vì thế đem Thiền bàn luận Tịnh độ. Lời ông ta luận chú trọng nơi ánh sáng tốt lành và cảnh thù thắng phải thật cân nhắc; nếu không, sẽ khiến cho người khác lầm lạc chẳng cạn. Lại nói chẳng được chấp trước, bởi Phật pháp vô lượng, hễ chấp sẽ thành hữu lượng nên chẳng thể nhập Phật trí được. Nào phải chỉ chẳng thể nhập Phật trí không thôi, còn rất có thể bị lạc vào ma giới nữa. Còn những điều ông ta nói về đức Phật nơi mỗi người chính là lời luận ước trên cái lý nơi tâm của nhà Thiền, chẳng liên can gì đến Tịnh độ. Ánh sáng trắng trong sạch giữa hư không chỉ bằng chừng mảy lông công đức của Như Lai, sao ông lại lầm tưởng đấy chính là pháp giới nhất tướng tịch chiếu bất nhị? Thật ra, nó chính là cảnh định trong đời trước do tâm tịnh nên hiện ra, cố nhiên chẳng thể coi là chuyện lạ lùng đặc biệt được.

Pháp môn Tịnh độ lấy ba pháp tín nguyện hạnh làm tông, có tín nguyện chẳng cần biết là hạnh nhiều ít, sâu cạn, đều được vãng sanh; không có tín nguyện, dù có đạt đến mức độ năng sở cùng mất, thoát khỏi căn trần, cũng khó được vãng sanh. Còn như người thật sự chứng được thật lý "năng sở đều mất, thoát khỏi căn lẫn trần" bèn có thể dùng tự lực để liễu sanh tử thì chẳng cần phải bàn đến nữa. Nếu chỉ có công phu thấy được lý ấy, nhưng chưa thật chứng, lại không có tín nguyện thì cũng khó thể vãng sanh. Thiền gia nói đến Tịnh độ bèn quy về Thiền tông, không nói đến tín nguyện; nếu tu tập theo đó thì cũng có thể khai ngộ. Nhưng chưa đoạn hoặc nghiệp mà muốn liễu sanh tử thì dù có nằm mơ cũng chẳng mộng được. Bởi lẽ, phàm phu vãng sanh do tín nguyện cảm Phật, nên có thể cậy vào Phật từ lực, mang nghiệp vãng sanh. Nay đã không sanh tín nguyện, lại đem mỗi lời Phật nói quy hết về tự tâm thì làm sao cảm Phật cho được? Cảm và ứng chẳng phù hợp nhau thì chúng sanh là chúng sanh, Phật là Phật, biến pháp "hoành siêu" (vượt thoát tam giới theo chiều ngang) thành "thụ xuất" (thoát ra theo chiều dọc), được lợi ích ít, bị tổn hại nhiều, không thể không biết. Được lợi ích là nương theo lời đó cũng có thể khai ngộ, còn bị tổn hại là đã bỏ tín nguyện thì không cách gì nương vào Phật từ lực cho được.

Vì thế tôi nói: "Đối với người thật sự tu Tịnh độ, những khai thị của nhà Thiền chẳng thể dùng được; bởi lẽ pháp môn, tông chỉ bất đồng." Mong hãy sáng suốt suy xét. Nếu chẳng chấp nhận như thế, xin hãy thỉnh cầu nơi những bậc đại thông gia hầu có thể phù hợp với tâm chí của ông, dĩ nhiên Quang chẳng chấp trước.

160. Thư trả lời cư sĩ Thang Xương Hoằng

Nhận được thư, khôn ngăn cảm khái, hổ thẹn, Quang là hạng người như thế nào làm sao kham nổi những lời khen ngợi quá mức như thế? Tuy vậy, người cùng bệnh mến nhau, nên chẳng thể không bày tỏ nỗi lòng cùng nhau. Nay những kẻ học thánh học hiền chỉ học lấy văn ngôn mà thôi! Đối với những chỗ vì sao thánh hiền thành thánh hiền, họ đều coi thường chẳng suy xét tới. Đấy là cái gốc bệnh của mọi người học trong cả thế gian này, chứ chẳng phải chỉ là căn bệnh của một hai người như tôi, như ông đâu. Đã có cái gốc ấy, chắc chắn sẽ chẳng thể thuận theo địa vị mà hành, chắc chắn khi gặp phải những cảnh phú quý, bần tiện, oai vũ ắt sẽ thành dâm, di, khuất[403] vậy.

Đừng nói gì người đời này, ngay những kẻ truyền tâm pháp của thánh nhân trong Tống Nho, đối với hai chữ "cách vật" vẫn còn chưa thể hiểu rõ, huống gì người đời sau. Muốn làm sáng tỏ minh đức (minh minh đức) mà trước hết chẳng "cách trừ" (trừ khử) những sự ham muốn trong tâm con người thì chuyện làm sáng tỏ minh đức trở thành nói suông. Dù có học đến mức văn chương trùm lấp cõi đời vẫn cứ quanh quẩn trong vòng ham muốn của con người, sao không bị chuyển theo cảnh?

Như ông nói "minh minh đức giống như chứng Bồ-đề, Nho - Phật cố nhiên không hai; học Khổng, học Phật, lý không ngoài những gì đã nói trong một chương sách Đại Học" chính là người minh bạch cưỡng làm hồ đồ, ấy có phải là muốn thử xem Ấn Quang đối với những chuyện đó có hiểu được phần nào hay chăng? Nếu có thì đủ chứng tỏ cái nhìn sáng suốt của các hạ; nếu không thì tôi muốn phát huy ý nghĩa tột cùng về duyên do vậy. Nhưng đã là đồng bệnh tương lân, nào ngại gì nói lên tình huống khổ sở, ngõ hầu nhẹ bớt nỗi uất ức mà thôi. Bản thể của Nho và Phật cố nhiên không hai, nhưng công phu của Nho và Phật, nếu luận một cách nông cạn thì cũng khá tương đồng, nhưng nếu bàn sâu xa hơn thì khác biệt như trời với đất. Vì sao nói thế? Nho lấy thành làm gốc, Phật lấy giác làm tông. Thành chính là minh đức, do thành khởi minh, do minh đạt thành,

[403] Nho giáo có câu: *"Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, oai vũ bất năng khuất"* (Phú quý chẳng phóng đãng, nghèo khó chẳng đổi dời, oai vũ chẳng khuất phục).

nên minh và thành hợp nhất, ấy chính là "minh minh đức" (làm sáng tỏ cái đức sáng). Giác có bổn giác và thỉ giác[404]; do bổn giác khởi thỉ giác, do thỉ giác chứng được bổn giác, thỉ và bổn hợp nhất bèn thành Phật. Bổn Giác chính là thành, thỉ giác chính là minh. Thuyết pháp như vậy thì Nho và Phật trọn chẳng hai.

Như các hạ nói "học Khổng, học Phật, lý chẳng ngoài một chương Đại Học", đấy chính là lời quyết định không nghi, nhưng chỉ là lời biện luận ở mức độ nông cạn. Đối với việc phát huy thứ lớp công phu tu chứng sâu cạn theo thì gốc tuy đồng, nhưng cái chứng được, cái đạt đến khác biệt rất lớn. Nhà Nho làm sáng tỏ minh đức há có giống được như nhà Phật đoạn sạch hoàn toàn tam hoặc, nhị nghiêm (phước và trí) toàn vẹn chăng? Có được như hàng Bồ-tát chứng pháp thân phá từng phần vô minh, thấy được từng phần Phật tánh hay chăng? Có được như Thanh văn, Duyên giác đoạn sạch kiến tư hai hoặc hay chăng? Trong ba hạng trên, chỉ có Thanh văn đoạn kiến tư hoặc là thấp kém nhất, nhưng đã lục thông tự tại. Vì vậy ngài Tử Bách[405] nói: "Nếu có thể quên ngay tình kiến thì vách núi còn có thể xuyên thẳng qua được!" Sơ quả còn phải bảy lần sanh lên trời, bảy lần sanh vào nhân gian, nhưng đã có đạo lực tùy ý chẳng phạm giới sát. Do vậy họ đi đến

[404] Bổn giác là giác tánh sẵn có. Theo giáo nghĩa Thiên Thai, thông qua tu tập, từ từ nhận biết, khơi mở được tâm nguyên sẵn có, đó gọi là thỉ giác. Còn bản tánh sẵn có thường hằng không hề bị nhiễm ô bởi phiền não, trần cảnh, thì gọi là bổn giác. Thành Phật đạo chính là từ thỉ giác ngộ được bổn giác, bổn giác và thỉ giác hợp nhất.

[405] Đại sư Tử Bách (1543-1603): Húy là Chân Khả, pháp tự Đạt Quan, hiệu là Tử Bách Lão Nhân, là người ở Ngô Giang, sống vào thời Minh. Sư tánh tình mạnh mẽ, quyết đoán, thân thể khôi vĩ, thuở nhỏ thích đi đó đây làm việc nghĩa hiệp. Năm 17 tuổi, xin xuống tóc với ngài Minh Giác ở núi Hổ Khâu, thường đóng cửa đọc sách, trọn chẳng ra ngoài phạm vi nơi ấy suốt cả nửa năm. Hễ thấy người xuất gia uống rượu, ăn mặn, sư quở: "Người xuất gia như vậy đáng giết đi!" Sau khi thọ cụ túc giới, sư bế quan suốt ba năm tại chùa Cảnh Đức ở Vũ Đường. Hạn kỳ mãn, bèn tham học các nơi. Nghe tụng bài kệ của Trương Chuyết: "Đoạn trừ vọng tưởng càng thêm bệnh, hướng đến Chân Như cũng chỉ tà", càng ôm mối nghi tình lớn. Một ngày nọ thọ trai xong, đang uống nước bỗng đại ngộ, nói: "Nếu ta thuộc tông Lâm Tế, ở dưới tòa ngài Đức Sơn, vỗ một cái liền tỉnh." Ngài lên kinh đô, y chỉ với đại lão Biến Dung suốt chín năm. Cùng với đại sư Hám Sơn, ngài Tử Bách san nhuận tu bổ bộ Đại Minh Truyền Đăng Lục. Năm Vạn Lịch 28 (1600), triều đình đặt ra thuế má nặng nề, quan lại thừa cơ bòn rút dân chúng tàn tệ, sư phẫn nộ, lên kinh đô kháng nghị. Sẵn có vụ án yêu thư yêu ngôn phát sinh, bọn tham quan vu cáo sư chủ xướng nên sư bị hạ ngục. Đến năm 1603, dẫu không bằng chứng, sư vẫn bị kết tội tử hình. Nghe kết án, sư thản nhiên nói: "Đời đã đến thế, ở lâu nơi đời làm gì?" Sư tắm gội, đọc kệ, dặn dò thị giả rồi ngồi ngay ngắn qua đời, thọ 61 tuổi. Sư để lại các tác phẩm: Bát-nhã Tâm Kinh Thuyết, Bát-nhã Tâm Kinh Yếu Luận, Bát-nhã Tâm Kinh Lược Đàm, Tử Bách Lão Nhân Tập (15 quyển), Tử Bách Lão Nhân Biệt Tập (4 quyển).

đâu, các loài trùng tự lìa khỏi chỗ ấy, nên mới có câu: "Sơ quả cày đất, trùng tránh xa bốn tấc", huống gì là bậc Nhị, Tam, Tứ quả ư?

Hãy gác những người học theo Nho giáo lại đã, chỉ bàn đến những bậc thánh nhân. Những vị thánh nhân ấy đa phần là bậc đại quyền thị hiện, không bàn đến bổn của họ, nếu chỉ căn cứ theo tích để luận thì e rằng chưa thể sánh bằng bậc đã đoạn sạch kiến tư hoặc, huống chi bốn mươi mốt địa vị Pháp thân đại sĩ phá vô minh, chứng pháp tánh! Cứ cho là "làm sáng tỏ minh đức" ngang vai bằng lứa với bậc đã phá vô minh đi nữa, nhưng phá vô minh có 41 địa vị, những kẻ đã làm "sáng tỏ minh đức ấy" có bằng vai được với Sơ trụ là địa vị đầu tiên hay không? Có bằng vai được với địa vị cuối cùng là Đẳng giác hay không? Dẫu cho có bằng vai với bậc cuối cùng là Đẳng giác đi nữa thì minh đức vẫn chưa thể làm sáng tỏ đến cùng cực, còn phải phá một phần vô minh nữa mới có thể nói là thành và minh hợp nhất, thỉ - bổn không hai vậy. Vì thế tôi nói: "Về thể tuy đồng, nhưng phát huy công phu chứng đắc bất đồng!" Người đời nghe nói là "đồng" bèn cho rằng Nho giáo hoàn toàn bao trọn Phật giáo, nghe nói là "khác" bèn cho là Phật giáo hoàn toàn chẳng phải là Nho giáo, chẳng biết duyên do "tuy đồng nhưng bất đồng, bất đồng nhưng đồng" vậy. Do đó cứ tranh luận lung tung, ai nấy chia vạch môn đình, ai nấy đánh mất bản tâm yên đời, độ người của Phật, Bồ-tát, thánh nhân, chẳng đáng buồn sao? Trong tháng Sáu, ông Dương Lệ Đường người xứ Hương Sơn, Quảng Đông, từ Đàn Hương Sơn (Honolulu) trong Thái Bình Dương gởi thư cho Tạng Quán Thiền ở Sơn Đông nhờ đem cuốn sách hòa hội những giải thích về Nho - Phật xưa nay do ông ta biên soạn, đặt tên là Nho - Thích Nhất Quán, muốn dẫn dụ Nho nhập Phật, lầm lẫn ủy thác Quán Thiền nhờ Quang viết bài tựa. Quang thuở nhỏ không gắng sức, đến già vô tri, vì ông ta kèo nài, khó thể thoái thác, bèn nguệch ngoạc hơn ngàn chữ cho xong trách nhiệm. Nay đem bản thảo ấy gởi đi, xin hãy giảo chánh tỉ mỉ.

161. Thư gởi hội Phóng Sanh ở Đại Đồng, Tuyền Châu

Phóng sanh là lấy việc đề xướng kiêng giết, bảo vệ sanh mạng làm gốc, phàm những ai nhập hội đều nên ăn chay thì mới có thể đem lợi ích của việc ăn chay bảo cùng hết thảy mọi người. Dẫu không thể làm cho ai nấy đều thuận theo, nhưng do các vị trong quý hội đều là bậc quân tử đức dày, thật hành ăn chay, nên người ta cũng tự nhiên ngầm bị cảm hóa mà thay đổi, đều không còn sát sanh, không còn ăn thịt nữa. Nếu cứ ăn thịt như cũ thì công đức phóng sanh vẫn chẳng thể nghĩ bàn, nhưng vẫn tự mâu thuẫn với hạnh mình đang làm, vẫn là chẳng y theo đạo từ bi, trung hậu, khoan thứ để thực hành vậy; huống hồ là muốn cho những

ai thấy nghe sẽ ngầm được cảm hóa, thay đổi ư? Quang chẳng có đạo đức, tài lực gì, chẳng thể giúp gì cho nghĩa cử tốt lành của quý hội được, kính dâng tấm ngu thành để bố thí.

Các vị cư sĩ ở Thượng Hải lập ra hội Thường Trai (hội thường ăn chay), phàm ai gia nhập hội, bất luận quan, hôn, tang, tế đều chẳng ăn mặn. Năm ngoái, cư sĩ Quan Quýnh Chi yêu cầu Quang viết một bài tựa, xem bài ấy sẽ biết được đại khái. Muốn biết tường tận thì nên gởi thư cho cư sĩ Quan Quýnh Chi ở đường Bạch Khắc, phố Hoài An, Thượng Hải, họ có chương trình, hãy xin họ gởi cho một bản. Trong bộ Văn Sao của Quang, những văn tự khuyên người kiêng giết cũng có hơn mười thiên; tuy văn chương vụng về, chất phác, chẳng đáng lọt mắt người tao nhã, nhưng ý nghĩa cố nhiên có những chỗ chấp nhận được. Nếu chẳng chê là ô uế đáng vứt bỏ thì cũng có thể làm trò cười "đem hạt bụi vun vào hòn núi" vậy.

Thêm nữa, quý hội đề xướng học Phật, lại suy tôn tiên sinh Tấn Tô chẳng tiếc sức. Đã rộng thí Đạo Vị Lục, lại còn giới thiệu người muốn học đạo, cầu ông ta truyền thọ chân kinh diệu quyết hòng đồng lên được bờ giác. Tâm chí ấy có thể nói là thành khẩn, chân thực nỗ lực mong làm lợi người khác, nhưng tiếc là chưa biết nguyên do Phật pháp nên mới coi pháp trường sanh luyện đan vận khí là Phật pháp. Nếu nói "phàm những ai muốn cầu trường sinh và phép vệ sinh bèn giới thiệu cho họ sách ấy" thì cố nhiên không trở ngại gì, bởi cái lợi lớn của pháp luyện đan là có thể kéo dài tuổi thọ, sống lâu, còn cái lợi nhỏ là có thể bảo dưỡng sắc thân, quả thật là pháp có ích cho con người.

Nếu mù mờ gọi pháp ấy là đạo, rồi xui khiến đệ tử Phật cầu cho được chân quyết (bí quyết chân thật) thì danh và thực mâu thuẫn lớn. Vì sao? Phật pháp có đầy đủ hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng sót mảy may điều thiện nào, chỉ có mỗi một pháp luyện đan tuyệt nhiên chẳng nhắc tới, lại còn cấm thật ngặt. Là vì trong bước đầu nhập đạo, Phật dạy con người tu quán tứ niệm xứ: một là quán thân bất tịnh, hai là quán thọ là khổ, ba là quán tâm vô thường, bốn là quán pháp vô ngã; muốn thấy thấu suốt cái thân tâm huyễn vọng này ngõ hầu ngộ chứng chân tâm diệu tánh sẵn có. Luyện đan chỉ chăm chú bảo dưỡng sắc thân, chẳng hợp với tông chỉ của Phật. Nhưng ai tu pháp nấy, tùy mỗi người tự đạt được lợi ích, nên hai bên chẳng trở ngại lẫn nhau.

Xem sách Đạo Vị Lục do tiên sinh Tấn Tô viết, đến phần khẩu quyết luyện hỏa hầu cho rằng: "Đó là đạo liễu tánh mạng của Phật môn, gộp tam giáo đồng quy, thường hằng vạn cổ bất tuyệt, lìa khỏi đạo này chính là ngoại đạo, ra khỏi

môn này bèn thành bàng môn. Đạo mạch tiên thiên đời đời nhất quán truyền thừa, từ lúc Sơ tổ Đạt-ma từ trời Tây sang Đông, cho đến Thất tổ Bạch Mã, y bát truyền trong nhà lửa v.v..” Đấy chính là mượn danh nghĩa Phật giáo để truyền pháp luyện đan, đâm ra hủy báng Phật pháp. Tháng trước, ông ta đã gởi cho tôi hai bản, Quang thấy ông ta tự phụ quá sâu, lẽ đâu chịu nghe theo Quang là kẻ bất tài ư? Nên để đó chẳng bàn đến. Nay thấy quý hội đề xướng Phật học, mà vẫn không biết ông ta không phải là học Phật, cho nên không thể không dốc hết lòng ngu thành của tôi để thưa trình.

Nếu cho Quang là đa sự, cho là Quang thấy biết lầm lạc, chưa nghe đại đạo thì cũng xin cứ tùy ý. Chim cú giữ xác chuột rữa, phượng hoàng quyết chẳng thể bảo nó đừng ăn. Nay gởi đến một gói Văn Sao tổng cộng ba bộ, mong mọi người trong quý hội hãy đọc, và gởi cho cư sĩ Chu Tử Tú xem. Nếu cho là đúng thì cũng chưa từng bao giờ không phải là điều may mắn cho quý hội, nếu cho là sai thì cũng mặc tình bịt vò, thay củi[406]. Từ đấy gia công dụng hạnh khuếch trương đạo luyện đan vận khí của tiên sinh Tấn Tô, khiến cho người trong thiên hạ cùng được trường sanh cũng tốt, nhưng nếu gọi đó là Phật pháp thì tuy chẳng báng Phật pháp, cũng vẫn mắc lỗi hủy báng Phật pháp. Tôi trộm cho rằng quý hội chưa phân biệt được chánh tà nên mới thành ra như thế. Đã coi Quang là người trong pháp môn, nếu Quang cứ đối đãi với quý hội như ông Tấn Tô thì Quang đã phụ lòng quý hội, cho nên mới phải một phen đôi co như thế.

162. Thư trả lời hiệu trưởng Vạn An ở An Huy

Bốn câu của nhà trường quý vị: “Tận tánh học Phật, tận nhân luân học Khổng, Đạo học làm thể, khoa học làm dụng”, quả thật là tông chỉ học đạo không thay đổi. Từ khi nhà Nho chú trọng cái học từ chương khiến cho pháp học đạo biến thành học nghề khéo, đau tiếc khôn xiết! Cái học mới mẻ ngày nay đa số bỏ gốc theo ngọn, nêu tông chỉ như nhà trường quý vị thật là ít thấy. Tận tánh học Phật thì mới có thể tận hết luân thường học Khổng, tận hết luân thường học Khổng thì mới có thể tận tánh học Phật. Thử xem những bậc đại trung đại hiếu xưa nay cũng

[406] Nguyên văn: “Phú phẫu đại tân” (bịt vò, thay củi). Lấy tích từ chuyện Dương Hùng đời Hán soạn sách Thái Huyền chú giải kinh Dịch muốn lưu danh hậu thế. Lưu Hâm đọc xong quở: “Học giả trong thiên hạ còn không hiểu kinh Dịch, sao ông dám diễn giải Thái Huyền? Chỉ sợ người đời sau đem sách này để bịt vò tương mà thôi.” Do đó, có thành ngữ “phú phẫu đại tân” (bịt vò, thay củi) với ngụ ý văn chương không đáng trọng, chỉ đáng dùng giấy ấy để bịt miệng vò tương hay đốt thay củi mà thôi!

như những vị phát huy tâm pháp thánh hiền Nho giáo, không một ai chẳng nghiên cứu sâu xa kinh điển nhà Phật, ngầm tu mật chứng.

Nho giáo và Phật giáo kết hợp lại thì cả hai cùng tốt đẹp, tách ra thì cả hai cùng bị thương tổn. Bởi lẽ trong cõi đời không một ai chẳng thuộc trong luân thường, cũng không một ai có thể vượt ngoài tâm tánh. Đầy đủ cả luân thường lẫn tâm tánh thì dùng "không làm các điều ác, vâng làm các điều thiện" của nhà Phật để giúp cho "khắc kỷ, giữ lễ, dứt lòng tà, giữ lòng thành, cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính". Do vậy cha con, anh em v.v. dắt dìu nhau tận hết luân thường, tận hết tâm tánh để trừ khử phiền hoặc huyễn vọng, khôi phục Phật tánh sẵn có. Chẳng những thể là một, mà dụng cũng chẳng có hai. Đấy là sự thực!

Nói "Phật hóa Nho tông" chẳng qua chỉ nhằm biểu thị sự thật mà thôi, lẽ đâu chẳng thể được? Nhưng tại gia học Phật ắt phải lấy tin sâu nhân quả, tận hết bổn phận, kiêng giết, cứu giúp sanh mạng, chí tâm niệm Phật làm cách tu trì quyết định chẳng thay đổi. Nói "tận hết bổn phận" chính là những điều từ, hiếu, nhường, kính v.v.. Thế nhưng cõi đời loạn lạc, nước thiếu người hiền, căn bản là do gia đình không khéo dạy dỗ mà ra; nhưng giáo dục gia đình, trách nhiệm người mẹ càng nặng. Bởi thế, Quang hay nói "dạy con là cái gốc để trị quốc, bình thiên hạ, nhưng dạy con gái lại càng trọng yếu hơn" là vì như vậy đó. Nếu thường đem điều này bảo cùng học trò ngõ hầu chúng nó cùng đem điều này đề xướng, chỉ dạy nhau, còn lo chi chẳng thấy cõi đời bình trị nữa.

163. Thư trả lời cư sĩ Úc Trí Lãng

Chuyện của Phước Tuấn theo như lời ông kể lúc còn sống và sau khi đã mất, nếu mọi điều đều thật thì chắc chắn là vãng sanh. Do lúc sống đã thấy thấu suốt cái vỏ thân xác này, điều này thuộc về sự lợi ích lớn nhất, vì nữ nhân thường hay lưu luyến huyễn chất, hằng ngày lo trang điểm. Đã không có ý niệm ấy, sẽ tự dễ dàng tương ứng với pháp môn Tịnh độ. Lâm chung gầy còm và bị bệnh khổ chính là do nghiệp chướng nhiều kiếp, do vì bà ta dốc lòng tu tịnh nghiệp nên mới chuyển hậu báo nặng nề thành báo nhẹ trong hiện tại. Ông bảo: "Do tu trì tinh tấn đến nỗi thân thể ngày càng yếu ớt", nói như vậy không hợp lẽ, lại còn mắc lỗi khiến cho kẻ tín tâm nông cạn nhân đó bèn thoái đọa.

Phải biết, người niệm Phật quyết định tiêu trừ nghiệp chướng, những người có nghiệp chướng hiện tiền đều là chuyển ác báo tam đồ trong tương lai thành bệnh khổ hiện tại để giải quyết cho hết. Kinh Kim Cang dạy người trì kinh Kim Cang do có nỗi nhục nhỏ là bị người khác khinh rẻ, liền diệt được nỗi khổ nhiều

kiếp trong ác đạo. Như vậy Phước Tuấn khi sắp sanh về Tây Phương, do nỗi khổ nhỏ nhặt này sẽ giải quyết sạch các ác báo trong vô lượng kiếp đến nay, quả thật là may mắn lớn lao! Chớ nên học theo kẻ chẳng biết sự việc, bảo là "do tu trì nên thành bệnh, bị chết".

Người niệm Phật bình thời có lòng tin chân thành, nguyện khẩn thiết thì không ai chẳng được vãng sanh, huống chi Phước Tuấn lâm chung chánh niệm rõ ràng, hiện các tướng xá bái, đảnh lễ v.v.. Mất rồi thân thể vẫn mềm mại, sạch sẽ, vẻ mặt như còn sống, há có nên vì công phu của bà ta còn ít ỏi mà nghi ngờ hay chăng? Đối với Di-đà nguyện vương, mười niệm còn được độ, huống chi bà ta tinh tấn tu trì đã hai ba năm, há còn ngờ ư? Trong đời có hạng người ý chí thấp hèn, tuy thường niệm Phật, nhưng chẳng cầu vãng sanh, chỉ mong cầu phước báo nhân thiên; hạng người như vậy dù có tu hành suốt đời cũng chỉ được hưởng si phước trong đời sau mà thôi. Người có chánh tín tự mình dùng tín nguyện cảm Phật, Phật do lòng từ bi nhiếp thọ, cảm ứng đạo giao, ắt có thể cậy vào Phật từ lực, mang nghiệp vãng sanh, cần gì phải hỏi người ấy có thấy Phật hay chăng rồi mới phán đoán được.

Ngay như trước lúc lâm chung, nếu người sắp mất tự tắm rửa, thay áo thì rất hay. Nếu người ấy không thể thì trọn chớ nên tắm rửa thay áo sẵn, khiến cho người ấy đau đớn khó chịu đựng nổi đến nỗi mất chánh niệm. Ông còn tiếc rằng lúc ấy bà ta còn chưa mặc pháp y, chưa ngồi khoanh chân xếp bằng; không biết lúc ấy, tốt nhất chỉ nên đồng thanh niệm Phật, vàn muôn phần chẳng được bày vẽ phô trương (như tắm rửa, thay áo, bắt ngồi lên v.v.). Nếu phô trương, bày vẽ sẽ thành ra như đã rớt xuống giếng còn bị ném đá, hãy nhớ kỹ! Lệnh từ tuổi đã cao, nếu Quang không nói lên mối tệ này, về sau, ông do tấm lòng tận hiếu sẽ gây trở ngại cho sự vãng sanh của mẹ, khiến mẹ phải lưu chuyển trong sanh tử bao kiếp dài lâu, không thể thoát ra được.

Chúng ta chỉ nên giữ lấy cái thực, chớ chuộng cái danh, bài ký của ông khá hay, chẳng cần phải nhờ người viết văn để lưu truyền. Đấy đều là những chuyện hư huyễn, phù phiếm trong thế gian, chỉ nên chính mình cùng người nhà niệm Phật mong cùng sanh Tây Phương là được rồi. Trong khóa tụng sáng tối mỗi ngày, lúc hồi hướng Quang đều đọc kèm tên của Phước Tuấn, hồi hướng một thất để tận mối tình thầy trò. Hơn nữa, Phước Tuấn sanh tử phen này có thể nói là chẳng sống thừa chết phí, may mắn thay! Còn như chuyện xương cốt làm thành viên bột thì rất tốt, nhưng chẳng được hời hợt làm. Phải đem xương nghiền thành bột mịn, dùng cái lưới kín mắt rây kỹ, không khác gì bột mì thì mới được. Nếu thô tâm

nghiền qua loa, khi hòa với bột mì làm thành viên, chỉ sợ loài cá nhỏ ăn vào sẽ bị xương cứng xóc bụng. Quang sợ ông vô tâm, không thể không nói!

164. Thư trả lời cư sĩ X…

Bệnh và ma đều do túc nghiệp mà ra, ông chỉ nên chí thành khẩn thiết niệm Phật thì bệnh sẽ tự lành, ma sẽ tự xa lìa. Nếu tâm ông không chí thành, hoặc khởi lên những ý niệm bất chánh, tà dâm v.v. thì toàn thể cái tâm ông đọa trong hắc ám, do vậy ma quỷ khuấy nhiễu. Niệm Phật xong, lúc hồi hướng, ông nên hồi hướng cho hết thảy oán gia trong đời trước, khiến cho ai nấy đều được hưởng lợi ích do việc niệm Phật của ông, siêu sanh đường lành. Ngoài ra, nhất loạt chẳng bận tâm đến chúng. Nếu chúng phát ra tiếng, cũng chẳng quan tâm, đừng sợ hãi; chúng không phát ra tiếng, cũng đừng bận tâm sanh lòng hoan hỷ, cứ chí thành khẩn thiết niệm, tự nhiên nghiệp chướng tiêu, phước lẫn tuệ đều được tăng trưởng.

Xem kinh điển chớ bắt chước như người đời nay đọc sách, trọn chẳng cung kính mảy may nào! Ắt phải như đang đối trước Phật, tổ, thánh hiền giáng lâm thì mới có ích thật sự. Nếu ông làm được như thế thì tâm địa chánh đại quang minh, bọn tà quỷ, tà thần kia sẽ không có chỗ nào để ở yên được. Nếu tâm ông tà vạy trước thì sẽ do tà chiêu tà, làm sao có thể khiến cho bọn chúng xa lìa không quấy nhiễu cho được. Tuy quỷ thần có tha tâm thông, nhưng vừa nhỏ lại vừa gần; còn nếu là bậc nghiệp tận tình không thì như gương báu đặt trên đài, có hình liền hiện bóng. Ông không chí tâm niệm Phật, lại muốn nghiên cứu chân tướng ấy, chẳng biết tâm ấy sẽ thành ma chủng. Ví như gương báu, không có mảy may bụi nhơ, sẽ tự có thể chiếu trời, chiếu đất. Tâm ông đã bị bụi nhơ phủ kín dày chắc, mà muốn được như thế, thì cũng như tấm gương bị bụi phủ dày kín mít, trọn chẳng thể tỏa sáng. Nếu có phát sáng thì cũng là ánh sáng yêu quái, chứ không phải là ánh sáng của gương. Hãy nên gác lại chuyện ấy, hãy niệm Phật như đang mắc nạn lửa nước, như cứu đầu đang bị cháy thì không nghiệp nào, ma nào chẳng tiêu.

165. Thư trả lời tiên sinh Trương Quý Trực

Quang chỉ là một ông tăng tầm thường vô tri vô thức, chỉ biết cơm cháo, do ông Từ Úy Như lầm lẫn bốn lần đem bản cảo dở tệ của Quang ra ấn hành, đến nỗi làm bẩn mắt xanh. Ông không những không chê bỏ là ô uế, trái lại, còn khen là Nho - Thích dung thông, có thể, có dụng, đúng là chí tại kính Phật nên quên mất sự hèn kém, tầm thường của ông tăng. Cảm thấy hết sức xấu hổ! Dịch Viên và Quang đã có túc duyên, thường muốn lôi kéo các hạ cùng về Tây Phương để thiện căn, phước đức đã vun bồi từ vô lượng kiếp đến nay cũng như trong đời

hiện tại đều quy về thật tế. Quang hết sức bội phục, bởi lẽ các hạ là bậc văn chương lỗi lạc đương thời, còn Quang là một ông tăng sống nhờ ăn bám[407] vô tri vô thức, nên chẳng dám tuân theo lời mời dự vào ban tu thư của Dịch Viên.

Nay nhận được tờ hoa, nét mực của các hạ, thấy ông đã từng xem kinh, chẳng biết Thiền như thế nào, chỉ giác Tịnh mà thôi, khôn ngăn vui mừng, an ủi, đủ biết các hạ đã gieo chủng tử bát-nhã chẳng phải chỉ ở chỗ một, hai, ba, bốn, năm đức Phật. Phàm thiền đến mức chẳng biết nó là gì thì mới là chân thiền, bởi *thấy nghe hay biết* đều là chuyện thuộc về ý thức, chỉ không biết thì mới có thể linh quang riêng chiếu, vượt thoát căn trần, thể lộ chân thường, chính là *như như Phật*[408] vậy. Tịnh đến mức chỉ giác thì toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm - Phật chẳng hai, tâm - Phật như một. Nếu không, sao gọi là giác cho được? Các hạ kiến giải như thế, đã là vượt trỗi vàn muôn lần những kẻ học Phật trong thời gần đây. Nếu lại có thể sanh lòng tin, phát nguyện, hồi hướng vãng sanh thì đài sen thượng phẩm sẽ tự độc chiếm. Chỉ sợ các hạ đối với duyên do của Thiền và Tịnh, Phật lực và tự lực, lớn nhỏ, khó dễ còn chưa biết sâu xa, cho rằng "đã ngộ tự tâm thì ngay nơi này chính là Tây Phương, chẳng cần cầu vãng sanh" thì nỗi sai lầm ấy chẳng cạn đâu!

Vì sao vậy? Do phàm phu dù có thể ngộ đến cùng cực, nhưng nếu còn có tập khí phiền não từ vô thỉ đến nay chưa thể nhanh chóng đoạn được thì hễ còn có mảy may phiền não tập khí sẽ chẳng thể siêu xuất ra ngoài sanh tử luân hồi được. Đây chính là sự khó khăn của việc cậy vào tự lực để liễu sanh tử. Pháp môn niệm Phật chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, bất luận công phu cạn hay sâu, công đức lớn hay nhỏ, đều có thể cậy vào Phật từ lực, mang nghiệp vãng sanh, chúng sanh đời mạt muốn liễu sanh tử mà chẳng y vào pháp này sẽ khó khăn chẳng thể sánh ví được nổi. Mong hãy đọc kỹ sách Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, ắt sẽ tự biết Quang nói không sai. Nếu chẳng cho lời Quang là sai lầm, lại không rảnh rỗi nhiều, chỉ cần lắng lòng đọc Văn Sao sẽ tự biết hết.

166. Thư tuyên ngôn kết xã niệm Phật của chùa Thanh Liên ở Lô Sơn

[407] Nguyên văn quải đáp, còn gọi là quải đơn, quải tích, quải bát, nghĩa là một vị tăng du phương hành cước, ôm y bát, hành lý vào ở nhờ trong tăng đường một tự viện nào đó. Nếu vị trụ trì đồng ý cho vị du tăng ấy nhập chúng ở lại thì gọi là "hứa quải đáp". Ở đây, tổ dùng chữ này với ý nghĩa mình chỉ là sống nhờ ở đậu nơi Phổ Đà.

[408] Như như trí là chân như diệu trí, vốn sẵn thanh tịnh, không bị vô minh che lấp, không bị phiền não nhiễm ô, chiếu trọn các pháp, bình đẳng bất nhị. Chứng được như như trí thì gọi là như như Phật.

Đại Giác Thế Tôn thương các chúng sanh mê trái tự tâm, luân hồi sáu nẻo trải nhiều kiếp lâu xa, không thể thoát ra. Do vậy, khởi lòng *vô duyên từ*, vận dụng lòng *đồng thể bi*, thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng chánh giác, tùy thuận cơ nghi rộng giảng các pháp. Nói bao quát đại cương thì gồm có năm tông, năm tông là như thế nào? Chính là Luật, Giáo, Thiền, Mật, Tịnh. Luật là thân Phật, Giáo là lời Phật, Thiền là tâm Phật. Phật sở dĩ thành Phật chỉ do ba pháp này, Phật sở dĩ độ sanh cũng chỉ có ba pháp này. Nếu chúng sanh thật sự có thể nương theo Luật, Giáo, Thiền của Phật để tu trì thì ba nghiệp của chúng sanh sẽ chuyển thành ba nghiệp của chư Phật. Ba nghiệp đã chuyển thì phiền não chính là Bồ-đề, sanh tử chính là Niết-bàn. Lại sợ kẻ túc nghiệp sâu nặng ắt chẳng dễ chuyển, nên dùng sức gia trì đà-la-ni tam mật[409] để un đúc, như tò vò bảo con nhộng: "giống ta, giống ta", bảy ngày sau sẽ biến thành tò vò[410]. Lại sợ kẻ căn khí kém hèn, chưa được giải thoát, thọ sanh lần nữa, khó tránh khỏi mê mất, do vậy đặc biệt mở ra một môn "tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh độ" để dù thánh hay phàm cùng trong đời này được vãng sanh Tây Phương. Thánh sẽ mau chứng Vô thượng Bồ-đề, phàm thì vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử buộc ràng. Do cậy vào Phật từ lực, nên công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn.

Phải biết, Luật chính là nền tảng của Giáo, Thiền, Mật, Tịnh, nếu chẳng nghiêm trì cấm giới sẽ chẳng thể đạt được lợi ích thật sự nơi Giáo, Thiền, Mật, Tịnh. Giống như xây lầu cao vạn trượng nếu nền móng không vững thì chưa xây xong đã sụp. Tịnh là chỗ quy túc của Luật, Giáo, Thiền, Mật, như trăm sông vạn dòng đều đổ vào biển cả. Bởi lẽ pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn "trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sanh, thành thủy thành chung" của mười phương ba đời chư Phật. Vì vậy, trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài được Phổ Hiền Bồ-tát gia bị, khai thị, đã chứng Đẳng giác, ngài Phổ Hiền bèn dạy phát mười đại nguyện vương, hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc để mong viên thành Phật quả, lại dùng mười nguyện ấy khuyên khắp Hoa Tạng hải chúng. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, chương Hạ Phẩm Hạ Sanh, dẫu là kẻ ngũ nghịch thập ác sắp đọa địa ngục A-tỳ, được thiện tri thức dạy cho niệm Phật hoặc niệm mười tiếng, hoặc chỉ mấy tiếng rồi liền mạng chung, cũng được đức Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương.

---

[409] Tam mật là thân mật, khẩu mật, tâm mật.

[410] Đây là truyền thuyết nói về sự biến thái từ ấu trùng thành tò vò. Ở đây, tổ chỉ mượn truyền thuyết của dân gian Trung Quốc để nói cho dễ hiểu tác dụng của chú ngữ.

Xem đó thì trên từ Đẳng giác Bồ-tát chẳng thể ra ngoài pháp này, dưới đến tội nhân ngũ nghịch thập ác cũng có thể vào trong pháp này. Công đức lợi ích ấy vượt trỗi hết thảy các pháp khác trong giáo pháp cả một đời đức Phật, bởi những giáo pháp trong cả một đời ngài đều cậy vào tự lực để thoát sanh tử; còn pháp môn Tịnh độ, kẻ chưa đoạn hoặc, cậy vào Phật từ lực, liền có thể mang nghiệp vãng sanh. Người đã đoạn hoặc cậy vào Phật từ lực bèn mau chứng lên bậc Địa thượng Bồ-tát[411]. Đây chính là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp cả một đời đức Phật, chẳng thể dùng những giáo pháp theo đường lối thông thường để bàn luận được. Vì thế, các kinh Đại thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa v.v, các vị đại Bồ-tát như Văn-thù, Phổ Hiền v.v., các đại tổ sư như Mã Minh, Long Thọ v.v., thảy đều xiển dương, khen ngợi, chỉ dạy, khuyên khắp chúng sanh vãng sanh.

Đến khi đại giáo truyền sang Đông, đại sư Viễn công (sơ tổ Huệ Viễn) bèn dùng pháp này lập tông. Thoạt đầu, ngài muốn cùng đồng học là Huệ Vĩnh[412] qua La Phù, nhưng bị pháp sư Đạo An[413] lưu lại, sư Huệ Vĩnh bèn đi một mình trước.

---

[411] Địa thượng Bồ-tát: Từ địa vị Sơ địa trong trở lên.

[412] Huệ Vĩnh (332-414), cao tăng đời Tấn, người xứ Hà Nội, họ Phan, xuất gia năm 20 tuổi, thờ ngài Trúc Đàm Hiện làm thầy, sau theo ngài Huệ Viễn qua học với ngài Đạo An. Khi ngài biệt cư ở Đông Lâm tại một chòi tranh trên đỉnh núi để tu tập, thất ngài ở thường tỏa mùi thơm lạ, nên người đời gọi là Hương Cốc. Có một con hổ quẩn quanh gần đấy, hễ ai đến, ngài xua hổ chạy lên đỉnh núi. Người đi rồi, hổ lại về nằm phục bên lều. Ngài thông thạo kinh điển, khéo thuyết giảng, khi nói thường hay mỉm cười. Suốt đời cơm rau, áo vải thô, siêng năng tu hành không mệt mỏi. Năm Nghĩa Hy thứ mười sư bị bệnh nhưng vẫn trì giới tinh chuyên. Lâm chung, tự đắp y, chắp tay, bảo đại chúng: "Phật đến rồi!" Nói xong, an tường qua đời, thọ 83 tuổi. Tăng tục ở trên núi ấy đều ngửi thấy mùi hương lạ, bảy ngày sau mới tan. Đường Huyền Tông truy tặng thụy hiệu Đại sư Giác Tịch.

[413] Ngài Thích Đạo An sống nhằm thời Đông Tấn, là một trong những vị đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phát triển Phật giáo thời sơ kỳ ở Trung Quốc. Sư người huyện Thường Sơn, nay thuộc tỉnh Hà Bắc. Họ Vệ, sanh nhằm năm Vĩnh Gia thứ sáu nhà Đông Tấn (312), có thuyết nói là năm Kiến Hưng thứ hai (314). Ngài cực thông minh, mẫn tiệp, nối pháp của đại sư Phật Đồ Trừng. Sau phương Bắc Trung Hoa đại loạn, thầy trò hai vị phải lưu lạc khắp các nơi, giảng pháp, giáo hóa suốt 15 năm trong vùng Hồ Bắc, Tương Dương. Sau Phù Kiên nhà Tiền Tần, nghe danh đại sư, đem binh công hãm Tương Dương, đón ngài Đạo An về Trường An, cho sống ở chùa Ngũ Trùng, dùng lễ đãi ngài như thầy. Ngài khuyên Phù Kiên nên thỉnh pháp sư Cưu-ma-la-thập sang Tần. Chính ngài Đạo An đã khởi xướng việc đặt pháp danh và dùng chữ Thích trước tên họ tăng chúng, với ngụ ý: tăng chúng là con cháu nối tiếp pháp của Phật Thích-ca. Ngài chế định tăng y, nghi thức, oai nghi, quy củ của tăng chúng cho nhất quán. Ngài còn chỉnh lý kinh luận Hán dịch, biên tập Tổng Lý Chúng Kinh Mục Lục (một loại thư mục kinh điển đầu tiên của Trung Hoa). Thư mục này nay không còn, nhưng bản Xuất Tam Ký Tập được biên soạn dựa trên thư mục này. Chính ngài Đạo An cũng là người đầu tiên đề xướng phân chia kinh Phật thành ba phần *tự phần, chánh tông, lưu thông phần* để chú giải. Ngài tinh thông nhiều giáo thuyết Đại Tiểu thừa, đặc biệt là Tánh tông. Chính sơ tổ Tịnh tông

Đến Tầm Dương, thứ sử Đào Phạm ngưỡng mộ đạo phong, bèn lập chùa Tây Lâm cho ngài ở. Thời gian ấy nhằm năm Đinh Sửu tức năm Thái Nguyên thứ hai (377) đời Tấn Hiếu Võ Đế. Đến năm Giáp Thân, tức năm Thái Nguyên thứ chín (384), Viễn công mới đến Lô Sơn. Thoạt đầu ở tại chùa Tây Lâm, do học trò tụ họp đông đảo, Tây Lâm chật hẹp không chứa hết nổi, thứ sử Hoàn Y bèn lập chùa ở phía Đông núi, đặt tên là Đông Lâm. Đến năm Canh Dần, tức năm Thái Nguyên thứ mười lăm (390), ngày 28 tháng 7, Viễn công bèn cùng tăng tục 123 người kết liên xã niệm Phật cầu sanh Tây Phương, sai ông Lưu Di Dân làm bài văn khắc vào đá để minh thị lời thề, pháp sư Huệ Vĩnh cũng dự vào liên xã này.

Vĩnh công (ngài Huệ Vĩnh) sống ở Tây Lâm, kết riêng một lều tranh trên đỉnh núi để thường lên đó thiền tư. Đến bên thất ấy bèn nghe mùi hương lạ, do vậy người ta gọi là Hương Cốc (hang thơm), cứ suy nghĩ sẽ biết ngài là người như thế nào! Lúc Viễn công kết xã, bèn có 123 người, đều thuộc hàng long tượng[414] trong pháp môn, là Thái Sơn, Bắc Đẩu trong làng Nho, do đạo phong của Viễn công lan tỏa nên đều ùa nhau kéo đến. Nhưng trong suốt đời ngài, trong hơn ba mươi năm, những người dự vào liên xã tu tịnh nghiệp được tiếp dẫn vãng sanh nhiều khó thể biết được.

Sau đấy, như các vị Đàm Loan, Trí Giả, Đạo Xước, Thiện Đạo, Thanh Lương, Vĩnh Minh, không vị nào chẳng dùng pháp này để tự hành, hóa độ người. Ngài Đàm Loan viết Vãng Sanh Luận Chú, diệu tuyệt cổ kim. Ngài Trí Giả viết Thập Nghi Luận, chỉ bày tột cùng lẽ được mất; ngài soạn Quán Kinh Sớ chỉ bày sâu xa pháp quán Tam Đế[415]. Ngài Đạo Xước giảng ba kinh Tịnh độ gần 200 lượt. Ngài Thiện Đạo sớ giải ba kinh Tịnh độ, cực lực khuyên chuyên tu. Ngài Thanh Lương sớ giải phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, phát huy đạo rốt ráo thành Phật. Tổ Vĩnh Minh nói bài Tứ Liệu Giản chỉ thẳng pháp liễu thoát ngay trong đời này. Từ xưa, những bậc cao nhân các tông, không ai chẳng quy tâm Tịnh độ, chỉ có các sư Thiền tông là chuyên chăm chú ngầm tu, ít vị nào chịu xiển dương rõ ràng.

---

là ngài Huệ Viễn nghe đại sư Đạo An giảng kinh Bát-nhã bèn cảm thán: "Chín phái Nho - Đạo đều là tấm cám", rồi bèn xuất gia, hầu dưới tòa. Ngài tịch năm Thái Hòa thứ 10 (385).

[414] Thông thường, "long tượng" vốn để chỉ con voi mạnh mẽ nhất trong loài voi, nên thường được dùng để ví cho hàng Bồ-tát có năng lực oai mãnh. Ngài Cát Tạng cho rằng con vật nào giỏi nhất, tốt nhất thì dùng chữ long để biểu thị, như ngựa quý sẽ gọi là "long mã". Kinh Đại Bát Niết-bàn gọi hàng Bồ-tát đã đoạn trừ các kết lậu hoặc là Đại long tượng Bồ-tát. Kinh Hoa Nghiêm lại nói "long tượng" để ví cho hàng Bồ-tát oai nghi tốt đẹp khôn sánh. Có thuyết nói "long tượng" là rồng và voi, hai loài có thế lực mạnh mẽ nhất trên cạn lẫn dưới nước, nên đời sau thường gọi người có sức thiền định mạnh mẽ tối thắng là bậc "long tượng".

[415] Tức quán chân đế, tục đế và đệ nhất nghĩa đế.

Từ sau khi ngài Vĩnh Minh xướng suất, ai nấy đều để lại ngôn giáo rõ rệt, thiết tha khuyên tu trì. Vì thế, bài Khuyến Tu Tịnh Độ Văn của thiền sư Tử Tâm Tân[416] có câu: "Di-đà thật dễ niệm, Tịnh độ thật dễ sanh", lại viết: "Người tham thiền tốt nhất nên niệm Phật, nếu căn cơ độn chỉ sợ chẳng thể đại ngộ trong đời này, hãy nhờ vào nguyện lực tiếp dẫn vãng sanh của đức Di-đà." Lại nói: "Nếu ông niệm Phật chẳng sanh Tịnh độ thì lão tăng sẽ đọa trong địa ngục Bạt Thiệt (kéo lưỡi)." Bài Tịnh Độ Thuyết của thiền sư Chân Hiết Liễu[417] có câu: "Trong tông Tào Động đều chăm chú ngầm tu là do nguyên nhân nào vậy? Ấy là do pháp môn niệm Phật là đường tắt tu hành, căn cứ theo Đại tạng thì pháp này để tiếp độ căn khí thượng thượng, tiếp dẫn kèm thêm căn cơ trung hạ." Lại nói: "Những bậc đại tượng trong Tông môn đã ngộ pháp bất không bất hữu bèn dốc chí khăng khăng nơi tịnh nghiệp, chẳng phải vì tịnh nghiệp thấy Phật đơn giản, dễ dàng hơn Tông môn nhiều lắm hay sao?" Lại nói: "Dù Phật hay tổ, dù Giáo hay Thiền, đều tu tịnh nghiệp, đồng quy một nguồn. Nhập được môn này thì vô lượng pháp môn thảy đều chứng nhập." Thiền sư Trường Lô Trách kết liên hoa thắng hội, khuyên khắp tăng tục niệm Phật vãng sanh, cảm được hai vị Phổ Hiền, Phổ Huệ Bồ-tát xin được tham dự vào hội thù thắng ấy trong giấc mộng, bèn ghi tên hai vị đứng đầu trong hội. Đủ thấy pháp này khế lý, khế cơ, chư thánh ngầm tán dương vậy!

Trong đời Tống Thái Tông - Tống Chân Tông, pháp sư Tỉnh Thường[418] trụ trì chùa Chiêu Khánh ở Chiết Giang hâm mộ đạo phong của ngài Lô Sơn Viễn công

---

[416] Thiền sư Tử Tâm Tân chính là ngài Ngộ Tân (1044-1115), cao tăng đời Tống, thuộc pháp hệ Hoàng Long trong tông Lâm Tế, đệ tử của ngài Hoàng Long Tổ Tâm, không rõ hành trạng. Ngài dốc lòng chuyên tu Tịnh độ, tự xưng là Tử Tâm Tẩu (ông già lòng đã chết), còn lưu lại ngữ lục là Tử Tâm Ngộ Tân Thiền Sư Ngữ Lục, được xếp trong quyển 12 của Vạn tục tạng.

[417] Ngài Chân Hiết, húy Thanh Liễu (1089-1151) là một vị cao tăng thuộc tông Tào Động, nối pháp ngài Đan Hà Tử Thuần, người An Xương (tỉnh Tứ Xuyên), họ Ung. Xuất gia năm 11 tuổi với ngài Thanh Tuấn chùa Thánh Quả, thoạt đầu học Pháp Hoa. Ngài từng tham học khắp Nga Mi, Ngũ Đài. Sau đến Đặng Châu (Hà Nam), lên núi Đan Hà tham yết ngài Tử Thuần bèn khai ngộ, được phó chúc nối pháp mạch của ngài. Ngài thọ 63 tuổi, pháp lạp 45 năm. Trước tác gồm Tín Tâm Minh Niêm Cổ, Nhất Chưởng Lục v.v..

[418] Ngài Tỉnh Thường (959-1020) là vị tổ thứ bảy của tông Tịnh độ, sống vào đời Tống, người huyện Tiền Đường, tỉnh Chiết Giang, họ Nhan. Ngài xuất gia từ năm 7 tuổi, thọ cụ túc giới năm 17 tuổi. Sau trụ trì chùa Chiêu Khánh ở Tây Hồ, Hàng Châu. Ngài hâm mộ di phong của tổ Lô Sơn Huệ Viễn, nên lập Bạch liên xã ở Tây Hồ, sau đổi thành Tịnh Hạnh Xã, lấy ý từ phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm. Tể tướng Vương Đán làm xã chủ. Ngài tịch năm 62 tuổi, nhục thân được táng ở núi Linh Ẩn gần phần mộ của thiền sư Ô Khoa, đời gọi ngài là Tiền Đường Bạch Liên Xã Chủ, được phong hiệu là Chiêu Khánh Viên Tịnh Pháp Sư. Do ông Vương Đán có tước phong là Văn Chánh Công nên tổ Ấn Quang gọi là Vương Văn Chánh Công Đán.

bèn kết Tịnh Hạnh xã, Vương Văn Chánh Công Đán quy y đầu tiên, làm người đề xướng. Phàm là bậc tể phụ đại thần, học sĩ đại phu xưng là đệ tử dự vào Tịnh Hạnh xã hơn 120 người, sa-môn số đến mấy ngàn, còn dân thường chẳng biết là bao nhiêu. Sau này có Lộ Công Văn Ngạn Bác làm quan suốt bốn triều Nhân Tông, Anh Tông, Thần Tông, Triết Tông, ra vào làm quan cao chức cả hơn 50 năm, làm đến chức Thái sư, được phong là Lộ Quốc Công. Bình sinh ông dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tuổi già càng dốc sức làm lợi cho đạo, chuyên niệm A-di-đà Phật. Sáng tối, đi ngồi chưa từng biếng nhác. Ông cùng với pháp sư Tịnh Nghiêm ở kinh đô kết xã gồm hơn mười vạn người cầu sanh Tịnh độ. Các vị sĩ đại phu thời ấy đa phần chịu sự giáo hóa của ông, có bài tụng rằng:

Tri quân đảm khí đại như thiên,
Nguyện kết Tây Phương nhất vạn duyên,
Bất vị tự thân cầu hoạt kế,
Đại gia tề thượng độ đầu thuyền.

Tạm dịch:

Biết ông gan lớn bằng trời,
Tây phương xin hãy kết mười nghìn duyên,
Sống còn chẳng tính kế riêng,
Mọi người ai nấy đã lên thuyền rồi!

Ông thọ đến 92 tuổi, niệm Phật qua đời. Trong đời Nguyên - Minh thì có các ngài Trung Phong, Thiên Như, Sở Thạch, Diệu Hiệp hoặc là sáng tác thi ca, hoặc là biện luận, không vị nào chẳng cực lực xiển dương pháp "khế lý khế cơ, thông trên thấu dưới" này, nhưng các vị Liên Trì, U Khê, Ngẫu Ích là thiết tha, thành khẩn nhất. Đời Thanh có các ngài Phạm Thiên Tư Tề[419], Hồng Loa Triệt Ngộ,

[419] Phạm Thiên Tư Tề (1686-1734), tức tổ Thật Hiền, Tổ mười một của tông Tịnh độ, người xứ Thường Thục, Giang Tô, Ngài có pháp tự là Tư Tề, pháp hiệu là Tỉnh Am, thuộc gia đình đời đời học Nho. Xuất gia năm 15 tuổi, kinh điển đọc qua không bao giờ quên. Năm 24 tuổi thọ cụ túc giới, nghiêm trì giới luật, chẳng lìa y bát, ngày chỉ ăn một bữa, không hề đặt mình xuống giường. Sau ngài tham yết sư Thiệu Đàm, nghe giảng Duy Thức, Lăng-nghiêm, Ma-ha Chỉ Quán, thông đạt giáo nghĩa Thiên Thai, Pháp Tướng v.v… nối tiếp pháp của ngài Thiệu Đàm thuộc Thiên Thai Chánh Tông, pháp phái Linh Phong. Ngài yểm quan ba năm tại núi Chân Tịch, đọc hết Đại Tạng, sáng chiều trì danh hiệu Phật. Sau ứng lời thỉnh của mười phương tùng lâm, giảng kinh hơn mười năm, tăng tục vùng Giang Tây quy y đông đảo. Tuổi già, ngài cự tuyệt mọi duyên, kết liên xã, chuyên tu tịnh nghiệp, người đời xưng tụng là Vĩnh Minh Tái Lai. Năm Ung Chánh 11 (1733), sư báo trước ngày mất, suốt ngày đêm niệm Phật đến hơn 10 vạn tiếng, đến tháng Tư năm sau bèn thị tịch, thọ 49 tuổi. Ngài còn để lại 108 bài thơ Tịnh độ,

cũng dốc sức hoằng dương đạo này. Bài Khuyến Phát Bồ-đề Tâm Văn của ngài Phạm Thiên, bài Thị Chúng Pháp Ngữ của ngài Triệt Ngộ đều có thể kế tục các vị thánh đời trước, khai ngộ cho hàng hậu học. Kinh trời đất, động quỷ thần! Người học nếu có thể hành theo đó thì nào có ai không từ tạ Sa-bà, cao đăng Cực Lạc, làm đệ tử Phật Di-đà, làm bạn tốt trong hải hội!

Kể từ sau đó, vận nước ngày càng suy, chẳng ai đề xướng, pháp vận cũng suy sụp theo. Đến thời Hàm Phong - Đồng Trị, binh lửa bốn mặt nổi lên, bậc triết nhân ngày càng hiếm hoi, bọn kém cỏi ngày càng đông đúc. Nhà Nho chỉ sùng phụng những thuyết báng Phật của Âu, Dương, Trình, Chu, cho là danh ngôn chí lý, chẳng biết Phật pháp bao quát cái đạo tân truyền[420] của các thánh, nêu tỏ tâm tánh của đương nhân; nghĩa mầu nhiệm, lời lẽ tinh vi, công đức lợi ích ấy chẳng thể hình dung bằng ngôn ngữ, văn tự được. Do vậy, họ dốc chí hủy diệt Phật pháp, chẳng chịu đọc tụng, thọ trì, bảo vệ, lưu truyền, khiến cho Phật pháp bại hoại sát đất. Ví như trẻ nhỏ thấy châu ma-ni chẳng những không trân trọng gìn giữ, lại còn muốn phá hủy, vứt đi.

Đến cuối đời Quang Tự, phế trừ cử nghiệp, khởi đầu du học rộng rãi, phàm những kẻ có thiên tư cao, đều lấy chuyện đọc nhiều làm trọng, tất cả các học thuyết lý luận đều chẳng đủ thỏa mãn tâm họ, chỉ có mình Phật học sâu xa, lớn lao, mênh mông, không hay khéo nào chẳng đầy đủ, chân tục hỗ trợ nhau, không hữu viên dung. Từ đấy, họ xúm vào nghiên cứu, tu tập. Lễ Kinh nói: "Tuy có thức ăn ngon, không ăn sẽ không biết được vị ngon. Tuy có đạo chí lý, không học sẽ chẳng biết là hay." Nay đã biết ý chỉ, biết cái hay, há nhường cho cổ nhân riêng hưởng vô thượng tâm pháp này, còn chính mình và hết thảy những đồng nhân chẳng hưởng được gì ư? Do vậy, Nghiên Cứu hội, Cư Sĩ Lâm, Niệm Phật xã, hội Ăn Chay lập ra khắp nơi. Những người kiêng giết, cứu vật, ăn chay, niệm Phật ngày thấy càng nhiều. Ví như đứa con nghèo khó, tự mê mất quê nhà, một ngày nọ được người khác chỉ dạy bèn thẳng hướng cầu đường về, trọn chẳng chịu đi ăn xin quẩn quanh, lẻ loi tha phương như cũ. Chùa Thanh Liên từ khi pháp sư Hoàng Cốc khai sơn đến nay đã là một đạo tràng Tịnh độ lớn, hình thế hùng vĩ, quả thật là chốn thù thắng bậc nhất của Lô Sơn. Do vậy, một ngàn mấy trăm năm

---

Tây Phương Phát Nguyện Văn Chú, Tục Vãng Sanh Truyện, Niết-bàn Sám, nhưng bài Khuyến Phát Bồ-đề Tâm Văn của Ngài nổi tiếng hơn cả và được đặc biệt coi trọng trong mọi tông phái.

[420] Tân truyền: tức là nói gọn của thành ngữ "tân tận hỏa truyền" (củi hết nhưng lửa còn) ngụ ý đạo được truyền thừa từ thầy sang trò.

qua đạo phong chẳng suy, qua nạn Hồng Dương[421], đều thành tro tàn. Do pháp môn suy vi, không người khôi phục nên thành núi hoang. Đại sư Diệu Bồi từ khi xuất gia trở đi bèn lấy Tịnh độ làm tông, toan đem pháp "liễu thoát ngay trong một đời này" lợi khắp đồng nhân nên bèn đến Hồng Loa tu tập mấy năm. Mùa xuân năm nay sang chơi Lô Sơn, cảm khái sâu xa "đạo của Viễn công không người chấn hưng, khiến cho thế đạo nhân tâm mất nhiều lợi ích". Khi đến nền cũ của chùa Thanh Liên, thấy hình thế giống như một đóa sen, chắn trước mặt là dòng thác Tam Điệp, sau lưng dựa vào ngọn núi Ngũ Lão hùng vĩ, hai bên là ngọn Sư Tử và Mũi Voi che chở. Đúng là một đạo tràng Tịnh độ trời xây đất dựng, chẳng nỡ để vùi lấp, bèn phát nguyện khôi phục nhằm hoằng dương Liên tông, nên thương nghị cùng các đại cư sĩ Thượng Hải, may đều được họ bày tỏ đồng tâm. Do vậy, trước hết xây cất vài gian điện đường làm chỗ tu trì, còn như chuyện xây cất hoàn bị ngôi chùa phải đợi long thiên cảm ứng, không phải là chuyện cấp bách hiện thời.

Chuyện cấp bách bây giờ là mở liên xã hành đạo. Nếu bảo niệm Phật vãng sanh Tây Phương là được rồi, cần gì phải kết xã, tức là chẳng biết thế gian muôn sự cần phải có các duyên giúp đỡ mới hòng thành tựu được, huống chi là học vô thượng diệu pháp liễu sanh thoát tử! Kinh Dịch nói: "Lệ Trạch Đoài; Quân tử dĩ bằng hữu giảng tập."[422] Ấy là lấy ý nghĩa hai cái đầm cùng tồn tại, hai bên giúp ích cho nhau. Hơn nữa, thánh nhân liệt bằng hữu vào ngũ luân là vì khuyên làm lành, vạch điều lỗi, có nghĩa như hai vầng trăng cùng chiếu[423], giúp đỡ trong khi nguy, gìn giữ trong khi yên; như hai tay giúp đỡ nhau (chữ Hữu 友, viết theo lối cổ lại có nghĩa là tay).

Thói thường con người nếu không có gì để nương tựa, đa phần sẽ vướng vào thói tệ biếng nhác, coi thường. Đại chúng ở cùng nhau, công khóa nhất định, dẫu muốn biếng nhác cũng không thể được. Ngoài công khóa ra, những người mạnh mẽ tinh tấn cũng có thể thúc đẩy những người biếng nhác gắng sức tu hành. Ai nấy đều tiến lên, có ai đành chịu tụt hậu? Đây kia giúp đỡ nhau, nên hạnh dễ thành. Nếu có nghi ngờ và có kiến giải gì bèn có thể quyết trạch cho nhau. Mỗi

[421] Tức nạn Thái Bình Thiên Quốc (1851-1864). Hồng Tú Toàn và Dương Tú Thanh là hai lãnh tụ của đám loạn tặc này đã đốt phá rất nhiều chùa miếu ở Hoa Nam trong nỗ lực cải đạo Trung Hoa theo tà giáo của họ.

[422] Trong Kinh Dịch Phổ Thông (nxb Văn Hóa Thông Tin, tháng 07, 1997), nơi trang 383, tác giả Bùi Hạnh Cẩn dịch: "Nước chằm chan chứa, giao lưu, vui mừng. Quân tử cần vui cùng bè bạn, giảng giải đạo lý, trao đổi học thuật."

[423] Bằng 朋 (bạn) gồm hai chữ nguyệt (mặt trăng) ghép lại.

ngày lúc rảnh, thỉnh các bậc kỳ túc chỉ bày đại lược cương yếu Tịnh tông thì chuyện bỏ tà, giữ chánh sẽ rành mạch phân minh. Có những lợi ích như vậy nên cổ nhân đều đề xướng chuyện kết xã.

Nếu thân mang chức vụ, chẳng thể đích thân tham dự, chỉ tu trì theo chương trình của liên xã, đợi ngày khai hội hoặc đích thân đến, hoặc gởi thư báo, thuật rõ mình tu trì siêng hay lười, lợi ích lớn nhỏ cũng chẳng khác gì như đã tham dự tu tập tại liên xã. Do tâm mong đua chen cùng liên hữu sẽ chẳng dám biếng nhác, bỏ bê! Phải biết Phật pháp vốn chẳng lìa pháp thế gian, phàm các xã hữu[424] ai nấy phải tận hết bổn phận, như cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng xướng, vợ theo, chủ nhân từ, tôi tớ trung thành v.v.. Lại phải đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, kiêng giết, cứu mạng, chẳng ăn mặn, chẳng uống rượu, ngăn lòng tà, giữ lòng thành, khắc kỷ giữ lễ, tự lợi lợi tha, lấy đó làm trách nhiệm. Như thế chính là nền tảng vững vàng, ngay ngắn, đáng được nhuần thấm bởi pháp. Nếu quả thật đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, ắt sẽ vãng sanh thượng phẩm.

Người ngu trong cõi đời thường chẳng tu hành chân thật, cứ muốn được cái hư danh là bậc chân tu, nên bày ra đủ mọi cách bôi son trát phấn, thành ra dáng vẻ giống như thật nhưng chẳng phải thật, cốt sao người khác ca ngợi mà thôi. Tâm hạnh đã ô trược chẳng kham nổi, dù có tu trì thì cũng vì tâm đã nhơ bẩn nên chắc chắn khó thể đạt được lợi ích chân thật. Đấy gọi là "ham danh ghét thật", là điều đại kỵ bậc nhất cho chuyện tu hành. Nếu đầy đủ những điều nên làm như trong phần trước, không có những điều đáng kỵ như đã nói ở phần sau thì trong thế gian là hiền nhân, trong Phật pháp là bậc Khai sĩ[425]. Dùng thân mình làm gương cho người khác từ nhà đến làng, từ làng đến ấp, cho đến toàn quốc và khắp thiên hạ thì lễ nghĩa hưng thạnh, can qua vĩnh viễn dứt bặt, từ thiện khởi, tai họa chẳng sanh, thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc. Nguyện người thấy kẻ nghe đều cùng phát khởi, đề xướng thì may mắn lắm thay! Chương trình đơn giản sẽ ghi trong phần sau.

167. Thư trả lời ông Dương Minh Trai, Phó Tư Lệnh Đệ Ngũ Quân ở Hà Nam

Nói tu hành ở chốn công môn không chỉ có nghĩa là tụng kinh, trì chú, niệm Phật mà thôi, mà còn phải tận hết chức phận của mình, trừ kẻ bạo, giữ yên cho

[424] Xã hữu: Người dự vào liên xã.
[425] Khai sĩ là một danh xưng khác của Bồ-tát.

người lành, cũng như binh lính thuộc quyền mình cai quản ai nấy đều dốc chí trừ kẻ bạo, giữ yên cho người lành, bảo vệ nhân dân thì địa phương ấy được hưởng phước, mà chủ tướng, quân lính sẽ ngầm cùng được nghiệp chướng tiêu trừ, tăng trưởng phước thọ. Nếu chẳng coi trọng chuyện này, dùng tấm lòng khẩn thiết chí thành để khuyến khích binh sĩ, thì quân đi đến đâu, nơi ấy phải chịu nỗi thảm cướp bóc bừa bãi chẳng thể nào kể xiết; huống hồ thậm chí có kẻ còn hủy hoại nhà cửa, giết người để thị uy.

Nếu cư sĩ quả thật làm được như thế này: Dùng cái tâm chí thành dạy binh sĩ coi dân địa phương như người nhà của chính mình, chẳng để họ phải chịu bức bách, đè nén khổ sở vô lối thì công đức lớn lắm. Làm được như vậy, lại thêm tụng kinh, trì chú, niệm danh hiệu Phật thì sẽ được Phật, trời che chở, hộ trì. Khi vô sự thì quân oai lan xa, kẻ đớn hèn khuất phục. Khi hữu sự sẽ nương sức Phật, trời, đánh thắng quân địch, trở thành hộ quốc tướng quân, thành bậc Bồ-tát cứu thế vậy. Quang vốn thiếu đức, há kham làm thầy, nhưng nếu coi tượng đất nặn, gỗ khắc như Phật, kính trọng như đức Phật thật thì sẽ được lợi ích chẳng khác gì kính trọng đức Phật thật. Vì thế, tôi thuận theo chí ông, chịu làm thầy, nếu ông kính Phật trọng tăng thì cũng từ nơi ông tăng tầm thường, chỉ biết cơm cháo này, ắt cũng chẳng đến nỗi không thể nhờ đó được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử.

Nếu chỉ đòi hỏi Quang có đủ đạo đức thì Quang sẽ phụ lòng mong mỏi, chẳng thà không quy y còn tốt hơn. Nay tôi đặt pháp danh cho ông là Trí Nghị, do bởi có trí mạnh mẽ, kiên nghị, nên trong có thể tu thánh đạo đoạn kiến hoặc, ngoài có thể giữ nước yên dân. Ông nghĩ tưởng đến ý nghĩa của cái tên ấy sẽ có lợi cho cả quốc gia lẫn xã hội, chứ nào phải riêng một mình ông đâu. Đối với chuyện tụng kinh, trì chú, niệm Phật, một mực dùng lòng chí thành, cung kính để thọ trì là được rồi, bất tất phải lấy chuyện mong mau hiểu được ý nghĩa làm trọng. Nếu thọ trì được như vậy thì lâu ngày nghiệp chướng tiêu trừ, trí tuệ phát hiện, còn chứng được lợi ích thật sự nơi kinh, huống gì văn nghĩa. Trong Văn Sao đã từng nhiều lần đề cập đến chuyện này, nên chẳng nói nhiều. Xin hãy đọc kỹ Văn Sao, ấy chính là thường gặp gỡ lẫn nhau, chứ nào phải chỉ một hai lá thư mà thôi!

168. Thư trả lời anh em ông Chu Mạnh Do

Mẹ các ông tuổi đã cao, đối với pháp Tịnh độ còn chưa thể nỗ lực tu trì, hãy nên thường kể cùng bà cụ nỗi khổ luân hồi sáu nẻo, sự vui trong thế giới Cực Lạc. Con người sống trong thế gian, siêu thăng rất khó, đọa lạc thật dễ, nếu không

vãng sanh Tây Phương, đừng nói chi nhân đạo chẳng đáng tin tưởng, dù sanh lên trời phước thọ thật dài lâu, hễ phước lực hết vẫn bị đọa lạc trong nhân gian y như cũ, cũng như phải chịu khổ trong tam đồ ác đạo. Nếu không biết Phật pháp thì chẳng biết làm sao, nay đã hiểu đại khái Phật pháp, há nhường một mối đại lợi ích này cho người khác, còn chính mình đành lòng luân hồi trong sáu nẻo, thoạt chìm thoạt nổi, vĩnh viễn không có ngày thoát khỏi ư? Nói như vậy sẽ có thể làm cho thiện căn đời trước của cụ được phát khởi bèn tin nhận phụng hành. Bồ-tát độ sanh tùy thuận cơ nghi, trước hết dùng dục để lôi kéo, sau mới dạy cho nhập Phật trí. Ông tận lực tu tập hiếu hữu[426] và đem pháp môn Tịnh độ khuyên dạy quyến thuộc của chính mình cùng hết thảy kẻ hữu duyên đồng làm người trong hội Liên Trì thì công đức lớn lắm!

Người đời có bệnh và có những chuyện tai nạn, nguy hiểm v.v. nhưng chẳng biết niệm Phật, tu thiện, cứ lầm lạc muốn cầu đảo quỷ thần, bèn giết hại sanh mạng, nghiệp chồng thêm nghiệp, thật là đáng thương. Con người sống trong thế gian phàm có cảnh duyên đa phần do túc nghiệp, đã mắc bệnh khổ thì phải niệm Phật tu thiện, sám hối nghiệp cũ, hễ nghiệp tiêu, bệnh liền lành. Những quỷ thần kia còn đang ở trong biển nghiệp, làm sao có thể tiêu nghiệp cho người khác được? Dẫu là vị chánh thần có đại oai lực, thì oai lực của vị ấy sánh với oai lực của Phật, Bồ-tát khác nào lửa đom đóm sánh với ánh sáng mặt trời. Đệ tử Phật chẳng hướng về Phật, Bồ-tát cầu đảo lại hướng về quỷ thần cầu đảo, đấy chính là tà kiến, chính là trái nghịch lời Phật dạy, không thể không biết.

Lại nữa, hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ quá khứ, là vị lai chư Phật, lẽ ra phải nên kiêng giết, cứu mạng, yêu tiếc sanh mạng loài vật, chớ thuận theo tri kiến thế tục, cho là phải cung phụng miếng ngon vật lạ cho cha mẹ mới là hiếu. Những kẻ chưa nghe được Phật pháp đó chẳng biết sự lý luân hồi lục đạo, lầm tưởng như vậy là hiếu, còn tha thứ được. Chớ nếu là người đã nghe biết Phật pháp, lại giết cha mẹ, thân thuộc quá khứ để phụng dưỡng cha mẹ hiện tại cũng như để ma chay, cúng giỗ v.v. thì chẳng những không phải là hiếu đạo mà còn trở thành ngỗ nghịch nữa. Vì vậy, những bậc thông đạt do nghe được chân thật nghĩa đế của Phật pháp bèn chẳng chịu hành theo những pháp quyền biến của thế gian, bởi những pháp quyền biến ấy đều là thuận theo tình kiến mê muội của thế tục mà lập, chứ không phải là đạo thấy thông suốt nhân quả ba đời của đức Như Lai. Nếu muốn hiểu sâu hơn, hãy đọc những bài văn khuyên kiêng giết trong bộ Văn Sao[427]

[426] Hiếu kính cha mẹ, hòa thuận, thương yêu anh em.
[427] Bài số 10 trong phần Tạp Trước, Quyển 4

và bài Phổ Khuyến Giới Sát Vãn Kiếp Văn (văn khuyên khắp mọi người kiêng giết để vãn hồi kiếp vận) trong bộ Quán Âm Tụng ắt sẽ tự biết.

Người niệm Phật nếu mắc bệnh hãy nên một dạ đợi chết, nếu tuổi thọ chưa hết sẽ chóng lành bệnh, vì toàn thân buông xuống niệm Phật có thể tiêu được nghiệp chướng mạnh nhất, nghiệp tiêu thì bệnh sẽ lành. Nếu không buông xuống được, cứ muốn cầu lành bệnh thì vẫn chưa thể lành bệnh được, mà cũng chắc chắn không cách gì vãng sanh được, vì chẳng nguyện vãng sanh. Nếu không hiểu rõ những đạo lý này, há còn có thể cậy vào Phật từ lực được sao? Đối với bệnh của mẹ ông, hãy khuyên bà cụ nên buông xuống, cầu vãng sanh, nếu tuổi thọ chưa hết, đâm ra sẽ mau lành bệnh, vì tâm chí thành nên được Phật từ gia bị. Mong ông hãy uyển chuyển khuyên mẹ, đừng bắt chước kẻ si nói lời ngây ngô!

Hôm qua nhận được thư Thủ Lương, biết mẹ ông chưa thật sự phát tâm cầu sanh, mẹ đang bệnh đừng nhắc đến chuyện đó, chỉ khuyên mẹ chí tâm niệm Phật sẽ được Phật gia bị khiến cho thân tâm an lạc. Đợi khi nào cụ khỏe hẳn, hãy khéo léo khuyên chỉ, khiến cho cụ cầu sanh thì lợi ích lớn lắm. Cũng mong ông đối trước cụ, thay tôi hỏi thăm sức khỏe, cũng như bảo cụ rằng Quang khuyên cụ nên buông xuống hết thảy, nhất tâm niệm Phật, lấy đó làm chuyện trọng yếu cho chính mình, mọi chuyện khác đều phó cho con cháu lo lắng để khỏi gây trở ngại cho lợi ích niệm Phật của chính mình.

Quần Tranh hãy nên biết rõ: Mẹ ông hiện đang có bệnh, mẹ chưa lành bệnh trọn chẳng thể bỏ đi. Nhưng Quang xem ra mẹ ông e rằng khó sống lâu, hãy nên cùng Mạnh Do và Trí Chiêu v.v. hằng ngày thay phiên nhau niệm Phật bên mẹ, khiến cụ niệm theo, chẳng niệm được thì lặng lẽ nghe. Nếu tuổi thọ đã hết, hành như thế, sẽ quyết định vãng sanh. Nếu tuổi thọ chưa hết, cũng sẽ tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng thiện căn. Nếu ông nhất quyết muốn lên núi, chỉ đành bàn bạc như thế này cùng ông, ngõ hầu hai đằng đều không trở ngại: Hiện nay mẹ ông bệnh chưa khỏi, quyết chẳng thể phát cái tâm ấy. Nếu phát thì cả thế gian lẫn xuất thế gian hai đằng đều trái nghịch. Con người lâm chung được trợ niệm quyết có thể vãng sanh; không được trợ niệm, hoặc lại vì khóc lóc, chuyển dời, khiến tình yêu mến hay lòng sân hận dấy động thì sẽ khó tránh khỏi bị đọa lạc, nguy hiểm lắm thay! Ông thành tựu được sự vãng sanh cho mẹ thì cũng chính là chánh nhân tịnh nghiệp của ba đời chư Phật, ấy là "hành Phật sự ngay trong trần lao", công đức thù thắng vạn phần hơn những chuyện tầm thường khác. Xin hãy bảo cùng Mạnh Do cách trợ niệm này và khuyên mẹ hãy nghe theo lời Quang. Vì mẹ diễn

bày Phật pháp cố nhiên là đại thiện, nhưng chuyện thăm hỏi vỗ về cũng càng phải đặc biệt lưu ý thì may mắn lắm!

Mẹ ông phát nguyện gởi tiền cho Quang để tùy ý làm công đức và giúp in bộ Văn Sao hủ bại. Theo cái nhìn hèn tệ của Quang, hễ làm công đức thì phải coi việc khai phát trí thức cho con người là trọng yếu nhất. Quang tính dùng khoản tiền này in Quán Âm Tụng để thí khắp gần xa khiến cho hết thảy mọi người cùng biết Đại sĩ Quán Âm là bậc nương cậy cho chúng sanh trong pháp giới, tùy loại hiện thân, tầm thanh cứu khổ, lại còn phù tá Phật Di-đà tiếp dẫn chúng sanh. Huống chi người đời hiện thời hằng ngày ở trong hoạn nạn, không cách chi ngăn ngừa, gìn giữ được. Nếu ai nấy thấy được sách này, biết ân đức Đại sĩ, không ai chẳng muốn cậy vào oai lực ngài để tránh khỏi tai họa.

Đã phát tâm quy y, tin tưởng, nương tựa Đại sĩ thì tự nhiên sẽ giữ lòng từ thiện, tu sửa lỗi cũ hòng chẳng trái nghịch Đại sĩ để được che chở, gìn giữ, ban phước. Cõi đời loạn lạc là vì lòng người hiểm ác, nếu ai nấy đều ngưỡng mộ lòng từ bi của Đại sĩ, ắt có ngày tự đến được chốn lành. Do vậy, lưu thông sách này lợi lạc vô cùng, so với in những thứ lợi ích tạm thời khác quả thật cách xa một trời một vực! Do chuyện này mẹ ông sẽ tăng phước tuệ, tiêu trừ tội khiên, ắt sống được an lạc, mất về Liên Bang. Còn như bộ Văn Sao hủ bại, người trông thấy phát tâm tu thiện niệm Phật rất nhiều, ở đây không viết tường tận.

Vì sao mẹ ông bệnh chẳng thấy lành? Ấy là do túc nghiệp mà ra, là do báo nặng đời sau chuyển thành báo nhẹ trong hiện tại để giải quyết cho xong ngay lúc này đó vậy. Pháp sư Huyền Trang lúc lâm chung cũng có chút bệnh khổ, tâm nghi ngờ những kinh mình dịch có bị sai lầm gì chăng, có một vị Bồ-tát an ủi ngài: "Do sự khổ nhỏ này, tội báo của sư trong những kiếp trước đều tiêu cả, chớ hoài nghi!" Hãy nên đem ý này an ủi mẹ ông, khuyên cụ sanh lòng hoan hỷ, đừng sanh lòng oán hận thì quyết định được Phật gia bị. Thọ mạng chưa hết sẽ chóng lành, đã hết sẽ vãng sanh. Phàm nhân trong lúc bệnh khổ nếu nghĩ thoái lui một bước thì an lạc vô lượng.

Gần đây, binh lửa liên miên, may sao chúng ta chưa mắc phải nạn ấy. Tuy có bệnh khổ, nhưng vẫn còn có thể dùng đó làm lời cảnh tỉnh, răn nhắc thoát khổ, phải nên cảm kích, tinh chuyên tu tập thì sẽ tự được lợi ích. Nếu không, oán trời hận người, chẳng những không tiêu được túc nghiệp, lại còn đèo thêm cái nghiệp oán trời trách người. Hãy bảo cùng mẹ ông như thế. Nếu có thể chẳng oán trời trách người, tịnh tâm niệm Phật thì tiêu được nghiệp như nước sôi tan tuyết. Từ khi Quang trở về núi, lúc hồi hướng trong khóa tụng hằng ngày đều hồi hướng

cho mẹ ông, cầu tam bảo gia bị mạng chưa tận sẽ chóng lành, tuổi thọ đã hết sẽ mau được vãng sanh Tây Phương.

***

Nhận được thư biết mẹ ông đã niệm Phật vãng sanh bữa mồng Hai, khôn ngăn thương cảm, than thở! Tuy nhiên, các ông đã biết Phật pháp, nên y theo Phật pháp, chăm chú tạo lợi ích cho thần thức của cụ bà, chớ đừng buồn thương vô ích, khiến cho kẻ còn lẫn người mất chẳng được lợi ích gì. Trong lúc ma chay, toàn dùng đồ chay, đừng bị thế tục xoay chuyển, dẫu bị kẻ chẳng hiểu thời thế chê là không đúng, cũng cứ mặc cho họ cười chê. Tang ma, chôn cất, chớ nên bày vẽ phô trương quá mức, làm Phật sự chỉ nên niệm Phật, đừng làm Phật sự gì khác, cũng như bảo cả nhà đều khẩn thiết niệm Phật thì đối với mẹ ông, đối với quyến thuộc các ông và thân thích, bằng hữu đều có lợi ích thật sự. Có tài lực thì làm nhiều công đức, nếu tiền chi tiêu cho tang sự không dư dả thì chuyên lo tang sự là được rồi, đừng gắng gượng bày vẽ, đến nỗi thiếu hụt, để rồi sau này túng quẫn, không nên!

Nhận được thư, biết mẹ ông qua đời rất an lành, ấy là do mẹ ông xưa kia tích chứa thiện căn cũng như do thiện nguyện trong hiện tại, mà cũng là kết quả của việc các ông giúp cho mẹ được thành tựu. Con người suốt cả một đời chuyện gì cũng có thể giả vờ được, chỉ có lúc sắp chết là không thể giả dối được. Huống chi cụ không có tình ái luyến, vẻ mặt vui tươi, ngồi yên qua đời. Nếu không phải là tịnh nghiệp thành thục, làm sao được như thế? Chỉ cần nhìn vào anh em ông và gia đình quyến thuộc tích cực vì mẹ niệm Phật, chẳng những bà cụ được lợi ích, mà thật ra so với công đức niệm Phật cho chính mình lại càng lớn hơn. Do vậy, đức Phật dạy con người phàm tụng kinh, trì chú, niệm Phật, làm các công đức đều hồi hướng cho pháp giới chúng sanh, bình thời còn hồi hướng cho chúng sanh không liên hệ gì với mình, huống gì lúc mẹ mất lại chẳng chí tâm vì mẹ niệm Phật hay sao? Do hồi hướng cho hết thảy chúng sanh chính là phù hợp với thệ nguyện Bồ-đề của Phật, như một giọt nước gieo vào biển cả cũng trở thành sâu rộng như biển cả. Nếu chưa đến được biển, đừng nói chi là một giọt nước, dẫu trường giang, sông lớn hiển nhiên vẫn thua xa biển cả như trời với đất. Do vậy, biết rằng phàm thí cho mẹ và hết thảy mọi người đều chính là tự vun bồi phước cho mình.

Biết được nghĩa này thì người có lòng hiếu sẽ càng tăng trưởng lòng hiếu, kẻ không có lòng hiếu cũng sẽ phát khởi tâm hiếu. Thỉnh tăng niệm Phật suốt 49 ngày rất tốt, lúc niệm thì anh em ông phải có người hiện diện niệm theo, phụ nữ bất tất phải ngồi sau tăng. Bởi lẽ, niệm nhiều ngày, ắt quen biết nhau, dễ khiến

người ta khởi hiềm nghi! Nên lập riêng một chỗ cho phụ nữ, hoặc cho họ ngồi sau màn, ra vào theo cửa riêng, hai bên chẳng thấy nhau để làm gương cho làng ấp, mở đầu khuôn phép nghi thức tốt đẹp. Nếu tràn lan không giới hạn thì rất có thể người khác bắt chước theo, lâu ngày nảy sanh thói tệ. Người xưa lập pháp dẫu là thượng thượng nhân cũng phải tuân thủ khuôn phép dành cho kẻ hạ hạ, cho nên không thể có tệ hại.

Anh em ông vì mẹ có thể niệm Phật như thế lại còn vì mẹ in tặng Quán Âm Tụng, Văn Sao v.v., có thiện tâm, tư lương thanh tịnh, và chuyện công đức lợi người như thế há chẳng riêng gì mẹ ông phẩm sen được tăng cao, chắc rằng tổ phụ, tổ mẫu, phụ thân ông và tổ tiên nhiều đời cùng được thấm nhuần pháp lợi, cùng được vãng sanh. Những gì Quang nói vốn có lý có tình, chứ không phải là nói lan man để làm đẹp lòng vui dạ các ông. Con em nhà phú quý đa phần chẳng thành trò trống gì, vốn là do chẳng biết cách thương yêu, hoặc là thiên về cho con tiền tài, hoặc là thiên về cho con ăn mặc sang trọng, mặc sức dùng tiền, ắt đến nỗi ăn bậy thành bệnh. Nếu cho một đứa nào giữ tiền của để kiếm lời, những đứa khác không được sẽ sanh tâm oán cha mẹ, sanh lòng đố kỵ với những anh em, chị em được giữ tiền, đấy đều chẳng phải là cách dạy con hiếu để.

Nếu con gái có tiền, khi lấy chồng sẽ cậy tiền tự kiêu, hoặc khinh thường chồng, hoặc không hiểu việc, đem tiền giúp chồng làm chuyện trái pháp. Muốn con cái thành hiền nhân thì hãy nên vun bồi phước, chẳng nên tích cóp tiền tài. Tài là gốc họa, các ông thấy bao kẻ tay trắng làm nên đều là do không tiền nhưng siêng năng mà được, còn những nhà giàu to không ít kẻ chẳng bao lâu gia sản trống rỗng, cổ nhân nói: “Để cho con một rương đầy vàng, không bằng dạy con một bộ kinh.” Học được thì học, không học được thì hoặc làm ruộng, làm thợ, buôn bán, mỗi đứa một nghề để làm cái vốn lập thân nuôi gia đình. Nếu con gái có tiền, hiểu biết đạo lý thì tiền sẽ thành cái gốc để giúp cho đạo; nếu không hiểu đạo lý thì sẽ hại cả con lẫn rể, hại lây đến cháu trai, cháu gái.

Mẹ ông khéo kinh doanh, may là tổ đức nhà ông sâu dày nên anh em trai, chị em gái đều hiền lành, hòa thuận. Dù mẹ có thương yêu một đứa con nào hơn những đứa khác cũng chẳng đến nỗi so bì lẫn nhau. Nhưng chẳng thể coi đó là cách hay, phải làm sao cho con cái vĩnh viễn không so đo, nảy sanh hiềm khích, cũng như không sanh trưởng ý niệm ỷ lại, kiêu căng, ngõ hầu gia đạo hưng thịnh, con cháu đều tuân thủ quy củ. Quang thường hay có cái tánh dài dòng, do anh em ông coi Quang là thầy, chỉ sợ rằng sau này con cái các ông bị mắc hại nên mới lắm lời. Nếu không coi những gì tôi đã nói là không có nguyên nhân, không xem

là lời thừa thì may mắn thay! Chỉ mong anh em ông tích cực niệm Phật, đấy chính là báo ân mẹ mà cũng là báo ân Phật vậy.

Cách hỏa táng khi Phật pháp hưng thạnh vào thời Đường - Tống, người tại gia thường dùng. Nhưng hãy nên thuận theo thói đời chôn cất, vì sợ kẻ chấp trước câu nệ sẽ lầm lạc nói ra nói vào, chứ thật ra thiêu sẽ dễ dàng gọn gàng hơn. Qua 49 ngày hãy thiêu là ổn thỏa, chôn lâu ngày rất có thể xương cốt bị phơi bày. Chuyện để tang ba năm không dùng đến lễ nhạc, cố nhiên nên tuân thủ. Đời Thanh trước kia, hễ là quan văn thì phải xin nghỉ cư tang, quan võ không cần phải cư tang do việc quân chẳng thể thiếu sót được, nên chẳng lấy đó làm lệ. Nay thì những thói "phế bỏ luân thường, bất hiếu" nhao nhao khởi lên, chuyện vâng giữ tang chế theo kỳ hạn há còn đáng để nhắc tới hay chăng? Chúng ta nên dựa theo cổ lễ, châm chước mà hành, chớ nên biến đổi hết, nhưng cũng bất tất phải câu nệ!

Những thuyết "đảnh thánh nhãn thiên"[428] quả thật có chứng cứ, nhưng Quang sợ kẻ vô tri chỉ chăm chú thăm dò chỗ nóng lạnh, ý tôi cho rằng: "Hễ có tín nguyện và lúc lâm chung chánh niệm phân minh bèn được vãng sanh, chẳng cần phải chuyên thăm dò nóng lạnh để làm chứng cứ", nên mới nói cũng đừng theo lệ ấy vì sợ rằng thăm dò quá nhiều lần đến nỗi hỏng việc. Không thể không biết điều này!

Trong pháp hội Vô Lượng Thọ Như Lai của kinh Đại Bảo Tích[429] có nói những kẻ nghi ngờ hối hận thì gọi là *thai sanh*, cũng có chỗ gọi là *nghi thành*; tức

---

[428] Đảnh thánh, nhãn sanh thiên: Đây là một bài kệ thời cổ luận về sự vãng sanh, nguyên văn như sau:

Đảnh thánh, nhãn thiên sanh
Nhân tâm, ngạ quỷ phúc
Súc sanh tất cái ly
Địa ngục cước phản xuất.

Ý nói: Khi người chết tắt hơi, toàn thân đã lạnh, chỉ còn đảnh đầu nóng thì ắt đã siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Nếu mắt cùng trán còn nóng thì sanh trong thiên đạo, chỗ ngực còn ấm thì sanh nhân đạo, riêng bụng còn nóng thì sanh ngạ quỷ, riêng đầu gối còn nóng thì sanh làm súc sanh, riêng bàn chân còn nóng thì sanh địa ngục.

[429] Kinh Đại Bảo Tích (Mahā-Ratnakūta-Sūtra) gồm 120 quyển, thật ra là bộ tổng tập các kinh liên quan đến những phương pháp tu hành, thọ ký, thành Phật của các Bồ-tát. Bảo tích có nghĩa là tích tập pháp bảo. Do pháp Đại thừa sâu mầu nên gọi là bảo, tích tập vô lượng pháp môn nên gọi là tích. Toàn kinh chia thành 49 hội. Trong số ấy, những bản dịch kinh cùng nội dung nhưng khác tên của các nhà dịch kinh trong thời Ngụy, Tấn, Nam Bắc Triều, Tùy, Đường gồm hơn 28 hội, gọi là phần Cựu Dịch. Ngài Bồ-đề-lưu-chí dịch mới 26 hội nữa, gọi là bản Tân Dịch. Bản kinh Bảo Tích hiện thời là tổng hợp của hai phần này. Như vậy, mỗi một pháp hội là một bộ kinh. Bản kinh này đã được tập thành tại Ấn Độ, khi ngài Huyền Trang về lại Trung Hoa có mang theo Phạn bản. Theo Đại Từ Ân Tự Tam Tạng Pháp Sư Truyện, quyển 10, sau khi dịch

là ước theo chướng ngại, che lấp, ngăn cách, trở ngại cho nên gọi là thai sanh, là nghi thành. Đó là vì ở trong hoa sen 500 năm chẳng thấy Phật, nghe pháp. Sao lại hiểu nghĩa theo kiểu chấp chết cứng vào văn tự, không kể những người ấy vào loại chín phẩm vãng sanh? Phải biết, Tây Phương không có thai sanh, cũng không có thành quách, nói thai sanh hay nghi thành là ước trên ý nghĩa "chẳng vượt ra khỏi hoa sen và bị ngăn cách với Phật", nên ví như thai, như thành. Ông chấp chặt vào từ ngữ, cho rằng những người ấy không thuộc vào phẩm sen.

Hạ phẩm trung sanh là sáu kiếp hoa mới nở, hạ phẩm hạ sanh là mười hai kiếp; như vậy thành ấy, thai ấy lại càng dày, càng xa. Mười hai kiếp còn gộp trong chín phẩm, sao chỉ 500 năm lại lọt ra ngoài? Sao lại không thấy tám chữ "ở trong hoa sen chẳng thể xuất hiện", hoa sen ấy chẳng phải là sen trong chín phẩm hay sao? Phật pháp vốn chẳng thể nói được, hễ chấp chết vào điều gì thì là vô sự bèn sanh sự, phí hết bút mực vậy! Nói chung, do mình nghi nên bèn ví như ở trong thai, ở trong thành, dày còn hơn Thiết Vi. Nếu ngay đó bèn hiểu rõ thì đại địa phẳng phiu, Thiết Vi trọn chẳng còn có nữa. Mạnh tử nói: "Do ý nghịch chí, cho nên bèn có"[430]. Chỉ một chữ nghịch ấy cũng là nghi thành. Nếu biết là nghịch sẽ phù hợp cùng ý, nghi thành hóa ra không còn nữa! Do vậy, những gã chấp chết cứng suốt ngày giảng nói nhưng suốt ngày nghi ngờ, trái nghịch, đều là vì cái gốc bệnh chấp chết cứng này chưa tiêu được cho nên khó thể đạt được lợi ích thật sự.

169. Thư trả lời cư sĩ Phùng Bất Cửu

Nếu muốn giáo hóa người thì chính mình phải thật sự làm, người ta sẽ tự tin. Quang nói "thật sự làm" không chỉ có nghĩa là niệm Phật mà thôi! Phàm người phát tâm học Phật thì việc làm phải cao trỗi hơn người bình thường. Nói "cao trỗi" có nghĩa là phải tận lực giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, cha từ, con hiếu là những điều phải nên làm, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ chăm chú giữ lòng chân thật, phàm khởi tâm động niệm làm việc gì đều phải "đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện". Phàm có ai mê chẳng tin tưởng thì phải dùng thành ý chân thật để tuyên nói những sự lý nhân quả mình biết; nếu không biết, chớ nên cưỡng nói. Chúng sanh đang mê như sanh ra đã mù, mê nhưng vốn có nhà, muốn quay về phải nhờ vào người dẫn thì mới khỏi va tường đụng vách, sa hầm xảy hố.

---

xong bộ Đại Bát-nhã 600 quyển, pháp sư Huyền Trang thuận theo lời cầu thỉnh của chư sơn cao đức dịch kinh này, nhưng tinh lực đã tận, nên chỉ dịch vài trang rồi ngưng. Bản kinh này đã được hòa thượng Trí Tịnh chuyển dịch sang Việt Văn.

[430] Theo Tứ Thư Bạch Thoại Dị Giải, câu này có nghĩa là "dùng ý kiến ức đoán của chính mình suy lường nên bị trở ngại, vướng mắc".

Người được dẫn dắt phải hoàn toàn tuân theo lời người dẫn đường, chẳng được nảy sanh chút chống trái nào. Nếu chống trái thì chẳng những không thể về đến nhà, e rằng còn bị mất cả thân mạng. Pháp môn Tịnh độ do đức Phật đã nói chính là vị thầy dẫn đường cho hết thảy chúng sanh trong tam giới, chúng sanh tuân theo ngôn giáo của Phật mà tu hành quyết sẽ đến được thế giới Tây Phương Cực Lạc, tức là quê nhà mình sẵn có, hưởng thụ an lạc. Chỉ vì dùng phàm tình không hiểu được thánh trí nên lại tự cho mình thông minh, rồi lầm lạc cật vấn, bắt bẻ, thật đáng xót thương! Nay tôi sẽ lần lượt đáp từng điều:

1) "Vật đạt đến cùng cực sẽ xoay ngược lại, vui quá hóa buồn" chính là lý chung, nguyên tắc chung thường hằng cổ kim, thông suốt khắp thiên hạ, trọn chẳng thể thay đổi mảy may nào. Tây Phương mang tên là Cực Lạc, như vậy cũng sẽ hóa thành buồn sao?

Đáp: Trong thế gian, tất cả căn thân (căn chính là cái thân chúng ta) hay thế giới (tức là trời đất mình đang sống) đều là đồng nghiệp (thế giới) và biệt nghiệp (căn thân) được cảm thành trong cái tâm sanh diệt của chúng sanh, đều có thành hoại, đều chẳng lâu bền. Thân có sanh lão bệnh tử, thế giới có thành trụ hoại không, nói "vật đạt đến cùng cực ắt xoay ngược lại, vui quá hóa buồn" chính là ý này. Bởi lẽ nhân đã là sanh diệt thì quả không thể nào không sanh diệt. Thế giới Cực Lạc là do A-di-đà Phật chứng triệt để Phật tánh sẵn có trong tự tâm, tùy tâm hiện ra thế giới xứng tánh trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn, do vậy sự vui không có thời kỳ cùng tận. Ví như hư không rộng rãi lớn lao, bao hàm hết thảy sâm la vạn tượng, tuy thế giới bao lượt thành, bao phen hoại, nhưng hư không rốt ráo chẳng tăng giảm.

Ông dùng sự vui thế gian để cật vấn sự vui nơi Cực Lạc, ông chưa thể thấy được sự vui nơi Cực Lạc; tuy ông chưa thể thấy hư không hoàn toàn, nhưng hư không trong vòng trời đất ông đã từng thấy qua, nó có biến đổi hay chăng? Phải biết hết thảy chúng sanh đều sẵn có Phật tánh, vì thế đức Phật (chỉ Thích-ca Mâu-ni Phật) dạy người niệm Phật cầu sanh Tây Phương, do nương vào đại từ bi nguyện lực của Phật A-di-đà nên cũng được hưởng sự vui bất sanh bất diệt ấy. Bởi lẽ căn thân là liên hoa hóa sanh nên không có nỗi khổ sanh già bệnh chết, còn thế giới do công đức xứng tánh biến hiện nên không có những sự biến đổi thành trụ hoại không. Dẫu là thánh nhân cũng còn có những điều không biết, há có nên do pháp thế gian sanh diệt mà nghi ngờ ư?

2) “Nhất âm nhất dương gọi là đạo.” Đời đồn đại tiên sinh Giang Thận Tu[431] ở một mình trong núi thẳm, làm ra thiên, địa, nhật, nguyệt, tinh tú đều thành hình, nhưng chúng đều đứng yên không vận chuyển được, đến khi chúng được hưởng khí âm của đứa tớ gái mới vận hành được. Tây Phương không có thân nữ, riêng có một mình dương, làm sao sanh trưởng cho được?

Đáp: Giang Thận Tu là một bậc quân tử ẩn dật đời Thanh, đối với tâm pháp thánh hiền, thiên văn, địa lý, không gì chẳng thông đạt, quả là trong thế gian hiếm được mấy kẻ. Tiên sinh chưa từng nghiên cứu Phật pháp, nhưng đối với chuyện kiêng giết, phóng sanh v.v. lại suốt đời khen ngợi (Quang từng viết lời tựa cho sách và bản niên phổ của tiên sinh, cùng cho lưu truyền). Đối với pháp thiển cận nhất của Phật pháp, tiên sinh còn như thế, nếu khi đó được bậc cao nhân thông suốt Phật pháp hóa độ, ắt sẽ thâm nhập pháp tạng, triệt chứng tự tâm.

Còn như nói “ông ta làm ra thiên, địa, nhật, nguyệt, tinh tú đều thành hình, nhưng chúng chỉ đứng yên không vận chuyển được, phải đợi đến khi có âm khí của đứa tớ gái mới xoay vần được” thì đấy chính là lời đơm đặt, đồn thổi của bọn hạ lưu luyện đan, nhằm lôi kéo những kẻ vô thức làm chuyện tà bậy, nên mượn chuyện ông Thận Tu làm ra thiên địa hòng chứng minh “âm dương hòa hợp chính là đạo”. Đấy là chuyện cực ác, trái pháp, vô luân lý, vô liêm sỉ, dẫn con người sa vào lời ma, tà kiến cầm thú. Kẻ vô tri tưởng là diệu đạo, chẳng đáng buồn ư?

“Nhất âm nhất dương gọi là đạo” chính là lời Khổng tử khen ngợi kinh Dịch, Dịch lấy âm dương làm gốc nên Khổng tử nói như thế. Người đời sau không biết đạo, liền hiểu sơ sài hai chữ “âm dương” có nghĩa là khí âm, khí dương; kẻ tà kiến lại hiểu lệch lạc âm dương là nam nữ, đúng là “két học tiếng người, trọn chẳng biết chuyện người”.

Nay chẳng nài phiền toái, chỉ bày đại lược ngõ hầu chẳng đến nỗi khiến cho lời dạy đạo của thánh nhân bị kẻ vô tri hiểu lầm tạo thành ác nghiệp vĩnh viễn đọa trong tam đồ. “Nhất” không phải là “một” như trong “nhất, nhị” (một, hai), mà có nghĩa là “hỗn hợp, không gián đoạn”. Dương chính là minh đức, minh đức này ai ai cũng có. Do bị những sự ham muốn của con người ngăn lấp nên minh

[431] Giang Thận Tu là người huyện Hấp, tỉnh An Huy, thích nghiên cứu, rất tinh thông thuật bói toán. Tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là Chu Dịch Thích Nghĩa gồm 16 quyển, vẫn còn được phổ biến đến tận ngày nay. Ông đề ra những kiến giải đặc biệt, tân kỳ và tinh xác về thuật Dịch Học, nhất là Hà Đồ và Lạc Thư. Ông còn nghiên cứu rộng rãi nhiều học thuật, triết học đương thời, nên được coi là bậc đại học giả cuối đời Thanh.

đức sẵn có chẳng thể hiển hiện được. Nếu "cách trừ" (trừ khử) được những sự ham muốn của con người thì minh đức sẽ tự hiển lộ, đó gọi là "minh minh đức" (làm sáng tỏ đức sáng). Dương là minh đức, còn âm là công dụng làm sáng tỏ minh đức.

Sách Trung Dung nói là "thành minh", *thành* chính là minh đức, *minh* chính là sự sáng tỏ của việc "minh minh đức", thành và minh hợp nhất chính là "minh minh đức". Đấy chính là đạo được truyền bởi các vị Phục Hy, Thần Nông, Nghiêu, Thuấn, Vũ (vua Đại Vũ), Thang (vua Thành Thang), Văn (tức Chu Văn Vương), Vũ (tức Chu Vũ Vương), Chu công, Khổng tử. Trong sách Đại Học, Khổng tử gọi thẳng là "minh minh đức", còn trong Trung Dung, Tử Tư gọi là "thành minh". Sách Chu Dịch chính là sách thánh nhân xem xét hình tượng để sánh ví đạo nhằm dạy người, nên bảo "nhất âm nhất dương là đạo".

Đời sau trí thức nông cạn, hèn kém, hiểu chết cứng chữ "âm dương", rốt cuộc hiểu thành nam nữ, rồi tà nhân dùng đó làm chứng cứ để gạt gẫm người vô tri làm chuyện tà bậy. Cái tội vu báng, miệt thị Khổng tử, phá hoại Dịch lý, gây nghi ngờ lầm lạc cho hậu thế há cùng cực được ư? Tôi nói như vậy, sợ ông không tin. Hãy xem phần Tượng Truyện nói về những con rồng trong sáu hào[432] của quẻ Thuần Càn ắt tự biết rõ, cũng chẳng cần phải nghiên cứu toàn bộ sáu mươi bốn quẻ. Kẻ kia cho âm dương hợp nhau là đạo, trong núi sâu há lẽ chẳng có khí âm dương, cần chi cứ phải dùng đến khí âm dương của con người? Khí âm dương của con người là cái gốc để sanh con cái, nào phải là cái gốc của thiên, địa, nhật, nguyệt, tinh tú? Loại tà kiến này xú uế đến cùng cực, chẳng đáng nhắc đến. Kẻ ấy vẫn cho đó là đạo, đúng là "dùng phân người để làm chiên-đàn[433]", chính là hạng người chẳng biết thơm thối, buồn thay!

3) Do tham thiền điều thần dưỡng khí nên tin là có ích, còn niệm Phật nói nhiều tổn khí, há cũng có ích chăng? Vả nữa, nếu có kẻ nào đó suốt ngày ở bên cạnh ông, réo tên ông không ngừng, ông chẳng chán ghét hay sao?

---

[432] Quẻ Thuần Càn gồm sáu hào dương (tức sáu vạch liền), mỗi vạch đều được giảng bằng chữ long, từ hào thứ nhất (sơ cửu) là Tiềm Long Vật Dụng, hào thứ hai là Hiện (kiến) Long Tại Điền, cho đến hào thứ sáu (thượng cửu) là Kháng Long Hữu Hối.

[433] Chiên-đàn (gośīrṣa-candana): Thường được gọi đủ là *chiên-đàn ngưu đầu*, hay *ngưu đàn hương*, là một loại gỗ trầm hương (sandalwood), tương truyền lấy từ rặng núi Ngưu Đầu. Người Ấn Độ tin rằng bôi loại hương này lên thân sẽ ngăn được lửa, trị lành vết thương. Có nhiều loại chiên-đàn, kinh Pháp Hoa nói có loại *chiên-đàn hải ngạn*, một thù của loại hương này giá trị bằng cả tam thiên đại thiên thế giới.

Đáp: Nói "thiền là tịnh tọa, dưỡng khí, điều thần" thì cũng là lời lẽ của kẻ chẳng biết thiền, chỉ thấy được da lông của thiền, chẳng biết nguồn cội thiền. Thiền giả tuy ngồi nhưng tham cứu bản lai diện mục, chứ không phải nhằm dưỡng khí điều thần. Niệm Phật cũng là pháp dưỡng khí điều thần, mà cũng là pháp tham cứu bản lai diện mục. Vì sao nói thế? Cái tâm của chúng ta thường luôn rối loạn, nếu chí thành niệm Phật thì sẽ thấy hết thảy tạp niệm vọng tưởng dần dần tiêu diệt, hễ vọng tưởng tiêu diệt thì tâm quy về một mối, quy về một mối thì thần khí tự nhiên sung mãn, thông suốt.

Ông không biết niệm Phật là dứt vọng, cứ thử niệm đi sẽ nhận thấy đủ mọi vọng niệm trong tâm đều hiện, nếu niệm lâu ngày sẽ tự chẳng còn những vọng niệm ấy. Thoạt đầu biết có vọng niệm, do niệm Phật nên mới hiển lộ được những vọng niệm trong tâm, không niệm thì chẳng hiển. Ví như trong nhà thanh tịnh không bụi, nhưng một tia nắng lọt qua khe cửa sổ sẽ thấy không biết bao nhiêu là bụi, bụi trong nhà do ánh nắng thấy rõ, vọng trong tâm cũng do niệm Phật mà hiện rõ. Nếu thường niệm Phật, tự tâm thanh tịnh. Khổng tử hâm mộ đạo của Nghiêu, Thuấn, Chu công niệm niệm chẳng quên, nên thấy vua Nghiêu trong canh, thấy vua Thuấn nơi tường, thấy Chu công trong mộng. Đấy là do thường luôn nghĩ nhớ, có khác gì niệm Phật!

Do tâm miệng của chúng sanh bị phiền não, hoặc nghiệp nhiễm ô nên Phật dạy dùng tâm miệng xưng niệm hồng danh thánh hiệu "Nam-mô A-di-đà Phật". Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm. Niệm lâu ngày, nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận, phước cao, Phật tánh sẵn có nơi tự tâm sẽ tự hiển hiện. Sao lại lấy chuyện người thế gian réo tên để so sánh vậy? Nếu như vậy thì Khổng tử thường niệm Nghiêu, Thuấn, Chu công cũng là chẳng đúng. Nếu cho niệm niệm nghĩ đến, ngưỡng mộ là đúng, thì sao lại coi mỗi tiếng luôn niệm Phật là sai? Huống chi niệm Phật chính là diệu pháp để chuyển phàm thành thánh, pháp thế gian há thể sánh bằng được sao?

4) Bệnh của con người là do trong thân thể có nhiều trùng, dùng thuốc để trị thì là giết trùng, còn bỏ thuốc thì là ngồi nhìn người khác chết. Hai đằng phải làm sao đây?

Đáp: Bệnh thì có bệnh trị được, có bệnh không trị được, bệnh trị được là bệnh ngoại cảm nội thương, còn nếu là bệnh do oán nghiệp thì thần tiên cũng chẳng thể trị được. Niệm Phật bèn có thể khiến cho oán gia đời trước cậy vào Phật từ lực siêu sanh thiện đạo, vì vậy khi mối oán thù được cởi bỏ, bệnh liền lành mạnh. Ngoại cảm nội thương niệm Phật cũng rất hữu ích, không phải chỉ có bệnh do oán

nghiệp mới có ích. Ông Giang Dịch Viên làm hiệu trưởng, do tận lực dạy dỗ học trò, dụng tâm quá độ nên mắc bệnh trầm trọng (khi đó, ông ta ở Thượng Hải), thuốc Tây, thuốc Tàu đều vô hiệu. Ông ta vốn không biết Phật pháp, ông Giang Vị Nông[434] đến thăm, nói: "Thuốc đã không công hiệu thì không cần dùng đến thuốc nữa, hãy nên chí tâm niệm Phật liền có thể khỏi bệnh." Dịch Viên tin theo, bệnh liền khỏi. Do vậy, ông ta cực lực khuyên người khác niệm Phật. Sau ông về nhà, có một người thân thích tuổi gần bảy mươi, hai mắt lòa cả, Dịch Viên khuyên cụ nên niệm Phật, chưa đầy một năm, mắt bèn sáng lại. Mùa hạ năm nay, vùng eo sông Vụ Nguyên hạn hán, Dịch Viên khuyên mọi người niệm Phật cầu mưa, chưa đầy bảy ngày liền mưa to, dân một vùng mừng rỡ, hớn hở.

Dịch Viên liền lập Phật Quang xã, dạy hết thảy nam nữ, già trẻ đều niệm Phật, cũng lôi kéo Quang làm hội trưởng. Đủ thấy một pháp niệm Phật với bất cứ chuyện gì cũng đều có thể thành tựu, nhưng chẳng thể dùng niệm Phật để thành tựu việc ác. Nếu muốn làm việc ác, niệm Phật cầu thành tựu sẽ bị sét đánh, sợ kẻ ngu không biết nên phải nêu rõ. Lợi ích của việc niệm Phật xưa nay không biết là bao nhiêu, nay chỉ đem chuyện thấy được, có thể hỏi được ra nói để không còn nghi ngờ gì nữa. Người ta nói "bỏ thuốc niệm Phật, ngồi nhìn người khác chết" ư? Thử hỏi: Dịch Viên dùng thuốc sao không lành, niệm Phật lại lành bệnh? Đấy chỉ là lợi ích nhỏ, còn lợi ích lớn là vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, thậm chí thành Phật. Kẻ ếch ngồi đáy giếng kia làm sao biết được nổi sự rộng sâu của biển cả Phật pháp, nên mới nói những lời nhảm nhí, hồ đồ như thế, càng lộ rõ sự thiếu hiểu biết của chính mình.

5) Như gà ăn trùng, nuôi gà chính là giết trùng, bảo vệ trùng ắt phải giết gà, vậy phải làm sao?

Đáp: Phật đại từ bi khiến cho hết thảy mọi loài được sống, gà cũng do con người nuôi, nếu chẳng lập cách cho nó sống thì chúng sẽ chết mất, chúng không được như loài tự nuôi sống. Gà ăn trùng là vì nó đói, nếu không đói sẽ chẳng ăn, không nhất định cứ phải ăn trùng. Nếu như ông nói "giết gà chính là cứu trùng" thì do con người ăn hết thảy mạng loài vật, cũng nên giết đi để cứu hết thảy tánh mạng loài vật, có nên hay không? Trí nhỏ chẳng biết lý lớn, lầm lạc đem ý kiến

[434] Giang Vị Nông (1873-1938), người xứ Ninh Ba, tỉnh Giang Tô, sống ở Hồ Bắc. Ông tên thật là Trung Nghiệp, tên tự là Vị Nông, pháp danh Diệu Hy. Từ nhỏ đã theo cha trì tụng kinh Kim Cang. Tuổi trung niên vợ mất, ngộ thế sự vô thường. Năm 1918, lễ thiền sư Vi Quân làm thầy, thọ Bồ-tát giới. Cuốn sách Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của ông được đánh giá rất cao, lưu truyền hết sức rộng rãi.

ngu muội của chính mình để ngăn trở thiện sự kiêng giết, phóng sanh của người khác. Về sau, làm thân con vật, quyết định chẳng gặp được người phóng sanh cứu mạng. Cái khổ khi ấy chính là do tà trí ngày nay vun bồi thành.

6) Phật cho vạn pháp đều là không, sao lại có thế giới Tây Phương Cực Lạc?

Đáp: Vạn pháp đều không chính là những cảnh do hoặc nghiệp của phàm phu cảm thành, sao lại đem sánh với thế giới Cực Lạc là cảnh do phước tuệ của đức Như Lai cảm thành. Kẻ kia cho Tây Phương cũng giống hệt như thế giới này chẳng khác gì ư? Dùng phàm tình suy lường thánh cảnh, khác nào kẻ thọt nghi "bậc thánh nhân lục thông trong một niệm có thể đến khắp hết thảy thế giới, ắt sẽ mệt đến chết". Lại khác gì kẻ ngu cho một vầng trăng in bóng khắp ngàn dòng sông sẽ nhọc nhằn khôn xiết. Phật gọi đó là thế trí biện thông, không thể nhập đạo. Những kẻ nói như vậy, chính là người bị Phật quở là ngu si mà vẫn nhơn nhơn tự xưng là trí, há chẳng đáng đau buồn quá đỗi ư? Muốn nói cặn kẽ chuyện này, rất tốn bút mực, đọc kỹ bộ Văn Sao thì không mối nghi nào chẳng được cởi gỡ.

170. Thư trả lời cư sĩ Mã Thuấn Khanh

Nhận được thư biết tâm cư sĩ vui đạo hết sức chân thành, tha thiết. Còn những lời khen ngợi Bất Huệ chưa thoát khỏi thói quen thế tục, Quang là một ông tăng tầm thường, chỉ biết học theo ngu phu ngu phụ chuyên niệm danh hiệu Phật, sao lại khen ngợi quá mức như thế? Như ông quyên góp in bộ An Sĩ Toàn Thư, thật đúng là pháp chí thành tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ và đoạn hoặc chứng chân liễu sanh thoát tử, mỗi mỗi đều đầy đủ. Tùy mỗi người thấy biết nông sâu mà ai nấy đều được lợi ích. Những bộ Quang chịu trách nhiệm đã gởi đi xong hết cả rồi, nay đem một bộ do bạn bè kết duyên ấn tống còn sót lại đem gởi đi, xin hãy đọc kỹ, ắt sẽ có niềm vui tay vỗ chân giậm vậy.

Thêm nữa, Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao do Từ Úy Như ba bốn lượt in ra, đã gởi đi hết, nếu tháng Chín đến Thượng Hải sẽ thỉnh một bộ từ Thương Vụ Ấn Thư Quán gởi cho ông. Nếu ông xem kỹ thì nguyên do cũng như giới hạn giữa Thiền - Tịnh, Phật lực - tự lực, lớn - nhỏ, khó - dễ, lợi - hại, được - mất sẽ rõ ràng như nhìn vào ngọn lửa, sẽ vĩnh viễn không còn lo ngờ nữa. Nhưng văn chương chẳng đáng coi, chỉ thích hợp cho người sơ cơ nhập đạo mà thôi! Nếu dùng khuôn mẫu trước tác của cổ nhân để giám định thì vứt đi còn chẳng kịp, nào đáng để nghiên cứu. Thoạt tiên dùng bộ sách này để nhập đạo thì sẽ biết được đường lối, rồi lại xem những trước tác của cổ nhân sẽ dễ dàng hiểu rõ. Đá nơi núi khác có

thể coi là ngọc cho chính mình, người tàn phế không chân ở giữa đường chỉ lối, trao ngọc cho hành nhân, chớ nên vì kẻ ấy thô tệ, tàn phế mà vứt bỏ vậy!

Ngày 13 nhận được thư và hai bộ sách ghi chép lời giáng cơ liền đưa cho người ngoài đời. Tôi vốn muốn trả lời thư ngay, nhưng công việc đa đoan, chẳng rảnh rỗi, đến ngày 21 lại nhận được thư và những lời lẽ có được do cầu cơ v.v.. Về ý tứ, cố nhiên cũng muốn cho con người cải ác tùng thiện. Chịu cải ác tùng thiện thì lợi ích còn gì lớn hơn! Nếu bảo đó là do thầy Minh Ấn đến núi Phổ Đà được Đại sĩ giáng cơ chỉ dạy thì chính là vu báng, miệt thị Phổ Đà và Đại sĩ. Quang ở Phổ Đà đã tròn 30 năm, chưa từng thấy nghe có chuyện phù cơ[435]. Minh Ấn đã là bậc cao tăng, nên đem những sự lý nhân quả báo ứng trong Phật giáo và pháp tắc tu trì Tịnh độ để phát huy chỉ dạy người, sao lại mạo danh Đại sĩ để tạo lời bịa đặt, tuy cũng có cái lợi là khuyên người, nhưng chính mình trước hết đã hãm trong cái tội cuồng vọng.

Còn như Cứu Kiếp Tiên Phương lại càng thô tệ chẳng kham nổi, đấy chính là do kẻ thiêu đốt lưu ly đặt ra, trọn chẳng hề biết Quán Âm là người như thế nào, Ngọc đế là người như thế nào. Cư sĩ xem kỹ cuốn đầu bộ An Sĩ Toàn Thư, ắt trời sẽ ban tưới phước cho cư sĩ, cũng như xem bài văn luận về trời, Phật, Bồ-tát trong cuốn ba sách Dục Hải Hồi Cuồng sẽ chẳng bị những lời lẽ tào lao, hồ đồ này mê hoặc. Tuy cư sĩ tín tâm thiết tha, hiềm rằng chưa từng được Phật pháp thấm đẫm, nên một bề tôn trọng những lời giáng cơ mạo danh tiên Phật của các linh quỷ.

Hai bộ sách nói trên (tức hai bộ sách giáng cơ, mà Cứu Kiếp Tiên Phương là một cuốn) là văn khuyên đời, hơi có lợi ích thiết thực cho thế đạo nhân tâm, nhưng tạp nhạp, lộn xộn chẳng thành chương đoạn. Huống chi Phật pháp được nói trong ấy đa phần không đúng pháp. Thiện nhân tại gia nên nhận lấy những lời khuyên răn trong ấy, nhưng không cần phải học theo những lời dạy về tu hành trong đó, ắt sẽ có lợi ích lớn, không tệ hại gì. Còn như Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn, Giác Thế Kinh[436] đều là những bộ bảo giám dạy người khắc kỷ, giữ lễ, cố nhiên chẳng nên đem so với những lời cơ bút vớ vẩn, phù phiếm, coi cùng một giuộc như nhau. Đạo cầu cơ quả thật có thần tiên giáng lâm, nhưng trong trăm lần, không có đến

[435] Do các đàn cầu cơ thường dùng cơ bút có hình cái giỏ, đầu giỏ có một cái mỏ nhọn, đôi khi khắc hình chim loan. Khi cầu cơ, hai người hầu cơ (thường gọi là đồng tử hay thanh đồng) nâng hai bên thành giỏ, hướng mũi chim loan xuống mâm cát hay mâm gạo viết thành chữ, nên thường gọi là "phù cơ" hay "phù (phò) loan".

[436] Giác Thế Kinh chính là Quan Thánh Đế Quân Giác Thế Chân Kinh (tương truyền do Quan Thánh Đế Quân, tức Quan Công giáng cơ) có nội dung khuyến thiện, nêu lẽ nhân quả nên cũng rất được Phật môn Trung Hoa coi trọng.

hai ba lần [thần tiên thật sự giáng]. Nếu cứ nhất loạt cho là chân tiên thì chính là dân thường xưng bừa là đế vương. Những kẻ giáng đàn đa phần là linh quỷ, nếu là linh quỷ có học thức thì lời lẽ còn hơi khả quan, nhưng bàn đến Phật pháp là điều họ chẳng biết nên đa số thường nói sai bét, bậy bạ. Những kẻ vô tri vô thức bèn tưởng là chân Phật, chân Bồ-tát, những chỗ sai lạc trong lời lẽ của bọn họ hại người thật sâu. Cư sĩ hãy nên lắng lòng đọc An Sĩ Toàn Thư và Ấn Quang Văn Sao, nếu thâm nhập được, hãy nghiên cứu thêm các kinh Pháp Hoa, Lăng-nghiêm, sẽ biết rõ như xem ngọn lửa vậy.

Nhận được thư khôn ngăn cảm thương cho đời, hơn 10 năm nay, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, toàn là do không biết nhân quả ba đời, chỉ mong tự lợi, chẳng hề đoái hoài chuyện sát sanh hại mạng cũng như hại người mà nên nỗi. Muốn vãn hồi kiếp vận, nếu không đề xướng nhân quả ba đời, sanh tử luân hồi, cùng kiêng giết, cứu vật, ăn chay, niệm Phật sẽ không thể được. Cõi đời hiện tại thường trong hoạn nạn, chỉ có A-di-đà Phật và Quán Thế Âm Bồ-tát là nương cậy được, hãy nên thường trì thánh hiệu, trong âm thầm sẽ tự có sự chuyển dời chẳng thể nghĩ bàn. Lại mong ông đối với quyến thuộc, thân hữu, làng xóm đều đề xướng, chỉ dạy điều này thì có lợi lớn lắm! Cách đề xướng chỉ dạy thì nên lấy An Sĩ Toàn Thư và Ấn Quang Văn Sao làm gốc, ngõ hầu chẳng đến nỗi họ đi vào pháp tà kiến của ngoại đạo.

Tháp Lôi Phong[437] bị đổ, kinh trong ấy bị phá hoại khôn xiết, kẻ hiếu sự ra giá cao tìm mua, ý họ thật ra chẳng phải là trọng kinh, mà là chuộng đồ cổ. Nếu như họ quý trọng những bản kinh hoàn chỉnh hiện thời như những kinh [cổ bị hư nát ấy] thì công đức lợi ích chỉ có Phật mới có thể biết được. Bọn họ cho đó là thứ do cổ nhân cất giữ, chẳng nghĩ rằng những bản kinh hoàn bị hiện thời há chẳng phải do cổ nhân truyền lại hay sao? Quý trọng những kinh ấy cố nhiên có công đức, nhưng chỉ cho đồ cổ là quý, chẳng coi kinh là quý, nên thành ra vứt gốc theo ngọn vậy.

---

[437] Tháp Lôi Phong ở Tây Hồ thuộc huyện Hàng, tỉnh Chiết Giang, là thắng cảnh bậc nhất ở Tây Hồ. Tháp do bà vương phi họ Hoàng của vua nước Ngô Việt thời Ngũ Đại xây dựng để cất giữ mớ tóc xoắn ốc của đức Phật. Ngô Việt Vương Tiền Thục từng sai chép tám vạn bổn ngàn bản kinh cất trong tháp này. Tháp có tám cạnh, mỗi chiều rộng 18 bộ, trang hoàng rực rỡ. Thời Nguyên - Minh, tháp chỉ lại chỉ còn năm tầng, còn lại tám cửa. Do nền tháp bằng đá đỏ, trên xây bằng gạch hồng, lợp ngói vàng, trông rất rực rỡ trong nắng chiều. Năm Dân Quốc 14 (1925) đột nhiên sụp đổ, mới phát hiện gạch xây tháp toàn là khắc kinh Bảo Khiếp Ấn vào thời Ngũ Đại, nét chữ khắc rất tinh vi nên rất được giới yêu văn chương trân quý, tranh nhau sưu tập.

Kinh Kim Cang chú giải rất nhiều, người tại gia nếu chưa nghiên cứu cùng tận giáo lý quả thật sẽ chẳng dễ gì lãnh hội được. Chỉ có bản chú giải kinh Kim Cang của Lã tổ, trước hết chú thích ý nghĩa, rồi dùng lời lẽ để giải thích kinh văn là dễ hiểu rõ. Các hạ có tâm cứu vãn kiếp vận thì hãy nên cực lực đề xướng nhân quả báo ứng, cùng kiêng giết, cứu vật, ăn chay, niệm Phật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tận lực giữ vẹn luân thường, ai nấy trọn hết bổn phận thì sẽ có lợi ích thật sự. Nếu không, chỉ là nói suông, quyết chẳng có hiệu quả thật sự gì.

Nhận được thư khôn ngăn cảm khái, thẹn thùng, Quang là hạng người gì mà dám nhận lời khen ngợi ấy. Thuyết pháp trong các nhà tù là do các cư sĩ ở Thượng Hải đề xướng, nhưng những người thường đi đến các huyện thuyết pháp đều là đệ tử quy y của Quang, do vậy họ để tên Quang làm hội trưởng danh dự; chỉ vì họ thỉnh cầu nên gần đây mới đến nhà tù số hai để chỉ dạy. Đại sĩ Quán Âm Tụng là cuốn sách do Quang thỉnh một vị cư sĩ đại văn học ở Giang Tây soạn ra, năm ngoái mới hoàn tất bản thảo. Do chiến tranh nổ ra, chưa thể khắc in được, mùa thu năm nay đến Thượng Hải ấn loát, sang năm sẽ ra sách. Cuốn sách này có quan hệ lớn lao đối với thế đạo nhân tâm, Quang muốn in đến hơn mấy chục vạn cuốn để truyền bá rộng khắp trong ngoài nước, chỉ sợ rằng con người đức mỏng, không cách nào cảm hóa được. In hơn mười vạn bộ là chuyện có thể thực hiện được, nay đã in xong hơn năm vạn cuốn. Quyển sách này chính là quyển đầu của bộ Phổ Đà Sơn Chí, do Sơn Chí số quyển quá nhiều nên in riêng cuốn này.

Sơn Chí bản mới soạn đã hoàn tất bản thảo, nhưng còn đợi Quang giảo chánh rồi mới ấn hành, Quang do bận rộn công việc, sợ rằng năm sau mới giao cho thợ in được, sách in ra sẽ gởi tặng ông một hai bộ. Còn nói về những chỗ khác - giống giữa các giáo thì con người thường hay thiên chấp, nếu ai chấp là khác thì người ấy không thấy biết được cái gốc của đạo; nếu chấp là giống thì chẳng biết tướng trạng phát huy, tu chứng sâu cạn giữa các giáo khác biệt nhau rất lớn, các hạ đừng bàn đến chuyện khác - giống nữa. Nếu chẳng cho Phật pháp là sai thì hãy lắng lòng nghiên cứu tu trì, lâu ngày sẽ tự biết nguyên do đạo thể, đạo dụng tuy đồng nhưng chẳng giống hệt nhau, tuy khác nhưng chẳng thể tách rời nhau được. Phật pháp uyên áo, sâu xa, người đại thông minh tận hết tâm lực cả một đời còn chẳng thể nghiên cứu tường tận được. Nhưng Phật pháp tùy cơ ban giáo, nếu muốn được lợi ích thật sự, hãy nên nghiên cứu, tu trì từ nơi pháp môn đặc biệt siêu việt, lạ lùng là pháp Tịnh độ thì sẽ bớt nhọc nhằn tâm lực, quả thật là đạo tối trọng yếu.

Các hạ sống trong lưới đời, lại khổ vì không có tri thức để thỉnh giáo, nếu chẳng vì văn tự của Quang chất phác, vụng về mà vứt bỏ thì xin hãy đọc kỹ bộ Văn Sao, tu trì theo những điều nói trong đó sẽ được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Tuy văn chương của Quang khá gai mắt, nhưng dẫn nhiều kinh luận để viết thành, hoặc nêu bật ý nghĩa kinh luận, cho nên phải tận lòng thành, cạn lòng kính mà đọc thì mới hòng đạt được lợi ích. Sách Luận Ngữ nói: "Chẳng hạ mình trước người thật sâu sẽ chẳng thể đạt được sự thật." Cung kính tượng Phật bằng đất nặn, gỗ khắc như đức Phật thật thì lợi nhỏ là sẽ tiêu tai tăng phước, còn lợi lớn là siêu phàm nhập thánh, những lợi ích ấy là do chính mình có thành kính hay không, chứ chẳng phải vì tượng Phật là thật hay giả. Nếu các hạ quả thật có thể thuận theo ý này, ý lặng, tâm tịnh, đọc rồi tận lực thực hành thì sẽ là bạn bè tốt lành trong pháp môn niệm Phật cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Xin hãy gắng lên, chớ phụ lòng mong mỏi này thì may mắn thay!

171. Thư trả lời cư sĩ Cừu Bội Khanh (thư thứ nhất)

Nói đến tâm sân thì nó chính là tập tánh từ túc nghiệp, nay đã biết sân là tổn hại vô ích thì đối với mọi chuyện trước mắt, hãy nên dùng tâm lượng biển rộng trời cao để dung nạp, tập tánh rộng rãi sẽ chuyển biến được tập tánh hẹp hòi trong đời trước. Nếu chẳng ra sức đối trị thì thói sân càng tăng, cái hại chẳng cạn. Đối với việc niệm Phật, phải án theo tinh thần, khí lực của chính mình để chọn lựa niệm lớn tiếng, nhỏ tiếng, hay niệm thầm, hoặc kim cang niệm (tức là niệm có tiếng, nhưng người khác không nghe thấy được, những người trì chú gọi đó là kim cang niệm), sao lại niệm quá mạnh mẽ đến nỗi thành bệnh? Cái tâm quá mạnh mẽ ấy cũng là vì cái bệnh muốn cho lẹ. Nay đã chẳng thể niệm ra tiếng, nhưng chẳng lẽ trong tâm cũng không niệm thầm được hay sao, cớ gì chỉ hạn định trong thập niệm?

Huống chi người bệnh nằm trên giường, trong tâm trống rỗng như bị rửa sạch, trọn chẳng có niệm gì. Nếu nghĩ đến chuyện khác sao bằng niệm danh hiệu Phật chẳng tốt hơn sao? Nên đem những sự vụ quan trọng, cần gấp giao cho người nhà, luôn nghĩ mình sắp chết, nghĩ sắp đọa địa ngục, trong tâm chẳng để ý đến chuyện gì. Dùng cái tâm thanh tịnh ấy nghĩ tưởng hình tượng Phật, và thầm niệm danh hiệu Phật, cũng như hình tượng và danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát. Nếu làm được như vậy, chắc chắn nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng, tật bệnh khỏi hẳn, thân tâm khỏe mạnh. Bệnh của các hạ vốn do túc nghiệp, do niệm Phật quá mạnh mẽ làm duyên nên bệnh mới phát hiện, chứ không phải chỉ hoàn toàn do vì niệm Phật quá mạnh mẽ mà có. Nếu không niệm Phật, cũng sẽ do nhân duyên

khác mà bị bệnh. Trong đời, người không niệm Phật rất nhiều, nhưng nào có ai không bị bệnh, sống lâu, khỏe mạnh mãi mãi ư? Hiểu rõ điều này thì chính mình không lầm lạc, cho là "niệm Phật sanh bệnh, chỉ tổn hại, vô ích", Quang và các hạ chưa từng gặp mặt, nhưng vì các hạ tính kế, thật chẳng khác nào cha mẹ, anh em của chính mình vậy. Do vì đức Phật vốn từ bi, muốn cho hết thảy những ai hữu duyên đều cùng được vãng sanh ngay trong đời này. Nếu chưa hiểu rành pháp môn niệm Phật thì mỗi ngày hãy nên xem qua vài thiên Văn Sao để tìm sự hướng dẫn cho bước tiền đồ, mới khỏi phí một phen qua lại, bàn bạc, giãi bày vậy.

172. Thư trả lời cư sĩ Cừu Bội Khanh (thư thứ hai)

Các hạ đã tin tưởng Quang thì hãy nên làm theo lời Quang mới hòng được lợi ích thật sự. Nếu không, dẫu có tín tâm nhưng cũng chỉ là gieo thiện căn trong đời tương lai mà thôi. Chúng ta đã ở bao kiếp dài lâu trong sanh tử luân hồi, đã tạo ác nghiệp vô lượng vô biên, nếu cậy vào tự lực để tu trì hòng diệt sạch hoặc nghiệp phiền não để liễu sanh thoát tử thì còn khó hơn lên trời. Nếu có thể tin vào pháp môn Tịnh độ do đức Phật đã nói, dùng lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, niệm danh hiệu Phật A-di-đà, cầu sanh Tây Phương thì bất luận nghiệp lực lớn hay nhỏ đều có thể cậy vào Phật từ lực, vãng sanh Tây Phương. Ví như một hạt cát bỏ vào nước liền chìm, nhưng khối đá mấy ngàn, mấy vạn cân đặt trên một chiếc đại hỏa luân thuyền[438] chẳng những không chìm, còn chuyển sang được nơi khác để tùy ý sử dụng. Đá ví như nghiệp lực sâu nặng của chúng sanh, đại hỏa luân thuyền ví như Di-đà nguyện lực rộng lớn.

Nếu không niệm Phật, cậy vào sức tu trì của chính mình để mong liễu sanh tử thì phải đạt đến địa vị nghiệp tận tình không mới được. Nếu không, dù cho đoạn được phiền não hoặc nghiệp chỉ còn sót lại một tí xíu thì cũng chẳng thể liễu được. Ví như một hạt cát cực bé cũng phải chìm trong nước, quyết chẳng thể tự mình vượt ra ngoài nước được. Các hạ chỉ nên sanh lòng tin, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, đừng nghĩ gì khác nữa. Nếu làm được như thế thì tuổi thọ chưa tận sẽ liền mau được lành bệnh, vì công đức chuyên nhất, chí thành niệm Phật có thể diệt trừ được ác nghiệp đời trước. Ví như mặt trời đã mọc lên, tuyết sương bèn tan mất, tuổi thọ đã tận thì liền vãng sanh. Do tâm không có ý niệm khác nên bèn được cảm ứng đạo giao cùng Phật, vì thế được Phật từ tiếp dẫn vãng sanh. Nếu

[438] Thời xưa gọi tàu chạy bằng hơi nước, có bánh xe để đẩy nước ở phía sau tàu là "đại hỏa luân thuyền".

các hạ tin được lời này thì sống cũng được đại lợi ích mà thác cũng được đại lợi ích.

Sân tâm chính là tập tánh từ đời trước, nay nghĩ mình đã chết, mặc kệ người ta dao cắt hay hương bôi, chẳng ăn nhập gì đến mình. Đối với tất cả những cảnh trái ý, cứ nghĩ như mình đã chết, ắt sẽ chẳng khởi tâm sân được nữa. Đấy chính là tam-muội pháp thủy do đức Như Lai đã truyền để rửa sạch khắp các kết nghiệp của hết thảy chúng sanh, Quang riêng vì các hạ trình bày, chứ không phải là Quang tự ý bịa ra đâu! Nếu không niệm Phật cầu sanh Tây Phương, dù có sanh vào chỗ cực tôn quý là trời Phi Phi Tưởng, khi phước trời hết sẽ lại luân hồi lục đạo. Nếu có đủ lòng chí thành khẩn thiết niệm Phật, dù có đọa vào địa ngục A-tỳ cũng được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây Phương.

Vàn muôn chớ đặt mình vào chỗ hèn kém, cho là mình nghiệp nặng, sợ rằng không thể vãng sanh. Nếu suy nghĩ như thế, chắc chắn sẽ không thể vãng sanh. Vì sao? Do tâm không có lòng tin chân thật, không nguyện thiết tha, không cách gì cảm Phật được. Quán Âm Bồ-tát thành Phật đã lâu, do tâm từ bi thiết tha bèn hiện thân trong chín pháp giới, dùng đủ mọi phương tiện độ thoát chúng sanh (chín pháp giới chính là Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn, trời, người, a-tu-la, súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ). Trong pháp giới con người, ngài lại hiện đủ mọi thân, hoặc hiện làm thân đế vương, tể quan, hoặc làm thứ dân ẩn dật, hoặc làm phụ nữ, hoặc làm ăn mày, trọn không nhất định. Nhưng vì hình tượng Bồ-tát vi diệu trang nghiêm người đời chẳng thể hình dung được, cho nên đa phần tạc tượng ngài là nữ nhân, chứ không phải Bồ-tát thật sự mang thân nữ.

Muốn cúng dường ngài hãy nên thỉnh hình Tây Phương Tam Thánh in theo lối thạch ấn (lithography) của Phật Kinh Lưu Thông Xứ ở ngõ Trường Khang, đường Bắc Kinh, loại hình lồng gương đẹp đẽ nơi đó cũng có. Như vậy là Di-đà, Quán Âm, Thế Chí đều đầy đủ. Nếu phòng ngủ không thanh khiết, hãy nên thờ tượng Phật nơi tịnh thất, mỗi ngày đến nhìn kỹ một hai lần thì trong tâm sẽ có thể ức niệm được. Niệm Phật tuy quý tại chí thành thanh khiết, nhưng người bệnh không thể làm được thì chỉ cốt sao giữ lòng chí thành thầm niệm, hoặc niệm ra tiếng, công đức vẫn giống hệt nhau. Do Phật từ lực rộng lớn, như con trong lúc bệnh khổ, cha mẹ chẳng tính theo cách thức lúc bình thường để quở trách con, lại còn vỗ về xoa nắn thân thể, tẩy rửa gột trừ ô uế cho con. Nếu con cái đã lành bệnh, mà vẫn đối xử với cha mẹ như lúc mình còn đang bệnh thì sẽ bị sét đánh. Sao các hạ lại nghĩ mình đang nằm trên giường niệm thầm là có tội vậy? Nếu người không có bệnh, lúc ngủ còn nên thầm niệm, huống chi là bệnh nhân.

173. Thư gởi cư sĩ Phương Thánh Dận

Nghe ông mắc bệnh, mong có ngày được lành bệnh. Người chẳng hiểu lý trong thế gian, mỗi khi mắc bệnh nếu không oán trời trách người cũng bèn cầu thần vái quỷ, uổng công tăng thêm nghiệp chướng, chỉ tổn hại vô ích. Các hạ hoàn toàn tu tịnh nghiệp, vợ ông lo chăm sóc mọi chuyện trong nhà, vợ hiền con hiếu, trong tâm trọn chẳng phải lo âu gì, hãy nên đem hết thảy gia sự và sắc thân của chính mình toàn thân buông trọn xuống. Dùng cái tâm chẳng nhiễm mảy trần để trì thánh hiệu vạn đức hồng danh, coi mình như đã chết, ngoại trừ niệm Phật cầu tiếp dẫn ra, chẳng khởi một tạp niệm nào. Làm được như thế thì quyết định vãng sanh Tây Phương, siêu phàm nhập thánh. Tuổi thọ chưa hết thì quyết định nghiệp tiêu, bệnh lành, huệ rạng, phước cao. Nếu không thể niệm như thế, cứ si dại cầu chóng được lành bệnh thì chẳng những không thể chóng lành, trái lại bệnh còn nặng thêm. Nếu mạng đã hết, chắc chắn phải trôi nổi theo nghiệp, vĩnh viễn không có lúc thoát khỏi cõi khổ Sa-bà này. Mong hãy sáng suốt suy xét thì may mắn lắm!

II. LUẬN

1. Luận Tịnh độ quyết nghi

Thuốc không quý tiện, thuốc trị lành bệnh là thuốc hay; pháp không hơn kém, pháp khế hợp căn cơ là pháp diệu. Thuở xưa, căn tánh con người thù thắng, tri thức như rừng, tùy ý tu một pháp đều có thể chứng đạo. Người đời nay, căn tánh kém cỏi, tri thức hiếm hoi, nếu bỏ Tịnh độ thì chẳng nhờ vào đâu để được giải thoát. Tôi tự thẹn nhiều đời, nhiều kiếp, ít gieo căn lành, phước mỏng, huệ cạn, chướng nặng, nghiệp sâu; lúc đang cầu học hỏi lại chẳng gặp thiện hữu, chưa được nghe đạo truyền tân[439] của thánh hiền, lậm cái độc của Hàn, Âu[440] phế Phật. Học vấn chưa thành, nghiệp lực đã hiện ra trước, từ đấy bệnh nặng cả mấy năm, chẳng làm gì được. Nghĩ kỹ thiên địa quỷ thần chiếu soi như thế, cổ kim thánh hiền đông nhiều đến thế, huống chi Phật vốn chẳng có quyền lực để ép người thuận theo; ắt phải nhờ vào vua thánh, tôi hiền hộ trì thì đạo Phật mới có thể lưu truyền khắp thiên hạ vậy. Nếu pháp ấy quả thật đúng như lời họ Hàn, họ Âu: "Phật pháp trái nghịch thánh đạo, gây hại cho Trung Quốc", vậy thì chẳng những riêng vua thánh, tôi hiền xưa nay chẳng dung thứ cho Phật pháp tồn tại nơi đời, mà thiên địa quỷ thần cũng tru diệt chẳng còn sót từ lâu rồi; nào phải đợi đến họ Âu, họ Hàn dùng lời hư vọng để bác bỏ nữa!

Sách Trung Dung nói: "Đạo quân tử thì kẻ ngu phu, ngu phụ còn có thể biết được, hành được"; còn như cái đạo đạt đến mức cùng cực thì ngay cả thánh nhân cũng có chỗ chẳng hay biết, chẳng thể thực hiện được nổi. Ông Âu, ông Hàn tuy hiền, nhưng còn kém xa thánh nhân rất nhiều, huống gì có những điều thánh nhân còn chẳng biết chẳng hay. Phật pháp nào có phải là pháp mà phàm tình, trí thế gian có thể suy lường được nổi. Tôi bèn nhanh chóng sửa đổi tâm trước, xuất gia làm tăng, tự lượng sức mình: Nếu chẳng nương vào sức thệ nguyện rộng lớn của đức Như Lai thì quyết khó có thể ngay trong đời này thoát khỏi sanh tử. Từ ấy, chỉ niệm Phật, chỉ cầu Tịnh độ. Từ nhiều năm qua, tôi đã lạm dự vào chốn giảng pháp, nhiều phen tham vấn các bậc thiền đức[441], chẳng qua là muốn làm sáng tỏ

[439] Truyền tân: nói gọn của thành ngữ "tân tận hỏa truyền" (củi hết lửa còn) ý nói đạo truyền thừa giữa thầy và trò.
[440] Âu Dương Tu và Hàn Dũ: Hai nhà Nho bài xích Phật giáo mạnh mẽ nhất vào thời Đường - Tống.
[441] Nguyên văn là thiền tượng: Tượng là thợ giỏi, thợ khéo, thường được chỉ những bậc thông đạt pháp môn. Ở đây tạm dịch là thiền đức.

đệ nhất nghĩa đế Tịnh độ để làm tư lương[442] thượng phẩm vãng sanh mà thôi. Hận rằng sức lực yếu ớt nên hạnh khó dũng mãnh, nhưng tôi tín nguyện kiên cố, không những các sư giảng thiền trong thế gian không thể lay chuyển tôi chút nào, dẫu cho chư Phật hiện thân dạy tu pháp khác, tôi cũng chẳng chịu bỏ pháp này nhận lấy pháp khác, trái nghịch cái tâm ban đầu. Hiềm rằng túc nghiệp gây chướng ngại nên rốt cuộc tôi chưa đạt được nhất tâm bất loạn để đích thân chứng được niệm Phật tam-muội, thẹn thùng vô kể.

Một ngày nọ có một thượng tọa, tham học Thiền tông đã lâu, kiêm thông giáo lý, mắt xem bốn biển rỗng không, thề chứng Nhất thừa, noi gương Thiện Tài tham học khắp các tri thức, đến Loa Sơn gõ cửa thất tôi. Khi ấy, tôi vừa xem tập Di-đà Yếu Giải thấy văn sâu lý thẳm, chẳng tiện cho kẻ sơ cơ mông muội, nên muốn thâu thập những giáo lý của tông Thiên Thai để viết lời giải thích, ngõ hầu giúp bậc sơ học dễ bề tiến bộ, chứ chẳng dám bắt chước cổ đức hoằng xiển đạo mầu, chỉ toan tạo nhân duyên thâm nhập chỗ thù thắng cho hậu học. Mừng có vị thượng tọa ấy đến, nên tôi liền tặng ông ta một cuốn Yếu Giải, rồi tỏ ý muốn viết lời giải thích. Nhân đấy, thượng tọa bảo tôi:

- Một cuốn Yếu Giải trước kia tôi đã từng xem, thấy trong ấy viết rằng: "Tạng sâu thẳm của Hoa Nghiêm, cốt tủy bí nhiệm của Pháp Hoa, tâm yếu của hết thảy chư Phật, kim chỉ nam cho vạn hạnh của Bồ-tát đều chẳng ra khỏi kinh này." Những câu như vậy chẳng thể kể hết, thật đúng chèn ép Tông (Thiền), Giáo (các tông phái khác như Hoa Nghiêm, Thiên Thai...), quá khen Tịnh độ, báng chánh pháp luân, khiến chúng sanh nghi lầm. Chẳng hiểu đại sư Ngẫu Ích đã có học thức thiên cổ hy hữu sao lại không trực chỉ nhân tâm, hoằng dương chỉ quán. Trái lại, ngài chấp vào thứ kiến giải ấy, khiến kẻ ngu phu ngu phụ dùng đó như bùa hộ thân, chỉ mong hàng tăng tục trong đời giữ một pháp buông bỏ vạn hạnh; lấy vũng nước nơi dấu chân, bỏ cả biển rộng, cùng bước vào nẻo mê, vĩnh viễn quay lưng với đường chánh, đoạn diệt giống Phật, tội ngập cả trời. Muốn báo ân Phật thì trước hết nên hủy diệt sạch sách này, sao thầy còn tính viết lời giải thích để giúp cho sách ấy được lưu thông vậy? Tâm giận ngùn ngụt, như đối diện cừu thù.

Tôi đợi cho ông ta bình tĩnh lại, thong thả bảo rằng:

[442] Tư lương (sambhāra): Hiểu theo nghĩa hẹp là những thứ cần dùng, cần chuẩn bị. Tư là giúp đỡ, lương là lương thực. Như người đi xa ắt phải nhờ vào lương thực để duy trì cái thân. Cũng vậy, người muốn chứng quả trong tam thừa phải nhờ công đức thiện căn làm lương thực nuôi dưỡng cái thân huệ mạng. Do vậy, tư lương hiểu theo nghĩa rộng là hết thảy các thứ góp phần thành tựu đạo Bồ-đề.

- Ông coi lời giải thích này của ngài Ngẫu Ích là tội lỗi quá nặng; ấy là chỉ biết ngọn nhánh, chứ chẳng biết đến cội nguồn, như con chó khờ chạy theo hòn đất, như con ngỗng chúa chẳng chọn sữa[443]. Phải biết cái lỗi ấy chẳng do cuốn Yếu Giải này của ngài Ngẫu Ích, mà thật sự là do Phật Thích-ca, Phật Di-đà, mười phương chư Phật và ba kinh Tịnh độ, kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, các kinh Đại thừa và các vị đại Bồ-tát, tổ sư như Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Thiện Đạo, Thanh Lương, Vĩnh Minh v.v.. Nếu ông có thể làm đại pháp vương trừng trị tội ấy thì lời ông sẽ được cả thế gian phụng hành; bằng không thì kẻ dân ngu nơi rừng núi xưng bừa là hoàng đế, tự chế pháp luật, bội phản luật vua, chẳng mấy chốc sẽ bị diệt môn tru tộc vậy. Ông nói như thế là báng Phật, báng pháp, báng tăng, ngay đời này sẽ hãm vào địa ngục A-tỳ thọ khổ bao kiếp, trọn không có lúc thoát ra. Cậy chút phước trong quá khứ, tạo khổ báo bao kiếp. Hạng người được ba đời chư Phật gọi là "đáng thương xót" chính là ông vậy.

Ông ta giật mình, nói:

- Thầy bảo tội nơi đức Thích-ca, Di-đà v.v.. Sao mà lại trái nghịch lý thường đến như thế? Xin thầy giải thích cặn kẽ nguyên do, nếu lý ấy thật sự thù thắng, tôi đâu dám chẳng tuân theo!

Tôi bảo:

- Như Lai vì một đại sự nhân duyên nên xuất hiện trong đời. Đại sự nhân duyên vừa nói đó chính là muốn cho chúng sanh khai, thị, ngộ, nhập[444] tri kiến Phật, thẳng cho đến khi thành Phật mà thôi; há còn có gì khác nữa đâu!

---

[443] Theo Tổ Đình Sự Uyển, quyển 5, nếu bỏ sữa và nước cùng trong một đồ đựng, ngỗng chúa chỉ uống sữa bỏ lại nước. Nước tượng trưng cho chúng sanh, sữa tượng trưng cho Phật. Dùng điển tích "ngỗng chúa chọn sữa" để tỷ dụ bậc giác ngộ sống trong thế gian chẳng bị nhiễm ô. Điển tích này còn dùng để chỉ khả năng phân biệt chân ngụy, thiện ác.

[444] Đây là luận điểm chủ yếu của kinh Pháp Hoa: Khai là phá trừ vô minh của chúng sanh, mở toang Như Lai tạng, thấy được lý thật tướng. Thị nghĩa là hiển thị, hoặc chướng đã trừ thì tri kiến bộc lộ bản thể, pháp giới vạn đức hiển thị phân minh. Ngộ là chứng ngộ, sau khi chướng trừ, bản thể hiện thì sự (hiện tượng), lý (bản thể) dung thông nên có sở ngộ. Nhập nghĩa là chứng nhập, tức là sự lý đã dung thông nên tự tại vô ngại, chứng nhập biển trí tuệ. Sách Pháp Hoa Văn Cú quyển 4 còn mở rộng hơn, phối hợp bốn mươi địa vị Pháp thân đại sĩ như sau:

1. Khai tương ứng địa vị Thập trụ.
2. Thị tương ứng địa vị Thập hạnh.
3. Ngộ tương ứng địa vị Thập hồi hướng.
4. Nhập tương ứng địa vị Thập địa.

Nếu phối hợp với *tứ trí* thì khai là đạo huệ, thị là đạo huệ chủng, ngộ là nhất thiết trí, nhập là nhất thiết chủng trí...

Khốn nỗi chúng sanh căn tánh có lớn nhỏ, mê có cạn sâu, chẳng thể tỏ thấu trực tiếp bản hoài của Phật. Do đó, đức Phật mới thuận theo căn cơ đặt bày giáo pháp, đối bệnh phát thuốc, vì lẽ thật mà bày ra phương tiện quyền biến, khai quyền hiển thật[445], chỉ một pháp Nhất thừa mà bèn nói ra các thuyết. Nếu có kẻ thiện căn thành thục thì sẽ làm cho họ sanh lên được bờ kia; còn đối với kẻ ác nghiệp sâu dày, sẽ khiến họ dần dần thoát khỏi trần lao, rủ lòng tiếp dẫn, khéo khuyến dụ dần dần. Dẫu có dùng các ví dụ như trời, đất, mẹ cha… cũng chẳng diễn tả nổi chút phần từ ân của Phật. Hơn nữa, do hết thảy pháp môn đều nhờ vào tự lực, dẫu là kẻ túc căn thâm hậu triệt ngộ tự tâm, nhưng nếu hai thứ kiến hoặc, tư hoặc vẫn còn sót chút ít chưa hết thì vẫn sanh tử trong luân hồi y như cũ không thoát được. Huống hồ là kẻ đã thọ thai ấm, đối cảnh liền sanh chấp trước, từ giác đến giác thì ít, nhưng từ mê vào mê lại nhiều. Bậc thượng căn còn như vậy, đối với kẻ trung căn, hạ căn còn biết nói sao nữa. Đoạn kiến hoặc giống như cắt dứt dòng sông rộng 40 dặm, huống hồ là tư hoặc. Liễu sanh thoát tử há có dễ đâu!

Do vậy, các pháp môn khác chẳng thể độ trọn ba căn, thỏa trọn bản hoài của Phật; chỉ có một pháp niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, chuyên cậy vào hoằng thệ nguyện lực của Phật Di-đà, chẳng cần biết đến thiện căn thành thục hay chẳng thành thục, ác nghiệp nặng hay nhẹ, cứ hễ chịu sanh lòng tin, phát nguyện, trì danh hiệu Phật thì lúc lâm chung sẽ quyết định được Phật Di-đà rủ lòng từ tiếp dẫn, vãng sanh Tịnh độ. Người thiện căn thuần thục sẽ nhanh chóng viên thành Phật quả, dẫu là kẻ ác nghiệp nặng nề cũng được dự vào dòng thánh. Đấy chính là đạo cốt yếu để độ sanh của ba đời chư Phật, là pháp mầu nhiệm để thượng thánh lẫn hạ phàm cùng tu. Do vậy, các kinh Đại thừa đều tuyên bày pháp trọng yếu này, lịch đại tổ sư không vị nào chẳng tuân hành. Ông tự phụ Thiền - Giáo, bảo xằng rằng hoằng dương Tịnh độ là báng chánh pháp luân, là đoạn diệt hạt giống Phật, đủ chứng tỏ ông đã bị ma dựa vào thân, mất trí điên rồ, nhận mê là giác, chỉ chánh bảo tà, là hạt giống địa ngục vậy!

Trong kiếp xưa, đức Thích-ca, đức Di-đà từng phát đại thệ nguyện độ thoát chúng sanh, một vị thị hiện sanh nơi uế độ, dùng cái uế, dùng điều khổ để chiết phục, đưa đi; một vị an cư Tịnh độ, lấy tịnh, lấy lạc để nhiếp thọ hòng nhào luyện chúng sanh. Ông chỉ biết ngu phu, ngu phụ vẫn có thể niệm Phật nên đến nỗi miệt thị Tịnh độ, sao chẳng xét suy: Trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa

[445] Khai quyền hiển thật: Khai trừ những chấp trước của Quyền giáo, hiển thị nghĩa chân thật. Nói cách khác, khai trừ, gạt bỏ những chấp trước vào những phương tiện quyền biến để hiển thị nghĩa Nhất thừa chân thật.

Nghiêm, sau khi ngài Thiện Tài đã chứng ngộ gần bằng chư Phật, Phổ Hiền Bồ-tát bèn dạy dùng mười đại nguyện vương, hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, ngõ hầu viên mãn Phật quả. Lại còn khuyên dạy khắp Hoa Tạng hải chúng[446] đó ư? Trong toàn thể Hoa Tạng hải chúng, chẳng có một ai là phàm phu, Nhị thừa, mà đều là bậc Pháp thân đại sĩ thuộc 41 địa vị cùng phá vô minh, cùng chứng pháp tánh, đều có thể nương vào bổn nguyện luân hiện thân làm Phật trong thế giới không có Phật.

Hơn nữa, trong biển Hoa Tạng có vô lượng Tịnh độ, nhưng các ngài đều hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì đủ biết rằng vãng sanh Cực Lạc chính là huyền môn để thoát khổ, là đường tắt để thành Phật. Vì vậy, từ cổ chí kim, trong tất cả tùng lâm dù Thiền hay Giáo, hay Luật, không nơi nào chẳng sớm tối trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương. Ông đã tham bái khắp các tùng lâm, ắt hẳn hằng ngày cũng tu tập, cớ sao lại sanh hủy báng đến thế! Sách Nho có nói: "Tu tập mà chẳng xem xét, dùng hằng ngày mà không biết", há không phải là nói đến hạng người như ông hay sao? Hoa Nghiêm là vua của các kinh, vua trong tam tạng, chẳng tin Hoa Nghiêm thì là nhất-xiển-đề[447]. Dẫu cho chẳng

---

[446] Biển Hoa Tạng tức Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải (Kusuma-tala Garbha Vyūhā Kāra Lokadhātu Samudra), dịch đủ nghĩa là Liên Hoa Xuất Sanh Thế Giới, hoặc Diệu Hoa Bố Địa Thai Tạng Trang Nghiêm Thế Giới, Liên Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải, Thập Liên Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải, hoặc chỉ gọi gọn là Hoa Tạng Giới hoặc Thập Hoa Tạng. Đây là thế giới thanh tịnh trang nghiêm do đức Tỳ-lô-giá-na Phật khi tu nhân phát nguyện cảm thành. Thế giới này do Tu-di sơn vi trần số phong luân nâng giữ. Trên tầng phong luân cao nhất có một biển nước thơm. Trong ấy có một hoa sen lớn, tên là Chủng Chủng Quang Minh Nhụy Hương Tràng. Hoa Tạng Thế Giới nằm chính giữa hoa sen ấy, vây quanh bằng Kim Cang Luân Vi Sơn. Đất trong đó do kim cang tạo thành, kiên cố không hư hoại, thanh tịnh bằng phẳng, có thế giới hải vi trần số sự trang nghiêm. Trong ấy lại có vi trần số biển nước thơm, mỗi biển rộng bằng bốn thiên hạ và có vi trần số con sông nước thơm. Đất hai bờ sông ấy đều bằng diệu bảo trang nghiêm, xếp đặt khéo léo như lưới Thiên đế. Trong mỗi một biển nước thơm lại có bất khả thuyết vi trần số thế giới chủng, mỗi một thế giới chủng lại gồm bất khả thuyết vi trần số thế giới. Biển nước thơm chính giữa Hoa Tạng thế giới, có tên là Vô Biên Diệu Hoa Quang. Giữa biển ấy mọc lên một hoa sen, thế giới chủng trong hoa sen ấy tên là Phổ Chiếu Thập Phương. Trong đó có 20 thứ bất khả thuyết vi trần số thế giới xếp vòng quanh. Đức Phật xuất hiện trong thế giới này. Sách Hoa Nghiêm Ngũ Giáo Chương giảng thêm: Cứ mười cảnh giới Phật gọi chung là một quốc độ hải hay thế giới hải. Thế giới hải chính là các thế giới thuộc phạm vi nhiếp hóa của mười đức Phật v.v.. Nói chung, cảnh giới Hoa Nghiêm Thế Giới Hải rất phức tạp, rộng lớn, hầu như không thể hình dung được nổi! Cảnh giới đã rộng lớn như thế thì dĩ nhiên thánh chúng trong ấy vô lượng vô biên không thể tính đếm được, cho nên dùng chữ "hải chúng" (chúng nhiều như biển) để tạm hình dung.

[447] Nhất-xiển-đề: Nhất-xiển-đề (Icchantika hoặc Ecchantika): được dịch nghĩa là đoạn thiện căn, lòng tin không đầy đủ, lòng ham muốn cùng cực, tham lam to lớn, hoặc vô chủng tánh,

đọa vào A-tỳ ngay khi còn sống thì khi báo hết sẽ quyết định rớt vào Vô Gián. Tôi muốn thoát khổ nên cầu sanh Tịnh độ, ông muốn được khổ nên hủy báng Hoa Nghiêm. Ông cứ giữ cái chí của ông, tôi hành cái đạo của tôi. Tướng quân chẳng xuống ngựa, ai nấy tự ruổi theo đường mình. Đạo đã khác thì chẳng thể cùng bàn luận được, ông đi đi, tôi chẳng muốn trò chuyện với ông nữa!

Ông ta đáp:

- Đạo quý ở chỗ hoằng thông, hễ nghi thì cần phải đoạn nghi, sao thầy lại cự tuyệt đến thế? Tôi thường nghe "Tỳ-lô-giá-na Như Lai ở khắp hết thảy chỗ, nơi đức Phật ở gọi là Thường tịch quang", chỉ cần chứng được pháp thân thì đương xứ (ngay nơi người ấy đang ở) chính là Tịch quang tịnh độ. Sao lại phải dùng cái tâm sanh diệt "bỏ đông lấy tây" mới coi là được vậy?

Tôi đáp:

- Ông nói sao dễ dàng quá! Tuy đương xứ chính là Tịch quang tịnh độ, nhưng nếu chẳng phải là trí đoạn[448] đã đạt đến rốt ráo, đã viên chứng pháp thân Tỳ-lô thì chẳng thể đích thân thọ dụng triệt để được nổi. Các địa vị như: Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Đẳng giác, cả 41 địa vị trong Viên giáo vẫn là phần chứng. Nếu ông đã chứng được trọn vẹn Tỳ-lô pháp thân thì nói "đương xứ chính là Tịch quang" cũng chẳng hại gì; còn nếu chưa được như thế thì dẫu có nói đến thức ăn và tính đếm của cải vẫn chẳng thể khỏi bị chết vì đói lạnh được.

Ông ta hỏi:

- "Duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di-đà" là điều trong Tông môn thường nói chẳng lẽ là sai lầm hay sao?

Tôi nói:

---

thiêu chủng (hạt giống cháy), tức là hạng người không có lòng tin, đoạn sạch thiện căn. Kinh Lăng-già chia nhất-xiển-đề thành hai loại:

1. Đoạn thiện xiển-đề, tức kẻ vốn thiếu nhân giải thoát (đoạn thiện căn).

2. Đại bi xiển-đề, hoặc Bồ-tát xiển-đề, tức bậc Bồ-tát thị hiện, cố ý không nhập Niết-bàn do bi nguyện.

Đa phần các kinh luận nói nhất-xiển-đề không thể thành Phật, riêng kinh Đại Bát Niết-bàn khẳng định nhất-xiển-đề vẫn có khả năng thành Phật.

[448] Có hai cách hiểu chữ "trí đoạn":

1. Dùng trí bát-nhã đoạn trừ phiền não.

2. Trí đoạn là trí đức và đoạn đức. Soi thấu tỏ chân lý thì gọi là trí đức, đây chính là Bồ-đề. Đoạn sạch phiền não thì gọi là đoạn đức, tức là Niết-bàn.

- Thuyết đó của nhà Thiền chuyên chỉ về lý tánh, chứ chẳng bàn đến sự tu. Vì sao vậy? Nhà Thiền muốn cho người ta trước hết biết đến cái lý "chẳng dính mắc nhân quả, phàm thánh, chúng sanh và Phật tu chứng", sau đấy mới y theo lý đó mà phát khởi tu nhân hòng chứng quả, siêu phàm nhập thánh. Đấy chính là mặt sự: chúng sanh chứng thành Phật đạo. Sao ông lẫn lộn sự và lý, tri kiến điên đảo đến thế? Ông lại bảo bỏ đông lấy tây là sanh diệt, nhưng chẳng biết chấp đông phế tây lại là đoạn diệt. Hễ còn chưa chứng Diệu giác thì có ai thoát khỏi lấy bỏ? Ba a-tăng-kỳ kiếp luyện hạnh, trăm kiếp tu nhân, thượng cầu hạ hóa, đoạn hoặc chứng chân, có việc gì chẳng phải là chuyện lấy bỏ đâu? Phải biết, đức Như Lai muốn cho hết thảy chúng sanh mau chứng pháp thân và Tịch quang, nên Phật mới đặc biệt khuyên trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương vậy!

Hỏi:

- Sách Hoa Nghiêm Hợp Luận[449] của trưởng giả Táo Bá Lý[450] nhận định Tây Phương Tịnh Độ chỉ dành cho hàng phàm phu còn có một phần chấp tướng, chưa tin nổi thật lý pháp không. Nếu chuyên ức niệm thì tâm sẽ được tịnh một phần, sẽ được sanh Tịnh độ. Pháp đó là quyền pháp chứ chẳng phải thật pháp, cớ sao Hoa Tạng hải chúng lại cùng nguyện vãng sanh? Ngài Táo Bá chứng thánh quả

[449] Gọi đủ là Hoa Nghiêm Kinh Hợp Luận, gồm 120 quyển của cư sĩ Lý Thông Huyền soạn vào đời Đường, tác phẩm này được xếp vào Tục tạng kinh quyển 5. Đây là tác phẩm chú giải bản dịch kinh Hoa Nghiêm 80 cuốn (Bát Thập Hoa Nghiêm). Nội dung cuốn luận này chia kinh Hoa Nghiêm làm mười môn để nêu tỏ những ý nghĩa trọng yếu: Y giáo tông phần, y tông giáo biệt, giáo nghĩa sai biệt, thành Phật đồng biệt, thuyết giáo thời phần, Tịnh độ quyền thật, nhiếp hóa cảnh giới, nhân quả diên súc (nhân quả kéo dài hay rút ngắn), hội giáo thỉ chung. Tác giả Lý Thông Huyền đặc biệt sùng mộ giáo thuyết *Thập huyền lục tướng* của tông Pháp Tướng nên đã vận dụng những khái niệm này vào trong cách giải thích kinh điển. Tác phẩm Hoa Nghiêm Kinh Hợp Luận này đã ảnh hưởng sâu đậm đến ngài Thanh Lương Trừng Quán, ta có thể thấy rõ điều này qua tác phẩm Hoa Nghiêm Đại Sớ Sao.

[450] Tức Lý Thông Huyền (635-730) là học giả Hoa Nghiêm thời Đường, xuất thân từ hoàng tộc, quê ở Thương Châu (nay thuộc Thương Huyện, tỉnh Hà Bắc), thông minh dĩnh ngộ, tinh thông sách Nho lẫn kinh Phật. Năm Khai Nguyên thứ 7 (719), ông ẩn cư ở Phương Sơn, Thọ Dương, phủ Thái Nguyên để nghiên cứu kinh Hoa Nghiêm bản tân dịch (tức Bát Thập Hoa Nghiêm), chỉ ăn táo, lá tùng bách để sống suốt mấy năm trong núi. Vì vậy, thế gian gọi là tiên sinh Táo Bách (Bá). Tháng 3, năm Khai Nguyên thứ 18 (730), ông tọa hóa trong thất, hưởng thọ 96 tuổi. Tống Huy Tông ban hiệu là Hiển Giáo Diệu Nghiêm Trưởng Giả. Do vậy, người ta thường gọi ông là Lý Trưởng Giả. Ông lưu lại những tác phẩm như Hoa Nghiêm Kinh Hội Thích Luận 14 quyển, Tân Hoa Nghiêm Kinh Luận 40 quyển, Lược Thích Tân Hoa Nghiêm Kinh Tu Hành Thứ Đệ Quyết Nghi Luận 4 quyển, Thích Giải Mê Hiển Trí Thành Bi Thập Minh Luận 1 quyển, Thập Huyền Lục Tướng, Bách Môn Nghĩa Hải, Phổ Hiền Hạnh Môn, Hoa Nghiêm Quán… Lý Thông Huyền được coi là một nhân vật tiên phong trong trào lưu nghiên cứu kinh Hoa Nghiêm bản tân dịch.

ngay trong hiện đời, thần thông trí tuệ chẳng thể nghĩ bàn; nhất quyết ngài phải là Bồ-tát trong hội Hoa Nghiêm thị hiện nên lời ngài nói nhất định chẳng sai lầm!

Đáp:

- Tuy ngài Táo Bá là Bồ-tát thị hiện, nhưng khi ấy kinh Hoa Nghiêm chưa được truyền đến Trung Hoa trọn vẹn, ngài chẳng dự đoán được nên mới lập thuyết như vậy. Xét ra, ngài Táo Bá tạo luận vào niên hiệu Khai Nguyên đời vua Đường Huyền Tông. Sau khi viết xong luận, ngài liền nhập diệt, phải hơn 50 năm sau, mãi đến năm Trinh Nguyên thứ 11 (795) đời vua Đức Tông, vua nước Ô-trà[451] ở Nam Thiên Trúc mới dâng bộ Hoa Nghiêm phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện gồm 40 cuốn bằng Phạn văn. Đến năm Trinh Nguyên thứ 14 (798), kinh mới dịch xong để lưu thông. Ba mươi chín quyển trước tương ứng với phẩm Nhập Pháp Giới của bản Hoa Nghiêm 80 cuốn, nhưng văn nghĩa [trong bản Hoa Nghiêm 40 quyển] có phần tường tận hơn. Trong cuốn thứ 80, ngài Thiện Tài nương vào sức oai thần lực của ngài Phổ Hiền, sở chứng đã ngang với ngài Phổ Hiền, ngang bằng chư Phật, nên ngài Phổ Hiền bèn đọc cho nghe bài kệ khen ngợi công đức thắng diệu của Như Lai. Do kinh văn đến đây chưa hết nên pháp hội chưa kết thúc mà kinh Bát Thập Hoa Nghiêm đã hết. Kịp đến khi phẩm Hạnh Nguyện truyền đến, trong cuốn thứ 40, ngài Phổ Hiền dùng mười đại nguyện vương để khuyến tấn Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng khiến cho họ hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc; nói xong, Như Lai khen ngợi, đại chúng phụng hành. Đến đây, kinh văn mới hoàn bị. Vì lẽ đó, cổ đức mới đem quyển này đặt nối theo sau 80 quyển kia để lưu thông, muốn cho kẻ hậu học đều được thọ trì toàn bộ bản kinh vậy. Cổ đức nói: "Một pháp niệm Phật cầu sanh Tịnh độ chỉ Phật với Phật mới biết trọn vẹn, bậc Đăng địa Bồ-tát[452] còn chẳng biết nổi ít phần", chính là ý này. Pháp Tịnh độ tóm trọn hết thảy bậc thượng căn lợi khí chẳng còn sót vậy.

Kinh Đại Tập dạy: "Đời mạt pháp ức ức kẻ tu hành, hiếm một ai đắc đạo, chỉ nương theo pháp niệm Phật thì mới thoát khỏi sanh tử", như vậy pháp Tịnh độ cũng thâu nhiếp hết thảy thiên nhân, lục đạo cụ phược phàm phu[453] chẳng còn sót gì. Ông tin ngài Táo Bá mà chẳng tin phẩm Hạnh Nguyện và kinh Đại Tập, tức

[451] Ô-trà (Odra), nước cổ ở Đông Ấn Độ, nay là Orissa, thường bị người Hán phiên sai thành Ô-tràn. Theo Đại Đường Tây Vực Ký, người dân xứ này khôi ngô, hiếu học, tín phụng Phật pháp, tăng chúng đông đến hơn vạn người, đều học giáo pháp Đại thừa.

[452] Đăng địa Bồ-tát: tức Địa thượng Bồ-tát, hay nói cách khác, những vị đã chứng từ Sơ địa cho đến Thập địa.

[453] Lục đạo cụ phược phàm phu: Phàm phu trong sáu nẻo có đầy đủ các món phiền não, chưa đoạn được một món nào.

là tuân theo cáo thị quyền nghi một thuở của quan huyện, trái nghịch sắc chỉ của hoàng đế muôn đời chẳng đổi. Sao mà chẳng biết tôn, ty, khinh, trọng đến như thế ấy!

Hỏi:

- Nếu đã là hải chúng thị hiện, sao lại phải đợi có kinh truyền đến mới biết?

Đáp:

- Hoằng dương Phật pháp quả thật chẳng phải là việc dễ, cần phải có chứng cứ thì mới gây được lòng tin. Một bộ kinh Hoa Nghiêm siêu việt các kinh, chẳng thể không có dẫn chứng mà tự lập thuyết được.

Hỏi:

- Lúc kinh Niết-bàn chưa truyền đến Trung Hoa, sao ngài Đạo Sanh[454] đã đề xướng trước là nhất-xiển-đề cũng có Phật tánh. Há có nên bảo là ngài Táo Bá chẳng bằng ngài Đạo Sanh ư?

Đáp:

- Xiển-đề nguyên là chúng sanh, mà hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh thì sao riêng xiển-đề lại chẳng có? Bậc có trí thức đều có thể dự đoán được điều này; còn chuyện vãng sanh sẽ viên mãn Phật quả thì các kinh tuyệt chưa tuyên nói, ai dám tự ý suy đoán dựng lên giáo nghĩa lạ lùng đó? Điều thứ hai là sự và lý tuyệt

[454] Tức ngài Trúc Đạo Sanh (355-434), nhà học giả Niết-bàn thời Đông Tấn. Ngài là người Cự Lộc (nay thuộc Bình Hương, Hà Bắc), họ Ngụy. Sư nổi tiếng thông minh dĩnh ngộ từ nhỏ, xuất gia với ngài Trúc Pháp Thải. Năm 15 tuổi đã lên tòa giảng, bậc túc học danh sĩ cũng không biện luận thắng sư được. Khi ngài Tăng-già-đề-bà dừng gót tại Lô Sơn, dịch A-tỳ-đàm Tâm Luận, sư bèn theo học giáo nghĩa Nhất Thiết Hữu Bộ với ngài. Khi ngài Cưu-ma-la-thập vào Trung Nguyên, sư lại quảy tráp theo học. Sư cùng với các vị Đạo Dung, Tăng Duệ, Tăng Triệu trở thành những học trò kiệt xuất của ngài La-thập, được đời gọi bằng mỹ hiệu "Quan nội tứ thánh". Sư từng thỉnh ngài Phật-đà-thập dịch bộ Ngũ Phần Luật. Sư tinh thông học thuyết của các ngài Long Thọ, Đề Bà v.v.. Chính sư đề xướng thuyết "đốn ngộ thành Phật" và soạn các bộ Nhị Đế Luận, Phật Tánh Đương Hữu Luận, Pháp Thân Vô Sắc Luận, Phật Vô Tịnh Độ Luận. Nhân đọc bộ kinh Nê-hoàn sáu quyển do ngài Pháp Hiển dịch, sư bèn đề ra thuyết nhất-xiển-đề vẫn có khả năng thành Phật. Lúc ấy, kinh Đại Bát Niết-bàn chưa truyền đến Trung Hoa, nên thuyết này của sư bị công kích kịch liệt. Sư bị đại chúng tẫn xuất, phải ẩn cư tại Lô Sơn. Về sau, bản kinh Đại Bát Niết-bàn của ngài Đàm Vô Sấm truyền đến phương Nam, nội dung hoàn toàn tương đồng với thuyết của ngài Đạo Sanh, đại chúng hết sức khâm phục. Theo truyền thuyết, sư từng gom đá ở núi Hổ Khâu, tỉnh Giang Tô làm pháp chúng để giảng kinh. Do vậy mới có câu *"Sanh công thuyết pháp, ngoan thạch điểm đầu"* (ngài Đạo Sanh giảng kinh, đá cũng gật đầu). Ngài mất trong khi đang giảng pháp trên tòa sư tử, thọ 80 tuổi.

đối chẳng ngang bằng như nhau nên chẳng thể dẫn trường hợp này làm chứng. Còn về sở chứng của hai vị thì chẳng phải điều bọn phàm phu thấp sát đất ta có thể biết được nổi, nào dám hý luận! Phải biết, Bồ-tát hoằng pháp hoặc thuận hoặc nghịch, dùng các thứ phương tiện chẳng thể nghĩ bàn. Biết đâu ngài Táo Bá thị hiện không biết cốt là để đôn đốc sự tin tưởng nơi người đời sau!

Hỏi:

- Các sư Thiền tông đa số chê bỏ Tịnh độ, đó là vì lẽ gì?

Đáp:

- Các sư Thiền tông chỉ truyền Phật tâm nên tất cả ngôn thuyết đều quy về hướng thượng. Ông đã tham thiền nhiều năm mà còn chẳng biết lẽ này thì sự hiểu biết của ông đều là ác tri kiến phá hoại Thiền tông vậy.

Hỏi:

- Tôi còn đang là phàm phu sát đất, dám đâu lung lăng! Đấy thật là lời lẽ của chư tổ, quyết có thể lấy làm bằng chứng. Lục tổ nói: "Người Đông phương tạo tội, niệm Phật cầu sanh Tây phương. Người Tây phương tạo tội, niệm Phật cầu sanh cõi nào?" Ngài Triệu Châu[455] nói: "Một chữ Phật tôi chẳng thích nghe." Lại nói: "Lão tăng niệm Phật một tiếng, súc miệng ba ngày." Phần nhiều các sư Thiền tông có những câu nói như thế ấy thì thầy lại nói như thế nào đây?

Đáp:

- Lục tổ trực chỉ hướng thượng để cho người ta biết giữ lấy tự tâm, còn ông lại chẻ văn giải nghĩa, biện luận pháp môn tu trì, đấy là như câu nói "tưởng miếng xương lừa có hình yên ngựa là cái cằm của cha"[456], lầm lẫn quá thể! Ông phải

[455] Triệu Châu Tùng Thẩm (778-897) là thiền tăng đời Đường, người Tào Châu, Hác Hương (có thuyết nói là Thanh Châu, Lâm Truy), họ Hác, pháp hiệu Tùng Thẩm. Xuất gia từ nhỏ tại Hỗ Thông Viện, Tào Châu. Trước khi thọ cụ túc giới đã từng tham yết ngài Nam Tuyền Phổ Nguyện. Sau khi thọ giới tại Lưu Ly Đàn ở Tung Sơn, quay lại y chỉ với ngài Nam Tuyền 20 năm. Sau đó tham học khắp với các đại đức Bảo Thọ, Diêm Quan, Giáp Sơn, Ngũ Đài v.v.. Năm sư 80 tuổi, đại chúng thỉnh trụ tích tại Quán Âm viện thuộc Đông Thành, Triệu Châu. Sư tận lực chấn hưng Nam Tông Thiền suốt 40 năm, thọ 120 tuổi, được vua ban thụy hiệu là Đại sư Chân Tế.

[456] Đây là một điển tích xuất phát từ sách Ngũ Đăng Hội Nguyên, quyển 11. Nguyên văn: *"Nhận lư yên kiều tác a da hạ hàm."* "Yên kiều" tức là cái yên ngựa, do hình trạng của nó giống như cái cầu nên gọi như thế, "lư yên kiều" có nghĩa là cái xương lừa có hình dạng giống như cái yên ngựa, chứ không phải thật sự là yên ngựa. Trong truyện cổ dân gian Trung Quốc có chuyện đứa trẻ ngu si tưởng lầm cái xương lừa hình yên ngựa là xương hàm của cha. Thiền lâm hay dùng hình ảnh này để ví cho kẻ ngu muội, chẳng phân biệt được thật giả.

biết là người ở Tây phương đã hết sạch kiến hoặc và tư hoặc, tiến lên phá được trần sa hoặc và vô minh hoặc, họ chỉ có tấn tu, tuyệt đối chẳng có chuyện tạo tội. Tổ nói "kẻ ấy cầu sanh cõi nào", tức là nếu trong lúc ấy mà chưa đoạn được kiến hoặc, tư hoặc thì nương nhờ Phật từ lực, kẻ mang nghiệp vãng sanh sẽ được sanh vào cõi Phàm thánh đồng cư tịnh độ. Một phen đã sanh trong cõi kia rồi thì hai hoặc kiến và tư sẽ triệt để tiêu diệt, giống như quăng miếng tuyết vào lò lửa lớn, tuyết chưa rơi đến nơi đã biến mất, thân cận người đức hạnh thì ý niệm hèn tệ sẽ tiêu hết. Nếu như kiến hoặc, tư hoặc đã hết sạch thì sẽ sanh vào Phương tiện hữu dư tịnh độ; phá được một phần vô minh thì sanh vào Thật báo vô chướng ngại tịnh độ; vô minh hết sạch, phước tuệ viên mãn thì sẽ sanh vào Thường tịch quang tịnh độ. Tại cõi này hiện chứng như thế thì tại cõi kia tấn tu cũng sẽ như thế.

Sao ông quá lo họ không có chốn để sanh về để rồi tự chướng mình, chướng người, chẳng chịu cầu sanh? Nghe nói người khác ăn bị mắc nghẹn bèn bỏ cả ăn đến nỗi chết mất thì đúng là kẻ si trong thiên hạ không ai bằng ông! Ông chỉ biết một câu của ngài Triệu Châu: "Một chữ Phật, ta chẳng thích nghe", sao chẳng lấy luôn câu kế tiếp; có ông tăng hỏi: "Hòa thượng có vì người hay không?" Triệu Châu nói: "Phật, Phật!" Ông chỉ muốn căn cứ vào câu 'Niệm Phật một tiếng, súc miệng ba ngày' mà chẳng dựa theo câu: "Hòa thượng được đại vương cúng dường như thế, sẽ dùng gì để báo đáp?" Triệu Châu nói: "Niệm Phật." Sao lại chẳng y theo câu: "Tăng hỏi: 'Mười phương chư Phật còn có thầy hay chăng?' Triệu Châu nói: 'Có'. Hỏi: 'Thầy của chư Phật là gì?' Triệu Châu đáp: 'A-di-đà Phật, A-di-đà Phật'." Ông bảo phần nhiều các sư Thiền tông nói như thế, nhưng chẳng biết lời đáp tương ứng căn cơ của nhà Thiền được gọi là cơ phong, gọi là chuyển ngữ. Hỏi ở nơi đáp, đáp ở nơi hỏi. Ông chẳng biết phản chiếu hồi quang, tham cứu nơi chính mình, chỉ một bề nhai bã hèm, chạy theo hòn đất, bao giờ mới liễu thoát được. Tôi xuất gia hơn 30 năm, luôn nghe chư tăng cùng nhắc những câu "niệm Phật súc miệng ba ngày, Phật hiệu chẳng thích nghe", còn câu "lấy Phật Phật để độ người", "dùng niệm Phật báo ân", "A-di-đà Phật là thầy mười phương chư Phật" thì tuyệt chưa từng nghe có ai nhắc đến một lần.

Ôi, những câu trên đều cùng từ một miệng thốt ra, nếu đã cho những câu trước là thật và đáng tin thì những câu sau cũng phải là thật và đáng tin, cớ sao chỉ chấp nhận lời tổn, còn lời ích lại chống báng. Một thuận, một chống, tự mâu thuẫn nhau. Phàm lời nói của ngài Triệu Châu đều quy về bổn phận, những câu "Phật chẳng thích nghe" và "Niệm Phật báo ân" đều là chuyển ngữ. Nếu có thể ngay từ những câu đó biết được tự tâm thì mới biết đạo của ngài Triệu Châu vượt khỏi

thường tình, ý nghĩa vượt ngoài ngôn ngữ, ắt sẽ cắm cúi niệm Phật suốt cả ngày mà vẫn còn thấy là chưa đủ vậy. Nếu như đã không được đích thân gặp ngài Triệu Châu, sao chẳng lấy việc niệm Phật để tu trì, há có nên chấp lấy câu bác Phật làm căn cứ. Hễ niệm Phật thì ngay trong đời này sẽ thoát khỏi luân hồi, trong tương lai quyết định thành Phật đạo. Còn nếu nương theo lời bác Phật thì là báng Phật, báng pháp, báng tăng thì hiện đời tội nghiệp chất như núi, phước tuệ băng tiêu, khi mạng chung vĩnh viễn đọa trong A-tỳ chịu khổ nhiều kiếp. Lẽ lợi hại, được mất thật là một trời một vực!

Nói chung, người đời nay toàn là hạng phước mỏng, huệ cạn, nghiệp nặng, chướng sâu, đối với điều được lợi ích thì khủng khỉnh nghe, đối với điều khiến mình bị tổn hại lại toàn thân rạp lạy (‘được lợi ích, bị tổn hại’ là đối với những kẻ chưa ngộ, hiểu lầm mà nói, chứ không phải pháp của cổ đức nói có tổn hay ích). Lời chư sư đáp theo căn cơ thảy đều như thế, chẳng phiền phải giải thích cặn kẽ. Ông bảo lời chân thành của tổ quyết có thể dùng làm bằng chứng thì sao chẳng tuân theo lời ngài Bách Trượng[457]: “Tu hành thì niệm Phật là ổn đáng!” Sao ông cũng lại chẳng tuân những quy củ ngài Bách Trượng đã lập: cầu đảo cho vị tăng mắc bệnh, tống táng, thiêu hóa vị tăng đã mất, [những quy củ ấy] chẳng phải đều là hồi hướng vãng sanh Tịnh độ đó ư? Có nên bảo rằng, ngài Bách Trượng chỉ muốn cho kẻ chết được vãng sanh, chứ chẳng muốn kẻ sống cầu sanh hay sao. Sao ông lại chẳng thuận theo tổ thứ 14 ở trời Tây là ngài Long Thọ Bồ-tát: Như Lai huyền ký Bồ-tát sẽ vãng sanh, khôi phục kinh Hoa Nghiêm từ long cung. Ngài tạo nhiều bộ luận để riêng khen ngợi Tây phương như luận Tỳ-bà-sa[458] khen ngợi

[457] Bách Trượng Hoài Hải (720-814): Cao tăng đời Đường, từ nhỏ đã thích đi thăm chùa viện. Năm 20 tuổi, xuất gia với ngài Huệ Chiếu ở Tây Sơn, sau thọ cụ túc giới với luật sư Pháp Triều. Khi gặp Mã Tổ Đạo Nhất hoằng pháp tại Nam Khang bèn hết sức ngưỡng mộ, y chỉ theo, được ngài Mã Tổ ấn khả. Sư cùng với Tây Đường Trí Tạng, và Nam Tuyền Phổ Nguyện được xưng tụng là “tam đại sĩ”. Về sau, sư lập thiền viện ở núi Bách Trượng tỉnh Giang Tây, chế định thanh quy, hướng dẫn đại chúng tu trì. Thanh quy tức là quy định sinh hoạt của tăng đoàn theo chế độ nông thiền. Sư thường nói: “Một ngày không làm, một ngày không ăn.” Sư nhập diệt năm Nguyên Hòa thứ 9, thọ 95 tuổi, được vua ban thụy hiệu là Thiền sư Đại Trí. Các đệ tử nổi tiếng của sư là Hoàng Bá Hy Vận, Quy Sơn Linh Hựu v.v.. Thanh Quy do sư lập ra được gọi là Bách Trượng Thanh Quy, được khắp các tùng lâm trong thiên hạ tuân phụng.

[458] Luận Tỳ-bà-sa nói ở đây là bộ luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa do ngài Long Thọ Bồ-tát soạn. Trong quyển năm của luận này có câu: “Phật pháp có vô lượng môn, như đường đi trên thế gian có khó, có dễ. Đi theo đường bộ thì khó nhọc, đi đường thủy ngồi thuyền thì sung sướng. Bồ-tát đạo cũng giống như thế, có đạo thì khó hành tinh tấn, có đạo chỉ dùng lòng tin làm phương tiện, dễ đi, mau đạt đến địa vị Bất thoái.” Tỳ-bà-sa (Vibhasa) có nghĩa là quảng giải (giảng giải rộng lớn), quảng thuyết (nói rộng), thắng thuyết, chủng chủng thuyết, tức là những trước tác

Tịnh độ là đạo "dễ tu chóng đạt" đó ư! Sao ông lại chẳng tuân theo tổ thứ mười hai là Mã Minh Bồ-tát: Trong phần cuối của luận Khởi Tín, ngài có dạy phương tiện tối thắng khiến người niệm Phật cầu sanh Tây phương thường hầu Di-đà, trọn chẳng thoái chuyển? Sao ông lại chẳng làm theo Nhị tổ A-nan, Sơ tổ Ca-diếp kết tập Tam tạng và các kinh Tịnh độ? Nếu Tịnh độ chẳng đáng là pháp, có hại cho đời thì các ngài há chẳng phân biệt tốt xấu vẫn giữ lại tạo thành nguồn tội cho hậu thế hay sao? Thêm nữa, các kinh Đại thừa đều khen ngợi Tịnh độ, chỉ có kinh Tiểu thừa là không có lấy một chữ nhắc đến. Há nên bảo các kinh Đại thừa chẳng đáng là pháp sao?

Hơn nữa, lúc đức Phật nói kinh Di-đà, sáu phương hằng hà sa số chư Phật đều hiện tướng lưỡi rộng dài khuyên tin kinh này; có nên nói là sáu phương chư Phật cũng khiến cho người ta mắc tội hay sao? Nếu như ông bảo chẳng thể không tin các vị Lục tổ, Triệu Châu..., vậy các ngài Long Thọ, Mã Minh, A-nan, Ca-diếp, Thích-ca, Di-đà, sáu phương chư Phật, các kinh Đại thừa lại càng chẳng thể không tin! Nếu bảo chư Phật, chư tổ, các kinh đều chẳng đáng tin thì sao lại tin lời Lục tổ, Triệu Châu...? Thấy gần mà chẳng thấy xa, biết nhỏ chẳng biết lớn, giống như kẻ nhà quê chỉ nể thế lực ông huyện, chẳng biết oai đức của hoàng đế; trẻ nhỏ thấy tiền đồng bèn chộp lấy, gặp bảo châu ma-ni chẳng đoái hoài. Ông có biết bài Tứ Liệu Giản của ngài Vĩnh Minh chỉ bày lẽ có - không, lợi - hại, được - mất của Thiền và Tịnh hay chăng? Ngài Vĩnh Minh là hóa thân của Phật Di-đà, há lẽ nào ngài đành để người khác mắc tội báng chánh pháp luân, khiến cho chúng sanh nghi lầm, đoạn diệt Phật chủng hay sao?

Ông ta đáp:

- Bài Liệu Giản của ngài Vĩnh Minh quá chi ly, chẳng đáng để làm khuôn phép, vì sao vậy? Ông ấy nói: "Có Thiền, có Tịnh độ, ví như cọp mọc sừng, hiện đời làm thầy người, đời sau làm Phật, tổ." Nếu đúng như lời ông ta nói thì phần đông các thiền giả hiện tại đều khán câu *"người niệm Phật là ai?"* Lại có vị trụ trong niệm Phật đường niệm Phật bao năm, họ có đều hiện đời là thầy của người

---

nhằm chú giải luật hay luận. Ngoài ra, còn một thể loại nhằm giải thích chi tiết kinh luận được gọi luận Tỳ-bà-sa (Vibhasa-sastra). Hiện trong Đại tạng có bốn bộ luận Tỳ-bà-sa: luận A-tỳ-đạt-ma Đại-tỳ-bà-sa, luận Tỳ-bà-sa, luận Ngũ Sự Tỳ-bà-sa và luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa (Dasabhumika-vibhasa-sastra). Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa gồm 17 quyển, do ngài Cưu-ma-la-thập dịch sang tiếng Hán, thường gọi tắt là luận Thập Trụ. Bộ luận này nhằm giải thích phẩm Thập Địa của kinh Hoa Nghiêm (tức biệt bản của kinh Hoa Nghiêm với danh xưng Thập Địa Kinh). Ngài La-thập dịch chữ Thập Địa thành Thập Trụ nên luận này có tên như vậy. Thiên thứ 9 trong phẩm thứ 35 của luận này chính là Dị Hành Phẩm, là một điển tịch trọng yếu của Tịnh tông.

ta, kiếp sau liền thành Phật, tổ hay chăng? Lại nói: "Không Thiền có Tịnh độ, muôn người tu muôn người đỗ, nếu gặp Phật Di-đà, lo gì chẳng khai ngộ?" Nay kẻ ngu phu, ngu phụ chuyên niệm danh hiệu Phật đâu đâu cũng có, chưa thấy mấy kẻ khi lâm chung hiện các tướng lành, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Bởi vậy, tôi biết Liệu Giản của ngài Vĩnh Minh chẳng đáng coi là khuôn phép!

Tôi nói:

- Sao ông hấp tấp nuốt trọn quả táo, chẳng nếm mùi vị của nó như thế. Liệu Giản của tổ Vĩnh Minh chính là cương tông của Đại tạng, là khuôn phép tu trì, trước hết phải nhận thức đích xác thế nào là Thiền, thế nào là Tịnh? Thế nào là có, thế nào là không? Rồi mới phân tích theo lời văn thì sẽ biết mỗi một chữ đều như trời tạo, đất dựng, không chữ nào chẳng xác đáng, không chữ nào có thể thay đổi được! Trong vòng mấy mươi năm lại đây, tôi thấy lời lẽ các sư giảng thiền đều giống hệt lời của ông, chẳng khác chút nào. Kiến thức như thế thì đúng là Thiền cùng Tịnh độ mỗi ngày một suy tàn.

Hỏi:

- Sao gọi là Thiền, Tịnh cùng với có, không, cúi xin dạy rõ cho!

Đáp:

- Thiền chính là chân như Phật tánh vốn sẵn có của chúng ta, trong nhà Thiền gọi đó là"mặt mũi vốn có trước khi cha mẹ sanh ra", nhưng nhà Thiền chẳng nói toạc ra, chính là để người khác tham cứu tự chứng ngộ nên mới nói như vậy. Đó chính là tâm thể thuần chân, không năng, không sở, vừa tịch, vừa chiếu, linh tri ly niệm vậy (linh tri ly niệm nghĩa là trọn chẳng có ý niệm nhưng luôn nhận thức rõ ràng cảnh vật hiện tiền).

Tịnh độ là tín nguyện, trì danh, cầu sanh Tây Phương, chứ chẳng phải chỉ nói đến "duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di-đà".

"Có Thiền" là tận sức tham cứu đến cùng cực, niệm tịch, tình vong, thấy thấu suốt cái mặt mũi vốn có trước khi cha mẹ sanh ra, minh tâm kiến tánh.

"Có Tịnh độ" là chân thật phát tâm Bồ-đề, sanh tín phát nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Thiền và Tịnh độ chỉ là ước theo giáo, ước theo lý; "có Thiền" và "có Tịnh độ" là ước theo căn cơ, ước về tu. Về giáo lý thời hằng nhiên như thế; Phật chẳng thể tăng, phàm chẳng thể giảm. Xét về căn cơ, tu hành thì phải nương vào giáo để khởi hạnh; hành cho đến khi chứng ngộ tột cùng lý, sao cho thật có mới thôi. Điều thứ hai là xét về văn từ tuy tương tự nhưng thật ra

rất khác nhau, phải suy xét kỹ càng, chớ có lẫn lộn. Nếu như tham thiền nhưng chưa ngộ, hoặc ngộ chưa triệt để thì đều chẳng được gọi là có Thiền. Nếu như niệm Phật nhưng thiên chấp duy tâm, không có tín, nguyện; hoặc có tín nguyện nhưng chẳng chân thành, thiết tha, lơ là, hờ hững, làm cho lấy có; hoặc hành tuy tinh tấn nhưng tâm mến luyến trần cảnh, hoặc cầu đời sau sanh trong nhà phú quý để hưởng vui ngũ dục, hoặc cầu sanh lên trời để hưởng phước lạc cõi trời, hoặc cầu đời sau xuất gia làm tăng, nghe một ngộ cả ngàn, đắc đại tổng trì, hoằng dương pháp đạo, phổ lợi chúng sanh thì đều chẳng được gọi là có Tịnh độ.

Hỏi:

- Xuất gia làm tăng, hoằng pháp lợi sanh lại có lỗi chi mà cũng bị loại trừ?

Đáp:

- Nếu đã đoạn kiến tư hoặc, đã liễu sanh tử, nương theo đại nguyện luân, thị hiện sanh trong đời trược, thượng hoằng hạ hóa, độ thoát chúng sanh thì được. Nếu như tuy có trí nguyện nhưng chưa đoạn được kiến tư hoặc, dẫu cho lúc ban đầu thọ sanh chẳng mê, cũng khó giữ không mê trọn đời, nhiều đời. Tuy có thể hoằng pháp nhưng chưa chứng Vô sanh, tình chủng vẫn còn nên khi gặp cảnh đối duyên khó tránh khỏi bị mê hoặc. Nếu đã mê theo cảnh mà còn có thể mau giác ngộ thì trong cả vạn người chẳng có được một, hai; từ mê vào mê, chẳng thể tự dứt, bao kiếp trầm luân, thật là vô số! Vì nghĩa ấy, đức Như Lai mới dạy người vãng sanh Tịnh độ, gặp Phật, nghe pháp, chứng Vô sanh nhẫn. Sau đó, nương theo Phật từ lực và tâm nguyện của chính mình, trở vào Sa-bà độ thoát chúng sanh thì chỉ có tiến chẳng thoái, có được không mất vậy. Chưa đoạn kiến tư hoặc mà trụ trong cõi này hoằng pháp thì các tông khác không tông nào chẳng như vậy, chứ Tịnh tông dứt khoát chẳng chấp thuận. Đời lắm kẻ cho rằng "tham thiền là có Thiền, niệm Phật là có Tịnh độ", như vậy thì chẳng những đã không hiểu Thiền, Tịnh, lại còn chẳng hiểu văn nghĩa, cô phụ tấm lòng đại từ bi của cổ Phật Vĩnh Minh, cắt đứt con đường tắt thoát khổ cho hành nhân đời sau. Tự mình lầm, làm người lầm, gây hại nào có cùng cực? Đấy chính là nhận lầm vạch khắc ở đòn cân, sai suyển hào ly, xa cách như trời với đất!

Ông ta nói:

- Tôi đã tạm hiểu ý nghĩa của Thiền - Tịnh và có - không, xin thầy giảng giải rành mạch lời văn sâu nhiệm của cả bốn bài kệ cho!

Tôi nói:

- Có Thiền, có Tịnh độ.
Như cọp mọc thêm sừng.
Hiện tại làm thầy người,
Đời sau làm Phật, tổ.

Nghĩa là: Người ấy triệt ngộ Thiền tông, minh tâm kiến tánh, lại còn thâm nhập kinh tạng, hiểu trọn vẹn các pháp môn quyền, thật của đức Như Lai; nhưng trong các pháp lại chỉ chọn lấy một pháp tín nguyện niệm Phật để làm chánh hạnh chung nhằm tự lợi, lợi người. Bậc thượng phẩm thượng sanh đọc tụng Đại thừa, hiểu đệ nhất nghĩa như đã nói trong Quán kinh chính là hạng người này vậy. Người ấy có đại trí tuệ, có đại biện tài, tà ma ngoại đạo nghe tên vỡ mật, người ấy như cọp đeo thêm sừng oai mãnh không chi sánh bằng. Đối với kẻ đến học sẽ thuyết pháp tùy theo căn cơ: Thấy nên dùng Thiền Tịnh song tu để tiếp dẫn thì sẽ dùng Thiền Tịnh song tu tiếp độ; chỉ nên dùng chuyên tu Tịnh độ để tiếp dẫn thì sẽ dùng chuyên tu Tịnh độ tiếp độ. Bất luận thượng trung hạ căn, không ai là chẳng được đội ơn, há chẳng phải là bậc đạo sư của trời, người hay sao? Đến lúc lâm chung, người ấy được Phật tiếp dẫn vãng sanh thượng phẩm, trong khoảng khảy ngón tay hoa nở gặp Phật, chứng Vô sanh nhẫn, thấp nhất thì cũng chứng bậc Sơ trụ trong Viên giáo; cũng có người đốn siêu các địa vị, đạt đến bậc Đẳng giác. Bậc Sơ trụ trong Viên giáo đã có thể hiện thân làm Phật trong trăm cõi, huống hồ là các địa vị kế tiếp đó lại càng lần lượt thù thắng hơn; nhất là địa vị Đẳng giác thứ 41. Vì vậy tổ mới nói "đời sau làm Phật tổ."

Không Thiền, có Tịnh độ,
Vạn người tu, vạn đỗ.
Nếu gặp Phật Di-đà,
Lo gì chẳng khai ngộ.

Nghĩa là: Hành nhân tuy chưa minh tâm kiến tánh, nhưng đã quyết chí cầu sanh Tây Phương. Do vì trong kiếp xưa, đức Phật đã phát đại thệ nguyện nhiếp thọ chúng sanh như mẹ nhớ con; nếu chúng sanh thật sự có thể nhớ Phật như con nhớ mẹ, chí thành niệm Phật thì sẽ cảm ứng đạo giao, liền được đức Phật nhiếp thọ, vì ra sức tu định tuệ nên được vãng sanh. Kẻ ngũ nghịch thập ác lúc lâm chung bị các sự khổ bức bách bèn sanh lòng hổ thẹn lớn lao, xưng niệm danh hiệu Phật đến mười tiếng hoặc chỉ một tiếng rồi mất ngay trong lúc đó, họ đều được Phật hóa thân tiếp dẫn vãng sanh. Đấy há chẳng phải là "vạn người tu, vạn đỗ" hay sao? Những kẻ đó tuy niệm Phật chẳng lâu, nhưng do niệm Phật cực kỳ mãnh liệt nên có thể đạt được lợi ích lớn lao ấy, chẳng nên so với kẻ tu hành lơ là hờ

hững mà bàn luận niệm nhiều hay ít. Đã sanh về Tây Phương thì tuy gặp Phật, nghe pháp có nhanh chậm chẳng đồng, nhưng đều đã cao dự dòng thánh, trọn chẳng thoái chuyển. Tùy theo căn tánh sâu hay cạn, hoặc tiệm hay đốn mà chứng các quả vị, đã được chứng quả thì cần gì bàn đến khai ngộ nữa. Ấy chính là "nếu gặp Phật Di-đà, lo gì chẳng khai ngộ" vậy.

Có Thiền không Tịnh độ,
Mười tu, chín lần chần,
Ấm cảnh nếu hiện tiền,
Chớp mắt đi theo nó.

Nghĩa là: Hành nhân tuy triệt ngộ Thiền tông, minh tâm kiến tánh, nhưng kiến tư phiền não chẳng dễ đoạn trừ, phải trải qua nhiều duyên trui luyện để trừ sạch hết chẳng sót, mới có thể xuất ly phần đoạn sanh tử[459]. Người chưa đoạn một mảy nào thì chẳng cần bàn đến! Dẫu chỉ còn một mảy chưa đoạn sạch hết thì lục đạo luân hồi vẫn y như cũ khó thoát. Biển sanh tử sâu thẳm, đường Bồ-đề xa vời vợi, còn chưa về được đến nhà thì đã mạng chung. Người đại ngộ, mười người hết chín đều như vậy, cho nên mới nói "mười người, chín lần chần". Lần chần (ta đà) người đời thường nói là chần chờ.

"Ấm cảnh" là cảnh của thân trung ấm, tức là những cảnh được hiển hiện trong khi lâm chung bởi nghiệp lực thiện ác trong đời này và bao kiếp. Một khi những cảnh ấy hiện ra, trong chớp mắt sẽ liền theo nghiệp lực thiện ác nào mạnh mẽ nhất để đi thọ sanh trong đường thiện hay ác, chẳng thể làm chủ tình thế một mảy may nào. Giống như người mắc nợ, chủ nào mạnh sẽ kéo đi trước. Tâm tình lắm mối đa đoan, coi trọng chỗ nào sẽ rớt vào đấy. Ngũ Tổ Giới lại sanh làm Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại sanh làm Lỗ Công, đều là do lẽ trên vậy! Bởi thế mới nói "ấm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó". Chữ ấm, âm và nghĩa đồng với chữ âm, nghĩa là che đậy, tức là do nghiệp lực này che lấp nên chân tánh chẳng thể hiển hiện. Miết (瞥), âm giống chữ phiết (撇), nghĩa là nháy mắt, chớp mắt. Có người hiểu chữ ta (蹉) nghĩa là "lầm lẫn", ấm cảnh là ngũ ấm ma cảnh, chung

[459] Phần đoạn sanh tử là sự sanh tử của chúng sanh trong tam giới. Do quả báo sai khác nên có hình mạo, thọ lượng sai khác. Vì vậy gọi là phần đoạn (đoạn diệt theo phần hạn). Theo Duy Thức Học, phần đoạn sanh tử lấy nghiệp thiện ác làm thân nhân (cái nhân gần), lấy phiền não chướng làm trợ duyên để cảm quả trong tam giới. Do tuổi thọ có dài ngắn khác nhau, do sức nhân duyên nên có hạn định khác biệt; do vậy gọi là Phần Đoạn. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương lại chia phần đoạn sanh tử thành ác đạo phần đoạn (quả báo trong tam đồ) và thiện đạo phần đoạn (quả báo trong đường trời người).

quy vì chẳng hiểu chữ thiền và chữ có nên mới nói hồ đồ như vậy. Lẽ nào những bậc đại triệt đại ngộ mười người tu chín người lạc đường đi theo ngũ ấm ma nên bị ma dựa phát cuồng? Phàm những kẻ bị ma dựa phát cuồng đều là kẻ chẳng biết giáo lý, chẳng minh tự tâm, là giống tăng thượng mạn, tu mù luyện đui mà thôi. Sao chẳng biết hay dở, lại đem gán cho bực đại triệt đại ngộ! Điều này quan hệ rất lớn, chẳng thể không biện luận rõ.

Không Thiền không Tịnh độ.
Giường sắt và cột đồng.
Vạn kiếp cùng ngàn đời.
Không một ai nương dựa.

Có kẻ bảo "không Thiền, không Tịnh" tức là vùi đầu tạo nghiệp ác, chẳng tu pháp lành. Lầm to, lầm to! Dù pháp môn vô lượng nhưng chỉ có Thiền và Tịnh là thích hợp cho các căn cơ hơn hết. Hành nhân chưa được triệt ngộ, lại chẳng cầu sanh, lơ là, hời hợt tu các pháp môn khác, định tuệ đã chẳng thể quân bình để đoạn hoặc chứng chân, lại chẳng nương vào Phật từ lực để mang nghiệp vãng sanh, đem công đức trọn đời tu trì để cảm lấy phước báo đời sau sanh trong trời người. Đời này đã không chánh trí thì đời sau ắt bị phước chuyển mê đắm trong ngũ dục, tạo đủ các ác nghiệp, đã tạo ác nghiệp sẽ khó thoát ác báo. Khi một hơi thở chẳng hít vào được nữa thì liền đọa địa ngục, rành rành sẽ ở trong bao kiếp dài lâu nằm lăn nơi giường sắt, ôm ấp cột đồng để đền trả lòng tham thanh sắc, giết hại sanh mạng v.v. các thứ ác nghiệp. Tuy chư Phật, Bồ-tát rủ lòng xót thương, nhưng do ác nghiệp ngăn chướng, người ấy vẫn chẳng thể được hưởng lợi ích. Người xưa nói: "Người tu hành nếu chẳng chánh tín, cầu sanh Tây Phương, tu hành đủ các việc thiện khác thì gọi là kẻ oán đời thứ ba", chính là nói đến ý này. Ấy là vì đời nay tu hành, đời sau hưởng phước, vì ỷ phước làm ác nên liền bị đọa lạc. Đạt được cái vui giả tạm trong đời kế mà muôn kiếp phải vĩnh viễn chịu khổ. Ví dù nghiệp địa ngục tiêu thì lại chuyển sanh làm ngạ quỷ, súc sanh, muốn lại được thân người thì thật là điều khó nhất trong những điều khó. Vì vậy, Phật lấy tay bốc đất rồi hỏi A-nan rằng: "Đất trong tay ta nhiều, hay đất trong đại địa nhiều?" A-nan bạch Phật: "Đất trong đại địa nhiều." Phật nói: "Được thân người như đất trong tay, mất thân người như đất trong đại địa." Xét theo lời Phật thì "muôn kiếp, ngàn đời, không một người nương dựa" vẫn là lời luận rất nông cạn vì câu ấy còn hạn cuộc vào âm vận của bài kệ.

Ôi, hết thảy pháp môn chuyên cậy vào tự lực, pháp môn Tịnh độ chuyên nhờ Phật lực. Trong hết thảy pháp môn, phải trừ sạch hoặc nghiệp mới liễu sanh tử,

còn trong pháp môn Tịnh độ do mang nghiệp vãng sanh liền dự dòng thánh. Đại sư Vĩnh Minh sợ đời chẳng hiểu biết nên mới đặc biệt phân định để chỉ bày cho tương lai. Liệu Giản đáng gọi là chiếc bè báu nơi bến mê, là đạo sư (người dẫn đường) nơi đường hiểm. Đáng tiếc người trong cõi đời hờ hững đọc lướt qua, chẳng chịu nghiên cứu kỹ. Có phải là do chúng sanh ác nghiệp đồng phận nên xui khiến thế chăng?

Ông ấy nói:

- Tôi xưa tội gì mà sớm mê mất chân thuyên[460], xưa có phước gì nay được nghe lời xuất yếu? Xin được ghé dự vào hàng đồ chúng, cầm nắm bình, khăn.

Tôi bảo:

- Tôi nào có đức gì mà dám nhận lời ấy, những lời tôi nói đều là tuân theo ý chư Phật, chư tổ. Nếu ông có thể ngưỡng tín Phật, tổ, hoằng dương Tịnh độ thì không đức gì chẳng báo được, không tội gì chẳng diệt được. Xưa ngài Thiên Thân Bồ-tát lúc ban đầu báng Đại thừa, sau hoằng dương Đại thừa để chuộc lỗi, nếu ông có thể noi theo dấu chân thơm của ngài thì tôi nguyện xả thân cúng dường.

Thượng tọa bèn lễ Phật, phát nguyện rằng:

- Con tên là... từ nay trở đi chuyên tu tịnh nghiệp, chỉ cầu khi lâm chung vãng sanh thượng phẩm, gặp Phật, nghe pháp, đốn chứng Vô sanh. Sau đấy, chẳng rời An Dưỡng, vào khắp mười phương, dùng các thứ phương tiện nghịch thuận, ẩn hiển để hoằng thông pháp này, độ thoát chúng sanh đến tột cùng vị lai chẳng hề gián đoạn. Hư không có tận, nguyện của con vô cùng. Nguyện Phật Thích-ca, Phật Di-đà, thường trụ tam bảo thương xót tấm lòng ngu thành của con, cùng rủ lòng nhiếp thọ.

Tôi bảo:

- Về sự, Tịnh độ là đại nhân duyên; về lý, Tịnh độ là bí mật tạng. Ông có thể tin nhận phụng hành được thì chính là lấy sự trang nghiêm của chư Phật để tự trang nghiêm.

Thượng tọa vâng dạ lui ra. Nhân đấy chép lại cuộc vấn đáp này để khuyên bảo người chưa biết đến pháp này.

2. Luận Tịnh độ pháp môn phổ bị tam căn

[460] Chân thuyên: lời giảng về lẽ thật, về chân lý.

(Luận về pháp môn Tịnh độ độ khắp ba căn)

Hết thảy chúng sanh đều có đủ trí tuệ đức tướng của Như Lai, nhưng do mê chân đuổi theo vọng, trái nghịch giác, xuôi theo trần lao nên toàn thể chuyển thành phiền não ác nghiệp. Do vậy, trải nhiều kiếp lâu xa luân hồi sanh tử. Như Lai thương xót, giảng ra các pháp khiến họ phản vọng quy chân, trái nghịch trần lao, xuôi theo tánh giác, khiến cho phiền não ác nghiệp của họ toàn thể khôi phục thành trí tuệ đức tướng. Từ đây cho đến tận đời vị lai, an trụ trong Tịch quang. Khác nào nước đọng thành băng, băng tan thành nước; thể vốn chẳng khác, dụng thật khác xa. Nhưng căn cơ chúng sanh có lớn nhỏ, mê có cạn sâu, nên tùy theo cơ nghi của mỗi người đều làm cho được lợi ích. Các pháp môn đã nói rộng nhiều như cát sông Hằng, trong ấy cầu lấy một pháp chí viên chí đốn, tối diệu, tối huyền, hạ thủ dễ thành công cao, dùng sức ít được hiệu quả nhanh chóng, thích hợp khắp cho ba căn, thống nhiếp các pháp, thượng thánh lẫn hạ phàm đều cùng tu, căn cơ lớn nhỏ đều cùng nhận lãnh được thì không gì thù thắng, siêu tuyệt bằng pháp môn Tịnh độ!

Vì sao nói vậy? Hết thảy pháp môn tuy là đốn tiệm khác nhau, quyền thật mỗi pháp mỗi khác, nhưng đều phải dụng công tu tập sâu xa mới có thể đoạn hoặc chứng chân, thoát ly sanh tử, siêu phàm nhập thánh. Đấy gọi là hoàn toàn cậy vào tự lực, không nương cậy vào chi khác. Nếu hoặc nghiệp còn đôi chút chưa tận thì vẫn phải luân hồi y như cũ. Vả nữa, những pháp ấy lý đều rất sâu, chẳng dễ tu tập, nếu chẳng phải trước đã có linh căn thì thật khó lòng chứng nhập được ngay trong đời này. Chỉ có pháp môn Tịnh độ bất luận phú quý bần tiện, già trẻ nam nữ, ngu trí tăng tục, sĩ nông công thương, hết thảy mọi người đều có thể tu tập, do vì A-di-đà Phật đại từ bi nguyện lực nhiếp thủ chúng sanh khổ não trong Sa-bà. Do vậy, so với các môn khác, pháp này dễ đắc quả hơn.

Phàm bọn hữu tình chúng ta được nghe pháp môn Tịnh độ này, phải tin Sa-bà rất khổ, Tây Phương cực vui, phải tin từ nhiều đời đến nay nghiệp chướng sâu nặng, nếu không cậy vào Phật lực, thật khó thể thoát lìa, phải tin cầu sanh quyết định có ngày được sanh, phải tin niệm Phật nhất định được Phật từ bi nhiếp thọ. Do vậy, kiên định nhất tâm, nguyện lìa Sa-bà như tù nhân muốn thoát khỏi lao ngục, trọn chẳng có tâm lưu luyến; nguyện sanh Tây Phương như người lữ khách nghĩ mong về cố hương, nào có ý niệm chần chừ. Từ đây tùy phận tùy lực, chí tâm trì niệm thánh hiệu A-di-đà Phật, bất luận nói năng hay im lặng, động hay tịnh, đi đứng nằm ngồi, đón tiếp khách khứa, mặc áo ăn cơm, đều chú ý giữ sao cho Phật chẳng lìa tâm, tâm chẳng lìa Phật. Ví như có chuyện quan trọng canh

cánh bên lòng, dù làm trăm việc vẫn không quên chuyện ấy. Nếu có chuyện công việc tư trọn chẳng rảnh rỗi chút nào, thì sáng tối nên tu thập niệm niệm Phật, chí tâm phát nguyện thì cũng được vãng sanh. Do A-di-đà Phật từng có nguyện rằng: "Mười phương chúng sanh chí tâm tin ưa, muốn sanh về cõi ta, dẫu chỉ mười niệm mà chẳng được sanh thì ta không lấy ngôi Chánh giác." Do vậy, mười niệm niệm Phật cũng được vãng sanh vậy!

Nhưng đã niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì phải phát tâm từ bi, hành việc phương tiện, dứt tham sân si, kiêng giết trộm dâm, tự lợi lợi người thì mới hợp với ý Phật. Nếu không, tâm trái với Phật, cảm ứng đạo giao bị ngăn cách, chỉ thành gieo nhân cho mai sau, khó gặt được quả trong hiện tại. Nếu chí thành niệm Phật, hạnh hợp với tâm Phật, tâm và miệng tương ứng thì người niệm Phật như thế đến lúc lâm chung, A-di-đà Phật và các vị thánh thảy đều rủ lòng tiếp dẫn, vãng sanh Tây Phương. Hễ sanh về Tây Phương rồi thì siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn lìa khỏi các khổ, chỉ hưởng các sự vui. Đây là hoàn toàn cậy vào Phật lực, bất luận công sâu hay cạn, có phiền não hay không, chỉ cốt sao có đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha thì nhất định vạn người chẳng sót một ai. Còn như người đã đoạn hoặc cầu sanh thì mau vượt lên Thập địa, nếu đã Đăng địa mà cầu sanh thì mau chứng Phật thừa. Do vậy, Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ v.v., các vị Bồ-tát đều nguyện vãng sanh. Kẻ có đủ thập ác niệm Phật còn dự vào phẩm chót, người sắp đọa địa ngục niệm Phật còn lên được Liên Bang. Do vậy, Trương Thiện Hòa, Trương Chung Quỳ, Hùng Tuấn, Duy Cung[461] v.v. là những kẻ ác đồng thoát luân hồi.

---

[461] Theo Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Hùng Tuấn, họ Chu, người Thành Đô, Tứ Xuyên, tuy thường khuyên người làm lành, nhưng chẳng có giới luật và đức hạnh, từng hoàn tục làm lính. Chẳng lâu sau, lại xuất gia làm tăng, nhưng cũng biết hổ thẹn, sám hối. Thường ngày thường trì niệm danh hiệu Phật. Trong niên hiệu Đại Lịch thời Đường Đại Tông, đột nhiên chết đi, vào u minh, bị Diêm vương quở trách, sai tống vào địa ngục. Hùng Tuấn kêu to: "Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói tạo trọng tội ngũ nghịch, chỉ cần lâm chung niệm Phật mười tiếng liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc. Hùng Tuấn tôi tuy từng tạo ác, nhưng cũng chưa hề phạm trọng tội ngũ nghịch. Nếu chiếu theo công đức niệm Phật thường ngày của tôi, đáng lẽ phải vãng sanh Tịnh độ mới phải. Nếu không, mười phương chư Phật đều thành đại vọng ngữ!" Nói xong, chắp tay cung kính chuyên tâm niệm Phật hiệu, ngay lúc đó, đài sen bảy báu chợt xuất hiện, Hùng Tuấn bèn cỡi đài sen báu ấy bay về Tây.

Duy Cung là người Kinh Châu (nay thuộc tỉnh Hồ Bắc), thường có những ác nghiệp rượu chè, cờ bạc, nhưng nếu không làm chuyện ấy bèn thường tụng kinh, cầu nguyện vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Một ngày nọ, Duy Cung sanh bệnh, Linh Quy ra ngoài chùa chơi, thấy một bầy trẻ nhỏ cầm nhạc khí bèn hỏi chúng đi đâu. Chúng đáp đến chuẩn bị tiếp dẫn thượng nhân Duy Cung về Tây. Trong đám đó, có một người cầm một đóa sen, búp sen còn

Những người khác tu đủ cả giới lẫn thiện, định tuệ đều bình đẳng, sống trong trần nhưng chẳng nhiễm trần, ở trong cõi trược nhưng lòng luôn thanh tịnh, quyết chí cầu sanh Tây Phương, cao đăng thượng phẩm như mọi ngôi sao chầu về Bắc Đẩu, như các dòng nước đổ vào biển Đông, làm sao kể nổi số! Do vậy, ngàn kinh muôn luận chỗ nào cũng chỉ quy, vãng thánh tiền hiền ai nấy đều hướng về, bởi pháp này là đạo trọng yếu để Như Lai phổ độ chúng sanh, là diệu pháp để chúng sanh thoát khổ ngay trong một đời này.

3. Luận Tông - Giáo bất nghi hỗn lạm

(Bài luận về chuyện không nên lẫn lộn giữa Thiền và Giáo)

Do người giảng kinh thường thích bàn về Thiền nên làm luận này.

Như Lai nói kinh, chư tổ tạo luận, hai môn Tông và Giáo vốn là một pháp, dẫu không thể tách rời nhưng cũng không thể hợp lại, tùy theo căn cơ mà được lợi ích, tùy theo từng lợi ích mà đặt tên. Thượng căn vừa nghe liền nhanh chóng liễu giải tự tâm, viên tu đạo phẩm, nên gọi là Tông (đây là ước theo đời sau mà nói, chứ thoạt đầu chỉ gọi là giáo pháp viên đốn); hàng trung hạ nghe đến, tấn tu đạo phẩm, dần dần ngộ được chân lý, nên gọi là giáo.

Đến cuối thời tượng pháp, Phật pháp truyền sang cõi này (Trung Hoa), căn cơ con người thông minh, nhạy bén, đa số đắc văn trì nên chú trọng chuyện ghi nhớ, đọc tụng, giảng nói. Tăng chúng chú trọng đến chuyện bổn phận, hướng thượng, chứ người thật chứng, thật ngộ thì ít, kẻ nói chuyện ăn, đếm của báu thì nhiều. Do vậy, đại sư Đạt-ma đặc biệt sang đây, xiển dương pháp trực chỉ nhân tâm (chỉ thẳng vào cái tâm của con người) khiến cho con người tự thấy được bản lai diện mục. Đời sau gọi đó là Tông. Đã thấy được bản lai diện mục rồi, sau đó xem kinh, tu hành, mới biết giáo pháp của toàn bộ Đại tạng đều là những lời nói trong nhà mình, lục độ vạn hạnh đều là chuyện trong nhà mình. Do vậy, sự ngộ giải của Tông môn là mắt, sự tu trì của Giáo là chân; không mắt thì không cách gì thấy đường được, không chân không thể về đến nhà. Như vậy, Tông - Giáo cần nhau, chứ không hề trái nghịch, hợp cùng nhau chứ chẳng tách lìa. Xét đến chỗ chỉ quy rốt ráo của các vị Nam Nhạc, Thiên Thai thì đại lược đều giống nhau. Do vậy, hai

---

chưa nở to như nắm tay. Cánh sen phóng quang minh. Ngày hôm sau, Linh Quy về chùa thấy Duy Cung đã vãng sanh; nhân đó Linh Quy cảm kích, giác ngộ, từ đấy cải ác tu thiện, sau cũng được tiếng là người đức hạnh.

bộ sách Truyền Đăng Lục và Chỉ Nguyệt Lục[462] đều xếp hai vị này vào bậc thánh hiền ứng hóa, Cao Tăng Truyện không kể tên hai vị trong những vị nghĩa giải[463] mà xếp vào tiểu loại tu Thiền. Đấy là những vị tri thức đầy đủ con mắt thời xưa, cho Tông và Giáo là nhất quán.

Từ ngài Tào Khê (Lục tổ Huệ Năng) trở về sau, thiền đạo thạnh hành, loại văn tự "chẳng lập văn tự" truyền khắp hoàn vũ. Đường giải ngày càng mở rộng, cửa ngộ[464] ngày càng lấp. Vì thế các vị tổ Nam Nhạc, Thanh Nguyên đều dùng cơ ngữ để tiếp độ người, khiến cho Phật, tổ đều thành ngữ ngôn, không cách nào trả lời câu hỏi được. Nếu không thật sự liễu ngộ thích đáng sẽ không thể suy lường được lời tổ. Dùng điều đó để khám nghiệm hòng phân biệt vàng - thau, tách rời ngọc - đá vĩnh viễn, không thể giả dối để làm hại pháp đạo được. Đấy là duyên do của cơ phong chuyển ngữ!

Từ đấy về sau, pháp này ngày càng thịnh, tri thức nêu bày, chỉ sợ lạc vào lối cũ của người khác thành ra sáo rỗng, gây nghi ngờ, lầm lạc cho người học khiến Tông phong bị bỏ phế, rối bời; vì vậy cơ phong được dùng ngày càng cao chót vót, không cách chi chuyển biến được, khiến cho người ta không cách nào dò dẫm, nắm níu được. Do vậy, mới có kẻ quở Phật mắng tổ, bài xích kinh giáo, phế bỏ Tịnh độ (hai câu của đại sư Nam Nhạc Huệ Tư đã nói trọn tác dụng như vậy: *"Siêu quần xuất chúng thái hư huyền, chỉ vật truyền tâm nhân bất hội"* (Tạm dịch: Siêu quần xuất chúng huyền diệu như hư không, chỉ vật để truyền thọ tâm pháp, con người không hiểu thấu được). Nếu hiểu đó là thật pháp thì tội giống như ngũ nghịch). Dùng ngôn ngữ này để tước đoạt tình kiến của con người, lấp mất lối hiểu của họ. Người căn cơ chín muồi sẽ ngay lúc đó biết đường về, triệt ngộ nẻo hướng thượng. Người căn cơ còn sống sít sẽ thật sự tận lực tham cứu đến khi nào đại triệt đại ngộ mới thôi.

Ấy là do hàng tri thức còn đông, căn cơ người vẫn còn bén nhạy, giáo lý minh bạch, tâm sanh tử thiết tha. Dù chưa thể liễu ngộ ngay khi đó, quyết chẳng chịu

---

[462] Chỉ Nguyệt Lục: tác phẩm của Cù Nhữ Tắc soạn vào đời Minh, gồm 32 quyển, còn gọi là Thủy Nguyệt Trai Chỉ Nguyệt Lục. Nội dung chép về quá khứ thất Phật và hành trạng, pháp ngữ của tổ sư Tây Thiên, Đông Độ gồm 650 vị từ Sơ tổ Ca-diếp cho đến ngài Đại Huệ Tông Cảo.

[463] Nghĩa giải: Hiểu rõ ý nghĩa; còn có nghĩa là phân tách chữ nghĩa để giải thích nghĩa lý. Trong thiền lâm thường dùng chữ "nghĩa giải thiền hòa tử" để chỉ kẻ chỉ hiểu nghĩa lý theo mặt văn tự bên ngoài, chẳng biết đường lối tu hành, không có thật hạnh.

[464] Đường giải, cửa ngộ: Tạm dịch hai chữ "giải lộ" và "ngộ môn". Giải lộ ý nói chỉ hiểu biết trên văn tự chứ không chứng ngộ, còn ngộ môn là thật sự chứng nhập.

sanh tâm kém hèn cho đó là thật pháp. Người đời nay đa phần ít đọc sách Nho, chẳng hiểu lẽ đời, chưa cùng tột giáo thừa, chẳng hiểu Phật pháp, vừa mới phát tâm bèn vào ngay Tông môn. Còn hàng tri thức chỉ nhằm duy trì môn đình, cũng học đòi cổ nhân chỉ bày, xiển dương, chẳng đoái hoài chuyện lợi hại cho pháp đạo. Người học chẳng hạ nghi tình chân thật, ai nấy cho đó là thật pháp. Hoặc có những điều người đời nay nêu lên đều là những đạo lý do họ tự ý suy lường, phỏng đoán những chuyện trong sách của cổ nhân xưa, nói chung không ngoài chuyện dựa theo văn tự để giải thích ý nghĩa, lại tự cho là mình triệt ngộ hướng thượng, đã tham học xong xuôi, tự dự vào địa vị tri thức để mở mang, chỉ dạy cho hàng hậu học.

Kẻ nắm giữ một môn đình, chỉ sợ người khác bảo mình không phải là bậc thông gia, do đó cùng hoằng dương cả thiền lẫn giảng, muốn được gọi là bậc "Tông thuyết đều thông". Bàn đến Tông thì những gì họ giảng về những lời chỉ quy hướng thượng của cổ đức toàn là giải thích ý nghĩa dựa theo văn tự, giảng về Giáo thì đạo tu nhân chứng quả của Như Lai bị họ biến thành thuyết "dùng pháp để tượng trưng, nhằm thuyết minh ý nghĩa". Dùng Giáo phá Tông, dùng Tông phá Giáo, người mù dẫn lũ đui, kéo nhau vào lửa! Đến nỗi về sau chẳng được nghe khuôn mẫu hay đẹp của cổ nhân, uổng công học đòi khinh Phật khinh tổ, bài bác nhân quả mà thôi, trọn chẳng hiểu được lời lẽ của cổ nhân. Bổn phận của tăng chúng há còn mộng thấy! Nay tôi sẽ đem lời lẽ, bản ý của Tông và Giáo phân biệt đại lược, ngõ hầu ai nấy chỉ được lợi ích, chẳng bị bệnh vậy.

Tông là gì? Giáo là gì? Về mặt diễn nói thì Tông và Giáo đều là Giáo, về mặt khế ngộ thì Tông và Giáo đều là Tông. Giáo cố nhiên có Tông, mà Tông cũng có Giáo. Tông của bên Giáo chính là diệu lý thật tướng, tam đức bí tạng; đấy chính là bổn phận hướng thượng của tăng chúng bên Tông vậy (Đây là đối với Tông mà nói, nên gọi thể là Tông. Nếu luận theo Giáo thì gọi là Thể. Tông trong Giáo chính là cửa ngõ để nhập thể, không giống như chỗ chú trọng hướng thượng của bên Tông).

Giáo của bên Giáo chính là văn tự, lời lẽ trong kinh luận và hành tướng của pháp môn, không gì đều chẳng nhằm diễn tả diệu lý, đều quy về bí tạng; cũng giống như những tác dụng của cơ phong chuyển ngữ bên Tông. Nhưng Giáo thì chưa ngộ vẫn làm cho hiểu được, còn Tông nếu chưa ngộ sẽ không biết. Đấy gọi là chỗ khác nhau giữa Tông và Giáo.

Giáo của bên Tông chính là cơ phong chuyển ngữ, giơ nắm tay, dựng đứng phất trần, hoặc nói, hoặc im lặng, mọi thứ tác dụng đều thuận theo căn cơ của

người đến tham vấn để chỉ quy hướng thượng. Những câu chuyển ngữ ấy nhằm để nêu bày lẽ hướng thượng, là ngón tay chỉ mặt trăng thật sự, chứ không phải những câu chuyển ngữ đó chính là lẽ hướng thượng hay mặt trăng thật sự. Nếu có thể nương theo ngón tay nhìn vào mặt trăng thì ngay khi đó sẽ tự thấy được vầng trăng thật sự. Vầng trăng thật sự được thấy ấy mới chính là Tông của Tông gia. Người đời nay lấy cơ phong chuyển ngữ làm Tông, chẳng cầu khế ngộ, chỉ cho rằng học theo đó sẽ hiểu thấu, tức là coi ngón tay chính là mặt trăng, không còn biết đến vầng trăng thật sự. Tiếc thay!

Vả nữa, Giáo thích hợp khắp ba căn, lợi độn cùng thâu, ví như tờ chiếu sáng suốt của bậc vua thánh, muôn nước đều khâm phục, tôn sùng. Dù trí hay ngu, dù hiền hay tệ đều hiểu được, đều phải tuân hành, kẻ nào không tuân sẽ bị xử cực hình. Kẻ nào không tuân lời Phật dạy sẽ đọa trong ác đạo. Tông chỉ độ riêng bậc thượng căn, chẳng thâu nhiếp trung hạ. Ví như mật lệnh của vị tướng quân, kẻ trong doanh mới biết, người ngoài doanh dẫu cho thông minh cũng không thể hiểu được, do vậy toàn quân mới diệt được giặc, thiên hạ thái bình. Quân lịnh hễ bị tiết lộ thì ba quân sẽ tan vỡ, tổ ấn bị tiết lộ, năm tông chết sạch. Trước khi ngộ, chỉ cho phép tham cứu thoại đầu, chẳng cho phép đọc sách Thiền thật ra là vì sợ hiểu lầm ý tổ, coi mê là ngộ, đem giả loạn chân, đấy gọi là "tiết lộ", cái hại rất lớn! Sau khi đại ngộ, ắt phải rộng xem ngữ lục của chư tổ hòng quyết trạch kiến địa của mình, hòng mở mang sai biệt trí, để hiểu thấu chỗ cấm kỵ của thuốc. Lại còn phải trải qua nhiều duyên rèn luyện, khiến cho hạnh giải tương ứng mới thành bậc xuất thế, hoằng dương, xiển phát tông phong.

Người đời nay chẳng dạy người tận lực tham cứu, cứ vì người diễn giảng, khiến cho đường hiểu mở rộng, khởi ý suy đoán, dùng ý kiến của mình để hiểu ý tổ, dường như gần giống, suy tưởng nghĩa lý. Hoàn toàn sai lầm, nhưng cứ cho là đúng. Nói không sai cho lắm thì chỉ toàn là rổng bằng đất nặn, bánh vẽ, há có thể phun mưa, đỡ đói được chăng? Do vậy, nhà Thiền phải thật sự tham cứu mới có lợi ích thật sự! Người chưa mở mắt, nghe những lời giảng nói đó, mừng rỡ lộ ra ngoài, còn người có đầy đủ con mắt ắt sẽ đau thấu xương tủy. Hoằng dương Tông kiểu đó chỉ có tổn hại lớn, chẳng có mảy may lợi ích thật sự gì. Khác nào đem quân lịnh bảo khắp quân địch, mời mọc chúng nó đánh nhau với mình mà không tự diệt vong thì hiếm lắm. Do vậy, kẻ giả vờ ngộ đạo không biết là bao nhiêu, kẻ hoại loạn Phật pháp thật là đông đảo!

Thêm nữa, Giáo thì do văn tự hiển lộ ý nghĩa, y nghĩa tu quán; quán thành tựu sẽ chứng lý, khiến cho con người do hiểu rồi bèn nhập. Vì vậy, ngài Thiên Thai

dùng tam chỉ, tam quán[465] để truyền Phật tâm ấn. Còn Tông thì lìa văn tự để hiển ý, hễ lãnh hội được ý thì minh tâm, minh tâm rồi bèn khởi hạnh, dạy hành nhân do tham cứu mà chứng đắc. Do vậy, Thiền tông lấy "trực chỉ nhân tâm" để truyền Phật tâm ấn.

Vả nữa, nhân quả, tu chứng, phàm thánh, sanh Phật (chúng sanh và Phật), sự lý, hành tướng được nói trong kinh giáo vằng vặc phân minh. Nếu tu được nhân thì tự nhiên sẽ chứng quả, siêu phàm nhập thánh, tức là chúng sanh thành được Phật đạo. Đã đạt được sự này thì chẳng dính dáng đến lý nhân quả, tu chứng, phàm thánh, sanh Phật, há còn mong cầu bên ngoài nữa ư? Những gì nhà Thiền nói đều quy về bổn phận, chẳng dính dáng đến "nhân quả, tu chứng, sanh Phật" (đây là lý tức Phật). Nếu hiểu được ý này (đây gọi là danh tự và quán hạnh sơ tâm), quyết định y theo cái lý "chẳng dính dáng nhân quả, tu chứng, phàm thánh, sanh Phật" để khởi sự tu nhân chứng quả, siêu phàm nhập thánh thì đó chính là sự để chúng sanh thành Phật đạo vậy (đây là từ quán hạnh cho đến cứu cánh).

Do vậy, cổ đức sau khi đại ngộ có những vị ba lần bảy lượt xem Đại tạng kinh (Phần Châu Vô Nghiệp ba lượt đọc hết Đại tạng. Ngài Tri Vi ở chùa A-dục Vương, là môn nhân của ngài Đại Huệ Tông Cảo, giam mình trên tháp viện hơn mười năm, bảy lượt đọc hết Đại tạng. Xem trong sách Dục Vương Sơn Chí). Có người cho ngồi đọc là không cung kính, bèn quỳ đọc, đi thì đội lên đầu, đứng tụng (ngài Thê Hiền Đề ba lần đọc hết Đại tạng đều như thế). Có vị suốt đời hằng ngày trì một bộ kinh Pháp Hoa (như các vị Vĩnh Minh Diên Thọ, Thủ Sơn Niệm). Có vị xem kinh chỉ sợ bị làm phiền, bèn dán thiếp ở cửa phương trượng, ghi: "Lúc xem kinh chẳng được hỏi han" (ngài Ngưỡng Sơn Tịch). Có vị trì thánh hiệu Quán Âm (ngài Minh Giáo Tung, mỗi ngày trì mười vạn thánh hiệu Quán Âm. Kinh

---

[465] Tam Chỉ: Chỉ là ngưng dứt. Tam Chỉ là ba thứ Chỉ Hạnh được lập đối ứng ba phép quán Không, Giả, Trung, gồm:

a. Chân Thể Chỉ: đối ứng với Không Quán. Thấu hiểu cái vọng vô minh điên đảo chính là cái chân nơi Thật Tướng, nên gọi là Chân Thể Chỉ. Do thấu triệt các pháp nhân duyên hòa hợp, không có tự tánh nên có thể dứt hết thảy những phan duyên vọng tưởng, chứng nhập lý Không. Đạt đến cảnh giới này sẽ phát định, mở huệ nhãn, thấy được Đệ Nhất Nghĩa, thành tựu Chân Đế tam-muội.

b. Phương Tiện Tùy Duyên Chỉ: Đối ứng với Giả Quán. Bồ-tát tùy duyên trải qua mọi cảnh, ở trong Tục Đế nhưng tâm bất động, chẳng bị ngoại cảnh xoay chuyển. Người đạt cảnh giới này sẽ mở Pháp Nhãn, thành tựu Tục Đế tam-muội.

c. Tức Nhị Biên Phân Biệt Chỉ, còn gọi là Chế Tâm Chỉ: Đối ứng với Trung Quán. Không còn phân biệt hai bên sanh tử, Niết-bàn, tướng có, tướng không. Nếu đạt cảnh giới này sẽ phát Trung Đạo định, mở Phật Nhãn, thành tựu Trung Đạo tam-muội.

sách thế gian, xuất thế gian không đọc nhưng đều biết. Lại còn có ngài Hoa Lâm Giác thường niệm Quán Âm, cảm được hai con hổ thường theo hầu). Có vị trì chú Chuẩn Đề (như hòa thượng Kim Hoa Câu Chi). Có vị mỗi ngày làm 108 Phật sự (Vĩnh Minh Diên Thọ, tụng một bộ Pháp Hoa cũng thuộc trong 108 việc ấy). Có vị đối trước tượng đứng không dám ngồi, đối trước tượng ngồi không dám nằm (ngài Đại Thông Bổn. Hễ thấy những vật thực mang tên thịt cá, ngài không ăn). Có vị một ngày không làm sẽ không ăn suốt ngày đó (ngài Bách Trượng Hoài Hải). Còn những vị niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì nhiều không biết bao nhiêu mà kể!

Ấy là vì ngài Bách Trượng là đích tử truyền đạo của Mã tổ, ngài có lời khai thị rằng: "Tu hành dùng niệm Phật là ổn thỏa, thích đáng." Ngài còn lập ra thanh quy, phàm kỳ đảo cho vị tăng bị bệnh, hóa tống tăng đã mất, đều quy về Tịnh độ. Do vậy, chư sư trong năm tông[466] đều chăm chú ngầm tu, có lắm vị nhiều năm tận tụy làm những việc khó khăn (như ngài Quy Sơn làm điển tọa[467], ngài Tuyết Phong làm phạn đầu). Không vị nào chẳng nhằm viên mãn lục độ, tự lợi lợi tha, đều trọng pháp này như của báu, coi thường cái thân như bụi bặm, trọn chẳng hề như người đời nay khinh mạn cổ kim, khinh nhờn kinh luận. Do vậy, biết Tông là đội xung kích, Giáo là quân mạnh mẽ theo sau. Những việc họ tu là một sự, những gì họ nói là một pháp, nhưng do lập bày ngôn ngữ, kiến lập môn đình bất đồng. Kẻ ngoài cửa chẳng biết duyên do "tuy đồng nhưng không thể hợp, tuy khác nhưng chẳng thể tách lìa", lầm lạc dựa theo ý mình, cưỡng làm chủ tể, nếu không báng bổ lẫn nhau thì cũng xen lộn.

Cái lỗi báng bổ lẫn nhau may ra kẻ ngu còn biết, chứ cái tội xen lộn thì người trí vẫn khó lòng hiểu được. Ấy là trở về nguồn thì không hai, nhưng phương tiện lắm cửa. Phương tiện của nhà Thiền vô cùng khác biệt, tợ hồ quét sạch tất cả ngôn ngữ, kẻ không hiểu được ý, chẳng lãnh hội ý chỉ "lìa ngôn ngữ" chỉ nhai bã hèm: Nơi Tông môn bèn mở ra đường hiểu, chẳng chịu tận lực tham cứu; nơi Giáo bèn lầm học viên dung, phá hoại sự tướng. Chỉ có bậc đại đạt mới được lợi ích ở cả hai bên. Nếu không, đề-hồ, cam lộ chứa trong đồ đựng dính thuốc độc bèn biến thành phê sương, trầm độc.

---

[466] Năm Tông của nhà Thiền, tức Quy Ngưỡng, Lâm Tế, Tào Động, Vân Môn và Pháp Nhãn.

[467] Điển tọa: là chức phụ trách việc quản trị cơm nước cho đại chúng trong thiền lâm, đảm bảo mọi thứ cúng dường phải tinh khiết, vật liệu sử dụng thích đáng, tiết kiệm. Tuy là chức quản lý tạp dịch ẩm thực, nhưng từ xưa chức này rất được coi trọng, thường cử vị tăng chí hạnh cao khiết giữ chức này. Chức vụ này rất vất vả, nhưng đối với bậc cao tăng thì lại là một phương tiện thù thắng để tu hành.

Giáo tuy thường minh thị "vạn pháp duy tâm", nhưng cần phải dựa trên sự để luận sự. Sự lý, nhân quả, chẳng được lẫn lộn mảy may, vốn đã có đầu thì phải có cuối, chẳng ra ngoài duy tâm. Nhà Thiền thương lượng đích thực cũng giống như thế. Nếu chỉ nêu bày hướng thượng, thì dù có chỉ muôn pháp muôn sự trọn khắp thế gian để hỏi nhưng lúc đáp luôn quy về bổn phận, trọn chẳng đem sự luận sự. Đó gọi là "hỏi ngay nơi đáp, đáp ngay tại chỗ hỏi".

Dù tợ hồ dùng sự để nói, nhưng ý nhằm đến chỗ khác chứ không phải ở tại đây, nếu hiểu ngay nơi sự đó sẽ thành mây trắng ngàn dặm! Những thương lượng đích thực sách Thiền không chép, chỉ ghi chép những lời thuộc về bổn phận. Nếu muốn biết phải coi khắp mọi sách, nếu không thì hãy xem bộ Vạn Thiện Đồng Quy Tập và những trước thuật của bậc thiền tượng trong Tịnh Độ Thập Yếu, cũng có thể thấy được đại khái.

Bàn rạch ròi Phật pháp về mặt đại thể, thì chẳng ngoài nhị đế chân tục, chân đế thì một pháp chẳng lập, đó gọi là "thật tế lý địa chẳng nhiễm mảy trần"; tục đế thì không pháp nào chẳng đủ, đó gọi là "trong cửa Phật sự, chẳng bỏ pháp nào!" Giáo thì chân tục cùng xiển dương, nhưng đa phần luận về tục, Tông thì ngay từ tục bèn nói chân, nhưng quét sạch tục tướng. Phải biết, chân và tục đồng thể, không phải là hai vật. Ví như gương báu tròn lớn, trống rỗng, sáng ngời, thông suốt, trọn không có một vật gì; tuy trọn chẳng có vật gì nhưng lại có thể "người Hồ đến bèn hiện bóng người Hồ, người Hán đến bèn hiện bóng người Hán", sâm la vạn tượng thảy đều hiện. Dẫu cho mọi tướng cùng hiện, nhưng vẫn trọn không có một vật nào; dẫu không có một vật nào, nhưng chẳng ngại gì mọi tướng cùng hiện.

Đối với chỗ "mọi tướng cùng hiện", nhà Thiền chuyên nói "trọn không có một vật"; còn Giáo đối với chỗ "trọn không có một vật" lại nói cặn kẽ "mọi tướng đều hiện". Ấy là đối với sự tu, Tông bèn chỉ rõ lý tánh, chứ không vứt bỏ sự tu; còn Giáo thì bèn luận sự tu nơi lý tánh, nhưng vẫn quy về lý tánh. Đấy gọi là "xứng tánh khởi tu, toàn tu nơi tánh, bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến, sự lý cùng được, Tông Giáo bất nhị" vậy! Tuy trung căn, hạ căn được lợi ích nơi Giáo, nhưng nếu không phải là bậc thượng thượng căn sẽ chẳng thể thông suốt vì phải học biết rộng rãi. Tuy trung hạ căn khó thể gởi lòng nơi Tông, nhưng bậc thượng căn lại có thể đại triệt, do đó phải ước theo căn cơ vậy.

Giáo thì pháp thế gian, Phật pháp, sự lý, tánh tướng đều phải thông đạt, lại phải đại khai viên giải (tức là "đại triệt đại ngộ" trong nhà Thiền) thì mới có thể làm đạo sư cho trời người. Tông phải tham sao cho thấu suốt một câu thoại đầu,

đích thân thấy được bản lai mới hòng xiển dương tông phong trực chỉ. Lúc Phật pháp đại hưng thịnh và nếu là bậc thông đạt Phật pháp thì nên y theo Tông để tham cứu; ví như ông Tăng Dao[468] vẽ rồng, vừa chấm mắt, rồng bèn bay lên ngay lập tức. Lúc Phật pháp suy nhược, và nếu là kẻ túc căn hèn kém, hãy nên y theo Giáo tu trì; ví như thợ vụng làm đồ vật, bỏ dây mực sẽ hoàn toàn không làm được gì.

Giáo phần nhiều nói rõ (hiển thuyết), còn Tông hay nói kín (mật thuyết). Chuyện rõ ràng trong nhà Thiền là như tổ Đạt-ma nói: "Tịnh trí diệu viên, thể tự không tịch", hay Mã tổ nói: "Tâm chính là Phật", ngài Bách Trượng nói: "Linh quang riêng chiếu, thoát khỏi căn trần; thể lộ chân thường, chẳng câu nệ văn tự, tâm tánh vô nhiễm, vốn tự viên thành. Chỉ lìa vọng niệm thì chính là như như Phật." Những câu này chẳng khác các kinh Đại thừa như Pháp Hoa, Lăng-nghiêm… mảy may nào! Nói chung, trước thời Lục tổ đa phần là hiển thuyết, kể từ Lục tổ trở đi đa phần là mật thuyết.

Kẻ ngu chẳng biết căn cội giống nhau, khác nhau giữa ngôn ngữ của Tông và Giáo, thường thấy khi thiền sư nêu câu hỏi, những vị thuộc bên Giáo không thể đáp được, bèn đề cao Thiền tông, miệt thị kinh sách bên Giáo, xem kinh Phật như giấy cũ, coi lời tổ trọng hơn luân âm (luân âm tức là thánh chỉ). Nay muốn báo ơn Phật, lợi lạc hữu tình thì bên Thiền dù chuyên xiển dương tông phong, vẫn phải dùng đến Giáo để ấn chứng; bên Giáo thì tận lực tu quán hạnh, chẳng xen lạm lời Thiền. Ấy là vì tâm thông diệu đế, gặp duyên bèn chính là Tông. Nếu "cây bách, que phẩn khô, quạ kêu, sẻ hót, nước chảy, hoa rơi, khạc nhổ, vung tay, cười chê, giận chửi", pháp gì, chuyện gì cũng đều là Tông, thì lẽ đâu diệu pháp viên đốn do chính kim khẩu Như Lai nói ra lại chẳng đáng coi là Tông ư?

Cần gì phải vay mượn cái then chống cửa nhà người ta để chống đỡ môn đình của mình, còn những cây tiện, cây nam[469] đẹp đẽ nhà mình sẵn có lại bỏ đi không dùng? Phải biết, pháp không thù thắng hay kém hèn, chỉ là một đạo thường nhiên. Căn cơ có xanh chín, nên tuy chỉ là một pháp mà thành ra hết sức sai khác đó thôi.

---

[468] Trương Tăng Dao (502-549) là một danh họa đời nhà Lương thời Nam Bắc Triều, cùng với Cố Khải Vi, Lục Thám Vi và Ngô Đạo Tử (thuộc đời Đường) được xưng tụng là *họa gia tứ tổ* (bốn ông tổ của hội họa). Tăng Dao sở trường tài vẽ diện mạo nhân vật. Lương Võ Đế từng sai ông vẽ hình các hoàng tử phải đi trấn nhậm nơi xa cho đỡ nhớ. Ông vẽ tài tình đến nỗi hoàng đế phải khen ngợi nhìn hình giống như thấy người thật. Ông chịu nhiều ảnh hưởng của hội họa Ấn Độ, là người đi tiên phong trong cách vẽ thể hiện không gian ba chiều.

[469] Nam là tên một loại gỗ quý (Phoebe Zhennan), gần giống gỗ chò bên ta. Tiện là một loại danh mộc chỉ được nhắc đến trong cổ thư, thường gọi là *hoàng tiện*, rất cứng.

Nếu vậy, cái thuyết "giáo ngoại biệt truyền" (truyền riêng ngoài giáo) chẳng đúng hay sao? Thưa: Nói giáo ngoại biệt truyền nhằm để cho con người thấy được mặt trăng ở ngoài ngón tay. Vả lại cách đề trì[470] trong nhà Thiền vượt ra ngoài cách thức thông thường, nên gọi là giáo ngoại biệt truyền. Nhưng bốn chữ "giáo ngoại biệt truyền" khiến bao hào kiệt mai một, nay nói toạc ra, đối với Giáo mà nói thì là giáo ngoại biệt truyền, chứ cơ phong, chuyển ngữ v.v. cũng vẫn là Giáo; đối với Tông mà nói thì Giáo chính là "cơ phong chuyển ngữ ngoại biệt truyền", mới khỏi cô phụ ơn Phật, uổng công gây tạo khẩu nghiệp.

Nếu thật sự những lời Phật dạy chẳng thể truyền được Phật tâm ấn, thì những vị Ca-diếp, A-nan, Mã Minh, Long Thọ đã được biệt truyền, đương nhiên sẽ truyền riêng cái pháp biệt truyền ấy, cần gì phải kết tập tam tạng, chú giải kinh, tạo luận để làm chi nữa? Tông phải dùng Giáo để ấn chứng cũng giống như gỗ phải cưa theo vạch dây mực mới ngay được! Tôi thường khuyên một vị cuồng tăng niệm Phật, ông ta nói: "Lỗ mũi của nạp tăng[471] ba đời chư Phật còn chẳng mò trúng được, niệm Phật để làm gì?" Tôi nói: "Nếu quả thật mò trúng được cái mũi mà ba đời chư Phật chẳng mò trúng được thì vẫn phải thường dẫm theo vết chân của ba đời chư Phật mà đi. Nếu chẳng dẫm theo vết của ba đời chư Phật mà đi thì không phải là mò trúng lỗ mũi của nạp tăng mà là mò đúng lỗ lửa trên giường sắt, cột đồng trong địa ngục A-tỳ!" Tổ Đạt-ma nói: "Hơn 200 năm sau, người hiểu đạo thì nhiều, người hành đạo thì ít; người nói lý thì nhiều, người thông lý thì ít." Ngài Trí Giả thị hiện chứng địa vị Ngũ phẩm, ngài Nam Nhạc thị hiện chứng địa vị Thiết luân. Do vậy, biết rằng người đời nay đối với hai môn Tông và Giáo, mở mắt còn khó, huống gì thật chứng?

Có những ai từ bi, nguyện sâu nặng, tâm sanh tử khẩn thiết, hãy nên noi theo các ngài Huệ Viễn, Trí Giả, Vĩnh Minh, Liên Trì, chuyên dốc sức nơi một môn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Viết đến đây, có người bên cạnh chẳng cam lòng, quở rằng: "Phật pháp rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, diệu tánh viên minh, lìa các danh tướng, sao ông lại đôi co, chia ranh vạch giới vậy?" Tôi đáp: "Diệu tánh tuy lìa danh tướng, nhưng danh tướng nào trở ngại diệu tánh. Hư không, pháp giới tuy không có ranh giới, nhưng ranh giới nào trở ngại hư không, pháp giới! Tôi muốn bỏ Đông về Tây nên phải biện định Nam - Bắc, ngõ hầu

[470] Đề trì: phương pháp của vị thầy trong nhà Thiền dùng để hướng dẫn học trò, tức là nhằm tiếp độ hàng hậu học, thầy bèn dùng những cử chỉ, hành vi, lời nói để phá sạch những kiến giải, ngã kiến sẵn có của trò, chỉ cho đường nẻo hướng thượng.

[471] Áo ca-sa của tăng gồm những mảnh vải khâu dính lại, nên gọi là "nạp y" (áo chằm), do đó, tăng nhân thường xưng là nạp tử, nạp tăng hay lão nạp.

chẳng mê phương hướng, có nơi tá túc. Lại sợ mình thấy sai lầm, muốn thỉnh giáo bậc thông đạt. Đây chính là lộ trình của kẻ thọt chân, chứ không phải là 'dư bản' của Luân Vương đi." (*Dư bản* là bản địa đồ).

Nếu là bậc Khai sĩ hiểu thấu suốt phương hướng, là bậc đại nhân đại lượng thì pháp thế gian đều là Phật pháp, không nghiệp đạo nào chẳng phải là Phật đạo, ý tổ, giáo lý, kinh Phật, sách Thiền vốn tự dung thông, há nào xen lộn? Tận hết cái trí của tôi chẳng thể suy lường được cảnh giới ấy, ốc cạn sức tôi chẳng thể trộm bén mảng ngoài rào! Lời luận hèn tệ của tôi chỉ để dành cho những người căn cơ kém tệ như tôi vậy. Sao ông lại đem chuyện bay lượn của ca-lâu-la[472] vương để quở trách loài ruồi nhặng muỗi mòng, muốn coi đều ngang như nhau vậy!

4. Luận Phật giáo dĩ hiếu vi bổn

(Luận về Phật giáo lấy hiếu làm gốc)

Hiếu là đạo không gì lớn hơn được nữa, bao trùm trời đất, uốn nắn thánh, đào tạo hiền, tiên vương tu đạo hiếu nên thành tựu đức tột cùng, Như Lai nương theo đạo này chứng được đạo giác. Vì thế, Hiếu kinh[473] đạo Nho có câu: "Ôi, hiếu là kinh của trời, là nghĩa của đất, là hạnh của dân vậy!" Giới kinh nhà Phật dạy: "Hiếu thuận phụ mẫu, sư tăng, tam bảo. Hiếu thuận là pháp chí đạo, hiếu gọi là giới, cũng gọi là ngăn dứt. Thế gian hay xuất thế gian không gì chẳng lấy hiếu làm gốc." Hiềm rằng thế tục phàm tình chỉ biết hành đạo hiếu nơi mặt hình tích

---

[472] Ca-lâu-la (garuda), đôi khi còn phiên là ca-lưu-la, già-lâu-la, yết-lộ-trà, dịch nghĩa là *thực thổ bi khổ thanh* (ăn vào, phát ra tiếng buồn bã đau khổ), hoặc dịch là *kim xí điểu* (chim cánh vàng), hoặc *diệu thúy điểu*. Đây là một loại giống như chim đại bàng cực to, thần thoại Ấn Độ thường kể thần Tỳ-thấp-nô (Vishnu) hay cưỡi chim này. Theo kinh Trường A-hàm, quyển 19, ca-lâu-la có bốn loại: thấp sanh, thai sanh, noãn sanh, hóa sanh. Loài noãn sanh sẽ ăn loại rồng sanh ra từ trứng, loài thai sanh ăn loại rồng sanh ra bằng thai v.v.. Kinh Quán Phật Tam-muội Hải, quyển 1, cho biết: Do nghiệp báo chim này bay khắp Diêm-phù-đề, trong một ngày đêm phải ăn một long vương và 500 rồng nhỏ. Sải cánh của loài chim này rất lớn có thể quạt mạnh đến tách đôi nước biển cả. Các chùa Miên, Lào, Thái, Miến thường tạc garuda với hình dạng đầu chim, hình người, có hai cánh to đứng nâng đỡ mái chùa (chữ garuda bị biến thể theo âm Thái thành krut). Garuda cũng được dùng làm biểu tượng cho hoàng gia Thái Lan.

[473] Hiếu kinh có thuyết nói do chính Khổng tử trước tác, có thuyết nói do Tăng tử. Tổng Mục của *Tứ khố toàn thư* ngả về thuyết cho rằng Hiếu kinh do Tăng tử hoặc một trong 70 người học trò kiệt xuất của Khổng tử biên soạn. Sách được hình thành vào thời Tần Hán. Đây là tác phẩm được chú giải mạnh mẽ nhất ngoài Tứ thư. Bản Hiếu kinh được lưu hành hiện thời do chính Đường Huyền Tông (Lý Long Cơ) chú giải. Toàn sách chia thành 18 chương, bàn luận xoay quanh chữ hiếu. Sách này được xếp vào *Thập tam kinh*, tức 13 tác phẩm bắt buộc phải học của người theo đạo Nho.

rõ ràng, chẳng biết chỗ cùng cực tận hiếu. Hễ cứ thấy hàng Thích tử xuất gia, liền dựa theo ngay ý kiến ức đoán của chính mình, mặc tình hủy báng: "Chẳng hiếu thuận phụ mẫu, chẳng khác gì phường đãng tử nghịch đồ!" Chẳng biết pháp thế gian trọng hiếu, mà pháp xuất thế gian cũng không hề không trọng hiếu.

Bởi lẽ, hiếu như thế gian nói thì có hình tích để tuân theo, còn đạo hiếu của họ Thích thì giản lược nơi bề ngoài, mà chuyên chú dốc sức nơi cái gốc. Có hình tích để tuân theo thì rõ ràng dễ thấy, còn chuyên chú dụng sức nơi gốc thì kín đáo, khó thể tỏ rõ. Vì sao nói như vậy? Nho thì hầu hạ, phụng dưỡng cho cha mẹ yên thân, coi đó là hiếu. Lập thân, hành đạo, dương danh hậu thế khiến cho cha mẹ nở mày nở mặt thì gọi là đại hiếu. Luận đến cùng cực thì phàm là ngũ thường[474], bách hạnh, không gì chẳng nhằm phát huy đạo hiếu. Vì thế, thiên Tế Nghi của sách Lễ Ký có câu: "Chặt một cái cây, giết một con thú chẳng đúng thời thì chẳng phải là hiếu." Vì thế mới nói: "Đạo hiếu đễ thông thấu thần minh, sáng khắp bốn biển vậy." Luận về hiếu đến mức như vậy, có thể nói là tột cùng, chí lý vậy, không còn thêm gì được nữa! Nhưng hiếu như vậy rõ ràng thuộc trong vòng tai mắt, con người ta dễ thấy.

Chỉ có hàng Thích tử chúng ta lấy chuyện thành đạo lợi sanh làm cách báo ân tối thượng, không chỉ báo đáp cha mẹ nhiều đời mà còn báo đáp hết thảy cha mẹ trong tứ sanh lục đạo từ vô lượng kiếp. Không những hiếu kính cha mẹ khi còn sống mà còn độ thoát linh thức của cha mẹ, khiến cho họ vĩnh viễn thoát khỏi khổ luân, thường trụ Chánh giác. Vì vậy mới nói: "Đạo hiếu của họ Thích ẩn kín, khó thể hiểu rõ vậy!" Tuy vậy, đạo hiếu của Nho lấy chuyện phụng dưỡng cha mẹ làm đầu, nếu đệ tử Phật từ biệt cha mẹ xuất gia thì có phải là chẳng đoái hoài công cha mẹ nuôi dưỡng hay chăng? Đức Phật chế định: Xuất gia phải bẩm cùng cha mẹ. Nếu có anh em, con cháu có thể nhờ cậy thì mới được bẩm thưa cùng cha mẹ, cha mẹ bằng lòng mới được xuất gia, nếu không thì chẳng cho xuống tóc. Có người xuất gia rồi, nếu anh em gặp chuyện, cha mẹ không nhờ cậy ai được, cũng được phép xẻ bớt cơm áo để giúp cho cha mẹ.

Do vậy, ngài Trường Lô còn nêu vết thơm phụng dưỡng mẹ (thiền sư Trường Lô Tông Trách đời Tống, người xứ Tương Dương, lúc nhỏ mồ côi. Bà mẹ ngài họ Trần nuôi nhờ con trong nhà người cậu. Đến lớn, sư thông thạo bác lãm kinh điển thế tục. Năm 29 tuổi xuất gia, hiểu sâu xa tông yếu. Sau trụ tại chùa Trường Lô, đón mẹ về ở nơi thất phía Đông phương trượng, khuyên mẹ niệm Phật cầu

[474] Ngũ Thường: Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín.

sanh Tịnh độ. Bảy năm sau, mẹ niệm Phật qua đời. Chuyện này chép trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục), ngài Đạo Phi có chuyện lạ "chôn cha" (ngài Đạo Phi là tông thất nhà Đường, người Trường An. Sanh ra mới vừa đầy năm, cha vì vương sự bỏ mình. Ngài xuất gia năm 7 tuổi. Đến năm 19, đời loạn gạo mắc, bèn cõng mẹ vào Hoa Sơn, tự nhịn ăn, khất thực nuôi mẹ. Năm sau, ngài tìm đến chiến trường Hoắc Sơn, thu thập xương trắng, kiền thành tụng kinh chú, mong tìm được xương cha. Vài ngày sau, xương cha từ giữa đống xương trồi lên, tiến thẳng đến trước mặt ngài Đạo Phi. Ngài bèn chôn vùi những bộ xương khác, mang xương cha đem về chôn cất. Chuyện này được chép trong Tống Cao Tăng Truyện). Vì thế kinh nói: "Công đức cúng dường cha mẹ bằng với công đức cúng dường bậc Nhất sanh bổ xứ Bồ-tát."

Cha mẹ còn sống thì khéo léo khuyên dụ, khiến cho cha mẹ trì trai niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Cha mẹ đã khuất thì đem công đức tu trì đọc tụng của chính mình thường chí thành hồi hướng cho cha mẹ, khiến họ vĩnh viễn thoát khỏi ngũ trược, từ biệt mãi mãi sáu nẻo, chứng Vô sanh nhẫn, đạt địa vị Bất thoái. Đến tột cùng đời vị lai độ thoát chúng sanh khiến cho cả mình lẫn người đều thành giác đạo. Như vậy là chẳng giống với đại hiếu của thế gian. Luận đến cùng cực, toàn bộ lục độ vạn hạnh, không gì chẳng nhằm mở rộng đạo hiếu. Do vậy, trong kinh Phạm Võng Giới nhất nhất đều dạy nên sanh tâm từ bi, tâm hiếu thuận, lại nói: "Nếu là đệ tử Phật hãy nên dùng tâm từ bi thực hiện chuyện phóng sanh, vì hết thảy người nam đều là cha ta, hết thảy nữ nhân đều là mẹ ta, đời đời không lúc nào ta chẳng được họ sanh ra. Do vậy, lục đạo chúng sanh đều là cha mẹ ta, giết chúng sanh ăn thịt chính là giết cha mẹ."

Do vậy, hết thảy những gì mình tu trì đều đem hồi hướng cho khắp pháp giới chúng sanh chính là nghĩ đến tột cùng đời vị lai, hiếu với trọn khắp các hữu tình. Nếu đem đạo hiếu thế gian ra so sánh thì về mặt hình tích cũng chẳng thiếu khuyết, mà về mặt gốc lại càng dư thừa. Tiếc cho những kẻ không thấy được lý này, nếu không bảo là nói dối, hoang đường thì cũng cho là mờ mịt. Nào biết theo chiều dọc thì suốt ba đời, theo chiều ngang thì trọn khắp mười phương, Phật nhãn thấy trọn vẹn như nhìn vào lòng bàn tay vậy.

5. Luận Như Lai tùy cơ lợi sanh thiển cận

(Lời bàn luận thiển cận về chuyện Như Lai tùy theo căn cơ lợi lạc chúng sanh)

Con người cùng một cái tâm này, tâm cùng một lý này: "Chúng sanh và Phật không hai, phàm và thánh hệt như nhau." Do mê ngộ phân cách, đến nỗi thăng

trầm thật khác biệt! Đại Giác Thế Tôn thương xót, thị hiện thành Chánh giác phổ độ chúng sanh, từ một vị đề-hồ tùy cơ nghi nói ra sai khác. Vì hàng đại căn bèn nói đốn pháp, khiến cho họ mau chứng Phật đạo; với hàng tiểu căn bèn trao truyền tiệm giáo, khiến họ dần dần thoát khỏi trần lao. Tùy thuận thế gian, khéo dẫn dụ lần lần; dạy giới thiện để vạch ra con đường trời người bằng phẳng, nêu rõ nhân quả để tỏ bày khuôn mẫu tốt lành nhằm để tiến đến và né tránh. Nói "giới thiện" có nghĩa là trong ngũ giới: không giết là nhân; không trộm là nghĩa; không tà dâm là lễ; không nói dối là là tín; không uống rượu thì tâm thường trong, chí thường lặng, thần chẳng hôn mê nên lý hiện, ấy chính là trí. Trì trọn ngũ giới sẽ chẳng đọa tam đồ, luôn sanh trong nhân đạo.

Về đại thể, những điều này giống với ngũ thường của Nho giáo, nhưng Nho chỉ dạy tận nghĩa, còn Phật giảng thêm về quả báo. Thập thiện là không giết, không trộm, không tà dâm, đó là ba nghiệp nơi thân; không nói dối, không nói thêu dệt, không nói đôi chiều, không ác khẩu, đó gọi là bốn nghiệp của miệng; không tham, không sân, không si, gọi là ba nghiệp của ý. Những điều này gần giống với ngũ giới, nhưng ngũ giới đa phần ước theo thân, còn thập thiện đa phần ước theo tâm. Thập thiện trọn đủ nhất định sanh trong thiên giới. Còn như gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, đối với anh nói nhường, đối với em nói kính, đủ mọi luân lý răn dạy đều nhằm làm cho con người ai nấy tận hết bổn phận, không bị thiếu khuyết gì, tùy thuận tướng thế gian, tu pháp xuất thế; lại còn rộng nói nhân quả báo ứng, chẳng sai sót hào ly, đọa địa ngục, sanh thiên, chỉ do con người tự chuốc lấy. Ấy chính là tâm Như Lai từ bi tột bậc muốn cho hết thảy chúng sanh vĩnh viễn thoát khỏi các khổ, chỉ hưởng các sự vui. Vì thế, chẳng tiếc sức thị hiện tướng lưỡi rộng dài, vì các chúng sanh tận tình tuyên diễn.

Kinh dạy: "Bồ-tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả." Nếu muốn chẳng nhận lãnh quả khổ, ắt phải đoạn trước cái nhân ác. Nếu thường tu nhân lành, nhất định thường hưởng quả vui. Ý này chính là như kinh Thư nói: "Làm thiện, giáng điều lành. Làm điều chẳng lành, tai ương giáng xuống", hoặc như kinh Dịch nói: "Tích thiện ắt điều mừng vui có thừa, tích chứa điều chẳng lành, ắt tai ương có thừa." Nhưng Nho chỉ ước trên đời này và con cháu mà luận, còn nhà Phật luận trọn ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai vô tận, thế nhưng phàm tình không thể suy lường nổi bèn coi là mịt mờ, chẳng chịu tin nhận. Như kẻ mù không tuân theo người dẫn đường, tự đi vào đường hiểm, muốn chẳng sa hầm xảy hố há có được chăng?

Vì vậy, Phật pháp rộng độ khắp mọi căn cơ trong mười phương pháp giới, nếu luận trên nhân đạo thì không một ai chẳng thể kham nhận Phật pháp, mà cũng

không ai không thể lãnh nhận Phật pháp. Nếu như ai nấy tu trì giới thiện thì phong tục tốt đẹp, con người hòa thuận, nhà yên, nước ổn, phong tục hưng thịnh thuở Đường Ngu sẽ lại được thấy trong đời này nào còn khó chi. Do vậy, pháp khởi đầu từ Tây Càn (Ấn Độ), truyền sang Đông Chấn (Trung Hoa), vua quan các đời thảy đều sùng phụng. Do đạo này ngầm cải hóa nhân tâm, lại ngầm tán trợ trị đạo, khuất phục hung ác ngay khi chưa dấy, tiêu họa hoạn khi chưa chớm. Còn như xuất gia làm tăng, chính là nhằm chuyên chí nơi Phật thừa và để gìn giữ pháp đạo mà đặt ra, đừng cho là "trong Phật pháp chỉ có tăng mới có thể tu trì". Những lời nói nông cạn này chính là [luận trên phương diện] Như Lai tùy thuận thế gian, dần dần dạy cho pháp xuất thế nhân thiên thừa. Còn như những thừa Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát khác đều lấy những điều trên đây làm cơ sở. Nếu ai là bậc đại căn, tiến thẳng về Diệu giác, triệt chứng Phật tánh sẵn có trong tâm mình, phô diễn cùng cực bản hoài xuất thế của Như Lai. Nghĩa ấy rộng sâu, hãy để lại đó không bàn tới!

6. Luận trì kinh lợi ích tùy tâm

(Luận về việc trì kinh được lợi ích tùy theo cái tâm)

Hết thảy các kinh Đại thừa hiển hay mật do đức Đại Giác Thế Tôn đã nói, về lý đều vốn duy tâm, đạo phù hợp thật tướng, trải ba đời chẳng biến đổi, cả mười pháp giới đều tuân theo. Là người dẫn đường để trở về nguồn, quay lại cội, dẹp khổ, ban vui, là đạo sư của chư Phật, là bậc cha lành dẹp khổ ban vui cho chúng sanh. Nếu có thể tột lòng thành, tận lòng kính, lễ tụng, thọ trì thì cả mình lẫn người đều được lợi ích thù thắng, u hay hiển đều được gội ân quang. Dường như châu như ý, giống như vô tận tạng, lấy chẳng hết, dùng chẳng cùng, tùy tâm hiện lượng đều vẹn sở nguyện. Kinh Lăng-nghiêm nói: "Cầu vợ được vợ, cầu con được con, cầu tam-muội được tam-muội, cầu sống lâu được sống lâu, như thế cho đến cầu đại Niết-bàn được đại Niết-bàn." Đại Niết-bàn chính là quả đức rốt ráo.

Nếu luận về bổn tâm của Như Lai thì toàn lực khế kinh thật ra đều nhắm về điều này. Nhưng do chúng sanh chí nguyện hẹp hòi, kém cỏi, lại thêm chẳng chí thành cùng cực nên chẳng thể trực tiếp khế hợp được. Vì thế, Phật thuận theo tâm hạnh của họ, thỏa mãn nguyện của họ. Nếu là bậc túc căn sâu dày sẽ nhanh chóng hiểu rõ tự tánh, triệt chứng duy tâm, phá phiền hoặc, tiến thẳng Bồ-đề, viên mãn phước tuệ, chóng thành giác đạo, đạt được lợi ích hoàn toàn nơi khế kinh, thông suốt bản hoài của Như Lai. Ví như một trận mưa tưới khắp, cây cỏ đều tươi tốt. Đại căn thì tăng trưởng chọc mây, che lấp mặt trời, tiểu căn thì cũng tăng trưởng vài phân, vài tấc. Đạo vốn chân như duy nhất, lợi ích do tùy theo tâm mà có thù

thắng hay kém cỏi, nhưng nếu đã gieo căn lành thì Phật quả rốt cục sẽ thành. Dẫu chẳng thể đạt được lợi ích lớn lao ngay, cũng sẽ nhờ đó mà được độ thoát. Nghe tiếng cái trống bôi thuốc độc, xa gần đều chết; ăn chút kim cang, quyết định chẳng tiêu. Trước dùng dục để lôi kéo, sau mới làm cho nhập trí Phật. Chính là như vậy đó!

7. Luận kiệt thành phương hoạch thật ích

(Bàn về chuyện phải dốc kiệt lòng thành mới đạt được lợi ích thật sự)

Ngạn ngữ có câu: "Chẳng hạ mình thật sâu trước người khác, chẳng đạt được lẽ thật." Lời này tuy nhỏ, nhưng có thể ví cho điều lớn lao. Phàm trong thế gian, lớn như kinh thuật[475], văn chương, nhỏ như một tài, một nghệ, nếu muốn thâm nhập diệu nghĩa đến mức thần tình, muốn được cốt tủy nơi đạo truyền tân, tài nghệ xuất chúng, danh truyền cổ kim, nếu chẳng chuyên tâm dốc ý, kiệt lòng thành, tận lòng kính, sẽ chẳng thể nào đạt được! Vì vậy, sách Quản Tử[476] có câu: "Hãy suy nghĩ đi, hãy suy nghĩ đi, lại suy nghĩ chín chắn đi. Nghĩ không ra thì quỷ thần sẽ tương thông." Không phải là quỷ thần tương thông mà chính là do lòng tinh thành đến cùng cực vậy.

Đời Hán, Ngụy Chiêu gặp Quách Lâm Tông, cho rằng thầy dạy kinh sách dễ gặp, thầy dạy làm người khó gặp, bèn xin theo học, hầu hạ, quét tước. Lâm Tông thường hay bị bệnh, sai Chiêu nấu cháo. Cháo nấu xong, dâng lên, Lâm Tông mắng ầm ĩ: "Vì người trên nấu cháo mà chẳng để lòng kính cẩn làm, nên không ăn được!" Chiêu lại nấu cháo khác, dâng lên, lại mắng như thế ba lượt, mặt ông Chiêu vẫn không đổi sắc. Lâm Tông nói: "Thoạt đầu ta thấy được mặt ông, nay ta mới biết được tâm ông." Đời Tống, Dương Thời và Du Thố thờ Trình Y Xuyên làm thầy, một bữa học hỏi đã lâu, Y Xuyên chợt nhắm mắt vờ ngủ, hai người học trò đứng hầu chẳng dám bỏ đi. Lúc lâu sau, Y Xuyên chợt tỉnh giấc nói: "Các trò vẫn còn ở đây à? Về nghỉ đi!" Bèn lui ra, ngoài cửa tuyết xuống đã dày hơn cả thước. Trương Cửu Thành, 14 tuổi sang chơi Quần Tường, suốt ngày đóng cửa, không có chuyện gì thì chẳng vượt ra ngoài giới hạn ấy. Người học trò ở bên cạnh xoi lỗ nhìn sang, thấy chàng ta ôm gối quỳ sát, đối trước thi thư như đối diện thần minh, bèn kính phục như trò đối với thầy. Bốn vị trên đây, những gì họ học chính

[475] Theo Lý Hồng Nham, trong bài Sử Thuật Thông Quán Kinh Thuật, thì kinh thuật chính là nghệ thuật cai trị, nghệ thuật chính trị, hoặc nói rộng hơn là ứng dụng lễ và những lý thuyết vào thực tế.

[476] Quản Tử: Một bộ sách thời cổ gồm 24 quyển, tác giả có thể là Quản Trọng thời Chiến Quốc (theo từ điển Từ Hải).

là đạo "minh đức, tân dân" của thế gian, là pháp "tu tề trị bình", mà họ còn tôn sư trọng đạo chí thành như thế, cho nên học được thành, đức được lập, khiến cho khi còn sống cũng như sau khi đã khuất, người đời ngưỡng mộ không thôi. Còn như Dịch Thu dạy cờ vây cũng chỉ do chuyên tâm dốc chí cho nên giỏi giang, như ông lão khom lưng đón ve[477], do dụng chí chẳng phân nên đạt được như vậy.

Do vậy thấy rằng: Sự học không phân lớn hay nhỏ, đều phải lấy thành kính làm chủ. Huống nữa, Như Lai trong bao kiếp xưa, muốn khiến cho chúng sanh đồng thành giác đạo, nếu không gieo duyên, sẽ không do đâu đắc độ. Do vậy, Phật bèn hiện đủ mọi sắc thân hiện hình trong sáu nẻo, đủ mọi phương tiện tùy cơ lợi vật, mở ra đủ cả ngàn môn, đồng quy một đạo. Kẻ thiện căn chưa gieo, chưa chín muồi, chưa giải thoát, Phật bèn làm cho kẻ ấy gieo, chín muồi, giải thoát. Nên dùng thân nào để độ được, bèn hiện thân ấy để thuyết pháp. Mây bủa cửa từ, sóng trào biển hạnh. Lục độ đều tu, tứ nhiếp cùng lợi ích trọn khắp. Đấy là bố thí, trong ngoài đều xả, nghĩa là quốc thành, vợ con, đầu mắt, tủy não, thịt trên thân, chân tay đều hoan hỷ thí cho. Vì vậy kinh Pháp Hoa nói: "Xem trong tam thiên đại thiên thế giới, không có chỗ nào chừng bằng hạt cải mà chẳng phải là chỗ Bồ-tát xả thân mạng."

Như Lai vì chúng sanh nên trải qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp rộng hành lục độ, để kết khắp duyên chủng. Đợi đến lúc căn cơ chín muồi, rồi ngài mới thị hiện thành Chánh giác, hoằng khai pháp hội, phổ ứng quần cơ. Với bậc thượng căn bèn hiển thị thật tướng khiến họ sanh lên được bờ đạo, với trung hạ căn bèn khéo léo tiếp dẫn, un đúc dần dần, *hiển, mật, quyền, thật, thiên, viên, đốn, tiệm*, tùy theo căn cơ xếp đặt, nên dùng pháp nào bèn dùng pháp đó. Tuy có ba thừa, nhưng đạo vốn không hai, vì thật lập quyền, quyền là quyền đối với thật; khai quyền hiển thật, thật là thật đối với quyền. Thuận theo căn cơ, khéo léo khuyến dụ dần dần, khiến cho cả lý lẫn cơ đều khế hợp thì giải cùng hạnh mới được viên mãn.

---

[477] Theo sách Trang Tử, thiên Đạt Sinh, có câu chuyện: Vào tiết hạ, Khổng tử dẫn học trò sang nước Sở, nghỉ chân trong bóng mát tại một khu rừng, trong rừng có một ông lão dùng gậy dính nhựa để bắt ve sầu. Thấy ông ta bắt ve quá dễ dàng, mọi người nhìn say mê. Khổng tử hỏi: "Sao ông bắt ve khéo thế, có bí quyết gì không?" Ông lão đáp: "Đương nhiên là có! Loài ve nhỏ này rất tinh ranh, gió thổi động cỏ nó chạy mất ngay, do vậy trước tiên phải luyện sao cho tay cầm cành tre không run rẩy. Tập đến mức ném hai viên bi vào cành tre chẳng rung động, sẽ nhất định bắt được ve… Cho đến khi ném năm viên bi vào cành tre chẳng run tay, sẽ bắt ve như tiện tay tóm lấy vậy. Tôi đứng dưới gốc cây như cành cây khô, duỗi tay ra như nhánh cây. Cuối cùng, khi tôi bắt ve, bất kể trời đất bao lớn, vạn vật nhiều thế nào, tôi chỉ thấy hai cánh của con ve, chẳng cần biết tình huống chung quanh ra sao, không phân tán được ý lực của tôi." Do từ câu chuyện này, mới có thành ngữ "khom lưng đón ve" (câu lũ thừa điêu), ý nói tập luyện tinh thục, chuyên nhất, không còn bị phân tâm.

Dù người học chuyên chú Đại thừa, cũng chẳng được khinh miệt, vứt bỏ Tiểu thừa, bởi Tiểu thừa chính là pháp được lập ra để người học tiến nhập Đại thừa, là diệu dụng độ sanh của Như Lai, quả thật là phương kế rộng lớn để cho hàng hạ căn thoát khổ.

Vì thế, kinh Tứ Thập Nhị Chương nói: "Người học đạo Phật thì đối với những gì Phật đã nói đều phải nên tin thuận. Ví như ăn mật, dù ở chính giữa hay chung quanh đều ngọt ngào, kinh của ta cũng giống như thế. Biển cả tuy có chỗ cạn, chỗ sâu, nhưng nước vốn chẳng hai vị." Phàm những gì thuộc về kinh Phật đều phải nhất loạt tôn kính, như mạng lệnh của Luân Vương dẫu đủ mọi chuyện khác nhau, nhưng đều cùng từ vua sắc truyền. Người viên đốn lãnh thọ pháp thì không pháp nào chẳng viên. Những lời cư xử trong cõi đời, những nghề nghiệp để nuôi sống v.v. đều thuận theo chánh pháp, huống chi những pháp như sanh diệt, vô sanh, tứ đế, thập nhị nhân duyên v.v. do chính kim khẩu Như Lai nói ra. Đến khi một kỳ sự nghiệp của Như Lai đã xong, Phật bèn thị hiện diệt độ. Các đại đệ tử Ca-diếp, A-nan… kết tập pháp tạng lưu thông khắp pháp giới. Một ngàn năm sau, giáo pháp truyền sang cõi này, cao tăng hai cõi, sang Đông qua Tây, phiên dịch lưu truyền kinh Phật, chẳng tiếc thân mạng. Đọc truyện các vị Pháp Hiển, Đàm Vô Kiệt[478], Huyền Trang v.v. thấy đường lối hiểm trở, vô cùng gian nan khó nhọc, bất giác nghẹn ngào, ứa lệ không sao thôi được.

Kinh dạy: "Thân người khó được, Phật pháp khó được nghe", nếu không có nhân duyên kiếp xưa thì danh hiệu kinh Phật còn chẳng được nghe, huống chi là được thọ trì, đọc tụng, tu nhân, chứng quả ư? Những gì đức Như Lai đã nói đều y theo lý vốn sẵn có trong tâm chúng sanh, ngoài tâm tánh trọn chẳng có một pháp nào để đạt được cả. Chỉ vì chúng sanh đang mê nên chẳng thể hiểu rõ, trong chân như thật tướng bèn huyễn sanh vọng tưởng, chấp trước. Do vậy, khởi tham

[478] Pháp Hiển là một vị cao tăng đời Tấn (không rõ năm sanh và năm mất), người xứ Vũ Dương (nay là Thiểm Tây). Xuất gia từ ba tuổi, 20 tuổi thọ cụ túc giới, cảm thán tình trạng kinh luật còn thiếu sót, bèn cùng đồng học là Huệ Cảnh, Đạo Chỉnh, Huệ Ứng, Huệ Nguy, rời Trường An vào năm Long An thứ 3 (399), sang tận Ấn Độ cầu pháp. Ngài đi hơn 30 nước, đến năm Nghĩa Hy thứ 9 (413) mới về Trung Hoa, đem về rất nhiều bản kinh Phật bằng tiếng Phạn. Tại Trường An, sư hợp sức cùng Phật-đà-bạt-đà-la dịch luật Ma-ha-tăng-kỳ, kinh Đại Bát Nê-hoàn, kinh Tạp Tạng, luận Tạp A-tỳ-đàm Tâm. Ngài còn soạn bộ Phật Quốc Ký ghi lại cuộc viễn trình cầu pháp của mình.

Đàm Vô Kiệt (Dharmodgata): Cao tăng đời Đường, người U Châu, họ Lý, siêng tu khổ hạnh, nghe chuyện ngài Pháp Hiển sang Ấn Độ cầu pháp, rất hâm mộ, lập chí noi theo. Ngài đi từ xứ Lưu Sa, qua Quy Tư, Sớ Lặc, đến tận Kế Tân, cầu được kinh Quán Thế Âm Thọ Ký bằng tiếng Phạn. Không rõ năm sanh và năm mất.

sân si, tạo giết trộm dâm, mê trí tuệ nên thành phiền não, ngay nơi thường trụ bèn thành sanh diệt, trải trần điểm kiếp, không thể thoát được. May gặp được những kinh Đại thừa hiển - mật do đức Như Lai đã nói, mới biết hạt châu vẫn y nguyên nơi chéo áo, Phật tánh vẫn tồn tại. Tự coi mình là khách, là kẻ hạ tiện, nhưng vốn thật là con ông trưởng giả. Trời người sáu nẻo chẳng phải là chỗ mình ở, Thật báo, Tịch quang mới là quê nhà sẵn có. Nghĩ lại từ vô thủy đến bây giờ, chưa nghe lời Phật nên dù sẵn có tâm tánh này, vô cớ bị luân hồi oan uổng. Thật là đáng đau đớn khóc than, tiếng rền đại thiên, tim từng miếng xé toạc, ruột từng tấc đứt lìa. Ân ấy, đức ấy quả còn hơn trời đất, cha mẹ gấp trăm ngàn vạn lần, dẫu nghiền thân nát xương, há có thể báo đền được! Chỉ có y theo lời dạy tu hành, tự hành, hóa độ người khác thì cỏ xuân mới đền đáp được ân nắng soi chút phần, hoa quỳ mùa hạ hướng theo ánh mặt trời mà thôi. Nhưng hiện thời tăng tục mở xem kinh sách, trọn chẳng thành kính tí ti nào, đủ mọi điều khinh nhờn, khó thể nêu trọn; nhưng tập thành thói đã lâu, ai nấy coi là thường, hình tích khinh nhờn đó không nỡ nêu đủ. Xem pháp ngôn của Như Lai giống như giấy cũ rách nát! Đừng nói chi những kẻ không biết chỉ thú nên trọn chẳng được lợi ích, ngay cả những người biết thật nghĩa sâu xa cũng chỉ là tam-muội đằng miệng, tỏa sáng ngoài mặt. Như đang đói kể chuyện ăn, như nghèo cùng đếm của báu, dù có công nghiên cứu, nhưng trọn chẳng được lợi ích thật chứng. Huống chi cái tội khinh nhờn quả thật ngập trời, thời gian thọ khổ há nào phải chỉ hết kiếp? Tuy là nhân lành, nhưng lại chuốc lấy quả ác, dẫu thành cái nhân đắc độ cho tương lai, khó tránh khỏi nhiều kiếp chịu đủ mọi bề khổ sở.

Dùng cái tâm ôm nỗi thảm thương dám bày tỏ lời quê mùa, mong những ai vâng làm theo lời Phật chỉ được lợi, không bị tổn hại. Kinh Kim Cang dạy: "Nếu kinh điển này ở đâu, chỗ ấy có Phật, phải như đệ tử tôn trọng Phật." Lại dạy: "Nơi nơi chốn chốn, nếu có kinh này thì hết thảy thế gian trời, người, a-tu-la đều phải nên cúng dường. Phải biết chỗ ấy chính là tháp, đều nên cung kính, làm lễ, đi nhiễu, dùng các hương hoa rải lên nơi đó." Vì sao lại dạy như thế? Do hết thảy chư Phật và pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác của hết thảy chư Phật đều từ kinh này mà ra; các kinh Đại thừa đâu đâu cũng dạy con người phải cung kính kinh điển, chứ không phải chỉ nói một lần rồi thôi. Ấy là vì các kinh Đại thừa chính là mẹ của chư Phật, là thầy của Bồ-tát, là pháp thân xá-lợi của ba đời Như Lai, là thuyền từ thoát khổ của chúng sanh trong chín giới. Dù cao đăng Phật quả vẫn còn phải kính pháp, ngõ hầu báo đáp đến tận gốc, chẳng quên đại ân. Vì thế kinh Niết-bàn dạy: "Pháp là mẹ của Phật, Phật từ pháp sanh ra."

Ba đời Như Lai đều cúng dường pháp, huống gì hạng phàm phu sát đất, toàn thân đầy nghiệp lực, như tù phạm tội nặng bị giam cầm lâu ngày trong lao ngục, không cách gì thoát ra được. May sao nhờ vào thiện căn đời trước, được xem kinh Phật, như tù nhân nhận được lệnh tha, mừng rỡ vô ngần. Do vậy, bèn nương theo kinh pháp vái chào tam giới mãi mãi, thoát khỏi lao ngục sanh tử vĩnh viễn, đích thân chứng tam thân, về thẳng quê nhà Niết-bàn. Vô biên lợi ích do nghe kinh bèn đạt được, há có nên dựa theo tri kiến cuồng vọng chẳng giữ lòng kính sợ, giống như nhà Nho đọc sách trong cõi tục, buông tuồng khinh nhờn ư? Đã đọc kinh Phật, sao không nương theo những gì kinh Phật dạy mà cung kính, tôn trọng? Đã khinh nhờn Phật pháp, há có thể đạt được tất cả những lợi ích chân thật nơi Phật pháp ư? Nếu có thể tạm dứt những kiến giải cuồng vọng, đêm thanh tự nghĩ, tâm thần ắt sẽ kinh hoàng, thẹn thùng, nước mắt ràn rụa, buồn cho ngày trước vô tri, thề suốt đời sẽ dốc kiệt lòng thành. Từ ấy, tâm ý nghiêm túc, cung kính, thân miệng thanh tịnh, vĩnh viễn dứt sạch tâm thái xấu xa thô lậu, luôn y theo khuôn phép thánh hiền của kinh luận.

Nếu làm được như thế ắt sẽ ở trong biển cả Phật pháp, tùy phần, tùy sức đạt được lợi ích. Như tu-la, hương tượng và các loài muỗi mòng uống nước biển cả, [loài nào loài nấy] đều được no bụng. Lại như một trận mưa thấm ướt khắp, cây cỏ đều tươi tốt. Như thế thì cái công thọ trì của chính mình mới chẳng uổng phí, mà tâm Như Lai giảng kinh, tâm hoằng pháp của chư tổ cũng được vui đẹp, an ủi, sung sướng phần nào. Nay đem những sự tích lợi ích do cung kính kinh điển của chư cổ đức chép đại lược vài điều, ngõ hầu những người chân tu thật hành có cái để noi theo:

1) Vị tăng tên Đức Viên đời Tề, không biết thuộc tộc họ nào, người xứ Thiên Thủy, thường lấy kinh Hoa Nghiêm làm sự nghiệp, thọ trì đọc tụng, nắm vững chỗ yếu diệu đến cùng cực. Sư sửa dọn một khu vườn sạch, trồng toàn cây cốc chử[479] và trồng cỏ thơm, trồng xen lẫn các loại hoa tươi. Mỗi lần vào vườn, đều tắm rửa, thân mặc áo sạch. Tưới bằng nước thơm, cây dó mọc được ba năm, mùi thơm sực nức. Lại tạo riêng tịnh thất, dùng chất bùn thơm tô vách, trát đất, kết đàn, bày đồ vật tinh sạch, tắm gội. Nhà tắm có để sẵn áo dành riêng cho khi đi vệ sinh. Thợ đều phải trai giới, ra vào đều phải thay áo, súc miệng cho thơm tho. Lột vỏ cây dó, ngâm trong nước trầm cho sạch để làm giấy. Cả năm mới làm xong. Bèn đắp riêng một cái nền sạch, lại cất một ngôi thất mới. Từ đầu cho đến khi bắc

[479] Cốc: Một loại cây có tên khoa học là Broussonetia Papyrifera, vỏ thường được dùng để làm giấy (theo Trần Văn Chánh). "Chử" là cây dó (vỏ được dùng để làm giấy bản).

kèo, lợp ngói, tắm rửa đều dùng nước thơm, mỗi việc đều nghiêm khiết. Trong nhà, đặt một tòa vuông bằng gỗ bách khảm ngà, chung quanh xếp hương hoa, phía trên treo lọng báu, treo các thứ ngọc có tiếng thanh tao, kết xen lẫn thành tua rủ xuống chung quanh. Dùng gỗ bạch đàn và tử trầm (gỗ trầm tía) làm án kinh và quản bút. Người chép kinh hằng ngày giữ trai giới, tắm gội bằng nước thơm ba lần, đội mão hoa, mặc áo sạch, chưng diện như người cõi trời.

Lúc vào kinh thất, bèn đốt hương hai bên đường, có người xướng tụng dẫn đường đằng trước. Đức Viên cũng ăn mặc theo hình thức nghiêm tịnh như thế, cầm lư hương cung kính dẫn đường. Rải hoa cúng dường rồi mới biên chép. Đức Viên hồ quỳ[480], vận tưởng, mắt nhìn chăm chú, dốc lòng. Vừa chép được mấy hàng, mỗi chữ đều phóng quang, chiếu khắp cả viện, mọi người đều thấy, không ai chẳng bi cảm, một lúc lâu sau mới hết. Lại có thần nhân cầm giáo hiện hình hộ vệ, Đức Viên và người chép kinh đều thấy, người khác không thấy được. Lại có phạm đồng áo xanh, không biết từ đâu đến, tay cầm hoa trời, chợt dâng lên cúng dường. Những chuyện linh cảm trước sau đều giống như vậy. Phải mất hai năm, mới chép xong kinh. Đựng trong hộp thơm, đặt trong trướng báu, cất trong tịnh đường. Mỗi lần đều đảnh lễ rồi mới chuyển đọc, hộp tỏa ra ánh sáng lạ. Nghiêm khiết đến thế, kính trọng tuyệt cổ siêu kim. Bộ kinh này được trao truyền đến nay qua năm đời, có ai thanh tịnh chuyển đọc thì cũng có lúc hiện sự linh ứng rõ rệt như vậy. Bộ kinh ấy nay được thủ hộ cúng dường ở chỗ pháp sư Hiền Thủ chùa Tây Thái Nguyên.

Chú thích[481]:

Chuyện này và hai chuyện tiếp theo đều là nói về bản Lục Thập Hoa Nghiêm (Hoa Nghiêm bản dịch gồm 60 quyển) được dịch vào đời Tấn. Chữ cốc 穀 đọc như chữ cốc 谷, thân mộc chứ không phải thân thảo, là một loài khác của giống cây chử 楮 (cây dó). Đức Viên trồng cây dó để làm giấy chép kinh, vào trong vườn trồng cây dó này mà còn phải tắm gội, mặc y phục sạch sẽ. Do đây biết rằng, hằng ngày sư lễ Phật tụng kinh, thành kính, tịnh khiết đến mực nào! Người thời

[480] Cách thức quỳ lễ của người Hồ (từ thời cổ, Ấn Độ hay những xứ phía Tây Trung Hoa đều được gọi là Hồ), có nhiều cách hiểu khác nhau:

a. Chỉ gập gối là hồ quỳ.

b. Hồ quỳ là trường quỳ, tức là đặt sát hai đầu gối sát đất, hai đùi dựng thẳng lên theo thân mình.

c. Gối hữu đặt sát đất, gối trái dựng lên.

[481] Đây là phần giải thích của tổ Ấn Quang đối với câu chuyện vừa được sao lục.

nay lên Đại Hùng bảo điện còn chẳng được kiền thành, thanh khiết như sư Đức Viên vào vườn trồng cây dó. Thật đáng cảm khái, than thở! [Trong câu *"mộc cụ tân y"* (dịch theo ý là "tắm rửa, vào chỗ bẩn đều thay áo mới")], thì "mộc" là mộc thất (nhà tắm), còn "tân" nên đọc là xúc (dơ bẩn), ý nói trong nhà tắm có áo để mặc riêng khi vào nhà cầu. Câu *"tượng nhân trai giới, dịch phục xuất nhập"* nghĩa là những người thợ được dùng ở đây đều phải trì ngũ giới, hằng ngày thọ pháp bát quan trai. Phàm muốn đi vệ sinh, phải đến chỗ nhà tắm, cởi bỏ thường phục, mặc áo dành riêng cho nhà vệ sinh. Khi đi ra, phải tắm gội sạch rồi mới được mặc lại thường phục.

"Tuyền tô" là những cái tua: Dùng những sợi tơ, đầu thắt lại, cho rủ xuống, "bái" tức là xướng tán. Ngũ đại là Tề, Lương, Trần, Tùy, Đường. Truyện này do người đời Đường soạn, nên ghi là "cho đến nay là năm đời". Lòng thành của Đức Viên siêu việt cổ kim, nên mới linh ứng nhiều điều như thế. Người đời nay dù không tài lực, nhưng với những chuyện sức mình làm được, há chẳng nên dốc kiệt lòng thành, vét tận lòng kính để mong tam bảo rủ lòng từ, gia bị thầm kín hay rõ ràng ư? Nếu chỉ chuộng bề ngoài, trọn chẳng thành kính, sẽ không cách gì cảm thông được pháp lực vô biên, bèn cho là Phật pháp không linh, há có được sao? Chuyện này sao lục từ bộ Hoa Nghiêm Huyền Đàm[482] và dung hội hai bộ Huyền Ký[483].

2) Vị tăng Tu Đức ở Trung Sơn, Định Châu vào đời Đường, không biết họ tên, khổ hạnh, tiết tháo thành tánh, tu hành nơi rừng núi. Kết nghiệp an tâm nơi kinh Hoa Nghiêm và luận Khởi Tín. Năm Vĩnh Huy thứ tư (653), phát tâm sao chép. Vì thế, lập riêng một tịnh viện, trồng cây dó, trồng kèm các loại hoa thơm. Tưới bằng nước thơm, ba năm sau, tịnh khiết làm thành giấy. Lại cất riêng một cái đài thanh tịnh, dựng nhà trên đó. Mời người viết chữ đẹp ở Vi Châu là Vương

[482] Hoa Nghiêm Huyền Đàm: Tác phẩm của ngài Trừng Quán soạn vào đời Đường, gọi đủ là Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao Huyền Đàm, gồm chín quyển. Tác phẩm này trình bày cương yếu của bộ Bát Thập Hoa Nghiêm, hiển dương những ý nghĩa chánh yếu của tông Hoa Nghiêm. Nội dung được chia thành nhiều phần như luận về nhân duyên, tạng giáo, nghĩa lý, căn cơ được hóa độ bởi kinh này, giáo thể, tông, thú, bộ loại, phẩm, hội của kinh, những chuyện cảm ứng… Tác phẩm này thật ra là những phần liên quan đến huyền nghĩa trong bộ Hoa Nghiêm Kinh Tùy Sớ Diễn Nghĩa Sao được trích riêng ra.

[483] Tức là Hoa Nghiêm sưu Huyền Ký (gọi đủ là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh sưu Huyền Phận Tề Thông Trí Phương Quỹ) do ngài Trí Nghiễm soạn vào đời Đường nhằm giải thích kinh Hoa Nghiêm. Nội dung nêu lên cương yếu huyền nghĩa của kinh và giải thích đại lược kinh văn. Bộ thứ hai là Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký do ngài Pháp Tạng (cũng sống vào đời Đường) soạn nhằm đặc biệt phát huy giáo nghĩa *thập huyền môn* được giảng trong phần huyền nghĩa trong bộ Hoa Nghiêm Sưu Huyền Ký.

Cung, trai giới nơi biệt viện, tắm gội, mặc áo sạch, thắp hương, rải hoa, treo các loại phan lọng, lễ kinh sám hối rồi mới lên tòa viết, hạ bút xuống bèn ngậm hương, nhấc bút lên mới thở ra, mỗi ngày đều như thế. Sư Tu Đức vào tịnh thất, vận tưởng. Mỗi lần chép xong một quyển bèn tặng mười xấp lụa mịn, một bộ tặng tổng cộng 600 tấm lụa mịn. Ông Cung dốc kiệt lòng chí thành, đều chẳng nhận lấy; vừa chép xong kinh, liền mất ngay. Do kinh đã hoàn thành, Tu Đức bèn mở trai hội ăn mừng. Đại chúng nhóm đến, Tu Đức đối trước Phật, đốt hương, rải hoa, phát hoằng thệ nguyện, rồi mới mở hộp đựng kinh, tỏa ra quang minh lớn, chiếu khắp hơn 70 dặm, chiếu đến tận thành Định Châu, dân chúng trong thành đều thấy. Đại chúng đến dự trai hội tại Trung Sơn đều gieo thân phủ phục, nghẹn ngào khóc lóc sám hối.

Chú thích:

Truyện này gần giống với sự tích ở phần trước. Đủ thấy cổ nhân đối với tam bảo đều kiệt thành tận kính, hoàn toàn chẳng như người bây giờ coi thường, khinh nhờn, hữu danh vô thực! "Nâng bút, thở ra" có nghĩa là muốn ho hắng, hoặc muốn ngáp, đều ngừng bút một chút, mặt hướng sang phía bên cạnh, thở hơi ra, chẳng dám để hơi thở xông vào kinh. "Vừa chép kinh xong, ngay lập tức bèn mất", nghĩa là do chuyên tâm chép kinh, chẳng cầu danh lợi, chí thành đến cùng cực, đến nỗi nghiệp tận tình không, liễu sanh thoát tử, cao đăng sen báu thượng phẩm, tự chứng địa vị Bất thoái. Xem đây có thể biết Phật pháp chẳng cô phụ con người, nhưng tăng tục thời nay đa phần đều cô phụ Phật pháp, biết làm sao được! Chuyện này gộp từ hai sách Huyền Ký.

3) Sư Pháp Thành đời Đường, họ Phan, người huyện Vạn Niên thuộc Ung Châu, xuất gia từ nhỏ, lấy việc tụng Hoa Nghiêm làm sự nghiệp. Do gặp thiền sư Huệ Siêu ẩn cư trong ngọn núi cao Lam Cốc, bèn vứt bỏ phiền hoặc, dốc lòng thành cầu học. Về sau, sư tạo Hoa Nghiêm đường ở ngọn núi phía Nam chùa, trong ngoài đều trong sạch. Trang nghiêm xong xuôi, bèn vẽ cảnh bảy xứ chín hội[484]. Lại dốc cạn lòng chí thành tinh chuyên, biên chép, thọ trì. Hoằng Văn học

[484] Bảy xứ chín hội: Kinh Hoa Nghiêm được nói ở bảy nơi, chia thành chín hội. Căn cứ theo kinh Bát Thập Hoa Nghiêm thì:

1) Hội thứ nhất tại đạo tràng Bồ-đề gồm sáu phẩm, mười một quyển. Phổ Hiền Bồ-tát giảng về y báo nhân quả của đức Tỳ-lô-giá-na Phật.

2) Hội thứ hai giảng tại điện Quang Minh, cũng là do Phổ Hiền Bồ-tát nói về chánh báo nhân quả của Phật, gồm ba phẩm. Nửa phần sau hội thứ hai, Văn-thù Bồ-tát giảng Thập tín, giảng về sơ phát tâm, tổng cộng ba phẩm.

sĩ Trương Tịnh, là người chữ đẹp nổi tiếng tài hoa hãn hữu khi ấy. Sư bèn thỉnh đến sơn xá, bảo hãy thọ trai giới, khiết tịnh tự tu. Miệng ngậm nước thơm, thân mặc áo sạch. Trương Tịnh chép kinh lâu ngày, mỗi trang giấy đòi giá 50 đồng. Sư Pháp Thành liệu trước, vừa chép hai trang, đã ứng trước 500. Trương Tịnh được lợi, dốc sức chép. Cho đến hết bộ kinh, Pháp Thành hằng ngày đều thiêu hương cúng dường trước án. Trong khi vẽ vời, tâm duyên theo, mắt nhìn chăm chú, trọn chẳng sót chút nào. Do dốc lòng chăm chú, khi đó cảm được con chim lạ, hình sắc hiếm có trong đời, bay vào trong nhà, bay quanh quẩn cổ vũ, đáp xuống án kinh, rồi lại đậu lên lư hương, lặng lẽ đứng nhìn, tự nhiên như thân quen, một hồi lâu sau bay đi.

Năm sau, kinh chép xong, sắp sửa ăn mừng, chim lại bay tới, lẩn quẩn như trước, hót tiếng thánh thót. Năm đầu niên hiệu Trinh Quán (627), sư vẽ hình ngàn vị Phật, chim lại bay tới, đậu trên lưng người thợ. Sau sư mở trai hội, cúng mừng các kinh tượng, trong ngày hôm ấy, sư lấy làm lạ không thấy chim đến, nhìn lên đỉnh núi nói: "Chim đã không đến, ta thật không cảm được chim. Phải chăng hiềm vì có các uế hạnh nên mới có điềm này?" Nói xong, chim đột nhiên bay đến chao lượn kêu hót, đậu vào trong nước thơm, nhảy nhót tắm gội, rồi lại bay đi. Trước sau đều như thế, không cần phải nhắc lại. Trương Tịnh khéo tài bút mực, nên được trong làng đề cử, các bài kinh kệ được khắc trên vách núi bên đường đều do ông ta viết. Ông chép Pháp Hoa ở ngay nơi đất trống, nhân có chuyện phải đi nơi khác, chưa kịp đem cất, mưa to như trút, khe suối đều ngập tràn, chạy đến xem thấy cả án kinh đều khô ráo, còn những thứ khác đều ướt đẫm. Ông từng tựa vào

---

3) Hội thứ ba trên trời Đao-lợi, giảng trên cung trời Đao-lợi do Pháp Hội Bồ-tát chủ giảng. Vì thế, hội thứ ba do Pháp Hội Bồ-tát giảng Thập trụ, có sáu phẩm, ba quyển.

4) Hội thứ tư tại trời Dạ-ma, do Công Đức Lâm Bồ-tát giảng pháp môn Thập Hạnh, cũng gồm bốn phẩm, ba quyển.

5) Hội thứ năm trên trời Đâu-suất - Di-lặc Bồ-tát sống trên trời Đâu-suất - Hội này do Kim Cang Tạng Bồ-tát giảng pháp môn Thập hồi hướng, có ba phẩm, gồm mười hai quyển.

6) Hội thứ sáu tại trời Tha Hóa Tự Tại, do Kim Cang Tạng Bồ-tát làm hội chủ, giảng pháp môn Thập địa. Hội này chỉ có một phẩm, nhưng là một phẩm rất dài, dài đến cả sáu quyển.

7) Hội thứ bảy lại là điện Phổ Quang Minh, trong hội này, đức Phật làm chủ, giảng về Đẳng giác, về Diệu giác. Phần này gồm mười một phẩm, mười ba quyển.

8) Hội thứ tám cũng tại điện Phổ Quang Minh, Phổ Hiền Bồ-tát giảng, chủ yếu nói về các pháp môn tu hành. Phổ Hiền Bồ-tát nói hai ngàn pháp môn tu hành. Phần này chỉ có một phẩm, gồm bảy quyển.

9) Hội thứ chín tại rừng Thệ-đa, tức là vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, diễn tả cuộc cầu pháp tham học với 53 vị thiện tri thức của Thiện Tài đồng tử.

cây tùng mọc ngang, bị té xuống dòng suối chảy xiết, chưa trôi đến khe nước bên dưới, bất giác đã lên được bờ cao, chẳng tổn hại một mảy lông.

Chú thích:

Pháp Thành, Trương Tịnh đều dốc kiệt lòng thành kính nên được cảm ứng, đều khó thể nghĩ bàn. Truyện này trích từ Hoa Nghiêm Huyền Đàm và dung hội hai sách Huyền Ký và Tục Cao Tăng Truyện.

4) Sư Đàm Vận đời Đường, người Định Châu, năm 70 tuổi, nhằm lúc cuối đời Tùy đất nước loạn lạc, bèn ẩn cư trong Ly Thạch Bắc Thiên Sơn, thường tụng kinh Pháp Hoa. Sư muốn chép kinh này, nhưng không ai cùng chí hướng. Qua nhiều năm như thế, chợt có người thư sinh không biết từ đâu đến, nói muốn tắm gội sạch sẽ, rồi mới chép được. Liền vào lúc sáng sớm, ăn xong, tắm gội, mặc áo sạch, thọ tám giới, vào tịnh thất, miệng ngậm đàn hương, đốt hương, treo phan, lặng lẽ sao chép, đến chiều mới ra. Hôm sau lại như trước, chưa từng than mệt. Đến khi kinh chép xong, sư đúng pháp dâng tiền công, đưa ra ngoài cửa, liền chẳng thấy đâu nữa. Còn như trang hoàng bản kinh đã chép, một mực đúng chánh pháp; Đàm Vận thọ trì đọc tụng, thắt trong bảy lớp bọc, cứ mỗi một lớp là một lượt dùng nước thơm rửa tay. Lúc đầu chưa từng tạm sót, sau gặp phải giặc Hồ, bèn bỏ kinh trong rương, đặt trên ngọn núi cao. Năm sau, giặc yên, tìm lại, nhưng không thấy. Lục tìm cùng khắp, cuối cùng tìm được rương dưới vách đá. Vải bọc rương đã mục nát rã rời, bới gỗ mục ra, thấy kinh vẫn tốt nguyên y như cũ.

Chú thích:

Chép kinh tâm chí thành, cảm thánh chúng ứng đến; thánh tuy ứng hiện, nhưng thị hiện giống như phàm phu. Vì thế một mực theo đúng pháp: Sáng sớm, ăn xong bèn tắm gội, mặc áo sạch… "Tám giới" là pháp bát quan trai, lấy việc quá ngọ không ăn để làm thể, lấy tám giới như không giết v.v. để hỗ trợ nhằm đóng lấp các phiền não hoặc nghiệp tham, sân, si v.v. chẳng cho sanh khởi, đây chính là khiến cho người tại gia thọ giới xuất gia. Kỳ hạn thọ giới này là từ lúc sáng sớm ngày hôm nay cho đến rạng sáng ngày hôm sau. Do chép kinh hằng ngày phải trì, vì thế phải hằng ngày thường thọ. "Đến chiều mới ra", tức là giờ ngọ cũng không ăn. Chữ khỏa 裹 âm đọc giống như chữ quả, tức là cái bao. "Mỗi một lớp bao là một lượt rửa tay bằng nước thơm", tức là đọc một hồi kinh, bèn dùng nước thơm rửa tay một lượt. "Vải bọc rương mục nát mà kinh vẫn còn nguyên, đẹp đẽ" thì một là do được pháp lực của thánh nhân gia trì, hai là do thành tâm của ngài Đàm Vận chiêu cảm, ba là do công đức khó thể nghĩ bàn của

bộ kinh mầu nhiệm này. Về sau, sư Đàm Vận trụ tại Thấp Châu, năm Trinh Quán thứ 11 (637), luật sư Đạo Tuyên đã đến gặp sư. Khi ấy, sư niên kỷ đã 70. Những chuyện tiếp theo đây đều trích từ Tam Bảo Cảm Thông Lục[485].

4) Năm Trinh Quán thứ 5 (631) đời Đường, có ông Lệnh Hồ Nguyên Quỹ ở huyện Ba Tây, Long Châu, kính tín Phật pháp, muốn chép kinh Pháp Hoa, Kim Cang, Bát-nhã, Niết-bàn v.v. nhưng không cách nào tự kiếm lại được, bèn nhờ thiền sư Kháng ở nơi ấy kiếm giảo. Thầy Kháng bèn ở trong chùa, khiết tịnh đúng pháp. Chép xong cuốn cuối, bèn đưa về trang trại tại Kỹ Châu, kinh và năm ngàn lời của Lão tử cùng để một chỗ, chợt bị lửa bên ngoài cháy lan đến, nhà lợp bằng cỏ, bị lửa cháy sạch hết. Khi ấy, ông Quỹ đang làm huyện lệnh ở Bằng Dực, gia nhân liều mạng bới tro, lôi được ống đồng pha vàng đựng kinh ra khỏi tro. Các kinh đựng trong ống vẫn như cũ không bị hư hại gì, màu sắc đẹp đẽ không thay đổi, chỉ có lớp bọc là biến thành tro. Lại tìm kinh của Lão tử, nó đã bị cháy tiêu. Họ bèn thu thập các kinh ấy, người trong làng xóm đều khen là lạ lùng. Quyển kinh Kim Cang Bát-nhã, hàng chữ ghi tựa đề bị cháy đen, hỏi đến nguyên do, thì ra lúc viết tựa đề kinh, có vị quan trong châu viết chữ đẹp, vị này đi gấp, không giữ khiết tịnh mà cất bút viết ngay, do vậy đề kinh bị lửa đốt. Người này hiện vẫn còn sống, những kinh tốt lành ấy vẫn còn. Chủ Thần Tế ở chùa Tây Minh tại kinh đô chính mắt chứng kiến, kể lại.

Chú thích:

"Năm ngàn lời của Lão tử" chính là Đạo Đức kinh. Hết thảy Phật sự đều lấy giới hạnh, thành kính làm chủ. Nếu giới hạnh tinh nghiêm, thành kính, chuyên dốc thì tam bảo chư thiên sẽ đều ủng hộ. Nếu không, sẽ không cách nào cảm được vô biên pháp lực. Xem thấy những kinh ấy không bị tổn hại mảy may, chỉ có tựa đề kinh Kim Cang nét chữ bị cháy đen là do người ấy đã không có giới lực, lại không thành tâm vậy. Người thọ trì kinh Phật há chẳng lấy việc trì giới dốc cạn lòng thành làm nhiệm vụ cấp bách ư?

5) Đời Đường, ở Hà Đông, có ni sư tên Luyện Hạnh thường tụng kinh Pháp Hoa, mời người viết chữ đẹp chép kinh, phải trả công cao gấp nhiều lần, nhưng khiết tịnh, ân cần quả thật có thừa. Cứ mỗi lần khởi đầu là một lần tắm, đốt hương xông áo, thở vào ống đồng thông ra ngoài vách. Chép hết bảy quyển phải 8 năm

[485] Tác phẩm của ngài luật sư Đạo Tuyên soạn vào đời Đường, gồm 3 quyển, có tên gọi đầy đủ là Tập Thần Châu Tháp Tự Tam Bảo Cảm Thông Lục; đôi khi còn gọi là Đông Hạ Tam Bảo Cảm Thông Lục. Nội dung chép về sự tích xá-lợi Phật, tượng Phật, chùa Phật, kinh điển và chuyện linh dị của hàng tăng tục.

mới xong. Sư Pháp Đoan chùa Long Môn nhóm chúng giảng thuyết, mượn ni sư bộ kinh ấy để thẩm định. Cố nhiên ni sư không cho, Pháp Đoan quở trách. Sự chẳng đặng đừng, ni sư bèn tự đem đưa cho Pháp Đoan. Pháp Đoan mở ra đọc, chỉ thấy giấy vàng, trọn chẳng có chữ nào, các quyển khác cũng vậy. Đoan hổ thẹn, đưa trả cho ni sư. Ni sư buồn khóc, nhận lấy. Dùng nước thơm rửa hộp đựng kinh, đội lên đầu nhiễu Phật bảy ngày không nghỉ. Mở ra xem, chữ hiện như cũ. Khi ấy nhằm năm Trinh Quán thứ 2 (628), sư Pháp Đoan tự kể chuyện này (tôi vốn muốn sao chép rộng rãi những lợi ích do cung kính tam bảo và những tội khiên do khinh nhờn tam bảo để người nghiên cứu học Phật có cơ sở để giữ pháp, không do đâu mắc tội, nhưng vì mục lực chẳng đủ nên đành ngưng).

8. Luận văn hồi kiếp vận hộ quốc cứu dân chánh bản thanh nguyên

(Luận về "gốc chánh nguồn trong" của việc văn hồi kiếp vận bảo vệ đất nước cứu dân)

Đạo đức nhân nghĩa chính là tánh đức sẵn có của chúng ta, nhân quả báo ứng quả thật là phương tiện quyền biến lớn lao để sanh thành dưỡng dục của thiên địa. Con người sống giữa trời đất, cái thân bảy thước nhỏ nhoi lại đứng cùng trời đất rộng lớn, cao dày không lường thành ba yếu tố, gọi chung là tam tài. Ai lãnh hội được đức của trời đất sẽ đều là Nghiêu, Thuấn, đều có thể thành Phật, góp phần giúp đỡ sự sanh thành dưỡng dục vậy. Vì thế, đối với hai tượng Càn - Khôn trong kinh Dịch, thánh nhân lấy pháp "tự cường không ngơi" của trời, lấy "đức dày chở vật" của đất để giáo hóa con người. "Tự cường không ngơi" thì ngăn lòng tà, giữ lòng thành, khắc kỷ, giữ lễ, không đạt đến mức "làm sáng tỏ minh đức, trụ nơi chí thiện, trừ hết sạch lòng ham muốn của con người, thiên lý lưu hành" để khôi phục lại tánh đức sẵn có thì không đành lòng. "Đức dày chở vật" thì yêu dân, thương vật, khiến cho chính mình lẫn người đều ôm lòng chuyên chú trung hậu, khoan thứ, hành từ bi, coi như ruột thịt, coi loài vật và ta giống hệt như nhau, không tận hết thiên chức góp phần tán trợ sự sanh thành dưỡng dục thì chẳng thôi.

Những lời này chẳng phải chỉ để nói về hạng người có địa vị, nắm quyền cai trị, mà ngay cả thất phu, thất phụ cũng đều có thể hành được, bởi lẽ đạo của Nghiêu Thuấn chỉ là hiếu đễ mà thôi! Cái học của thánh hiền chỉ là tu thân mà thôi! Tu được thân, ắt sẽ tu hiếu đễ, ắt trừ sạch vật dục, mở rộng lương tri để cho riêng thân mình được thiện, nhưng sẽ có hiệu quả giống như Văn Vương nêu gương cho vợ, gương ấy lan đến anh em, rồi phổ biến khắp đất nước. Huống chi người có địa vị nắm quyền cai trị, há lẽ nào chẳng khiến cho thiên hạ đều cùng được tốt lành ư? Thiên hạ loạn lạc, thất phu có trách nhiệm! Nếu ai nấy đều dốc

tận lòng thành, ai nấy tận sức hiếu đễ, ai nấy làm điều từ thiện, thương cô nhi, giúp đỡ kẻ góa bụa, cứu nạn, thương nghèo, kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật, thì do con người dùng điều lành để cảm, trời sẽ ứng phước xuống, tự nhiên mưa thuận gió hòa, dân yên, vật thịnh vượng, quyết chẳng đến nỗi trời thường giáng những tai nạn như lụt lội, hạn hán, ôn hoàng[486], gió bão, động đất v.v., mà thời thế sẽ yên ổn, được mùa, dân an cư lạc nghiệp. Lại còn từ hòa, nhân nhượng, quen tập thành phong tục. Dẫu có một hai kẻ ngu độn ương bướng, cũng sẽ hóa thành lương thiện. Như cảm hóa được chàng quân tử trên kèo nhà[487] thì một phương sẽ vĩnh viễn tuyệt sạch nạn trộm cắp; điều phục được đứa dòm lén trong nhà kín thì từ đấy về sau nó sẽ thành người lành.

Cổ nhân dùng nhân từ để cai trị, chân thành yêu dân, còn cảm hóa được dị loại, như những chứng cớ tốt lành: hổ không vào cõi ấy, cá dữ bỏ sang nơi khác v.v. chép trong các sử sách, nào phải chỉ một chuyện. Nếu ai nấy đều có thể dùng từ thiện tương cảm, quyết chẳng đến nỗi thường có những cái họa thổ phỉ, đao binh, giày xéo, cướp đoạt v.v.. Nhưng bẩm tánh con người có muôn vàn thứ chẳng giống nhau, người căn tánh thiên bẩm sâu dày, ắt tự có thể tận lực tuân thủ đạo nghĩa để tận hết trách nhiệm con người; những người có tập khí sâu dày từ kiếp trước, nên tánh đức bị ngăn lấp, đến nỗi những gì tâm họ nghĩ, những gì tâm họ nói, những gì thân họ làm mỗi mỗi đều trái nghịch đạo nghĩa. Nhưng do nghe đến lẽ phước thiện họa dâm và trông thấy sự thiện ác báo ứng thì chưa ai chẳng kinh hoàng run sợ, bèn tự tu tỉnh, mong sao được phước khỏi họa.

Do vậy, biết rằng trời đất dùng phước thiện dâm họa làm phương tiện lớn lao để thâu tóm con người đều tuân thủ đạo đức nhân nghĩa, thánh nhân vốn dùng cái tâm của trời đất để giáo hóa. Vì vậy, những câu "thuận theo đạo lý dẫn đến điều lành, trái nghịch lại sẽ đưa đến hung hiểm, ngũ phước lục cực, làm lành thì trăm điều tốt lành giáng xuống, làm ác thì trăm sự tai ương giáng xuống, nhà tích thiện ắt điều vui có thừa, nhà tích điều bất thiện ắt tai ương có thừa" thường thấy đầy trong các kinh. Do vậy cảm phát thiện tâm của con người, nghiêm cấm, răn đe chí ý phóng dật của con người hết sức thâm thiết.

Nhưng cát hung họa phước do nhân quả báo ứng chính là chứng nghiệm sự chân thật hay giả dối của việc y thuận hay trái nghịch đạo đức nhân nghĩa. Đã biết là chứng nghiệm thật sự thì muốn làm lành ắt sẽ càng thêm mạnh mẽ, hăng hái cho đến khi thành tựu; muốn làm chuyện chẳng lành sẽ sanh lòng sợ hãi, có

[486] Ôn: bệnh dịch, hoàng: tức nạn cào cào, châu chấu, sâu bọ phá hoại mùa màng.
[487] Quân tử trên kèo nhà (lương thượng quân tử) tức kẻ trộm.

khi không dám làm. Như vậy, đề xướng nhân quả báo ứng chính là vâng theo tâm thiên địa, thánh nhân để thành toàn tánh đức "đạo đức nhân nghĩa" cho người đời. Nếu coi nhân quả báo ứng là chuyện mông lung không bằng cớ, thì chẳng những trái nghịch tâm thiên địa thánh nhân mà thần thức của chính mình còn vĩnh viễn bị đọa trong đường ác. Lại còn khiến cho bậc thượng trí không thể dũng mãnh quyết chí ưu thời mẫn thế để tu đức của mình, kẻ hạ ngu không e dè gì, dám làm chuyện ác đến nỗi quyền nuôi dạy của thiên địa, thánh nhân bị ngăn trở không tỏ lộ được; cái lý vốn sẵn có trong tâm của chúng ta sẽ bị ẩn, không sao hiển lộ được. Cái họa ấy khôn xiết kể! Nhưng thánh nhân thế gian lời lẽ giản lược, lại chỉ nói chuyện đời này và con cháu; còn như chuyện trước khi sanh và chuyện sau khi chết, cũng như nhân duyên tội phước từ vô thỉ đến nay, luân hồi sáu nẻo, đều chưa thể làm cho sáng tỏ được. Bởi vậy, kẻ thấy biết nông cạn dù hằng ngày đọc những lời dạy về nhân quả báo ứng của thánh nhân, vẫn không tin vào nhân quả báo ứng.

Đại giáo của Như Lai hiển thị sự mầu nhiệm của tâm tánh chúng ta cũng như sự tinh vi của lẽ nhân quả ba đời. Phàm là đạo cách vật trí tri, thành ý chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ và pháp đoạn hoặc chứng chân liễu sanh thoát tử không gì chẳng nêu đầy đủ. Do vậy, gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường em kính, chồng xướng vợ theo, chủ nhân tôi trung, ai nấy trọn hết bổn phận, như vậy là trọn chẳng khác với những gì thánh nhân thế gian đã dạy; nhưng với mỗi một điều lại chỉ rõ nhân trước quả sau là những điều thánh nhân thế gian chưa hề đề cập tới.

Những lời dạy về tận phận, tận nghĩa, chỉ có thể dạy được bậc thượng trí, chứ chẳng thể chế phục kẻ hạ ngu. Nếu biết nhân quả báo ứng thì thiện ác, họa phước rõ ràng như xem ngọn lửa, ai lại chẳng muốn xuôi theo điều tốt lành, tránh né điều hung hiểm, tránh nạn được phước ư? Vả nữa, chẳng biết nhân quả sẽ đa phần phô bày tướng thiện bề ngoài, chứ thật ra ngầm ôm lòng ác để làm chuyện ác. Cứ nghĩ rằng người ta đã không biết, nào có trở ngại gì! Chẳng biết cái tâm chúng ta tương tức tương thông[488] với tâm thiên địa quỷ thần và chư Phật Bồ-tát. Hễ mỗi khi chúng ta khởi lên một niệm, các vị ấy không điều gì không biết! Vì thế nói: "Những lời nói riêng tư trong nhân gian, chư thiên nghe như tiếng sấm. Tâm tồi tệ trong nhà kín, trong mắt thần giống như ánh chớp." Ông Chu An Sĩ nói: "Ai

[488] Tương tức tương thông: Tâm ta và tâm người hệt như nhau, cùng một bản thể nên có thể coi như một. Do có cùng bản thể nên thông suốt không trở ngại, người khác khởi lên tâm niệm, ta nhận biết rõ ràng; ta khởi lên tâm niệm, người khác biết ngay.

nấy đều biết nhân quả, ấy chính là đạo để thiên hạ đại thái bình vậy! Người người không biết nhân quả, chính là đạo gây đại loạn vậy!" Quả là ân Phật thấm đẫm con người, chỉ vì con người không suy nghĩ sâu xa nên chẳng hề biết đến.

Đời thượng cổ, tánh tình con người thuần phác, hơn hẳn những đời sau tệ bạc biết bao lần. Ân trạch của Văn Vương thấm nhuần đến cả xương khô suốt mấy trăm năm; nhưng cái phong tục giết người tuẫn táng đầy khắp thiên hạ. Chư hầu thời Liệt Quốc[489] chết đi, giết theo những sủng thần, thiếp yêu cả mấy chục, mấy trăm người. Chẳng những không sanh lòng thương xót, lại còn ngược ngạo cho đó là vinh, ai nấy đua nhau học theo. Ngay như Tần Mục Công là vua hiền, còn giết 177 người để tuẫn táng theo. Ba người con của Tử Xa là bầy tôi trung lương của đất nước, mà cũng chẳng vì nước và dân mà được tính miễn trừ. Huống chi những bạo quân vô đạo khác! Vua cả một nước đã như thế thì đại phu và các quan ai nấy cũng tùy sức làm theo. Dù Khổng, Mạnh, Lão, Trang cùng xuất hiện cũng không thể ngăn dứt được.

Đến khi Phật giáo truyền sang Đông, xiển minh nhân quả báo ứng, dạy người kiêng giết, phóng sanh, bỏ ăn mặn mà ăn chay thì trùng, kiến, rận rệp còn được thương tiếc, che chở, không đành sát hại, huống chi con người. Do hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều biết tham sống sợ chết, đều là cha mẹ quyến thuộc trong quá khứ, đều là chư Phật Thế Tôn vị lai. Vì thế phải thương xót che chở, nào dám giết hại bừa bãi để thỏa bụng miệng. Gió từ vừa thổi, thắng hung tàn, trừ sát hại. Đừng nói chi hàng chư hầu, đại phu, quan chức chẳng dám giết người tuẫn táng, ngay cả kẻ hướng mặt về phía Nam xưng trẫm[490] cũng chẳng dám hành ác pháp này. Dẫu có một hai kẻ bạo ngược làm như thế, cũng trọn chẳng dám cho giết nhiều người là vinh. Nếu không có thuyết sanh tử luân hồi, nhân quả báo ứng của Phật pháp thì người đời sau hết tuổi thọ rồi mới chết cũng là chuyện hiếm hoi lắm.

---

[489] Liệt Quốc: Tức thời kỳ Xuân Thu Chiến Quốc của Trung Hoa kể từ sau khi Chu Bình Vương (Cơ Nghi Cữu) nghe lời ông ngoại là Thân Hầu, mượn sức Hung Nô diệt phe đảng Bao Tự, lên ngôi, kinh đô bị giặc Hung Nô tàn phá, phải dời đô sang Đông, Sử gọi Đông Chu, cho đến khi Tần Thủy Hoàng diệt sáu nước, thống nhất Trung Hoa. Trong thời này, vua Chu chỉ còn hư vị, chư hầu đánh phá lẫn nhau, xưng bá. Thời kỳ này kéo dài từ năm 770 trước Công Nguyên cho đến 221 trước Công Nguyên, và được chia làm hai giai đoạn: Xuân Thu (770 tr.CN - 476 tr.CN) và Chiến Quốc (475 tr. CN – 221 tr.CN). Thời Xuân Thu có 12 nước chư hầu lớn, nhiều nước nhỏ (phụ dung); thời Chiến Quốc chỉ còn sáu nước. Tần Mục Công, làm vua Tần từ năm 659 tr. CN đến năm 620 tr. CN, là người có công đưa nước Tần lên địa vị bá chủ chư hầu.

[490] Hoàng đế ngồi ở phía Bắc ngoảnh mặt về phía Nam. Trẫm vốn là một đại từ nhân xưng thông dụng thời cổ, có nghĩa là ta, hay tôi. Về sau, Tần Thủy Hoàng hạ lệnh cấm dân chúng dùng chữ này, chỉ mình hoàng đế được quyền xưng là Trẫm.

Đấy mới là pháp thiển cận mà hiệu quả còn được như thế, huống gì những lý luận về tâm tánh cực sâu xa và đạo đoạn hoặc chứng chân ư? Như Lai tùy thuận chúng sanh, từ từ khuyến dụ khéo léo. Trước tiên, dùng nhân thiên thừa, ngũ giới thập thiện để tiếp dẫn những căn cơ kém cỏi, dùng đó làm phương tiện ban đầu để siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Nếu căn cơ hơi sâu hơn, bèn giảng tứ đế, thập nhị nhân duyên khiến cho đoạn kiến tư hoặc, chứng Thanh văn, Duyên giác là những quả Nhị thừa. Nếu là căn tánh Đại thừa bèn dạy phát tâm đại Bồ-đề, tu khắp lục độ vạn hạnh, thượng cầu hạ hóa chúng sanh, khởi lòng vô duyên từ, khởi đồng thể bi, chẳng trụ vào *sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp* để hành bố thí và lục độ vạn hạnh, độ thoát hết thảy chúng sanh, khiến cho họ nhập Vô dư Niết-bàn, nhưng chẳng thấy ta là người hóa độ và người khác cùng chúng sanh là kẻ được độ, và tướng thọ giả của Vô dư Niết-bàn để chứng. Do chẳng chấp vào bốn tướng nên tam luân thể không, vì vậy trần sa vô minh nhân đó bèn tiêu diệt. Tùy theo công hạnh, lần lượt chứng các quả Bồ-tát Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, và hiển lộ toàn thể tự tánh, triệt ngộ duy tâm, phước tuệ viên mãn, Phật quả trí đoạn rốt ráo.

Lại do căn cơ chúng sanh đời mạt kém hèn, nếu không cậy vào thệ nguyện lực lớn lao của Như Lai quyết sẽ khó thể thoát khỏi sanh tử ngay trong đời này. Vì vậy, do lòng đại từ bi, Phật đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh độ cậy Phật từ lực, liễu sanh thoát tử. Chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật, cầu vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, làm một mảy may điều thiện thế gian nào cũng như mọi công đức lục độ vạn hạnh đều đem hồi hướng vãng sanh. Đây chính là dùng tín nguyện của chính mình để cảm Phật từ bi, cảm ứng đạo giao, ắt được Phật nhiếp thọ. Đợi đến khi lâm chung, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Đã vãng sanh rồi sẽ lìa xa trọn vẹn các khổ, chỉ hưởng các sự vui, thân cận Di-đà, dự vào hải chúng, chứng vô sanh, thành giác đạo, như trao bằng khoán lấy lại vật cũ. So với các pháp cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử khác thì sự khó dễ cố nhiên là khác biệt một trời một vực.

Hơn nữa, cậy vào tự lực thì trong trăm ngàn vạn người khó được một hai kẻ liễu thoát ngay trong đời này, bởi lẽ định tuệ phải trọn đủ, phải hết sạch hoặc nghiệp thì mới được như nguyện. Nếu hoặc nghiệp còn mảy may chưa đoạn hết thì sanh tử luân hồi quyết khó thể xuất ly. Cậy vào Phật từ lực thì tín nguyện chân thành thiết tha, vạn kẻ chẳng sót một ai. Độ khắp ba căn, gồm thâu lợi độn, thượng căn thì mau chứng pháp thân, hạ căn bèn mang nghiệp vãng sanh. Bản hoài độ tận chúng sanh của Như Lai chỉ có mình pháp môn Tịnh độ mới có thể thỏa rốt

ráo được. Do có những sự lợi ích như trên cho nên xưa nay, vua thánh, tôi hiền, hào kiệt, vĩ nhân không ai chẳng tự hành, dạy người, hộ trì lưu thông, để về mặt ngầm là giúp cho việc trị nước, còn mặt hiển là yên dân tình, tiêu họa loạn khi chưa chớm nảy, chứng Phật tánh vốn sẵn có.

Gần đây, thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống, ai nấy chấp vào sự hiểu biết của chính mình, cạnh tranh với nhau đến nỗi đao binh liên miên, không lúc nào yên ổn. Hễ người trên thích điều gì, kẻ dưới ắt làm cho được, những tên dân ương bướng đều thành thổ phỉ hết, mặc tình cướp đoạt, độc hại dân sanh. Do sự ác của con người chiêu cảm, nên trời bèn ứng thiên tai, lụt lội, hạn hán, tật dịch, gió bão, động đất, đủ mọi tai họa thảm khốc thường thấy xảy ra luôn, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Muốn ra tay cứu vớt, nhưng khổ nỗi không sức, chỉ khẩn cầu những vị đương có quyền thế và hết thảy đồng bào, ai nấy hãy dùng cái tâm trung hậu, khoan thứ sẵn có để hành đạo từ bi, coi hết thảy nhân dân đều như người ruột thịt, nâng đỡ lẫn nhau, chớ nên tàn hại. Nghĩ đến nhân trước quả sau ắt sẽ tu đức hành nhân, lợi người quả thật chính là lợi mình, đời này, đời khác phước báo vô cùng. Hại người gây ra sự khổ còn hơn tự hại, đời này, tương lai, khổ báo vô tận. Phô phang quyền thế trong một lúc để rồi thần thức chịu khổ mãi bao kiếp, sao bằng tu đức suốt đời, ngõ hầu thân tâm được hưởng vui sướng nhiều đời.

Nhưng còn trong địa vị phàm phu chưa đoạn được hoặc nghiệp, dẫu sanh vào nhân thiên, rốt cuộc vẫn chẳng phải là chỗ an ổn rốt ráo. Nếu có thể tùy phận tùy sức, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương, để mong khi hết báo thân này sẽ cao đăng Cực Lạc, đấy là đạo thoát khổ tối thượng. Nhưng đường đường là trượng phu, nỡ để Phật tánh sẵn có thường bị hoặc nghiệp xoay chuyển, chịu sanh tử đau khổ sao? Trong Trung Hoa Tân Báo, ông Trương Quý Loan mỗi ngày chuyên dành riêng một cột để in bài đề xướng Phật học, tùy thời đăng tải hết những chuyện Như Lai ứng hóa, pháp đạo lưu thông, tội phước do tin nhận hay hủy báng, lợi ích do tu trì, và những ngôn luận sự tích kiêng giết, phóng sanh, ăn chay niệm Phật, ngõ hầu những vị đọc báo đều cùng ngộ được lý "Phật - tâm - chúng sanh, ba điều không sai biệt" và làm chuyện "đoạn ác tu thiện, khôi phục nguồn tâm sẵn có". Tôi cho rằng đây quả thật là đạo gốc chánh nguồn trong để giữ nước, bảo vệ dân, nhân đó toan đem những điều quan trọng về thiên chức của chúng ta, sự sanh thành dưỡng dục của trời đất, tâm pháp của thánh hiền, cương yếu của Phật giáo, và nguồn gốc đời loạn, nguyên do thái bình, thuật đại lược hòng cống hiến cho bậc cao nhân có đủ con mắt trong cõi đời, nhưng thẹn mình văn tự thô vụng,

chất phác, chẳng thể diễn tả sâu xa, uẩn súc. Tuy vậy, về mặt ý nghĩa cố nhiên chẳng phải là bàn xằng, bịa đặt, nên có thể chấp nhận được.

Hơn nữa, con người sống trong thế gian, việc thành đức đạt tài, dựng lập công nghiệp, cũng như thành được một tài một nghề để nuôi thân mình và gia đình đều phải nhờ vào sức văn tự chủ trì giúp đỡ thì mới được thành tựu. Chữ nghĩa là của báu quý nhất trong thế gian, có thể khiến cho phàm thành thánh, ngu thành trí, nghèo hèn trở thành phú quý, bệnh tật trở thành khỏe mạnh, yên ổn, đạo mạch thánh hiền được lưu truyền thiên cổ, việc kinh doanh của gia đình mình được truyền đến con cháu, không gì không nhờ vào sức văn tự. Nếu cõi đời không có văn tự thì hết thảy sự lý đều chẳng thành lập, con người chẳng khác gì cầm thú. Đã có công sức như thế, cố nhiên phải nên trân trọng mến tiếc chữ nghĩa. Trộm thấy con người hiện thời mặc tình khinh nhờn, quả thật coi của quý báu nhất khác nào phân, đất; sao không đến nỗi hiện đời tổn phước, giảm thọ, đời sau trở thành vô tri vô thức ư? Thêm nữa, chẳng những không được khinh nhờn, ruồng rẫy văn tự hữu hình, mà đối với chữ nghĩa vô hình lại càng chẳng được khinh nhờn, ruồng rẫy! *Hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ*, nếu chẳng tận sức thực hiện thì chính là quên mất tám chữ đó. Đã quên mất tám chữ ấy thì sống làm hạng cầm thú mặc áo đội mũ, chết sẽ đọa trong tam đồ ác đạo, có đáng buồn hay chăng?

III. SỚ

1. Sớ[491] trùng tu ao phóng sanh chùa Cực Lạc ở Nam Tầm[492]

Kiêng giết phóng sanh về mặt sự thì nông cạn, dễ thấy, nhưng về mặt lý lại sâu xa, khó hiểu rõ. Nếu chẳng hiểu rõ lý, dù có làm chuyện này, trong tâm chắc chắn chẳng chí thành, thương xót thiết tha, phước điền lợi ích cũng do tâm lượng mà trở thành nhỏ nhoi, nông cạn. Nếu gặp phải kẻ vô tri ngăn trở, phỉ báng, người phóng sanh sẽ bị kẻ đó xoay chuyển, khiến cho một dạ thiện tâm vì đó bị tiêu diệt chẳng còn. Do vậy, chẳng ngại lắm lời giãi bày ý nghĩa, để những loài vật đều được gội từ ân, loài người đều được vun bồi nền phước, ngõ hầu khẩn thiết động đến lòng nhân sâu xa, diệt được sát báo cho ta lẫn người, cùng đều được về cõi thọ, cùng vui tuổi trời. Lại nguyện đem công đức này hồi hướng Tây Phương để vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, vượt thoát tam giới, làm đệ tử Di-đà, làm bạn tốt trong hải chúng. May ra sẽ được người đọc chú ý vậy!

Nhất niệm tâm tánh của chúng sanh sống trên đất hay dưới nước, vốn quả thật chẳng hai, chẳng khác gì với ba đời chư Phật; nhưng vì sức ác nghiệp đời trước chướng lấp nên diệu minh chẳng thể hiển hiện, trầm luân trong dị loại, đến nỗi sự hay biết hèn kém, ngoại trừ chuyện tìm cái ăn, tránh cái chết ra, trọn chẳng biết đến điều chi khác nữa. Ví như tấm gương đồng quý báu lớn, trải bao kiếp bị bụi lấp, chẳng những không có mảy may quang minh nào, ngay cả chất đồng của gương cũng chẳng thể hiển hiện được, khác gì phế vật. Chợt gặp được người trí, biết là gương báu sẵn có đủ vô biên quang minh chiếu trời soi đất, bèn hằng ngày chăm chú dồi mài. Thoạt đầu bèn lộ chút chất gương, dần dần tỏa ra ánh sáng. Mài đến cùng cực thì ánh sáng chiếu trời soi đất bèn hiển hiện toàn thể; người vô trí mới bèn quý trọng, xem là vật quý báu nhất. Phải biết, ánh sáng ấy gương vốn sẵn tự có, nào phải do mài mà có! Tuy là tự sẵn có, nhưng nếu không có duyên dồi mài thì từ kiếp này sang kiếp khác cũng chẳng có ngày tỏa ra quang minh, tâm tánh của hết thảy trời người chúng sanh lục đạo đều giống như vậy. Do hoặc

---

[491] Sớ: Theo từ điển Từ Hải, chữ Sớ có hai nghĩa:

1) Trình bày rõ ràng từng điểm một.

2) Chú thích ý nghĩa của sách vở.

Ngoài ra, Sớ còn được dùng để chỉ những công văn hoặc tờ trình lên thượng cấp, lên vua. Do vậy, những bài văn được tuyên đọc trong khi tụng kinh với mục đích cầu đảo, giãi bày ý nghĩa của pháp hội đang làm cũng được gọi là Sớ. Ở đây, chữ Sớ được dùng theo nghĩa thứ nhất. Những bài Sớ trong phần này được viết nhằm trình bày rõ ý nghĩa sự việc để cổ động mọi người tham gia, ủng hộ.

[492] Thị trấn Nam Tầm thuộc thành phố Hồ Châu, tỉnh Chiết Giang.

nghiệp từ vô thỉ đến nay che lấp nên chẳng thể tỏ lộ diệu minh sẵn có, mê trái chân tánh, tạo nghiệp sanh tử. Đức Đại Giác Thế Tôn biết nhất niệm tâm tánh của các chúng sanh bằng với chư Phật, do vậy dùng đủ mọi phương tiện tùy cơ thuyết pháp, khiến cho khắp mọi loài đều tu đạo giới định tuệ, ngõ hầu đoạn hoặc chứng chân, khôi phục cái mình sẵn có, trọn vẹn phước tuệ để chứng pháp thân.

Lại dạy người đời phát tâm từ bi, kiêng giết, phóng sanh; ấy là vì ta và hết thảy chúng sanh đều ở trong luân hồi, từ vô thỉ đến nay lần lượt sanh ra nhau, xoay vần giết lẫn nhau. Bọn họ cố nhiên là cha mẹ, anh em trai, chị em gái, con cái của ta, mà ta cũng là cha mẹ, anh em trai, chị em gái, con cái của mỗi một người trong bọn họ. Bọn họ nhiều phen do ác nghiệp lực mà sanh trong loài người hoặc sanh trong dị loại[493], bị ta giết chóc; ta cũng nhiều phen do ác nghiệp lực mà sanh trong loài người hoặc sanh trong dị loại, bị họ giết chóc. Trải bao kiếp lâu xa, sanh ra nhau, giết lẫn nhau, trọn không ngơi ngớt! Phàm phu không biết, Như Lai thấy thấu suốt. Hễ không nghĩ thì thôi, nếu nghĩ đến ắt khôn ngăn hổ thẹn, thương xót. Nay ta may nhờ phước thiện đời trước, sanh trong loài người, cố nhiên nên cởi gỡ mối oán kết, kiêng giết, phóng sanh, khiến cho hết thảy những loài có sanh mạng đều được yên ổn; lại vì họ niệm Phật hồi hướng Tịnh độ, khiến cho họ được độ thoát. Nếu họ nghiệp nặng chưa thể vãng sanh ngay, ta bèn nhờ vào công đức từ thiện này, quyết cầu lâm chung vãng sanh Tây Phương. Đã vãng sanh ắt sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, dần dần chứng được Phật quả.

Vả nữa, yêu thương loài vật, phóng sanh thì bậc cổ thánh tiên hiền đều làm chuyện này, vì thế kinh Thư có đoạn văn chim, thú, cá, ba ba đều được sống yên vui[494], Văn Vương ân trạch thấm đến xương khô, huống chi loài vật có tri giác.

[493] Dị loại: Khác chủng loại. Do loài vật không thuộc loài người nên thường được gọi là dị loại.
[494] Nguyên văn: *"Điểu, thú, ngư, miết hàm nhược."* Trong bài tựa cho cuốn Vệ Sinh Tập, tổ đã giải thích: "Nhược là thuận. Hàm Nhược có nghĩa là đều được thuận theo thiên tánh, chẳng vướng mắc nỗi khổ bị sát hại." Ở đây, chúng tôi chỉ dịch tóm gọn là "chim, thú, cá, ba ba đều được sống yên vui".

Như Giản Tử thả chim cưu, Tử Sản[495] nuôi cá, Tùy Hầu giúp rắn[496], Dương Bảo cứu chim sẻ[497]. Đấy là tâm thánh hiền cùng dùng lòng nhân đối đãi với loài vật, dẫu họ không biết đến những nghĩa lý: "Những loài có tri giác, có cử động đều có Phật tánh, lần lượt thăng lên, đọa xuống, làm kẻ oán người thân lẫn nhau, và tương lai quyết định thành Phật." Đến khi đại giáo truyền sang Đông, thì nhân quả ba đời và lý "chúng sanh, Phật, tâm, ba thứ bình đẳng không hai" sáng lòa trong thế gian. Phàm là bậc đại thánh đại hiền, không ai chẳng kiêng giết, phóng sanh, nhằm vãn hồi sát kiếp để vun bồi quả phước, làm nền tảng để dứt nạn binh đao, vui hưởng tuổi trời. Cổ nhân nói: *"Dục tri thế thượng đao binh kiếp, tu thính đồ môn bán dạ thanh"* (tạm dịch: "muốn biết đao binh trong cõi thế, hãy nghe lò mổ giữa đêm thanh"). Lại nói: "Muốn cho thế gian không còn nạn đao binh thì trừ phi chúng sanh không ăn thịt." Do vậy biết rằng, kiêng giết, phóng sanh chính là khuôn mẫu tốt đẹp để nhổ rễ lấp nguồn tai nạn, cứu đời.

Vì thế, đại sư Trí Giả đời Trần mua hơn 60 chỗ ở Lâm Hải, Giang, Hỗ, Khê, Lương, cả hơn 400 dặm làm ao phóng sanh, xin sắc chỉ lập bia cấm ngặt đánh cá, kẻ nào bắt trộm làm càn sẽ bị mắc vạ. Đến niên hiệu Trinh Quán đời Đường (triều vua Đường Thái Tông) vẫn còn như thế. Đến năm Càn Nguyên thứ hai đời Đường Túc Tông (759), vua hạ chiếu truyền các châu trong thiên hạ lập ao phóng sanh,

---

[495] Tử Sản (không rõ năm sinh-522 trước Công nguyên), tên thật là Công Tôn Kiều, tự Tử Sản, hiệu là Tử Khương, sống vào thời Xuân Thu, người nước Trịnh. Ông chính là dòng dõi của Trịnh Mục Công, nổi tiếng thông minh từ nhỏ, rất giỏi về cai trị, làm chức Khanh đời Trịnh Giản Công, chấp chính suốt 23 năm, rất nhân từ. Ông tiến hành nhiều cải cách quan trọng, chỉnh đốn quyền tư hữu ruộng đất của quý tộc để nông dân có ruộng làm, định lại sắc thuế cho hợp lý hơn. Ông là người đầu tiên cho biên soạn hình luật và cho khắc tân luật lên một cái đỉnh to đặt trong cung vua để mọi người đều được biết luật. Ông chủ trương thuyết Nhân Bản, và cũng được coi là một trong những Nho gia điển hình trước thời Khổng tử. Không rõ chuyện nuôi cá của ông ta được trích từ điển tích nào.

[496] Đời Xuân Thu, Tùy Hầu (vua nước Tùy) đi ra ngoài chơi thấy một con rắn bị người ta đánh gần chết, vứt trên vệ đường, động lòng thương xót, liền sai tùy tùng đem thuốc cứu rắn, rồi đem thả đi. Ít lâu sau, rắn từ sông ngoi lên, nhả tặng vua một viên minh châu để báo ân cứu mạng. Do vậy, viên ngọc ấy thường được gọi là châu Tùy Hầu, hoặc châu Linh Xà. Sách sưu Thần Ký mô tả viên ngọc ấy như sau: "Kích thước tròn trặn chừng một tấc, trắng muốt, ban đêm tỏa ánh sáng, có thể soi sáng cả gian phòng."

[497] Có lần Dương Bảo vào Hoa Sơn thấy con chim sẻ bị thương rơi xuống đất, máu me bê bết, cảm thương ông liền đem về băng bó, chăm sóc, khi chim lành bèn thả đi. Chim tha đến bốn cái chén ngọc, lại nói: "Mong con cháu ông sẽ trắng trong, tinh thuần như bạch ngọc." Đêm ấy, ông mộng thấy một vị trời mặc áo vàng đến bảo: "Tôi là con chim sẻ vàng được ông cứu mạng. Tôi vốn là sứ giả của Tây Vương Mẫu, bị thương giữa đường. May được ông cứu giúp, nay được trở về Nam Hải nên đến đáp tạ." Về sau, con cháu ông đều nổi tiếng đức hạnh, hiển đạt.

sai Nhan Chân Khanh[498] soạn bài văn bia và viết bằng bút son, trong ấy có câu: "Đức vua ta lấy cả thiên hạ làm ao, hết thảy các loài trong toàn cõi đều nhờ phước, nương sức đà-la-ni gia trì, cạn bờ mé phiền não sanh tử; suy đến tận ngàn xưa, chưa hề phảng phất giống được như vậy." Năm Thiên Hỷ nguyên niên (1017) đời Tống Chân Tông, hạ chiếu truyền thiên hạ lập ao phóng sanh, Tây Hồ ở Hàng Châu cũng trở thành ao phóng sanh của vua Tống. Đời Minh, đại sư Liên Trì lập ao phóng sanh ở hai nơi là Thượng Phương và Trường Thọ, bài văn Giới Sát Phóng Sanh của ngài lưu truyền khắp thiên hạ. Cho đến nay đã hơn 300 năm, những người thông hiểu trong hàng tăng tục đều ngưỡng mộ cao phong, từ bi cứu tế loài vật không thể tính kể.

Như có kẻ nói:

- Kẻ quan quả cô độc[499], bần cùng hoạn nạn đâu đâu cũng có, sao không chu cấp, lại gấp rút lo lắng cho loài dị loại chẳng liên quan gì đến ta? Đấy chẳng phải là điên đảo nơi chuyện thong thả - gấp rút, nặng - nhẹ đó ư?

Đáp:

- Ông chưa biết nguyên do đức Như Lai dạy người kiêng giết, phóng sanh. Tuy người và vật khác nhau, nhưng Phật tánh vốn đồng, do ác nghiệp nên chúng bị trầm luân trong dị loại, ta do thiện nghiệp may được thân người. Nếu chẳng xót thương, giúp đỡ, cứ mặc tình giết hại, ăn nuốt, thì một mai kia nếu phước ta hết rồi, tội của chúng đã trả xong, khó tránh khỏi phải đền trả từ đầu, đem thân mình thỏa miệng bụng của chúng. Phải biết đao binh đại kiếp đều do sát nghiệp đời trước cảm thành, nếu không có sát nghiệp, dẫu thân gặp phải giặc cướp, chúng cũng sẽ khởi lòng lành, chẳng giết hại mình. Huống chi những tai nạn bất ngờ như ôn dịch, nước, lửa thì người kiêng giết, phóng sanh rất ít gặp phải. Do vậy biết rằng, che chở loài vật chính là tự che chở mình; kiêng giết sẽ khỏi bị trời giết, quỷ thần giết, trộm cướp giết, khỏi bị oán thân giết nhau báo thù trong tương lai. Những kẻ quan quả cô độc bần cùng hoạn nạn cũng nên tùy phần tùy lực chu cấp

[498] Nhan Chân Khanh (707-784), tự Thanh Thần, thường được gọi là Lỗ Công (vì ông được phong chức Lỗ Quận Khai Quốc Công), là một thư pháp gia nổi tiếng thời Đường. Tuy cũng là thi nhân, thơ ông không nổi tiếng như các nhà thơ khác thời Thịnh Đường. Tài thư pháp của ông được người đương thời bình luận: "Phóng khoáng nhưng không buông tuồng, dễ dãi nhưng không vụng về, đặt bút viết xuống là được ngay." Lối viết khải thư của ông được coi là mẫu mực cho mọi hành giả viết chữ khải thư về sau. Ông còn được coi là truyền nhân của Trương Húc về lối chữ thảo.

[499] Quan quả cô độc: Quan là góa vợ, quả là góa chồng, cô là mất cha mẹ, độc là không con cái.

cho họ, chứ nào phải người kiêng giết phóng sanh hoàn toàn chẳng hành những điều công đức ấy. Tuy người quan quả cô độc rất đáng thương, nhưng họ chưa đến nỗi lâm vào tử địa, còn loài vật nếu không bỏ tiền chuộc mạng, sẽ lập tức phải lên chảo, thớt để thỏa bụng miệng con người.

Lại có kẻ nói:

- Loài vật vô tận, phóng sanh được mấy?

Đáp rằng:

- Phải biết chuyện phóng sanh thật ra nhằm để phát khởi thiện tâm tối thắng "bảo vệ sanh mạng mọi loài vật" của mọi người, ngõ hầu lãnh hội được ý nghĩa của chữ "phóng" (thả), trong tâm đã động lòng trắc ẩn, ắt chẳng nỡ ăn nuốt. Đã không có người ăn nuốt thì người đánh bắt sẽ phải thôi, khiến cho hết thảy loài vật dưới nước, trên mặt đất, trên hư không đều tự tại bay, chạy, bơi lội trong nơi sinh sống của chúng. Như vậy, thành ra không phóng sanh mà hóa ra là phóng sanh khắp tất cả. Đấy chẳng phải là "cả thiên hạ biến thành một cái ao" ư? Dẫu không phải ai cũng đều như vậy cả, nhưng một người chẳng nỡ ăn thịt thì vô lượng sanh mạng trên đất liền, dưới nước khỏi bị giết chóc, huống chi nào phải chỉ có một người! Lại vì hiện tại, vị lai hết thảy đồng nhân đoạn trừ cái nhân của quan quả, cô độc, hoạn nạn, bần cùng, tạo cái duyên trường thọ, không bệnh, phú quý, an lạc, cha con đoàn viên, vợ chồng giai lão cho họ. Đấy chính là làm chuyện chu cấp, cứu tế sẵn để đời đời kiếp kiếp trong vị lai mãi mãi chẳng bị những nỗi khổ quan quả cô độc v.v. hưởng thụ dài lâu những niềm vui sống lâu, giàu sang v.v.. Đấy chẳng phải là "toàn nước được hưởng phước" ư? Há có nên coi thường gác bỏ? Ông hãy nghĩ kỹ đi, kiêng giết, phóng sanh rốt ráo là khăng khăng vì con người hay là khăng khăng vì loài vật, điên đảo nơi chuyện thong thả - gấp rút, nhẹ - nặng vậy?

Phía ngoài chùa Cực Lạc ở Nam Tầm từ trước đã có ao phóng sanh, nhưng do bờ vách chưa xây nên bị sụp lở, lại thêm nhiều năm chưa được khơi vét, bùn lầy đầy ứ. Thường có những người lành phải ra sông phóng sanh, dù phát thiện tâm nhưng sanh vật khó được hưởng lợi ích. Sáng vừa được thả, chiều lại bị bắt, quá nửa là như vậy. Nếu gần sông to thì dĩ nhiên nên thả xuống sông, nơi sông nhỏ trọn chớ nên thả xuống. Đại sư Viên Lâm lòng bất nhẫn, muốn đào sâu ao đó, phía ngoài đắp tường vây bọc bảo vệ để có chỗ phóng sanh mà kẻ bắt cá trộm cũng không làm gì được. Ý ấy cũng rất tốt lành, nhưng chưa tiến hành, đến khi đại sư Giác Tam từ Phổ Đà đến đó, vừa trông thấy liền hợp ý, trở về chùa bàn bạc

chuyện ấy, nhưng tôi đã buông xuống vạn duyên, chuyên tu tịnh nghiệp rồi [nên không thể cáng đáng việc ấy]. Thầy Giác Tam kế thừa đầu mối cũ, muốn sự ấy chóng thành, nhưng công trình rộng lớn, sức một mình sư khó thể thành tựu, tính quyên mộ thiện tín toàn trấn cùng giúp cho việc thù thắng, xin tôi viết lời tự (phần sau lược đi).

2. Bài sớ về ao phóng sanh chùa Pháp Vân ở sông Tam Xoa[500], Kim Lăng

Kim Lăng[501] là đất văn hiến, thường được gọi là Phật quốc, người xứ ấy đa phần có căn tánh Đại thừa. Từ khi đại pháp truyền sang Đông, hơn 170 năm chỉ ở phương Bắc. Đến năm Xích Ô thứ tư (241) đời Tôn Quyền nhà Ngô, tôn giả Khang Tăng Hội đến giáo hóa đất này, cảm được xá-lợi Phật giáng lâm, Tôn Quyền bèn cho dựng tháp lập chùa để hoằng pháp hóa. Đến đời Tấn, ngài Phật-đà-bạt-đà-la[502] cũng dịch kinh Hoa Nghiêm ở nơi đây. Từ đời Tống, Tề, Lương, Trần trở đi, dịch kinh hoằng pháp có rất nhiều vị. Một là do thiện căn xưa kia un đúc khiến thành ra như thế; hai là núi cao, nước sâu, địa linh khiến thành ra như vậy. Đến thời Đường Túc Tông, Lỗ Công Nhan Chân Khanh trấn giữ đất này, vua hạ chiếu truyền các châu trong thiên hạ đều lập ao phóng sanh, sai Lỗ Công soạn bài văn, có câu: "Cả thiên hạ đều thành ao, trọn đất nước đều nhờ phước, chứ nào phải chỉ tính kế riêng cho loài vật mà thôi ư!" Ấy là muốn cho người đọc đến phải cảm động vậy!

Đầm Ô Long dưới núi Thanh Lương chính là ao phóng sanh do Lỗ Công tự lập. Lỗ Công lòng tinh trung ngời nhật nguyệt, văn bút động gió mây, nhưng lại

---

[500] Sông Tam Xoa nằm phía Nam Kim Lăng, do sông hợp nhánh cùng với sông Tần Hoài ở phía Đông và Thanh Giang tại phía Nam cùng đổ ra biển, có hình dáng giống như cái chĩa ba nên có tên như vậy.

[501] Kim Lăng là tên cũ của Nam Kinh. Nam Kinh còn có tên khác là Giang Ninh. Đây là kinh đô của nhiều triều đại trong lịch sử, thường được biết đến dưới tên gọi Lục Triều Cổ Đô. Năm Vĩnh Lạc 19, Minh Thành Tổ dời đô lên Bắc Kinh; do vậy, đổi Kim Lăng thành Nam Kinh.

[502] Phật-đà-bạt-đà-la (359-429), tiếng Phạn là Buddhabhadra, dịch nghĩa là Giác Hiền hoặc Phật Hiền. Ngài là vị cao tăng, người thành Na-ha-lợi, Bắc Ấn, là hậu duệ của Cam Lộ Phạn vương thành Ca-tỳ-la-vệ. Xuất gia năm 17 tuổi, tu hành tinh tấn, đọc rộng các kinh sách, tinh thông Thiền, Luật. Sau ngài cùng đồng học là Tăng-già-đạt-đa qua Kế Tân học thiền với ngài Phật Đại Tiên. Rồi ngài nhận lời thỉnh của sư Trí Nghiêm, đến Trường An vào năm Hoằng Thỉ thứ 10 (408) nhà Hậu Tần để hoằng truyền Thiền học. Do không quen tập tục ở Trường An, lại không hợp với ngài Cưu-ma-la-thập nên cùng những đệ tử như Huệ Quán v.v., hơn 40 người rời Trường An, sang cư ngụ ở Lô Sơn với ngài Huệ Viễn mấy năm, dịch kinh Đạt-ma-đa-la-thiền. Năm Nghĩa Hy thứ 11 (415), sư đến Kiến Khang, nay là Nam Kinh, ở lại chùa Đạo Tràng, chuyên chú dịch thuật. Ngài cùng đại sư Pháp Hiển hợp dịch luật Ma-ha-tăng-kỳ, kinh Đại-bát-nê-hoàn, lại dịch bộ Hoa Nghiêm 60 quyển một mình. Ngài tịch diệt năm Nguyên Gia thứ sáu nhà Lưu Tống, thọ 71 tuổi. Đời gọi ngài là thiền sư Thiên Trúc.

dốc lòng tin tưởng Phật pháp, cực lực bảo vệ sanh mạng loài vật. Đức hạnh tốt đẹp, lòng từ bao la ấy một ngàn trăm năm sau không ai chẳng kính ngưỡng! Gần đây, thế đạo nhân tâm suy kém đã đến độ cùng cực, thiên tai, nhân họa xảy ra liên miên. Người có lòng lo lắng cho đời đều cho rằng những nghiệp quả ấy đều do sát nghiệp tạo ra. Nếu biết được loài vật chẳng nên giết, chắc chắn không khi nào có người giết. Do vậy, những người ôm lòng từ thiện nâng đỡ lẫn nhau, sẽ tự có thể thay đổi phong tục, chiêu cảm được thiên hòa. Do vậy, các vị cư sĩ Phùng Mộng Lão, Vương Ấu Nông, Bàng Tánh Tồn, Ngụy Mai Tôn… tính lập ao phóng sanh để đề xướng đạo "ngưng giết, hành từ", ngõ hầu đề cao phong tục "coi dân chúng như ruột thịt, coi loài vật như chính mình".

Do nền cũ đầm Ô Long của Lỗ Công không thông ra sông, nên họ tìm riêng một cuộc đất rộng rãi hơn một trăm mấy mươi mẫu ở phía dưới bờ đập nhà họ Phương ở sông Tam Xoa, đủ để kiến lập đạo tràng, đào ao phóng sanh. May là chủ cuộc đất ấy là ông Phương Tuấn Sanh vốn là bậc quân tử thích làm lành, chỉ lấy nửa giá, cũng có thể nói là công đức hy hữu vậy. Bàn bạc vừa xong, nhằm đúng lúc tôi đến Kim Lăng, ông Ngụy đem chuyện này bảo với tôi, nhờ viết tờ sớ để xướng suất. Tôi thường đau đớn trước nỗi thảm sát kiếp trong thời gần đây, muốn vãn hồi nhưng không có sức. Nay do ông ta thỉnh, lòng xúc động, trước kia tôi từng soạn bài sớ cho ao phóng sanh chùa Cực Lạc ở Nam Tầm, đã trình bày đại lược chuyện chúng ta cùng loài vật vốn có đủ chân tâm, do tùy theo nghiệp mà thăng trầm, cũng như quả báo do sát sanh hay phóng sanh trong hiện tại, tương lai, nên ở đây chỉ nói đại lược, không nhắc lại nữa.

Kính mong chư vị đàn-việt[503] cùng phát thiện tâm, cùng bỏ ra tịnh tài khiến cho việc này mau được thành công, ngõ hầu muôn vật loài nào loài nấy sống yên; công đức lợi ích ấy vô lượng, vô biên, há nào phải chỉ trong hiện đời vạn họa băng tiêu, ngàn sự tốt lành nhóm đến như mây, mà trong đời vị lai những người đền ân báo đức cũng chẳng biết là bao nhiêu ngàn vạn ức. Phải biết phóng sanh vốn là kiêng giết, kiêng giết phải khởi đầu từ việc ăn chay; nếu ai nấy đều kiêng giết, ai nấy đều ăn chay thì nhà nhà tập thói từ thiện, người người giữ trọn lễ nghĩa, phong tục tốt đẹp tinh thuần, thời thế hòa bình, được mùa, nào đến nỗi có chuyện đao binh kiếp khởi, đây kia đánh lẫn nhau. Đấy chính là chuyện trọng yếu, là "nguồn trong gốc chánh" để vãn hồi thiên tai nhân họa vậy! Phàm những ai muốn cho cửa nhà yên ổn, thân tâm khỏe mạnh, yên vui, thiên hạ thái bình, nhân dân

[503] Đàn-việt (danapati): Thí chủ, người đứng ra bố thí.

an lạc, xin hãy cầu từ nơi kiêng giết phóng sanh, ăn chay, niệm Phật thì cầu gì mà chẳng được.

3. Bài sớ [kêu gọi đóng góp] xây dựng viện mồ côi Phật giáo chùa Pháp Vân ở sông Tam Xoa, Kim Lăng

Càn là đại phụ, *khôn* là đại mẫu, dân là đồng bào của chúng ta, loài vật và ta cũng giống như thế. Do vậy, Khổng tử lấy chuyện yên ổn người già, lo lắng cho trẻ nhỏ làm chí, đức Như Lai lấy việc phổ độ chúng sanh làm tâm. Do hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều là cha mẹ thân thuộc trong quá khứ của chúng ta, đều sẽ thành Phật đạo trong đời tương lai. Có những kẻ do nghiệp lực nên đọa trong dị loại sống trên đất, dưới nước, trên không trung, nhưng Phật tánh của họ chẳng bị tổn hại chút nào. Cái tâm tham sống, sợ chết, tránh khổ, cầu vui chẳng khác chúng ta chút nào. Do vậy, ông Phùng Mộng Lão mời các vị cư sĩ cùng chí hướng đề xướng tạo dựng chùa Pháp Vân làm đạo tràng niệm Phật phóng sanh. Mong hết thảy thiện nhân cảm cái tâm của cha trời mẹ đất, cùng mang ý niệm *"*dân là đồng bào, loài vật cũng giống như ta", dứt sát nghiệp cho cả người lẫn ta, vun cội đạo Bồ-đề, chứ nào phải chỉ chăm chú vào một đạo tràng nhỏ bé mà thôi! Ấy là vì muốn cho cả thiên hạ đều cùng phát khởi cái tâm trắc ẩn không chi chẳng thấu.

Đối với hết thảy những kẻ quan quả cô độc, khốn khổ, lênh đênh, không nơi nương tựa, không phải là chẳng muốn cứu giúp, nhưng do tài lực khó khăn, nên bèn lập thêm một viện mồ côi nơi cuộc đất hẹp bên cạnh ao phóng sanh chùa Pháp Vân, đem những cô nhi không cha, không mẹ, không cách sống còn về nuôi dạy cho đến khi chúng thành tài tự lập, để chúng khỏi bị đói lạnh mà chết vùi lấp bên khe ngòi, no lòng quạ, chó; đến nỗi tổ tông chúng không người thờ phụng, cũng như quốc gia thiếu nhân dân. Tâm ấy có thể nói là chân thành khẩn thiết, biết điều gì cần phải lo trước. Ấy là vì trẻ nhỏ hễ mất cha mẹ ắt phải đến nỗi chết đi, dẫu cho nó có thể xin ăn được đôi chút, không đến nỗi chết ngay, nhưng vì không thể học hành, bất quá chỉ suốt đời làm mướn, làm sao mở mang trí thức để thấu đạt thiên tư sẵn có, giữ vẹn luân lý hòng chẳng trái đạo làm người cho được? Hãy thử nghĩ, ngài Đạo An đời Tấn, ngài Nhất Hạnh đời Đường, ngài Diệu Phong đời Minh[504] đều là cô nhi, do các vị được làm tăng nên đạo bèn truyền khắp thiên

[504] Về ngài Đạo An, xin xem chú thích 153, quyển 2.

- Nhất Hạnh (683-727), thường được xưng tụng là a-xà-lê Nhất Hạnh, là một cao tăng bên Mật tông, đồng thời là một nhà thiên văn lịch số nổi tiếng. Ngài sống vào thời Đường, quê ở Cự Lộc (nay thuộc huyện Cự Lộc, tỉnh Hà Bắc). Xuất thân từ nhà quyền quý, tánh ưa thích

kinh sử, xuất gia với thiền sư Cảnh ở Kinh Châu, sau học thiền với thiền sư Phổ Tịch ở Tung Sơn, rồi lại học Luật với ngài Đương Dương Chân Toản. Ngài gom góp những đoạn kinh văn trọng yếu trong các kinh luận soạn thành bộ Nhiếp Điều Phục Tạng, mười quyển. Sư còn theo học với các vị Thiện Vô Úy, Kim Cang Trí, cùng với ngài Thiện Vô Úy dịch bộ kinh căn bản quan trọng nhất của Mật tông là kinh Đại Nhật. Sư được ngài Kim Cang Trí truyền thọ Bí Mật Quán Đảnh. Năm Khai Nguyên thứ chín (721), vua xuống chiếu sai sư hiệu đính lịch pháp. Sư soạn thành bộ Đại Diên Lịch gồm 52 quyển (lịch pháp này đến nay vẫn được người Nhật sử dụng). Ngài còn cùng với ông Lương Lệnh Toản chế ra dụng cụ thiên văn gọi là Hoàng Đạo Du Nghi để trắc định vị trí của hơn 150 hằng tinh, cũng như tính ra kinh độ của các ngôi sao ấy. Tác phẩm quan trọng của sư là bộ Đại Nhật Kinh Sớ gồm 20 quyển, được coi là tác phẩm kinh điển trọng yếu, có thẩm quyền nhất trong các sớ giải của Mật giáo. Ngài tịch diệt năm Khai Nguyên 15, thọ 45 tuổi, thụy hiệu là thiền sư Đại Huệ. Ngài còn soạn những tác phẩm nổi tiếng khác là Tú Diệu Nghi Quỹ, Phạm Thiên Hỏa La Nghi Quỹ, Thất Diệu Tinh Thần Biệt Hành Pháp, Dược Sư Lưu Ly Như Lai Tiêu Tai Trừ Nạn Niệm Tụng Nghi Quỹ. Ngoài ra, còn có bộ Hoa Nghiêm Kinh Hải Ấn Đạo Tràng Sám Nghi 42 quyển soạn chung với đệ tử là Huệ Giác.

- Ngài Diệu Phong sống vào thời Minh, tên là Phước Đăng, người Bình Dương, Sơn Tây, họ Tục, hậu duệ của Tục Cúc Cư thời Xuân Thu. Sanh ra đã có tướng mạo kỳ lạ: môi trớt, răng vẩu, mũi hếch, cổ lộ hầu. Bảy tuổi mồ côi, phải đi chăn dê cho người ta. Năm 12 tuổi xin vào tu tại một ngôi chùa gần đó, bị tăng nhân đối xử tàn tệ, phải trốn sang Bồ Bản, xin ăn ở chợ, đêm ngủ nhờ ở Văn Xương Các tại phía Đông quận ấy. Gác ấy do Sơn Âm Vương xây để mời Lương Công chùa Vạn Thọ ở. Một bữa, Sơn Âm Vương trông thấy bèn bảo Lương Công: "Đứa bé này ngũ quan đều lộ, nhưng thần trí ngưng lặng, xương cứng cỏi, ắt ngày sau thành đại khí, nên thâu làm đồ đệ, đối đãi tử tế." Ít lâu sau, có động đất lớn, những chỗ dân chúng cư ngụ bị sụp đổ hết, sư bị đè ở dưới nhưng không bị thương. Vương càng lấy làm lạ, bèn cho sửa Lâu Nham Lan Nhã trong Điều Sơn, bảo sư bế quan chuyên tu thiền quán, đêm ngày đứng sừng sững suốt ba năm. Bế quan không lâu đã có chỗ ngộ, Vương bảo: "Đứa bé này kiến giải đã như thế, nếu không chiết phục ắt về sau phát cuồng." Bèn lấy một miếng đế giầy rách, viết bài kệ rằng: "Đế giày hôi thối này, gói lại gởi cho ngươi, đừng làm chuyện chi khác, hãy chuyên chú ngâm thơ." Gói lại, gởi cho sư. Sư nhận được, lễ Phật, lấy vải trùm đầu, từ đấy im lặng không nói năng gì nữa. Ba năm bế quan xong, đến gặp Vương đã thông tỏ bổn phận. Vương rất mừng, bảo đi nghe giảng kinh Lăng-nghiêm, thọ cụ túc. Sư tham học với khắp các tri thức. Sư triều bái Phổ Đà, do không quen phong thổ, bị ghẻ khắp người, bèn phát nguyện thếp vàng ba tượng đại sĩ Văn-thù, Phổ Hiền, Quán Âm, tạo khám thờ bằng đồng gởi đến Ngũ Đài, Nga Mi, Phổ Đà để cúng dường vĩnh viễn. Khi trở về Ninh Ba, sư mắc bệnh thời khí, gần chết. Đêm đi đường, tìm không ra một giọt nước, bèn lấy tay vốc nước từ trong một cái chậu tắm, uống vào ngọt ngào vô cùng. Sáng ra thấy nước ấy dơ quá, ói mật xanh mật vàng, liền ngộ: "Uống vào thật ngon, trông thấy thật dơ. Dơ sạch do tâm, chẳng liên quan đến vật bên ngoài", toàn thân đổ mồ hôi bèn lành bệnh, nhưng vẫn còn ghẻ. Đến chùa Đại Báo Ân ở Nam Kinh, nghe pháp sư Vô Cực giảng Hoa Nghiêm Huyền Đàm, ngài Hám Sơn làm phó giảng. Sư xin làm chức Tịnh Đầu (trông coi nhà tiêu) để dưỡng bệnh nghe kinh. Mỗi ngày đại chúng ăn trưa xong, nghỉ ngơi, sư bèn quét dọn nhà xí cho thật sạch sẽ. Ngài Hám Sơn biết vị Tịnh Đầu ắt là một cao tăng, bèn đến thăm riêng, ước hẹn làm bạn đồng tham. Không lâu sau, nhà xí không sạch nữa, Hám Sơn đoán vị Tịnh Đầu đã bỏ đi, bèn đi tìm. Sư sau khi bỏ đi, tìm chỗ sâu nhất trong núi ở Bồ Châu, kết tranh làm am, không ăn cơm suốt ba năm, được đại ngộ. Sơn Âm Vương dựng

hạ, đức phủ triệu dân. Ông Lã Văn Mục đời Tống lúc hàn vi đọc sách, xin ăn nuôi thân, một vị tăng thương xót bèn giúp đỡ, ông đậu cao, tận tụy với vua, thương yêu dân chúng. Do vậy, ông có phát nguyện rằng: "Nguyện con cháu đời đời ăn lộc, hộ trì Phật pháp. Kẻ nào chẳng tin tam bảo đừng sanh vào nhà ta." Ấy là vì lòng cảm kích sâu xa. Do vậy, biết rằng thần long còn bé thường hay bị cát đá gây khốn, người có lòng nhân đem nước chừng một thưng, một đấu giúp cho, đợi đến khi rồng đủ vây cánh, gió mây gặp hội, ắt có thể rưới mưa ngọt khắp cả thiên hạ. Dẫu những đứa thiên tư tầm thường, không bản lãnh gì, nhưng được nuôi dưỡng lương năng lương tri khiến cho đứa nào đứa nấy hiền lành thì cũng có thể tạo thành cái gốc làm cho thiên hạ thái bình. Huống hồ cô nhi rất nhiều, trong ấy ắt có những đứa tài năng xuất chúng, có thể thành đạo lập đức, tán trợ quyền giáo hóa, dưỡng dục, như các vị Đạo An, Nhất Hạnh, Diệu Phong, Văn Mục vậy! Công đức nuôi dạy thành tựu ấy há thể tính lường được ư?

Kính mong những bậc quân tử nhân từ, hết thảy thiện tín, đều khởi lòng giúp đỡ trẻ nhỏ, đừng keo kiệt, giúp đỡ nhỏ giọt. Phải biết bố thí là cội phước, đạo trời sẽ đền đáp tốt đẹp. Mình đã giúp con côi của người ta thì con cháu mình ắt sẽ có nhiều đứa tài năng xuất chúng, làm chuyện lớn lao, quyết chẳng đến nỗi khổ sở lênh đênh, không biết kêu ca vào đâu. Phạm Văn Chánh Công (Phạm Trọng Yêm) đời Tống chỉ chăm chú giúp đời, cứu người, con cháu ông cho đến tận bây giờ nhiều người hiển đạt. Do vậy biết rằng cứu giúp người bị tai ương thì chính mình và con cháu mình đời đời kiếp kiếp đều chẳng đến nỗi bị tai ương phải đợi người cứu giúp. Nếu có thể nhận lãnh lời bàn luận kém hèn, chẳng tiếc của báu trong nhà, ngõ hầu sự việc này được thành tựu mỹ mãn, thì há nào phải chỉ cô nhi được may mắn, mà thật ra chính là thiên hạ quốc gia được may mắn lớn lao vậy.

---

chùa ở Nam Sơn, mời sư về ở, lại nhờ lên Bắc Kinh thỉnh Tạng kinh. Sư gặp Hám Sơn ở giữa chợ tại kinh đô, kinh cũng đã thỉnh xong, bèn cùng nhau về Bồ Châu. Năm sau, cùng đến Ngũ Đài, ở nhờ nơi am Diệu Đức thuộc Long Môn dưới chân ngọn Bắc Đài. Ba năm sau, mỗi vị đều trích máu từ lưỡi hòa vụn vàng chép kinh Hoa Nghiêm. Vàng và giấy do thái hậu Từ Thánh ban tặng. Chép kinh xong, sư tổ chức Vô Già Đại Hội 20 ngày. Thái hậu sai quan đến xin sư cầu hoàng tự (người nối dòng cho hoàng triều), họ bèn đem công đức ấy hồi hướng cho việc ấy. Mười tháng sau, sanh được hoàng nam, tức Thái Xương. Thấy quá nổi tiếng, không thể ở lâu được, hai vị bèn xuống núi ẩn cư. Sư vào núi Lô Nha, kết am tu. Thái hậu sai người tìm được, bèn cho cất chùa Hoa Nghiêm nơi ấy. Từ đó, suốt 20 năm, xây dựng tùng lâm, sửa cầu cống, đắp đường trong núi, phàm những công trình lớn, người khác không hoàn thành được thỉnh sư trông coi, chẳng lâu sau đều hoàn thành. Việc xong liền đi, không bận tâm đến nữa. Sư ngồi viên tịch, thọ 73 tuổi, tăng lạp 49 năm.

4. Sớ phổ khuyến thí tiền khắc in Đại Tạng

Đại tạng chính là tùng lâm bát-nhã, là kho tàng chân như, là biển thẳm của hết thảy các pháp thế gian, xuất thế gian. Toàn bộ đạo do chính đức Như Lai rốt ráo chứng đắc, pháp sẵn có trong tâm của chúng sanh và pháp rộng khắp mười phương thế giới, tinh vi như nhân quả ba đời, cũng như những đạo luân thường hiếu để từ thiện thường ngày thảy đều xiển dương, khen ngợi, chỉ dạy hoàn toàn chẳng sót chút nào. Do vậy, bậc hoằng pháp Đại sĩ không ai chẳng lấy việc lưu thông Đại tạng làm nhiệm vụ cấp bách để hoằng pháp lợi sanh.

Khắc Đại tạng kinh khác với chỉ khắc một hai bộ kinh luận, nhưng không được nói là công đức này lớn, công đức kia nhỏ, pháp này thích đáng căn cơ, pháp kia không thích đáng căn cơ. Ấy là vì một Đại tạng giáo tuy có kinh, luật, luận, và những trước thuật của Tây Trúc (Ấn Độ), phương này (Trung Hoa), bộ loại khác biệt, số quyển vượt quá vạn cuốn, nhưng đều là một bộ Đại tạng kinh. Đã là một bộ sao có thể chia xẻ cương vực, lầm lạc phân chia hơn kém? Ví như vạn con sông đổ vào biển cả cùng một vị mặn, trăm hoa gom thành mật cùng một vị ngọt. Cây cỏ tuy có lớn nhỏ, nhưng ánh nắng xuân trọn chẳng thiên vị; hình tướng tuy rất khác biệt, nhưng gương sáng nào soi khác nhau? Như xây tháp chín tầng, xếp gạch đá thành từng bậc, công đức giống hệt như nhau. Như đúc tượng Phật ngàn thước, nung vàng và đồng trong cùng một lò, nào phân cao thấp?

Chỉ nên do ngọn tìm được gốc, há nên chấp nguồn bỏ giòng! Bồ-tát độ sanh chẳng thấy tướng người độ và kẻ được độ, Bồ-tát hành bố thí chẳng chấp vào tướng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Vì thế đắc nhất tâm vô trụ, tam luân thể không, đạt được phước đức bằng với mười phương hư không, cùng một dạng rộng lớn lâu dài. Giáo pháp Đại tạng tuy có *đại, tiểu, quyền, thật, thiên, viên, đốn, tiệm, hiển, mật, chân, tục, thiền, tịnh, tánh, tướng*, đủ mọi thứ bất đồng, nhưng tâm quang huyết mạch cố nhiên đều dung hội quán thông, không một điều gì trệ ngại. Ví như ngàn hạt châu nơi cái lưới của Đế Thích, rọi bóng lẫn nhau trùng trùng; như ngàn ngọn đèn trong điện Phật, ánh sáng bao phủ lẫn nhau. Đàn-việt giúp khắc in kinh chỉ cần biết là tiền bỏ ra chẳng uổng phí, đừng hỏi khắc in những kinh gì, khiến cho người đứng trông coi đỡ tốn tâm lực và Đại tạng mênh mông chóng được viên thành. Nếu như có tâm phân biệt, lầm lạc sanh lòng chọn lựa, thì ai nấy có lòng ưa thích riêng, ắt đến nỗi có loại được nhiều người nguyện khắc trở thành trùng lặp, có loại thì không ai phát tâm, thường bị thiếu sót. Công đức tuy có, nhưng thong thả hay gấp rút chẳng thích đáng, biết đến khi nào toàn tạng mới được lưu thông?

Huống chi lúc này người trông nom, giảo chánh, đối chiếu đều đã có, duyên thù thắng ấy khó thể có lần nữa, nỡ nào bỏ lỡ qua ư? Phải biết, vì thật bày quyền, quyền ấy là quyền đối với thật, khai quyền hiển thật thì thật ấy là thật đối với quyền vậy. Như Lai nói kinh, Bồ-tát tạo luận, nếu không có các tổ sư Tây Trúc, phương này trước thuật, phụ giúp khen ngợi thì làm sao có thể lưu thông trong nước ngoài nước mãi cho đến nay chẳng suy phế được?

Hơn nữa, bậc thế chủ trị quốc còn phải nhờ vào văn võ phù tá thì mới được vạn dân ngưỡng mộ đức, kiêng oai, nhìn vào gương sáng mà tự thay đổi. Huống chi tam đức bí tạng do đức Như Lai đã chứng, diệu lý thật tướng, nếu bỏ đi những thứ phát huy tùy thuận cơ nghi của cổ đức những gì tâm Phật đã chứng thì chỉ có Phật và các vị Pháp thân đại sĩ biết được, còn những chúng sanh căn cơ kém cỏi khác sẽ dựa vào đâu để biết được? Nhờ vào đâu để chứng được? Do vậy, biết rằng hơn một vạn quyển kinh trong Đại tạng đều là cùng một pháp, há có thể phân biệt được sao? Mong rằng các đại đàn-việt bỏ tiền của giúp khắc in đều cùng dùng vô sở trụ để sanh tâm, chẳng trụ vào pháp để hành bố thí thì công đức chẳng thể nghĩ bàn của Đại tạng ai nấy đều đạt được toàn phần. Như một vầng trăng giữa trời hiện bóng khắp muôn sông, cùng một tiết khí cả cõi đất đều là mùa xuân.

5. Sớ sáng lập chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân, tỉnh Cát Lâm

Phật pháp lưu thông, lợi ích vô lượng, người căn cơ thiên bẩm sâu sẽ đạt sâu xa, tức là có thể minh tâm kiến tánh, đoạn hoặc chứng chân; người căn cơ thiên bẩm nông cạn sẽ đạt được nông cạn, cũng có thể cải ác tu thiện, mong thành thánh, thành hiền. Ấy là do Như Lai lập giáo, tuy chánh yếu vì lẽ xuất thế, nhưng tùy thuận cơ nghi nên khéo léo khuyên dụ dần dần. Vì thế, đối với đạo xử thế cũng phát huy trọn vẹn, chẳng sót mảy may điều gì, gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường, em kính, chồng xướng, vợ theo. Phàm hết thảy đạo luân thường hằng ngày trọn chẳng khác gì đạo Nho đã dạy. Điểm khác biệt là trong mỗi pháp đều dạy nhân quả ba đời, thiện ác báo ứng, khiến cho con người giữ tấm lòng kính sợ, chẳng dám vượt phạm, dẫu ở trong nhà tối phòng kín vẫn thường như đối trước Phật, trời. Dẫu là phường tham tàn bạo ác trọn không có lòng tin, nhưng do nghe chuyện nhân quả báo ứng lâu ngày, tâm chúng cũng ngầm bị chế phục, cũng chẳng đến nỗi mười phần tàn khốc.

Xem thời Liệt Quốc, giết người để tuẫn táng, càng giết nhiều càng vinh, đến khi Phật giáo truyền sang Đông, phong tục này bèn bị diệt là đủ thấy vậy! Thấm sâu vào con người, lợi ích rộng lớn, ví như mặt trời sáng rực giữa trời, dẫu kẻ mù

từ lúc mới sanh vẫn đều được an lạc; ánh dương xuân chiếu xuống đất, mầm đã bị thiêu cũng được sanh thành. Quả thật: "Nếu Như Lai không xuất thế, vàn muôn đời như đi trong đêm tối. Nếu Phật pháp lưu thông, trời người đều có chỗ nương tựa." Giáo pháp truyền sang Đông Chấn[505] gần 2.000 năm, trong thời gian ấy những bậc thông minh duệ trí, lập nên sự nghiệp lòa trời rợp đất, học thức thông trời thấu người, tiết tháo át gió mây, không ai chẳng sùng phụng, hộ trì, cực lực lưu thông, chẳng tiếc tiền của lớn lao tạo dựng chùa tháp. Là vì về mặt ngầm thì đạo Phật giúp cho việc trị đạo, về mặt rõ ràng là làm cho dân tình được yên, khiến cho dân ngày càng hướng về điều lành mà chẳng hay biết duyên do. Vì thế, xưa nay những bậc lỗi lạc không ai chẳng lưu thông Phật pháp để làm nền tảng khiến thiên hạ thái bình, muôn nước đều được yên ổn.

Thành phố Cáp Nhĩ Tân tỉnh Cát Lâm hẻo lánh chốn biên thùy, xưa kia chỉ là vùng đánh cá của Trung Hoa và Nga mà thôi, từ khi đường sắt được mở, bèn trở thành một địa điểm giao thông trọng yếu giữa Âu và Á, muôn thương nhân như mây tụ về, các hãng la liệt như sao. So với Bắc Kinh, Thiên Tân, Thượng Hải, Vũ Hán, không kém cạnh cho mấy. Thế nhưng hoàn toàn chẳng có chùa, miếu, cao tăng chẳng đến trụ tích[506], kinh điển chưa lưu truyền, nhân dân không có duyên để tu tập, bồi dưỡng. Cục trưởng giám sát đường sắt Trung Đông là ông Trần Phi Thanh, xưa đã gieo cội lành, dốc lòng tin vào Phật thừa, muốn khiến cho mọi người cùng sống ở vùng Cáp Nhĩ Tân, Hắc Long Giang, đều được tắm gội pháp hóa của Như Lai, nên bèn hướng về cục quản trị đường sắt Trung Đông, xin vài mẫu đất, muốn dựng một tùng lâm thập phương, đặt tên là Cực Lạc, hòng hoằng truyền Phật pháp, giúp cho tín ngưỡng. Những lãnh tụ của hàng thân sĩ, thương nhân như ông này, ông nọ, mấy mươi người không ai chẳng có lòng thành tựu cho mình, thành tựu cho người, dốc lòng hành tự lợi lợi tha, hiệp lực giúp đỡ cho việc này mau được thành công. Quy mô kiến trúc chùa đều phỏng theo quy cách những ngôi đại tự trong nội địa. Pháp sư Đàm Hư[507] bác học đa văn, thông hiểu

[505] Theo Tiên Thiên Bát Quái của Văn Vương, quẻ Chấn thuộc phương Đông, Trung Hoa ở phương Đông của Ấn Độ nên cũng thường được gọi là Đông Chấn. Có người giải thích: Vì người Trung Hoa nghĩ Ấn Độ ở phía Tây Bắc Trung Hoa (do thời xưa, các vị tổ sư thường theo con đường Tơ Lụa ở phía Tây Bắc Trung Hoa vào Trung Nguyên, người Tàu thường nghĩ Ấn Độ nằm về phía Tây Bắc Trung Hoa) nên gọi là Tây Càn (quẻ Càn ở phía Tây Bắc trong Tiên Thiên Bát Quái đồ). Xin ghi lại lời giải thích này như một vấn đề tồn nghi.

[506] Trụ tích: Vị tăng trụ lại một nơi nào gọi là trụ tích, tích ở đây là tích trượng.

[507] Đàm Hư (1875-1963), cao tăng thời cận đại. Sư họ Vương, tên Phước Đình, pháp tự Long Hàm, pháp hiệu Đàm Hư, người Ninh Hà, tỉnh Hà Bắc. Năm 17 tuổi, vâng lệnh cha lập gia đình, sanh được năm người con. Trước kia, sư làm nghề nông và buôn bán, sau theo nghề y. Năm 40 tuổi, nhân nghe kinh Pháp Hoa, liền phát chí xuất gia. Năm 1917, sư xin xuất gia với

kinh giáo sâu xa, chí thiết tha hoằng pháp lợi người, nên được mời làm trụ trì. Mong sau khi chùa này được thành lập xong sẽ giảng kinh suốt năm, ngõ hầu nhân sĩ đến Cáp Nhĩ Tân đều biết đạo tu thân yên đời và pháp liễu sanh thoát tử, kèm thêm mở liên xã, kế thừa di phong của Lô Sơn, mở ra nơi chốn đọc kinh, thấu hiểu tột cùng bí yếu tu trì.

Nhưng xây dựng từ nơi đất trống và hoằng pháp lâu dài, sự thể rất lớn, phí tổn rất nhiều. Do vậy, khẩn thiết mong những bậc trưởng quan đang cai trị, những phú thương, đại thân sĩ và hết thảy hàng thiện tín, ai nấy đều phát tâm Bồ-đề, hành sự phương tiện, mở kho báu, vun bồi ruộng phước, quyên tiền góp gạo, lần lượt khuyên bảo, quyên mộ, ngõ hầu điện báu mênh mông sớm ngày thành tựu, mãn nguyệt kim dung[508] thường trụ bao kiếp, cao tăng đến đây ở lại, kinh điển lưu thông, liên xã mở, tông phong Tịnh độ chấn hưng, kinh giáo được tuyên giảng khiến cho thuyền bè cứu độ trong biển khổ được tồn tại mãi. Từ đấy, con người cẩn thận tam nghiệp, nhà nhà chăm lo thập thiện, đè nén hung tàn, bỏ giết chóc, đồng chứng cảnh nhân từ, sống thọ, tín nguyện niệm Phật, cùng sanh cõi Cực Lạc. Sẽ thấy hàng thiện sĩ xuất tiền của thường được Phật trời phù hộ, tai chướng ắt băng tiêu, cát khánh (điều tốt lành, may mắn) như mây nhóm, thân tâm yên vui, thanh thản, cửa nhà yên tịnh, dư dật, sống lâu, mạnh khỏe, bình an, hiện đời ngũ phước nườm nượp, chức tước tăng cao, hậu duệ được hưởng trăm điều lành như đã nói trong bài Y Huấn[509].

6. Sớ duyên khởi thành lập liên xã chùa Di-đà tại Hàng Châu

---

ngài Ấn Khôi tại chùa Cao Minh. Rồi về Nam, y chỉ với ngài Đế Nhàn chùa Quán Tông ở Ninh Ba học giáo nghĩa Thiên Thai. Năm 1921, đảm nhiệm dạy học tại Phật học viện chùa Vạn Thọ tại Thẩm Dương. Năm 1925, được ngài Đế Nhàn phó pháp trở thành người nối pháp đời 44 tông Thiên Thai, được ban tên là Kim Hàm. Từ đó, sư chuyên giảng kinh hoằng pháp tại các nơi thuộc Đông Bắc Trung Hoa, sáng lập đạo tràng. Các chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân, chùa Bát-nhã ở Trường Xuân, và chùa Lăng-nghiêm ở Doanh Khẩu là những ngôi phạm-sát lớn nhất. Sau ngài thường trụ tại chùa Trạm Sơn thuộc Thanh Đảo, tự xưng là lão nhân Trạm Sơn. Về cuối đời, sư sang hoằng pháp tại Hương Cảng, sáng lập Trung Hoa Phật Giáo Đồ Thư Quán, Hoa Nam Phật Học Viện. Ngài mất năm 1963, thọ 89 tuổi. Sư từng kể lại những chuyện trong cuộc đời mình và môn đệ là Đại Quang đã chép lại thành cuốn Ảnh Trần Hồi Ức Lục. Những trước tác quan trọng của sư là Tâm Kinh Sớ Nghĩa, Tâm Kinh Giảng Nghĩa, Khởi Tín Luận Giảng Nghĩa, Thiên Thai Truyền Phật Tâm Ấn Ký Thích Yếu, Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa.

[508] Mãn nguyệt kim dung: Khuôn mặt đức Phật được ví như vầng trăng đầy viên mãn, thân Phật sắc vàng ròng nên gọi là kim dung.

[509] Y Huấn là một đoạn văn nhỏ trong kinh Thư, ghi lại lời khuyên dạy của Y Doãn, trong đó có câu: *"Tác thiện giáng bách tường, tác bất thiện giáng bách ương"* (Làm lành trăm điều tốt đẹp giáng xuống; làm điều chẳng lành, trăm tai ương giáng xuống).

Nhất niệm tâm tánh của hết thảy chúng sanh và chư Phật hoàn toàn giống nhau, nhưng suy nghĩ và cư xử hoàn toàn khác với chư Phật. Là do lẽ gì vậy? Ấy là do mê tánh đức sẵn có, bèn lầm lạc xuôi theo trần lao, khiến cho giới định tuệ không vướng mắc vốn sẵn có trong tánh bị biến thành tham sân si nhiễm ô nơi cảnh, tạo ra những chuyện giết trộm dâm tranh chấp nơi sự. Do vì lẽ đó, luân hồi lục đạo, chịu các nỗi khổ cùng cực trải kiếp dài lâu, không thể thoát được. Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót, khởi vô duyên từ, vận lòng bi đồng thể, thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng chánh giác, thuyết pháp 49 năm, giảng kinh hơn 300 hội. Trong khoảng thời gian ấy, do căn cơ khác nhau nên giáo pháp sai khác, pháp do duyên mà khác biệt. Đại - tiểu, thiên - viên, quyền - thật, tiệm - đốn, khiến cho ai nấy tùy theo cơ nghi[510] đều được lợi ích. Trong ấy, nếu cầu lấy pháp độ khắp ba căn, gồm thâu lợi độn, hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít được hiệu quả nhanh, chẳng đoạn hoặc nghiệp mà được dự vào hải hội, ngay trong một đời này nhất định thoát khỏi luân hồi, thì không gì thù thắng siêu tuyệt bằng tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Do vậy, các kinh Đại thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa v.v., các đại Bồ-tát như Văn-thù, Phổ Hiền v.v., các đại tổ sư như Mã Minh, Long Thọ… đều cực lực tán dương, khuyên khắp mọi người vãng sanh.

Đến khi đại giáo truyền sang Đông, đại sư Viễn công ẩn cư tại Lô Sơn, sáng lập liên xã, hoằng thông pháp này. Thoạt đầu, lúc kết xã, cao tăng, đại nho dự vào hội là 123 người. Nếu tính suốt cuộc đời ngài, thì trong hơn 30 năm, những người gia nhập liên xã niệm danh hiệu Phật được tiếp dẫn vãng sanh nhiều không biết bao nhiêu mà kể. Từ đấy trở đi, đời đời có bậc cao nhân hoằng dương Liên tông, dẫn dắt lợi lạc hàm thức. Đầu đời Tống có đại sư Vĩnh Minh trụ trì Tịnh Từ (chùa Tịnh Từ thoạt đầu có tên là Vĩnh Minh), tu trọn vạn thiện, riêng xưng tán Tịnh độ. Ngài sợ kẻ học chẳng biết cội nguồn của Phật lực và tự lực bèn soạn Tứ Liệu Giản để làm kim chỉ nam, ngõ hầu thượng trung hạ căn dù thánh hay phàm đều có cái để noi theo. Nếu không phải là Di-đà hóa thân, dễ đâu được như vậy! Sau đấy có pháp sư Tỉnh Thường, nhằm vào đời Tống Thái Tông và Tống Chân Tông, trụ trì chùa Chiêu Khánh, hâm mộ di phong Lô Sơn, bèn kết liên xã Tịnh Hạnh, mà ông Văn Chánh Công Vương Đán là người quy y đầu tiên, trở thành người đề xướng, hướng dẫn. Những quan to chức cả, học sĩ, đại phu xưng là đệ tử dự vào

[510] Cơ là căn cơ, Nghi là thích đáng. Ý nói chúng sanh có thiện căn, muốn giáo hóa thì phải thuận theo căn cơ lập ra giáo pháp thích nghi. Pháp Hoa Huyền Nghĩa quyển 1, có câu: *"Giáo vốn ứng cơ, cơ nghi bất đồng nên bộ loại khác biệt!"*

liên xã, hơn 120 người. Hàng sa-môn có đến mấy ngàn, còn những hạng thứ dân không thể ghi chép nổi.

Cuối đời Minh, đại sư Liên Trì sau khi tham thiền đại ngộ, bèn tận lực tu tịnh nghiệp, trùng hưng chùa Vân Thê. Do pháp khế lý khế cơ không gì hơn được Tịnh độ nên ngài bèn viết Di-đà Kinh Sớ Sao, phát huy chỉ thú thật sâu. Tông phong Tịnh độ được chấn hưng lớn lao, suốt đời ngài bi kính song tu[511], sự lý bất nhị. Do vậy, gương cao đẹp kiêng giết, phóng sanh, giúp kẻ côi cút, lợi lạc cõi âm của ngài được trong nước lẫn ngoài nước kính ngưỡng suốt cả mấy trăm năm. Trong thời Ung Chánh đời Thanh, pháp sư Tỉnh Am trụ trì chùa Phạm Thiên[512], hoằng dương xiển phát Tịnh độ chẳng tiếc sức, bài văn Khuyến Phát Bồ-đề Tâm của ngài quả thật đã tranh sáng cùng nhật nguyệt, thọ ngang với hư không.

Do vậy, tâm quang của chư tổ tỏa sáng, nhân sĩ Hàng Châu đa phần đều tin tưởng, hướng về. Lại do nước non xinh đẹp, cao nhân nảy sanh đông đảo, con người tụ hội đông đúc, nên nhiều bậc tri thức trong pháp môn cũng đến ở lại. Vì thế pháp hóa hưng thạnh, trỗi hơn mọi xứ; địa linh nhân kiệt, pháp nhờ vào duyên mà hưng khởi, lòng tin chẳng phải là nói suông. Đến đầu thời Quang Tự, pháp sư Ngọc Phong sáng lập chùa Di-đà để làm đạo tràng Tịnh độ, khoét núi khắc kinh, hoằng dương Tịnh độ. Tuy đạo đức chẳng dám sánh bằng chư tổ như Vĩnh Minh, nhưng thệ nguyện hoằng thâm, lời lẽ thống thiết, chẳng thẹn là bậc tạo ảnh hưởng, dắt dìu trong Tịnh độ, là bậc tri thức trong pháp môn. Kế thừa quá khứ, chỉ dạy tương lai, quả thật công lao ấy chẳng cạn nhỏ.

Về sau, đất nước lắm nỗi gian truân, không người trụ trì, đến nỗi suy sụp sát đất. Mấy năm gần đây, tầm mắt của mọi giới được rộng mở, phàm những ai có chí học thánh, học hiền không ai chẳng nghiên cứu Phật học, tu trì tịnh nghiệp. Những vị cư sĩ như ông X… chẳng nỡ để đạo tràng bị chìm lấp mãi, cùng suy cử pháp sư Trí Huệ làm trụ trì, ngõ hầu đề xướng Liên tông, lợi lạc khắp hết thảy. Thầy Trí Huệ có tâm tự lập, lập người, tự lợi, lợi tha, ngửa trông theo đường lối tu trì trước kia, đặc biệt mở ra liên xã. Mỗi tháng, vào sáu ngày chay, cử hành một lần, người có tín tâm đồng đến niệm Phật. Niệm xong được một chốc bèn

[511] Bi kính song tu: Tu bi điền và kính điền đồng thời. Bi điền là thương xót giúp đỡ chúng sanh, kính điền lễ kính tam bảo, chăm tu pháp yếu.

[512] Chùa Phạm Thiên thuộc huyện Đồng An, tỉnh Phước Kiến, nằm vào phía Đông Bắc ngọn núi chính của rặng Đại Luân Sơn. Chùa được dựng vào đời Tùy, thoạt đầu có tên là chùa Hưng Quốc, vốn là chùa thập phương. Đời đời có các thiền sư nổi tiếng trụ trì, tổ sư Hoàng Bá cũng từng ngộ đạo tại đây.

cung thỉnh thầy Trí Huệ, hoặc những bậc tri thức khác, hoặc hàng cư sĩ thông hiểu Phật pháp thăng tòa diễn giảng hết thảy lý sự trong pháp môn Tịnh độ, để cho ai nấy đều khắc phục tập khí, tăng trưởng tín tâm, quả thật là một việc tốt đẹp. Quang và thầy Trí Huệ chí đồng đạo hợp, nên thầy bèn ủy thác Quang trần thuật duyên khởi để khuyên hết thảy đại chúng.

Thiền sư Trường Lô Trách đời Tống, hâm mộ liên xã Lô Sơn nên lập ra Liên Hoa Thắng Hội, trong mộng cảm được hai vị Bồ-tát Phổ Hiền, Phổ Huệ xin được ghi danh. Do đó, biết rằng hội này được gọi là hội pháp thí tối thắng. Phàm những ai nhập hội, đều phải gắng công. Vả nữa, con người gần đây đa phần chuộng hư danh, chẳng tu thật hạnh, miệng tuy niệm Phật, tâm trái nghịch Phật. Ví như thuốc và chất kỵ thuốc đều uống hết, làm sao lành bệnh cho được! Ắt phải niệm niệm khắc phục, đối trị tập khí của chính mình, tâm tâm ức niệm hồng danh Di-đà, phàm có những ý niệm chẳng phù hợp với Phật thì phải tự trách rằng: "Ngươi là người niệm Phật cầu sanh Tây Phương, sao lại khởi lên ý niệm ấy?" Chánh niệm vừa khởi thì tà niệm tự tiêu, quyết chẳng cho nó tồn tại trong khoảnh khắc, phải làm sao cho trong tâm sạch sẽ không tỳ vết, không nhơ bẩn như tịnh lưu ly, bên trong đựng bảo nguyệt. Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tín nguyện trì danh, quyết định cầu sanh thì mới là người thật sự tu Tịnh độ. Nếu tâm có một niệm cầu phước báo trời người trong đời sau thì tuy tu trì tinh thuần vẫn gọi là "trái nghịch Phật giáo". Tuy gieo thiện căn, nhưng liễu sanh thoát tử vẫn còn dài lâu lắm, chẳng đáng buồn ư? Tuy đoạn này chẳng ăn nhập gì đến duyên khởi, nhưng quả thật là nghĩa lý tu trì trọng yếu, nên viết lẫn vào đây.

7. Sớ trùng tu bảo tháp của Vinh Quốc Thiền Tự ở Nam Cao Phong, Hàng Châu *(viết thay cho thầy trụ trì Chấn Cơ)*

Đấng Đại Giác Thế Tôn thương các chúng sanh mê mất diệu tâm vốn có, luân hồi sanh tử, nên thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng chánh giác, tùy theo căn tánh của chúng sanh mà nói diệu pháp, khiến cho mọi loài hữu tình đều được lợi lạc. Đến khi xong việc, bèn thị hiện diệt độ. Lại do bi tâm vô tận nên đặc biệt nát toàn thân thành tám hộc bốn đấu xá-lợi, phân bố trong cõi trời, nhân gian, để làm nhân duyên vô thượng chẳng thể nghĩ bàn bậc nhất cho chúng sanh vị lai được diệt tội gieo phước, thoát ly luân hồi, vượt thoát sanh tử cho đến thành Phật. Do vậy, những ai có được xá-lợi Phật không ai chẳng dựng tháp báu cao vút để cất giữ, khiến cho cả mình lẫn người, u lẫn hiển cùng được tiêu túc nghiệp, cùng gieo thiện căn.

Nam Cao Phong là danh sơn thuộc Tỉnh Hội - một thị trấn lớn của tỉnh Chiết Giang. Từ chân núi lên đến đỉnh hơn 1.600 trượng, lên đỉnh nhìn ra xa, Trường Giang như một dải thắt lưng, Tây Hồ như cái chén. Nhìn trọn vẹn vẻ đẹp của hồ lẫn núi, bậc khoát đạt ưa thích. Đứng sóng đôi cùng ngọn Bắc Cao Phong, cách nhau hơn mười dặm. Thế núi trùng điệp, quanh co uốn lượn, hình thế núi cao ngất, lại hay có mưa, nên trên đỉnh thường có mây phủ. Núi cao ngất lẫn vào trong mây, có lúc lộ ra hai chóp núi, trông xa như được cắm vào mây. Do đó, được gọi là Song Phong Sáp Vân (hai ngọn núi cắm vào mây), là một trong mười cảnh của Tây Hồ.

Trong niên hiệu Thiên Phước (936-942) của nhà Thạch Tấn[513] thời Ngũ Đại, khi ấy Chiết Giang thuộc về xứ Ngô Việt, có Phạm tăng từ Tây Trúc đến đây, lên ngọn Nam Cao Phong, trông xa không ngằn mé, bèn vui vẻ nói: "Nơi đây có thể lập làm chỗ biểu hiện hình tướng của đấng Đại Giác Thế Tôn, khiến cho những người trong bốn phương dõi nhìn cùng gieo thiện căn." Do đó, sư bỏ ra một viên xá-lợi, gởi cho vị tăng có đạo đức trọng vọng là Đạo Viên, bẩm với quốc chúa xứ Ngô Việt là Văn Mục Vương[514] lập bảo tháp, cao bảy tầng, rộng mười trượng, quy mô kiểu cách tinh diệu tuyệt luân. Dưới chân tháp lập một ngôi chùa, đặt tên là Vinh Quốc, coi việc xá-lợi của Như Lai truyền đến là điều vinh dự, vui mừng cho đất nước. Trải các triều Hán, Chu[515], Tống, Nguyên, Minh, Thanh cho đến ngày nay, đã tròn một ngàn năm, sửa cũ xây mới không phải chỉ một lần.

Hiện thời bảo tháp hư nát, chỉ còn một tầng, tự viện đổ nát gần hết, mấy gian nhà nát không che được mưa gió, vị trụ trì trước đây không chịu nổi khổ nên đã bỏ đi. Gần đây, Chấn Cơ tôi đến làm trụ trì, hầu hạ nhang đèn, trộm nghĩ tiền

---

[513] Gọi là Thạch Tấn vì triều đại này do Thạch Kính Đường thành lập, chỉ truyền được hai đời (936-946). Sử còn gọi triều đại này là Hậu Tấn để phân biệt với nhà Tiền Tấn do Tư Mã Viêm sáng lập.

[514] Văn Mục Vương tên thật là Tiền Nguyên Quyền, con của Tiền Mục, theo cha chinh chiến, lập nhiều chiến công, từng làm Thanh Hải Quân Tiết Độ Sứ, Trấn Đông Quân Tiết Độ Sứ. Vào thời Ngũ Đại, Trung Hoa bị chia nát thành từng tiểu quốc. Các Tiết Độ Sứ đua nhau chiếm cứ, lập quốc tự xưng vương. Tiền Mục chiếm Chiết Giang, lập nước Ngô Việt. Khi Tiền Mục chết, Tiền Nguyên Quyền lên thay. Về sau Tiền Nguyên Quyền thần phục nhà Nam Đường, dùng niên hiệu Nam Đường. Văn Mục Vương xây dựng quá nhiều cung điện, sưu thuế nặng nề khiến dân chúng oán thán. Năm 914, kinh thành Hàng Châu bị phát hỏa. Vua hoảng sợ, chạy tới đâu, lửa cháy theo tới đó. Đấy là do lòng dân quá phẫn uất, cố ý phóng hỏa trả thù. Do vậy vua kinh hãi, sanh bệnh, chết vào tháng Chín năm đó.

[515] Hai triều đại Hán, Chu được nói ở đây nhằm thời Ngũ Đại, tức là nhà Hậu Hán do Lưu Trí Viễn sáng lập chỉ tồn tại được năm năm (946-950), nhà Hậu Chu do Quách Oai sáng lập chỉ tồn tại được gần mười năm (951-960).

nhân dựng tháp vốn là để gieo phước cho quốc dân, nay đã hư nát gần hết, nỡ nào để cổ tích mất đi, làm tổn hại thắng cảnh Tây Hồ, bỏ hoang ruộng phước của chúng sanh ư? Mắt nhìn lòng đau, chẳng thể yên tâm được! Tính khởi công sửa chữa, tận lực trùng tu. Lại do cách kiến tạo của tiền nhân khó thể tồn tại lâu dài, nay không thể không suy nghĩ dự phòng cẩn thận từ trước. Ấy là vì cổ nhân dựng tháp nhằm để chứa xá-lợi của Như Lai, khiến cho kẻ ở xa ngưỡng vọng, người ở gần lễ bái đều trồng thiện căn, cùng được giải thoát, nên bên trong tháp lại tạo đường đi quanh co, uốn vòng từ thấp dần lên cao cho đến tận đỉnh. Bốn mặt đều trổ cửa sổ để nhìn ra bốn phương, không gì chẳng nhằm làm cho chúng sanh hiểu rõ "muốn đạt được Phật quả, thì phải giẫm trên thật địa[516]; đoạn ác tu thiện từ phàm đến thánh tăng tiến theo từng bậc". Thân đã Đăng địa (dự vào những địa vị thuộc Thập địa) thì mới tự có thể vĩnh viễn đoạn phàm tình. Do vậy, thấy thấu suốt chân không, nào khó chứng ngay vào Diệu giác. Nhưng do chính giữa trống rỗng nên tháp không kiên cố, chẳng tồn tại lâu dài.

Thêm nữa, người vô tri không biết chỗ dụng ý của cổ nhân, thường cứ thích lên cao để nhìn ra xa, thành ra khinh nhờn thật sâu, mắc tội chẳng cạn. Nay dự tính bên trong tháp không lập đường đi, làm toàn bộ tháp kín chắc, chính giữa dựng trụ sắt để làm cái lõi cứng. Một là để khỏi bị gió lốc, động đất xô đổ; hai là khỏi mắc tội lỗi lên cao vui chơi. Như vậy thì chỉ được lợi ích, không bị tổn hại, ắt sẽ được Phật, trời chấp thuận, được thiện tín tán thành vậy. Nhưng do công trình lớn lao, nếu không có hơn ba vạn đồng sẽ chẳng thể hoàn thành được. Do vậy, cung kính vẽ hình tháp, kính cẩn giãi bày lòng ngu thành, khẩn cầu các đàn-việt mười phương cảm ân đức Phật, phát tâm Bồ-đề, mở rộng kho báu, vun bồi phước điền, khiến cho bảo tháp vòi vọi lại được chọc trời, chúng sanh đông đảo lại được ngắm nhìn pháp tướng, diệt tội nghiệp trong quá khứ, gieo thiện căn cho tương lai. Chỉ thấy Phật, trời như mây che chở, tai chướng băng tiêu, thân tâm yên vui, cửa nhà đón tiếp chuyện lành, tiền trình thuận theo cõi lòng được xa rộng, quyết định đạt được những điềm giàu, thọ, khỏe mạnh, yên ổn, những điều mừng vui đều dồi dào, đức không ngằn mé, vĩnh viễn hưởng phước quyền cao chức cả.

8. Sớ mộ duyên làm đàn thủy lục vạn niên ở Phật Đảnh Sơn

(Đây là phần dẫn khởi, phần sau trình bày sự việc, lược đi, không sao lục)

Trộm nghĩ lòng từ vô duyên mới độ được hạng vô duyên, việc phi thường ắt phải đợi người phi thường. Truy nguyên, duyên khởi Thủy Lục là do đức Quán

[516] Ý nói phải thật sự tu hành, chứ không thể nói lý suông, phô phang ngoài miệng được.

Âm hành phương tiện khéo, hiện tướng Diện Nhiên để nhắc nhở A-nan cầu xin đức Như Lai nói thần chú bí mật, khiến cho tất cả kẻ đói khát đều được no đủ, khiến cho tất cả loài quỷ, hữu tình trong địa ngục đều được sanh lên trời hay vào nhân gian. Đến khi đại giáo từ phương Tây truyền sang, Lương Võ Đế lên ngôi vua, kiền thành tu trì trai giới, cảm thông u minh, mộng thấy cô hồn đến cầu xin cứu độ, bèn lập pháp để cầu siêu cứu độ, rộng thỉnh cao tăng trong Thiền, Giáo, xem khắp các áo điển Hiển, Mật, vận dụng tài thi văn, soạn ra văn Thủy Lục, cậy vào chân thuyên của tam thừa tam mật[517], nương theo oai lực của vạn đức vạn linh để tiêu tan hoặc nghiệp, diệt trừ tội khiên. Như sương mỏng phơi trước mặt trời rạng rỡ, khác nào mảnh tuyết rớt vào lò to, lợi ích khó nêu, công huân khôn lường. Những kẻ thiện căn từ những kiếp trước nay đã chín muồi liền bỏ cõi khổ mau siêu về lạc bang, dẫu cho căn cơ từ đời trước hãy còn sống sít vẫn được thăng lên cõi trời người, vĩnh viễn lìa khỏi địa ngục, ngạ quỷ. Do vậy, đương thời cầu Phật chứng minh, ngọn đuốc này tàn bèn tự nhiên có ngọn đuốc khác tiếp nối. Đời sau, y theo khoa nghi này làm khuôn phép để siêu tiến cha mẹ thì cha mẹ liền được độ thoát.

9. Sớ quyên mộ tu bổ điện đường, tăng phòng và vét ao phóng sanh của chùa Di-đà, núi Thạch Kinh, Hàng Châu

Danh lam thắng cảnh trong thiên hạ được truyền rộng trong vũ trụ thì trước hết phải có chỗ, rồi sau đó là có được người thì tên tuổi mới bắt đầu nổi lên được. Chỗ đất thù thắng ấy, ngọn núi nổi tiếng ấy thoạt đầu phải nhờ vào bậc cao nhân đủ đức có thể làm gương cho hiện tại, tương lai, khiến cho người ta mơ tưởng tới, sanh lòng kính ngưỡng. Như Lô Sơn nổi tiếng nhờ Viễn công, Vân Thê được trọng vọng bởi ngài Liên Trì. Non nước Chiết Giang đứng đầu thiên hạ, nơi ấy thường được gọi là Phật quốc. Cao nhân, triết sĩ nối tiếp nhau xuất hiện, đúng là "hễ địa linh ắt có nhân kiệt".

Trong niên hiệu Đồng Trị (1862-1874) đời Thanh, pháp sư Diệu Nhiên chuyên tu tịnh nghiệp, do thấy kinh Di-đà độ khắp ba căn, quả thật là nghĩa trọng yếu quy túc của kinh Hoa Nghiêm, mà cũng là thuyền từ tối thắng trong đời mạt pháp, nên ngài tính tạc vào đá núi để kinh được lưu truyền vĩnh cửu, ngõ hầu những ai thấy nghe trong hiện tại hoặc tương lai đều gieo căn lành, nảy sanh chánh tín, tu tịnh nghiệp vãng sanh Tây Phương. Nhân thấy khoảnh đất trồng cây

[517] Tam mật: thân mật, ngữ mật, ý mật.

tùng phía Bắc thành ấy, vách đá chót vót, chất đá cứng rắn, bèn mua khu đất đó, thuê thợ đục chạm, mời người viết chữ đẹp là cư sĩ Trầm Thiện Đăng[518] đến viết.

Cư sĩ bèn lên núi Đặng Úy[519], trước hết thỉnh bốn vị đạo hữu phát tâm Bồ-đề ngày đêm niệm Phật để gia trì, chính mình buông xuống vạn duyên, trai giới, tắm gội, kính cẩn viết. Cứ hễ viết một chữ thì trước đó lễ Phật ba lạy, trì Phật hiệu 108 lần, kết ấn trì chú Uế Tích Kim Cang[520] bảy lần, quỳ gối viết. Ngoài việc viết kinh ra, chỉ lắng lòng niệm Phật, chẳng bận tâm đến chuyện gì khác. Do công đức Phật lực, pháp lực gia trì này mong hết thảy mọi người hiện tại hoặc trong vị lai nếu thấy hay nghe đều phát tâm đại Bồ-đề, mau thoát khỏi Sa-bà uế khổ. Năm mươi ba ngày như thế, hơn 1.800 chữ mới viết xong. Chữ lớn độ mấy tấc, sắc sảo[521], cứng cáp, tròn đầy, tươi đẹp, thật là hiếm có.

Thầy Diệu Nhiên bèn cho khắc đá, đục sâu xuống tám phân, hằng ngày trì Phật hiệu để gia trì. Việc còn chưa xong, sư bèn quy Tây, bạn của sư là hai vị pháp sư Ngọc Phong và Thành Phương vốn đã giúp đỡ từ trước, đến nay bèn tận lực lo liệu. Kinh khắc trên đá xong xuôi, dùng vàng trang hoàng. Phàm những ai trông thấy, không ai không nghiêm trang cung kính, sanh ý niệm hiếm có nên công đức của toàn bản kinh cố nhiên đã in vào trong tám thức điền, tạo thành hạt giống vãng sanh Tây Phương rốt ráo thành Phật trong vị lai. Như vậy là lấy Phật

---

[518] Trầm Thiện Đăng, tên thật là Trầm Cốc Thành, pháp hiệu Giác Trần, giữ chức Hàn Lâm Viện Thứ Cát Sĩ cuối đời Thanh. Ông chủ trì việc viết kinh Di-đà để khắc lên vách núi vào năm Quang Tự thứ 4 (1878). Tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là Báo Ân Luận.

[519] Núi Đặng Úy cách Tô Châu 30 dặm, nhìn xuống Thái Hồ, tương truyền thái úy Đặng Vũ thời Đông Hán ẩn cư tại đây nên có tên như thế. Đây là một thắng cảnh về hoa mai nổi tiếng của vùng Tô - Hàng.

[520] Uế Tích Kim Cang: Uế Tích Kim Cang (Ucchushma), còn phiên là Ô-xu-sa-ma, hoặc Ô-sô-sa-ma Minh Vương, dịch nghĩa là Bất Tịnh Khiết, Trừ Uế Phần Thiêu, Uế Ác, Uế Tích Kim Cang, Thọ Xúc Kim Cang, Hỏa Đầu Kim Cang, Bất Tịnh Kim Cang. Ngài là một vị Phẫn Nộ Tôn được tôn thờ trong Mật tông và các tự viện Thiền tông. Ngài là giáo lệnh luân thân của Bắc Phương Yết Ma Bộ. Trong Mật tông có nhiều cách giải thích về vị này. Có thuyết coi ngài đồng thể với Kim Cang Dạ Xoa (tức là giáo lệnh thân luân của Bất Không Thành Tựu Như Lai). Theo thuyết này, Ngài là một trong năm vị đại Minh Vương. Có thuyết lại nói ngài chính là các thân hóa hiện của những vị Thích-ca, Phổ Hiền, Bất Động, Kim Cang Thủ v.v.. Nói chung, tánh đức của ngài là chuyển bất tịnh thành thanh tịnh. Ngài đại bi sâu xa, chẳng nề hà nhơ uế, dùng đại oai quang như ngọn lửa hừng hực, thiêu trừ cái tâm vọng kiến, phân biệt, nhơ sạch, sanh diệt của chúng sanh. Do vậy, ngài được gọi là Trừ Uế Kim Cang. Ngài thường được tạc với hình dáng phẫn nộ, khắp lỗ chân lông tỏa ra ngọn lửa hừng hực, có bốn tay, tay phải phía trên cầm kiếm, tay phải phía dưới cầm dây quyến sách, tay trái cầm gậy, tay tiếp đó cầm chĩa ba. Mỗi món khí giới đều bốc lửa. Ở đây với mục đích khiết tịnh thân tâm, cõi đất, cư sĩ Trầm Thiện Đăng trì Mật chú của ngài trước khi viết kinh.

[521] Nguyên văn "thiết hoạch ngân câu": Ý nói chữ viết sắc sảo, đẹp đẽ, từng nét vạch như khắc bằng sắt, từng nét móc như được chạm bằng bạc.

lực, pháp lực và tâm lực của ba vị pháp sư và cư sĩ Trầm làm tăng thượng duyên để hiển phát công đức sẵn có nơi tánh của người thấy, kẻ nghe, khiến cho họ cuối cùng được thọ dụng. Do vậy, các đàn-việt thảy đều hoan hỷ, trước hết đua nhau cúng vàng, nên Phật điện, phòng tăng mỗi mỗi đều được hoàn chỉnh, nghiễm nhiên trở thành một đại đạo tràng chuyên tu tịnh nghiệp, chẳng phải là "đất do người tạo thành" hay sao? Ngoài cửa tam quan, đào ao để thả các loài động vật thủy tộc, kế thừa hạnh từ bi của các vị Vân Thê, Thiên Thai, khiến cho những loài sắp phải vào chảo vạc để thỏa bụng miệng con người đều được bơi lội trong ấy, được sống hết tuổi trời. Đấy chính là sách lược tốt đẹp cao cả nhất để dứt đao binh, ngưng sát kiếp vậy!

Từ khi kiến lập cho đến nay đã hơn 50 năm đều theo quy củ đã định, không tu sửa gì thêm. Mấy năm gần đây, trụ trì tài lực bạc nhược, khá khó khăn, đã không có điền sản để trang trải những nhu cầu của thường trụ, lại không có đạo đức để cảm đàn-việt tin tưởng cúng dường; đạo tràng này gần như diệt mất. Các cư sĩ lo lắng, mùa thu năm ngoái ép pháp sư Trí Huệ làm trụ trì, sư riêng mở liên xã để nối nghiệp ngài Ngọc Phong, mong cho tứ chúng cùng niệm Di-đà, cùng cầu vãng sanh. Lại còn chuyển hóa hết thảy đều cùng từ tạ ngũ trược, cùng lên chín phẩm mới thôi.

Điện đường, liêu xá đã hơn 50 năm chưa từng tu bổ. Lại thêm, mùa hạ năm nay có tai nạn gió lốc, nhiều chỗ bị hư sụp, đổ nát. Nếu không sửa ngay, lâu ngày sẽ khó đủ sức. Đã thế, ao phóng sanh nhiều năm không nạo vét, bùn lầy đầy ứ, gây trở ngại lớn cho việc phóng sanh nên tính khơi đào, nạo vét cho rộng hơn. Phía ngoài dựng lan can vây quanh để gìn giữ, ngõ hầu có chỗ phóng sanh, mà kẻ đánh bắt trộm cũng không làm gì được, khiến cho lòng từ bi bố thí của Lưu Thủy[522], Trí Giả, Từ Vân, Liên Trì vĩnh viễn không bị mất đi. Đấy chẳng phải chỉ

[522] Lưu Thủy là tiền thân của Phật Thích-ca lúc còn hành đạo Bồ-tát. Theo phẩm thứ tư "Lưu Thủy Trưởng Giả Tử" trong kinh Kim Quang Minh thì vị trưởng giả này cùng hai con là Thủy Không, Thủy Tạng đi chơi đến một thôn xóm, thấy trong vùng đồng lầy có một cái ao, nước ao đã cạn, những con cá trong ấy sắp bị nắng thiêu chết, bị chim thú chầu chực chờ ăn. Trưởng giả thương xót, bèn lấy nhánh cây che đậy, rồi mượn hai con voi lớn chở nước sông đổ đầy ao cho cá được sống. Lại còn thí thức ăn cho cá, nói cho chúng nghe danh hiệu Phật và Phật pháp. Sau đó, khi ông quay về nhà, đang cùng khách khứa ăn uống, chợt thấy đại địa chấn động, mười ngàn con cá cùng mạng chung trong ngày ấy, cùng sanh lên trời Đao-lợi. Khi ấy, trưởng giả say rượu nằm ngủ trên lầu, thấy mười ngàn thiên tử đem vô số trân châu, anh lạc xếp quanh bốn phía, lại rải hoa trời để báo ân. Phật bảo Lưu Thủy khi ấy chính là thân ta, Thủy Không là La-hầu-la, Thủy Tạng là A-nan. Mười ngàn con cá khi ấy chính là mười ngàn vị thiên tử đang hiện diện trong pháp hội Kim Quang Minh.

hoàn toàn vì sanh mạng loài vật, mà quả thật là còn muốn khơi gợi lòng nhân từ trong đời.

Nếu như con người ai nấy đều không giết, thì thế đạo chẳng thái bình hay sao? Nhưng do công trình lớn lao, phí tổn thật nhiều, nên cậy Quang viết sớ, khẩn cầu khắp các đại đàn-việt, ai nấy phát tâm Bồ-đề, cùng trồng nghiệp xuất thế, bỏ ra một giọt nước trong biển báu, để tạo thành cảnh phạm vũ trang nghiêm. Phải biết, vừa khởi công xây cất Kỳ Viên, cung điện trên thiên giới đã hiện[523]. Phật niệm vừa phát khởi, hoa sen trong Tịnh độ liền mọc. Những con cá được ngài Lưu Thủy cứu vớt, đã trở thành mười ngàn vị thiên tử. Những con vật được ngài Trí Giả thả, đa phần là vương thần ngoài biển Đông. Xưa đã như thế, nay há chẳng vậy? Do nhân như thế, cảm quả như thế. Nếu chẳng tiếc của quý báu là tài sản chung của năm nhà[524] để thành tựu sự nghiệp thù thắng hưng long tam bảo, ắt thấy đời này vĩnh viễn hưởng nhiều phước, lâm chung cao đăng chín phẩm, ngõ hầu phô bày trọn vẹn Phật tánh sẵn có, mau chứng Vô thượng Bồ-đề.

10. Sớ quyên mộ xây bến thuyền cho núi Phổ Đà

Đại sĩ Quán Âm thệ nguyện hoằng thâm, tế độ không ngằn mé, là chốn nương náu không lường, trọn chẳng phan duyên mà ứng hóa đến với mọi chúng sanh cơ cảm. Như một vầng trăng in bóng khắp ngàn con sông, trụ trong chân tế nhưng ứng khắp quần cơ, như ánh nắng xuân tăng trưởng khắp muôn cây cỏ. Vận lòng bi đồng thể, khởi lòng từ vô duyên, theo tiếng cứu khổ, hiện thân ứng hóa mọi chốn, tùy theo từng loài mà hiện hình, nơi nơi làm bậc chỉ đường trong nẻo mê. Ân bủa khắp muôn loài, thấm nhuần muôn dân, mong hàm thức tự thấy được bầu trời chân tánh, vì thế không cõi nào ngài chẳng ứng hiện theo lòng cảm. Bởi muốn cho chúng sanh có chỗ gieo lòng thành nên đặc biệt ứng tích nơi Phổ Đà, do vậy bao triều đại khâm kính, cả cõi đời tôn sùng. Điện Phật, lầu kinh cao ngất tầng mây, văn chương trác tuyệt huy hoàng trong chốn biển cả. Theo phẩm Nhập Pháp Giới trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử đi về Nam tham học [với vị thiện

[523] Khi trưởng giả Cấp Cô Độc vừa khởi công xây dựng tinh xá Kỳ Viên, trên thiên giới đã có cung điện hóa hiện sẵn chờ khi ông hết tuổi thọ trong nhân gian sẽ sanh về trong ấy.
[524] Ý nói tài vật thế gian là tài sản chung của năm nhà: vua, giặc cướp, lửa, nước, con cháu ngỗ nghịch. Gọi là "của chung của năm nhà" vì năm loại trên sẽ cướp mất tài sản của ta bất cứ lúc nào.

tri thức] thứ 28, tham học với Quán Thế Âm Bồ-tát ở Bổ-đát-lạc-ca[525], chính là núi này vậy.

Xưa kia, khi đại giáo chưa truyền sang, đạo tràng chưa mở, tuy phàm tục chưa đích thân thấy được từ dung, nhưng chân tiên cố nhiên thường chiêm ngưỡng Phật nhật. Vì thế, ông An Kỳ Sinh đời Tần, ông Mai Tử Chân đời Hán, ông Cát Trĩ Xuyên đời Tấn[526] đều sống nhờ núi này để tu chân dưỡng đạo. Đến đời Chu

[525] Bổ-đát-lạc-ca (Potalaka) còn được phiên âm là Phổ-đà-lạc-già, hay gọi tắt là Phổ Đà. Núi Phổ Đà thuộc quần đảo Châu Sơn trong biển Đông, huyện Định Hải, tỉnh Chiết Giang. Núi này trước kia có tên là núi Mai Sầm. Tương truyền trong niên hiệu Đại Trung đời Đường (847-860), có một vị tăng Ấn Độ đến đây đốt mười ngón tay, đích thân thấy Quán Thế Âm Bồ-tát hiện thân thuyết pháp, trao cho hòn đá báu bảy màu, nên nơi đây được coi là thánh địa của Quán Âm. Trong năm Trinh Minh thứ hai (916) đời Hậu Lương, sư Huệ Ngạc người Nhật lén đem tượng Quán Thế Âm từ núi Ngũ Đài trốn về nước, thuyền đi đến đây không tiến được nữa, bèn dựng chùa Bảo Đà ở nơi này để thờ tượng ngài. Do trụ xứ của Quán Thế Âm Bồ-tát ở Ấn Độ tên là Bổ-đát-lạc-ca, nên bèn đặt cho hòn đảo này tên là Phổ Đà. Còn núi Bổ-đà-lạc-già ở Ấn Độ (dịch nghĩa là Tiểu Hoa Thụ, Tiểu Bạch Hoa, Tiểu Thụ Man Trang Nghiêm, Hải Đảo, Quang Minh) nằm ngoài biển Nam Ấn Độ, phía Đông núi Malaya. Theo kinh Hoa Nghiêm, núi này do các báu hợp thành, hết sức thanh tịnh, bên trong có cung điện trời bằng đá của Bồ-tát Quán Thế Âm.

[526] An Kỳ Sinh theo truyền thuyết là một tiên nhân sống vào thời Tần Hán, họ Trịnh, tên là An Kỳ, được Đạo giáo coi là một trong tám vị chân tiên thuộc Thượng Thanh. Tương truyền, ông già đánh rớt giày dưới chân cầu bắt Trương Lương ba lần lượm lên, Trương Lương vẫn kiên nhẫn nhặt, nên được truyền cho binh thư, phù chú, chính là An Kỳ Sinh. Tại Trung Hoa có rất nhiều nơi được coi là chỗ tu luyện của An Kỳ Sinh, nhất là các đảo ngoài biển Đông, hai nơi nổi tiếng nhất là Phổ Đà và đảo Đào Hoa (sau gọi là Bạch Vân Sơn) thuộc quần đảo Châu Sơn ở miền Nam Trung Hoa. Người Việt cho rằng núi Yên Tử ở Đông Triều, Việt Nam cũng từng là nơi tu luyện của An Kỳ Sinh.

Theo Hán Thư, Mai Phước Truyện thì Mai Tử Chân tên thật là Mai Phước, người huyện Thọ Xuân, Cửu Giang, thông hiểu sách vở, đặc biệt sùng bái Nho học. Do chán ghét thời cuộc hỗn loạn sau khi Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán bèn đem vợ con về ẩn cư tại Hồng Nhai. Sau ông ngao du khắp vùng Mân Việt, tu tiên.

Cát Trĩ Xuyên, tên thật là Cát Hồng, hiệu là Bão Phác Tử, người huyện Cú Dung, Đơn Dương (nay thuộc Giang Tô). Ông sanh ra trong khoảng niên hiệu Thái Khang đời Tấn, mất vào năm Hưng Ninh nguyên niên (363). Về già, ẩn cư tại núi La Phù vùng Quảng Đông. Chuyên nghiên cứu luyện đan, làm thuốc. Tác phẩm quan trọng nhất của ông là bộ Bão Phác Tử, được chia thành Nội Thiên (gồm hai mươi quyển) và Ngoại Thiên (năm mươi quyển). Nội Thiên dạy cách luyện thuốc tiên (kim đan), sự biến hóa của quỷ thần, cách dưỡng sanh kéo dài tuổi thọ. Những chương Kim Đan, Tiên Dược, Hoàng Bạch trong ấy được coi là thánh điển cho những kẻ luyện đan. Ngoại Thiên bàn về lẽ được mất trong nhân gian, thế đạo tốt xấu v.v.. Ngoài ra ông ta còn soạn sách y học như Kim Quỹ Dược Phương (100 quyển), Thần Tiên Phục Dược Phương (10 quyển), Phục Dược Phương (4 quyển), Ngọc Hàm Tiễn Phương (năm quyển). Những bài kim đan của ông ta thường chứa những chất độc như thủy ngân, chì v.v.. Rất nhiều đạo sĩ, vua chúa luyện kim đan xong, uống vào hộc máu chết tươi!

Lương[527] khai sơn, tứ chúng mới biết quy hướng. Tâm báo đức thiết tha, chẳng sợ nhọc nhằn trèo núi, vượt biển. Do gieo lòng thành ân cần, cho nên phải thể hiện lòng cung kính bằng cách chiêm ngưỡng thánh tượng, lễ dưới chân Phật. Nhưng do thuyền to chưa có bến, thường phải dùng thuyền nhỏ để đón vào bờ, hễ hơi có chút sóng gió bèn thành ra rất nguy hiểm, người trẻ mạnh còn được, chứ người già yếu, phụ nữ thật rất đáng lo. Do vậy, không tu bổ bến thuyền thì quả thật là một chuyện đáng tiếc lớn đối với tâm từ bi của Đại sĩ, mà cũng là chuyện thiếu sót lớn lao trong việc báo đáp thiện tín.

Hễ gió lớn vừa dậy thì sóng dữ ào ạt, đá to mấy vạn cân khác nào viên thuốc bị xoay vần. Nếu chẳng bỏ vốn liếng lớn lao, quyết chẳng thể tồn tại lâu dài, không bị hư hoại được. Do vậy, gần đây nhiều người phát tâm nhưng vẫn chưa thể thực hiện vì phí tổn quá lớn lao, sợ rằng chẳng tồn tại lâu dài thì uổng phí tiền của, uổng công nhọc nhằn tâm lực. Vị đại hộ pháp là ông Chúc Lan Phưởng và con là Y Tài, nhiệt tâm làm chuyện ích lợi chung, lại còn dốc lòng tin nơi tam bảo, thấy tình hình này lòng thương xót, phát tâm Bồ-đề, tuy biết chẳng dễ tạo dựng, nhưng cứ muốn thực hiện chuyện này. Nếu không mang lòng tự lợi lợi tha của đức Như Lai, mang tâm tự lập lập người của Khổng tử há có thể dũng mãnh, kiên nghị như vậy ư?

Nhưng công đức này nào phải chỉ có mấy mươi vạn đồng nên sức họ không lo liệu được hết. Không những do sức mình chẳng đủ, mà còn vì muốn cho người khác cùng làm lành nên mới ủy thác cho Quang trình bày duyên khởi. Quang sống ở núi này đã nhiều năm biết rõ việc này khó khăn, lại may là ông Chúc có chí làm lợi cho người, đứng ra đề xướng, ắt sẽ có những người có tâm lực, tài lực giống như ông Chúc đua nhau phụ họa. Mọi người dốc chí sẽ thành, khó gì chẳng thành tựu?

Huống nữa khắp tứ chúng cùng kết tâm báo ân chí thành, khế hợp nguyện lực từ bi của Đại sĩ, sẽ thấy Hải Nhược, Phong Bá[528] cũng trên là tuân theo thánh ý, dưới là thuận phàm tình nên thường ủng hộ, khiến cho vĩnh viễn không còn phải lo lắng nữa. Ngõ hầu sau này những người đến lễ Đại sĩ khỏi bị lo lắng không đáng, yên ổn lên được bờ kia. Kinh dạy: "Nếu làm cho chúng sanh sanh tâm hoan hỷ thì chính là làm cho hết thảy Như Lai hoan hỷ." Vì thế biết rằng: Dùng một

[527] Chu Lương là nhà Lương thuộc đời Ngũ Đại do Chu Ôn sáng lập, lập ra năm 907. Gọi là Chu Lương hay Hậu Lương để phân biệt với nhà Lương của Tiêu Diễn (Lương Võ Đế). Ngài Huệ Ngạc khai sơn Phổ Đà vào thời Chu Lương.

[528] Hải Nhược: Theo truyền thuyết xưa, thần biển có tên là Nhược. Phong Bá là thần gió.

câu, hoặc dùng một đồng tán thành chuyện này, thì hết thảy chư Phật đều cùng hoan hỷ, huống chi còn làm nhiều hơn nữa! Nếu chỉ luận về công đức tối thiểu thì ví như một giọt nước, gieo vào trong biển cả, sẽ rộng sâu, dài lâu hệt như biển cả, nếu nhiều hơn thì cần gì phải luận nữa. Nay hãy dốc lòng đem tịnh tài gieo vào biển giác thì biển khổ ắt sẽ khô cạn, biển phước rộng sâu, cho đến khi nào biển giác tròn đầy, lặng trong mới thôi. Khẩn cầu những người vào núi báu chớ trở về tay không, người được tắm gội nơi pháp phải dốc lòng báo ân Phật!

11. Sớ quyên mộ tu bổ điện Tam Thánh chùa Thượng Phương Quảng núi Thiên Thai

Thiên Thai là đệ nhất danh sơn vùng Đông Nam, Thượng Phương Quảng chính là cổ tự khai sơn bậc nhất của Thiên Thai. Truy nguyên, kể từ khi tôn giả Đàm Du đời Tấn[529] dùng thần thông đạo lực hàng phục sơn thần, khai sơn dựng

[529] Theo Cao Tăng Truyện, Đàm Du (còn có tên là Pháp Du, Bạch Đạo Du), người xứ Đôn Hoàng, bỏ nhà xuất gia năm 20 tuổi. Sau ngài xuống miền Giang Đông, trụ tại núi Thạch Thành, khất thực tu hành. Sau ngài dời đến núi Xích Thành. Ngài vào núi Thiên Thai trong niên hiệu Hưng Ninh (363-365) thời Đông Tấn chuyên tu thiền định. Khi ngài tụng kinh trong hang núi, khoảng mười mấy con hổ vây quanh hang, gầm rú, sư vẫn an tường tụng kinh. Từng con cọp nằm phục trước hang, sư cứ tụng kinh mãi không ngừng, mặt trời dần dần xế bóng, cọp ngủ gục trước hang. Sư cầm cây như ý gõ nhẹ vào đầu cọp quở: "Nghiệt chướng! Sao chẳng chịu nghe kinh?" Cọp chồm dậy, sư lại tụng kinh tiếp. Không lâu sau, từng đàn rắn lớn bò tới quấn quanh cửa hang, ngẩng cổ nhìn. Nghe mãi rắn mệt cũng từ từ bỏ đi. Đến ngày thứ hai, sơn thần hiện thân thưa hỏi:

- Pháp sư oai nghi, phong thái nghiêm túc, đức hạnh khác người, đã đến nơi đây, đệ tử xin dâng nhà cửa! Sư nói:

- Bần tăng ở nhờ núi này, chỉ xin một miếng đất chừng một trượng vuông. Ông đến khiến tôi vui lắm, sao không ở lại?

- Con thì không nói làm gì, nhưng thuộc hạ chưa được đại pháp thuần hóa, rất khó cai quản, ngài là người từ xa đến, đi ra ngoài khó tránh khỏi bị chúng xâm phạm. Thần và người không cùng một đường, đệ tử không thể thường ở bên thầy được!

- Ông là thần phương nào? Trụ nơi đâu bao lâu rồi? Sẽ dời đi đâu?

- Con vốn là con trai của Hạ Đế, đã sống ở đây hơn 2.000 năm rồi. Núi Hàn Thạch là chỗ cậu con ở, con sẽ dời sang đó.

Nói xong, thần triệu tập thuộc hạ bay lên mây bỏ đi. Không lâu sau, tiếng tăm sư lan rộng, người học thiền tìm đến. Trong núi có cây cầu đá, rêu phủ đầy vừa trơn vừa ướt, không ai dám trèo lên. Sư đến gần khu vực có cầu đá, chợt nghe trên không có tiếng nói: "Biết ngươi lòng tin tưởng kiền thành, chuyên dốc, nhưng hiện thời ngươi chưa qua được, 10 năm nữa hãy lại đến đây!" Lúc đó, trời đã tối, sư nghỉ lại qua đêm, mơ hồ nghe thấy những âm thanh giống như

nên chùa này. Thoạt đầu chùa có tên là chùa Thạch Kiều, do chùa ở gần bên cầu đá. Qua khỏi cầu đá có chùa Phương Quảng, tức là thánh tự của năm trăm bậc Ứng Chân ở nhờ, nếu không phải là bậc Ứng Chân gần đạo sẽ không thể thấy được. Ngài Đàm Du từng vào chùa này, thọ trai rồi ra, biết đó là sự thị hiện vô ngại của các vị Ứng Chân. Về sau, do hâm mộ thắng tích của những bậc Ứng Chân bèn gọi chùa Thạch Kiều là Phương Quảng.

Chỗ cao nhất trong chùa Phương Quảng là điện Tây Phương Tam Thánh, trước kia là niệm Phật đường, ba gian chánh điện thờ tượng tam thánh, để làm chỗ lễ niệm. Hai gian hai bên dùng làm chỗ an trụ cho những vị tăng niệm Phật. Trộm nghĩ pháp môn vô lượng, đều phải đoạn hết kiến hoặc mới có thể liễu sanh thoát tử, chỉ riêng pháp niệm Phật chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha thì đều có thể nương vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Do vậy, những bậc cao nhân lỗi lạc xưa nay không vị nào chẳng chú trọng pháp này, tự hành, dạy người, ngõ hầu hết thảy đồng nhân đều được siêu phàm nhập thánh ngay trong một đời này.

Điện Tam Thánh của chùa Phương Quảng trải qua năm tháng lâu xa, rường cột mục nát, lẽ ra phải trùng tu từ lâu, hiềm rằng trụ trì không đủ tài lực, đành phải đợi thời cơ. Đầu tháng Ba năm nay, có một vị khách tăng đến trụ nơi đó niệm Phật, khá là siêng năng, khẩn thiết, đến đêm mồng Bốn tháng Tư tự thiêu thân nơi điện Tam Thánh. Đến khi mọi người trong chùa biết được thì ngọn lửa đã cháy to, không cách gì cứu chữa được. Nhưng may là chỉ cháy nơi ấy, những nơi khác không bị ảnh hưởng. Không biết có phải là vị tăng ấy muốn sửa mới điện ấy nên làm như vậy? Hay là những vị linh thiêng nơi núi ấy muốn tu bổ chùa nên mới xui khiến vị tăng ấy làm như vậy? Hay là Phật, Bồ-tát, năm trăm vị Ứng

---

đang có pháp sự tụng niệm cử hành. Sáng ra, sư dò dẫm lên đường, đi nửa đường gặp một ông lão tóc lẫn lông mày trắng muốt, hỏi sư đang đi đâu. Sư thuật đầu đuôi, ông lão nói: "Thầy là người có thân thể hữu sanh hữu tử. Đi tiếp chẳng phải là đón nhận cái chết ư? Ta là sơn thần đến khuyên ngăn thầy!" Đàm Du đành quay về, giữa đường thấy một cái hang đá, bèn vào nghỉ trong ấy, chợt chim ở đâu tụ lại trong hang nhiều vô kể, kêu la ầm ĩ. Sư vẫn thản nhiên, không sợ hãi. Ngày hôm sau, có một người đầu bịt khăn, mặc áo đơn, đến bảo: "Đây là chỗ ở của bỉ nhân, ngày hôm qua vắng nhà khiến thầy bị khuấy nhiễu, thật thẹn hãi sâu xa!" Đàm Du bảo: "Nếu đây là nhà ông, xin hãy dọn đi nơi khác." Thần nói: "Con đã dọn rồi, xin sư cứ ở!" Đàm Du ở lại đó mấy ngày. Sư trai giới thanh tịnh mấy ngày, rồi lại đến bên cầu đá, chợt thấy thạch động nứt ra, thấy tinh xá Phương Quảng và các thần tăng, liền tiến đến dâng hương, được họ đãi ăn. Ăn xong, thần tăng bảo: "Mười năm nữa, ông sẽ tự nhiên đến được nơi đây. Bây giờ chưa thể lưu lại được, hãy về đi!" Sư trở ra, nhìn lại đã thành chốn hoang vu như cũ. Năm trăm vị Ứng Chân chính là năm trăm vị La-hán trong ngôi chùa nơi cầu đá.

Chân muốn hoằng dương pháp môn Tịnh độ lớn lao để hết thảy các thiện tín bỏ tiền của giúp trùng tu, cùng nhờ vào thiện căn này thoát khỏi cõi khổ Sa-bà, sanh về thế giới Cực Lạc, mà xui khiến vị tăng ấy làm như thế?

Nay trụ tri muốn trùng tu, nhờ Quang viết sớ, thuật chuyện khai sơn dựng chùa và chuyện điện ấy đáng lẽ phải được trùng tu từ lâu, gặp nhân duyên này, bèn mong hết thảy đàn-việt nghĩ đến chỗ mầu nhiệm khế lý khế cơ của pháp môn Tịnh độ, lòng thành vì pháp tổn thân của vị tăng ấy, ai nấy đều bỏ ra tịnh tài giúp cho công việc thù thắng này. Công đức ấy chỉ có Phật mới có thể biết được!

12. Sớ quyên mộ tu bổ đại điện Bán Sơn Am ở núi Phổ Đà (soạn giùm)

Đại sĩ Viên Thông lưu dấu nơi Phổ Đà, thệ nguyện không ngằn mé, từ bi khôn lường, hoàn toàn không phan duyên mà ứng hiện khắp cả, như một vầng trăng in bóng nơi ngàn con sông, trụ nơi chân tế nhưng ứng khắp quần cơ, như một trận mưa thấm khắp vạn loài thảo mộc. Bán Sơn Am là chùa phụ của chùa Pháp Vũ, là biệt viện của Đại sĩ, trống khuya chuông sớm, tiếp nối nhịp điệu trong trẻo của chùa Phổ Tế, cầm cành hoa phe phẩy, ngưỡng thừa tông phong chùa Pháp Vũ, phù tá hai chùa, hoằng xiển Nhất thừa. Do vậy, mới gọi tên là Bán Sơn (lưng chừng núi).

Kể từ khi sáng lập đến nay, trải năm tháng đã lâu, sửa cũ dựng mới đời nào cũng có người. Đến nay, mưa dầm, nắng hun, sương ngấm, mây chưng, gần muốn sụp đổ, cần phải sửa chữa gấp. Nạp tăng xuất gia nơi viện ấy, tham phỏng khắp các phương, một buổi nọ đi rách cả giày cỏ, gót chân bết đất. Do vậy, biết mệt quay về, quên duyên vui đạo, hưởng gió trăng nơi cố hương, giữ gìn môn đình của Biệt Am. Trông thấy hình thế của chùa nhức mắt đau lòng, thường sợ kim dung khuất sắc, không tỏ lộ ánh sáng trong tam thiên. Phổ Môn cửa gài, khó thể làm đường nẻo cho hai mươi lăm pháp Viên Thông.

Muốn triệt để thay đổi để khôi phục diện mạo sẵn có của chùa, hiềm rằng phí tổn lớn lao, bát rỗng, túi không, toan giãi bày tấm lòng thành hèn kém, quyên mộ khắp các đàn-việt, khẩn khoản mong hãy phát tâm Bồ-đề, hành sự phương tiện, bỏ ra của quý báu sẵn có trong nhà để vun bồi công đức chẳng mục nát. Lượng sức tùy duyên, thí tiền quyên thóc, ngõ hầu điện báu thênh thang sớm có ngày thành tựu, mãn nguyệt kim dung thường trụ cả kiếp. Khiến cho hàng truy tố nam tham[530], phường tăng tục đông thỉnh vào cửa quy mạng, trông thấy hình tướng

[530] Nam tham là nhắc đến điển tích Thiện Tài đồng tử từ Phước Thành đi về phía Nam lần lượt tham học với 53 vị thiện tri thức, không rõ Đông Thỉnh muốn nhắc đến điển tích nào, nhưng

bèn phát tâm, hiểu rõ các tướng lìa tướng, đích thân chứng diệu tướng thật tướng. Môn nào cũng đều là Phổ Môn, vào thẳng pháp môn vô môn. Mở mang phong thái huyền diệu vượt ngoài cả kiếp, giúp cho sự bình trị trong cả vũ trụ. Công đức lợi ích ấy há có thể hình dung bằng ngôn ngữ, văn tự được nổi ư?

13. Sớ quyên mộ thiết lập đại đạo tràng Phổ Môn Vô Giá[531] Phổ Độ Thắng Hội (viết giùm)

Đại sĩ Quán Âm nương đại nguyện luân, độ thoát chúng sanh, gọi là Phổ Môn, vì pháp nào, sự nào cũng đều quy về thật tướng, do từ căn nào, trần nào cũng đều chứng viên thông, chẳng có pháp nào không thông Niết-bàn, do vậy gọi là Phổ Môn. Lại khiến cho thượng trung hạ căn đều theo đường trở về nhà, thiện, ác hay trung dung[532], không ai chẳng được bình đẳng nhiếp thọ, không một ai Bồ-tát chẳng rủ lòng từ cứu vớt, nên gọi là Phổ Môn. Nhưng do chúng sanh ở trong mê, đối với những cảnh căn, trần v.v. lầm lạc khởi hoặc tạo nghiệp, do nghiệp chịu khổ, trải bao kiếp lâu xa, trọn chẳng có lúc ra. Do vậy, thiên tai nhân họa càng ngày càng nổi lên, thủy, hỏa, đao binh, liên tiếp xảy ra. Há phải đâu trời đối xử hung cuồng, bạo ngược với dân, mà là do nghiệp xưa của dân chiêu cảm.

Nếu không quy mạng Đại sĩ thì khổ quả lại sanh ra khổ nhân, nếu khẩn cầu nơi tòa sen thì do thiện duyên sẽ đạt thiện báo. Trộm nghĩ vùng chúng ta mấy năm gần đây nhiều lượt bị ôn dịch, lại trải qua nạn đao binh, lại gặp nạn động đất, lụt lội, hạn hán, châu chấu, sâu rầy thình lình xảy ra. Do mấy lẽ ấy, người nghèo túng đến nỗi phải chết đói thật rất nhiều. Dẫu có kẻ may mắn tránh khỏi chưa bị tổn thương, cũng vẫn hoảng sợ, kinh hãi, như nuốt phải gai, như ngồi trên đệm kim, ôm nỗi đau đớn, không cách nào than vãn.

Những vị tên X… do vậy kính cẩn phát lòng kiền thành, quy mạng Từ Phụ, mong diệt được tội khiên quá khứ, bồi đắp sẵn nền phước cho tương lai. Tính

---

theo mạch văn đều cùng có nghĩa là đi tham học. Truy là áo có màu thâm, tức là tăng chúng, tố là áo trắng, tức người tại gia (xưa kia, cư sĩ tại gia Ấn Độ hay mặc áo trắng).

[531] Vô Giá (còn đọc là Vô Già) Thắng Hội (Pañcavārsika Maha), còn được phiên âm là hội Bát-giá-vu-sắt. Gọi là Vô Giá (không ngăn trở) với ngụ ý đây là một pháp hội khoan dung, không ngăn ngại, chẳng phân biệt hiền thánh, đạo tục, quý tiện, bình đẳng bố thí tài thí lẫn pháp thí. Thời cổ, các vua chúa thường cứ năm năm cử hành một lần nên còn gọi là Ngũ Niên Đại Hội. Phong tục này có nguồn gốc từ thời vua A-dục. Ngài Huyền Trang từng tham dự một đại hội Vô Giá tại Khúc Nữ Thành do vua Giới Nhật tổ chức vào thế kỷ thứ 7. Lương Võ Đế từng tổ chức hội Vô Giá tại chùa Đồng Thái vào năm Đại Thông thứ năm (529), quy tụ năm vạn tăng, tục.

[532] Trung dung ở đây là không thiện, không ác, hay thiện ác xen lẫn.

trong năm đó, tháng đó, sẽ thiết lập đại đạo tràng phổ độ thù thắng Phổ Môn Vô Già bảy ngày bảy đêm tại Pháp Vũ Thiền Tự ở núi Phổ Đà. Nhờ nhân tốt đẹp ấy, người mất sẽ được Phật tiếp dẫn, thần thức siêu sanh về cõi trời Cực Lạc, người còn sống sẽ được tắm gội oai lực của pháp, thân hưởng phước khang ninh, túc nghiệp tiêu, đều được giải thoát, mưu cầu mọi chuyện thuận lợi hanh thông, chuyển phiền não bức bách thành tiêu dao tự tại, cha mẹ ông bà đã khuất ai nấy đều được siêu thăng, con cháu đời sau của mọi người thường hưởng cát khánh. Chỉ vì đạo tràng này phí tổn rất nhiều, khẩn cầu những vị thiện tín trong ấp ta cùng phát thiện tâm, cùng giúp cho sự thù thắng thì công đức vô lượng vậy.

14. Sớ khuyên đóng góp cho viện tàn tật ở Thượng Hải

Hết thảy chúng sanh tâm tánh vốn đồng, nhưng thân tâm thọ dụng, khổ vui khác biệt vời vợi là do đời trước tu trì không giống nhau nên đến đời này cảm báo khác biệt. Vì thế kinh dạy: *"Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị. Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị"* (Tạm dịch: Muốn biết nhân đời trước thì [hãy nhìn vào] những gì phải hưởng trong đời này. Muốn biết quả trong đời sau, hãy nhìn vào những gì đang làm trong đời này). Sách Cảm Ứng Thiên nói: "Họa phước không cửa, chỉ do con người tự chuốc lấy. Thiện báo, ác báo như bóng theo hình." Do vậy, người quân tử vui theo mạng trời, chẳng oán, chẳng hờn, chỉ tu đức mình, chỉ cầu nhiều phước để mong tiêu diệt nghiệp cũ, vun bồi quả báo cho tương lai.

Kẻ đáng thương xót nhất trong cõi đời không gì bằng kẻ bần cùng không cơm áo, mù lòa, tàn tật. Cùng là con người, người ta mắt sáng, thấy rõ hết thảy, còn những kẻ ấy tuy cùng ở dưới ánh sáng mặt trời rực rỡ, khác gì ở trong nhà tối, hang thẳm. Người ta ai cũng tay chân vẹn toàn, tùy ý làm lụng, còn họ chi thể tàn khuyết, chuyện gì cũng bất tiện. Người như vậy lại còn không có gia đình để nương thân, không cơm áo để nuôi mạng. Bọn họ cùng do cha trời mẹ đất sanh ra, dĩ nhiên họ là ruột thịt của chúng ta, chúng ta may được cha trời mẹ đất che chở, cảnh ngộ còn khá hơn một chút. Nếu chẳng lập phương cách khiến cho thân họ có chỗ gởi gắm, tâm có chỗ nương tựa, ngõ hầu túc nghiệp tiêu diệt, quả báo đời sau thắng diệu, thì là đã đánh mất cái tâm sanh trưởng bình đẳng của cha trời mẹ đất, lại còn phụ bạc ý niệm cha trời mẹ đất đã ban phước lạc, an vui cho chúng ta. Huống hồ rộng thí giúp đỡ mọi người, yên già, lo trẻ, xem dân như người thân, thi ân chẳng nói, cổ thánh tiên hiền không vị nào chẳng đề xướng tận lực thực hành để hậu thế noi theo. Há có nên chẳng thấu hiểu tâm của thiên địa hiền thánh

để hành cái đạo "dùng lòng nhân đối xử với mọi người", lại coi thường gạt qua một bên ư?

Do vậy, cư sĩ Vương Nhất Hanh riêng phát đại tâm, tụ họp những người cùng chí hướng, lập ra viện tàn tật ở vùng phụ cận trạm xe phía Nam Thượng Hải, cho những người tàn tật không có nhà cửa để quay về ấy được sống yên trong đó, được chu cấp cơm áo cho đến hết đời. Với những người chân tay chẳng vẹn toàn, sẽ phái người chăm sóc; những người có mắt để nhìn, có tay làm lụng được, bèn tùy theo khả năng của người ấy, cho làm các nghề nghiệp để bù đắp đôi chút vào chi phí. Lại thỉnh người thông đạt Phật pháp, cách vài ngày đến đó vì họ diễn nói pháp sửa lỗi hướng thiện, dứt lòng tà, giữ lòng thành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, ngõ hầu bọn họ hiểu rõ nhân trước quả sau, quyết tu đức mình, nhất tâm niệm Phật để cầu vãng sanh, hòng vĩnh viễn lìa khỏi cái khổ sanh tử luân hồi trong Sa-bà, thường hưởng niềm vui thường lạc ngã tịnh nơi Tịnh độ. Vì những người ấy lo toan có thể nói là khẩn thiết, chu đáo đến mức cùng cực không chi hơn được nữa! Nhưng số người thì đông, chi phí quả thật rất nhiều, hoàn toàn cậy vào những người giàu có cùng phát lòng bi đồng thể, quyên ra vô tận bảo tạng giúp cho nỗi lo lắng sanh thành dưỡng dục của thiên địa, bồi đắp pháp thân trang nghiêm của chính mình thì thật là may mắn lắm thay!

15. Sớ quyên mộ tu bổ Cảnh Đức Thiền Tự núi La-hán, Vĩnh Gia

Phật pháp thâm diệu, phàm tình chẳng thể suy lường được nổi. Nếu chẳng phải là thánh nhân có đại trí tuệ, đại biện tài, đại thần thông mà muốn giáo hóa, dẫn dắt kẻ ngu tục cùng hướng về chánh pháp, bỏ đi kiến giải hèn kém, câu nệ, hư huyễn, mở mang chánh tri kiến sẵn có nơi tánh thì ai nấy đều bỏ tiền của trong nhà để sáng lập phạm-sát ngõ hầu hoằng Tông diễn Giáo, làm đèn sáng trong đêm dài, tập đạo tu tâm, làm chiếc bè to trong biển khổ, thật chẳng phải là chuyện dễ dàng. Chùa Cảnh Đức ở núi La-hán tại Vĩnh Gia do tôn giả Đằng La[533] tạo ra vào thời Đường. Theo tự chí, tôn giả chẳng biết là người như thế nào, vào năm Hội

[533] Sách Thích Thị Kê Cổ Lược chỉ nói đại khái ngài tên Vô Dịch, nhằm thời Đường Võ Đế phá hoại Phật pháp, sư vào ẩn cư trong sơn cốc, kết am tranh thiền định cả mười mấy năm, dây mây quấn kín am, ngài vẫn nghiễm nhiên thiền định nên dân chúng gọi là tôn giả Đằng La (tôn giả bị dây mây quấn). Sách Ngũ Đăng Hội Nguyên, quyển 3 chép hơi khác: Vào cuối thời Đường, tôn giả cưỡi cây gỗ nổi từ ngoài biển vào Thụy An, Ôn Châu (nay là Chiết Giang), kết am tu thiền định cả mấy năm trong núi sâu, dây mây phủ kín bốn bề. Một ngày nọ có người thợ săn dẫn chó đi săn, chó chui vào bụi dây mây mãi không ra, bèn dùng rìu chặt mây, thấy bầy chó đang phủ phục trước sư, chợt kính ngưỡng, xin xuống tóc. Từ đó, lập thành chùa Bản Tịch. Do tôn giả bị dây mây quấn quanh thảo am, nên gọi là tôn giả Đằng La.

Xương thứ hai (842) đời Đường Võ Tông, cưỡi gỗ vượt biển đến trước ty tuần giản[534] ở Thụy An. Người trong ấp lấy làm lạ, mời sư lên bờ. Do vậy, dân chúng cả một vùng sùng tín, kính ngưỡng như vị Phật sống, thế nên sư bèn tùy cơ chỉ dạy, khiến họ sanh chánh tín. Sư biết trước chuyện Đường Võ Tông sẽ diệt pháp nên chuyện kiến lập phạm-sát đều tiến hành thong thả, đến khi Trung Tông kế vị, Phật nhật lại sáng, tôn giả mới giáo hóa, chỉ dạy khắp những thôn ấp thuộc Ôn Châu cùng xây dựng phạm-sát gồm mười tám chỗ, có thể nói là đại hoằng pháp hóa, làm phước điền cho chúng sanh. Chùa Cảnh Đức ở núi La-hán là một trong số đó, núi ấy quanh co, cao ngất, đẹp đẽ, cảnh sắc thanh tịnh, u nhã, là chỗ quan trọng đứng đầu của Vĩnh Gia, là khu vực linh thiêng để tu đạo.

Chùa ấy từ đời Đường đến nay đã hơn 1.100 năm, trong thời gian hoằng dương pháp hóa đó, cảnh chùa được sửa sang cố nhiên không biết bao lượt. Nay đã lâu chưa được sửa chữa, Phật điện, tăng liêu đổ nát gần hết, thánh tích của tôn giả sắp bị tiêu mất. Người trong ấp như các vị Phan Giám Tông, Ngô Bích Hoa, Diệp Kiến Hùng v.v. mấy mươi người lo lắng, cùng bàn tính cách phục hưng. Nhưng vì thời cuộc khó khăn, bèn rút nhỏ quy mô, tính lập năm gian Phật điện, tiền điện ba gian, liêu xá hai bên hơn mười gian để những người đến lễ tụng nghỉ lại đều có nơi chỗ. Mấy vị tỳ-kheo an trụ, cư sĩ tinh tu tịnh nghiệp thường sống nơi ấy, chuyên tu niệm Phật tam-muội để mong mình lẫn người cùng thoát Sa-bà, đồng sanh Tịnh độ, làm đệ tử Phật Di-đà, làm bạn bè tốt nơi Hải Hội.

Nhưng do công trình rộng lớn, sức lực đơn độc khó thành, khẩn cầu những vị thiện tín đàn-việt mười phương phát tâm Bồ-đề, hành sự phương tiện, mở rộng bảo tạng, vun đắp phước điền, khiến cho bảo điện mênh mông sớm có ngày thành công, mãn nguyệt kim dung thường trụ muôn kiếp. Liên xã mở ra, người thấy kẻ nghe đều được lợi ích, Tịnh tông được xiển phát, tăng tục minh tâm, ắt thấy Phật trời hộ trì như mây nhóm, cát khánh chen nhau đưa đến. Giàu, thọ, khang, ninh, đời này được ngũ phước kín dày, quan cao tước cả, con cháu được hưởng trăm điều tốt lành như đã nói trong bài Y Huấn.

16. Sớ thuật duyên khởi thành lập liên xã chùa Thanh Liên ở Lô Sơn

Phật pháp rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, nhưng toàn thể đại dụng đều ở trong một niệm tâm của chúng sanh. Chỉ do mê chưa ngộ, nên đến nỗi trong chỗ vốn không có sanh tử lại lầm chịu nỗi khổ luân hồi sanh tử. Vì thế,

[534] Tuần giản: Cơ quan giữ nhiệm vụ kiểm soát đường thủy. Thụy An nay là một thị trấn trọng yếu vùng Đông Nam tỉnh Chiết Giang.

đức Thích-ca Thế Tôn ta riêng rủ lòng ai mẫn, thị hiện sanh trong thế gian để cứu vớt. Khi đó, ngài vứt bỏ vinh hoa nơi cõi nước, xuất gia tu đạo, thành Đẳng chánh giác dưới cội bồ-đề, muốn khiến cho hết thảy chúng sanh đều triệt chứng tự tâm, viên thành Phật đạo. Do vậy, Phật bèn tùy cơ thuyết pháp, theo bệnh cho thuốc, để những người thiện căn chín muồi mau chứng Vô dư Niết-bàn, người thiện căn chưa chín muồi tùy phần đều được lợi ích. Thuyết pháp 49 năm, giảng kinh hơn 300 hội, tuy là đại - tiểu, quyền - thật bất đồng, thiên - viên, tiệm - đốn có khác, nhưng trong tâm Phật, không gì chẳng nhằm truyền dạy thẳng vào giác đạo chính ngài đã chứng. Chỉ vì căn cơ đa phần chẳng phù hợp, nên không thể không uyển chuyển lập phương tiện để nhiếp thọ, còn bổn hoài xuất thế chưa thể nhanh chóng diễn bày.

Do vậy, ngoài những giáo lý thông thường, Phật mở ra một pháp môn đặc biệt, tức là niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, khiến cho chúng sanh dù thánh hay phàm, dù ngu hay trí, đều cùng trong đời này thoát lìa sanh tử, khiến cho những người đã phá vô minh sẽ viên chứng pháp thân, người còn đủ kiến hoặc cũng lên bất thoái. Công huân lợi ích ấy vượt trỗi hết thảy giáo pháp suốt cả một đời, thật có thể gọi là "giáo ngoại biệt truyền chí viên chí đốn". Do vậy, trong hết thảy kinh Đại thừa không kinh nào chẳng hiển phát, xiển dương, khen ngợi, chỉ dạy; hết thảy Bồ-tát, tổ sư không vị nào chẳng y giáo phụng hành, bởi lẽ pháp này là đại đạo phổ độ chúng sanh của ba đời chư Phật, là diệu pháp để viên chứng Phật quả của chúng sanh trong chín giới.

Đến khi đại pháp truyền sang Đông, đại sư Viễn công hoằng dương pháp này đầu tiên tại chùa Đông Lâm ở Lô Sơn. Cao nhân tăng tục khi ấy đều như mây nhóm lũ lượt kéo về Lô Sơn ghi danh, pháp Tịnh độ ai nấy đều kính ngưỡng tu trì. Từ đấy về sau, tất cả Luật, Giáo, Thiền, Mật không ai chẳng lấy việc cầu sanh Tịnh độ làm bước cuối cùng để phản bổn hoàn nguyên. Do vậy, Liên phong thổi khắp trong nước, ngoài nước, pháp lợi trọn khắp cổ kim. Huống chi lúc này nhằm đúng thời mạt pháp, con người căn tánh hèn tệ, càng phải nên chuyên chú nơi pháp này để mong được liễu thoát ngay trong đời này.

Cuộc đất tối thắng ở Lô Sơn nhằm đúng ngay nền chùa Thanh Liên, chùa ngự cao trên đỉnh núi, hình thế giống như một đóa sen tự nhiên. Vì thế, đại sư Hoàng Cốc đời Tấn tiếp nối chí lớn của Viễn công, lập chùa nơi đây để xiển dương Liên tông. Từ đời Tấn đến đời Thanh, hơn 1.500 năm, do cao nhân nối tiếp nhau trụ trì nên liên phong thường được chấn hưng mạnh mẽ. Đến cơn biến loạn Hồng

Dương[535], đều thành tro bụi, pháp đạo suy vi, không người khôi phục, đến nỗi đạo tràng tuyển Phật suốt hơn một ngàn năm rốt cục biến thành núi hoang, chẳng đáng buồn ư!

May còn có đại sư Diệu Bồi là cao túc đệ tử của lão nhân Vi Quân, tận lực tuân theo lời thầy dạy, dốc chí tu tịnh nghiệp, riêng qua Hồng Loa tham học nhiều năm. Mùa xuân năm nay qua chơi Lô Sơn, đến chỗ nền chùa, thấy hình dáng như đóa hoa sen, trước mặt lại nhìn ra thác nước Tam Điệp, sau lưng dựa vào ngọn núi Ngũ Lão hùng vĩ, hai bên có hai ngọn Sư Tử và Tượng Tỵ (vòi voi) để che chở. Đúng là chốn Tịnh độ đạo tràng trời xây đất dựng, chẳng nỡ để bị chìm đắm mãi mãi, nên phát nguyện khôi phục để hoằng dương Liên tông, bèn bàn bạc cùng các đại cư sĩ ở Thượng Hải, trước hết quyên được hơn một ngàn đồng dùng để lập một tòa niệm Phật đường, vài gian tăng liêu làm chỗ an trú cho vài người chân tâm tu đạo, sáu thời hành đạo, nối tiếp khuôn phép thơm của Viễn công. Đợi sau

[535] Tức loạn Thái Bình Thiên Quốc (1851-1864), quân phiến loạn do Hồng Tú Toàn và Dương Tú Thanh cầm đầu nên gọi là loạn Hồng Dương. Hồng Tú Toàn (1812-1864) là người cuối đời Thanh, vốn là người huyện Hoa, tỉnh Quảng Đông. Năm Đạo Quang 23 (1843), Hồng Tú Toàn cùng Phùng Vân Sơn lập đạo tại huyện Hoa, Quảng Đông, tự xưng mình được Thượng đế mặc khải, gọi chúa Jesus là anh cả, vay mượn giáo nghĩa Thiên Chúa giáo, pha trộn với những mê tín dân gian để truyền đạo với danh xưng Bái Thượng Đế Hội. Năm sau, sang Quảng Tây truyền giáo, tích cực tuyên truyền quyến rũ nông dân. Mùa xuân năm 1848, Phùng Vân Sơn bị quan nhà Thanh bắt giam. Tháng Bảy năm 1850, Hồng Tú Toàn hô hào dân chúng đứng lên làm loạn, bọn thảo khấu, vô lại tham dự lên đến hai vạn người. Ngày 11 tháng 1 năm 1851, nhân dịp sinh nhật của chính mình, Hồng Tú Toàn tự xưng là Thiên Vương, ra sắc lệnh thiết lập Thái Bình Thiên Quốc, phong cho Dương Tú Thanh làm quân sư, rồi lại phong họ Dương làm Đông Vương. Phùng Vân Sơn tích cực thiết lập quân chế, lễ nghi và tổ chức quân đội cho Thái Bình Thiên Quốc, đặt ra lịch pháp mới. Năm 1852, từ Quảng Đông, quân Thái Bình Thiên Quốc đánh lên Hồ Nam, quân Thanh giữ thành bắn đại pháo chống cự. Phùng Vân Sơn bị trọng thương, không bao lâu thì chết. Năm 1853, loạn quân chiếm được Nam Kinh, đổi tên thành Thiên Kinh. Không lâu sau các bầy tôi của Hồng Tú Toàn tranh giành quyền lực, hãm hại lẫn nhau. Tháng 9 năm 1856, Bắc Vương Hàn Xương Huy cùng Yên Vương Tần Nhật Võng lén vào thành Nam Kinh, đột kích phủ Đông Vương, giết sạch cả nhà Đông Vương Dương Tú Thanh, thuộc hạ của Đông Vương cũng bị thảm sát trong biến cố này rất nhiều. Do Thạch Đạt Khai phản đối, hai người bèn tấn công luôn Thạch Đạt Khai, giết sạch gia quyến họ Thạch. Họ Thạch phải bỏ thành trốn ra ngoài. Sợ nội loạn sẽ xảy ra vì phe đảng họ Thạch quá đông, Hồng Tú Toàn bèn xử tử Hàn Xương Huy, thâu tóm binh quyền về tay anh em họ Hồng. Tuy nội bộ chia rẽ tàn sát lẫn nhau, thế lực loạn quân vẫn còn rất mạnh, chúng liên tục đốt phá, tấn công đến tận Thượng Hải, mãi đến năm 1864, Tăng Quốc Phiên mới dẹp yên được loạn quân. Do Hồng Tú Toàn chủ trương biến Trung Hoa thành một nước Thiên Chúa giáo theo kiểu của họ nên ra sức đốt phá chùa chiền, đạo quán, văn miếu cả miền Hoa Nam. Vì họ chống lại quy định cạo nửa đầu, thắt bím đuôi sam của nhà Thanh, cứ để nguyên tóc dài như thời nhà Minh, nên sử thường gọi là Trường Mao Phát Tặc (giặc lông tóc dài).

này có đại công đức chủ sẽ tùy sức mở rộng ra thêm. Do tài lực khó khăn, tu hành lại là chuyện gấp, nên không thể không tùy phần tùy sức để mong tu trì đạt được lợi ích, chẳng đến nỗi gây trở ngại cho tịnh nghiệp vậy.

Pháp kết xã thì một là tuân theo quy củ đã thành lập bởi tổ Huệ Viễn, bất luận tăng tục đều phải đầy đủ tín nguyện chân thành, quyết định cầu sanh Tây Phương. Ai nấy lại phải giữ trai giới, thanh tịnh thân khẩu ý nghiệp, khóa tụng sáng chiều, ba thời niệm Phật, trừ khi có bệnh và có việc chung ra, trọn chẳng được tránh né, kiếm cớ thảnh thơi. Ngoài ra thì tùy ý lễ tụng, tọa thiền, cốt sao đạt được lợi ích nơi đạo mà thôi. Chỉ có điều không được học tập thi văn, xem lung tung sách vở thế tục, cũng như chẳng được chuyện trò tạp nhạp lúc rảnh rỗi kẻo uổng phí quang âm. Xưa Viễn công kết xã có 123 người thảy đều là bậc rường cột trong Phật môn, là Thái Sơn, Bắc Đẩu trong làng Nho. Nay thì căn tánh con người hèn tệ, kém xa xưa kia, nhưng trong tâm vốn có Phật tánh, cố nhiên pháp môn độ khắp ba căn xưa nay chẳng khác. Như vậy lý "tâm này làm Phật, tâm này là Phật", sự "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" há chẳng phải do tự mình tu, tự mình chứng hay sao? Vì thế, kính cẩn soạn ra một chương đơn giản để khuyên lơn những người cùng chí hướng.

Lại mong các đại đàn-việt phát tâm Bồ-đề, cùng nhau hộ trì, bỏ tiền, thí gạo, xoay vần khuyên bảo, quyên mộ, khiến cho bảo điện thênh thang sớm có ngày được thành tựu, mãn nguyệt kim dung thường trụ muôn kiếp. Liên xã hưng khởi, tông phong rạng rỡ, chánh pháp thạnh, tai chướng ngầm tiêu, sẽ thấy Phật trời hộ trì như mây nhóm, cát khánh tranh nhau đưa đến, trong đời hiện tại sẽ hưởng ngũ phước, lâm chung cao đăng chín phẩm. Như thế có thể gọi là bậc đại trượng phu thật sự, là đệ tử Phật thật sự, trên chẳng phụ công giáo hóa của chư Phật, dưới chẳng phụ linh tánh của chính mình. Nguyện người thấy, kẻ nghe cùng tu đạo này, để một truyền mười, mười truyền thành trăm, cho đến khắp pháp giới thì thế giới thái bình, nhân dân an lạc, khôn ngăn thơm thảo cầu chúc vậy.

17. Sớ quyên mộ tu bổ điện Thiên Vương và lầu trống chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà

Phổ Đà danh sơn là cõi đất thù thắng, nơi Đại sĩ ứng tích, Pháp Vũ Thiền Tự quả thật là đạo tràng cầu phước cho quốc dân. Từ khi được sáng lập đến nay đã trải nhiều năm lâu xa, sửa cũ đổi mới đời nào cũng có người. Hai phen được vua

ban tiền[536] sửa chữa, vào đời Thanh trước kia được hai phen sắc tu, quyên mộ khắp các duyên. Sau cơn loạn lạc lại được tu tạo một lần nữa, khổ là ở giữa biển cả, hơi muối, gió táp, xói mòn các vật. So với nội địa càng bị hư mục nhanh hơn. Nay lầu trống, điện Thiên Vương, kèo cột hư nát, chân cột mục ruỗng. Nếu chẳng sớm lo liệu, ắt sẽ thấy bị sụp đổ rất nhanh.

Tuy mang tên là điện Thiên Vương[537], nhưng thật ra thờ pháp tướng của đức Di-lặc. Từ tâm của ngài Di-lặc và Quán Âm phù hợp nhau, tùy theo từng loài mà hiện hình, tầm thanh cứu khổ. Lòng từ lừng lẫy khắp đời này, lòng bi thấu đến mạt kiếp, làm chỗ nương tựa cho đời hiện tại, làm Thế Tôn cho đời tương lai. Lúc này, vừa nhìn mặt liền cười, để kết duyên hệ châu[538]; trong tương lai ba hội Long Hoa cùng được thọ ký vô sanh. Ngài Di-lặc có nhân duyên rất sâu với cõi đời, nếu chẳng tu bổ làm sao thỏa được lòng thành khẩn đối với bậc thánh linh, tiêu tai họa, dịch lệ, tạo phước cho muôn dân? Nhưng vì công trình to lớn, sức lực đơn độc khó thành, do vậy giãi bày lòng ngu thành, kính quyên mộ thập phương đàn-việt, khẩn cầu hãy phát tâm Bồ-đề, hành sự phương tiện, mở rộng bảo tạng, vun trồng ruộng phước, khiến cho bảo điện thênh thang sớm ngày thành công, mãn nguyệt kim dung thường trụ vĩnh kiếp. Ngõ hầu hết thảy ai đến đây đều lên địa vị Hoan hỷ, vào trong cửa lâu các[539], hiện đời khế hợp Phật tâm sâu xa, tương lai cùng viên thành chủng trí, sẽ thấy Phật, trời gia hộ như mây nhóm, cát khánh tranh nhau đưa tới, đời này vĩnh viễn hưởng nhiều phước, sự tốt lành thấu mãi đến con cháu.

18. Sớ thuật duyên khởi mở niệm Phật đường chuyên tu tịnh nghiệp tại chùa Chân Như ở Gia Hưng[540]

[536] Nguyên văn *"lưỡng ban nội noa"* (hai phen được vua ban tiền). "Nội noa" chính là tiền bạc trong quỹ riêng của nhà vua, chứ không phải tiền lấy từ quốc khố.
[537] Gọi là điện Thiên Vương vì chính giữa thờ tượng Di-lặc Bồ-tát có bốn vị đại thiên vương hộ thế đứng hầu.
[538] Hệ châu: là buộc viên châu. Đây chính là một thí dụ trong kinh Pháp Hoa: Đứa con cùng quẫn được người bạn buộc viên châu vào trong chéo áo, nhưng người đó không biết, cứ phải làm thuê làm mướn kiếm ăn khổ cực, sau gặp lại người bạn chỉ cho viên châu trong chéo áo mới biết thụ hưởng. Kết duyên hệ châu chính là kết duyên được Phật Di-lặc tiếp độ trong tương lai.
[539] Trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử được Bồ-tát Di-lặc dẫn vào trong lâu các Tỳ-lô-giá-na của ngài. Thiện Tài nhờ quan sát những cảnh tượng trong ấy bèn chứng Đẳng giác.
[540] Gia Hưng là một thành phố thuộc tỉnh Chiết Giang.

Phật pháp rộng sâu, khác nào biển cả, dẫu là bậc Pháp thân đại sĩ vẫn chẳng thể tột nguồn thấu đáy được, huống gì hạng phàm phu sát đất! Nhưng Như Lai do lòng đại từ bi, muốn cho hết thảy dù thánh hay phàm đều cùng trong một đời này thoát lìa sanh tử, nên đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Như kẻ thọt chân yếu ớt, cả ngày khó đi được vài dặm, nếu nương theo luân bảo của Chuyển Luân Thánh Vương chưa đầy nửa buổi liền có thể đến khắp bốn đại bộ châu. Hai điều này nhanh chậm khác biệt một trời một vực!

Phàm phu chưa đoạn hoặc nghiệp, cố nhiên chẳng thể liễu sanh tử. Nếu dùng tín nguyện niệm Phật, cảm Phật từ bi nhiếp thọ liền ngay trong đời này vãng sanh Tịnh độ, siêu phàm nhập thánh, vượt lên địa vị Bất thoái. So với những kẻ chỉ cậy vào tự lực, tu giới - định - tuệ để mong nghiệp tận tình không, liễu sanh thoát tử, thì chẳng thể nào thí dụ, diễn giải để hình dung cho được. Do vậy, những bậc cao nhân tăng tục các đời không vị nào chẳng dùng pháp này để tự hành, dạy người, lấy pháp này làm môn trọng yếu nhập đạo, làm đường tắt để thành Phật.

Chân Như Thiền Tự từ khi được sáng lập đến nay đã hơn một ngàn mấy trăm năm, đời nào cũng có người hoằng Tông diễn Giáo. Sau cơn binh hỏa, chi dùng ngày càng thiếu hụt, đến nỗi pháp luân gần như ngừng xoay. Do vậy, thầy trụ trì là Niệm Huệ chí muốn khôi phục, nhưng do không có tài lực, tạm thời muốn cho tám vị tăng giữ giới thanh tịnh được an trụ, suốt năm ngoài hai thời khóa tụng ra, chuyên trì Phật hiệu suốt ba cây hương. Ngoài ra thì tùy ý lễ tụng, mỗi người được cấp tiền chi dụng ba đồng mỗi tháng, những chuyện kinh sám Phật sự đều không làm. Nếu thí chủ đến chùa niệm Phật và đả Phật thất thì chẳng cự tuyệt. Làm như vậy để nhất ý tinh tu, mau đạt được lợi ích thật sự, mà cũng có thể trên là báo bốn ân, giúp khắp tam hữu[541]. Lợi ích ấy cố nhiên hết thảy những cách tu trì thông thường chẳng thể sánh bằng được.

---

[541] Tam hữu: Ba cõi tức Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới. Hữu có nghĩa là hữu sanh tử, hữu nhân quả báo ứng. Có tam hữu, tứ hữu, thất hữu, cửu hữu, nhị thập ngũ hữu sai khác; nhưng kinh chỉ thường nói đến tam hữu (Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới) và cửu hữu. Cửu hữu tức là từ tam hữu, phân ra thành chín cõi. Hữu có nghĩa là y báo của chúng sanh trong thế giới.

Từ địa ngục A-tỳ lên đến tầng trời Tha Hóa Tự Tại thuộc về Dục giới, còn gọi là Ngũ Thú Tạp Cư Địa; tức là gồm năm đường: trời, người, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục.

Mười tám tầng trời thuộc Sắc giới chia làm bốn loại:

a) Ba tầng trời thuộc Sơ thiền, gọi là Ly Sanh Hoan Hỷ Địa, bởi họ đã khỏi phải tái sanh trong Dục giới, tâm rất vui mừng, sung sướng.

b) Ba tầng trời thuộc Nhị thiền, gọi là Định Sanh Hoan Hỷ Địa, bởi họ do thiền định mà sanh về cõi này.

Nhưng do tài sản của chùa ít ỏi, của dành dụm chẳng đủ, nên khẩn cầu những vị đàn-việt hộ trì có sức hãy phát tâm Bồ-đề, thành tựu chuyện thù thắng này, hoặc giúp cho gạo nước, hoặc giúp đỡ đèn, dầu, ngõ hầu đạo tràng niệm Phật này ngày càng mở rộng, khiến cho kẻ thấy người nghe đều cùng hưng khởi, sẽ thấy Phật trời gia hộ như mây nhóm, cát khánh đua nhau đưa đến, lúc sống được hưởng ngũ phước nườm nượp, mất đi dự vào chín phẩm trong ao báu. Chỉ mong chẳng tiếc của cải ngõ hầu ai nấy cùng được gội ân Phật.

19. Sớ quyên mộ đúc chuông U Minh chùa Pháp Vân sông Tam Xoa, Nam Kinh

Thế giới Sa-bà dùng âm thanh làm Phật sự, pháp khí chốn tùng lâm chỉ có chuông lớn là bậc nhất. Bởi lẽ tiếng chuông phát khởi kẻ mù, lay động kẻ điếc, khơi động tai mắt của trời người, thông cõi âm, thấu cõi dương, thật sự cứu giúp cho [những người đang ở trong] đường ác. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: "Như khi đánh chuông, nguyện cho các sự khổ trong hết thảy ác đạo đều được ngưng nghỉ. Nếu nghe tiếng chuông và kinh chú của Phật, sẽ trừ được trọng tội trong năm trăm ức kiếp sanh tử." Vì thế, Phó Pháp Truyện[542] có ghi vua Kế-nị-tra[543] do sát hại

---

c) Ba tầng trời thuộc Tam thiền, gọi là Ly Hỷ Diệu Lạc Địa, bởi họ đã lìa khỏi những tướng tâm hoan hỷ thô tháp, tâm niệm hoan hỷ rất vi diệu.

d) Chín tầng trời thuộc Tứ thiền, gọi là Xả Niệm Thanh Tịnh Địa, đã bỏ những tâm niệm vui sướng của ba tầng Thiền Thiên ở dưới, tâm niệm rất thanh tịnh.

Bốn tầng trời thuộc Vô Sắc giới, chia thành bốn loại:

a) Không Vô Biên Xứ thiên, còn gọi là Không Biên Xứ Địa

b) Thức Vô Biên Xứ thiên

c) Vô Sở Hữu Xứ thiên

d) Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ thiên

Như vậy Dục giới có một hữu, Sắc giới có bốn hữu, Vô Sắc giới có bốn hữu, tổng cộng là chín hữu.

[542] Gọi đủ là Phó Pháp Tạng Nhân Duyên Truyện, do ngài Cát-ca-dạ và Đàm Diệu cùng dịch vào thời Nguyên Ngụy. Tác phẩm này còn có tên gọi khác là Phó Pháp Tạng Nhân Duyên Kinh, Phó Pháp Tạng Truyện hay Phó Pháp Tạng Kinh. Sách ghi chép sự tích phó chúc pháp, truyền pháp của 23 vị tổ Ấn Độ kể từ ngài Ca-diếp trở đi. Vị tổ cuối cùng là tôn giả Sư Tử bị vua nước Kế-tân là Di-la-quật giết hại, nên việc phó pháp bị đoạn tuyệt. Truyền thống Trung Hoa thường nói đến Tây Thiên Tứ Thất (28 vị tổ Ấn Độ), tức là căn cứ theo sách này. Tổ Trí Khải kể thêm vị tổ thứ 24 là ngài Ma-điền-đề. Ngài Đạo Nguyên trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, kể thêm năm vị Bà-tu-mật, Bà-xá-tư-đa, Bất-như-mật-đa, Bát-nhã-đa-la, Bồ-đề-đạt-ma, trở thành 28 vị tổ Ấn Độ của Thiền tông. Truyền thống Trung Hoa thường theo thuyết của ngài Đạo Nguyên.

[543] Tức vua Ca-sắc-nị-ca (Kaniska), còn phiên âm là Đàn-kế-nị-tra, hay Cát-ni-thi-cát, Ca-nị-sắt-tra v.v.. Ông là vua nước Kiền-đà-la (Gandhara), tức đời vua thứ ba của vương triều Quý

quá nhiều, chết đi đọa làm con cá có một ngàn đầu, có vầng kiếm xoay quanh thân, chặt đứt đầu này lại mọc ra cái khác. Vị La-hán làm tăng duy-na[544] đúng giờ đánh chuông, hễ nghe tiếng chuông, vầng kiếm bèn dừng trên không. Do vậy, cá nhắn lời xin đánh chuông cho lâu, qua bảy ngày liền hết bị chịu khổ. Sách Phiên Dịch Danh Nghĩa Tập[545] lại chép: Thời Nam Đường, ở huyện Thượng Nguyên có một người dân chết bất ngờ, ba ngày sau sống lại, kể:

- Chết rồi đi vào cõi âm, thấy tiên chúa[546] bị gông xiềng rất ngặt, bảo: "Ta bị Tống Tề Khâu xui dại, giết những người ở Hòa Châu ra hàng hơn một ngàn người, họ oán hận tố cáo nên bị tù ở đây. Hễ nghe tiếng chuông liền tạm dứt khổ. Ngươi

---

sương (Kushana). Niên đại của ông có nhiều thuyết khác nhau, nhưng nay đa phần công nhận ông sống nhằm thế kỷ thứ hai sau Công Nguyên. Đế quốc của ông rất lớn, chiếm trọn miền Bắc Ấn Độ. Trong sử Phật giáo, ông cùng với vua A-dục được gọi là hai vị đại vương hộ trì Phật pháp. Thoạt đầu, vua tôn thờ Tỏa La A Tư Đức giáo (Bái Hỏa giáo), không tin tội phước, khinh nhục Phật pháp. Về sau được Mã Minh Bồ-tát cảm hóa bèn quy hướng Phật pháp, cực lực hộ trì Phật pháp, kiến lập tự viện. Vua chiêu tập năm trăm vị thánh giả như các vị Hiếp Tôn Giả, Thế Hữu, Pháp Cứu, Giác Thiên v.v. kết tập Tam tạng tại thành Ca-thấp-di-la (Kashmir). Trước khi quy ngưỡng Phật pháp, vua chinh phạt bốn phương giết người quá nhiều nên mới bị ác báo như vậy.

[544] Hai chữ duy-na vốn là hợp dịch của tiếng Phạn và tiếng Hán. Duy là giềng mối, quản trị, coi sóc. Na là lược âm từ tiếng Phạn karma-dàna. Karma-dàna có nghĩa là chấp sự, hàm nghĩa người phân phối mọi việc cho đại chúng. Như vậy, duy-na là người quản trị tăng chúng trong chùa. Theo Thập Tụng Luật, do xưa kia Phật ở Xá-vệ quốc, muốn cho tăng chúng lần lượt lo liệu mọi việc trong chùa nên lập ra chức duy-na. Sách Tứ Phần Luật San Phiền Bổ Khuyết Sao giảng: "Thập Tụng Luật nói trong tăng phường có người biết thời hạn, đến giờ xướng tụng bèn đánh kiền chùy. Lại do không có người quét tước, dọn dẹp giảng đường, nhà ăn, không ai liên tục trông nom giường tòa, dạy người khác làm sạch trùng kiến khỏi trái cây, thức ăn. Lúc ăn uống không có ai lo nước nôi, lúc đại chúng nói chuyện lung tung không có ai khảy ngón tay [nhắc nhở] v.v. nên Phật lập ra chức duy-na. Thanh Luận phiên là thứ đệ, nghĩa là biết thứ tự các việc, còn gọi là duyệt chúng (làm cho chúng vui đẹp)." Như vậy, duy-na là chức vụ do Phật chế định để cai quản tạp sự trong tăng chúng. Xưa nay, các đại tự viện lập ra tam cương, tức: thượng tọa, trụ trì, duy-na. Trong nhà Thiền, duy-na là một trong sáu chức tri sự, là chức vụ trọng yếu quản lý oai nghi tăng chúng. Trong các tông phái khác, duy-na thường là người hướng dẫn, nhắc nhở đại chúng tu hành pháp yếu, kiêm nhiệm việc dẫn xướng trong khi tụng niệm, hồi hướng. Nay chữ duy-na thường bị hiểu theo nghĩa hẹp chỉ là người giữ chuông, xướng giọng dẫn lễ trong các buổi tụng kinh. Tuy duyệt chúng là dịch nghĩa của chữ duy-na, nhưng nay chữ duyệt chúng lại thường được hiểu là người giữ mõ trong khi tụng kinh.

[545] Phiên Dịch Danh Nghĩa Tập là một bộ từ điển Phạn Hán do ngài Pháp Vân soạn vào đời Tống. Từ năm Thiệu Hưng 13 (1143) đời Tống Cao Tông, sư thâu thập tài liệu suốt 20 năm, qua nhiều phen chỉnh lý mới hoàn thành. Bộ sách này chú giải 2.040 từ ngữ trọng yếu trong kinh Phật, chia làm 64 thiên theo bộ loại. Với mỗi từ ngữ, nêu đại ý và liệt kê những cách dịch khác nhau cũng như xuất xứ của những từ ngữ ấy.

[546] Tiên chúa: vua đã mất.

về bảo cùng tự quân[547] vì ta đúc một cái chuông, gõ mãi. Nếu nó chẳng tin, lấy bức tượng Thiên Vương bằng ngọc ta giấu ở gối trái tượng Phật chùa Ngõa Quan không ai biết để làm bằng chứng."

Người dân thuật chuyện đầy đủ, kiểm nghiệm đúng thực, vua bèn tạo một quả chuông đặt ở chùa Thanh Lương, khắc bài văn rằng: "Cầu cho liệt tổ Hiếu Cao Hoàng Đế thoát chốn tối tăm, khỏi khổ." Đấy là duyên do đánh chuông U Minh vậy.

Huống chi chùa Pháp Vân phỏng theo cách thức ngài Vân Thê, niệm Phật, phóng sanh, nuôi dạy cô nhi, là đạo tràng từ thiện bậc nhất ở Giang Nam. Gần đây, sát kiếp quá thảm, hãng Hòa Ký của người Tây Dương ở Nam Kinh lại giết hết thảy những loài trâu, dê, những con vật bay chạy không biết là bao nhiêu. Do vậy, các cư sĩ Phùng Mộng Lão, Ngụy Mai Tôn v.v. nhóm họp mấy vị tăng tục đề xướng kiêng giết phóng sanh, ăn chay niệm Phật hòng vãn hồi kiếp vận, bèn mua 440 mẫu đất bên sông Tam Xoa, mở ra ao phóng sanh chín khu, chiếm hơn 100 mẫu. Lại còn lập viện mồ côi nuôi dạy cô nhi, nay đã nuôi được 60 trẻ. Cư sĩ Đặng Phác Quân quyên mộ 48 nguyện để dựng đại điện, mỗi nguyện là một ngàn đồng, hiện đã sắp tròn nguyện, sang năm sẽ kiến tạo. Đại điện dựng xong, sẽ dựa vào tiền bạc sẵn có mà an trụ tăng chúng, chuyên tu tịnh nghiệp kiêm giảng diễn. Cư sĩ Thôi Ích Vinh phát tâm quyên mộ đúc hồng chung, tùy lòng tùy sức mỗi người bố thí, một ngàn, một trăm, mười đồng hay một đồng đều được. Nhưng chuông này thường gõ suốt ngày đêm, cho nên phải dùng loại đồng có tiếng vang, cần tối thiểu ba ngàn cân. Loại đồng có tiếng vang khá đắt, mỗi cân giá hơn một đồng. Tính ra vật liệu và công xá phải đến bốn, năm ngàn đồng. Nếu tiền quyên mộ có dư sẽ dùng để đúc báo chung, đại khánh, hô bản[548] mỗi loại một cái. Những thứ này chẳng thể thiếu để làm Phật sự.

---

[547] Tự quân: vua nối ngôi.

[548] Báo chung: Chuông nhỏ thường treo trong thiền đường, hay tăng xá dùng để báo giờ ngồi thiền, tụng kinh, niệm Phật, hoặc triệu tập đại chúng. Hô bản: Theo Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy, bản có hình dạng gần như một tấm gỗ phẳng, có nhiều thứ, tùy theo công dụng mà làm bằng gỗ hay kim loại. Trong các đường có loại gọi là *báo danh bản* (khi hòa thượng trụ trì vào thiền đường, trực nhật tăng sẽ đánh một tiếng cho đại chúng biết. Khi khách viếng thăm, bước vào khách đường đánh hai tiếng. Vị đứng đầu đường ấy vào đường thì đánh ba tiếng). Trong mỗi đường loại có các loại bản khác như bản để đánh khi chạy hương, bản để đánh khi thắp hương v.v.. *Mộc dục bản* treo trong nhà tắm, được đánh lên khi nước nóng đã sẵn sàng. Các loại này đều bằng gỗ. *Hô bản* được nói ở đây là loại bản đúc bằng đồng hay sắt treo trước cửa nhà bếp, được đánh lên để báo giờ cơm đã bắt đầu. Đại khánh là chuông gia trì, tức chuông để gõ trong khi tụng kinh.

Phải biết, Pháp Vân Tự vừa dựng lên, hãng Hòa Ký của người Tây Dương bèn ngừng sát nghiệp, chỉ còn là hãng sản xuất trứng, mối quan hệ thật chẳng phải nông cạn. Ấy là do tâm thành của mọi người, cảm tam bảo ngấm ngầm gia bị nên mới được như thế. Mong rằng các đại đàn-việt thiện tín đều cùng phát thiện tâm, thành tựu việc này. Tất cả công đức có thể dùng để siêu tiến cho tổ tiên đã khuất đều được sanh về Liên Bang, che chở cho quyến thuộc hiện tại ai nấy đều hưởng phước khánh. Tên những người bỏ tiền ra đều được khắc vào một bài vị lớn đặt ở dưới chuông, quanh thân chuông khắc mọi kinh chú, chỉ ghi tổng cộng có bao nhiêu người thí tiền, thí tất cả bao nhiêu tiền mà thôi. Ví như một giọt gieo vào biển cả cũng liền sâu rộng như biển cả. Nếu ai do lòng tịnh tín hoan hỷ bố thí, liền sẽ khế hợp cùng biển pháp đại giác của Như Lai, công đức ấy há có thể nêu được ư?

20. Sớ quyên mộ thiếp vàng tượng La-hán chùa Pháp Vũ (viết thay)

Đấng Đại Giác Pháp Vương xuất hiện trong thế gian, tùy cơ thuyết pháp, độ thoát chúng sanh, ắt phải có Bồ-tát, Thanh văn phụ giúp giáo hóa thì mới có thể độ khắp mọi loài, khiến đều được lợi ích.

Ví như một người ngự trên ngôi báu, trăm quan giúp cai trị, mới có thể rủ áo khoanh tay, ngồi hưởng thái bình. Vì thế, khi có bậc vượt trỗi Thập địa, đức bằng Đẳng giác xuất thế thì phải có bậc tam kỳ quả mãn, vạn đức nhân tròn đầy ẩn giấu thật đức, quyền biến thị hiện Tiểu quả, như kinh Pháp Hoa nói các vị A-la-hán bên trong đều ngầm tu hạnh Bồ-tát, ngoài hiện tướng Thanh văn, nếu chưa đạt đến địa vị Phật nào ai có thể suy lường được nổi!

Hơn nữa, Phật sắc truyền các A-la-hán thường trụ thế gian, nhận sự cúng dường của trời người để làm phước điền cho đời như năm trăm vị đại A-la-hán. Mười tám vị La-hán[549] là thủ lãnh của họ. Do vậy, tùng lâm, Phật điện đều đắp

[549] Thập bát La-hán thật ra chỉ có 16 vị La-hán. Theo Pháp Trụ Ký của tôn giả Khánh Hữu, lúc đức Phật sắp nhập Niết-bàn, đã phó chúc việc hoằng dương Phật pháp lại cho 16 vị La-hán. Từ đời Đường, người Trung Quốc đã thêm vào hai vị tôn giả, thành ra 18 vị. Tạng truyền Phật giáo lại ghép hai vị cư sĩ Đạt-ma-đa-la và hòa thượng Bố Đại vào số 16 vị La-hán kể trên thành 18 vị. Hiện thời, danh tánh của 18 vị La-hán (theo quy định từ thời Càn Long) như sau: Tân-đầu-la Phả-la-đọa-xà (Pindola-Bharadvaja), Ca-nặc-ca-phạt-sa (Kanakavatsa), Ca-nặc-ca Bạt-la-đọa-xà (Kanaka-Bharadvaja), Tô-tần-đà (Suvinda), Nặc-cự-la (Nakula), Bạt-đà-la (Bhadra), Ca-lý-ca (Karika), Phạt-xà-la-phất-đa-la (Vajraputra), Thú-bác-ca (Svaka), Bán-tra-ca (Panthaka), La-hỗ-la (Rahula), Na-già-tê-na (Nagasena), Nhân-yết-đà (Ingata), Phạt-ba-bà-tư (Vanavasin), A-thị-đa (Ajita), Chú-đồ Bán-tra-ca (Cuda Panthaka), tôn giả Ca-diếp và tôn giả Di-lặc.

hình tượng để người chiêm lễ diệt tội tăng phước. Pháp Vũ thường trụ chính là đạo tràng viên thông của Đại sĩ Quán Âm, được bao triều đại sắc kiến[550], được cả cõi đời tôn sùng. Do vậy, dựng điện bèn tạo tượng chín con rồng quấn quanh, tượng thánh thì đắp hình tượng từ bi của Đại sĩ. Mười tám vị La-hán chia ra ngồi hai bên, như các ngôi sao chầu về Bắc Đẩu, phụ giúp sự giáo hóa từ bi.

Nhưng do năm tháng đã lâu, sắc vàng tróc rớt, chẳng những là khó coi, mà quả thật còn khó thỏa thánh linh. Lão nạp muốn thếp vàng lại kim thân ngõ hầu được chiếu rọi tam thiên mãi mãi, nếu không nhiều lần kêu gọi góp của làm sao có thể hoàn thành được một hai phần. Dùng lời sớ này để giãi bày trọn vẹn lòng ngu thành, mong cầu thập phương thiện tín tùy duyên vui vẻ giúp cho vàng, tiền, để thánh tượng tự phóng quang minh sáng ngời. Sẽ thấy do nhân như thế, cảm được quả như thế, vị lai cũng sẽ chứng kim sắc thân, làm phước điền cho đời. Còn như trong đời này tai chướng tiêu diệt, phước thọ tăng cao, tiền trình xa lớn, hậu duệ dài lâu chỉ là chuyện nhỏ nhặt mà thôi!

21. Sớ quyên mộ xây dựng liêu Như Ý chùa Pháp Vũ (viết thay)

Sanh lão bệnh tử ai nấy đều có, Như Lai thuyết pháp thì đầu tiên là trình bày những điều này, ấy là muốn cho chúng sanh ngộ được đạo trọng yếu để thoát khổ, chứng Phật tánh vốn sẵn đủ, do vậy vĩnh viễn lìa huyễn khổ, thường hưởng chân lạc. Nhưng trong tứ khổ, bệnh tử là nặng nề nhất, tại gia thì có quyến thuộc trông nom, săn sóc, xuất gia chỉ trơ trọi một thân, không nơi nương tựa. Vì thế từ xưa, cổ đức thể hội lòng từ của Phật, lập ra liêu xá, tuyển người chăm sóc, khiến cho ăn uống, thuốc thang, thảy đều như ý, không kém ngoài đời cho mấy. Đấy chính là cội nguồn của liêu Như Ý vậy.

Phổ Đà là danh sơn bậc nhất trong thiên hạ, bổn tự lại là một trong ba đại tùng lâm của núi này. Vì thế, nạp tăng mười phương qua lại không ngớt, những người ở lại lâu không đi số đến cả trăm. Thế nhưng liêu Như Ý chật chội, tù túng, lại thêm sản nghiệp thường trụ ít ỏi, chẳng đủ để phù hợp với thân tâm người bệnh. Lại không đủ sức cung ứng thuốc thang cho người bệnh. Liêu tên Như Ý, nhưng nghĩa chưa tròn! Kể từ khi lão nạp mới tiếp nhận trụ trì, đã coi chuyện này là nhiệm vụ cấp bách, muốn tạo dựng bảy gian tinh xá riêng, gian giữa thờ thánh tượng Như Lai, gian sau thờ bài vị của những vị tăng đã mất, khiến cho người bệnh có chỗ lễ tụng, quán cảm dễ khởi. Hai bên phân làm mười hai gian, trừ phòng hương đăng ra, đều dùng làm chốn dưỡng bệnh. Ít thì mỗi người một liêu,

[550] Vua hạ chiếu sai người xây dựng, tu bổ thì gọi là "sắc kiến" hay "sắc tạo". Chùa được vua công nhận là quốc tự thì gọi là sắc tứ.

nhiều thì hai người ở chung một liêu. Hai bên cách biệt để không sợ bị truyền nhiễm, thân tâm vui sướng, dễ được lành bệnh không cần đến thuốc. Hết bệnh thì mặc tình đi hay ở, mất thì sẽ chôn cất, khiến cho người đến thì sống có chỗ y chỉ, mất thì có chỗ quy túc. Lại để riêng một trăm mẫu ruộng để sau này chi dùng vào quan quách, thuốc men, khắc bia thông cáo rõ, khiến cho vị trụ trì nhậm chức trong tương lai chẳng dám phế bỏ, sửa đổi chuyện này. Khẩn cầu các vị đại hộ pháp, vui vẻ chia hạc bổng, bỏ ra phù nang[551] khiến cho chuyện này chóng được viên thành, ngõ hầu phước báo vĩnh viễn không thiếu sót, sẽ thấy Phật trời gia hộ như mây nhóm, cát khánh đua nhau xảy đến, ngũ phước ùn ùn, điều tốt lành lan đến tận hậu duệ.

[551] Theo từ điển Từ Hải, "hạc bổng" là bổng lộc của quan chức, phù là một loại côn trùng, vừa có nghĩa là đồng tiền. Như vậy, "phù nang" là túi đựng tiền.

QUYỂN III

IV. TỰ

1. Lời tựa in tặng tranh Cực Lạc (viết thay)

Giáo pháp của pháp môn Tịnh độ lớn lao thay! Tâm này làm Phật, tâm này là Phật, pháp trực chỉ nhân tâm còn phải nhường phần kỳ đặc (lạ lùng, đặc biệt), so với cách tu "dùng ngay cái tâm này niệm Phật, niệm niệm thành Phật" thì lợi ích đạt được do trải bao kiếp tu chứng vẫn phải kém hơn. Độ khắp thượng trung hạ căn, thống nhiếp Luật, Giáo, Thiền tông, như mưa đúng thời nhuần thấm muôn vật, như biển cả dung nạp các sông. Hết thảy các pháp *thiên, viên, đốn, tiệm*, không pháp nào chẳng từ pháp giới này lưu xuất, hết thảy hạnh *đại, tiểu, quyền, thật*, không hạnh nào chẳng quy về pháp giới này. Chẳng đoạn hoặc nghiệp mà được dự vào Bổ xứ, ngay trong một đời này viên mãn Bồ-đề. Chúng sanh trong chín pháp giới lìa môn này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo, mười phương chư Phật bỏ pháp này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần manh. Do vậy, Hoa Nghiêm hải chúng hết thảy đều tuân theo mười đại nguyện vương, Pháp Hoa xưng niệm một tiếng[552] đều chứng thật tướng các pháp.

Hạnh phương tiện tối thắng, ngài Mã Minh dạy trong luận Khởi Tín; đạo dễ hành chóng đến, ngài Long Thọ xiển dương trong luận Tỳ-bà-sa. Ngài Trí Giả là hậu thân của Phật Thích-ca, nói Thập Nghi Luận, chuyên chí Tây Phương; ngài Vĩnh Minh là Phật Di-đà thị hiện, soạn Tứ Liệu Giản, suốt đời niệm Phật. Hội tam thừa ngũ tánh[553] cùng chứng chân thường, dẫn thượng thánh hạ phàm cùng

---

[552] Kinh Pháp Hoa, phẩm Phương Tiện, có câu: *"Nhược nhân tán loạn tâm, nhập ư tháp miếu trung, nhất xưng nam-mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo"* (Nếu ai tâm tán loạn, vào trong nơi tháp miếu, niệm mô Phật một tiếng, đều đã thành Phật đạo).

[553] Tam thừa ngũ tánh: Tam thừa là Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát. Ngũ tánh: Theo Hoa Nghiêm Kinh Sớ, chúng sanh có năm chủng tánh thành Phật bất đồng:

1) Bất định tánh: Tức căn tánh không nhất định, gần gũi Thanh văn thì tu pháp Thanh văn, gần Duyên giác bèn tu pháp Duyên giác v.v..

2) Vô chủng tánh tức hạng người không có chánh tín, thiện căn, bác không nhân quả, chẳng cầu giải thoát.

3) Thanh văn tánh.

4) Duyên giác tánh.

5) Bồ-tát tánh.

Duy Thức Học lại phán định ngũ tánh như sau:

lên bờ kia. Vì thế, pháp này được chín pháp giới cùng quy về, mười phương cùng khen ngợi; ngàn kinh cùng xiển dương, vạn luận đều tuyên nói. Thật có thể gọi là lời bàn luận tột cùng trong giáo pháp cả một đời đức Phật, là đại giáo Nhất thừa vô thượng vậy. Chẳng gieo cội đức, dù trải bao kiếp vẫn khó thể gặp gỡ. Đã được thấy nghe, hãy nên siêng năng tu tập!

Bất Huệ sanh nhằm đời mạt, may mắn gặp được môn này, thẹn không có sức tự lợi lợi tha, nhưng hơi có tâm tự lập lập người, muốn cho sang hèn, trí ngu, tăng tục, nam nữ, bỏ nẻo khách trở về nước mình, buông cõi uế sanh về Liên Bang, do vậy vẽ bức hình y báo chánh báo trang nghiêm của cõi Cực Lạc để nêu bày cảnh tịnh, nhằm phát sanh lòng tin tưởng. Cạnh bức vẽ ghi niệm Phật khởi chỉ nghi (nghi thức niệm Phật) và pháp môn thập niệm để ai nấy tùy phần tùy sức tu trì hằng ngày. Đầu đời Minh, ở Cẩn Giang có một vị đại thiền sư tên là Diệu Hiệp triệt ngộ Thiền tông, thông hiểu sâu xa giáo lý, tự hành, dạy người chuyên chú trọng Tịnh tông. Tác phẩm Bảo Vương Tam-muội Niệm Phật Trực Chỉ[554] của ngài văn lẫn lý đều hay, hay tuyệt xưa nay. Thiên sách luận về y báo, chánh báo Cực Lạc của ngài trình bày rõ diệu cảnh của Lạc Bang, bao quát các kinh Tịnh độ, cùng bức tranh Cực Lạc nói trên chiếu rọi lẫn nhau không sót chút nào. Do vậy, bèn y theo nguyên bản, chép lại ở dưới, ngõ hầu người thấy nghe lễ tụng biết đạo trọng yếu để thoát khổ, biết cái nhân thật sự để tu thành Phật. Tín nguyện tùy ý phát sanh, chấp trì Phật hiệu không ngơi.

Từ đây, cùng lìa cõi uế, cùng sanh về nước tịnh, cùng hầu Di-đà nơi chín phẩm sen, cùng viên mãn chủng trí trong một niệm. Lợi ích như vậy làm sao diễn tả được nổi? Ấy là dùng quả địa giác làm nhân địa tâm (cái tâm để tu nhân) cho nên nhân trùm biển quả, quả thấu nguồn nhân. In thạch bản (lithography) một vạn tấm

---

1) Bồ-tát định tánh
2) Thanh văn định tánh
3) Duyên giác định tánh
4) Tam thừa bất định tánh
5) Vô tánh hữu tình.

Ba chủng tánh đầu quyết định thành tựu thánh quả, hai chủng tánh sau không nhất định.

[554] Bộ luận này được xếp vào tập 47 trong *Đại chánh tân tu đại tạng kinh*, đánh số 1.974. Nội dung gồm 22 môn, môn đầu tiên chính là phần Y Báo Chánh Báo Cực Lạc được tổ nhắc đến trong lời tựa trên đây. Quyển đầu gồm chín môn như Cực Lạc Y Chánh, Phá Vọng Hiển Chân, Ha Mậu Giải (quở trách kiến giải sai lầm) v.v. chú trọng về phương diện lý luận, đả phá quan điểm hẹp hòi, chấp trước vào thiền, vào lý, biện giải Cực Lạc là cõi chân thật không phải là hóa thành v.v.. Quyển thứ hai gồm 13 môn, phân tích tỉ mỉ đường lối, phương pháp, khắc trừ chướng ngại, cũng như lược nêu công hạnh của các tổ Tịnh độ tông. Bài "mười điều tâm niệm" thường thấy trong các tùng lâm Việt Nam được trích từ tác phẩm này.

để kết tịnh duyên. Lại mong thiện tín xoay vần lưu thông để hết thảy hữu tình trong mười phương pháp giới cùng về lại quê nhà sẵn có của chính mình, luôn trụ trong Tịch quang tịnh độ vậy!

2. Lời tựa in lại kinh Phật Thuyết A-di-đà (viết thay)

Trộm nghĩ giáo pháp Tịnh độ được khởi đầu bởi đạo sư Di-đà, được diễn bày bởi Thích-ca Thế Tôn, mười phương chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài tán dương, thánh hiền hai cõi phát tâm Kim Cang lưu truyền. Nói tóm lại, giáo pháp suốt cả một đời đức Phật, trăm ngàn pháp môn, không pháp nào chẳng khiến cho con người dùng văn tự bát-nhã để khởi quán chiếu bát-nhã. Do quán chiếu bát-nhã bèn chứng thật tướng bát-nhã, đã chứng thật tướng bát-nhã thì "tâm tịnh, cõi tịnh, tình không, cảnh không", như một vầng trăng in bóng khắp ngàn con sông, như vạn ống tiêu cùng kêu bởi một trận gió. Quang minh, thọ mạng tột cùng chiều ngang, thông thấu chiều dọc, cùng tồn tại lâu dài giống như đức Di-đà Thế Tôn. Như vậy thì kinh nào chẳng phải là kinh Tịnh độ, hạnh nào chẳng phải là hạnh Tịnh độ?

Ước trên bề mặt, chỉ có ba kinh Tịnh độ là chuyên giảng về Tịnh độ đến tột cùng, nhưng mở bày rộng lớn nguyện luân, minh thị sâu xa duyên khởi thì chỉ có kinh Vô Lượng Thọ; chuyên xiển dương pháp quán, dạy thêm về nhân vãng sanh thì chỉ có kinh Thập Lục Quán. Hai kinh nói trên pháp môn rộng lớn, đế lý tinh vi, kẻ độn căn đời mạt thật khó được lợi ích. Tìm một bản kinh văn tự đơn giản, nghĩa lý phong phú, chữ nghĩa gọn ghẽ, lý dồi dào, thích hợp khắp ba căn, chín pháp giới cùng tuân phụng, hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít mà được hiệu quả nhanh chóng, dốc sức tu một hạnh mà viên thành vạn đức, khiến cho cái tâm tu nhân nhanh chóng khế hợp quả giác thì chỉ có kinh Phật Thuyết A-di-đà mà thôi! Ấy là vì vừa nghe "y báo, chánh báo trang nghiêm, thượng thiện nhân cùng nhóm hội" thì lòng tin thật sự sẽ nảy sanh, nguyện thiết tha sẽ phát, ắt sẽ có cái thế cuồn cuộn như sông ngòi không sao ngăn được. Từ đấy khăng khắng gìn giữ, chấp trì vạn đức hồng danh, niệm đâu chú tâm vào đó cho đến khi nhất tâm bất loạn. Làm được như vậy thì trong đời này đã dự vào dòng thánh, lâm chung theo Phật vãng sanh, khai tri kiến Phật, cùng được thụ dụng như Phật. Do vậy biết rằng, một pháp trì danh chứa đựng trọn vạn hạnh, toàn sự chính là lý, toàn vọng chính là chân, nhân tột biển quả, quả thấu nguồn nhân, thật có thể gọi là đường tắt để trở về nguồn, là môn trọng yếu để nhập đạo vậy. Cổ đức nói: "Học đạo nơi những môn khác như con kiến trèo lên núi cao, niệm Phật vãng sanh như buồm căng gió thuận nước", thật có lý!

Tôi túc nghiệp sâu nặng, rất hâm mộ Tịnh tông, tuy không có sức tự lợi lợi tha, nhưng khá có tâm tự lập lập người, nên in lại kinh này để rộng lưu truyền khiến cho người đọc đến ai nấy đều chấp trì danh hiệu, đều cùng nhất tâm. Vượt khỏi trần thế, tu lên Cực Lạc, dùng nguyện luân "nhiếp thủ chúng sanh" của ngài Pháp Tạng, nương theo cảnh duyên Tịnh độ tiến thẳng về Phật quả, ngõ hầu kinh "không ai hỏi, Phật tự nói này" chẳng trở thành giảng suông, có ai nghe được hạnh này đều thật sự hành, bèn dập đầu nói kệ tụng để kính cẩn khuyên lơn như sau:

Người thấy nghe, tùy hỷ,
Đều phát tâm Bồ-đề,
Hết một báo thân này,
Cùng sanh cõi Cực Lạc.

3. Lời tựa khắc lại cuốn Di-đà Lược Giải Viên Trung Sao, khuyên nên thọ trì

Một pháp niệm Phật cầu sanh Tịnh độ chính là đạo trọng yếu để phổ độ chúng sanh của mười phương chư Phật, là diệu môn để mau chứng Phật quả của chúng sanh trong chín giới. Các kinh Đại thừa đều dạy về pháp trọng yếu này, nhưng ba kinh Tịnh độ chuyên giảng pháp này đến cùng tột. Thế gian thường quen thói chẳng suy xét, coi là pháp thiển cận, cho rằng chẳng rộng sâu như biển Giáo, chẳng thẳng chóng như Thiền tông, thường xiển dương Tông, Giáo, đè nén Tịnh độ, chuộng tự lực, ghét Phật lực. Thấy việc nhân mà nhường, thấy chuyện nghĩa chẳng làm, đến nỗi bi tâm triệt để của Như Lai bị khuất lấp chẳng thông suốt được, đường tắt thoát khổ của chúng sanh bị bế tắc chẳng thông. Nay chẳng nề hà bị chê trách, nêu chứng cứ đại lược mong sao người thấy nghe tùy hỷ cùng sanh về liên bang. Lúc Như Lai mới thành Chánh giác, vì 41 địa vị Pháp thân đại sĩ diễn giảng kinh Đại Hoa Nghiêm, đến phẩm Nhập Pháp Giới, Thiện Tài do tâm Thập tín đã mãn, vâng lời ngài Văn-thù dạy, tham học với khắp các tri thức. Thoạt đầu gặp ngài Đức Vân, vừa được nghe pháp môn niệm Phật liền chứng Sơ trụ. Từ đó hễ tham học liền chứng, cho đến chỗ của vị tri thức thứ 53 là ngài Phổ Hiền, Phổ Hiền dùng oai thần gia bị, ngay lập tức, sở chứng của Thiện Tài bằng với Phổ Hiền, bằng với chư Phật, ngài Phổ Hiền bèn giảng mười đại nguyện vương khuyến khích Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Trong Quán kinh, hàng ngũ nghịch thập ác khi tướng địa ngục hiện, niệm Phật mười tiếng liền được vãng sanh. Pháp thân đại sĩ đều nguyện

vãng sanh, tội nhân A-tỳ còn dự vào phẩm chót. Pháp môn rộng sâu, thẳng chóng, có pháp gì hơn được nữa!

Thật có thể gọi là kim chỉ nam trong biển Giáo, là Bắc Cực của Thiền tông. Hết thảy các pháp, không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này; hằng sa diệu nghĩa, không nghĩa nào chẳng quy hoàn pháp giới này.

Vì thế bên Tây Thiên: Văn-thù, Phổ Hiền, Long Thọ, Mã Minh; bên Đông Độ: Viễn công (tổ Huệ Viễn), Trí Giả, Thiện Đạo, Vĩnh Minh hoặc phát nguyện nói kinh (ngài Văn-thù có kinh phát nguyện, ngài Phổ Hiền nói phẩm Hạnh Nguyện), hoặc chú giải kinh, tạo luận, không vị nào chẳng dùng pháp môn này để tự hành, dạy người, lợi khắp hàm thức. Cổ nhân muốn cho cả cõi đời cùng tu nên đem kinh A-di-đà xếp vào khóa tụng hằng ngày, do kinh này lời lẽ ngắn gọn, nghĩa lý phong phú, hành giản dị mà hiệu quả nhanh chóng, nên bậc hoằng pháp Đại sĩ chú sớ, tán dương, từ xưa đến nay không biết bao nhiêu mà kể. Trong số ấy, tìm lấy bản thật rộng lớn, thật tinh vi thì không gì bằng bộ Sớ Sao của ngài Liên Trì; còn bản thẳng chóng, quan trọng, hay khéo thì không gì bằng bộ Yếu Giải của ngài Ngẫu Ích. Pháp sư U Khê[555] nắm giữ pháp ấn Đế Quán Bất Nhị của Thiên Thai Giáo Quán, soạn bộ Lược Giải Viên Dung Trung Đạo Sao, lý cao sâu nhưng hàng sơ cơ vẫn hiểu được, văn lưu loát, thông đạt, khiến người tu lâu đều khâm phục. Hiềm vì lưu thông đã lâu, bị sai ngoa quá nhiều. Do vậy, tôi giảo chánh, cho khắc ván lại, ngõ hầu khôi phục diện mạo cũ. Kinh Di-đà có được ba bộ sớ giải này thì không pháp gì chẳng hoàn bị, không căn cơ nào chẳng thâu tóm. Tùy ý nghiên cứu một bản nào cũng đều có thể biết chỗ chỉ quy; đọc trọn cả ba bộ

[555] Ngài U Khê là một vị cao tăng thuộc tông Thiên Thai. Sanh vào năm 1554 nhằm đời Gia Tĩnh nhà Minh, là người huyện Tây An, phủ Cù Châu, tỉnh Chiết Giang, pháp tự Vô Tận, pháp hiệu Hữu Môn. Lúc nhỏ lễ thiền sư Hiền Ánh Am xin thế độ, sau theo ngài Bách Tùng Chân Giác nghe giảng kinh Pháp Hoa, học Thiên Thai Giáo Quán Tông. Năm 1582, nhân hỏi ngài Bách Tùng về yếu chỉ đại định, bị sư trừng mắt nhìn, đột nhiên khế ngộ. Ngài Bách Tùng bèn truyền cho kim vân tử ca-sa. Năm Vạn Lịch 15 (1587), về trụ tích tại chùa U Khê Cao Minh trong núi Thiên Thai, giảng dạy học trò, nghiên cứu, tu tập Thiền và Tịnh độ. Thế gian gọi ngài là đại sư U Khê từ đó. Sư thường tu các pháp sám Pháp Hoa, Đại Từ, Kim Quang Minh, Di-đà, Lăng-nghiêm v.v.. Mỗi năm cử hành tu bốn thứ tam-muội, luôn đem thân làm gương đốc suất đại chúng. Khi ngài đang giảng pháp, đại chúng chợt nghe có tiếng nhạc trời réo rắt, sư biết đã đến lúc, giảng xong, bèn viết năm chữ "Diệu Pháp Liên Hoa Kinh", lớn tiếng xướng tựa đề kinh hai lượt, rồi nghiễm nhiên thị tịch, hưởng 75 tuổi. Ngài còn để lại các tác phẩm Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận, Lăng-nghiêm Kinh Huyền Nghĩa, Tánh Thiện Ác Luận, A-di-đà Kinh Lược Giải Viên Trung Sao, Duy-ma Kinh Vô Ngã Sớ, Thiên Thai Truyền Phật Tâm Ấn Ký Chú, Tịnh Độ Pháp Ngữ, Thiên Thai Sơn Phương Ngoại Chí, Quán Kinh Đồ Tụng.

sách ấy mới kham thấu hiểu triệt để điều sâu xa yếu diệu. Từ đấy, phát trọn vẹn ba tâm, chấp trì thánh hiệu, mong thoát khỏi đời ác ngũ trược, mong chứng được tứ đức[556] sâu thẳm. Như vậy, đến lúc lâm chung, chắc chắn được Phật Di-đà tiếp dẫn, thánh chúng đều tiếp nghênh, gởi chất nơi thai sen, lìa đường hiểm, ở yên nơi bảo sở[557]. Nghe pháp thọ ký, từ Đồng cư bèn nhanh chóng chứng Tịch quang, xắn tay hành ngay, nào ai chẳng có phần. Giãi bày tấm lòng ngu muội dám thưa cùng đồng nhân.

4. Lời tựa giảo chánh khắc in lại sách Tùy Tự Ý Tam-muội

Phật pháp rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, muốn tu tập nhưng chẳng nắm được chỗ trọng yếu, ắt đến nỗi dõi nhìn biển rộng thở than, sanh ý tưởng lui sụt. Nếu đạt được chỗ trọng yếu, dù có vô lượng pháp môn, vô biên hành tướng, nhưng một khi đã nắm được thì càng rộng càng thấy gọn, càng phức tạp càng thấy giản dị. Tuy lý tánh rộng lớn cao sâu như trời, như đất, như núi, như biển, nhưng phàm phu sát đất vẫn có thể tiến trên đạo này. Nhờ pháp này bèn đoạn phiền hoặc, chứng tam-muội, trọn vẹn phước tuệ để chứng tứ đức, tiến thẳng đến quả giác, thành vô thượng đạo, huống gì thánh nhân đã đạt những địa vị Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa ư! Chỗ trọng yếu ấy như thế nào? Chính là "thật thể, thật tánh của hết thảy các pháp: căn, trần, thức v.v. đều là không, vô sở hữu." Hiểu rõ điều này thì bốn tướng vốn là không, tam luân thể không[558]; vạn pháp sâm la, nhất đạo thanh tịnh. Phàm phu do mê nên pháp gì, chuyện gì cũng đều thành chướng ngại, đối với ngũ ấm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, thất đại đều khởi phiền hoặc, tạo nghiệp sanh tử. Thánh nhân do ngộ nên pháp gì, chuyện gì cũng là chân như; đối với ngũ ấm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, thất đại đều chứng viên thông, thành đạo Bồ-đề. Mê ngộ tuy khác, tánh vốn không hai, tánh tuy không hai nhưng khổ vui thật khác.

Đại sư Nam Nhạc[559] thương xót bèn soạn sách Tùy Tự Ý Tam-muội, trong sáu oai nghi *đi, đứng, nằm, ngồi, ăn uống, nói năng*, chỗ nào cũng chỉ bày thật

---

[556] Tứ đức là thường - lạc - ngã - tịnh.

[557] Bảo sở: Kinh Pháp Hoa, phẩm Hóa Thành có nêu thí dụ một người dẫn đường, khéo thông hiểu phương tiện, dẫn đại chúng đến chỗ có kho báu (bảo sở). Đại chúng đi đường xa, chán mệt, muốn bỏ về, vị hướng đạo bèn hóa ra cái thành cho đại chúng nghỉ ngơi. Khi mọi người đã nghỉ khỏe, liền nói: "Đây chỉ là hóa thành, chưa phải bảo sở chân thật." Bảo sở ví như Phật quả, hóa thành ví như những địa vị trong tam thừa.

[558] Lúc bố thí thấy người bố thí, người nhận, vật dùng để bố thí cả ba thứ vốn đều không.

[559] Nam Nhạc Huệ Tư (515-577) là cao tăng thời Nam Bắc Triều, người xứ Vũ Tân (nay thuộc tỉnh Hà Nam), thường được người đời gọi là tôn giả Nam Nhạc, hay hòa thượng Tư Đại. Ngài

tướng các pháp. Có nghĩa là tánh của *căn, trần, thức* là không, vô sở hữu và tam luân thể không, tứ tướng[560] chẳng hề có được v.v., khiến cho con người đối với một cơ, một cảnh đều tự thấy được thật tướng, đều hiểu rõ tự tâm. Đâu đâu cũng chỉ dạy diệu hạnh thù thắng sáu ba-la-mật, khiến cho con người trong mỗi một động tịnh đều có thể thượng cầu hạ hóa, tự lợi lợi tha. Những chỉ dạy ấy và *ấm, nhập, giới, đại* trong kinh Lăng-nghiêm đều là Như Lai tạng diệu chân như tánh, những chuyện như ngôn ngữ, cư xử trong đời, nghề nghiệp mưu sinh… trong kinh Pháp Hoa đều thuận theo chánh pháp, đều chẳng trái nghịch thật tướng, những nghĩa lý "chẳng trụ vào đâu để sanh tâm, chẳng trụ vào *sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp* để hành bố thí, độ thoát hết thảy chúng sanh, nhưng chẳng thấy kẻ độ, người được độ" trong kinh Kim Cang thảy đều phù hợp khít khao. Đấy chính là đem pháp chính mình đã ngộ đã chứng giãi bày triệt để, phơi trọn hết ra, thí cho khắp hậu thế để mong ai nương theo pháp này mà tu sẽ cùng ngộ cùng chứng đó thôi.

Hơn nữa, Bồ-tát Sơ phát tâm được nói trong sách này vốn có hai nghĩa: một là hàng phàm phu sát đất phát đại tâm; hai là hạng *Sơ phát tâm trụ* trong Viên giáo, vừa phá vô minh, thấy được pháp tánh. Pháp tánh chính là tánh của *căn, trần, thức* là không, vô sở hữu v.v… như vừa mới nói. Nơi địa vị phàm phu muốn hướng đến Phật quả thì trước hết phải ngộ được lý này rồi mới hòng thật chứng. Nếu không, dù có tu trì vẫn thuộc vào hữu lậu, chẳng thành Bồ-đề. Như sách chép: "Trong một niệm, ở trước khắp chư Phật mười phương cúng dường rộng khắp, nhận pháp hóa của Phật; ở trước khắp chúng sanh trong mười phương, tùy loại

---

là vị tổ sư đời thứ hai của tông Thiên Thai (có thuyết nói là tam tổ). Ham thích Phật pháp từ nhỏ, rất quý mến kinh Pháp Hoa, từng mang kinh vào nghĩa trang đọc tụng. Ngài đọc kinh, nhỏ lệ ròng ròng. Trong mộng thấy Phổ Hiền Bồ-tát đến xoa đầu. Do vậy, đỉnh đầu nổi lên nhục kế. Sau khi xuất gia, ngài đến tham yết thiền sư Huệ Văn ở Hà Nam, được truyền pháp quán tâm. Có lần do than thở bản thân đã để luống uổng thời gian vẫn chưa chứng ngộ, mệt mỏi dựa mình vào vách, bèn hoát nhiên đại ngộ. Ngài là người đề xướng quan điểm Phật pháp đã bước vào thời kỳ suy vi, cần xác lập tín ngưỡng Tịnh độ Di-đà và Tịnh độ Di-lặc. Tuy chú trọng hành thiền thực tiễn, sư vẫn quan tâm nghiên cứu nghĩa lý. Năm 554, sư đến Quang Châu, đi khắp nơi thuyết pháp suốt 14 năm. Ngài được ngưỡng vọng cũng lắm, mà bị kẻ đố kỵ phỉ báng cũng nhiều. Tại núi Đại Tô ở phía Nam tỉnh Hà Nam, sư truyền pháp cho sư Trí Khải là học trò kiệt xuất nhất trong các môn đệ. Năm 568, sư vào vùng Hành Sơn (Nam Nhạc) tỉnh Hồ Nam, ở lại đó suốt 10 năm thuyết pháp, nên được người đời gọi là tôn giả Nam Nhạc. Sau Tuyên Đế lễ thỉnh sư hỏi đạo, gọi ngài là thiền sư Đại. Năm Thái Bình thứ chín, sư nghiễm nhiên tọa hóa, thọ 63 tuổi. Những trước tác của ngài đa phần là do môn đồ ghi chép lại, nổi tiếng nhất là các bộ Pháp Hoa Kinh An Lạc Hạnh Phẩm Nghĩa, Chư Pháp Vô Tranh Tam-muội Pháp Môn, Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn, Tứ Thập Nhị Tự Môn, Thọ Bồ-tát Giới Nghi.

[560] Tứ tướng là tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả.

hiện thân, ứng cơ thuyết pháp, khiến cho khắp ba căn đều được lợi ích" thì chuyện này chỉ có hàng Bồ-tát Sơ trụ trong Viên giáo mới có thể làm được. Nếu chẳng biết lý này và sự tu này thông với phàm phu, ắt sẽ mắc lỗi "tuy đề cao thánh cảnh nhưng chính mình lại ở trong địa vị phàm phu". Nếu không biết hàng Sơ trụ mới đạt được đại thể đại dụng, ắt sẽ mắc tội khiên "chưa đắc nói là đắc, đem phàm lạm thánh". Hiểu rõ điều này thì trên kính mộ chư thánh, dưới trọng tánh linh của chính mình. Đã không bị lỗi "đành lòng yên phận phàm ngu", lại còn chẳng mắc tội lạm thánh, sẽ tiến thẳng trên đường giác, mau đạt đến bảo sở như đưa bằng khoán lấy lại vật cũ, nào có khó khăn gì. Do vậy, tác phẩm này được lưu thông khắp trong nước, ngoài nước. Tiếp theo là những nhân duyên được mất đã được nói đầy đủ trong phần Tự và Bạt của lần in đầu tiên, nên ở đây không nhắc lại nữa.

Ông Từ Úy Như là bậc thế gia ở Chiết Tây, cả mười đời thờ Phật, từ lúc thơ ấu đã được dạy dỗ chu đáo, lại kiêm học Phật thừa. Gần đây, việc công rảnh rỗi, đọc khắp các nội điển, tìm được bản sách này lưu truyền ở Nhật Bản, lắng lòng nghiên cứu, thấy bị sai ngoa quá nhiều. Do vậy, đem đối chiếu với Đại tạng Nhật Bản, sửa đúng được mấy mươi chỗ rồi cho khắc ván hòng lợi lạc rộng khắp. Vì coi Lượng[561] tôi là người cùng chí hướng, bèn gởi tặng mấy bản. Do vậy tôi thắp hương, cung kính đọc, thấy văn lẫn nghĩa có nhiều chỗ chẳng ổn, như mây che lấp trăng, chẳng thấy được chân tướng, trộm nghĩ: Sách này lưu truyền đến nay đã hơn 1.300 năm, sao không khỏi sai ngoa? Do vậy, bèn dựa theo văn, căn cứ theo nghĩa, bỏ bớt việc để sửa chữa, thật giống như mây tan, trăng hiện, quang minh lẫn thể chất cùng tỏ bày, văn lẫn lý đều thông suốt, khiến tâm mắt người ta đều vui thích. Đem bản này gởi cho ông Từ, được ông thiết tha tán thành, chấp thuận, lập tức khắc in lại ngay.

Ông lại bảo tôi viết lời tựa để thuật duyên khởi, Lượng tôi tuy thô lậu, nhưng vì nghĩa chẳng thể từ tạ được. Phải biết lần khắc in này, tuy sửa chữa nhiều, nhưng thật ra không thay đổi gì. Chẳng qua chỉ là sửa cho đúng những chỗ sao chép bị sai lạc, ngõ hòng khôi phục bản lai diện mục cho trước tác của ngài Nam Nhạc mà thôi. Trong đời có người bệnh, thầy thuốc chẩn mạch còn biết được tạng phủ là hư hay thực, huống chi tác phẩm này văn nghĩa hiển lộ, có thể lấy làm chỗ căn cứ được, há chẳng thể biết được chỗ bị chép sót, sai lầm hay sao? Bậc đại phương gia ắt chẳng cho là Lượng tôi sửa chữa không cẩn thận mà quở trách sâu xa vậy!

[561] Tổ Ấn Quang pháp húy là Thánh Lượng.

5. Lời tựa bản thạch ấn Phổ Đà Sơn Chí

Quán Thế Âm Bồ-tát từ vô lượng kiếp trước thành Phật đạo đã lâu, hiệu là Chánh Pháp Minh, nhưng do ý niệm độ sanh khẩn thiết, tâm cứu khổ ân cần, chẳng lìa Tịch quang, hiện hình trong sáu nẻo. Trong các cõi Phật nhiều như vi trần ở khắp mười phương, hiện đủ mọi sắc thân độ thoát chúng sanh, chứ nào phải chỉ hiện thân Bồ-tát. Còn Nhị thừa, lục đạo, không đâu chẳng hiện thân, kinh Pháp Hoa nói: "Nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy thuyết pháp." Tuy vào khắp các cõi Phật mười phương, nhưng ngài có nhân duyên rất sâu với cõi Sa-bà. Tuy hiện thân khắp mười pháp giới, nhưng căn cứ trên sự ứng tích, thế nhân chỉ nói ngài là Bồ-tát mà thôi. Do ngài chứng triệt để duy tâm, phô bày trọn vẹn tự tánh nên vận dụng lòng bi đồng thể, khởi lòng từ vô duyên; do bổn cao, thể đại nên tích quảng, dụng rộng[562]. Tùy loại, tùy hình, theo tiếng cứu khổ, thị hiện có cảm liền ứng, không nguyện nào chẳng thuận theo, như mặt trăng vằng vặc giữa trời, hiện bóng trong mọi nơi có nước. Không chỉ sông, hồ, rạch, biển đều hiện bóng toàn vẹn, dù chỉ một chước[563], một giọt, không đâu chẳng đều hiện bóng vẹn toàn.

Lại nữa, bóng trăng hiện trong sông, hồ, rạch, biển, một người nhìn vào thì mặt trăng ấy đối trước người đó; trăm ngàn vạn người ở trăm ngàn vạn nơi nhìn vào thì mỗi một người đều thấy trăng đối trước chính mình. Nếu người ấy đi sang Đông, trăng cũng theo sang Đông, nếu đi sang Tây, trăng cũng theo sang Tây, nếu người ấy ngồi yên chẳng động, trăng cũng chẳng lìa nơi ấy, từ một người cho đến trăm ngàn vạn người đều như vậy. Trong một niệm, nếu khắp pháp giới cảm, Bồ-tát bèn ứng khắp pháp giới, cảm ứng đạo giao, không sai khác chút nà. Giống như mặt trăng hiện bóng trong các chỗ có nước, người nào, nơi nào cũng đều thấy trọn vẹn bóng trăng, trọn chẳng sai khác gì. Ấy là do Bồ-tát tâm gồm trọn thái hư, lượng gồm thâu các cõi nhiều như cát. Do lấy tâm chúng sanh làm tâm, do lấy cảnh của chúng sanh làm cảnh, nên chẳng nghĩ tưởng mà hợp, vô duyên bèn ứng. Há thế trí phàm tình hòng tính lường được nổi ư?

Còn nếu như nước đục, mắt lòa thì trăng chẳng thể hiện, phải đâu trăng không hiện, mà là do lỗi của nước đục, mắt lòa ấy chứ! Xét cảm ứng trên mặt tích, thì có hiển cảm hiển ứng, minh cảm minh ứng (cảm ngầm, ứng ngầm), minh cảm

[562] Bổn - tích: Có thể tạm hiểu bổn là quả vị chứng đắc thật sự, còn tích là sự thị hiện. Thể là bản chất, còn dụng là tác dụng, hoặc thể là bản tánh, là thật quả, còn dụng là tác dụng hóa độ, tùy cơ hiện tướng ứng hóa.
[563] Chước là đơn vị đo lường dung tích rất nhỏ.

hiển ứng, hiển cảm minh ứng, vừa hiển vừa ngầm cảm mà lại hiển ứng, vừa ngầm vừa hiển cảm mà lại ngầm ứng… sai khác. ("Hiển cảm hiển ứng" là ngay trong đời này dốc lòng thành, cạn lòng kính lễ niệm cúng dường thì sẽ được gia bị, gặp điều hung trở thành điều lành, gặp nạn thành may, và nghiệp tiêu chướng tận, phước tăng, huệ rạng v.v.. "Minh cảm minh ứng" là trong đời quá khứ từng tu những hạnh cạn lòng thành, tận lòng kính lễ niệm, đời này tuy chưa tu tập, nhưng do túc nghiệp thiện căn, được ngài gia bị mà không hay không biết, họa diệt, phước đến, nghiệp tiêu chướng tận v.v.. "Minh cảm hiển ứng" là đời trước từng gieo thiện căn, đời này được gia bị. "Hiển cảm minh ứng" là đời này dốc lòng thành, kiệt lòng kính lễ niệm, chẳng thấy được gia bị, âm thầm được từ lực gia bị khiến hung lui, cát (tốt lành) đến, nghiệp tiêu chướng tận v.v.. "Vừa hiển vừa ngầm ứng mà được hiển cảm" là đời trước đã từng gieo thiện căn, đời này dốc cạn lòng thành lễ niệm, được gia bị rõ ràng, chuyển họa thành phước v.v.. "Vừa ngầm vừa hiển cảm mà được ngầm ứng" là đời trước từng gieo thiện căn, đời này dốc lòng thành lễ niệm, âm thầm được từ lực gia hộ, đạt được các thứ lợi ích. Hiểu rõ điều này sẽ biết công chẳng hư uổng, quả không lãng phí. Dẫu cho trọn đời chẳng thấy dấu hiệu gì được gia bị, cũng chẳng đến nỗi sanh tâm oán vọng, bỏ cuộc giữa đường. Đạo cảm ứng vi diệu khó thể nghĩ suy, tạm ghi đại lược để khơi gợi cho người sáng suốt trong mai sau.)

Sự ứng hiện ấy lớn nhỏ, hơn kém là do lòng thành đã đến mức cùng cực hay chưa mà thôi! Dẫu cho tâm không thể tin chắc, chưa chí thành đến cùng cực, nhưng nếu có thể nhất niệm dốc lòng thành ắt cũng được lợi ích. Tùy theo một niệm chí thành của mình mà chia ra hơn kém tuy lợi ích chẳng thể siêu tuyệt như người dốc cạn lòng thành, tận hết lòng kính. Giống như trăng vẫn hiện bóng trong nước đục, nhưng lờ mờ không rõ; người mù tuy chẳng thể đích thân thấy được ánh trăng, nhưng có khi nào chẳng được ánh trăng chiếu đến? Bồ-tát đại từ đại bi, làm chỗ nương tựa cho các chúng sanh trong khắp pháp giới. Do vậy, nhân dân cả nước ai nấy đều tín phụng, vì thế mới thường nói "nhà nhà Quán Thế Âm".

Đạo tràng ứng hóa của ngài cố nhiên không phải chỉ một chỗ, như Nam Ngũ Đài Sơn, Đại Hương Sơn ở Thiểm Tây, Thiên Trúc Sơn ở Chiết Giang v.v. là những nơi cảm ứng rõ ràng, hương đèn nhộn nhịp, nhưng chỉ có Nam Hải Phổ Đà Sơn thật là bậc nhất do tên chỗ này được ghi trong kinh Hoa Nghiêm, năm xưa Thiện Tài đích thân tham học tại đây. Ân trọn khắp mọi loài, hoàng đế các đời sắc kiến, nên được cả cõi đời sùng kính, các nước ngưỡng mộ. Tưởng nghĩ Bồ-tát ứng hóa cho hàng căn cơ Đại thừa trong tam thừa thiên tiên, nên trải bao

kiếp thường trụ nơi núi này, chứ nào phải chỉ dài lâu như trời như đất. Nhưng về phía thị hiện ứng tích cho phàm phu thì trong năm Trinh Minh thứ hai (916) nhà Chu Lương[564] thời Ngũ Đại, đại sư Huệ Ngạc thỉnh tượng Quán Âm bằng đồng từ núi Ngũ Đài muốn đưa về Nhật Bản. Đi đến đây, thuyền bị ách lại không đi được nữa, mới bèn khai sơn. Đến nay đã hơn một ngàn năm, sự tích, thi văn được biên soạn thành tập với tựa đề là Phổ Đà Sơn Chí. Tôi thường hay bệnh nên đối với những sự lý cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn của Bồ-tát thật khó phát huy. Tính đọc khắp Đại tạng, xem trọn các sách, phàm những sự tích Bồ-tát tùy cơ ứng theo lòng cảm đều ghi chép đầy đủ, khắc bản lưu thông, một là để xiển dương đạo mầu độ sanh của Bồ-tát, hai là khải phát duyên lành thoát khổ cho chúng sanh; nhưng do bệnh mắt chưa lành, chưa thể như nguyện.

Cư sĩ Hà Liêm Thần ở Cối Kê, thấu hiểu tâm tủy đạo Nho, y thuật được xưng là quốc thủ[565], chí hạnh cao khiết, tín tâm thuần chân, từng kêu gọi đồng nhân lập Tang Du xã[566], với ý nghĩa cảnh chiều tà không còn nhiều, nghĩ cách quay về, đồng tu tịnh nghiệp, cầu sanh An Dưỡng. Lại do hết thảy chúng sanh đắm chìm trong biển khổ đã lâu, chẳng nương vào pháp lực không cách nào vượt ra được, tính đem những sự tích ứng hóa của Bồ-tát làm thuyền cứu mạng, thả trong biển khổ, vung tay kêu gấp để dẫn dắt những kẻ chìm đắm lên thuyền, ngõ hầu cùng lên được bờ kia, về thẳng quê nhà, vĩnh viễn lìa khỏi các khổ, chỉ hưởng những sự vui. Do vậy, bèn cho in thạch bản cuốn Phổ Đà Sơn Chí để rộng lưu truyền hòng đền ân Đại sĩ độ sanh, tạo nẻo cho chúng sanh gieo lòng thành. Ông bảo tôi viết lời tựa, khôn ngăn hoan hỷ, quên phứt mình kém hèn, liền đem những chuyện cảm ứng mầu nhiệm của Bồ-tát phát huy đại lược. Những sự tích khác, cố nhiên đã chép trọn vẹn trong sách, cần gì phải dài dòng nữa!

6. Lời tựa cho bức khánh đồ (tranh diễn tả chuyện vui mừng) nhà ông Hà Lãng Tiên ở Thiệu Hưng

Xuân về trên cõi đất, trăm loài cây cỏ đều được sanh thành, gió lùa trên không, vạn ống sáo đều cùng trỗi tiếng. Trong đời chẳng có quả không nhân, cũng chẳng có cái nhân không quả; ví như trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu, thanh

[564] Nhà Lương thời Ngũ Đại do Chu Ôn sáng lập nên sử gọi là Chu Lương để phân biệt với nhà Tiền Lương của Lương Võ Đế (Tiêu Diễn) thuộc thời Nam Bắc Triều.
[565] Ý nói tài chữa bệnh rất giỏi. Khi xưa, những người giỏi về một tài nghệ nào thường được gọi là quốc thủ, chẳng hạn người đánh cờ vây giỏi cũng được xưng là "vi kỳ quốc thủ".
[566] Dựa theo ý câu thơ cổ: *"Nhật lạc tang du"* (mặt trời lặn bên nương dâu) diễn tả cảnh chiều tà. Sau này thơ văn thường dùng chữ "nương dâu" để chỉ tuổi già.

hòa thì tiếng vang thuận, hình thẳng thì bóng ngay. Đấy là những điều cả cõi đời đích thân thấy biết, tin tưởng chắc thật không nghi! Hai chữ "nhân quả" bao trùm khắp hết thảy các pháp thế gian, xuất thế gian trọn vẹn không còn sót. Thánh nhân thế gian không vị nào chẳng dạy rõ nhân quả, nhưng do các ngài chuyên chú nơi việc đời, muốn cho đạo ấy được tiếp nối, được truyền thừa, nên chỉ hạn cuộc trong đời này và đời cha, đời con, chứ không giảng rõ chuyện trước lúc sanh ra, chuyện sau khi đã chết, và những chuyện từ vô thỉ trước, chuyện tận vị lai sau. Những kẻ hậu học chẳng thể lãnh hội sâu xa ý thánh nhân, bèn cho người và vật được sanh ra là do bẩm thụ khí trời đất, ngẫu nhiên tụ hợp thành hình hài mà thôi; đến khi chết đi, hình đã mục nát thì hồn cũng phiêu tán. Không nhân, không quả, thành đoạn diệt kiến, họ cô phụ thánh giáo, mê mất tánh linh của chính mình quá mức. Khổng tử khen ngợi sách Chu Dịch[567], vừa mở đầu liền nói: "Nhà tích thiện ắt sự vui có thừa, nhà tích điều bất thiện ắt tai ương có thừa!" Cơ Tử soạn sách Hồng Phạm[568], cuối sách bèn nêu rõ chuyện hưởng dụng ngũ phước, oai dùng lục cực.

Hai là nếu chẳng luận đến ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, thì sự ban tặng của trời đất, ngôn luận của thánh nhân, chánh lệnh của minh quân, phần nhiều sẽ mâu thuẫn nhau (như gian đảng được vinh hoa, phú quý, trung thần bị tru lục, Nhan Uyên đoản mạng, Đạo Chích[569] trường thọ v.v.). Nếu biết nhân trước quả sau thì cùng - thông, được - mất đều do ta tự chuốc lấy. Dẫu gặp phải nghịch cảnh, chẳng oán, chẳng hờn, chỉ thẹn đức mình chưa xứng, chẳng thấy lỗi lầm của trời hay người, vui theo mạng trời, không chuyện gì chẳng tự tại tiêu dao. Người ta chỉ thấy ông Hà một nhà từ hiếu, cả bốn đời cùng ở chung một nhà là vui, nhưng chẳng biết nguyên do là vì họ đã nhiều đời vun bồi nên được như vậy.

Phải biết thế giới Sa-bà thọ mạng ngắn ngủi, trăm năm là thượng thọ, nhưng mấy ai đạt được. Nay ông Hà may mắn có mẹ sống thọ đã tròn sáu mươi, nên mở tiệc hoa để mừng thượng thọ, bày ra đủ loại thi văn để giúp vui cho tiệc chúc thọ. Có thể nói là dốc lòng thờ mẹ, lấy thân mình làm gương. Lại phải biết cái "tột cùng ba đời chẳng dời, chẳng biến, trải muôn đời chẳng giảm, chẳng tăng" mới là thọ lượng chân thật sẵn có nơi tự tâm của lão phu nhân. Bởi một niệm hiện tiền

[567] Gọi là Chu Dịch vì người Trung Hoa tin rằng từ thời Phục Hy đã có kinh Dịch. Theo truyền thuyết, ngay từ thời nhà Hạ, kinh Dịch đã được chú giải với tên gọi là Liên Sơn Dịch. Qua đời Thương được diễn giải bổ sung thêm, gọi là Quy Tàng Dịch. Các bản này bị thất truyền. Chu Văn Vương là người tinh thông Dịch Lý và diễn giải kinh Dịch một cách có hệ thống, hệ thống này về sau lại được Khổng tử san định lần nữa, và thường gọi là Chu Dịch.

[568] Theo từ điển Từ Hải, Hồng Phạm là một bộ cổ thư giảng về đại pháp trong thiên hạ. Thật ra Hồng Phạm là một thiên trong sách Thượng Thư.

[569] Đạo Chích là một tên trộm nổi danh thời cổ.

của chúng ta vốn tự linh minh đỗng triệt, trạm tịch thường hằng[570], quả thật chẳng hai chẳng khác gì với ba đời chư Phật. Nhưng do trái nghịch giác, xuôi theo trần lao, mê tâm chấp cảnh nên đến nỗi vốn chẳng dời, chẳng biến, chẳng tăng, chẳng giảm lại thường bị dời, biến, tăng, giảm, trọn chẳng lúc nào đạt được một niệm thường trụ bất động. Đức Đại Giác Thế Tôn ta thương xót, thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng chánh giác, tùy thuận cơ nghi, rộng lưu ngôn giáo, khiến cho khắp hết thảy chúng sanh trái nghịch trần lao, hiệp theo tánh giác, khôi phục tâm tánh vốn có, diệt được huyễn nghiệp vốn chẳng có, hiểu rõ chân tâm vốn sẵn có. Vì vậy kinh Hoa Nghiêm nói: "Lạ thay, lạ thay! Hết thảy chúng sanh đều đầy đủ trí tuệ đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng thì nhất thiết trí, tự nhiên trí liền được hiện tiền."

Phải biết, trí tuệ đức tướng và vọng tưởng chấp trước chỉ là một tâm, vốn không phải là hai vật. Mê thì toàn thể trí tuệ đức tướng liền trở thành vọng tưởng chấp trước; ngộ thì toàn thể vọng tưởng chấp trước liền thành trí tuệ đức tướng. Ví như nước đông thành băng, băng tan thành nước; cũng như say thấy nhà xoay, chứ nhà thật sự không xoay. Mê thì cho là phương hướng thay đổi, chứ phương hướng thật sự không đổi dời. Nói "vạn cảnh vốn nhàn, chỉ có tâm tự ồn náo; một tâm không sanh, vạn pháp đều dứt", chính là ý này. Lý này ngộ thì dễ, nhưng chứng thật khó, nếu chẳng phải túc căn chín muồi, ai có thể tự chứng, tự đạt được! Vì thế, đức Thế Tôn riêng ban phương tiện, lập ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, bất luận thánh hay phàm, ngu hay trí, cho đến những hàng thiên tiên, tu-la, những loài địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, chỉ cần chí thành phát nguyện trì danh hiệu Phật, thánh thì nhanh chóng thành Phật đạo, những loài khác đều mang nghiệp vãng sanh. Đã được vãng sanh thì hoặc chẳng mong đoạn mà tự đoạn, đức chẳng mong chứng mà tự chứng. Ví như một mảnh tuyết rớt vào lò lớn, chưa đến nơi đã tan, đã gặp được người có đức thì ý niệm hèn tệ hoàn toàn tiêu.

Con hiếu đối với cha mẹ thì trước hết phải chú trọng cái gốc rồi mới lo đến cái ngọn, phụng dưỡng cái thân nhưng phải hướng dẫn cái tâm. Nếu chỉ biết hầu

---

[570] *"Linh minh đỗng triệt, trạm tịch thường hằng"*: Đây là tám chữ tổ Liên Trì dùng để giảng về chân tánh. Trong bộ A-di-đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, pháp sư Cổ Đức đã giảng như sau: "Linh minh là thuần chân, linh minh chiếu suốt thấu trọn vẹn (đỗng triệt). Bản thể của chiếu là trọn khắp mười phương. Trạm tịch là tịch nhưng thường hằng, ý nói: bản thể của tịch là thông suốt ba đời." Nói cho dễ hiểu hơn: Tịch là tâm tánh thường tồn, chẳng nhiễm, không bị trần cảnh lay động, còn chiếu là tác dụng quán sát, nhận biết của tâm nhưng không vướng mắc. Cổ nhân thường ví tâm như gương. Gương trong suốt, không nhơ (đó là tịch), vật gì đến trước gương đều hiện bóng (đó là chiếu). Hiện bóng nhưng không giữ lại vật gì (chiếu mà thường tịch), không giữ lại vật gì nhưng không gì chẳng hiện bóng trong gương (tịch mà thường chiếu).

hạ, phụng dưỡng để cha mẹ được yên thân, lập thân hành đạo để cha mẹ được vẻ vang, chẳng biết dùng đạo vô sanh thường trụ, pháp niệm Phật vãng sanh để khuyên dụ cha mẹ tu trì, sao cho sống thì niệm Phật hiệu, chết sanh về cõi Phật, từ tạ huyễn khổ sanh tử, hưởng chân lạc thường trụ, hầu hạ Phật Di-đà, dự trong hải chúng, nghe viên âm[571], tam hoặc[572] hết sạch, thấy diệu cảnh, tứ trí[573] viên minh, chẳng rời An Dưỡng, vào khắp mười phương, thượng cầu hạ hóa, rộng làm Phật sự, triệt chứng Phật tánh vốn sẵn có nơi tâm, rộng làm thuyền từ độ người trong biển khổ, thì có thể nói là "thấy sự nhỏ quên mất chuyện lớn, được gần bỏ xa, chỉ là cái thấy hạn hẹp của kẻ tầm thường, chẳng phải tầm mắt rộng lớn của bậc thông đạt".

Nếu có thể làm cho mẹ cùng với mình và gia quyến cùng thoát Sa-bà, cùng sanh về An Dưỡng, cùng chứng vô lượng quang thọ, cùng hưởng pháp lạc tịch diệt, cùng làm pháp vương tử của Phật Di-đà, cùng làm đại đạo sư cho trời người, thì mới là tận hết lòng từ hiếu, trọn tình nuôi dạy. Từ - hiếu, giáo dục như vừa nói đó chẳng phải là từ - hiếu giáo dục như thế gian thường nói. Đấy chính là chỗ khởi đầu và kết thúc cùng cực của bức gia khánh đồ này.

Nếu chẳng cho lời tôi nói là sai, đợi đến khi cùng sanh về Tịnh độ xong, sẽ dùng Đại Viên Kính Trí thâu nhiếp lấy hình ảnh trong Liên Trì Hải Hội tặng cho khắp những đồng bào trong biển khổ, tôi cũng sẽ dốc cạn lòng ngu thành viết tựa khen ngợi.

7. Lời tựa quyên mộ làm chay cúng dường ngàn vị tăng (viết thay cho hàng thiện nhân tại gia)

---

[571] Viên âm: âm thanh viên mãn. Đức Phật dùng một âm thanh thuyết pháp mà mỗi loài nghe thấy đức Phật nói bằng ngôn ngữ của loài mình. Đức Phật nói một chữ mà tùy theo căn tánh người nghe sẽ hiểu vô lượng nghĩa. Do vậy, gọi âm thanh thuyết pháp của Phật là "viên âm".

[572] Kiến hoặc, tư hoặc, trần sa vô minh hoặc là tam hoặc.

[573] Tứ trí: Còn gọi là tứ chủng trí, tức bốn trí nơi Phật quả là đại viên kính trí, bình đẳng tánh trí, diệu quán sát trí, thành sở tác trí. Tứ trí do tám thức chuyển thành; thức thứ tám chuyển thành đại viên kính trí, thức thứ bảy chuyển thành bình đẳng tánh trí, thức thứ sáu thành diệu quán sát trí, và năm thức trước trở thành thành sở tác trí. Mật giáo còn đặt thêm một trí nữa là *pháp giới thể tánh*, và mỗi trí được biểu hiện bằng một vị Phật. Trong Kim Cang Giới, Pháp Giới Thể Tánh Trí là Phật Tỳ-lô-giá-na, Dại Viên Kính Trí là A-súc-bệ Phật (Bất Động Phật), Bình Đẳng Tánh Trí là Bảo Sanh Phật, Diệu Quán Sát Trí là A-di-đà Phật, và Thành Sở Tác Trí là Bất Không Thành Tựu Phật. Trong Thai Tạng Giới, Đại Viên Kính Trí là Bảo Tràng Phật, Bình Đẳng Tánh Trí là Khai Phu Hoa Phật, Diệu Quán Sát Trí là Vô Lượng Thọ Phật, Thành Sở Tác Trí là Thiên Cổ Lôi Âm Phật.

Rồng đất tuy chẳng thể làm mưa, nhưng cầu mưa ắt phải tế rồng đất; phàm tăng tuy chẳng thể giáng phước, nhưng cầu phước phải cúng phàm tăng. Huống chi Đại sĩ Quán Âm hiện thân trong các cõi nước nhiều như bụi trần, theo tiếng cứu khổ, ứng hóa lưu dấu tại Phổ Đà, do vậy bao triều đại khâm kính, cả cõi đời tôn sùng. Tăng chúng trong núi ấy và các vị từ mười phương đến đều là đệ tử của Như Lai, là con cháu của Đại sĩ. Nhằm hội dâng hương, gần như có đến hai ngàn vị. Trong số ấy, thánh phàm xen lẫn, hạnh vị khó thể phân biệt. Há chẳng nên nghĩ đến ân Đại sĩ, vun bồi nhân xuất thế, dùng tâm chí thành, bình đẳng cúng dường ư? Nếu tâm chân thật, thiết tha thì không những các bậc đại A-la-hán trụ thế như ngài tôn giả Tân-đầu-lô-phả-la-đọa[574] chắc chắn đến nhận cúng dường, ngay cả Đại sĩ cũng rất có thể thị hiện thân phàm tăng quang lâm pháp hội. Công đức lợi ích ấy sao diễn tả được nổi? Ông X… muốn trong tháng Hai năm sau kiền thành tổ chức đại trai tăng một ngàn vị tăng ở Pháp Vũ Thiền Tự để rộng kết duyên lành, nhưng sức của ông ta yếu kém, thật sự muốn cho người khác làm lành. Do vậy, quyên mộ thiện tín tùy tâm vui vẻ giúp đỡ, vào núi báu chớ trở về tay không, đã tắm gội pháp ai nấy phải báo ân Phật.

8. Lời tựa khắc in lại sách Hộ Pháp Lục của Tống Văn Hiến Công đời Minh

Năm Kỷ Mùi, ông Tôn Ngọc Tiên ở Phụng Hóa khắc xong bộ Tống Văn Hiến Công[575] Toàn Tập, lại đem những trước tác chuyên xiển dương Phật học, cũng

[574] Tôn giả Tân-đầu-lô-phả-la-đọa là một vị đại đệ tử của đức Phật. Do ngài hiển lộ thần thông tranh tài cùng ngoại đạo nên đức Phật cấm ngài nhập diệt, phải thường trụ trong thế gian để làm phước điền cho nhân thiên. Những buổi lễ trai tăng nếu được tổ chức chí thành, ngài sẽ thị hiện thân phàm tăng đến thọ cúng.

[575] Tống Văn Hiến Công là Tống Liêm (1310-1381), tự Cảnh Liêm, hiệu Tiềm Khê, biệt hiệu Huyền Chân Tử, là người huyện Bồ Giang, tỉnh Chiết Giang, là một đại văn học gia đầu thời Minh. Tuổi thơ bần hàn, nhưng hết sức hiếu học. Từng theo học với các bậc đại danh gia như Ngô Lai, Liễu Quán, Hoàng Tấn v.v.. Ông suốt đời cần cù học hành, chưa một ngày nào tay rời sách, từng ba lần đọc hết Đại tạng kinh. Ông được Nguyên Thuận Đế vời ra làm Hàn Lâm Viện Biên Tu, nhưng nại cớ còn cha già phải phụng dưỡng để từ tạ. Khi Chu Nguyên Chương diệt Mông Cổ, xưng đế, lập ra nhà Minh, ông được đề cử làm người giảng kinh sách cho nhà vua. Năm Hồng Vũ thứ hai (1369), ông vâng chiếu, chịu trách nhiệm chính biên tập bộ Nguyên Sử. Quan thăng dần đến chức Hàn Lâm Viện Thừa Chỉ, chuyên soạn chiếu chỉ cho nhà vua. Năm Hồng Vũ thứ 10 (1377), cáo quan hồi hưu. Về sau, do con trưởng là Tống Thận dính líu vào vụ án Hồ Duy Dung, toàn gia bị đày đi Mậu Châu. Ông mất trên đường đi lưu đày. Trước tác của ông rất phong phú, còn để lại bộ Tống Học Sĩ Văn Tập (hoặc Tống Văn Hiến Công Toàn Tập) rất đồ sộ. Chu Nguyên Chương từng gọi ông là khai quốc công thần trong giới văn quan. Bộ Hộ Pháp Lục do chính ngài Liên Trì thâu thập những đoạn luận về Phật pháp từ những trước tác của Tống Liêm. Bộ sách này được Tiền Khiêm Ích giảo đính.

như y theo bản Hộ Pháp Lục đã được ngài Liên Trì và ông Mục Trai giảo đính in riêng ngoài Toàn Tập. Có những phần không liên tục, cũng khắc in riêng. Hai tập sách ấy, mỗi thứ đều gởi cho pháp sư Đế Nhàn ở chùa Quán Tông một bộ, Quang đến chùa Quán Tông trông thấy, hoan hỷ khôn cùng, cầu ngài thỉnh cho mình một bộ Hộ Pháp Lục. Trước kia, ông Tôn tính khắc riêng bộ Hộ Pháp Lục, xin ngài Đế Nhàn viết tựa. Sư do hằng ngày phải diễn giảng giáo nghĩa Thiên Thai cho học chúng nên chẳng rảnh rỗi để viết. Do vậy, bởi Quang thỉnh sách, ông Tôn bèn cầu ngài Đế Nhàn sai Quang gượng viết. Quang tâm như bị nút chặt, kiến giải như nhìn vào vách, sao có thể phát huy đạo của bậc thừa nguyện tái lai, hiện thân tể quan văn chương lừng lẫy, dùng tam nghiệp thân - khẩu - ý để chép Hoa Nghiêm Đại Kinh nhằm hoằng truyền tâm yếu của Phật, tổ? Nhưng đã được ủy thác, nào dám nại cớ kém hèn để thoái thác! Do vậy, đại lược nêu lên những điều quan trọng liên quan đến mối nghi ngờ bàn luận của cả cõi đời mà thôi. Còn như văn chương của tác giả hùng hồn, biện bác, viên dung, thẳng chóng, phát minh tâm tông của Nho và Phật, vĩnh viễn là con mắt của trời người, khác nào mặt trời chói ngời giữa hư không, ai có mắt đều thấy, thật chẳng cần đến Quang lấy sự hiểu biết hạn hẹp bàn chen vào nữa.

Lời tựa rằng: A-di-đà Phật chứng Bồ-đề đã lâu, an trụ Thường tịch quang tịnh độ, thường hưởng pháp lạc tịch diệt, nhưng vì chúng sanh vô tận, nguyện của ta vô tận nên chẳng lìa cõi Tịch quang tự thọ dụng, vào khắp mười phương vô tận thế giới hiện đủ mọi sắc thân độ thoát chúng sanh, hoặc hiển hiện hay thầm kín, hoặc chiết phục, hoặc nhiếp thọ, ắt sao cho rốt ráo lìa khỏi hai thứ sanh tử mới thôi. Đó gọi là đối với những kẻ thiện căn chưa gieo, chưa chín, chưa thoát liền làm cho họ gieo, chín, thoát, nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy thuyết pháp. Đạo lớn, sự rộng ấy dù dùng hết biển mực cũng chẳng thể viết hết được, đành nhờ vào chuyện của Văn Hiến Công để trình bày đại khái.

Tiền Khiêm Ích tự là Thụ Chi, hiệu Mục Trai, biệt hiệu Đông Giản Di Lão, là một văn gia nổi tiếng vào cuối đời Minh, một trong những lãnh tụ của Đông Lâm Văn Đàn Tế Tửu, ông cùng với Ngô Vĩ Nghiệp và Cung Đỉnh Tư được xưng tụng là Giang Tả Tam Đại Gia. Giang Tả là vùng hạ lưu sông Dương Tử, thuộc địa phận tỉnh Giang Tô ngày nay. Đông Lâm là một học viện lập ra thời Tống gọi là Đông Lâm Thư Viện ở thành phố Vô Tích (nay thuộc Giang Tô). Thời Vạn Lịch nhà Minh, Cố Hiến Thành tu chỉnh lại thư viện này và cùng Cao Phàn Long dạy học tại đây. Vì họ phê bình triều chính nên nhiều sĩ đại phu tụ tập, tham dự vào nhóm này. Khi thái giám Ngụy Trung Hiền thao túng triều chính, rất căm ghét đảng Đông Lâm, ra sức truy bức những lãnh tụ đảng Đông Lâm, nên Tiền Khiêm Ích từng bị đi tù.

Cứ dựa theo lời tựa khen ngợi của ông Văn Hiến đối với việc ngài Thích Huyễn Diệt trích máu chép kinh Hoa Nghiêm, cuối bài ông tự nêu túc nhân như sau: "Cư sĩ Vô Tướng (đạo hiệu của Văn Hiến Công) khi chưa ra khỏi thai mẹ, mẹ nằm mộng thấy một ông tăng lạ lùng, tay viết kinh này, đến bảo với mẹ: 'Ta chính là Vĩnh Minh Diên Thọ, ở nhờ nhà này để viết cho xong quyển này'. Bà mẹ tỉnh giấc, liền sanh ra cư sĩ. Nay gặp được nhân thù thắng này, chợt nhớ lại chuyện cũ." Trong các trước tác khác cũng tự thuật sự này, nhưng những kẻ câu nệ, hư giả trong đời thường hay nghi, nói: "Vĩnh Minh chính là hóa thân của Phật Di-đà, hóa thân củA-di-đà chưa liễu thoát sanh tử hay sao? Đã vì chép kinh mà ở nhờ nơi nhà người, nhưng xét trong văn tập, chưa hề nhắc nhở đến, chẳng phải là uổng thọ thân này, chẳng thỏa được nguyện cũ hay sao?" Tôi nói: Đây chính là dùng phàm tình để suy lường thánh trí, chẳng những không biết Văn Hiến Công, mà còn là chưa hiểu ngài Vĩnh Minh và Phật Di-đà nữa!

Muốn phát huy đến cùng cực, thẹn chẳng có tài văn chương khéo léo, nhưng lời lẽ cốt đạt được ý, nào ngại bàn thẳng vào chuyện này. Phật Di-đà đã chứng cùng tột pháp giới, đối với mọi chuyện trong pháp giới, không gì ngài chẳng tùy ý hóa hiện. Chánh báo là thân Phật, thân Bồ-tát, thân Nhị thừa, thân lục đạo, tùy loại hiện khắp để giáo hóa; y báo là lầu, đài, điện, gác, thức ăn, y phục, chỉ cần có lợi ích thì không gì chẳng hóa hiện. Ngài Di Sơn nói: "Đời tật dịch hiện làm dược thảo, lúc đói kém hóa làm thóc gạo." Do trong cõi Thường tịch quang thân và cõi nước chẳng hai, lý và trí như một; thân có thể hiện cõi nước, cõi nước có thể hiện thân, thân lại hiện thân, cõi lại hiện cõi. Kinh Di-đà nói: "Các con chim ấy đều do A-di-đà Phật biến hóa ra." Ngài Duy-ma-cật nói: "Do hết thảy chúng sanh bệnh cho nên ta bệnh." Phật Di-đà thân và cõi hiện lẫn nhau, nào ngại gì hiện thân Vĩnh Minh rồi lại hiện thân Văn Hiến.

Thêm nữa, ngài Vĩnh Minh hiện thân Văn Hiến chính là nương vào bi nguyện thị hiện hóa sanh, há có nên nói ngài Vĩnh Minh chưa liễu thoát sanh tử, vẫn phải theo nghiệp lực thọ sanh ư? Do chúng sanh bệnh nên Bồ-tát cũng bệnh. Muốn độ thoát chúng sanh nhưng không thuận theo cơ nghi, thị hiện sanh trong thế gian hòa quang đồng sự để hành giáo hóa, thì vì phàm thánh khác nẻo, không cách gì thí giáo được! Những loài chim nhiều màu kỳ diệu như hạc, chim công v.v., Phật còn chịu biến hóa ra, huống gì hiện thân làm vua trong chốn văn chương, phong nhã, tài hoa, làm bậc thuần Nho chế lễ, soạn nhạc, phù tá thánh chúa mà lại có trở ngại gì ư?

Ngài Vĩnh Minh là Phật Di-đà hóa hiện, Văn Hiến Công do ngài Vĩnh Minh hóa hiện, chính là chứng theo chiều dọc thân lại hiện thân. Những kinh như kinh Vô Lượng Thọ… nói "trong quang minh hóa Phật và các Bồ-tát vô lượng vô biên" chính là gồm thâu trọn khắp hai nghĩa dọc và ngang, vì Phật quang trọn khắp chiều ngang, cùng tột chiều dọc, không lúc nào, không nơi đâu chẳng trọn khắp. Ngài Vĩnh Minh ở nhờ nhà họ Tống để chép kinh Hoa Nghiêm chính là dùng thân để chép, dùng nghĩa để chép, chớ nên câu nệ vào văn tự ngôn ngữ để luận. Phàm những chuyện cả đời Văn Hiến Công đã làm và những gì ông ta trước thuật đều nhằm chép kinh Hoa Nghiêm, đức hạnh cùng tột, hạnh hay đẹp của ông đã được chép trong Minh Sử, nhưng vẫn chỉ là chép đại lược một hai điều, còn bị thiếu sót nhiều lắm; văn ông được truyền tụng trong đời chỉ có bộ Toàn Tập và tập sách này mà thôi. Đọc đến ắt có thể hình dung được đạo đức, tu dưỡng của ông. Bộ Toàn Tập tuy chẳng chuyên nói về Phật pháp, nhưng văn tự thế gian chưa hề chẳng bao gồm tông yếu Phật pháp.

Như trẻ nhỏ bị bệnh chẳng chịu uống thuốc, bèn bôi thuốc lên vú, thì nó không uống cũng thành uống, bệnh liền lành mạnh. Những kẻ không biết Phật pháp, đọc bộ Toàn Tập của Văn Hiến Công, liền khâm phục văn chương lưu loát, rộng lớn của ông, lại khâm phục lý cao sâu, sao không đoạn nghi sanh tín, càng vào càng sâu, hiểu rõ tâm pháp của Nho và Phật, mong thoát khỏi lồng rọ sanh tử ư? Huống chi Phật pháp được phát huy trong sách ấy nhiều hơn 170 thiên. Kinh Hoa Nghiêm nói: "Hoặc riêng dùng chú ngữ để nói tứ đế, hoặc khéo dùng mật ngữ để nói tứ đế, hoặc dùng ngay lời lẽ của con người để nói tứ đế, hoặc là dùng mật ngữ của chư thiên để nói tứ đế", chính là bằng chứng vậy!

Nếu bảo: "Kinh Lăng-nghiêm cấm chẳng tiết lộ mật nhân (nhân thầm kín) của Phật, ông Văn Hiến lại tự nói mình là hậu thân của Vĩnh Minh, không phải là trái nghịch lời răn dạy thanh tịnh của Phật, bày đầu cho bọn cuồng vọng đời sau, tạo thành đầu mối đem phàm lạm thánh ư?" Tôi nói: Đối với bậc xuất cách, chẳng thể dùng cách thức thông thường để phán định, ông chẳng thấy đại sĩ Phó tự xưng là Di-lặc hiện thân ư? Đã chẳng coi chuyện đó là trái nghịch, sao lại chỉ coi chuyện này là trái nghịch? Hơn nữa, cuồng vọng lạm thánh sẽ tự chuốc nhục, như khắc phân người thành hình chiên-đàn, há có thể lẫn lộn cùng chiên-đàn được sao?

Nếu nói: "Như Lai trí đoạn rốt ráo, công đức, trí tuệ, thần thông đạo lực chẳng thể nghĩ bàn; Vĩnh Minh tuy cao, còn cách Phật xa lắm, huống gì là Văn Hiến?" Tôi nói: Chắc ông cũng biết chuyện hoàng đế vi hành chớ? Người trí biết là hoàng đế, kẻ ngu coi là bình dân, còn có khi nghi là gián điệp, là đạo tặc nữa kia. Sao

lại riêng nghi chuyện trong bí mật, bề ngoài hiện này nọ của Như Lai? Phải biết, đây chính là phương tiện khéo léo lập cách giáo hóa của Như Lai, ngầm nêu "chúng sanh chính là Phật, quyền chính là thật, sanh diệt chính là tịch diệt, Đồng Ccư chính là Tịch quang", những ngôn ngữ, xử thế, nghề nghiệp mưu sinh v.v. đều thuận theo chánh pháp, đều chẳng trái nghịch ý chỉ thật tướng nhỏ nhiệm. Bậc thượng căn thoạt nhìn bèn hiểu, hàng trung hạ phải do giải thích mới có thể hiểu rõ được.

Do đại từ bi bèn dùng chuyện từ tích hiển bổn này để người hiểu biết nông cạn có thể biết được trọn vẹn chuyện hiện khắp các sắc thân chẳng thể nghĩ bàn của bậc Pháp thân đại sĩ. Như chuyện trong cõi âm, dương gian chẳng biết; nhưng Thượng đế cực lực mong muốn người đời cải ác tu thiện nên cũng thường đem người dương gian vào cõi âm, chỉ bày ngục trong cõi âm cho dương thế. Phương tiện quyền xảo dạy người của Thượng đế tình kiến phàm phu còn chưa thể suy lường được, huống chi Bồ-tát thần biến vô phương? Do vậy, tôi nêu ra ngõ hầu ai nấy tuân hành, cùng thoát Sa-bà, cùng sanh Tịnh độ, hòng thỏa tâm Phật Di-đà đại từ bi bao lượt hiện thân, mà cũng chẳng cô phụ ngài Văn Hiến chép kinh, một phen ông Tôn dốc lòng khắc bản. Phàm con ngựa nào mong được như ngựa Ký thì cũng là hạng ngựa Ký, người mong được như Nhan Uyên thì cũng là hạng như Nhan Uyên. Tôi chưa từng biết mặt ông Tôn, nếu không phải đời trước ông ta từng được Phật phó chúc, thì cũng phải là đã gội ân sâu của họ Tống, cho nên mới thừa nguyện tái lai, cực lực lưu thông, khiến cho hữu tình hiện tại, vị lai cùng được đượm nhuần pháp lợi không sót. Tốt đẹp thay, cao quý thay!

9. Lời đề từ và tựa bản in lại Long Thư Tịnh Độ Văn (viết thay cho ông Vương Hoằng Nguyện)

Tâm tánh chúng sanh bằng với chư Phật, do mê trái nên luân hồi chẳng ngơi. Như Lai từ mẫn, tùy cơ thuyết pháp, khiến cho khắp hàm thức đều theo đường về nhà. Hiềm rằng căn tánh muôn thứ chẳng giống nhau, nếu không phải người lỗi lạc sẽ khó thể thoát khỏi. Nhân đấy, bèn đặc biệt mở ra một môn Tịnh độ để nhiếp khắp hết thảy thượng trung hạ căn; ngũ nghịch thập ác tướng địa ngục hiện, nhất niệm dốc lòng thành, liền lên được bờ kia. Đẳng giác Bồ-tát đức bằng với Phật, còn phải vãng sanh mới chứng được Bồ-đề, phàm phu sát đất, đầy đủ phiền não, chẳng chịu niệm Phật, làm sao tốt lành cho được? Nhắn với người đời, cùng sanh tín nguyện, chấp trì Phật hiệu, từ đầu đến cuối không thay đổi, đến lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn, mau ra khỏi ngũ trược, lên thẳng chín phẩm, thấy Phật nghe pháp, tự chứng Vô sanh, nương đại nguyện luân phổ độ hữu tình.

Pháp môn Tịnh độ là pháp môn do Như Lai tâm bi triệt để phổ độ chúng sanh, khiến cho những kẻ không có sức đoạn hoặc, hàng phàm phu sát đất tín nguyện trì danh liễu thoát ngay trong đời này, cùng làm bầu bạn với Quán Âm, Thế Chí. Trên đến Đẳng giác Bồ-tát địa vị gần với Phật quả, còn cần phải vãng sanh, mới thành Chánh giác. Chí viên, chí đốn, thông trên thấu dưới, vượt trội các pháp môn đã được nói trong một đời giáo hóa tại một phương. Vì thế, khi đức Phật giảng kinh Di-đà, sáu phương chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài cùng một giọng khen ngợi, xưng là kinh Công Đức Chẳng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thảy Chư Phật Hộ Niệm. Lại khen đức Thích-ca Thế Tôn ta có thể làm được chuyện hy hữu rất khó, đức Thế Tôn ta tự nêu túc nhân rằng: Ta ở trong đời ác ngũ trược, làm chuyện khó khăn này, chứng được Bồ-đề, vì hết thảy thế gian nói pháp khó tin này, thật là rất khó, khiến cho người nghe tin nhận phụng hành, diễn bày rốt ráo bổn hoài xuất thế vậy.

Nhưng pháp môn này rất sâu khó lường, dẫu được Bổn sư và chư Phật cùng khuyên tin tưởng, thế nhưng kẻ nghi trong đời vẫn còn rất nhiều. Chẳng những thế trí phàm tình không tin, ngay cả những hàng tri thức thâm hiểu sâu xa Tông, Giáo vẫn còn nghi hoặc. Không những bậc tri thức không tin mà ngay cả Thanh văn, Duyên giác đã chứng chân đế, nghiệp tận tình không cũng vẫn còn nghi hoặc. Chẳng những hàng tiểu thánh không tin, ngay đến bậc Quyền vị Bồ-tát hãy còn nghi ngờ. Cho đến ngay cả bậc Pháp thân đại sĩ tuy có thể tin chắc, nhưng vẫn chưa thể thấu nguồn tột đáy. Ấy là vì pháp môn này lấy quả giác làm cái tâm để tu nhân, toàn thể là cảnh giới Phật. Chỉ có Phật với Phật mới có thể rốt ráo thấu hiểu cùng tột, trí của những hạng người kia dễ hòng biết được nổi! Bọn phàm phu chúng ta ngửa tin lời Phật, y giáo phụng hành, tự được lợi ích chân thật, nếu được nghe pháp môn chẳng thể nghĩ bàn này chính là nhiều kiếp đã trồng sâu thiện căn, huống chi còn tin nhận phụng hành nữa ư?

Truy nguyên, từ khi đại giáo truyền sang Đông, Viễn công sáng lập liên xã, từ đấy trở đi, bậc cao nhân trong Tông, trong Giáo, không ai chẳng hoằng dương, khen ngợi, như Trí Giả, Từ Ân, Thanh Lương, Vĩnh Minh v.v. vì pháp này là môn trọng yếu nhất để nhập đạo cho người sơ cơ, là bước cuối cùng để thành Phật trong kinh Hoa Nghiêm. Do vậy, hạng phàm phu đầy dẫy phiền não nương theo Phật lực để liễu sanh tử, không thể dùng toán số thí dụ để biết được nổi. Nhằm vào thời Nam Tống, bậc tiên đức trong tông ta có cư sĩ Long Thư, tên là Vương Nhật Hưu, tự là Hư Trung, thừa nguyện tái lai, dùng thân thuyết pháp. Tuy sống trong trần tục, nhưng chẳng lập gia đình, tuy đậu quốc học nhưng chẳng làm quan,

phát huy tâm tông Nho - Phật, dạy dỗ hàng đệ tử có đủ lòng tin, lại muốn cho đồng nhân đều cùng sanh Tịnh độ, nên soạn sách này để hướng dẫn rộng khắp. Lời lẽ đơn giản nhưng mẫu mực, lý lẽ sâu xa nhưng rõ rệt, thuận theo căn cơ kém cỏi, khéo léo dẫn dụ dần dần, dốc lòng đau đáu chiều theo tâm họ, không gì chẳng thấu. Sợ họ ngại khó chẳng vào, nên dùng cách thập niệm buổi sáng để làm phương tiện tối thắng nhiếp trọn các căn cơ, đợi đến khi vào sâu dần dần, như được thức ăn ngon lành, đã biết mùi vị, liền đối với những pháp nhật dụng sẽ tự khăng khắng vâng giữ, chỉ nghĩ đến Phật, nào phải chỉ hạn cuộc trong [thời gian niệm Phật chừng bằng] một bữa trà, lấy đó làm nề nếp nhất định. Nếu có thể đầy đủ tín nguyện, cả đời kiên trì thập niệm, ắt quyết định vãng sanh, huống chi lại gia công dụng hạnh!

Chẳng phải chỉ có thế, dù cho hoàn toàn không có tín nguyện, không tu trì, nhưng biết đến thánh hiệu Di-đà thì cũng là thiện căn chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Là vì do biết Phật hiệu nên hễ gặp cảnh đụng duyên, sẽ có thể đề khởi. Như Trần Xí bị oán quỷ là những kẻ từng bị chính ông ta giết chết, kéo đến bức bách; nhờ niệm Phật, quỷ bèn chẳng hiện nữa, do vậy cả đời niệm Phật. Lâm chung vãng sanh lại còn có thể quay trở lại tự thuật tiền nhân, đích thân hiện diệu tướng sanh Tây của chính bản thân. Nếu trước kia, chưa từng được nghe biết danh hiệu Phật ắt sẽ bị quỷ đoạt mạng, mãi mãi luân hồi. Do vậy, tam phước trong Quán kinh thì phước đầu tiên là những điều thiện thế gian, đều có thể dùng để hồi hướng, và trong chín phẩm thì phẩm cuối cùng chính là những kẻ tướng địa ngục đã hiện còn được vãng sanh. Còn những ai nhất tâm bất loạn, diệu quán viên thành, chứng tam-muội mà vãng sanh thì không cần phải bàn đến nữa. Do vậy, biết pháp môn Tịnh độ nhiếp khắp mọi căn cơ hoàn toàn chẳng bỏ sót ai, tốt lành thay, cao quý thay, lớn lao thay!

Sách ấy lấy lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật, ngay trong đời này quyết định được vãng sanh làm Tông. Đọc kỹ sẽ đoạn nghi sanh tín, khuyên khắp mọi người tu trì. Riêng nêu những sự tích vãng sanh để khuyên lơn, cũng như những việc cả một đời cư sĩ Vương đã làm, cuối sách chỉ rõ: thượng trung hạ căn không căn nào chẳng được thâu tóm, ba pháp tín nguyện hạnh không pháp nào chẳng phô bày rõ ràng. Do vậy, bèn khắc in phổ biến rộng khắp để hòng đáp tạ chừng bằng một giọt nước biển trong trần sát[576] "công Phật Thích-ca thuyết

[576] Trần sát là một thuật ngữ trong kinh Hoa Nghiêm, diễn tả số cõi nước Phật nhiều như số vi trần.

pháp, chư Phật chứng minh, liệt tổ truyền đăng, tâm đại từ bi soạn sách của cư sĩ Vương" mà thôi!

10. Tựa chung cho các sách Phật Học Chỉ Nam, Phật Học Khởi Tín Biên và Lục Đạo Luân Hồi Lục

Nhất niệm tâm tánh của hết thảy chúng sanh thật sự không hai không khác với ba đời chư Phật, nhưng do chưa ngộ nên chẳng thể thọ dụng. Vì thế phẩm Như Lai Xuất Hiện trong kinh Hoa Nghiêm có câu: "Hết thảy chúng sanh đều có trí tuệ của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng thì nhất thiết trí, tự nhiên trí, vô ngại trí sẽ được hiện tiền." Nên biết, trí tuệ và vọng tưởng chấp trước vốn chẳng phải là hai vật, mê thì toàn thể trí tuệ biến thành vọng tưởng, chấp trước, ngộ thì toàn thể vọng tưởng, chấp trước biến thành trí tuệ. Ví như nắm bàn tay lại hay xòe bàn tay ra, vốn chỉ là một bàn tay, kết thành băng hay tan thành nước vốn chỉ là một thứ nước. Ấy là do tâm thể bất biến, dụng thường tùy duyên, nhưng thể thường bất biến. Tại phàm chẳng giảm, nơi thánh không tăng, ở trong trần không nhiễm, lìa cấu chẳng tịnh, ở trong sanh tử chẳng bị luân hồi, chứng Niết-bàn nhưng chẳng thuộc tịch diệt. Không có hình tướng nhưng làm chủ của muôn hình tướng, không có pháp nào nhưng là tông của muôn pháp.

Từ trước đến nay, thường tự như như, trọn chẳng có phàm - thánh, chúng sanh - Phật sai khác. Ngộ thì gọi là hiền, chứng thì gọi là thánh. Nếu chỉ sẵn có nhưng chưa ngộ, tuy có tánh đức, trọn chẳng có tu đức thì chỉ là phàm phu luân hồi trong lục đạo mà thôi, do dụng tùy duyên nên có tứ thánh lục phàm[577], khổ vui thăng trầm sai khác. Nhưng duyên có nhiễm tịnh, ắt theo một trong hai thứ đó, theo nhiễm duyên thì khởi hoặc, tạo nghiệp, luân hồi sáu nẻo, theo tịnh duyên thì đoạn hoặc chứng chân, thường trụ Niết-bàn. Do hoặc nghiệp có nặng nhẹ nên có đường lành trời người và đường a-tu-la thiện ác xen tạp, cũng như ba đường ác: súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Do hoặc khởi hoặc, do nghiệp tạo nghiệp, hoặc thiện hay ác, trọn không có tướng nhất định cho nên chỗ thọ sanh lần lượt đổi dời như bánh xe xoay tròn không có khởi đầu, thoạt lên thoắt xuống. Đã có đủ phiền hoặc thì đều bị nghiệp ràng buộc, theo nghiệp thọ sanh, chẳng thể tự chủ.

Do đoạn chứng có nông sâu, nên người đoạn kiến tư thì chứng quả Thanh văn, người dứt được tập khí thì chứng quả Duyên giác, người phá vô minh chứng quả

[577] Tứ thánh là Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật. Lục phàm là trời, người, a-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục.

Bồ-tát, nếu phá sạch hết vô minh, phước tuệ viên mãn, công tu đức đến cùng cực, tánh đức phơi bày trọn vẹn, thì chứng Phật quả. Chứng Phật quả chẳng qua cũng chỉ là chứng triệt để rốt ráo công đức lực dụng sẵn có nơi tâm tánh trong địa vị phàm phu, nay tự thọ dụng được toàn thể mà thôi, chứ chẳng hề thêm mảy may gì vào cái sẵn có ban đầu cả. Như Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát tuy sở chứng cao thấp bất đồng, nhưng đều chưa thể thọ dụng hoàn toàn công đức sẵn có nơi tánh.

Ngược lại, hết thảy phàm phu dùng sức tâm tánh chẳng thể nghĩ bàn này để khởi tham sân si nơi sáu trần cảnh, tạo giết trộm dâm, đến nỗi đọa trong ba ác đạo, vĩnh viễn luân hồi. Toàn là như vậy, chẳng đáng buồn ư? Dù cho tận lực tu ngũ giới thập thiện, được làm thân trời người, nhưng phước lạc trong nhân gian chính là căn bản của đọa lạc. Phiền hoặc trong cõi trời tuy chẳng mãnh liệt sắc bén như trong nhân gian, nhưng một khi phước trời vừa hết, chắc chắn phải sanh xuống cõi thấp hơn. Do túc phước chưa hết, nên được hưởng phước, do hưởng phước bèn tạo nghiệp, đã tạo nghiệp rồi thì phải đọa ác đạo đúng là trong nháy mắt. Huống chi có người do mạng trời đã hết, bèn vì sức của ác nghiệp đời trước đã chín muồi, đọa thẳng vào ác đạo. Do vậy, cổ đức nói người tu hành nếu không chánh niệm tu trì tịnh nghiệp, chỉ được phước báo nhân thiên, gọi là "mối oán đời thứ ba".

Kinh Pháp Hoa dạy: "Tam giới không yên như nhà lửa cháy, các khổ đầy dẫy, thật là đáng sợ!" Người biết tốt xấu ắt sẽ coi chuyện gấp cầu thoát lìa, hòng được an ổn là kế sách bậc thượng. Đại trượng phu sanh trong thế gian, đã biết một niệm tâm tánh của chính mình không khác gì chư Phật, lại biết nhân quả tu chứng trong mười pháp giới chẳng ra ngoài tự tâm. Cho nên, sẽ phát tâm đại Bồ-đề, tận lực tu định tuệ, mong đoạn hoặc chứng chân, thành ngay Phật đạo, khiến cho chúng sanh trong khắp pháp giới cùng ra khỏi đường mê, cùng lên bờ giác, rốt ráo tự chứng được tâm tánh vốn sẵn có mới thôi. Nếu là kẻ căn cơ kém cỏi, chưa thể làm được như thế, thì phải dùng lòng tín nguyện sâu dốc sức tu tịnh nghiệp, nương vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Để đến khi chứng Vô sanh nhẫn, lại nương theo nguyện trở lại độ thoát chúng sanh. Nhưng trước lúc vãng sanh phải phát tâm Bồ-đề, tự hành, dạy người, dẫu chẳng thể hiện tướng lưỡi rộng dài, vang rền tiếng hải triều thì cũng nên đối với kinh luận của Phật, tổ, di thư của bậc tiên hiền, tìm lấy bộ nào khế lý khế cơ, dễ dàng lãnh hội được, biên tập thành sách để lại cho tương lai. Phàm là nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi và công đức tam bảo, lợi ích của Phật pháp, và "đạo độ khắp ba căn, pháp phàm thánh cùng tu", bèn

phân môn chia loại, trình bày phân tích rạch ròi, khiến cho người đọc xem đến, tự nhiên tự biết chỗ lấy bỏ. Từ đó đoạn nghi sanh tín, quy tâm đại giác, hoặc là liễu sanh tử ngay trong đời này, hoặc trở thành nhân duyên đắc độ trong vị lai.

Nếu không có được tai mắt ấy, chớ nên mạo muội theo đuổi, hãy nên khắc in lưu truyền các sách khế lý khế cơ của cổ nhân, ngõ hầu những sách ấy được lần lượt truyền bá, xiển dương, vĩnh viễn dùng làm thuyền từ, quả thật không còn công đức nào lớn hơn. Những điều vừa nói trên đây tuy chí nhằm lợi người, nhưng công giáo hóa thật sự quy về chính ta. Do vậy, trong đời hiện tại phước tuệ tăng cao, lâm chung lên thẳng thượng phẩm. Há chẳng phải là bậc trượng phu đường đường, oai nghi tốt lành rạng rỡ hay sao? Nếu không biết nghĩa này, chỉ căn cứ theo thế đế tu dưỡng, dẫu cho đời này nắm thật vững đạo "ý thành tâm chánh", chỉ e một khi chuyển sang đời khác lại bị mê hoặc, bị nghiệp buộc ràng, theo nghiệp thọ báo. Như lá cuốn theo gió đùa chẳng thể tự chủ, hoặc rơi trên nệm, hoặc rớt vào nhà xí. Nghĩ rồi chẳng thấy thật đáng sợ lắm ư?

Cư sĩ Đinh Phước Bảo chuyên tinh học y kể đã mấy năm, kế đó nghĩ bệnh sanh từ thân, thân do nghiệp sanh, nghiệp do tâm sanh. Nếu chỉ trị thân, quả thật chẳng phải là đạo nhổ rễ lấp nguồn rốt ráo vậy. Do vậy bèn nghiên cứu Phật học, tiên chú[578] các kinh, muốn cho hàng sơ cơ dễ lãnh hội, nên dùng phương cách huấn hỗ[579] của Hán Nho sao cho dù văn hay nghĩa đều thông suốt. Ấy là vì kinh Phật sâu xa, uyên áo, ý nghĩa vô cùng, chú sớ của cổ đức đa phần chú trọng nêu lên cương lãnh, xiển dương chỗ nhiệm mầu, không giải thích tường tận từng câu từng chữ, khiến cho hàng sơ cơ thật khó thể lãnh hội. Nếu dùng phương pháp huấn hỗ để nhập môn thì sẽ tự có thể đăng đường nhập thất, sau đấy mới nghiên cứu chú sớ của cổ đức ắt sẽ như mặt trời chói lọi giữa không trung, không điều gì nhỏ nhặt chẳng chiếu thấu, bất tất phải chấp [những gì được giải thích sơ khởi] ở đây là rốt ráo vậy.

Lại do Nho gia trong đời quen chấp vào sự thấy nghe, không tin con người chết đi thần minh bất diệt, không tin những chuyện nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo. Người bậc thượng chỉ có thể làm kẻ tự lo giải thoát cho chính mình, hoàn toàn chẳng thể thay đổi phong tục, giác thế dạy dân[580]. Kẻ bậc hạ bèn cho rằng

[578] Tiên chú: Chú thích, giải thích ý nghĩa kinh điển.
[579] Huấn hỗ là giải thích ý nghĩa văn tự: Từ giải thích từng chữ đến giải thích trọn vẹn ý nghĩa cả đoạn văn, cả chương sách. Vận dụng những từ ngữ bình dị, thông dụng để giải thích những văn chương, trước tác phức tạp.
[580] Nguyên văn *"giác thế phiến dân"* (làm cho cõi đời tỉnh giác, khai thông dân trí).

“đã không có nhân quả, chết đi bèn vĩnh viễn diệt mất”, sao không muốn điều gì bèn làm điều đấy để cả một đời này được khoái lạc ư? Từ đó, phóng túng không kiêng dè, yên tâm làm ác, đến nỗi thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống. Do vậy, ông Đinh đem tất cả sự tích rõ ràng về nhân quả báo ứng trong kinh luận của Phật, tổ và các di thư của những bậc hiền nhân tăng tục xưa nay chép thành ba bộ:

1) Thứ nhất là Lục Đạo Luân Hồi Lục, nhằm chỉ rõ chuyện thăng trầm trong lục đạo về mặt lý lẫn mặt sự, những cảnh tượng trong chốn u minh, trạng huống của quỷ thần. Đồng thời chỉ rõ muốn thoát khỏi nỗi khổ trong đường tăm tối, mà bỏ đại pháp của Như Lai thì hoàn toàn chẳng thể nương cậy vào đâu được. Quả là bộ sách cải ác tu thiện, xả mê quy ngộ, kính cẩn sùng mộ Phật pháp, là bước ban đầu khiến cho người ta hâm mộ chân thừa.

2) Bộ kế tiếp tên là Phật Học Khởi Tín Biên, bộ kế đó là Phật Học Chỉ Nam, ý chỉ của hai cuốn sách này gần giống nhau. Trước hết, nói về nhân quả báo ứng, tiếp đến nói về công đức Phật pháp; nhưng chỗ khác nhau là bộ Khởi Tín chú trọng vào nghĩa đầu tiên, còn bộ Chỉ Nam chú trọng vào nghĩa thứ hai. Những công đức Phật pháp được nhắc đến trong sách cũng đều sao lục từ sách vở của những bậc cao nhân dật sĩ, nhưng vì hạn cuộc vào từng thiên, nên không khỏi bị thiếu sót. Nhưng nếu tín căn đã sanh thì đã có đủ Đại tạng kinh luận và sách vở của thánh hiền tồn tại để tham khảo. Sách này chẳng qua là sách nhập môn để dẫn người ta tiến vào Phật pháp, há nên vin vào đây rồi tự giới hạn mình, ngừng lại không tiến tới nữa! Thuật lại những sự ấy, tấm lòng ấy quả thật rộng lớn, lợi ích quả thật chẳng thể nghĩ bàn được.

Quang túc nghiệp sâu nặng, có mắt như mù, lạm dự vào tăng chúng, uổng hưởng của tín thí, thẹn chẳng có năng lực tu định tuệ đoạn hoặc chứng chân, chỉ mong nương theo Phật từ lực, mang nghiệp vãng sanh. May sao ông Đinh chẳng vì đó mà chê bỏ, hễ có trước thuật gì đều gởi đến cho, nhưng chữ nhỏ mắt quáng, bất quá giở xem qua loa để kết duyên tùy hỷ mà thôi. Gần đây, được thấy ba bộ sách này, khôn ngăn cảm động, muốn lưu truyền rộng rãi, hiềm là nghèo không chỗ cắm dùi, bèn chẳng nề hà kém cỏi, viết tựa giới thiệu đại lược. Mong sao nơi nơi chốn chốn, những người có tâm lo cho thế đạo sẽ lần lượt lưu thông, truyền bá nhiều nơi. Như thế chẳng những sẽ thỏa lòng đúc kết, biên tập của ông Đinh, mà quả thật còn là thay cho Phật, tổ, hiền nhân, hiện tướng lưỡi rộng dài rền tiếng hải triều không ngớt vậy. Sẽ thấy phong tục đổi thay, nhanh chóng đạt đến đại đồng bình trị, dân hòa, thời thế tốt đẹp, cùng hưởng niềm vui vô vi. Công đức lợi ích ấy sẽ có thọ lượng bằng với mười phương hư không, há có thể dùng văn tự

ngôn ngữ để hình dung được nổi ư? Nếu chẳng vì người kém cỏi mà vứt bỏ hoàn toàn lời này thì may mắn lắm thay!

11. Lời tựa tái bản bộ An Sĩ Toàn Thư (lời tựa thứ nhất)

Cái đạo sẵn có trong tâm chúng ta lớn lao thay, pháp sẵn có trong tâm chúng ta nhiệm mầu thay! Tịch chiếu bất nhị, chân tục viên dung, ly niệm ly tình, bất sanh bất diệt, đó gọi là "có mà chẳng có, không có mà có", hoặc "không mà chẳng không, chẳng không lại không." Chúng sanh và Phật đều do đây mà ra, thánh hay phàm đều chẳng thể diễn tả được. Giống như gương sáng trọn chẳng có một vật nào, nhưng hễ Hồ đến, Hán hiện[581], như các tướng xa xôi trong thái hư chẳng trở ngại mặt trời chiếu qua mây đùn. Đấy chính là "nơi thật tế lý địa chẳng nhiễm mảy trần, trong tâm bổn giác có đủ trọn vẹn các pháp", đấy chính là vô thượng giác đạo do đức Như Lai đã chứng, đó cũng là chân tâm thường trụ của chúng sanh đang mê.

Tam giáo thánh nhân nương theo tâm tánh này, đều lưu lại ngôn giáo, rộng hướng dẫn quần manh. Do vậy, Ni Sơn[582] nêu ý chỉ "thành minh" sâu xa để làm đường lối tu - tề - trị - bình; Trụ Sử[583] nói Đạo Đức Kinh, chỉ bày thuật trường sanh; Đại Giác Thế Tôn xứng pháp giới tánh, chỉ bày tâm chân như, diễn giảng đạo "nghịch trần hiệp giác", lập tông "bất sanh bất diệt". Tuy cạn sâu, lớn nhỏ bất đồng, thế gian, xuất thế gian khác biệt, nhưng chủ yếu đều chẳng ngoài việc phát huy, diễn bày thông suốt cái lý sẵn có trong tâm chúng ta khiến cho khắp các hàm thức đều xứng tánh khởi tu, do tu hiển tánh, tiêu tan huyễn vọng vốn dĩ không có, khôi phục thiên chân sẵn có, vĩnh viễn thoát đường mê, chứng ngay lên bờ giác mới thôi.

Văn Xương Đế Quân trong đời xa xưa, tâm giữ vẹn ngũ thường, tận lực phụng trì tam giáo, tự hành, dạy người, chỉ muốn đạt đến chí thiện, công cao đức cả, nên bèn được cai quản văn học. Chỉ sợ hàng mạt học vô tri, mê muội tánh thường trụ bao kiếp, bèn soạn văn dạy dỗ rộng rãi, thuật chuyện mười bảy đời về trước. Diệu nghĩa vô tận, ai lường được uyên nguyên. Chú giải dẫu nhiều, chẳng thể phô bày

[581] Nói gọn của câu "Hồ đến Hồ hiện, Hán đến Hán hiện"
[582] Ni Sơn là tên một ngọn núi ở quê Khổng tử. Cha mẹ ngài cầu tự được ngài từ núi này nên Khổng tử có tên tự là Trọng Ni.
[583] Trụ Sử là gọi tắt của Trụ Hạ Sử, là một chức quan thời nhà Chu, nhà Tần, tương đương với chức quan Ngự Sử thời Hán. Lão Tử Lý Đam từng làm chức quan này thời Chu. Như vậy, Trụ Sử ở đây chính là Lão tử.

hết lẽ uyên áo mênh mông. Cho nên ngàn đời trước, ngàn đời sau, người dạy dỗ, kẻ được dạy dỗ thảy đều nuối tiếc chưa thỏa ý.

Tiên sinh An Sĩ xưa đã trồng cội đức, thừa nguyện tái lai, xem rộng rãi cùng tột các sách, thâm nhập kinh tạng, tự đặt trách nhiệm tỉnh giác cõi đời, khai hóa dân trí, giữ thân tốt đẹp, thay đổi phong tục để nêu khuôn mẫu tốt đẹp. Dùng học thức kỳ tài diệu ngộ, dùng tâm pháp Linh Sơn - Tứ Thủy[584] để soạn bản chú giải cho bài văn tùy cơ thuyết pháp của Đế Quân, khiến cho kẻ nhã, người tục cùng được xem. Lý vốn nơi tâm, từ ngữ nêu được chỗ trọng yếu, dẫn chứng sự thật, xé toạc mây mê nơi cõi ý, xiển dương nghĩa lý, ý chỉ, giương cao vầng mặt trời trí tuệ trên bầu trời tâm tánh, khiến cho người đọc đối với pháp gì, chuyện gì cũng đều có chỗ để phỏng theo, tâm tâm niệm niệm thường biết kinh sợ, dè dặt. Thật là đã vạch toang tấm lòng đau đáu của Đế Quân, giãi bày hết cả ra, ngõ hầu ngàn đời trước, ngàn đời sau, người dạy dỗ, kẻ được dạy dỗ đều thỏa thích, không còn nuối tiếc mảy may gì nữa.

Nhưng bi tâm chưa hết, từ nguyện chẳng cùng, muốn khiến cho nhân dân đề cao lòng trung hậu, khoan thứ như đối với người ruột thịt, dứt đao binh, hưởng tuổi trời, giữ lễ nghĩa để vẹn luân thường, chuộng đức, xa lìa sắc đẹp. Do vậy, ông bèn soạn bộ sách răn kiêng giết tên là Vạn Thiện Tiên Tư, bộ sách răn kiêng dâm tên là Dục Hải Hồi Cuồng, ấy là vì người đời sát nghiệp nhiều nhất, dâm nghiệp dễ phạm. Do vậy, chẳng ngại phiền nhọc, ra rả khuyên răn. Lại vì tu tràn lan những chuyện lành thế gian chỉ được phước trời người, khi hết phước sẽ đọa lạc, khổ độc làm sao dứt cạn cho được? Do vậy, từ những kinh luận Tịnh tông, ông chọn lấy những lời lẽ phù hợp căn cơ, gộp thành một bộ sách, đặt tên là Tây Quy Trực Chỉ, khiến cho khắp những ai giàu sang, nghèo hèn, già trẻ, trai gái, dù trí hay ngu, dù tăng hay tục, đều cùng niệm A-di-đà Phật cầu sanh Cực Lạc, thoát khỏi luân hồi, lên thẳng Bất thoái, từ tạ những nỗi khổ do vọng nghiệp cảm thành, hưởng sự vui tâm ta sẵn có.

Ba bộ sách trước tuy giảng về việc tu hành điều thiện thế gian, nhưng cũng có pháp liễu sanh thoát tử, bộ sách cuối cùng này tuy nói về pháp liễu sanh tử, nhưng cũng phải tu hành các thiện pháp thế gian. Còn như những chuyện thuận lý dẫn đến điều lành, trái nghịch dẫn đến điều xấu đều phân tích rạch ròi, dứt nghi, giải

[584] Tứ Thủy là tên một con sông ở tỉnh Sơn Đông, chảy qua huyện Khúc Phụ, quê hương Khổng tử. Khổng tử là người nước Lỗ (nay thuộc địa phận tỉnh Sơn Đông). Sau khi tạ thế, ngài được chôn cạnh sông Tứ Thủy. Ở Sơn Đông, nay cũng có huyện Tứ Thủy. Như vậy, "dùng tâm pháp Linh Sơn Tứ Thủy" chính là dùng tâm pháp của Phật và Nho.

đáp những vấn nạn, lý trọn, văn khéo. Nỗi niềm lay động kẻ điếc, làm sáng mắt người mù càng thống thiết hơn cứu người bị chết đuối hay đang bị lửa thiêu. Thật có thể nói là dựng thiên địa, lập quỷ thần, bổ trợ sáu kinh, nâng đỡ danh giáo, đáng là bộ kỳ thư tốt lành nhất trong đời, chẳng thể xem giống như những bộ thiện thư tầm thường khác. Nếu bảo tiên sinh chẳng phải là Bồ-tát thừa bổn nguyện luân, hiện thân cư sĩ, thuyết pháp độ sanh thì tôi chẳng tin.

Bất Huệ lúc bé đọc sách Nho, chẳng biết tâm truyền của Khổng Mạnh, lớn lên học Phật thừa, chưa ngộ được tánh thể của Như Lai. Đến nay tuổi sắp tri mạng (năm mươi), kiến giải như nhìn vào vách, chỉ có cái tâm ham thiện, chẳng có mảy may sức lợi người gì, muốn đem sách này in khắc lưu truyền, hiềm rằng nghèo không chỗ cắm dùi, lại lười mộ duyên, do vậy nhiều năm chưa thỏa được nguyện. Cư sĩ Lý Thiên Quế ở Tây Thục có linh căn từ xưa, dốc lòng hành thiện mong chứng đắc vô thượng Phật pháp, đến triều bái danh sơn Phổ Đà. Ở Pháp Vũ Thiền Tự, ngẫu nhiên gặp gỡ, nếu không có sẵn túc duyên, sao lại giải cấu[585] như thế? Ông bèn khuất mình hỏi pháp, cầu xin lẽ xuất yếu (đạo lý trọng yếu để giải thoát). Nhân đó, tôi bèn dạy "tận lực giữ luân thường, tinh tu tịnh nghiệp, tự lợi lợi tha, chỉ lấy đó làm trọng". Nếu có thể tận lực thực hành không tỳ vết thì mới cảm hóa được đồng nhân, nếu hành vi chẳng phù hợp lời nói thì phụng pháp lại trở thành hoại pháp. Những kẻ chẳng tu đức thế gian, chẳng tận lực làm lành, không phải là vì không có tư chất để tu đức, làm lành, mà là vì không có thầy tốt bạn lành để hướng dẫn. Nên bèn tặng cho ông ta cuốn sách này, bảo hãy đọc kỹ, chăm chú sao cho hành vi cử chỉ của mình đều phù hợp với những gì được chỉ bày, dạy dỗ trong sách này, không sai khác chút xíu nào thì mới nên. Ông ta khác nào được vật quý báu nhất, mừng rỡ khôn cùng, phát nguyện khắc in để rộng lưu truyền, lại xin tôi viết tựa để bảo khắp đồng nhân. Do vậy chẳng nề hà kém cỏi, lược thuật đầu đuôi. Những ai có chí thờ vua giúp dân, tu thân, tề gia, dạy con cháu mong thành thánh thành hiền, ngộ tâm tánh liễu sanh tử thì xin hãy đọc kỹ rồi tận lực thực hành, đừng cho lời tôi là hư vọng, sai quấy vậy!

12. Lời tựa tái bản bộ An Sĩ Toàn Thư (lời tựa thứ hai)

Hai nghiệp dâm sát chính là căn bản sanh tử của hết thảy chúng sanh, khó đoạn nhất chỉ có dâm, dễ phạm nhất chỉ có sát. Trong hai thứ này, đối với dâm thì những ai biết tự ái đôi chút còn có thể tự chế chẳng phạm, nhưng muốn cho ý

[585] Giải cấu: Vô tình gặp gỡ nhau. Truyện Kiều có câu: "May thay giải cấu tương phùng. Gặp tuần đố lá thỏa lòng tìm hoa."

địa thanh tịnh, trọn chẳng có mảy may gì thì chỉ bậc A-la-hán đoạn hoặc chứng chân mới có thể làm được. Còn ngoài ra, tuy tập khí ái nhiễm dày mỏng khác nhau, nhưng đều đã cố kết triền miên trong tâm thức, từ kiếp này sang kiếp khác, chưa thể giải thoát. Sát thì thế gian đều coi là chuyện đương nhiên, cậy mình mạnh, lấn áp kẻ yếu, dùng thịt chúng nó để no bụng mình, chỉ cốt sướng miệng một lúc, ai tin phải bao kiếp đền bồi? Kinh Lăng-nghiêm dạy: "Do người ăn dê, dê chết thành người, người chết thành dê. Như vậy cho đến mười đời, chết chết sống sống, ăn nuốt lẫn nhau, do ác nghiệp cùng nhau sanh cho đến cùng tột đời vị lai." Cổ đức nói: "Muốn cho thiên hạ không binh kiếp, trừ phi chúng sanh không ăn thịt." Lại nói: "Muốn biết kiếp đao binh trong thế gian, hãy nghe tiếng lò mổ thịt nửa đêm."

Đã có nhân ấy ắt phải chuốc lấy quả ấy, chẳng nghĩ đến thì thôi, hễ nghĩ tới bèn rất sợ hãi. Tiên sinh An Sĩ kính vâng lời Phật sắc truyền, riêng rủ lòng từ mẫn, do vậy soạn bộ Dục Hải Hồi Cuồng để răn kiêng dâm, soạn bộ Vạn Thiện Tiên Tư để răn kiêng giết. Dẫn chứng sự thật, nêu rõ nhân quả, thiết tha mong người khắp cõi đời cùng giữ tấm lòng chân thật "cha trời mẹ đất, coi dân như ruột thịt, nghĩ loài vật cũng như mình", vĩnh viễn dứt bỏ chuyện thương tổn thuần phong, loạn hoại luân lý, dứt ác niệm cậy mạnh hiếp yếu. Lại muốn cho đồng nhân đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, do vậy bèn chú thích tường tận bản Âm Chất Văn của Văn Xương Đế Quân, để những hành vi thường ngày, khởi tâm xử sự, chuyện lớn như trị quốc an dân, chuyện nhỏ như một lời, một niệm, đều tuân thủ theo lời dạy răn, đều giữ khuôn phép. Do vậy, thuyết "giữ lòng kính, dè dặt, cẩn thận, chánh tâm thành ý" của cổ thánh tiên hiền chẳng đến nỗi thành chuyện bàn suông mà thôi. Ba bộ sách trên đây văn từ, lý lẽ, không gì chẳng trội tuyệt xưa nay, bổ trợ kinh điển, giúp cho bình trị.

Bởi tiên sinh do kỳ tài diệu ngộ, dùng bút mực phát huy tâm pháp của Phật, tổ, thánh hiền, cho kẻ nhã lẫn người tục cùng xem vậy. Tuy nhiên, người đã có thể kiêng dâm, kiêng sát, không làm các điều ác, vâng làm các điều lành, nhưng nếu chẳng liễu sanh thoát tử, làm sao đảm bảo đời đời kiếp kiếp chẳng quên mất tu trì? Người luôn sanh trong thiện đạo, rộng tu phước tuệ, chẳng đọa đường ác để đền trả lẫn nhau, há được mấy ai? Liễu sanh thoát tử, nào có dễ đâu? Chỉ người tận lực tu định tuệ, đoạn hoặc chứng chân thì mới có thể rốt ráo tự do. Ngoài ra, dù có tôn quý như Thiên đế, tột bậc là trời Phi Phi Tưởng, phước thọ tám vạn đại kiếp, vẫn thuộc trong vòng trói buộc của nghiệp lực thiện ác, bị nghiệp lực thiện ác xoay chuyển!

Do vậy, riêng nương theo một pháp "cậy vào Phật từ lực, mang nghiệp vãng sanh" của đức Như Lai, thu thập rộng rãi những nghĩa trọng yếu trong kinh luận Tịnh độ, soạn thành một bộ sách, đặt tên là Tây Quy Trực Chỉ. Nếu đọc đến sách này, tin tưởng chắc chắn không nghi, sanh tín, phát nguyện, cầu sanh Tây Phương, bất luận căn cơ lợi hay độn, tội nghiệp nặng hay nhẹ, cũng như công phu cạn hay sâu, cốt sao tín nguyện chân thành thiết tha, trì danh hiệu Phật, đến lúc lâm chung không ai chẳng được Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Đã vãng sanh bèn siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, ngộ tự tâm ngay trong đương niệm, chứng giác đạo trong tương lai.

Nghĩa lý, lợi ích ấy chỉ có chứng mới biết được, cố nhiên ngòi bút chẳng thể diễn tả được nổi. Điều này thuộc về chuyện dùng tín nguyện của chính mình để cảm Phật từ bi, cảm ứng đạo giao, đạt được lợi ích lớn lao như thế. So với chuyện cậy vào tự lực để đoạn hoặc chứng chân liễu sanh thoát tử thì khó dễ khác biệt vời vợi như trời với đất.

Hiện nay, các nước bên phương Tây đại chiến đã mấy năm, nước ta thoạt đầu do ý kiến bất đồng, rốt cuộc thành Nam Bắc đánh lẫn nhau. Lại thêm mấy năm qua, những tai nạn như nước dâng, gió bão, hạn hán, lụt lội, động đất, thổ phỉ, ôn dịch… liên tiếp xảy ra. Tính ra số người thương vong trong nước, ngoài nước không dưới vạn vạn người, đau lòng buốt óc, thảm chẳng nỡ nghe! Bất Huệ lạm dự vào tăng chúng, chưa chứng đạo quả, chỉ giữ tấm lòng thương đời, chẳng có sức cứu người mảy may. Có vị đồng hương là tiên sinh Cần Phố Lưu Tại Tiêu, là người thanh cao, đời đời đạo đức, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, mùa hạ năm nay lên núi gặp gỡ, bàn đến những sự tình trong nước ngoài nước gần đây, buồn bã hỏi: "Có diệu pháp gì để cứu giúp hay chăng?" Tôi nói: "Đây là quả khổ, quả ắt phải có nhân, nếu muốn cứu khổ thì phải đoạn trừ nhân, hễ đoạn được nhân thì quả không do đâu sanh được. Vì thế kinh dạy: 'Bồ-tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả'." Bèn đưa bộ An Sĩ Toàn Thư cho ông xem, mong hãy khắc in lưu truyền rộng rãi, khiến ai nấy đều được thấy nghe, cùng lên bờ giác. Tiên sinh mừng rỡ khôn cùng, liền sai người cháu là Triệu Bộ Vân bỏ ra bảy trăm đồng, xin tôi thay ông ta đảm nhiệm chuyện ấn tống.

Nhớ năm Mậu Thân xưa kia, từng khuyên ông Lý Thiên Quế khắc bản tại đất Thục (Tứ Xuyên), ông ta liền xin tôi viết tựa. Về sau, nhân duyên không đủ, rốt cục việc chẳng thành. Nay được ông Lưu kiên quyết tán thành, quả chẳng phải là duyên nhỏ. Trộm thấy những lời hay cải ác hướng lành trong Liễu Phàm Tứ Huấn,

bài ký Du Tịnh Ý[586] là hạnh tốt đẹp chí thành thấu trời, phát huy sự lý công phu tu dưỡng, thật là đẹp đẽ, thuần thành, tinh tường, trọn vẹn, nhân đó đem ghép vào sau bộ Âm Chất Văn Quảng Nghĩa gồm ba cuốn. Bài văn Giới Sát Phóng Sanh của đại sư Liên Trì là bậc chúa soái từ bi diệt sạch ma quân tàn nhẫn, bài tụng Bất Tịnh Quán của ngài Tỉnh Am v.v. là mãnh tướng tịnh hạnh diệt trừ ma quân tham dục, bài văn Khuyến Phát Bồ-đề Tâm của ngài Tỉnh Am là thuyền từ phổ độ chúng sanh trầm luân trong biển khổ, do vậy xếp những bài này vào sau ba thứ pháp môn[587]. Ví như gấm dệt thêm hoa, đặt đèn cạnh gương, rực rỡ chói ngời, vui mắt đẹp dạ người ta. Nếu như đọc đến, ắt những ý niệm chẳng trung hậu, chẳng khoan thứ sẽ đột nhiên băng tiêu, tâm tự lợi lợi tha đột nhiên như mây nhóm. Từ đó từng bước càng thù thắng hơn, càng vào càng sâu hơn, phàm tình trở thành thánh trí mà chẳng biết chẳng hay, ngõ hầu liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn thoát luân hồi, tận mặt lễ Phật Di-đà, đích thân được thọ ký. Kính vì những người đọc sách này mà chúc mừng rằng: "Chìm trong biển khổ đã lâu, chợt gặp được thuyền từ, tuân hành trung thứ, quy mạng Giác Hoàng[588], tín chân nguyện thiết, hết chấp quên tình, cảm ứng đạo giao, hầu Vô Lượng Quang." Những điều khác đã nói tường tận trong lời tựa viết năm Mậu Thân, ở đây không nhắc lại.

13. Lời tựa đúc bản kẽm lưu thông sách Tứ Huấn của ông Viên Liễu Phàm

Đạo thánh hiền chỉ có thành và minh. Phân ra thánh và cuồng chỉ trong một niệm, thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được niệm bèn thành thánh. Để hình dung sự thao túng được mất thì ví như thuyền chèo ngược nước, chẳng tiến ắt lùi, không thể không gắng sức tu dưỡng, không sanh phóng túng chút nào. Phải biết một chữ thành chính là chân tâm cả thánh lẫn phàm đều có, giống hệt như nhau, không hai, một chữ minh là hàm dưỡng[589] phản tỉnh, là đạo để từ phàm đạt thánh. Trong địa vị phàm phu, trong sanh hoạt thường nhật, vạn cảnh xen lẫn, nếu chẳng quan sát nhận biết sẽ khó tránh khỏi những tình tưởng trái lý nảy sanh trong chớp mắt. Tưởng ấy đã sanh, chân tâm liền bị ngăn lấp, những việc làm cử chỉ đều đánh mất lẽ trung chánh.

---

[586] Tức bài ký Du Tịnh Ý Gặp Táo Quân, là một tác phẩm khuyên đời, không rõ ai là tác giả, có nội dung khuyên con người tin sâu nhân quả, vui theo mạng trời, cải ác hướng thiện.
[587] Ba thứ pháp môn ở đây chỉ Âm Chất Văn Quảng Nghĩa, phần trích lục từ Liễu Phàm Tứ Huấn và bài ký Du Tịnh Ý.
[588] Giác Hoàng là một danh hiệu tôn xưng đức Phật, có nghĩa là vị giác ngộ tối thắng nhất.
[589] Nguyên văn là "tồn dưỡng", ngụ ý tu dưỡng, kiềm chế vọng niệm, huân tập thiện niệm, thiện tâm.

Nếu chẳng một phen dùng công phu thiết thực để khắc chế, trừ khử cho hết sạch thì ngày càng đi xuống, không biết đến đâu là cùng tận. Uổng để cái tâm làm thánh chìm đắm mãi mãi trong phường hạ ngu, chẳng đáng buồn ư? Nhưng làm thánh chẳng khó, chỉ là tự làm sáng minh đức, muốn làm sáng minh đức thì phải khởi đầu từ cách vật trí tri. Nếu chẳng thể cực lực cách trừ (trừ bỏ) những sự ham muốn của con người thì chân tri vốn có chắc chắn khó thể triệt để hiển hiện. Muốn cho chân tri hiển hiện thì trong lời lẽ hành vi hằng ngày phải thường khởi giác chiếu, chẳng để cho hết thảy tình tưởng trái lý tạm chớm trong tâm, thường khiến cho tâm này rỗng sáng thông suốt, như gương đặt trên đài, hễ có cảnh liền hiện bóng, chỉ chiếu cảnh trước gương, chẳng bị cảnh chuyển. Xấu tốt tự nó, can chi đến ta? Đến chẳng mong ngóng, đi không lưu luyến. Nếu tình tưởng trái lý vừa mới chớm nảy, liền nghiêm ngặt đối trị, trừ khử cho hết sạch, như đối địch cùng quân giặc, chẳng những không cho chúng xâm lấn lãnh thổ của mình, mà còn chém tướng đoạt cờ, trừ sạch dư đảng.

Về cách cầm quân thì chính mình phải nghiêm ngặt gìn giữ, đừng lười nhác, đừng coi thường. Khắc kỷ, giữ lễ, trọng lòng kính, giữ lòng thành, khí giới phải dùng đến "bốn điều không" của Nhan Tử[590], "ba lượt phản tỉnh"[591] của Tăng Tử, cách "ít lỗi biết sai" của Cừ Bá Ngọc, lại thêm dè dặt, kiêng sợ như đang đi vào vực sâu, như đi trên băng mỏng, thì quân oai lan xa, tặc đảng kinh hãi, sợ bị tàn sát diệt chủng, mong được hưởng hồng ân vỗ về. Do vậy kéo nhau đầu hàng, quy thuận, chịu giáo hóa, đổi hết tâm trước, dốc lòng tu đức sau. Tướng không ra khỏi nhà, binh không đổ máu, toàn bộ giặc thù đều thành con đỏ, kẻ phản nghịch đều thành dân lành. Trên hành, dưới bắt chước theo, toàn cõi yên bình, chẳng dấy can qua, ngồi hưởng thái bình.

Những điều vừa nói trên đây là do cách vật (trừ khử vật dục) nên trí tri (hiểu thấu suốt). Do trí tri nên tự nhiên sáng tỏ đức sáng, thành và minh nhất trí, phàm biến thành thánh. Nếu như căn khí kém hèn, chưa thể đạt được hiệu quả, thì hãy nên bắt chước ông Triệu Duyệt Đạo, ban ngày làm điều gì, tối đến ắt thắp hương

---

[590] Nhan Tử tức Nhan Hồi (Nhan Uyên), một người học trò nổi tiếng của Khổng tử. Theo sách Luận Ngữ, Nhan Uyên hỏi Khổng tử thế nào là khắc kỷ giữ lễ, Khổng tử đáp: *"Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động"* (phi lễ thì không ngó, phi lễ thì không nghe, phi lễ thì không nói, phi lễ thì không làm). Bốn điều này về sau thường gọi là *"Nhan Tử tứ vật"* (bốn điều không của Nhan Uyên).

[591] Tăng Tử tên là Sâm, tự Tử Dư, là người học trò khác của Khổng tử. Theo sách Luận Ngữ, ông thờ mẹ chí hiếu, mỗi ngày thường tự ba lần phản tỉnh để xét lỗi mình. Tuy tư chất không thông duệ bằng những học trò khác, ông được coi là người thực sự nắm được đạo trung thứ của Khổng tử.

tâu cùng Thượng đế, chuyện gì chẳng dám báo thì chẳng dám làm. Viên Liễu Phàm không làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Mạng do chính ta lập, phước do ta tự cầu, khiến cho tạo hóa chẳng thể chuyên quyền độc đoán. Thọ trì Công Quá Cách, phàm khởi tâm động niệm và ngôn ngữ hành vi, thiện ác mảy may đều nhớ, để mong thiện ngày một tăng, ác ngày một giảm. Thoạt đầu thì thiện ác xen tạp, lâu dần sẽ chỉ có thiện không ác. Vì thế, có thể chuyển vô phước thành có phước, chuyển yểu thọ thành trường thọ, chuyển không con cháu thành đông con cháu. Hiện đời đã dự vào hạng thánh hiền, báo hết cao đăng cõi Cực Lạc. Hạnh làm khuôn mẫu cho đời, lời lẽ làm pháp tắc cho đời. Người ta là trượng phu, ta cũng là trượng phu, sao lại tự khinh, đành chịu thua kém?

Nếu có kẻ hỏi:

- "Cách vật" là cùng tận cái lý của sự vật trong thiên hạ, "trí tri" chính là thúc đẩy tri thức của chúng ta đến tột bậc, sao cho mỗi mỗi đều hiểu rõ. Sao lại coi lòng ham muốn của con người là vật, coi chân tri là tri, coi khắc phục, đối trị không cho vật dục hiển hiện là cách trí vậy?

Đáp:

- Thành và minh đức đều là ước theo bản thể của tự tâm mà nói, danh tuy có hai, vốn chỉ là một. Nói tri và ý tâm là gộp chung thể và dụng của tự tâm để nói, chứ thật ra cả ba điều này đều là một. Cách, trí, thành, chánh, minh (ở đây chỉ "minh" trong "minh minh đức" và "minh" trong "thành minh"), năm thứ này đều ước trên phương diện dứt lòng tà, giữ lòng thành, phản vọng quy chân mà nói. Trong công phu kiểm điểm, phản tỉnh, quán sát, tu tập thì *minh* là cương lãnh chung, *cách, trí, thành, chánh* là những mục riêng vậy. Tu thân, chánh tâm, thành ý, trí tri do vậy đều là "minh minh đức" (làm sáng tỏ đức sáng). Nếu chân tri sẵn có nơi tự tâm bị vật dục che lấp thì ý chẳng thành, tâm chẳng chánh. Nếu có thể trừ khử được thì gió tuệ quét sạch mây chướng, tâm nguyệt riêng sáng vằng vặc giữa trời. Đây chính là thánh nhân dạy cho con người thứ tự quyết định từ lan man hướng đến thiết thực, từ sơ đến thân vậy.

Nếu phải hiểu cùng tận cái lý của sự vật trong thiên hạ khiến cho tri thức nơi tâm ta đã rõ thấu hết cả rồi mới có thể thành ý thì chỉ những người đọc rộng các sách, đi khắp thiên hạ mới có thể thành ý chánh tâm để làm sáng tỏ minh đức. Những người chưa thể đọc rộng các sách, đi khắp mọi nơi, dẫu có thiên tư thuần hậu cũng chẳng có phần nơi chánh tâm thành ý, huống gì những kẻ kém cỏi hơn họ ư? Có đạo lý ấy hay chăng? Nhưng hết thảy những người chẳng hiểu sâu xa

tận cùng lý và những ai vô tri vô thức nếu nghe đến lý tánh đa số đều đề cao thánh cảnh, riêng mình cam phận phàm ngu, chẳng chịu mạnh mẽ gắng sức theo đuổi tu tập. Nếu nói đến nhân quả ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, dù thiện hay ác đều có quả báo, ắt là họ sẽ sợ ác quả mà đoạn ác nhân, tu thiện nhân để cầu thiện quả. Thiện ác chẳng ngoài ba thứ thân khẩu ý, đã biết nhân quả sẽ tự giữ gìn thân khẩu, rửa tâm gột ý, dù ở trong nhà tối phòng kín vẫn thường như đối trước Thượng đế, chư thiên, chẳng dám manh nha chút tâm tà vạy để phải chuốc lấy tội lệ. Đấy chính là đại pháp đức Thế Tôn dùng để dạy cho khắp hết thảy thượng trung hạ căn trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân. Nhưng kẻ cuồng sợ bị bó buộc, cho là chấp tướng; kẻ ngu giấu giếm sự đáng hổ thẹn, trá ngụy của chính mình nên bảo là mờ mịt. Trừ hai loại người ấy ra, có ai không tin nhận chuyện này? Do vậy ngài Mộng Đông nói: "Người khéo bàn tâm tánh, ắt chẳng lìa bỏ nhân quả. Tin sâu nhân quả rốt cuộc sẽ hiểu rõ tâm tánh." Lý này thế tất nhiên như vậy.

Phải biết, từ địa vị phàm phu cho đến khi viên chứng Phật quả đều chẳng ra ngoài nhân quả, kẻ nào chẳng tin nhân quả đều là hạng người tự vứt bỏ thiện nhân thiện quả, thường tạo nhân ác, ắt thường thọ quả ác, trải trần điểm kiếp[592], luân chuyển trong ác đạo, không cách gì thoát ra, buồn thay! Thánh hiền ngàn lời vạn lẽ, không gì chẳng nhằm làm cho con người phản tỉnh, khắc chế ý niệm, ngõ hầu minh đức sẵn có trong tâm chúng ta chẳng đến nỗi bị vùi lấp, đích thân được thụ dụng. Chỉ vì con người không biết nhân quả nên thường hay buông lung càn rỡ, dù suốt đời đọc sách vẫn chỉ là học từ chương, chẳng quyết ý mong thành thánh thành hiền, do vậy ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ. Bốn thiên sách dạy con của tiên sinh Viên Liễu Phàm văn lẫn lý đều thông suốt, mở rộng tâm mắt con người, đọc đến có niềm vui lâng lâng, có khuynh hướng muốn học theo, quả thật là khuôn mẫu tốt lành để yên đời vậy. Cư sĩ Chu Quần Tranh ở Vĩnh Gia bội phục sách ấy đến cùng cực, mong Thương Vụ Ấn Thư Quán ở Thượng Hải đúc bản kẽm để làm của chung cho những người cùng chí hướng. Lại ấn tống bao nhiêu đó để kết pháp duyên, xin tôi viết lời tựa. Nhân đấy, tôi bèn tóm tắt ý "khắc kỷ, giữ lễ, dứt lòng tà, giữ lòng thành của thánh hiền" cho xong trách nhiệm vậy.

14. Lời tựa tái bản sách Tứ Thư Chú Giải của ngài Ngẫu Ích

Đạo nơi tâm người như nước trên mặt đất, tuy nơi cao nguyên hay đất bằng hoàn toàn chẳng trông thấy nước, nhưng nếu đào đất để tìm thì không nơi đâu chẳng được. Nước ví như minh đức sẵn có trong tâm chúng ta, đất ví như vật dục

[592] Trần điểm kiếp: Số kiếp nhiều như vi trần.

huyễn hiện trong tâm ta, nếu có thể cách vật trí tri thì không một ai chẳng thể làm sáng tỏ minh đức. Nhưng đào đất lấy nước, không một ai chẳng đổ công tìm, bởi không có nước sẽ không thể sống còn; đối với cái đạo sẵn có nơi tâm, con người đa số chẳng chịu ra sức, đến nỗi vật dục che lấp chân tri, chẳng biết mong thành thánh thành hiền, cam tâm tự ruồng rẫy mình, tự vứt bỏ. Do vậy, chôn pháp thân, mất huệ mạng, sống làm thây đi thịt chạy, chết mục nát cùng cỏ cây, chẳng đáng buồn ư?

Tứ Thư là đại kinh đại pháp của Khổng giáo để trên kế tục cổ thánh, dưới mở mang cho hàng hậu học để họ dùng cách vật trí tri, tự làm sáng tỏ minh đức (cái đức sáng); sau đó áp dụng cho gia đình, đất nước, thiên hạ, sao cho người trong gia đình, đất nước, thiên hạ, ai nấy đều làm sáng tỏ minh đức. Trước khi có bộ sách này thì tuy có những lời bàn luận tỉ mỉ hay đại lược khác nhau, nhưng ý chỉ đều tương đồng; sau bộ sách này thì tuy căn cơ lợi độn khác biệt, nhưng hiệu quả không khác. Thật có thể nói là tiên thiên chẳng trái nghịch trời, hậu thiên[593] lại hợp thiên thời, [Khổng tử quả là] bậc thầy gương mẫu của muôn đời, trăm đời Nho gia tôn sùng vậy.

Đại cương của sách nằm ở chỗ tu đạo "làm sáng tỏ minh đức", mà chuyện hạ thủ tối thân thiết là riêng ở chỗ "cách vật trí tri, khắc kỷ, giữ lễ, dứt lòng tà, giữ lòng thành". Nếu với mỗi chữ, mỗi câu, người học đều đem thân tâm lãnh hội thì dù chỉ là một gã thất phu cũng sẽ góp phần tán trợ đạo sanh thành dưỡng dục trùm trời tột đất, nào khó đạt được bản tâm, khiến cho thánh hiền một phen khổ tâm lưu lại giáo huấn chẳng trở thành uổng công đặt để. Càn khôn đại phụ đại mẫu càng sáng hơn, chẳng thẹn cùng trời đất xưng là tam tài, há chẳng tự gắng công ư? Đại pháp của đức Như Lai được truyền qua phương Đông từ đời Hán, đến đời Đường các tông đều có đủ, Thiền đạo đại hưng, cao nhân xuất hiện như rừng, tùy cơ tiếp độ người. Do vậy, cho đến đời Nguyên - Minh những nhà Nho vùng Liêm, Lạc, Quan, Mân[594], ai nấy đều dùng yếu nghĩa của Phật pháp để phát huy Nho tông, khiến cho tâm pháp của Khổng tử, Nhan Hồi đã dứt tuyệt lại được tiếp nối. Họ dùng tịnh tọa tham cứu để mong khai ngộ, không ai chẳng coi Phật pháp là

[593] Theo Dịch Học, tiên thiên là những gì bẩm sinh, hậu thiên là những gì do nuôi dưỡng, đào tạo mà có. Như vậy, câu này có thể hiểu là đạo của Khổng tử chẳng trái với bẩm tánh của con người, dùng để giáo dục con người thì lại hợp thời.

[594] Liêm chính là Liêm Giang, còn có tên là An Viễn Giang, thuộc vùng Tây Nam tỉnh Giang Tây. Lạc là Lạc Thủy, một con sông ở vùng Thiểm Tây. Chữ Quan có thể hiểu nhiều nghĩa, nếu hiểu là Quan Đông thì là vùng Đông Bắc Trung Quốc, còn Quan Trung lại là vùng đất Tứ Xuyên. Mân là tỉnh Phước Kiến. Theo ngu ý, bốn chữ này dùng để chỉ những nơi trọng yếu của Trung Quốc.

pháp tắc để phỏng theo. Do vậy có những vị công sâu lực trọn, lâm chung biết trước lúc mất, ngồi cười nói qua đời rất nhiều. Họ thành ý chánh tâm, đáng làm bậc thầy gương mẫu trong Nho môn, nhưng vì muốn giữ lấy môn đình nên đối với những gì họ đã phỏng theo, chẳng những không tỏ bày ra, trái lại còn chê trách, để những kẻ đời sau học theo sẽ tôn trọng đạo của chính họ, chẳng đi theo Phật pháp. Nhưng làm vậy cũng uổng công, họ chẳng nghĩ mình bên trong ngầm tu, ngoài mặt bài xích, hậu học há chẳng thấy được lỗi thầy ư? Cho thấy tâm lượng họ nhỏ nhen, thành ý chánh tâm không gì chẳng bị tỳ vết, rò rỉ, thật đáng đau tiếc lắm!

Cuối đời Minh, đại sư Ngẫu Ích vốn là Pháp thân đại sĩ, thừa nguyện thị hiện trong đời, thoạt đầu đọc sách Nho, liền bắt chước tiên Nho bài Phật, chứ thật ra chưa biết vì sao Phật thành Phật. Về sau đọc kinh Phật, mới hối tội trước, liền chuyên tinh nghiên cứu, mới biết Phật pháp là gốc của hết thảy các pháp. Những kẻ bài xích nếu không là phường bịt tai trộm linh thì cũng là những kẻ chưa thấy màu sắc đã biện luận mù quáng. Ngài bèn phát tâm xuất gia, hoằng dương pháp hóa, một đời chú giải, trước thuật kinh luận hơn bốn mươi loại, số quyển đến cả mấy trăm, không gì chẳng phải là "chữ nào chữ nấy thấy được sự thật, lời nào lời nấy siêu việt", như gảy bàn tính lợi ích vô tận.

Lại nghĩ trong Nho tông người bậc thượng dùng Phật pháp để tự lợi ích, rốt cuộc khó thể quán thông rốt ráo; kẻ kém hơn chỉ nghĩ tập tành từ chương là đủ, phần nhiều tạo ác nghiệp báng pháp. Trong tâm đau thương, muốn cứu giúp họ, do vậy dùng Phật pháp giải thích Tứ Thư, Chu Dịch, chú giải sách Luận Ngữ, Mạnh Tử thì nêu đại lược đại nghĩa, chú giải sách Trung Dung và Đại Học thì chỉ thẳng nguồn tâm. Ấy là vận dụng nghĩa khai quyền hiển thật trong kinh Pháp Hoa, dùng lý viên đốn để chú thích những lý lẽ yên trị cõi đời, ngõ hầu tâm pháp Linh Sơn, Tứ Thủy được hiển lộ triệt để, không còn che giấu chút nào. Những kẻ lấy Phật pháp để tự lợi mình sẽ được lợi ích rốt ráo thật sự, những phường chuyên tập tành từ chương sẽ do đây biết được Phật pháp rộng lớn, chẳng dễ suy lường, cũng mau chóng dứt tà kiến, dần dần sanh chánh tín, biết khử trừ vật dục để tự sáng tỏ được minh đức. Do vậy, bèn tận lực tìm cầu, sẽ trực tiếp lãnh hội được tâm truyền của Khổng tử, Nhan Hồi, lợi ích ấy há nhường cho các nhà Nho đời Tống, Nguyên, Minh riêng hưởng ư?

Gần đây, các giới mở rộng tầm mắt, những người thiên tư cao không ai chẳng nghiên cứu Phật pháp, một người xướng trăm người hòa, không ai chẳng ngả theo. Đã biết tâm sẵn có Phật tánh, vô thỉ vô chung, đầy đủ công đức chân thật thường

lạc ngã tịnh, há thấy việc nhân chịu nhượng, thấy điều nghĩa không làm, đề cao thánh cảnh, tự làm phàm ngu ư? Do vậy, vĩ nhân danh sĩ đa phần đua nhau ăn chay niệm Phật, dốc sức tu tịnh nghiệp, mong cho sống thì thấy được Phật tánh, chết đi sanh về Phật quốc mới thôi.

Hai vị cư sĩ Úc Cửu Linh và Thi Điệu Mai xưa có linh căn, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, vừa thấy bộ chú giải Tứ Thư của ngài Ngẫu Ích liền khôn ngăn hoan hỷ, bảo sách này chỉ thẳng vào nhất niệm của đương nhân, minh thị rõ ràng tâm pháp của đạo Nho, đạo Thích, quán triệt dung thông pháp thế gian lẫn xuất thế gian, khiến cho thượng, trung, hạ căn tùy theo căn cơ đều được lợi ích. Người sâu xa sẽ thấy sâu xa, chẳng ngại khế hợp thẳng vào Bồ-đề, kẻ nông cạn cũng sẽ dần dần gieo thiện căn. Cho nên họ muốn khắc in để lưu thông rộng rãi. Đem công đức này kính chúc xuân huyên[595] được thêm tuổi thọ, đến khi trăm tuổi thần thức về An Dưỡng, quá khứ phụ mẫu tiêu trừ túc nghiệp, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tịnh độ. Xin Quang viết lời tựa để bảo cùng những người sáng suốt trong tương lai. Quang tự thẹn xưa kia làm gã xiển-đề hủy báng Phật pháp đến nỗi nghiệp chướng lấp tâm, không cách gì ngộ chứng. Vui mừng được họ thỉnh, mong cho hết thảy mọi người đối với Phật pháp đều sanh chánh tín, ngõ hầu nghiệp chướng cùng tiêu, tâm quang đều cùng phát hiện. Sách Chu Dịch Thiền Giải, Kim Lăng [Ấn Kinh Xứ] đã khắc xong. Sách Mạnh tử Trạch Nhũ do chiến tranh nên đã thất truyền, cư sĩ Dương Nhân Sơn tìm bên Nhật vẫn chẳng thấy, cũng chẳng đáng tiếc lắm ư!

15. Lời tựa sách Pháp Hoa Nhập Sớ

Suốt một đời đức Như Lai nói các pháp môn đại - tiểu, quyền - thật, thiên - viên, đốn - tiệm, không pháp nào chẳng tùy cơ lập giáo, đối bệnh phát thuốc. Cho đến hội Pháp Hoa, khai quyền hiển thật, hội tam quy nhất (quy ba thừa về Nhất thừa), khai tích hiển bổn, nêu thọ lượng nơi bổn, giơ tay, cúi đầu[596] đều thành

[595] Xuân huyên (cha mẹ): Theo từ điển Từ Hải, xuân là một loại cây thân mộc, rụng lá vào mùa đông, lá non có mùi thơm có thể ăn được, chất gỗ cứng chắc, có thể chế thành đồ dùng. Theo truyền thuyết, cây xuân sống lâu hơn tám ngàn năm nên thường được ví cho cha với ý nghĩa chúc thọ. Do vậy, cha còn được gọi là xuân đình. Vì chữ xuân 椿 tự dạng khá giống với chữ thung 椿 nên thường bị dùng lẫn với chữ thung. Huyên 萱 (huyên thảo, tên khoa học là hemerocallis fulva), còn gọi là vong ưu thảo, nghi nam thảo, kim châm thảo. Chỗ mẹ ở thường trồng loại cỏ này nên mẹ còn được gọi là "huyên đường". Người Trung Hoa thường dùng câu *"xuân huyên tịnh mậu"* (cây xuân lẫn cỏ huyên cùng tươi tốt) để chúc tụng cha mẹ luôn khỏe mạnh.

[596] Kinh Pháp Hoa, phẩm Phương Tiện có câu: "Nếu người tâm tán loạn, chỉ dùng một cành hoa, cúng dường nơi tượng vẽ, dần thấy vô số Phật. Hoặc có kẻ lễ bái, hoặc lại chỉ chắp tay,

Phật đạo. Lời lẽ, xử sự đều thuận chánh pháp. Từ hết thảy pháp hiển thị thật tướng, từ ngay nơi cái tâm bị mê chỉ ra bản thể giác đạo. Phàm mọi duyên do của cả một đời giáo pháp đều được hiển lộ, xiển dương, khen ngợi, chỉ dạy triệt để không nghi, khiến cho khắp thượng trung hạ căn đều được khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, rốt ráo tỏ rõ bổn hoài xuất thế của Phật. Hay đẹp thay, mầu nhiệm thay! Vì thế nghĩa lý sâu xa, u viễn, chẳng dễ suy lường.

Khi kinh Pháp Hoa được truyền đến Chấn Đán (Trung Hoa), hơn một ngàn năm qua, chú giải tuy nhiều, nhưng chỉ có bản của ngài Thiên Thai Trí Giả là nêu bật được tông chỉ. Do vì ngài dùng *ngũ trùng huyền nghĩa*[597] để giải thích tổng quát tên kinh, dùng nhân duyên, ước giáo, bổn tích, quán tâm để giải thích trọn vẹn kinh văn, đặt tên là Pháp Hoa Văn Cú. Có thể nói: "Không nghĩa nào chẳng được hiển lộ, không căn cơ nào chẳng được thâu gồm!" Lại dùng chỉ quán để phát minh hành tướng, khiến cho ba thứ giáo - hạnh - lý của Pháp Hoa được phơi bày trọn vẹn triệt để, không còn che lấp chút nào. Do vậy, xưa kia những người y theo sách ấy tu tập đắc đạo như rừng. Đến đời Đường, tôn giả Kinh Khê[598] cho rằng ba bộ sách lớn ấy văn nghĩa quá sâu xa, chẳng thuận tiện cho hàng sơ cơ, nên đối

---

cho đến giơ cánh tay, hoặc chỉ khẽ cúi đầu, dùng đó cúng dường tượng, tự thành vô thượng đạo"…

[597] Ngũ trùng huyền nghĩa là năm tầng huyền nghĩa để giải thích một bộ kinh do ngài Thiên Thai Trí Giả đề ra, gồm: thích danh, biện thể, minh tông, biện dụng, phán giáo (giải thích đề mục kinh, biện luận bản thể của kinh, nêu rõ tông thú của kinh, luận về công dụng của kinh, phán định kinh này thuộc về giáo pháp nào trong ngũ thời giáo, tứ hóa nghi). Xin xem bộ A-di-đà Kinh Yếu Giải để hiểu rõ hơn về ngũ trùng huyền nghĩa.

[598] Ngài Trạm Nhiên (711-782), là cao tăng đời Đường, là tổ thứ năm của tông Thiên Thai. Ngài là người xứ Kinh Khê, Thường Châu (nay thuộc tỉnh Giang Tô). Cả nhà theo Nho, mình ngài học Phật. Năm 17 tuổi học Thiên Thai Chỉ Quán với sư Kim Hoa Phương Nham. Năm 20 tuổi theo học với ngài Tả Khê Huyền Lãng, học giáo nghĩa Thiên Thai. Năm 38 tuổi, xuất gia tại Hưng Tịnh Lạc Tự. Sư lại đến Triệu Châu học luật với ngài Đàm Nhất. Sau về Ngô Quận, giảng bộ Ma-ha Chỉ Quán. Khi ngài Huyền Lãng tịch, sư được chúng đề cử lãnh chúng. Sư tự đặt cho mình trách nhiệm trung hưng tông Thiên Thai, đề xướng thuyết "hữu tình lẫn vô tình đều có Phật tánh". Các đời vua Đường như Huyền Tông, Túc Tông, Đại Tông nhiều lần xuống chiếu thỉnh sư nhập cung dạy pháp, nhưng ngài đều cáo bệnh không đến. Sư nhập diệt vào tháng Hai năm Kiến Trung thứ ba, thọ 72 tuổi, pháp lạp 43 năm. Do ngài là tổ trung hưng tông Thiên Thai nên đại chúng kính trọng thường gọi bằng danh xưng tôn giả Kinh Khê, chứ không gọi thẳng tên tục. Đời Bắc Tống sư được phong tặng danh hiệu tôn giả Viên Thông. Ngoài bộ Pháp Hoa Văn Cú Ký nổi tiếng ra, sư còn để lại nhiều tác phẩm giá trị, quan trọng nhất là các bộ Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa Thích Thiêm, Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoằng Quyết, Chỉ Quán sưu Ký, Chỉ Quán Đại Ý, Kim Cang Bề, Pháp Hoa Tam-muội Bổ Trợ Nghi, Thủy Chung Tâm Yếu, Thập Bất Nhị Môn.

với mỗi sách Pháp Hoa Huyền Nghĩa, Pháp Hoa Văn Cú, Ma-ha Chỉ Quán đều soạn chú thích. Bản chú thích sách Văn Cú mang tên là Văn Cú Ký.

Xưa kia, kinh, sớ, ký[599] đều lưu hành, người mới học xem đến, khá phí tâm lực. Pháp sư Tứ Minh Đạo Oai đời Tống bèn tóm lược sách Văn Cú và Văn Cú Ký, gom chép vào bên dưới kinh văn, đặt tên là Pháp Hoa Nhập Sớ để người học khỏi mất công tìm đọc liền hiểu ngay, có lợi rất lớn. Do vậy, sách được lưu thông trong nước, ngoài nước, từ thời Nguyên - Minh trở đi, sách bị thất truyền ở Trung Quốc. Cuối đời Quang Tự nhà Thanh, đại sư Thức Định thỉnh Đại tạng kinh bản in mới của Hoằng Giáo Thư Viện ở bên Nhật, trong đó có sách này. Do vậy, ngài giao mấy trăm đồng cho pháp sư Diệt Tận ở chùa Tịnh Giới tại Kim Lăng bảo khắc in sách ấy. Thầy Diệt Tận chia thành hai mươi quyển. Bản thảo chép xong, giảo chánh hoàn thành, chỉ mới in được sáu quyển thì thầy Diệt Tận tạ thế. Do vậy, việc ấn loát bị gác lại mấy năm.

Vào năm Dân Quốc thứ tám (1919), Quang do khắc in các sách như An Sĩ Toàn Thư v.v. từ Phổ Đà đến Duy Dương[600], mới biết chuyện này. Ý muốn tiếp tục cho sách được hoàn thành, nhưng khổ vì không tài lực. Có cư sĩ Trương Thụy Tăng xưa đã gieo cội đức, dốc lòng tin tưởng Phật thừa, khá thương cho thế đạo nhân tâm ngày càng xuống dốc, cho rằng nếu không dùng đại pháp của Như Lai làm sao vãn hồi cho được. Vì thế, đối với việc kiêng giết phóng sanh đều tận lực phụng hành, đối với văn giới sát phóng sanh đều lưu thông nhiều nơi. Cũng như đối với những loại cách ngôn khuyến thiện đều chẳng tiếc tiền của để khắc in truyền bá. Chỉ muốn cho đồng nhân cùng nghĩ đến cái tâm của cha trời mẹ đất, ai nấy ôm ý niệm coi dân như đồng bào, coi loài vật như chính mình, đều mong tự lập lập người, tự lợi lợi tha, cùng lên cõi thọ, đều gội Phật ân mới thôi.

Nghe Quang đến Duy Dương, ông nhiều lần đến thăm. Nhân đó, đem chuyện này thuật lại, mong ông thành tựu cho. Ông vui vẻ bằng lòng, bảo Quang lo giảo chánh đối chiếu. Hiềm vì sách lưu truyền đã lâu, sai ngoa quá nhiều. Thoạt đầu chưa xem kỹ, tưởng thầy Diệt Tận đã giảo chánh rồi, ắt không sai lạc nhiều lắm. Đến khi khắc xong, soát lại, mới biết sót lỗi quá nhiều. Do vậy, bèn dựa theo sách Văn Cú và Văn Cú Ký, sửa lại cho đúng. Trong ấy, có những chữ, những câu không trọn vẹn, thông suốt, tựa hồ bị thiếu sót, hay sai lạc, nhưng không gây trở ngại gì đến đại ý thì cứ để nguyên vì bản in đã khắc xong, không tiện sửa chữa.

[599] Kinh là kinh Pháp Hoa, sớ là các bộ Pháp Hoa Huyền Nghĩa, Pháp Hoa Văn Cú, ký là bộ Văn Cú Ký.
[600] Duy Dương là một thành phố thuộc tỉnh Giang Tô.

Mong ai đọc đến sách này, đều trong một niệm tâm của chính mình, liền được khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, sẽ chẳng phụ Phật tánh chính mình sẵn có, cũng như chẳng phụ Như Lai nói kinh, Trí Giả tạo sớ, Kinh Khê tạo ký, Đạo Oai hội nhập, cũng như công đại sư Thức Định, cư sĩ Thụy Tăng lưu thông. Khắc đã xong bèn tự thuật duyên khởi.

16. Lời tựa cho tác phẩm phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Sớ Sao Hiệt

(Trích yếu bộ phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Sớ Sao)

Pháp môn Tịnh độ không gì lớn lao vượt ra ngoài nó được. Hết thảy chư Phật và pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác của hết thảy chư Phật đều từ đây mà ra. Hết thảy Bồ-tát và đạo thượng cầu hạ hóa xứng tánh Bồ-tát đang tu đều do đây mà vào. Ấy chính là "không gì chẳng từ pháp giới này lưu xuất, không gì chẳng quy hoàn pháp giới này". Như Lai vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong đời, dẫu tùy cơ lập giáo đủ mọi thứ khác biệt, nhưng tìm lấy một pháp dù thánh hay phàm, thượng trung hạ căn, cho đến phường nghịch ác đều có thể liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, giã biệt tam giới, cao đăng chín phẩm thì chỉ có mỗi một mình pháp Tịnh độ là được như vậy mà thôi.

Ôi, Như Lai đại từ phổ độ chúng sanh, chỉ có một pháp này mới bộc lộ hết bổn hoài. Chúng sanh tu hành mong thoát sanh tử, chỉ do một pháp này chắc chắn được toại nguyện. Pháp môn rộng lớn, lợi ích rộng sâu, vì vậy hết thảy Phật tử đều phụng hành. Ngờ đâu, gần đây kẻ ngu phu ngu phụ, phần nhiều dốc kiệt lòng thành quy mạng, còn bậc thông Tông thông Giáo lại coi thường, bỏ qua, tợ hồ chẳng nghe biết đến, là vì lẽ nào? Do kẻ nghiên cứu Giáo dùng giáo lý thông thường để luận đoạn - chứng, chẳng tin có chuyện mang nghiệp vãng sanh, thường khư khư ở trong sanh tử độ sanh, chẳng nguyện làm người được mau thoát sanh tử. Chẳng biết chén bát chưa nung, gặp mưa liền rã; phiền hoặc chưa đoạn, sanh sang kiếp khác liền mê; tự lợi còn khó, huống gì lợi tha. Ấy là vì chẳng lượng đức mình, là hạng phàm phu sát đất vừa có chút tuệ tánh bèn tưởng mình có bản lãnh của bậc Pháp thân đại sĩ, đến nỗi một phen lầm lạc, vĩnh viễn lầm lạc. Người tham thiền chuyên chú tham cứu để minh tâm kiến tánh, chẳng biết kẻ căn cơ hơi kém chẳng thể minh tâm kiến tánh rất nhiều. Dẫu cho đã minh tâm kiến tánh, nhưng hoặc nghiệp chưa đoạn thì vẫn luân hồi sanh tử y như cũ, chẳng thể thoát khỏi, lại càng nhiều hơn nữa. Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh, Hải Ấn Tín, Chân Như Triết v.v. đều là những bằng chứng xác thực!

Ôi, tử sanh cũng lớn lao thay! Há có nên chuyên cậy vào tự lực, không nương vào Phật lực ư? Hay là tự lực quả thật trội hơn Phật lực chăng? Làm người sống trong cõi đời, lớn như sáng lập cơ nghiệp truyền lại cho đời sau, nhỏ như một manh áo, một bữa ăn, không gì chẳng cậy vào sức của mọi người để thành tựu chuyện của chính mình. Đối với đại sự liễu sanh thoát tử, dù có Phật lực vẫn chẳng chịu nương tựa, muốn tỏ rõ bản lãnh phi thường, chỉ e kém xa gã ngu phu. Chí ấy có thể nói là lớn, nhưng tiếc rằng không biết đấy chỉ là nói năng lớn lối!

Chẳng thấy trong kinh Hoa Nghiêm, là bản kinh vua cả tam tạng, do đức Như Lai khi mới thành Chánh giác vì 41 địa vị Pháp thân đại sĩ đã vượt ngoài các giới, giảng ra Phật pháp thành tựu ngay trong một đời. Thật nghĩa rốt ráo quy tông kết đảnh của đạo thành Phật trong một đời ấy nằm ngay ở chỗ dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, ngõ hầu viên mãn Phật quả. Sở chứng của Thiện Tài đã bằng với Phổ Hiền, bằng với chư Phật, đáng gọi là bậc Đẳng giác Bồ-tát. Đẳng giác chỉ kém đức Phật mà vẫn phải hồi hướng vãng sanh, các đại Bồ-tát trong toàn thể Hoa Nghiêm thế giới hải đều vâng lãnh lời dạy này, cùng tu pháp này. Căn tánh những người thông Tông, thông Giáo hiện thời có nhạy bén, chứng nhập có sâu xa hơn những vị Bồ-tát ấy hay chăng? Ngàn kinh vạn luận đâu đâu cũng chỉ quy, vãng thánh tiền hiền người người hướng về. Há có phải những kinh luận ấy chẳng đáng để tuân theo ư? Há các vị thánh hiền ấy đều là ngu phu ngu phụ ư? Tóm gọn một lời, nghiệp chướng sâu nặng, chưa kham giải thoát. Bởi thế cho nên "dùng thường ngày chẳng biết, quen làm mà chẳng xem xét" vậy!

Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, trong phẩm cuối cùng là phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm bản 80 quyển, Thiện Tài tham học với 53 vị tri thức viên mãn, đến chỗ ngài Phổ Hiền, được Phổ Hiền khai thị, và nương sức oai thần, liền chứng Đẳng giác. Phổ Hiền bèn nói ra bài kệ, xưng tán công đức mầu nhiệm thù thắng của Như Lai. Do kinh văn [truyền sang Trung Hoa] chưa hết, nên pháp hội chưa xong mà kinh đã chấm dứt. Quốc sư Thanh Lương soạn riêng Sớ Sao để hoằng dương lớn lao đạo này. Đến niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường Đức Tông, quốc vương Ô-trà ở Nam Ấn Độ mới cống nạp toàn bản phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện bằng tiếng Phạn, dịch thành 40 quyển. Ba mươi chín quyển đầu chính là phẩm Nhập Pháp Giới trong bộ Bát Thập Hoa Nghiêm, nhưng văn nghĩa tường tận hơn, cuốn thứ bốn mươi chính là phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện đang được lưu hành. Khi ấy, ngài Thanh Lương cũng dự vào dịch trường, cực lực tán dương, phụng mạng soạn sớ.

Sớ văn của toàn bộ 40 quyển ở Trung Quốc thất truyền đã lâu, may là trong tạng kinh ở Nhật vẫn còn bộ sách này. Bắc Kinh Khắc Kinh Xứ chuyên khắc những tác phẩm của cổ đức, tác phẩm này chẳng bao lâu nữa sẽ lại được lưu truyền. Quyển kinh này lại được ngài soạn cuốn Biệt Hành Sớ để cho những người thích giản lược và tu Tịnh độ nghiên cứu đến cùng tận. Học trò ngài là Khuê Phong[601] viết lời sao, đã được lưu thông trong nước lẫn ngoài nước. Nhưng do văn từ phong phú, nghĩa lý quá nhiều, chẳng tiện cho kẻ sơ cơ. Cư sĩ Phạm Cổ Nông do thấy thế gian đã ghép ba kinh Tịnh độ và một phẩm Hạnh Nguyện thành Tịnh độ tứ kinh, chú giải của ba kinh rất nhiều, chẳng trở ngại tùy theo căn cơ mà chọn đọc, còn kinh này chỉ có mỗi bộ Sớ Sao, tuy phát huy đến tận cùng, nhưng kẻ sơ cơ thường hay bị mờ mịt. Do vậy, đối với bộ Sớ Sao, ông Phạm trích lấy những nghĩa trọng yếu, cho khắc bản lưu thông. Văn tuy giản lược, nhưng nghĩa vẫn đầy đủ. Có thể nói là xét căn cơ, lập giáo pháp thích hợp, có ích không ít cho pháp môn. Nếu người học trước hết đọc "hiệt bản" (bản trích yếu) này, rồi mới đọc toàn văn thì chẳng những thấu hiểu tấm lòng hoằng truyền, tán dương của ngài Thanh Lương, mà còn thấu hiểu được tấm lòng khuyến phát của đức Phổ Hiền, tâm xuất thế của Như Lai.

Dám thỉnh những vị thông Tông thông Giáo cùng thuận theo các vị Bồ-tát trong Hoa Tạng hải hội và những kẻ ngu phu ngu phụ nhất trí tiến lên, cùng sanh Tây Phương để khỏi phụ ân Phật dạy dỗ, chẳng phụ linh tánh của chính mình!

17. Lời tựa cho tác phẩm Kim Cang Thứ Hỗ[602]

---

[601] Khuê Phong Tông Mật (780-841), tổ thứ năm của tông Hoa Nghiêm, người xứ Quả Châu, sống vào thời Đường, thường được gọi là thiền sư Khuê Phong hay đại sư Khuê Sơn, thụy hiệu là thiền sư Định Huệ. Năm Nguyên Hòa thứ 2 (807) lên kinh ứng thí, đi ngang qua Toại Châu, nghe hòa thượng Đạo Viên thuyết pháp bèn xin xuất gia và thọ giới cụ túc. Theo lời khuyên của ngài Đạo Viên, sư đến tham học với ngài Ích Châu Nam Ấn chùa Tịnh Chúng, rồi tham yết ngài Thần Chiếu chùa Báo Quốc tại Lạc Dương. Năm Nguyên Hòa thứ năm (810), gia nhập vào đồ chúng của ngài Thanh Lương Trừng Quán, thọ trì giáo học kinh Hoa Nghiêm. Năm Nguyên Hòa 11 (811), trụ tích tại chùa Trí Cự ở núi Chung Nam, tự thệ không xuống núi, đọc hết Đại tạng kinh trong ba năm, soạn ra bộ Viên Giác Kinh Khoa Văn. Sau ngài qua chùa Thảo Đường cũng thuộc núi Chung Nam lắng tâm tu học, soạn ra bộ Viên Giác Kinh Đại Sớ. Rồi lại dời qua Khuê Phong Lan Nhã cũng thuộc núi ấy, chuyên chú tụng kinh tu thiền. Tướng quốc Bùi Hưu cùng mọi nhân sĩ trong triều, ngoài nội đều rất kính trọng. Sư từng được thỉnh vào cung giảng kinh, nhưng không lâu lại xin trở về núi. Ngày mồng Sáu tháng Giêng năm Hội Xương nguyên niên, sư tọa hóa tại Hưng Phước Tháp Viện, thọ 62 tuổi, pháp lạp 34 năm.

[602] Hỗ là giải thích những nghĩa lý trong sách cổ bằng những ngôn từ bình dị, đương thời cho người ta dễ hiểu. Do cư sĩ Mã Thông Bạch đem nghĩa lý kinh Kim Cang giải thích bằng văn tự

Kinh Kim Cang từ nơi có bàn về không, chẳng đọa nơi không; từ không luận về có, chẳng đọa vào bên có. Không lẫn có cùng mất, chân tục không hai, chúng sanh và Phật nhất trí, lý sự viên dung, hạnh khởi giải tuyệt, tiến thẳng vào biển giác. Hết thảy Bồ-tát nương theo đây tu nhân, ba đời chư Phật nương vào đây chứng quả. Kinh này chính là cương yếu của giáo pháp suốt cả một đời đức Như Lai, quả thật là chuẩn mực để thượng hoằng hạ hóa của hàng Bồ-tát. Chỉ bày bổn thể của như như, cơ lẫn lý đều khế hợp. Chứng *không không tam-muội*, giải lẫn hạnh đều viên, diệu lại càng diệu, huyền càng thêm huyền. Khéo thay, cao quý thay! Há có thể nghĩ bàn được nổi ư? Thế gian thường chẳng xem xét, cho là không tông, cô phụ Phật ân quá đáng! Độ tận hết thảy chúng sanh chẳng thấy tướng người độ, kẻ được độ, chẳng trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp để hành bố thí, cho đến lục độ cũng như vạn hạnh. Dùng không "ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả" để tu hết thảy thiện pháp, không trụ vào đâu để sanh tâm, tuy thuyết pháp nhưng không có pháp gì để thuyết; tuy thành Phật nhưng không có Bồ-đề để đắc. Ấy là mây bay biển hạnh, sóng dậy cửa độ, chính là đạo xứng tánh duyên khởi, không có sự để hành.

Do vậy, trong chẳng thấy có cái ta là người độ, ngoài chẳng thấy có người và chúng sanh được độ, giữa chẳng thấy có tướng thọ giả để chứng Vô dư Niết-bàn. Cái thấy "có mình lẫn người" cùng mất, tình kiến phàm lẫn thánh đều hết, tam luân thể không, một đạo thanh tịnh. Thật tướng diệu lý như như bất động, triệt để phô bày trọn vẹn. Vì thế được phước đức bằng với mười phương hư không vậy. Còn như thọ trì kinh này, vì người khác nói, dù chỉ bốn, ba, hai, một câu, phước ấy còn hơn dùng bảy báu đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới để bố thí suốt vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp, hơn phước của việc hằng ngày ba thời dùng thân mạng nhiều như số cát sông Hằng để bố thí. Ấy là vì hết thảy chư Phật và pháp vô thượng giác đạo của chư Phật đều từ kinh này mà ra. Do đó, người thuyết pháp chính là dùng sự trang nghiêm của Phật để tự trang nghiêm và trang nghiêm hết thảy chúng sanh. Công đức chân thật tự hành hóa độ người ấy được gọi là *không*, há chẳng đáng sao!

Vì thế, dù chỉ nói kinh này bốn, ba, hai, một câu thì hết thảy trời người đều nên cúng dường như cúng dường tháp miếu Phật. Do người trì kinh tâm hợp với đạo, tâm hợp với Phật, nên chuyển được hậu báo nặng nề nhất thành hiện báo nhẹ nhàng nhất, lại còn sẽ đắc Bồ-đề. Do tự hành, dạy người, tâm chẳng trụ vào tướng

---

hiện thời một lần nữa, trước ông đã có nhiều người làm chuyện đó, nên đặt tên tác phẩm là Thứ Hỗ (giải thích bằng thể văn đơn giản một lần nữa).

chính là dùng *trí như như* để khế hợp *lý như như*, ngay khi đó dung hợp thành một với Bồ-đề, Niết-bàn, như nước lẫn vào nước, như không trung hợp với không trung. Dù có thánh trí, chẳng thể phân biệt được. Những pháp môn đức Như Lai đã giảng trong suốt một đời đều dùng trí này chiếu thấu để tu thì nước chảy đến liền thành kênh, mây tan trăng rạng, một trần chẳng lập, vạn đức trọn phô.

Cư sĩ Mã Thông Bạch xưa đã trồng cội đức, dốc lòng tin tưởng Phật thừa, phẩm hạnh thanh cao, trước thuật phong phú, thật là bậc văn chương lỗi lạc hiện thời, có học thức cao tuyệt. Nhưng do dốc chí nơi Nho tông, chưa rảnh rỗi tinh chuyên nội điển. Mãi đến khi tuổi tròn hoa giáp (sáu mươi), thấy lễ tang thương biến đổi, ngộ thân thế vô thường, bèn buông bỏ hết thảy, chuyên xem kinh Phật. Mới biết lời Như Lai nói đều chỉ tâm ta, viên châu sẵn có nơi vạt áo cơ hồ quên mất, mừng rỡ cùng cực, chuyển thành bi cảm. Về sau đọc kinh này, tâm hoa bừng nở, do đấy thuận theo kiến giải của mình soạn thành bộ Kim Cang Thứ Hỗ. Đối với chỗ văn từ quyện lẫn vào nhau bèn phân chương đoạn cho rõ, đối với nghĩa huyền diệu bèn dùng lời lẽ bình dị để giảng rõ. Khế lý khế cơ, thông trên thấu dưới, đúng là hướng dẫn tốt lành cho hàng sơ cơ, thật là cửa trọng yếu để nhập đạo. Các môn nhân muốn khắc bản để lưu truyền mãi mãi, ngõ hầu những Nho sĩ thông suốt thảy đều ngưỡng mộ học theo, lợi ích ấy chỉ có đức Phật mới có thể biết được nổi. Gắng đem nỗi niềm ngu thành để làm lời tựa dẫn nhập.

18. Lời tựa cho bản đúc kẽm tác phẩm Kim Cang Kinh Tuyến Thuyết

Một quyển kinh này người người đều có, ai ai chẳng không. Nhưng do mê chân đuổi theo vọng, trái giác, hợp trần, chẳng biết phản quán nội chiếu đến nỗi chẳng thể tự thụ dụng. Vì thế, phẩm Như Lai Xuất Hiện trong kinh Hoa Nghiêm có câu: "Lúc Như Lai thành Chánh giác, than rằng: 'Lạ thay, lạ thay! Hết thảy chúng sanh đều có đủ trí tuệ, đức tướng của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà chẳng chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng thì nhất thiết trí, tự nhiên trí, vô ngại trí đều được hiện tiền." Trong đoạn mở đầu kinh này, do ngài Tu-bồ-đề thấy oai nghi của Phật nên khen ngợi: "Đức Thế Tôn hiếm có! Khéo hộ niệm phó chúc các Bồ-tát", muốn khiến cho pháp hộ niệm phó chúc được rạng rỡ trong thế gian, nên hỏi: "Bồ-tát phát vô thượng Bồ-đề tâm, nên trụ như thế nào? Nên hàng phục cái tâm như thế nào?" Hai câu này chính là yếu chỉ của hộ niệm, phó chúc vậy.

Như Lai lấy chuyện "làm cho tất cả hết thảy chúng sanh trong chín pháp giới đều được nhập Vô dư Niết-bàn để được diệt độ, nhưng chẳng thấy có tướng chúng sanh được diệt độ" để đáp câu hỏi "hàng phục": lấy chuyện "Bồ-tát đối với pháp

hãy nên không trụ vào đâu, chẳng trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp để hành bố thí" để đáp câu hỏi "nên trụ như thế nào?" Lại nói: "Chẳng trụ vào sắc để sanh tâm, chẳng trụ vào thanh, hương, vị, xúc, pháp để sanh tâm, hãy nên không trụ vào đâu để sanh tâm." Lại còn khen ngợi sâu xa phước đức chẳng trụ vào tướng để bố thí, [nói phước đức ấy] lượng chẳng thể suy lường giống như mười phương hư không vậy. Vì sao độ tận hết thảy chúng sanh lại nói là "không thấy có chúng sanh được diệt độ?" Là vì Vô dư Niết-bàn chính là tánh thể sẵn có của chúng sanh. Do mê trái nên không biết, thoạt đầu chưa từng bị mất, được Bồ-tát chỉ dạy bèn hiểu rõ hạt châu trong chéo áo, đầu nằm ngay trên cổ. Đã hiểu rõ như vậy thì là xong rồi, chứ nào phải lại có? Chẳng qua chúng sanh tự tánh tự độ, há nào có ta là người độ, nào có người và chúng sanh được độ? Cũng như nào có tướng thọ giả để nhập Vô dư Niết-bàn ư?

Bốn tướng đã là không thì tam luân thể không, nhất đạo thanh tịnh. Do tam luân thể không, nhất đạo thanh tịnh, nên vạn hạnh như mây nhóm, tâm không trụ vào đâu. Dẫu cho vạn hạnh như mây nhóm, thật ra không có một pháp nào để lập. Thấy tình và vô tình đều cùng một thật tướng, cho nên núi sông đại địa hoàn toàn hiển lộ thân Pháp Vương. Kinh Lăng-nghiêm coi ngũ ấm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, thất đại đều là Như Lai tạng diệu chân như tánh, chính là bằng chứng. Do vậy biết, Như Lai trí tuệ, đức tướng vốn tự đầy đủ, không thiếu, không thừa. Nhưng vì mê trái nên bỗng dưng huyễn khởi vọng tưởng, chấp trước, đến nỗi trí tuệ, đức tướng bị ẩn mất chẳng hiện. Nếu chịu suy xét đến cùng cực, xét xem vọng tưởng, chấp trước này từ nơi đâu mà có, thì mây mù phủ kín bầu trời ắt sẽ triệt để tiêu diệt, vầng mặt trời sẵn có sẽ hiển hiện toàn thể. Lúc mây mù phủ kín, mặt trời cũng chưa hề bị mất; lúc mây mù tan tác, mặt trời cũng chưa hề có lại. Độ tận hết thảy chúng sanh mà chẳng thấy một chúng sanh nào được độ chính là ý này.

Ai thấy được lý này, hành được hạnh này, dùng "không trụ vào đâu" để sanh tâm, ắt thấy các tướng không có tướng. Người như thế thọ trì kinh này, vì người khác diễn nói dẫu chỉ bốn, ba, hai, một câu thì phước đức của người dùng bảy báu đầy ắp tam thiên đại thiên thế giới để bố thí vẫn chẳng thể bằng được. Do một câu nhiễm vào thần thức, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo. Trụ vào tướng để bố thí thì quả báo ở nơi nhân thiên. Do vậy nói: "Chỗ nào có kinh, chỗ ấy chính là tháp miếu. Kinh ở tại chỗ nào, chỗ ấy có đủ tam bảo." Vì vậy hết thảy thế gian trời, người, a-tu-la đều phải nên cúng dường. Do người nói chẳng chấp vào tướng, như như bất động, dùng như như trí khế hợp như như lý, Phật như, chúng sanh

như, nhất như, vô nhị như. Nói cả ngày nhưng thật ra chưa từng nói, dù nín lặng không nói cũng chưa từng chẳng nói. Do người ấy đi, đứng, nằm, ngồi, qua lại, cúi, ngửa, mặc áo, ăn cơm, giơ nắm tay, dựng ngón tay, không gì chẳng phải là Vô dư Niết-bàn bất sanh bất diệt, là toàn thể đại dụng của vô trụ sanh tâm. Ruộng đất vượt ngoài kiếp, trăng gió nơi quê cũ, mặc người tự được, nào ai ngăn trở? Do vậy, ông bán củi[603] nghe được một câu liền được nối tổ truyền đăng, lẫy lừng vũ trụ. Người ta là trượng phu, mình cũng thế, chẳng nên tự khinh để rồi thua kém. Như vậy, người thọ trì nên phát tâm đại Bồ-đề như thế nào? Nên sanh tâm không trụ vào đâu như thế nào?

Cuối triều Đạo Quang nhà Thanh, có Vô Trụ Lão Nhân Trần Trụ xưa có huệ căn, nhược quan (20 tuổi) bèn tụng kinh này, đến ngoài bảy mươi, xem rộng các bản chú giải, gạn lọc lấy những nghĩa lý tạo thành bộ Tuyến Thuyết. Dùng một sợi dây "chẳng trụ vào tướng" để xâu dính lại triệt để. Câu chữ giản dị, dễ hiểu, có ích cho hàng sơ cơ. Nếu nắm được chỗ chỉ quy từ sách này thì đối với chú giải của cổ đức, đối với kinh của Như Lai sẽ như mở được kho báu, tùy ý thụ dụng.

Hai anh em ông Giản Chiếu Nam, Giản Ngọc Giai ở Việt Đông (Quảng Đông), do mẹ mất, các thân hữu đến phúng điếu, ai nấy đều gởi những bài ai điếu, liễn đối phúng viếng. Họ gom lại cho khắc in, đặt tên là Ai Tư Lục. Lại muốn vì mẹ làm lợi cho hết thảy nên bèn cho đúc bản kẽm cuốn Kim Cang Kinh Tuyến Thuyết in thành mấy ngàn cuốn, để cùng với bộ Ai Tư Lục dùng tặng các thân hữu đã phúng điếu để tạ ơn những lời chúc tụng hay đẹp. Một là mong cho mẹ được cao thăng phẩm sen, hai là mong cho thân hữu tăng trưởng thiện căn. Thật đúng là *"hiếu tử bất quỹ, vĩnh tứ nhĩ loại"* (tạm dịch: hiếu tử chẳng cùng khốn, vĩnh viễn ban cho ngươi).

Nếu nghi Kim Cang vô tướng, Tịnh độ hữu tướng, hai pháp làm sao dung thông nhau được? Tôi nói, kinh Kim Cang dạy độ tận hết thảy chúng sanh, nhưng chẳng thấy tướng độ, chẳng trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp để hành bố thí. Bố thí đứng đầu lục độ vạn hạnh; đã dạy chẳng trụ vào tướng bố thí thì trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ, cùng với vạn hạnh, không gì chẳng phải như vậy. Như thế, kinh Kim Cang chính là quy củ chuẩn mực cho con người hành khắp lục độ vạn hạnh, phổ độ hết thảy chúng sanh, chính là cương yếu của khắp hết thảy các pháp môn trong cả một đời giáo hóa. Ấy chính là ngay nơi tướng mà lìa tướng, sao không thể dung thông với Tịnh độ cho được? Phàm pháp

[603] Khi chưa xuất gia, tổ Huệ Năng làm tiều phu, gánh củi đến bán cho ông trưởng giả, nghe ông đọc kinh Kim Cang bèn ngộ chân tâm, phát tâm xuất gia.

độ sanh, chỉ có mỗi Tịnh độ thật là bậc nhất. Muốn sanh về Tịnh độ thì phải tịnh cái tâm, hễ tâm tịnh thì cõi Phật tịnh. Dùng tâm thanh tịnh chẳng trụ vào tướng để niệm Phật thì tâm này làm Phật, tâm này là Phật, vãng sanh Tây Phương, chứng Vô sanh nhẫn, chính là lý sự quyết định chẳng thay đổi vậy, nào còn ngờ gì nữa?

19. Lời tựa tái bản bộ Tán Lễ Địa Tạng Bồ-tát Sám Nguyện Nghi

Tâm thể vốn tịnh, do căn trần mà trược niệm khởi lên; Phật tánh thường tồn, do mê trái nên phàm tình hừng hực. Do vậy, khiến cho sức tịch chiếu bị biến thành duyên tối tăm, loạn động; trong thường trụ, lầm chịu nỗi khổ sanh tử. Chấp trước ngũ ấm, chẳng biết rốt ráo đều là không, ngăn lấp nhất tâm, nào hiểu vốn chẳng thể được. Đắm nhiễm lục trần huyễn cảnh, đọa lạc đường khổ tam đồ, dẫu trải qua vi trần kiếp số, chẳng thể thoát khỏi luân hồi lục đạo. Do vậy đức Thế Tôn ta rủ lòng từ mẫn, nhân Địa Tạng Bồ-tát thưa hỏi, bèn nói pháp luân thập lực của Phật để nghiến nát phiền hoặc, thành tựu đạo khí. Do đấy, vứt bỏ ác pháp, đoạn trừ hết thảy vô y hạnh[604], tu trì thiện pháp, đầy đủ hết thảy hữu y hạnh.

---

[604] Kinh Địa Tạng Bồ-tát Thập Luân dạy có mười hữu y hạnh luân và mười vô y hạnh. Hữu y nghĩa là những hạnh nghiệp có thể nương nhờ vào, dùng chữ luân với ý nghĩa giống như bánh xe lăn, nghiền nát hoặc nghiệp. Như vậy, hữu y hạnh luân là những hạnh nghiệp có thể đoạn phiền hoặc, chứng Bồ-đề. Vô y hạnh là những hạnh nghiệp không thể nương tựa vì chúng tăng trưởng phiền não, vọng tưởng, chấp trước.

Mười hữu y hạnh luân là:

1) Đầy đủ lòng tin trong sạch, trọn tín tâm thanh tịnh.
2) Có đủ lòng hổ thẹn.
3) An trụ trong luật nghi, nhiếp thân khẩu ý, an trụ tịnh giới.
4) An trụ từ tâm.
5) An trụ bi tâm.
6) An trụ hỷ tâm.
7) An trụ xả tâm.
8) Có chánh quy y, y chỉ nơi tam bảo.
9) Đầy đủ tinh tấn, tùy thuận tu học, dũng mãnh, siêng tinh.
10) Thường lạc tịch tịnh, lòng lắng tịnh, tư duy đúng lý, dứt các vọng tưởng.

Mười vô y hạnh là:

1) Gia hạnh hoại nhưng ý lạc không hư hoại.
2) Ý lạc bị hoại nhưng gia hạnh không hoại.
3) Gia hạnh, ý lạc đều hoại.
4) Giới hoại, nhưng kiến không hoại.
5) Kiến hoại, nhưng giới không hoại.
6) Kiến, giới đều hoại.
7) Gia hạnh, ý lạc, giới, kiến đều không hoại, nhưng y chỉ vào sức bạn ác.
8) Tuy y chỉ thiện hữu và có gia hạnh, nhưng ngu độn như dê câm, không phân biệt các sự lý, nghe thiện pháp nói là bất thiện pháp, chẳng lãnh ngộ được ý nghĩa.

Nhưng muốn đắc Vô sanh pháp nhẫn thì phải sám trừ tội khiên đời trước. Nếu chẳng chấp vào ngũ ấm sẽ tự chứng được ba thân. Bên ngoài thì nhờ vào Phật lực, pháp lực, Bồ-tát thệ nguyện lực, trong nương vào sức thành kính, sức sám hối, sức tự tánh công đức nên sương tội ngập trời bị tiêu diệt triệt để; bầu trời chân tánh sẵn có được hiển hiện toàn thể.

Do vậy, biết rằng ba kinh Thập Luân, Bổn Nguyện, Chiêm Sát[605] đều là vì Địa Tạng đại bi nguyện lực khiến cho chúng sanh côi cút không nơi nương cậy trong đời mạt có chỗ nương cậy lớn lao. Đại sư Ngẫu Ích đã chứng pháp thân, thừa nguyện tái lai, thoạt đầu thị hiện làm kẻ xiển-đề, sau trở thành sứ giả Như Lai, một đời hạnh giải, lý sự viên dung, suốt đời trước thuật, tánh tu cùng trọn đủ. Ngài muốn làm cho trược trí trở thành tịnh trí, bèn dựa theo ba kinh trên, soạn ra sám nghi, ngõ hầu biến phàm tâm thành Phật tâm, dùng Thập Luân để làm sáng tỏ sự tán thán, sám hối. Gương báu đã mài, quang minh tự phát, ma-ni đã gột rửa, bèn tuôn ra trân bảo. Thật có thể nói là diệu pháp để phản bổn hoàn nguyên, là đạo để đạt "tâm này làm Phật" vậy. Thượng nhân Hoằng Nhất từ trước đã khâm phục trước thuật của đại sư, bèn cho khắc bản bộ sám nghi này để lưu truyền rộng rãi, khiến cho người có chí diệt hoặc nghiệp huyễn vọng, chứng chân tâm sẵn có, trên nối tiếp huệ mạng Như Lai, dưới tạo thành điển hình cho đời sau đều được thọ trì vậy.

20. Lời tựa khắc lại bộ Giản Ma Biện Dị Lục

Người học đạo suy nghĩ lập hạnh đều phải chất trực, trung chánh, chẳng được có mảy may có tướng thiên vị, riêng tư, lươn lẹo. Nếu có chút thiên lệch, cong quẹo gì thì sẽ như bàn cân không chuẩn, cân các vật nặng nhẹ đều sai. Như thể chất gương chẳng sạch, chiếu các hình tượng khó thể phân biệt tốt xấu. Sai chỉ hào ly, mất đi ngàn dặm; xoay vần sai lầm, không thể ngăn dứt được! Kinh Lăng-nghiêm nói: "Mười phương Như Lai đồng một đạo, nên thoát lìa sanh tử đều dùng trực tâm." Do bảo tâm là trực (ngay thẳng) nên từ địa vị đầu đến địa vị cuối, trong những địa vị trung gian, vĩnh viễn chẳng có tướng cong quẹo. Kinh Thư nói: "Tâm con người khi gặp hoàn cảnh quyến rũ thì tâm đạo bị nhỏ đi, hãy tập trung

9) Đối với các thứ của cải, thường không chán đủ, miệt mài theo đuổi nên tâm bị loạn.

10) Bị các bệnh tật bức bách nên cúng bái thần quỷ, cầu chú thuật.

[605] Trong Đại tạng có ba bộ kinh: kinh Địa Tạng Bồ-tát Thập Luân, kinh Địa Tạng Bồ-tát Bổn Nguyện và kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo đều do đức Địa Tạng khải thỉnh Phật bèn nói pháp, hoặc do một vị Bồ-tát khác khải thỉnh, Phật bèn giảng diễn về công hạnh của Địa Tạng Bồ-tát.

tư tưởng, chuyên nhất gìn giữ đạo tâm, giữ cho thiên tánh không đổi dời[606].” Pháp Tạng[607] đời trước vốn có linh căn cho nên đời này giải ngộ và kiến địa đều chẳng nông cạn, nhưng do cái gốc ngã mạn sâu xa, muốn làm bậc cao nhân thiên cổ đệ nhất, tự mình lập bừa ra những tông chỉ, danh tướng, viết bộ Ngũ Tông Nguyên những mong hậu học suy tôn ông ta, rốt cuộc trở thành tri kiến của tà ma, ngoại đạo. Nếu như khi ấy cứ một bề vâng giữ trực tâm trực hạnh, ắt sẽ thấy trong hội của ngài Mật Vân[608] không ai bằng được, đạo phong lừng lẫy khó gì chẳng vượt trội các phương. Tiếc là ông ta chẳng chú trọng thực ngộ, thực chứng, lại mưu tính, lập cách để mình được vượt trội hết thảy, khiến cho ngài Mật Vân ba lần, bảy lượt quở trách để uốn nắn ông ta.

Con người chẳng phải là thánh hiền, ai không vướng lỗi? Nếu thật sự là người anh hùng, quả cảm sẽ tự hổ thẹn, sám hối, biết lỗi sửa lỗi, cầu thật ngộ, thật chứng, thì pháp mạch Lâm Tế, huệ mạng Như Lai sao không trực tiếp truyền thừa cho được? Lẽ đâu dựng cao tràng kiêu mạn, giữ dở, che lỗi, khiến cho những gã học trò như Hoằng Nhẫn v.v. càng thêm cuồng vọng, phô phang ý kiến ức đoán của chính mình, viết sách Ngũ Tông Cứu, biến chánh thành tà, biến tà thành chánh,

---

[606] Nguyên văn: *“Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi, duy tinh, duy nhất, doãn chấp quyết trung.”* Câu này được hiểu nhiều cách khác nhau, chúng tôi dịch theo cách diễn giải của Thân Hà Vĩnh trong bộ Trung Hoa Văn Hóa Tâm Lý Học Tâm Yếu. Theo ông Thân, nguy ở đây là những nguy hiểm, thử thách, chẳng hạn như danh dự, lợi lộc, của cải v.v.. Đạo tâm là cái tâm tự nhiên, tâm thiên phú, thiên lương v.v.. “Duy tinh duy nhất” là tập trung tư tưởng, gìn giữ đạo tâm. “Doãn quyết kỳ trung” nghĩa là giữ cho thiên tánh chẳng dời. Như vậy câu này có thể hiểu là: “Tâm con người do bị hoàn cảnh quyến rũ, tâm đạo ngày càng nhỏ đi. Phải tập trung tư tưởng, gìn giữ đạo tâm cho không thay đổi.”

[607] Tức Hán Nguyệt Pháp Tạng, người sống vào cuối đời Minh, viết sách Ngũ Tông Nguyên cực lực đề cao tông Lâm Tế, chỉ trích mạt sát các tông phái Thiền khác, nhất là tông Tào Động, lập ra những dị thuyết, gây nên những tranh luận ồn ào cho đến tận thời hoàng đế Ung Chánh nhà Thanh. Học trò ông ta là Hoằng Nhẫn lại còn viết sách Ngũ Tông Cứu cực đoan hơn nữa, coi bốn phái Thiền còn lại đều là tà ngụy. Phái Thiền của Pháp Tạng chủ trương phá chấp triệt để nên ăn mặn, uống rượu, không giữ giới luật cũng không trở ngại gì, khiến cho các tôn đức tông Lâm Tế cũng phải quở trách.

[608] Mật Vân Viên Ngộ (1566-1642) là vị cao tăng tông Lâm Tế đời Minh. Sư người huyện Nghi Hưng, tỉnh Giang Tô, họ Tương, tự Giác Sơ, hiệu Mật Vân, thụy hiệu thiền sư Huệ Định. Ngài là con nhà nông, nhân đọc Lục tổ Đàn Kinh liền hâm mộ Thiền tông. Một ngày nọ nhìn đống củi có chỗ ngộ, bèn xuất gia với ngài Huyễn Hữu Chánh Truyền ở viện Long Trì vào năm 29 tuổi. Năm Vạn Lịch (1602), Chánh Truyền lên kinh đô, sư được cử làm giám viện chùa Vũ Môn. Một ngày nọ đi qua núi Đồng Quan, hốt nhiên đại ngộ, được ngài Chánh Truyền trao y bát vào năm 39 tuổi. Năm 45 tuổi, được kế nhiệm trụ trì tổ đình Long Trì. Về sau lần lượt trụ tại các chùa Thiên Thai, Hoàng Bá, Thiên Đồng... trước sau 30 năm, đại chấn tông phong, được xưng là tổ trung hưng tông Lâm Tế. Đệ tử hơn 3 vạn người, nổi tiếng nhất là Đạo Mân, Thông Dung, Pháp Tạng v.v.. Tổ Huệ Nguyên của tông Hoàng Bá tại Nhật cũng là đệ tử của ngài Mật Vân. Sư tịch năm Sùng Trinh thứ 15 (1642) tại chùa Thông Huyền, thọ 77 tuổi.

báng pháp, báng tăng, tự lầm, lầm người. So với Pháp Tạng, lại càng sâu nặng gấp mười. Kẻ đui dẫn lũ mù, kéo nhau vào hầm lửa. Ôi, đáng buồn thay! Đương thời, Pháp Tạng, Hoằng Nhẫn mặc tình tô vẽ, khiến cho môn đình rất thạnh, hàng sĩ đại phu đa phần thành ngoại hộ. Do vậy, những tà thuyết lầm lạc trong các bộ ngữ lục Ngũ Tông Nguyên, Ngũ Tông Cứu của cha con họ đều được đưa vào Đại tạng.

Đến năm Ung Chánh thứ mười một (1733), Thanh Thế Tông muốn tuyển chọn ngữ lục, đọc khắp các trước tác của họ, biết họ mang ý kiến lầm lạc, đến nỗi làm mù chánh nhãn của người khác, bèn truyền hủy sạch những bản ấy. Lại sắc truyền các tùng lâm trong thiên hạ, phàm có sách hay ván in sách ấy, phải hủy trừ cho hết. Nếu giấu giếm, bị phát giác sẽ kết tội phạm luật. Lại sợ có người bị trúng độc sâu xa, không thể ói ra hết được, do sách Ngũ Tông Cứu cuồng vọng, trái nghịch quá mức, vua bèn trích lục hơn 80 điều từ sách ấy, vạch trần, phê phán từng điều, truyền đưa vào Đại tạng hòng mở con mắt chánh cho người, báo ân Phật, ân tổ. Nhưng do muôn vàn điều không rảnh rỗi, đến mùa xuân năm Ung Chánh 13 (1735) mới hoàn thành bản cảo, chưa sửa chữa hoàn chỉnh, xe rồng đã lên làm khách cõi trời. Cao Tông (Càn Long) kế vị, mới cho khắc ván. Chỉ vì chẳng giao phó cho người thông hiểu, nên với những chữ viết giả tá theo lối chữ thảo đa phần sửa thành lối chữ chân phương, chẳng hạn như chữ vị 謂 (nói) sửa thành chữ vị 為 (vì), nhiều đến hơn cả trăm chỗ[609]. Những kinh sách được Thế Tông khắc in đều giảo chánh, đối chiếu tinh xác, nghiêm cẩn, chỉ có mình sách này sai ngoa quá nhiều. Do vậy, biết sách ấy được khắc sau khi nhà vua đã lên làm khách cõi trời.

Hơn nữa, mùa xuân năm Ung Chánh thứ 13, khởi công khắc ván Đại tạng kinh, vua đã truyền dụ đem sách này nhập tạng để lưu thông, nhưng rốt cuộc không nhập, là vì Cao Tông lên ngôi chưa lâu, chuyên lo chánh trị, không rảnh rang đề xướng. Còn những hàng tăng tục khác thì do đồ đảng của Pháp Tạng quá đông, nên đều sợ nếu đề xướng [nhập tạng sách này] ắt phải chuốc họa. Do vậy, gác lại không bàn đến, cho nên không nhập. Bản ván khắc sách của triều đình được giữ trong đại nội, trừ phi hoàng đế hạ chỉ, không cách nào ấn loát được. Vì thế sách này chẳng được lưu truyền trong đời. Nhưng pháp bảo này ắt có thần, vật thủ hộ, khiến cho sách được giấu kín đã lâu lại xuất hiện, được lưu truyền

[609] Do viết chữ Hán theo lối thảo thường bỏ bớt nét và dùng hình thức giả tá (tức là dùng chữ đồng âm, ít nét hơn, để viết cho tiện, cho nhanh). Khi đọc, phải căn cứ theo ngữ cảnh để hiểu tác giả thật sự muốn dùng chữ gì. Điều này đòi hỏi người đọc phải thông hiểu nội dung, thâm hiểu Phật pháp mới viết cho đúng chữ chân phương được.

rộng rãi, nhân duyên này được ghi đầy đủ trong lần in thạch bản. Nay tính khắc lại bản gỗ, bèn lắng lòng giảo duyệt, hòng khôi phục lại bản lai diện mục cho tác phẩm của Thế Tông. Cư sĩ Ưng Quý Trung nguyện bỏ tiền khắc lại, nên tôi bèn viết lời tựa nêu rõ đầu đuôi để thuật cùng người thông suốt trong mai sau.

Phàm muốn liễu sanh thoát tử, ắt phải thật chứng. Nếu chỉ ngộ chưa chứng thì phiền hoặc vẫn còn, phải nỗ lực vô cùng. Nếu có thể khăng khắng dốc sức, trải duyên rèn luyện, tâm luôn giác chiếu, thầm phù hợp thánh trí, phàm tình nhân ngã thị phi sẽ không do đâu khởi được. Nếu chẳng gắng giác chiếu, phàm tình vẫn cứ lừng lẫy như cũ thì công hạnh càng cao, tình kiến càng nặng; từ ngộ nhập mê sẽ khó thể tránh khỏi. Như người tỉnh ngủ không ngồi dậy, hồi lâu sau lại ngủ tiếp. Cổ nhân nói: "Đại sự đã sáng tỏ, như chôn cha mẹ"[610]. Chính là vì phiền hoặc chưa đoạn, chỉ sợ lại mê. Phải biết người đoạn hoặc, không còn phàm tình, đã không còn phàm tình, nào còn có sanh tử? Người đại ngộ dẫu ngộ bằng chư Phật, nhưng hoặc chưa đoạn trừ thì phải niệm niệm giác chiếu, hầu tránh khỏi dùng phàm tình xử sự.

Cha con Pháp Tạng, Hoằng Nhẫn tuy ngộ xứ cao sâu, nhưng chỉ vì ngã mạn quá đáng đến nỗi hoàn toàn bị vùi lấp trong tình kiến nhân ngã, lại toan muốn làm bậc cao nhân đệ nhất nối tiếp huệ mạng Phật, đến nỗi một phen lầm lẫn vĩnh viễn lầm lạc, không sao quay lại được. Dốc cạn trí lực, chỉ thành thân phận một kẻ tầm thường, chẳng đáng buồn ư? Như Lai biết sâu xa chúng sanh đời mạt phiền hoặc khó đoạn nên riêng mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh độ khiến cho lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây Phương. Đã được vãng sanh liền siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, hầu cận Di-đà, theo gót hải chúng. Từ đấy phá trọn vô minh, triệt chứng tự tâm, thẳng đến khi thành Phật mới thôi. Nếu như Pháp Tạng, Hoằng Nhẫn biết được điều này ắt sẽ thượng phẩm thượng sanh, chứng Vô sanh nhẫn, hiện đủ mọi sắc thân, rộng độ quần mê. Đâu đến nỗi bóng bẩy, màu mè, mong được hư danh vượt Phật trội tổ, muốn lưu danh thơm trăm đời. Lúc bị người sáng mắt thấy thấu suốt, bèn lộ tiếng tà ma ngoại đạo, để tiếng xấu muôn năm. Than ôi, buồn thay!

21. Lời tựa bản thạch ấn sách Giản Ma Biện Dị Lục (viết thay cư sĩ Xí Giác Triệu Hy Y)

[610] Ý nói đã ngộ rồi, thì càng phải nghiêm túc tu tập, như con làm đám ma cho cha mẹ, chẳng dám khinh thường, đãi bôi chút nào.

Từ khi Phật pháp truyền vào Trung Quốc, đế vương các đời không ai chẳng sùng phụng, nhưng có những vị chỉ gieo hạt giống kết duyên, có vị ngộ chứng, đủ mọi hạng bất đồng. Tìm lấy một vị thâm nhập kinh tạng, đạt thẳng nguồn thiền, chứng diệu tâm Niết-bàn, có chánh nhãn Kim Cang, nhân lúc tu - tề - trị - bình được rảnh rỗi, bèn xiển dương tông chỉ *"niêm hoa trực chỉ"* (cầm cành hoa giở lên để chỉ thẳng vào tâm)[611] thì chỉ có mình hoàng đế Thanh Thế Tông là bậc nhất. Nếu không phải là bậc Pháp thân đại sĩ thừa nguyện tái lai, nắm vững cốt lõi đạo quyền thật không hai, độ chúng sanh luân hồi không nơi nương tựa thì há có được như vậy hay chăng? Về trước thuật của nhà vua, trong Đại tạng có Viên Minh Cư Sĩ Ngữ Lục gồm ba quyển (Cư sĩ Viên Minh là đạo hiệu của Thanh Thế Tông). Ngoài ra, những tự, bạt, truyện, ký, thấy rải rác trong những kinh, luận, ngữ lục, thảy đều khéo léo khế hợp tâm Phật, ngầm hợp ý tổ. Chữ nào chữ nấy tỏ rõ sự thật, lời nào lời nấy đều quy tông. Như gảy bàn tính, như báu ma-ni, phàm những ai có đủ con mắt không ai chẳng bội phục.

Vào cuối đời Minh, trong số đồ đệ của sư Mật Vân Viên Ngộ, có Pháp Tạng tự là Hán Nguyệt, thiên tư thông minh, mẫn tiệp, gốc ngã mạn sâu dày. Sau khi đại ngộ, bèn muốn làm bậc cao nhân thiên cổ độc nhất không ai sánh bằng, vì thế lập bậy chủ kiến, viết sách Ngũ Tông Nguyên, mong muốn vượt trội hết thảy. Chẳng biết Như Lai tâm ấn như vầng trăng trong mát, mây ngã mạn vừa đùn, liền che mất ánh trăng; chân như diệu tánh như thái hư không, bụi ngã mạn vừa bay tung, liền bẩn thể chất của không. Đủ mọi thứ bôi vẽ, trau chuốt, bẹo hình bẹo dạng cuồng vọng, trái nghịch, cầu thăng hóa đọa, biến khéo thành vụng. Mật Vân quở lên, trách xuống, Pháp Tạng cùng với học trò là Hoằng Nhẫn vẫn chấp mê chẳng tỉnh. Sư phải cứu vớt nhiều lần nhưng ông ta lại toan lấn lướt ngài Mật Vân, bảo "ta tự ngộ không cần thầy", Mật Vân bị ép phải đem mối đạo giao phó. Những

[611] Niêm hoa (còn gọi là "niêm hoa vi tiếu"): Theo truyền thuyết của Thiền tông, trong pháp hội Linh Sơn, đức Phật giơ cành hoa cho đại chúng xem, đại chúng ngơ ngác, chỉ mình tôn giả Ca-diếp mỉm cười. Đức Thế Tôn bèn nói: "Ta có chánh pháp nhãn tàng, Niết-bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, pháp môn vi diệu, chẳng lập văn tự truyền riêng ngoài giáo, nay giao cho Ma-ha-ca-diếp." Nhà Thiền bảo sự tích này lấy từ kinh Đại Phạm Thiên Vương Sở Vấn, nhưng hiện thời chưa tìm thấy bản kinh này trong Đại tạng, ngoại trừ một bản ghi trong Tục tạng, nhưng cũng bị nghi ngờ tính chân xác. Theo kinh Đại Bát Niết-bàn, trước khi đức Phật nhập diệt, đã giao phó chánh pháp cho tổ Ca-diếp như sau: "Vô thượng chánh pháp giao phó cho Ma-ha-ca-diếp, Ca-diếp sẽ là chỗ y chỉ lớn lao cho các tỳ-kheo, giống như Như Lai là chỗ y chỉ cho mọi chúng sanh." Do vậy, các nhà nghiên cứu Phật học hiện thời cho rằng thuyết "niêm hoa vi tiếu" chính là sự thêm thắt, tô vẽ của Thiền tông Trung Hoa sau thời Thần Hội vào đoạn kinh trên.

ngôn thuyết của Pháp Tạng phần nhiều là dối lập, ít có sự thật. Hàng tri thức thời ấy tuy biết ông ta sai, nhưng thầy ông ta còn chẳng làm gì được; lại thêm môn đình của ông ta quá mạnh, hàng sĩ đại phu đa phần là kẻ ngoại hộ, chỉ sợ vừa phê phán đã khó khỏi mắc họa. Do vậy, họ đều chẳng dám bàn đến nữa.

Đến năm Ung Chánh mười một (1733), Thế Tông xem khắp các ngữ lục của Mật Vân, Pháp Tạng, Hoằng Nhẫn, thấy tri kiến của họ lầm lạc liền chép ra hơn mấy mươi ý kiến phỏng đoán, tà thuyết của họ để biện định chánh tà một phen. Tính ra đến hơn mười vạn chữ, đặt tên là Ngự Chế Giản Ma Biện Dị Lục, liền cho khắc thành sách để thành bản in của triều đình, lại truyền đưa sách ấy vào Đại tạng hòng trừ tà thuyết để chánh nhân tâm, chấn hưng tông phong, sáng tỏ đạo tổ. Đến năm thứ mười ba (1735) khởi công khắc in Đại tạng, nhưng xe rồng đã lên làm khách cõi trời. Cao Tông (Càn Long) kế vị, ngày ngày phải lo muôn chuyện, chẳng rảnh rỗi đề xướng, đến nỗi rốt cuộc chẳng được nhập tạng. Sách đã khắc thành bản in chánh thức của triều đình được giữ trong đại nội, chẳng dễ lưu thông. Vì thế, những hàng đại gia tăng tục bác học đa văn hiện thời đều chẳng biết đến tựa đề sách này.

Năm Giáp Thìn (1904) đời Quang Tự, bạn tôi là Tử Nhậm tìm được hai bộ sách này ở chợ sách Bắc Kinh, gởi một bộ cho pháp sư Đế Nhàn mong ngài đề xướng quyên mộ lưu thông, một bộ giao cho ông Dương Nhân Sơn gởi qua Nhật Bản, đưa vào Đại tạng kinh bản in mới của Hoằng Giáo Thư Viện. Mùa xuân năm nay, tôi muốn vượt biển đến đất Hỗ (Thượng Hải) gặp cư sĩ Địch Sở Thanh. Tôi nói: "Ông thích truyền bá những sách cổ, sao không lấy cuốn Giản Ma Biện Dị Lục trong Đại tạng kinh của Hoằng Giáo Thư Viện để khắc ván ấn hành? Sách này do Thế Tông đem tâm pháp của Linh Sơn, Tứ Thủy để mở đại quang minh tạng Kim Cang chánh nhãn cho hai đạo Nho, Thích. Nếu sách này được lưu truyền, chẳng những người tham thiền lập tức biết chỗ quy hướng, ngay cả người đề cao Khổng Mạnh để dò tìm *thành minh* đến cùng cực cũng sẽ như ngồi thuyền gặp được gió thuận, mau đến được bờ kia!" Cư sĩ nói: "Trước kia ở kinh đô, con tìm được một bộ trong đống đồ cũ nát, cất trong rương sách đã hơn cả năm. Nếu không nhờ thầy nói, chắc là bỏ qua mất rồi!" Liền giao cho nhà in để họ chiếu theo thể thức in thạch bản, in ra một ngàn bộ, xin tôi viết lời tựa. Tôi hết sức vui mừng, quên mình kém cỏi, soạn lời tựa để phô bày cơ duyên ẩn hiển như vậy.

22. Lời tựa cho sách Tam Thập Nhị Tổ Truyện Tán

Khởi đầu từ chuyện đức Thế Tôn giơ cành hoa, Ca-diếp mỉm cười, "chánh pháp nhãn tàng, Niết-bàn diệu tâm" liền được phổ biến khắp hoàn vũ. Cho đến khi đại giáo truyền sang Đông, tổ Đạt-ma từ trời Tây sang, những vị viên ngộ Phật tánh, triệt chứng tự tâm, tiếp nối huệ mạng của Như Lai, làm đạo sư cho trời người, thật rất nhiều. Những vị được Truyền Đăng Lục, Cao Tăng Truyện ghi chép chỉ là mười phần, một phần trong trăm ngàn phần mà thôi. Còn những vị ẩn đức chẳng phô bày, giấu kín chẳng tỏ rõ làm sao kể xiết được?

Thanh Thế Tông Hiến Hoàng Đế (Ung Chánh) đã chứng pháp thân từ lâu, thừa nguyện tái lai, dù Tông hay Giáo không gì chẳng thấu nguồn tột đáy. Kể từ khi lên ngôi, trong vòng mười năm, chuyên coi sóc việc chánh trị, chẳng đề xướng Phật pháp vì mong thiên hạ thái bình, phong tục thuần mỹ. Sau đấy mới tuyên bố pháp hóa sẽ dễ được lợi ích, như đồ đựng đã khử chất độc có thể chứa được cam lộ. Đến năm Ung Chánh 11, bèn dùng thân nhân vương (vua trong cõi người) làm chuyện pháp vương, một vai gánh vác cả Phật pháp lẫn thế pháp. Nho giáo, Thích giáo, nhất đạo cùng hành. Lấy tâm pháp Linh Sơn, Tứ Thủy để thuật luân âm truyền tân tục diệm[612], không có chẳng hai, chân tục viên dung, thật muốn cho nhân dân trong khắp cõi đời đều là con đích thật của đấng Như Lai, hữu tình trong hiện tại lẫn tương lai đều cùng được hưởng cảnh sắc rạng rỡ nơi bổn địa.

Vào mỗi ngày sóc, vọng[613], hoặc thánh đản của Phật, Bồ-tát liền trực tiếp bảo ban quần thần nơi triều đình, hoặc truyền chiếu chỉ tới đại thần nơi biên cương cho đến thứ dân, làm cho họ đều hiểu rõ tự tâm, đều hướng đến đạo nghịch trần theo giác, chẳng đến nỗi bỏ uổng Phật tánh, chịu nỗi đau buồn sanh tử luân hồi oan uổng. Hoặc hạ sắc chỉ truyền các tùng lâm trong thiên hạ phải tận lực giữ thanh quy, tinh tu phạm hạnh, chân tham thật ngộ, minh tâm kiến tánh, ngõ hầu hoằng dương quang đại pháp đạo, hỗ trợ kế sách của vua. Lại vào những ngày sóc - vọng, ắt đích thân nâng ngọn bút sắc sảo, cung kính vẽ hình một bậc cổ đức. Trích lấy những điều chính yếu trong truyện ký của vị ấy, soạn thành tiểu truyện. Lại làm một bài tán nhằm phát huy nghĩa lý uyên áo, tự chép trên đầu bức vẽ. Cho khắc in thạch bản giữ trong đại nội, ngõ hầu làm bản mẫu dùng in rập hòng được lưu truyền. Bắt đầu từ tháng Hai năm Ung Chánh 11 cho đến tháng Ba năm Ung Chánh 13, vẽ được tổng cộng 32 vị. Đến tháng Tư, xe rồng lên làm khách

[612] Truyền tân tục diệm: Truyền tân là nói tắt của "hỏa truyền tân tận" (lửa truyền củi hết), tục diệm (nối tiếp ngọn lửa) đều có ý nghĩa là kế thừa, phát huy đạo của thầy. Luân âm có nghĩa là thánh chỉ. Thanh Thế Tông là hoàng đế nên những gì nhà vua viết được gọi là "luân âm".
[613] Sóc: ngày mồng một đầu tháng; vọng: ngày rằm.

cõi trời, khiến cho vô lượng cổ đức chưa tỏa được quang minh sâu thẳm, đáng tiếc lắm!

Đến năm Càn Long thứ 9 (1744), với mục đích trang hoàng, vua đem 32 cuốn trục bản rập hình tổ ấy ban cho chùa Lý An ở Vũ Lâm[614]. Về sau, nhà chùa tu chỉnh Tự Chí bèn đem bộ truyện tán ấy đặt vào đầu sách để cảm tạ ân sủng, nhưng bộ truyện tán đó chưa được khắc thành sách. Do vậy, cõi đời chẳng được thấy nghe. Trộm nghĩ đạo phong của cổ đức trời người ngưỡng mộ, như vầng trăng vằng vặc trên không, vạn con sông đều hiện bóng. Quang minh sáng sạch, mở rộng tâm mắt con người, tự có thể đốn khai tâm địa, thấy thấu suốt bầu trời chân tánh. Lại được ngọn bút tài hoa của Thế Tông phát huy, cùng cổ đức chiếu rọi lẫn nhau thấu suốt không tỳ vết. Nếu một phen được xem đến liền thấu cội đạt nguồn, đạt được minh châu nơi chéo áo, phá trần, lìa chấp, mở được kinh quyển đại thiên. Từ đó tâm tâm tương ấn, đăng đăng tương truyền[615], khiến cho mình lẫn người cùng chứng chân thường, khiến cho phàm thánh cùng lên bờ giác, ngõ hầu chẳng phụ Thế Tông một phen dốc ý soạn truyện. Do vậy, quyên mộ cư sĩ Ưng Quý Trung bỏ tiền khắc bản để làm của chung cho những người cùng chí hướng. Trước mỗi truyện, đặt đề mục, khiến cho vừa xem đến liền hiểu rõ ngay, cũng như chép duyên khởi để bảo cùng những người thông suốt trong tương lai.

23. Lời tựa sách Tịnh Nghiệp Lương Đạo

Sa-bà là đường hiểm sanh tử, Cực Lạc là quê nhà thường trụ. Chúng sanh do một niệm bất giác, đi vào trong đường hiểm không thể thoát ra được, dù có muốn lìa đường hiểm này trở về quê nhà, nhưng chúng sanh không có con mắt huệ chẳng biết hướng về đâu. Nếu không có người hướng dẫn tốt lành, chẳng những đi nhầm vào đường rẽ, rốt cục thành đi sai đường, lại còn phải lo sa hầm sụp hố, táng thân mất mạng nữa. Tịnh độ ba kinh, một luận cũng như hết thảy kinh luận Đại thừa đều là đạo sư (người dẫn đường). Nhưng do văn sâu xa, nghĩa uyên áo, kẻ sơ cơ chẳng dễ lãnh hội. Tuy là vô biên diệu nghĩa, đầy đủ không sót gì, nhưng do tâm thức ám độn nên thường nghi ngờ chẳng thể quyết đoán được, tuy có lòng tin nhưng chẳng thể phát sanh. Do vậy, cổ đức các đời đều lưu lại ngôn giáo hòng

[614] Chùa này tên cổ là Pháp Vũ, nằm trên núi Lý An, thuộc ngoại vi thành Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang. Thời Tống Lý Tông, nhằm mục đích cầu phước an dân nên đổi tên chùa thành Lý An tự. Càn Long từng sáu lượt đến thăm chùa này.

[615] Ý nói: Tâm pháp được truyền thừa từ đời này sang đời khác không đoạn tuyệt, giống như ngọn đèn này đốt nối qua ngọn đèn khác.

thích hợp thời tiết, căn cơ, vì thế pháp được lưu truyền, không úng tắc, mọi căn cơ đều được lợi lạc, cứu tế.

Cư sĩ Vô Danh tuy chưa tự độ, nhưng chí thiết tha độ người, vì thế bèn sao lục những câu thích hợp thời cơ trong Lạc Bang Văn Loại và văn tập của các vị Liên Trì, Tử Bách, Hám Sơn, Ngẫu Ích được hơn mấy mươi thiên, hòng thích ứng cho những người vừa mới nhập pháp môn. Đợi đến khi đã hiểu được đường lối, sẽ đọc toàn bộ những tác phẩm gốc, ắt biết vị của một giọt nước và vị của biển cả không hai, không khác. Đại sự nhân duyên xuất thế của đức Như Lai chỉ có một pháp Tịnh độ mới có thể rốt ráo tỏ bày bổn hoài của Phật. Cư sĩ Vô Danh khiêm tốn, chẳng dám tự chuyên, bảo Quang giám định. Do đó, tôi bèn đặt tựa đề là Tịnh Nghiệp Lương Đạo (hướng dẫn tốt lành cho tịnh nghiệp).

24. Lời tựa sách Phật Học Sơ Giai

Phật pháp rộng lớn, chẳng dễ suy lường. Muốn cho đồng nhân đều được tắm gội pháp trạch thì phải do mắt thấy tai nghe sự tích nhân quả báo ứng, luân hồi sanh tử nông cạn để chỉ bảo, dẫn dụ, khiến cho họ bỏ đi cố chấp câu nệ, hư huyễn, thấy được trời đất rộng lớn hòng đoạn nghi sanh tín, càng vào càng sâu, ắt mong triệt ngộ tự tâm, khôi phục cái mình sẵn có và nương vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Lại còn đem những điều ấy giáo hóa mọi người, quyết chẳng chịu trên cô phụ sự giáo hóa của Phật, dưới chẳng phụ tánh linh của chính mình, bao kiếp cam chịu sanh tử luân hồi khổ độc. Cư sĩ Đinh Phước Bảo thệ nguyện hoằng thâm, từ bi rộng lớn, muốn cho dân chúng đều lên được bờ giác, nhân đó bèn thâu thập những chuyện nhân quả luân hồi, công đức của tam bảo, lợi ích của Tịnh độ từ di tập của các bậc danh hiền tăng tục cũng như từ kinh luận của Phật, tổ, soạn thành sách, đặt tên là Phật Học Sơ Giai (bước đầu học Phật), mong cho độc giả nhân đây bèn tìm cầu, đối với đại pháp chẳng thể nghĩ bàn "đoạn hoặc chứng chân, từ phàm thành thánh" đều tự đạt được, thật sự thực hiện được.

So với những bộ sách ông đã soạn trước đây như Phật Học Chỉ Nam, Phật Học Khởi Tín Biên và Lục Đạo Luân Hồi Lục thì tuy chi tiết hay giản lược khác nhau, nhưng cốt yếu đều nhằm tạo bậc thang cho người mới học mà thôi. Nếu là bậc trượng phu quyết liệt, ắt phải đăng phong tạo cực[616], quyết chẳng đến nỗi vạch đất tự hạn chế để hòng được yên ổn chẳng muốn tiến lên nữa.

25. Lời tựa sách Thích Giáo Tam Tự Kinh

[616] Đăng phong tạo cực: Đạt đến cảnh giới tuyệt đỉnh

(Viết thay cho Xuy Vạn Lão Nhân Thích Quảng Chân[617] chùa Tụ Vân ở Trung Châu, Thục Đông, thời Thiên Khải nhà Minh)

Con người có cùng một cái tâm, tâm có cùng một lý ấy, phàm thánh chẳng hai, chúng sanh và Phật như một, do mê ngộ sai khác đến nỗi thăng trầm thật khác biệt. Đại Giác Thế Tôn xót thương, thị hiện thành Chánh giác, chuyển đại pháp luân. Vốn từ nhất tâm mà tạo dựng bè báu trong bến mê, muốn cho khắp đời vị lai đều lên bờ đạo. Do vậy, đem những gì đã giảng trong ngũ thời giáo[618] và ý chỉ "truyền riêng ngoài giáo" giao cho các đệ tử, sai lưu thông rộng rãi. Do vậy, chư tổ các tông nối tiếp nhau hưng khởi, hoằng Tông diễn Giáo, thay Phật hoằng dương, giáo hóa. Đến nay lâu đời nhiều năm, sự nhiều nghĩa rộng, nếu chẳng đọc thấu hiểu Đại tạng diệu ngộ tự tâm, sẽ không thể nào suy lường đầu mối, nắm được cương yếu. Tôi thường muốn tóm lược đại khái để chỉ bảo hàng hậu tấn, do nghĩ đến tiên sinh Vương Bá Hậu[619] thời Tống Nho soạn sách Tam Tự Kinh để tóm tắt đạo luân thường, xử thế hằng ngày và những chuyện tích thái bình hay loạn lạc của các đời, khiến cho người học trước là biết được đại lược, về sau sẽ dần dần hiểu rộng. Tuổi thơ học đến, lớn lên thực hành, lập thân hành đạo, thờ vua giúp dân, khôi phục điều thiện sẵn có trong tâm tánh con người.

Do vậy bèn phỏng theo ý đó, thuật đại lược chuyện Như Lai giáng sanh, thành đạo, thuyết pháp độ sanh, chư tổ tiếp nối huệ mạng Phật, tùy cơ lập giáo, cũng như những lời hay hạnh đẹp tự lợi, lợi người của chư cổ đức, đặt tên là Thích Giáo Tam Tự Kinh, để khi còn làm sa-di[620] đọc tụng, tu tập, biết những nghĩa

---

[617] Xuy Vạn Lão Nhân Thích Quảng Chân (1582-1639), pháp hiệu Tụ Vân, người xứ Tứ Xuyên, đắc pháp nơi Thụy Trì Nguyệt hòa thượng, thuộc pháp hệ đời thứ hai mươi tám của ngài Nam Nhạc. Thiên Khải là một niên hiệu của Minh Hy Tông kéo dài từ năm 1621 đến năm 1627.

[618] Ngũ thời giáo là năm giai đoạn thuyết pháp của đức Phật: Hoa Nghiêm, A-hàm, Phương Đẳng, Bát-nhã, và Pháp Hoa - Niết-bàn.

[619] Vương Bá Hậu là tên tự của Vương Ứng Lân (1223-1296), hiệu là cư sĩ Thâm Ninh. Ông sống vào thời Nam Tống, vốn quê quán tại Khai Phong, sau đổi sang sống tại Khánh Nguyên (nay thuộc Ninh Ba, tỉnh Chiết Giang), đỗ tiến sĩ, làm đến chức Thái Thường Tự Chủ Bạ, nhưng do nói lời thẳng nên bị cách chức. Sau được bổ làm Thông Phán Thai Châu, rồi làm Thị Giảng kiêm Bí Thư Thiếu Giám. Vì Giả Tự Đạo đố kỵ, ông lại bị đổi đi Huy Châu, đến khi Giả Tự Đạo mất chức mới chuyển về giữ chức Lễ Bộ Thượng Thư kiêm Cấp Sự Trung. Ông rất tinh thông kinh sử, địa lý, thông thuộc các điển chế, khảo cứu tỉ mỉ, tác phẩm có những cuốn nổi tiếng như Ngọc Hải, Ngọc Đường Loại Cảo, Thi Địa Lý Khảo, Thâm Ninh Tập v.v., nhưng tác phẩm nổi tiếng hơn cả vẫn là Tam Tự Kinh.

[620] Sa-di: Tiếng Phạn là sramanekara hoặc sramanera; phiên đủ âm là thất-la-ma-noa-lạc-ca, hoặc thất-la-mạt-ni-la. Dịch ý là cầu tịch, pháp công, tức ác (dứt sự ác), cần sách (siêng năng, gắng công), nói chung có nghĩa là dứt ác, hành thiện, cầu chứng viên tịch. Trong tăng đoàn, sa-di là người thọ mười giới, chưa thọ cụ túc giới, ít nhất từ bảy tuổi trở lên. Nữ gọi là sa-di-ni.

trọng yếu của kinh Phật, hiểu rõ cương tông của đạo tổ. Lớn lên xem khắp tam tạng, tham học khắp năm tông, diệu ngộ tự tâm, thầm hợp Phật ý, mới biết "sắc núi, tiếng khe đều chỉ bày đệ nhất nghĩa đế; quạ kêu, sẻ hót cùng nói vô thượng tâm tông". Chẳng đồng, chẳng khác, chẳng có, chẳng không, vừa là quyền, vừa là thật, vừa là tục, vừa là chân. Rộng thì tột cùng hư không chẳng thể chứa đựng được, gọn thì tìm lấy một chữ cũng không thể được. Sau đấy nương đại nguyện luân, xiển dương pháp hóa, khiến cho pháp giới chúng sanh quy y nhất thể tam bảo, khôi phục mặt mũi vốn có, truyền vô tận tâm đăng. Đấy chính là điều tôi thường mong mỏi hàng hậu tấn phát tâm tu tập vậy!

26. Lời tựa cho tập Mô Tượng Thi của cư sĩ Lưu Viên Chiếu

(Do ông ta khắc con dấu có chữ chiếu trong vòng tròn nên mở đầu vẽ một hình tròn)

O Một đoạn quang minh này chẳng phải nhân, chẳng phải quả, chẳng phải thánh, chẳng phải phàm, chẳng phải đoạn, chẳng phải thường, chẳng phải sanh, chẳng phải diệt, cổ kim thường hằng, chiếu trời soi đất. Khi Phật chưa xuất thế, lúc tổ chưa từ trời Tây qua, ai nấy vẫn sẵn đủ, chẳng thiếu chẳng thừa. Hiềm rằng chúng sanh đang mê, ôm của báu mà chịu túng quẫn, ngược ngạo dùng ánh sáng chiếu trời soi đất này để khởi hoặc tạo nghiệp, luân hồi sáu nẻo. Do vậy, đức Thế Tôn muốn lập cách tế độ, thị hiện thành Chánh giác, vào lúc cuối đêm thấy sao Mai, hoát nhiên đại ngộ, bèn than thở: "Lạ thay, lạ thay! Hết thảy chúng sanh có đủ trí tuệ, đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước mà chẳng chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng, chấp trước thì nhất thiết trí, tự nhiên trí, vô ngại trí đều được hiện tiền." Do vậy, tùy cơ giáo hóa, đối bệnh phát thuốc.

Do chúng sanh căn cơ chẳng giống nhau, nên ngài nói ra pháp tiệm hay đốn, hoặc thật, hoặc quyền, đủ mọi thứ bất đồng. Tuy lập ra các phương tiện, nhưng không gì chẳng nhằm uyển chuyển dẫn dụ chúng sanh, khiến cho ai nấy đều triệt chứng tâm quang này, rốt ráo thành Phật mới thôi. Đấy chính là "lời thô, lẽ tế đều quy về đệ nhất nghĩa; thoạt đầu thì ngàn căn cơ đều vun bồi, cuối cùng thì đồng quy một đạo". Lại do chúng sanh độn căn nếu chẳng liễu thoát ngay trong một đời này thì luân hồi sanh tử hoàn toàn không thể chấm dứt được. Vì thế đặc biệt

---

Ngoài mười giới căn bản, sa-di phải vâng giữ 14 sự và 72 oai nghi. Riêng ở Nhật Bản, do giới luật suy bại, còn có cái gọi là "tại gia sa-di", tức là kẻ tu hành đã xuống tóc, thọ giới nhưng vẫn có vợ con. Trong một số tông phái như Nhật Liên Tông, Tịnh Độ Chân Tông, những hòa thượng, đại đức của họ thậm chí còn không cạo đầu, không mặc áo tu. Chỉ khi nào làm lễ mới mặc pháp y. Đa số tăng sĩ Nhật Bản có vợ con.

mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật để người chưa đoạn hoặc nương vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh, người đã đoạn hoặc nương theo Phật từ lực mau chứng được pháp thân; khiến cho khắp thượng trung hạ căn dù thánh hay phàm cùng chứng chân thường, sanh lên bờ kia, phô bày cùng cực bản hoài xuất thế của Như Lai, triệt để đạt được Phật tánh chúng sanh sẵn có. Cao đẹp thay ân Phật, hết kiếp không thể khen ngợi trọn vẹn!

Đến khi đại giáo truyền sang Đông, pháp này bèn được gọi là Liên tông do pháp này niệm Phật cầu sanh Tây Phương, liên hoa hóa sanh, được dự vào Liên Trì Hải Hội, thân cận Di-đà Thế Tôn và Quán Âm, Thế Chí, các thượng thiện nhân. Về sau, tổ Đạt-ma từ Tây Vực qua truyền Phật tâm ấn, chỉ thẳng tâm người, kiến tánh thành Phật. Nhưng chỗ thấy biết, thành tựu của pháp ấy chính là chỉ ra Phật tánh thiên chân sẵn có trong tâm chúng ta, khiến cho con người trước hết biết được cái gốc thì hết thảy các pháp tu chứng sẽ tự có thể nương theo đó để tiến hướng, cho đến khi tu cái không thể tu, chứng cái không thể chứng mới thôi. Chứ không có nghĩa là hễ ngộ liền được phước tuệ đều vẹn toàn, viên mãn Bồ-đề, rốt ráo Phật đạo đâu! Ví như vẽ rồng điểm mắt khiến cho tự được thụ dụng. Do vậy pháp này thạnh hành nơi Chấn Đán, rực rỡ rạng ngời, đạo "tâm này chính là Phật", pháp "không phải tâm, không phải Phật" phổ biến khắp hoàn vũ. Người căn cơ thiên bẩm sâu dày thì đối với mỗi một cơ, một cảnh, hễ biết được đầu mối thì nói lời, thốt lẽ, tự lìa khuôn sáo, vào sanh ra tử trọn chẳng vướng mắc, được đại giải thoát, được đại tự tại vậy. Nếu căn cơ hơi kém, dẫu được đại ngộ, nhưng phiền não tập khí chưa thể đoạn sạch thì vẫn là người trong sanh tử, xuất thai cách ấm, đa phần mê mất. Bậc đại ngộ hãy còn như thế, huống chi kẻ chưa ngộ.

Do đó, hãy nên chuyên tâm dốc chí nơi pháp môn Tịnh độ cậy vào Phật từ lực mới là kế sách ngàn vạn phần ổn thỏa thích đáng vậy. Cư sĩ Lưu Viên Chiếu túc căn sâu dày, hiện tu tập tinh thuần, đối với hai tông Thiền - Tịnh đều nắm được yếu chỉ, nhưng coi trọng pháp môn niệm Phật là đạo tự lợi, lợi người rốt ráo. Mỗi khi có cảm xúc bèn thể hiện qua thi ca, ghi chép lại được 108 bài, đặt tên là Mô Tượng (sờ voi, ý nói chỉ sờ soạng, phỏng đoán, không hiểu rõ hoàn toàn); bởi lẽ đại đạo vô ngằn, há có thể dùng một lời tầm thường để diễn tả trọn vẹn được nổi ư? Bất quá mượn ý để diễn tả đó thôi. Con ông ta và họ hàng muốn cho hậu thế đều được hưởng nhờ, toan đưa thi tập này vào gia phả, nhờ Quang thuật đại ý để bảo cùng người đời sau.

27. Lời tựa cho bản đúc kẽm lưu thông cuốn Phật Học Thuật Yếu

Từ khi Phật pháp truyền vào Trung Quốc đã hơn 1.800 năm, dù tăng hay tục, dù nam hay nữ, những người thâm nhập kinh tạng, triệt ngộ tự tâm kể sao cho xiết! Ấy là vì chân như Phật tánh ai nấy sẵn có, chỉ vì mê không giác, ngay từ đầu chẳng mất, đến khi được nghe ngôn giáo của Như Lai, được hàng tri thức chỉ dạy liền biết hạt châu nơi chéo áo, Phật tánh luôn tồn tại, chẳng lìa đương xứ được đại tự tại, tự lợi lợi người, thọ dụng vô tận. Nữ sĩ Thiên Thai Trần Cần Tiên xưa có huệ căn, đối với các tông Thiên Thai, Thiền, Tánh, Tướng, Tịnh độ đều biết được chỗ sâu thẳm, nhưng lại riêng khen ngợi Tịnh độ, mong cho hết thảy những ai chẳng thể triệt ngộ tự tâm, đoạn hoặc chứng chân sẽ ngay trong một đời này liền đạt lên địa vị A-bệ-bạt-trí. Cũng có thể gọi là "đối với cái rộng rãi nắm được cái chánh yếu, đối với pháp rộng sâu biết được điều quan trọng", những điều được phát huy đều khế hợp cả lý lẫn căn cơ. Tuy sao lục từ nhiều chỗ tạo thành tác phẩm, nhưng giống như rải tiền trong một nhà, đồng nào đồng nấy dính thành một chuỗi, khiến cho người dùng có thể cầm lấy ngay được. Đối với những ngã ba sông, đường rẽ đều nêu bày tường tận, khiến cho hành giả mạnh mẽ tiến thẳng tới trước, cũng chẳng thể nói là không có công lao gì.

Tiếc rằng con bà là Viên Thọ Tuân căn tánh chẳng được như mẹ, đối với trước thuật của mẹ hoàn toàn không hiểu biết, muốn sao lục để lưu truyền, nhưng cứ lăm lăm trích yếu rút gọn. Không biết chỗ nào nên rút gọn, chỗ nào không nên rút gọn. Chẳng nên rút gọn mà cứ rút gọn bừa thì có khi bị khuyết điểm ý nghĩa không rõ ràng, phép hành văn không thích hợp. Đã thế lại còn sai ngoa đầy dẫy, đến nỗi có rất nhiều chỗ từ ngữ chẳng thể hiện được ý nghĩa. Đủ thấy đạo này phải có thiện căn mới có thể chứng nhập thù thắng được. Nếu không, dẫu chí thân như mẹ với con, cũng chẳng thể truyền được! Cư sĩ Tôn Ngọc Tiên ở Phụng Hóa muốn đúc bản kẽm lưu thông, ngõ hầu bậc tu mi trượng phu, khuê các anh hiền cùng phát tâm mong được bằng bà ta, cùng chứng Phật tánh vốn có, nên ủy thác Quang giám định. Nhân đó, sửa cho đúng chỗ sai ngoa, bỏ những câu sai chỗ, đặt tựa đề là Phật Học Thuật Yếu vậy.

28. Lời tựa tái bản cuốn Cách Ngôn Liên Bích

Sở dĩ con người cùng với trời đất xưng là tam tài là vì có thể cách vật trí tri, khắc kỷ, giữ lễ để làm sáng tỏ cái minh đức, đạt đến chí thiện. Bỏ đi điều này thì chỉ là một phường có huyết khí[621] mà thôi, sao có thể đứng chung với trời đất xưng là tam tài cho được? Mạnh tử cho rằng: "Lúc đêm tối không duy trì được

[621] Ý nói chỉ là một sinh vật bình thường, không khác gì những động vật khác.

đầy đủ những ý niệm trong sạch thì chẳng khác gì cầm thú cho mấy!"[622] Lại còn bảo: "Nguyên do để con người khác với cầm thú rất nhỏ nhặt, kẻ hèn bỏ đi, quân tử giữ lấy"[623]. Do vậy biết rằng, nếu mặc tình phóng túng làm càn làm quấy thì chẳng qua mang danh con người, chứ chẳng khác gì cầm thú, có thể còn kém hơn!

"Cách vật trí tri" chính là tâm pháp được truyền dạy bởi chư thánh, coi nhân dục (lòng ham muốn của con người) là vật, bởi nó sanh khởi từ ngoại cảnh, ắt phải cách trừ (trừ khử) cho sạch thì lương tri sẵn có trong tâm tánh mới có thể hiển hiện toàn thể, lương tri đã có thì đức phải sáng. Cách vật và trí tri đều là nhằm để làm sáng tỏ cái minh đức, minh đức đã sáng thì chính là dùng ý thành tâm chánh để tu thân vậy. Đây chính là chuyện thất phu thất phụ đều có thể làm được. Nếu hiểu "cách vật trí tri" là "thúc đẩy sự hiểu biết của chúng ta đối với cái lý của mọi sự vật trong khắp cùng thiên hạ đến tận cùng" thì đó chỉ là hiểu nơi cành ngọn, không phải là cội gốc. Tuy là thánh nhân vẫn có những điều không thể làm được. Làm sáng tỏ được minh đức thì riêng thân mình thiện, nếu có địa vị hành đạo thì dùng tiên giác để giác ngộ hậu giác, khiến cho thiên hạ cùng thiện. Chúng ta chưa thể trừ sạch lòng ham muốn của con người, khiến cho thiên lý lưu hành thì cần phải học biết nhiều về những lời lẽ hành vi của cổ nhân, dùng đó để hướng dẫn tiền đồ, hằng ngày đọc tụng suy nghĩ, cốt sao lỗi càng ngày càng ít, đức càng ngày càng cao cho đến khi đức thuần không còn lỗi mới thôi.

Tăng Tử lúc lâm chung còn nói: "Dè dặt kinh sợ như vào vực sâu, như đi trên băng mỏng. Từ nay trở đi, ta biết mình mới tránh khỏi được!" Cừ Bá Ngọc năm 50 tuổi, biết 49 năm trước sai trái. Khổng tử còn buồn bản thân đức chưa tu, học chưa hiểu thấu, nghe được điều nghĩa chưa thể thực hiện, điều bất thiện chưa thể sửa đổi. Đến năm 70 tuổi, còn mong trời cho sống thêm vài năm để học kinh Dịch

---

[622] Nguyên văn: *"Dạ khí bất túc dĩ tồn giả, vi vi cầm thú bất viễn."* Theo Tứ Thư Bạch Thoại Chú Giải của Thường Thục Châu và Lân Công Chấn thì câu này trích từ thiên Cáo Tử của sách Mạnh Tử. Trong thiên sách này, Mạnh tử dùng ví dụ: Cây cối ở núi Ngưu gần thành Lâm Truy nước Tề do bị người ta chặt phá, trâu dê ăn lá nên núi trơ trụi. Cũng giống như thế, con người vốn không phải không có tâm nhân nghĩa, nhưng do buông lung nên lương tâm cũng điêu tàn giống như hằng ngày bị rìu búa chặt. Trong cư xử hằng ngày, lúc đêm thanh phải phản tỉnh, khôi phục "thanh khí" (tức những tâm niệm tốt đẹp). Nếu như trong đêm tối không khôi phục lại được thanh khí đầy đủ thì có khác gì loài vật đâu!

[623] Nguyên văn: *"Nhân chi sở dĩ dị vu cầm thú giả cơ hy. Thứ dân khử chi, quân tử tồn chi."* Sách Mạnh Tử Tập Chú của Chu Hy giảng: "Cơ hy là ít ỏi. Con người và loài vật cùng được hưởng lý thiên địa tạo thành tánh, cùng được hưởng khí của thiên địa nên có hình hài. Riêng mình con người được thừa hưởng hình khí chánh đáng, lại có thể toàn vẹn tánh mình. Đấy chính là chỗ khác biệt rất nhỏ nhặt. Tuy là nhỏ nhặt, nhưng con người và loài vật chỉ khác biệt ở chỗ ấy. Kẻ hèn không biết, bỏ qua, nên tuy gọi là người nhưng thật ra chẳng khác gì cầm thú. Quân tử do biết nên vâng giữ. Do kinh sợ dè dặt, cho nên hưởng được toàn vẹn lý vậy!"

hòng tránh khỏi lỗi lớn. Tuy nói là dùng thân để thuyết pháp hòng khuyến khích hậu tấn, nhưng thật ra đã thuộc vào công phu cách vật trí tri của thánh hiền, gắng sức không ngơi, không lúc nào nghĩ là đã xong xuôi. Tiên sinh Kim Lan Sanh ở Sơn Âm[624] thu thập những câu nói răn nhắc thân tâm của tiên hiền, soạn thành sách Cách Ngôn Liên Bích, khiến cho người học như vào núi báu, tùy ý thu thập, công ấy quả thật chẳng cạn nhỏ. Cư sĩ Trương Thụy Tăng ở Duy Dương từ nhỏ đã coi sách này là khuôn phép chánh yếu, tiếp đó muốn cho sách được truyền bá rộng rãi cho mọi người, bèn giảo đính tường tận, dùng phương pháp bao biếm khuyên điểm[625], chỉ rõ những điều nào nên bắt chước theo, điều nào nên kiêng tránh, khiến cho người đọc đỡ phí tâm lực vẫn biết được nên chọn lấy và nên bỏ bớt những điều nào, dụng tâm có thể nói thật là thiết tha. Khắc in xong, nhờ tôi viết lời tựa. Do vậy, tôi bèn lược thuật danh nghĩa của chữ tam tài và công phu cách vật trí tri của thánh hiền, nhằm giúp sáng tỏ những điều đã được nói đến trong tập sách này, khiến cho người học nắm được công phu thân thiết để hạ thủ, tiến tu đức chẳng ngơi, đáng sánh cùng trời đất mới thôi. Người có đủ con mắt ắt chẳng cho lời tôi là trái lẽ, sai bậy vậy.

29. Lời tựa tái bản sách Bất Khả Lục

Cái họa nữ sắc cực kỳ khốc liệt. Từ xưa đến nay do họa này mà nước mất nhà tan, diệt thân tuyệt tự biết là bao nhiêu. Dẫu chưa đến nỗi ấy, nhưng trong số đó những kẻ thân đang khỏe mạnh trở thành suy nhược, chí đang sáng suốt thành hôn ám, biến tư chất đội trời đạp đất, mong thành thánh thành hiền biến thành hạng tầm thường hèn tệ, không có chí lập thân, làm sao tính kể được nổi? Huống chi những kẻ nghịch thiên lý, loạn nhân luân, sống làm loài cầm thú mặc áo đội mũ, chết đọa trong tam đồ ác đạo, làm sao có thể thấy hết, biết hết cho được? Ôi, cái họa nữ sắc sao mà khốc liệt đến mức cùng cực như vậy! Do đó, chư thánh chư hiền đặc biệt từ bi thương xót hoặc dùng lời cứng rắn để răn dạy, hoặc dùng lời nhẹ nhàng để khuyên bảo, ngõ hầu cả cõi đời đều biết được lý "phước thiện họa dâm". Lại còn nêu ra các sự thực để răn dạy ngõ hầu những ai biết tự ái đọc đến ắt sẽ sợ sệt, kinh hoảng, hiểu ra, cạn dòng lũ nhân dục, khôi phục thiên lương sắp diệt. Từ đấy, hết thảy đồng luân đều hưởng phước giàu thọ khỏe mạnh, bình yên, vĩnh viễn lìa khỏi họa nghèo bệnh, chết yểu. Đây chính là lý do bộ Bất Khả Lục

[624] Sơn Âm thuộc huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang.
[625] Bao biếm khuyên điểm: Bao là khen ngợi, biếm là chê trách, khuyên là khoanh một vòng tròn, điểm là chấm một chấm bên cạnh. Tức là những chỗ hay dở đều ghi ký hiệu để đánh giá, nhận định.

được soạn tập. Cư sĩ Trương Thụy Tăng muốn khắc lại để ấn thí, bảo tôi viết lời tựa nhằm phô bày nghĩa trọng yếu của việc bớt dục.

Phải biết, đối trước sắc đẹp, dục tâm bừng bừng thì lời lẽ khuyên răn nhân quả báo ứng đều khó thể đoạn tâm ái, nếu lúc ấy có thể quán bất tịnh thì một trận lửa dục sẽ băng tiêu ngay lập tức. Con em đất Trường An ở xứ Tần (Thiểm Tây) của tôi phần nhiều thích chơi dế, có ba anh em tuổi đã choai choai, đêm trăng đi bắt dế nơi gò mả, chợt thấy một thiếu phụ, nhan sắc tuyệt vời, bèn cùng đuổi theo. Người thiếu phụ ấy khuôn mặt biến đổi, thất khiếu[626] ứa máu, lưỡi thè ra hơn cả thước, ba đứa nó sợ chết ngất. Ngày hôm sau người nhà đi tìm, cứu sống được một đứa, mới biết chuyện ấy. Đứa còn sống bệnh nặng mấy tháng mới khỏi, con cháu nhà ấy chẳng dám đi bắt dế vào ban đêm nữa. Khi thiếu phụ đó chưa biến đổi khuôn mặt thì lòng yêu nhập vào xương tủy, không thỏa lòng dục không xong, đến khi mặt đã biến đổi thì kinh hãi đến chết, tâm ái chẳng hề còn nữa. Nhưng trong lúc chúng cùng nhau đuổi theo cô ta ấy, đương nhiên chưa thấy máu và lưỡi thè ra, sao khi máu chưa chảy, lưỡi còn ngậm bèn sanh tâm ái; lúc máu chảy, lưỡi thè ra lại sanh tâm sợ? Hiểu rõ điều này, hễ thấy trang sắc nước hương trời đều tưởng như con quỷ treo cổ thất khiếu tuôn máu, lưỡi thè ra hơn thước, sao đến nỗi bị sắc làm mê, sống chẳng hưởng hết tuổi trời, chết đi bị đọa vĩnh viễn trong đường ác ư?

Do vậy, Như Lai dạy kẻ ái dục nặng nề quán bất tịnh, quán lâu ngày còn có thể đoạn hoặc chứng chân, siêu phàm nhập thánh, chứ phải đâu chỉ không phạm tà dâm, tiết dục, gìn giữ sanh mạng mà thôi ư? Nữ nhân nhan sắc xinh đẹp yêu kiều khiến người ta sanh tâm ái, hành dục sự, chẳng qua chỉ là một tấm da mỏng bên ngoài, rực rỡ diễm lệ gây mê hoặc đó thôi! Nếu bóc lớp da mỏng ấy đi thì chẳng những các vật được bọc trong lớp da ấy chẳng thể yêu mến được, mà ngay cả lớp da mỏng ấy cũng tuyệt đối không thể yêu luyến nổi. Nếu lại còn mổ xẻ thân ra thì chỉ thấy máu mủ dầm dề, xương thịt chằng chịt, tạng phủ phân tiểu bầy hầy khắp đất, hôi dơ tanh tưởi, chẳng nỡ thấy nghe. So với hình dáng biến đổi của thiếu phụ trên đây còn đáng sợ hãi, chán ghét hơn trăm ngàn lần.

Dẫu cho giai nhân tuyệt thế nghiêng nước đổ thành thì những vật được chứa trong lớp da mỏng có ai là không như vậy đâu? Sao con người chỉ nhìn cái vẻ bên ngoài, chẳng xét kỹ nội dung? Yêu chút phần sắc đẹp, chẳng tính đến nhiều phần xấu ác? Tôi mong sao thế nhân bỏ vẻ bên ngoài, hãy xem xét nội dung, chán cái

[626] Hai mắt, hai lỗ tai, hai lỗ mũi và miệng gọi chung là thất khiếu.

"nhiều xấu ác" để bỏ chút vẻ đẹp, hòng cùng thoát biển dục, cùng lên bờ giác. Lại trong lúc dâm dục hừng hực, không thể chế ngự, chỉ nên nghĩ nữ âm[627] như miệng rắn độc, như đem nam căn bỏ vào miệng rắn, tâm thần kinh hoảng, xương tóc run rẩy, vô biên nhiệt não sẽ nguội lạnh ngay lập tức. Đấy chính là phương pháp diệt dục giản dị nhất vậy!

30. Lời tựa khuyên giữ vẹn luân lý cho sách Bất Khả Lục

Trời là đại phụ, đất là đại mẫu, hết thảy nam nữ đều là con cái của trời đất, đều là ruột thịt của ta. Đã là ruột thịt thì phải tận hết lòng hòa thuận, yêu thương, che chở, nâng đỡ, mong cho ai nấy được yên ổn. Như thế chính là đứa con xứng đáng của trời đất, chẳng khiến người sanh ra mình hổ thẹn! Đã có thể che chở, nâng đỡ con cái của trời đất, ắt trời đất sẽ che chở nâng đỡ kẻ đó, khiến cho phước sâu, thọ dài, mọi chuyện như ý. Nếu như mặc tình hoành hành, khinh hiếp con cái của trời đất thì tổn phước, giảm thọ, diệt môn, tuyệt tự. Khi một hơi thở ra không hít lại được, vĩnh viễn đọa ác đạo trải trăm ngàn kiếp, không lại được mang thân người nữa. Ấy chính là tự mình chuốc lấy họa, nào phải trời đất không nhân từ đâu!

Khoan nói đến những chuyện khác, kìa như vợ con, chị em, ai nấy đều có. Nếu kẻ nào dòm ngó vợ con, chị em mình, ta liền nổi nóng, bực tức, muốn đánh nhau, sao lại thấy vợ con, chị em người ta có chút nhan sắc tâm bèn khởi xằng dâm niệm, ý muốn ô nhục họ? Cùng là con cái của trời đất, là ruột thịt của ta; nếu với người ruột thịt khởi ý niệm bất chánh thì là ô nhục con cái của trời đất, khinh khi người ruột thịt, kẻ ấy còn có thể đứng trong trời đất, còn đáng gọi là người nữa ư? Huống chi đạo vợ chồng thuộc trong tam cương, ngũ thường, nam nữ lập gia đình là giềng mối lớn lao của con người. Con người sở dĩ khác với cầm thú là do có nhân luân, nếu làm chuyện khinh miệt lý, loạn luân, thì chính là đem thân người làm chuyện cầm thú, thân tuy là người nhưng thật ra chẳng bằng cầm thú. Vì sao vậy? Vì cầm thú không biết luân lý, con người biết luân lý, biết luân lý mà vẫn khinh miệt luân lý thì phải ở dưới loài cầm thú. Nhưng hết thảy chúng sanh do dâm dục sanh, cho nên tập khí rất nặng, phải ngăn ngừa sâu xa. Tưởng như người thân, tưởng như kẻ oán, tưởng bất tịnh, ngõ hầu dứt bặt tà niệm, thuần toàn chánh niệm. Oán và bất tịnh thì trong lời tựa trước đã nói, ở đây chỉ riêng phát huy về ý "tưởng như người thân", ngõ hầu người đọc cùng giữ trọn vẹn thiên luân chẳng ôm giữ ác niệm. Kinh Tứ Thập Nhị Chương dạy con người nên xem các

[627] Nữ âm: bộ phận sinh dục của người nữ.

người nữ như sau: "Tưởng người già như mẹ, người lớn hơn như chị, người nhỏ hơn như em, coi đứa bé bỏng như con gái, sanh tâm độ thoát, dứt bặt ác niệm." Kinh Phạm Võng dạy: "Hết thảy người nam đều là cha ta, hết thảy người nữ đều là mẹ ta. Đời đời không khi nào ta chẳng từ họ sanh ra, phải sanh tâm hiếu thuận, tâm từ bi." Như vậy, che chở, nâng đỡ họ còn chưa xuể, lẽ đâu khởi tâm xấu hèn, muốn làm ô nhục họ?

Đời Minh có một người học trò mắc thói dâm, chẳng thể tự chế, bèn hỏi Vương Long Khê[628], Long Khê nói: "Ví như có người bảo ông: 'Ở đây có cô gái làng chơi nổi tiếng, ông có thể đến chơi bời'. Theo lời đó, ông đến gặp, hóa ra là mẹ hoặc chị em ông, ngay khi ấy lòng dâm của ông có nguội lạnh hay chăng?" Đáp: "Nguội chứ!" Long Khê nói: "Thế nhưng dâm vốn là không, ông hãy hiểu cho đúng vậy." Nếu con người chịu coi hết thảy nữ nhân là mẹ, là con gái, là chị em, thì không những ác niệm dâm dục không do đâu sanh khởi, mà sanh tử luân hồi còn nhờ đó mau chóng thoát khỏi. Trong bộ sách Bất Khả Lục, những lời gương mẫu, những câu nói khuyên răn nhẹ nhàng, những câu chuyện phước thiện họa dâm, và những ngày tháng nơi chốn nên kiêng ngừa ăn nằm đều nhất nhất nêu rõ. Tâm giác thế tỉnh mê ấy có thể nói thật là tha thiết. Cư sĩ Trương Thụy Tăng ở Duy Dương tâm lợi người tha thiết, liền cho khắc in lưu hành, sai Quang phát huy những điều trọng yếu để trấn áp lòng dục. Do đấy bèn tường thuật ý chỉ đại khái về "tưởng như kẻ oán, tưởng là bất tịnh". Tiếp đó, vì anh họ ông ta là Chánh Huân qua đời, muốn đem công đức này truy tiến linh thức để tội chướng tiêu diệt, phước trí cao rạng, thoát khỏi Dục giới ngũ trược, sanh vào chín phẩm liên bang. Do tình hiếu hữu của cư sĩ, nên tôi lại soạn lời tựa bàn về chuyện giữ vẹn luân thường mong sao những ai thấy nghe đều xét soi tường tận thì may mắn lắm thay!

31. Lời tựa cho cuốn Vạn Niên Bạ[629] bàn giao Phổ Tế Thiền Tự (viết thay cho hòa thượng Liễu Dư, chỉ bàn giao chứ không thay đổi thập phương)

Đạo tràng Viên Thông trọn khắp ba đời chẳng tăng chẳng giảm, phong thái, khuôn phép Phổ Môn vạn pháp không thiếu, không thừa. Hằng cổ hằng kim, như như bất biến, hữu tình vô tình pháp pháp viên dung. Tuy ngàn đức Phật cùng xuất

[628] Long Khê là hiệu của Vương Kỳ (1498-1583), tự là Nhữ Trung, là một nhà tư tưởng đề cao thuyết Tam Giáo Đồng Quy vào thời Minh và cực lực cổ vũ học thuyết "tri hành hợp nhất" của Vương Dương Minh. Những trước tác của ông được biên tập thành bộ Long Khê Tiên Sinh Toàn Tập.

[629] Vạn Niên Bạ: Sổ ghi tài sản của nhà chùa khi bàn giao giữa các đời trụ trì.

thế, trọn chẳng có gì hưng; dẫu tam tai cùng khởi, há có gì bại. Danh sơn Bổ Đát[630] của Đại sĩ Quán Âm chính là cảnh tượng chân như thật tế rốt ráo, về mặt ứng hóa thì pháp tùy duyên khởi, đạo do người hoằng, hưng - phế, thông - tắc đều có nguyên do. Xét từ khi thủy tổ Huệ Ngạc khai sơn vào đời Lương, thiền sư Chân Hiết khai tông vào đời Tống, cho đến khi được sùng tín vào đời Nguyên, được nổi tiếng vào đời Thanh, đều đạo cao ngất đời, đức cảm chín loại. Chấn hưng tông phong, rộng lưu truyền sự giáo hóa huyền diệu, khiến cho khắp trong ngoài bốn biển đều được phủ mây từ, chúng sanh sáu đường đều thấm mưa pháp. Cao đẹp thay, tốt lành thay, còn gì hưng thạnh hơn!

Kể từ khi được nổi tiếng, chùa hai lần được sắc tu[631], đời đời tuân theo quy củ đã định, gia phong chẳng suy. Đến đầu đời Hàm Phong, giặc tóc dài dấy loạn, nhân dân nheo nhóc, hương lửa nhiều năm đoạn tuyệt, chi phí do vậy thiếu hụt, pháp khí, đồ đạc đều chẳng đủ dùng. Phàm trụ trì đến nhậm chức, những gì do chính vị ấy gầy dựng thì đến khi thôi làm trụ trì, bèn cho khiêng về chùa mình; nếu có để lại, đều tính tiền bàn giao. Thậm chí vật hư nát quá sức, chẳng đáng giá đồng nào, cứ nhất loạt chiếu theo giá trị như vật mới mà bàn giao, tính tiền thành một ngàn mấy trăm đồng, giống như sang tiệm ngoài chợ, hàng hóa đồ đạc đều bán cho chủ mới. Cái gọi là "thường trụ" chỉ là nhà trống, kinh tượng mà thôi. Tệ nạn ấy do chiến tranh cũng không lấy gì làm lạ. Về sau, thế đạo thái bình, đèn nhang nhộn nhịp, nhưng vẫn giữ nguyên thói cũ, chẳng hề sửa đổi mảy may! Những ai từng trông coi việc chùa, ắt biết rõ nguyên do.

Nay nhằm lúc lão hòa thượng Văn Liên thôi làm trụ trì, tôi được các vị lão hòa thượng và pháp quyến các phòng giao cho trách nhiệm nặng nề ấy, tự thẹn tài kém đức mỏng, chẳng dám đảm nhận, nhưng đôi lần ba lượt bị ép buộc, chẳng cho thoái thác. Trộm nghĩ Phổ Tế là danh sơn đạo tràng của Bồ-tát trong thiên hạ, từ đời Lương đến thời Dân Quốc đã qua mười thế kỷ, tròn một ngàn năm. Nay đã lạm giữ chức này, dám đâu không gắng sức trù tính để hưng khởi điều lợi, trừ khử mối tệ, bồi đắp nguyên khí cho thường trụ, kính vì các vị, vì pháp, vì người, một phen dốc chí. Nhân đó nói:

- Thường trụ về bản chất vốn thuộc thập phương, chứ không phải tài sản riêng của một mình vị trụ trì. Đúng lý, tất cả tài chánh phải thuộc về thường trụ, phàm tiền tài, thóc gạo, vật dụng trang hoàng, bất luận là do thường trụ đã có từ trước hay vật do chính vị trụ trì sắm sửa cũng chẳng được đem đi hay bán lại cho chùa

[630] Gọi tắt của chữ Bổ-đát-lạc-ca (Potalaka), tức là một cách phiên âm khác của Phổ Đà.
[631] Sắc tu: Triều đình đứng ra tu bổ, xây cất.

sau khi hết làm trụ trì. Chi phí làm lễ nhậm chức trụ trì do chính vị trụ trì ấy bỏ ra, chẳng được hao phí của thường trụ. Như thế sẽ thấy của thường trụ ngày càng sung túc, pháp đạo cũng do đó thạnh vượng.

Lão nhân Văn Liên nghe vậy hớn hở, hoan hỷ, phát tâm Bồ-đề, xin đem khoản tiền bàn giao một ngàn mấy trăm đồng tiền ấy một nét bút xóa sạch. Những đồ vật hư nát chẳng đáng nhắc tới bèn cùng đại chúng vứt đi, vật nào dùng được bèn chiếu theo giá trị mới - cũ mà ghi vào Vạn Niên Bạ để bàn giao, những thứ được sắm sửa về sau thì nhất loạt ghi vào sổ. Quy củ tài chánh của trụ trì và thường trụ đều phỏng theo tùng lâm các nơi, chỉ có chức trụ trì phải tuyển từ con cháu các phòng trong chùa[632]. Ấy gọi là "tử tôn thập phương". Mong rằng từ đây về sau, phàm ai làm trụ trì và những ai đảm trách chức vụ, ai nấy đều phát tâm Bồ-đề, vun bồi cho thường trụ, khiến cho từ ân của Đại sĩ theo chiều dọc thì suốt cả ba đời, theo chiều ngang bèn trọn khắp mười phương, ai nấy trong đời này phước lẫn huệ đều thạnh, được trời người kính ngưỡng, lâm chung thì thân lẫn tâm đều tốt lành, Phật thánh đến rước. Như thế thì một niệm ngu thành của Bất Huệ cũng như một phen khổ tâm của cụ Văn chẳng thành hư uổng, ai nấy đều được lợi ích thật sự. Do vậy, bèn lược thuật nguyên ủy ghi vào đầu sổ, để cho những người thông suốt trong đời mai sau đều biết được duyên khởi vậy!

32. Lời tựa cho từ đường mới của Thống Tổ ở Biệt Am (viết thay cho thầy Mậu Lượng)

Đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác đức mà Như Lai đã chứng chính là cái tâm hiện tiền nhất niệm phiền não kết nghiệp điên đảo hôn mê của ta và hết thảy chúng sanh. Biết được cái tâm phiền não kết nghiệp điên đảo hôn mê này thì trên có thể nối tiếp được huệ mạng của Như Lai, dưới có thể làm đạo sư cho trời người, khiến cho hết thảy chúng sanh đều cùng biết tâm này, cùng chứng đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ấy chính là "tâm, Phật, chúng sanh, cả ba không sai biệt. Mê ngộ dẫu khác, thể vốn chẳng hai; đường Trường An thênh thang, xưa nay chẳng hề cấm ai đi. Tự mình chẳng về, hễ về liền được, gió trăng quê cũ há ai tranh?" Từ khi Thế Tôn thị hiện thành Chánh giác, trong 49 năm rộng nói kinh pháp, nêu đại kinh trong vi trần, chỉ minh châu trong chéo áo. Ba ngàn năm qua, người tắm gội pháp trạch ngộ tự tâm, chứng giác đạo, độ hữu tình, số nhiều còn hơn cát sông Hằng, há thể kể xiết!

[632] Trong các tùng lâm lớn, chùa thường có chia ra làm nhiều chúng như chúng Đông Liêu, Tây Liêu v.v.. Nói "con cháu các phòng trong chùa" nghĩa là chỉ tuyển chức vụ trụ trì từ đệ tử, đồ tử, đồ tôn của tăng chúng thường trụ tại chùa, chứ không thỉnh người ngoài giữ chức vụ này.

Như Thống Tổ của Biệt Am chúng ta, xưa trồng cội đức, thừa nguyện tái lai, đồng chân xuất gia[633], tuổi nhược quan[634] bèn ngộ đạo, mở bày Phổ Môn, trùng hưng Pháp Vũ, truyền tâm ấn, chấn hưng tông phong, sống ngoài hải đảo, đạo rền hoàn vũ. Sáu phen ngồi nơi đạo tràng, rộng ban ngôn giáo. Do vậy chẳng những được vạn dân ngưỡng mộ, mà còn được một người[635] chú ý. Do vậy ban tặng tiền của, ban ca-sa tía, nhiều lượt thí ân mưa móc chín trùng, chỉ mong cầu chúc nước nhà, nhân dân đều được tắm gội ân quang Đại Giác. Người đương thời cố nhiên đều kính ngưỡng, mà hậu thế cũng chẳng ai không tôn sùng. Trước kia, tiên sư[636] là lão nhân Giới Văn và hòa thượng Khai Như thường nghĩ mình chưa xứng làm pháp duệ[637], chưa thể kế tục được giềng mối tốt đẹp, toan tỏ tấm lòng thành tưởng nhớ cội nguồn, thành lập hội tạo dựng từ đường, bởi lẽ từ đường đã lập từ trước quá sơ sài, chẳng đủ tỏ lòng kiền thành, cung kính hòng báo đáp tổ đức, chẳng đủ khởi lòng quán cảm để con cháu [gắng sức tu tập cho] tốt đẹp hơn.

Năm Quang Tự 18 (1892), toàn núi tậu chút ít ruộng hương hỏa của nhà họ Chu, nhân đó mười mấy nhà[638] góp lại, hoặc góp một phần vốn, hoặc mấy phần vốn, tiền đóng góp được bao nhiêu đó đem mua một trăm mẫu ruộng để lấy vốn xây dựng nhà từ đường mới. Về sau bị người ngoài xâm chiếm mất hơn một nửa, chỉ còn được 31 mẫu mà thôi. Do đất ruộng mới khai khẩn, chưa trừ hết phèn, vì vậy 20 năm qua vẫn chưa xây cất được. Nay ruộng đã thuần thục, thu hoạch ổn định, vì thế mùa xuân năm nay khởi công dựng nhà từ đường. Mười nhà thay phiên làm ruộng, hết một vòng lại trở lại từ đầu. Thật ra ý của thầy Khai Như và thầy tôi là muốn cho con cháu đời sau vào từ đường cúng bái, lễ tượng gieo tấm lòng thành, tâm tự suy nghĩ: "Tổ sư cũng giống như người khác, ngài là trượng phu, ta cũng vậy. Há nên đề cao thánh cảnh nhưng chính mình ở địa vị phàm phu chăng?" Do vậy, đại tâm khởi lên mạnh mẽ, noi dấu bậc tiên giác, phá vô minh, chứng pháp tánh, tiếp nối Phật huệ, độ chúng sanh, sao cho đạo tràng viên thông được thường trụ bao kiếp. Đạo pháp của bậc đại huệ được lưu hành khắp pháp giới, mới chẳng thẹn là con cháu của tổ sư, là đệ tử Như Lai vậy. Những người cùng hàng với tôi hãy gắng lên!

---

[633] Đồng chân xuất gia: xuất gia từ khi còn rất bé.
[634] Nhược quan: 20 tuổi. Thuở xưa, khi đến tuổi 20, thanh niên bèn búi tóc lên, bắt đầu đội mũ nho sinh, nên về sau tuổi 20 được gọi là "nhược quan" (đội mũ).
[635] Tức nhà vua
[636] Tiếng xưng tụng vị thầy đã mất của mình.
[637] Con cháu đồ đệ đời sau trong đạo.
[638] Mười mấy nhà ở đây chỉ các chùa miếu có tăng chúng là đồ tử, đồ tôn của Biệt Am.

(Viết vào năm Dân Quốc thứ hai – 1912)

33. Lời tựa cho Miên Vân Từ Đường (viết thay cho thầy thư ký chùa Pháp Vũ)

Con người sống trong thế gian huyễn trụ mấy mươi năm, kể từ khi có hiểu biết trở đi, ngày đêm toan tính, bận bịu rộn ràng, không gì chẳng nhằm nuôi thân mình và gia đình, giữ thể diện, để của cải lại cho con cháu mà thôi! Xét đến cái gốc bệnh chỉ vì do chấp trước có ngã, không chịu buông xuống, mối lo toan kết chặt, dù Phật có thuyết pháp cũng không thể cởi gỡ được, đâm ra đối với vị chủ nhân ông bản lai diện mục của mình bèn bỏ qua không thèm hỏi đến, mặc tình lưu chuyển theo nghiệp, vĩnh viễn trầm luân chẳng đáng buồn sao? Hòa thượng Khai Nhiên túc nhân sâu dày, sanh trong nhà tướng, lớn lên sợ sát nghiệp, chẳng thích theo đuổi việc quân, nghe lão nhân Hóa Văn thuyết pháp bèn gieo thân dưới tòa, xuống tóc làm tăng đã mấy mươi năm, chuyên chú tham cứu. Chỉ hận chưa được gặp mặt, giãi bày cơ duyên, nên chỗ ngài ngộ giải sâu cạn như thế nào chẳng thể lường được. Đến cuối đời Quang Tự, sư trụ trì chùa Pháp Vũ, bèn tự lập từ đường, để làm kỷ niệm, đặt tên là Miên Vân, mây chính là vật không biết từ đâu đến, không biết đi về đâu, huyễn sanh, huyễn diệt, trọn không có tướng nhất định, nhưng có thể tuôn mưa ngọt nhuần thấm khắp cõi đất, khiến cho hữu tình vô tình đều được yên ổn, thật giống như người đã chứng vô ngã tướng, bèn không trụ vào đâu để sanh tâm, độ thoát hết thảy chúng sanh nhưng không có tướng độ. Sư toàn thân buông xuống, an trụ trong ấy. Đấy có phải là thể hiện sở ngộ của mình hay chăng? Hay là khiến cho con cháu đời sau lấy đó làm khuôn phép? Nghĩa ấy huyền diệu, đáng suy nghĩ sâu xa vậy.

34. Lời tựa cho từ đường của pháp sư Thông Trí (viết thay cho đại sư Ngộ Khai)

Kể từ khi Thế Tôn nhập diệt, tứ y hoằng pháp[639], hiện thân Phổ Môn, hiện hình trong sáu nẻo, nghịch thuận, ẩn hiển, đủ mọi phương tiện tùy thuận cơ nghi đều làm cho độ thoát. Diệu hạnh thần thông chẳng thể nghĩ bàn ấy chỉ bậc thánh mới làm được, chứ phàm chẳng thể sánh bằng. Nếu hiện làm thân sa-môn thì ly trần thoát tục, dựng cao pháp tràng, chấn hưng tông phong, lưu thông pháp hóa, nối huệ mạng Phật. Đấy chính là diệu hạnh thông thường hoằng truyền xiển dương Phật giáo của bậc Pháp thân đại sĩ và phàm phu đại tâm. Do hai hạnh này

[639] Tức y pháp bất y nhân, y nghĩa bất y ngữ, y liễu nghĩa bất y bất liễu nghĩa, y trí bất y thức.

nên theo chiều ngang thì trọn khắp mười phương, theo chiều dọc thì tột cùng ba đời, không một nơi nào chẳng nhận được Phật quang, không một ai chẳng được gội ân Phật.

Đến khi pháp truyền sang Chấn Đán (Trung Hoa), hai ngàn năm qua, bậc hoằng pháp Đại sĩ rộng truyền pháp hóa, Tông thuyết đều thông, định tuệ đều bình đẳng, hiện thân thuyết pháp dùng đức khuất phục người, quạt gió chân trong nhà lửa, tuôn mưa pháp nơi ruộng tình, độ khắp ba căn, thống nhiếp các cơ, ai nấy khôi phục thiên chân sẵn có, cùng chứng giác đạo nơi tâm. Vì thế, vua quan quy mạng, dân chúng dốc lòng thành kính, rộng nêu lẽ huyền, giúp đỡ chánh trị. Công lao, dấu tích lớn lao ấy khó thể thuật trọn. Dù những bộ như Cao Tăng Truyện, Truyền Đăng Lục ghi chép hơn trăm quyển, vẫn chỉ là một hai phần trong ngàn vạn phần mà thôi. Trong đời gần đây, có vị xưa đã gieo cội đức, thị hiện sanh trong gia tộc lớn, mắt nhìn xuyên thế giới nổi trôi, một vai gánh vác bến bờ lớn lao; ngồi yên nơi đạo tràng viên thông, thâm nhập bảo vương tam-muội, cùng tu cả Thiền lẫn Tịnh, gồm thâu Tông - Giáo, hiện tướng lưỡi rộng dài diễn dương rộng lớn viên tông, duỗi cánh tay bình đẳng tiếp độ khắp ba căn, ngay nơi phàm tâm chỉ ra Phật tâm, gồm thâu vạn hạnh về một hạnh. Người như vậy chỉ có vị thầy quá vãng của tôi là pháp sư Thông Công vậy.

Sư húy là Tầm Nguyên, tự Thông Trí, biệt hiệu sa-môn Ức Liên. Họ ngoài đời là Nguyễn, người huyện Nghi Trưng, Dương Châu, là con thơ của Trung Đường Nguyên Công, sanh nhằm giờ Mùi, ngày mồng Tám tháng Ba năm Quý Mão, tức năm Đạo Quang 22 (1842)[640]. Bà mẹ sư là X… người kinh đô, đến khi Nguyên Công qua đời, do xung khắc với con cái dòng đích quá mức, mẹ ngài bèn đem con trở về kinh đô, ở nhờ nhà ông cậu. Đến lớn, sư tướng mạo khôi vĩ, tiếng nói sang sảng, tánh ưa đạo thuật (thích tu tiên), chẳng mong làm quan, chỉ muốn làm vị thần tiên trường sanh, tấm lòng phóng khoáng, dạo chơi Bồng Đảo[641], thường tiếc nuối vì chẳng gặp được bậc chân nhân[642].

---

[640] Theo biên niên sử, năm Đạo Quang thứ 22 (1842) là năm Nhâm Dần, còn năm Quý Mão nhằm năm Đạo Quang 23. Tính đến năm Đồng Trị thứ 12 (1873) thì ngài Thông Trí đã 31 tuổi, chứ không phải 21, không rõ ấn bản Ấn Quang Văn Sao này có bị khắc lầm hay không?

[641] Theo truyền thuyết, ngoài Đông Hải có ba hòn đảo tên Bồng Lai, Doanh Châu, Phương Trượng là nơi tiên ở. *"Dạo chơi Bồng Đảo"* có nghĩa là mong được thành tiên.

[642] Trong Đạo giáo, thường gọi những vị tu tiên đắc đạo là Chân Nhân. Về sau, danh từ này bị lạm xưng; những đạo sĩ phàm tục, chưa tu chứng gì, nhưng có địa vị, quyền thế, hay đứng đầu một đạo quán cũng được xưng tụng là Chân Nhân. Đến cuối đời Minh - Thanh, hầu như đạo sĩ nào cũng được gọi là Chân Nhân.

Đến năm Đồng Trị thứ 12 (1873), tuổi tròn 21, ngẫu nhiên đến chùa Long Tuyền, gặp hòa thượng thủ tòa là ngài Bổn Nhiên, thông suốt giáo lý, thấu triệt Thiền tông. Sư cho rằng đây là bậc đắc đạo cao nhân, bèn nêu điều mình thường ấp ủ, ngài Bổn Nhiên cười nói: "Ông vô cớ vứt bỏ thiên chân Phật tánh mình sẵn có để cầu làm thần tiên chưa chắc đã được và chẳng thể ra ngoài bảy đường được! Bỏ vàng gánh gai, nhận tớ làm chủ. Ông có tướng mạo như thế, sao lại có chí kém hèn đến thế?" Sư bèn bỏ ngay lòng mong mỏi ấy, cầu được nhiếp thọ. Ngài Bổn Nhiên nhân đó cho xuống tóc tại chùa Thất Tháp ở kinh đô, chùa ấy là chi phái của chùa Thạch Phật. Từ đó, thường thân cận vị thầy thọ nghiệp của mình, nghiên cứu giáo điển, quyết chí tu trì. Đến năm Quang Tự thứ 4 (1878), thọ giới cụ túc ở chùa Vân Cư tại Kinh Tây. Do nghĩ mình mới hiểu biết giáo lý thô lược, chưa tròn bổn phận, kể chuyện ăn, đếm của báu nào được lợi ích gì, sư bèn cất bước du phương, tham học khắp các bậc tông tượng. Đến năm Quang Tự thứ 14 (1888), dự vào hội chúng của lão nhân Tín Chân ở chùa Phật Đảnh Sơn tại Phổ Đà, thầy trò đạo hợp, được trao tâm ấn, được nối pháp dòng Lâm Tế Chánh Tông đời thứ 42.

Năm ấy, sư diễn giảng kinh Lăng-nghiêm ở chùa Pháp Vũ. Từ đấy suốt hơn 10 năm thường được mời giảng, mỗi kỳ thính chúng cả mấy trăm người. Sư riêng tâm đắc nơi kinh Lăng-nghiêm, do vậy bèn soạn sách chú thích, muốn cho lý đại Phật đảnh, tánh thường viên thông được hiển hiện toàn thể, không còn bị ẩn giấu chút nào. Soạn thành sách Khai Mông (chỉ điểm cho những người còn mờ mịt, chưa hiểu biết) gồm mười quyển, nay đã được Tịch Công[643] chùa Vạn Thọ ở Duy Dương cho khắc ván lưu thông. Tiếc là sư bẩm tánh thật thà, chỉ chú trọng đến cội gốc, chẳng quan tâm đến nhánh ngọn. Chỉ muốn phát huy sao cho lý tánh được triệt để hiển lộ, giãi bày trọn vẹn; còn chuyện chọn chữ dùng từ, chưa xét kỹ càng, đến nỗi tác phẩm bị mắc khuyết điểm rối ren, thiếu sót. May là còn được bậc tác gia[644] có đủ con mắt gọt dũa sửa đổi trở thành vườn pháp hoàn bích, thành gương báu cho Lăng-nghiêm.

Sư bình sanh chí tại Lăng-nghiêm, nhưng hạnh tại Tịnh độ. Nhật khóa niệm Phật ba vạn tiếng, thề cầu vãng sanh, sáng ra trì chú Đại Bi tàn một cây hương để làm trợ hạnh, muốn cho hữu tình trong hiện tại, tương lai đều cùng sanh Tịnh độ. Do vậy, đối với những bộ Di-đà Sớ Sao và [Di-đà Sớ Sao] Diễn Nghĩa, Yếu Giải,

[643] Tức ngài Tịch Sơn (xin xem lại lá thư 123, tổ Ấn Quang có nói đến chuyện này).
[644] Vị tác gia ở đây chính là ông Lê Đoan Phủ, xin xem lại lá thư 123 và 124 trong Văn Sao, Quyển 2.

Tiện Mông Sao, Thế Chí Viên Thông Sớ Sao đều cho in khắc, lưu truyền, bảo với những người đến học: "Thiền tông gọi là giáo ngoại biệt truyền (truyền riêng ngoài giáo), nhưng Tịnh độ mới thật sự là giáo nội chân truyền. Phải biết chân truyền ở đây chính là biệt truyền ngoài biệt truyền vậy! Các ông phiền hoặc chưa đoạn, đạo nghiệp chưa thành, chớ có nên phán đoán sai lầm[645], đề cao Thiền tông, miệt thị Tịnh độ, đến nỗi lúc lâm chung, nghiệp thức mờ mịt, không có gì để nương tựa. Dù có Phật lực đại từ đại bi chẳng thể nghĩ bàn, nhưng vì không tin nên không cách gì nương cậy được. Vẫn y như cũ nương theo ác nghiệp lực, luân hồi trong đường ác từ kiếp này sang kiếp khác, trọn chẳng có kỳ ra, chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng sợ sao?"

Sư giảng kinh Lăng-nghiêm, đối với bảy chỗ gạn cái tâm, mười phen chỉ chỗ thấy, đều chỉ rõ khai ngộ trong cõi này khó khăn, chứng đạo trong Tịnh độ dễ dàng. Đến chương Thế Chí lại ân cần khuyên dạy chẳng tiếc sức thừa, muốn cho pháp hội đại chúng ai nấy đều nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, liền theo ngài Thế Chí tự chứng viên thông. Đối với chỗ "những kẻ do ác nghiệp trầm luân trong bốn đường, do thiếu định tuệ nên đọa vào ngũ ấm ma", sư lại cực lực chỉ bày lẽ được mất, đau đáu dạy lẽ lợi hại. Với mỗi điều đều lệ ứa theo từng tiếng, âm thanh nghẹn ngào, thường nói: "Không biết Tịnh độ thì thấy Lăng-nghiêm là bậc công thần hàng đầu để đả phá Tịnh độ. Hiểu sâu Tịnh độ thì thấy Lăng-nghiêm quả thật chính là hướng dẫn tốt lành để hoằng dương Tịnh độ! Xem kinh mà thiếu con mắt chọn lựa pháp (trạch pháp nhãn) ắt cô phụ ơn Phật, phần nhiều là như thế. Các ông chớ nên coi cơ phong chuyển ngữ của Thiền tông là thật pháp, xem Tịnh độ chẳng đáng tu trì. Phải biết trong hội Hoa Nghiêm, Hoa Tạng hải chúng cùng phá vô minh, cùng chứng pháp thân, vẫn phải dùng mười nguyện vương để hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc để mong viên mãn Phật quả. Các ông là người như thế nào mà dám chống lại các vị ấy? Trên cô phụ Phật giáo hóa, dưới phụ bạc tánh linh của chính mình. Chư Phật gọi đó là kẻ đáng thương xót."

Hơn mười năm qua, sư hoằng kinh các nơi như mây trôi chim bay, không ở nơi nào nhất định, thường hay dừng nghỉ nơi chùa Thiên Đồng ở Tiểu Bạch Lãnh, nơi chùa Vạn Thọ ở Duy Dương và am Phổ Huệ nơi núi này, do chủ nhân hai nơi ấy (tức chùa Thiên Đồng và chùa Vạn Thọ) đều là bậc tôn đức trọng đạo. Hơn

[645] Nguyên văn là *"thiết bất khả thác nhận định bàn tinh"* (chớ nên đọc sai vạch cân), "định bàn tinh" là những vạch khắc trên cán cân. Do vậy, chúng tôi dịch phỏng theo ý là "phán đoán sai lầm".

nữa, am chủ của am Phổ Huệ là ngài Giác Công, về mặt truyền thừa pháp là đồng môn, giao hảo không trái nghịch. Đến mùa Đông năm Bính Ngọ tức năm Quang Tự 32 (1906), ngài thị hiện mắc bệnh tại chùa Dục Vương. Mùa Xuân năm Đinh Mùi (1907), Giác Công liền đón về am, tận tình chăm sóc, được hơn hai tháng, mấy hôm trước bữa lâm chung, thần khí tươi tỉnh, dũng mãnh niệm Phật. Đến giờ Mùi ngày mồng Ba tháng Tư, chắp tay niệm Phật, ung dung qua đời, thọ 65 tuổi, tăng lạp 35 năm. Toàn thân được nhập quan, an táng nơi rặng tổ yến phía sau Phật Đảnh Sơn, là chỗ do các vị như hòa thượng Văn Chánh v.v. đã xây dựng sẵn làm chỗ yên nghỉ.

Do sư bình sinh tánh ưa vắng lặng, không ở nhất định một nơi, nên không thế độ ai. Môn nhân nối pháp nơi núi này chỉ có sư Nguyên Thông và kẻ bất tiếu là Ngộ Khai. Ở bên ngoài dù có, nhưng không biết hết. Chỉ sợ chuốc lấy tiếng dị nghị thân sơ nên nhất loạt không ghi. Ô hô, những năm xưa kia, Khai từng nhiều lần dự pháp hội, nhiều phen được nghe viên âm, nhưng chưa thấu hiểu tự tánh. Sư cho rằng đứa con yếu ớt này có thể dạy được nên phó chúc sẵn. Lúc ấy tuy hết sức thẹn thùng, vẫn mong có ngày giải ngộ. Nào ngờ chưa diệt được các ma, bậc pháp tướng đã mất; độc dược chưa tiêu, từ phụ đã bỏ đi, buồn thay! Bến bờ của chúng sanh, huệ mạng của Như Lai phó thác cho ai? Biết gởi gắm vào đâu? Thà tự chết đi, chẳng nỡ nhìn thầy mất. Chỉ mong sư nương Phật lực, sen nở thượng phẩm, chứng Vô sanh nhẫn, lên địa vị Bất thoái, mau nương bổn nguyện, rủ lòng từ tế độ. Ngõ hầu có thể nương vào oai thần của sư, thoát đường hiểm mau lên bảo sở, giải quyết hết phiền hoặc trong tâm thức tôi, triệt chứng chân thường. Dùng tiền tiên sư để lại, dựng lập từ đường, lược thuật những nét chính để lưu lại mãi mãi, ngõ hầu pháp duệ đời sau ngửa trông gương sáng của tiên đức, quyết chí học đòi theo.

35. Lời tựa cho nhà từ đường của con cháu chi phái lão nhân Lập Sơn (viết thay cho hòa thượng Khai Như)

Hết thảy chúng sanh vốn có trí tuệ, đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Xét đến nguyên do, nói chung là vì chẳng hiểu rõ chân như diệu tánh, nhận lầm tứ đại là thân tướng của chính mình, coi bóng dáng của duyên sáu trần chính là tâm tướng của chính mình. Đã nhận lầm giặc làm con, nên trái giác, hiệp trần, từ đấy dính chặt vào căn - trần, ta - người đối nghịch nhau, khởi hoặc tạo nghiệp, luân hồi sáu đường trải trần điểm kiếp, không thể giải thoát. Đại Giác Thế Tôn thương cho nỗi khổ kịch liệt ấy, ban cho đại pháp dược, dạy tu quán tứ niệm xứ: một là quán thân bất tịnh, hai là quán

thọ là khổ, ba là quán tâm vô thường, bốn là quán pháp vô ngã. Ngoài ra còn có chánh cần, như ý túc, căn, lực, giác đạo, ba mươi bảy phẩm pháp môn.

Tuy căn có lợi độn, thừa có đại tiểu, nhưng không gì chẳng lấy tứ niệm xứ làm căn bản. Ấy là vì nếu *tứ quán* mà thành liền phá được ngã chấp, ngã chấp đã phá thì ngũ uẩn đều không, sáu trần liền giác, phản bổn hoàn nguyên, tự chứng được diệu tánh. Ví như nhơ hết gương sáng, mây tan mặt trời rạng rỡ. Mặt trời vốn sẵn có, ánh sáng chẳng phải từ bên ngoài đến. Đắc vô sở đắc, đạt đại tự tại. Phàm tình, thánh kiến thảy đều tiêu vong. Niết-bàn còn không có, huống là có sanh tử? Nếu như tuổi thọ đã hết bèn thiêu hình hài là vì:

1) Một là sợ người mất còn có việc làm chưa xong, thân kiến chưa hết. Nay hỏa thiêu để khiến cho người ấy đột ngột ngộ chân không, giải thoát ngay trong lúc đó.

2) Hai là chính vì muốn cho người còn sống hiểu rõ toàn thể thân này là hư vọng, tận lực tu thánh đạo, khôi phục nguồn tâm, chăm chú nơi cử chỉ, lời lẽ, đích thân thấy được chủ nhân ông, sẽ tự làm chủ tể, chẳng bị cái đãy da thối này lắm cách sai khiến, ngõ hầu trên có thể tiếp nối huệ mạng Phật, dưới hóa độ hữu tình. Từ ngay cái thân khổ, vô thường, vô ngã, bất tịnh, huyễn vọng này, triệt chứng Phật tánh chân như thường lạc ngã tịnh.

Do vậy, bất luận phàm hay thánh đều nên hỏa táng hết, tùng lâm trong thiên hạ không đâu chẳng tuân hành. Vào thời Phật pháp hưng thạnh dưới đời Đường, đời Tống, những bậc sĩ đại phu cũng đa phần tuân theo Phật chế dùng pháp này, chứ không riêng gì tăng chúng mới vậy. Tăng đã hỏa thiêu, nhặt lấy xương thừa, đặt trong tháp phổ đồng[646], cũng giống như hải chúng cùng ở chung với nhau trong tùng lâm. Trong số ấy, phàm thánh khó lường, hạnh vị khó phân biệt. Phàm đã gần thánh thì cũng dễ được giải thoát, như loài nhặng xanh bám vào đuôi ngựa ký, chẳng nhọc sức mà đi được ngàn dặm vậy. Pháp Vũ thường trụ vào thời Hàm Phong - Đồng Trị nhà Thanh trước kia, do binh hỏa lâu ngày đã bị hoang phế, đèn nhang đoạn tuyệt, đến nỗi hư hoại đổ sụp. Vào năm Đồng Trị thứ 10 (1871), đại chúng ép tiên sư công[647] là lão nhân Lập Sơn làm trụ trì, pháp đạo do vậy lại được trùng hưng, thế độ pháp tự[648] thật đông đảo.

---

[646] Tháp phổ đồng: Tháp thờ xương cốt người đã mất trong các tùng lâm thường được gọi chung là tháp phổ đồng.
[647] Tiên sư công: Tiếng gọi thầy của vị thầy mình đã khuất.
[648] Thế độ pháp tự: Thế độ là xuống tóc xuất gia, pháp tự là người nối tiếp pháp. Như vậy, thế độ pháp tự tức là đệ tử xuất gia.

Sư bá Hóa Khai bàn với các pháp quyến trong bổn phái, ai nấy bỏ ra tịnh tài bao nhiêu đó tiền tu bổ tháp phổ đồng cho con cháu ở phía Đông cầu hải hội. Phàm những con cháu của chi phái lão nhân Lập Sơn và các pháp đồ[649] đều được đưa vào đây. Lại mua 50 mẫu ruộng hương hỏa, đem tô lợi thu được hằng năm dùng làm chi phí cúng quải hai kỳ xuân - đông. Sai năm am Bán Sơn, Thường Minh, Trường Sanh, Dương Chi, Bảo Xứng và con cháu của chi phái sư Hóa Hằng, sáu nhóm thay phiên đảm nhiệm khiến cho người mất được cúng tế, được pháp lợi siêu sanh trời Cực Lạc, người còn sống hiểu thấu suốt huyễn vọng, tu tịnh nghiệp dự vào hội liên trì, nên bèn ghi duyên khởi để bảo cùng đồng luân.

36. Lời tựa quyên mộ dựng thảo xá Dược Vương (viết thay)

Đại Giác Thế Tôn được mệnh danh là Đại Y Vương, trị khắp các bệnh thân tâm cho chúng sanh, ngài dùng thuốc số đến vô lượng, nhưng ba thứ giới định tuệ bao gồm hết tất cả không còn sót, do vậy ba thứ này được gọi là dược vương. Nếu uống vào, phàm sẽ thành thánh, nhưng thuốc tuy đẹp hay, tu trì lại thật khó. Tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương gọi là thuốc a-già-đà, trị chung được vạn bệnh. Hạ thủ dễ, thành công cao; dùng sức ít, được hiệu quả nhanh chóng. Ba căn thượng trung hạ ngay trong đời này đều thoát khổ luân, ba pháp giới định tuệ ngay trong một niệm đều được đầy đủ. Do vậy, biết một pháp tín nguyện niệm Phật chính là dược vương của các dược vương. Tôi may nhờ túc nhân, được nghe pháp này, dám đâu chẳng kiệt thành, tận kính, khăng khắng tu trì ư? Toan muốn dựng một am tranh, đặt tên là Dược Vương, yên trụ trong đó, dốc sức tu tịnh nghiệp, ngõ hầu chữa lành các chứng bệnh lớn sanh tử nơi thân tâm của mình lẫn người. Khẩn khoản mong các đàn-việt phát tâm Bồ-đề, hành sự phương tiện, tạm bỏ ra chút phần tạng báu, thành toàn cho căn nhà tệ hèn để yên thân. Do đây đêm ngày ân cần lễ bái, ức niệm. Đã có thể niệm đâu nghĩ nơi đó, khó gì chẳng chứng tâm này chính là Phật, thì vô biên lợi ích đều được thành tựu. Dùng nhân như thế để cảm quả như thế, đời này ắt được Phật tiếp dẫn cao dự hải hội, tương lai ắt làm thân Dược Vương, trị đủ mọi bệnh. Nếu như lòng ngu thành này được xét soi thì lời lẽ này ắt chẳng bị bỏ phí vậy!

37. Lời tựa cho cuốn Vạn Niên Bạ chùa Pháp Vũ (viết thay hòa thượng Khai Như)

[649] Chỉ chung các đệ tử, đồ tôn xuất gia.

Có được cuộc đất tối thắng mới hoằng dương được đạo tối thắng, tạo lập chuyện phi thường ắt phải đợi người phi thường. Bậc tông tượng xuất hiện thì gốc lập, đạo sanh, triết nhân mất thì pháp tàn, giáo suy. Tuy bỉ cực thái lai thuộc vào vận trời, nhưng sửa cũ đổi mới quả thật phải nhờ vào sức người. Pháp Vũ thường trụ do lão nhân Đại Trí sáng lập[650], do Thống Tổ ở Biệt Am trung hưng, quy mô lớn lao, pháp đạo hưng long. Từ đấy trụ trì các đời tuy không thành tựu lớn lao, nhưng ai nấy đều tận lực giữ quy củ đã thành lập, gia phong chẳng suy đồi. Sau cơn binh hỏa, trụ trì chẳng tìm được người đến nỗi suy bại sát đất. Điện đường, liêu xá hư sụp, đổ nát, pháp khí trang nghiêm, trăm thứ chẳng còn được một. Pháp quyến các phòng thấy cảnh tượng ấy đều bó tay, chẳng dám gánh vác.

Vào năm Đồng Trị thứ 11 (1872), đại chúng ép tiên sư công lão nhân Lập Sơn làm trụ trì, tận lực tu bổ tường sụp, nhà rách, siêng năng, chăm chút, trải hơn mười năm. Từ điện Thiên Vương cho đến tàng kinh các thảy đều sửa mới. Những công trình khác tuy chưa hoàn toàn khôi phục lại quy mô cũ, nhưng nhìn vào đại cuộc đã khả quan. Đến năm Quang Tự thứ 11 (1885), do già bệnh, lão nhân bèn thoái ẩn, sai tiên sư là lão nhân Văn[651] kế vị trụ trì. Tiên sư kế thừa đầu mối cũ, phát tâm rộng lớn, phàm đối với những gì sư ông (chỉ ngài Lập Sơn) chưa đủ sức lo đến, hết thảy điện đường, liêu xá đều dựng mới hoặc tu bổ, không chỗ nào chẳng sửa chữa mới. Quy mô chế độ chẳng kém thời trung hưng. Phàm những vườn đào, ruộng rẫy bị cưỡng ép lấy mất vào thời Hàm Phong đều tận lực chuộc lại. Lại vì muốn chuyển pháp luân thì phải nhờ vào pháp khí trang nghiêm; hơn mười mấy năm qua, hoằng Tông xiển Giáo, những vật dụng sắm sửa trên là Càn Long Đại tạng kinh, tượng Phật, dưới là bàn ghế, giường chõng, phàm vật gì cần đến thảy đều đầy đủ.

---

[650] Chùa Pháp Vũ là một trong ba ngôi chùa lớn nhất ở Phổ Đà, nằm ngay bên cạnh đỉnh núi Bạch Hoa, dưới ngọn núi Quang Hy, thường được gọi là chùa sau. Năm Vạn Lịch thứ tám (1580), ngài Đại Trí Chân Dung từ Tây Thục đến lễ Phổ Đà Sơn, thích vẻ đẹp của dòng suối dưới ngọn Phổ Đà bèn kết am tranh để ở, đặt tên là Hải Triều Am, lấy ý từ câu "pháp hải triều âm tùy cơ phổ ứng". Năm Vạn Lịch 22 (1594), được quận thú (người đứng đầu một quận thời Minh) là Ngô An Quốc đổi tên thành Hải Triều Tự. Năm Vạn Lịch 26 (1598), chùa bị hỏa hoạn. Đến năm Vạn Lịch 33 (1605), mới được xây dựng lại. Năm Vạn Lịch 34 (1606), được sắc tứ là Hộ Quốc Trấn Hải Thiền Tự. Sau mấy cơn binh hỏa, chùa gần như sụp nát hoang tàn. Đến năm Khang Hy 26 (1687), hòa thượng Biệt Am Tánh Thống lên trụ trì, trùng hưng Pháp Vũ. Đến năm Khang Hy hai mươi tám (1689), cùng với chùa Phổ Tế được triều đình ban tiền trùng tu. Năm Khang Hy 38 (1699), được ban các biển ngạch Thiên Hoa Pháp Vũ và Pháp Vũ Thiền Tự. Chùa mang tên Pháp Vũ từ đó đến nay. Đợt trùng tu quy mô nhất là vào năm Ung Chánh thứ 9 (1731).

[651] Tức pháp sư Hóa Văn.

Nhưng lão nhân đại nguyện như mây nhóm, hận chẳng nhóm được thập phương tăng chúng trong cùng một nhà để Kỳ Viên xưa kia lại được thấy trong ngày nay. Tâm vì pháp, vì người, vì thường trụ, vì đại chúng như chôn cha mẹ[652], như cứu đầu cháy, ngày đêm suy tư, lo nhọc đến nỗi thành bệnh. Đến mùa đông năm Quang Tự 23 (1897), công trình xây dựng chưa xong, lão nhân quyết chí về Tây. Khai Như tôi tự thẹn đức bạc, lại không có bản lãnh. Do được ghé dự vào hàng đồ đệ, nên ngài giao cho coi sóc sự vụ trong chùa, gắng gượng vâng lệnh thầy, tận lực phụ giúp. Tuy là hạt bụi nhẹ, giọt sương bé, chẳng giúp ích gì cho núi, cho sông, nhưng luận trên sức mình, cũng có thể nói là đã cúc cung tận tụy, dốc cạn lòng ngu muội. Nương theo những công trình chưa hoàn thành của thầy, chỉ tận lực gánh vác, vâng theo di mạng của tiên sư, xin các pháp quyến công cử Định Công kế nhiệm làm trụ trì. Khai Như vẫn giữ chức vụ cũ, trông nom việc chùa.

Đến khi Định Công thoái ẩn, nhờ ơn pháp quyến ủy thác trách nhiệm nặng nề này, tuy biết mình chẳng xứng gánh vác, nhưng chẳng thể từ khước vì kế hoạch công trình của tiên sư vẫn chưa hoàn thành. Do vậy, đêm ngày lo liệu, chẳng dám bê trễ, dốc cạn thân tâm này để kính cẩn hoàn thành chí nguyện của thầy. Trong vòng ba năm, những chuyện gì nên làm thảy đều hiểu rõ, chuyện gì có thể giao phó được, chẳng làm phiền cho người. Vì thế nay kính thưa cùng pháp quyến, sẽ đem hết tất cả những đồ vật thường trụ lớn nhỏ, nhất nhất ghi chép, để vị trụ trì sau này, hễ đảm nhận chức vụ ắt biết tiền nhân vì chuyển pháp luân đã sắm sửa đồ đạc, một phen khổ tâm, thật chẳng dễ dàng. Ai nấy đều càng thêm mến tiếc, không đến nỗi phí phạm, vâng giữ công lao đã thành, tươi đẹp công nghiệp khai sáng, nối tiếp đức hạnh, theo gót bậc khai sơn cả ức vạn năm, vĩnh viễn không phế bỏ, ngõ hầu pháp luân lẫn nguyện luân đều thường chuyển, ngàn đời tuân giữ nếp gia phong cũ, ân nước lẫn ân Phật đều báo, cả cõi đời thường đượm ơn mưa móc thì pháp môn may mắn, thường trụ may mắn lắm thay!

38. Lời tựa nhà từ đường Hóa Văn Lão Nhân (viết thay cho hòa thượng Khai Như)

Trộm nghĩ Nho lễ coi trọng xuân - thu tế lễ; Thích giáo coi trọng việc truy tiến hằng năm, nghĩ đến ân "cây có cội, nước có nguồn", cung kính làm chuyện tưởng nhớ nguồn cội. Thế gian, xuất thế gian nào có cách ngăn? Tiên sư lão nhân Văn huân tu nhiều kiếp, kham làm phước điền cho trời người, thừa nguyện tái lai,

[652] Ý nói thiết tha, chí thành như con làm đám ma cho cha mẹ.

chấn chỉnh môn đình của Đại sĩ. Tuy thị hiện sanh trong chốn đô thành, nhưng mắt thấy thấu suốt vinh hoa cõi thế, gởi thân nơi hải đảo, hai vai gánh vác Phật pháp để giăng bủa mây từ, hưng long chùa Pháp Vũ. Chẳng thẹn là công thần của Phổ Môn, xứng đáng là đích tử của Biệt Am. Bỏ cũ đổi mới, phạm vũ lại khôi phục quy mô huy hoàng, hoằng Tông diễn Giáo, nguồn pháp được lưu thông tốt lành. Xem người như chính mình, gấp lo chuyện công, gác lại chuyện tư, trụ trì Pháp Vũ cả hơn mười năm, chưa từng mua một khoảnh ruộng dưỡng lão, dựng một gian phòng làm chỗ nương thân. Chỉ muốn khôi phục, hoằng dương tổ đạo, lợi ích tương lai, đêm ngày suy tư, lo nhọc thành bệnh, công viên quả mãn, buông tay quy Tây. Đức Nguyệt chưa thể nối đức, không cách báo ân, do muốn đề cao nghi thức truy tiến, cũng như hòng cảm phát hậu nhân, cho nên mới chọn một trăm mẫu ruộng từ những ruộng hương hỏa của lão nhân đã tậu để làm chi phí cho việc cúng tế đông - xuân tại từ đường của pháp quyến; khiến cho sau này, ai vào tòa nhà ấy cúng tế, lễ tượng, gieo tấm lòng thành, sẽ sanh lòng kinh sợ thật sự, tự thẹn tự hổ, ai nấy vâng giữ phép tắc, người người học theo, lấy tâm lão nhân làm tâm mình, lấy việc của lão nhân làm việc mình, mới chẳng thẹn là con cháu lão nhân. Phàm những ai cùng hàng với tôi, xin hãy gắng lên!

39. Lời tựa cho cuốn pháp phổ[653] am Bạch Hoa

(phần này thuộc phần dẫn khởi, phần sau tường thuật sự việc nên không sao lục)

Một niệm tâm tánh của chúng ta bất sanh bất diệt, chẳng phải có, chẳng phải không, theo chiều dọc không có dấu vết trước sau, theo chiều ngang hoàn toàn không có hình dáng trong ngoài, bất biến tùy duyên, trải khắp chín giới nhưng chẳng giảm; tùy duyên bất biến, chứng Phật đạo chẳng tăng. Quang minh chiếu thấu tột, thọ dụng tự tại, thật không hai, không khác gì với mười phương ba đời hết thảy chư Phật. Nhưng do mê chân đuổi theo vọng, trái giác, hiệp trần, đến nỗi chúng sanh và Phật khác xa nhau, khổ vui thật khác. Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót, thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng chánh giác, rộng diễn ngôn giáo, khiến cho chúng sanh bỏ vọng về với chân, trái trần, hiệp giác, khôi phục thiên chân vốn sẵn có, tự chứng Vô thượng giác đạo. Do vậy, giáo tùy theo căn cơ mà sai khác, pháp do người mà khác biệt.

Vì thật bày quyền, lập đủ năm tầng bậc, địa vị ngũ thừa. Khai quyền hiển thật, cùng về pháp môn tam đức. Tuy một trận mưa thấm nhuần khắp, tứ chúng đều

[653] Sách ghi thứ tự truyền thừa các đời của một ngôi chùa.

được thấm đượm, nhưng hoằng dương lưu thông phải nhờ vào tăng. Ấy là do cắt ái lìa thân mới có thể tu ròng tịnh hạnh, gánh vác pháp đạo thì phải thấu triệt nguồn tâm. Do vậy, từ khi đại giáo phát khởi từ Tây Càn (Ấn Độ), pháp truyền sang Đông Chấn (Trung Hoa), Luật, Giáo giương lao, Thiền, Tịnh dựng cờ, hai ngàn năm qua, người được thế độ, uống sữa pháp, dùng đạo này để giác ngộ dân, thế hệ thầy trò truyền cho nhau, cội nguồn gốc gác sao kể cho xiết! Phổ Đà là nơi Đại sĩ Quán Âm ứng hóa, trải bao kiếp vẫn thường như vậy, không thay đổi, không biến dịch. Nhưng trong sự thấy biết của thế gian phàm phu, thì kể từ niên hiệu Trinh Minh nhà Chu Lương thời Ngũ Đại mới lập đạo tràng. Trải các đời Tống, Nguyên, Minh đã từng rạng rỡ cõi đời, cao nhân nhiều lần xuất hiện, lắm phen lẫy lừng. Trong thời gian ấy, pháp vận không phải là không có lúc bỉ cực, bế tắc, nhưng nhờ có người gánh vác pháp đạo, điều đình, xếp đặt, nên bỉ chuyển thành thái, tắc biến thành thông. Do vậy, đạo tràng viên thông lừng lẫy như cũ, chẳng kém thuở ban đầu.

40. Lời tựa cho bản quy củ Hương Tích Trai Tăng Hội

Trộm nghĩ tăng mang tên là phước điền, lợi khắp tứ sanh cửu hữu[654]. Làm chay có thể giúp cho đạo, giúp khắp tam thừa lục hòa. Do tăng là phước điền cho nên cúng dường thì gần là trừ được cái nhân đói kém, xa thì là được quả Ứng Cúng. Do là trợ đạo nên nhận lãnh thì tu được hạnh lục độ, dùng để nêu bày thân tam đức. Kinh dạy: "Đối với thức ăn bình đẳng, thì đối với pháp cũng bình đẳng. Hai thứ tài thí và pháp thí, bình đẳng không sai biệt", chính là ý này vậy. Đại sư Chung Phương thấy được việc này, liền mời mấy người tịnh hữu, ai nấy bỏ ra bao nhiêu tiền, giữ vĩnh viễn trong quỹ chùa Phổ Tế hòng kiếm chút tiền lời, để chi phí vào lễ trai tăng ngày 25 tháng Chạp mỗi năm. Một bữa, sư đem bản quy ước đã lập đến chỗ tôi, nhờ viết lời tựa hòng lưu lại mãi mãi. Lại nói:

- Xưa cư sĩ Duy-ma dùng sức thần thông qua khỏi bốn mươi hai Hằng sa cõi Phật trên thượng phương, nơi cõi Chúng Hương là chỗ của đức Hương Tích Như Lai, xin được cơm thơm, đặt ở trong trượng thất[655], cúng cho khắp các đại chúng

---

[654] Tứ sanh: Bốn cách sanh ra của chúng sanh, tức noãn (sanh ra bằng trứng), thai (sanh bằng thai), thấp (sanh từ chỗ ẩm ướt), hóa (sanh bằng cách biến hóa, như chúng sanh trong địa ngục, ngạ quỷ, thiên giới).
Cửu hữu: Tức tam hữu. Ba cõi Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới, nếu chia nhỏ ra sẽ thành chín nên gọi là cửu hữu. Do có phiền hoặc, nghiệp báo, sanh tử nên gọi là hữu.

[655] Trượng thất: Cái thất rộng một trượng vuông. Theo kinh Duy-ma-cật Sở Vấn, cư sĩ Duy-ma thị hiện mắc bệnh, nằm trong thất này, ngài Văn-thù dẫn đại chúng vào trong thất ấy thăm bệnh. Những vấn đáp giữa hai ngài được chép thành kinh Duy-ma-cật Sở Vấn.

để làm Phật sự khiến cho người chưa đắc bèn đắc, chưa chứng bèn chứng. Bọn Phương tôi thẹn không có được thần lực như vậy, kính cẩn dọn cơm chay đạm bạc để biểu thị tấm lòng thành nhỏ bé, muốn cho mười phương ba đời hết thảy đại chúng đều nhờ vào bốn mươi tám nguyện rộng lớn của Phật Di-đà, cùng lìa ngũ trược, cùng lên chín phẩm, vĩnh viễn hầu Đại sĩ Phổ Môn, tự chứng viên thông chân thật.

Tôi nói: Thần thông ai nấy vốn sẵn có, lẽ nào Sa-bà chẳng có cơm thơm? Cần gì phải hiển lộ thần thông, vượt lên cao Hằng sa cõi cầu cơm thừa của họ để no bụng đại chúng cõi này mới được ư? Nên biết rằng bữa cơm chay này các thầy thật tâm sắp đặt, đại chúng lòng rỗng rang lãnh nhận. Người sắp đặt, người lãnh nhận đều đầy đủ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; nhưng mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý xét về bản thể vốn là không, đó là loại thần thông nào? Vật được chuẩn bị, vật được lãnh nhận lại là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nhưng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp thật sự giống như hư huyễn, đó là loại cơm thơm nào? Huống chi căn - trần đã mất, nhân - ngã nào còn? Tam luân không tịch, nhất đạo thanh tịnh. Ấy là thần thông, là cơm thơm vậy! Chẳng lìa chỗ này, mặc tình đến khắp mười phương; chẳng qua một niệm, pháp nhĩ[656] xông khắp ba đời. Huyễn uế trong tâm bèn tiêu ngay, chân tịnh nơi tự tánh hiển hiện trọn vẹn. Ngay trong niệm này tự thấy Phật Di-đà, lâm chung quyết định được nhiếp thọ. Từ đấy thường nghe viên âm, hằng thân cận ánh sáng tốt lành, ắt sẽ mau mãn quả hải, nhập đại Niết-bàn, nào đợi phải đắc tam-ma-địa, chứng chân viên thông mới được ư? Như vậy xét ra việc làm này của các thầy sánh bằng[657] lão cư sĩ Duy-ma-cật, không hề cao thấp, công đức đã làm ấy có thọ lượng bằng với mười phương hư không, không bút mực,

---

[656] Còn gọi là pháp nhiên, tự nhiên, thiên nhiên, tự nhĩ, pháp nhĩ tự nhiên, tự nhiên pháp nhiên. Vốn là từ dùng để chỉ các pháp trong trạng thái tự nhiên không qua tạo tác nào, nói cách khác, "pháp nhĩ" là tướng trạng tự nhiên vốn sẵn có của bất cứ sự vật nào. Theo Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký, quyển 3 giải thích:

1) Xét trong hình thức tồn tại của các pháp thì hết thảy không gì chẳng do nhân duyên hòa hợp thành, như nước luôn chảy xuống, lửa luôn bốc lên đều là những sự hoàn toàn tự nhiên như thế.

2) Nếu nói trên phương diện chân như, vạn pháp tự nhiên tùy duyên, tự nhiên quy về tánh, đều vốn sẵn bình đẳng.

Sách Du-già Sư Địa Luận cho rằng "pháp nhĩ đạo lý" chính là đạo lý tự nhiên sẵn có của bất cứ sự vật nào như tánh của lửa là nóng, tánh của nước là thấm ướt. Tịnh Độ Chân Tông của Nhật còn đưa ra khái niệm "pháp nhĩ vãng sanh", tức là nương vào nguyện lực của Phật A-di-đà tự nhiên vãng sanh về Báo độ.

[657] Nguyên văn *"tịnh tiêu tề khu, vô hoặc hiên điệt"* (rong cương cùng đi, mũi xe không chênh nhau). Tiêu là cái hàm thiếc ở mõm ngựa. Ý nói: Sánh ngựa cùng đi ngang nhau, xe đi ngang nhau không trước sau, chúng tôi dịch gọn là "sánh bằng, không có hơn kém".

văn tự nào có thể hình dung được nổi. Nếu như không biết nhân quả, bỏ bê, xâm phạm thì như xưa kia có người dùng tiền trai tăng đem lợp tăng thất còn bị đọa vào địa ngục Hỏa Già (địa ngục gông lửa), huống gì bỏ vào túi xài riêng để béo thân mình. Gương rành rành đã sớm treo, ai nấy đều nên xét kỹ.

41. Lời tựa cho cuốn Vạn Niên Bạ am Viên Thông (viết thay hòa thượng Vĩnh Ngộ)

Thật Tế lý địa chẳng nhiễm mảy trần, chuyện trong cửa Phật chẳng bỏ một pháp. Xưa đức Thế Tôn dùng ngũ thời bát giáo để ứng khắp mọi căn cơ. Tùy theo căn khí đều làm cho được lợi ích. Trong bốn thời trước, nói đủ mọi pháp môn lục độ vạn hạnh. Nhiếp tiểu thì chẳng bỏ sót điều thiện nhỏ nhặt, ứng đại thì bao trọn pháp giới. Đến thời Pháp Hoa bèn khai quyền hiển thật, hội tam quy nhất, thọ ký thành Phật cho khắp tất cả, diễn bày bản hoài lớn lao của Phật. Thuyết giả cho rằng kinh Pháp Hoa chính là lời bàn luận cùng cực rốt ráo của đức Như Lai, thuyết minh trọn vẹn xuyên suốt nguyên do của cả một đời giáo hóa. Như cuốn sổ cái ghi chép toàn bộ gia nghiệp, như thiên tử có chín cái đỉnh[658] vậy. Cuốn Vạn Niên Bạ đây cũng là cuốn sổ cái của Viên Thông thường trụ.

Xét từ sư tổ của tôi là lão hòa thượng Phổ Tín muốn nhiếp tâm thiền tịch nên vào năm Đồng Trị thứ ba, tức năm Giáp Tý (1864), lập ra ba gian thảo am ngoài Tây Thiên Môn, cạnh tảng đá Bất Nhị, đặt tên là Viên Thông, chỉ đủ để che mưa nắng hòng yên thân tâm mà thôi. Lão nhân nhập tu thiền quán, nhìn ra biển thẳm, vui lòng thích chí, lấy pháp làm vui, thoạt đầu chưa nghĩ đến chuyện dựng tinh xá. Theo Sơn Chí, Viên Thông Am ở ngoài Tây Thiên Môn, vào năm Vạn Lịch thứ năm (1577), vị tăng tên Viên Hiến dựng am ở trong hang, nhiều năm sau bị bỏ phế. Xưa ở trong hang, nay trên đỉnh núi; tên tuy giống nhau, nhưng nền hơi khác. Về sau, dời khỏi hang đưa thẳng lên núi Đại Niết-bàn, có phải là điềm báo trước của bậc thường quán biển đại tịch diệt hay chăng? Năm năm sau, đúng năm Mậu Thìn (1868), thầy tôi là lão nhân Sơn Tịnh thu nhận tôi và sư huynh Vĩnh Khánh. May được Đại sĩ thầm gia hộ, hai ba năm sau, hương đèn đông đảo dần,

[658] Từ thời nhà Chu, hoàng đế cho đúc chín cái đỉnh lớn bằng đồng đặt ở kinh đô, tượng trưng cho chín châu lớn của Trung Hoa thời cổ. Chín châu tùy theo triều đại mà được phân định khác nhau. Chẳng hạn như vào đời nhà Hạ, chín châu là Cổn, Ký, Thanh, Từ, Dự, Kinh, Dương, Ung và Lương. Đời nhà Thương thì chín châu là Ký, Dự, Từ, Ung, Kinh, Dương, U, Cổn và Doanh. Đời Chu lại chia chín châu như sau: Dương, Kinh, Dự, Thanh, Cổn, Ung, U, Ký và Tịnh. Nói chung, chín châu này tượng trưng cho toàn bộ lãnh thổ Trung Hoa.

đàn-việt thí chủ nhiều người kéo đến, liền mở rộng nền chùa, đổi tên là Thiền Am. Đến mùa xuân năm sau, tiên sư thị hiện viên tịch.

Tôi tuân mạng lệnh từ ái của sư tổ, tận lực đảm nhiệm hoàn thành việc chùa, Khánh huynh (tức sư Vĩnh Khánh) chuyên tu tịnh nghiệp; trải chín lượt nóng lạnh, ba phen đóng cửa thiền để giúp đỡ. Đến năm Quý Dậu (1873) đời Đồng Trị, sư tổ về Tây. Tuy thế cục chưa được rộng rãi, lớn lao như hiện thời, nhưng đã có vẻ khả quan. Từ đấy về sau, người thế độ càng đông, nhang đèn càng thạnh. Lại thêm con cháu tên X… kế tiếp đảm nhiệm chuyện ấy, lại càng chẳng tiếc tâm lực, lo liệu tu tạo. Nền chùa chỗ cao bèn khoét xuống, chỗ thấp bèn đắp thêm, khiến cho cuộc đất được bằng phẳng, con người có chỗ sử dụng mới thôi. Điện đường, nhà cửa hễ cần phải dựng bèn dựng, cần sửa liền sửa. Nhỏ hẹp, xấu xí thì mở rộng, sửa sang tráng lệ, thảy đều rực rỡ như mới, thành tựu quang cảnh đẹp đẽ. Lớn như tượng Phật, kinh điển, hạng trung như pháp khí trang nghiêm và đủ loại đồ vật, ngay cả thứ nhỏ nhặt như chiếc thìa, chiếc đũa, phàm những gì nên dùng vào Phật sự, những thứ cần dùng thường ngày không thứ gì chẳng có đủ. Điền sản tuy không được mấy, nhưng cũng đủ ăn cho một quý (ba tháng). So với kẻ không đất cắm dùi, vẫn khá hơn một chút.

Ôi, tôi đã già rồi! Tháng ngày không còn mấy, muốn cho hậu nhân có cái kế thừa, vâng giữ, chẳng dám vứt bỏ bừa bãi, gượng bắt chước tiền nhân quang hiển, hoằng dương pháp đạo. Nay đem tất cả những đồ vật thường trụ lớn nhỏ chia ra từng loại, nhất nhất chép vào sổ để lưu lại lâu xa. Am này chẳng phải do trời tạo đất dựng, mà là do tâm huyết của tôi, Khánh huynh và mười phương đàn-việt tạo thành; cháu con cũng dự phần góp sức, há phải đâu cũng uổng công tạo dựng ư? Ấy là vì muốn thành Phật quả thì phải viên mãn vạn đức, muốn chuyển pháp luân phải nhờ vào các duyên. Nay may được các duyên tạm đủ, phải nên thường chuyển pháp luân, tu trọn vạn hạnh ngõ hầu vạn đức viên thành.

Con cháu đông đảo an trụ trong am, không phải lo đói lạnh khốn khổ, có niềm vui tiêu dao nhàn hạ, há chẳng đau đáu nghĩ đến đại sự sanh tử, vô thường nhanh chóng, hiểu lòng thành khẩn của đàn-việt, nghĩ đến công tạo dựng gian nan, phát tâm Bồ-đề, dốc sức tu tịnh hạnh, ngõ hầu báo đáp tứ ân trong muôn một ư? Phàm thấy một cây kim, một nhánh cỏ trong am đều nói: "Những thứ này đều được sắm sửa để chúng ta tiếp nối huệ mạng Phật, tự lợi lợi tha vậy!" Quý như thịt trên thân mình, giữ gìn như tròng mắt, khăng khắng tu trì suốt cả ngày còn chẳng đủ. Làm được như thế thì chẳng thẹn là đệ tử Như Lai, là con cháu của Đại sĩ, được người kính, thần che chở, hiện tại phước tuệ đều thạnh, tương lai có phần thành Phật.

Nếu không, dưới lớp ca-sa đánh mất thân người, tam đồ chịu báo trăm ngàn kiếp, chẳng biết lúc nào ngoi đầu ra được, còn nói gì nữa đây!

42. Lời tựa cho từ đường của hòa thượng Vĩnh Ngộ (viết thay cho người đứng ra tạo dựng)

Trước không khởi đầu, sau không kết thúc, bao trọn thái hư nhưng chẳng ở ngoài, vào trong vi trần nhưng chẳng ở trong, thanh tịch sáng sạch, trong lặng thường hằng, không sanh không diệt, lìa tướng lìa danh, tuy có nhưng chẳng có, tuy không lại chẳng không, chân tánh là như thế đó! Nhìn vào cái thân địa thủy hỏa phong chính là do gân, xương, máu, thịt tụ hội, vừa sanh liền diệt, vừa tươi liền héo. Các lóng xương chống đỡ như dùng gỗ dựng nhà, một lớp da trùm lên như dùng đất tô vách. Bên trong toàn là phân, tiểu, mủ, máu, mặt ngoài sanh ghét (hờm), mồ hôi, tóc, lông, giòi trùng lúc nhúc, chấy rận như sao. Giả gọi là "người", chứ thật sự không có cái ngã tồn tại. Lại còn dùng mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý sẵn có rong ruổi trong rừng gai góc sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, do vậy khởi vô minh tham sân si, diệt chánh trí giới định tuệ. Ngũ uẩn vốn không, ai chịu xét soi; lục trần vô tánh ai nấy đều cho là thật, khiến cho muôn khổ đều nhóm, linh tánh vĩnh viễn tối tăm, nên có huyễn thân và vọng tâm. Câu kinh Viên Giác: "Hết thảy chúng sanh đủ mọi điên đảo, nhận lầm tứ đại là thân tướng của chính mình, tưởng duyên ảnh của sáu trần là tướng của tự tâm", chính là nói về ý này vậy. Nếu luận trên chân tánh thì chẳng phải phàm, chẳng phải thánh, không có dấu hiệu gì, hằng cổ hằng kim, luôn tự như như. Lấy gì để ghi nhớ năm tháng hầu sắm sửa giỗ chạp. Nếu luận trên huyễn thân thì sống như con rối, chết như bụi đất. Vọng tâm sanh diệt theo cảnh, chẳng có mảy may thật nghĩa nào, cần gì phải ghi dấu chim bay trên hư không, buộc gió mát trên sông?

Nhưng do quy củ thường hằng của núi này, phàm là trụ trì và là vị tăng có danh có đức, đều lập từ đường để lưu niệm cho người đời sau. Tôi từ thuở nhược quan, xuất gia nơi thảo am Viên Thông, cho rằng có mái tranh che đầu, có cái phòng hẹp để khoanh chân là đủ rồi. Nào biết tướng thế gian vô thường biến đổi theo thời, đàn-việt tín chúng ngày càng đông, thí gạo, trải vàng[659], năm lâu tháng chầy, nào biết nào hay đã biến thành một ngôi phạm vũ tinh lam[660] đẹp đẽ. Lại thêm pháp quyến cả núi nghĩ tôi là người thuần hậu lão thành, ép làm chủ nhân chùa Pháp Vũ, nhưng tự thẹn mình đức mỏng, sao đủ sức rạng rỡ, hoằng dương

[659] Trải vàng (bố kim): Trưởng giả Cấp Cô Độc đem vàng trải đất để lập tinh xá Kỳ Viên. Dùng tích này để nói đàn-việt bỏ ra tiền của xây dựng điện đường.
[660] Tinh lam: Ngôi chùa đẹp đẽ. Phạm vũ lẫn tinh lam đều chỉ ngôi chùa trang nghiêm, đẹp đẽ.

pháp đạo cho được, nhiều lượt thoái thác, chỉ làm trụ trì bốn năm. Nghĩ tưởng đến cổ nhân, thẹn thùng không biết lánh vào đâu, nào dám lấy mình làm gương.

Các pháp tử đồ đệ cố thỉnh không ngừng, bèn đổi ý, nghĩ rằng: "Đời tôi chẳng thể hoằng dương, xiển phát Tông phong, lợi ích cho họ. Nếu lập nhà từ đường thì cũng có thể dùng đó làm phương tiện khiến họ giải ngộ, khiến cho họ lúc treo ảnh để cúng tế trong hai kỳ đông - xuân, chợt nghĩ rằng: Vị lão nhân này sống vào năm đó, chết vào năm đó, đến nay đã được bao nhiêu năm tháng đó." Do vậy, biết mạng người vô thường, nhanh chóng như ánh chớp, một hơi thở ra không hít vào được liền thành đời sau. Từ đấy phát phẫn tu trì, cầu sanh Tây Phương. Do vậy trừ sạch thân tâm huyễn vọng, khôi phục chân tánh sẵn có, cùng ông cụ Di-đà vui chơi nơi cõi thanh tịnh tịch diệt, để vĩnh viễn hưởng niềm vui thường lạc ngã tịnh, thì cũng không phải là không giúp cho họ đôi chút vậy! Liền cho dành ra mấy mẫu vườn ruộng để thay phiên nhau trông nom, hòng có tiền chi phí cho hai kỳ cúng tế, nên bèn viết ra lời tựa này.

43. Lời tựa sách Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam

Ông Đạo doãn[661] Hoàng Hàm ở Cối Kê dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tu tịnh nghiệp tinh thuần, muốn làm cho đồng nhân đều tu tịnh nghiệp, lìa khổ được vui, do thấy các sách Tịnh Độ Văn sâu thẳm, nghĩa uyên áo, chẳng thuận tiện cho kẻ sơ cơ và người không có học thức. Do vậy, ông viết sách bằng văn bạch thoại, phân tích tỉ mỉ những nghĩa trọng yếu, đặt tên là Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam. Trong biển sanh tử, được kim chỉ nam này thì bỏ Đông hướng về Tây, bỏ uế lấy tịnh, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ắt sẽ siêu việt tiến thẳng vào địa vị Như Lai, chẳng còn phải chịu khổ luân hồi sanh tử dài lâu trong thế giới này nữa. Đã là chí đồng đạo hợp, nào ngại giúp khuyên dạy, nên bèn viết tựa rằng:

Kinh A-di-đà dạy: "Từ đây đi về phương Tây qua khỏi mười vạn ức cõi Phật, có một thế giới tên là Cực Lạc. Cõi ấy có Phật hiệu là A-di-đà, nay đang thuyết pháp." Lại nói: "Cõi ấy vì sao tên là Cực Lạc? Do chúng sanh cõi ấy không có các sự khổ, chỉ hưởng những điều vui, nên tên là Cực Lạc." Không có các sự khổ, chỉ hưởng những điều vui là do được trang nghiêm bởi phước đức, trí tuệ, thần thông, đạo lực của đức Phật A-di-đà. Thế giới chúng ta đang sống đây có đủ ba thứ khổ, tám thứ khổ, vô lượng nỗi khổ, trọn chẳng có niềm vui, cho nên gọi là

[661] Đạo doãn là một chức quan võ, còn gọi là Đạo đài, đứng đầu việc binh nhiều huyện dưới đời Thanh. Chẳng hạn chức Trường xuân đạo doãn thống lãnh việc binh bị cả 12 huyện như Cát Lâm, Trường Xuân, Y Thông, Nông An v.v..

Sa-bà. Chữ Phạn "Sa-bà", ở đây (Trung Hoa) dịch là kham nhẫn, ý nói chúng sanh trong cõi này phải chịu đựng những nỗi khổ ấy. Nhưng trong thế giới này, không phải là không có niềm vui, nhưng tất cả những chuyện vui đa số là khổ, chúng sanh mê muội, ngược ngạo coi đó là vui. Như nghiện rượu, đắm sắc, săn bắn, vây bắt, có gì vui đâu mà những kẻ ngu phu đắm đuối không bỏ được, vui quên cả mệt, thật đáng thương xót! Dẫu là sự vui thật sự, cũng khó thể trường cửu. Như cha mẹ còn sống đầy đủ, anh em không có chuyện gì, chuyện như vậy làm sao thường hằng cho được. Vì thế cảnh vui vừa hết, tâm buồn nối tiếp dấy lên, do vậy bảo "trọn chẳng có niềm vui" không phải là nói quá đáng vậy!

Thế giới này khổ nói chẳng thể trọn, dùng tam khổ, bát khổ để tóm lược thì chẳng còn sót gì. Tam khổ thì: 1. khổ khổ; 2. hoại khổ; 3. không khổ không vui tức là hành khổ. Khổ khổ có nghĩa là do thể tánh của thân tâm ngũ ấm này bức bách nên gọi là khổ, lại còn phải chịu thêm những nỗi khổ sanh, già, bệnh chết v.v. nên gọi là khổ khổ. Hoại khổ là có chuyện gì trong thế gian tồn tại dài lâu? Mặt trời đứng bóng liền chênh, trăng tròn rồi khuyết, đạo trời còn vậy, nữa là chuyện người; cảnh vui vừa hiện, cảnh khổ đến ngay. Đúng vào lúc cảnh vui bị hoại diệt thì khổ chẳng thể nói được, cho nên gọi lạc là hoại khổ. Hành khổ là tuy không khổ không vui, tợ hồ thích nghi, nhưng tánh nó dời đổi, há thể thường trụ, vì vậy gọi là hành khổ. Cả ba sự khổ này, không sự khổ nào chẳng thâu tóm. Về ý nghĩa của bát khổ, trong sách [Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam] đã trình bày cặn kẽ. Nếu biết cái khổ trong cõi này, tâm chán lìa Sa-bà sẽ ào ạt phát sanh. Nếu biết sự vui của cõi kia, ý niệm ham cầu Cực Lạc sẽ bừng bừng phát khởi. Do vậy, không làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, dùng đấy để vun bồi nền tảng. Lại thêm chí thành khẩn thiết trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương thì thoát được cõi Sa-bà này, sanh về nước Cực Lạc kia, làm con đích thực của Phật Di-đà, làm bầu bạn tốt trong hải hội.

Nếu nói:

- A-di-đà Phật ở yên nơi Cực Lạc, mười phương thế giới vô lượng vô biên, chúng sanh trong một thế giới niệm Phật cũng vô lượng vô biên. A-di-đà Phật sao có thể dùng một thân cùng lúc tiếp dẫn hết thảy chúng sanh niệm Phật trong khắp mười phương vô lượng vô biên thế giới được?

Đáp:

- Sao ông lại dùng tri kiến phàm phu để suy lường Phật cảnh? Xin mượn thí dụ để giải thích hòng trừ sai lầm cho ông. Một vầng trăng vằng vặc giữa trời, hiện

bóng trong vạn con sông, trăng có dụng tâm hay không? Trên trời chỉ có một vầng trăng, nhưng biển cả, sông to, rạch lớn, khe nhỏ thảy đều hiện bóng trăng vẹn toàn, dẫu nhỏ như trong một chước, một giọt nước không đâu chẳng đều hiện bóng trăng trọn vẹn. Vả nữa, bóng trăng trên sông rạch một người nhìn vào sẽ thấy một vầng trăng đối trước người ấy, trăm ngàn vạn ức người ở trăm ngàn vạn ức chỗ nhìn vào, không ai chẳng có một vầng trăng đối trước mặt. Nếu trăm ngàn vạn ức người ai nấy đi về những hướng Đông, Tây, Nam, Bắc thì nơi người ấy đi đến, trăng vẫn thường ở nơi người ấy, chỗ trăng đi đến trọn chẳng có xa gần. Nếu trăm ngàn vạn ức người ở yên chẳng động thì trăng cũng ở yên chẳng động, luôn ở nơi người ấy. Chỉ có nước trong lặng thì trăng hiện, nước đục, xao động thì trăng ẩn. Trăng cố nhiên không lấy bỏ, không hiện là vì nước đục ngầu, xao động, không cách gì in bóng được. Tâm chúng sanh như nước, A-di-đà Phật như trăng, chúng sanh tín nguyện đầy đủ, chí thành cảm Phật thì Phật bèn ứng, giống như nước trong trăng hiện. Nếu tâm không thanh tịnh, không chí thành, tương ứng với tham sân si, giống như nước đục, loạn động thì trăng tuy chẳng bỏ sót không chiếu, nhưng chẳng thể hiện bóng rõ ràng. Mặt trăng là sắc pháp thế gian còn hay khéo như thế, huống chi Phật A-di-đà phiền hoặc đoạn sạch, phước tuệ đầy đủ, tâm bao thái hư, lượng trọn pháp giới. Do vậy kinh Hoa Nghiêm nói: "Thân Phật đầy ắp pháp giới, hiện khắp trước hết thảy chúng sanh, tùy duyên cảm ứng không gì chẳng trọn vẹn, nhưng thường ngồi nơi tòa Bồ-đề này. Do vậy phải biết, trọn khắp pháp giới cảm sẽ ứng trọn khắp pháp giới." Quả thật, Phật chưa hề khởi tâm động niệm có tướng đến đi, nhưng có thể làm cho chúng sanh duyên chín muồi thấy Phật đến đây tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Ôm lòng nghi như thế, cố nhiên chẳng phải một hai người, do vậy bèn trình bày đại ý để sanh chánh tín vậy!

44. Lời tựa in lại kinh Dược Sư Như Lai Bổn Nguyện Công Đức

Tâm thể của Phật và chúng sanh hoàn toàn chẳng khác nhau chút nào, nhưng tâm tướng của Phật và chúng sanh khác xa nhau một trời một vực. Tướng đã khác hẳn nhau nên sự thọ dụng do tướng cảm được cũng phải rất khác biệt. Phật thương xót chúng sanh về thể tuy đồng, nhưng tướng - dụng rất khác biệt nên vận dụng lòng vô duyên từ, hưng khởi lòng đồng thể bi, bày ra đủ mọi phương tiện để tế độ. Nếu chúng sanh biết tướng - dụng tuy khác, nhưng bản thể vốn đồng cố nhiên sẽ trên ngưỡng mộ các thánh, dưới trọng tánh linh của chính mình, y giáo phụng hành ngõ hầu khôi phục nó. Kinh Dược Sư do đức Thế Tôn tự thuật nhân hạnh quả đức, công đức nhiếp hóa hiển mật của đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai ở thế giới Tịnh Lưu Ly nơi phương Đông. Kinh này do ngài Huyền Trang dịch

vào đời Đường, văn lý thông suốt, nhưng tên của tám vị Bồ-tát và đoạn kinh Phật nói thần chú đều bị khuyết. Trong kinh Đại Quán Đảnh Thần Chú do ngài Bạch-thi-lê-mật[662] dịch vào thời Đông Tấn thì kinh thứ 12 là kinh Quán Đảnh Chương Cú Bạt Trừ Quá Tội Sanh Tử Đắc Độ[663], có tên tám vị Bồ-tát. Kinh Dược Sư Lưu Ly Quang Thất Phật Bổn Nguyện Công Đức do ngài Nghĩa Tịnh[664] dịch vào đời Đường có chép một đoạn chú văn, gồm 428 chữ. Ba kinh quả thật vốn là một kinh, do lưu thông đã lâu đến nỗi bối diệp[665] thất lạc, mỗi vị căn cứ vào Phạn bản

[662] Theo Lịch Đại Tam Bảo Ký và sách Tả Thị Ngũ Hồ, ngài Bạch-thi-lê-mật (gọi đủ là Bạch-thi-lê-mật-đa-la) (dịch nghĩa là Cát Hữu), người xứ Cưu-ty (Kuche), là thái tử nước ấy, nhưng nhường ngôi cho em, đi xuất gia. Ngài rất thông minh, hiểu sâu xa Phật pháp, đến Trung Quốc trong niên hiệu Vĩnh Gia đời Tấn. Khi ấy, Trung Hoa đại loạn nên ngài bèn vượt Trường Giang xuống Hoa Nam, đến Kiến Khang trụ tích tại chùa Kiến Sơ. Thừa tướng Vương Đạo rất coi trọng, đa phần triều thần đều quy y.

[663] Kinh Đại Quán Đảnh Thần Chú (Mahabhiseka Mantra), thường gọi tắt là kinh Đại Quán Đảnh, do ngài Bạch-thi-lê-mật-đa dịch vào thời Đông Tấn, hiện được chép trong quyển 21 của Đại Chánh Tân Tu Đại tạng kinh. Kinh này gồm mười hai bộ kinh nhỏ hợp thành gồm từ bộ thứ nhất là kinh Quán Đảnh Tam Quy Ngũ Giới Đới Bội Hộ Thân Thần Chú đến kinh cuối cùng kinh Quán Đảnh Chương Cú Bạt Trừ Quá Tội Sanh Tử Đắc Độ. Kinh Quán Đảnh Chương Cú Bạt Trừ Quá Tội Sanh Tử Đắc Độ tương đồng với kinh Dược Sư Như Lai Bổn Nguyện do ngài Đạt-ma-cấp-đa dịch và kinh Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bổn Nguyện Công Đức của ngài Huyền Trang dịch.

[664] Kinh Dược Sư tên tiếng Phạn là Bhagavān Bhaisajyaguru Vaidūryaprabhasya Pūrvapranidhānaviśesa Vistara có đến năm bản dịch khác nhau. Bản dịch đầu tiên của ngài Bạch-thi-lê-mật-đa thời Đông Tấn, bản thứ hai do ngài Huệ Giản dịch vào thời Lưu Tống (năm 457), bản thứ ba của ngài Đạt-ma-cấp-đa dịch vào thời Tùy, bản thứ tư của ngài Huyền Trang dịch vào đời Đường, bản thứ năm do ngài Nghĩa Tịnh dịch cũng vào đời Đường. Ngoại trừ bản của ngài Bạch-thi-lê-mật-đa ra, bốn bản đều nhấn mạnh đến công đức của Phật Dược Sư. Bản của ngài Nghĩa Tịnh đầy đủ nhất, mang danh xưng kinh Dược Sư Lưu Ly Quang Thất Phật Bổn Nguyện Công Đức, có tên bảy vị Phật, bổn nguyện và thần chú của mỗi vị. Trong kinh này, đức Phật Dược Sư ở xa nhất, bổn nguyện nhiều nhất, công đức thù thắng nhất trong số các vị Phật. Bản của ngài Nghĩa Tịnh thường được gọi tắt là kinh Thất Phật Dược Sư. Cũng do kinh này, trong các pháp hội Dược Sư xưa kia thường lập đàn Dược Sư gồm bảy khu, mỗi khu đốt bảy ngọn đèn lớn trước bàn Phật. So với các kinh Mật giáo khác, kinh Dược Sư được chú giải nhiều nhất.

[665] Kinh Phật khi xưa được chép trên lá bối (bối diệp). Bối diệp gọi đủ là *bối-đa-la diệp*, tức lá của cây bối-đa-la (pattra), tên khoa học là laurus oassia. "Bối diệp" là danh xưng chung chỉ tên các loại lá có thể dùng thay giấy khi chưa phát minh ra giấy. Được dùng phổ biến nhất là lá cây đa-la (tāla). Loại lá này thuôn dài, dày chắc. Người ta phơi lá cho khô, cắt thành từng miếng rộng độ 6cm, dài chừng 18cm. Hai đầu xoi lỗ nhỏ để chép xong sẽ xỏ dây buộc thành từng tập. Khi chép kinh, người ta dùng mũi kim hay vật nhọn khắc chữ trên lá. Khắc xong, bôi mực lên rồi chùi đi, mực đọng lại nơi vết khắc. Một số quốc gia sau này tuy đã có giấy vẫn dùng phương pháp chép kinh lên những mảnh giấy rời rồi buộc lại thành tập như ở Tây Tạng, Nepal, Mông Cổ vẫn còn dùng. Các nước Phật giáo Nam Truyền như Cambodia, Lào, Thái vẫn còn giữ được rất nhiều bản kinh chép theo lối này trên lá gồi.

mình có được mà dịch. Nhưng Dược Sư Như Lai cứu vớt kẻ sơ cơ phần nhiều dựa trên chú lực, vì thế tiền nhân đem phần ghi tên tám vị Bồ-tát trong bản dịch của ngài Bạch-thi và đoạn chú văn trong bản dịch của ngài Nghĩa Tịnh thêm vào [bản dịch của ngài Huyền Trang], khiến cho văn nghĩa đều trọn đủ, mà tâm cứu độ chúng sanh của Dược Sư Như Lai cũng không bị bỏ sót. Cũng giống như phần kệ trùng tụng được thêm vào phẩm Phổ Môn kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện được thêm vào kinh Hoa Nghiêm vậy. Hợp lại thì xứng hợp, vui đẹp tâm ý Phật; tách ra thì sự giáo hóa bị khuyết. Huống chi kinh ấy, chú ấy cả cõi đời cùng thọ trì, nếu chẳng thêm vào như vậy thì người tụng kinh chẳng được lợi ích nơi mật chú, người trì chú chẳng biết chú ấy phát xuất từ kinh nào. Hành động ấy của tiền nhân có thể nói là khế cơ, khế lý. Do vậy mấy trăm năm qua, đều lưu truyền theo như thế đó. Cư sĩ Trương Thụy Tăng phát tâm khắc in lại, chỉ sợ kẻ kém tri kiến cho là kinh này khác với nguyên văn trong Đại tạng đâm ra ngờ vực nên mới lược thuật nguyên ủy để mọi người cùng được hay biết vậy.

45. Lời tựa cho bản tu chánh điều lệ quản trị chùa miếu và văn cảo hộ giáo

Phật pháp là tâm pháp, tâm pháp này chính là căn bản của mười pháp giới, chẳng hiểu pháp này thì chẳng những không thể nhờ vào đâu chứng được chân như Phật tánh sẵn có, mà những chuyện như cách vật trí tri, thành ý chánh tâm, đạo tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ của thế gian cũng không thể nào viên mãn rốt ráo được. Vì sao vậy? Vì không đạt được căn bản, chỉ chú trọng phát khởi trên mặt hình thức mà thôi. Do vậy, từ xưa đến nay phàm những ai lập đại công, tạo đại nghiệp huy hoàng vũ trụ, phần nhiều là do học Phật đắc lực mà nên. Ngay cả những ông Chu, Trình, Trương, Chu[666] thời Tống phát minh tâm pháp thánh học (tâm pháp Nho giáo) cũng vay mượn từ Phật học, nhưng bọn họ mang nặng kiến chấp môn đình quá đáng nên chẳng những không chú trọng tỏ lộ, trái lại còn chê trách, phỉ báng. Do vậy đối với đạo thành ý chánh tâm thật quá thiếu sót, đáng phàn nàn vậy. Pháp này tuy ai ai cũng có, nhưng nếu chưa nghe lời Phật thì không cách nào tự biết được viên châu nơi vạt áo. Do vậy, hết thảy chư Phật không vị nào chẳng dặn dò lưu thông pháp đạo.

[666] Ông Chu đầu tiên là Chu Đôn Di, người sáng lập Lý Học đời Tống. Ông Chu thứ hai là Chu Hy, còn Trương là Trương Tải, triết gia theo chủ nghĩa duy vật. Trình là hai anh em Trình Hạo và Trình Di, cũng là hai nhà Lý Học nổi tiếng đời Tống. Họ đưa quan niệm lý và khí vào Nho Học, nên học thuyết của họ được gọi là Tống Nho.

Cách lưu thông trước hết là phải tạo dựng tháp miếu, in tạo kinh tượng để khởi đầu. Nếu không có tháp miếu, kinh tượng thì không thể nhờ vào đâu để sùng phụng oai nghi cao quý rồi tu tịnh hạnh xiển dương Phật đạo, hướng dẫn quần mê, cũng như hết thảy hàm thức không có cách nào chiêm lễ thánh dung để vun bồi căn lành, nghe pháp tu trì, khai phát tâm địa cho được. Người lưu thông phải là vị tăng chân tu thật hạnh và phải có những hàng vua quan, thân sĩ, thương nhân có thế lực, tài lực. Một đằng là nội hộ, một đằng là ngoại hộ. Nội hộ thì nghiêm trì giới cấm, dốc sức tu tịnh nghiệp. Đối với Thiền, Giáo, Luật, Mật, Tịnh độ hoặc chuyên chú một môn, hoặc kiêm tu các tông khiến cho cả mình lẫn người đều được lợi ích, u lẫn hiển đều được nương nhờ. Thầm giúp cho cách cai trị yên ổn, ngầm làm cho dân tình yên ổn mới thôi. Ngoại hộ thì chẳng tiếc của cải, rộng trồng phước điền, khiến cho khắp những người cùng hàng phát khởi tín tâm. Nội ngoại hỗ trợ, pháp bèn được lưu thông. Nếu không có hàng nội hộ đạo đức thì bậc thầy gương mẫu chưa được lập, làm sao người ta ngưỡng vọng cho được; nếu không có hàng ngoại hộ có thế lực thì không có sức mạnh, kẻ bên ngoài khinh lấn làm sao chế ngự được.

Vì thế khi sắp nhập Niết-bàn, Như Lai đem pháp phó chúc cho hàng quốc vương, đại thần và chư thiên, thiện thần, dạy họ sau này thừa nguyện sanh vào trong hết thảy cõi nước lưu thông Phật pháp hòng lợi ích mọi hàm thức. Do vậy hơn 2.000 năm qua, đạo Phật thâm nhập các nước là do nội hộ lẫn ngoại hộ đều có người vậy. Kể từ đời Đông Hán, nước ta (chỉ Trung Quốc) mới được hưởng pháp hóa, đến đời Tấn thì ngày càng thạnh hành, đến đời Đường các tông đầy đủ, gần bằng Tây Thiên. Từ các nhà Tống, Nguyên, Minh cho đến đầu đời Thanh, Phật nhật luôn sáng tỏ, pháp luân thường chuyển. Đến thời Hàm Phong - Đồng Trị, do chinh chiến, đói kém liên miên, bậc triết nhân ngày càng hiếm hoi, quốc gia chẳng rảnh rang đề xướng, kẻ kém hèn lạm dự tăng chúng, rất nhiều kẻ là phường vô lại, ác nhân, xen lộn vào Phật môn, đến nỗi Phật pháp bị bại hoại sát đất. Phàm những ai chưa đọc kinh Phật, chưa gặp được bậc tri thức, trông thấy những ông tăng du hành trong nhân gian tạo đủ mọi nghiệp, bèn cho rằng tăng toàn là như thế. Từ đấy một người xướng, trăm kẻ hùa theo, cho là Phật pháp vô ích cho nước nhà, có hại cho đời. Không ai chẳng tính chuyện chiếm đoạt tài sản của tăng chúng, lăm lăm biến chùa thành trường học. Những kẻ đề xướng chuyện ấy, tâm lý chưa hẳn đã hoàn toàn mê muội, mà là do chẳng biết cội nguồn Phật pháp, chỉ cậy vào hiểu biết của chính mình để lầm lạc suy luận, khiến cho những

kẻ mượn chuyện công để tư lợi, thấy đúng là dịp kiếm chác, muốn vơ vét cho đầy túi. Đây kia bắt chước nhau, thế như lửa cháy.

Lúc Dân Quốc mới thành lập, bao phen được những bậc cao nhân tăng tục trình bày, mong Đại tổng thống hạ lệnh bảo vệ. Năm Dân Quốc thứ tư (1915), chánh phủ quy định chương trình bảo vệ gồm 31 điều. Do văn từ, ý nghĩa có chỗ chưa rõ ràng, dễ nảy sanh mối tệ, sợ sẽ tạo thành hậu hoạn nên đến năm Dân Quốc thứ chín (1920), cư sĩ Trình Tuyết Lâu diện kiến Đại tổng thống xin ông sửa đổi. Nhân đó bèn thương lượng, châm chước kỹ càng, quy định 24 điều. Tháng Năm năm Dân Quốc thứ 10 (1921), công bố cho các tỉnh. Mùa hạ năm nay, giới giáo dục tỉnh Giang Tô nhóm họp, lại viện vào tiền lệ thời cuối nhà Thanh, đầu thời Dân Quốc, đem kế hoạch mượn chùa làm trường học trình lên cựu tỉnh trưởng họ Vương, được ông ta tán thành, cho là không tổn hại gì đến pháp luật, thật sự cân nhắc tình lý, đã suy xét cẩn thận chu đáo, ổn thỏa, thật đáng khâm phục, truyền ty giáo dục thông tri cho các huyện tuân hành. Lệnh này vừa được ban ra, ông ta bèn từ chức, tăng giới tỉnh Giang Tô chấn động, kinh hoảng vô cùng. Các chùa chiền ở Diêm Thành đa số bị xâm đoạt, mọi người cho rằng: Giáo lệnh của Đại tổng thống công bố vào năm ngoái, có lẽ cựu tỉnh trưởng họ Vương hoàn toàn chưa hay biết nên mới nồng nhiệt khen ngợi kế hoạch ấy như thế. Nếu chẳng lập cách cứu vãn, chẳng những không thể giữ gìn được các chùa miếu trong một tỉnh Giang Tô, mà những người mang cùng tánh khí ấy trong các tỉnh khác không ai chẳng muốn mượn danh nghĩa lập trường học để diệt Phật pháp, đoạt tài sản nhà chùa, coi đó như một nghĩa vụ có danh dự lợi ích nhất.

Do vậy, bèn cử ra 30 vị đại biểu, được cầm đầu bởi Hạo Tịnh là vị đã từ nhiệm, khẩn cầu hai vị cư sĩ Ngụy Cang Trưởng và Vương Ngu Tăng chuyển đạt lên những nhân vật chánh yếu, trình bày rõ lợi hại, ngõ hầu "đạo ngầm giúp cho việc cai trị, pháp ngầm khiến cho dân tình yên vui" chẳng đến nỗi nhanh chóng bị diệt mất. Ông Hàn, tỉnh trưởng tỉnh Giang Tô, là người thông đạt chánh thể, hiểu sâu Phật pháp. Những tờ trình của chư tăng được chuyển lên, liền phê: "Tôn trọng pháp luật, nghiêm cấm tệ đoan. Một mực giữ phép công bằng, không mảy may gì thiên vị. Hai giới tăng chúng và giáo dục đều được vô sự!" Tuy chưa nói rõ thủ tiêu lệnh trước của tỉnh trưởng Vương, nhưng cũng chẳng khác gì đã thủ tiêu vậy.

Chuyện này lại được chuyển đạt lên bộ, gởi công văn phúc trình lên bộ Nội Vụ, bộ truyền cho tỉnh trưởng Giang Tô xử lý theo đúng pháp luật. Do vậy mối họa diệt pháp liền bị tiêu diệt. Lúc này thế đạo nhân tâm đã suy hãm đến cùng cực, đúng là lúc nên đề xướng Phật pháp, xiển dương rộng rãi sự lý nhân quả báo

ứng, sanh tử luân hồi, khiến cho những kẻ mê tâm mờ lý, phóng túng không kiêng dè biết tạo ác phải thọ khổ bao kiếp dài lâu, làm thiện được hưởng vui vĩnh viễn, bèn tự có thể giảm bớt tâm ác, dần dần phát khởi thiện niệm, quyết chẳng dám khoái chí một lúc, khiến cho thân về sau phải chịu thống khổ vô cùng. Vào thời Xuân Thu, chư hầu, các đại phu chết, ai nấy tùy sức giết người tuẫn táng theo mình, lại cho là càng nhiều càng sang. Tuy Khổng, Mạnh, Lão, Trang đều xuất thế cũng không sao ngăn cấm được! Từ khi Phật pháp truyền vào Trung Quốc, dẫu kẻ ngoảnh mặt về phương Nam xưng trẫm cũng chẳng dám làm vậy. Hơn một ngàn năm qua những người được sống hết tuổi thọ mới mất không biết bao nhiêu mà kể. Những ai cho Phật pháp vô ích cho nước nhà, có hại cho đời, toàn là vì lòng đố kỵ, dấy lên những lý luận mù quáng của kẻ chưa thấy được màu sắc. Nếu họ suy xét kỹ, ắt sẽ chẳng thể đau đớn khóc lóc, hối hận đã lỡ lời ư?

Tuy nhiên, nói chung là do tăng giới không có người, nên đến nỗi những kẻ câu nệ, rỗng tuếch lầm lạc nảy sanh ý xâm đoạt, khinh lấn. Nếu như ai nấy gắng chí ngầm tu, làm rạng rỡ Phật pháp thì những kẻ bài bác, đả kích, xâm đoạt, khinh lấn kia sẽ hộ trì, lưu thông còn không xuể. Mạnh tử nói: "Con người phải tự khinh mình trước thì người khác mới khinh mình được. Trong nhà phải tự hủy diệt trước thì người khác mới hủy diệt được. Nước phải tự công phá trước thì người ngoài mới công phá được", chính là nói đến ý này vậy! Tăng giới chúng ta phải nên dốc kiệt lòng thành, chuyên tinh tu tập như thế nào ngõ hầu trên là mong tiếp nối được huệ mạng, dưới độ mê tình.

Tất cả những văn tự đầu đuôi về chuyện này đã được hai vị cư sĩ Cang Trưởng và Ngu Tăng cho sao lục, in khắc, lại đem điều lệ quản trị chùa miếu đã tu chánh của Đại tổng thống đặt ở đầu sách, phổ biến khắp tăng giới, để mọi người biết có công lệnh, chẳng đến nỗi lại có những chuyện như thế phát sanh, không cách gì thi thố thủ đoạn được. Khắc xong, hòa thượng Diệu Liên giao cho tôi, nhờ viết lời tựa dẫn giải. Cụ Diệu Liên là người tánh tình thuần hòa, sốt sắng, rất được hai vị Cang Trưởng và Ngu Tăng kính trọng. Khi chuyện này nảy sanh, ông Ngu Tăng thường phải bôn ba chẳng nề hà mệt nhọc, tôi biết rõ ông ta chí hướng cao khiết, khá thông hiểu giáo lý. Tôi mến ông ta chịu khổ nhọc thay cho người, thành tựu điều tốt đẹp cho người nên mới trình bày những điểm chánh yếu như vậy.

46. Lời tựa cho bộ Phóng Sanh Sát Sanh Hiện Báo Lục của tiên sinh Giang Thận Tu

Tiên sinh Giang Thận Tu là một bậc đại học giả đời Thanh trước kia, là bậc quân tử hiểu đạo, ẩn tu, ẩn dật ở Vụ Nguyên[667]. Ông bác học đa văn, không sách gì không đọc, với mỗi cuốn đều nắm được chỗ tinh vi, hiểu được cốt lõi sâu thẳm, chỉ lấy việc giáo dục bậc anh tài làm vui, chẳng màng đến phú quý, danh lợi, hiển đạt. Năm lên sáu tuổi, vừa được đi học, mỗi ngày nhớ được mấy ngàn chữ, cha thấy con mẫn tiệp lạ lùng, bèn đem toàn bộ Thập Tam Kinh Chú Sớ[668] dạy cho. Từ đấy tiên sinh chuyên tâm nghiên cứu mấy mươi năm, phàm những học thuật về kinh sử, tác phẩm của bách gia chư tử, thiên văn, địa lý, âm vận, phiên thiết[669], không gì chẳng dung hội quán thông. Ông bèn tự đặt trách nhiệm dùng trước thuật để nêu tỏ những nghĩa lý uẩn súc, những trước tác của ông có đến gần 20 thứ, gần đến 200 quyển. Những trước thuật của quốc gia và danh nhân khi ấy đa số đều lấy trước tác của ông làm căn cứ. Đến năm Càn Long thứ 37 (1772), lúc đó tiên sinh đã qua đời 11 năm, quốc gia mở ra Tứ Khố Toàn Thư Quán[670], phàm những

---

667 Huyện Vụ Nguyên thuộc tỉnh An Huy.

668 Thập Tam Kinh là mười ba bộ sách trọng yếu của Nho giáo, tức kinh Dịch, kinh Thư, kinh Thi, Chu Lễ, Nghi Lễ, Lễ Ký, Tả Truyện, Công Dương Truyện, Cốc Lương Truyện, Luận Ngữ, Hiếu Kinh, Nhĩ Nhã và Mạnh Tử.

669 Phiên thiết: Một lối phiên âm chữ Hán, dùng hai chữ để ghép lại. Chữ thứ nhất diễn tả phụ âm, chữ thứ hai hình dung âm vận. Các từ điển cũ, chẳng hạn như từ điển Khang Hy, thường dùng lối này để mô tả âm đọc, chua thêm một chữ đơn giản nhiều người biết cách đọc để hình dung thanh âm. Chẳng hạn chữ diễn 演 được từ điển Khang Hy phiên là dĩ thiển thiết, âm diễn (以淺切,音衍). Như vậy âm đọc là d + iển, nhưng do hiệp vận với chữ diễn nên phải đọc thành diễn. Theo các nhà nghiên cứu, cách phiên thiết này mô phỏng lối ghép chữ cái để ghi âm của tiếng Phạn.

670 Tứ Khố Toàn Thư là một bộ sách tập thành vĩ đại nhất những tác phẩm đặc sắc nhất trong lịch sử học thuật Trung Quốc, được biên soạn kể từ năm Càn Long 38 (1773), phải mất 9 năm ròng rã mới hoàn thành. Tất cả gồm 3.503 tác phẩm, chia thành 36.304 quyển, gần 320 loại, ước tính đến 800.000 chữ, bao gồm những tác phẩm từ thời Tiên Tần (trước đời Tần Thủy Hoàng) cho đến trước thời Càn Long. Toàn tập được chia thành bốn bộ phận lớn là Kinh, Sử, Tử, Tập (do vậy gọi là Tứ Khố). Ngoài những tác phẩm kinh điển của Nho gia như Tứ Thư, Ngũ Kinh, còn có những tài liệu vô cùng giá trị như Tư Trị Thông Giám, Thủy Kinh Chú, Quốc Ngữ, Bản Thảo Cương Mục, kể cả những tác phẩm của Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam, Ấn Độ và các nhà truyền giáo Âu Châu cũng được thu thập. Công việc biên soạn được giao cho một cơ quan mệnh danh là Tứ Khố Toàn Thư Quán, vua sai hoàng tử thứ 15 là Vĩnh Dung làm Tổng Giám Tu, sai quận chúa Vu Mẫn Trung làm tổng tài, sai các đại học sĩ, thượng thư, thị lang thuộc sáu bộ làm phó tổng tài. Các học giả nổi tiếng thời ấy như Lục Tích Hùng, Tôn Sĩ Nghị, Đới Chấn, Chu Vĩnh Niên v.v. đều tham gia biên soạn. Số người tham dự chánh thức lên đến 3.600 người, nhân viên sao chép lên đến 3.800 người. Điểm đặc sắc của Tứ Khố Toàn Thư là bao gồm toàn bộ những tác phẩm trọng yếu trong bộ Vĩnh Lạc Đại Điển của thời Minh. Sau khi hoàn thành, sách được chép thành bảy bộ, chia ra cất giữ ở bảy nơi như Văn Uyên Các trong Tử Cấm Thành, Văn Nguyên Các thuộc vườn Viên Minh, Văn Sóc Các thuộc Cố Cung Phụng Thiên, Văn Tông Các thuộc chùa Kim Sơn ở Trấn Giang v.v.. Năm Càn Long 52 (1781),

trước tác của tiên sinh được thâu nhập vào đó tổng cộng là 13 loại, tức hơn 150 quyển. Ngoài ra, những tác phẩm không được thâu nhập thì được tóm lược nội dung chánh yếu ghi chép trong những sách khác, hoặc được sao chép lại rất nhiều, truyền cho nhau xem, đến nỗi có muốn bị thất lạc cũng chẳng được.

Ôi, có thể nói tiên sinh là bậc người trời nghiên cứu, công chen tạo hóa vậy. Cùng lý tận tánh, là bậc anh kiệt trong loài người được dự vào hàng thánh vậy. Còn những người như Trịnh Khang Thành đời Hán, Chu Liêm Khê, Thiệu Khang Tiết đời Tống ư? Họ tuy là kẻ bác học đa văn trong cõi đời, nhưng chẳng bàn đến chuyện tận lực thực tiễn tu tập, chỉ lăm lăm dùng từ chương để tiến thân, nghe đến phong cách của tiên sinh há chẳng thẹn đến chết ư? Tiên sinh lại yêu tiếc sanh mạng loài vật, tin sâu nhân quả, vì thế đối với thiện báo của việc ăn chay phóng sanh, ác báo của chuyện sát sanh, ăn thịt, bèn ghi lại những gì ông được thấy nghe để khuyên đời. Hậu duệ của ông là cư sĩ Dịch Viên muốn đúc bản kẽm để lưu truyền rộng rãi, ngõ hầu vãn hồi sát kiếp, nhờ Quang viết lời tựa. Quang tâm như mặt lưng tấm gương, học vấn như nhìn vào tường vách, chỉ học đòi ngu phu ngu phụ thật thà niệm Phật, làm sao phát huy được diệu đạo khiến cho những kẻ câu nệ hư giả thấy thấu tột vầng mặt trời để từ đó phát sanh chánh tín đạt lợi ích thật sự cho được? Nhưng việc này liên quan đến kiếp vận, vì nghĩa chẳng thể tạ từ, miễn cưỡng viết lời tựa rằng:

Đại đức của trời đất gọi là sanh, đại đạo của Như Lai gọi là từ, người và loài vật tuy khác, tâm tánh vốn đồng. Như Lai xem khắp tam thừa lục phàm đều như con một, vì sao vậy? Do họ đều có đủ Phật tánh, đều có khả năng thành Phật. Hãy gác tam thừa lại đó, lục phàm là trời, người, a-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, tuy cao thấp khác hẳn nhau, khổ vui khác biệt vời vợi, nhưng nói chung đều là chưa đoạn hoặc nghiệp, chưa thoát sanh tử. Phước trời nếu hết ắt phải đọa xuống, tội địa ngục nếu diệt ắt phải sanh lên, giống như bánh xe, xoay vần lên cao xuống thấp. Ta nay may được thân người, lẽ ra phải nên khéo léo lập cách để che chở, thương tiếc sanh mạng loài vật, thấu hiểu đức hiếu sanh của trời đất, toàn vẹn

---

vua đọc bộ này, phát hiện có những tác phẩm chê bai Thanh triều, bèn ra lệnh tái thẩm tra Tứ Khố Toàn Thư, bỏ đi 11 bộ sách trong ấy. Năm Gia Khánh thứ 8 (1803), Kỷ Hiểu Lam lại vâng lệnh nhuận sắc, bổ túc sai sót, tạo thành bản hoàn chỉnh. Khi liên quân Anh Pháp tấn công Bắc Kinh năm 1860, vườn Viên Minh bị đốt trụi. Loạn quân Thái Bình Thiên Quốc lại đốt cháy gác Văn Tông, Văn Hội ở Hoa Nam. Như vậy, ba bộ Tứ Khố Toàn Thư bị thiêu hủy. Ngày nay chỉ còn được ba bộ hiện đang lưu giữ tại Đài Bắc Cố Cung Bác Vật Viện (viện Bảo Tàng Cố Cung Đài Bắc), nhưng chỉ có một bộ hoàn chỉnh (theo Wikipedia).

lòng nhân trắc ẩn trong tâm ta. Bởi lẽ các loài vật và ta cùng sống trong vòng trời đất, cùng được thiên địa sanh thành, dưỡng dục, lại còn cùng biết tham sống, cùng biết sợ chết.

Người nhân đối với xương khô còn gom nhặt, đem chôn; đối với thảo mộc còn để mọc dài chẳng chặt, lẽ đâu chịu sướng thích bụng miệng mình, khiến cho các sanh vật sống trên đất dưới nước phải chịu nỗi khổ chặt xẻ, nấu nướng ư? Phải biết, những loài vật ấy từ vô thỉ đến nay, cũng từng thuộc địa vị cao quý, oai quyền hiển hách, chẳng biết nhờ oai quyền để vun bồi đức. Trái lại, cậy vào oai quyền để tạo nghiệp, rốt cục ác nghiệp tụ tập như rừng, đọa trong dị loại, miệng chẳng thể nói được, tâm không có trí khôn, thân không tài khéo, phải mắc vào nạn ấy. Tuy kẻ mạnh ăn thịt kẻ yếu về mặt sự thì được, nhưng oán hận kết lại không thể không tạo thành ý niệm đời đời kiếp kiếp báo oán hay sao? Nếu con người chẳng nghĩ đến nỗi khổ bị giết chóc của loài vật, chẳng lẽ không sợ do oán nghiệp kết sâu, thường bị chúng nó giết lại hay sao? Lại chẳng sợ tàn hại loài vật của trời, trời sẽ đoạt phước thọ của chính mình ư? Con người chỉ muốn quyến thuộc đoàn tụ, thọ mạng dài lâu, thân tâm yên vui, các duyên như ý, chính ra phải nên phát tâm đại bi, hành nghiệp phóng sanh, khiến cho thiên địa quỷ thần đều thương xót tấm lòng thành thương yêu loài vật của ta thì những điều mong muốn như trên sẽ có thể đạt được.

Nếu cậy ta có tiền tài, ta có trí lực, bày đủ mọi cách để bắt giữ loài vật cho sướng khoái bụng miệng mình, chẳng đoái hoài nỗi đau của chúng, há còn có thể gọi là con người sánh cùng trời đất thành ba ngôi nữa ư? Nhưng ta cùng chúng nó cùng trong sanh tử, từ vô thỉ đến nay, mỗi một kẻ trong số đó đều là cha mẹ, anh em, thê thiếp, con cái của ta, ta cũng đều là cha mẹ, anh em, thê thiếp, con cái của mỗi một con vật ấy. Mỗi một kẻ ấy hoặc trong nhân gian, hoặc trong dị loại từng bị ta giết; ta cũng hoặc trong nhân gian, hoặc trong dị loại từng bị kẻ ấy giết, làm người thân kẻ oán, sanh ra nhau, giết hại lẫn nhau. Lặng im suy nghĩ, thẹn chẳng muốn sống nữa! Gấp gáp thay đổi, còn e quá chậm, lẽ nào vẫn cứ giẫm bước theo thói thường, vẫn chấp mê tình, cho là trời sanh ra dị loại vốn để làm thức ăn cho con người hay sao? Ta còn có đủ hoặc nghiệp, cố nhiên không cách gì thoát ra ngoài luân hồi. Vạn nhất, tội của chúng đã hết, lại được sanh làm con người, thiện căn phát sanh, nghe pháp tu hành, đoạn hoặc chứng chân, được thành Phật đạo. Nếu ta đọa lạc, còn mong kẻ ấy rủ lòng từ cứu giúp hòng thoát khổ được vui, đích thân chứng được Phật tánh. Há có nên cậy vào sức mạnh nhất thời để rồi bao kiếp không được cứu ư?

Xưa có vị cao tăng, cất chân không đạp trùng kiến, có người hỏi nguyên do, ngài nói: "Ta và chúng cùng trong sanh tử, nếu chúng nó thành Phật trước, còn mong chúng rủ lòng từ cứu ta, sao dám khinh miệt chúng?" Do vậy biết, Phật thấy chúng sanh đều là Phật, còn chúng sanh thấy Phật đều là chúng sanh. Phật coi chúng sanh đều là Phật, nên lắm cách giáo hóa, chỉ dạy, đủ mọi cách chiết phục, nhiếp hóa; dẫu cho kẻ hoàn toàn chẳng có tín tâm, cũng chẳng buông bỏ, khéo léo vận dụng phương tiện khiến kẻ ấy trồng thiện căn, đợi khi nhân duyên đã đủ, sẽ tự nhiên phát sanh tăng trưởng, y giáo phụng hành. Chúng sanh thấy Phật đều là chúng sanh, nên nghe lời Phật chẳng sanh cảm kích; trái lại,còn dùng tri kiến tà vạy, sai lầm của chính mình để hủy báng nhiều lẽ. Thậm chí phá hủy chùa tháp, thiêu đốt kinh điển, cố kết bè đảng ma phá hoại thanh tu. Đến khi chánh trí hơi mở mang có thẹn hối cũng không kịp! Do vậy bèn lại quy mạng Như Lai, hưng khởi sùng tín Phật pháp, xưa nay đa phần đều như thế.

Phải biết, cha mẹ đối với đứa con ngỗ nghịch còn sanh lòng bỏ bê, chứ Phật đối với những phường nghịch ác bất tín càng sanh lòng thương xót. Vì sao vậy? Thương chúng nó hoặc nghiệp sâu nặng, đánh mất bổn tâm. Tuy hiện thời trái nghịch với Phật, nhưng thiên chân Phật tánh sẵn có vẫn chẳng mảy may bị mất, như tượng vàng trong khuôn cháy, như bảo châu trong áo rách, như gương Tần bị bụi phủ, như ngọc bích núi Kinh[671] còn chưa gọt dũa. Kẻ ngu chỉ thấy tướng trạng bề ngoài, chẳng biết nội dung, còn Phật bỏ tướng trạng bề ngoài, bàn đến nội dung, nên không một chúng sanh nào bị bỏ qua. Phật còn chẳng khinh chúng sanh, há chúng sanh có nên khinh chúng sanh chăng? Do vậy, đối với hết thảy những chúng sanh sống trên đất, dưới nước đều phải làm cho chúng được sống yên ổn, thường được bay, chạy, bơi lội trong môi trường sống của chúng, để loài nào loài nấy vui với thiên chân, đều hưởng hết tuổi trời. Như vậy thì những thứ thiện báo được nói trong sách này sẽ đạt được đủ cả. Người như thế, đối với loài vật còn chẳng muốn làm cho chúng nó chẳng được sống yên, huống chi đối với con người? Ắt sẽ thân ái đối với nhau, nâng đỡ lẫn nhau, tự nhiên phong tục tốt đẹp, con người hòa thuận, ắt cảm được mưa thuận gió hòa, lẽ đâu muôn vật chẳng đông đảo, dân sung sướng, thời thế yên lành, đất nước thái bình ư? Lại mong

[671] Gương Tần: Tương truyền Tần Thủy Hoàng có một tấm gương báu có thể soi thấu ngũ tạng lục phủ của con người, biết rõ người ấy tà hay chánh. Còn ngọc bích núi Kinh chỉ viên ngọc Biện Hòa. Thời Chiến Quốc, Biện Hòa tìm được tảng đá có ngọc từ Kinh Sơn, đem dâng cho vua, nhưng không ai tin tảng đá xù xì ấy có ngọc. Vua cho là khinh quân, truyền chặt một chân. Vẫn cố dâng, bị chặt nốt chân kia. Biện Hòa ôm tảng đá khóc ngoài đồng, có người thương tình tâu lên vua. Vua truyền phá đá, quả nhiên tìm được viên ngọc quý báu vô song. Tương truyền, viên ngọc này về sau được dùng làm ngọc tỷ (ấn ngọc) truyền quốc của Tần Thủy Hoàng.

những người cùng hàng với tôi chớ nên tự khinh, hãy nghĩ ta có cùng một tâm tánh với Như Lai, vì sao ngài hoặc nghiệp hết sạch, phước tuệ viên mãn, an trụ Tịch quang, thường hưởng pháp lạc? Vì sao ta khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm, luân hồi lục đạo, chẳng có cách gì thoát lìa vậy? Tâm tánh là một, khổ vui một trời một vực. Nếu nhường cho một mình đức Như Lai thọ dụng công đức của Phật tánh thì có còn được gọi là đại trượng phu nữa hay chăng?

47. Lời tựa trần thuật duyên khởi của Hạ Môn[672] Phật Kinh Lưu Thông Xứ

Như Lai thuyết pháp đều tùy thuận cơ nghi, với đại căn bèn chỉ thẳng chân như diệu tánh, khiến cho họ hiểu rõ diệu tánh viên minh, lìa các danh tướng, vốn chẳng có thế giới, chúng sanh, thường tịch, thường chiếu, bất sanh, bất diệt, ngũ uẩn không, sáu căn thanh tịnh, bốn tướng mất, nhưng nhất tâm hiện bày rành rành. Từ đấy xứng tánh khởi tu, do tu chứng tánh. Mây phủ cửa từ, sóng trào biển hạnh. Dẫu từ bi hạnh nguyện trùm khắp pháp giới, nhưng tam luân thể không, trọn chẳng có những tướng ta người, năng sở.

Đối với tiểu căn bèn dạy cho tam quy để làm căn bản bỏ tà quy chánh, dạy ngũ giới thập thiện để làm nhân được sanh trong trời người. Gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường, em kính, chồng xướng, vợ theo, tận lực tuân thủ luân thường, ai nấy tận hết bổn phận. Kiêm thêm kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Đối với kẻ căn khí thù thắng hơn một chút thì bèn dạy cho tứ đế, thập nhị nhân duyên để họ đoạn hoặc chứng chân liễu sanh thoát tử. Lại vì hết thảy chúng sanh do thân khẩu ý khởi lên tham sân si, do tham sân si tạo giết trộm dâm. Do nhân duyên ấy luân hồi lục đạo, giết lẫn nhau, sanh ra nhau đến tột cùng đời vị lai trọn chẳng khi nào ngừng nghỉ. Tuy dạy những thừa nhân, thiên, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, nhưng tự lực đoạn hoặc thật chẳng phải dễ dàng! Huống chi chúng sanh trong đời mạt căn cơ kém hèn, chẳng cậy vào Phật lực, quyết khó thể giải thoát. Do vậy, bèn mở riêng một pháp môn Tịnh độ cậy vào Phật từ lực vượt ngang ra khỏi tam giới để người đã chứng thánh quả sẽ mau viên mãn Phật quả, người chưa đoạn hoặc sẽ mang nghiệp vãng sanh. Chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, khẩn thiết chí thành trì danh hiệu Phật, làm được như thế thì vạn người chẳng sót một ai.

[672] Hạ Môn (còn có tên là Lộ Đảo, thời Tống gọi là Gia Hòa Dự), là một thành phố duyên hải thuộc miền Đông Nam tỉnh Phước Kiến, được hình thành từ năm 712, được coi là một thành phố trọng yếu của vùng Mân Nam.

Như người rớt xuống biển, nương vào sức thuyền cứu, mau lên được bờ; chúng sanh đời mạt bỏ pháp này muốn thoát sanh tử thì vạn người chẳng được một ai.

Do vậy biết rằng, đại pháp của Như Lai vỗ về nuôi nấng quần manh, như trời che phủ khắp, như đất nâng đỡ đồng đều; sâm la vạn tượng không một thứ nào thoát ra ngoài được, không gì chẳng thuộc trong ấy. Như mặt trời, mặt trăng sáng ngời trên không, chiếu khắp muôn nước, tuy kẻ mù từ lúc lọt lòng chẳng thấy được quang minh cũng vẫn được chiếu soi. Như mưa đúng thời thấm nhuần trọn khắp muôn cây cỏ: rễ to, thân lớn, cành nhỏ, lá bé đều cùng tươi tốt. Dẫu là mầm cháy, hạt hư cũng vẫn được bình đẳng thấm nhuần. Như đại hải chứa trọn trăm sông, sông to rạch lớn cũng đổ vào biển, ngòi nhỏ kênh bé, thậm chí một chước, một giọt cũng đổ vào biển, đã vào trong biển cả thì cùng một vị mặn, cùng một mức sâu rộng như biển cả, đánh mất tên cũ, được mang tên là biển. Do vậy, biết Phật pháp un đúc, giáo hóa, dạy dỗ trọn chẳng bỏ ai, là cội nguồn của các pháp, làm chỗ nương cậy cho chúng sanh. Hết thảy các pháp thế gian hay xuất thế gian không pháp nào chẳng phát xuất từ pháp giới này, không pháp nào chẳng quy hoàn pháp giới này.

Những kẻ chấp nhặt, hẹp hòi chẳng biết Phật pháp chính là pháp chung cho cả mười pháp giới, chỉ thấy chuyện bỏ cõi tục đi xuất gia bèn cho là phế bỏ luân lý, đắm chìm trong không tịch, mang lỗi trái nghịch thế giáo. Nào biết Phật pháp như thái hư, không gì chẳng bao dung, như ánh nắng xuân không gì chẳng sanh trưởng; thánh nhờ vào đây mà thành thánh, hiền nhờ vào đây mà thành hiền. Vì thế, thời cổ những người lập đại công, dựng đại nghiệp, tiếng tăm lừng lẫy trời đất, lòng tinh thành bao trùm nhật nguyệt đều là do học Phật pháp đắc lực mà phát khởi. Ngay như những ông Chu, Trình, Trương, Chu đời Tống nêu tỏ tâm pháp thánh nhân cũng do học Phật mà được. Vì họ khí lượng nhỏ hẹp, kiến chấp môn đình quá nặng nên chẳng những không chịu xiển dương, trái lại còn chê trách, hủy báng, muốn ngăn lấp hàng hậu học đều không thể học Phật pháp. Vì thế lập cách bịt tai trộm linh, lấy cái hay của người ta lại tự nhận đó là công của chính mình, nói ngược ngạo người ta thua mình, cho nên đối với chuyện chánh tâm thành ý trở thành hẹp hòi, chẳng thể rốt ráo viên mãn, chẳng đáng buồn ư?

Phật pháp truyền vào Trung Quốc gần 2.000 năm, trong thời gian ấy những kinh luật luận dịch từ Tây Trúc và những trước thuật về Thiền, Giáo, Luật, Mật, Tịnh v.v. của cổ đức các tông cõi này mênh mông như mặt biển tỏa hơi mờ. Tùy theo căn cơ con người gần gũi pháp nào, tùy theo lòng ưa thích của mỗi người mà nghiên cứu, hoặc nghiên cứu khắp các tông, hoặc chuyên chú nơi một môn.

Như bốn cửa thành, gần cửa nào thì vào bằng cửa đó, cửa vào tuy khác nhưng vào cùng một thành. Như một giọt nước biển, có đủ vị của trăm sông. Như một hạt châu nơi cái lưới của Đế Thích hiện bóng một ngàn hạt châu. Thâm nhập một môn thì các pháp đều thông. Đến khi vô minh hết sạch, tịch chiếu viên dung, dứt sạch ba đời, mười giới chìm lỉm, hoàn lại thiên chân vốn có, chứng giác đạo vô thượng. Cố nhiên hạng người như vậy thuộc về hàng thượng thượng căn. Kế đó là những người dứt tham sân si, đoạn giết trộm dâm, không làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tích lũy công đức dần dần, tăng trưởng phước tuệ, giữ vẹn nhân luân, trọn hết tình nghĩa, yêu thương mọi người, nhân từ, kiêng giết, phóng sanh, tập thành lòng từ thiện, đối với loài vật còn thương xót, huống chi con người? Thúc đẩy phong hóa ấy đến trọn khắp thế giới, há còn có tâm tàn hại lẫn nhau, tranh giành mưu hại giết chóc, muốn tàn sát chủng tộc người khác hòng vừa ý mình nữa ư?

Lâm Hồng Du, Trần Đắc Lộc thuộc Thái Cát Đường ở Hạ Môn thương cho kiếp vận thê thảm, muốn cứu vãn, muốn cho đồng nhân khai ngộ, nên lưu thông kinh Phật, phát hành kinh sách theo giá vốn và chi phí chuyên chở, trọn chẳng mong kiếm lời. Muốn mở mang tai mắt cho người nên xin tôi viết lời tựa, tôi mến lòng thành của họ, bèn thuật đầu đuôi. Phải biết Phật pháp lấy nhân quả báo ứng làm đạo hạ học thượng đạt, là đạo từ đầu đến cuối đều phải có. Nay người trên không nêu gương, kẻ dưới không giữ pháp, đây kia tranh chấp đánh nhau, lấy giết chóc làm vui, chỉ mong sao khoái ý mình, chẳng đoái hoài nước nhà diệt vong, dân tình lầm than, đều do chẳng biết nhân quả báo ứng nên tạo thành như vậy. Tôi thường nói: "Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh." Trong đời hiện thời, nếu chẳng đề xướng sự lý nhân quả báo ứng sanh tử luân hồi mà muốn cho thiên hạ thái bình nhân dân an lạc, dù Phật, tổ, thánh hiền đều xuất thế cũng chẳng làm gì được!

48. Lời tựa cho cuốn Vạn Niên Bạ của am Pháp Như (trích lục phần dẫn nhập)

Phật pháp rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, khó bàn, khó nghĩ, không thể diễn tả, không thể hình dung, nếu chỉ luận trên đại cương thì không ra ngoài nhị đế. Luận theo chân đế thì có Phật hay không Phật, tánh tướng vẫn thường trụ, do vậy đạo tràng viên thông trải trần kiếp chẳng chuyển dời, chẳng biến đổi, chân như pháp môn tận cùng kiếp vị lai chẳng suy sụp, chẳng hưng khởi. Luận theo tục đế thì pháp theo duyên khởi, đạo do người hoằng, có được người thì chặt gai, đốn cây để dựng phạm vũ, diệt chốn hoang vu để làm sư lâm (chỗ ở

cho tăng chúng), khiến cho Phật nhật thêm sáng, pháp luân thường chuyển; không có người thì Phật địa trở thành rừng nghiệp, dứt bặt tiếng kinh, nói chuyện cõi trần, đến nỗi cửa Phổ Môn đóng chặt, đường giác lấp lối. Tăng, Phật và pháp gọi là tam bảo, là vì việc tiếp nối huệ mạng của Phật, lưu thông pháp đạo, không có người thì không ai noi theo, chỉ có nhờ vào tăng vậy!

49. Lời tựa sách Phó Đại Sĩ Truyện Lục

Nhất niệm tâm tánh của chúng sanh và chư Phật không hai, tuy đang mê bất giác, khởi hoặc tạo nghiệp, tạo đủ mọi tội, nhưng Phật tánh sẵn có vốn không tổn thất. Ví như bảo châu ma-ni rớt trong nhà xí, trọn chẳng khác gì vật dơ. Người ngu chẳng biết là quý báu, bèn coi như uế vật; người trí biết là diệu bảo vô giá, chẳng hiềm ô uế, vào trong nhà xí nhặt lấy, dùng đủ mọi phương cách gột rửa cho sạch, sau đấy treo trên tràng[673] cao, châu liền phóng đại quang minh, tùy theo lòng mong cầu của con người mưa khắp các thứ báu, do vậy người ngu mới biết là quý báu.

Đại Giác Thế Tôn xem các chúng sanh cũng giống như thế, dẫu là kẻ hôn mê, điên đảo, phiền hoặc, tạo đủ ngũ nghịch thập ác, vĩnh viễn đọa trong ba ác đạo, tâm Phật vẫn chẳng hề có một niệm buông bỏ, luôn tìm cơ duyên, gia bị âm thầm hoặc hiển nhiên, vì họ thuyết pháp ngõ hầu họ hiểu rõ hoặc nghiệp huyễn vọng, ngộ Phật tánh chân thường, cho đến khi viên chứng Vô thượng Bồ-đề mới thôi. Đối với người tội ác cực nặng còn như thế, thì đối với người nghiệp nhẹ, người giữ giới thiện, có đầy đủ sức thiền định sâu, không một ai chẳng được đối xử như vậy. Phàm trong tam giới, có những người tuy đã thâu liễm được thân tâm, khuất phục được các phiền hoặc, nhưng tình chủng vẫn còn, phước báo một khi đã hết liền đọa xuống cõi dưới, gặp cảnh chạm duyên vẫn khởi hoặc tạo nghiệp, do nghiệp cảm khổ, luân hồi sáu nẻo, trọn chẳng có lúc nào ngưng, cho nên kinh Pháp Hoa nói: "Ba cõi không yên ví như nhà cháy, các khổ đầy dẫy, thật đáng kinh sợ." Nếu không phải là nghiệp tận tình không, đoạn hoặc chứng chân thì chẳng mong chi thoát khỏi tam giới. Chỉ có mỗi một mình pháp môn Tịnh độ chỉ cần có đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật liền có thể nhờ vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Đã được vãng sanh bèn nhập cảnh giới Phật, thọ dụng như Phật, hai thứ phàm tình lẫn thánh kiến đều chẳng sanh. Chính

[673] Tràng (dhvaja) vốn là một loại cờ hiệu dùng để trang nghiêm đạo tràng, có hình ống tròn, chung quanh có tua. Về sau, những trụ cao, có hình ống hoặc hình lục lăng hay bát giác, bốn mặt khắc kinh cũng được gọi là tràng hay kinh tràng. Tràng nói ở đây chính là loại cột trụ cao.

là pháp môn đặc biệt ngàn vạn phần ổn thỏa, thích đáng, chẳng sót một ai vậy; đang thời mạt pháp, bỏ pháp này thì không còn cách gì khác nữa.

Như Lai dùng tự lực - tha lực, hai thứ pháp môn thông thường và đặc biệt để lợi khắp hết thảy. Bồ-tát gánh vác gia nghiệp của Phật, chỉ chuyên chú thượng cầu hạ hóa. Do vậy, tùy loại hiện thân trong pháp giới mười phương, tùy cơ thuyết pháp, hòa quang đồng sự mới dẫn dắt được. Hoặc ẩn, hoặc hiển, trọn không có tướng nhất định! Có những vị bên trong ẩn thánh đức, bề ngoài hiện dáng vẻ lạ lùng, như Phật Di-đà hóa làm Thiện Đạo, Phong Can[674]; Quán Âm hóa làm Bảo

[674] Phong Can là một vị tăng sống vào thời Đường, giỏi làm thơ, cùng Hàn Sơn và Thập Đắc được gọi là Quốc Thanh Tự Tam Ẩn (ba vị ẩn dật chùa Quốc Thanh). Sư để tóc dài rũ ngang mày, mặc áo vải, thân cao hơn bảy thước (Tàu). Thoạt đầu sống tại chùa Quốc Thanh trên núi Thiên Thai, ngày lo giã gạo, đêm ngâm vịnh, nói năng không câu nệ, đa phần thường là những lời huyền ký. Nếu ai tò mò hỏi đến chỉ đáp hai chữ "tùy thời". Sư từng ca hát nghêu ngao, có lần cưỡi hổ chạy vào chùa khiến chúng tăng kinh sợ. Vào thời Tiên Thiên (712-713), sư lên Kinh Triệu (Trường An) hoằng hóa, từng trị bệnh cho ông Lư Khưu Dận. Do sự chỉ điểm của sư, ông Lư từng đến tham phỏng hai vị Hàn Sơn, Thập Đắc. Theo Truyền Đăng Lục, ông Lư tìm đến chùa Quốc Thanh thấy Hàn Sơn, Thập Đắc cười hi hí, lộ vẻ ngây ngô, bất giác phục xuống lễ. Vị tăng tri khách kinh ngạc: "Sao đại quan lại lễ hai gã cuồng vậy?" Hàn Sơn nắm tay họ Lư cười hề hề: "Phong Can lắm miệng quá, lễ ta làm chi!" Nắm một lúc thả ra, rồi Hàn Sơn, Thập Đắc nắm tay nhau chạy ra khỏi cửa chùa, không bao giờ trở lại nữa. Sự tích ghi chép về ngài Phong Can không nhiều, không rõ sư thị tịch năm nào, hiện chỉ còn mấy bài thuộc tập Phong Can Thi và một số bài thơ chép trong tập Hàn Sơn Thi Tập.

Chí[675], Tăng Già[676]; Văn-thù, Phổ Hiền hóa thành Hàn Sơn, Thập Đắc[677]; Di-lặc hóa thành hòa thượng Bố Đại. Ngôn hạnh của họ phàm tình chẳng thể lường được,

[675] Bảo Chí (418-514), sống vào thời Nam Triều, còn được gọi là Bảo Công hoặc hòa thượng Chí Công. Sư người huyện Kim Thành, Nam Quân, Thiểm Tây, họ là Chu. Xuất gia từ nhỏ, theo ngài Tăng Kiệm tu tập thiền định. Vào niên hiệu Thái Thủy (466-471) đời Lưu Tống, sư đến Đô Ấp, không ở nơi nào nhất định, thường hay nói thơ, có những lời lẽ tựa hồ sấm ký. Dân chúng chen nhau đến hỏi việc họa phước. Tề Vũ Đế cho là sư mê hoặc quần chúng nên bắt giam, nhưng cứ thấy sư ngày ngày rong chơi ngoài phố. Vào trong ngục xem vẫn thấy sư nằm đó. Vua nghe vậy, bèn đón vào vườn hoa cho ở trong ấy, cấm không được ra; nhưng vẫn thấy sư hằng ngày dạo khắp các chùa Long Quang, Kế Tân, Hưng Hoàng, Tịnh Danh v.v.. Đến khi Lương Võ Đế sáng lập triều đại, mới bỏ lệnh giam. Sư thường luận Phật pháp rất nhiều với vua. Sư thị tịch tháng Chạp năm Thiên Giám 13, thọ 96 tuổi. Vua sai an táng tại đồi Độc Long thuộc Chung Sơn, dựng chùa Khai Thiện cạnh mộ tháp, ban thụy hiệu là đại sư Quảng Tế. Các đời vua về sau đều phong tặng thụy hiệu như đại sư Diệu Giác, Đạo Lâm Chân Giác Bồ-tát, đại sư Từ Ứng Huệ Cảm v.v.. Căn cứ trên những ghi chép về những pháp ngữ của sư, sách Phật Tổ Lịch Đại Thông Tải kết luận ý chỉ của sư ngầm hợp tông chỉ nhà Thiền. Sư cũng là người chủ biên công việc biên soạn bộ sám đồ sộ Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp (thường gọi là Lương Hoàng Sám).

[676] Tăng Già (628-710), sống vào thời Đường, vốn là người xứ Bắc Hà, Thông Lãnh, Tây Vực. Trong niên hiệu Long Sóc (661-663), sư đến Tây Kinh, đi khắp các miền Giang Hoài, rồi trụ tại chùa Long Hưng ở Sở Châu. Về sau sư tìm được một tượng Phật vàng ở huyện Lâm Hoài thuộc Tứ Châu (nay thuộc tỉnh An Huy), trên tượng có bài minh Cổ Hương Tích và bài minh Phổ Chiếu Vương Phật, bèn lập chùa Lâm Hoài để thờ. Sư thường biến hiện những tướng thần dị, chẳng hạn như hiện thân Quán Âm mười một mặt. Người đời kính ngưỡng, gọi là hóa thân của Đại sĩ Quán Âm. Năm Cảnh Long thứ hai (708) thời Đường Trung Tông, sư vâng chiếu vào cung giảng pháp, được tôn làm quốc sư. Chẳng lâu sau, tại chùa Tiến Phước, sư trị bệnh, cầu mưa linh nghiệm, nên chùa Lâm Hoài được sắc tứ biển ngạch "Phổ Quang Vương Tự". Ngày mồng Hai tháng Ba năm Cảnh Long thứ tư, sư thị tịch tại chùa Tiến Phước, thọ 83 tuổi.

[677] Hàn Sơn: Ẩn sĩ đời Đường, sống trong hang tối ở rặng Hàn Nham cách núi Thiên Thai của tỉnh Chiết Giang 14 dặm, không ai rõ họ tên ngài nên gọi theo chỗ ở thành tên Hàn Sơn. Hàn Sơn thường đến chùa Quốc Thanh bầu bạn với sư Thập Đắc. Sư Thập Đắc trông nom trai đường chùa này. Cơm thừa thức ăn dư của đại chúng bỏ lại, sư Thập Đắc thâu thập, đựng trong một cái giỏ trúc đợi Hàn Sơn đến cùng ăn. Hàn Sơn hình dung xốc xếch, dáng vẻ điên rồ. Đến chùa Quốc Thanh có lúc đi thong dong, có khi chạy đuổi người, có lúc ngửa mặt lên không quát mắng. Tăng chúng bực bội, ùa ra xua đuổi, bèn uốn mình vỗ tay, cười ha hả bỏ chạy. Ngài mặc áo rách nát, hình dung tiều tụy, lấy vỏ cây làm mũ, chân đi guốc gỗ to. Thích ngâm thơ xướng kệ, lời lẽ ngập tràn đạo vị. Khi thứ sử Thai Châu là Lư Khưu Dận đến bái phỏng, ngài cùng sư Thập Đắc bỏ trốn. Lư đuổi theo đến Hàn Nham tặng quần áo, thuốc men. Ngài hét to: "Giặc, giặc, ta trốn giặc!" Rồi ẩn mình vào hang, lại nói: "Báo với các ông, hãy nên nỗ lực!" Hang đá bèn tự đóng kín lại, không còn thấy dấu tích chi nữa. Sư Đạo Kiều tìm những di vật của ngài chỉ tìm được hơn một trăm bài thi tụng, bèn sao chép, ấn hành đặt tên là Hàn Sơn Thi. Theo truyền thuyết, các vị Linh Sơn Quy Hựu, Triệu Châu Tùng Thẩm đều đã từng đàm luận Phật pháp với ngài Hàn Sơn.

mờ mịt chẳng biết họ là hạng người như thế nào. Đến lúc lâm chung mới phát lộ, hoặc do chết đi, khám nghiệm mới biết rõ được. Cũng có vị vừa ẩn vừa hiển, chỉ bày rõ cả bổn lẫn tích, như Di-lặc hóa thành đại sĩ Phó vậy; có lúc ngài dựa theo tích, ẩn bổn, tự bảo mình là phàm phu; có lúc dựa theo bổn, ẩn tích, như tự xưng là Di-lặc. Ấy là vì tâm lượng của chúng sanh quá hẹp nhỏ, nếu chẳng phải là kẻ có chút sở đắc bèn lầm tưởng mình đã dự vào hàng thánh thì cũng là kẻ đề cao thánh cảnh, nhưng cam phận phàm ngu. Do vậy, Đại sĩ lấy thân mình làm gương, khiến cho họ biết ngài đã chứng Đẳng giác nhưng vẫn tự bảo là phàm phu thì những kẻ lầm lạc tự tưởng mình cao quý cũng như kẻ cam phận phàm ngu đều được tỉnh ngộ mạnh mẽ.

Những chuyện Đại sĩ đã làm, những pháp ngài nói trong suốt một đời tuy đều trực chỉ hướng thượng, nhưng vẫn chẳng bỏ sót một điều lành nào, lục độ đều tu, chẳng chấp một pháp. Còn như những vị đệ tử học pháp với ngài, không ai chẳng khế nhập chân thường sâu xa, nhanh chóng hiểu uẩn, giới là không, bỏ thân mạng, của cải để làm đại pháp thí. Vì thế đạo lừng lẫy cả hai triều, đức đượm đời sau. Mãi đến ngày nay, cả một ngàn mấy trăm năm, bất cứ ai thấy nghe đều gieo thiện căn. Chùa Song Lâm ở Nghĩa Ô[678] chính là nơi Đại sĩ tiềm tu, hãy còn bản khắc ván truyện lục, tuy được sao chép, in khắc nhiều lần, nhưng chưa từng được người mắt sáng giảo đính đến nỗi sai ngoa không biết bao nhiêu mà kể.

Như trên đã nói, ngài Thập Đắc là một vị ẩn tăng trông coi trai đường chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai vào đời Đường, không tường nguyên quán, họ tên. Ban đầu, hòa thượng Phong Can trên đường đi Xích Thành gặp một đứa trẻ bị bỏ rơi bèn đem về Quốc Thanh nuôi dưỡng, đặt tên là Thập Đắc (nhặt được). Đến lớn, sai trông coi hương đăng. Một ngày nọ, sư lên tòa ngồi đối diện tượng Phật ăn uống như bè bạn, gọi Kiều-trần-như là tiểu quả Thanh văn, coi như chỗ không người, tăng chúng xua đuổi, bãi chức Hương Đăng, đuổi xuống trông coi trù phòng. Bình thường, sư luôn làm ra vẻ điên cuồng, chia cơm thừa canh cặn cùng Hàn Sơn. Trong chùa có miếu thờ thần bảo vệ già-lam, mỗi ngày cúng chim cho thần làm thức ăn. Thập Đắc bèn dùng gậy đánh tượng thần: "Ngươi chỉ biết ăn, không biết có bảo vệ, giữ yên cho chùa hay không?" Tối ấy, thần báo mộng cho toàn thể tăng chúng trong chùa: "Thập Đắc đánh ta!" Sáng ra, cả chùa kể chuyện nằm mộng giống nhau, mới biết Thập Đắc không phải là người thường. Trong lúc tăng chúng tụ tập bố-tát (tụng giới), Thập Đắc xua trâu chạy vào tăng đường, nói: "Ta không thả trâu. Bầy trâu này đa số là người giữ chức tước trong chùa này." Rồi gọi pháp danh những vị tăng đã mất, gọi tên nào, con trâu ấy theo tiếng gọi ngoan ngoãn đi đến. Cả chùa sững sờ. Đời Thanh, năm Ung Chánh 11 (1733), vua phong tặng Hàn Sơn là Hòa Thánh, Thập Đắc là Hợp Thánh. Tục gọi là Hòa Hợp Nhị Thánh, dân chúng hay tạc tượng hai vị để cầu may. Người Âu Mỹ thường dịch sai thành Ho Ho Brothers.

[678] Chùa Song Lâm ở núi Vân Hoành, huyện Nghĩa Ô, tỉnh Chiết Giang. Do trước chùa có hai cây to dính nhau nên gọi như vậy, về sau chùa được đổi tên là Bảo Lâm Tự, nhưng dân gian vẫn quen gọi là chùa Song Lâm.

Cư sĩ Tôn Ngọc Tiên ở Phụng Hóa đến Song Lâm lễ yết Đại sĩ, mang về sách ấy, liền muốn in lại để truyền rộng đạo của Đại sĩ, xin Quang giảo đính ngõ hầu trừ hết những lỗi tệ, hiển hiện trọn vẹn thiên chân. Quang gắng dốc hết lòng ngu thành, lắng lòng giảo đính, sửa chữa. Tuy chưa thể chẳng sót lỗi nào, nhưng đã có thể hoàn lại diện mục sẵn có của sách ấy rồi. Ngọc Tiên lại cho rằng bi ký của Đại sĩ văn sâu nghĩa thẳm, nếu không chú thích thật khó dẫn người nhập vào chỗ thù thắng, khơi gợi lòng kính ngưỡng cho người khác, bèn xin cư sĩ Hoàng Vô Ngôn chú thích cặn kẽ, ngõ hầu dù văn hay nghĩa đều rõ ràng như các đường chỉ trong lòng bàn tay để người đọc chẳng tốn công suy nghĩ, tìm tòi, đều biết được sự lý, bổn tích của Đại sĩ, để làm hướng dẫn hầu được độ thoát trong ba hội Long Hoa[679] vậy.

50. Lời tựa khắc lại cuốn Quán Hà Tập

Tâm chính là gốc của các pháp thế gian và xuất thế gian, nếu triệt ngộ tự tâm thì thấy hết thảy pháp đều lưu lộ từ tự tâm, thấy hết thảy những cảnh giới biến diệt, đổi dời đều là thật tướng chân như tịch diệt thường trụ. Kinh Lăng-nghiêm có nói đến chuyện thấy con sông chẳng phân biệt trẻ - già[680], ngài Tăng Triệu nói "gió lốc xoáy núi nhưng núi bất động, sông rạch chen nhau rót vào nhưng núi chẳng bị cuốn đi", đều nhằm chỉ bày ý chỉ nhỏ nhiệm "từ ngay nơi sanh diệt thấy được chân thường" vậy! Nếu hiểu được điều này thì có thể gọi là hạng phàm phu đã liễu sự, là người tu đạt được cái gốc. Dẫu cho cười chê, hay nóng giận, chửi bới đều có thể tháo niêm cởi trói cho người, khiến người ta khởi tử hồi sanh, cần gì phải lên tòa giảng nghĩa mới là thuyết pháp ư? Khổng tử nói: "Hai ba người các anh cho là ta có giấu giếm gì chăng? Ta không giấu gì cả, ta không làm chuyện gì mà chẳng chỉ dạy hai ba anh cả, đấy chính là bản tánh của Khâu này!"[681]

Đạo của thánh nhân ví như ánh dương xuân, ánh dương xuân chiếu xuống thì cây to, cỏ nhỏ không gì chẳng sum suê, tốt tươi. Dẫu cho mầm cháy, hạt hư chẳng thể sanh thành, nhưng cũng chưa từng không được hưởng sự ấm áp để được nhuận

---

[679] Khi Bồ-tát Di-lặc thành Phật, ngài thành đạo dưới cội bồ-đề. Cây ấy có những nhánh cây trông giống hình dáng con rồng phun ra những đóa hoa nên gọi là cây Long Hoa. Ngài sẽ thuyết pháp trong ba hội độ vô lượng chúng sanh nên gọi là Long Hoa Tam Hội.

[680] Kinh Lăng-nghiêm có chỗ giảng về cái thấy: Đức Phật hỏi vua Ba-tư-nặc: "Khi còn là đứa trẻ vua thấy sông Hằng và nay đã già nhìn lại sông Hằng thì hai cái thấy ấy có khác nhau hay không?" Nhân đó, Phật giảng thân tuy biến đổi, nhưng cái thấy không khác. Cái thấy ấy chính là tác dụng của chân tâm.

[681] Nguyên văn: *"Nhị tam tử dĩ ngã vi ẩn hồ? Ngô vô ẩn hồ nhĩ! Ngô vô hành nhi bất dữ nhị tam tử giả, thị Khâu dã!"* Chúng tôi dịch câu này theo sự giải thích của bộ Tứ Thư Bạch Thoại Chú Giải, thiên Thuật Nhi, sách Luận Ngữ, trang 185.

trạch vậy! Người căn tánh thiên bẩm sâu xa thấy những điều cao dày trước sau chẳng thể mô phỏng, rộng lớn tinh vi, chẳng thể nghĩ lường, thật ra chẳng có gì lạ lùng đặc biệt, chẳng qua chỉ là những chuyện nói năng, xử sự hằng ngày mà thôi. Tâm này mầu nhiệm, phàm thánh giống nhau, Như Lai viên mãn Bồ-đề, chúng sanh vĩnh viễn luân hồi trong lục đạo, đều chẳng lìa khỏi tâm này. Chỉ do nhân duyên mê ngộ, nghịch thuận mà đến nỗi khổ vui, thăng trầm khác nhau như trời với vực.

Cư sĩ Bành Tế Thanh ở Trường Châu[682] túc căn sâu dày, học vấn uyên bác, vừa đậu tiến sĩ bèn ngộ khổ, không, thấy phú quý như mây nổi, chẳng thích làm quan, thấu hiểu thật tế của tâm tánh bèn tận lực tu tịnh nghiệp, hết sức muốn phổ độ kẻ mê bèn hòa quang đồng sự, cho nên có những trước tác tự thuật bổn hoài, kỷ sự[683], xướng họa, tuy thuộc văn tự, nhưng quả thực chứa đựng nỗi lòng sâu xa. Ý niệm yên đời, làm cho dân chúng lương thiện, hướng dẫn kẻ mê, tuyên nói lẽ chân được lộ rõ trong những lúc ngâm vịnh tùy dịp, tùy cảnh. Có thể nói: "Chẳng có địa vị mà thực hiện việc cai trị, chẳng lên tòa mà thuyết pháp" vậy! Thu thập những trước tác, chia thành bốn quyển, đặt tên là Quán Hà Tập, ấy chính là lấy từ ý nghĩa "từ việc nhìn con sông, nghiệm ra cái thấy chẳng thay đổi" của kinh Lăng-nghiêm vậy. Lại mong những ai xem tập sách này chớ suy lường nơi nghĩa lý văn tự, chỉ nên nhìn vào sự quán, quán đã thấu tỏ thì sông chẳng thay đổi. Đấy chính là ý nghĩa tổng quát của cái tên ông Bành đã đặt.

Ông Lưu Triều Thị thấy sách này có ích cho đời, bèn khắc in lưu thông, thật là nghĩa cử thù thắng tạo phương tiện dẫn dạy vậy. Ông nhờ tôi viết lời tựa, tôi mong những ai xem đến thơ ông Bành thì trước hết sẽ học theo đạo của ông Bành, đạo ấy ra sao? Là diệu ngộ tự tâm, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương mà thôi! Nếu lãnh ngộ được điều này thì mười phương thế giới sâm la vạn tượng đều hiện thành bài thơ mới. Nếu không, dẫu cho thanh vận véo von, câu chữ đối nhau khít khao, vẫn chẳng có mảy may nguyên khí nào. Như gương vẽ trên vách, như hoa cắt từ lụa, hình tạm cho là giống, nhưng muốn cho nó hiện tướng sáng, tỏa mùi thơm thì nhất quyết chẳng thể được.

51. Lời tựa lưu thông bản thạch ấn kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật

[682] Nay là Ngô Huyện thuộc tỉnh Giang Tô.
[683] Kỷ sự: Thể loại văn chương ghi chép những sự việc.

Bản thể của pháp thân hoàn toàn rời khỏi danh tướng, chân cảnh Tịch quang chẳng thuộc căn trần, chẳng phải có, chẳng phải không, ngũ nhãn[684] chẳng thể thấy được, chẳng phải tâm, chẳng phải sắc, tứ trí[685] lấy gì để tuyên nói. Tịch chiếu trống rỗng, thông suốt, chân như tịnh diệu; vạn đức trọn đủ, không pháp gì chẳng hiển hiện. Phật thường trụ nơi thanh tịnh còn chẳng thể diễn nói, chúng sanh luân hồi trong nhơ uế há lập được ư? Đây thật sự là lý thể sẵn có của chúng sanh và Phật, là nguồn pháp của Vô thượng Bồ-đề vậy. Lý này chúng sanh và Phật bình đẳng, không có cao thấp. Nhưng do chúng sanh đang mê, tuy sử dụng thường ngày nhưng chẳng biết, tuy có đủ pháp thân lại lầm lạc chịu sanh tử, tuy ở trong Tịch quang lại lầm thấy là uế ác. Do vậy, Như Lai rủ lòng từ rộng nói các kinh, khiến cho khắp hết thảy chúng sanh phản vọng quy chân, khôi phục tâm tánh vốn có.

Nhưng tự lực đoạn hoặc, chứng đạo trong đời này thì hàng trung hạ căn không cách gì thành tựu được. Do vậy, có bậc Đại sĩ tên là A-xà-thế, vận lòng đại từ bi, muốn cho đức Phật khai thị đại pháp môn đặc biệt, lạ lùng chẳng thể nghĩ bàn là pháp "cậy vào Phật từ lực, bỏ uế lấy tịnh, khiến cho khắp những căn thượng trung hạ đều được lâm chung vãng sanh"; cho nên ngài đặc biệt thị hiện hạnh xấu ác, làm chuyện đại ác nghịch: giam cha, nhốt mẹ để làm duyên phát khởi, ngõ hầu mẹ ngài là bà Vi-đề-hy thỉnh Phật giáng lâm, nguyện lìa Sa-bà, nguyện sanh Tịnh độ. Khi ấy, đức Thế Tôn phóng hào quang từ giữa chặn mày, hiện đủ mọi cõi Phật tịnh diệu. Bà mẹ chỉ nguyện sanh về cõi Cực Lạc, lại thỉnh cầu phương pháp để giúp chúng sanh được sanh về cõi ấy. Bởi thế, đức Như Lai nói ra mười sáu phép diệu quán y báo, chánh báo, những ai có thể y theo lời dạy tu hành, không một ai chẳng được mãn nguyện. Chẳng những thiện nhân được như thế, dù là kẻ ngũ nghịch thập ác, lúc lâm chung tướng địa ngục hiện, được tri thức dạy niệm danh hiệu Phật hoặc đủ mười tiếng hoặc chỉ một tiếng cũng được nhờ Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Thật có thể nói là ống thổi lò lớn (ống bễ trong lò rèn) để chuyển phàm thành thánh, là đại pháp môn phô bày bổn hoài của Phật, có lực dụng vượt trội mọi giáo pháp trong cả một đời đức Phật.

Nếu Như Lai chẳng mở ra pháp này thì bao nhiêu chúng sanh trong đời mạt pháp ai có thể thoát lìa được biển khổ? Do vậy, biết Thích-ca, Di-đà nương đại nguyện luân, khởi lòng từ vận tâm bi độ thoát chúng sanh. Một vị thị hiện sống trong cõi uế, dùng uế, dùng khổ để chiết phục, đưa đi; một vị thị hiện sống trong

[684] Ngũ Nhãn là nhục nhãn, thiên nhãn, pháp nhãn, huệ nhãn và Phật nhãn.
[685] Tứ Trí: Diệu quán sát trí, thành sở tác trí, bình đẳng tánh trí và đại viên kính trí.

cõi tịnh, lấy tịnh, lấy vui để nhiếp thọ, un đúc; còn vua A-xà-thế giúp sức tán trợ, riêng hiện tướng ác nghịch hòng thành tựu lòng chán lìa; cùng với đức Thế Tôn hai cõi, đe và búa thành toàn cho nhau[686]. Một nghịch, một thuận, là hóa nghi (phương thức giáo hóa) rốt ráo để chúng sanh đời mạt rốt ráo đắc độ, lợi ích ấy khó thể tán dương trọn hết. Làm chuyện phi đạo nhưng thông đạt Phật pháp, nếu chẳng phải là bậc đã chứng pháp thân từ lâu, ai có thể làm được?

Kinh này lấy "tâm này làm Phật, tâm này là Phật, chúng sanh và Phật rốt ráo chẳng hai" làm thể. Nếu ai có thể tin tưởng ngay nơi đây thì người ấy tuy chưa ra khỏi Sa-bà nhưng đã không còn là khách trọ lâu ngày trong Sa-bà nữa, chưa sanh về Cực Lạc mà đã là khách quý của Cực Lạc. Cư sĩ Trí Hải Lưu Triều Thị xưa có linh căn, dốc sức tu tịnh nghiệp, nhân đọc kinh này, động lòng hiếu thuận, nghĩ mẹ mình là bà phu nhân họ Trương thủ tiết nuôi con côi, thờ bố mẹ chồng trọn hiếu, đức sáng nữ giới, làm gương cho hàng khuê các. Bà cụ dốc lòng tin nhân quả, giữ thập trai lâu ngày, chánh nhân tịnh nghiệp đã khá đầy đủ, tiếc là sanh lòng tin phát nguyện chuyên trì Phật hiệu để cầu vãng sanh chưa đến mức dốc hết sức lực. Do vậy, ông Lưu bèn phát tâm lưu truyền kinh này.

Cư sĩ Đào Ngọc Canh bút pháp siêu diệu, có thể bén gót họ Chung, họ Vương[687], nhân đó bèn nhờ ông ta cung kính viết kinh để in thạch ấn thí tặng, khiến cho khắp mọi người thấy nghe cùng gieo tịnh nhân. Do công đức này khiến cho thần thức của mẹ được siêu tịnh vực, nghiệp từ tạ trần lao, sen chín phẩm nở hoa, Phật thọ ký ngay trong một đời. Phải biết kinh này và hai kinh A-di-đà, kinh Vô Lượng Thọ chính là pháp môn được đặc biệt lập ngoài những giáo lý thông thường trong cả một đời giáo hóa của Như Lai, như thuốc a-già-đà trị đủ vạn bệnh. Vì thế, bất luận nghiệp nặng hay nhẹ, hoặc (phiền não) dày hay mỏng, chỉ cần tín nguyện niệm Phật thì không một ai chẳng được vãng sanh, như châu ma-ni tùy ý tuôn các báu. Do vậy, chỉ cần nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đợi đến khi nghiệp tận tình không, tâm lẫn Phật cùng mất thì hết thảy pháp môn, hà sa diệu nghĩa không gì chẳng dung hội, quán thông nơi tự tâm. Pháp môn Tịnh độ mầu nhiệm như thế đó! Những ai trên muốn siêu độ những bậc trưởng thượng đã mất, dưới tế độ mọi phẩm, khiến cho hết thảy mọi người chẳng phế bổn phận, chức

[686] Ở đây, tổ dùng hình ảnh lò rèn để ví cho pháp môn Tịnh độ. Pháp môn Tịnh độ như cái ống bễ lớn thổi cho phiền não tan chảy. Rồi tâm tánh ấy lại được rèn cặp, như sắt nóng được đặt trên đe, dùng búa đập để rèn thành vật dụng. Hoặc cũng có thể hiểu là vua A-xà-thế và hai đức Thế Tôn kẻ tung người hứng để pháp này có dịp triển khai.

[687] Chung là Chung Dao, Vương là Vương Hy Chi, đều là những nhà đại thư pháp thời Tấn.

nghiệp, ai nấy được thoát ly sanh tử luân hồi ngay trong đời này thì sao không gấp gáp theo đuổi pháp môn này?

52. Lời tựa cho Phật Quang Nguyệt Báo

Phật quang là trí thể sẵn có ngay trong tự tâm của phàm thánh, chúng sanh và Phật trong mười pháp giới. Thể ấy linh minh đỗng triệt, trạm tịch thường hằng, bất sanh bất diệt, vô thủy vô chung, dọc thì suốt khắp ba đời nhưng ba đời do đây dứt bặt, ngang thì trọn khắp mười phương nhưng mười phương do đây tiêu mất. Được gọi là không nhưng vạn đức trọn bày, gọi là có nhưng mảy trần chẳng lập. Chính là hết thảy pháp, nhưng lìa hết thảy tướng, tại phàm chẳng giảm, nơi thánh chẳng tăng. Tuy ngũ nhãn chẳng thể thấy được, tứ biện[688] chẳng thể tuyên thuyết, nhưng pháp gì cũng phải nhờ vào sức nó, đâu đâu cũng gặp gỡ. Chỉ vì chúng sanh chưa ngộ nên chẳng những không thể thọ dụng được, trái lại còn nương theo sức chẳng thể nghĩ bàn này để khởi hoặc tạo nghiệp. Do nghiệp chuốc khổ, khiến phải sanh tử luân hồi trọn chẳng khi nào hết. Đem chân tâm thường trụ thọ lấy huyễn báo sanh diệt, ví như người say thấy nhà xoay, nhà thật sự chẳng xoay. Kẻ mê cho là phương hướng chuyển dời, phương hướng quả thật chẳng động. Hoàn toàn do vọng nghiệp biến hiện, trọn chẳng có thật pháp nào để đạt được.

Do vậy, khi đức Thích-ca Thế Tôn ta thị hiện thành Phật đạo, triệt chứng Phật quang, bèn than: "Lạ thay, lạ thay! Hết thảy chúng sanh đều đầy đủ trí tuệ, đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng, chấp trước thì nhất thiết trí, tự nhiên trí, vô ngại trí đều được hiện tiền." Kinh Lăng-nghiêm nói: "Diệu tánh viên minh lìa các danh tướng, vốn chẳng có thế giới, chúng sanh. Do vọng nên có sanh, do sanh nên có diệt, *sanh diệt* gọi là vọng, diệt vọng gọi là chân. Đấy gọi là Vô thượng Bồ-đề và đại Niết-bàn của Như Lai." Hai thứ danh hiệu này được dùng thay cho nhau. Ngài Bàn Sơn[689] nói: "Tâm nguyệt riêng tròn, ánh sáng phủ trùm muôn hình tượng. Ánh sáng không chiếu cảnh, cảnh cũng chẳng còn. Tâm cảnh đều mất, nào còn có vật gì?" Ngài Quy Sơn nói: "Linh quang riêng chiếu, thoát khỏi căn trần. Thể lộ chân

[688] Biện tài là biện luận khéo léo, tức tài năng thuyết pháp khéo léo. Tứ biện tức là *tứ biện tài*, còn gọi là tứ vô ngại biện tài, tức là pháp vô ngại biện tài, nghĩa vô ngại biện tài, từ vô ngại biện tài, biện vô ngại biện tài. Bốn thứ này còn được gọi là tứ vô ngại giải, tứ vô ngại trí.

[689] Bàn Sơn Bảo Tích là đệ tử nối pháp của Mã Tổ Đạo Nhất, sanh vào thời Đường, sống tại Bàn Sơn thuộc U Châu (Hà Bắc), tuyên dương Tông phong, nên có hiệu là Bàn Sơn Bảo Tích. Không rõ năm sanh và năm mất, thụy hiệu là đại sư Ngưng Tịch.

thường, chẳng chấp vào văn tự. Tâm tánh vô nhiễm, vốn tự viên thành. Chỉ lìa vọng niệm chính là như như Phật."

Do vậy biết: Mọi thứ ngôn giáo của Phật, tổ, không gì chẳng nhằm chỉ bày tâm tánh sẵn có của chúng sanh, khiến cho họ bỏ mê về ngộ, khôi phục cái nguồn, hoàn lại cái cội mà thôi! Nhưng chúng sanh căn cơ có cạn sâu, mê có dày mỏng, chẳng nhờ vào đủ mọi ngôn giáo chỉ dạy, đủ mọi pháp môn đối trị thì mây mê ngăn chướng tánh không, biết nhờ vào đâu để mỗi người đều thấy thấu suốt vầng tâm nguyệt cho được? Do vậy, lúc đức Như Lai mới thành đạo diễn giảng kinh Đại Hoa Nghiêm, liền bàn thẳng vào đại pháp vượt ngoài pháp giới, chẳng phải là pháp mà hàng quyền tiểu có thể dự phần được, ngõ hầu những hàng đại căn cơ túc căn đã chín muồi cùng được chứng chân thường, sanh lên ngay bờ giác. Lại vì hàng độn căn chúng sanh chưa được lợi ích, Phật bèn dần dần khéo léo khuyên dụ, tùy thuận căn cơ diễn thuyết: Hoặc dùng ngũ giới thập thiện đưa họ vào hai thừa nhân thiên, khiến cho họ gieo nhân thù thắng tiến vào Phật đạo; hoặc dùng tứ đế, thập nhị nhân duyên, lục độ vạn hạnh đưa vào ba thừa Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, khiến cho họ có được cận duyên chứng Phật đạo. Bắt đầu từ thời A-hàm cho đến thời Bát-nhã, không thời nào chẳng thuận theo căn tánh để tuyên nói khiến cho chúng sanh dần dần tiến lên, theo đường về nhà, nhưng bản hoài của Phật vẫn còn ẩn kín chưa nói. Đến hội Pháp Hoa, khai quyền hiển thật, khai tích hiển bổn, nhân - thiên - quyền - tiểu đều là Nhất thừa. Người khách coi mình là kẻ hèn, thật sự là con ông trưởng giả. Thọ ký cho khắp ba căn, phô bày thông suốt lớn lao bổn hoài, cùng với hội Hoa Nghiêm ban đầu, đầu và cuối soi rọi lẫn nhau. Có thể nói là "một đại sự nhân duyên đã được giao phó toàn thể, trọn chẳng còn giấu giếm điều gì!" Lại do chúng sanh đời mạt căn cơ kém hèn, việc đoạn hoặc chứng chân thật hiếm có người. Do vậy đặc biệt mở ra một môn Tịnh độ, để thượng - trung - hạ căn dù thánh hay phàm đều cùng trong một đời này thoát khỏi Sa-bà sanh sang Cực Lạc, dần dần chứng được quang minh thọ mạng vô lượng. Lòng từ bi sâu xa lớn lao ấy thật là cùng cực không còn gì hơn được nữa!

Đến khi đại giáo truyền sang Đông, bậc Đại sĩ hoằng pháp ai nấy chuyên chú một môn, hoặc Thiền, hoặc Giảng, hoặc Luật, hoặc Mật, như bốn cửa thành gần cửa nào bèn vào cửa nấy. Như vạn món thuốc, thuốc nào trị đúng bệnh bèn uống. Như những chức vụ trong các ty thuộc các bộ, giúp đỡ nhau hoàn thành công việc hành chánh, như sáu căn hỗ trợ nhau, phụ trợ cho một thân. Tuy mỗi người đề cao một pháp, nhưng thật ra pháp nào cũng đều thông, pháp nào cũng đều trọn vẹn; chẳng qua từ chỗ thực hành mà nói thì mới có những tên gọi như vậy. Còn

như một pháp Tịnh độ thì giống như thuốc a-già-đà trị chung vạn bệnh, như bảo châu ma-ni tùy ý tuôn các thứ báu. Nếu có thể thâu nhiếp sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, sẽ đắc tam-ma-địa, tự chứng viên thông, hết thảy công đức, hà sa diệu nghĩa, chẳng nhọc lòng cầu bên ngoài, đều hiện nơi tự tâm. Đó là vì dùng quả địa giác (sự giác ngộ nơi chứng quả) làm nhân địa tâm (cái tâm khi tu nhân); đến mức cùng cực thì nhân trùm biển quả, quả thấu tột nguồn nhân. Sự mầu nhiệm của pháp môn này dù hết cả kiếp vẫn khó tuyên thuyết, ai gặp được thì còn may mắn nào hơn?

Hòa thượng Khả Đoan chùa Trường Sanh ở Duy Dương xưa đã trồng cội đức, tham cứu Thiền - Giảng đã lâu, năm Dân Quốc thứ tám (1919) do sư Tánh Liên thoái ẩn, giao cho hòa thượng làm trụ trì. Nhân đó, nghĩ kinh Hoa Nghiêm chính là căn bản pháp luân của Như Lai, bèn tận lực diễn giảng, ngõ hầu hết thảy chúng sanh dù u hay hiển[690], đều cùng phát khởi thiện căn Nhất thừa. Phải mất cả ba năm mới giảng hết bộ kinh, nhưng hàng cư sĩ hộ pháp cảm lòng chí thành của sư, lại xin tiếp tục giảng hòng bồi dưỡng nhân tài. Nhân đấy sư mở đại học viện Hoa Nghiêm, hạn định số học sinh là 48 người. Lại nghĩ đoạn quang minh chẳng thể nghĩ bàn này chiếu khắp pháp giới, cố nhiên là do sức thần thông đạo lực, là phước tuệ trang nghiêm của Như Lai, nhưng quang minh này ai nấy đều có, chẳng ai là không. Tuy vậy, giống như hạt châu trong chéo áo, tượng trong khuôn, người hiểu được bổn tuy có, nhưng kẻ chấp vào tích thật nhiều. Nỡ nào để cho những người cùng có quang minh này phần nhiều ở mãi trong nhà tối, chẳng thụ dụng được; trái lại, còn biến ánh sáng chân thường viên mãn chiếu khắp pháp giới chẳng thể nghĩ bàn này thành cội gốc để kết nghiệp sanh tử ư?

Do vậy, sư tính mỗi tháng ra một lần báo, đặt tên là Phật Quang. Do nhất niệm tâm tánh, Phật như, chúng sanh như, nhất như, vô nhị như[691], nên phàm là nhân duyên ban bố giáo hóa của Như Lai, thật tế của tâm tánh chân thường, nhân quả, ngũ giới thập thiện, sự cảm ứng của việc kiêng giết, phóng sanh, thiện hạnh thế gian, tịnh nghiệp xuất thế, nỗi khổ luân hồi sanh tử, báo ứng nhân quả nhỏ nhiệm, cũng như lời hay hạnh đẹp, trước thuật, bài giảng của bậc cao nhân triết sĩ đều được tùy duyên ghi chép để giúp cho người đọc quán cảm. Tuy là chân tục cùng

[690] U là quỷ thần, hoặc những người đang đọa lạc trong ác đạo. Hiển là người đang sống trong thế gian.

[691] Như có nghĩa là thường hằng, không biến đổi. Câu này không thể dịch cho gọn nên giữ nguyên tiếng Hán. Ý nói: Nhất niệm tâm tánh nơi Phật thường hằng, nơi chúng sanh cũng thường hằng, tâm tánh của chúng sanh và Phật giống hệt nhau, bình đẳng, không sai khác. Giống hệt nhau không sai khác nên gọi là "nhất như vô nhị như".

diễn nói, nhưng sâu cạn đều đầy đủ, lời thô lẽ tế đều quy về đệ nhất nghĩa. Do vậy, người nhân trông thấy cho là nhân, người trí trông thấy cho là trí, lấy đó làm hướng dẫn ban đầu để bước vào cảnh giới Phật, là duyên thù thắng để mở rộng tâm quang.

Nếu người đọc biết được tự tâm vốn là Phật tâm, liền biết Phật quang chính là tâm quang. Nhưng tâm quang này tịch chiếu viên dung, tịch nhưng thường chiếu, nên là vô lượng quang; chiếu nhưng thường tịch, nên là vô lượng thọ. Lý thể của vô lượng quang thọ hết thảy mọi người đều có, muốn thật sự chứng vô lượng quang thọ thì phải đợi đến khi vãng sanh Tây Phương gặp mặt Di-đà, được Phật thọ ký, viên mãn Bồ-đề xong rồi mới đạt được triệt để. Đây chính là ý chỉ sâu xa của chỗ quy tông kinh Hoa Nghiêm "dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc". Phàm những ai cùng hàng với tôi, đã được may mắn hãy nên tin tưởng chắc thật.

53. Lời tựa quyên mộ tu sửa tháp viện của thiền sư Vân Cốc

Cao tăng đắc đạo vào thuở xa xưa, đến một ngàn mấy trăm năm sau, nếu có ai trông thấy tượng ngài, hoặc đọc trước thuật, đi qua những nơi ngài đã lưu ngụ, chiêm ngưỡng ngôi tháp đóng kín, đều có thể khiến cho người ấy sanh lòng hổ thẹn, sanh tâm kính ngưỡng, dũng mãnh phát khởi đại chí, tận lực tu tịnh nghiệp để mong noi dấu gương lớn, chấn hưng pháp đạo, ngõ hầu huệ mạng của Như Lai được tiếp nối chẳng dứt, chẳng đến nỗi phụ ý nghĩa "con người sánh cùng với trời đất xưng là tam tài, tăng cùng với Phật, pháp được gọi là tam bảo".

Thiền sư Vân Cốc đời Minh chính là người như vậy, sư nương nguyện lực xưa, vào năm Hoằng Trị thứ 13 (1500), thị hiện sanh trong nhà họ Hoài ở Tư Sơn, Gia Thiện[692], đi tu từ bé, triệt ngộ tự tánh. Bình sinh tu tập tuy chú trọng vào Thiền, nhưng đối với các tông Tánh, Tướng, tâm yếu của Nho, Đạo, không gì chẳng dung hội quán thông. Vì thế nhằm lúc Thiền - Giáo suy đồi, Nho - Đạo tối tăm, sư làm cho tông phong chấn hưng, tâm pháp sáng tỏa, khiến cho thế đạo nhân tâm được lợi ích quả thật chẳng nhỏ. Những người kế thừa được pháp của ngài, dung thông cả Nho lẫn Thích khiến cho tâm pháp Linh Sơn, Tứ Thủy được tỏ bày rõ ràng thì tăng như đại sư Hám Sơn, tục như ông Viên Liễu Phàm là những nhân vật nổi tiếng nhất. Sư tịch diệt năm Vạn Lịch thứ ba (1575), được dựng tháp bên chùa Thê Chân. Đến năm Vạn Lịch 45 (1617), ngài Hám Sơn đến lễ tháp, thấy tháp viện vắng lặng, chỉ có một vị tăng chăm nom hương đèn. Nhân đó bèn

[692] Tư Sơn thuộc huyện Gia Thiện, tỉnh Chiết Giang.

giao cho cư sĩ Trầm Định Phàm tu bổ cho trang nghiêm và lập ruộng Trường Sanh để làm kế sách lâu dài. Đến nay đã hơn 300 năm, hiện thời tuy nền móng vẫn còn, nhưng tường vách, nhà cửa không còn, khiến cho di tích của cổ đức không ai biết đến nữa. Gần đây thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống, tà kiến lẫy lừng, chánh pháp suy vi, nếu chẳng nêu bày gương mẫu tốt lành của cổ đức, làm sao chấn hưng tông phong, khiến cho tà ma, ngoại đạo quy hàng cho được?

Cư sĩ Đồ Ban Âm ở Gia Hưng lo lắng, toan dựng lại tháp viện, in khắc lưu truyền những chuyện hạnh - đức của ngài, ngõ hầu hết thảy mọi người xuất gia, tại gia đều biết gương thơm của cổ đức. Từ đấy vãn hồi được quyền tạo hóa: "mạng do ta lập", đoạn trừ phiền não chướng, "Phật từ tâm hiện", kế thừa được chí của các vị Hám Sơn, Liễu Phàm, an ủi lòng thiền sư Vân Cốc. Nhưng do công trình rộng lớn sức một người khó thành, chẳng thể không cầu các vị đại đàn-việt giúp đỡ. Nếu như ai nấy đều có thể nương theo lời dạy "mạng do ta lập, phước do ta cầu" của thiền sư Vân Cốc, dốc sức thực hiện thì ngũ phước, tam đa đều nườm nượp trên thân, thiên tai nhân họa tuyệt chẳng nghe trong đời, công huân khôn lường, lợi ích chẳng thể nêu được. Mong sao chẳng đến nỗi vì tiếc tài sản là của cải chung của năm nhà mà chẳng làm việc phước tam sinh hữu hạnh này. Do vậy trần thuật duyên do, mong mọi người cùng tán trợ vậy!

54. Lời tựa tái bản bộ Tây Phương Công Cứ[693]

Pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn đặc biệt để phổ độ chúng sanh của Như Lai. Đức Như Lai nghĩ thương chúng sanh nên thị hiện thành Chánh giác, thuận theo mọi căn cơ, khéo léo khuyên dụ dần dần, với hàng đại căn bèn dạy ngộ "nhất tâm tạo trọn mọi thứ", đoạn hoặc chứng chân, dùng đó để tiến thẳng vào Bồ-đề; với hàng tiểu khí thì dạy hiểu rõ nhân quả ba đời, hướng lành, tránh dữ để làm phương tiện nhập đạo. Tuy đại tiểu bất đồng, quyền thật khác biệt, nhưng đều phải đoạn được hai thứ kiến hoặc và tư hoặc mới có thể thoát khỏi phần đoạn sanh tử. Nếu hoặc nghiệp chưa hết, đạo quả chưa thành, dẫu có tu trì vẫn chẳng thể tự làm chủ được. Ở trong sanh tử đã lâu, người tấn đạo thì ít, kẻ lui sụt thì nhiều là vì đạo chẳng thắng nổi tập khí, nghiệp ràng buộc tâm. Ví như chén bát

[693] Tây Phương Công Cứ do Bành Tế Thanh biên tập, nay được xếp vào quyển 109 của Tục tạng kinh. Thật ra, đây là một tác phẩm cổ không biết do ai biên soạn, nội dung tuy hay nhưng trình tự khá lộn xộn, không rõ ràng, Bành Tế Thanh chỉ có công biên tập, sắp xếp lại cho hợp lý hơn, về sau pháp sư Dật Nhân lại biên tập lần nữa và được tổ Ấn Quang giám định, mới thành diện mạo như ngày nay.

chưa nung, gặp mưa liền rã, tuy có công từ trước vẫn hoàn toàn chẳng được lợi ích gì. Do lẽ đó, Phật bèn đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, khiến cho dù phàm hay thánh, dù trí hay ngu đều dùng lòng tin sâu, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đây chính là dùng tín nguyện của chính mình để cảm Phật từ bi, cảm ứng đạo giao ắt được nhiếp thọ, đến khi lâm chung được theo Phật vãng sanh. Đã vãng sanh là đã đoạn hoặc, mau chứng Vô sanh, người có đủ nghiệp chướng buộc ràng cũng dự vào địa vị Bất thoái. Từ đấy thân cận Di-đà, dự vào hải chúng, được un đúc, dưỡng dục, giáo hóa, nhiễm mùi hương mầu nhiệm của Như Lai, chướng hết, trí trọn, khôi phục Phật tánh sẵn có. Nâng đỡ căn cơ kém cỏi, khéo dụ sơ tâm, chỉ có mình pháp môn này thật là bậc nhất. Ân Như Lai rộng lớn chu đáo, dẫu thiên địa, cha mẹ cũng không thể sánh ví được muôn một.

Người xưa muốn cho đồng nhân ai nấy đều tu tịnh nghiệp, do vậy bèn tập hợp kinh chú, những bài văn, lời nói và những sự ứng nghiệm tạo thành một cuốn sách, đặt tên là Tây Phương Công Cứ. Công cứ có nghĩa là cái chuôi (cốt lõi) và bằng khoán vậy. Nếu có thể thọ trì A-di-đà Kinh sẽ biết thế giới Cực Lạc chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng những điều vui, y báo, chánh báo trang nghiêm, đủ mọi công đức; A-di-đà Phật hiện đang thuyết pháp, thọ mạng, quang minh vô lượng, thệ nguyện rộng sâu; các thượng thiện nhân cùng ở chung một chỗ, đều do tu diệu hạnh "nhiều phước đức nhân duyên" tín nguyện niệm Phật mà được sanh. [Biết vậy rồi] ai mà không thật sự vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dùng lòng tín nguyện sâu xa, thiết tha để mong gần là được đạt lên địa vị Bất thoái, xa là viên thành Phật đạo? Huống chi chư Phật sáu phương lợi ích khắp các chúng sanh, Bổn sư Thích-ca đắc vô thượng đạo, không vị nào chẳng khởi đầu từ pháp này mà rốt cuộc cũng quy về pháp này đó ư?

Ấy là vì hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, tâm này làm Phật, tâm này là Phật, do lấy quả địa giác làm nhân địa tâm, cho nên nhân bao trùm biển quả, quả tột nguồn nhân. Pháp môn mầu nhiệm, không còn gì mầu nhiệm hơn được nữa, là chỗ quy tông cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm. Quả thật pháp này đã diễn giảng trọn vẹn thông suốt bổn hoài của Như Lai, có duyên gặp được thì chính là nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên. Nhằm ngăn ngừa nghi ngờ, lui sụt, nên còn gộp cả vào sách những đồ thuyết[694] ứng nghiệm. Ông Từ Triệu Hành xưa có linh

[694] Đồ thuyết: Hiểu theo nghĩa hẹp có nghĩa là truyện bằng tranh. Hiểu theo nghĩa rộng, đồ thuyết là những bài viết có hình vẽ để dẫn giải hoặc những đồ biểu (chart) giúp hệ thống hóa vấn đề đang trình bày.

căn, đau xót song thân mất sớm, mong họ cùng lên chín phẩm sen, do vậy phát tâm tái bản để rộng lưu truyền. Ngõ hầu cha mẹ trong đời này cũng như kẻ oán người thân nhiều kiếp, khắp cả pháp giới chúng sanh cùng vào biển nguyện của Phật Di-đà. Tôi mến lòng hiếu thuận của ông ta, bèn thuật những nét chánh, nếu người đọc không cho lời tôi là sai, ắt sẽ có ngày tự chứng đại sự nhân duyên rất sâu vô thượng này vậy, còn mong mỏi gì hơn!

55. Lời tựa cho Hồng Kiều Tịnh Độ Đường ở Lạc Thanh[695]

Pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn phổ độ chúng sanh, viên đốn, thẳng tắt, rộng lớn, giản dị nhất của Như Lai. Vì sao nói vậy? Do trong hết thảy pháp môn đều phải đoạn kiến hoặc và tư hoặc mới hòng liễu thoát sanh tử. Nhưng đoạn kiến hoặc giống như cắt ngang dòng nước rộng 40 dặm, huống chi tư hoặc? Đoạn kiến hoặc liền chứng Sơ quả, nếu ước theo Viên giáo thì là bậc Sơ tín. Đoạn sạch tư hoặc liền chứng Tứ quả, tức là Thất tín trong Viên giáo. Sơ quả Sơ tín vẫn còn sanh tử, Tứ quả Thất tín mới liễu thoát được. Nhưng đại sư Thiên Thai Trí Giả thị hiện thuộc vào địa vị Ngũ phẩm, tuy sở ngộ đã bằng với chư Phật, khuất phục trọn vẹn ngũ trụ phiền não[696], nhưng kiến hoặc vẫn chưa hề đoạn được. Thế nhưng bổn địa của đại sư thật sự chẳng thể suy lường, lâm chung chỉ nói mình chứng Ngũ phẩm là vì ngài lo sâu xa cho đời mạt chẳng dốc sức đoạn hoặc chứng chân, chỉ lấy minh tâm kiến tánh làm chuyện rốt ráo. Minh tâm kiến tánh chính là đại triệt đại ngộ. Nếu là bậc tối thượng thượng căn thì hễ ngộ bèn chứng, nên liền

---

[695] Hồng Kiều là một thị trấn thuộc huyện Lạc Thanh, tỉnh Chiết Giang.

[696] Còn gọi là ngũ trụ địa hoặc, tức kiến hoặc, tư hoặc, vô minh phiền hoặc gộp thành một trụ, bốn trụ kia là dục ái trụ địa, sắc ái trụ địa, hữu ái trụ địa, vô minh trụ địa. Do hết thảy phiền não đều nương vào năm thứ này nên chúng được gọi là trụ (nương ở, nắm giữ). Do chúng phát sanh ra các phiền não nên gọi là trụ địa. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển 5, giảng:

1. Kiến nhất thiết xứ trụ địa: chính là kiến hoặc gồm thân kiến v.v… trong tam giới.
2. Dục ái trụ địa: gồm phiền não trong Dục giới, ngoại trừ vô minh và kiến hoặc, chấp vào ngũ dục bên ngoài (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp).
3. Sắc ái trụ địa: phiền não trong Sắc giới, không tính kiến hoặc, vô minh, không chấp vào ngũ dục bên ngoài, nhưng chấp vào sắc thân.
4. Hữu ái trụ địa: phiền não trong Vô Sắc giới, không gồm kiến, vô minh, đã bỏ lìa chấp trước tham sắc, nhưng vẫn còn yêu mến cái thân của chính mình.
5. Vô minh trụ địa: tức hết thảy vô minh trong tam giới. Vô minh là cái tâm si ám, là cội gốc của hết thảy phiền não.

Duy Thức tông chủ trương bốn món trụ đầu là chủng tử của phiền não chướng, món cuối là chủng tử của sở tri chướng. Tông Thiên Thai gọi món đầu tiên là kiến hoặc, ba món giữa là tư hoặc, món cuối là vô minh hoặc. Họ gọi chung kiến tư hoặc là giới nội hoặc (phiền hoặc trong tam giới), còn vô minh hoặc là giới ngoại hoặc.

giải quyết xong. Nếu không, dẫu biết được chuyện vị lai như sư Viên Trạch vẫn chẳng tránh khỏi bị thọ sanh lần nữa. Như Ngũ Tổ Giới lại sanh làm Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại sanh làm Lỗ Công, tuy thế vẫn chưa phải là quá tệ. Như sư Hải Ấn Tín trở thành con gái ông Chu Phòng Ngự, kể ra đã khó chịu đựng nổi. Ông tăng núi Nhạn Đãng trở thành Tần Cối thì thật đáng thương xót quá sức.

Tự lực đoạn hoặc chứng chân liễu sanh thoát tử khó khăn quá lắm! Những giáo lý tu chứng thông thường đức Như Lai đã nói trong cả một đời tuy là nhiều thứ pháp môn khác nhau, nhưng chẳng hề có chuyện còn đầy đủ hoặc nghiệp lại có thể liễu sanh thoát tử. Chỉ có mình pháp môn Tịnh độ, hễ có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, dùng tâm chí thành trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương, bất luận hoặc nghiệp dày mỏng, công phu cạn sâu, đều trong lúc lâm chung nhờ vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Đã được vãng sanh là đã siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Từ đấy dần dần tấn tu, liền tự chứng được Vô sanh cho đến viên mãn Phật quả.

Đây chính là pháp môn đặc biệt do Như Lai thương xót chúng sanh căn cơ kém hèn làm cho họ đều được ngay trong đời này nhanh chóng thoát luân hồi. Phải biết pháp môn Tịnh độ thật ra để thu nhiếp người căn cơ thượng thượng! Vì thế, Thiện Tài đã chứng Đẳng giác, Phổ Hiền Bồ-tát còn dạy dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh ngõ hầu viên mãn Phật quả, lại còn đem điều ấy khuyên khắp Hoa Tạng hải chúng. Do vậy biết rằng: "Một pháp hồi hướng vãng sanh Tịnh độ chính là bước cuối cùng để viên mãn Phật quả."

Đời có kẻ cuồng chẳng xét kỹ giáo lý, thấy ngu phu ngu phụ đều có thể tu trì pháp này, bèn miệt thị là pháp Tiểu thừa, chẳng biết đây chính là pháp môn bậc nhất "thành thủy thành chung, một đời thành Phật" của kinh Hoa Nghiêm. Cũng có kẻ ngu tri kiến hẹp hòi, cho rằng công phu của chính mình cạn mỏng, nghiệp lực sâu dày, làm sao vãng sanh cho được? Chẳng biết tâm tánh của chúng sanh và tâm tánh chư Phật không hai, ngũ nghịch thập ác sắp đọa địa ngục, gặp thiện tri thức dạy cho niệm Phật hoặc đủ mười tiếng hoặc chỉ mấy tiếng rồi liền lâm chung còn được vãng sanh. Quán kinh nói thế, cớ sao không tin? Bọn họ còn vãng sanh, huống chi chúng ta dẫu có tội nghiệp, nhưng còn có chút công phu, so với phường ngũ nghịch thập ác niệm mười tiếng hay mấy tiếng kia, đương nhiên còn cao hơn rất nhiều, cớ sao lại tự khinh tự bỏ, đến nỗi đánh mất lợi ích vô thượng này!

Như Lai gọi pháp môn Tịnh độ này là "pháp khó tin", bởi lẽ pháp này hạ thủ dễ dàng nhưng thành công cao, dùng sức ít nhưng được hiệu quả nhanh chóng,

viên đốn, thẳng tắt, rộng lớn, giản dị hơn hẳn những giáo lý thông thường trong cả một đời đức Phật giáo hóa. Nếu chẳng phải xưa đã có thiện căn, quyết khó thể tin nhận phụng hành. Tôi thường nói: "Chín pháp giới chúng sanh lìa môn này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo, mười phương chư Phật bỏ pháp này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần manh", đấy chính là sự thật vậy! Nay đang là lúc nào? Chính là thời đao binh, đói kém, tật dịch đều nhóm họp, tuy chưa đến nỗi là ba tiểu tai[697], nhưng cũng đã là hiện tượng của ba tiểu tai vậy. Huống chi tà thuyết tung hoành, tri thức hiếm hoi, muốn nghe chánh pháp thật chẳng dễ gì. Có cư sĩ Hồ Thiên Bộc phát tâm Bồ-đề, dốc lòng tu tịnh nghiệp, lại muốn cho đồng nhân ai nấy đều được lợi ích, bèn cực lực đề xướng khuyên dạy. Đúng là lấy chuyện "giúp cho sự sanh trưởng của trời đất, thay Phật hoằng dương, giáo hóa" làm thiên chức. Người một phương nghe ông thuyết pháp, cảm thời thế này, khôn ngăn cái tâm chán lìa, ưa thích[698] tràn trề nảy sanh. Một người xướng, mọi người hòa, không đâu chẳng phục tùng. Do vậy, cư sĩ tự bỏ ra đất đai và quyên mộ thiện tín, lập niệm Phật đường, đào ao phóng sanh và lầu tàng kinh, công đức đường, hương tích trù (tức nhà bếp), ứng cúng đường (trai đường), nghiễm nhiên từ mặt đất vọt lên một đại đạo tràng.

Niệm Phật đường thật rộng lớn, trong ấy thờ tượng đứng của Tây Phương Tam Thánh ngõ hầu hành nhân thường ngắm nhìn, lâm chung liền được tiếp dẫn. Ngay chính giữa lập tòa thuyết pháp, người nghe ngồi chung quanh, dù đông đến ngàn người cũng chẳng chật chội, ngõ hầu người từ bốn phương tới cũng chẳng

---

[697] Tam tai là còn gọi là tam tai kiếp. Tam tai xuất hiện trong kiếp Trụ và kiếp Hoại của thế giới. Có nhiều cách hiểu tam tai khác nhau đôi chút:

1. Theo Câu Xá Luận, quyển 12 thì kiếp Trụ được chia thành 20 thời kỳ nhỏ. Khi tuổi thọ của hữu tình giảm từ tám vạn năm xuống mười năm, rồi lại tăng dần lên khoảng hai mươi lần. Cứ mỗi khi con người giảm tuổi thọ đến chừng còn 10 tuổi thì phát sinh một lần tai ách, tổng cộng có *đao binh tai* (dùng vũ khí giết hại nhau), *tật dịch tai* (dịch bệnh lưu hành), *cơ cẩn tai* (đói kém mất mùa). Đây gọi là ba tiểu tai. Còn đại tam tai phát sinh vào thời kỳ kiếp Hoại. Các kinh như Đại Lâu Thán, Khởi Thế Kinh, Trường A-hàm (tiểu kinh Chuyển Luân Thánh Vương Tu Hành), kinh Ưu-bà-tắc Giới, Đại Tỳ-bà-sa Luận đều nói giống như vậy.

2. Theo sách Pháp Uyển Châu Lâm, quyển 1 thì tiểu tam tai là:

a. Cơ cẩn tai, con người thọ tám vạn bốn ngàn năm. Cứ mỗi một trăm năm con người giảm một tuổi, giảm đến mười tuổi thì hạn hán lớn không mưa, cây cỏ không mọc được, vô lượng người trong thế gian bị chết đói.

b. Tật dịch tai: Đến lúc con người tuổi thọ giảm còn 20 tuổi thì bệnh dịch phát sanh, con người chết vì tật dịch vô số.

c. Đao binh tai: Khi tuổi thọ con người còn 10 tuổi, ai nấy đều đánh lẫn nhau, tay cầm nhánh cỏ cũng hóa thành vũ khí tàn sát lẫn nhau.

[698] Tức tâm chán nhàm, xa lìa Sa-bà, ưa thích, ham muốn sanh về Cực Lạc.

đến nỗi than thở vì chen chúc. Lầu tàng kinh thỉnh đủ kinh khắc từ các nơi cho những người phát tâm thọ trì, nghiên cứu. Công đức đường thì ghi đủ những số mục công đức của những người đã đóng góp, lại còn lập đầy đủ các bài vị để người còn tăng phước tăng thọ, kẻ mất lên thẳng Liên Bang. Nhưng nếu đã chuyển pháp luân, không giúp thực luân (ăn uống) thì quyết khó thể ở lâu chẳng về, do vậy lập riêng hương tích trù, ứng cúng đường khiến cho người niệm Phật nghe pháp ai nấy đều được thỏa lòng vừa ý mới thôi. Ao Phóng Sanh ở trước pháp đường dành để nuôi những con vật suýt bị nấu nướng, chẳng những nuôi sống sắc thân chúng, lại còn dùng tiếng kinh, Phật hiệu giúp cho huệ mạng của chúng. Những công trình xây dựng đều hết sức chu đáo. Ước tính tốn hơn một vạn sáu ngàn đồng, nay đã lạc thành, tính khai giảng vào ngày Rằm tháng Tám âm lịch này, quả là chuyện hiếm thấy trong đời mạt pháp.

Lại nhờ bạn ông ta là Trương Vân Lôi gởi thư cho Quang, xin viết lời tựa dẫn giải hòng khởi phát, mở rộng tín tâm. Nhân đó, tôi bèn đem nguyên do đức Như Lai nói ra hai thứ pháp môn thông thường và đặc biệt, cũng như tâm hạnh của cư sĩ Hồ và cách thức sắp đặt, trình bày đại khái, ngõ hầu người đọc đều bắt chước theo. Nếu người thấy nghe đều cùng phát tâm này thì phong tục thuần mỹ, dân giàu, vật mạnh, chuyển ngũ trược ác thế thành Liên Bang thanh tịnh, đấy chính là điều Quang tôi thường thơm thảo cầu đảo vậy. Nguyện các thượng thiện nhân ai nấy rủ lòng thương xót thì may mắn lắm thay!

56. Lời tựa sách A-di-đà Kinh Trực Giải

Một niệm tâm tánh của chúng ta quả thật chẳng hai, chẳng khác với Phật Thích-ca, Phật Di-đà; nhưng Phật Thích-ca, Phật Di-đà đã thành Phật đạo từ trần điểm kiếp trước, lại còn bao lần thị hiện giáng sanh, bao lần thị hiện nhập diệt để thực hiện sự giáo hóa. Phật muốn làm cho chúng ta noi theo dấu thơm, nhưng chúng ta không có sức đoạn trừ phiền não hoặc nghiệp, mãi cho đến ngày nay vẫn trong sanh tử luân hồi thoạt chìm thoạt nổi, chẳng biết làm thế nào để ngưng dứt. Dẫu bao kiếp trước từng nghe Phật pháp, y giáo tu hành, nhưng do tự lực hèn yếu chẳng thể đoạn hoặc, nên vẫn cứ đắm chìm trong biển khổ sanh tử y như cũ không thể thoát được. Im lặng suy nghĩ, há chẳng hổ thẹn ư?

Phật Thích-ca, Phật Di-đà xét thấu lẽ ấy, đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật, dạy nương vào Phật từ lực vượt ngang ra khỏi tam giới khiến cho thượng trung hạ căn cùng được vãng sanh Tây Phương, có thể nói thật là đại từ bi đến cùng cực không chi hơn được nữa. Nhân duyên khởi lên giáo pháp, pháp

tắc tu trì được thấy trọn vẹn trong Tịnh độ tam kinh, nhưng kinh A-di-đà ngôn từ giản dị, nghĩa lý trọn vẹn, dễ dàng thọ trì. Do vậy, cổ nhân xếp vào kinh nhật tụng, muốn cho nhà nhà được khuyến hóa, thấu hiểu, đều được tắm gội pháp trạch. Bởi thế các thiện tri thức thảy đều chú thích, khác nào mặt trời, mặt trăng giữa trời nên không nghĩa nào chẳng hiển hiện, không căn cơ nào chẳng được thâu nhiếp. Nhưng hàng sơ cơ đối với văn sâu nghĩa thẳm khó thể lãnh hội, cho nên cư sĩ Vương Hiển Giang đặc biệt tạo phương tiện, đem những điều sách Yếu Giải đã chú sớ diễn giải lại bằng ngôn ngữ thông thường, dễ hiểu, đặt tên là Trực Giải, kèm thêm những nghi vấn về Tịnh độ. Cái tâm tự lập lập người, tự lợi lợi tha ấy có thể nói thật là thiết tha. Pháp sư Hiển Ấm viết lời tựa, muốn cho hết thảy đồng nhân ai nấy đều sanh lòng tin chân thật, chất phác niệm Phật, bèn sai Quang viết thêm lời tựa khác, nên tôi bèn trình bày chuyện này cùng người đọc.

57. Lời tựa sách Thập Tam Kinh Độc Bản

Trời đất dùng hai khí âm dương để hóa sanh vạn vật, thánh nhân dùng "thành minh nhất trí" để giáo dục quần manh, ấy là đạo vậy! Theo chiều ngang truyền khắp muôn nước, theo chiều dọc lưu truyền muôn đời. Những người hiểu biết đều tuân hành, không ai biết suy nghĩ chẳng phục, dẫu thánh nhân sống lại cũng chẳng thể lập pháp nào khác. Cũng chẳng qua là phát huy đạo thành minh cho được phô bày trọn vẹn triệt để, giãi bày hết cả ra mà thôi. Thập Tam Kinh là đại kinh, đại pháp "cách vật trí tri, thành ý chánh tâm, tu tề trị bình" được nhị đế, tam vương[699], Chu công, Khổng tử, Mạnh tử tiếp nối ngôi trời lập ra để giáo hóa muôn đời. Nó chính là lý tột cùng thiên địa không riêng tư, là lương tri sẵn có của chúng ta. Thoạt đầu chẳng có gì đặc biệt, lạ lùng, huyền diệu, chẳng thể đạt đến được, dẫu là kẻ ngu phu ngu phụ cũng vẫn có thể thực hiện được. Bởi lẽ con người có cùng một cái tâm này, tâm có cùng một lý này, Nghiêu Thuấn cũng như mọi người, mà ai nấy cũng đều có thể trở thành Nghiêu Thuấn, nếu tuân hành theo thì ai nấy đều thành thánh, thế giới đại đồng.

Thế đạo suy sụp, nhân tâm tệ bạc là do Nho gia chẳng biết đạo nằm ở chỗ tận tụy thực hành, một mực chạy theo cái ngọn, nhất loạt gác lại chuyện "khắc kỷ, giữ lễ, dứt lòng tà, giữ lòng thành" không bàn đến nữa, chỉ lo học thuộc từ chương, hòng làm cái vốn tiến thủ, xử thế. Do vậy biến cái đạo giúp cho quyền sanh thành, giáo hóa của thánh nhân trở thành một nghề khéo hòng thâu danh đoạt lợi. Đúng

[699] Nhị đế tam vương: Nhị đế là Nghiêu, Thuấn, Tam Vương là Đại Vũ, Thành Thang, Văn Vương.

là vu hãm, khinh miệt thánh nhân, trái nghịch thiên địa đến cùng cực vậy! Do thế, người đọc sách tâm chẳng hiểu nghĩa sách, thân chẳng hành theo đạo sách đã dạy. Khi làm văn bèn phát huy đạo hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ chẳng sót mảy may nào, nhưng xét đến chỗ suy nghĩ, xử sự, hoàn toàn chẳng có những khí phận ấy. Khác gì kép hát diễn tuồng, khổ sướng, buồn vui diễn cho thật giống, thật ra chẳng mảy may gì liên can đến chính hắn. Mối tệ ấy một khi khởi lên dần dần ngày càng trở thành quá đáng. Do vậy những kẻ có thiên tư quen thói cuồng vọng, xấu hổ phải noi theo dấu của Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng, cứ muốn vượt lên, rốt cuộc thành ra vứt bỏ thánh kinh, đua nhau soạn sách mới. Tà thuyết vừa dấy, đại chúng đua nhau phụ họa, đến nỗi những kẻ tiểu nhân xấu hèn muốn phô phang cái tâm cướp đoạt, gian dâm của chính mình, bèn vội vã đề xướng và thực hiện thuyết chung vợ, chung tài sản; chỉ sợ dân chúng chẳng giống với loài cầm thú, sợ cương thường luân lý gây trở ngại cho chính mình, đến nỗi thiên tai nhân họa liên tục giáng xuống, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Ví như đi đêm vứt đuốc, đi biển bỏ thuyền, muốn chẳng sa xẩy, chìm đắm, há có được chăng?

Ông Thi Triệu Tăng sợ đạo này diệt mất bèn cùng với hai ba người cùng chí hướng lập ra Quốc Học Chuyên Tu Quán, tụ tập những người có chí nơi đạo này để chuyên tinh nghiên cứu, đích thân tận lực thực hành, mong lưu truyền rộng những điều sở đắc. Ông Đường Văn Trị hơn mười năm qua tinh thông đạo này, sưu tập những bản Thập Tam Kinh hay nhất, chọn lấy những bản chú giải giản dị, xác đáng, gộp thành một tập; lại đối với mỗi một kinh chọn ra mấy câu hòng nêu được ý nghĩa chính, ghép vào cuối kinh, dụng tâm có thể nói là hết sức tha thiết. Ông Thi bèn cho khắc in để lưu truyền trong các trường học, ngõ hầu ai nấy đọc tụng, tập tành theo. Khắc xong, chính ông ta và ông Đường đều viết lời tựa, thuật rõ duyên do. Lại nhờ tôi viết lời tựa, tôi nghĩ Thập Tam Kinh lưu truyền trong đời như mặt trời, mặt trăng sáng vằng vặc giữa trời, ai có mắt đều thấy, cần gì đợi ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo này chỉ bày nữa ư? Tuy đạo cố nhiên không hai, nhưng người nhân kẻ trí thấy khác, nên chẳng ngại đem sở kiến của mình thuật cùng người nhân, kẻ trí, chưa chắc chẳng giúp gì được cho việc thấu hiểu kinh, mong thành thánh vậy.

Trộm nghĩ: Đạo được phát minh bởi Thập Tam Kinh chính là đạo "cách vật trí tri, thành ý chánh tâm, tu tề trị bình", nhưng xiển phát yếu chỉ "cách vật trí tri, thành ý chánh tâm, tu tề trị bình" chỉ có sách Đại Học là nói lớp lang, trình bày tột cùng. Trung Dung, Luận Ngữ, Mạnh Tử đều phát huy nghĩa này, nhưng chẳng nói tuần tự theo thứ lớp. Do vậy, biết Tứ Thư chính là chú sớ của kinh Dịch, kinh

Thư, kinh Thi, Chu Lễ, Lễ Nghi, Lễ Ký để đạo ấy được sáng tỏ lớn lao. Hiếu Kinh thúc đẩy cho việc thực hành đạo ấy được hữu hiệu. Ba truyện Xuân Thu[700] chính là những chứng nghiệm của chuyện tuân thủ, trái nghịch, được mất vậy. Do đó bổn tâm của chúng ta, đạo tân truyền của chư thánh đều được sáng tỏ, dùng đó để kế tục cổ thánh, mở lối cho hậu học, công ấy bằng với công trời che đất chở. Những kẻ bỏ kinh khác gì muốn vứt bỏ trời che đất chở để tự lập ư? Những kẻ ấy chẳng biết sự vụ quá đáng! Hướng theo đó mà cầu thì mọi chuyện mong thành thánh thành hiền, đạo trị quốc tân dân không điều gì chẳng rõ ràng như từng đường chỉ trong bàn tay. Không mong thành thánh thành hiền thì thôi, chứ nếu muốn thành thánh thành hiền thì đạo thánh hiền tự sẵn đủ nơi thân và tâm chúng ta. Những giải thích từ sách Nhĩ Nhã[701] chính là chú thích chung cho các kinh, ngõ hầu dù văn hay nghĩa đều được hiểu rõ. Như vậy, Nhĩ Nhã là giải nghĩa ở mức độ ban đầu, còn Tứ Thư là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung.

Bàn đến ý nghĩa trọng yếu ở một mức độ cao hơn thì minh đức là gốc, còn làm sáng tỏ minh đức lại chính là mấu chốt để từ phàm tiến lên thánh, để con người hợp với trời. "Làm sáng tỏ được minh đức" (minh minh đức) thì trong là thánh đạo, ngoài là vương đạo đều được trọn vẹn vậy. Nhưng muốn làm sáng tỏ minh đức thì phải trừ khử sự ham muốn cho hết sạch không còn sót gì, khiến cho chân tri sẵn có ngay trong tâm được triệt để phơi bày trọn vẹn. Bổn phận của người đọc sách chỉ nằm trong mấy điều ít ỏi này mà thôi. Còn gì thẳng tắt, còn gì dễ dàng hơn? Mới biết ai cũng có thể là Nghiêu Thuấn, ngu phu ngu phụ cũng có thể biết được, làm được. Đấy chính là chân ngữ, thật ngữ; do con người có cùng một tâm này, tâm cùng một lý này. Muốn cho thế đạo nhân tâm chuyển từ loạn thành yên, biến ác nghiệt thành thuần hòa, mà bỏ điều này thì không còn cách gì nữa! Không biết ông Thi, ông Đường có cho lời tôi luận là đúng hay không? Nhưng những điều này là luận trên pháp thế gian, chớ lầm tưởng là luận về pháp xuất thế gian. Tha thiết dặn dò vậy!

58. Lời tựa dùng phẩm Đoạn Thực Nhục (dứt ăn thịt) của kinh Lăng-già để răn thần đừng hưởng đồ cúng mặn (viết thay cho cư sĩ Lư Trí Duệ ở huyện Y tỉnh An Huy)

[700] Ba truyện Xuân Thu: tức là các bộ Tả Truyện, Công Dương Truyện, Cốc Lương Truyện. Những cuốn này đều thuật những chuyện thuộc thời Xuân Thu nên gọi là ba truyện Xuân Thu.
[701] Nhĩ Nhã là một bộ từ điển cổ giải thích tên những nhân vật, sự vật, được hoàn thành vào thời Tây Hán.

Kính cẩn dựa theo lời Phật: Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, do nhân duyên tội phước mà luân hồi sáu nẻo. Nếu chẳng tận lực tu giới định tuệ để mong đoạn sạch tham sân si và sanh tín phát nguyện niệm A-di-đà Phật cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì không cách nào thoát ly được. Đây chính là vì ta cùng hết thảy chúng sanh sống trên không, dưới nước, trong sáu nẻo từ vô thỉ đến nay không ai chẳng xoay vần làm cha mẹ, anh em, thê thiếp, con cái, bạn bè, thân thích, không một ai trong vị lai chẳng được nghe Phật pháp tu giới định tuệ, đoạn sạch phiền hoặc, viên thành Phật đạo. Do vậy, Như Lai truyền dạy các đệ tử kiêng giết, phóng sanh, chớ ăn các loại thịt. Nhưng tình ý mê muội của thế tục thường cho rằng cúng đồ mặn mới là cung kính, chẳng biết cả mình lẫn người đều gieo nhân ác đến nỗi tương lai phải chịu ác báo.

Nay ta đã biết tội lỗi của việc ăn thịt há nỡ để người trong cùng một làng vẫn chấp vào tình kiến mê muội ấy, để nhân duyên tội nghiệp ăn thịt làm lụy đến vị tôn thần ư? Lại sợ tôn thần chưa hiểu thấu duyên do mà sanh sân nộ, giáng xuống tai họa khiến người trong làng mê muội càng nặng, khiến cho ác báo trong tương lai của người trong làng và tôn thần càng thêm sâu, thêm lớn, chẳng dễ gì tiêu diệt được. Do vậy, riêng lấy phẩm Đoạn Thực Nhục từ kinh Nhập Lăng-già[702]

---

[702] Kinh Lăng-già (Lankāvatārasūtra), gọi đầy đủ là kinh Lăng-già A-bạt-đa-la Bảo, do ngài Cầu-na-bạt-đà-la dịch năm 443 vào thời Lưu Tống. Lăng-già là tên núi, A-bạt-đa-la có nghĩa là nhập (vào). Ý nói: Đức Phật vào trong núi Lăng-già diễn nói bản kinh quý báu này. Đây là một trong sáu bản kinh y chỉ để lập cước của Tướng tông. Đại ý kinh phô diễn toàn thể thế giới vạn hữu đều do tâm tạo, những đối tượng được chúng ta nhận thức không phải ở bên ngoài mà ở ngay trong nội tâm. Kinh này kết hợp hai hệ tư tưởng Như Lai tạng và a-lại-da thức. Kinh nhấn mạnh căn nguyên của mê là do tập khí từ vô thủy không thể hiểu rõ các pháp đều do tự tâm hiển hiện. Vì thế, khi nào triệt ngộ bản tánh của ý thức sẽ bỏ được sự đối lập giữa chủ thể nhận lấy (năng thủ) và đối tượng bị lấy (sở thủ). Trong Đại tạng, kinh này có ba bản dịch:

1. Bản dịch của ngài Cầu-na-bạt-đà-la, còn gọi là kinh Tứ Quyển Lăng-già hoặc kinh Tống Dịch Lăng-già.

2. Kinh Lăng-già do ngài Bồ-đề-lưu-chi năm 513 dịch vào thời Bắc Ngụy, còn gọi là kinh Thập Quyển Lăng-già.

3. Kinh Đại Thừa Nhập Lăng-già do ngài Thật-xoa-nan-đà dịch vào đời Đường từ năm 700 đến 704.

Trong ba bản Hán dịch, bản Tứ Quyển Lăng-già phổ biến nhất vì theo truyền thuyết, tổ Đạt-ma đã phó chúc kinh này cho Nhị tổ Huệ Khả để truyền tâm ấn Thiền tông. Theo truyện ngài Pháp Xung trong bộ Cao Tăng Truyện ghi chép thì Tứ Quyển Lăng-già được giảng thuật theo hai chi: Chi thứ nhất là các sư thuộc hệ phái của tổ Tăng Xán, y cứ theo sự giảng thuật của Nhất thừa tông của Ấn Độ. Chi thứ hai là hệ phái của ngài Đàm Vân Thiên, diễn giảng kinh này theo tư tưởng của Nhiếp Đại Thừa Luận. Vào thời Nam Bắc Triều, kinh này chưa được phổ biến lắm. Đến đời Đường, do Thiền tông lớn mạnh nên kinh này cũng được hết sức quý trọng. Đương thời có những tông phái mệnh danh là Lăng-già tông, Lăng-già sư. Đến khi những

của đức Phật đã nói cung kính thiêu trước lò hương của thần, ngõ hầu trên hiểu thấu lòng từ của Phật, dưới thương xót tấm ngu thành, yêu tiếc mạng loài vật, chẳng hưởng của cúng tế bằng thịt. Phàm những khi cúng chay bèn ban cho may mắn. Nếu dùng đồ mặn bèn hiện ra họa ương, khiến cho người trong làng cùng cảm nhận đức thông minh, chánh trực, hiếu sanh, ghét giết chóc của tôn thần, khiến cho gió từ thổi khắp, hòng bồi đắp gốc đạo Bồ-đề, vãn hồi kiếp vận, cùng vui thái bình vô sự. Kính mong thần hãy sáng soi thì người trong làng may mắn lắm, vận nước may mắn lắm!

59. Lời tựa cho Đồng Giới Lục của chùa Phổ Chiếu ở Dương Châu

Như Lai đại pháp ứng khắp chín giới, thượng thánh hạ phàm đều được un đúc, tuy pháp môn vô lượng chẳng dễ nói trọn, nhưng nêu đại cương chung thì chỉ có giới - định - tuệ, ấy chính là chỗ trọng yếu để nhập đạo. Thoạt đầu thì dùng giới để giữ thân, kế đến dùng định để lắng tịnh ý niệm, rồi dùng tuệ để phá hoặc. Do vậy đoạn được ngũ trụ phiền hoặc, chứng được bí tạng tam đức. Vì thế kinh Lăng-nghiêm dạy: "Nhiếp tâm là giới, nhân giới sanh định, nhân định phát tuệ", đây gọi là *tam vô lậu học*. Ba pháp này như ba chân của cái đỉnh, nếu khuyết một thì khó thể đứng vững. Tuy nói có ba nhưng tu thì chỉ một tâm. Bởi lẽ giới không có định tuệ thì chẳng phải là giới xuất thế; định không có giới tuệ thì chẳng phải là định xuất thế; tuệ không có giới định chẳng phải là tuệ xuất thế. Do vậy biết ba pháp ấy vốn là một pháp. Nói có ba là do chú trọng hoằng dương nơi mặt nào mà đặt tên, cũng như do nơi tu chứng đạt được ích lợi mà phán định ý nghĩa. Kinh Phạm Võng dạy: "Ta là Phật đã thành, các ông là Phật chưa thành. Thường nên tin như thế thì giới phẩm đã trọn đủ." Lại dạy: "Chúng sanh nhận lãnh giới của Phật liền nhập vào địa vị chư Phật, địa vị bằng với Đại Giác, thật sự là con chư Phật vậy." Đủ thấy giới thống nhiếp các pháp. Do đó tri thức hoằng dương, người học tu trì, không ai chẳng lấy giới làm nhiệm vụ trước tiên.

Phổ Chiếu Tự do lão nhân Đạo Thanh sáng lập, lão nhân thị hiện sanh tại Tứ Xuyên, tuổi mới nhược quan (20 tuổi) liền chán trần lao, bèn đến xuất gia tại Hoa Nghiêm Đảnh ở núi Nga Mi, được thọ giới rồi tận lực tham cứu đến cùng để thấu tỏ tâm yếu, muốn tham học các nơi để mở rộng tâm địa, khi đi qua Dương Châu được thân sĩ làng Vĩnh Trấn ngoài cửa Từ Ngưng biết đến, thỉnh sư trụ trì tại tiểu miếu Thái Dương Cung nơi ấy. Lão nhân xét thấy chỗ ấy có thể lập đạo tràng, do

---

vị như Thần Hội chủ trương dùng học thuyết Bát-nhã thay cho chủ trương kinh Lăng-già thì kinh Kim Cang mới trở thành kinh điển chủ yếu của Thiền tông.

vốn có túc duyên, nên bèn chấp nhận. Vào năm đầu đời Quang Tự (1875) nhà Thanh trước kia bèn quyên mộ khắp mười phương mở mang nền móng, điện Phật, lầu kinh chót vót tận mây. Phàm những gì tùng lâm nên có, việc tu hành cần phải có thì không gì chẳng đầy đủ. Từ đấy mùa Đông tọa thiền, mùa Hạ giảng pháp, rộng mở cửa cứu độ, thiện sĩ, đạt nhân thảy đều y chỉ. Đến năm Quang Tự 22 (1896), lên kinh đô thỉnh kinh, được vua chấp thuận sắc tứ biển ngạch "Phổ Chiếu Thiền Tự", quả thật không còn gì may mắn hơn. Liền vào mùa Đông năm ấy, khai đàn truyền giới để báo ân nước, cầu phước cho dân. Cho đến năm Dân Quốc thứ năm (1916), đã mở giới đàn năm lần, ba lần mở trường giảng, luôn luôn tu trì. Tuy Thiền - Tịnh cùng hành, nhưng chú trọng nơi Tịnh độ. Đến năm Dân Quốc thứ 8 (1919), sư tuổi đã tám mươi tư, bèn thị hiện viên tịch trở về Cực Lạc, cùng với hải hội thánh chúng thân cận Di-đà để chứng vô lượng quang thọ, đệ tử thế độ đắc pháp rất nhiều.

Vì sư có vị cao túc[703] tên là Đạo Hương, thân thiết và thuận thảo với Quang, muốn vào mùa Đông này đưa ngài ra khỏi khám[704] dựng tháp thờ, vào ngày Rằm tháng Chín bèn mở đàn truyền giới đến ngày mồng Tám đông nguyệt (tháng Chạp) là viên mãn để báo ân Phật, tạo phước ngầm cho thầy, sai Quang viết lời tựa. Quang nghĩ Phật giáo lấy hiếu làm gốc, cho nên kinh Phạm Võng dạy: "Hiếu gọi là giới, cũng gọi là chế chỉ (ngăn dứt), hiếu thuận là pháp đạo tột cùng. Y giáo phụng hành mới gọi là hiếu." Y giáo phụng hành thì những gì Phật đạt được chính ta sẽ đạt được, từ phiền não sẽ thành Bồ-đề, ngay trong sanh tử chứng Niết-bàn, mới khỏi cô phụ ân Phật giáo hóa, chẳng phụ bạc tánh linh của chính mình, là bậc trượng phu lỗi lạc, là con chân thật của đức Như Lai. Nếu chẳng y giáo phụng hành thì dưới lớp ca-sa đánh mất thân người, nỗi khổ tam đồ ác đạo dẫu hết cả kiếp vẫn chưa thể nói hết được. Nguyện các Phật tử thọ giới ai nấy đều gắng lên.

60. Lời tựa khắc lại bộ Thủy Lục Nghi Quỹ

Ơn Phật rộng lớn trọn khắp, chẳng còn sót tí gì, thoạt mới thành Chánh giác bèn nói ra pháp ngài đã chứng, chỉ riêng hàng Pháp thân đại sĩ mới có thể lãnh hội được; nhân, thiên, phàm phu, Tiểu thừa chẳng thấy, chẳng nghe. Do vậy, bèn từ thật bày ra quyền, ẩn đại dùng tiểu, tùy thuận cơ nghi, khéo léo khuyến dụ dần dần, đợi đến khi đã đoạn phiền hoặc, đã chứng chân đế, rồi mới quở trách mọi lẽ, nhiều cách đào thải, khiến cho phát đại tâm cầu Phật quả, chẳng trụ vào pháp mà

[703] Cao túc: Học trò giỏi giang của một vị thầy, thường gọi là cao đồ.
[704] Khám là một chỗ khoét vào lòng tháp hoặc núi để an trí tượng Phật hoặc để quan tài của các vị sư viên tịch.

tu vạn hạnh. Đến khi căn cơ đã chín muồi bèn hội tam quy nhất, khai quyền hiển thật, thọ ký thành Phật cho khắp tất cả, diễn bày thông suốt lớn lao bổn hoài xuất thế. Từ đấy, hiểu rõ hết thảy các pháp đều là Phật pháp, hết thảy mọi người đều là Phật tử, không còn ai cam lòng thoái khuất.

Lại còn thương xót những kẻ tự lực kém hèn, hiện tại quyết khó thể liễu thoát, liền đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh độ khiến cho họ cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Có những kẻ tội chướng sâu nặng, định nghiệp chẳng dễ chuyển dời, bèn mở rộng bí mật quán đạo khiến cho họ nương vào sức tam mật[705] diệt cho hết sạch không còn sót. Nhưng hai pháp này là đạo để phàm lẫn thánh cùng tu, là pháp thành thủy thành chung; do chúng rõ ràng thiên về hàng phàm phu bị nghiệp buộc ràng khiến cho họ mau được lợi ích thù thắng mà nói như vậy, chứ thật ra mười phương ba đời chư Phật không vị nào chẳng do pháp này mà viên thành Phật đạo, không vị nào chẳng dùng pháp này để phổ độ quần manh.

Đến khi pháp truyền sang Chấn Đán, Lương Võ Đế lên ngôi, thuật giấc mộng cùng cao tăng để phổ độ các hàm linh, nhân đó chư tăng đọc trọn Đại tạng, soạn thành nghi quỹ này, từ đấy lưu thông cho đến ngày nay. Xét về nguồn cội thì dùng vô lượng oai đức đà-la-ni để phát khởi, xét trên mặt trước thuật và cách xếp đặt thì hết thảy các pháp trong cả một đời giáo hóa không gì chẳng nêu trọn để đọc tụng, tu trì. Do đó, pháp môn ấy rộng lớn, lợi ích sâu rộng, không những làm cho lục đạo phàm phu mau thoát khỏi nghiệp trói buộc mà còn làm cho tam thừa thánh nhân mau chứng Bồ-đề.

Người có thể hoằng đạo, lòng thành kham phù hợp lẽ chân! Nếu vị trai chủ thỉnh pháp và các sư tác pháp ai nấy đều dốc kiệt lòng thành, tận lòng kính thì lợi ích không thể nào diễn tả được. Ví như mùa xuân về trên cõi đất, thảo mộc đều được sanh thành; vầng trăng sáng vằng vặc giữa trời, sông ngòi mỗi mỗi đều hiện bóng. Vì thế đương nhân được nghiệp tiêu trí rạng, chướng hết, phước cao, tiên vong đều được sanh về Tịnh độ, sở cầu không gì chẳng toại ý, lại khiến cho oán thân bao kiếp, hàm linh trong pháp giới đều được tắm gội ân quang tam bảo, cùng kết duyên chủng Bồ-đề. Nếu trai chủ chẳng thành tâm thì công đức bỏ tiền làm pháp hội hữu hạn, tội lỗi khinh mạn pháp vô cùng. Tăng chúng chẳng chí thành thì thổi ống bễ, thổi sáo thành kinh, nhịp chày giã gạo thành lễ[706]. Lúc tam bảo long thiên giáng lâm, làm chuyện lỗ mãng, quấy quá, tắc trách, làm sao núi tội

[705] Tam mật: thân mật, ngữ mật, ý mật.
[706] Ý nói chỉ có nhịp điệu tiết tấu tụng niệm nhịp nhàng như thổi ống bễ đều đặn, lễ cúi lên rạp xuống nhịp nhàng như chày giã gạo, chứ không mang ý nghĩa gì hết.

không cao chót vót, biển phước cạn khô, sống thì mắc họa tai, chết bị khổ sở[707] cho được? Sách này là bản của Hàng Thản[708], mờ mịt quá sức, chùa Thiên Đồng dù khắc cũng khó được phổ cập. Do vậy, Tịch Công chùa Vạn Thọ ở Duy Dương, Dũ Công chùa Bảo Luân v.v. quyên tiền để khắc lại hầu được lưu truyền rộng rãi, sai Quang ghi lại năm tháng. Do vậy, lược thuật nguyên ủy cũng như điều lợi, mối tệ, để người theo đuổi pháp này chỉ được lợi ích, chẳng bị tổn hại, thì Phật thánh hoan hỷ, phước lẫn tuệ cả hai cùng tăng trưởng. Nguyện những người tu pháp này ai nấy đều gắng lên.

61. Lời tựa quyên mộ tu bổ, xây dựng ao phóng sanh chùa Đại Phật ở Tân Xương[709]

Nho thì lấy "trung hậu, khoan thứ, thương yêu người và vật như ruột thịt, như chính mình" làm trách nhiệm, ắt phải coi người khác cho đến loài vật đều như chính bản thân mình thì mới là người học đạo thật sự; họ Thích lấy từ bi tế độ làm trọng, vì vậy thương xót các loài vật đều có Phật tánh, muốn thực hiện sự cứu giúp. Hiềm rằng người đời sát sanh ăn thịt đã thành thói quen, chẳng biết như vậy là sai, đến nỗi đời đời kiếp kiếp lần lượt giết lẫn nhau trọn chẳng khi nào ngơi, chẳng đáng buồn ư?

Phải biết con người và loài vật cùng mang cái thân máu thịt này, cùng có tánh linh tri này, cùng sống trong vòng trời đất, chỉ vì đây kia kiếp trước tội phước bất đồng đến nỗi đời này hình dáng, thể chất, lanh lợi, ngu xuẩn sai khác. Cậy mình mạnh lấn áp kẻ yếu, ăn thịt chúng nó để no bụng mình, khoái lòng sướng ý, cho là có phước báo, chẳng biết một khi phước lực vừa hết, nghiệp báo hiện tiền, đọa trong dị loại: Lúc bị người ta giết hại, thân không chống lại được, miệng không nói được, trong tâm lo sợ, đau khổ, mới biết chuyện ăn thịt là tội lỗi lớn. Người ăn thịt quả thật là la-sát[710]. Dù có muốn chẳng bị người khác giết ăn thịt cũng không thể được.

---

[707] Nguyên văn "khiển trích": Quở phạt, đày đi xa.

[708] Hàng Thản là một danh xưng khác của thành phố Hàng Châu thuộc tỉnh Chiết Giang.

[709] Tân Xương là tên một huyện thuộc tỉnh Chiết Giang.

[710] La-sát (Rāksasa) là một loài ác quỷ, đôi khi còn phiên âm là la-sát-sa, la-xoa-sa, la-khất-sát-sa, a-lạc-sát-sa…, dịch nghĩa là khả úy (đáng sợ), tốc tật quỷ (quỷ nhanh lẹ), hộ giả (người bảo vệ). Tương truyền la-sát chính là danh xưng của cổ dân Ấn Độ, khi tộc người Aryan chinh phục Ấn Độ, từ ngữ này bèn trở thành đại từ chỉ những loài hung ác. Quỷ la-sát nam thân đen đúa, tóc đỏ lừ, mắt xanh lam, nhưng la-sát nữ dung mạo tuyệt đẹp, có khả năng mê hoặc con người rất lớn. Loài quỷ này thích ăn thịt uống máu con người. Loài quỷ này có thần thông bay đi rất nhanh hoặc chạy rất nhanh trên mặt đất. Trong địa ngục cũng có những loài quỷ la-sát làm lính

Do vậy kinh Lăng-nghiêm dạy: "Do người ăn thịt dê, dê chết thành người, người chết thành dê, như thế cho đến mười loài chúng sanh, chết chết, sống sống, ăn nuốt lẫn nhau, do ác nghiệp cùng sanh ra cho đến tận đời vị lai." Huống chi từ nhiều kiếp đến nay lại sanh ra nhau, đã không có đạo lực để cứu tế, nỡ nào khiến chúng nó chịu nỗi đau cùng cực bị dao chặt xẻ để cho ta hưởng vị ngon nơi lưỡi miệng ư? Trong kinh Nhập Lăng-già, đức Thế Tôn quở trách thói ăn thịt nhiều lần, có câu: "Hết thảy chúng sanh từ vô thỉ đến nay, luân hồi trong sanh tử chẳng ngơi, không ai chẳng từng là cha mẹ, anh em, con cái, quyến thuộc, cho đến là bằng hữu, người thân ái, tôi tớ. Qua đời khác bèn mang thân chim, thú v.v.. Sao lại bắt lấy chúng để ăn thịt?" Phàm những người sát sanh ăn thịt, nếu nghĩ đến điều này ắt sẽ run rẩy, kinh sợ, tỉnh ngộ. Thà tự giết mình, chẳng thể giết hết thảy loài vật!

Vùng Tân Xương có quả núi tên là Thạch Thành, trên núi đục cái khám và tượng Di-lặc to cả trăm thước, do ba vị sư là Tăng Hộ, Tăng Thục đời Tề và Tăng Hựu đời Lương tạo dựng, tướng hảo trang nghiêm, đẹp đẽ không thể sánh tầy. Chùa nơi ấy là Tây Môn của Thiên Thai, đại sư Trí Giả nhập diệt tại đó, có lẽ muốn ngụ ý: trước là kế tục Linh Sơn, sau là phụ trợ hội Long Hoa. Suốt cả đời đại sư tùy cơ thuyết pháp, ngài đặc biệt chú trọng phóng sanh. Do dân vùng Thiên Thai đa số theo nghề đánh cá, để cứu vớt, ngài mua một chỗ đánh cá, biến thành ao phóng sanh. Lại còn giảng cho ngư dân nghe kinh Kim Quang Minh, ngư dân nghe pháp đều hiếu sanh, bỏ giết chóc, ai nấy đều bỏ đăng đó trên sông ngòi. Cả 63 chỗ rộng đến hơn 300 dặm, đều biến thành ao phóng sanh, những ai đánh bắt trộm bèn lập tức mắc họa, đến đời Đường vẫn y như vậy. Nhưng lâu ngày, người đã khuất, pháp tàn, lệnh cấm lỏng lẻo, đến nỗi cái ao ngoài chùa Đại Phật cũng trở thành chỗ đánh cá. Cư sĩ Mã Khế Từ ngưỡng mộ đức hạnh tốt đẹp, công huân thù thắng của các vị Tăng Hộ, Tăng Thục, Tăng Hựu, Trí Giả, muốn cho đồng nhân và hết thảy loài vật sống trên cạn, dưới nước, bay trên không đều được hưởng hết tuổi trời, cùng sanh về Cực Lạc, tương lai cùng được dự ba hội Long Hoa, nên đặc biệt xin ban hành lệnh nghiêm cấm, cho khắc lên đá ngõ hầu tồn tại vĩnh cửu.

---

canh ngục, chuyên hành hạ tội nhân, thường được gọi bằng danh từ chung là *a bàng la-sát*. Chúng thường có hình đầu trâu, đầu dê, đầu nai, đầu thỏ, thân người, hoặc chân có móng như trâu. Trong Mật giáo, có loài quỷ hộ pháp thường được gọi là la-sát thiên. Loài quỷ thần này thân hình đoan chánh, mặc giáp trụ, tay cầm binh khí, cỡi sư tử trắng. La-sát thiên thường được vẽ ở góc Tây Nam trong đồ hình Thai Tạng Mạn-đà-la.

Nhưng ao đã lâu chưa vét, bùn lầy đầy ứ, lại còn phải dựng tường vây quanh bên ngoài để phòng kẻ bắt trộm. Lại còn phải dựng cầu, sửa đập, cất đình, đắp đường; nào phải chỉ nhằm làm cho quang cảnh đẹp mắt, mà thật ra là muốn cho những người đến lễ Phật trông thấy cảnh sắc lòng vui thư thái, trên là khế hợp tâm Phật, ngõ hầu tiêu trừ được thiên tai nhân họa mà không hay không biết! Nhưng do công trình rộng lớn không thể không quyên mộ mười phương quan viên, thân sĩ, thương gia cùng hết thảy thiện tín. Khẩn khoản mong mọi người phát lòng "chúng sanh và Phật đồng thể, loài vật và ta chẳng hai", cùng bỏ ra tịnh tài khiến cho quang cảnh này được thành tựu thì công đức ấy có cùng thọ lượng với mười phương hư không.

62. Lời tựa truyền giới của Kim Sơn Giang Thiên Thiền Tự

Như Lai dùng ba sự để khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài nơi đời, chúng sanh nhờ đó đều được độ thoát. Ba sự ấy là gì? Chính là giới - định - tuệ. Do chúng sanh một bề trái giác, xuôi trần, luân hồi sáu nẻo, nay muốn cho họ trái trần, hợp giác, tiến lên chứng được Niết-bàn. Nếu không có giới thì do không bị trói buộc ắt sẽ rong ruổi theo trần cảnh bèn khởi hoặc tạo nghiệp. Nếu không có định thì sóng thức dâng trào, tâm làm sao vô sở trụ cho được? Nếu không có tuệ thì do đâu mà chứng triệt để được chân tâm sẵn có, các vọng hoặc huyễn khởi biết nhờ đâu để diệt nhanh chóng cho được? Vì thế kinh Lăng-nghiêm dạy: "Nhiếp tâm là giới, nhân giới sanh định, nhân định phát tuệ, đây chính là tam vô lậu học." Phải biết ba pháp này cả ba đều là một, hoàn toàn là một nhưng lại là ba, chớ nói giới chỉ là nền tảng ban đầu của định và tuệ! Phàm luật nghi giới giữ cho thân không vi phạm thì có thể gọi là "nền tảng ban đầu", nhưng định kết hợp với giới giữ cho vọng tâm chẳng khởi; đạo kết hợp cùng giới thì nghiệp tận tình không, thấu tột lẽ chân, trí sáng suốt, há chẳng phải là công dụng toàn thể lớn lao của định tuệ, há có nên coi giới chỉ là nền tảng ban đầu mà thôi ư? Định kết hợp với giới hay đạo kết hợp với giới vẫn lấy luật nghi làm bản thể; nhưng do công dụng trì giới sâu hay cạn mà lập ra hai tên, chứ ngay từ ban đầu nào có giới bổn được nói riêng rẽ ư? Người đời thường bàn luận về luật nghi, nhưng chẳng hề biết đến ý nghĩa lớn lao chế định giới của Như Lai nên xem thường; nhưng chân giới, chân định, chân tuệ, không gì chẳng từ sự nghe để un đúc mà đạt được, thật đáng than thở vậy!

Pháp đạo của Như Lai phạm vi rộng lớn trọn khắp mười giới, tuy những vị hoằng pháp Đại sĩ ai nấy đều tam học viên minh (hiểu rõ thông suốt giới định tuệ), nhưng tạo lập môn đình, mỗi một vị không thể không có một pháp chuyên

chú riêng. Nếu chuyên chú nơi "chỉ, tác, trì, phạm"[711] thì gọi là luật; nếu chuyên chú nơi tu quán, giảng diễn thì gọi là giáo; nếu chuyên chú tham cứu bản lai để mong triệt ngộ thì gọi là tông. Tông mang tên là "giáo ngoại biệt truyền" (truyền riêng ngoài giáo), nhưng luật - giáo chính là "giáo nội chân truyền". Nói "biệt truyền" là nhằm làm cho con người thấy được bản thể nằm ngoài ngôn ngữ, chứ không có nghĩa là tông vượt ra khỏi giáo lý. Thử nhìn xem, đức Thế Tôn cầm cành hoa giơ lên, Ca-diếp mỉm cười, quang cảnh nơi bổn địa triệt để hiển lộ trọn vẹn. Hiểu được điều này thì tất cả hình sắc trong thế gian không gì chẳng phải là cành hoa đức Thế Tôn đã giơ lên, không gì chẳng làm cho con người thấy thấu triệt bản lai diện mục trước khi được cha mẹ sanh ra. Huống chi vô thượng diệu pháp được tuyên nói bởi kim khẩu của Như Lai lại chẳng phải là cành hoa ấy, lại chẳng thể làm cho con người đích thân thấy được bản lai diện mục hay sao? Thế nhưng, trời người trăm vạn, dù thấy đức Thế Tôn giơ cành hoa lên nhưng hết thảy đều ngơ ngác, cũng như đang cỡi trâu lại đi tìm trâu, trọn chẳng thể tìm được. Nếu biết "trực hạ tiện thị"[712] sẽ thành tựu ngay trong hiện tại biết bao nhiêu, đỡ tốn sức biết bao nhiêu. Do họ mê chẳng biết quay trở lại giống như cái đầu của chàng Diễn-nhã[713], vô cớ phát cuồng bỏ chạy, hạt châu trong chéo áo mà oan uổng chịu bần cùng. Thật đáng buồn thay!

Phải biết dù là luật, là giáo, hay là tông, phải toàn vẹn ba điều này mới hòng tiếp nối huệ mạng Phật, truyền được pháp đạo của Phật. Nếu thiếu khuyết thì trên chẳng đủ để chứng Vô thượng Bồ-đề, dưới chẳng đủ để độ hết thảy hàm thức. Lô-xá-na Phật[714] lấy giới làm thể, do không điều ác nào chẳng tận nên gọi là *tịnh*,

---

[711] "Chỉ, tác, trì, phạm": Thuật ngữ của Luật tông. *Chỉ* là ngăn cấm, *tác* là nên làm, nên thực hành. *Trì* là giữ giới, *phạm* là vi phạm, phạm giới. Lấy giới "không uống rượu" làm thí dụ, thì: không uống rượu là chỉ. Người thọ giới chớ uống rượu, đó là điều người ấy nên làm (tác). Vâng giữ giới ấy là trì, uống rượu là phạm. Nói rộng hơn, dưới một điều kiện nào đó, dẫu làm điều bị ngăn cấm, nhưng vẫn không bị coi là phạm nếu có lý do chánh đáng. Chẳng hạn, do bệnh tật phải uống thuốc có chất rượu thì phải bạch cùng tăng chúng, thì không phạm giới. Khi hết bệnh không được uống chất rượu nữa (dù là chất rượu rất nhẹ, như bia cũng không nên uống).

[712] Trực hạ tiện thị (còn gọi "đương hạ tức thị"): Thuật ngữ nhà Thiền, có thể hiểu đại lược là từ ngay nơi sự vật thấy được chân tánh, từ ngay nơi cái tâm phàm phu huyễn vọng thấy được Phật tánh chân thường v.v.. Hễ thấy được thì ngay khi đó bèn giải ngộ Phật tâm, bèn chứng được lý tức Phật.

[713] Trong kinh Lăng-nghiêm có chuyện chàng Diễn-nhã soi gương thấy cái đầu của chính mình bèn sợ hãi đến nỗi phát cuồng. Phật dùng chuyện này để ví cho tâm điên đảo cuồng vọng của chúng sanh.

[714] Lô-xá-na: Thông thường, danh hiệu này được hiểu là tên gọi tắt của Phật Tỳ-lô-giá-na, còn được phiên là Lô-giá-na, Lưu-xá-na, hoặc dịch nghĩa là Tịnh Mãn. Tông Hoa Nghiêm coi Lô-xá-na chỉ là tên gọi tắt của Phật Tỳ-lô-giá-na. Theo tông này, Lô-xá-na dùng để chỉ báo thân Phật, còn Tỳ-lô-giá-na là tên hiệu của vị giáo chủ thế giới Hoa Tạng. Nhưng tông Thiên Thai

do không điều thiện nào chẳng trọn vẹn nên gọi là *mãn*, đoạn ác tu thiện chính là hành trì hai thứ chỉ và tác vậy. Luật là Phật thân, giáo là Phật ngữ, tông là Phật tâm. Ba thứ thân - ngữ - tâm quyết khó tách rời, quyết khó thể thiếu nhau. Nếu không, một cánh khó bay, một bánh xe khó lăn, muốn tự lợi lợi tha lại càng khó được như nguyện.

Kim Sơn là đạo tràng trứ danh hơn một ngàn năm qua, tuy tu trọn ba pháp nhưng chuyên chú nơi tông, vì thế xưa nay những bậc đại triệt đại ngộ ở đấy không biết bao nhiêu mà kể. Cứ cách vài năm lại truyền giới một lần, một là để kế thừa quy mô lớn lao trước kia của Phật, hai là làm gương mẫu tốt lành cho hàng hậu học. Cựu trụ trì Thanh Công và trụ trì Dung Công đều là bạn cũ mấy mươi năm trước, mùa thu năm nay lên núi ngắm cảnh, hai vị khẩn khoản lưu lại nghỉ đêm, nhân đó cho biết chúng thường trụ nơi ấy định mở đàn truyền giới vào năm sau, sai Quang viết lời tựa để phát huy ý nghĩa. Đối với tông, đối với giáo, đối với luật, Quang đều chẳng có tâm đắc gì, làm sao đảm nhận nổi lời phó chúc? Chỉ đành đem những gì đã lãnh hội hằng ngày từ Phật, tổ, cổ đức qua sự thấy biết hèn tệ của mình trình bày tóm lược cho xong trách nhiệm.

Kinh Di Giáo nói: "Hàng tỳ-kheo các ông sau khi ta diệt độ, nên tôn trọng trân kính ba-la-đề-mộc-xoa[715], như trong tối gặp được ánh sáng, như người nghèo được của báu. Nên biết đấy chính là đại sư của các ông, giống như ta trụ thế chẳng hề khác gì!" Kinh Phạm Võng dạy: "Ta là Phật đã thành, các ông là Phật chưa thành. Nếu tin được như thế thì giới phẩm đã đầy đủ." Lại nói: "Chúng sanh nhận lãnh giới của Phật tức là đã dự vào địa vị của chư Phật, địa vị đã giống với Đại Giác, thật sự là con của chư Phật." Xin các Phật tử thọ giới ai nấy hãy tự biết mình vốn đã là Phật, do mê trái nên đâm ra dùng sức công đức Phật tánh ấy để luân hồi sáu nẻo, bị các sự khổ cùng cực.

Như Chuyển Luân Thánh Vương mộng thấy mình là con kiến, lần theo mùi tanh tưởi dưới thềm, tự thấy mình thấp hèn, nhỏ nhoi, chứ thân vua nằm trên giường vẫn y như cũ chẳng bị mất. Đến khi tỉnh giấc, mới biết là huyễn mộng

---

chủ trương Tỳ-lô-giá-na là pháp thân Phật, còn Lô-xá-na là báo thân Phật, Phật Thích-ca là ứng thân Phật. Trong kinh Phạm Võng, chính Phật Thích-ca cầu báo thân Phật Lô-xá-na nói ra các giới pháp, nhất là giới Bồ-tát.

[715] Ba-la-đề-mộc-xoa (Pratimoksa) có nghĩa là giới luật của chúng xuất gia để ngăn ngừa những lỗi ác nơi thân khẩu ý. Chữ này được dịch nghĩa là tùy thuận giải thoát, xứ xứ giải thoát, biệt biệt giải thoát, biệt giải thoát, tối thắng, vô đẳng học v.v.. Giới này phòng hộ các căn, tăng trưởng thiện pháp nên lấy chữ ba-la-mộc-xoa (pramukha nghĩa là cánh cửa ban đầu dẫn vào thiện pháp) làm ý nghĩa chính. Vì thế gọi là ba-la-đề-mộc-xoa. Giới Luật này bao gồm 8 giới tụ như ba-la-di, tăng tàn, bất định, xả đọa, đơn đọa, ba-la-đề đề-xá-ni, chúng học, diệt tránh.

biến thành thân con kiến, trọn chẳng có thật thể. Hết thảy chúng sanh cũng giống như vậy. [Chúng sanh là] Phật vốn chưa thành, nghiệp vốn là không, nhưng lầm tạo. Đề cao thánh cảnh, cam bề phàm ngu, nhường cho riêng mình đức Thích-ca Thế Tôn làm bậc trượng phu hùng mãnh, há chẳng đáng buồn quá đỗi ư? Nếu các Phật tử thọ giới ai nấy gắng công thì chẳng những không phụ một phen Dung Công khổ tâm truyền giới, mà còn có thể an ủi thánh ý của đức Như Lai một phen xuất thế chế giới vậy.

63. Lời tựa cho bộ Trừng Tín Lục Tu Bổ Cầu Cống từ huyện Cận đến Khưu Ải Trấn[716]

Cuộc sống người dân hằng ngày sự vụ đa đoan, nếu chẳng nhờ vào giao thông qua lại, đây kia đắp đổi nhau thì chẳng sự nào được thành, sanh kế cũng bị đoạn tuyệt theo. Do vậy, sửa sang đường sá chính là nhiệm vụ cấp bách của việc trị quốc bình thiên hạ. Vì vậy kinh Thi mới có câu: *"Chu đạo như chỉ, kỳ trực như thỉ"* (đường nhà Chu phẳng như mài, thẳng như mũi tên), kinh Thư mới có những câu như *"vương đạo đãng đãng, vương đạo bình bình"* (đường vua thênh thang, đường vua bằng phẳng). Nếu có kẻ bảo những câu ấy nhằm sánh ví nề nếp cai trị của nhà vua, chứ không phải nói về đường sá, thì hãy nghĩ thử xem: Nếu đường sá không tu bổ, chẳng những truyền phát hiệu lệnh bị trở ngại, đình trệ, mà nông, công, thương cổ[717] qua lại cùng những quan chức đến nhậm chức, đi công tác đều chẳng thể nhanh chóng toại ý được. Huống chi nếu không có những chuyện "như mũi tên, như được mài, thênh thang, bằng phẳng" thì dùng những điều đó để sánh ví nề nếp cai trị của vua thì có khác gì phỉ báng nề nếp cai trị của nhà vua hay chăng?

Do vậy, sách Chu Lễ [chép chuyện vua] lập ra chức Tư Hiểm Hầu, Nguyệt Lệnh còn ghi lệnh sửa sang đường sá. Đến như những vị chánh thần hộ quốc giúp dân như hai vị đại đế Đông Nhạc[718], Văn Xương thảy đều thị hiện làm chuyện này. Chẳng thấy hai ngài sửa cầu đắp đường có ích cho người đi, và sửa chữa

---

[716] Khưu Ải Trấn nằm về phía Đông thành phố Ninh Ba, tỉnh Chiết Giang.

[717] Cổ có nghĩa là khách buôn, lái buôn

[718] Đông Nhạc Đại Đế, danh xưng đầy đủ là Đông Nhạc Thái Sơn Thiên Tề Nhân Thánh Đại Đế, hoặc gọi tắt là Thiên Tề Vương, hoặc Thái Sơn Phủ Quân. Đông Nhạc chính là Thái Sơn trong Ngũ Nhạc. Theo Đạo giáo, Đông Nhạc Đại Đế là danh tướng Hoàng Phi Hổ thời Trụ Vương, tinh trung báo quốc, bị vua Trụ thảm sát. Thần Đông Nhạc chưởng quản phước, lộc, thọ của nhân gian, trừng phạt kẻ gian ác, đứng đầu Thập Điện Minh Vương. Ngài cũng là vị thần chủ tể âm ty địa phủ. Người Trung Hoa tin thần Đông Nhạc xử đoán công minh, không sai một mảy nên rất tôn trọng, nhằm dịp lễ vía vào mồng 1 tháng 10, mọi người nô nức cúng tế.

những con đường khúc khuỷu mấy trăm năm, bắc cầu cho ngàn vạn người qua lại đó sao? Hơn nữa, Trì Địa Bồ-tát do sửa sang, bồi đắp đường sá phẳng phiu nên chứng viên thông. Do vậy, biết tam giáo thánh hiền không ai chẳng chú trọng chuyện này.

Từ huyện Cận đi về phía Đông đến Khưu Ải Trấn hơn hai mươi dặm đường, đi qua những cây cầu lớn nhỏ tổng cộng có hai mươi ba cái. Xây dựng, tu bổ đã lâu, dần dần thấy hư hỏng. Người trong ấp là tiên sinh Mã Nguyên Bồi phát tâm sửa chữa vào năm ngoái. Do vậy bèn quyên mộ các thiện tín ai nấy bỏ ra tịnh tài và đích thân đứng trông coi thợ, để mỗi một cây cầu đều được khôi phục dáng vẻ cũ. Những chỗ nào sông to, nước sâu thì dựng thêm lan can đá để ngừa cho người đi đêm hôm và kẻ không mắt khỏi bị té ngã, tổng cộng tốn hơn hai ngàn đồng. Nay công việc đã xong, muốn đem công sá sửa chữa cầu và các khoản tiền quyên góp ghi chép đầy đủ vào sổ, đem in rồi gởi tặng để tỏ rõ lòng thành tín. Lại muốn cho người đọc biết được lợi ích nên xin Quang phát huy nghĩa ấy để cho ai nấy đều chú ý. Nhưng loại sách này đọc xong liền thành phế vật, cho nên bèn phụ thêm lời chú thích của tiên sinh Lục Đình Tiếp đối với sách Trị Gia Cách Ngôn của tiên sinh Chu Bách Lư và cuốn Thường Thức Tinh Hoa được ghi chép bởi Lão Thân Báo. Hai tác phẩm này đều có thể dùng để xử thế, trị gia, dạy con thật thiết thực cũng như là pháp để lúc nhỏ thì biết làm những gì thích đáng, lớn lên mong thành thánh thành hiền. Dụng tâm đáng gọi là chân thành, tha thiết. Nguyện những người đọc cùng lấy tâm này làm tâm mình thì lợi ích há có thể nghĩ bàn cho thấu được chăng?

64. Lời tựa sách Tịnh Độ Thích Nghi

Phật pháp sâu rộng, khác nào đại hải, hạng phàm phu sát đất ai có thể thấu nguồn tột đáy, một hơi nuốt hết cho được? Tuy nhiên, nếu sanh được tâm chánh tín sẽ tự có thể tùy phần tùy sức ai nấy được lợi ích. Ví như tu-la, hương tượng và các loài muỗi mòng uống nước biển cả, loài nào loài nấy đều được no bụng mới thôi. Như Lai xuất thế tùy thuận chúng sanh, vì họ thuyết pháp, khiến ai nấy đều được lợi ích cũng giống như thế. Nhưng chúng sanh thời mạt nghiệp chướng sâu nặng, thiện căn cạn mỏng, tâm trí hẹp kém, thọ mạng ngắn ngủi. Lại thêm tri thức hiếm hoi, tà ma ngoại đạo tung hoành, nếu tu những pháp môn khác mà muốn cho trong đời này đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử quả thật là chuyện rất khó, hiếm có. Chỉ có một mình pháp Tịnh độ chuyên cậy vào Phật lực cho nên chẳng cần luận đến đoạn chứng, chỉ dựa vào tín nguyện. Tín nguyện nếu

có đủ, dù là phường tội lớn cực ác sắp đọa địa ngục A-tỳ cũng vẫn có thể cậy vào sức thập niệm, chóng nhờ vào Phật từ tiếp dẫn vãng sanh.

Ôi, Như Lai đại từ phổ độ, chẳng bỏ sót một ai, chỉ có mỗi pháp này thật là chu đáo, thiết tha nhất. Do vậy Tây Thiên, Đông Độ, Bồ-tát, tổ sư, cao tăng, đại nho, không ai chẳng dùng pháp này để tự lợi lợi tha. Tất cả trước thuật cực kỳ rộng lớn, muốn tìm hiểu nguyên ủy nào phải là chuyện dễ dàng. Cư sĩ Vị Ngư Lâm Sư Thượng túc căn sâu dày, dốc lòng tu tịnh nghiệp, tận tâm chuyên tinh nghiên cứu đã nhiều năm, muốn hướng dẫn khắp các đồng nhân đều sanh về Tịnh độ, nên trích lấy những nghĩa trọng yếu từ các kinh luận, trước thuật Tịnh độ, soạn thành tác phẩm, như ghép các miếng da thành áo cừu, như gom hoa làm mật, quả thật thích hợp thời tiết, căn cơ, phô diễn biện tài khéo léo, soạn thành tất cả 57 thiên, đặt tên là Tịnh Độ Thích Nghi (cởi gỡ mối nghi về Tịnh độ). Lời lẽ ngắn gọn nhưng tinh xác, lý sâu nhưng rõ ràng, khiến người đọc không mối nghi nào chẳng cởi gỡ, dù nghĩa nào cũng đều phục. Do đây, chẳng muốn phát sanh lòng tin phát nguyện trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương cũng chẳng thể được!

Nhưng cư sĩ đã có thể tập hợp một hai câu, một tiết, một đoạn của tiền nhân, rồi lại dựa theo ý của mình kết hợp thành văn, sao không dùng văn của chính mình để phát huy? Ấy là vì muốn cho người đọc biết được những điều vừa nói ấy đều có xuất xứ. Tuy do chính mình soạn tập, nhưng quả thật trích từ kinh, luận, ngữ lục và các trước thuật, là những điều do Phật, Bồ-tát, tổ sư, các thiện tri thức đã nói, gây ảnh hưởng sâu cho người, gây xúc cảm thiết tha cho người, so với việc chuyên dùng lời lẽ của mình để trình bày thật hơn hẳn nhiều lắm. Trộm nghĩ, thuyết pháp cho bậc thượng trí thì dễ, bởi người trí hiểu được lý, không còn ngờ vực; như ngựa hay thấy bóng roi liền chạy[719], lúa tốt được mưa ngọt liền sum suê. Vì kẻ hạ ngu thuyết pháp cũng dễ, do tâm kẻ ấy không có thành kiến, tin tưởng hành theo ngay; như chất ngọt có thể trộn được, như lụa trắng dễ nhuốm màu. Chỉ khi nào vì kẻ trung căn thuyết pháp thì quả thật chẳng dễ, bởi lẽ tri thức của họ phức tạp, lộn xộn, tà chánh chẳng phân, thường hay dùng phàm tình suy lường thánh trí, dùng tục kiến (kiến giải thế gian) để lãnh hội chân lý. Dù nói đủ mọi thứ hướng dẫn, khơi gợi, họ vẫn cứ hoài nghi hết điều này sang điều khác. Do vậy phải đặt ra những câu vấn đáp đến hơn 57 lần, khiến cho những mối hồ nghi hết sạch, Phật lý được tỏ bày, người biết tốt xấu thảy đều tuân hành. Có thể nói

[719] Trong kinh Di Giáo, Phật từng ví người học đạo như ba hạng ngựa, ngựa giỏi thấy bóng roi người cưỡi vừa giơ lên đã chạy. Còn ngựa ngu đần, bướng bỉnh, roi đánh thấu xương vẫn chưa chịu chạy.

là tận tâm, chuyên tinh, dốc kiệt lòng thành, là bậc kiện tướng dẹp sạch nghi hoặc. Nhưng mọi mối nghi đã cởi gỡ, phải dũng mãnh phát đại chí, chỉ giữ mỗi một niệm thì tâm vương do Phật lực sẽ luôn tỉnh giác, giặc cướp phiền não không đất dung thân, muốn chẳng quy hàng cũng không được. Giặc cướp phiền não đã quy thuận sự giáo hóa của Phật thì tuy chưa ra khỏi Sa-bà đã không còn là người khách lâu ngày ở Sa-bà nữa; tuy chưa sanh Cực Lạc nhưng đã là khách quý cõi Cực Lạc. Như thế, trên chẳng cô phụ Phật giáo hóa, dưới chẳng phụ bạc tánh linh của chính mình. Đến cùng tột đời vị lai, cùng với hải hội đại chúng thân cận A-di-đà Phật trong cõi Tịch quang tịnh độ, há chẳng phải là bậc đại trượng phu hùng mãnh ư? Nguyện người thấy nghe đều gắng sức lên.

65. Lời tựa cho lần tái bản tác phẩm sớ giải kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật của ngài Thiện Đạo

Con người sống trong thế gian, họa phước, cát hung thay nhau xảy tới, nhưng bị tổn hại hay lợi ích chỉ là do con người khéo dùng tâm hay không. Chư Phật xót thương chính mình và hết thảy chúng sanh bị ba khổ, tám khổ, vô lượng các khổ bức bách não hại. Do vậy suy nghĩ khổ báo đang phải chịu là ác nghiệp từ đời quá khứ cảm thành, ác nghiệp đã tạo là do đối trước sáu trần cảnh, chẳng biết chúng như huyễn, như hóa, lầm khởi tâm tham sân si mà ra. Do vậy, biết phiền hoặc tham sân si chính là đại oán gia của hết thảy chúng sanh. Từ đấy dùng giới định tuệ đoạn tham sân si, khôi phục thiên chân sẵn có để thành vô thượng giác đạo. Như vậy ba khổ, tám khổ v.v. quả thật là người hướng dẫn tốt lành cho ba đời chư Phật, là duyên lành vô thượng để chúng sanh vĩnh viễn lìa các nỗi khổ, thường hưởng những sự vui.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật là đại pháp khiến cho khắp tất cả dù phàm hay thánh đều cùng trong một đời này vãng sanh Cực Lạc, dù đốn hay tiệm đều chứng Vô sanh nhẫn, cho đến viên thành Phật đạo. Do thánh thì tự lực đầy đủ, kiêm cậy vào Phật lực nên sự chứng nhập của họ thẳng chóng nhất, cho nên Hoa Tạng hải chúng cùng nguyện vãng sanh. Còn kẻ phàm thì cậy vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh, do vậy bèn siêu phàm nhập thánh, chứng địa vị Bất thoái, từ đấy tu dần dần cho đến khi viên mãn Bồ-đề mới thôi. Trong kinh này, phần nói về trung phẩm dạy về giới thiện, phước thế gian, hạ phẩm nói về chúng sanh tạo các ác nghiệp và ngũ nghịch thập ác sắp đọa địa ngục, do xưng niệm danh hiệu Phật bèn được vãng sanh, lực dụng như thế rộng sâu bậc nhất. Ấy là do vua A-xà-thế nương đại nguyện luân, thị hiện hạnh ác nghịch, giam cha, ngăn mẹ để phát khởi [nhân duyên giảng kinh này]. Bà mẹ vua nhàm lìa Sa-bà, phát nguyện

sanh về Cực Lạc, lại vì chúng sanh đời mạt, cầu pháp vãng sanh. Thế Tôn bèn nói ra mười sáu phép quán, quán tưởng y báo của cõi nước Tây Phương đủ mọi trang nghiêm, chánh báo là tướng hảo, oai đức của Phật, Quán Âm, Thế Chí và nhân lẫn quả của cửu phẩm vãng sanh.

Trong phần đầu của phép quán tượng thứ tám, đã nêu tỏ tông yếu như sau: "Chư Phật Như Lai là pháp giới thân, vào trong tâm tưởng của hết thảy chúng sanh. Do vậy, khi tâm các ông tưởng Phật thì tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp phụ. Tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Biển chánh biến tri của chư Phật từ tâm tưởng sanh. Vì thế, hãy nên nhất tâm hệ niệm, quán tưởng kỹ càng đức Phật ấy." Phải biết, quán tưởng pháp thân, thật lý rất sâu. "Tâm làm Phật, tâm là Phật" sự vốn bình thường, bình thường nhưng phi thường, rất sâu nhưng chẳng sâu. Người viên ngộ lẽ này mới gọi là bậc thông đạt. Trong phép quán mười ba, đặc biệt mở ra phương tiện môn cho hàng chúng sanh căn cơ kém cỏi, dạy họ quán thân tướng một trượng sáu hay tám thước[720]. Phép quán thứ mười sáu lại khiến cho kẻ ác nghiệp nặng nề, xưng ngay vào danh hiệu Phật, do xưng danh nên liền được vãng sanh. Do vậy, biết tướng có lớn nhỏ, Phật vốn chỉ là một. Quán không được thì xưng danh bèn được lợi ích. Từ chỗ này suy nghĩ kỹ, biết một pháp trì danh thật là bậc nhất! Hành nhân đời mạt muốn được quyết định vãng sanh ngay trong đời này há chẳng trân quý một hạnh trì danh này hay sao?

Xét từ khi kinh này được truyền sang đây, Trí Giả, Thiện Đạo, Thanh Lương, Linh Chi mỗi vị đều soạn sớ, về sau chỉ có mỗi bản sớ giải của ngài Trí Giả được lưu truyền, ba bản kia đều bị ẩn kín. Vào đời Quang Tự nhà Thanh, cư sĩ Dương Nhân Sơn từ Đông Doanh (Nhật Bản) thỉnh về bản chú giải kinh này của ngài Thiện Đạo. Bản sớ giải kinh Vô Lượng Thọ của ngài Huệ Viễn, bản chú giải Vãng Sanh Luận của ngài Đàm Loan đều là những pháp bảo đã bị ẩn mất từ lâu, nay đều được khắc in, lưu hành. Bản sớ giải của ngài Thiện Đạo không luận đến thâm ý đế quán, chỉ giải thích thẳng vào kinh văn để hàng căn cơ trung hạ dễ dàng thâm nhập. Đến khi đã thâm nhập thì chẳng nói đến đế quán nhưng tự nhiên hiểu

[720] Theo các kinh điển ghi chép, thời đức Phật tại thế, con người chỉ cao có tám thước [Tàu], đức Phật cao gấp đôi người thường, tức là một trượng sáu. Về sau, theo Quảng Hoằng Minh Tập và Pháp Uyển Châu Lâm, tại Trung Hoa có các quy định như tượng đứng cao một trượng sáu, tượng ngồi cao tám thước… Theo Wikipedia, một trượng khoảng 3.33 m. Một trượng bằng mười thước, như vậy một thước Tàu khoảng 33 cm (theo ngu ý, thời cổ, những đơn vị này phải nhỏ hơn nữa, vì nếu khi ấy, con người trung bình cao tám thước, tức khoảng 2.4m, quá cao, quá to lớn so với hiện thời!)

rõ phép đế quán. Có thể nói là khế lý khế cơ, khéo nói pháp yếu. Hóa thân của Phật Di-đà chẳng phải là lời đồn hư huyễn[721], vị tổ thứ hai của Liên tông, muôn đời kính ngưỡng. Hiềm rằng sách được lưu truyền đã lâu, sai ngoa quá nhiều, do đấy bèn lắng lòng giảo chánh kỹ càng để khắc lại vậy.

66. Lời tựa cho bài Phổ Thuyết Tam Quy Ngũ Giới tại nhà giam thứ nhất ở kinh đô trong ngày Nguyên Đán năm Giáp Tý

Tâm tánh của chúng sanh không khác gì chư Phật, nhưng do mê chưa ngộ nên làm chúng sanh lâu dài, phẩm Như Lai Xuất Hiện của kinh Hoa Nghiêm có câu: "Lạ thay, lạ thay! Hết thảy chúng sanh đều có trí tuệ, đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng, chấp trước thì nhất thiết trí, tự nhiên trí, vô ngại trí đều được hiện tiền." Phải biết trí tuệ, đức tướng và vọng tưởng, chấp trước chỉ trong một tâm, thoạt đầu vốn không phải là hai vật. Hễ mê thì toàn thể trí tuệ, đức tướng biến thành vọng tưởng, chấp trước; ngộ thì toàn thể vọng tưởng, chấp trước lại biến thành trí tuệ, đức tướng. Ví như nước kết thành băng, băng tan thành nước, tướng tuy có khác biệt, thể vốn chẳng hai. Hiểu rõ điều này thì ai chẳng nguyện đoạn hoặc nghiệp huyễn vọng, khôi phục tâm tánh sẵn có? Những chuyện như đề cao thánh cảnh, cam phận phàm ngu, chấp tánh phế tu, dùng kiến giải lầm lạc lấy phàm lạm thánh sẽ đều không thể do đâu mà sanh khởi được.

Kinh Thư nói: "Thánh mất niệm nên thành cuồng, cuồng khắc chế được ý niệm bèn thành thánh." Mạnh tử nói: "Ai cũng có thể là Nghiêu Thuấn, đạo của Nghiêu Thuấn chỉ là hiếu đễ mà thôi!" Do vậy biết, chẳng thể hành hiếu đễ để làm Nghiêu Thuấn, chẳng khắc chế ý niệm để thành thánh, chẳng thể khôi phục trí tuệ, đức tướng để trở thành Phật thì đều là hạng tự ruồng rẫy, tự vứt bỏ, chẳng chịu gắng sức thực hiện vậy! Như Lai lúc mới thành Chánh giác, vì khắp hết thảy phàm thánh nói Phạm Võng Kinh Bồ-tát Giới, có câu: "Các ông là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành. Thường tin tưởng như thế thì giới phẩm đã đầy đủ." Lại nói: "Chúng sanh nhận lãnh giới của Phật chính là đã dự vào địa vị chư Phật; địa vị giống như Đại Giác, thật sự là con của chư Phật vậy." Điều chánh yếu là muốn làm cho con người hiểu thấu suốt một niệm tâm tánh nhỏ nhoi này chính là cội gốc của đạo Bồ-đề do chính Như Lai đã chứng vậy. Đã biết như thế thì ai còn chịu thuận theo nhiễm duyên phiền não khiến cho bầu trời chân tánh thanh tịnh rốt ráo bị mây mê sương hoặc ngăn lấp nữa ư?

[721] Tương truyền ngài Thiện Đạo, Nhị tổ Tịnh độ tông, chính là hóa thân của Phật A-di-đà.

Lại khéo léo khuyên dụ dần dần để hàng căn cơ nhỏ trước hết thọ tam quy, đem thân tâm quy y Phật pháp tăng bảo, tự có thể phản vọng quy chân, trái trần hiệp giác, rồi dạy cho ngũ giới "không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu" thì những lời lẽ, hành vi thường ngày sẽ không phạm những tội lỗi, thân tâm thanh tịnh. Có những người phát tâm đại Bồ-đề thì lại dạy họ tiến lên thọ Bồ-tát đại giới, khiến cho lý sự viên dung, phước tuệ cùng tiến, hòng trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Kinh đô là chỗ đầu não của thiên hạ, vì thế tội phạm trong nhà tù rất đông, lại do thói đời ngày càng suy bại, chiến tranh, mất mùa liên tiếp, đến nỗi bọn lưu manh ngây ngô, phạm phải phép nước bị giam cầm trong ngục. Há phải đâu chỉ trói buộc làm khổ thân tâm họ, mà thật ra là muốn cho họ sửa lỗi đổi mới, trở thành lương dân tuân theo luật pháp. Lại do gần đây Phật học xương minh, chánh phủ đặc biệt mời những vị cao tăng thông đạt Phật pháp thường đến trại giam khai thị những ý nghĩa trọng yếu của Phật pháp và cái nhân gây ra sanh tử luân hồi, cũng như pháp liễu sanh thoát tử, ngõ hầu ai nấy đều biết tâm này là tâm Phật, ắt sẽ tự tuân hành hạnh Phật. Muốn liễu sanh thoát tử, mà chẳng tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương quyết khó được như nguyện.

Bọn họ nghe vậy như đối trước gương sáng, xấu tốt tự biết, như gặp mẹ hiền, mừng vui không gì ví dụ được. Tiếng kinh, danh hiệu Phật sáng tối không gián đoạn, biến nhà ngục thành đạo tràng, khiến bạn tù thành pháp lữ, quả thật là chuyện lạ từ xưa đến nay chưa từng nghe. Đủ chứng tỏ Phật pháp quả thật là lò nung lớn lao để nung phàm đúc thánh vậy, bất luận vàng cứng sắt chai đến đâu hễ bỏ vào trong ấy đều đúc thành tượng Phật, tượng Bồ-tát vi diệu trang nghiêm. Những ai bảo Phật pháp vô ích cho quốc gia, có hại cho đời, đều là những kẻ chưa thấy màu sắc đã bàn luận mù quáng, khiến mình tự lầm, làm người khác lầm lạc. Viên quan giám ngục do phát đại tâm, bèn đặc biệt thỉnh bậc pháp sư có đức vào ngày Nguyên Đán năm Giáp Tý, nói tam quy ngũ giới cho khắp các Phật tử trong nhà giam, ngõ hầu họ dùng quy giới chế phục thân tâm, khiến cho vọng tưởng, chấp trước không hề còn nữa, trí tuệ, đức tướng sẽ được triệt để phô bày trọn vẹn. Hàng Phật tử các ông thoạt đầu đã phạm quốc pháp đến nỗi bị cầm tù, kế đến do được nghe Phật pháp liền nhiễm Phật hương, trở thành pháp khí của Phật. Do nhân duyên ác trở thành nhân duyên thiện, nếu chẳng phải là đã trồng thiện căn từ nhiều kiếp, vạn phần chẳng được may mắn như thế này đâu!

Ví như bảo châu ma-ni có thể thỏa ý người mưa ra khắp các món báu, do không hay biết nên quăng trong hầm xí, chẳng những không có công năng mưa

ra các báu, mà thể chất còn chẳng khác gì những vật nhơ. May gặp được người trí biết là của quý báu nhất, vào nhà xí nhặt ra, gột rửa đủ cách, lại dùng hương xông để khôi phục lại tánh chất sẵn có. Sau đấy, treo trên tràng cao, châu lại phóng quang minh, tùy ý người cần gì bèn mưa ra khắp các báu. Phật thấy hết thảy chúng sanh cũng giống như vậy. Do đó, dẫu kẻ mê đến cùng cực, làm đủ mọi chuyện ác nghịch, như vua Ca-lợi cắt chặt thân thể, hoàn toàn không có một niệm buông bỏ, mà vẫn thường tìm cơ hội để chỉ dạy, khơi gợi, khiến cho họ được độ thoát. Ấy là vì Phật chỉ xem trọng Phật tánh, còn hết thảy tội cấu ác nghịch ngài chẳng buồn xét đến. Nếu các ông hiểu được những điều vừa nói trên đây dù là pháp hay ví dụ, ắt sẽ tự chẳng cô phụ Phật giáo hóa, chẳng phụ bạc tánh linh của chính mình, mà một phen hậu ý của chánh phủ, của giám ngục quan, của vị tăng thuyết pháp, thuyết giới cũng chẳng bị trở thành uổng công. Lại mong ai nấy nỗ lực tấn tu thì may mắn lắm thay!

67. Lời tựa khắc kinh Kim Cang lên đá

Kinh Kim Cang là tiêu chuẩn để phát tâm Bồ-đề, hành đạo Bồ-tát, thượng cầu hạ hóa, kinh dạy: "Hết thảy các loài chúng sanh, ta đều làm cho họ nhập vô dư Niết-bàn để được diệt độ, nhưng vô lượng vô số vô biên chúng sanh được diệt độ như vậy thật ra chẳng có một chúng sanh nào được diệt độ!" Bởi lẽ tâm tánh của chúng sanh xét ngay trên bản thể đã là vô dư Niết-bàn, chỉ vì mê nên huyễn vọng tạo thành tướng sanh tử luân hồi. Giống như say thấy nhà xoay, nhà thật ra không xoay; mê cho là phương hướng đổi dời, phương hướng thật ra chẳng chuyển. Chẳng qua vì họ đặc biệt chỉ bày khiến cho họ khôi phục lại cội nguồn sẵn có mà thôi. Nói: "Chỉ hết phàm tình, chứ không có thánh giải; chỉ có trừ đi pháp ngăn lấp, chứ không có pháp làm cho sáng tỏ", chính là diễn tả ý trên vậy.

Lại dạy chẳng trụ vào *sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp* để hành bố thí. Bố thí đứng đầu lục độ vạn hạnh; kinh văn giản lược, chỉ nêu bố thí làm thí dụ. Nếu chẳng trụ vào tướng để thực hành lục độ vạn hạnh thì tam luân thể không, nhất đạo thanh tịnh, lìa trọn vẹn phàm tình thánh kiến "ta, người, chúng sanh, thọ giả", chứng trọn vẹn chân như diệu tâm thường - lạc - ngã - tịnh. Không trụ vào đâu để sanh tâm, không có gì để đạt được mà thành Phật, thật đúng là vô thượng diệu pháp để ba đời chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, tu trọn vạn hạnh nhưng một pháp chẳng lập. Vì thế người thọ trì phước đức quả báo chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, danh nhân xưa nay đa phần đều thọ trì, biên chép kinh này, ấy là vì muốn cho dân chúng đều lần lượt được hiểu đạo tự giác này. Cư sĩ Hưu Tử Đường Thiên Tước xưa có linh căn dốc lòng tin tưởng Phật pháp, kiến địa cao

siêu, thư pháp tinh diệu, riêng viết kinh này, cho khắc đá để lưu truyền, hòng tiếp nối chí hướng, sự nghiệp của các vị Âu Dương Tuân, Triệu Mạnh Phủ, Đổng Kỳ Xương[722]. Công đức ấy chỉ có Phật mới biết được, do vậy chẳng nề hà hèn kém, lược thuật nghĩa kinh để thưa cùng người đọc, ngõ hầu cùng lên được bờ giác.

68. Lời tựa khắc in lưu thông cuốn Phật Di Giáo Kinh Giải

Phật ân rộng lớn, trọn khắp chẳng cùng tận vậy thay! Vì sao nói thế? Do hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật. Chỉ vì mê chưa ngộ nên đến nỗi ngược ngạo dùng sức công đức của Phật tánh để lầm lạc khởi tham sân si nơi sáu trần cảnh, tạo giết trộm dâm. Do hoặc tạo nghiệp, do nghiệp thọ báo, trải bao kiếp lâu xa thường bị luân hồi sáu nẻo, trọn chẳng có lúc ra. Phật trong kiếp xưa biết điều này rồi, liền phát đại nguyện, muốn cho hết thảy chúng sanh tận hư không trọn pháp giới đều cùng ngộ Phật tánh vốn sẵn có, cùng thoát sanh tử luân hồi, cùng thành vô thượng giác đạo, cùng nhập vô dư Niết-bàn. Do vậy, vì khắp pháp giới chúng sanh trải bao nhiêu kiếp lâu xa hành đạo Bồ-tát, chỉ cần điều gì

---

[722] Âu Dương Tuân (557-641), tự Tín Bản, người xứ Lâm Tương, Đàm Châu (nay thuộc huyện Trường Sa, tỉnh Hồ Nam), là một nhà thư pháp lỗi lạc sống vào thời Tùy Đường, sở trường về lối viết chữ khải. Tài thư pháp của ông nổi tiếng đến nỗi vua Cao Ly từng sai sứ sang xin chữ. Tác phẩm thư pháp tiêu biểu của ông là Hóa Độ Tự Bi (bia chùa Hóa Độ), Văn Ngạn Bác Bi. Lối viết chữ khải của ông được coi là mẫu mực, được người sau sưu tập cho khắc thành sách để các nhà thư pháp phỏng theo luyện tập.

Triệu Mạnh Phủ (còn đọc là Thiếu, hay Triệu) (1254-1322) tự Tử Ngang, hiệu Tùng Tuyết, biệt hiệu là Tùng Tuyết Đạo Nhân, người xứ Âu Ba, Hồ Châu, tỉnh Chiết Giang, cũng là một nhà thư pháp nổi tiếng vào đời Tống. Ông xuất thân từ hoàng tộc, thông minh dĩnh ngộ từ nhỏ, sách nhìn qua một lượt liền thuộc ngay, thông hiểu văn chương nghệ thuật sâu sắc. Ông cũng lãnh ngộ Phật học rất khá. Do cuối đời Tống, các nhà thư pháp chú trọng viết cho bay bướm, không thể hiện được chí khí qua thư pháp, nên họ Triệu đề nghị khôi phục phong cách cổ, lấy phong cách viết chữ của Vương Hy Chi làm mẫu mực. Về loại chữ khải, ông đề nghị dùng cách viết trong bài Lạc Thần Phú của Vương Hy Chi, lối chữ thảo học theo cách viết trong Thập Thất Thiếp cũng của Vương Hy Chi. Triệu Mạnh Phủ nổi tiếng nhất về tài viết chữ theo lối khải và hành. Tương truyền, mỗi ngày ông có thể viết được một vạn chữ, chữ nào cũng tài tình, mạnh mẽ

Đổng Kỳ Xương (1555-1636): là một nhà thư họa nổi tiếng thời Minh, tự Huyền Tể, hiệu Tư Bạch, Tư Ông, biệt hiệu là Hương Quang, người xứ Hoa Đình, Tùng Giang (nay thuộc huyện Tùng Giang, Thượng Hải). Ông đậu tiến sĩ thời Vạn Lịch, từng đảm nhậm các chức Biên tu, Hồ châu phó sứ, Thái thường tự khanh, Lễ bộ thị lang, Nam kinh lễ bộ thượng thư v.v.. Tài vẽ và viết chữ của ông nổi tiếng suốt cuối đời Minh, đầu đời Thanh. Ông sở trường vẽ sơn thủy. Người đời sau khen nét bút của ông an nhàn, ôn hòa, trong sáng, mới mẻ, tú lệ. Ông thường vẽ tranh sơn thủy bằng bút mềm, sinh động nhìn mãi không chán. Tác phẩm nổi tiếng nhất là Đồng Quan Phố Tuyết Đồ. Ông cũng để lại một số trước tác như Họa Thiền Thất Tùy Bút, Dung Đài Tập, Họa Chỉ, Họa Nhãn v.v..

có lợi ích thì không gì chẳng hưng khởi đề cao, tu trọn lục độ nhưng chẳng chấp vào một pháp nào, làm được hạnh khó làm, nhẫn được điều khó nhẫn. Hành bố thí thì quốc thành, vợ con, đầu, mắt, tủy, não đều chẳng tiếc nuối. Do đó kinh Pháp Hoa nói: "Ta thấy Thích-ca Như Lai trong vô lượng kiếp, hành hạnh khó, hạnh khổ, tích công chứa đức, cầu đạo Bồ-đề chưa từng ngưng nghỉ. Xem khắp tam thiên đại thiên thế giới, thậm chí chẳng có chỗ nào chừng bằng hạt cải chẳng phải là nơi Bồ-tát xả thân mạng vì chúng sanh. Sau đấy mới thành đạo Bồ-đề." Chỉ một hạnh bố thí này dẫu thọ một kiếp còn chẳng thể nói trọn được, huống chi những thứ khác như trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cũng như tứ nhiếp[723], vạn hạnh nữa ư? Đến khi hoặc nghiệp hết sạch, phước tuệ viên mãn, chứng thấu suốt tự tâm, thành vô thượng đạo, vì khắp chúng sanh nói ra pháp Phật đã chứng là vì muốn cho họ đều cùng đắc pháp ngài đã đắc.

Nhưng vì thượng căn ít ỏi, trung hạ lại nhiều, nên Phật bèn tùy cơ lập giáo, khiến cho ai nấy tùy phận được lợi ích. Đến khi một kỳ sự nghiệp đã xong, liền nhập Niết-bàn, nhưng vẫn chẳng bỏ lòng đại bi, thị hiện thành Chánh giác trong những thế giới phương khác để tế độ. Thị hiện sanh trong cõi này và thế giới phương khác như vậy cố nhiên chẳng thể dùng toán số, thí dụ để diễn tả được nổi. Ví như mặt trời sáng rỡ, vì chiếu cõi đời, mọc lặn chẳng đứng yên. Cũng như người lái thuyền vì để chở người nên qua lại không ngừng. Nếu xét theo chuyện xuất thế lần này thì Phật giáng thế vào năm 26 đời Chu Chiêu Vương[724], 19 tuổi xuất gia, 30 tuổi thành đạo, giảng kinh hơn 300 hội. Do vì không căn cơ nào

---

[723] Tứ nhiếp pháp (catvāri samgraha vastūni) là bốn phương cách Bồ-tát dùng để lôi kéo chúng sanh, khiến họ sanh tâm thân ái hòng dẫn nhập Phật đạo, gồm:

1. Bố thí nhiếp, còn gọi là bố thí tùy nhiếp phương tiện, huệ thí, tùy nhiếp phương tiện v.v., tức là dùng tâm thấy không có sự bố thí và lãnh nhận để bố thí pháp cũng như tài thí. Cách thực hiện là tùy theo chúng sanh ưa thích của cải hay đạo pháp mà tùy hỷ thí cho, không hề sanh chấp trước vào việc bố thí ấy.

2. Ái ngữ nhiếp, còn gọi là năng nhiếp phương tiện, ái ngữ nhiếp sự, ái ngữ nhiếp phương tiện, ái ngôn, ái ngữ v.v., nghĩa là tùy theo căn tánh của chúng sanh mà khéo léo khuyên dụ họ hướng về đạo Bồ-tát.

3. Đồng sự nhiếp, còn gọi là tùy thuận phương tiện, tùy chuyển phương tiện, đồng lợi, đồng hạnh, đẳng lợi, đẳng dữ v.v., nghĩa là thân cận chúng sanh cùng hưởng khổ vui giống như thế, rồi lại dùng pháp nhãn quán sát họ ưa thích gì bèn thị hiện điều ấy khiến cho họ được lợi ích, cùng nhập đạo.

4. Lợi hành nhiếp, còn gọi là lợi ích nhiếp, độ phương tiện, lợi nhân hay lợi ích, có nghĩa là dùng thiện hạnh nơi thân khẩu ý lợi lạc chúng sanh, khiến họ yêu thích đạo pháp.

[724] Chu Chiêu Vương (Cơ Hà) làm vua từ năm 979 đến 961 trước Công Nguyên, như vậy ông chỉ làm vua 19 năm. Không rõ chỗ này nguyên bản có bị khắc lầm Mục Vương thành Chiêu Vương hay không?

chẳng gồm thâu, không pháp nào chẳng trọn vẹn; lại do hạng trung hạ căn tự lực yếu hèn, chẳng thể thoát sanh tử ngay trong một đời này, dù có tu trì nhưng phiền hoặc chưa đoạn, nếu thọ sanh lần nữa sẽ bị mê mất rất nhiều. Do vậy, riêng mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, khiến cho dù thánh hay phàm, dù ngu hay trí đều cùng trong đời này vãng sanh Tây Phương. Kẻ thượng căn mau thành Phật đạo, kẻ trung hạ vĩnh viễn thoát luân hồi. Quả thật là đạo thông đạt để ba đời chư Phật phổ độ chúng sanh, là diệu pháp để chúng sanh trong chín giới mau chứng Phật quả. Nhưng chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chí thành khẩn thiết trì danh hiệu Phật để cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, bất luận công phu sâu cạn, hoặc nghiệp nặng nhẹ, không ai chẳng được Phật nhiếp thọ mang nghiệp vãng sanh, như thuyền cứu người chết đuối không hề chọn lựa. Chỉ những kẻ tín nguyện chẳng thật, tâm hạnh trái nghịch với Phật là không được Phật tiếp dẫn.

Phật nghĩ thương chúng sanh từ vô thỉ trước đến tận vị lai sau, trên lên đến bậc Đẳng giác Bồ-tát, dưới đến lục đạo phàm phu, không một ai chẳng thuộc vào đại bi thệ nguyện mênh mông. Ví như hư không bao hàm hết thảy, sâm la vạn tượng cho đến trời đất thảy đều chứa đựng hết. Cũng như nhật nguyệt chiếu khắp muôn phương, dẫu kẻ mù từ lúc lọt lòng chẳng thấy được ánh sáng cũng vẫn được ánh mặt trời, mặt trăng chiếu đến mà được làm người. Nếu không có ánh mặt trời chiếu rọi ắt chẳng có duyên sống còn, nào phải chỉ những người tự thấy được ánh sáng mới được nhờ ơn ư? Những kẻ thế trí biện thông cậy vào kiến giải câu nệ, hẹp hòi, chê bai Phật pháp, cho là có hại cho thánh đạo, bịp đời, dối dân, trọn chẳng khác gì kẻ mù từ lúc lọt lòng chửi mặt trời, cho là mặt trời không có ánh sáng vậy! Hết thảy ngoại đạo đều trộm lấy ý nghĩa trong kinh Phật cho là chính mình có, lại còn trộm lấy những danh từ của Phật pháp để hành tà pháp. Do vậy biết Phật pháp chính là gốc đạo của hết thảy pháp thế gian, xuất thế gian vậy.

Ví như biển cả chảy ngầm dưới đất, những chỗ nó tưới tắm, chảy lộ ra ngoài chính là vạn con sông; nhưng vạn con sông, không con nào chẳng đổ vào biển cả. Những kẻ báng Phật kia đâu phải là báng Phật, mà chính là tự báng mình đấy chứ! Bởi lẽ một niệm tâm tánh của họ toàn thể là Phật nên Phật mới thuyết pháp giáo hóa đủ cách như thế, mong cho họ bỏ mê quy ngộ, tự chứng được Phật tánh sẵn có mới thôi. Do Phật tánh quan trọng nhất, đáng mến tiếc nhất, nên Phật chẳng tiếc công sức như thế. Dù kẻ ấy chẳng tin nhận thì cũng chẳng nỡ buông bỏ. Nếu chúng sanh chẳng sẵn đủ Phật tánh, chẳng kham làm Phật, Phật cứ uổng công lập bày như thế, hóa ra nếu chẳng phải là gã khờ bậc nhất trong thế gian thì cũng là

gã đại vọng ngữ bậc nhất trong thế gian ư? Thiên long bát bộ, tam thừa thánh hiền há chịu hộ trì, y chỉ Phật hay sao?

Kinh Phật Di Giáo chính là di chúc khi sự nghiệp một đời đã xong xuôi, sắp nhập Niết-bàn, Phật thiết tha dặn dò hàng đệ tử và hết thảy chúng sanh. Văn tự tuy giản lược, nhưng nghĩa lý thật chu đáo, kinh dạy tôn trọng kính quý ba-la-đề-mộc-xoa như tôn trọng kính quý đức Thế Tôn. Nếu tôn trọng giới luật của Phật như vậy thì sẽ như thường ở sát bên Phật, không xa cách chút nào. Do vậy Phật dạy: "Phải biết đây chính là đại sư của các ông, giống như ta đang ở trong đời chẳng hề khác gì!" Tiếp đó, kinh nói đến giới tướng, lợi ích trì giới, những tổn thất do không trì giới, và những pháp chế tâm, ăn uống có chừng mực v.v., dặn dò cặn kẽ nhiều lượt, không điều nhỏ nhặt nào chẳng nhắc tới. Dẫu là mẹ hiền sắp sửa qua đời, vì con cái tính kế cũng chẳng thể chu đáo được như vậy. Thật có thể nói là đổ tim, đổ gan, mỗi một chữ là một bụm máu. Là đệ tử Phật, nên nỗ lực tu trì như thế nào để khỏi phụ lòng Phật mong mỏi, người chưa biết Phật pháp phải nên cảm kích hành theo như thế nào để khỏi cô phụ ơn sâu ấy. Những lời ấy dường như chuyên dạy cho hàng tỳ-kheo, nhưng thật ra ngụ ý dạy trọn khắp hết thảy phàm thánh trong chín pháp giới, không sót một ai. Bởi lẽ bậc viên đốn thọ pháp, không pháp gì chẳng viên, Phật dùng một âm thanh nói pháp, chúng sanh tùy loại đều hiểu, há lẽ di giáo sáng rỡ này chẳng thích ứng với tam hiền thập thánh sao? Nhưng Phật xem hết thảy chúng sanh đều như con một, ngay trong lúc sắp nhập diệt ấy, nỡ nào chẳng khuyến khích, khuyên lơn thêm ư? Những kẻ bàn luận trong đời sau, đa phần cho rằng kinh này dành cho hạng căn cơ nhỏ nhoi và chỉ răn dạy riêng cho hàng tỳ-kheo, khiến cho tâm quang chiếu khắp chín pháp giới rốt cuộc trở thành những giáo huấn dành cho hạng xuất gia Tiểu thừa, chẳng đáng đau tiếc ư?

Cư sĩ Trần Nguyên Tôn túc căn sâu dày, học vấn uyên bác, thuở đầu chưa thấy được kinh Phật cũng noi dấu bọn Hàn, Âu, Chu, Trình, mấy năm gần đây mở đọc kinh Phật mới biết Phật là thánh nhân của các thánh, là trời đối với các trời, tất cả ngôn giáo không gì chẳng phù hợp Nho giáo, dùng để bình trị cõi đời thì đạo cách vật trí tri, chánh tâm thành ý, tu tề trị bình mới được viên mãn rốt ráo. Bởi lẽ Nho giáo chỉ nói đến đời này, còn Phật bàn trọn vẹn ba đời. Nếu thật sự biết nhân quả ba đời, dù hằng ngày chẳng muốn cầu lấy cách vật trí tri, thành ý chánh tâm tu thân cũng chẳng được! Trong đời những kẻ miệng nói phải, tâm sai trái, làm ra vẻ hiền lành nhưng ngầm làm ác đều là vì không biết "tâm thông pháp giới" cũng như không biết nhân quả ba đời mà ra. Nếu như biết thì dù là

hạng cực hèn kém, cũng chẳng chịu đối trước gương sáng hiện các tướng xấu, để chịu xấu hổ vậy.

Tiếc rằng cõi đời phần nhiều không biết, đến nỗi chính mình an hưởng phú quý, sang cả, lại sai giết người đầy thành, ngập ruộng, chẳng thương xót mảy may. Than ôi, đau đớn thay lòng người đời mạt! Tàn nhẫn đến cùng cực! Nếu không có thuyết nhân quả ba đời của Như Lai thì những kẻ được hết tuổi thọ mới chết cũng sẽ hiếm hoi lắm. Nếu có muốn xuất thế cũng chẳng cần phải làm phương cách chi khác, chỉ cần y theo ngôn giáo của Phật đối trị phiền não tập khí cho hết sạch không còn sót thừa gì thì dù thân ở trong cảnh tục, vẫn chẳng ngại đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử, hướng đến Phật quả, giống như cư sĩ Duy-ma ở Tây Thiên và đại sĩ Phó, trưởng giả Lý, cư sĩ Bàng v.v. ở cõi này. Nếu như không đủ sức thì còn có một pháp cậy Phật từ lực vãng sanh Tây Phương để nhờ cậy được. Há phải đâu hết thảy mọi người đều phải bỏ cõi tục xuất gia mới là đệ tử Phật ư? Những kẻ nào nói Phật pháp vứt bỏ luân lý, trái nghịch thánh giáo đều là do chưa đọc kinh Phật, chẳng biết vì sao Phật thành Phật, lầm lạc dùng ý kiến ức đoán của phàm phu để phán đoán hồ đồ.

Do vậy nói, muốn rốt ráo vãn hồi thế đạo nhân tâm mà không đề xướng, xương minh Phật pháp sẽ không thể được! Ông Trần Nguyên Tôn cảm kích ân Phật thật sâu đậm, thiết tha, lại muốn cho hết thảy đồng nhân cùng biết đến ân Phật, đem kinh Phật Di Giáo, dùng lời lẽ phổ thông để chú thích ý nghĩa, ngõ hầu chánh khách, giới học thuật, thương gia, nông gia, nhân sĩ các giới đều được thấm gội từ ân của Phật, chẳng đến nỗi sẵn có Phật tánh mà thường bị mê mất, trầm luân mãi mãi trong biển khổ sanh tử, không thể ra được. Ông ta muốn khắc in để lưu hành, cậy Quang viết lời tựa, vì ân sâu đức dày của Phật mà nhiều người chưa biết nên Quang trình bày đại lược. Còn như tấm lòng đại từ bi vì chúng sanh, người đọc sẽ tự cảm nhận được qua những gì đã nói trong kinh, nên chẳng trình bày cặn kẽ.

Ôi chao, Phật vì chúng sanh dẫu thiên địa, phụ mẫu cũng chẳng thể sánh ví được một phần hằng hà sa số. Tôi trước kia đã lậm chất độc của họ Hàn, họ Âu, làm gã nhất-xiển-đề, may chưa bị sa lầy trong đời này, may mắn được gặp Phật pháp, chỉ sợ những người giống như tôi chưa chắc đã được may mắn gặp gỡ Phật pháp như tôi. Do vậy thốt lời mổ tim vẩy máu này, những mong ai nấy trên chẳng cô phụ ân Phật, dưới chẳng phụ tánh linh của chính mình mà thôi!

69. Lời tựa sách Tâm Kinh Thiển Giải

Rõ ràng là tâm - Phật - chúng sanh, ba pháp không sai biệt, cái tâm không sai biệt ấy hư linh đỗng triệt, trong lặng thường hằng vừa tịch vừa chiếu, chẳng phải có, chẳng phải không, dứt tuyệt danh xưng thánh phàm, không có hình ảnh sanh diệt huyễn vọng. Lìa tâm duyên tướng, vì thế tình thức chẳng suy lường được; vượt khỏi cửa ải văn tự, vì thế ngôn ngữ chẳng thể hình dung được. Như Lai trí tuệ rộng lớn, tự tại nơi pháp, khéo dùng lời lẽ để tỏ bày đạo vượt ngoài ngôn ngữ, nói rộng hay lược đều phù hợp, đều đạt đến chỗ khéo léo viên mãn. Do vậy, kinh Đại Bát-nhã nói rộng, ước theo Phật pháp, chúng sanh pháp để chỉ rõ tâm pháp nên nhiều đến 600 quyển. Còn kinh này nói giản lược, ước trên tâm pháp để dạy rõ Phật pháp và chúng sanh pháp nên văn từ chỉ có 260 chữ; nhưng sự lý, nhân quả của mười pháp giới không gì chẳng đầy đủ. Dùng đại lược để nhiếp sự rộng rãi, không sót một nghĩa nào.

Nếu nói giản ước thì hai câu *"chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách"* (soi thấy ngũ uẩn đều không, vượt hết thảy khổ ách) chính là mấu chốt của toàn bộ bản kinh. Nếu nói giản lược hơn nữa thì một chữ "chiếu" pháp nào cũng phô bày trọn vẹn, pháp gì cũng hoàn toàn mất, phô bày lẫn diệt mất đều vắng lặng, nhất chân tỏ lộ rốt ráo. Quán Tự Tại là người đã chứng đắc cái tâm ta trước hết, chúng ta há chẳng học theo ngài ư? Thật có thể gọi là "tâm ấn của Như Lai, cương tông của Đại tạng, kim chỉ nam cho chín pháp giới, mấu chốt của đại bát-nhã", nghĩa chẳng thể nghĩ bàn, công đức cũng chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế xưa nay những người thọ trì, đọc tụng trọn khắp vũ trụ, người trước thuật hoằng dương khó thể kể xiết. Lý tuy rất sâu, nhưng từ ngữ phải phù hợp căn cơ. Nếu không, tuy khế lý nhưng chẳng khế cơ. Cư sĩ Lý Hòa Lạc tri kiến viên dung, văn tự hoạt bát, muốn cho kẻ sơ cơ dễ hiểu nên dùng văn bạch thoại để thiển giải (giải thích nông cạn, sơ lược). Bàn về lý thật hết sức thấu triệt, nhưng chỉ dùng những từ ngữ thật phổ thông, báo Đại Vân đăng tải trước, rồi cho in lại thành sách, vui sướng lòng người. Soạn xong lại khắc in lưu truyền mãi mãi khắp cõi. Quang tầm thường, kém cỏi, thiếu khả năng, khôn ngăn kính ngưỡng, kính cẩn viết lời tựa dẫn giải để giúp lưu thông vậy!

70. Lời tựa thuật duyên khởi sách Quán Thế Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng

Hết thảy các pháp thế gian, xuất thế gian đều do thời tiết, nhân duyên mà phát khởi, vì thế cổ đức nói "nếu thời tiết đến, lý tự tỏ bày". Thật đúng là như thế! Quang tầm thường, kém cỏi, trăm chuyện chẳng làm được một điều nào, ăn bám chùa Pháp Vũ ở núi Phổ Đà 32 năm. Trước kia đọc Phổ Đà Chí, thấy những điều

ghi chép trong ấy đều thuộc chuyện hưng phế của đạo tràng và những chuyện tầm thường như vậy. Còn như sự lý, bổn tích trong những kiếp xưa của Đại sĩ Quán Âm, cũng như những nhân duyên ngài cảm ứng trong cõi này đều thiếu sót, sơ sài, khôn ngăn người ta phải thở dài! Năm Dân Quốc thứ sáu (1917), ba vị cư sĩ Vương Thái Thần, Chu Hiếu Hoài, Trần Tích Châu lên núi tìm gặp, ông Vương và ông Chu nói Phổ Đà là đạo tràng thánh địa của Đại sĩ Quán Âm, trong nước hay ngoài nước đều kính ngưỡng, sao lại bãi bỏ tòa giảng đã lâu, nỡ để pháp đạo tịch mịch? Xin thầy hãy phát tâm giảng kinh, chúng con sẽ vì thầy trù liệu, lo toan chi phí. Quang viện cớ mình kém cỏi, hết sức từ chối. Ông Tích Châu bèn nói:

- Sơn Chí đã lâu không tu chỉnh, bản gỗ khắc đã mờ câm. Nếu thầy chịu sửa chữa, con sẽ khắc in.

Quang nói:

- Chuyện ấy nào phải dễ dàng, nếu chiếu theo lệ cũ thì phải là văn nhân mới làm nổi. Nếu đem những chuyện tu chứng, bổn tích trong những kiếp xưa kia của Đại sĩ và những sự tích cảm ứng trong phương này, mỗi chuyện đều lược thuật những nét chánh khiến cho người đọc đều biết ân Đại sĩ trọn khắp các cõi số lượng nhiều như cát, lòng từ tế độ không ngằn mé; từ đấy phát khởi chánh tín, thân tâm quy y, gần là đạt được phước trong đường trời người, xa là chứng quả Bồ-đề, mà không xem khắp Đại tạng, tra cứu đủ mọi sách vở sẽ không thể làm được. Nếu chẳng phát huy các sự lý, bổn tích, cảm ứng của Đại sĩ thì chính là bỏ chủ dốc chí nơi khách, bỏ gốc theo ngọn, có khác gì những sơn kinh thủy chí[725] tầm thường? Làm sao tỏ rõ Phổ Đà là đạo tràng ứng hóa của Đại sĩ, lại sao có thể tỏ rõ Đại sĩ là bậc cha mẹ đại từ bi của pháp giới chúng sanh, có nhân duyên rất sâu đối với chúng sanh trong cõi Sa-bà cho được? Nhưng Quang do túc nghiệp đến nỗi tâm không tri thức, mắt gần như mù lòa, còn phải sám hối một hai năm đợi đến lúc nghiệp tiêu trí rạng, chướng hết mắt sáng thì sẽ chẳng tiếc thân mạng gắng làm cho thành tựu. Nếu như nghiệp nặng chẳng thể cảm ứng để trừ khử cho hết nghiệp chướng được thì sẽ qua Giang Tây, cầu cư sĩ Lê Đoan Phủ thay Quang lo liệu việc này. Ông này học vấn quán thông Nho - Thích, văn tài xuất chúng, ắt phát huy được tâm hạnh, sự tích từ bi của Đại sĩ.

Năm sau, cư sĩ Từ Úy Như đem Văn Sao ấn hành, khiến cho những ai không xem xét kỹ, lầm tưởng Quang là bậc tri thức, từ đấy thư từ qua lại, ngày càng

[725] Sơn kinh thủy chí: tức những cuốn sách trình bày đặc điểm lịch sử của một vùng núi non, sông ngòi nào đó.

không rảnh rỗi để làm. Mùa xuân năm Dân Quốc thứ tám (1919), ông Đoan Phủ quy Tây, cái tâm đã phát trước kia trở thành chuyện nói suông. Mùa xuân năm Dân Quốc thứ 11 (1922), Tri sự[726] vùng Định Hải là ông Đào Tại Đông lên núi cho biết: "Sơn Chí được lưu thông sẽ khiến cho ai nấy do tin tưởng đều cải ác làm lành, phản vọng quy chân, quả thật là nhiệm vụ quan trọng để vãn hồi thế đạo nhân tâm, hãy nên gấp rút tu chỉnh." Quang thấy tâm ông Đào hộ pháp khẩn thiết, lòng cứu thế ân cần, liền thưa với chủ nhân hai chùa Phổ Tế và Pháp Vũ khẩn khoản xin ông Đào đích thân đảm nhiệm chuyện này. Ông Đào do bận bịu việc công, bèn ủy thác vị nhân sĩ trong vùng là ông Vương Nhã Tam đảm nhiệm. Hết thảy sự việc thì ngoài có ông Đào, trong núi có hòa thượng Khai Như đã thoái ẩn[727] cùng thương lượng, châm chước lo liệu, Quang không rảnh rỗi nên tuyệt chẳng hề hỏi đến. Năm sau, ông Đào được thăng chức, chuyển lên huyện Hàng, nhưng vẫn gởi thư từ qua lại để bàn bạc, châm chước chuyện này. Nếu chẳng phải xưa đã từng được Đại sĩ phó chúc, há có được như thế hay chăng? Lúc mới vừa bàn bạc chuyện tu chỉnh Sơn Chí xong xuôi, chưa đầy một tháng thì cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh từ Bành Trạch, Giang Tây đến viếng thăm, vừa gặp gỡ liền thành bạn bè thuận thảo. Quang thuật đầu đuôi chuyện cũ, đem chuyện sách Đại Sĩ Tụng nhờ vả, ông bèn chấp thuận ngay. Nếu chẳng phải là Đại sĩ thầm gia bị, sao có dịp gặp gỡ như vậy cho được?

Ông Hứa bèn tra cứu khắp kinh tạng và các sách vở, phải mất hai năm mới hoàn thành bản thảo, soạn thành tụng văn gần hai vạn chữ. Lại còn chú thích ý nghĩa để người đọc biết hết căn cội. Lại trích lục các kinh để làm chứng cớ. Tụng Văn gồm ba quyển, dẫn chứng từ kinh văn gồm một quyển, tổng cộng hơn 370 trang, được gởi đến Phổ Đà vào đầu mùa hạ. Những ý nghĩa của Tụng Văn đã được trình bày trong lời tựa của ông Hứa, ở đây không nhắc lại nữa. Trước kia, Quang vốn muốn đặt phần này vào đầu bộ Sơn Chí, nay vì số quyển quá nhiều, nên đặc biệt cho khắc in riêng để lưu truyền khắp hậu thế. Nếu in chung với bộ Sơn Chí ắt khó thể lưu truyền rộng khắp được. Đại sĩ từ vô lượng kiếp đến nay phân thân trong các cõi nhiều như bụi trần, bổn tích cảm ứng của ngài chỉ mình Phật biết được nổi. Mấy quyển tụng văn này chẳng qua chỉ là một hạt bụi nơi đại địa, một giọt nước trong biển cả, khiến cho những ai chẳng biết lòng từ sâu xa,

[726] Tri sự vào cuối đời Thanh, nhỏ hơn chức Tri huyện. Nhưng tại Đài Loan dưới thời lệ thuộc Nhật Bản thì Tri sự lại lớn hơn Tri huyện. Tri sự ở Trung Hoa là người đứng đầu một trấn hay một hạt.

[727] Hòa thượng Khai Như trước kia làm trụ trì chùa Pháp Vũ, sau xin nghỉ làm trụ trì nên gọi là "thoái cư" (tạm dịch là "thoái ẩn").

lòng bi lớn lao của Đại sĩ sẽ biết được đại khái. Từ đấy hổ thẹn, đột nhiên dũng mãnh nói: "Tâm của chúng ta và tâm của Đại sĩ không hai không khác, Đại sĩ đã viên thành Phật đạo bao kiếp lâu xa, lại dùng bi tâm vô tận chẳng lìa cõi Tịch quang, thùy tích[728] trong chín giới hiện đủ mọi sắc thân độ thoát chúng sanh. Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay luân hồi sáu nẻo, được hưởng ân dẹp khổ ban vui của ngài không biết là bao nhiêu! Mãi cho đến ngày nay, vẫn còn là phàm phu. Trên đã phụ thâm ân Đại sĩ cứu vớt, dưới phụ bạc Phật tánh sẵn có của chính mình. Lặng im suy nghĩ, há không thẹn đến chết ư? Ngài đã là trượng phu thì ta cũng thế, chẳng nên tự khinh để rồi lui sụt!"

Do vậy, chuyển biến phàm tình noi theo dấu thánh, khắc kỷ giữ lễ, dứt lòng tà, giữ lòng thành, tận lực hành điều thiện thế gian, kiêm tu tịnh nghiệp, lâu dần đều được biến đổi. Bậc thượng thì ngay trong đời này đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử, bậc hạ thì đến lúc lâm chung cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Được như thế thì ai nấy đều giữ vẹn lễ nghĩa, ai nấy biết nhân quả, tự nhiên can qua dứt, tai họa do con người gây ra vĩnh viễn dứt mất, mưa thuận gió hòa, quyến thuộc trời thường đến. Nhiệm vụ trọng yếu căn bản để vãn hồi thế đạo nhân tâm như ông Đào đã nói chính là chuyện này. Mong sao những ai thấy nghe đều cùng phát lòng kính ngưỡng Đại sĩ, gắng sức tu tập thì may mắn lắm thay!

71. Lời tựa in lại sách Giáo Quán Cương Tông Thích Nghĩa Kỷ

Biển giáo mênh mông, rộng sâu chẳng thể lường, nếu chẳng có gì để chỉ quy sẽ mịt mờ không biết hướng về đâu. Do vậy, đại sư Trí Giả vào đời Trần - Tùy dùng *ngũ thời bát giáo* để phán định những pháp đã nói trong suốt cả một đời của đức Như Lai, hiển lộ bản hoài xuất thế của Như Lai. Phật chỉ muốn cho hết thảy chúng sanh cùng thành giác đạo, nhưng do căn cơ, khí lượng bất nhất, nên lại tùy thuận cơ nghi, dần dần khuyến dụ khéo léo, vì thật lập ra quyền để tiếp dẫn. Đợi đến khi họ đã được lợi ích nơi quyền, bèn khai quyền hiển thật cùng quy vào bí tạng, mới biết nguyên do "tâm - Phật - chúng sanh, ba thứ không sai biệt; Phật như, chúng sanh như, nhất như, vô nhị như". Có thể nói là giương Phật nhật trong không trung chiếu khắp cõi đất, trao quả giác cho đứa con nghèo cùng, sai nó nối ngôi đấng Pháp Vương.

Nhưng do văn từ quá nhiều chẳng thuận tiện cho kẻ sơ cơ, nên đại sư Ngẫu Ích mới thâu tóm những nghĩa trọng yếu, soạn ra sách Cương Tông. Những chỗ

[728] Từ bổn địa, thị hiện các thân hay sự tướng để hóa độ gọi là "thùy tích" (lưu dấu). Chẳng hạn như Bồ-tát Quán Âm đã thùy tích tại Phổ Đà.

nào ý nghĩa bị ẩn kín bèn giải thích đại lược để người học biết hết ý nghĩa Như Lai thuyết giáo và pháp nương theo giáo để tu quán. Có chỗ giống như chỉ dẫn đi về núi báu, trao thẳng bảo châu ma-ni cho. Từ đấy hiểu rõ: Không chỉ đệ nhất nghĩa đế "viên diệu bất sanh bất diệt, chẳng phải có, chẳng phải không" là tâm ấn của Như Lai, mà ngay cả những pháp thiên - nhân - quyền - tiểu v.v. và những lời lẽ xử sự trong đời, những nghề nghiệp để kiếm sống v.v. không gì chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế, đều là tâm ấn của Như Lai. Ví như vẽ rồng điểm mắt, rồng lập tức bay lên. Do pháp không có tự tánh, chuyển biến do tâm, người căn cơ viên mãn thọ pháp, không pháp nào chẳng viên.

Pháp sư Mặc Am dùng cách thích nghĩa (giải thích ý nghĩa) để chú thích dưới mỗi phần, lại còn soạn phần Kỷ[729] để mong người đọc vừa đọc đến liền hiểu rõ. Người học có được bộ sách này đỡ tốn tâm lực, lại dễ lãnh hội, may mắn chi bằng? Trưởng lão Pháp Dụ chùa Bảo Luân tại Duy Dương muốn in lại để truyền bá rộng rãi, sai Quang giảo chánh những chỗ sai lầm và trần thuật duyên khởi vậy.

72. Lời tựa cho Phật Học Nghiên Cứu Tùng Thư của Thế Giới Cư Sĩ Lâm tại Thượng Hải

Chúng sanh và Phật tâm tánh như một, trọn chẳng có hơn kém cũng như tăng giảm, nhưng Phật an trụ trong Tịch quang, chúng sanh luân hồi trong sanh tử, là vì ngộ và chưa ngộ, và do thuận tu, nghịch tu mà ra. Như Lai biết chúng sanh đều có đủ Phật tánh, đều kham làm Phật. Do vậy thị hiện sanh trong thế gian, thị hiện thành Chánh giác, tùy cơ diễn nói hết thảy pháp môn quyền - thật để kẻ lợi căn ngay từ đó khai thị ngộ nhập tri kiến Phật; những kẻ độn căn cũng dần dần được un đúc nên được ngộ nhập. Đợi đến khi ngộ chứng cùng cực mới khôi phục lại Phật tánh sẵn có, mới lìa khỏi danh tướng "phàm - thánh, chúng sanh - Phật" sai biệt. Đấy chính là "làm cho hết thảy chúng sanh đều nhập vào vô dư Niết-bàn để được diệt độ, nhưng quả thật không có chúng sanh nào được diệt độ".

Ôi, tâm Như Lai độ sanh có thể nói là từ bi đến cùng cực, không còn gì hơn được nữa! Về sau chư Bồ-tát, tổ sư, thiện tri thức, ai nấy đều tiềm tu mật chứng, hoằng truyền, xiển dương, phát huy để trên thì nối tiếp huệ mạng Như Lai, dưới làm bến bờ cho chúng sanh. Từ khi pháp truyền sang Đông Chấn (Trung Hoa), một ngàn mấy trăm năm qua, những kẻ ngộ tự tánh, đoạn phiền hoặc, thoát sanh tử, chứng Niết-bàn làm sao kể xiết. Những người nối tiếp kế thừa còn có thể thay đổi phong tục, chiến thắng tàn bạo, khử trừ giết chóc, khiến cho dân ngày càng

[729] Tức phần tóm tắt những ý chính trong một chương.

hướng thiện nhưng chẳng biết vì sao! Do vậy, xưa nay những bậc cao nhân lỗi lạc vượt trỗi hơn người không ai chẳng dùng pháp này để tự hành, hóa độ người ngõ hầu thiên hạ thái bình, muôn nước đều yên ổn. Đến thời Hàm Phong - Đồng Trị nhà Thanh, chiến tranh liên tiếp xảy ra, pháp vận suy sụp dần.

Về sau bãi bỏ cử nghiệp, những người thiên tư cao ai nấy ngoài các môn khoa học ra còn nghiên cứu thêm Phật pháp, mới biết Phật pháp là đạo duy nhất vô nhị trong thế gian. Trong lúc thế đạo nhân tâm đã suy hãm đến cùng cực này, muốn cứu vãn mà chẳng xương minh Phật học thì không còn có cách nào hết. Do vậy, ai nấy đều lấy việc đề xướng Phật học làm nhiệm vụ cấp bách, nên hội Nghiên Cứu, Cư Sĩ Lâm được lập ra khắp nơi. Pháp chẳng chấp nhất, tùy theo căn cơ con người, dù Thiền hay Giáo, dù Hiển hay Mật, thảy đều tu trì và phát huy. Lại còn chú trọng pháp môn Tịnh độ để mong người đã ngộ và kẻ chưa ngộ, đều cùng trong đời này thoát ly sanh tử luân hồi. Ấy là vì chúng sanh đời mạt pháp tự lực yếu hèn, nếu không nhờ vào Phật lực, quyết khó thể giải thoát ngay trong đời này. Trong hội Hoa Nghiêm, Hoa Tạng hải chúng, Đẳng giác Bồ-tát còn dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh, huống gì những kẻ học Phật trong đời mạt ư? Do vậy, biết pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Thượng Hải là nơi quan trọng của toàn quốc, các cư sĩ trong Cư Sĩ Lâm muốn phổ biến pháp hóa của Phật, ngoài việc giảng kinh niệm Phật ra, mỗi quý (ba tháng) lại ra một số Lâm San ngõ hầu thúc đẩy rộng rãi. Nay lại tiếp tục cho ra đời Phật Học Nghiên Cứu Tùng Thư. Đối với các bộ Khởi Tín Luận, Lăng-nghiêm Kinh Chỉ Yếu, đối với những kinh luận sâu xa uyên áo đều dùng những lời lẽ rõ ràng, giản dị để phát huy, ngõ hầu người sơ cơ dễ lãnh hội, hòng khỏi bị nỗi khổ "do không phù hợp nên không thâm nhập được", đều được hưởng lợi ích "do ngón tay chỉ mà thấy được mặt trăng". Từ đây tiếp tục ấn hành lưu truyền để tỏa rạng ánh sáng Phật nhật, khiến hết thảy đồng nhân cùng ngộ thiên chân Phật tánh sẵn có, ngõ hầu khỏi phụ đại sự nhân duyên xuất thế của Như Lai, mà chuyện vãn hồi thế đạo nhân tâm cũng có thể lấy đây làm căn cứ. Phàm những ai đồng hàng với tôi ai nấy nên giúp đỡ để [cuốn Tùng Thư này] được truyền bá khắp pháp giới vậy.

73. Lời tựa sách Kim Cang Công Đức Tụng

Lục độ là pháp trọng yếu để Bồ-tát trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sanh. Nhưng năm độ đầu tiên như kẻ mù, bát-nhã như người hướng dẫn, năm độ nếu thiếu bát-nhã thì chẳng thể rốt ráo đến bờ kia, chẳng thể gọi là ba-la-mật. Bát-nhã

như tâm, năm độ kia như thân. Bát-nhã không có năm độ thì cũng chẳng thể rốt ráo đến được bờ kia, chẳng được gọi là ba-la-mật. Nếu hai thứ này đều đầy đủ thì mỗi một độ đều rốt ráo đến được bờ kia, đều được gọi là ba-la-mật. Kinh Kim Cang chính là khuôn phép để phát tâm Bồ-đề, hành đạo Bồ-tát, tu khắp lục độ vạn hạnh. Do kinh văn giản lược chỉ nêu bố thí làm mẫu, như chẳng trụ vào *sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp* để hành bố thí v.v. nên có thể độ thoát hết thảy chúng sanh, nhưng chẳng thấy ta là người độ và pháp dùng để độ cũng như tướng chúng sanh được độ, thì bốn tướng chẳng sanh, ba tâm[730] há được? Không trụ vào đâu để sanh tâm, vô sở đắc để làm Phật. Do vậy thọ trì bốn, ba, hai, một câu thì công đức khó thể nói được, còn nói chi là trì toàn bộ kinh. Do vậy từ cổ đến nay, nhiều người đọc tụng. Người đốn ngộ tự tánh triệt chứng duy tâm, sống dự vào dòng thánh, chết về An Dưỡng kể sao cho xiết? Kế đến là tiêu trừ tội nghiệp, tăng trưởng thiện căn, chuyển họa thành phước, từ ngu trở thành trí lại càng nhiều hơn nữa. Cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh đem những sự tích cảm ứng đã được ghi chép từ xưa đến nay phân loại rồi soạn những bài tụng. Bạn ông ta là Lưu Khế Tịnh lại viết lời chú thích để người đọc đều biết được nghĩa lý uyên thâm, công đức rộng lớn, sanh lòng chánh tín, gắng bắt chước tu theo. Tùy theo công hạnh cạn hay sâu cũng sẽ được các thứ lợi ích. Kinh dạy: "Hết thảy chư Phật và đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác của chư Phật đều phát xuất từ kinh này. Nếu có thể phát tâm chí thành cung kính thọ trì thì sẽ thuộc vào trong số chư Phật vị lai", xin hãy gắng sức lên!

74. Lời tựa sách Nho Thích Nhất Quán

Nho - Thích đạo không hai, chúng sanh và Phật tâm không hai. Do con người có cùng một tâm này, tâm cùng một lý này, nên hết thảy hữu tình đều nhờ vào chân như Phật tánh mà được kiến lập. Nhưng chúng sanh và Phật thật khác biệt, phàm thánh khác hẳn nhau là vì nhân địa mê ngộ bất đồng, tu đức thuận nghịch sai khác. Do vậy, thánh nhân Nho - Thích đều xuất hiện trong đời làm bậc hướng dẫn, ngõ hầu hết thảy chúng sanh bỏ mê theo ngộ, thấu dòng tột nguồn, khôi phục lại bản tánh sẵn có mà thôi! Sự phát huy tuy có quyền - thật, sâu - cạn, phương

[730] Tam tâm (theo giáo nghĩa Thiên Thai) là:

1. Giả danh tâm: Tâm chấp trước ngã thật có, chính là kiến giải của ngoại đạo.

2. Pháp tâm: Tâm chấp trước pháp thật có, chính là tâm của hàng Tiểu thừa thuộc phái Nhất thiết hữu bộ.

3. Không tâm: Chấp trước ngã lẫn pháp, không biết tâm vốn chẳng phải có, chẳng phải không, bất sanh, bất diệt.

tiện - cứu cánh bất đồng, nhưng xét về đại thể thì lý thể được đề cao và công phu tu tập không hai.

Phật lấy giác làm thể, giác có bổn giác, thỉ giác, bất giác. Bổn giác chính là thiên chân Phật tánh chúng sanh và Phật đều sẵn có, tức là tánh đức vậy. Còn thỉ giác là diệu trí do dựa theo lý bổn giác, phát khởi tu tập chân thật, đối trị phiền não tập khí khiến cho chúng bị tiêu diệt không còn sót, đó chính là tu đức. Bất giác là mê trái bổn giác, sanh khởi chấp trước vào cảnh, khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm, coi khổ là vui, lấy mê làm đức, dùng sức Phật tánh để tạo nghiệp sanh tử. Hết thảy chúng sanh đang mê không nương theo chánh giác, lầm lạc tu tập đều là bất giác vậy. Bổn giác thì phàm thánh bình đẳng, không có cao thấp; thỉ giác thì do công phu sâu hay cạn khác biệt mà địa vị ngộ chứng sai khác, từ Danh tự cho đến Phần chứng, từ địa vị Ngoại phàm[731] cho đến Đẳng giác đều thuộc trong phạm vi thỉ giác. Từ Đẳng giác lại phá một phần vô minh thì công tu đức đã đến cùng cực, tánh đức hiển lộ trọn vẹn, phước tuệ trọn đủ, phiền hoặc hết sạch, viên mãn Bồ-đề, trở về chỗ không thể đắc, mới thành bậc Đại Giác Thế Tôn, mới chứng thỉ bổn hợp nhất tối thượng thừa tối cực, mới hoàn thành sự nghiệp tu nhân chứng quả của bậc đại trượng phu. Vì thế kinh Hoa Nghiêm nói: "Hết thảy chúng sanh đều có đầy đủ trí tuệ, đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng chứng đắc. Nếu lìa hết thảy vọng tưởng, chấp trước thì nhất thiết trí, vô ngại trí đều được hiện tiền." Nói "hết thảy chúng sanh đều đầy đủ trí tuệ của Như Lai" là nói về lý tánh bổn giác vậy. "Do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng chứng đắc" chính là trái nghịch bổn giác, khởi hoặc tạo nghiệp, luân hồi trong sáu đường. "Lìa vọng tưởng thì trí tuệ bèn hiện tiền" chính là thuận theo bổn giác để tu dần dần cho đến khi viên thành Phật quả. Hiểu rõ chỗ đạt đến của lý "tánh - tu" này ắt chẳng cam chịu phận phàm ngu, cũng chẳng dám đem phàm lạm thánh, ắt sẽ thật tu, thật ngộ, mong sao thật chứng mới thôi!

---

[731] Ngoại phàm là địa vị phàm phu, do đối ứng với Nội phàm nên gọi là Ngoại phàm. Đây chính là địa vị trước khi đạt đến địa vị kiến đạo. Thanh văn thừa coi Ngũ đình tâm, Biệt tướng niệm trụ, Tổng tướng niệm trụ đều là Ngoại phàm, nhưng Bồ-tát thừa lại coi Thập tín phục nhẫn là Ngoại phàm. Cuối quyển 17, sách Đại Thừa Nghĩa Chương có ghi: "Nói Ngoại phàm chính là chỉ những người hướng đến điều lành nhưng hướng ra ngoài cầu lý, chưa thể dứt được tướng để duyên theo chân tánh bên trong, nên gọi là ngoại. Do thân phàm phu phần đoạn trong sáu đường chưa thể bỏ được nên gọi là phàm." Theo Thiên Thai tông thì có nhiều cách giải thích:

1. Trong Tạng giáo, Hiền vị thuộc về Ngũ đình tâm quán là Ngoại phàm.
2. Thông giáo coi Càn huệ địa trong mười địa là Ngoại phàm.
3. Biệt giáo coi mười địa vị thuộc Thập tín là Ngoại phàm.
4. Viên giáo coi địa vị Ngũ phẩm trong Quán hạnh của Lục tức thành Phật là Ngoại phàm.

Nho thì lấy thành minh làm gốc, thành là minh đức, minh nghĩa là "minh" (làm sáng tỏ) trong "minh minh đức". Thật ra là thành minh, tức "minh minh đức". Minh đức chính là chân tri (sự hiểu biết chân thật) sẵn có trong tâm chúng ta. Do có "vật" là nhân dục (lòng ham muốn của con người), nên minh đức bị ngăn lấp chẳng thể hiển hiện được; như mây che mặt trời, trọn chẳng thấy được tướng sáng. Muốn làm sáng tỏ minh đức ấy thì phải trọng lòng kính, giữ lòng thành, khắc kỷ, giữ lễ thì cái vật "nhân dục" tự chẳng có đất dung thân, chân tri sẵn có sẽ hiển lộ toàn thể, như phù vân (mây nổi) trôi đi, vầng mặt trời sáng rỡ. Chân tri đã hiển lộ thì đạt được quyền làm chủ, kẻ hầu hạ phải nghe theo. Vì thế những gì ý nghĩ đến, tâm suy nghĩ đến đều quy về chân thành, không vọng, trung chánh, chẳng thiên lệch vậy. Đấy chính là đại pháp "tu thân, trị người" của Khổng tử thừa kế từ nhị đế tam vương[732] được trình bày tóm lược như vậy, để làm khuôn phép lớn lao cho thiên hạ hậu thế mong thành thánh thành hiền vậy.

Nếu đem so với Phật pháp để giải thích thì thành và minh đức chính là tánh đức của bổn giác, còn minh và minh minh đức (làm sáng tỏ minh đức) chính là tu đức của thỉ giác vậy. "Vật" là vọng tưởng, chấp trước; "cách vật" là lìa vọng tưởng, chấp trước. Lìa vọng tưởng, chấp trước liền đắc trí tuệ của Như Lai. Trừ khử vật dục của con người thì lương tri và chân tri cố hữu trong tâm chúng ta sẽ tự hiển hiện triệt để. Do vậy nói: "Phát huy sâu cạn tuy khác nhau, nhưng công phu nơi lý thể cố nhiên chẳng hai." Vì thế, những bậc thông minh duệ trí xưa nay đa số đều học Phật, do đạt được tâm pháp của Phật nên mới hiểu thấu đáo tâm pháp của thánh nhân tiên hiền bên Nho; bởi lẽ nhà Nho đa phần coi trọng sự tướng, chẳng dốc sức ngộ hiểu tâm tánh. Nếu chẳng được Phật pháp hướng dẫn thì chính tâm mình còn chưa thể hiểu biết được, huống gì tâm pháp của thánh nhân ư? Do vậy, các nhà Nho câu nệ vào hình tích, đa số chê trách Phật giáo là do chẳng biết Phật pháp tuy là pháp xuất thế nhưng vẫn đầy đủ hết thảy những thiện pháp thế gian. Phàm là đạo luân thường, tu thân, tề gia cố nhiên cực lực hoằng dương, chẳng sót mảy may điều thiện nào, gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường, em kính, chồng xướng, vợ theo, tùy theo chức phận ai nấy đều tận nghĩa, chẳng khác với những gì thánh nhân thế gian đã nói. Nhưng thánh nhân thế gian chỉ dạy con người tận nghĩa, tận phận, chứ đức Phật còn chỉ dạy cặn kẽ quả báo thiện ác của việc tận và không tận. Tận nghĩa, tận phận chỉ có thể dạy bậc thượng trí, chứ

[732] Nhị đế tam vương: Nhị Đế là Đế Nghiêu, Đế Thuấn, Tam Vương là vua Đại Vũ nhà Hạ, vua Thành Thang nhà Thương và Văn Vương nhà Chu, những vị này đều được coi là Thánh Quân của cổ Trung Hoa.

chẳng thể thâu nhiếp hết kẻ hạ ngu. Nếu biết quả báo thiện ác của việc tận và chẳng tận thì dù là phàm ngu cũng vẫn hâm mộ thiện báo, sợ ác quả; tuy chẳng muốn tận nghĩa, tận phận cũng phải gắng sức tận nghĩa, tận phận. Đấy là pháp để Như Lai phổ độ thượng trung hạ căn.

Đời thường có kẻ cậy vào sự hiểu biết, chẳng chuộng thật tu, bảo xằng nhân quả là pháp Tiểu thừa, chẳng biết Như Lai viên thành Phật đạo, chúng sanh thường đắm chìm trong sanh tử đều chẳng ra ngoài nhân quả! Chỉ có mỗi một niệm tâm tánh của đương nhân tuy chẳng thuộc nhân quả, nhưng vẫn chẳng lìa nhân quả. Muốn vượt ra ngoài nhân quả nhưng chưa viên thành Phật đạo sẽ trọn chẳng thể được. Chưa thành Phật mà đã vội vàng bác bỏ nhân quả sẽ vĩnh viễn đánh mất thiện nhân thiện quả, thường tạo nhân ác, thường bị quả ác đến tột cùng vị lai chẳng thể ngưng dứt. Chẳng đáng buồn ư? Đời thường có kẻ chẳng biết Phật pháp, cứ xằng bậy chê bai Phật giáo, cũng có kẻ hơi biết Phật pháp tuy ngấm ngầm tuân theo, nhưng bề ngoài chê trách. Những thứ hành vi ấy đều do tri kiến môn đình quá nặng, chẳng thể thực sự cách vật trí tri, đến nỗi ý có chỗ chẳng thành, tâm có chỗ chẳng chánh vậy. Những lời lẽ ấy đều đủ sức làm mù lòa con mắt trí của chúng sanh, đoạn huệ mạng của Như Lai. Bậc đại nhân thời cổ thường lo cho điều ấy nên thuận theo căn cơ đả phá, khiến cho những kẻ thốt ra lời ấy và những kẻ lậm chất độc đó đều hiểu sâu xa duyên do "đức Phật ta giáo hóa chúng sanh chẳng những không trái nghịch với Nho giáo mà trái lại còn phát minh lớn lao Nho giáo, phụ trợ Nho giáo đến tột lý, tột bậc!"

Gần đây thế đạo nhân tâm suy hãm, yếu kém đến cùng cực, vứt bỏ pháp của tiên thánh gần như hết thuốc chữa. Phàm là những bậc lo cho đời không ai chẳng lấy việc đề xướng Phật học làm nhiệm vụ cấp bách, bởi lẽ Phật học chú trọng minh tâm và nhân quả báo ứng. Nếu có thể hiểu được bổn tâm của chính mình, chắc chắn chẳng đến nỗi hiểu lầm nhân quả. Nếu thật sự không hiểu lầm nhân quả, chắc chắn sẽ hiểu rõ bản tâm của chính mình. Đã hiểu rõ được bản tâm của chính mình thì cũng sẽ nhờ đó thấu hiểu được tâm của bậc thánh nhân Nho gia thời trước lẫn tâm của Như Lai. Đấy chính là ý chỉ lớn lao Nho - Thích nhất quán vậy.

Cư sĩ Hoằng Đạo xưa đã trồng cội đức, dốc lòng tin tưởng Phật thừa, xót thương những kẻ câu nệ, hẹp hòi, thấy biết lầm lạc, bèn thâu thập những lời cổ nhân đả phá, quở trách những kiến giải lầm lạc, kết hợp mọi ngôn luận của Nho - Thích, soạn thành một cuốn sách, đặt tên là Nho Thích Nhất Quán, muốn đem ấn loát lưu thông. Do Quang lúc ban đầu từng lậm chất độc của họ Hàn, họ Âu,

làm một gã nhất-xiển-đề, nên bảo Quang viết lời tựa, một là để thương mình thương người, tự xót mình xót người, hai là nhờ vào nhân duyên này tiêu diệt tội lỗi báng pháp để mong thỏa chí nguyện vãng sanh. Do vậy chẳng nề hà kém cỏi, gắng gượng nêu ra những gì mình biết; tuy văn từ chẳng đáng để xem, nhưng xét về ý nghĩa lại có căn cứ. Nguyện người thấy nghe đều cách vật trí tri hòng tự sáng tỏ minh đức, bỏ lìa vọng tưởng, chấp trước, cùng chứng trí tuệ của Như Lai thì ý thiết tha lưu lại giáo huấn của cổ nhân, tâm ông Hoằng Đạo soạn sách sâu xa nhằm diễn bày được bản hoài rộng lớn chẳng đến nỗi uổng công. Và nhờ vào đây, thế đạo nhân tâm được chuyển hồi cũng là điều đoán trước được, còn may mắn gì hơn!

75. Lời tựa sách Cận Đại Vãng Sanh Truyện

Đức Như Lai điều ngự chúng sanh, tùy cơ thuyết pháp, tuy quyền - thật - đốn - tiệm bất đồng, đại - tiểu - thiên - viên khác biệt, nhưng cốt yếu đều là làm cho chúng sanh tự chứng chân như Phật tánh sẵn có nơi bổn tâm mà thôi. Nhưng Phật tánh ấy sẵn có ngay trong tâm này, chẳng từ ngoài đến, chẳng do gì khác mà được, như lấy của báu sẵn có trong nhà tùy ý sử dụng, hiện thành. Vì thế chứng điều ấy là chuyện hết sức dễ dàng! Hiềm rằng chúng sanh ở trong sanh tử đã lâu, mê hoặc quá sâu, ví như gương báu bị bụi phủ cả kiếp, muốn cho nó khôi phục bản thể, hiện tột cùng ánh sáng chiếu trời soi đất, cố nhiên chẳng phải đổ công lau chùi, mài giũa một hai ngày là có thể đạt được ngay. Như Lai bi tâm chân thật thiết tha, biết sự khó khăn của chúng sanh dùng tự lực để tự chứng, dù có tu trì nhưng vì phiền hoặc chưa đoạn, hễ phải thọ sanh một lần nữa khó khỏi lại bị mê. Từ đó đọa lạc thì nhiều, siêu thăng ít ỏi.

Do vậy, đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật ngõ hầu dù thánh hay phàm đều cùng trong đời này cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Người đã chứng thánh sẽ mau thăng lên địa vị bậc thượng, kẻ chưa đoạn hoặc sẽ vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi. So với những ai chỉ cậy vào tự lực tu giới định tuệ cho đến khi liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh thì khó dễ khác biệt một trời một vực. Vì thế kể từ hội Hoa Nghiêm dẫn về, từ thuở tại Kỳ Viên diễn thuyết đến nay, ngàn kinh vạn luận chốn chốn chỉ quy, vãng thánh tiền hiền ai nấy đều hướng về. Đến khi pháp truyền sang Đông Chấn, đại sư Viễn công xướng xuất tại Lô Sơn, quần hiền đương thời đều nhóm cả về, những người thông suốt đời sau đều quy hướng. Từ đấy tăng tục bốn chúng hoặc là tu trọn vạn hạnh để hồi hướng, hoặc chuyên trì Phật hiệu để cầu vãng sanh. Đến khi lâm chung, chánh niệm rõ ràng, hiện các tướng lành để vãng sanh, làm sao thấy hết, biết trọn cho được?

Những gì Vãng Sanh Tập, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục ghi chép chỉ là một hai phần trong ngàn vạn phần đó thôi. Một trăm mấy mươi năm qua, người tu pháp này há có hạn lượng? Huống chi gần đây tầm mắt của bậc nhân sĩ rộng mở, hạng ngầm tu hiển hóa thật đông đảo. Trong số ấy, những người dùng tâm phiền hoặc khế hợp Như Lai trí, thoát khổ Sa-bà, dự vào hội Liên Trì càng đông hơn trước, há chẳng nên ghi chép thêm để rồi những chuyện ấy bị quên lãng hay sao? Cư sĩ Dương Huệ Kính ở Dư Diêu[733] riêng sưu tập những truyện đó, đặt tên là Cận Đại Vãng Sanh Truyện, ý ông muốn những chuyện vãng sanh thu thập sau này sẽ được gộp hết vào bản thảo, nên những danh từ xưng hô cứ giữ nguyên văn, không sửa chữa gì thêm, sao cho cách hành văn theo cùng một lối, cốt sao để tạo lòng tin, chứ không bỏ công chọn lựa, gọt giũa. Đã thâu thập được bấy nhiêu chuyện ấy xong, muốn khắc in, lưu truyền, xin tôi viết lời tựa.

Trộm nghĩ, pháp môn tu trì có hai thứ bất đồng, nếu cậy vào tự lực tu giới định tuệ để đoạn hoặc chứng chân liễu sanh thoát tử thì gọi là "pháp môn theo đường lối thông thường"; nếu đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật để cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương thì gọi là "pháp môn đặc biệt". Đường lối thông thường thì hoàn toàn cậy tự lực, còn đường lối đặc biệt thì tự lực lẫn Phật lực đều có. Nếu có công tu định tuệ đoạn hoặc sâu xa nhưng không chân tín, nguyện thiết, niệm Phật cầu vãng sanh thì vẫn thuộc về tự lực. Nay dùng thí dụ để chỉ rõ, đường lối thông thường giống như vẽ núi sông, ắt phải từng nét bút, từng vạch một mới dần dần vẽ thành. Còn pháp môn đặc biệt như chụp cảnh sông núi, dẫu cho mấy mươi tầng núi non um tùm, chụp một cái liền đầy đủ. Lại nữa, đường lối thông thường như đi đường bộ, người mạnh một ngày bất quá đi được một trăm mười dặm; còn pháp môn đặc biệt như cưỡi luân bảo của Chuyển Luân Thánh Vương trong một ngày liền có thể đến khắp bốn đại bộ châu. Chúng ta không có tư cách thành Phật ngay lập tức, lại không có thật chứng "đoạn được kiến hoặc, tùy ý chẳng tạo ác nghiệp", nếu chẳng chuyên tu tịnh nghiệp để hòng cậy vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh thì chỉ e đến tột cùng đời vị lai vẫn cứ phải chịu sống chịu chết trong tam đồ lục đạo không cách gì thoát ra được! Chẳng đáng buồn ư? Nguyện những người cùng hàng với tôi đều sanh chánh tín.

76. Lời tựa cho sách Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp Tùy Văn Lục (tục gọi là Lương Hoàng Sám)

[733] Dư Diêu là một thành phố nhỏ ở phía Đông tỉnh Chiết Giang, phụ cận thành phố Ninh Ba. Tuy thế nơi này là quê hương của rất nhiều danh sĩ Trung Hoa như Vương Dương Minh, Hoàng Tông Hy, Hoàng Tông Vân, Nghiêm Tử Lăng, Từ Thu Bạch v.v..

Tâm của chúng ta thể vốn sáng sạch, do vô minh nên phiền hoặc bèn sanh. Phiền hoặc đã sanh bèn thành tối tăm, dơ bẩn, khiến cho bản thể sáng sạch bị ngăn lấp, chứ thật ra nó chưa hề bị tổn giảm một mảy may nào. Muốn trở về cội, quay về nguồn mà không cạn hết lòng thành, dốc hết lòng kính, cung kính đối trước tam bảo sám hối nghiệp chướng thì sẽ không thể nào đạt được! Các kinh Đại thừa đều có những đoạn văn dạy sám hối, tùy theo con người tôn trọng pháp nào sẽ soạn sám pháp cho kinh ấy, như Pháp Hoa, Kim Quang Minh, Tịnh độ, Đại Bi v.v..

Bộ sám pháp này phô bày tường tận tội tướng (những hình tướng của tội lỗi) là vì Lương Vũ Đế muốn cứu độ người nguyên phối là phu nhân Hy Thị đã mắc nỗi khổ đọa làm thân mãng xà, cũng như muốn khiến cho hết thảy nhân dân cùng được pháp lợi thấm nhuần, bèn đặc biệt thỉnh ngài Chí Công và các cao tăng, tra đọc các kinh văn, soạn thành sám pháp. Nhà vua lúc ấy cũng nâng ngọn bút sắc sảo phát huy ý chỉ đến tột bậc. Tiếc là nhà vua chưa thông hiểu pháp môn Tịnh độ, nên khi sám văn soạn xong, bà Hy Thị mang thân một vị trời trang nghiêm đẹp đẽ đến cảm tạ. Nếu như nhà vua hiểu rõ Tịnh tông, ắt phu nhân cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, cao dự hải hội, lên địa vị Bất thoái, há lẽ nào nhờ vào đại pháp đại tâm này, rốt cuộc chỉ được sanh lên trời mà thôi! Những người lễ sám đời sau đều phải nên chú ý hồi hướng vãng sanh thì mới đạt được lợi ích rốt ráo thật sự.

Sám pháp này lấy tâm đại Bồ-đề làm gốc, từ đấy cạn lòng thành, tận lòng kính, ngoài thì kính mộ chư thánh, phơi bày tội lỗi, trong thì trọng tánh linh của chính mình, cho nên được tâm chúng sanh và tâm Phật dung thông, cảm ứng đạo giao, tiêu trừ tội cấu bao kiếp, khai phát tâm quang sẵn có. Lợi ích ấy chẳng thể nào nói trọn! Lời văn tuy rõ ràng, giản dị, so với những sám pháp của tông Thiên Thai chỉ chú trọng đến lý quán, chẳng nêu rõ các tội tướng, thì sám pháp này thích hợp khắp cả ba căn. Từ xưa đến nay, sám pháp này chưa từng được giảng giải hay chú giải là vì văn lẫn nghĩa đều rõ ràng, rộng mở, không cần phải giảng nói hay chú giải.

Phải biết pháp không có cạn hay sâu, chỉ cốt sao lợi người; luật không có nghĩa lý u huyền, thế mà luật sư Đạo Tuyên là bậc thượng căn lợi trí còn phải nghe giảng mười lần cũng như đã soạn chú sớ vẫn chưa cảm thấy hoàn toàn tường tận, há có nên đối với riêng một pháp này lại coi thường ư? Ngài Đế công (pháp sư Đế Nhàn) chùa Quán Tông, do thấy thời này đang nhằm thời mạt pháp, con người đa số chẳng tự biết tỉnh ngộ khiến cho hành vi lẫn sở học trái nghịch nhau,

nên ngài bèn phát tâm diễn giảng, hy vọng con người ai nấy trọng lòng kính, giữ lòng thành, rửa tâm gột ý, cẩn thận dè chừng nơi những gì mình chưa thấy, kiêng sợ đối với những gì mình chưa nghe, học đi đôi với hành, ngõ hầu đứng vững nơi không lầm lỗi mới thôi!

Ông Phương Viễn Phàm xưa có linh căn, tuy xuất thân từ nhà giàu có, lại khá thích thanh tu, mỗi phen được nghe diệu nghĩa đều bèn lãnh hội được. Lần này nghe giảng bèn ghi chép lại, lại được ba vị sư là Bảo Tịnh, Thành Nhất, Thường Tịnh giúp đỡ biên tập thành sách. Cha mẹ ông cùng nghe giảng, đều tận lực ghi chép cẩn thận. Có thể nói là "thấy con liền biết được cha mẹ", chẳng phải là hạng cha mẹ như thế sẽ không sanh được người con như thế! Ông Phương muốn đem in, xin tôi viết lời tựa. Tôi nghĩ trong những điều quan trọng của việc tu hành thì kính là bậc nhất, ai trọng lòng kính, giữ lòng thành thì hết thảy phàm tình không cách nào khởi lên được, thánh trí sẵn có tự nhiên phát hiện. Phàm hết thảy nhân ngã, thị phi, vô minh, kiêu căng, phách lối cũng như những tập khí lười nhác, biếng trễ, chần chừ, uể oải đều bị tiêu diệt. Huống chi cung kính đối trước tam bảo phơi bày tội lỗi ắt cái tâm hổ thẹn, kinh sợ, ý niệm mong thành thánh thành hiền như đang đói, đang khát [mong được ăn, được uống] sẽ tràn trề nảy sanh. Trên ngưỡng mộ chư thánh, dưới trọng tánh linh của chính mình, đau đáu nghĩ mình và chư Phật có cùng một tâm tánh, cớ sao các ngài đã viên chứng tam giác[734], ta vẫn cứ luân hồi mãi trong lục đạo? Từ đấy sửa đổi lỗi cũ, tu tập, bỏ mê quy ngộ. Ví như bảo châu ma-ni rớt trong nhà xí, liền nhặt đem ra, gột rửa nhiều phen mong sao khôi phục sự thanh tịnh vốn có. Đến khi đã trong sạch đến cùng cực thì treo trên tràng cao, ắt sẽ tùy ý tuôn ra các báu. Đại sự nhân duyên ấy nếu chẳng phát huy ý chỉ của văn hay nghĩa đến cùng cực thì rất có thể sẽ có người chẳng được lợi ích thật sự. Cuốn Tùy Văn Lục (sách ghi chép những lời được nghe giảng) này đáng được lưu truyền rộng khắp.

77. Lời tựa sách Nhân Quả Lục

Nhân quả báo ứng chính là ảnh hưởng thuận hay nghịch giữa nhân sự và thiên lý, vì thế kinh Thư chép: "Thuận theo lý dẫn đến điều lành, trái nghịch lại thì xấu, đều chỉ vì ảnh hưởng." Người dẫu chí ngu chắc chắn cũng không vui mừng vì bị tai họa, tránh điều lành, ham điều xui, mong hết thảy những người chung quanh réo tên thóa mạ, bị thiên địa quỷ thần đoạt hồn giết hại, cũng như sau khi chết đi

[734] Có hai cách hiểu chữ tam giác:
1. Tam giác là ba đức tánh của quả vị Phật: tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.
2. Tam giác như trong Đại Thừa Khởi Tín Luận đề xướng: bổn giác, thỉ giác, cứu cánh giác.

linh hồn bị đọa vĩnh viễn trong ba đường ác, chịu đựng khổ sở cùng cực trải trăm ngàn kiếp không thể thoát ra. Nhưng những gì người ta làm đa phần đều trái nghịch với những gì họ mong mỏi, là vì lẽ nào vậy? Là do cõi đời thiếu người thông hiểu, chẳng đề xướng đạo nhân quả báo ứng, sẵn quen thói tệ hại, chỉ biết truyền cho nhau thói tự tư tự lợi mà nên nỗi! Nếu như có ai hành động thuận theo thiên lý, trong gia đình thì trọn hết bổn phận, giao tế bên ngoài thì chú trọng làm lợi cho người, cũng như những cử chỉ tốt lành đều phụng hành, như giúp người bị tai họa, cứu đói, giúp người hoạn nạn, cứu người đang gặp nguy, kiêng giết, phóng sanh, che chở, thương tiếc sanh mạng loài vật, ăn chay, tụng kinh, niệm Phật, ngõ hầu mình lẫn người đều được lợi, u lẫn hiển cùng được ích thì không một ai chẳng được gia đình yên tịnh, tốt lành, con cháu thạnh vượng, phú quý sang cả, khiến cho người khác kính ngưỡng. Xem khắp các truyện ký, phàm những bậc hiền triết xuất hiện, công nghiệp kiệt xuất, hoặc là tâm lãnh hội đạo được truyền bởi chư thánh, hoặc là đức khiến cho vạn dân trọng vọng thì đều là do đời trước có âm đức, hạnh đẹp "lợi người, lợi vật, giúp cho cả người âm lẫn kẻ dương" vậy. Nhưng đấy chỉ là những gì mắt phàm thấy được mà thôi, chứ còn thần thức người ấy hoặc sanh lên cung trời hoặc cao siêu Phật quốc, phàm phu thế gian làm sao thấy hết, biết hết cho được?

Nêu thật rõ lý nhân quả thật ra chỉ có mỗi mình kinh Phật, nhưng kinh sách Nho giáo cũng nhiều lần nói đến. Như kinh Thư ghi "làm thiện trăm điều lành giáng xuống, làm điều bất thiện, trăm tai ương giáng xuống", cũng như thuyết "ngũ phước lục cực" được nói đến trong sách Hồng Phạm, và câu kinh Dịch "nhà tích thiện ắt điều vui có thừa, nhà tích điều bất thiện ắt tai ương có thừa", không gì chẳng phải đều là dùng lý nhân quả báo ứng để dạy người đó sao! Nhưng vì nói giản lược, chỉ nói đến đời này và con cháu, chưa nói tường tận chuyện luân hồi lục đạo tam đồ trong quá khứ, hiện tại, vị lai; nếu chẳng nghiên cứu sâu xa, suy nghĩ tinh tường, ắt sẽ ngay trước mặt lại bỏ lỡ. Hơn nữa, kẻ tục Nho thường muốn đề cao môn đình bèn tranh đua cho khác với nhà Phật, dù có biết đi nữa cũng chẳng chịu đề xướng, khiến cho người hiền không có cách tận lực làm cho đời yên dân lành, mà kẻ ngu cũng luôn ôm ấp ý niệm "mạnh ăn thịt yếu". Do vậy, tấn công lẫn nhau trở thành cuộc sát kiếp xưa nay chưa hề nghe nói đến.

Người bị giết cố nhiên ai nấy biết là đáng thảm, nhưng nỗi thảm của kẻ giết hại còn khốc liệt gấp vạn lần. Tiếc rằng người đời chẳng biết tỏ, thấy suốt! Cái họ thấy được như "bị người khác giết, hoặc diệt môn tuyệt tộc" chỉ là một hai phần trong ngàn vạn phần, còn sự khổ phải hứng chịu trong tam đồ dù có hết sạch

trúc cũng khó ghi được, chẳng đáng buồn ư? Tôi thường nói: "Nhân quả chính là phương tiện lớn lao thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian dùng để bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh." Dù nhằm thuở thánh giáo xương minh, nếu không đề xướng nhân quả thì còn chẳng thể làm cho mọi kẻ ngu dân ngấm ngầm đoạn dứt hay giấu ác, người trí đều tích chứa âm công lớn lao; huống chi nay đang lúc thế đạo nhân tâm suy hoại đến cùng cực, vứt bỏ kinh sách của thánh hiền, luân lý đổ nhào, tà thuyết hoành hành đều đến mức cùng cực ư? Những người có tâm lo cho thế đạo nghĩ muốn kéo lui con sóng cuồng loạn nếu chẳng dùng nhân quả báo ứng làm phương tiện chấn động kẻ điếc, soi sáng kẻ đui thì dẫu cho Phật, Bồ-tát, thánh hiền đều cùng xuất thế cũng không làm gì được, huống gì những kẻ thấp kém hơn các ngài!

Cư sĩ Kim Xương ở Vô Tích[735] thấy được điều này bèn chép lại những chuyện nhân quả trong những đời gần đây và trong đời này, ấn loát lưu truyền, mong cho ai nấy đều ôm lòng tự lợi lợi tha, mang hạnh tự lập, lập người thì thói quen càng chánh trực, phong tục tốt đẹp, dứt bặt nhân họa mà quyến thuộc trời cũng thường ngự xuống. Những loài cạnh tranh với nhau đều cùng trở thành người trong thời Hy - Hoàng. Do vậy bèn lược thuật đại ý để cống hiến cùng người đọc.

78. Lời tựa cho sách Sanh Tây Kim Giám (sau này đổi tên thành sách Tịnh Độ Thanh Chung)

Thế giới Sa-bà dùng âm thanh làm Phật sự; biển khổ sanh tử, không niệm Phật chẳng thể thoát lìa! Bao nhiêu chúng sanh mê chân đuổi theo vọng, trái giác hiệp trần, nhiều kiếp lâu xa luân hồi sanh tử. Do vậy động đến lòng bi đồng thể của đức Thích-ca Thế Tôn ta, ngài bèn đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương để thượng trung hạ căn dù thánh hay phàm đều cùng trong một đời này vãng sanh Tây Phương, thành tựu cho bậc đại căn cơ mau chứng pháp thân, nâng đỡ kẻ căn cơ kém cỏi mau thoát sanh tử. Những giáo pháp khác trong suốt một đời đức Phật đều chẳng sánh bằng được! Do vậy, những bậc cao nhân lỗi lạc ở Tây Thiên, Đông Độ không ai chẳng dùng pháp này để tự hành, dạy người, bởi pháp này chính là diệu môn để nhập đạo, là đường tắt để thành Phật vậy.

Cư sĩ Nhị Lâm (Bành Tế Thanh) thu thập những nhân duyên lập pháp độ sanh của Phật, Bồ-tát và những sự tích niệm Phật vãng sanh của cổ đức, tăng, ni, vua,

[735] Vô Tích là một thành phố thuộc tỉnh Giang Tô, thuộc lưu vực sông Trường Giang, ở gần Thái Hồ và Tích Sơn. Theo truyền thuyết, do mỏ thiếc ở Tích Sơn bị cạn nên mới có tên này.

quan, nam nữ cho đến loài vật trong các đời, lại còn sao lục những câu nói hoằng dương Tịnh độ thiết yếu soạn thành một cuốn sách, đặt tên là Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Cư sĩ Liên Quy lại soạn tiếp cuốn [Tịnh độ Thánh Hiền] Tục Lục, đều nhằm làm kim chỉ nam cho những kẻ mê mất quê nhà, làm gương báu cho những ai chẳng nhận biết chính mình. Nhưng do số quyển quá nhiều chẳng thuận tiện cho hàng sơ cơ, nên cư sĩ Phan Đối Phù muốn làm cho kẻ sơ cơ dễ nảy sanh lòng tin tưởng, do vậy bèn đối với hai bộ Chánh Lục, Tục Lục ấy, trích yếu những sự tích rõ ràng nhất gồm hơn 200 chuyện, lại viết thêm lời tán, đặt tên là Sanh Tây Kim Giám (gương vàng sanh Tây) ngõ hầu người đọc nhìn vào gương cổ nhân nảy sanh lòng kính ngưỡng, ca ngợi. Ý ấy thật sâu xa!

Xưa kia, Tử Phòng (Trương Lương) muốn phá quân Sở liền truyền quân mình cùng hát những bài ca nước Sở, quân Sở nghe hát đều muốn quay về. Huống chi đương lúc thiên tai nhân họa liên tiếp xảy ra, vận nước nguy ngập dân không lẽ sống này, lại thêm tà thuyết tung hoành, bè lũ ma lừng lẫy, tà chánh chẳng phân, không có gì thích đáng để theo, vừa được nghe quang cảnh thế giới Cực Lạc vượt ra ngoài kiếp, trang nghiêm sẵn có, há chẳng muốn quay về để vui với thiên chân của chính mình ư? Nếu người đọc hiểu thấu suốt sự lợi và hại giữa Sa-bà và Cực Lạc, lại còn được nghe ca ngợi nhiều lần thì tôi biết cái tâm cầu sanh Tây Phương của họ sẽ như sông ngòi lúc vỡ đê, thế khôn ngăn được vậy!

79. Lời tựa cho đạo tràng niệm Phật quanh năm tại Thê Chân thường trụ

Pháp môn niệm Phật cao cả thay, do một niệm tâm tánh của chúng ta giống như hư không thường hằng bất biến. Tuy thường chẳng biến nhưng niệm niệm tùy duyên, chẳng duyên theo Phật giới sẽ duyên theo cửu giới, chẳng duyên theo tam thừa sẽ duyên theo lục đạo, chẳng duyên theo nhân thiên sẽ duyên theo tam đồ. Do duyên nhiễm tịnh bất đồng cho nên quả báo khổ vui rất khác. Tuy bản thể trọn chẳng biến đổi gì, nhưng tướng dụng cố nhiên khác nhau một trời một vực! Ví như hư không mặt trời chiếu thì sáng, mây đùn bèn tối. Tuy bản thể của hư không chẳng do mây hay mặt trời mà tăng giảm, nhưng tướng hiển hiện hay ngăn lấp cố nhiên có nói trọn năm cũng chẳng hết.

Do vì nghĩa này, Như Lai dạy khắp các chúng sanh duyên niệm nơi Phật, vì thế nói: "Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa." Lại nói: "Chư Phật Như Lai là thân pháp giới vào trong tâm tưởng của hết thảy chúng sanh. Do vậy, lúc tâm các ông tưởng Phật thì tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp phụ, tâm này làm

Phật, tâm này là Phật. Biến chánh biến tri của chư Phật từ tâm tưởng sanh." Hễ duyên theo Phật giới thì tâm này làm Phật, tâm này là Phật; nếu duyên theo các giới chúng sanh thì tâm này làm chúng sanh, tâm này là chúng sanh. Hiểu rõ điều này rồi mà chẳng niệm Phật thì chưa bao giờ có chuyện ấy! Một pháp niệm Phật chính là lấy hồng danh vạn đức của Như Lai làm duyên, mà hồng danh vạn đức ấy lại chính là vô thượng giác đạo Như Lai đã chứng nơi quả địa. Do dùng quả địa giác ấy làm nhân địa tâm nên nhân bao trùm biển quả, quả thấu tột nguồn nhân. Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm; như tò vò chúc loài sâu[736], lâu ngày sẽ hóa thành tò vò. Thành Phật ngay trong đời này, chuyển phàm thành thánh, công năng lực dụng ấy vượt trội hết thảy những pháp môn khác trong cả một đời giáo hóa. Bởi lẽ hết thảy các pháp môn đều cậy vào tự lực đoạn hoặc chứng chân mới liễu thoát sanh tử, còn pháp môn niệm Phật thì tự lực lẫn Phật lực hai thứ đều đầy đủ. Vì thế, người đã đoạn được hoặc nghiệp bèn mau chứng pháp thân, người còn đầy đủ hoặc nghiệp sẽ mang nghiệp vãng sanh.

Pháp này cực kỳ bình thường, dẫu là ngu phu ngu phụ cũng đạt được lợi ích, nhưng lại cực huyền diệu, dẫu là Đẳng giác Bồ-tát cũng chẳng thể vượt khỏi phạm vi pháp này. Bởi vậy không một ai chẳng kham tu, mà cũng không một ai chẳng thể tu được. Hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít được hiệu quả nhanh chóng, thật là một pháp môn đặc biệt trong giáo pháp cả một đời của đức Như Lai, cố nhiên chẳng thể dùng giáo lý thông thường để biện luận được. Chúng sanh đời mạt pháp phước mỏng tuệ cạn, chướng dày nghiệp sâu, chẳng tu pháp này mà cứ muốn cậy vào tự lực để đoạn hoặc chứng chân hòng liễu sanh tử thì khó khăn muôn phần! Trụ Trì chùa Thê Chân là hòa thượng Liên Nhân thấy được điều này nên đặc biệt lập đạo tràng niệm Phật suốt năm tại điện Tam Thánh, nhờ tôi giãi bày ý ấy ngõ hầu người thấy nghe phát tâm. Do vậy, tôi bèn viết đại lược như vậy đó.

80. Lời tựa cho đồng tu tịnh nghiệp của tinh xá Quy Tông

Hết thảy các pháp môn được nói trong giáo pháp cả một đời của đức Như Lai tuy đại - tiểu bất đồng, quyền - thật đều khác, nhưng không pháp nào chẳng nhằm

[736] Dân gian Trung Hoa khi xưa tin rằng con tò vò phải bắt những con sâu đem về bỏ vào tổ của chúng, rồi cứ nhắc nhở: "Biến thành tò vò!" thì những con sâu ấy lâu ngày sẽ biến thành tò vò chui ra. Thật ra, tò vò bắt những con sâu ấy bỏ vào tổ rồi đẻ trứng lên đó, tò vò con nở ra sẽ ăn thịt con sâu ấy. Khi tò vò con đã đủ sức, nó sẽ khoét tổ chui ra. Do vậy, dân gian tưởng lầm sâu nở ra thành tò vò. Ở đây, Tổ mượn truyền thuyết dân gian để nói cho người đương thời dễ hiểu.

làm cho chúng sanh đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử, phô bày trọn vẹn cái họ sẵn có, thành ngay vào Phật đạo đó thôi! Nhưng vì chúng sanh căn cơ bất nhất, khiến cho đức Như Lai phải tùy thuận cơ nghi, lập ra đủ mọi cách thuyết pháp thiên - viên - đốn - tiệm. Nhưng chúng sanh luân chuyển sanh tử bao kiếp dài lâu, hoặc nghiệp sâu dày ngăn lấp diệu minh, nếu không phải là người túc căn thành thục lại muốn ngay trong một đời này hoàn thành thì thật là hiếm có mấy ai. Đã chẳng thể hoàn thành ngay trong một đời này thì phải thọ sanh lần nữa, những kẻ vừa mê vừa thoái thất trong vạn người có đến mười ngàn, những người vừa ngộ vừa tiến trong ức người chẳng được ba bốn.

Cậy vào tự lực tu giới định tuệ để đoạn phiền hoặc chứng Niết-bàn khó khăn như thế đó, khiến cho bản hoài phổ độ chúng sanh của Như Lai bị ngăn trở chẳng thể thông suốt được, đạo làm cho chúng sanh mau thoát sanh tử bị bế tắc không thông. Nhưng đức Như Lai đại từ ắt muốn làm cho hết thảy chúng sanh cùng trong một đời này được liễu thoát sanh tử, siêu phàm nhập thánh nên bèn mở ra pháp môn Tịnh độ tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, bất luận thượng trung hạ căn đều được độ thoát ngay trong đời này, dùng chính tín nguyện của mình để niệm Phật cảm Phật từ bi nhiếp thọ, do cảm ứng đạo giao nên đạt được lợi ích ấy. Những người đã đoạn được phiền hoặc sẽ có thể chóng chứng được pháp thân, mau thành Phật đạo. Dẫu là kẻ hoặc nghiệp sâu dày cũng có thể cậy vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Do vậy trong hội Hoa Nghiêm, các bậc Đẳng giác Bồ-tát chứng bằng với chư Phật còn phải dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc; trong Quán kinh, những tội nhân nghịch ác sắp đọa địa ngục A-tỳ do xưng niệm hồng danh mười lượt mà được dự vào các phẩm cuối. Độ khắp ba căn, lợi độn gồm thâu, hết thảy chúng sanh trong tận pháp giới cứ hễ có tín nguyện thì không một ai chẳng được thấm nhuần, viên đốn thẳng chóng, vượt trỗi hết thảy các pháp môn. Chúng sanh đời mạt muốn liễu sanh tử mà chẳng tu pháp này, cứ tu tràn lan các pháp môn cậy vào tự lực khác thì chỉ đạt được cái nhân đắc độ trong tương lai, quyết khó thể đắc quả liễu thoát ngay trong đời này!

Cư sĩ Vương Chửng Bang ở Hạ Môn túc căn sâu dày, hạnh trong đời này tinh thuần, tin chắc nhân quả, chuyên dốc tu tịnh nghiệp, muốn cho khắp mọi người đều sanh Tịnh độ bèn dựng tinh xá tại bên trái Thái Bình Nham ở Bổn Phụ, ngõ hầu những người cùng chí hướng tùy theo thân phận đến đấy niệm Phật, gieo nhân vãng sanh. Vào ngày Chủ Nhật, đặc biệt thỉnh những người thông hiểu đến giảng diễn duyên do pháp môn Tịnh độ và pháp tắc tu trì cũng như mọi lợi ích trong hiện đời và sau khi chết đi, cũng có thể nói ông ta là người đầy đủ tâm đại

bi, có con mắt chọn lựa pháp vậy. Ông lại gởi thư xin tôi đề biển tên tinh xá và trình bày đại ý. Tôi nghĩ một pháp Tịnh độ chính là pháp môn thù thắng để ba đời chư Phật dưới độ chúng sanh, để chín giới chúng sanh trên thành Phật đạo, là pháp môn thành thủy thành chung[737] thù thắng, cao vượt hết thảy Thiền - Giáo - Luật, thống nhiếp hết thảy Thiền - Giáo - Luật. Bởi lẽ, hết thảy các pháp truy đến nguồn gốc ban đầu thì không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này, xét đến chung cục thì không pháp nào chẳng quy hoàn pháp giới này. Do vậy bèn đặt tên là Quy Tông, ngụ ý: hết thảy các pháp môn rốt cuộc đều quy về pháp này, giống như ý nghĩa sông ngòi đều chầu về biển cả vậy. Nghĩa này được tìm ra từ chỗ "quy tông" ở cuối kinh Hoa Nghiêm, những ai không tin được thì xin hãy chất vấn Phổ Hiền Bồ-tát.

Lại nữa, phàm hết thảy những thiện tín tu tịnh nghiệp đều phải tận lực giữ vẹn luân thường, ai nấy tận sức vâng giữ bổn phận, kiêng giết, ăn chay, thanh tâm, ít ham muốn, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, dùng việc làm của chính mình để hóa độ, hướng dẫn hết thảy, trong là cha mẹ quyến thuộc, ngoài là bầu bạn xóm làng, khiến cho hết thảy những người cùng hàng đều biết "tâm này là Phật", cố nhiên thường học theo Phật hạnh, cùng tu Phật từ, cùng niệm Phật danh để mong sao hết một báo thân này vãng sanh Tây Phương, thoát luân hồi huyễn vọng, chứng Phật tánh sẵn có mới thôi!

81. Lời tựa trình bày duyên khởi của hội Phật Giáo Đài Loan

Phật giáo chính là cái gốc lớn lao của hết thảy các pháp, hết thảy các giáo. Vì sao nói thế? Hết thảy các pháp do tâm kiến lập, hết thảy phàm thánh do tâm xuất sanh. Hết thảy các giáo trong thế gian tuy đều nói đến tâm, nhưng những gì được các giáo ấy nói chỉ là luận về tác dụng của tâm, chứ cội nguồn cùng tột của bản thể "bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến, tâm này làm Phật, tâm này là Phật, tâm làm tam thừa, tâm là tam thừa, tâm làm lục đạo, tâm là lục đạo" thì các giáo đều chưa phát huy được. Chỉ có mình đức Thích-ca Thế Tôn ta triệt ngộ tự tâm, biết tâm của hết thảy chúng sanh và tâm của Như Lai không hai không khác, nhưng do mê nên chưa ngộ, oan uổng làm chúng sanh, cho nên nói: "Hết thảy chúng sanh đều đầy đủ trí tuệ của Như Lai nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng, chấp trước thì nhất thiết trí, vô ngại trí đều được hiện tiền." Lại nói: "Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, ta là Phật đã

[737] Thành thủy thành chung (thành ban đầu, thành sau rốt), gọi như vậy vì hành nhân dùng pháp này để viên thành Phật đạo, đó là "thành thủy". Thành Phật rồi lại dùng pháp này để thành tựu chúng sanh cùng viên thành Phật đạo nên gọi là "thành chung".

thành, các ông là Phật chưa thành.” Đấy đều là những điều đức Phật nói ra khi mới vừa thành Phật trong các hội Hoa Nghiêm, Phạm Võng. Do vì đại căn chúng sanh mau chóng ngộ tự tâm, nhập tri kiến Phật, còn hàng tiểu căn chưa thể nhập được ngay nên Phật thuận theo cơ nghi để thành thục họ. Lại muốn cho hết thảy dù thánh hay phàm cùng trong một đời này thoát lìa sanh tử nên đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật vãng sanh Tây Phương, khiến cho hết thảy những ai không có sức đoạn hoặc, chẳng thể vượt thoát ra ngoài luân hồi đều cậy vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh, cao dự chín phẩm trong hội tốt lành, thân cận ánh sáng yên vui của Phật Di-đà, để rồi rốt ráo chứng triệt để tự tâm mới thôi. Lòng chân từ đại bi vỗ về, nuôi dạy kẻ căn cơ nhỏ nhoi của đức Như Lai có thể nói là tột bậc không còn gì hơn được nữa!

Phật pháp tuy gọi là pháp xuất thế gian, nhưng thật ra đạo luân thường hiếu đễ thế gian và pháp “cách vật trí tri, chánh tâm thành ý, tu tề trị bình” đều được Phật pháp phát huy đến cùng tận, chẳng bỏ sót mảy may điều thiện nào. Vì thế, xưa nay những vị lập đại công, dựng đại nghiệp, hạo khí ngời trời đất, tinh thành lòa nhật nguyệt, lời lẽ, hành vi trở thành pháp tắc cho cõi đời phần nhiều là do học Phật đắc lực mà ra; những người thông minh duệ trí vượt trỗi muôn người không ai chẳng cung kính sùng phụng Phật pháp, hộ trì, lưu thông, để về mặt ngầm là giúp cho thế đạo, về mặt lộ là giữ yên dân tình, hòng đạt được hiệu quả thật sự là làm cho dân chúng ngày càng hướng thiện mà chẳng biết. Những nhà Nho câu nệ, hẹp hòi, không có được con mắt trí như vậy thường chỉ trích bừa bãi, bảo Phật pháp khinh miệt luân lý, vô ích cho quốc gia. Bọn họ chấp nhặt chuyện bỏ tục xuất gia, chẳng biết Phật giáo dạy người tận lực giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, trọng lòng kính, giữ lòng thành, khắc kỷ, giữ lễ, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, kiêng giết, che chở sanh vật, tín nguyện niệm Phật ngõ hầu lúc sống dự vào dòng thánh, khi chết về cõi Cực Lạc. Khắp trọn thế gian hết thảy kẻ phú quý, bần tiện, trí ngu, hiền tệ, già trẻ, trai gái, không ai chẳng thể nương theo pháp này tu tập, há phải đâu chỉ có mình người xuất gia mới làm được ư?

Nếu như hết thảy mọi người thật sự nương theo pháp này tu tập thì gần là hưởng niềm vui thoát khỏi tam giới, xa là chứng quả phước tuệ nhị nghiêm. Phải biết do Như Lai nêu tỏ lý “tâm sẵn có Phật tánh” và sự “nhân quả ba đời” nên đã khiến cho không biết bao nhiêu kẻ ngu phu ngu phụ trở thành thánh hiền, khiến cho không biết bao nhiêu kẻ đại ác ngoan bướng, hung hãn dứt bỏ lòng ác ngầm. Do vậy, thực hành Phật pháp thì thiên địa quỷ thần thảy đều hiện điềm lành, huống

chi là con người? Ngay như một pháp xuất gia cũng chẳng phải là khinh miệt luân thường; bởi lẽ những người ấy được cha mẹ cho xuất gia, tu tinh ròng phạm hạnh, dùng công đức tu trì của chính mình để hồi hướng cho cha mẹ, mong sao thần thức cha mẹ thoát khỏi tam giới ngự lên chín phẩm, ngộ vô sanh, chứng bản tánh. So với những kẻ hiếu dưỡng, nhưng để cha mẹ luân hồi trong tam đồ lục đạo bao kiếp dài lâu không nơi nương tựa, chẳng tốt hơn lắm hay sao?

Huống chi Phật dạy đệ tử coi hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ thân quyến trong quá khứ, dùng tâm từ bi hành hạnh phóng sanh. Chẳng những đối với cha mẹ trong đời này không nỡ lòng coi thường gạt qua một bên, mà còn đối với hết thảy những sanh vật sống trên đất, dưới nước, bay trên không cũng chẳng nỡ coi thường bỏ qua. Dù cho sức chẳng thể lo hết, vẫn dùng bi tâm thiện niệm vì họ niệm Phật, mong cho họ mau thoát khỏi ác đạo, mau sanh về Tây Phương mới thôi. Do vậy nói rằng: "Nếu con người hành theo Phật pháp sẽ thắng tàn bạo, bỏ giết chóc, thế đạo thái bình vậy!" Hơn mấy mươi năm gần đây, sát kiếp trọn khắp trong ngoài nước, do khí ác ấy chiêu cảm thiên tai, lụt lội, hạn hán, bão tố, động đất liên tiếp giáng xuống, vận đời nguy ngập, dân không lẽ sống. Những vị lo cho đời nghĩ cách cứu vãn, bèn lấy việc đề xướng Phật học làm nhiệm vụ cấp bách. Nếu con người biết được nhân quả ba đời, sự thật luân hồi lục đạo và diệu đạo "nhất niệm tâm tánh của chúng ta chẳng khác với chư Phật" thì có ai chịu dùng cái vốn "tâm này làm Phật, tâm này là Phật" để tạo nghiệp sanh tử, vĩnh viễn đọa trong ác đạo hay chăng?

Đại sư Đằng Chiếu ở Đài Loan thương cho đời nhiều kẻ không biết, thề muốn lợi khắp đồng nhân nên tính lập hội Phật giáo để đề xướng, giảng thuyết khiến cho đại chúng đều biết. Thoạt đầu hội ấy định kỳ tu trì để làm gương mẫu ngõ hầu phong thái ấy được lưu hành khắp cõi, khiến cho nhà nhà Quán Thế Âm, chốn chốn Di-đà Phật. Lại còn lưu thông những kinh điển được in khắc từ các nơi, khiến cho những ai có tín tâm hiểu được văn nghĩa đều được đọc tụng, thọ trì, hòng tận lực thực hành luân thường, trọn hết bổn phận, trọng lòng kính, giữ lòng thành, khắc kỷ, giữ lễ, không làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, kiêng giết, che chở loài vật, tín nguyện niệm Phật để mong sao sống dự vào bậc thánh hiền, mất về cõi Cực Lạc. Lợi ích ấy chẳng thể diễn tả được. Sư biết Quang là người có cùng chí hướng, bèn gởi thư nhờ viết lời tựa, nên tôi bèn diễn giải đại lược "Phật giáo lợi khắp hết thảy hữu tình" vậy!

82. Lời tựa Phát Ẩn[738] cho Ngô Tùng[739] Phật Giáo Cư Sĩ Lâm

Phật pháp rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, không gì lớn lao chẳng bao gồm, không gì nhỏ nhặt chẳng nêu lên, vốn dùng nhất tâm để lập, tùy cơ nghi mà thuyết pháp. Tuy gọi là pháp xuất thế gian nhưng thật ra trọn đủ hết thảy thiện pháp thế gian; tuy chẳng bỏ sót mảy may điều thiện nào, nhưng lại chẳng chấp vào một pháp ("chẳng chấp" là chẳng cho đó là đức, chẳng tự mãn, cho là đủ; nếu hiểu lầm chẳng tận lực thật hành là *"chẳng chấp"* thì lầm to mất rồi), chỉ vì không chấp trước nên hành đến rốt ráo. Xưa nay, những ai hạnh tốt đẹp hơn người đa phần là do học Phật đắc lực mà ra. Do vậy, từ ngay nơi cái tâm phàm phu bèn khế hợp Như Lai tạng, đối với mỗi một pháp thảy đều thông đạt đến cùng tột cội nguồn, đích thân chứng được thật tướng. Tuy là lý u huyền sâu thẳm đến tột cùng, nhưng tùy theo căn cơ lớn nhỏ đều có thể nhập được, trọn khắp thế gian không một ai chẳng kham tu, mà cũng không một ai chẳng thể tu được. Bởi lẽ con người có cùng một tâm này, tâm cùng một lý này vậy! Phải biết vô lượng pháp môn đều phải dùng tự lực đoạn hoặc chứng chân mới thoát sanh tử được; tìm lấy một pháp nhiếp thọ chúng sanh phổ biến nhất, cứu vớt nhanh chóng không ngằn mé, ba căn thượng trung hạ đều cùng tu, chặng đầu, chặng giữa, chặng cuối, thỉ giác, bổn giác chẳng hai, chẳng đoạn phiền hoặc, chẳng cần phải đợi đến đời khác mà liễu sanh thoát tử siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này thì chỉ có mình pháp môn Tịnh độ là được như vậy.

Do vậy, bậc thượng căn như Văn-thù, Phổ Hiền, hạ căn như phường ngũ nghịch thập ác đều là những căn cơ được nhiếp thọ bởi pháp môn Tịnh độ. Do pháp này thật giản dị, thật dễ dàng, thật nhanh chóng, thật viên mãn, nên nó giống như đại địa chở khắp muôn vật, như biển cả dung nạp các dòng nước. Phàm những ai học Phật tu tịnh nghiệp đều phải tận lực giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, cha từ con hiếu, anh nhường em kính, chồng xướng vợ theo, chủ nhân từ, tớ trung thành, chỉ cốt sao chẳng thẹn với thiên chức thì mới tạo lập được cơ sở để học Phật. Tiến hơn bước nữa thì cung kính thọ tam quy, kính cẩn tu thập thiện, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện (chuyện "đừng làm" và "vâng làm" phải căn cứ nơi khởi tâm động niệm mà luận, nếu chỉ luận trên mặt sự tướng thì là tự dối mình, lừa người vậy), kiêng giết, che chở loài vật, thương tiếc mạng sống loài vật, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Người như thế là của báu trong thế gian, sống được nổi tiếng, chết về cõi Phật.

---

[738] Phát ẩn là trình bày những nghĩa lý ẩn kín, làm cho được phô bày rõ ràng.
[739] Ngô Tùng là một thị trấn công nghiệp thuộc Thượng Hải, nằm ngay trên sông Hoàng Phố.

Lại phải biết dùng những chuyện ấy cảm hóa hết thảy từ thân đến sơ, từ gần đến xa, khiến cho hết thảy mọi người cùng thành thiện nhân, tu chân ngay trong cõi tục, sống trong cõi trần đảm nhận việc nước, cảm hóa những điều tàn bạo đã phát sanh, tiêu trừ họa loạn khi còn chưa chớm. Do vậy, phong tục thuần mỹ, nhân tâm biến đổi lớn lao, tai tiêu phước thạnh, quyến thuộc trời thường đến, công đức ấy chẳng thể diễn tả được! Nếu chỉ lăm lăm trộm lấy cái danh học Phật, chẳng chuyên chú học Phật thật sự, sẽ trở thành tội nhân đối với Phật pháp, chẳng những cái hư danh chẳng thể đạt được mà còn sẽ bị tai họa thật sự xảy đến về sau. Ví như trẻ nhỏ vô tri, đem bảo châu ma-ni trị giá tam thiên đại thiên thế giới đổi lấy một miếng đường để ăn, đường chẳng thể no bụng, lại còn bị mất chỗ nương cậy cho cả một đời, muốn chẳng chết vì đói lạnh há có được ư? Các cư sĩ ở Ngô Tùng mở ra Phật Giáo Cư Sĩ Lâm muốn cho hết thảy đồng nhân dốc chí tu trì, ngõ hầu ai nấy đạt được lợi ích thật sự, xin Quang viết mấy lời để làm bài cảnh sách. Nhân đấy bèn trình bày đại ý.

Xem đó thì biết Phật pháp là gốc của các pháp thế gian. Những kẻ câu nệ hẹp hòi kia do không có con mắt trí nên chẳng thể thấy thấu suốt, bèn nói Phật pháp diệt luân lý, vô ích cho con người, quốc gia, có khác gì kẻ mù từ lúc lọt lòng được hưởng ân che chở, chiếu soi của bầu trời và mặt trời nên được thành người, nhưng vì chẳng thấy bèn bảo là không có, chẳng đáng buồn lắm ư?

83. Lời tựa cho Phật Hóa Tùy San

Phật pháp là cội nguồn của hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, vì thế đạo ấy không gì lớn lao chẳng bao gồm, không gì nhỏ nhặt chẳng nêu. Lời lẽ rộng lớn dẫu cạn hết biển mực cũng chẳng thể viết hết được, nói đến sự thì dù kiếm lấy một chữ cũng không thể được. Phàm là đạo "hiếu đễ trung tín lễ nghĩa liêm sỉ", pháp "cách vật trí tri, thành ý chánh tâm, tu tề trị bình", không gì chẳng chỉ dạy tường tận không sót, chứ không phải chỉ nói về nhân quả ba đời, nêu rõ thiện ác báo ứng, xiển phát Phật tánh sẵn có nơi tâm, sự lý đoạn hoặc chứng chân mà thôi! Ấy là vì hết thảy các pháp đều vốn ở nơi tâm, chỉ cần triệt ngộ tự tâm bèn có thể kiến lập các pháp. Hễ biết được chỗ chỉ quy thì dẫu là phàm phu cũng đều có thể làm được, đạt được. Xét đến cái đạo cùng cực thì dẫu là thánh nhân vẫn có điều không biết. Do vậy, những bậc thông minh duệ trí, những bậc cao nhân lỗi lạc vượt trỗi mọi người thời cổ, không ai chẳng hộ trì, lưu thông, ngầm tu hiển hóa còn e chưa xuể nữa là!

Xét từ thời Đông Hán, Phật pháp được truyền sang Chấn Đán, tìm lấy bậc cao nhân kiệt xuất, đại hưng pháp đạo thì xứ Tần (Thiểm Tây) chúng ta là nhất. Do Phật pháp được hưng khởi mạnh mẽ từ đời Tấn, đương thời Phù Tần, Diêu Tần[740] đều đóng đô tại Trường An[741], và ngài Đạo An đến đất Tần, ngài La-thập vào trong ải[742], phàm những vị kiến giải siêu việt trong hàng tăng tục, kiến thức xuất chúng đều quay về thờ hai vị ấy làm thầy. Đến thời Tùy - Đường vẫn đóng đô tại đây. Do vậy hoằng tuyên pháp đạo vượt trội cổ kim. Vào thời Đường, các tông đều có đủ bởi quốc gia hết sức tôn sùng, do vậy thủ lãnh các tông đa phần ngụ tại kinh đô, để sở học, sở đắc của mình về mặt ngầm giúp cho việc bình trị, về mặt nổi là giữ yên dân tình, sự thạnh hành của pháp đạo tại Trường An xứ khác làm sao sánh bằng cho được!

Về sau tuy kinh đô được dời sang xứ khác, nhưng những vị hoằng tông diễn giáo, ngầm tu thầm chứng vẫn đời đời chẳng thiếu người. Đến cuối đời Thanh, sau cơn loạn giặc tóc dài, giặc Hồi, nhân dân khốn khó, đạo này bị gác lại không ai hỏi đến, nhưng mạch dây vẫn chưa đứt. Mười mấy năm gần đây, thế đạo nhân tâm đã hoại loạn đến cùng cực, nhưng loạn đến cùng cực ắt phải nghĩ đến bình trị, vận bỉ đến cùng cực ắt phải nghĩ đến lúc thái, phàm những người thấy biết thông suốt không ai chẳng dùng việc phô rõ nhân quả, chỉ bày báo ứng, chỉ thẳng nguồn tâm, nêu tỏ tánh thể của Phật pháp làm đạo trọng yếu để vãn hồi thế đạo nhân tâm. Do vậy, dù tăng hay tục đều đua nhau đề xướng tu trì ngõ hầu mình lẫn người cùng thoát mê đồ, sanh lên bờ giác. Do vậy đôn đốc luân thường, tinh tu tịnh nghiệp, sống dự vào bậc thánh hiền, thác về cõi Cực Lạc.

Do vậy, hội Phật giáo ở Trường An tưng bừng thành lập, những người cùng tỉnh đã sống nơi xứ khác, nếu chẳng viết thư báo ắt chẳng thể diễn đạt hết ý được. Vì thế những chuyện được thấy được nghe, những lý được thấu hiểu, được ngộ giải, những phương pháp ngầm tu thầm chứng, những giáo huấn cách ngôn, những lời luận bàn hay đẹp, những nghiên cứu bàn luận giữa bạn bè, những gì phát huy được soi sáng bởi trí tuệ, đều chia môn phân loại, chép thành Tùy San. Đây kia xem xét, bổ trợ lẫn nhau, cốt sao chánh trí được khai phát bởi các lời bàn

[740] Nhà Tiền Tần còn gọi là Phù Tần, do Phù Kiên lập ra ở đất Quan Trung. Vì Quan Trung thuộc đất Thiểm Tây (đất Tần cũ), nên xưng quốc hiệu là Tần. Do tham vọng, Phù Kiên xua quân đánh chiếm Đông Tấn, nhưng bị thất trận. Trên đường rút lui, Phù Kiên bị một bộ tướng là Diêu Tràng hạ sát, soán đoạt vương vị. Diêu Tràng vẫn xưng quốc hiệu là Tần. Sử gọi là triều đại ấy là nhà Hậu Tần hay Diêu (Dao) Tần, và gọi triều đại của Phù Kiên là Phù Tần.
[741] Trường An chính là thành phố Tây An ngày nay, thuộc địa phận tỉnh Thiểm Tây.
[742] Do ngài La-thập người xứ Quy Tư (Kuche) ở ngoài quan ải của Trung Hoa, nên việc ngài đến Trường An được gọi là "nhập quan" (vào trong ải).

luận, do giúp lẫn nhau lệ trạch[743] sẽ cùng được tươi tốt rộng khắp. Sẽ thấy do biết nhân quả nên vĩnh viễn dứt được ác tâm "mạnh ăn thịt yếu", tận tâm giữ vẹn luân thường, cùng ôm ấp thiện niệm thương dân yêu vật, trừ giết chóc, thắng hung tàn, trở về thời đại đồng, phong tục thuần mỹ, cùng làm người trong thời Hy - Hoàng. Lợi ích ấy há thể diễn tả được ư?

Do vậy bèn chúc rằng: "Như Lai đại pháp là nguồn các pháp, hết thảy các pháp không gì chẳng bao hàm. Giữ vẹn luân thường đến tột bực, phát huy không sót, sự lý nhân quả đều thích hợp cơ nghi. Tưởng nghĩ Tần Xuyên xưa kia hiệu là Pháp Quật (hang pháp), Hiền, Từ[744], Mật, Luật đều bắt nguồn từ đây. Thiện Đạo, Pháp Chiếu xiển dương Liên tông, khiến cho khắp phàm phu cùng thoát lồng rọ. Chúng sanh đời mạt đoạn hoặc không dễ, chỉ mình pháp này thật đáng nương tựa. Từ Tấn đến Đường, hơn 500 năm, pháp đạo Chấn Đán không đâu hơn được. Từ đấy về sau đời nào cũng có những bậc cao nhân ngầm tu mật chứng, phần nhiều ẩn mình. Bầu trời chân tánh lý đã già dặn, nhiếp thọ liên trì, trung hưng Tịnh độ, quả thật bắt nguồn từ đây. Nếu đức không cùng tột, ai chịu khuất phục? Tiếc cho dấu thơm cổ đức đã bị mất nhiều! Đến cuối đời Thanh, chiến tranh liên miên, nhân dân tan tác, truyền hoằng gần tiêu. Gần đây bậc thông nhân tầm mắt rộng mở, biết nếu không dùng Phật pháp sẽ không cách gì vãn hồi tai kiếp. Do vậy tụ tập tăng tục, những người đồng chí tùy cơ đề xướng, dựng lập cờ pháp muốn cho khắp tất cả được hưởng pháp lợi, đề xuất Tùy San, lệ trạch tạo ích lợi lẫn nhau, mong ngộ được tánh thiên (bầu trời chân tánh). Phật do tâm làm, đạo do người hoằng, nếu cạn lòng thành đến mức cùng cực, gió thổi cỏ rạp. Quang tuy tầm thường, kém cỏi cũng biểu lộ đồng tình, chẳng nề ngu tối làm người rao đường. Nguyện những người đồng hành với tôi đều tu tịnh hạnh, ngõ hầu siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này."

84. Lời tựa duyên khởi cho Đôn Bản Học Hiệu ở Phật Xuyên

Nho - Thích hai giáo về mặt hình tướng tợ hồ khác nhau, về gốc vốn cùng. Có kẻ chấp vào hình tướng mê mất cái gốc thường bài xích Phật pháp, cho là diệt luân lý, gây rối chánh trị nước nhà, vô ích cho xã hội, có hại cho dân sanh. Đức

[743] Kinh Dịch có quẻ Lệ trạch đoài, được Khổng tử giảng là *"quân tử dĩ bằng hữu giảng tập"* (quân tử cùng bạn bè nghiên cứu, bàn luận, tập tành) nên kinh sách cổ thường dùng chữ lệ trạch để chỉ sự thảo luận, nghiên cứu giữa những người cùng chí hướng.

[744] Hiền là Hiền Thủ tông (Hoa Nghiêm tông), Từ là Từ Ân tông (tức Duy Thức tông). Gọi là Từ Ân tông vì ngài Khuy Cơ, cao đồ của pháp sư Huyền Trang, là người đã xiển dương tông Duy Thức đến cùng tột. Đương thời, ngài Khuy Cơ trụ tại chùa Từ Ân nên tông Duy Thức thường được gọi là Từ Ân tông.

Như Lai gọi những kẻ thế trí biện thông biện luận mù quáng như thế là "kẻ đáng thương xót", chẳng biết Phật pháp có đủ pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Nếu luận trên pháp thế gian thì đạo "hiếu đễ trung tín lễ nghĩa liêm sỉ", pháp "cách vật trí tri, chánh tâm thành ý, tu tề trị bình" của Nho giáo trong các kinh Đại Tiểu thừa không gì Như Lai chẳng nói trọn. Nhưng thánh nhân thế gian chỉ căn cứ trên đời này, chỉ dạy con người tận nghĩa, tận phận, còn Phật nói đủ ba đời quá khứ - hiện tại - vị lai, và dạy rõ thiện báo của việc tận phận, ác báo của việc chẳng tận phận. Người thượng căn chỉ nghe được chuyện tận nghĩa, tận phận là chuyện nên làm bèn dốc trọn thân gánh vác, còn hạng trung hạ căn ngoài mặt kính phụng nhưng trong lòng ngầm trái nghịch nên không cách gì đối trị được. Nếu nghe đến nhân quả ba đời, biết tận phận thì được thiện báo, chẳng tận phận mắc ác báo, dẫu là kẻ ngu bướng chắc chắn cũng chẳng vui mừng vì bị tai họa, mang ý niệm tìm chuyện xui, tránh chuyện hên. Do biết thiện ác báo ứng ba đời, dù chẳng muốn tận nghĩa, tận phận, nhưng vì mong mỏi thiện báo, sợ ác báo nên cũng sẽ gắng sức tận nghĩa, tận phận.

Đấy chỉ là luận trên sự việc nông cạn, gần gũi nhất thì đã có thể biến kẻ ngu bướng thành người lương thiện, chuyển thói tục tệ bạc thành phong tục thuần hậu, huống hồ những lợi ích sâu xa thì bọn phàm phu thế gian kia làm sao có thể thấy hết, biết trọn cho được! Chỉ luận về hiếu thì đã trọn khắp lục đạo cho đến tột cùng đời vị lai. Do vậy các kinh Phạm Võng, Lăng-già v.v. đều dạy sanh tâm hiếu thuận, tâm từ bi, kiêng giết, phóng sanh, bởi lẽ hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham thành Phật, đều trong vô lượng kiếp đến nay luân hồi sáu nẻo, ai nấy lần lượt làm cha mẹ, anh em, vợ con, bạn bè của nhau. Nói nghĩ đến đây, lẽ ra phải giúp cho họ được sống yên vui, nỡ nào nhằm thỏa ham muốn của bụng miệng mà tàn hại cha mẹ quá khứ, chư Phật vị lai ư? Huống chi đã tạo sát nghiệp ắt mắc chịu sát báo, ai chịu thỏa nỗi ham muốn tạm thời của miệng bụng để rồi trong đời vị lai thường bị mỗi một chúng sanh từng bị ta giết hại ăn thịt trước kia sẽ giết ăn thịt trở lại chính mình ư? Huống chi binh đao đại kiếp trong thời gần đây thảm thương chẳng nỡ nói, nguyên nhân đều là do sát sanh ăn thịt mà ra. Nếu ai nấy đều y theo Phật pháp, kiêng giết, giữ gìn sanh mạng loài vật, ăn chay, niệm Phật, chẳng gây nhân giết chóc thì tự mình không có quả giết chóc, khó gì chẳng thắng được bạo tàn, trừ khử giết chóc, trở thành yên ổn rất mực ư? Xét ra, thế đạo có thái bình thì cha mẹ, anh em, vợ con, bạn bè ai nấy mới được vui sướng, ai nấy tận nghĩa tận phận không hối tiếc gì thì mới là hợp với tâm hiếu thuận, ý chỉ cốt

lõi từ bi mà đức Phật đã nói. Do vậy nói "đức Phật dạy đạo hiếu vừa lớn lao vừa sâu xa!"

Đại sư Chân Đạt sanh trong nhà họ Hồ ở Phật Xuyên, tuổi nhược quan (20 tuổi) liền ngộ cõi đời chẳng thường, bèn xuất gia nơi Tam Thánh Đường ở núi Phổ Đà, tinh tu tịnh nghiệp, mong sanh về Liên Bang. Mấy mươi năm qua, cha mẹ, anh em đều tạ thế cả, không người cúng giỗ. Do lòng hiếu thuận, lại nghĩ đến con em những nhà đói rét, nghèo hèn ở nơi ấy không đủ sức đi học, bèn đem tiền y bát dành dụm được hơn bảy ngàn đồng giao cho người nhiệt tâm công ích trong họ, lập ra một trường học nhỏ mang tên Đôn Bản để con em nơi ấy đều được đi học. Chương trình học chú trọng những chuyện như tận lực thực hành hiếu đễ v.v.. Những sách dùng để học chú trọng vào Ngũ Kinh, Tứ Thư v.v. kèm thêm vài phần của cách học mới, ngõ hầu giữ vẹn cái gốc trọng đạo mà chẳng vướng khuyết điểm không hợp thời, chẳng thích ứng vậy. Người trong họ cảm nghĩa ấy, đem các thần chủ[745] cha mẹ, anh em… của sư thờ cúng trong nhà trường. Nếu trường ấy chẳng bị phế bỏ thì sẽ thờ phụng mãi. So với những người có con cháu nhưng là hạng bất tiếu khiến cha mẹ bị nhục lây, hoặc giữa chừng bỏ lửng không cúng giỗ thì cha mẹ, anh em v.v. của sư vinh diệu hơn nhiều lắm.

Lại do đất Phật Xuyên vốn nằm trên trục lộ giao thông, thường có người đi đường bị chết không có quan tài khâm liệm, sư bèn bỏ ra riêng một ngàn đồng giao cho người quản trị nhà trường đầu tư kiếm lời, dùng tiền lời ấy làm chi phí mua gỗ đóng hòm, chôn cất. Người trong địa phương nghèo không mua nổi quan tài cũng thí cho. Ôi, cao đẹp thay! Tâm của sư Chân Đạt có thể nói là bình đẳng công bình hết mực, trọn không có ý tự tư tự lợi, khiến người trong họ cảm kích, thờ phụng cha mẹ sư dài lâu, những người chỉ mưu toan cho con cháu có được lợi ích như vậy hay chăng? Nhưng Quang lại muốn cho những người trong họ ấy đều được lợi ích thật sự nên chẳng ngại trình bày đại lược nỗi lòng ngu muội. Trộm cho rằng sư Chân Đạt xuất gia học Phật đem tiền y bát dư ra để làm chuyện công ích cho người quê mình thì người cùng quê cũng phải ngửa noi theo dấu thơm ấy, ai nấy tu tịnh nghiệp. Gian chính giữa nhà trường nên thờ tượng Tây Phương Tam Thánh, người quản trị, giáo viên, học sinh trong trường đều nên sáng chiều lễ kính để cầu nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước cao thì mới là lợi ích thật sự rốt ráo. Trong trường cố nhiên nên đoạn dứt vĩnh viễn những thứ tanh tưởi (đồ mặn) thì mới chẳng phụ ân nghĩa của vị tăng dùng tiền thập phương

[745] Thần chủ là bài vị thờ người chết, khi xưa chưa có hình ảnh, người ta thường viết tên họ người chết làm bài vị để thờ.

tín thí để lập học hiệu. Nếu không, chẳng những không hợp với bổn tâm của sư Chân Đạt mà cũng chẳng phải là giữ vẹn cái gốc, tự yêu lấy mình, khiến cho chính mình cùng các học trò hằng ngày được un đúc trong Phật pháp mà hoàn toàn chẳng được lợi ích thật sự gì! Chẳng tiếc lắm ư?

Phải biết Phật pháp chính là gốc của hết thảy các pháp, mà trong Phật pháp một pháp niệm Phật cầu sanh Tịnh độ lại là pháp môn vô thượng chí viên chí đốn, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, độ khắp ba căn, lợi độn đều thâu, thành thủy thành chung, là pháp hết thảy mọi người đều nên tu tập, huống gì nhà trường này ư? Chớ nói tăng bỏ tiền lập trường nên ép người ta học Phật. Đấy chính là tâm hiếu thuận, tâm từ bi muốn cho hết thảy mọi người trong trường này đều liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, làm đệ tử Phật Di-đà, chứng Phật tánh sẵn có mà thôi! Chẳng thấy hiện thời những người bác học đa văn tri kiến sâu xa quá nửa đều nghiên cứu tu trì pháp môn niệm Phật đó ư? Nếu sống trong nhà trường này mà chẳng tu trì thì thành ra là gánh gai bỏ vàng, đến núi báu trở về tay không, chẳng đáng tiếc sao?

85. Lời tụng và lời tựa bức tranh ngàn vị Phật

Tâm như thợ vẽ khéo, vẽ được các thế gian. Phật là chánh giác thế gian, còn Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn, trời, người, a-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục là hữu tình thế gian, còn gọi là mười pháp giới. Mười pháp giới này tuy là thánh phàm khác biệt, khổ vui sai khác vời vợi, nhưng chân như Phật tánh sẵn có đều hệt như nhau, chỉ do dụng tâm khác biệt nên mới có mười thứ tướng biến hiện ấy. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật dạy: "Tâm này làm Phật, tâm này là Phật." Làm Phật nghĩa là quán tưởng tượng Phật, nhớ niệm Phật đức cũng như Phật hiệu; là Phật nghĩa là lúc quán tưởng, nhớ niệm thì tướng hảo trang nghiêm, phước đức, trí tuệ, thần thông, đạo lực của Phật đều hiện trong cái tâm quán tưởng, nhớ niệm ấy như gương soi hình, giống hệt nhau không hai.

Như vậy, nếu tâm chẳng làm Phật thì tâm chẳng phải là Phật; tâm làm tam thừa thì tâm là tam thừa; tâm làm lục đạo thì tâm là lục đạo. Bản thể của tâm giống như một tờ giấy trắng, tác dụng thiện ác nhân quả của tâm giống như vẽ Phật hay vẽ địa ngục, đều tùy tâm hiện. Bản thể tuy đồng, nhưng tạo tác thật khác. Vì thế nói: "Chỉ là thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được ý niệm bèn thành thánh", chúng ta chẳng thận trọng nơi những gì mình nghĩ, mình làm ư? Cư sĩ Chu Hiểu Nhai xưa có linh căn, sanh ra liền ăn chay, khéo vẽ người vẽ vật, bút pháp xuất thần, muốn khiến cho diệu tướng vạn đức trang nghiêm của Như Lai

in vào tám thức điền của hết thảy chúng sanh để nhờ vào đây, thiện căn được tăng trưởng, mở rộng dần cho đến khi thật sự chứng, hòng khỏi phụ chân như Phật tánh ai nấy sẵn có và tâm Như Lai đại từ bi nhiều cách dẫn dắt. Vì thế, ông ta kính cẩn vẽ một ngàn vị Phật cho in thạch bản lưu thông, xin Quang viết lời tựa để nêu bày nguyên do. Do vậy, tôi bèn phát huy đại lược ý nghĩa "tâm làm, tâm là", mong những ai thấy nghe đều biết được những gì nên lấy nên bỏ để dốc sức. Tụng rằng:

Phật do tâm làm,
Ngục do tâm tạo,
Lực dụng của tâm,
Thắng diệu bậc nhất.
Đã làm được Phật,
Sao tạo địa ngục?
Do mê hướng về,
Chứa nhân ác họa!
Cư sĩ Hiểu Nhai,
Muốn dẫn dắt người,
Kính vẽ ngàn Phật,
Để chỉ pháp yếu.
Khiến người thấy nghe,
Đều sanh kính ngưỡng,
Kiệt thành tận kính,
Lễ cúng quán tưởng,
Đã thấy thánh tượng,
In vào thức điền,
Do thiện căn này,
Ắt chứng nguồn tâm,
Đem in thạch bản,
Để rộng lưu truyền,
Giãi bày nguyên do
Biểu thị chút lòng.

86. Lời tựa sách Phật Pháp Yếu Luận

Chúng sanh hôn mê điên đảo, phiền hoặc quá đỗi, chẳng thể tự ngộ, trái nghịch trí tuệ Như Lai sẵn có, đuổi theo căn trần chúng sanh huyễn hiện. Đối với sắc

thanh, của cải, lợi lộc giống như hoa đốm trên không[746], huyễn ảnh, khởi tâm tham sân si, yêu ghét, chấp trước. Tâm đã khởi tham sân si thì thân bèn tạo giết trộm dâm, từ đấy trải kiếp dài lâu báo phục lẫn nhau, từ khổ vào khổ, không hề ngừng nghỉ. Nếu như tự tu giới thiện thiền định, được sanh trong đường lành trời người, nhưng hoặc nghiệp chưa đoạn, phước hết lại bị đọa lạc, luân hồi sáu nẻo trọn chẳng có lúc nào hết. Được thân người như ở trọ, đọa trong tam đồ như ở quê nhà. Như vậy thì chẳng những tam đồ đáng sợ, mà nhân thiên cũng đáng sợ. Bởi thế đức Đại Giác Thế Tôn riêng rủ lòng xót thương, thị hiện sanh trong thế gian thành Đẳng chánh giác, tùy thuận chúng sanh nói đủ mọi pháp. Với hàng đại căn bèn nói thẳng lý "nhất tâm tạo đủ" khiến họ đích thân chứng ngộ, với tiểu căn bèn dạy rõ sự nhân quả ba đời khiến họ tu trì dần dần. Đã biết lý này, sự này, ai chịu ôm châu làm kẻ ăn mày, cầu vui lại bị khổ; mà sẽ trái trần, hiệp giác, bỏ mê theo ngộ để mong khôi phục thiên chân Phật tánh sẵn có của mình chẳng để lỡ qua! Tuy nhiên, phiền não sâu dày chẳng dễ tiêu trừ, nếu không phải là kẻ thiện căn nhiều kiếp chín muồi, thật khó thể siêu thoát ra ngoài luân hồi ngay trong đời này.

Vì vậy, đức Thế Tôn ta do lòng đại từ bi, đặc biệt mở ra pháp môn cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tịnh độ, để thượng thánh hạ phàm cùng được vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này, quả là đạo trọng yếu vỗ về, nuôi nấng, bế bồng, nựng nịu[747], mà cũng là diệu pháp để mau chứng Bồ-đề vậy! Bởi lẽ, hết thảy chư Phật không có pháp này sẽ chẳng thể viên mãn Bồ-đề, hết thảy chúng sanh nếu không có pháp này sẽ chẳng thể thoát ngay được sanh tử. Hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít hiệu quả nhanh. Do dùng quả địa giác làm nhân địa tâm nên nhân trùm biển quả, quả thấu nguồn nhân. Gần đây thế đạo nhân tâm suy hoại đến cùng cực, phế kinh, phế luận, đua nhau lập tân pháp, lầm nhân mê quả, mặc sức làm xằng. Do vậy thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, giặc cướp tung hoành, dân không lẽ sống, người lo cho đời đau buồn hết mực.

Cư sĩ Đạt Am Phùng Bảo Anh xưa đã trồng cội đức, dốc sức tin tưởng Phật thừa, triệt ngộ tự tâm, thâm nhập kinh tạng, thương xót những kẻ ấy mê muội bổn tâm, bèn soạn cuốn Phật Pháp Yếu Luận để cứu đời, phát huy mọi lẽ khế lý, khế cơ, khiến cho họ biết được tâm ta sẵn có Phật tánh, nhưng bị hoặc nghiệp huyễn

[746] Nguyên văn là "không hoa", tức khi bị mắt nhậm ta thường thấy những đốm sáng lấm tấm trong không trung. Đó gọi là không hoa.
[747] Ở đây tổ dùng những hình ảnh cha mẹ chăm sóc, nuôi nấng con cái để người đọc hình dung lòng từ ái của đức Phật.

vọng khởi lên ngăn lấp. Do vậy, chịu sống chịu chết trong tam đồ lục đạo đến nỗi thân hình xấu hèn, thần thức tối tăm, thọ dụng khốn khổ gian nan, bị nguy hiểm bức bách. Ví như đặt hình tướng xấu hèn trước tấm gương sáng, quyết chẳng thể có được hình ảnh vi diệu trang nghiêm đẹp đẽ. Từ đấy gột lòng tẩy ý, chuyên tu giới thiện và thiền định để làm nhân xuất thế. Lại còn phát tứ hoằng thệ nguyện và tâm đại Bồ-đề, tự hành, dạy người cùng tu tịnh nghiệp để mong khi báo hết nhanh chóng vãng sanh Tây Phương, thân cận Di-đà, theo gót hải chúng mau chứng Phật tánh tâm ta sẵn có, phổ độ vô biên chúng sanh trong pháp giới. Như thế thì trên chẳng cô phụ Phật giáo hóa, dưới chẳng phụ tánh linh của chính mình, mà thâm tâm soạn luận của Đạt Am, ý thiết tha lưu thông của các vị cũng được thông suốt, vui thỏa, không tiếc nuối vậy!

87. Lời tựa trình bày duyên khởi cho hội Thí Quan Tài Thể Nhân ở Phổ Đà

Câu "vùi xương chôn thây" xuất phát từ thiên sách Nguyệt Lệnh[748], "ân trạch thấm đến xương khô" là câu văn nói về việc thi ân của vua Chu, huống chi Phật pháp là đạo cứu giúp cả thân lẫn tâm, kẻ còn người mất đều giúp đỡ [lại chẳng như vậy] hay sao? Phổ Đà là đạo tràng của Đại sĩ Quán Âm, bao triều đại đều khâm kính, khắp thế gian tôn sùng. Do vậy có được ba ngôi chùa[749] như thế chân vạc, các am cùng khắp; trong nước, ngoài nước triều yết thật là đông đảo. Phàm là thợ cả, người sai vặt, người bán rong, kẻ bán sức thường quá ngàn người. Nếu đến kỳ dâng hương, con số ấy còn gấp bội. Vì thế, các vị trưởng lão trong núi thể theo lòng từ của Phật, mở ra y viện để chữa trị cho hết thảy những người mắc bệnh, hoặc là những người bán rong, bán sức bị chết bất thình lình, không có quan tài thật khó thể an ủi vong linh, mở rộng sự hóa độ từ bi. Huống chi thường có những tử thi từ biển giạt vào, cũng như những người khổ hạnh từ phương xa đến dâng hương bị chết bất ngờ, cần phải tẫn liệm ngay. Nếu không sẽ bị rữa nát, đối với chuyện giúp đỡ người chết lẫn vấn đề vệ sinh đều đáng phàn nàn.

Đại sư Chân Đạt liền phát tâm thí quan tài. Lại nghĩ: Nếu chẳng lập cách, về sau sẽ khó thể duy trì lâu dài được! Năm Dân Quốc thứ năm (1916), các ông Dương Thúc Anh, Chúc Lan Phưởng, Viên tổ Hoài, Tào Chấn Thanh v.v. lên núi, nhân đó bàn về chuyện này. Các ông cùng bỏ ra hai ngàn đồng, đại sư Chân Đạt

[748] Nguyệt Lệnh là một thiên sách của bộ Lễ Ký, tức sách ghi chép các chánh lệnh trong mười hai tháng của chính quyền Trung Hoa thời cổ về quy cách tế tự, những lệnh cấm, những khuyến cáo, chức vụ của những người thực hiện các lệnh ấy.
[749] Ba ngôi chùa lớn ở núi Phổ Đà là Pháp Vũ, Phổ Tế và Huệ Tế.

tự bỏ ra bốn ngàn đồng. Năm ngoái lại cùng các thầy Liễu Tín chùa Phổ Tế, Đạt Viên chùa Pháp Vũ, Liên Hy chùa Hải Ngạn, Quảng Đức chùa Tử Trúc, Nguyện Lai chùa Hồng Phiệt, Giới Như chùa Hồng Phiệt, Oánh Chiếu chùa Báo Bổn, Thanh Phước chùa Hạc Minh, Khôn Sơn chùa Phổ Tuệ, Cực Đắc chùa Bách Tử và hai vị cư sĩ Lưu Ký Đình, Trương Tông Phú cùng nhau thương lượng bàn bạc biện pháp. Do đấy lập ra một hội, đặt tên là Thể Nhân, nhằm kính cẩn thể theo lòng từ của Phật, nhân từ cứu giúp vong linh, khiến cho người mất chẳng bị nỗi thảm phơi bày thi thể, tăng chúng trong núi không bị cười chê là thiếu lòng từ. Mỗi vị đều bỏ ra một trăm đồng, cùng với món tiền đã quyên được bên trên, tổng cộng là bảy ngàn hai trăm đồng dùng mua hằng sản, mời người soạn văn bày tỏ, lập bia. Riêng thỉnh các vị sư trong hội tại núi này luân lưu trông nom, dùng tô lợi thâu thập hằng năm chi dụng hết vào việc thí quan tài, ngõ hầu được truyền mãi không bị bỏ phế. Như thế thì sau này những người bần cùng mất đi đều được phước, mà đạo tràng viên thông cũng được vinh lây. Phàm những người bỏ vốn và trông nom coi sóc đều được tiêu trừ túc nghiệp, tăng trưởng thiện căn. Hiện đời phước lẫn thọ cùng vượng, làm gương mẫu cho đời, lâm chung thì thân lẫn tâm đều diệu, dự vào cõi nước Phật. Muốn cho hậu nhân biết rõ nên thuật lại duyên khởi, ngõ hầu ức vạn năm sau, bố thí mãi mãi hầu đền đáp tâm cứu độ chúng sanh của Đại sĩ, mà cũng chẳng phụ một phen tận tâm hộ giáo, giúp đỡ người mất của các vị đại sư, các vị cư sĩ vậy.

88. Lời tựa cho Vạn Niên Bạ của Tam Thánh Đường

Pháp chẳng khởi một mình, đạo do người hoằng, thắng địa danh lam chỉ nhờ vào người mà được nổi tiếng. Có được người thì rừng gai góc biến thành rừng chiên-đàn, không có người thì hang sư tử biến thành ổ chồn hoang. Tam Thánh Đường được sáng lập vào năm Vạn Lịch thứ 30 (1602), khi ấy vị tăng tên Đại Phương kết am tranh ở đây. Rồi hai thái giám Trương Tùy, Đảng Lễ phụng chỉ đứng trông coi xây tàng kinh các, nhàn hạ đi đến đây, uống nước suối thấy ngọt bèn tìm nguyên do. Biết suối này nhằm lúc khô hạn hết sức cũng không cạn, trong chùa nhằm lúc hạn hán cầu mưa, ắt dùng nước lấy từ con suối này để cầu mưa sẽ liền được mưa tràn trề, do vậy bèn đặt tên là Bát Công Đức Tuyền (suối tám công đức). Vì vậy, hai ông bèn bỏ tiền sai dựng điện Tây Phương Tam Thánh, bởi nước tám công đức vốn có trong ao bảy báu của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đến thời Khang Hy nhà Thanh, vị tăng tên Hải An trùng tu. Về sau lâu năm hư nát. Đầu đời Hàm Phong, do Ân Đường Hiển Pháp Công tiềm tu tại đây, chùa đổi tên là Như Ý Am, vẫn chỉ là mấy gian nhà nhỏ mà thôi. Đầu đời Quang Tự, đồ tôn

đời thứ tư [của Hiển Pháp Công] là Hoa Đức Công quyên mộ những vị trong ấp như các ông Hồng X… dựng điện Tam Thánh, đổi lại tên cũ. Từ đấy về sau, thế đạo thái bình, lại thêm đường thuyền, đường sắt đều thông, hương hỏa của Bồ-tát này càng thạnh vượng. Chuyện trong am đã gần như đâu vào đấy, Hoa Đức Công muốn lắng lòng chuyên tu tịnh nghiệp, đem việc am giao cho đồ đệ là sư Trưởng Đính, lại sai cháu là sư Chân Đạt phụ giúp, chùa bèn được xây dựng rộng lớn. Đến khi thầy Trưởng Đính qua đời, thầy Chân Đạt lại càng chẳng tiếc tâm lực, những gì cần sửa bèn sửa, những gì nên dựng bèn dựng, chùa trở thành một ngôi già-lam đẹp đẽ lớn lao. Về sau, nhọc nhằn đã lâu, ý muốn tịnh dưỡng, bèn giao cho thầy Minh Giáo trông coi mấy năm.

Năm nay, thầy Minh Giáo lại xin thôi, thầy Chân Đạt nhân đó nghĩ đời người tuổi thọ được mấy, am này đã qua mấy đời trụ trì, do tâm lực mấy mươi năm mới được điện vũ nguy nga, liêu xá rộng rãi, tăng chúng trong am được thanh tu, khách đến dâng hương có chỗ ở nhờ. Đương trong lúc này, chẳng đem quy củ khóa trình trong am cũng như kinh tượng trang nghiêm, pháp khí, đồ đạc viết hết vào sách để lại cho mai sau thì e rằng năm lâu tháng chầy, người đời sau chẳng biết, rất có thể phế bỏ quy củ, đồ vật thất lạc, khiến cho một phen khổ tâm tạo lập đạo tràng của tiền nhân đổ ra biển hết, toàn là khiến cho hậu nhân ở yên nơi đây ăn luống của tín thí, chẳng tu đạo nghiệp, há chẳng gây hận cho tiền nhân ư? Vì đó, đạo tràng viên thông bị tước mất sắc vẻ, Đại sĩ Phổ Môn đành phải ngậm buồn nơi cõi Thường tịch quang! Do vậy sai Quang lược thuật duyên khởi của am này, phàm mọi thứ quy củ, đồ đạc v.v. đều nhất nhất ghi cặn kẽ ngõ hầu người đời sau có cái để tuân thủ vậy.

89. Lời tựa cho sách Anh Minh Tập của cư sĩ Sái Bá Luân

Con người sống trong thế gian ai nấy phải tận hết luân thường. Nếu không, tuy mang danh là người, nhưng quả thật có khác biệt gì với loài thú đi ngang đâu? Mạnh tử nói: "Ai cũng có thể là Nghiêu Thuấn." Kinh Phật dạy: "Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham làm Phật." Điều cốt yếu để làm Nghiêu Thuấn, để làm Phật nằm ở chỗ tận lực thực hành hiếu đễ cũng như bỏ vọng theo chân mà thôi! Cái giúp cho chuyện này được thành tựu từ lúc ban đầu cho đến khi cuối cùng chính là khắc kỷ giữ lễ, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện mà thôi! Gần đây, phái tân học trong thế gian tranh nhau học theo phong cách Âu Tây, phế bỏ kinh điển, trái nghịch luân thường, đến nỗi công khai đề xướng chống đối đạo hiếu, chung vợ, lõa thể v.v., chỉ muốn cho con người chẳng khác gì cầm thú. Điên cuồng mất trí quá sức vậy!

Cư sĩ Bá Luân sống gởi ở Đài Loan đã ba đời, đến tuổi nhược quan muốn trở về tổ quốc, do bà mẹ chẳng muốn đi xa, nên gắng lưu lại chốn xa xôi, làm việc nhiều năm. Đến khi mẹ mất bèn ung dung trở về. Có thể nói là bậc đứng riêng, đi một mình, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận vậy. Ông sống tạm nơi đất Hỗ (Thượng Hải), sống bằng nghề xem tướng. Phàm những ai đến xem bói, bất luận tướng mạo thiện hay ác đều khuyên nên gắng tu đức tích thiện, ngõ hầu thiện càng thêm thiện, bất thiện cũng trở thành thiện, phù hợp sâu xa nghĩa lý "mạng do ta lập, phước do ta cầu", cũng như "có tâm không tướng, tướng tùy tâm sanh; có tướng không tâm, tướng theo tâm diệt". Nhưng trong lúc bàn luận luôn ra rả nhắc đến báo ứng nhân quả ba đời và pháp môn Tịnh độ hoành siêu, khiến cho hết thảy mọi người do đến coi bói đều được dự vào cõi hiền thánh cũng như vãng sanh nước Cực Lạc, cũng có công vãn hồi thế đạo nhân tâm rất lớn.

Do đây biết người có tâm cứu đời giúp người dẫu chẳng có địa vị để thực hành việc cai trị [theo đúng đạo nghĩa] cũng vẫn có thể thi hành vậy. Nhân đấy bèn đổi tên là Bá Luân, chẳng biết ý của cư sĩ Bắc Luân[750] có cho như vậy là đúng hay không?

90. Lời tựa sách Giáo Hối Thiển Thuyết

Giáo dục trong gia đình, nhân quả báo ứng là nhiệm vụ trọng yếu nhất để cứu vãn thế đạo nhân tâm trong hiện tại. Nếu chẳng bắt đầu từ đây thì dù có làm gì cũng đều thuộc về cành nhánh, đều có thể trá ngụy. Chỉ khi nào từ nhỏ đã dạy giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, lý nhân quả báo ứng, tập quen thành tánh, đến khi lớn lên lẽ đâu chẳng trở thành người hiền. Sách Luận Ngữ chép: *"Thiên hạ hưng vong, thất phu hữu trách"* (Thiên hạ hưng vượng hay suy vong, kẻ thất phu có trách nhiệm). Kẻ thất phu thân hèn, danh kém, làm sao có trách nhiệm này cho được? Phải biết, quốc gia thiên hạ do từng người, từng gia đình hợp thành. Những ai có quyền lực thì người cùng một nhà tranh chấp, những kẻ không quyền lực thì lập bè đảng cướp đoạt, cùng những kẻ phóng đãng, lười nhác, gian trá, phạm pháp, chỉ cầu may mắn tạm thời, chẳng đoái hoài họa phước về sau, đều là do từ nhỏ chẳng được cha mẹ hiền khéo dạy, chẳng biết lợi người chính là lợi mình, hại người còn tệ hơn hại mình quá mức, làm lành ắt nhà mình thịnh vượng, chết đi thần thức siêu thăng thiện đạo, làm ác ắt nhà mình suy vong, đến nỗi chết đi thần thức đọa trong ác đạo.

[750] Vị cư sĩ này vốn có tên là Bắc Luân 北崙, sau đổi tên thành Bá Luân 伯倫 .

Nếu như biết âm thanh êm ái thì tiếng vang dễ nghe, hình thẳng ắt bóng ngay, trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu, đã tạo nhân như thế phải cảm lấy quả như thế, quyết sẽ chẳng đến nỗi vì cầu yên vui, giàu có, sang cả cho chính mình mà giết người ngập thành, ngập đồng, khiến cho vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Vì thế, những bậc lập đại công, dựng đại nghiệp, hạo khí ngút trời đất, tiết tháo trong sáng lòa nhật nguyệt, đều ôm tấm lòng lập mình, lập người, mang ý nguyện tự lợi, lợi người. Do vậy, trăm ngàn năm sau vẫn được người ta kính ngưỡng! Hiềm rằng, người đời kiến thức hẹp hòi, nông cạn, thường theo đuổi chuyện trái đạo, từ bé đã không có cha mẹ hiền khéo dạy, lớn lên lại không có thầy tốt bạn hiền dắt dìu. Do đó vượt lý, trái phận, đến nỗi bị giam cầm, tuy do họ tự chuốc lấy nhưng cũng rất đáng thương. Do vậy các nhà ngục đều cử ra một vị thầy giáo huấn, hằng ngày giảng cho những tù nhân đạo lý "con người phải tận sức, lý nhân quả không lầm lạc", hòng khiến cho những người ấy gột lòng tẩy ý, đổi ác hướng lành, gắng trở thành lương dân, lần lượt khuyến hóa lẫn nhau, sao cho dù mình hay người đều thuộc vào bậc hiền thánh, ngõ hầu quốc gia thiên hạ mãi mãi hưởng phước thái bình.

Ông Thiệu Huệ Viên đảm nhận chức thầy giáo huấn ở nhà tù Tào Hà Kính[751], bản thảo giảng dạy cho phạm nhân của ông có mấy chục thiên, ước chừng hơn mười vạn chữ đều là những lời khuyên họ nên giữ phận an vui với số mạng, giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận. Lại còn dẫn kinh trích sử, dựa vào đời cổ để chứng minh cho hiện tại. Văn tuy đơn giản nhưng ý chỉ thật sâu, tuy là để nói với những tù nhân, nhưng hết thảy mọi người đều nên đọc để hành theo. Những người cùng chí hướng cho là sách ấy có ích, bèn đem in, xin Quang viết lời tựa để hướng dẫn. Nhân đấy, Quang bèn nêu đại lược những điều trọng yếu để vãn hồi thế đạo nhân tâm, ngõ hầu người khắp cõi đời đều chú trọng vào giáo dục gia đình và nhân quả báo ứng, nhưng trong chuyện giáo dục gia đình thì sự dạy dỗ của người mẹ quan trọng nhất. Nếu như bà mẹ hiền, ngay từ khi con cái còn bé đã chú trọng nêu gương giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, lại hằng ngày nhắc nhở lý nhân quả báo ứng thì con cái bà ta quyết định đều thành hiền nhân, há lẽ nào có những hành vi vượt lẽ, phạm phận, thương thiên tổn đức ư? Mong rằng thất phu thất phụ đều nhận lấy trách nhiệm này, ngõ hầu người hiền vượt trội, giặc cướp đổi lòng, lễ giáo hưng thạnh, thiên hạ thái bình. Người hiểu lý thông đạt ắt chẳng cho lời tôi là sai lầm, xằng bậy vậy!

[751] Tào Hà Kính là một thương cảng trọng yếu thuộc Phố Giang Trấn, Thượng Hải.

91. Lời tựa trình bày duyên khởi của Hoành Siêu Liên Xã

Kinh Pháp Hoa dạy: "Ba cõi không yên khác nào nhà lửa, các khổ đầy dẫy, thật đáng kinh sợ." Huống chi đang lúc đấu tranh lẫn nhau, kẻ mạnh ăn thịt kẻ yếu, phương cách giết người lạ lùng không gì là chẳng có, lại còn đủ mọi thiên tai liên tiếp xảy ra này. Người có trí thức do vậy bèn đề xướng pháp môn Tịnh độ để mong hết thảy những người cùng hàng đều được thoát khỏi tam giới, lên chín phẩm sen. Nếu luận về "thụ xuất" (thoát ra theo chiều dọc) thì nếu không tận lực tu đạo giới định tuệ để đoạn phiền hoặc sẽ không thể được. Nếu phiền hoặc còn chút gì chưa đoạn thì vẫn không thể thoát khỏi tam giới y như cũ, huống chi chúng sanh đời mạt thiện căn mỏng cạn, thọ mạng ngắn ngủi. Dẫu người tu có ức ức kẻ, người thoát ra khó có một hai! Do chỉ cậy vào tự lực, cho nên khó được lợi ích thật sự.

Nếu luận về "hoành siêu" (thoát ra theo chiều ngang) thì chỉ nương theo pháp môn Tịnh độ, sanh tín phát nguyện, niệm danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương, lại thêm đôn đốc luân thường, trọn hết bổn phận, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành thì vạn người chẳng sót một ai đều được vãng sanh. Đã vãng sanh thì liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh vĩnh viễn lìa các khổ, chỉ hưởng các sự vui. Người công phu thành thục cố nhiên dự vào thượng phẩm, mà kẻ lâm chung mới niệm cũng dự vào hàng chót. Pháp này toàn cậy vào Phật lực, lợi ích so với pháp chỉ cậy vào tự lực khác nhau như trời với vực!

Vợ của cư sĩ Sư Hoằng là bà Sư Thang muốn cùng những vị anh hiền trong khuê các luôn tu trì tịnh nghiệp để mong sao trong đời này cùng thoát khỏi nhà lửa, bèn lập một liên xã ở vùng phụ cận. Phân nửa do bà tự bỏ ra, phần còn lại do người khác giúp đỡ. Xây dựng đã xong, xin Quang đặt tên; nhân đó bèn đặt tên là Hoành Siêu, ngõ hầu hết thảy những bậc trượng phu râu mày, những bậc khôn luân trinh tịnh[752] sợ hãi nhà lửa muốn thoát ra nhưng không có cách nào đều cùng nương theo đây tu tập hòng chào từ biệt Sa-bà mãi mãi, mau về cõi Cực Lạc, hễ siêu thoát bèn nhập thẳng vào Như Lai địa, vĩnh viễn làm người tiêu dao tự tại. Vì thế bèn tường thuật duyên do như vậy.

[752] Trong kinh Dịch, quẻ Khôn là thuần âm nên nữ giới thường được coi như thuộc quẻ Khôn, những gì liên quan đến nữ giới thường được đi kèm với chữ Khôn, như Khôn Thuận (sự thuận thảo của người vợ), Khôn Trinh (sự trinh liệt của nữ giới). *"Khôn luân"* ở đây có nghĩa là nữ giới, "khôn luân trinh tịnh" là bậc trinh liệt, trong sạch trong nữ giới.

92. Lời tựa khắc lại mộc bản sách Quán Thế Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng

Tâm chúng sanh và tâm Phật không hai, tuy mê chân đuổi theo vọng, trái giác hợp trần, khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm, luân hồi lục đạo trọn chẳng lúc ra, nhưng bản thể tịch chiếu chân thường vẫn y như cũ, chẳng tổn thất mảy may. Vì thế, Phật thấy hết thảy chúng sanh đều là Phật, thương họ nghiệp chướng sâu nặng, chẳng thể khôi phục ngay được bản thể, do vậy dùng đủ mọi phương tiện khiến cho họ trồng thiện căn, trước hết dùng dục để lôi kéo, rồi sau mới làm cho nhập trí Phật. Do vậy, đức Chánh Pháp Minh Như Lai thành Phật đã lâu, tuy vẫn chẳng lìa Tịch quang, nhưng hiện hình trong chín giới, hiện hình theo từng loài, tầm thanh cứu khổ, nên dùng thân nào để độ bèn hiện thân ấy để thuyết pháp. Những thân hiện trong các pháp giới khác đều thuộc về bí mật, thân Quán Thế Âm hiện trong Bồ-tát pháp giới thì lại hiển lộ. Vì thế, mười phương chư Phật đều khen ngợi Quán Thế Âm Bồ-tát là bậc đại từ đại bi thí vô úy (ban cho sự không sợ hãi), ngõ hầu hết thảy chúng sanh trong chín pháp giới đều sanh lòng tin tưởng, cùng được nhiếp thọ.

Do Bồ-tát chứng tột cùng pháp giới, tỏ bày trọn vẹn tự tánh, triệt ngộ duy tâm, nên có thể vận dụng lòng bi đồng thể, khởi lòng từ vô duyên, hễ khắp pháp giới cảm bèn ứng khắp pháp giới. Tùy theo lòng thành cơ cảm lớn hay nhỏ sẽ được lợi ích tương xứng. Như phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa, chương Quán Âm Viên Thông trong kinh Lăng-nghiêm đã nói và những sự tích cảm ứng phương này như đã được ca tụng trong sách đây há thể nghĩ bàn được ư? Ấy là vì tâm Bồ-tát giống như hư không, không đâu chẳng trọn khắp. Chỉ do chúng sanh đang mê, chẳng sanh tin tưởng, ví như hư không bị vật ngăn chướng nên biến thành cách trở, ngăn ngại, nếu xoi một lỗ nhỏ thì được một khoảng không bằng cái lỗ nhỏ, nếu xoi một cái lỗ to sẽ được khoảng trống bằng cái lỗ to. Nếu bỏ được hoàn toàn vật chướng ngại thì sẽ xen lẫn khít khao cùng hư không bao hàm khắp muôn hình tượng. Do vì chúng sanh tiểu cảm sẽ được tiểu ứng, đại cảm bèn được đại ứng, nên kinh Lăng-nghiêm nói "cầu vợ được vợ (cầu vợ là cầu vợ hiền thục, trí tuệ, trinh lương, nếu không cần gì phải hướng về Bồ-tát mà cầu), cầu con được con, cầu tam-muội được tam-muội, cầu trường thọ được trường thọ, như thế cho đến cầu đại Niết-bàn được đại Niết-bàn." Nói "cầu vợ được vợ" v.v. chính là xoi lỗ nhỏ được khoảng trống bằng cái lỗ nhỏ, xoi lỗ to được khoảng trống bằng cái lỗ to. Cầu đại Niết-bàn đắc đại Niết-bàn chính là hoàn toàn trừ bỏ được vật ngăn lấp, bèn hòa lẫn không xen hở cùng với hư không bao hàm vạn tượng.

Kinh Kim Cang nói: "Ta nên diệt độ hết thảy chúng sanh, diệt độ hết thảy chúng sanh xong nhưng thật ra không có một chúng sanh nào được diệt độ", vì tâm thể của chúng sanh chính là vô dư Niết-bàn, vốn chẳng hề mất đi, làm sao có lại? Bồ-tát riêng dùng các thứ phương tiện khiến cho chúng sanh tiêu trừ huyễn nghiệp, hồi phục bản thể mà thôi. Lại do chúng sanh mê hoặc sâu nặng, chẳng thể nhanh chóng phát khởi tâm đại Bồ-đề, vì để tiếp dẫn kẻ sơ cơ vào chỗ thù thắng nên thuận theo phàm tình của họ, thỏa mãn điều họ mong mỏi, đợi đến khi thiện căn thành thục sẽ có thể rốt ráo đạt ngay được lợi ích chân thật. Đấy chính là ý chỉ căn bản của việc Bồ-tát tùy loại hiện thân tùy tâm mãn nguyện vậy.

Sách này đã được in bản kẽm, tính in ra mấy chục vạn bộ, ngõ hầu người khắp trong nước, ngoài nước đều được thọ trì. Hiện đã in được hơn bảy vạn bộ, như vậy chuyện sách sẽ được lưu thông khắp pháp giới trong tương lai khiến cho con người được thấm đượm sự giáo hóa từ bi là điều ắt sẽ thực hiện được. Nhưng vì chữ nhỏ, chẳng thuận tiện cho người già, quả là đáng tiếc. Cư sĩ Hoa Huệ Khả ở Vô Tích xưa đã gieo cội đức, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, trông thấy sách này hoan hỷ tán thán như đạt được của quý báu nhất, mừng rỡ khôn cùng. Khẳng khái bỏ ra năm trăm đồng để khắc mộc bản, ngõ hầu hết thảy mọi người đều đọc được, hết thảy lúc đều có thể in, có thể thỉnh. Đúng là đời trước từng được Bồ-tát phó chúc vây bủa lòng từ giáo hóa hòng lợi ích hữu tình vậy. Ôi, cao quý thay!

93. Lời tựa cho sách A-di-đà Kinh Bạch Thoại Giải Thích

Pháp môn Tịnh độ quả là đường lối chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo dưới độ chúng sanh, mà cũng là đạo trọng yếu để hết thảy chúng sanh trong thời đại mạt pháp cậy vào Phật từ lực, liễu thoát ngay trong một đời này. Ấy là vì hết thảy các pháp môn đức Như Lai đã nói, không pháp nào chẳng nhằm làm cho chúng sanh thoát sanh tử, thành Phật đạo; nhưng do thượng căn thì ít, trung hạ căn lại đông, nên người được liễu thoát ngay trong một đời dẫu nhằm thời chánh pháp, tượng pháp còn chẳng thể thấy nhiều, huống gì thời mạt pháp căn cơ con người kém hèn, tuổi thọ ngắn ngủi, tri thức hiếm hoi, tà ma ngoại đạo tung hoành ư? Do vậy, đức Như Lai đã xét thấu trước cơ nghi, đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh độ nhằm làm cho hết thảy chúng sanh dù thánh hay phàm, thượng trung hạ căn đều chăm chú tu trì, đều cùng trong đời này vãng sanh Tịnh độ. Bậc thượng căn thì mau thành Phật đạo, kẻ hạ căn cũng được dự vào dòng thánh.

So với những pháp môn cậy vào tự lực đã nói trong cả một đời đức Phật thì pháp này hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít được hiệu quả nhanh chóng. Do vì Phật lực, pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, lại thêm sức tín nguyện hạnh của chúng sanh nên bất luận công phu sâu hay cạn, tội nghiệp nặng hay nhẹ đều được Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Do vậy trong các kinh Đại thừa, đức Như Lai đều nói kèm pháp này, như các kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng-nghiêm v.v.. Còn kinh chuyên nói về pháp Tịnh độ thì có kinh A-di-đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Trong ba kinh này, phàm là thệ nguyện của Phật Di-đà, sự trang nghiêm của Tịnh độ, nhân vãng sanh của ba bậc chín phẩm, mười phương chư Phật tán thán đều được nêu rõ không còn sót.

Thế nhưng kinh A-di-đà ngôn từ ngắn gọn, nghĩa lý đầy đủ, dễ thọ trì nhất. Do vậy, cổ nhân xếp vào khóa tụng hằng ngày, bất luận dù Tông, dù Giáo, dù Luật đều đọc tụng trong khóa tối, nghĩa là cả thiên hạ dù tăng hay tục không ai chẳng lấy Tịnh độ làm chỗ quy hướng. Tuy hành trì như thế, nhưng nếu chẳng suy xét kỹ càng nguyên do Phật, tổ lập pháp thì sẽ vẫn chẳng coi chuyện cầu sanh Tây Phương là trọng. Đấy chính là "dùng hằng ngày mà không biết, quen làm mà chẳng xem xét". Dù là bậc cao nhân thông Tông thông Giáo vẫn còn rất nhiều người đề cao pháp môn tự lực, chẳng chịu tin tưởng nương cậy Phật lực. Chí ấy cố nhiên là cao, nhưng sự thật khó thể đạt được ngay trong đời này. Nếu như chưa đoạn sạch được hoặc nghiệp, phải thọ sanh lần nữa, quá nửa bị mê mất. Không những mọi điều mong mỏi đều thành bánh vẽ mà còn có mối lo do phước tạo nghiệp, thân sau phải đọa lạc. Do đó phải nói là thật đáng kinh hãi!

Phải biết, pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp của cả một đời đức Phật, chẳng thể dùng những pháp môn thông thường để bàn luận được. Nếu chẳng hiểu rõ nghĩa này, cứ viện vào nghĩa lý của những pháp môn cậy vào tự lực thông thường để rồi ngờ vực lợi ích của pháp môn đặc biệt cậy vào Phật lực, chẳng chịu tin nhận thì sẽ bị mất mát to lớn. Phật nói pháp này khó tin chính là ngụ ý này vậy. Nếu không có mối chấp ấy thì có ai là không tin nhận, phụng hành? Gần đây thế đạo nhân tâm suy hãm, hèn tệ đến cùng cực hết cả thuốc chữa, phàm những bậc vĩ nhân kiệt sĩ có đủ chánh tri kiến không ai chẳng lấy việc đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi làm căn cứ để đẩy lùi cơn sóng cuồng, lấy việc tinh tu tịnh nghiệp cầu sanh Tây Phương làm pháp an ổn rốt ráo. Một người xướng, trăm người hòa, không ai chẳng thuận theo. Do vậy, kẻ ăn chay, niệm Phật, đổi ác tu thiện ngày thấy càng nhiều.

Điều đáng tiếc là hạng thiện tín thông thường chưa từng được học hỏi, tuy hằng ngày tụng kinh Di-đà, rốt cuộc vẫn chẳng biết kinh dạy những nghĩa lý nào; dẫu có những bản chú giải như Sớ Sao, Yếu Giải v.v. họ cũng chẳng thể đọc được. Cư sĩ Hoàng Trí Hải tâm lợi người tha thiết, đem những nghĩa trong Sớ Sao, Yếu Giải diễn giải lại bằng văn bạch thoại, khiến cho những người ít chữ nghĩa đều được hiểu rõ nghĩa kinh. Do vậy lại càng thêm tinh tấn, dốc kiệt lòng thành tu trì, chuyển hóa kẻ hữu duyên, trong đời này thân tâm thanh tịnh, dự ngay vào bậc thánh bậc hiền, lâm chung cảm ứng đạo giao, lên thẳng cõi Cực Lạc. Lợi ích ấy làm sao diễn tả được! Do vậy, tôi viết ý nghĩa tổng quát để cống hiến người đọc.

94. Lời tựa phổ khuyến thọ trì lưu thông sách Dục Hải Hồi Cuồng

Mối họa cực thảm khốc, cực lớn, cực sâu trong thiên hạ, hễ bộp chộp động đến ắt phải táng thân mất mạng, nhưng nhiều người vẫn ưa thích theo đuổi, lăn xả thân vào dẫu chết chẳng hối thì có lẽ chỉ mình nữ sắc mà thôi! Những gã cuồng đồ buông lung nơi dục sự, mò hoa bẻ liễu, trộm ngọc cắp hương, diệt lý loạn luân, bại gia nhục tổ, danh xấu đồn khắp làng nước, để tiếng nhơ cho con cháu, sống chẳng được hưởng hết tuổi thọ, chết đọa mãi trong đường ác, hãy khoan nói đến những gã ấy. Ngay như trong tình vợ chồng, những kẻ đắm chìm trong ấy đến nỗi mất mạng kể sao cho xiết! Vốn mong cầu khoái lạc, bất ngờ chết mất, cảnh khổ góa bụa quả thật phần nhiều do mình tự chuốc. Há nào phải hoàn toàn do số mạng xui khiến như thế đâu! Những kẻ lụy tình ham hố đều là tự mình chuốc lấy tai ương. Cũng có kẻ hoàn toàn chẳng suồng sã, mê đắm, nhưng do không biết kiêng ngừa, cứ mạo muội theo đuổi đến nỗi phải bị tử vong cũng rất nhiều. Vì thế thiên Nguyệt Lệnh trong sách Lễ Ký có đoạn văn nói về chánh lệnh: *"Chấn đạc bố cáo, linh giới dung chỉ"* (gõ mõ truyền lệnh kiêng kỵ chuyện ăn nằm) ("dung chỉ" có nghĩa là động tịnh, tức là chuyện phòng sự (ân ái)). Lòng thương dân của bậc thánh vương thời cổ có thể nói là chẳng bỏ sót điều nhỏ nhặt nào (những nơi chỗ kiêng kỵ sách Thọ Khang Bảo Giám có chép rõ, hãy nên đọc kỹ).

Tôi thường nói trong mười phần nhân dân của thế gian thì những kẻ chết trực tiếp vì sắc dục chừng bốn phần, kẻ gián tiếp bị chết cũng phải là bốn phần, tức là do sắc dục gây hao tổn, chịu những cảm xúc khác mà chết. Những kẻ bị chết ấy không ai chẳng đổ thừa cho số mạng, nào biết vì tham sắc mà chết, đều chẳng phải do số mạng. Nếu là mạng thì phải là người giữ lòng thanh tịnh, trinh lương, không tham dục sự; những kẻ tham sắc kia tự tàn hại đời mình, há có thể nói là vì mạng ư? Còn những người do mạng mà sống, mạng hết bèn chết thì chẳng qua chỉ được một hai phần mà thôi! Do vậy biết quá nửa thiên hạ đều là kẻ chết oan

uổng, mối họa này khốc liệt có một không hai trong cõi đời, chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng sợ ư? Cũng có cách chẳng phí một đồng, chẳng tốn chút sức mà trở thành bậc đức hạnh cao tột, hưởng yên vui cực lớn, để lại phước ấm vô cùng cho con cháu, khiến đời sau được quyến thuộc trinh lương, có phải chỉ là kiêng dè dâm đó ư? Dâm tình chánh đáng giữa vợ chồng trước kia đã trình bày lợi hại đại lược, nay không bàn đến nữa. Còn chuyện tà dâm vô liêm, vô sỉ, cực uế, cực ác, chính là dùng thân con người làm chuyện thú vật. Do vậy, gái đẹp đến tằng tịu, nữ nhân yêu mị đến quyến rũ, quân tử xem như mối họa ương không gì lớn bằng nên bèn cự tuyệt, ắt được phước diệu[753] chiếu soi, hoàng thiên che chở; tiểu nhân xem điều đó như hạnh phúc không gì lớn lao bằng bèn nhận lãnh, ắt đến nỗi tai tinh giáng xuống, quỷ thần tru lục. Quân tử do họa được phước, tiểu nhân do họa càng thêm họa. Vì thế nói: "Họa phước vô môn, do con người tự chuốc lấy." Nếu đối với cái ải nữ sắc người đời chẳng thể thấy thấu suốt triệt để sẽ khiến cho đức hạnh cao tột, an lạc cực lớn, phước ấm vô cùng để lại cho con cháu, quyến thuộc trinh lương trong đời sau bị khoảnh khắc khoái lạc đoạt hết. Buồn thay!

Cuốn sách Dục Hải Hồi Cuồng của tiên sinh An Sĩ chia môn phân loại trình bày rành mạch, dùng tài văn bút khiến cho kẻ tục người nhã cùng thích xem, viết ra văn chương khuyên lơn lẫn răn dạy đều tha thiết. Chuyện xưa nay những người không dâm được phước, kẻ phạm dâm mắc họa, cội nguồn ngành ngọn đều thuật tỉ mỉ, lớn tiếng gào to chẳng tiếc sức. Trống khuya chuông sớm lay tỉnh con người sâu xa, muốn khiến cho người khắp cõi đời đều hưởng phước lạc, ai nấy hưởng hết tuổi trời mới thôi. Phải biết sách này tuy là để răn kiêng dâm mà soạn ra, nhưng về nghĩa và đạo thì phàm là những pháp cai trị đất nước, bình trị cõi đời, tu thân, tề gia, cùng lý tận tánh, liễu sanh thoát tử thảy đều trọn đủ. Nếu khéo lãnh hội thì thần trí sáng suốt, đâu đâu cũng thấy được nguồn, những gì chạm vào mắt đều là đạo, tâm thương đời cứu dân có thể nói là thật thâm thiết.

Do vậy, vào năm Dân Quốc thứ bảy (1918) Ấn Quang đặc biệt đưa bộ An Sĩ Toàn Thư sang khắc ván tại Tàng Kinh Viện ở Dương Châu. Năm Dân Quốc thứ tám (1919) lại cho khắc riêng lẻ hai bộ Dục Hải Hồi Cuồng, Vạn Thiện Tiên Tư. Năm Dân Quốc thứ 10 (1921) lại quyên mộ in bộ An Sĩ Toàn Thư dạng rút nhỏ, tính in mấy mươi vạn bộ để truyền bá khắp toàn quốc. Nhưng do người kém, đức mỏng, không cách nào cảm thông, chỉ in được bốn vạn mà thôi. Trung Hoa Thư Cục in riêng để bán cũng được gần hai vạn bản. Hàng Châu, Hán Khẩu đều bắt

[753] Diệu và tinh đều có nghĩa là những ngôi sao, phước diệu là ngôi sao tốt lành, tai tinh là ngôi sao rủi ro. Phước diệu và tai tinh có nghĩa là vận tốt và vận rủi.

chước in theo, số sách được in đương nhiên cũng không ít. Nhờ có cư sĩ Ngô Tử Tường người đất Thái Thương, tỉnh Giang Tô nghĩ họa hại thế gian ngày càng nặng nề, những tân học phái đề xướng phế bỏ luân thường, tiết hạnh, chuyên chủ trương tự do luyến ái như đê bị vỡ, nước mặc sức chảy ào ạt, khiến cho mọi thanh niên nam nữ cùng bị hãm trong vùng nước xoáy của biển dục không đáy. Ông bèn phát tâm in rộng rãi bộ Dục Hải Hồi Cuồng thí cho khắp mọi người trong xã hội để mong đẩy lùi cơn sóng cuồng loạn. Chí của mọi người tạo thành bức thành, nhiều người nâng dễ giở lên, khẩn thiết xin những bậc quân tử nhân từ trong nước phát tâm cứu thế lớn lao, lượng sức ấn tống và khuyên kẻ hữu duyên phổ biến lưu thông. Lại mong cha dạy con, anh khuyên em, thầy răn trò, bạn bè bảo ban nhau, khiến cho người người đều biết họa hại, lập chí như núi, giữ thân như ngọc, chẳng những không phạm tà dâm mà ngay cả dâm sự chánh đáng giữa vợ chồng cũng biết chừng mực, sẽ thấy quan - quả - cô - độc từ đây ngày càng ít, giàu - thọ - mạnh - khỏe - yên ổn ai nấy đều được. Thân thể, nhà cửa do đấy được yên ổn, tốt lành, cõi nước vì thế an ninh, uế đức chuyển thành ý đức (đức tốt đẹp), tai ương biến thành may mắn, tốt lành, rốt ráo chẳng phí một đồng, chẳng nhọc chút sức lại được hiệu quả mỹ mãn như thế đó. Mong sao người nhân từ, bậc quân tử đều thấy chuyện nhân chẳng nhường, vui vẻ mà làm. Do vậy thuật những ý chánh để cống hiến đồng nhân.

95. Lời tựa cho sách Thọ Khang Bảo Giám

Chẳng có ai không muốn trường thọ, mạnh khỏe, yên ổn, con cháu đông đảo, công nghiệp lẫy lừng, vận may đưa tới, cũng không ai muốn bị đoản mạng, chết yểu, bệnh tật, con cháu tuyệt diệt, gia đạo suy đồi, hung thần ngự đến. Đấy là mong ước thường tình của con người trong khắp cõi đời, dẫu là đứa bé con mới cao ba thước, không ai chẳng mong muốn như vậy. Dẫu là kẻ chí ngu cũng hoàn toàn chẳng vui mừng vì bị tai họa, chán phước, ghét lành. Nhưng kẻ háo sắc tham dâm thì những điều tâm họ mong mỏi và chuyện thân họ làm thật trái nghịch nhau, đến nỗi chuyện chẳng muốn lại bị, chuyện mong muốn không cách chi đạt được, chẳng đáng buồn ư? Khoan hãy nói đến kẻ buông tuồng nơi hoa nơi liễu chỉ mong mỏi chuyện ấy, ngay trong vòng vợ chồng, nếu cứ tham đắm ắt sẽ bị táng thân mất mạng. Cũng có kẻ chẳng quá tham đắm, nhưng do không biết kiêng kỵ (những chuyện kiêng kỵ được ghi đầy đủ ở phần sau cuốn sách, nên ở đây không ghi rõ) cứ mạo muội theo đuổi đến nỗi bị chết mất, thật quá đáng thương! Vì thế, tiền hiền soạn sách Bất Khả Lục, thuật rõ cặn kẽ mối hại sắc dục, những câu cách ngôn khuyên răn kiêng dâm, bớt dục, những câu chuyện chứng tỏ phước thiện

họa dâm, phương pháp trì giới: ngày tháng, những lúc, những nơi chốn, những người, những việc nên kiêng kỵ, chẳng ngại phiền phức đều được trình bày cặn kẽ ngõ hầu người đọc biết nên kiêng dè những gì. Tâm giác thế cứu dân ấy có thể nói là khẩn thiết chu đáo, thiết tha hết sức. Ấn Quang lại tăng đính (soạn thêm, sửa cho đúng những chỗ bị in sai, thiếu sót) sách ấy, đặt tên là Thọ Khang Bảo Giám, và quyên mộ để in ra lưu truyền rộng rãi, là vì có nỗi đau lòng chẳng thể chịu được:

Một đệ tử của Quang là La Tế Đồng, người Tứ Xuyên, 46 tuổi, có thuyền buôn ở Thượng Hải, tánh tình khá trung hậu, tin sâu Phật pháp, cùng với các ông Quan Quýnh Chi v.v. cùng sáng lập Tịnh Nghiệp Xã. Trong những năm Dân Quốc 12, 13 (1923-1924), thường muốn đến núi Phổ Đà quy y, do bận việc nên chưa được thỏa nguyện. Năm Dân Quốc 14 (1925) ông ta mắc bệnh cổ trướng mấy tháng, tình thế cực nguy hiểm, chữa thuốc Tàu, thuốc Tây đều vô hiệu. Đến ngày 14 tháng Tám, thanh toán tiền thuốc, vì số tiền quá lớn liền bực mình nói: "Từ đây dù có chết ta cũng không uống thuốc nữa." Bà vợ bèn đối trước Phật cầu đảo khẩn thiết, nguyện suốt đời ăn chay niệm Phật cầu cho chồng được lành bệnh. Ngay trưa hôm ấy, bệnh liền chuyển biến mạnh, đi tiêu xả ào ạt nước ứ ra, không thuốc gì mà hết bệnh. Cuối tháng Tám, Quang đến đất Thân (Thượng Hải), ngụ tại chùa Thái Bình. Ngày mồng Hai tháng Chín, đến Tịnh Nghiệp Xã gặp Quan Quýnh Chi, ông Tế Đồng cũng có mặt. Tuy thân thể chưa hoàn toàn khỏe hẳn, nhưng khí sắc thuần tịnh tươi tắn không ai bằng. Gặp Quang, ông ta vui mừng thưa: "Sư phụ đến rồi, xin quy y tại đất Thân, chẳng cần phải lên núi nữa!" Ông ta chọn ngày mồng Tám cùng vợ đến chùa Thái Bình, cùng thọ tam quy ngũ giới. Lại thỉnh các cư sĩ Trình Tuyết Lâu, Quan Quýnh Chi, Đinh Quế Tiêu, Âu Dương Thạch Chi, Từ Trĩ Liên, Nhậm Tâm Bạch v.v. bồi tiếp Quang dùng cơm. Ngày mồng Mười lại mời Quang đến nhà dùng cơm, lại nói: "Sư phụ chính là cha mẹ của bọn đệ tử, bọn đệ tử chính là con cái của sư phụ." Quang nói: "Cha mẹ chỉ lo khi con bệnh, nay bệnh ông tuy khá, nhưng chưa bình phục, hãy nên thận trọng." Tiếc là chưa nói rõ chuyện phải thận trọng chính là chuyện phòng sự (ân ái). Đến hôm cuối tháng, tại Công Đức Lâm mở hội cảm hóa nhà tù, ông ta cũng dự hội. Buổi hội giải tán xong, có mười mấy người giữ lại dùng cơm. Ông ta vừa mới đến bèn cùng người trông coi sổ sách trao đổi mấy câu rồi đi, sắc mặt giống hệt như người chết, Quang biết là do phạm phải phòng sự mà ra. Rất hối tiếc lúc đó chỉ nói "cha mẹ chỉ lo khi con bệnh", chưa từng nói rõ duyên do, đến nỗi ông ta lại bị nguy ngập.

Muốn tu chỉnh sách này để khuyên răn, nhưng bận bịu chưa làm được. Ngày mồng Sáu tháng Chín về núi, bèn gởi ngay một lá thư, trình bày hết sức tường tận lẽ lợi hại, nhưng đã không còn thuốc gì cứu được, mấy ngày sau ông ta bèn mất. Lúc mất, ông Quan Quýnh Chi mời các vị cư sĩ đều đến niệm Phật, ông La có được vãng sanh Tây Phương hay không chưa thể biết, nhưng không đến nỗi đọa lạc. Bị bệnh nặng mấy tháng, do tam bảo gia bị nên không dùng thuốc được lành bệnh, trong vòng mười mấy ngày khí sắc tươi tỉnh hơn xa người bình thường. Do không biết thận trọng, ngộ phạm phòng sự mà chết. Chẳng những tự tàn hại cuộc đời còn cô phụ từ ân của tam bảo quá đỗi! Quang nghe tin cáo phó, tâm đau xót, nghĩ cõi đời chẳng biết kiêng kỵ cứ mạo muội làm chuyện đó, đến nỗi mất mạng nhiều vô số. Nếu chẳng lập cách ngăn ngừa, gìn giữ trước, thật là đánh mất đạo từ bi cứu khổ của đức Như Lai. Tính đem Bất Khả Lục tăng đính, ấn loát lưu truyền rộng rãi, ngõ hầu cả thế gian đều biết kiêng kỵ, chẳng đến nỗi lầm mất tánh mạng.

Một vị cư sĩ đem số tiền mẹ để lại là 1.600 đồng, tính in thiện thư để thí tặng, Quang bảo ông ta dùng hết số tiền ấy để in Thọ Khang Bảo Giám hòng cứu vớt thanh niên nam nữ chưa bị mắc nguy, vậy thì do cái chết của một mình ông La Tế Đồng khiến cho hết thảy những người đọc sách này trong hiện tại và vị lai biết phải nên thận trọng, cũng như do xoay vần lưu thông, lần lượt khuyên bảo lẫn nhau, sẽ khiến cho cả thế gian đều cùng hưởng trường thọ, mạnh khỏe, bình yên, nỗi khổ quan quả cô độc ngày càng ít thấy. Như vậy do cái chết của mình ông La Tế Đồng lại khiến cho hết thảy mọi người đều được sống thọ, khỏe mạnh, thì cái chết của ông Tế Đồng bèn có công đức. Nhờ công đức ấy hồi hướng vãng sanh ắt sẽ từ tạ Sa-bà, cao đăng Cực Lạc, làm đệ tử của Phật Di-đà, làm bạn tốt trong hải chúng. Mạnh tử nói: "Dưỡng tâm không gì tốt bằng bớt ham muốn." Có người đã ít dục, tuy không có nhiều vẫn giảm bớt dục. Cũng có người đa dục, do có nhiều bèn giảm bớt. Lúc mạnh khỏe còn nên tiết dục, huống chi lúc bệnh nặng mới lành!

Mười năm trước, con của một vị đại thương gia, học Tây y ở Nhật Bản, đỗ đầu, ngồi xe điện, xe chưa dừng đã nhảy xuống, ngã gãy cánh tay. Anh ta nhờ bác sĩ Tây y chữa lành. Phàm bị thương ở xương, phải kiêng nữ sắc trong vòng một trăm mấy mươi ngày. Cánh tay anh ta lành chưa lâu, do mừng thọ mẹ liền trở về nước, đêm ngủ cùng vợ, ngày hôm sau liền chết. Anh chàng này khá thông minh, sắp thành bác sĩ sao chuyện kiêng kỵ này lại ngờ nghệch chẳng biết, để đến nỗi khoảnh khắc khoái lạc cướp mất tánh mạng rất trọng? Đáng buồn quá sức!

Năm ngoái, một thương nhân đang gặp vận may, hôm trước giành được mối lợi sáu bảy trăm đồng, khá đắc ý. Ngày hôm sau từ chỗ người thiếp đi đến chỗ vợ cả, người vợ vui lắm. Lúc đó nhằm vào tháng Năm, trời thật nóng, vợ bật quạt điện, sắp đặt chậu tắm, lấy nước đá pha mật cho uống, chỉ biết giải nhiệt cho mát, nào biết hễ muốn ân ái thì không được dùng chất lạnh. Chưa đầy ba tiếng sau, đau bụng chết tốt! Do vậy, biết vì thế gian chẳng biết kiêng kỵ cứ làm bừa đi, đến nỗi chết mất chẳng biết mấy ngàn vạn ức. Nhưng từ xưa đến nay, người có phước lớn nhất không ai hơn hoàng đế. Phước lớn thì thọ cũng phải dài, thử xét kỹ xem: mười ông vua có tám chín ông không thọ, chẳng phải là vì dục sự quá nhiều lại do chẳng biết kiêng kỵ đến nỗi tự rút ngắn tuổi thọ đó ư? Người đại thông minh trong thế gian đa phần thường không thọ, là vì không hiểu kỹ chuyện này mà nên nỗi. Quang thường nói: "Người đời trong mười phần có đến bốn phần do sắc dục mà chết. Bốn phần tuy chẳng chết trực tiếp vì sắc dục thì cũng vì do tham sắc dục mà bị hao tổn, chịu đủ mọi cảm xúc gián tiếp khác mà chết. Người vốn do số mạng mà chết, bất quá chỉ một hai phần trong mười phần mà thôi!" Thế giới mênh mang, nhân dân đông đảo, mười phần có tám chín phần chết vì sắc dục, chẳng đáng buồn ư? Đấy chính là lý do Quang lưu thông sách Thọ Khang Bảo Giám.

Mong người đời yêu thương con cái cũng như vì đồng bào tạo hạnh phúc, ngừa họa hoạn, thảy đều phát tâm ấn tống, xoay vần lưu thông, khiến cho ai nấy biết những điều kiêng kỵ, ngõ hầu chẳng đến nỗi lầm lạc đánh mất tánh mạng, cũng như chẳng bị tàn tật đến nỗi không thể thành tựu. Những kẻ buông tuồng nơi hoa nơi liễu đa số là vì không có chánh kiến, bị lầm lạc bởi bè bạn phóng túng, dâm thư, đến nỗi hãm thân trong biển dục không thể thoát được. Nếu chịu đọc kỹ thì sẽ biết lợi hại sâu xa, đối với những điều quan hệ đến sự vinh diệu hay nhục nhã của tổ tông cha mẹ cũng như sự sống chết, thành bại của bản thân lẫn gia đình, cùng là con cháu hiền hay ngu, tuyệt diệt hay thạnh vượng, đều hiểu rõ như nhìn vào ngọn lửa. Nếu thiên lương chưa hoàn toàn mê muội, sao không mắt nhìn đến tâm kinh hoàng, nỗ lực đau đáu gìn giữ ư? Sẽ thấy từ đó về sau, ai nấy vui với mối thiên luân vợ chồng, chẳng đến nỗi tham dục tổn thân, tề mi giai lão[754], vừa thọ vừa khỏe mạnh. Người ít dục thường đông con, con họ chắc chắn thể chất mạnh mẽ, tâm chí trinh lương, chẳng những không bị lỗi tự hại mà chắc chắn còn trở thành hạng lanh lợi làm rạng rỡ cha mẹ. Đấy chính là điều Quang thơm thảo

[754] Tề mi (ngang mày): Đời Hậu Hán, vợ của Lương Hồng là nàng Mạnh Quang khi đưa cơm cho chồng đều nâng bát cơm cao ngang mày, ngụ ý kính trọng chồng như khách quý. Sau này, thường dùng chữ "tề mi" để diễn tả ý vợ chồng kính trọng lẫn nhau. "Giai lão" là sống hạnh phúc đến răng long đầu bạc.

mong mỏi dài lâu. Nguyện người đọc cùng thể hiện sự đồng tình, tùy duyên lưu truyền thì nhân dân may mắn lắm mà vận nước cũng may mắn lắm.

96. Lời tựa cho bài văn quở trách tà thuyết tự do kết hôn (soạn thay)

Con người bẩm thụ khí âm dương của trời đất, nhận lãnh tinh cha huyết mẹ mà sanh. Từ lúc mới sanh cho đến năm ba bốn tuổi, nhất cử nhất động cha mẹ đều phải chăm sóc. Từ đấy trở đi tuy có thể tự hành động, nhưng phàm các sự lý đều cần đến cha mẹ sắp đặt, chỉ dạy. Nếu không, chẳng thể sống còn trong cõi đời. Đến khi trưởng thành, cha mẹ chọn lựa người hôn phối hòng được hưởng niềm vui có gia đình, ngõ hầu trong ngoài giúp đỡ nhau, để con tận hết bổn phận phụng dưỡng cha mẹ, có con cháu để phòng lúc già chết. Đấy là đạo tất nhiên của trời đất, thánh nhân phỏng theo đạo trời đặt ra lễ, ngõ hầu ai nấy đều giữ luân thường để tận hết đạo làm người và đạo làm con vậy. Nếu chẳng tuân theo lễ của thánh nhân đã chế cũng như mệnh lệnh của cha mẹ, chỉ cần hai bên say mê nhau là thành vợ chồng thì có khác gì cầm thú đâu! Những kẻ chẳng biết tốt xấu, chuyên bắt chước thói ác của Âu Tây, ồn ào đề xướng tự do kết hôn, sao không đề xướng lúc mới sanh bèn chẳng nhận sự chăm sóc, dạy dỗ của cha mẹ để tự do khôn lớn, thành người? Nếu như họ trong một đời này tự do khôn lớn, tuyệt đối không phải nhận sự chăm sóc, dạy dỗ của cha mẹ thì cứ tự do kết hôn, vì sự và lý đều thật sự hết sức chánh đáng. Nếu không thể như vậy, sao chỉ đến lúc trưởng thành, lại có thể tự lực lấy chuyện nam nữ luyến ái làm tiêu chuẩn? Đấy chính là kẻ tội nhân cực nặng nghịch trời trái lý, khinh thánh, miệt thị luân thường. Do vậy, tâm hạnh kẻ ấy có khác gì cầm thú đâu? Cư sĩ Dương Chương Phủ ở Vô Tích soạn văn đả phá, do vậy tôi bèn làm lời tựa dẫn nhập để phát khởi điều chưa phát, hầu những người đề xướng thuyết [tự do kết hôn] đều giác ngộ!

V. BẠT

1. Lời bạt[755] cho Quy Tâm Đường

Tâm vừa tịch vừa chiếu, bất sanh bất diệt, rộng rãi, thấu triệt, linh thông, viên dung sống động, là cội nguồn của hết thảy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Dù ở địa vị phàm phu hôn mê điên đảo đầy dẫy phiền hoặc, tâm vẫn cùng một thể giống hệt như ba đời chư Phật, trọn chẳng khác gì. Vì thế nói: "Tâm, chúng sanh, Phật, ba thứ không sai biệt." Nhưng do chư Phật rốt ráo chứng đắc, nên công đức lực dụng được phô bày trọn vẹn triệt để, còn phàm phu toàn thể là mê trái nên đâm ra dùng sức công đức lực dụng ấy khởi tham sân si nơi sáu trần cảnh, tạo giết trộm dâm. Do hoặc tạo nghiệp, do nghiệp cảm khổ. Ba món hoặc - nghiệp - khổ dẫn khởi lẫn nhau, nhân nhân quả quả liên tục không ngừng, trải trần điểm kiếp luân hồi dài lâu, dù muốn thoát lìa cũng không có cách gì. Ví như trong nhà tối chạm phải vật báu, chẳng những không thọ dụng được, trái lại còn bị thương tổn. Mê tâm đuổi theo cảnh, trái giác hiệp trần cũng giống như thế. Như Lai thương xót giảng cho diệu pháp, khiến cho bỏ vọng về chân, khôi phục tâm tánh. Thoạt đầu thì từ nơi vọng liền thấu hiểu tột cùng chân, kế đến thì toàn bộ vọng chính là chân, như gió lặng ắt sóng êm, trời nóng băng phải tan, sóng lẫn băng trở thành nước, nhưng sóng - băng và nước vốn chẳng phải là hai vật. So lúc sóng chưa êm, khi băng chưa tan với lúc sóng đã êm, băng đã tan thì thể tánh trọn chẳng hai, nhưng tướng - dụng thật sự khác biệt rất lớn. Do vậy có câu: "Tu đức hữu công, tánh đức mới tỏ."

Nếu chỉ cậy vào tánh đức chẳng chú trọng tu đức thì đến tột cùng đời vị lai vĩnh viễn vẫn là chúng sanh uổng có Phật tánh, nhưng không nơi nương tựa. Vì thế Bát-nhã Tâm Kinh chép: "Quán Tự Tại Bồ-tát khi thực hành sâu xa bát-nhã ba-la-mật-đa, chiếu thấy năm uẩn đều không, độ hết thảy khổ ách." Toàn thể của ngũ uẩn chính là chân như diệu tâm, nhưng do cứ một bề mê trái nên trở thành tướng huyễn vọng. Vọng tướng đã thành lập thì nhất chân liền bị mê, nhất chân đã bị mê thì các khổ đều nhóm họp. Giống như gió dậy thì toàn thể nước biến thành sóng, trời lạnh thì nước đang mềm biến thành cứng. "Chiếu" là dùng bát-nhã rất sâu bèn hiểu rõ "do mê chân nên biến thành vọng, toàn thể vọng chính là chân", như gió lặng, trời ấm lại khôi phục bản thể của nước vậy!

---

[755] Thông thường, bạt là phần giới thiệu ở một tác phẩm và được ghi ở cuối sách. Ở đây, tổ còn dùng chữ bạt với ý nghĩa "một bài viết nhằm giải thích ý nghĩa tên gọi của một công trình đã xây dựng xong".

Do vậy biết hết thảy pháp đều do vọng tình biến hiện. Nếu lìa được vọng tình thì bản thể hoàn toàn là không; do vậy tứ đại đều mất bản tánh, sáu căn có thể dùng lẫn cho nhau. Vì thế Bồ-tát chẳng khởi diệt định mà hiện các oai nghi, nhãn căn có thể làm được Phật sự của nhĩ căn, nhĩ căn làm được Phật sự của nhãn căn, vào trong đất như vào nước, đi trong nước như đang đi trên đất, nước lửa chẳng thể thiêu đốt, cuốn trôi được, tùy ý đi đứng trên hư không. Cảnh không tự tánh, đều tùy tâm chuyển. Do vậy kinh Lăng-nghiêm chép: "Nếu có một người nhận ra lẽ thật trở về nguồn thì mười phương hư không đều bị tiêu tan", đấy chính là hiệu quả thật sự của việc "chiếu thấy ngũ uẩn đều không".

Quy là "quy đầu" (gieo trở vào), "quy hoàn" (trở về), có nghĩa là phản chiếu hồi quang khôi phục tâm tánh vốn có vậy. Nhưng muốn phản chiếu hồi quang, khôi phục tâm tánh vốn có mà nếu trước hết chẳng quy tâm nơi tam bảo, y giáo phụng hành sẽ không thể được. Đã có thể quy tâm tam bảo y giáo phụng hành thì sẽ tự có thể khôi phục nguồn tâm, triệt chứng Phật tánh. Đã khôi phục được nguồn tâm triệt chứng Phật tánh rồi thì mới biết tự tâm quý báu nhất, nơi mê chẳng giảm, nơi ngộ chẳng tăng. Chỉ là thuận theo pháp tánh bèn thọ dụng được, hễ trái nghịch pháp tánh bèn bị thương tổn, lợi hại khác biệt như trời với vực. Cư sĩ Chu Sư Đạo muốn cho con cái cháu chắt đời đời phụng hành Phật pháp nên lấy chữ Quy Tâm đặt tên cho ngôi nhà lớn, thỉnh Quang đề ý nghĩa. Do vậy bèn viết lời này cho xong trách nhiệm.

2. Lời bạt cho sách Phạm Võng Kinh Tâm Địa Phẩm Bồ-tát Giới Sớ Chú Tiết Yếu

Phật pháp rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, luận đến chỗ thiết yếu thì chỉ có ba pháp giới định tuệ mà thôi! Nhưng ba pháp này dung nhiếp lẫn nhau, chẳng thể đứng tách ra một mình được. Sơ tâm nhập đạo thì trì giới là nhiệm vụ quan trọng nhất. Do vậy kinh Lăng-nghiêm nói: "Nhiếp tâm là giới, nhân giới sanh định, nhân định phát tuệ, đấy gọi là tam vô lậu học." Do vậy, lúc đức Như Lai mới thành Chánh giác, liền nói Phạm Võng Kinh Bồ-tát Giới để hết thảy Bồ-tát cùng chư thiên Thích Phạm, và vua quan, nhân dân dù tăng hay tục cho đến đào kép, nô tỳ, hết thảy chúng sanh trong ba ác đạo đều cùng thọ trì. Do vậy, biết giới này chính là lò luyện lớn lao để Như Lai nung phàm luyện thánh vậy.

Ấy là vì lục đạo chúng sanh tuy tôn ty, sang hèn khác nhau, đủ mọi thứ bất đồng, nhưng nhất niệm tâm tánh chẳng hai, chẳng khác gì ba đời chư Phật. Chỉ vì thiện ác đời trước mỗi người mỗi khác nên đời này quả báo bất đồng. Đức Như

Lai chỉ nhìn vào bổn, chẳng bận tâm đến tích, do vậy khuyên khắp mọi người thọ trì. Nếu có thể y giáo phụng hành thì ác nghiệp đời trước sẽ nhanh chóng tiêu trừ, phước tuệ đời này mau được viên mãn. Thoạt đầu hiểu rõ vọng chính là chân, kế đó chỉ có chân không vọng, tự có thể khôi phục nguồn tâm, tự chứng diệu tánh. Vì thế nói: "Chúng sanh nhận lãnh giới của Phật liền nhập vào địa vị chư Phật, địa vị giống với Đại Giác rồi, thật sự là con của chư Phật." Lại nói: "Các ông là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành, thường tin tưởng như thế thì giới phẩm được đầy đủ." Đây chính là lời đảm bảo cho hết thảy chúng sanh từ chính kim khẩu của đức Như Lai, há chẳng đáng tin ư?

Cư sĩ Vô Danh xưa đã trồng cội đức, dốc lòng tu tịnh nghiệp, muốn cho mình lẫn người cùng thoát luân hồi, bèn chọn lấy những chỗ thiết yếu trong các trước thuật Tịnh độ soạn thành sách Tịnh Độ Tân Yếu (những điều chỉ bày trọng yếu về Tịnh độ), ông lại soạn cuốn Tục Biên của sách ấy, tính đem kinh Phạm Võng đặt ở đầu sách. Lại vì kinh văn sâu xa, uyên áo chẳng dễ suy lường hời hợt được, khai giá trì phạm[756] khó thể hiểu rõ, nếu không chú giải quả thật khó thể lợi ích rộng khắp. Do vậy, ông bèn chọn trích những điểm trọng yếu từ sách Phạm Võng Kinh Chú Sớ giản lược của ông Trần Hy Nguyện đời Thanh khiến cho dù văn hay nghĩa vừa xem đến bèn được hiểu rõ.

Muốn hoằng dương Tịnh độ sao lại đặt kinh Phạm Võng lên đầu? Ấy là vì muốn sanh về Tịnh độ thì phải tịnh được cái tâm, hễ tâm tịnh cõi Phật sẽ tịnh. Muốn tịnh cái tâm, không thể nào không trì tịnh giới của Phật. Nếu trì giới thì tâm tham sân si sẽ chẳng hiện hành, đạo giới định tuệ được triệt để phơi bày trọn vẹn, hằng sa công đức, vô lượng diệu nghĩa chẳng cầu tự được, đều hiện trong tâm. Do vậy nói: "Giới chính là pháp giới, hết thảy pháp quy về giới, còn gì hơn được." Huống chi lại thêm chân tín nguyện thiết, chấp trì vạn ức hồng danh của A-di-đà Phật thì cái tâm năng niệm và đức Phật được niệm sẽ thầm khế hợp. Trong đời này tâm - Phật đã chẳng hai, lâm chung không sanh Tịnh độ thì sanh về đâu đây? Nếu như căn cơ kém hèn, chưa thể được như thế, nhưng nghiêm trì giới luật của Phật để thanh tịnh thân tâm, thật sự vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật, đến khi lâm chung cảm ứng đạo giao được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Dẫu là kẻ mang nghiệp vãng sanh cũng đã

[756] *Khai giá trì phạm* là thuật ngữ trong Luật Học Phật Giáo: Khai là có trường hợp vi phạm giới cấm nhưng không bị coi là phạm giới, giá có nghĩa là ngăn cấm. Trì là vâng giữ, phạm là vi phạm. Chẳng hạn như nói dối là phạm giới, nhưng trong nhiều trường hợp phải nói dối để cứu người thì không phạm giới.

vĩnh viễn thoát luân hồi, cao siêu tam giới, luôn thân cận Phật Di-đà, nhanh chóng chứng được pháp thân, huống gì người nghiệp đã tận, tình đã không ư?

Có những kẻ tự khoe cao minh, miệt thị giới luật và Tịnh độ, nói: "Tự tánh thanh tịnh, nào có thiện ác, trì phạm, ta người, sạch nhơ, chỉ mặc sức thiên chân mới chính là như như Phật." Từ đó miệng xoen xoét nói không, nhưng chuyện gì cũng có! Nghe lời lẽ thì cao minh vượt khỏi chín tầng trời, xét đến hành vi tệ hại sâu lún chín tầng đất. Sống làm phường bại hoại trong pháp môn, chết làm chủ nhân cõi nê-lê (địa ngục). So với những người mang nghiệp vãng sanh thì lấy trời và đất để sánh ví vẫn chẳng thể đủ để diễn tả sự sướng và khổ được, huống gì so sánh với những bậc cao hơn. Những ai muốn được lợi ích thật sự ngay trong đời này, lâm chung quyết định vãng sanh, xin hãy thật sự thực hành bằng việc trì giới niệm Phật, sẽ chẳng uổng công đâu!

3. Lời bạt cho bản Thạch Ấn bài Tâm Kinh chép bằng lối chữ thảo của vị tăng lạ lùng là Thủ Tùng

(do chữ viết liên tiếp nhau, không tách ra được nên chưa in)

Kinh văn này tuy giản lược nhưng nghĩa lý cực rộng sâu, tánh tướng dung thông, chân tục cùng mất! Vạn pháp sâm la nhưng nhất đạo thanh tịnh. Do vậy, hễ khởi quán chiếu thì xóm làng ngũ uẩn nhanh chóng trống rỗng, thật tướng phô bày trọn vẹn, sanh lên bờ kia tứ đức. Nói đến sự rộng lớn của kinh thì dù cạn hết biển mực cũng chẳng thể thuật hết nghĩa đó, nói đến sự tinh vi thì tìm lấy một chữ cũng trọn chẳng thể được! Chí viên, chí đốn, tối diệu, tối huyền. Đúng là thầy của chư Phật, là mẹ của Bồ-tát, là cốt lõi của sáu trăm quyển Bát-nhã[757], là cương

[757] Kinh Đại Bát-nhã (Mahā-prajñāpāramitā-sūtra) gồm 600 quyển, do ngài Huyền Trang dịch vào đời Đường. Trong Đại tạng kinh, kinh này chiếm hết ba phần tư hệ thống Bát-nhã. Có thể nói, kinh này là một bộ đại tập thành của toàn bộ những kinh văn thuộc hệ thống Bát-nhã. Trước thời ngài Huyền Trang, đã có những bản dịch một phần kinh Bát-nhã như Kim Cang Bát-nhã, Phóng Quang Bát-nhã, Tiểu Phẩm Bát-nhã, Đạo Hành Bát-nhã, Đại Phẩm Bát-nhã v.v.. Do vậy, ngài Huyền Trang bèn tập hợp các bản dịch, so sánh với ba thứ bản gốc tiếng Phạn, sai các vị Gia Thượng, Đại Thừa Khâm, Đại Thừa Quang, Huệ Lãng, Khuy Cơ làm Bút Thọ (ghi chép bản dịch), Huyền Trắc, Thần Phưởng làm Xuyết Văn (nhuận sắc sửa đổi câu văn cho hoàn chỉnh, đẹp đẽ), Huệ Quý, Thần Thái, Huệ Cảnh làm nhiệm vụ Chứng Nghĩa để cùng với ngài dịch lại kinh này tại chùa trong cung Ngọc Hoa, từ tháng Giêng năm Hiển Khánh thứ năm (660) đời Đường Cao Tông đến tháng Mười năm Long Sóc thứ ba (663) mới dịch xong. Tháng Hai năm sau, tuân theo lời thỉnh cầu của tăng chúng, ngài cầm bút dịch được mấy trang kinh Bảo Tích bèn ngừng vì biết lúc thị tịch đã đến. Toàn kinh Đại Bát-nhã chia thành mười sáu hội được giảng tại bốn chỗ (núi Linh Thứu ở thành Vương Xá, vườn Cấp Cô Độc, cung trời Tha Hóa Tự Tại và tinh xá Trúc Lâm thuộc thành Vương Xá). Các hội thứ 1, 3, 5, 11, 12,

tông của toàn bộ Đại tạng thánh giáo. Ấy là vì đức Đại Giác Thế Tôn xét căn cơ thuyết pháp, trí tuệ tự tại, hoặc nói rộng, hoặc nói lược, diệu lý đều trọn đủ. Ví như vầng trăng vằng vặc giữa trời, hiện bóng trong những chỗ có nước. Không riêng gì sông to biển cả đều hiện trọn vẹn bóng trăng, mà nhỏ như một chước, một giọt, không đâu chẳng đều hiện trọn vẹn bóng trăng, chẳng hề khiếm khuyết. Cao quý thay, đẹp đẽ thay! Do chúng sanh có đủ diệu tâm "chúng sanh - Phật bình đẳng" nên cảm được đức Như Lai nói kinh mầu nhiệm chân không thật tướng này. Vì thế từ thời Đường đến nay, văn nhân danh sĩ thường hay biên chép, trì tụng, có nhiều người đọc đến mấy ngàn vạn lần.

13, 14, 15, 16, tổng cộng bảy hội là do ngài Huyền Trang dịch mới, gồm 481 quyển. Bảy hội kia là bản dịch lại những bản cựu dịch.

Hội thứ nhất tương ứng với Phạn Bản là bộ Thập Vạn Tụng Bát-nhã (Śatasāhasrikā-prajñāpāramitā). Hội thứ hai tương ứng với bộ Nhị Vạn Ngũ Thiên Tụng Bát-nhã (Pañcavijśatisāhasrikā-prajñāpāramitā) của Phạn Bản. Các bản Hán dịch biệt xuất từ hội này là kinh Quang Tán Bát-nhã, Phóng Quang Bát-nhã, và kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật (27 quyển). Hội thứ tư tương ứng với Bát Thiên Tụng Bát-nhã (Astasāhasrikā-prajñāpāramitā), các kinh biệt xuất là Đạo Hành Bát-nhã của ngài Chi-lâu-ca-sấm, Đại Minh Độ Kinh của ngài Chi Khiêm đời Ngô, Tiểu Phẩm Bát-nhã Kinh của ngài Cưu-ma-la-thập, Phật Mẫu Xuất Sanh Tam Pháp Tạng Bát-nhã Ba-la-mật-đa của ngài Thi Hộ. Hội thứ sáu giống với kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã Ba-la-mật do ngài Nguyệt-bà-thủ-na dịch vào đời Trần. Hội thứ bảy tương ứng với Thất Bách Tụng Bát-nhã (Saptaśatikā-prajñāpāramitā) của Phạn Bản. Hội này chính là bản dịch khác của kinh Văn-thù-sư-lợi Sở Thuyết Bát-nhã Ba-la-mật-đa do ngài Tăng-già-ba-la dịch và kinh Văn-thù-sư-lợi Sở Thuyết Bát-nhã Ba-la-mật-đa của ngài Mạn-đà-la-tiên dịch vào đời Lương (chép trong kinh Đại Bảo Tích). Hội thứ tám chính là bản dịch khác của kinh Nhu Đạo Bồ-tát Vô Thượng Thanh Tịnh Phần Vệ Kinh do ngài Tường Công dịch vào đời Tống. Hội thứ chín là kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Hội này chính là bản dịch khác các kinh cùng mang tên Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật-đa do các ngài Cưu-ma-la-thập, Bồ-đề-lưu-chi, Chân Đế cũng như Kim Cang Năng Đoạn Bát-nhã Ba-la-mật-đa do ngài Cấp-đa dịch, kinh Năng Đoạn Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật-đa do ngài Nghĩa Tịnh dịch vào thời Đường. Hội thứ 10 tương ứng với kinh Lý Thú Bát-nhã (Prajñāpāramitā-naya-śatapañcāśatikā), chính là bản dịch khác các kinh Thật Tướng Bát-nhã Ba-la-mật do ngài Bồ-đề-lưu-chí dịch, Đại Nhạo Kim Cang Bất Không Chân Thực Tam-ma-da do ngài Bất Không dịch, kinh Năng Chiếu Bát-nhã Ba-la-mật do ngài Thi Hộ dịch v.v.. Những hội còn lại không còn Phạn bản, chỉ còn bản dịch tương ứng bằng tiếng Tây Tạng. Ngoài bản dịch của ngài Huyền Trang, Tâm Kinh còn có sáu bản dịch khác nhau:

1. Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật Đại Minh Chú Kinh do Cưu-ma-la-thập dịch.
2. Bát-nhã Ba-la-mật-đa Na-đề Kinh do Bồ-đề-lưu-chi dịch.
3. Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh do Bát-nhã và Lợi Ngôn dịch.
4. Phổ Biến Trí Tạng Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh do Pháp Nguyệt dịch.
5. Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh do Trí Huệ Luân dịch.
6. Thánh Phật Mẫu Bát-nhã Ba-la-mật-đa Kinh do Thi Hộ dịch.

Trong số này, bản của ngài Thi Hộ có ghi đầy đủ nơi xứ thuyết kinh, đương cơ của pháp hội, nhưng lời văn không được cô đọng, trau chuốt, đặc sắc như bản dịch của ngài Huyền Trang.

Vị tăng lạ lùng là Thủ Tùng muốn viết kinh này hòng nạp vào trong tám thức điền của mọi người để tạo chủng tử thành Phật trong tương lai, nên bèn vận dụng thần bút tuyệt diệu chẳng thể nghĩ bàn biên chép lưu thông. Bạn bè được tặng tờ thiếp ấy, muốn đem in thạch bản để lưu truyền rộng rãi. Lại sợ người đọc chưa thể nhận hết mặt chữ nên chép thêm kinh văn theo lối chữ khải trong phần sau. Do vậy, tôi bèn viết lời bạt gồm mấy câu ngõ hầu mình lẫn người đều xa lìa điên đảo mộng tưởng, rốt ráo Niết-bàn. Phải biết, kinh này ở tại đâu thì Phật ở nơi đó, tiêu trừ nghiệp chướng, được nhiều tốt lành. Phải nên dốc lòng cung kính cúng dường, thọ trì, đọc tụng, chớ nên khinh nhờn kẻo phải chuốc lấy tội lỗi, ắt sẽ độ hết thảy khổ, thành vô thượng đạo giống như đưa tờ bằng khoán ra lấy lại vật cũ vậy!

4. Lời bạt cho bài văn bia ngự chế của Thanh Thế Tông ở chùa Pháp Vũ tại Phổ Đà (năm Ất Mão, viết thay cho ông Triệu Hy Y)

Thanh Thế Tông Hiến Hoàng Đế (Ung Chánh) xưa đã trồng cội đức, thừa nguyện tái lai, thâm nhập kinh tạng, thấu đạt thẳng vào nguồn thiền, Tông - Thuyết đều thông, ngộ chứng gần như cùng cực, thông hiểu đạo tân truyền của Linh Sơn, Tứ Thủy, xiển dương diệu đạo "tâm chính là Phật". Từ khi pháp truyền sang Chấn Đán, hai ngàn năm qua, trong các bậc hoàng đế, ngài quả là bậc nhất. Nếu chẳng phải là bậc đã chứng pháp thân từ lâu, thị hiện trong đời mạt này, ở trong cõi tục hiểu thấu lẽ chân, rộng độ hàm thức thì sao có thể được như vậy! Phật pháp lợi khắp chúng sanh, Đại sĩ tùy cơ ứng theo lòng cảm rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không. Nếu không có đại trí tuệ sẽ chẳng thể hình dung. Thanh Thế Tông cực lực phát huy những nghĩa lý như mưa đúng thời nhuần thấm muôn vật, có thể nói là khéo léo khế hợp tâm Phật, khó thể thí dụ được. Trước kia, tôi đã đọc sách Chiết Giang Thông Chí thấy bài văn bia này, khôn ngăn khâm phục. Sách Định Hải Sảnh Chí cũng chép đầy đủ. Mùa xuân năm nay đến lễ Đại sĩ, thấy trước tấm bia thờ một tượng Phật bằng ngọc, bia bị khám thờ che khuất nên chẳng thể xem rõ được. Là vì khi tượng Phật bằng ngọc được rước đến, được thờ tạm trước bia. Sau do không đất lập điện thờ riêng, bèn thờ tượng vĩnh viễn ở đó. Tra trong Sơn Chí, lại thấy thiếu mất bản văn bày, buồn rầu khôn xiết. Nhân đó, cầm đuốc cung kính chép lại, bèn xin vị chủ chùa cho khắc vào bản gỗ, treo trong đình. Lại khắc kèm vào bản khắc ván của Sơn Chí, thuật hết duyên khởi ngõ hầu các vị quân tử trong tương lai đều được thấm nhuần mưa pháp, cùng chứng chân thường.

5. Lời bạt cho Lục Độ Thất (viết thay ông Đường Hưu Tử)

Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ gọi là lục độ, hoặc còn gọi là lục ba-la-mật. Tiếng Phạn "ba-la-mật", Hán dịch là đáo bỉ ngạn (đến được bờ kia), có nghĩa là nhờ vào sáu pháp này từ bờ sanh tử bên đây vượt qua dòng phiền não sang đến được bờ Niết-bàn bên kia. Năm độ như kẻ mù, bát-nhã như người dẫn đường, năm độ không có bát-nhã sẽ chẳng thể rốt ráo đến được bờ kia. Bát-nhã như mắt, năm độ như chân, bát-nhã không có năm độ kia thì cũng chẳng thể rốt ráo đến được bờ kia. Đầy đủ cả hai thứ thì mỗi một độ đều đến được bờ kia, đều được gọi là ba-la-mật. Hòa thượng Khai Như đặt cho thất cái tên này, đáng gọi là bậc biết pháp, mà chí và hạnh của ngài từ đó cũng có thể suy ra được. Do vậy, viết ba chữ này và lược thuật ý nghĩa để tặng cho.

6. Lời bạt cho Tâm Quy Tịnh Xứ (viết cho cư sĩ Lưu Trí Không)

Tâm linh minh đỗng triệt, trạm tịch thường hằng, có khuôn phép, riêng làm chủ của vạn tượng, vô danh vô tướng hòa lẫn trong các pháp, chẳng nhơ, chẳng sạch, chẳng thể lập được mảy trần, vừa là sắc vừa là không, trọn ngũ nhãn cũng không thể thấy được. Xứ sở còn chẳng có, tịnh do đâu mà đến? Tịnh - xứ đã không, nương gởi vào đâu? Thật tế lý địa chẳng nhiễm mảy trần, nói đến chữ tâm đã sớm trở thành vớ vẩn. Nếu có thể khế nhập ngay được điều này thì toàn thể đại dụng của tâm sẽ phô bày triệt để, trọn chẳng giấu giếm gì, liền có thể gọi là "bậc vô tâm đạo nhân", liền có thể chen vai thích cánh cùng bậc Đại sĩ đã rỗng không các uẩn, nắm tay nhau cùng đi, cảm ứng khắp quần cơ, hiện thân thuyết pháp. Trăng in trên ngàn sông, gió thổi vạn ống tiêu, trọn pháp giới cảm bèn ứng trọn pháp giới. Nếu như căn cơ kém hèn, chưa thể chứng nhập bèn ước trên *sanh diệt môn* chỉ cho phương hướng tiến đến chứng đắc. Do đã mê tâm đuổi theo cảnh, hướng ra ngoài tìm cầu, nên toàn bộ trí tuệ đức tướng biến thành vọng tưởng, chấp trước, vậy thì hãy nên chuyên tinh tu tập chỉ một pháp, chấp trì thánh hiệu Di-đà, chân tín nguyện thiết, mong được vãng sanh Tây Phương. Trì lâu ngày, tâm và Phật hệt như một, chẳng lìa đương niệm triệt chứng ngũ uẩn đều không. Vọng tưởng, chấp trước đã diệt, trí tuệ - đức tướng cũng mất. Hễ tâm tịnh cõi Phật bèn tịnh, chẳng lìa đương xứ thầm khế hợp cõi Tịch quang. Chỉ có mỗi mình chỗ này mới là chỗ rốt ráo để chúng ta an thân lập mạng vậy. Nguyện học trò tôi là Trí Không làm cho chúng sanh khắp pháp giới cùng quy về đây thì may mắn lắm thay!

7. Lời bạt cho sách Định Hải Huyện Giám Ngục Giảng Kinh Tham Quan Ký của Hạng Bá Xuy

Việc cai trị trọng nơi đại thể. Đã đạt được đại thể thì chuyện không kể lớn hay nhỏ đều có hiệu quả. Nếu không, chỉ là làm dáng, khó đạt được lợi ích thật sự. Đại thể là gì? Thưa: chỉ là thành mà thôi! Người giữ chức vụ cai quản đất nước nếu phát xuất từ lòng thành thì tuy là dị loại vẫn còn có thể cảm hóa được, huống gì con người là "vạn vật chi linh"? Vì thế, những chứng cứ lạ như hổ chẳng vào cõi, cá bỏ sang chỗ khác v.v. được chép rõ ràng trong sử sách. Sách Đại Học giải thích câu nói *"như bảo xích tử"* (như che chở con đỏ) của kinh Thư như sau: *"Tâm thành cầu chi, tuy bất trúng bất viễn hỹ"*[758] (Dùng tâm thành mà cầu thì dù chẳng trúng cũng chẳng xa vậy). Dùng cái tâm "che chở con đỏ" để che chở dân thì không mưu tính điều gì mà chẳng đúng; nói là "chẳng xa" là vì sợ con người chẳng chí thành đến cùng cực, chứ thật ra là thúc đẩy sao cho chí thành đến mức cùng cực. Đây là lời quyết đoán, chứ chẳng phải là lời nói nghi ngờ, do dự.

Ấp lệnh Định Hải là ông Đào Tại Đông học đạo yêu dân cùng lý tận tánh, đối với tâm pháp của thánh nhân Nho - Thích đều có sở đắc lớn lao, lo việc cai trị chỉ lấy lòng tự lập lập người, tự lợi lợi tha làm gốc. Vừa đến nhậm chức, bèn đau đáu nghĩ đến nỗi khổ của kẻ dân ngu không được dạy dỗ, phạm pháp bị tù đày. Nguyên do là chẳng biết những chuyện nhân quả báo ứng, phước thiện họa dâm và sanh tử luân hồi, ác báo trong tam đồ v.v., cứ một mực có dã tâm ích kỷ, chẳng sợ mắc ác báo vì hại người, nên mới bị hãm vào đây. Do vậy, muốn tuyên giảng cho họ những chuyện nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi, tam đồ khổ sở, cõi Phật yên vui v.v., ngõ hầu họ hoảng sợ, kinh hãi, mau mắn sửa đổi tâm trước, vâng phục tuân theo, sửa đổi đức sau.

Do vì biết một niệm tâm tánh của chúng ta và một niệm tâm tánh của Nghiêu Thuấn không hai, với Phật không hai thì ai chịu liếm chút mật trên lưỡi dao để mắc cái họa đứt lưỡi, nỡ để bảo châu ma-ni tùy ý mưa ra các báu bị chìm đắm vĩnh viễn trong nhà xí, chẳng những trọn không có ích gì, còn thường bị coi là hôi nhơ giống như phẩn vậy! Từ đấy, hành trọn vẹn đạo hiếu hữu nhân từ và giới định tuệ. Dù chẳng thể ngay trong đời này đạo đức bằng với Nghiêu Thuấn và

[758] Câu "như bảo xích tử" trích từ tiết Khang Cáo, chương Chu Thư của kinh Thư (tức sách Thượng Thư). Khang Cáo là đoạn sách ghi lại lời Chu Thành Vương răn dạy Khang Thúc về đạo trị dân. Trong sách Đại Học, Mạnh Tử đã giải thích câu nói "như bảo xích tử" bằng câu: "Tâm thành cầu chi, tuy bất trúng bất viễn hỹ." Cổ thư thường dùng chữ "xích tử" để chỉ nhân dân, ý nói vua phải thương yêu nhân dân như con do mình dứt ruột đẻ ra.

chư Phật, nhưng ngựa mong thành ngựa ký thì cũng là loài ngựa ký, người mong thành Nhan Hồi thì cũng là hạng giống như Nhan Hồi, sẽ cậy vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh để thành tựu nhân duyên siêu phàm nhập thánh tối thắng. Nếu như chân ngữ, thật ngữ của thánh hiền, Phật, Bồ-tát dạy người chẳng truyền sang phương Đông thì làm sao thỏa mãn tâm ấy cho được? Nhân quả báo ứng thật sự là phương tiện lớn lao để thánh nhân Nho giáo giữ yên thiên hạ, nhưng lời lẽ của họ đơn giản, sơ sài, khiến cho nhà Nho quá quen nên chẳng xem xét, coi nhẹ, bỏ qua, đến nỗi người bậc thượng chỉ làm một kẻ tự giải thoát, chứ không thể thay đổi phong tục được, còn kẻ bậc hạ bèn tùy ý hoành hành, cốt sao hưởng yên vui một thời. Do vậy, thế đạo nhân tâm mỗi ngày mỗi đi xuống, hết thuốc chữa!

Ông Đào bèn truyền cho hai vị trụ trì chùa trước và chùa sau của Phổ Đà[759], chọn ra từ trong núi những vị tăng giới hạnh tinh nghiêm, hiểu kinh giáo thông suốt làm thầy giáo hối. Hai vị trụ trì muốn chọn những vị tại gia giỏi giang đảm nhiệm chức vụ ấy, nhưng ông Đào cho rằng: "Dùng lời lẽ để giáo hóa còn bị tranh cãi, chứ dùng thân để giáo hóa, người ta phải thuận theo." Giáo hóa tù nhân không chỉ ở chỗ có khả năng tuyên thuyết! Do vậy, bèn cử pháp sư Trí Đức đáp ứng lời mời. Đến ngày khai giảng, sự sắp đặt, diễn thuyết, và dự trù chương trình, không gì chẳng đặt căn bản trên lòng thành, nghiễm nhiên biến nhà ngục thành đạo tràng, biến tù nhân thành pháp lữ, kể từ khi Định Hải lập huyện đến nay chưa từng có chuyện như vậy! Ấy là vì ông Đào biết tù nhân do không được dạy dỗ nên mới phạm pháp, căn cứ vào ý "cách vật trí tri, làm sáng tỏ đức sáng, đạt đến chí thiện, con người ai cũng có thể là Nghiêu Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật" mà làm chuyện này. Có thể nói là biết đại thể, lòng thành son sắt, chẳng thẹn là bậc cha mẹ của dân.

Ông lại chẳng chê bỏ Quang là kẻ bất tài, đem bài ký sự thăm viếng nhà tù của ông Hạng đưa cho Quang xem. Đọc xong, khôn ngăn mừng rỡ, bèn quên mình hèn kém, ghi đại lược mấy lời bạt dở tệ, ngõ hầu người đọc biết được tông chỉ của việc giáo hóa trong nhà tù và lòng thành của ông Đào, có lẽ người bắt chước làm theo sẽ chẳng phải chỉ có một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy kẻ mà thôi! Tuy nhiên, thuyết pháp không bắt buộc phải sử dụng toàn là tăng nhân. Những gì được giảng nếu chẳng lấy nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo, sự khổ sở trong tam đồ, sự yên vui nơi cõi Phật làm gốc thì dẫu cho giảng nói diệu nghĩa cảm được hoa trời rơi xuống thì cũng chẳng có hiệu quả thật sự. Vì sao vậy? Vì không gây

[759] Tức chùa Pháp Vũ và Phổ Tế.

được xúc động bên trong, như gió lùa qua cây cối, chỉ phớt qua chứ chẳng ăn nhằm gì cả!

8. Lời bạt cho sách Vãng Sanh Luận Chú

Sanh tử là chuyện lớn lao bậc nhất của chúng ta, pháp môn Tịnh độ là diệu pháp liễu sanh tử vô thượng. Giáo pháp được giảng trong cả một đời đức Phật mênh mông như biển thẳm, nhưng pháp diễn bày rốt ráo bản hoài phổ độ chúng sanh của Phật chỉ có mình pháp Tịnh độ mà thôi! Do dưới là phàm phu tín nguyện niệm Phật liền được mang nghiệp vãng sanh, trên là bậc thánh nếu chịu hồi hướng sẽ mau viên thành giác đạo. So sánh giữa việc cậy vào Phật từ lực và chỉ cậy vào tự lực thì khó dễ còn nhiều hơn sự khác biệt giữa ngày và kiếp. Thiên Thân Bồ-tát soạn rất nhiều bộ luận để hoằng truyền, xiển dương Phật thừa. Ngài lại đề cao kinh Vô Lượng Thọ, soạn ra Nguyện Sanh Kệ Luận, chỉ ra năm cách tu (ngũ môn tu pháp) hòng rốt ráo được vãng sanh, dạy rõ các pháp lễ bái, tán thán, phát nguyện, quán sát, hồi hướng. Trong Quán Sát Môn, chỉ rõ sự trang nghiêm của Tịnh độ, pháp lực của Như Lai, công đức của Bồ-tát, phàm những ai thấy nghe đều phát nguyện vãng sanh. Pháp sư Đàm Loan soạn lời chú thích tường tận, triệt để phơi bày trọn vẹn thệ nguyện của Phật Di-đà và bổn hoài của Thiên Thân Bồ-tát, giãi bày hết cả ra. Nếu không thấu hiểu Phật tâm sâu xa, trọn đủ vô ngại biện, sao có thể làm được như vậy?

Một pháp Tịnh độ chính là chỗ quy hướng của hết thảy mọi pháp, vì thế những vị Đẳng giác Bồ-tát đã chứng bằng với chư Phật trong hội Hoa Nghiêm còn phải dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh. Các vị Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Từ Ân, Thanh Lương, Vĩnh Minh v.v. tự hành dạy người cùng về Tịnh độ, nguyên do là vì vậy. Biết điều này thì những người chỉ chấp vào tự lực, chẳng nhờ vào Phật lực sẽ kinh hoảng sợ hãi, hiểu ra, sẽ cầu trong đời này liền được thoát khỏi cõi Sa-bà, sanh về Cực Lạc, cùng với Quán Âm, Thế Chí v.v. các vị thượng thiện nhân cùng ở một chỗ, thường luôn thân cận A-di-đà Phật, hòng chứng Vô sanh nhẫn, viên mãn Bồ-đề mới thôi. Lời này chẳng đáng tin thì xin hãy chất vấn Phổ Hiền Bồ-tát ắt sẽ tự chẳng còn nghi ngờ!

9. Lời bạt cho bản điều lệ sắc lệnh quản lý chùa miếu của Đại tổng thống

Xưa kia, khi sắp nhập Niết-bàn, đức Như Lai đã đem pháp đạo phó chúc cho quốc vương, đại thần hộ trì, lưu thông. Ấy là vì tăng chúng bỏ tục xuất gia, tu ròng phạm hạnh, đã không có của cải, lại không có quyền thế, dầu có thể hoằng dương pháp hóa vẫn khó tránh khỏi bị người ngoài khinh khi, lấn hiếp. Nếu được

vua quan hộ trì thì pháp hóa được rộng khắp, người ngoài chẳng dám coi thường, bởi kẻ cường bạo ngang ngược giấu hình ẩn tích, còn kẻ mềm mỏng lương thiện sẽ khởi lòng tin, gieo lòng thành. Vì thế, lưới giáo pháp được mở rộng, thâu tóm những loài cá trong biển khổ; chấn hưng tông phong, thấy thấu suốt vầng trăng nơi tự tâm. Nội hộ, ngoại hộ phải cùng có đủ thì pháp hóa của đức Như Lai sẽ tự có thể theo chiều ngang trọn khắp mười phương, theo chiều dọc thông suốt ba đời, khiến cho hàm thức đều cùng được thấm gội pháp trạch. Ấy là vì do nghe Phật pháp mới biết từ vô thủy đến nay đã mê trái bản tâm, khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm, đến nỗi sanh tử luân hồi nhiều kiếp không cách gì thoát lìa. Đã biết điều này liền muốn diệt trừ nhân khổ, mong được quả vui. Từ đấy bỏ mê theo ngộ khăng khắng gắng công. Nơi tâm bèn dứt tham sân si, nơi thân kiêng giết trộm dâm, đổi ác tu lành, gần thì cảm được phước lạc nhân thiên, đoạn hoặc chứng chân, xa thì thành giác đạo Bồ-đề. Do vậy, tận lực tuân theo lời Phật dạy, gìn giữ tự tâm nghiêm ngặt, dẫu ở trong nhà tối phòng kín luôn như đối trước Phật, trời; người mang thiện niệm, nước dứt xử phạt. Về mặt ngầm là thầm giúp cho việc bình trị, dứt họa loạn khi chưa chớm; về mặt hiển lộ là phụ trợ cho chính sách cai trị, đề cao nhân ái hòa mục. Do có những lợi ích như vậy nên đế vương các đời ở Tây Trúc và cõi này vĩnh viễn tuân thủ lời Phật phó chúc, không ai không sùng phụng, hộ trì, chỉ lo chưa được truyền bá, lưu thông rộng rãi.

Xét từ thời Đông Hán, Phật pháp truyền sang Trung Quốc, trải hơn 1.800 năm, không lúc nào chẳng như vậy. Đến cuối đời Thanh, pháp đạo suy vi, triết nhân ngày càng hiếm hoi, kẻ tầm thường ngày càng đông. Lại thêm đất nước lắm biến cố, chẳng rảnh rỗi đề xướng. Tăng đồ phần nhiều cam phận ngu hèn, chẳng chuyên chú thanh tu, sự giáo hóa lỏng lẻo, kẻ ngoài khinh lấn. Do vậy, những kẻ không có tín căn dòm ngó tài sản của tăng, không có cách nào khác bèn mượn cớ mở trường học để thôn tính nhà chùa. Thường có những chuyện biến chùa Phật thành trường học, đoạt tăng sản để đẫy túi mình xảy ra ồ ạt. Đến năm Dân Quốc thứ nhất (1911), nước nhà vừa lập, phong trào ấy càng quá đáng. Đồng nhân lo lắng, bèn lập ra hội Phật Giáo đông đảo, lắm phen khẩn cầu chánh phủ che chở. Vì thế, vào năm Dân Quốc thứ 4 (1915), chánh phủ bèn ban bố chánh sách quản lý tự miếu gồm 31 điều lệ. Ý ấy tuy tốt lành, nhưng do chưa xét soi kỹ càng nên người thi hành vẫn chen lẫn đôi chút lòng riêng tư, khiến cho mối tệ nảy sanh, tạo thành trở ngại lớn. Phàm những hàng tăng tục trong pháp môn không ai chẳng lo ngại hậu hoạn, nhiều phen gởi thư bày tỏ ý kiến, khẩn cầu sửa đổi.

Mùa thu năm Dân Quốc thứ chín (1920), cư sĩ Trình Tuyết Lâu xét kỹ lợi hại, lại gởi thư ý kiến trình lên Đại tổng thống. Đã được chấp thuận, giao cho bộ Nội Vụ bàn bạc. Đầu xuân năm Dân Quốc thứ 10 (1921), mới bắt đầu tu chánh thành 24 điều. Suy xét, châm chước kỹ càng, có lợi không hại, bèn trình lên Đại tổng thống, để ông ta ban sắc lệnh công bố thi hành. Nhưng sắc lệnh của chánh phủ ban bố chẳng thể khiến cho mọi người đều thấy được hết, nên pháp sư Đạo Giai trụ trì chùa Pháp Nguyên ở Bắc Kinh tình hộ giáo sâu nặng, bèn tính gấp rút in ra để lưu thông, ngõ hầu tăng tục ở những chốn sơn cùng thủy tận đều được biết, không còn ngờ lo chi nữa! Sư xin tôi viết lời bạt để góp phần cổ vũ, khuyến khích.

Tôi nói: "Đạo pháp của Như Lai tuy nhờ vào sức ngoại hộ, nhưng nội hộ cũng phải có người thì hộ trì mới có hiệu quả thật sự! Ví như bên ngoài có thành chắc, hào sâu, dù kiên cố không phá được, ắt chẳng thua bại ngay, nhưng nếu chủ soái bên trong hôn mê, ngu muội, chăm sóc dân cai quản lính đều không đúng lối thì sĩ tốt, bá tánh đều thành bè lũ phản nghịch. Dầu có thành chắc, hào sâu cũng chẳng ích lợi gì. Nếu như chủ soái sáng suốt, khéo được lòng sĩ tốt nhân dân thì sự cai trị nhân từ thấm khắp, không ai không ca tụng, tiếng tăm lan xa bốn phương, mọi người đều quy phục thì giặc giã, kẻ thù đều như con đỏ, mọi kẻ phản nghịch đều thành lương dân. Khẩn cầu những người cùng một sắc áo hãy phát tâm Bồ-đề, tận lực tu định tuệ, dùng vô thượng diệu đạo của Như Lai để tự hành dạy người thì ai nấy đều cảm từ ân của Phật, ngưỡng mộ hạnh đẹp của tăng chúng. Tự nhiên những kẻ không có tín tâm sẽ phát khởi tín tâm, người đã có tín tâm càng tận lực hành Phật đạo, sẽ thấy tàn nhẫn chuyển thành nhân từ, chiến tranh vĩnh viễn chấm dứt, chuyển thói tục tệ bạc thành thuần phong, vận đời thanh bình, hưng thạnh. Như vậy là trên chẳng phụ ý tha thiết hộ trì của quốc gia, dưới chẳng phụ thâm tâm học Phật của chính mình, ân Phật lẫn ân cha mẹ đều kham báo đáp được muôn một vậy. Phàm những ai cùng một sắc áo với tôi, xin hãy gắng sức lên!"

10. Lời bạt cho bản in lại kinh Dược Sư Như Lai Bổn Nguyện

Phật và chúng sanh cùng một tâm thể, nhưng sự thọ dụng khác biệt như trời với vực là do vì dụng tâm chẳng đồng mà ra. Phật chỉ nghĩ dùng lòng vô duyên đại từ, lòng đồng thể đại bi để độ thoát chúng sanh, trọn không có tâm "ta người, đây kia". Dẫu cho độ tận hết thảy chúng sanh cũng chẳng thấy tướng người độ, kẻ được độ. Vì thế phước tuệ được trọn đủ, được thế gian tôn kính. Chúng sanh chỉ dốc lòng tự tư tự lợi, dẫu thân thiết như cha mẹ anh em còn chẳng thể không có tướng đây kia, huống chi là người xung quanh, người trong cõi đời ư? Do vậy,

cảm lấy nghiệp báo: hoặc sanh trong nhà bần cùng hạ tiện, hoặc đọa trong tam đồ ác đạo. Dẫu cho tự tu giới thiện thiền định được sanh về chỗ vui trong nhân gian hay cõi trời, nhưng do không có tâm đại bi nên chẳng thể khế hợp Bồ-đề được ngay. Do vậy, vừa hết phước báo lại bị đọa lạc, chẳng đáng buồn ư? Như vậy, nếu chỉ muốn tạo lợi ích cho người khác thì lại trở thành làm lợi cho chính mình, chỉ muốn tự lợi thì chính là tự hại vậy!

Kinh Dược Sư Như Lai Bổn Nguyện chính là do đức Thích-ca Thế Tôn ta thương xót hết thảy chúng sanh tội khổ trong thế giới này, vì họ nói những chuyện lợi sanh của đức Dược Sư Như Lai trong khi tu nhân cũng như khi đã chứng quả, quả thật là diệu pháp vô thượng để rốt ráo lìa khổ được vui. Nếu chúng sanh phát được tâm đại Bồ-đề từ bi hỷ xả thọ trì kinh này, chú này và danh hiệu vị Phật này thì xét trên mặt hiệu quả còn phá rỗng toang được vô minh, viên thành Phật đạo, huống gì những quả vị khác, những phước lạc khác. Tâm Phật cố nhiên muốn trao toàn thể vô thượng giác đạo cho hết thảy chúng sanh, nhưng trí chúng sanh có kẻ cạn người sâu, chẳng thể không tùy theo lòng ưa thích của họ mà ban thuốc, khiến cho những điều họ mong cầu đều được như nguyện. Phải biết, kinh Dược Sư, danh hiệu Phật và thần chú của ngài chính là pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác mà Phật Thích-ca, Phật Dược Sư đã chứng đắc. Phàm ai chí thành thọ trì chính là dùng sự trang nghiêm của Phật để tự trang nghiêm. Do đó, quốc sư Ngọc Lâm Thông Tú thường trì kinh và danh hiệu vị Phật này, vì kinh này là pháp môn tổng trì của Thiền, Giáo, Luật, Tịnh. Vì thế, người thọ trì hoặc sanh về thế giới Tịnh Lưu Ly, hoặc sanh sang thế giới Cực Lạc. Đến khi phá rỗng suốt phàm tình, viên thành thánh trí thì khế hợp thẳng vào Tịch quang, Đông lẫn Tây đều mất, nhưng Đông - Tây đều rành rành, tùy nguyện vãng sanh, bèn cùng với Di-đà, Dược Sư về bí tạng. Đây gọi là "hành xứ thậm thâm" của chư Phật.

Đại sư Thánh Thông khắc ván lưu thông bản kinh được chép bởi hòa thượng Tâm An, muốn cho người thọ trì phát khởi chánh tín, xin tôi hãy trình bày đại lược, rõ ràng. Lại do bản kinh này do pháp sư Huyền Trang dịch, chỉ nêu con số tám vị Bồ-tát, không nêu rõ tên hiệu, đoạn kinh nói thần chú lại bị thiếu. Tri thức đời sau muốn cho kinh nghĩa hoàn bị, nên y theo kinh Thất Phật Bổn Nguyện thêm vào đoạn kinh văn nói ra thần chú tổng cộng 428 chữ, y theo bản kinh số 12 trong kinh Quán Đảnh, thêm vào danh hiệu của tám vị Bồ-tát, vì ba kinh này vốn là một kinh vậy. Phải biết từ xưa chỉ dùng lá bối để biên chép, rất có thể bị thất lạc, đến nỗi những phần kinh văn được dịch hoàn bị hoặc thiếu sót khác nhau. Hậu nhân thêm vào như vậy quả thật khế hợp tâm Phật sâu xa. Vì thế những người

chú giải kinh đều cùng tôn trọng. Sợ rằng có kẻ đem đối chiếu với nguyên bản trong Đại tạng sẽ sanh ngờ vực nên bèn ghi lại duyên khởi để mừng cho kinh văn được toàn bích vậy! (Đoạn nói ra thần chú bắt đầu từ câu: "Lại này Mạn Thù Thất Lợi" cho đến câu "sở cầu nguyện mãn cho đến Bồ-đề").

11. Lời bạt cho Văn Kinh Thất (căn thất để nghe kinh)

Tứ đại vốn không, ngũ uẩn đều không, thoát khỏi căn trần, tâm lẫn cảnh đều tịch thì gì là kinh? Gì là nghe? Gì là thất? Nhất niệm bất sanh, trước sau đều dứt, linh quang riêng chiếu, thể vốn toàn chân, có gì chẳng phải là kinh, gì chẳng phải là nghe, gì chẳng phải là thất? Hiểu được như thế thì gọi là "khéo nghe kinh". Nếu không, ngay trong lúc đọc tụng kiệt lòng thành, tận lòng kính như đối trước thánh dung đích thân nghe viên âm sẽ tự có thể khế nhập sâu xa kinh tạng u viễn, tự thấy được Phật tánh sẵn có. Nguyện những người học trò của tôi hãy nhận hiểu phù hợp, dốc lòng tin tưởng, khế ngộ lời này thì may mắn lắm thay!

12. Lời bạt cho sách Tín Nguyện Niệm Phật Quyết Định Vãng Sanh Thiển Thuyết

Pháp môn Tịnh độ là chỗ quy túc của các pháp. Ví như biển cả, toàn bộ nước của sông, rạch, khe, suối trong thế gian không gì chẳng đổ vào biển. Một khi đã vào trong ấy đều cùng mang tên là biển, đều thành cùng một vị mặn. Tuy sâu rộng đến tột bậc, chẳng thể cùng tột bờ đáy, nhưng nếu luận từ chỗ nông cạn, dễ thấy thì danh, thể, vị, tánh cùng với chỗ sâu chẳng thể lường cố nhiên không hai, không khác. Từ khi đức Thế Tôn hoằng khai pháp này đến nay, chẳng biết bao nhiêu hằng hà sa hằng hà sa số chúng sanh y giáo tu hành vãng sanh Tây Phương? Ấy là vì lịch đại Bồ-tát, tổ sư, thiện tri thức, trên là kính vâng ý Phật, dưới là thuận theo cơ nghi khéo léo khuyến dụ dần dần, khiến cho mọi người đều được hay biết duyên do. Nhờ vậy, những người đầy đủ thiện căn từ trước bèn đều cùng được thoát khỏi Sa-bà, sanh sang Cực Lạc. Cư sĩ Đồng Liên Quốc muốn đồng nhân cùng sanh khởi chánh tín, cùng phát nguyện tha thiết, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, thấy những lời của cổ đức đều là văn sâu, nghĩa thẳm, hạng sơ cơ chẳng dễ gì lãnh hội được, bèn dùng những ngôn ngữ đơn giản, gần gũi để phát huy những ý nghĩa ấy. Do vậy bèn đặt tên sách là Thiển Thuyết (lời nói nông cạn). Phải biết tuy văn nói nông cạn, đơn giản, nhưng pháp được nói đến chính là pháp môn rất sâu vô thượng bậc nhất để chín giới cùng hướng về, được mười phương chư Phật cùng khen ngợi, được ngàn kinh đều xiển dương, vạn luận cùng tuyên nói. Nếu người đọc chẳng cho là pháp thiển cận, coi thường, mà hành theo thì tuy

chưa ra khỏi Sa-bà đã chẳng phải là người khách lâu ngày nơi Sa-bà nữa, chưa sanh về Cực Lạc mà đã là khách quý cõi Cực Lạc.

13. Lời bạt cho Liên Vinh Đường

Hoa sen là vật tuy mọc lên từ bùn lầy, nhưng thể thường thanh tịnh, người nào đối với hết thảy mọi sự đều không chấp trước, vui với thiên chân sẵn có, sẽ coi phú quý, bần tiện, mọi rợ, hoạn nạn như huyễn hóa, hành xử thuận theo địa vị, thích đáng với hoàn cảnh. Những ý niệm dâm, di, khuất, oán đều rốt ráo chẳng sanh, gần giống như hoa sen, còn gì vinh hơn? Luận ở mức độ cao hơn, hết thảy các pháp đều thuộc sanh diệt, đừng nói phú quý tôn vinh thế gian chưa đáng gọi là vinh, dẫu cho được làm Thiên đế cho đến trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng cũng chưa đáng gọi là vinh. Vì sao vậy? Do phước trời một khi đã hết lại đọa xuống nhân gian. Đã sanh trong nhân gian khó tránh khỏi tạo nghiệp, đã tạo ác nghiệp ắt đọa ác đạo, luân chuyển bao kiếp chẳng có lúc ra; không gì nhục hơn, có gì là vinh? Đáng gọi là vinh chính là đoạn phiền hoặc, thành đạo Bồ-đề, hiện thân trong pháp giới độ thoát chúng sanh vậy. Nhưng đang thuộc địa vị phàm phu, ngay trong đời này chắc chắn khó được như thế. Do vậy, hãy nên thật sự vì sanh tử phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật để mong vãng sanh trong chín phẩm sen báu ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nếu thật sự được như thế thì lúc lâm chung cảm ứng đạo giao được Phật tiếp dẫn, liền được vãng sanh. Từ đấy vĩnh viễn lìa khỏi tám khổ, thường hưởng tứ đức, thân cận Di-đà, tham dự vào hải chúng, nghe pháp, thọ ký mau chứng Vô sanh. Không chỉ chính mình như thế, nếu như lại còn có thể trọn đủ lòng đại từ bi, phát đại thệ nguyện, rộng tu các việc thiện, giáo hóa khắp hết thảy, dùng công đức này kính vì hồi hướng cho cha mẹ tổ tông cũng được nhờ vào thiện lợi này cùng sanh về Tây Phương. Huống chi khi đã sanh về Tây Phương, chứng Vô sanh nhẫn thì chuyện thành vô thượng đạo, đạt đại Niết-bàn, chắc chắn là chuyện quyết định đạt được, còn gì vinh hơn được nữa? Nghĩa của chữ "Liên Vinh" là như thế, xin hãy nghĩ đến ý nghĩa của tên gọi mà thực hành thì may mắn lắm thay!

14. Lời bạt cho nghĩa trang của Đặng Bộc Quân

Con người không có ai chẳng mưu tính cho bản thân và con cháu, nhưng đường lối mưu tính cố nhiên phải nên xem xét tường tận. Nếu vì mọi người, vì việc công thì phước trạch dài lâu; nếu vì mình, vì riêng tư sẽ như hạt móc mùa xuân, giọt sương mùa thu. Nếu như lại còn mưu mẹo, dối trá thì khác gì uống phê sương, trầm độc để cầu trường sanh, không lẽ nào chẳng chết! Đã thế, thần thức

vĩnh viễn đọa trong ác đạo, chịu đủ họa ương, vốn muốn lợi mình, rốt cuộc thành tự hại. Tuy do mình tự chuốc lấy, nhưng thật đáng thương xót. Phạm Văn Chánh Công (Phạm Trọng Yêm) đời Tống lập nghĩa trang thí cho người trong tộc họ để họ hàng luôn được hưởng lợi ích. Vì thế suốt tám chín trăm năm, dòng dõi ông luôn hưởng điều tốt lành. Cư sĩ Bộc Quân trên kế thừa chí cha mẹ, noi theo dấu thơm của Văn Chánh Công, khiến cho dù con hay cháu và người trong họ đều được hưởng nhờ, đều nghĩ đến A-di-đà Phật cầu sanh Tây Phương. Đấy chính là thí cả pháp lẫn tài, giúp đỡ sắc thân lẫn huệ mạng, phước trạch của mình lẫn người đều cùng thọ như hư không, không có tai ương. Do vậy, bèn nêu bày nghĩa lý ẩn tàng để con cháu và người trong họ cùng những ai thấy nghe đều được thấm gội ánh sáng của Phật vậy!

QUYỂN IV

VI. KÝ

1. Bài ký[760] về việc nghênh đón chân thân xá-lợi của Thích-ca Như Lai (viết giùm)

Trong trần điểm kiếp trước, đức Trung Thiên Điều Ngự Thích-ca Thế Tôn đã sớm thành Chánh giác, dứt sạch ba đời, trụ trong Tịch quang, thường hưởng tứ đức, vì xót thương chín giới bèn thị hiện thọ sanh, hiện ra tám tướng[761]. Từ lúc mới ra đời cho đến khi nhập Niết-bàn, diễn giảng các pháp thiên - viên - đốn - tiệm, tạo lợi ích khiến cho chúng sanh gieo nhân, hay do thành thục mà bèn được giải thoát. Lục đạo tứ sanh, tam thừa ngũ tánh nghe viên âm liền ngộ đạo, thấy diệu tướng bèn minh tâm, dẫu dùng hết mọi vi trần trong cùng tận thế giới vẫn chẳng thể tính hết được số lượng. Nhưng củi căn cơ đã hết thì lửa ứng hiện cũng tắt, ẩn tích quy chân, thị hiện diệt độ. Lại nhằm lợi ích cho đời vị lai, bi tâm vô tận, Phật bèn nát thân vàng trượng sáu do định tuệ sanh ra thành tám hộc[762] xá-lợi kim cang bất hoại. Do vậy chia đều cho tám nước, mỗi nơi đều dựng tháp báu khiến cho khắp các hàm thức đều được rộng gieo phước điền. Một trăm năm sau, nước Ma-kiệt-đề[763] có vua A-dục[764] cai trị toàn cõi Diêm-phù, oai đức tự tại, hết

---

[760] Ký: Một thể loại văn xuôi nhằm ghi chép sự việc.

[761] Tám tướng là tám sự kiện được Phật biến hiện trong suốt thời gian Phật thị hiện trong thế gian này: 1. Từ cung Đâu-suất giáng trần; 2. Nhập thai; 3. Đản sanh; 4. Xuất gia; 5. Hàng ma; 6. Thành đạo; 7. Thuyết pháp; 8. Nhập Niết-bàn.

[762] Hộc: đơn vị đo lường thời cổ, một hộc là mười đấu. Một đấu là mười thăng

[763] Ma-kiệt-đề (Magadha), còn phiên âm là Ma-già-đà, Ma-yết-đà, Ma-kiệt-đà, Mặc-kiệt-đà, Ma-ha-đà, dịch nghĩa là Vô Hại Quốc, Bất Ác Xứ, Chí Cam Lộ Xứ, Thiện Thắng Quốc, là một trong 16 đại quốc thời Phật tại thế, nay thuộc địa phận của Bihar, thủ phủ là Patna (thành Hoa Thị). Theo Đại Đường Tây Vực Ký, quyển 8, xứ này rộng hơn năm ngàn dặm, đất đai phì nhiêu, phong tục thuần phác, sùng tín Phật pháp, đa phần tín phụng Phật giáo Đại thừa, ngoại đạo cũng đông. Vùng phụ cận thành Hoa Thị hiện còn nền cũ của tháp A-dục Vương, Phật Túc Thạch, Kê Viên Tự, chỗ Phật tu khổ hạnh, chỗ Ca-diếp quy y Phật v.v.. Vua Tần-bà-sa-la của nước này kiến lập kinh thành Vương Xá (nay là thành phố Rajgir) ở phía Bắc kinh đô cũ, nơi này trở thành chỗ Phật thường thuyết pháp. Đến thời đại vương triều Cấp-đa (Gupta), vua Đế Nhật sáng lập học viện Na-lan-đà (Nalanda), học viện này trở thành trung tâm của Phật giáo Ấn Độ, ngài Huyền Trang từng theo học ở đây.

[764] Vua A-dục (Aśoka), dịch nghĩa là Vô Ưu Vương, còn có biệt hiệu là Thiên Ái Hỷ Kiến Vương (Devānajpriya Priyadraśi), là vua đời thứ ba của vương triều Khổng Tước tại Ma-kiệt-đề, sống vào khoảng thế kỷ thứ ba trước Công Nguyên. Vua thống nhất Ấn Độ, là người nhiệt

thảy quỷ thần đều thành bầy tôi, bèn đem xá-lợi được cất giữ bởi ông tổ là vua A-xà-thế, sai quỷ thần dùng bảy báu, các thứ hương làm thành bột, tạo thành tám vạn bốn ngàn tháp báu để cúng dường xá-lợi đặt khắp cả Nam châu (tức Nam Thiệm Bộ châu). Phàm những nơi nào Phật pháp chưa truyền đến đều lập tháp ở dưới đất nơi ấy, ở nước Đông Chấn Đán có mười chín chỗ. Khi đại giáo từ phương Tây truyền sang, [những tháp ấy] bèn lần lượt xuất hiện, tức là như Ngũ Đài Sơn, chùa A-dục Vương v.v.. Kinh Niết-bàn dạy: "Nếu dùng lòng tin sâu xa cúng dường toàn thân xá-lợi của Như Lai hoặc cúng nửa thân, hoặc cúng một phần tư, hoặc một phần vạn, thậm chí một phần nhỏ bằng hạt cải thì phước đức của người ấy so với phước đức cúng dường Phật, không hai không khác!" Bởi lẽ xá-lợi Phật chính là sắc thân Phật, đều do thệ nguyện vô tác, do lòng từ bi đồng thể thị hiện ra. Do vậy, nhân thiên có được xá-lợi bèn buồn vui xen lẫn, cạn hết tâm lực cung kính cúng dường.

Khi Như Lai xuất thế, Phước tôi còn đang trầm luân, nay được làm thân người, pháp đã suy vi. Người xưa phải trải qua hiểm trở mà còn lắm người đến cầu chánh pháp, nay đường thủy đường bộ đều thông suốt, dám đâu chẳng đi lễ bái thánh tích, nên vào năm Quang Tự 30 (1904) bèn ngồi thuyền sang Tây viếng thăm Tiêm La (Thái Lan), rồi đến Diến Điện, sau cùng đến Tích Lan (Sri Lanka). Ba nước ấy Phật pháp rất hưng thịnh, tăng chúng tuy đông nhưng chẳng nấu nướng lấy. Toàn quốc thờ Phật, dâng cơm cúng tăng. Phàm gặp đúng ngày lễ bái, con

---

thành ủng hộ Phật giáo. Khi còn nhỏ, hoàng tử rất hung bạo, vua cha không ưa. Đến khi nước chư hầu Taksaśīla làm phản, vua cha liền sai hoàng tử cầm quân đi đánh dẹp với hy vọng hoàng tử sẽ bị loạn quân giết. Nhưng hoàng tử đã dẹp yên phản loạn, lập đại công, thanh thế lừng lẫy. Sau khi cha mất, hoàng tử bèn trở về giết hết 99 người anh em để lên ngôi (tuy vậy, cũng có thuyết cho rằng đây là lời ngoa truyền nhằm phóng đại tính tàn nhẫn của nhà vua). Đã làm vua, A-dục càng bạo ác hơn, tàn hại đại thần, phụ nữ, bá tánh; do vậy dân chúng oán thán gọi vua là chiên-đà A-dục (chiên-đà là tiếng gọi hàng tiện dân Ấn Độ, những người này thường làm nghề đồ tể hoặc những nghề bẩn thỉu như thiêu xác, gánh phân v.v.). Vua lấy thành Hoa Thị làm thủ đô, gây chinh chiến liên miên để mở rộng đế quốc, thống trị toàn Ấn Độ và những tiểu quốc xung quanh. Về sau vua được Phật giáo cảm hóa. Theo truyền thuyết, do cuộc viễn chinh xứ Kalinga quá tàn nhẫn, vua động lòng, bèn nhiệt thành tin tưởng Phật giáo, tận lực hoằng dương Phật giáo để chuộc lỗi cũ, nên dân gian lại gọi vua là Đạt-ma A-dục vương (Chánh Pháp A-dục vương). Năm thứ 17 dưới triều vua A-dục, Tam tạng kinh điển được kết tập lần thứ ba dưới sự chủ tọa của ngài Mục-kiện-liên-tử Đế-tu (Moggaliputta-tissa), có hơn một ngàn vị trưởng lão tham dự, chín tháng mới kết tập xong. Vua phái các danh tăng đạo cao đức trọng đi truyền đạo khắp các cõi như Majjhantika, Kasmira, Gadhara, Mahadeva, Mahisakamandala, Rakkhita, Vanavāsi, Yonaka-dhammarakkhita… cho đến tận Tích Lan. Vua cũng cho lập các bia đá ghi chép các huấn dụ hoằng dương Phật giáo, truyền lệnh khoan dung, tôn trọng các ngoại đạo, cho lập các trụ đá đánh dấu nơi đức Phật đản sanh, thành đạo, nhập diệt v.v..

buôn đều không họp chợ, cùng đến lễ tháp báu, cùng gieo nhân cho mai sau, hơi giống với quy củ thơm thảo thời đức Phật. Kế đến viếng Trung Ấn Độ, Già Da, Vương Xá, Hằng Hà, Song Lâm, những nơi thánh tích nổi tiếng đều đến lễ cả. Tiếc cho đời xa, người mất, pháp suy, giáo kém, chẳng nghe được tiếng hàng ma chế phục ngoại đạo, chỉ thấy dấu vết cỏ lấp hoang tàn, tưởng nghĩ thuở trước thật là đau đớn! Trở về đô thành Tích Lan, gặp đúng dịp trùng tu bảo tháp, trong tháp chứa hơn một trăm viên xá-lợi, khẩn khoản xin vài hạt để tạo phước cho người phương Đông chúng ta. Họ nói: "Xá-lợi là phước điền của nước chúng tôi, tháp này do quốc vương dựng, dám đâu trái Phật phạm pháp, làm lợi cho người ngoài!" Do vậy, hằng ngày lễ tháp, cầu Phật thầm gia bị, đau lòng khóc lóc, buồn bã khôn cầm. Mười hai ngày như thế, cảm động tâm họ, bẩm lên quốc vương, vua chấp thuận ban cho mười hai viên.

Được toại tâm nguyện, thật cảm kích ơn Phật, liền trở về Trung Quốc để an trí cho thích hợp. Linh Thạch Am ở Phổ Đà chính là thánh đạo tràng Thiện Tài đến tham phỏng ngài Quán Âm, do vậy bèn lưu lại ba hạt. Giám viện Tịnh Minh bèn dựng phù-đồ (tháp) gỗ để cúng dường. Thỉnh chín hạt cúng dường cho ba chùa Bảo Quang, Long Hưng, Quảng Đức ở Tứ Xuyên. Theo Tây Vực Ký, nước Tăng-già-la (Sinhala) chính là nước Sư Tử thời cổ ở trong đại hải, gần Nam Ấn Độ, nay chính là xứ Tích Lan vậy. Phía Đông Nam nước ấy có núi Lăng-già (Lankā), vách núi cao ngất, hang sâu thăm thẳm, chính là chỗ đức Như Lai nói kinh Lăng-già. Xưa kia, em ruột vua A-dục là Ma-hê-nhân-đà-la (Mahendra)[765] xuất gia chứng đạo, du hóa nước này, tạo dựng tháp miếu, hưng khởi Phật pháp lớn lao. Tháp này (tức tháp chứa xá-lợi ở Tích Lan) do chính ngài sáng lập. Xá-lợi của Như Lai thần biến khôn cùng, tế độ u hiển, che chở trời người. Thấy, nghe, chiêm lễ đều gieo nhân phước thọ, cúng dường, cung kính đều cảm quả tôn quý. Mây mê hết sạch, bầu trời chân tánh rạng ngời; sương tội tan, vầng huệ nhật tỏ

[765] Ma-hê-nhân-đà-la (Mahendra), thường được biết theo tên gọi trong tiếng Pali là Mahinda, chính là sơ tổ Phật giáo Tích Lan. Theo Đảo Sử (Mahavamsa), ngài sanh tại xứ Ô-xà-diên (Ujayana) thuộc Tây Bắc Ấn Độ, xuất gia năm 20 tuổi, lễ ngài Mục-kiện-liên-tử Đế-tu (Moggaliputta-Tissa) làm thầy, thọ giới sa-di với ngài Ma-ha-đề-bà, thọ cụ túc với ngài Mạt-xiển-đề, trong khi thọ giới bèn chứng quả La-hán. Ngài đến Tích Lan truyền giáo theo lệnh vua vào thế kỷ thứ ba trước Công Nguyên. Ngài lập Đại Tinh Xá (Mahāvihāra) tại thủ đô A-nậu-la-đà-bổ-la (Anurādhapura), giảng kinh Bình Đẳng Tâm (Samacitta-suttanta), lập hang đá để yên cư, thiết lập tăng đoàn và cơ sở Phật giáo cho Tích Lan. Ngài từng triệu tập đại hội tăng-già, công cử trưởng lão A-lợi-đa dẫn đầu tăng đoàn, chú giải Đại tạng kinh Nam Truyền. Em ngài là ni sư Tăng-già-mật-đa (Sanghamitrā) đã đem nhánh cây bồ-đề nơi Phật thành đạo về trồng tại Tích Lan và truyền giới tỳ-kheo-ni. Anh em ngài có công truyền bá Phật pháp tại Tích Lan suốt hơn 30 năm ròng.

rõ. Tam giác viên mãn nơi sơ tâm, vạn đức trọn đủ trong đương niệm. Dùng nhân như thế ắt cảm được quả như thế, phàm những ai cùng hàng với tôi xin hãy xét cho lòng ngu thành này.

2. Bài ký lễ rước tượng Thích-ca Như Lai bằng ngọc về điện Tỳ Lô chùa Vạn Niên núi Nga Mi[766] (viết giùm)

Trộm nghĩ chư Phật xuất thế đều có thời tiết, nhân duyên, tượng giáo lưu thông trọn khắp mười phương ba đời. Xét nghĩ đức Thích-ca Thế Tôn ta từ trần điểm kiếp trước đã sớm thành Chánh giác, trụ trong cõi Tịch quang thanh tịnh, chứng pháp - báo thân viên dung, lại vì nghĩ thương xót chúng sanh, bi tâm chẳng bỏ, bèn lập phương tiện giáo hóa ứng tích vô cùng. Con trẻ mong ngóng sâu xa, mẹ hiền bèn đến, vốn bất sanh mà bao lượt thị hiện giáng sanh. Củi căn cơ hết thì lửa ứng hiện bèn tắt, vốn vô diệt mà bao lượt hiện diệt! Thùy tích như thế, theo chiều dọc cùng khắp ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương. Xét nghĩ bổn cao, tích rộng, xem ra nguồn sâu, nhánh dài. Xét theo lần thành đạo phen này thì nhằm năm thứ hai đời Chu Mục Vương[767].

Kinh Tạo Tượng Công Đức nói: "Như Lai muốn chỉ dạy đạo hiếu bèn lên cung trời Đao-lợi an cư ba tháng vì mẹ thuyết pháp. Vua Ưu-đà-diên[768] khát ngưỡng Phật bèn dùng tử chiên-đàn (gỗ chiên-đàn tím) tạc hình tượng Phật để hầu hạ cúng dường chẳng khác gì đức Phật. Qua khỏi chín mươi ngày, Phật giáng hạ nhân gian, bảo với vua rằng: Ông là người đầu tiên làm gương tạo hình tượng Phật, khiến cho các chúng sanh được đại lợi ích, công đức của ông không ai sánh bằng. Nếu ai dùng các món vàng, bạc, đồng, sắt v.v. chạm trổ, đúc, đắp, vẽ tượng Phật dù là tượng rất bé chỉ bằng ngón tay cái thì trong đời này, người ấy diệt vô lượng tội, được vô lượng phước, đời sau tôn quý, giàu có, tin ưa chánh pháp, lần

[766] Núi Nga Mi thuộc thành phố Nga Mi Sơn, tỉnh Tứ Xuyên, chiếm một khoảng đất rộng đến 154 km2. Ngọn cao nhất là Vạn Phật Đảnh.

[767] Chu Mục Vương (Cơ Mãn), tương truyền thọ đến 105 tuổi, làm vua từ năm 960 đến 923 trước Công Nguyên). Như vậy, năm Chu Mục Vương thứ hai chính là năm 959 trước Công Nguyên.

[768] Vua Ưu-đà-diên (Udayana), thường được gọi là vua Ưu-điền, đôi khi còn được phiên âm là Ô-đà-diên-na, dịch nghĩa là Nhật Tử Vương, hoặc Xuất Ái Vương, vua nước Kiều-thưởng-di (Kauśāmbi) thời đức Phật. Do hoàng hậu dốc lòng tin Phật pháp, vua bèn trở thành bậc đại ngoại hộ. Theo kinh Tăng Nhất A-hàm, quyển 28, khi Phật lên cung trời Đao-lợi an cư ba tháng, vua không thể lễ Phật, buồn bã thành bệnh, quần thần bèn dùng gỗ ngưu đầu chiên-đàn tạc thành bức tượng Phật cao năm thước Tàu (độ 1.6 m), vua mừng rỡ khỏi bệnh. Tương truyền, các tượng Phật được tạc về sau đều lấy tượng vua Ưu-điền đã tạc làm mẫu. Kinh Tạo Tượng Công Đức cũng chép chuyện này.

lượt tu tập cho đến khi thành Phật đạo.” Do vậy, vua quan các nước đều tạo tượng Phật, đến thời vua A-dục tạo nhiều nhất.

Đến khi đại giáo truyền sang Đông, thường có những chuyện tượng Phật bằng vàng hay đá nổi trên sông, hay từ biển giạt vào, hoặc đất rung, núi nứt lộ ra tượng Phật được chép trong những truyện ký nhiều đến nỗi khó thể thuật trọn. Đức Thế Tôn cao quý thay, lòng từ mạnh mẽ trong đời này mà lòng bi thấu tận kiếp vị lai, tuyệt phan duyên (nắm níu) mà ứng khắp lòng cảm của đại chúng; như một vầng trăng in bóng trên ngàn con sông, trụ chân tế nhưng ứng khắp quần cơ; như một trận mưa thấm ướt muôn loài cỏ cây. Những kẻ thiện căn chưa gieo, chưa chín muồi, chưa được thoát liền làm cho họ gieo, chín muồi, giải thoát. Nên dùng thân tướng nào để độ bèn hiện thân tướng ấy để thuyết pháp. Trời che, đất chở, khó sánh ví được ân ấy, nát xương tan thân chẳng đáp được đức này.

Đại sư Thanh Phước xưa đã gieo cội đức, dốc sức tu tịnh nghiệp, qua Ấn Độ lễ khắp các thánh tích, trở về đi ngang Diến Điện bèn cẩn thận chọn ngọc đẹp, chạm khắc ba bức tượng Phật, thỉnh về Trung Quốc. Pháp thể rạng ngời, trong sạch, diệu tướng trang nghiêm, ngờ rằng chẳng phải do thợ khéo gọt giũa mà là cổ Phật tái lai. Do bổn tự vốn là thánh địa đạo tràng của Phổ Hiền Bồ-tát, các triều đại đều xuống chiếu kiến tạo, tứ chúng quy ngưỡng, tôn sùng; Phật điện cao ngất như núi non, vẻ đẹp nguy nga đua sáng cùng nhật nguyệt. Điện này lại được thập phương thường trụ tăng chúng vân tập, một dạ tinh tu đạo phẩm, không lúc nào chẳng mở rộng cửa cứu độ. Do vậy bèn thờ một tượng trong đại điện để khắp mọi hàng tăng tục cung kính cúng dường. Nên biết tượng này chính là chân thân của Phật, chẳng phải ngọc, chẳng phải đá, vừa là sắc, vừa là không, hãy nên nhất tâm quy mạng, trọn đời dốc lòng thành. Sáng tối như thế, niệm đâu nghĩ đấy. Nếu như nhất niệm ngầm phù hợp ắt sẽ biết mọi tướng lìa tướng, hoặc là lục căn giải thoát, sẽ tự có thể tâm tâm ấn tâm. Từ đấy trở về nguồn cội, trần tiêu, giác tịnh, ngũ uẩn không, ngũ nhãn trọn đủ, tam hoặc đoạn, tam đức trọn vẹn. Khi ấy, sóng trào biển hạnh, mây bủa cửa từ, tứ nhiếp cùng hành, chẳng chấp vào một pháp, lần lượt truyền trì đến tận đời vị lai, khiến cho huệ mạng được thường trụ bao kiếp. Đấy gọi là đệ tử thật sự của Phật, có thể gọi là biết ân báo ân vậy.

3. Bài ký về duyên khởi chuyên tu tịnh nghiệp của Đại Giác Nham Tây Lâm thảo am tại Nam Ngũ Đài Sơn, tỉnh Thiểm Tây

Chân như pháp tánh chúng sanh và Phật về thể vốn đồng, do mê hay ngộ cách biệt mà khổ vui khác biệt vời vợi. Vì thế, đức Thế Tôn ta đặc biệt rủ lòng thương

xót, tuy trong trần điểm kiếp trước đã sớm thành Phật đạo, lại vận dụng lòng bi đồng thể, khởi lòng từ vô duyên, chẳng lìa cõi Tịch quang, thị hiện sanh trong đời trược, xuất gia tu hành, thành Đẳng chánh giác, cứu vớt những kẻ mê muội cùng lên bờ giác, thuyết pháp 49 năm, giảng kinh hơn 300 hội. Tùy thuận cơ nghi, khéo khuyên dụ dần dần: Với hàng đại cơ bèn dạy ngũ uẩn đều không, sáu trần chính là giác, rốt ráo chẳng lập một pháp, ngay khi đó vạn đức đều hiển lộ trọn vẹn; với kẻ căn cơ nhỏ nhoi thì tùy thuận tiếp dẫn, vì thật bày quyền, khiến cho họ vun bồi Phật chủng dần dần để tạo thành nhân duyên đắc độ. Các pháp môn thuận theo căn cơ nói ra như trên tuy đại - tiểu bất đồng, quyền - thật đều khác, nhưng đều cậy vào tự lực để đoạn hoặc chứng chân mới thoát được sanh tử. Vì thế bản hoài phổ độ chúng sanh của đức Như Lai chưa được thỏa mãn rốt ráo. Do vậy, ngoài các pháp ra, ngài lại mở riêng pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, chỉ bày thế giới Cực Lạc là quê nhà vốn có, chỉ A-di-đà Phật là vô thượng từ phụ, khiến cho con người phát tâm Bồ-đề trì danh hiệu Phật, dùng tín nguyện sâu cầu sanh Tây Phương. Nếu như khăng khăng vâng giữ, niệm nơi đâu nghĩ tại đó thì do tín nguyện của mình hợp với thệ nguyện của Phật, chúng sanh và Phật khế hợp nhau, bèn cảm ứng đạo giao, trong đời này nghiệp chướng tiêu diệt, phước tuệ tăng cao, lâm chung được Phật tiếp dẫn gởi thân nơi sen báu. Những người hoặc nghiệp đã đoạn bèn dự ngay vào địa vị Bổ xứ, mau chứng Phật thừa. Dẫu là hạng phàm phu sát đất, nghiệp lực khắp thân, cũng vẫn có thể cậy vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh, khi đã vãng sanh liền thoát khỏi dòng phàm, cao dự hải hội, chẳng mong đoạn hoặc mà tự đoạn, chẳng mong chứng chân mà tự chứng. Pháp môn này hoàn toàn nương vào Phật lực, ví như kẻ thọt một ngày đi được mấy dặm, nếu ngồi luân bảo của Chuyển Luân Thánh Vương sẽ trong khoảnh khắc đến khắp bốn châu. Đấy là sức của Luân Vương, chứ không phải sức của chính mình; suốt đời tu hành, cố nhiên là như vậy! Dẫu là kẻ tội nặng ngũ nghịch thập ác, lúc lâm chung tướng địa ngục hiện, nếu có thể chí tâm niệm Phật sẽ liền được Phật tiếp dẫn.

Ấy là vì Phật xem chúng sanh hệt như con một, với đứa hiền ngoan tất nhiên thương yêu, nhưng với đứa ngỗ nghịch lại càng thương xót gấp bội. Nếu con hồi tâm hướng về cha mẹ, cha mẹ ắt rủ lòng từ nhiếp thọ. Hơn nữa, tâm tánh của chúng sanh và Phật không hai, do vì mê trái nên khởi hoặc tạo nghiệp, ngăn lấp bản tâm chẳng thể hiện bày trọn vẹn. Nếu có thể nhất niệm hồi quang thì khác nào mây tan trăng hiện, tánh vốn chẳng mất, trăng vốn sẵn có. Vì vậy tình trần bao kiếp đoạn ngay trong một niệm. Ví như nhà tối ngàn năm, một ngọn đèn

chiếu vào bèn sáng. Đây chính là pháp nhiệm mầu nhất trong giáo pháp cả một đời đức Phật, là con đường để trên thánh, dưới phàm đều phải theo, là cơ nghi thấu suốt chín giới, phô bày tột bậc bản hoài của Như Lai. Cao quý thay, đẹp đẽ thay! Há thể nghĩ bàn được ư? Đến khi đại giáo truyền sang Đông, Lô Sơn sáng lập liên xã, một người xướng trăm người hòa, không ai chẳng tuân theo. Hơn 1.500 năm qua, những người ngầm tu hoặc giáo hóa công khai khó thể kể xiết. Nêu tên những bậc lỗi lạc thì đời Nguyên Ngụy[769] có ngài Đàm Loan, đời Trần - Tùy có ngài Trí Giả, đời Đường có các ngài Đạo Xước, Thiện Đạo, Hoài Cảm[770], Phi Tích[771], Thừa Viễn, Pháp Chiếu, Thiếu Khang, Đại Hạnh. Các vị sư trên đây đạo đều vượt lên bậc Thập địa, đức chấn động cửu trùng, không pháp nào chẳng thông, nhưng chỉ đề cao pháp này. Đời Tống thì có các ngài Vĩnh Minh, Chiêu Khánh, Tứ Minh, Trường Lô, ngài Vĩnh Minh dung hội Thiền - Giáo - Luật quy vào nhất tâm, soạn Tứ Liệu Giản để riêng khen ngợi Tịnh độ; ngài Chiêu Khánh dùng máu chép kinh Hoa Nghiêm, lập Tịnh Hạnh Xã, những hạng đại thần công khanh đua nhau quy y; ngài Tứ Minh soạn [Quán Vô Lượng Phật Kinh] Diệu Tông Sao, phô bày lý Quán Đạo đến cùng cực; ngài Trường Lô vừa tính kết liên

[769] Nguyên Ngụy chính là nhà Bắc Ngụy (386-534) thuộc thời Nam Bắc Triều. Sử thường gọi là nhà Hậu Ngụy, hoặc Thác Bạt Ngụy, tức triều đại được sáng lập bởi dòng họ Thác Bạt thuộc sắc tộc Tiên Ty (hậu duệ của dân Hung Nô, do sống tại núi Tiên Ty nên gọi là tộc Tiên Ty). Nguyên thủy, dòng họ Thác Bạt sống tại Thiểm Tây và Nội Mông Cổ lập ra nước Đại, sau bị nhà Phù Kiên nhà Tiền Tần thôn tính. Năm 386, Thác Bạt Khuê xưng vương, tái lập nước Đại, đồng thời đổi danh xưng là Ngụy. Gọi là Nguyên Ngụy là vì năm 493, vua đổi họ Thác Bạt thành họ Nguyên. Năm 534, vương quốc này lại bị nội loạn tách thành Đông Ngụy và Tây Ngụy. Dòng họ này có một có một tục lệ tàn khốc là khi nào một phi tần sanh con trai liền bị giết ngay để ngăn ngừa sau này khi con trai được vinh hiển, sẽ phải sắc phong cho mẹ. Nhưng điều này lại dẫn đến nghịch lý là các vua nước Ngụy rất coi trọng nhũ mẫu, dẫn đến những trường hợp nhũ mẫu dùng tình cảm lung lạc nhà vua, nhiễu loạn chánh sự.

[770] Hoài Cảm: Cao tăng Tịnh độ tông đời Đường, nguyên quán không rõ, thoạt đầu trụ tại chùa Thiên Phước ở Trường An học Duy thức và giới luật, bác thông kinh điển, chưa sanh lòng tin đối với pháp môn Tịnh độ. Sau yết kiến tổ Thiện Đạo bày tỏ mối nghi được tổ chỉ dạy, giải nghi, bèn dự vào đạo tràng của tổ tinh tu niệm Phật. Hai mươi mốt ngày sau vẫn chưa thấy tướng lành, tự hận tội chướng sâu nặng, muốn tuyệt thực chết, bị tổ ngăn trở. Sư lại tinh thành niệm Phật, ba năm sau cảm được linh nghiệm, thấy tướng ngọc hào sắc vàng, chứng niệm Phật tam-muội, bèn soạn bộ Thích Tịnh Độ Quần Nghi, nhưng viết chưa xong đã thị tịch, đồng môn là Hoài Chí bèn hoàn tất chí nguyện.

[771] Cao tăng đời Đường, năm sanh năm mất không rõ. Sư oai nghi, kiến thức trác tuyệt, thông hiểu Nho, Mặc, giỏi viết lách, thường nghiên cứu luật nghi, về sau tu Mật giáo đạt nhiều chứng nghiệm. Năm Vĩnh Thái nguyên niên (765) đời Đường Đại Tông, vâng chiếu cùng các vị Lương Phần v.v. tất cả mười tám người tham dự vào dịch trường của đại pháp sư Bất Không, dịch các bộ kinh Nhân Vương Hộ Quốc Bát-nhã, kinh Mật Nghiêm v.v., sư còn soạn bộ Niệm Phật Tam-muội Bảo Vương Luận để tuyên dương Tịnh độ, Vô Thượng Thâm Diệu Thiền Môn Truyền Tập Pháp Bảo, Thệ Vãng Sanh Tịnh Độ Văn.

xã, bậc đại thánh đã ghi danh[772]. Đời Minh có các ngài Sở Thạch, Diệu Hiệp, Liên Trì, Ngẫu Ích, đời Thanh có các ngài Tỉnh Am, Mộng Đông, không vị nào chẳng tông thuyết đều thông, giải hạnh tương ứng, chuyên trọng Tịnh độ, khuyên khắp mọi người tu trì.

Thời xưa, những vị sư trong Thiền tông đa số chuyên về ngầm tu, không mấy ai công nhiên hoằng hóa Tịnh độ; từ ngài Vĩnh Minh trở về sau, phần nhiều lưu lại ngôn giáo thiết tha khuyên bảo vãng sanh, như các vị Tử Tâm Tân, Chân Hiết Liễu, Trung Phong Bổn, Thiên Như Tắc v.v., cho đến tể quan, cư sĩ như các ông Lưu Di Dân, Bạch Cư Dị, Văn Ngạn Bác, Dương Vô Vi, Vương Nhật Hưu, Viên Hoằng Đạo, Chu Mộng Nhan, Bành Thiệu Thăng v.v., hoặc kết liên xã để tinh tu, hoặc tạo luận để truyền bá. Những bậc dù thánh hay hiền, dù tăng hay tục như thế tuy khác thời nhưng đều cùng tiếng, cực lực hoằng truyền, xiển dương. Do vậy, liên phong lừng lẫy mạnh mẽ, phổ biến trong nước lẫn ngoài nước, cuồn cuộn như trăm sông vạn dòng đổ vào biển cả. Ấy là do nơi hội Hoa Nghiêm bậc Pháp thân đại sĩ sau khi đã chứng bằng với chư Phật còn dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh, trong Quán kinh hàng ngũ nghịch thập ác lúc sắp đọa địa ngục, nếu xưng danh hiệu Phật mười tiếng liền được dự vào phẩm cuối. Vì thế không căn cơ nào chẳng tiếp độ, không pháp nào chẳng gồm thâu. Như trời che khắp, như đất nâng đều, sâm la vạn tượng không gì chẳng trụ trong ấy hoặc có thể vượt ra ngoài được. Thật có thể nói là "chín pháp giới chúng sanh lìa pháp này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo, mười phương chư Phật bỏ pháp này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần sanh". Do vậy, hằng sa Như Lai hiện tướng lưỡi rộng dài để xưng dương, tôn túc các tông phát tâm Kim Cang lưu truyền. Nam Ngũ Đài chính là nơi Đại sĩ Quán Âm hàng phục rồng độc, hiện thân tỳ-kheo mở mang đạo tràng. Từ đời Tùy đến nay hơn 1.300 năm, trong khoảng thời gian ấy do bao lượt tang thương khiến cho những sự tích của các cao nhân đều bị mất mát không cách gì biết được. Đến cuối thời Minh, có lão nhân Tánh Thiên Văn Lý ẩn cư trong Vô Môn Động (thế tục gọi sai là Tương Tử Động). Sau đấy, do vân du đến Hàng Châu, lão nhân trụ tại Hoàng Long Am. Khi ấy, đại sư Liên Trì chưa xuất gia, bèn cùng phu nhân là Thang Thị quy y dưới tòa. Tiếp đó, lại xin xuống tóc với ngài. Chẳng lâu sau, lão nhân trở về Trường An, ngài Liên Trì trung hưng Tịnh tông, cội nguồn quả thật xuất phát từ đây. Cụ Văn Lý nếu chẳng phải là bậc cao nhân lỗi lạc, há ngài Liên Trì chịu khuất thân dưới tòa, trước sau y chỉ nơi cụ

[772] Ngài Trường Lô vừa dự định lập Tịnh Hạnh Xã niệm Phật thì mộng thấy Phổ Hiền, Phổ Huệ Bồ-tát xin ghi danh tham dự.

ư? Chuyện này được chép trong bài minh nơi tháp Thái Tổ của ngài Liên Trì trong bộ Vân Thê Pháp Vựng. Đại sĩ Quán Âm phò tá đức Di-đà độ thoát chúng sanh, núi này lại là nơi bắt nguồn trung hưng Tịnh tông. Vị chủ tể lẫn núi này đều có đại nhân duyên đối với chúng sanh.

Cư sĩ Hạc Niên Cao Hằng Tùng xuất thân từ Giang Tô, dốc lòng tin tưởng Phật thừa, vừa ra làm quan đã buông bỏ trâm anh[773], tìm học với đủ mọi bậc tông tượng, phỏng theo Thiện Tài tham học cùng khắp, lễ khắp các danh sơn, đi khắp các nơi giống như ngài Tử Bách, từng đến núi này hai ba lần. Năm Dân Quốc thứ ba (1914), nhóm họp tăng chúng đất Tần (Thiểm Tây) tu bổ tháp phổ đồng dưới chân ngọn Đại Đài để thập phương thiền lữ khi chết có chỗ nương về. Lại dựng hai tịnh thất chuyên tu tịnh nghiệp để mong sao người sống lẫn kẻ thác đều được vãng sanh. Sau đấy, nhân khi thiền duyệt rảnh rỗi, bèn đến chơi hai đài Linh Ứng và Nhiếp Thân (đài Nhiếp Thân bị thế tục gọi sai là Xả Thân), thấy vách núi cao ngất, cuộc đất bằng phẳng, chợt ngộ ra đời trước đã từng ở chỗ này, bèn đặt tên cho vách đá ấy là Đại Giác. Do vậy, bèn dựng hai gian thảo am chuyên tu tịnh nghiệp, để xa là noi dấu Lô Sơn, gần là bắt chước Vân Thê, quyết chí quy Tây, vì thế đặt tên là Tây Lâm. Lượng tôi xuất gia tại núi này, từng hầu hương đèn cho Đại sĩ. Về sau do tham học với tri thức, vân du các phương. Đến nay đã hơn 30 năm, đạo nghiệp chưa thành, do vậy cứ sống nhờ mãi ngoài biển, không mặt mũi nào quay về quê cũ. Một ngày nọ, cư sĩ từ Trường An đến bảo hãy soạn một bài ghi duyên khởi của pháp môn Tịnh độ và duyên khởi của núi này cùng thảo am này, tính trước hết in ra chừng bao nhiêu đó bản để người thấy nghe đều nảy sanh lòng tin, tiếp đó là lập bia đá trong thảo am để lưu lại vĩnh viễn. Do vậy, tôi khôn ngăn vui mừng ghi đại lược, tuy lời lẽ thô vụng, chất phác, không giúp gì được cho pháp đạo, nhưng cũng chẳng thẹn lòng đoái tưởng.

4. Bài ký tự trách lỗi trong việc chép kinh Hoa Nghiêm (viết thay sư Khoan Huệ)

Lớn lao thay giáo pháp kinh Hoa Nghiêm, xứng pháp giới tánh, nói pháp thường trụ. Nương tâm chân như chỉ bày đầy đủ thể; lý vượt ngoài hiện tượng, đạo khế hợp hoàn vũ. Tịch lẫn chiếu hiển lộ trọn vẹn, năng lẫn sở cùng mất. Lìa cái giả danh "phàm - thánh", dứt bặt xưng hô "chúng sanh - Phật". Châu trong chéo áo, kẻ mê chẳng biết, không thể không trong cái "chẳng thể tu" lại bàn

[773] Trâm anh: Trâm là vật dụng có hình như một que dài nhọn, ngày xưa khi đội mão thường búi tóc lên rồi cài trâm qua để giữ cho mão khỏi tuột, anh là giải mão, vừa giữ cho mão được chặt vừa mang tính cách trang trí.

chuyện tu, trong cái "chẳng thể chứng" lại bàn chuyện chứng, cho nên mới có 52 địa vị theo thứ tự, tín - giải - hạnh - chứng sâu cạn, đó gọi là "toàn tánh khởi tu, toàn tu tại tánh"; còn như viên chứng Diệu giác chẳng qua là khôi phục bản thể. Ngoài bản thể ra, trọn chẳng tăng thêm gì, chỉ là khi *trí đoạn* rốt ráo thì quang cảnh nơi bổn địa được phơi bày triệt để. "Viên mãn Bồ-đề thật ra chẳng có một pháp nào để đắc! Nhân trùm biển quả, quả thấu nguồn nhân", chính là nói về ý này vậy! Mười phương chư Phật thành đạo không vị nào chẳng nói pháp này, mười phương Bồ-tát tu hành, không vị nào chẳng nương theo khuôn phép này.

Kinh văn tuy gồm 81 quyển, hơn sáu mươi vạn chữ, nhưng đều bao quát hết sạch hằng sa pháp môn, vô biên diệu nghĩa được hiển thị chẳng sót. Toàn bộ sự chính là lý, toàn bộ tu chính là tánh, toàn thể nhiều chính là một, toàn tha chính là tự. Do vậy nói "mười đời xưa nay từ đầu đến cuối chẳng lìa đương niệm; vô biên cõi nước tự tha chẳng cách đầu lông". Vì thế được thọ trì đọc tụng kinh này thì núi tội sụp, biển phước rộng sâu; biên chép lưu truyền thì mây mê tiêu, mặt trời huệ sáng rỡ. Huệ tôi đời trước lắm may mắn nên được nhập pháp môn, nhưng nghiệp cũ rất sâu nên chẳng khế hợp đạo. Nghĩ muốn chép đại kinh rất sâu chẳng thể nghĩ bàn này để sám trừ túc nghiệp, được hòa thượng Tịch Sơn, pháp sư Đế Nhàn và các thiện tri thức khuyến khích, khen ngợi, tán trợ, nên được toại nguyện. Chỉ vì ít đọc kinh giáo, chưa hiểu rõ quy củ, tuy thường thắp hương, đốt đèn, chép đâu lễ đấy, nhưng dạng chữ tùy tiện, chưa thật đoan nghiêm, tề chỉnh. Cô lậu quả văn (thấy nghe kém cỏi) có lỗi chẳng biết! Trải hai lượt lạnh nóng chép được hơn 60 quyển. Một ngày nọ có vị lão túc[774] trông thấy quở:

- Ông phát tâm chép kinh, toan nhờ đó để sám trừ túc nghiệp, hiển lộ cái mình sẵn có, siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, lòng mong mỏi ấy lớn lao chẳng thể nói được, nhưng cẩu thả như thế này thì sao có thể trên cảm ứng tam bảo, dưới khế hợp tự tâm, đoạn phiền hoặc, chứng chân thường, sanh về An Dưỡng hầu hạ Đạo sư? Há chẳng phải là cô phụ một phen khổ công của chính mình cũng như ân đức khen ngợi, giúp đỡ không gì lớn bằng của các sư ư? Ông hãy lấy Hoa Nghiêm Cảm Ứng Truyện mà đọc đi, sẽ thấy các khuôn mẫu chép kinh tốt đẹp của các vị cổ đức như Đức Viên, Tu Đức v.v., cũng như những lợi ích mà họ đạt được, há chẳng thẹn đến chết ư?

Huệ tôi nghe dạy xong, lòng đau như cắt, tiếc hận sâu xa lúc ban đầu chẳng gặp được vị lão nhân này. Do vậy bèn nhanh chóng sửa lỗi cũ, dốc kiệt lòng thành,

[774] Lão túc: lớn tuổi, phẩm hạnh, kiến thức đều cao.

cạn hết lòng kính, tuy vẫn thô vụng như cũ nhưng cung kính cẩn thận tột bực. Nét bút của bộ kinh trước sau không giống nhau, chỉ sợ người đọc thấy lạ, nên bèn thuật bày duyên khởi trách lỗi, cũng mong hết thảy tứ chúng thọ trì đọc tụng hết thảy kinh điển thảy đều cạn hết lòng thành, tận hết lòng kính không coi thường chút nào, như đối trước thánh dung đích thân nghe được viên âm, ngõ hầu tội lỗi của Huệ nhờ đó được tiêu diệt, mà phước tuệ của người thọ trì ấy cũng mau được viên mãn!

5. Bi ký về việc trùng tu tháp Thái Tử và xây lan can quanh hồ sen tại Phổ Đà (viết thay sư Liễu Dư)

Nhất niệm tâm tánh của hết thảy chúng sanh và ba đời chư Phật không hai, không khác, nhưng do từ vô thủy đến nay chưa hề ngộ nên mê chân khởi vọng, trái giác theo trần, ngược ngạo biến Phật tánh thường trụ bất sanh bất diệt này thành cái gốc để khởi hoặc tạo nghiệp, luân hồi sanh tử. Đức Như Lai thương xót tùy cơ thuyết pháp, khiến cho khắp ba căn tùy phần được lợi ích. Lại vì pháp âm có lúc bị gián đoạn nhưng tháp tượng còn mãi cho nên dạy tứ chúng tạo dựng tháp tượng, ngõ hầu con người chiêm lễ, gieo lòng thành nơi ấy, trồng thiện căn dần dần. Một phen thấy được thánh dung vĩnh viễn thành hạt giống đạo, dùng đó làm nhân duyên tối thắng để bỏ vọng về với chân, trái trần hiệp giác, tiêu trừ hoặc nghiệp, khôi phục tâm tánh vốn có. Phổ Đà chính là chỗ thù thắng ứng tích của Đại sĩ, là đạo tràng chúc hỗ[775] của các triều đại, khai sơn từ thời Trinh Minh nhà Lương nhằm đời Ngũ Đại, đến nay đã hơn ngàn năm. Phổ Môn thường khải phát, tông phong chẳng suy sụp, quả thật là Phật quốc nơi Chấn Đán, là phước địa của vùng Đông Nam. Vào cuối đời Nguyên, có thiền sư Phù Trung Tín đạo cao ngất đời, đức cảm cửu trùng, năm lượt ngồi đạo tràng hoằng khai, xiển dương Tông thừa, vương công, đại thần phần nhiều theo ngài học đạo. Vào thời Thiên Lịch (1328-1329), sư trụ trì Phổ Đà. Đến niên hiệu Nguyên Thống (1333-1334), sư mua đá Thái Hồ[776], tìm thợ khéo nhất tạo một tòa tháp Đa Bảo Phật[777] ở góc Đông

[775] Chúc hỗ: Cầu nguyện, chúc tụng cho hoàng thất, quốc gia, nhân dân được yên ổn, thịnh vượng, sống thọ.

[776] Thái Hồ là hồ lớn thứ ba của Tàu, nằm giữa hai tỉnh Giang Tô và Triết Giang, hồ rộng đến 2.213 km^2, đá ở đây vừa đẹp vừa bền.

[777] Đa Bảo Phật (Prabhūtaratna), dịch âm là Bảo-hưu-la-lan, còn dịch là Bảo Thắng Phật, Đại Bảo Phật, Đa Bảo Như Lai. Trong phẩm Hiện Bảo Tháp của kinh Pháp Hoa, ngài là vị Phật diệt độ đã lâu, toàn thân xá-lợi được lưu trong bảo tháp, chỗ nào có Phật giảng kinh Pháp Hoa thì tháp Đa Bảo bèn hiện ra trước đại chúng để chứng minh. Theo kinh Pháp Hoa Mạn Đồ La Oai Nghi Sắc Pháp thì thân tướng Đa Bảo Phật có nhục kế sắc xanh đen, giữa hai chân mày có tướng bạch hào phóng hào quang chiếu sáng hết thảy, thân màu vàng ròng, tay kết ấn định huệ

Nam chùa, tháp năm tầng, cao chừng chín trượng sáu thước[778]. Bốn mặt của ba tầng trên cùng đều chạm trổ thánh tượng Phật, Bồ-tát, La-hán, từ dung đẹp đẽ tuyệt vời, nghiễm nhiên như người sống. Tài nghệ khéo léo sướng mắt đẹp lòng người nhìn. Tuyên Nhượng Vương[779] theo sư học đạo, phát tâm bỏ ra tiền của, vì thế người đời thường gọi tháp này là Thái Tử Tháp.

Đến nay đã hơn 580 năm, năm tháng đã lâu; hơn nữa do ở giữa biển cả, gió cuốn theo sương muối, mặt trời chói chang, sương giá dữ dội xói mòn các vật, thật dễ bị hư hoại. Do vậy đỉnh tháp đã sứt, thánh tượng bị tàn khuyết, đá ghép bị rã rời, sắp bị sụp đổ. Trộm nghĩ tiền nhân tạo dựng vốn nhằm gieo phước cho quốc dân, nỡ nào để bị hư nát sụp đổ, dấu xưa cũng như ruộng phước của chúng sanh đều bị biến mất ư? Nhưng do tăng chúng tiền của lẫn pháp đều nghèo cùng, không cách gì lo liệu được! Tháng Sáu năm Mậu Ngọ (1918), đúng dịp cư sĩ Tích Châu Trần Tánh Lương lên núi, tính lập bi phường (nhà để bia) bên đường, bạn tôi là Ấn Quang cùng với Dư (tức sư Liễu Dư) và trụ trì Pháp Vũ là thầy Liễu Thanh đều bảo ông ta: "Ông vốn xưa đã vâng lời Phật phó chúc hoằng hộ tam bảo, nay tháp Thái Tử liệu chừng sắp đổ nát, tăng chúng thẹn không có đức hạnh, khả năng, không cách gì lo liệu, xin đừng tiếc sức lực sửa sang cho. Có lẽ nên gác lại chuyện kia, lấy chuyện sửa chữa tháp này làm việc cấp bách trước." Ông ta bèn ứng tiếng: "Con đã phát nguyện, tình thế khó thể ngừng giữa chừng được. Nhưng đã được ủy thác, con sẽ nỗ lực thay các thầy quyên mộ hóa duyên, mướn thợ, gắng sức lãnh trách nhiệm."

Do vậy, bèn giãi bày cặn kẽ tấm lòng ngu thành, nhờ vào phước lực ấy được các vị cựu Đại tổng thống là ông Lê Nguyên Hồng, ông Phùng Ngọc Tường, và Đại tổng thống đương nhiệm là ông Từ Khiêm đều bỏ ra tịnh tài để tu bổ Phổ Đà, xướng suất tứ chúng. Khi ấy, những vị tai to mặt lớn đều phát tín tâm, chung sức giúp đỡ. Do vậy, vào tháng Ba mùa xuân năm nay liền khởi công để tháp Đa Bảo Phật lại được từ đất vọt lên, trước chùa Phổ Tế thường thấy lan can vây quanh ao báu. Lại vỡ đất dựng tháp viện, cất năm gian nhà chánh, bốn gian chái phụ. Phàm

---

trí quyền, ngồi xếp bằng trên tòa hoa sen cực lớn. Các sách vở chú giải Mật tông thường hay coi Đa Bảo Như Lai chính là đức Đại Nhật Như Lai của Kim Cang Giới, còn Thích-ca Như Lai chính là Đại Nhật Như Lai trong Thai Tạng Giới.

[778] Tức là cao 18m (theo Phổ Đà Sơn Chí)

[779] Tuyên Nhượng Vương chính là Thiếp Mộc Nhi (Temur) con trai thứ tư của Trấn Nam Vương Thoát Hoan (Togan). Thoát Hoan chính là con trai của Hốt Tất Liệt và là người đã đem quân đánh Việt Nam, bị thất bại nặng nề, nên Nguyên Thế Tổ (Hốt Tất Liệt) cấm vĩnh viễn không được về kinh gặp mặt vua cha.

những thứ cần dùng thảy đều đầy đủ, cử một vị đầu-đà tịnh hạnh hầu hạ hương đèn dài lâu. Tri sự huyện Định Hải là ông Phùng Bỉnh Càn nghe vậy, vui mừng khôn xiết, liền ra sức bảo vệ, có thể nói là xưa có linh căn, chẳng quên lời phó chúc vậy! Từ đây những người vào cửa Phổ Môn trông thấy Đa Bảo, những người tu tịnh nghiệp thường dạo nơi ao báu. Công đức lợi ích ấy sẽ có cùng thọ lượng với hư không, không ngọn bút nào có thể hình dung cho được. Xây dựng đã xong, bèn thuật duyên khởi, khắc vào đá quý kiên cố để lưu truyền mãi mãi không hư nát.

6. Bi ký sáng lập Bi Phường bằng xi-măng bên đường ven biển và trùng tu đình Hồi Lan (đình ngăn sóng) tại Phổ Đà (viết thay sư Liễu Dư)

Đại sĩ Quán Âm thệ nguyện hoằng thâm, từ bi rộng lớn, trong mười phương vô tận thế giới hiện khắp các sắc thân, tùy cơ thuyết pháp, các kinh Đại thừa đều chép sự này. Nhưng ứng theo căn cơ phàm phu thị hiện các thân ở cõi này càng nhiều chẳng thể kể xiết, mầu nhiệm chẳng thể lường, huống chi là ứng khắp trong sáu đường và ứng hiện cho những bậc căn cơ lớn lao vượt ngoài tam thừa ư? Nếu chẳng đã viên chứng pháp thân sao có được đại dụng như vậy? Cư sĩ Tích Châu Trần Tánh Lương được gội ân Bồ-tát sâu xa, tâm báo ân tha thiết, muốn cho đồng nhân đều cảm niệm sâu xa bèn dựng một tòa Bi Phường bằng chất thủy nê[780] bên bờ biển. Đó là vì muốn chỉ cho con người thấy biển khổ vô biên, quay đầu lại chính là bờ, trong biển sanh tử, chỉ có Đại sĩ đáng để nương cậy. Do vậy, bèn lược thuật chuyện thấm gội ân đức của ông ta, cho khắc vào đá quý kiên cố, mong sao những người thông hiểu đời sau đều cùng sanh tín tâm, cùng được che chở, ngõ hầu từ ngay nơi vọng hiểu rõ chân, tiêu trừ huyễn chấp ta người, hiểu tâm thấu gốc, chứng Phật tánh tịch chiếu.

Cư sĩ Tích Châu bẩm tánh trung hậu, thoạt đầu chỉ học hỏi tông chỉ Nho, Đạo, đối với đại pháp của Như Lai và lý nhân quả ba đời còn chưa tin tưởng sâu xa. Phu nhân là bà họ Hồ xưa đã có tín tâm, lễ Phật, tụng kinh, dẫu lạnh nóng, bệnh tật vẫn tu trì chẳng lười nhác. Năm bà ngoài 30 tuổi, đứa con đầu không nuôi được, càng nỗ lực hành thiện, chẳng lâu sau lại có mang, sắp đến kỳ sanh nở, liền mắc bệnh nặng, suốt 29 ngày chẳng ăn uống gì, chẳng nói năng được, chẳng thể trở mình. Vóc gầy như que củi, thân nóng như lửa, danh y bó tay, không còn cơ hội sống sót nữa! Một đêm, phu nhân mộng thấy một bà lão tay cầm mấy cành

[780] Theo từ điển Từ Hải, thủy nê là một vật liệu xây dựng, dịch nghĩa chữ "sĩ-mẫn-thổ" (cement; ta thường gọi là xi-măng), đôi khi còn gọi là dương nê (bùn Tây, vữa Tây).

hoa sen, bảo: "Ngươi do túc nghiệp vướng phải bệnh ngặt này, may đã gieo thiện căn sâu dày nên ta từ Nam Hải đến an ủi ngươi", rồi dùng hoa sen phất quanh thân phu nhân, bảo: "Phủi đi nghiệp chướng của ngươi, khéo sanh con ngoan!" Bà liền thấy thân tâm thanh lương, sảng khoái không gì sánh ví được. Do vậy bèn tỉnh ra, toàn thân mướt mồ hôi, hết sốt, thân yên ổn, vẻ mặt ôn hòa, thật chẳng khác gì người khỏe mạnh. Ngày hôm sau liền sanh được một con đúng vào ngày tốt là ngày mồng Ba tháng Ba. Tuy phải trải qua 29 ngày sốt nóng, đói khát nhưng thân thể đứa bé đầy đặn, mập mạp, chẳng khác gì do người không bệnh tật gì sanh ra. Đến năm nay, đứa bé ấy đã lên mười. Ôi chao, lạ lùng thay!

Cư sĩ được nhận đại ân, khác gì chết đi sống lại, xương khô mọc thịt, mới biết những chuyện lợi sanh chẳng thể nghĩ bàn của Bồ-tát đã được nói trong kinh Phật đều chân thật chẳng hư dối. Tiếc cho những kẻ câu nệ, hẹp hòi, dùng tri kiến phàm phu múa mồm báng bổ, khinh nhờn, khác gì kẻ vô tri vô thức ngồi đáy giếng nhìn trời, uổng cho đức Đại Bi Chủ phải xót thương buồn bã, nhưng không cách gì cứu độ được, buồn thay! Do vậy tâm tin tưởng mười phần khẩn thiết cực độ. Năm ngoái ông lên núi muốn lập bi phường, bạn tôi là Ấn Quang đem chuyện tháp Thái Tử sắp đổ khuyên ông gác lại chuyện này lo chuyện đó, nhưng tâm ông ta đã phát nguyện, khó thể ngưng giữa chừng. Do vậy mùa xuân năm nay cùng khởi công cả hai chuyện cũng như lập tháp viện và dựng lan can quanh bờ ao trước chùa, trùng tu đình hóng mát, phí tổn hơn năm vạn. Tuy cũng xin khắp những vị có tiếng tăm bỏ ra tịnh tài giúp hoàn thành việc lớn lao này, nhưng tháp được cao đẹp, ao được trang nghiêm, nhà bia, đình hóng mát được khang trang, rộng rãi, không tính công chọn thợ, chọn vật liệu, đốc thúc thợ thì ngoài ra việc gì cư sĩ cũng phải bỏ ra một khoản tiền lớn một mình lo liệu hòng thành tựu công đức trang nghiêm. Tín tâm hoằng nguyện quả thật đáng kính!

Danh tánh các vị thiện sĩ bỏ tiền giúp đỡ đều được chép trên bia trong tháp viện. Nơi đây còn đặc biệt ghi chép tướng một giọt nước trong vô lượng trăm ngàn đại hải ứng hóa của Bồ-tát khiến cho các đồng nhân sanh tâm chánh tín, ai nấy cung kính cúng dường xưng niệm danh hiệu, há nào phải chỉ thường được ngài gia bị, gặp xui biến thành hên, gặp nạn biến thành chuyện tốt lành mà thôi ư? Nếu có thể dốc cạn lòng thành đến cùng cực thì đoạn hoặc chứng chân siêu phàm nhập thánh nào có khó gì, tương lai cũng được như Bồ-tát theo chiều dọc suốt cả ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương, hiện đủ mọi sắc thân độ thoát chúng sanh vậy! Hơn nữa, Đại sĩ Quán Âm chính là vị cổ Phật trong quá khứ, do tâm đại bi hiện thân trong chín giới, nên dùng thân nào để độ được bèn

hiện thân ấy để thuyết pháp. Chỉ vì chúng sanh căn cơ kém cỏi, không cách gì thấy được bản tướng. Phàm những người được ngài gia hộ che chở, phần nhiều đều thấy là một bà lão, ấy là vì thuận theo căn cơ kém cỏi bèn hiển thị tâm tha thiết. Nếu cho rằng ngài vốn thuộc thân nữ thì đối với đạo thượng đồng hạ hợp của Bồ-tát dẫu có mơ cũng chưa từng thấy được mảy may!

7. Bi ký thuật duyên khởi lão nhân Vô Trước sáng lập am Thường Minh (viết thay thầy Hóa Hoằng)

Chân tông tịch diệt duy tâm sẵn đủ, nhưng diệu đạo viên thông không có người sẽ chẳng thể hoằng truyền được. Hưng khởi phạm sát, mở mang Phổ Môn, bủa mây từ, xối mưa pháp. Nhằm lúc pháp vận đi vào mùa thu[781], người chấn hưng đạo Thiền sắp bị tuyệt diệt, chỉ có mình tiên sư lão nhân Vô Trước của tôi là người như vậy mà thôi! Thầy húy là Lập Sơn, pháp danh Mãn Viên, biệt hiệu Vô Trước. Năm Đạo Quang thứ năm (1825) tức năm Ất Dậu, ngày 25 tháng Hạ, thị hiện giáng sanh vào nhà họ Cố ở Kim Sơn, Tùng Giang[782], cha ngài chính là Phước Bổn Ngộ Công. Năm sư mười bốn tuổi, thân phụ bèn xuất gia, tâm muốn đi theo, nhưng mẹ còn tại thế nên chẳng được thỏa nguyện. Đến tuổi nhược quan, xin xuống tóc với cha, đến chùa Đại Sùng Phước thọ giới cụ túc. Do giặc đang chiếm đóng Nam Kinh[783] nên chẳng tiện tham học các nơi, bèn trụ tại Phổ Đà hoặc sống ở Tùng Giang, ẩn mình giấu tiếng, không có lòng góp mặt với đời.

Đến năm Canh Ngọ (1870) đời Đồng Trị, bế quan tại am Bán Sơn, hằng ngày lễ kinh Hoa Nghiêm, tham học khắp hải chúng. Khi ấy chùa Pháp Vũ điêu tàn đến cùng cực, thiếu người trụ trì. Vị tôn túc trong núi là hòa thượng Tín Chân suất lãnh pháp quyến gõ cửa thỉnh sư làm trụ trì. Từ tạ không được, phải chấp thuận. Mùa xuân năm Nhâm Thân (1872) bèn tấn viện[784], tài sản nhà chùa đơn bạc, chi dụng không đủ, nhà nát, tường xiêu hoang tàn nhức mắt. Sư cảm thương, tự đặt trách nhiệm trùng hưng nhà chùa, tận sức lo liệu, sửa sang, tu bổ, bốn

[781] Ý nói đạo pháp đi vào giai đoạn suy vi.
[782] Tùng Giang nay chỉ còn là một khu vực hành chánh của Thượng Hải, nằm ngay trên sông Hoàng Phố. Thoạt đầu, vào thời Đường, huyện Hoa Đình được thành lập tại đây, đến đời Minh - Thanh được đổi thành Tùng Giang Phủ. Khi ấy, Tùng Giang Phủ rất lớn, gồm 7 huyện mà Thượng Hải chỉ là một huyện trực thuộc phủ Tùng Giang. Kim Sơn chính là một huyện thuộc phủ Tùng Giang.
[783] Tức loạn Thái Bình Thiên Quốc.
[784] Tấn viện: Khi một vị sư đến nhậm chức trụ trì một ngôi chùa nào thì gọi là "tấn sơn" hay "tấn viện".

phương đàn tín trải vàng[785] chỉ lo chậm chân. Trong vòng mấy năm, trăm chỗ bỏ phế đều được phục hưng. Tuy chưa hoàn toàn khôi phục được quy mô như cũ, nhưng xét về đại cuộc đã khả quan lắm. Lâu ngày, ý muốn nghỉ ngơi để chuyên tu tịnh nghiệp, do vậy bèn dựng am tại phía Tây sườn núi Thanh Lương, đề biển là Thường Minh. Ấy chính là dùng ý nghĩa "tâm tánh tịch chiếu viên dung, theo chiều ngang trọn khắp, theo chiều dọc thông suốt" hòng làm cho người khác tu nhân để đắc quả.

Mùa xuân năm Giáp Thân (1884) đời Quang Tự, sư thoái ẩn tại am này, quyết chí quy Tây, niệm Phật không để sót. Lại lấy hai thời khóa tụng trong am làm hai thời niệm Phật, dùng đó làm quy định thường hằng vĩnh viễn, nóng lạnh không gián đoạn, tậu 322 mẫu ruộng lúa, trừ ra 100 mẫu [làm chi phí cúng tế trong] từ đường Vô Trước, những khoảnh ruộng còn lại dùng để nuôi chúng thường trụ niệm Phật. Ngoài ra, các vị như Hóa Khai v.v. dành ra 44 mẫu ruộng để giúp tiền chi dụng cho những vị sư niệm Phật, đều ghi chép tường tận ở phần sau.

Lão nhân thường nói: "Chúng sanh đời mạt chướng sâu căn độn, chẳng dễ gì thấu đạt lẽ hướng thượng, đại ngộ còn khó huống chi thật chứng! Chỉ có mỗi một pháp Tịnh độ thích hợp khắp ba căn, lợi độn gồm thâu, thượng thánh hạ phàm đều nên tu trì. Bởi lẽ pháp này hoàn toàn lấy quả giác làm cái tâm trong khi tu nhân, nhân bao trùm biển quả, quả thấu tột nguồn nhân, dùng chính ngay tướng thế gian để thông đạt thật tướng, lấy phàm tâm khế hợp Phật tâm. Pháp có thể nhờ cậy để duy trì Phật pháp, giúp cho nền chánh trị của đất nước, cảm động tâm người chỉ có mình pháp này mà thôi! Các ông hãy nên tận lực tuân hành, chớ nên phế bỏ mới chẳng phụ tứ ân, giúp trọn tam hữu. Nếu sau này hàng đương gia (người cai quản am này) phế bỏ quy củ đã thành lập này thì kẻ ấy chẳng phải là đệ tử của ta, hãy nhóm họp pháp quyến lập tức tẫn xuất[786], chớ cho ẩn náu kẻo phụ lòng ta."

---

[785] Trải vàng (bố kim): Khi xưa trưởng giả Cấp Cô Độc lấy vàng ròng lót đất để mua khu vườn của thái tử Kỳ-đà nhằm tạo tinh xá cúng dường Phật ở nước Xá-vệ. Do tích này, nghĩa cử bỏ tiền của để kiến tạo đạo tràng tự viện cũng gọi là bố kim (trải vàng).

[786] Tẫn xuất (pravrājana): Còn gọi là diệt tẫn, khu tẫn, tẫn phạt, khu xuất, khu di, tẫn trị, hoặc chỉ đơn giản là tẫn, là một trong những phương pháp xử phạt hàng tỳ-kheo hoặc sa-di phạm giới, tức là gạt bỏ người đó ra ngoài đoàn thể tăng-già đang cùng ở, không cho cùng ở với tăng chúng. Theo luật Thập Tụng, quyển 21, người phạm ba-la-di giới chẳng được thọ cụ túc giới của người xuất gia. Nếu cho thọ thì người truyền giới cũng bị tẫn xuất. Theo luật Tứ Phần, quyển 17, điều "tùy tẫn sa-di giới" thì sa-di bị chúng tăng trách tội vẫn không sửa lỗi, sẽ bị tẫn xuất. Luật Thiện Kiến Tỳ-bà-sa cũng chép tương tự. Người bị tẫn xuất không được truyền giới cho người khác, không được làm y chỉ sư, không được nhận đồ đệ, không được nhận các vật phẩm cúng dường như y bát, ngọa cụ, tọa cụ, nước rửa chân… Theo kinh Tỳ-ni Mẫu, quyển 2:

Đến ngày mồng Một tháng Chạp năm Kỷ Sửu (1889), sư an nhiên thâu thần qua đời, tăng lạp[787] 46 năm, thọ 65 tuổi. Đệ tử thế độ mấy mươi người, nhưng người nối tiếp được công hạnh của sư chỉ có mình Hóa Văn. Bọn Hoằng tuy được liệt vào hàng đồ đệ nhưng chưa vào được cửa trong[788], chẳng biết được sở ngộ của sư, chẳng dám đề cao thầy kẻo đem phàm lạm thánh, cũng chẳng dám hạ thấp kẻo khuất lấp người hiền, đành nêu đại cương ngôn hạnh của thầy để nêu rõ duyên khởi am này (xét ra Pháp Vũ Tự khai sơn vào năm Vạn Lịch thứ tám đời Minh, đời Thanh trước kia hai lần được sắc kiến, sau loạn Hồng Dương suy bại đến cùng cực, ngài Vô Trước trùng hưng chùa).

8. Bi ký ghi công đức xây giếng Tiên Nhân ở Phổ Đà (viết thay thầy Giới Như)

Đại sĩ Viên Thông bao kiếp thường trụ núi này, bậc tiên nhân vượt ngoài trần gian không lúc nào chẳng sống tại nơi đây. Tuy chưa đến thời tượng giáo, phàm tục không thấy được từ dung, nhưng từ chỗ ở của bậc ứng thân, các tiên thật sự luôn được chiêm ngưỡng Phật nhật. Do vậy, An Kỳ Sanh đời Tần, Mai Tử Chân đời Hán, Cát Trĩ Xuyên đời Tấn v.v. đều sống nhờ núi này để tu chân dưỡng đạo. Dòng suối ngọt họ uống được gọi là Tiên Nhân Tỉnh (giếng Tiên Nhân).

Đến niên hiệu Trinh Minh đời Lương mới bắt đầu lập đạo tràng, ấy chính là lòng từ rộng lớn của Đại sĩ, vận lòng trời độ rộng khắp. Dấu cổ của tiên nhân cũng nhờ Phật pháp mà được lưu truyền. Mặt trước giếng ấy gần biển cả, có cái hang đất che bên trên, từ dưới đất sâu hơn cả trượng, nước suối từ dưới vọt lên. Lúc khô hạn nhất suối chẳng giảm, lúc ngập úng nhất cũng chẳng tăng thêm, lúc nóng gắt thì nước lại mát rượi, lúc rét buốt thì nước lại ấm, nước chảy chậm rãi, lừ đừ, nhưng trong lắng, vị ngon ngọt, mướt dịu. Ai tin tưởng uống nước ấy phần nhiều khỏi bệnh trầm kha. Vì thế những người đến chiêm bái núi này từ Mân, Việt, Ngô, Sở[789] đều dùng bình múc nước giếng mang về để làm pháp dược.

"Tẫn xuất có hai loại yết-ma: Một là vĩnh tẫn (khai trừ vĩnh viễn), hai là do điều phục nên tẫn xuất. Điều phục nghĩa là trong khi chưa sám hối thì mọi thứ ăn ở, nói năng, hết thảy pháp sự của tăng chúng đều không được tham dự… Nếu kẻ đó vẫn ương ngạnh không thay đổi, hối hận, thì suốt đời chẳng được tham dự tăng sự." Ngoài ra, còn có một hình thức trừng phạt gọi là mặc tẫn (brahma-danda), nghĩa là không trò chuyện, không hỏi han đến người bị trừng phạt, coi như người ấy không tồn tại trong tăng chúng.

[787] Tăng lạp: số năm tính từ khi xuất gia (có thuyết nói chỉ tính từ khi thọ giới cụ túc).

[788] Ý nói không lãnh hội được tâm pháp của thầy.

[789] Mân: Phước Kiến, Việt: Lưỡng Quảng, Ngô: miền Nam tỉnh Giang Tô, phía Bắc tỉnh Chiết Giang, Sở: thuộc địa phận Hồ Nam và Hồ Bắc.

Nếu không phải là đại bi pháp thủy từ tâm đại từ bi của Bồ-tát chảy ra, khiến cho người uống vào gần là khỏi tật bệnh, xa là chứng Bồ-đề, sao có thể linh nghiệm sâu xa như vậy được? Cư sĩ Can Hạnh Thôn ở Tứ Minh, lên núi dâng hương, uống nước thấy ngọt, hỏi đến ý nghĩa tên gọi, khen ngợi khôn cùng, liền khẳng khái bỏ ra tiền của, nhờ nạp tăng lo liệu dùng đá xây thành giếng và đắp đường quanh giếng. Phía trên dựng một cái khám thờ Đại sĩ trong ấy, bên trái thờ long vương, bên phải thờ tiên nhân An (tức An Kỳ Sanh), muốn cho những người lấy nước sau này hành đạo thanh tịnh, thấu triệt nguồn đáy pháp. Thấy Quán Âm ngay nơi ấy, vun bồi hạt giống Phật cho tương lai. Đề-hồ vào miệng, bệnh tật lìa thân, tâm địa thanh lương, vĩnh viễn không bị nhiệt não bức bách, tiền trình xa rộng, thường được nhân từ, sống lâu, khỏe mạnh. Nạp tăng tôi quý lòng thành khẩn của ông ta, lược thuật đầu đuôi, tạc vào đá quý kiên cố để bảo cùng những người thông sáng trong tương lai.

9. Bi ký của Trinh Tiết Tịnh Độ Viện thuộc Lưu Trang Trường tại Hưng Hóa, tỉnh Giang Tô

Phật pháp là pháp chung cho cả chín pháp giới, không một ai chẳng kham tu mà cũng không một ai chẳng thể tu được. Bởi phàm ai có tâm thì không một ai chẳng cùng sẵn có Phật tánh, nhưng do mê chưa ngộ nên đâm ra dùng sức công đức của Phật tánh để khởi hoặc tạo nghiệp, luân hồi sáu nẻo trải trần điểm kiếp, không thể thoát lìa, há chẳng đáng buồn quá sức ư? Nhưng vì chúng sanh và Phật thể vốn đồng bèn cảm Như Lai xuất thế, soi sáng cho chúng sanh. Do đây người bỏ tục xuất gia, tận lực tu định tuệ, đoạn hoặc chứng chân, liễu thoát sanh tử không thể kể xiết. Cũng có vị cư trần học đạo, tu chân ngay trong cõi tục, tự chứng pháp thân, sanh lên bờ đạo như cư sĩ Duy-ma, đại sĩ Phó, cư sĩ Bàng v.v. cả nhà tu trì, đều chứng thánh quả. Các vị đại sĩ ấy làm gương cho chúng sanh, đủ biết ai nấy đều có thể tu, hễ tu ắt đều được lợi ích. Do vậy, từ khi pháp được truyền sang Đông Độ, vua quan, dân chúng, khuê các anh hiền chẳng lìa trần lao tu ròng tịnh nghiệp, đều đích thân thấy được Phật tánh, đoạn hoặc chứng chân, cũng như người được cảm ứng đạo giao được Phật tiếp dẫn, mang nghiệp vãng sanh lại không biết bao nhiêu mà kể.

Cư sĩ Hạc Niên Cao Hằng Tùng là người Hưng Hóa, tỉnh Giang Tô, xưa đã trồng cội đức, dốc lòng tin tưởng Phật thừa. Tuổi vừa nhược quan liền hâm mộ chân tu, vứt bỏ trói buộc thế tục, chăm chú nơi sự nghiệp tuyển Phật rộng lớn. Do vậy bèn đến khắp các tùng lâm, tham học với những bậc tông tượng, hòng nhanh chóng thấu rõ tự tánh, triệt ngộ duy tâm, báo đáp tứ ân, tế độ mọi phẩm. Việc

phụng dưỡng cha mẹ giao cho vợ, mấy tháng mới quay về để thăm hỏi. Bà phu nhân tên X… bẩm tánh hiền thục, tận lòng hiếu đạo, dẫu đã kết hôn, nhưng chí hâm mộ thanh tu. Vì thế cư sĩ không lo thiếu sót tình phụng dưỡng, mà cha mẹ cũng hưởng niềm vui được quấn quít. Nếu không phải do nguyện xưa đã kết, làm sao được như vậy. Đến khi cha mẹ đều khuất, không còn phải lo lắng gì nữa, khác nào hạc nội mây ngàn mặc sức bay nhảy. Do vậy Ngũ Đài, Nga Mi, Thiên Thai, Kê Túc[790], tất cả mọi chỗ danh sơn thánh đạo tràng, thường đến lễ bái một loạt nữa. Riêng đối với đạo tràng của Đại sĩ Quán Âm ở Chung Nam[791] lại càng quyến luyến sâu xa, chợt nhận biết đời trước từng trụ tại núi này, đủ thấy nhiều đời nhiều kiếp đã tu Phật đạo từ lâu, chẳng phải chỉ gieo thiện căn tại một đức Phật, hai đức Phật, ba bốn năm đức Phật mà thôi.

Năm Dân Quốc thứ 10 (1921), từ núi Kê Túc trở về nhà trông nom, thấy vợ đã già, cô đơn không nơi nương tựa. Nghĩ đến công vợ thay mình phụng dưỡng cha mẹ nhọc nhằn, thương vợ giữ chí thủ tiết thanh tu, do vậy bèn biến nhà mình thành Trinh Tiết Tịnh Độ Viện. Vì để cho trinh nữ, phụ nữ tiết hạnh sống ở đó chuyên tu tịnh nghiệp, cầu sanh Tịnh độ nên đặt tên như vậy. Những bậc hương

---

[790] Núi Kê Túc gồm hai chỗ:

1. Núi Kê Túc (Kukkutapāda-giri) ở Ấn Độ, còn được dịch là núi Kê Cước, núi Tôn Túc, núi Lang Túc, núi Lang Tích, thuộc miền Trung nước Ma kiệt đề, là nơi ngài Ma-ha-ca-diếp nhập diệt, nằm cách đạo tràng Bồ-đề 32 dặm về phía Bắc. Do ngài Ca-diếp nhập diệt ở đây, để tỏ lòng tôn trọng, người ta chỉ gọi là núi Tôn Túc.

2. Núi Kê Túc nằm ở phía Tây Bắc cách huyện lỵ Tân Xuyên tỉnh Vân Nam hơn 50 dặm, tiếp giáp ranh giới của huyện Thái Hòa và Đặng Xuyên. Hình thế núi trông như đóa sen chín cánh nên còn có tên là núi Cửu Trùng Nham. Phía Đông núi có dòng sông Ca-diếp, có một ngọn núi cao vọt, đỉnh núi phía Nam bằng phẳng, ba phía còn lại đều có một nhánh núi trông như cái chân gà có ba ngón, nên gọi là núi Kê Túc. Trên đỉnh núi có hang Ca-diếp, tương truyền ngài Ca-diếp cất giấu y của đức Phật, đợi khi nào Bồ-tát Di-lặc thành Phật sẽ dâng y này lên (trong kinh Đại Di-lặc Thành Phật, có chép khi Di-lặc Bồ-tát thành Phật, dẫn chúng tỳ-kheo lên núi Kê Túc, dùng thần lực mở núi ra, đánh thức ngài Ca-diếp đang nhập định chờ Phật Di-lặc giáng thế, chúng tăng hỏi Phật: "Sao lại có con trùng mang hình người mặc y tỳ-kheo?" Phật nói: "Đây không phải là trùng, mà là đại đệ tử Ma-ha-ca-diếp của Phật Thích-ca." Ngài Ca-diếp xuất thiền, dâng y tăng-già-lê lên Phật Di-lặc. Phật nhận lấy, thấy y tăng-già-lê không phủ kín được ngón tay út, bèn than thở: "Chúng sanh thời Phật Thích-ca do ác trược quá nặng nên thân hình quá bé nhỏ." Dâng y xong, ngài Ca-diếp bèn nhập *hỏa quang tam-muội* tự thiêu thân, nhập Niết-bàn). Do vậy, núi này được coi là đạo tràng của ngài Ma-ha-ca-diếp.

[791] Chung Nam, còn gọi là Trung Nam, Nam Sơn, hay Thái Ất Sơn, thuộc vào mạch núi Tần Lĩnh, thuộc địa phận tỉnh Thiểm Tây, chạy dài từ huyện Vũ Công đến huyện Giám Điền ở phía Đông. Thật ra Chung Nam Sơn bao gồm các rặng Thúy Hoa Sơn, Nam Ngũ Đài, ngọn núi chính mang tên Lâu Quán Đài. Đạo tràng của Đại sĩ Quán Âm được nói ở đây chính là đạo tràng thuộc Nam Ngũ Đài.

thân chuộng nghĩa bèn bẩm lên huyện ra cáo thị: Phàm là con cháu họ Cao và nhân sĩ các giới chẳng được can dự, bởi lẽ viện này được tạo dựng bởi tài sản riêng để làm phước, tánh chất khác biệt với những am miếu thông thường. Tài sản ban đầu là bao nhiêu đó mẫu, tậu thêm bao nhiêu đó mẫu, tô lợi thu được hằng năm dùng chi tiêu cho cơm áo của người trong viện, căn cứ theo thâu nhập mà thâu nhận người để khỏi bị thiếu hụt. Chi phí sửa chữa, xây dựng đều do bạn bè thân thiết của cư sĩ giúp đỡ. Ba gian nhà chánh dùng làm điện Phật, bên trong thờ tượng ngồi của Tây Phương Tam Thánh để những người sống trong ấy sớm tối lễ tụng hòng tạo tư lương vãng sanh. Hai gian chái hai bên làm chỗ ăn ở của các bà. Những trinh nữ tiết phụ lui tới đều không phân biệt chọn lựa, chỉ cần trường trai niệm Phật, quyết chí vãng sanh, tánh tình nhu hòa, không có các thói ngang ngược, tai ác, chẳng coi trọng trang điểm, chẳng ăn mặn, uống rượu, đoạn tuyệt tình thân thế tục, chẳng du hành bừa bãi thì đều được chấp nhận. Nếu không, nhất loạt chẳng chấp nhận cho cư trú ở đó.

Lại vào mùa đông, mùa hạ mỗi năm, nhằm hai dịp Phật đản[792], liền mời bậc nữ sĩ thông hiểu pháp đến giảng thuyết suốt tuần ngõ hầu đường lối tông chỉ tu tập thảy đều hiểu rõ, chẳng đến nỗi dùng pháp liễu sanh tử để đạt được phước trời người. Đấy chính là thượng hoằng hạ hóa, trọn vẹn đôi bề, do bi thành kính, hai thứ ruộng (bi điền và kính điền) đều đầy đủ. Do vậy, bàn bạc việc này xong xuôi, những bạn bè chuộng nghĩa đều vui thích hỗ trợ, như ông Giản Chiếu Nam, Giản Ngọc Giai, Phan Đạt Vi, Lý Bách Nông, Lê Ất Chân ở Quảng Đông và các vị cư sĩ ở đất Hỗ (Thượng Hải), đều tùy tâm lực, bỏ tiền của giúp đỡ. So với việc giúp đỡ những bà góa thì gần như giống nhau, nhưng về mặt lợi ích cách biệt như trời với đất. Viện nuôi bà góa bất quá chỉ nhằm làm cho họ có chỗ gởi thân, chẳng đến nỗi đói rét, nhưng chỉ ăn no, suốt ngày chẳng chịu dụng tâm, chẳng tụng kinh chú, chẳng kiêng rượu thịt, chỉ nhằm giúp đỡ họ trong đời này, chẳng tính đến chuyện "khi mất đi thần thức sẽ đi về đâu". Sống trong viện này suốt ngày trì danh hiệu Phật, sớm tối khẩn thiết sám hối, chẳng những lúc sống có chỗ nương gởi, chẳng uổng sống qua ngày, mà còn khiến cho khi mất đi, có chỗ nương về, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi. Ý đẹp, pháp lành thật hay đẹp, thật cao quý! Pháp này đã hưng khởi, sau này ắt có bậc thông hiểu pháp nghĩa hành theo để giúp đỡ các bà góa, ngõ hầu bậc trinh tiết anh hiền cùng dự vào Liên Trì hải hội, công đức ấy chẳng thể diễn tả được!

[792] Tức ngày đản sanh của Phật Thích-ca và ngày vía Phật A-di-đà.

10. Bài ký về tịnh nghiệp trinh hiếu của trinh nữ Trần Thánh Tánh

Chân như pháp tánh chúng sanh và Phật đồng thể, do mê ngộ sai khác mà thánh phàm khác biệt. Muốn khôi phục tâm tánh sẵn có thì phải đoạn hoặc nghiệp huyễn vọng, muốn đoạn hoặc nghiệp mà không nghiêm trì tịnh giới, tận lực tu định tuệ sẽ không thể được! Tận lực tu ba món giới định tuệ đến khi công thuần thì vọng hoặc triệt để tiêu diệt, bổn tâm hiển hiện toàn thể. Ví như mài gương, hết chất bẩn, tánh sáng còn lại. Gương vốn sẵn có tánh sáng, chẳng do bên ngoài mà có, chỉ nhờ vào duyên lau mài mà hiển hiện vậy.

Tuy nhiên, cậy vào tự lực tu hành để đoạn hoặc chứng chân, thật chẳng dễ dàng, đoạn kiến hoặc giống như cắt đứt dòng nước rộng bốn mươi dặm, huống gì là tư hoặc! Vừa đoạn kiến hoặc bèn chứng Sơ quả, dự vào dòng thánh, vẫn còn phải bảy lần sanh lên trời, bảy lần sanh xuống nhân gian mới đoạn sạch được tư hoặc và chứng Tứ quả. Tuy nói là mười bốn lần sanh tử, nhưng trên trời tuổi thọ rất dài, nên chẳng dễ gì luận bàn năm tháng cho được. Thánh nhân Sơ quả muốn liễu sanh tử còn khó khăn như thế đó, huống chi phàm phu có đủ hoặc nghiệp ư? Nếu chứng Tứ quả thì vĩnh viễn cắt đứt căn bản sanh tử, vượt thoát ra ngoài lục đạo luân hồi. Nếu phát tâm đại bi thì vào đời độ sanh, thừa nguyện thị hiện hạ sanh, chẳng giống như kẻ hoặc nghiệp đầy dẫy bị nghiệp lực thiện ác lôi kéo, thăng trầm trong sáu đường, tự mình không làm chủ được mảy may nào. Nếu không phải là người túc căn sâu dày sẽ không thể tự lực liễu sanh tử được, chúng sanh đời mạt sao có thể mong cầu. Do vậy, đức Như Lai đặc biệt mở ra một pháp môn Tịnh độ, để hết thảy dù thánh hay phàm, thượng trung hạ căn cùng liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Tâm từ bi cứu giúp ấy tột bậc không còn gì hơn được nữa! Pháp tu trì này cũng phải nghiêm trì tịnh giới, tận lực tu định tuệ, nhưng phải kèm thêm sanh lòng tin phát nguyện, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương. Tín nguyện chân thật, thiết tha, niệm lực tinh thuần, ngay trong hiện đời cũng có thể chứng thánh, lâm chung lên thẳng thượng phẩm, dự vào địa vị Bồ-tát, chứng địa vị Bất thoái. Nếu như căn cơ kém hèn, chưa được như thế, chỉ cần chí tâm niệm Phật thì tâm và Phật khế hợp, cảm ứng đạo giao, lúc lâm chung ắt được Phật từ tiếp dẫn mang nghiệp vãng sanh. Thậm chí kẻ ngũ nghịch thập ác khi lâm chung tướng địa ngục hiện nếu tâm thức chẳng mê, có thiện tri thức dạy niệm Phật, người ấy sanh lòng sợ hãi lớn lao, sanh lòng thẹn hối lớn lao, dẫu chỉ niệm được mấy tiếng rồi liền mạng chung cũng vẫn được cậy vào Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Được vãng sanh rồi thì vĩnh viễn thoát luân hồi, cao dự hải hội, tấn tu dần dần ắt chứng Phật quả. Cậy vào tự lực để liễu sanh tử khó khăn như thế đó,

cậy vào Phật từ lực để liễu sanh tử dễ dàng như thế này! Phàm những ai có tâm đều có thể niệm Phật, đều có thể vãng sanh. Là trang nam tử có chí khí, quyết chẳng chịu để chân như Phật tánh sẵn có trái nghịch tịnh duyên, ngả theo duyên mê nhiễm, luân hồi bao kiếp trong lục đạo, không thể thoát ra.

Trinh nữ Trần Thánh Tánh vốn là người quê ở huyện Hoài Ninh tỉnh An Huy, cha cô vào độ tuổi trung niên theo đuổi nghề buôn bán ở Cam Tuyền, Dương Châu, bèn dời nhà sang đó, bà mẹ họ Cao. Trinh nữ sanh nhằm năm thứ chín đời Hàm Phong (1859), có ba chị em gái, người chị cả chính là mẹ ông Trương Thiệu Xuân, trinh nữ là con giữa, cùng với cô em đều tự ăn chay từ nhỏ, không ăn mặn. Ấy là sẵn có túc căn. Ba người em trai, lớn nhất là Thọ Thanh, từng được hậu bổ làm tri huyện Giang Tây đời Thanh trước kia. Kế đến là ông Mậu Chi, người em thứ ba là ông Mậu Như, đều theo nghề buôn bán muối. Trinh nữ đến tuổi cài trâm, cha mất, mẹ muốn chọn chỗ giạm hỏi cho, trinh nữ bèn đau đớn khóc lóc, thệ nguyện làm Anh Nhi Tử con gái nhà họ Bắc Cung[793], vứt bỏ trang sức để nuôi mẹ, ở đến già không lấy chồng. Cô em quyết chí xuất gia tu hành, còn trinh nữ thì lập chí ở tại gia hầu hạ mẹ. Mẹ biết chẳng thể thay đổi được chí hướng của con, liền để mặc. Mẹ cô có tật sạch sẽ quá đáng, phàm thức ăn, quần áo, giầy dép, mền gối, giường màn, không thứ nào không thay mới mỗi ngày, dẫu là sàn nhà cũng phải mỗi ngày lau chùi một lần, ba ngày rửa một lần, vì thế chuyện gì giao cho con hầu, vú già làm đều chẳng vừa ý, chỉ có trinh nữ nấu nướng, khâu vá, giặt giũ, rửa ráy mới vừa lòng mẹ mà thôi. Tận lực hầu hạ chăm sóc, chẳng để thiếu sót, hễ rảnh thì tụng kinh lễ Phật, không bỏ uổng ngày tháng. Dẫu nhằm dịp lễ tết cũng chẳng ra khỏi cửa đi chơi, tận tâm hiếu dưỡng, dốc sức tu tịnh nghiệp đến mức như thế đó, không những đã trọn hết phận gái mà còn thật sự phụng trì Phật pháp. Về sau cô lại quy y tam bảo, thọ Bồ-tát ưu-bà-di giới, Thánh Tánh chính là pháp danh của cô vậy.

Đến khi mẹ mất, cô đau đớn cùng cực, sau đấy ở nhà người em trai, càng siêng năng tu trì. Mấy năm gần đây, Thiệu Xuân tin Phật ngày càng sốt sắng, cô từng đến thăm cháu mấy lần, mừng vì chí hợp đạo đồng, bèn không trở về nữa. Qua

[793] Trong Chiến Quốc Sách, thiên Triệu Oai Hậu Vấn Tề Sứ (Oai Hậu nước Triệu hỏi sứ giả nước Tề), có đoạn: "Triệu Oai Hậu hỏi sứ giả: 'Nước Tề có Anh Nhi Tử con gái nhà họ Bắc Cung vứt bỏ bông tai, đồ trang sức trên đầu, ở đến già không lấy chồng để nuôi mẹ, nêu gương tận hiếu cho bá tánh. Vì sao mãi đến nay không sắc phong cho cô ta? Như vậy làm sao thống lãnh nước Tề, làm cha mẹ muôn dân cho được!" Về sau, thường dùng điển tích *"Bắc Cung chi nữ Anh Nhi Tử"* để chỉ những người con gái suốt đời không lấy chồng để phụng dưỡng cha mẹ.

hơn một năm, các em trai phải ép đón về. Không lâu sau, tự biết mình còn ở đời không lâu, do các em trai và em dâu chỉ biết lễ nghi thế gian, đều chẳng hiểu Phật pháp, sợ lúc lâm chung họ thương cảm lưu luyến làm loạn chánh niệm đến nỗi bị mất lợi ích, bèn đến ở ni am của cô em gái để cầu chánh niệm vãng sanh. Không lâu sau, cô thị hiện bệnh nhẹ, gọi Thiệu Xuân và ba người em trai đến, nhờ thỉnh vị tăng đầy đủ đức hạnh làm lễ thế phát cho cô làm ni cũng như thuyết giới cho, lại dặn sau khi mất nên hỏa táng để không còn sót lại vật gì, xả thân rồi không còn gì để nương náu nữa mới là tốt. Thiệu Xuân chấp thuận, cô liền tắm gội, mặc pháp phục, ngồi ngay ngắn niệm Phật. Thiệu Xuân bảo các vị ni và các ông em trai cùng niệm Phật trợ giúp. Các ông em trai buồn thương không cầm được, Thiệu Xuân tận lực răn nhắc họ đừng làm loạn chánh niệm của cô, các ông em trai đều nén lòng bi thương niệm Phật. Một chập lâu sau, dứt hơi, Thiệu Xuân bảo đại chúng nhất tâm niệm Phật hai tiếng đồng hồ, mặt cô càng thêm rạng rỡ hơn khi còn sống. Sức tu trì cả một đời được thể hiện trong khi ấy, chắc chắn sẽ được vãng sanh Tây Phương. Nếu không, sao có thể đạt được tướng lành như vậy ư? Lúc ấy nhằm giờ Sửu ngày 17 tháng Chạp năm Dân Quốc thứ 10 (1921), thọ 63 tuổi. Tuy lúc lâm chung đã xuống tóc làm ni, nhưng chưa được mấy ngày, cũng như vì muốn hiển thị tấm lòng trinh bạch, đức hạnh đẹp đẽ, thủ tiết tận hiếu cả một đời của cô nên gọi là "trinh nữ".

Mùa xuân năm nay, Thiệu Xuân đến Phổ Đà lễ Đại sĩ, thuật cặn kẽ sự việc, xin tôi soạn bài ký để khai phát đức ẩn kín, ánh sáng ngầm của cô. Tôi dựa theo kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, xét thấy Tịnh Nghiệp Chánh Nhân gồm ba điều: Một là hiếu thuận phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu thập thiện nghiệp; bốn điều này thuộc điều thiện thế gian. Hai là thọ trì tam quy, giữ đủ các giới, chẳng phạm oai nghi, ba điều này thuộc về giới thiện. Ba là phát tâm Bồ-đề, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả, bốn điều này thuộc về huệ thiện. Hai điều đầu tùy thuộc mỗi người mà thuộc về Đại thừa hay Tiểu thừa, nhưng điều này thuộc về Đại thừa. Trong mười một sự ấy, dù trọn vẹn hay nửa phần, thậm chí chỉ làm được một việc, dùng lòng tín nguyện sâu, hồi hướng Tịnh độ thì đều được vãng sanh. Huống chi trinh nữ làm được nhiều phần, lại thêm bình sinh chuyên tâm niệm Phật, lẽ đâu chẳng vãng sanh. Cô biết trước thời khắc, sau khi tắt hơi vẻ mặt lại càng thêm rạng rỡ, đủ chứng tỏ điều ấy vậy.

Do đó, bèn đem nguyên do của pháp môn Tịnh độ và hạnh đẹp trinh hiếu, tịnh nghiệp của cô lược thuật những nét chánh, mong sao những bậc anh hiền trong khuê các và hết thảy thiện tín nghe đến phong cách của cô bèn hưng khởi theo, ai

nấy trọn hết bổn phận và tu tịnh nghiệp, cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng xướng, vợ theo, chủ nhân từ, tôi tớ trung thành, càng tu tịnh nghiệp càng giữ vẹn luân thường, sống thì được thêm tiếng tăm, mất liền gởi thân nơi Tịnh độ. Trông ra những kẻ chỉ biết thế đế, chẳng hiểu Phật pháp, nghiệp thức mênh mang, không nơi nương tựa, uổng có Phật tánh mà mê mất toàn thể, luân hồi trong sáu nẻo, đọa lạc trong tam đồ đến cùng tận đời vị lai trọn chẳng có lúc thoát ra, dẫu hết cả năm cũng không thể nói hết được nổi. Phàm những ai thấy nghe hãy đều nên gắng sức vậy!

11. Bi ký lễ phóng sanh nhằm sinh nhật của phu nhân cư sĩ Chu Mộng Pha ở Ô Trình[794]

Một niệm tâm tánh của hết thảy chúng sanh với ba đời chư Phật hoàn toàn chẳng hai, nhưng do mê chưa ngộ nên trải kiếp dài lâu luân hồi trong sáu nẻo mãi mãi không ngừng. Tuy đường lành trời người đem so với tam đồ ác đạo khổ vui thật khác, nhưng đều tùy thuộc nghiệp lực thiện ác thường bị luân chuyển. Do vậy, thiện đạo chẳng đáng để nương cậy, ác đạo thật đáng kinh sợ! Há có nên không vun bồi nhân lành, lầm tạo ác nghiệp, ỷ mình mạnh mẽ lấn hiếp kẻ yếu, bắt lấy hết thảy chúng sanh sống dưới nước, trên cạn, trên không trung đem giết hại để ăn uống ư? Trước kia, khi Phật giáo chưa truyền sang, thánh nhân Nho giáo đều dùng luân thường thế gian để lập giáo, đối với Phật tánh sẵn có của chúng ta và lục đạo luân hồi thăng trầm chuyển biến cũng như chuyện đoạn hoặc chứng chân, siêu phàm nhập thánh dù lý hay sự đều chưa nêu tỏ. Vì thế chẳng ngăn cấm giết chóc, nhưng cái tâm bất nhẫn đã được hiển hiện rõ ràng qua những giáo huấn để lại cho đời. Như kinh Thư nói "chim, thú, cá, ba ba đều sống vui vẻ", sách Luận Ngữ nói "chỉ câu nhưng không quăng lưới, chỉ bắn chim đang bay, không bắn chim đang đậu"[795]; Mạnh tử nói "thấy sống liền không nỡ nhìn thấy chết, nghe thấy tiếng bèn không nỡ ăn thịt"; kinh Lễ chép: "Chư hầu không có lý do thì chẳng mổ trâu, đại phu không có nguyên do bèn chẳng giết dê, kẻ sĩ không có lý do sẽ chẳng mổ giết chó, lợn, thứ dân không có nguyên do sẽ không ăn đồ ngon quý", đồ ngon quý chính là thịt vậy. Đủ thấy Nho tông cũng không phải là không răn cấm chuyện sát sanh, nhưng do giáo hóa phải quyền biến nên chưa thể ngăn cấm vĩnh viễn được. "Phải có lý do mới giết" nên giết chóc ít đi, không có lý do bèn không ăn thịt, nên một năm ăn thịt không được mấy ngày. Về sau đạo

[794] Ô Trình nay thuộc huyện Ngô Hưng, tỉnh Chiết Giang.
[795] Nguyên văn: *"Điếu chi bất cương, dặc bất xạ túc."* Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của sách Tứ Thư Bạch Thoại Giải Thích, trang 186, phần Thuật Nhi, sách Luận Ngữ.

giáo hóa suy sụp, quen thói tàn nhẫn, lấy thịt làm món ăn thường ngày, chỉ mong sao sướng miệng, chẳng nghĩ đến nỗi khổ của loài vật, chẳng đáng buồn ư?

Đến khi Phật giáo truyền sang Đông, rốt ráo xiển minh thật sự thật lý thường trụ mãi mãi, "hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh" và "hễ mê thì sanh tử luân hồi trọn không có lúc ngơi, hễ ngộ thì triệt chứng Niết-bàn, bao kiếp thường trụ" thì mới biết bao nhiêu dị loại đều là cha mẹ quá khứ, chư Phật vị lai. Chẳng những không dám giết ăn, mà lại còn nghĩ cách khiến cho chúng được sống yên vui. Do vậy vua thánh, tôi hiền, triết sĩ, thâm Nho đa phần tuân theo lời Phật giáo huấn, vun bồi lòng nhân, hoặc ăn chay, dứt ăn mặn, hoặc kiêng giết, phóng sanh. Những lời hay hạnh đẹp chép đầy trong sử sách, cũng mong cho người đời sau cùng tu từ tâm, thương những loài vật cùng có Phật tánh, do nhân duyên ác nghiệp phải đọa trong loài súc sanh, ta nay may được sanh trong loài người, nếu chẳng thương xót cứ mặc tình giết hại, khó tránh khỏi đời vị lai sau oan oan tương báo. Kinh Lăng-nghiêm dạy: "Giết thân mạng chúng, hoặc ăn thịt chúng, trải vi trần kiếp ăn giết lẫn nhau, ví như bánh xe xoay tròn, lần lượt lên cao xuống thấp không lúc nào ngưng nghỉ. Trừ khi đắc xa-ma-tha và khi Phật xuất thế ra, chẳng thể ngưng nghỉ!" Nhưng đạo xa-ma-tha[796] thật chẳng dễ đắc, Như Lai xuất thế cũng chẳng dễ gặp, nào dám chẳng học theo tiên hiền, tuân lời Phật dạy. Suy cái tâm sợ chết của chúng ta mà cứu vớt chúng nó đang đợi bị nấu nướng, ngõ hầu tiêu trừ túc nghiệp, vun bồi thiện căn, vĩnh viễn dứt cái nhân sát hại, cùng chứng quả trường thọ.

Cư sĩ Mộng Pha Châu Khánh Vân ở Ô Trình thuộc dòng vọng tộc tại Nam Tầm, ưa thiện, thích bố thí, đời đời tiếp nối đức hạnh, bà nội là Hứa Thái Phu Nhân bẩm tánh từ thiện, phước thọ song toàn, từ năm 60 tuổi đến nay nhằm mỗi dịp sanh nhật đều khuyên các con đừng làm tiệc, mà dùng tiền đó để lo các thiện sự như giúp người nghèo, cứu người hoạn nạn, giúp đỡ bà góa, nuôi trẻ mồ côi, cho quần áo, tặng thuốc… Đức lành lan xa, cả làng đều kính ngưỡng. Đến năm 79 tuổi lại dùng 500 quan tiền lập hội phóng sanh, các con đều vâng hiểu lòng từ của mẹ, kính cẩn thuật chuyện này, khắc vào bia đá đặt trong từ đường để con cái, cháu chắt trong họ và những người được thấy nghe đều phát thiện niệm, tu cái nhân trường thọ.

[796] Xa-ma-tha (Samatha): Dịch nghĩa là *chỉ, tịch tĩnh, năng diệt*, là một trong bảy tên của thiền định, hàm nghĩa nhiếp tâm chẳng để cho ngoại cảnh lay động, xa lìa hết thảy các tán loạn, giữ cho tâm vắng lặng.

Cư sĩ cùng người hôn phối đức hạnh là phu nhân Trương đều tận lực tuân thủ gia quy, dốc lòng tin tưởng Phật thừa, chỉ mang tâm niệm lợi người cứu vật. Nay phu nhân tuổi đã tròn hoa giáp (sáu mươi), cũng muốn vâng tiếp gương lành, bỏ ra năm trăm đồng lập hội phóng sanh tại Thu Tuyết Am ở Tây Khê, Hàng Châu để thay thế cho lễ chúc thọ, dù con hay cháu cũng đều có thể tiếp nối chí nguyện người trước hòng đẹp lòng mẹ. Cư sĩ lại muốn dựng một tấm bia ngõ hầu người nghe tiếng đều khởi lòng cùng vãn hồi kiếp vận. Do vậy, bèn đem chuyện này ủy thác cho Quang trần thuật. Quang tự thẹn tài lẫn pháp đều nghèo, không cách gì giúp cho thế đạo được, nhưng một niệm ngu thành chỉ muốn cho người đời cùng phát từ tâm, cùng tu tịnh nghiệp vãng sanh, sống làm một người chẳng thiếu nợ trong cõi Sa-bà, khi mất dự vào Liên Trì Hải Hội ở Cực Lạc. Do vậy quên mình hèn tệ, lược thuật đại khái nguyên do kiêng giết phóng sanh và đức hạnh nhiều đời của họ Chu.

12. Bài ký nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của Tuần Cai Tiểu Trúc[797]

Hiếu là đạo không lớn lao nào vượt ra ngoài được, hết thảy các điều thiện không gì chẳng bao trùm, nhưng có điều thiện thế gian và xuất thế gian, đại - tiểu, bổn - tích khác biệt. Đạo hiếu thế gian là hầu hạ, phụng dưỡng cho cha mẹ được yên thân, tiếp nối ý chí của người trên để làm đẹp dạ, cho đến lập thân hành đạo để được lưu danh đến tận đời sau. Tuy là lớn nhỏ bất đồng, nhưng đều thuộc về phương diện sắc thân. Dẫu cho đại hiếu ngút trời, rốt cuộc đối với tâm tánh, sanh tử của cha mẹ chẳng được lợi ích gì! Có thể nói là toàn chạy theo hình tích, chẳng xét đến cái gốc, huống chi sát sanh để phụng dưỡng, cúng tế khiến cho cha mẹ bị oán đối cố kết, nhiều kiếp đền trả chẳng ngơi ư?

Đạo hiếu xuất thế về mặt hình tích thì cũng giống như thế gian: Hầu hạ, phụng dưỡng cho đến lập thân, dương danh; nhưng về mặt cội gốc thì khiến cho cha mẹ huân tu đại pháp của đức Như Lai, khi cha mẹ còn sống thì khéo léo khuyên dụ ngõ hầu cha mẹ ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Ăn chay thì chẳng tạo sát nghiệp, lại diệt được túc ương; niệm Phật thì ngầm thông Phật trí, thầm hợp diệu đạo. Nếu có thể tin sâu nguyện thiết cầu sanh Tây Phương, ắt đến khi lâm chung được Phật tiếp dẫn, gởi chất nơi chín phẩm sen. Từ đấy siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn lìa các sự khổ chốn Sa-bà, thường hưởng

[797] Cai có nghĩa là thềm, bậc, nhưng ở đây đặt tên là Tuần Cai với ngụ ý theo điển tích trong kinh Thi, có khúc hát Nam Cai với đại ý "người con hiếu cùng bảo ban nhau, răn dạy nhau phụng dưỡng hiếu thuận cha mẹ". Như vậy, Tuần Cai có nghĩa là noi gương hiếu thuận, Tiểu Trúc là một công trình xây dựng nhỏ, như một căn nhà nhỏ chẳng hạn.

những sự vui nơi Cực Lạc. Cha mẹ đã mất thì thay cha mẹ dốc lòng tu tịnh nghiệp, chí thành hồi hướng cho cha mẹ. Nếu tâm chân thật, tha thiết thì cha mẹ được lợi ích, nếu chưa vãng sanh sẽ liền có thể được vãng sanh, nếu đã vãng sanh ắt tăng cao phẩm sen. Đã có thể phát tâm như vậy thì tương ứng với tứ hoằng thệ nguyện, khế hợp giác đạo Bồ-đề, há nào phải chỉ riêng cha mẹ được lợi ích mà công đức, thiện căn của chính mình, phẩm bậc nơi đài sen lại càng được cao siêu thù thắng hơn, huống chi lại còn lấy thân mình thuyết pháp khiến cho khắp đồng luân đều phát tâm hiếu thuận ư? Đấy mới là thật nghĩa rốt ráo của hiếu, chẳng phải như thế gian chỉ mong làm lợi cho sắc thân và đời này, hoàn toàn bỏ sót tâm tánh và vị lai chẳng bàn đến.

Do vậy biết Phật giáo lấy hiếu làm gốc, cho nên kinh Phạm Võng chép: *"Hiếu thuận phụ mẫu, sư tăng, tam bảo. Hiếu thuận là pháp chí đạo* (đạo tột cùng*). Hiếu gọi là giới."* Trong các giới giết trộm dâm đều dạy phải sanh lòng từ bi, sanh tâm hiếu thuận. Trong giới *"bất hành phóng cứu"* (không thực hành chuyện phóng sanh, cứu vớt), có câu: "Hết thảy người nam là cha ta, hết thảy người nữ là mẹ ta, đời đời kiếp kiếp không lúc nào ta chẳng sanh ra từ họ, cho nên lục đạo chúng sanh đều là cha mẹ ta. Giết họ ăn thịt chính là giết cha mẹ ta." Do vậy nói: Đạo hiếu của Phật giáo trọn khắp tứ sanh lục đạo, đến tận vô thủy trước, đến tột cùng vị lai sau, nào phải đạo hiếu thế gian chỉ biết một thân một đời có thể so sánh được ư? Đã như thế rồi mà chẳng kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật, há có còn là đạo hiếu rốt ráo tột bậc không gì hơn được nữa hay sao?

Ông Trương Tử Ấm ở Hàng Thản hiếu thuận khôn nguôi, cha mẹ khuất bóng đã mấy mươi năm, mỗi lần nghĩ đến vẫn còn gạt lệ, do nghĩ đến cha mẹ bèn chuyên niệm danh hiệu Phật, ấy là vì sắc thân của ta đây chính là thân của cha mẹ, ta đã vì cha mẹ niệm Phật, cha mẹ ắt sẽ được Phật nhiếp thọ, ấy chính là hiếu. Đó gọi là "thế gian lẫn xuất thế gian đều vẹn toàn". Đã có cha như thế ắt có con như thế; con ông là Hinh Cốc khéo hiểu lòng cha, dốc sức tu tịnh nghiệp, rộng hành các điều thiện, thoạt đầu thỉnh khắp các bậc danh hiền phát huy đức hạnh thủ tiết nuôi con côi của bà nội là bà Phí Thái Nhụ Nhân[798], đức lừng lẫy khắp nữ giới, cho khắc vào tập Tinh Tiết Lục để an ủi tấm lòng trinh linh của bà nội, cũng như xoa dịu lòng thương nhớ hiếu thuận suốt đời của cha. Kế đó, do cha luôn nghĩ nhớ, bèn dựng một cái thất nhỏ, trồng la liệt tùng, trúc, đặt tên là Tuần Cai Tiểu Trúc, trong thất thờ hình bà nội, bốn vách treo đầy những đề vịnh của các

[798] Thời cổ, vợ quan đại phu gọi là Nhụ Nhân. Đời Minh, Thanh, vợ các quan thất phẩm được gọi là Nhụ Nhân.

bậc danh hiền, để cha thường được thờ phụng hình bóng bà, giữ lòng thành như bà đang còn sống.

Lại vì Tuần Cai Tiểu Trúc bèn cầu tìm đề vịnh của khắp các bậc danh hiền để tỏ rõ lòng hiếu thuận của cha, ngõ hầu cảm phát đồng nhân, phù hợp sâu xa đạo "hiếu thuận cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu thập thiện nghiệp" của Quán kinh. Đã có tịnh nghiệp chánh nhân, ắt đạt được thật quả vãng sanh. Cha con ông Tử Ấm và các quyến thuộc tuy vẫn sống trong Sa-bà, nhưng quả thật đã là các thượng thiện nhân trong thế giới Tây Phương Cực Lạc. Những ai muốn hiếu thuận với cha mẹ trong cõi đời, chẳng thể không lấy điều này làm gương vậy!

13. Bi ký về việc tạo lan can sắt bên đường lên Phật Đảnh Sơn (viết thay cho hòa thượng Văn Chất)

Đại sĩ Viên Thông thệ nguyện hoằng thâm, pháp giới hữu tình đều được bình đẳng nhiếp thọ, phổ môn thị hiện trong hết thảy xứ, chân trí không ngằn mé. Danh sơn Bổ Đát ở Đông Nam Hải là chỗ ngài ứng tích. Do không ngằn mé nên bèn tùy theo hình loại, thí lòng từ bi đồng thể. Do có nơi chỗ nên bèn vượt biển trèo núi, báo đáp ân đức khôn ngằn. Do vậy, bao triều đại đều khâm kính, cả cõi đời cùng tôn sùng. Không ai chẳng muốn cầu chúc mọi người cùng được khỏe mạnh, yên vui để cõi đời thạnh trị, tiêu tai lệ để tạo phước cho lê dân. Vì thế, ba ngôi chùa đứng như thế chân vạc, các am la liệt; chùa nào am nấy đều hoằng đạo tổ, đều cùng xiển dương tâm Phật. Chỉ riêng chùa Huệ Tế xây nền trên đảnh núi mang tên là Phật Đảnh, quanh co mấy dặm, đường đi xếp bằng đá tảng, vòng vèo cao ngàn nhận[799] khác nào người leo thang lên trời. Mỗi khi đến kỳ dâng hương, người qua lại nhộn nhịp, chân đạp trên đá trơn hết sức nguy hiểm.

Vị trụ trì đời trước là Văn Chánh quyên mộ các đàn tín xây dựng con đường đá khiến cho con đường hiểm trở biến thành khang trang, dù cao vòi vọi, ngút ngàn, nhưng bước nào cũng bằng phẳng, nhưng vì bên đường không có gì ngăn chặn nên qua lại vẫn cảm thấy rờn rợn. Vị đại hộ pháp là ông Chúc Đại Xuân xưa đã gieo cội đức, dốc lòng tin tưởng Phật thừa; đã thế, trong cõi tục, ông ta lại có địa vị trong chánh quyền, hành đạo "tu chân ngay trong cõi tục", gặp dịp đến đây dâng hương trông thấy tình cảnh ấy, bèn phát đại tâm, cho dựng lan can sắt khắp nơi, khiến cho mọi người đến đây lên đạo tràng viên thông đều đi đường yên ổn, không sợ hãi gì nữa, chẳng mất công cứ mỗi bước lại phải nhìn xuống chân, đắc

[799] Nhận: Đơn vị đo lường thời cổ, một nhận bằng bảy hoặc tám thước Tàu.

đại tổng trì, hiểu rõ bậc thềm Phật ở tại ngay nơi ấy, nương theo đường chăng bằng dây vàng, đâu đâu cũng gặp đạo.

Từ dưới đất vịn nắm quanh co, đi một mạch lên đến nơi sơn cùng thủy tận, từ đấy nhập vào Phật huệ, tự thấy Quán Âm. Công đức như thế thật giống như sức phổ môn thí vô úy, có cùng một thể - tướng - dụng; ắt sẽ do đây nhanh chóng vượt lên Thập địa, viên mãn tam giác, không những thân tâm được yên vui, điều tốt lành nườm nượp xảy đến dài lâu dằng dặc, mà điều mừng vui còn thấu đến tận hậu duệ nữa!

14. Bi ký trùng hưng chùa Tịnh Cư ở Tế Nam[800]

Nơi thật tế lý địa trọn chẳng có cái tên chúng sanh và Phật, trong pháp môn tu trì mới có danh hiệu phàm và thánh. Tâm thể vốn vắng lặng, do phiền hoặc nên hôn trược bèn nhanh chóng hiện ra. Vọng tánh vốn không, do giác chiếu nên chân thường riêng tồn tại. Do vậy biết: Bất biến tùy duyên mười giới thăng trầm rất khác; tùy duyên bất biến, thể - dụng của nhất tâm không khác. Tâm ấy, lý ấy mọi chúng sanh đều có, nhưng triệt ngộ, triệt chứng chỉ có mình đức Phật. Vì thế đức Thế Tôn ta thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng chánh giác, tùy cơ thuyết pháp. Với kẻ đại căn bèn chỉ ngay nhất chân pháp giới khiến họ vô trụ sanh tâm, cho đến khi đoạn hoặc chứng chân. Với kẻ căn khí nhỏ nhoi bèn giảng cặn kẽ nhân quả ba đời, khiến họ hướng lành tránh dữ, dùng đó làm phương tiện nhập đạo. Tuy ngàn căn cơ đều được dưỡng dục, pháp không có tướng nhất định, nhưng muôn dòng đều quy hướng, đều đổ vào biển giác. Phàm nói đến đạo "cách vật trí tri, chánh tâm thành ý, tu tề trị bình" thì chẳng khác gì khuôn phép của Nho giáo, nhưng chuyện "minh tâm kiến tánh, chân cùng, hoặc tận" thì Nho giáo chưa thể phát huy được. Bởi lẽ một đằng tùy thuận tình kiến thế gian, một đằng chỉ thẳng vào tâm thể (bản thể của tâm). Nếu xét đến cội gốc thì Linh Sơn, Tứ Thủy ở cùng một đất, Đông Lỗ[801], Tây Trúc thực chẳng phải hai trời. Do vậy, vua quan đời cổ không ai chẳng hoằng dương, hộ trì, những bậc hiền triết thời nay thảy đều nghiên cứu đến cùng tận, bởi lẽ pháp này về mặt ngầm là giúp cho đạo bình trị, về mặt tỏ khiến dân tình yên lành, tiêu họa loạn ngay khi chưa chớm, chứng Phật tánh sẵn có vậy.

---

[800] Tế Nam là tỉnh lỵ của tỉnh Sơn Đông, phía Bắc có sông Hoàng Hà, phía Nam dựa vào rặng Thái Sơn. Do thành phố này nằm ở phía Nam con sông Tế Thủy nên có tên như vậy.

[801] Quê Khổng tử là Khúc Phụ thuộc đất Lỗ (nay thuộc địa phận tỉnh Sơn Đông) nên thường gọi là Đông Lỗ.

Tế Nam là khu vực nổi tiếng của vùng Tề - Lỗ[802], là xứ văn hiến. Nhằm lúc pháp đạo hưng thạnh thời Đường, thời Tống, đã có những ngôi chùa nổi tiếng. Đến nay lâu đời chầy tháng, người mất, giáo suy, bao nhiêu tùng lâm thảy đều suy tàn, dẫu có chùa miếu đều trở thành [tài sản truyền riêng cho] con cháu. Chẳng những hàng tăng tục nơi địa phương không có cách nào được nghe pháp, ngay cả hàng pháp lữ qua lại cũng không có chỗ nghỉ ngơi. Cư sĩ Đối Phù Phan Thủ Liêm xưa đã vâng lời Phật phó chúc, thừa nguyện tái lai, đọc sách thấu hiểu lý, học đạo yêu người, những chuyện cai trị khéo léo khi xưa của ông đều được lưu truyền nơi bia miệng. Những chuyện tu trì như kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật của ông trong mấy năm gần đây đều khắc vào tâm người. Lòng thành cứu nạn, giúp nghèo, hộ pháp, giúp cho tăng chúng yên trụ của ông thật có thể noi gót Cấp Cô Độc, tiếp nối Văn Chánh Công (Phạm Trọng Yêm). Thường nghĩ nhân dân đời mạt như người mù không ai hướng dẫn, lại do nơi tỉnh hội hoàn toàn chẳng có thập phương tùng lâm, nên cao tăng không có duyên đến trụ, chánh pháp không cách gì được hoằng thông; lý nhân quả ba đời, đạo "nhất tâm tạo đủ mọi sự" gần như bị dứt bặt, làm sao cứu vớt thế tục đang bị chìm đắm, đưa dân chúng lên bờ giác cho được?

Vào năm Dân Quốc thứ bảy (1918), ông thương nghị với vị trụ trì đã thoái ẩn của am Phổ Tế ở Tế Ninh là ngài Đức Hinh, ngài Đức Hinh bèn sai phương trượng am ấy là Kiến Huệ đến Tế Nam tìm đất, thấy mười mấy mẫu đất thuộc nền cũ của Tịnh Cư Tự ở Đông Quan là nơi có thể lập đạo tràng. Chùa này được lập vào thời Bắc Tống, nay đã thành chốn gò hoang, chỉ còn lại ba gian Phật điện nhưng cũng sắp sụp đổ. Người trông coi chùa muốn tu bổ nhưng khổ nỗi không có sức, gặp đúng lúc thầy Kiến Huệ đem chuyện muốn quyên mộ đất để lập tùng lâm ra nói, người ấy cố nhiên khâm phục đức của ông Phan, ngài Đức Hinh, thầy Kiến Huệ, nên bèn vui vẻ dâng tặng, lại bẩm lên huyện lập giấy tờ để làm bằng chứng. Ông Phan tuổi cao, đã thuộc vào hàng thất thập, bèn lên kinh đô, xin ông phụ tá của Tổng lý Quốc vụ (Thủ tướng) là ông Cận đứng ra đề xướng, ông Cận bèn quyên tặng hai ngàn đồng. Khi ấy, con ông Phan là Phục, giữ chức Tổng trưởng Tài chính, quyên góp khắp trong đất Đàm[803] được tất cả năm ngàn đồng, lại tùy duyên quyên góp được khoảng sáu ngàn đồng nữa, bèn khởi công vào mùa xuân năm

[802] Nước Tề, nước Lỗ thời Đông Chu Liệt Quốc đều thuộc địa phận tỉnh Sơn Đông ngày nay, nên tỉnh Sơn Đông thường gọi là đất Tề hoặc Tề Lỗ.
[803] Đàm: Là tên một nước chư hầu nhà Chu thời cổ, nay thuộc vùng phụ cận của Đông Long Sơn Trấn thuộc thành phố Tế Nam, bị nước Tề diệt vào năm 684 trước Công Nguyên. Do vậy Tế Nam đôi khi còn được gọi là đất Đàm.

Dân Quốc thứ chín (1920), đến mùa thu thì hoàn thành. Khi ấy, gặp đúng lúc đốc quân Du Quan là ông Điền Uẩn Sơn đóng quân ở Sơn Tả, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, nên khẳng khái quyên ra một ngàn đồng, cực lực đề xướng, lại còn phái người thay mặt đến trước để phụ đôn đốc, nên mau được hoàn thành.

Trù tính tu bổ Phật điện, thiên vương điện, mỗi nơi đều ba gian. Vây quanh là tổ đường, già-lam điện, phương trượng, niệm Phật đường, thiền đường, trai đường, đại môn (cổng chánh), khách đường (nhà tiếp khách), khách sảnh (chỗ nghỉ cho khách), trù phòng (nhà bếp) v.v. tổng cộng hơn năm mươi gian, tuy chưa đáng gọi lầu cao giăng mắc, điện các vòi vọi, nhưng cũng đã tiến hành tham thiền, niệm Phật, hoằng pháp lợi sanh được rồi. Đến ngày 19 tháng 9, làm lễ khai quang tượng Phật, thành lập đạo tràng, treo chuông, bản lên, người đèn nhang lễ Phật chen vai thích cánh, khi đó có chuyện lạ đứa bé con té giếng, được Phật cứu vớt, nằm yên ổn trong nhà. Về sau, có chuyện tốt lành là có một người già cả mắc bệnh lâu ngày không khỏi, nằm mộng thấy có người cho uống nước giếng này liền được lành bệnh. Đến năm Dân Quốc thứ 10 (1921), vùng Tế Ninh hạn hán lớn, ôn dịch tràn lan, mọi người cùng kéo nước giếng này để uống và cầu đảo thì mưa ngọt bèn tuôn xuống khắp nơi, ôn dịch dứt ngay. Do vậy mọi người đều gọi là Thánh Thủy. Vì thế bèn lập một cái đình bát giác để che giếng, khắc bia ghi lại việc này. Ôi chao, lạ lùng thay! Lòng thành đến cùng cực thì vàng đá cũng nứt. Đấy là do lòng thành của ông Phan, các thầy Đức Hinh, Kiến Huệ, phát khởi lòng thành của mọi người thành lập đạo tràng này, do lòng thành của mọi người tương cảm nên Phật từ bèn rủ lòng ứng theo, cho nên mới có những chuyện chẳng thể nghĩ bàn như vậy, đủ chứng tỏ "tâm, Phật, chúng sanh cả ba không sai biệt!" Tâm này làm Phật, tâm này là Phật, cảm ứng đạo giao, giống như đã có hình ắt có bóng, có tiếng ắt có tiếng vang.

Tuy chùa đã thành lập, nhưng tăng không được nuôi dưỡng thì cũng không thể an cư hành đạo, do vậy ông Phan lại quyên mộ được một vạn hai ngàn đồng gởi vào công ty Lỗ Phong với lãi suất khởi đầu một phân hai ly, mỗi tháng thu được 144 đồng, dùng làm tiền ăn uống và chi phí những thứ cần dùng trong chùa, có thể nuôi được hai mươi vị tăng thường trụ và mười vị tăng quải đơn[804]. Sau này nếu có bậc đại từ thiện quyên tặng khoản tiền lớn hơn thì sẽ căn cứ theo khả năng mà mở rộng quy mô hơn nữa. Chùa thành lập rồi, hai vị Đức Hinh và Kiến Huệ nối nhau quy Tây, do vậy bèn thỉnh vị trụ trì đã thoái ẩn của Thiên Mục là

[804] Vị khách tăng đến nhập chúng trong một ngôi tùng lâm nào đó một thời gian gọi là "quải đơn" (treo giường). Khi cáo từ đi qua nơi khác gọi là "trừu đơn" (rút giường).

lão nhân Năng Hòa tạm thời chấp chưởng, nay thỉnh hòa thượng Diệu Liên thuộc chùa Hoa Nghiêm ở Duyện Châu[805] làm trụ trì.

Việc tu trì trong chùa chuyên chủ Tịnh độ, không truyền giới, không làm kinh sám thù tạc. Thí chủ có tín tâm đến chùa niệm Phật hoặc đả Phật thất để hồi hướng cho tiên linh hoặc cầu phước thọ thì không cự tuyệt. Do pháp môn Tịnh độ chính là pháp quy tông kết đảnh của hết thảy các pháp, hạ thủ dễ thành công cao, dùng sức ít lại được hiệu quả nhanh chóng, là vô thượng diệu đạo để phổ độ chúng sanh của Như Lai, quả thật là pháp môn đặc biệt để cả phàm lẫn thánh cùng lên bờ giác. Chúng sanh đời mạt căn cơ kém hèn, tu các pháp môn khác khó thể được lợi ích thật sự, bởi lẽ hết thảy pháp môn đều cậy vào tự lực, chỉ có pháp Tịnh độ này hoàn toàn nương vào Phật lực. Cậy vào tự lực để đoạn hoặc chứng chân nếu không phải là bậc lợi căn cao nhất thì chẳng thể liễu thoát ngay trong đời này. Nương vào Phật lực, có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, dẫu là hạng độn căn thấp nhất cũng có thể mang nghiệp vãng sanh. So sánh hai pháp thì sự khó dễ, nhanh chậm khác nào trời với vực. Do vậy, mười phương chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài để tán dương, thánh hiền hai cõi phát tâm kim cang lưu truyền.

Lược nêu tóm tắt những ý chánh để bảo cùng đồng nhân, nếu ai tin tưởng chắc thật thì lợi ích vô tận. Phương danh của những vị thí tiền của được ghi đầy đủ ở mặt sau bia, nhờ vào công đức này ắt hiện đời phước thọ tăng trưởng, lâm chung được Phật Di-đà tiếp dẫn vậy!

15. Bi ký Vạn Niên Niệm Phật Hội ở am Thường Minh

Từ nơi phàm tình hiển lộ Như Lai Tạng, dùng quả địa giác làm nhân địa tâm, dẫn sáu nẻo lên chín phẩm sen, vượt thoát tam giới hưởng tứ đức, trong thời ngũ trược lừng lẫy, làm một tông viên mãn ngay trong một đời thì chỉ có pháp niệm Phật là được như vậy mà thôi! Khi xưa, lão nhân Lập Sơn trùng hưng chùa Pháp Vũ suốt mười mấy năm, muốn thoái ẩn nơi tịnh thất để chuyên tu tịnh nghiệp, nên mới dựng am này, hòng làm chỗ cho chính mình và các đồ đệ gieo tấm lòng thành cho đến hết đời, mong trở về An Dưỡng. Cảnh giới vắng lặng, cách tuyệt cõi trần, quy củ nghiêm túc, không dễ dãi chút nào; chẳng phải là người không tham thế duyên, cam chịu đạm bạc, dốc chí tu trì cầu sanh Tịnh độ sẽ chẳng thể ở đây được.

[805] Duyện Châu là một huyện của tỉnh Sơn Đông, thuộc địa phận thành phố Tế Ninh. Huyện Duyện Châu này chính là một trong chín châu thời cổ.

Vào năm Tuyên Thống thứ hai (1910) đời Thanh trước kia, nhằm khi sư Liễu Đế làm đương gia, có các cư sĩ Trần Lạc Chi, Cố Thọ Bành v.v. lên núi dâng hương, ở nhờ am này. Trông thấy am quy (quy củ trong am) nghiêm túc, tăng chúng nghiêm tịnh, xa là tiếp nối được liên xã của Khuông Lô, gần là thừa kế Tịnh tông của ngài Vân Thê. Thầy Liễu Đế lại vì họ giảng cặn kẽ pháp niệm Phật, sự tuy giản dị, nhưng lý cực viên đốn, độ khắp ba căn, lợi độn cùng thâu, là tông yếu tối thượng của vô lượng pháp môn trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai. Hết thảy pháp môn, hằng sa diệu nghĩa không gì chẳng lưu xuất từ pháp giới này, không gì chẳng trở về pháp giới này. Do vậy, vị tổ của ta là lão nhân Lập Sơn dựng lập am này để tiếp độ con cháu.

Bọn họ vừa nghe như vậy bèn phát đại tâm, chọn lựa tập hợp mấy mươi người cùng chí hướng, ai nấy đóng góp bao nhiêu đó tiền, lập ra Vạn Niên Niệm Phật Hội, bắt đầu từ ngày 19 tháng 2 của năm sau cho đến ngày 25 là viên mãn, đêm hôm đó làm lễ thí thực để cứu giúp mọi cô hồn, vĩnh viễn lấy đó làm lệ nhất định, chẳng được sửa đổi. Am này đem số tiền thanh tịnh ấy, ngoại trừ phần dùng để làm chi phí trong pháp hội ấy ra, phần còn lại dùng để mua ruộng hết. Hoa lợi thu được liền dùng để lập pháp hội kế tiếp. Số tiền còn dư thì dùng để giúp chi dụng cho thường trụ. Sợ rằng lâu năm không chứng cớ, bèn khắc vào đá quý kiên cố, ngõ hầu ức vạn năm sau không bị phế bỏ. Sẽ thấy đạo tràng Thường Minh hương đèn ngày càng thạnh, mười phương đàn-việt tín tâm càng nồng, cùng dự Phật hội, cùng niệm danh hiệu Phật, cùng sanh cõi Phật, cùng thành Phật đạo, công đức lợi ích làm sao diễn tả cho được? Những quy củ được ghi tường tận ở phần sau.

16. Bài ký nơi tháp hóa thân của chùa Phổ Tế tại Phổ Đà

Cổ nhân nói: "Tử sanh cũng lớn lắm, há chẳng đau đớn ư?" Trộm nghĩ: Chẳng biết nguyên do, dù có đau lòng nào có ích gì đâu? Phải biết hết thảy chúng sanh theo nghiệp lưu chuyển, thọ sanh trong sáu đường. Sống chẳng biết từ đâu đến, chết chẳng biết đi về đâu. Do tội phước, nhân duyên bèn thăng giáng, xoay vần luân hồi trọn không lúc nào ngơi. Như Lai thương xót, dạy cho nhân duyên "do hoặc khởi nghiệp, do nghiệp cảm khổ" và bản thể "thường lạc ngã tịnh, tịch chiếu viên dung", khiến cho họ biết rõ: Do vô minh nên mới có thân này, tức là sắc thân này hoàn toàn thuộc huyễn vọng, chẳng những tứ đại không có mà ngay cả ngũ uẩn cũng đều là không. Đã biết các uẩn là không thì diệu lý chân như pháp tánh thật tướng sẽ triệt để phô bày trọn vẹn. Lại sợ có kẻ tình chấp kết chặt chưa thể giải thoát, nên sau khi xả báo bèn dùng lửa thiêu hóa, ngõ hầu người chưa lìa chấp trước sẽ mau lìa được, người đã lìa được bèn mau chứng pháp thân, lại còn khiến

cho hiện tiền đại chúng ngộ biết thân này chẳng chân thật, dùng ngay cái thân ấy để làm chứng minh. Ấy gọi là "nên dùng thân hóa thành tro, diệt mất dấu tích để độ, bèn hiện thân cháy thành tro, diệt mất dấu tích để thuyết pháp". Do đây bèn lập ra quy chế hỏa táng, phàm những ai thuộc vào tăng đồ đều tuân hành.

Nhằm lúc pháp đạo thạnh hành vào đời Đường, đời Tống, những người tại gia thông hiểu đa phần cũng tuân theo, chứ không chỉ riêng tăng chúng mới vậy. Phổ Đà chính là đạo tràng của Đại sĩ Quán Âm; Phổ Tế, Pháp Vũ là tùng lâm thập phương cộng trụ, tăng chúng đến đi quả thật rất đông. Phàm những vị mất đi đều dùng lửa thiêu hóa, nhưng lò thiêu rất thô sơ, chẳng những tốn nhiều củi đốt, lại còn khiến cho xương bị trộn lẫn với tro đất. Các cư sĩ đương thời túc căn sâu dày dốc lòng tin tưởng Phật pháp, phát tâm Bồ-đề làm chuyện lợi lạc, bèn phỏng theo cách thức của ngoại quốc, nghiên cứu châm chước sao cho thích hợp, chuẩn bị nhân công, vật liệu, tạo cho hai chùa trước và chùa sau mỗi chùa một lò. Do lò ấy hình như cái tháp, nên gọi là tháp. Mỗi tháp tốn hơn cả ngàn bạc, có thể nói là công đức chân thật vậy. Tháp vừa dựng xong, gặp đúng lúc có người vãng sanh, chưa đầy ba tiếng đồng hồ đã thiêu sạch sẽ, tro xương đều đựng trong hộp sắt, không bị lẫn lộn với tro đất nữa. Do vậy đại chúng hoan hỷ, mong khắc vào đá để ghi lại. Minh[806] rằng:

Ban đầu thọ thân là do vô minh, mê cái gốc chân như, lầm sanh ái tình, ái tình đã khởi, huyễn chất gá vào, nhận lầm là ngã, vĩnh viễn chẳng giác. Như Lai thương xót, riêng lập phương tiện, khiến cho kẻ còn, người mất đều lìa ngã kiến. Thân còn chẳng được, ngã từ đâu có? Diệt trọn bốn tướng, ngũ uẩn đốn không. Sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền, chân như pháp tánh trở về sẵn có. Lìa tướng huyễn vọng, phát tâm Bồ-đề, hồi hướng Tịnh độ, gần đấng Quang Thọ, nghe pháp thọ ký, chứng Vô sanh nhẫn, nương đại nguyện luân độ cho những kẻ thật đáng thương xót, khiến cho hết thảy cùng sanh Tây Phương, đều trong vị lai làm đấng Pháp Vương.

17. Bài ký nơi tháp hóa thân chùa Pháp Vũ, Phổ Đà

[806] Minh: Theo từ điển Từ Hải, minh là một thể văn thường dùng để khắc trên những đồ vật như chuông, khánh, đá; nhằm biểu thị ý vĩnh viễn ghi nhớ không quên. Minh còn có nghĩa là một thể văn dùng để biểu thị công đức, hoặc răn nhắc chính mình (chẳng hạn *tín tâm minh*). Thông thường, những bi ký (bài văn viết trên bia), gồm có hai phần: Phần đầu của bi ký, thuật duyên do vì sao lập bia, và phần thứ hai là minh, nhằm ca ngợi, tán dương một nhân vật hoặc một hành vi nào đó; hoặc thuần túy là cảnh tỉnh. Ở đây tổ Ấn Quang dùng chữ minh theo nghĩa thứ hai.

Ngã chấp của chúng sanh kiên cố khó phá lắm thay! Cái sắc thân này vốn do đất, nước, gió, lửa tứ đại hợp thành, nhưng lầm chấp là ngã, như dầu lẫn vào miến, vĩnh viễn chẳng thoát, đâm ra mê trái toàn thể chân lý "chân ngã chẳng thuộc ấm - giới, chẳng thuộc thánh - phàm", như gương bị bụi lấp, chẳng thể chiếu soi. Vì thế kinh Hoa Nghiêm nói: "Hết thảy chúng sanh đều có đủ trí tuệ của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước, chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng thì nhất thiết trí, vô sư trí đều được hiện tiền." Do vậy biết tâm tánh của chúng sanh ngang bằng chư Phật, nhưng do chấp trước mà chẳng thể thọ dụng, chẳng đáng buồn ư?

Vì thế, đức Như Lai thuyết pháp đủ cách khiến cho chúng sanh biết rõ cái sai từ trước đến nay "nhận lầm tứ đại là thân tướng, tưởng lầm duyên ảnh của sáu trần là tướng của tự tâm" thì "chân thân thường lạc ngã tịnh, chân tâm tịch chiếu viên dung" bèn tự được hiển hiện toàn thể. Lại do những người chấp chặt thân tướng, căn cơ ám độn cũng khó liễu ngộ thân này là vọng, ngõ hầu chẳng sanh chấp trước, cho nên sau khi xả báo, bèn đem hỏa thiêu, đột nhiên chẳng còn gì nữa. Như thế thì người còn lẫn kẻ mất đều ngộ được cái thân do tứ đại giả hợp chẳng phải là thân. Các cư sĩ đương thời từ xưa đã có linh căn, tận lực tu tịnh hạnh, tâm lợi người tha thiết, lòng hộ pháp ân cần. Do từ trước đến nay lò thiêu chưa thích đáng, nay muốn sửa đổi cho tốt đẹp hơn, bèn tinh chuyên nghiên cứu, phỏng theo cách thức của ngoại quốc để sửa đổi, tạo cho Pháp Vũ, Phổ Tế mỗi chùa một lò. Hình cái lò ấy giống như cái tháp nên gọi là tháp hóa thân. Phí tổn tính ra hơn cả ngàn bạc, ý đẹp, cách hay, công đức vô lượng.

Minh rằng: Chúng sanh mê trái chẳng phải ngã, lại chấp là ngã, như tằm kéo kén, như con thiêu thân đâm đầu vào lửa. Vốn có chân ngã mà chẳng đoái hoài, tứ đại huyễn chất lại cứ lầm nhận. Như Lai xót thương, dạy dỗ đủ cách, lại dạy hỏa thiêu, để toàn trí chiếu. Đã biết là vọng bèn hiểu được chân, đắc vô ngại trí, thấy thân vốn có. Nương trí thân ấy hồi hướng Tịnh độ, được vô lượng thọ, dự vào Bổ xứ, chẳng lìa An Dưỡng, vào khắp mười phương, khiến khắp kẻ mê trở về quê nhà sẵn có. Do vậy chúng sanh đều khôi phục bản tánh, phước tuệ trọn đủ, tiếp nối huệ mạng Phật. Nguyện đem công đức này trao cho khắp tất cả pháp giới hữu tình đều chứng Chánh giác.

18. Bài ký về chuyện Lý Thái Phu Nhân ở Trấn Hải thắp đèn soi sáng biển

Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh thường quang, tất cả những gì sáng tối, thông tắc, xa gần thảy đều chiếu thấu suốt không sót. Vì vậy, chẳng cần nhờ vào ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, đèn đuốc mới thấy được. Hiềm rằng chúng sanh mê muội bản tánh, trái giác hiệp trần, đến nỗi Phật tánh thường quang ấy biến thành phiền não vô minh, chẳng những chỗ tối tăm, ngăn lấp, xa xôi không thấy được, ngay cả những thứ ở gần ngay trước mắt nếu không có ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, đèn đuốc, dù là Thái Sơn vẫn không thể thấy được, huống gì những thứ khác! Do vậy, luân hồi trong biển khổ sanh tử như người mù không ai dẫn đường, trọn chẳng thể thoát ra được. Chẳng đáng buồn ư? Đức Đại Giác Thế Tôn xót thương, nói ra đủ mọi pháp khế lý khế cơ, khiến họ bỏ vọng theo chân, trái trần, hiệp giác, hầu khôi phục chân như Phật tánh sẵn có. Lại sợ kẻ căn cơ hơi kém, trong đời này chưa thể đoạn hết được phiền hoặc, qua một đời sau lại thành mê muội, nên bèn mở ra pháp môn Tịnh độ cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Bất luận trung hạ căn, chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha niệm danh hiệu Phật sẽ quyết định vãng sanh, vạn người chẳng sót một ai. Quả thật là vô thượng diệu pháp bậc nhất để phổ độ chúng sanh của đức Như Lai. Ví như ngồi trên chiếc tàu lớn vào trong biển cả, cứu vớt khắp những kẻ chìm đắm cùng lên bờ kia. Có duyên gặp được pháp này thì còn may mắn nào hơn!

Lý Thái Phu Nhân ở Trấn Hải là mẹ của ông Vân Thư, túc căn sâu dày, hiện đời tu tập tinh thuần, dốc lòng tu tịnh nghiệp, rộng hành phương tiện, chẳng những đáng là bậc mẫu nghi nơi khuê các, đức lẫy lừng nữ giới, mà quả thật còn đáng là gương mẫu cho cả xóm làng, tận lực hộ trì thánh giáo. Huyện Phổ Đà nằm bên biển cả, là đạo tràng ứng hóa của Đại sĩ Quán Âm, chỗ cao nhất gọi là Phật Đảnh. Lên đảnh núi nhìn xa bốn phía, biển mênh mông tiếp nối trời, quả thật mở rộng cõi lòng, tăng trưởng trí thức. Năm Quang Tự 30 (1904) đời Thanh, tức năm Giáp Thìn, các ông Triệu Phức Trù, Đồ Cảnh Tam tạo một tháp đèn ở nơi ấy để thường thắp sáng mỗi đêm ngõ hầu trừ nỗi hiểm thuyền vỡ vì đi lạc phương hướng. Lại dựng ba gian Phật đường để những ai đến đảnh Diệu Cao Phong này đều trông thấy đức Quán Âm. Thái phu nhân cũng đã quyên tặng bao nhiêu đó tiền, tiếp đó bà nghĩ: Ngọn đèn này vốn thuộc về Phật quang, chẳng những khiến cho thuyền bè qua lại chẳng đi sai hướng mà còn có thể khiến cho những người từ bốn phía trông thấy từ xa bèn nghĩ nhớ Đại sĩ. Do vậy muốn cúng dầu đốt đèn nhiều năm. Do tịnh nghiệp chín muồi sẽ quy Tây, cụ bèn dặn dò con là ông Vân Thư vì cụ lo liệu.

Mùa xuân năm Quý Hợi (1923), những vị thiêng liêng trong núi muốn cho quy mô được mở rộng, lại muốn cho người đời sau cùng được gieo thiện căn bèn nhờ sức thần Chúc Dung[807] thiêu sạch Phật đường đã dựng từ xưa, tăng chúng chùa Huệ Tế lại quyên mộ kiến tạo, Vân Thư bèn đem số phiếu công trái kỳ hạn bảy năm, giá trị năm ngàn đồng cúng cho chùa Huệ Tế, chỉ định chuyên dùng số tiền ấy để chi phí mua dầu thắp đèn nơi tháp hải đăng. Phiếu ấy lợi tức mỗi năm là sáu ly (6%), tính ra tiền là ba trăm đồng, đợi đến khi nào rút thăm được hoàn lại tiền vốn thì sẽ đem tiền ấy giao cho nhà chùa mua ruộng đất, dùng hoa lợi thu được làm chi phí thắp đèn. Hễ Phật Đảnh còn tồn tại thì đèn ấy chẳng diệt, tâm quang của hiền mẫu hiếu tử cũng nương theo Phật quang chiếu mãi ức vạn năm. Những kẻ trong cõi đời đuổi theo thanh sắc, tiêu vàng như đất, đến nỗi cha mẹ, anh em đều chẳng buồn hỏi đến, nghe phong thái của ông Vân Thư há chẳng thẹn đến chết ư? Do vậy tôi vui vẻ soạn bài ký, muốn cho hết thảy chúng sanh cùng dùng đèn sáng Phật pháp phá trừ tối tăm phiền hoặc, do đây cùng thoát khỏi biển khổ sanh tử, cùng về quê nhà Cực Lạc, làm con thật sự của đức Di-đà, làm bạn tốt của Đại sĩ vậy!

19. Bài ký trùng tu tháp viện của thiền sư Bách Trượng Đại Trí Hoài Hải

Từ khi đức Thế Tôn cầm cành hoa, ngài Ca-diếp mỉm cười, chánh pháp nhãn tàng, Niết-bàn diệu tâm được truyền thừa mãi mãi. Hai mươi tám vị tổ ở Tây Thiên, sáu vị tổ ở Đông Độ tâm tâm tương ấn, nên pháp này được thạnh hành, rạng rỡ ở Thiên Trúc lẫn Trung Hoa. Đến thời môn đệ của ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng, xuất hiện ngài Mã Tổ Đạo Nhất mở ra mối pháp vượt khỏi cách thức thông thường, phương cách tiếp độ căn cơ không ngằn, khéo léo không gì sánh ví được. Đối với những kẻ mê tình liền dạy tâm bổn giác, chẳng lìa đương niệm siêu phàm nhập thánh, như sấm sét rung trời, nghe rồi đều táng thân mất mạng, như cam lộ, đề-hồ nếm vào liền giống như đã chết rồi bèn sống lại, chẳng những đại giáo của đức Như Lai đều hiện rõ chân tâm thường trụ, mà ngay cả sơn hà đại địa cũng hiển lộ diệu thể của đấng Pháp Vương, khiến cho mọi hình mọi sắc trong thế gian đều quy về quang cảnh nơi bổn địa. Với pháp gì, chuyện gì trong khắp cùng vũ trụ cũng thấy chính là đương nhân.

[807] Chúc Dung là tên vị thần lửa trong Đạo giáo. Thật ra theo thần thoại Trung Hoa, Toại Nhân là người phát minh ra lửa đầu tiên, nhưng Chúc Dung lại là người tìm ra cách đánh đá mồi bùi nhùi lấy lửa, nên được Hoàng Đế phong làm quan chủ quản việc lửa, rồi lại phong cho ông trông coi Hành Sơn. Do vậy, Đạo giáo đã tôn xưng Chúc Dung làm hỏa thần, coi Hành Sơn là đạo tràng của ông.

Do vậy, trong đồ chúng của ngài có 84 vị tri thức kiệt xuất, nhưng thiền sư Hoài Hải thật là bậc nhất. Trong lúc vịt trời bay qua, bèn vặn đầu mũi lôi lại[808], quát to một tiếng, tai điếc ba ngày, khác nào tượng vàng gỡ khỏi khuôn, quang minh chiếu khắp, sư tử ra khỏi hang oai mãnh khôn địch, bèn đại khai đạo tràng tuyển Phật tại núi Bách Trượng. Dùng lò luyện "một pháp chẳng lập" đúc thân Phật vạn đức sẵn đủ để tự hành dạy người; luật, giáo, liên (Tịnh độ) tu trọn vẹn không gián đoạn, một đạo giới định tuệ cùng hành, tùy cơ thuyết pháp, hoàn toàn chẳng lưu dấu tích, nhưng đoạn văn "linh quang riêng chiếu, thoát khỏi căn trần, thể lộ chân thường, chẳng câu nệ văn tự, tâm tánh vô nhiễm, vốn tự viên thành, chỉ lìa được vọng niệm thì chính là như như Phật" là thân thiết nhất. Ngài lo lắng sâu xa khi pháp tồn tại lâu ngày sẽ nảy sanh mối tệ, nên nghiêm cẩn lập ra thanh quy để làm khuôn phép ngăn ngừa sẵn, dựa theo giới luật đức Phật đã chế ngõ hầu thích hợp thời tiết, nhân duyên, trở thành khuôn vàng thước ngọc cho các tùng lâm trong thiên hạ, những bậc thầy gương mẫu trong thiên hạ cũng do đây mà được thành lập.

Bản thân ngài giữ luật đã nghiêm, mà làm lụng cũng đứng đầu đại chúng. Nếu có chuyện gì ngăn trở không chấp tác (làm lụng) được bèn chẳng ăn, vì thế mới có lời huấn thị *"một ngày không làm thì một ngày không ăn"* răn chúng thật thiết tha! Vì vậy ngài mới có câu nói *"chẳng lầm nhân quả"* khiến cho kẻ hiểu lầm thốt lời *"chẳng rơi vào nhân quả"* liền được thoát thân nghiệp báo chồn hoang. Nếu ước trên thật tế lý thể mà luận thì phàm - thánh, chúng sanh - Phật, nhân - quả, tu - chứng đều chẳng thể được, nhưng bàn trên phương diện pháp môn tu trì thì trên là đức Như Lai đã thành Phật đạo, dưới là chúng sanh đọa trong A-tỳ đều chẳng thể ra khỏi nhân quả được. Hiểu lý tánh nhưng chẳng bỏ sự tu, ấy là chánh tri; chấp lý tánh phế sự tu, bèn thành tà kiến. Sai biệt chừng hào ly liền cách biệt thành Phật và địa ngục! Chủ nhân núi Bách Trượng đời trước[809] muốn cứu vớt những kẻ cuồng huệ đời mạt khỏi đọa lạc nên chẳng tiếc công hiện thân nêu tỏ quả báo; quả thật đã cùng với thiền sư Bách Trượng đe - búa thành toàn cho nhau, cùng nhau rèn đập, khiến cho những thiền giả đời sau triệt ngộ lý "chẳng dính

[808] Đây là một công án Thiền được chép trong Bách Trượng Hoài Hải Thiền Sư Ngữ Lục (Vạn Tục Tạng, quyển 119, sách số 404), một ngày nọ, sư theo ngài Mã Tổ ra đi, giữa đường chợt thấy một bầy vịt trời bay ngang, Mã Tổ hỏi: "Cái gì thế?" Sư đáp: "Vịt trời!" Tổ lại hỏi: "Đi về đâu vậy?" Sư đáp: "Bay qua mất rồi!" Tổ liền chụp chót mũi của sư vặn mạnh, sư đau quá hét lên thất thanh, Mã Tổ bảo: "Nói bay mất nữa đi!" Nghe lời đó, sư bèn hoát nhiên đại ngộ, về sau được nối pháp của ngài Mã Tổ.

[809] Con chồn hoang trong công án "dã hồ" trong năm trăm đời trước từng là phương trượng một ngôi chùa tại núi Bách Trượng.

dáng nhân quả", thực hành sự "tu nhân chứng quả", ngõ hầu rốt ráo triệt chứng, hiển bày trọn vẹn. Hai câu chuyện này thể hiện thâm tâm của ngài Bách Trượng, người học chẳng được lơ là đọc phớt qua vậy.

Núi này thuộc về huyện Phụng Tân, tỉnh Giang Tây, chùa ấy sau khi được ngài Bách Trượng sáng lập bèn được sắc tứ là Thọ Thánh Thiền Tự. Năm Nguyên Hòa thứ chín (814) thời Đường Hiến Tông, ngài Bách Trượng thị tịch, thọ 66 tuổi. Năm Trường Khánh nguyên niên (821) đời Đường Mục Tông, được sắc phong thụy hiệu là thiền sư Đại Trí, tháp mang tên là Đại Bảo Thắng Luân, tháp cách chùa hai dặm. Từ đời Đường đến nay hơn một ngàn một trăm mấy mươi năm, pháp đạo không gì chẳng hưng suy. Nhờ có người có khả năng gánh vác pháp đạo làm bậc trụ trì nên chùa tháp được tồn tại mãi, tông phong vẫn y như cũ. Từ cuối đời Thanh đến nay, mấy phen gặp binh hỏa, lại thêm đói kém, đến nỗi chùa không có bậc cao nhân, tháp viện đổ nát.

Năm Dân Quốc thứ tám (1919), tức năm Kỷ Mùi, chủ chùa là thầy Tự Thành chẳng nỡ để tổ đạo mất tích, liền khẩn khoản thỉnh hòa thượng Tiên Cần làm trụ trì, vĩnh viễn biến chùa thành tùng lâm truyền hiền của thập phương. Đến năm Dân Quốc thứ 12 (1923), ngài Tiên Cần giao cho sư Liễu Nhiên. Hai vị đều là bạn thân trong pháp môn, cùng nghĩ tháp viện của tổ sư đổ nát khó kham, bèn khởi đầu quyên mộ những người cùng một sắc áo các nơi được bao nhiêu đó tiền bèn tận lực trùng tu tháp điện, hiến điện, tường vây quanh tự viện và tăng liêu đều sửa tốt đẹp hoàn toàn, tổng cộng tốn chừng bao nhiêu đó tiền. Tiền dư bèn đem chuộc lại chừng bao nhiêu đó mẫu ruộng để làm chi phí ăn ở cho tăng chúng trụ trong tháp viện. Phàm suy sụp đến cùng cực sẽ lại khôi phục, bỉ cực ắt thái lai, hai thầy Tiên Cần, Liễu Nhiên trước sau trụ trì núi Bách Trượng chẳng phải là chuyện ngẫu nhiên. Tháp viện sửa xong, muốn phát huy đạo yếu của ngài Bách Trượng cũng như nguyên do trùng hưng tháp viện bèn sai Quang soạn bài ký. Quang thẹn mình chẳng hiểu thiền, đành mượn chuyện cũ của ngài Bách Trượng và những chuyện hiện tại kể thẳng vào đây ngõ hầu những bậc hiền triết trong vị lai có cái để khảo cứu, kiểm chứng vậy.

Lại nữa, từ khi đức Thế Tôn nhập diệt đến nay, phàm các chùa miếu không đâu chẳng lấy Phật làm chủ, điện Phật phải được lập ở chánh giữa chùa. Ngài Bách Trượng lập thanh quy: Phàm những chuyện chúc ly, chúc thọ[810], Phật đản

[810] Chúc ly: Lễ chúc tụng hoàng triều khi đất nước có dịp vui mừng khánh hạ chẳng hạn như hoàng tử được sanh ra, thắng trận. Chúc thọ: Lễ cầu nguyện chúc tụng vua, hoàng hậu, thái hậu vào dịp sanh nhật của những người này. Do ân quốc vương là một trong tứ ân, nên các tùng

v.v. đều tụng kinh trong đại điện, còn khóa tụng sáng tối thì không cần nói đến. Trong Tống Cao Tăng Truyện, chép sai câu "lập Phật điện ở đằng trước, lập pháp đường ở đằng sau" thành "chẳng lập Phật điện, chỉ lập pháp đường". Ông Dương Đại Niên khi viết lời tựa cho bộ Thanh Quy cũng lập lại cái sai này, chẳng nghĩ nếu không có Phật điện, phàm những lễ chúc ly, chúc thọ v.v. sẽ cử hành ở đâu đây? Chẳng lẽ trong chùa hoàn toàn không có một tượng Phật nào hay sao? Hay là thờ Phật ở điện phụ vậy? Không có tượng Phật nào thì có khác gì ngoại đạo! Tự mình ở chính giữa còn thờ Phật ở điện bên cạnh để cử hành những lễ chúc ly, chúc thọ v.v. có khác gì khinh miệt quốc gia, khinh mạn Phật đâu? Nhưng cái sai lầm rành rành nhất ấy từ đời Tống cho đến Nguyên, Minh, Thanh, gần cả ngàn năm không ai sửa cho đúng, khiến cho thiền sư Bách Trượng bị vu báng, miệt thị oan uổng, há chẳng khiến cho người ta đau lòng nhức óc ư? Sách Chứng Nghĩa Ký sửa thành "chẳng lập các điện khác, lập pháp đường trước hết" cũng chẳng trọn câu, vì câu này chỉ nói lên chuyện gấp rút cần làm trước hết, há có thể lấy làm khuôn mẫu cố định vĩnh viễn được ư? Do vậy, tôi bèn nêu sự lý đại lược nơi đây để hậu hiền biết cái sai lầm trong Tống Cao Tăng Truyện và những lời tựa Thanh Quy trong các bộ Đại tạng khiến cho bản hoài của thiền sư Bách Trượng được thông suốt lớn lao trong cõi Thường tịch quang thì may mắn lắm thay!

20. Bi ký công đức xây lại Ngũ Phật Trấn Mãng Tháp tại Tiểu Bạch Lãnh (viết giùm)

Đức Đại Giác Thế Tôn xem hết thảy chúng sanh như con một, bởi một niệm tâm tánh của họ vốn không hai, không khác với ba đời chư Phật. Do mê trái nên chẳng những không thể đích thân thọ dụng, mà còn đâm ra dùng sức Phật tánh thường trụ bất sanh bất diệt này để khởi hoặc tạo nghiệp, luân hồi sáu đường trải trần kiếp lâu xa, không thể thoát lìa. Do vậy, đức Phật bèn thị hiện sanh trong thế gian thành Đẳng chánh giác, tùy cơ thuyết pháp khiến cho chúng sanh được độ thoát. Ngài cũng tạo nhân duyên đắc độ cho những căn cơ chưa chín muồi cũng như hết thảy chúng sanh trong vị lai. Ấy gọi là "lưu thông kinh giáo, dạy khắp vị lai". Khi hết thảy sự việc đã xong, Phật liền nhập Niết-bàn, do lòng đại từ bi, hóa lửa tự thiêu, nát pháp thân vạn đức trang nghiêm thành tám hộc bốn đấu xá-lợi để chúng sanh lễ bái, cúng dường, tăng trưởng phước điền, gây nhân thành Phật. Do vậy trên trời trong cõi người, long cung, hải tạng, nơi nào cũng đều được chia xá-lợi, dựng tháp cúng dường.

---

lâm ngoài những dịp này vào mỗi nửa tháng đều có lễ Chúc Tán với mục đích cầu nguyện cho đất nước bình yên, được mùa, hoàng triều thịnh vượng.

Phần xá-lợi chia cho nhân gian được chia đều cho tám nước, riêng vua A-xà-thế được tám vạn bốn ngàn hạt, thờ nơi sông Hằng, lập vành đai gươm vây quanh để thủ hộ. Một trăm năm sau, chắt của vua tên là A-dục làm vua cõi Diêm-phù, oai đức tự tại, vâng theo lời Phật phó chúc, chấn hưng Phật pháp, đem xá-lợi ấy sai khiến quỷ thần dùng bảy báu, các loại hương làm vữa (chất hồ), trong vòng một ngày tạo ra tám vạn bốn ngàn cái tháp báu. Muốn cho những tháp ấy được phân bố khắp Nam châu, nên tôn giả Da-xá (Yaśa) dùng tay che mặt trời, năm ngón tay phóng quang tỏa ra tám vạn bốn ngàn đạo ánh sáng, sai các quỷ thần mỗi người bưng một tháp đi theo ánh sáng. Ánh sáng chiếu đến đâu là hết thì đặt ở đấy. Phàm chỗ nào Phật pháp chưa truyền đến đều đặt tháp trong đất nơi ấy. Đến sau này khi pháp hóa được lưu truyền đến đó, các tháp sẽ đều theo thứ tự xuất hiện, như những tháp ở chùa Dục Vương, Ngũ Đài v.v..

Ấy là vì chúng sanh đang mê chẳng hiểu rõ lục trần về bản thể chính là thật tướng chân như, do vậy bèn khởi hoặc tạo nghiệp, luân hồi nhiều kiếp. Chư Phật lập giáo, chẳng qua chỉ là ngay trong những cảnh giới lục trần bị mê ấy, mỗi mỗi chỉ ra bản thể của những cảnh giới ấy chính là *giả*, chính là *không*, chính là *trung*, khiến họ chuyển mê thành ngộ, hiểu tâm rõ gốc. Do vậy kinh Lăng-nghiêm nói: "Ngũ ấm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới đều là Như Lai tạng diệu chân như tánh." Tam tổ nói: "Sáu trần chẳng ác, trở về giống với chánh giác." Ông Tô Đông Pha nói: "Tiếng suối chảy chính là tướng lưỡi rộng dài, sắc núi không gì chẳng phải là thân thanh tịnh." Như vậy thấy sắc, nghe tiếng đều có thể dùng để hiểu tâm rõ gốc, huống chi kinh do chính kim khẩu của đức Như Lai đã nói và chân thân xá-lợi cũng như hình tượng Phật ư?

Tuy giáo thể của phương này vốn thuộc về nghe tiếng, nhưng nghe pháp được lợi ích cố nhiên chẳng phổ biến thường hằng bằng thấy tướng được lợi ích. Do vậy, ba đời chư Phật không vị nào chẳng dạy con người xây dựng tháp miếu, tạo hình tượng Phật. Bởi lẽ một phen chạm vào mắt thì trong tám thức điền đã gieo được hạt giống thành Phật. Từ đấy dần dần tăng trưởng, rốt ráo được thành giác đạo. Do vậy vua thánh tôi hiền các triều đại, những bậc triết nhân thông suốt, đa phần đều xây dựng tháp miếu ở những nơi danh sơn, hoặc cuộc đất tốt đẹp, để người thấy nghe cùng gieo thiện căn. Đấy chính là cội nguồn của tháp miếu ở Chấn Đán vậy.

Tháp Trấn Mãng thuộc Tiểu Bạch Lãnh ở phía Đông huyện Cận, Tứ Minh. Huyện chí và Thiên Đồng Tự Chí đều nói tháp được dựng vào đầu niên hiệu Hội Xương (841-846) đời Đường. Rặng núi ấy có con mãng xà lớn hung hăng mặc

sức phun độc, người đi đường bị mắc nạn. Khi ấy, trụ trì chùa Thiên Đồng là ngài Tạng Hoán[811], sau khi diệt độ được sắc phong thụy hiệu là thiền sư Tâm Kính, ngài chính là con (đệ tử) của ngài Linh Mặc ở núi Ngũ Tiết, là cháu (đồ tôn) của ngài Mã Tổ, vốn là bậc Đại sĩ thừa nguyện giáng sanh, những chuyện lạ suốt cả đời ngài khiến người ta phải kính ngưỡng, ngài thật sự là thủy tổ chùa Thiên Đồng vậy. Nghe chuyện quái lạ ấy, bèn đến độ thoát. Trước hết, ngài thí cho rắn ăn để thân nó được an lạc, rồi mới thuyết pháp, cho nó thọ giới, khiến tâm nó khai ngộ cũng như có chỗ nương tựa. Thức ăn ngài dùng để thí vốn chỉ là thứ bánh mạn đầu có nhân, do sức pháp lực nên hóa thành vô lượng. Những cái bánh rắn ăn không hết đều biến thành đá, đầy khắp trong núi và trên mặt đất, nay gọi di tích ấy là "mạn đầu thạch", ngoài trắng trong đen, hình dáng rất giống bánh mạn đầu. Rắn đã nhận pháp thực, lại được nghe pháp yếu, liền được tiêu trừ nghiệp chướng, thoát lìa thân rắn, sư bèn theo đúng pháp hỏa thiêu, nhặt lấy xương thừa, vùi bên vách núi, lập tháp lên trên. Tháp có sáu cạnh, bảy tầng, cao hơn mười trượng, bên trong để tượng Phật và các kinh chú, để mong cho mãng xà nương Phật từ lực, mau chứng pháp thân. Phàm những loài thuộc dòng giống nó đều chẳng dấy lên khuấy phá nữa. Do vậy, đặt tên tháp là tháp Trấn Mãng, cũng như mong cho nhân, thiên, quỷ thần chiêm lễ cúng dường gieo nhân Bồ-đề thù thắng, kết thành viễn duyên thành Phật.

Từ đời Đường đến nay đã hơn một ngàn năm, mưa gió vùi dập, sương tuyết xói mòn, nghiêng sụp mất nửa, thế sắp bị sụp đổ hoàn toàn. Phàm những ai trông thấy đều than thở: "Sao hoàn toàn vắng lặng chẳng có ai bảo tồn dấu cổ, khai khẩn ruộng phước vậy!" Cuối đời Thanh, trụ trì chùa Thiên Đồng là ngài Ký Thiền, muốn trùng tu lại, chưa kịp khởi công, đã nhụt chí, quy Tây. Người kế vị là thầy Tịnh Tâm, chí lại càng tha thiết, nhưng do trong chùa quá nhiều công trình xây dựng nên chẳng đủ sức lo tới. Trụ trì hiện thời là sư Văn Chất muốn hoàn

[811] Ngài Tạng Hoán (790-866), họ ngoài đời là Chu, người huyện Hoa Đình, Tô Châu, xuất gia từ nhỏ, thoạt đầu theo học với ngài Đạo Khoáng, sau qua Tung Sơn thọ cụ túc, tham học khắp các chùa thuộc Hồ Sơn. Sau đến thiền viện Tam Học tại núi Ngũ Tiết, tỉnh Chiết Giang, gặp thiền sư Linh Mặc, được truyền pháp. Sau khi ngài Linh Mặc viên tịch vào năm 818, Phật giáo Trung Hoa gặp đại nạn Tam Võ, nhiều tự viện bị phá hủy, nhưng thiền viện Tam Học vẫn duy trì nhờ nỗ lực không mệt mỏi của ngài Tạng Hoán. Đến thời Hội Xương, thiền viện Tam Học lại được trùng hưng mạnh mẽ. Về sau, ngài đến trụ tích chùa Thiên Đồng thuộc thành phố Ninh Ba, đồng thời khai sáng thiền viện Đông Luật tại bờ Đông Dũng Giang. Do đức hạnh của sư, nơi này trở thành một già-lam lớn, sau đổi tên là Thất Tháp Tự. Ngày mồng Ba tháng Tám năm Hàm Thông thứ bảy (866), thời Đường, sư viên tịch, hưởng 77 tuổi, tăng lạp 57 năm.

thành công trình này cho chóng, bèn cùng với thầy Tịnh Tâm dốc sức đồng tâm, ai nấy bỏ ra tiền của và quyên mộ đàn tín giúp cho việc thù thắng này được hoàn thành. Do vậy tăng tục hoan hỷ, tùy sức tán trợ, khởi đầu từ mùa đông năm Kỷ Mùi tức năm Dân Quốc thứ tám (1919), hoàn thành vào mùa hạ năm Quý Hợi tức năm Dân Quốc 12 (1923). Qua năm phen nóng lạnh đắp đổi mới lại được thấy bảo tháp từ đất vọt lên, chỉ có điều tháp cũ sáu cạnh, đặc ruột, nay tháp mới tám cạnh, rỗng ruột. Đó là phỏng theo ý nghĩa tướng bạch hào giữa chặn mày của đức Như Lai "có tám cạnh, nhưng rỗng ruột, có đầy đủ quang minh, chúng sanh được quang minh ấy chiếu đến bèn ngay lập tức lìa khổ được vui, gần là sanh vào nhân thiên, xa là dự vào dòng thánh".

Trên tầng cao nhất thờ tượng Ngũ Phương Ngũ Phật, hàm nghĩa: "Pháp thân Tỳ-lô thuộc địa vị cao tột trong mười pháp giới, đầy đủ tứ trí Bồ-đề." Lại còn chỉ rõ từ địa vị phàm phu muốn chứng Phật quả thì phải giẫm đạp trên thật địa, tuân tu đạo phẩm, tăng tấn dần dần, đoạn hoặc chứng chân cho đến khi trí đoạn rốt ráo mới có thể triệt chứng thật nghĩa tứ đức thường - lạc - ngã - tịnh sẵn có của pháp thân. Chót tháp đúc bằng đồng theo hình dạng hồ lô, phần dưới cùng để trống chính giữa, bên trong đặt tượng Phật, Bồ-tát và tên các kinh trong Đại tạng và kinh chú Đại thừa nhằm biểu thị nhất thể tam bảo, tam đức bí tạng chẳng lìa đương xứ, rốt ráo hiển bày trọn vẹn. Lại nữa, kinh chính là pháp thân xá-lợi của Như Lai, tượng là hai thân báo - hóa của đức Như Lai, ngõ hầu người chiêm lễ, đi nhiễu quanh, cúng dường, tán thán, trong đời vị lai cùng chứng được công đức Như Lai đã chứng. Hai phần trên cùng và phần giữa của tháp, bên trong đổ đầy cát sạch để trấn đỉnh tháp, tạo thành bảy tầng cấp, cao hơn mười trượng, để làm biểu hiệu lớn lao vòi vọi của giác đạo, làm hướng dẫn tốt lành rạng ngời cho kẻ mê đường. Chung quanh tháp dựng tường cao vây quanh, ngõ hầu những thứ tệ hại, dơ bẩn không xen lẫn vào được, dễ gìn giữ. Đằng trước tháp dựng mấy gian nhà, cử một vị tịnh hạnh đầu-đà hầu hạ hương đèn mãi mãi. tổng cộng dùng đến hơn năm vạn bạc, phương danh công đức đều khắc riêng trên đá.

Do công đức này nguyện nền tảng đất nước bền vững mãi mãi, vận nước tốt đẹp, Phật nhật thêm sáng, pháp luân thường chuyển. Phàm những người đề xướng, trông nom, lo liệu, bỏ tiền, góp sức và những người chiêm lễ, thấy nghe trong hiện tại vị lai, cạn lòng thành, hết lòng kính, cúng dường tán thán đều được hoặc chướng băng tiêu, cát khánh như mây nhóm, giàu, thọ, khỏe mạnh, bình yên thảy đều đạt được, đạo giới định tuệ đều trọn đủ trong đương niệm, nghiệp tận tình không, thấy được diện mục sẵn có, phước đủ, trí rạng, chứng pháp thân thường

trụ, sống làm người tự tại trong cõi Sa-bà, chết dự vào hội Liên Trì thanh tịnh. Như vậy mới thỏa được bổn nguyện tạo tháp của hai vị sư Tịnh Tâm, Văn Chất, mà cũng chẳng phụ tấm lòng nồng nhiệt phi thường của đàn tín bỏ tiền của tán thành. Do vậy bèn thuật bày duyên khởi để khắc vào đá quý kiên cố vậy.

21. Bài ký huấn dụ của Diệu Ngộ Luật Viện ở Kim Lăng

Đại pháp của đức Như Lai lấy chân như thật tướng làm thể. Thể ấy chúng sanh và Phật đều có, tại Phật chẳng tăng, nơi chúng sanh chẳng giảm; nhưng Phật thì chứng ngộ rốt ráo, còn chúng sanh thì triệt để mê mất, đến nỗi thăng trầm thật khác biệt, khổ vui thật sai khác. Đức Như Lai thương xót, tùy thuận cơ nghi, nói đủ mọi pháp khiến họ bỏ vọng theo chân, trái trần hiệp giác. Pháp ấy xét trên đại thể, gồm có năm tông, tức là Luật, Giáo, Thiền, Mật và Tịnh. Luật là thân Phật, Giáo là lời Phật, Thiền là tâm Phật, Phật sở dĩ thành Phật chỉ do ba nghiệp này. Nếu chúng sanh có thể y theo Luật, Giáo, Thiền của Phật để tu trì thì ba nghiệp của chúng sanh sẽ chuyển biến thành ba nghiệp của chư Phật. Ba nghiệp đã chuyển thì chân như thật tướng sẽ tự chứng đắc được. Phật còn sợ rằng chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng, chẳng dễ thành tựu nên dùng đà-la-ni tam mật gia trì để chuyển thức thành trí, chuyển phiền não thành Bồ-đề. Lại sợ kẻ căn khí kém cỏi, chẳng thể giải thoát trong đời hiện tại; nếu phải thọ sanh lần nữa khó thể tránh khỏi mê mất, phải sanh tử luân hồi đến cùng tận kiếp chẳng thể thoát khỏi. Do vậy đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, khiến cho trên từ Đẳng giác Bồ-tát, dưới đến kẻ tội nhân ác nghịch đều cùng trong đời này vãng sanh Tây Phương, thượng thánh sẽ mau thành Phật đạo, hạ phàm cũng được dự vào dòng thánh. Đấy chính là quy củ rộng lớn vỗ về, dưỡng dục hết thảy chúng sanh trong chín pháp giới của đức Như Lai.

Tông tuy có năm, nhưng đạo vốn nhất quán, năm tông trọn đủ thì mới có thể tùy cơ hoằng dương một tông, trên mới có thể tiếp nối huệ mạng của Như Lai, dưới mới có thể khải phát cho quần sanh tăm tối. Nếu không, một bánh xe, một cánh làm sao đi xa, bay lên không cho được? Luật là cơ sở của Giáo, Thiền, Mật, Tịnh, không trì luật sẽ chẳng đạt được lợi ích thật sự nơi Thiền, Giáo, Mật, Tịnh; như xây lầu cao vạn trượng, nếu nền móng không kiên cố, ắt chưa thành đã sụp. Tịnh là chỗ quy túc của Luật, Giáo, Thiền, Mật, không niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương thì Luật, Giáo, Thiền, Mật đều khó thể rốt ráo; bởi Tịnh độ chính là pháp môn thành thủy thành chung để mười phương ba đời chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Do vậy, những vị Đẳng giác Bồ-tát đã chứng bằng với chư Phật trong hội Hoa Nghiêm vẫn còn phải dùng mười đại nguyện

vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương để cầu viên mãn Phật quả; huống gì hết thảy thánh hiền khác và những kẻ phàm phu chưa đoạn kiến tư hoặc ư?

Diệu Ngộ Luật Viện từ trước tới nay luôn lấy việc trì luật, niệm Phật để tu trì. Hòa thượng trụ trì An Tịnh rất sợ hậu nhân quên mất đường lối này thì một phen khổ tâm của người phục hưng viện này là lão nhân Minh Thiền bị mất đi, bèn nhờ Quang trình bày đại ý để răn dạy đại chúng trụ tại viện này trong tương lai. Xét ra viện này chính là cổ sát (ngôi chùa cổ) của triều đại trước, vào thời Hàm Phong nhà Thanh đã bị hư nát khó kham. Sau cơn binh hỏa, chỉ còn ba gian nhà rách. Lão nhân Minh Thiền chẳng tiếc tâm lực phục hưng, lại được thầy An Tịnh nối chí bèn trở thành một tịnh nghiệp đạo tràng. Nhưng do nhà chùa sản nghiệp không nhiều nên chẳng thể thu nhận đại chúng đông đảo, nhưng khóa tụng sáng tối, tiếng tụng kinh niệm Phật cố nhiên hoàn toàn chẳng khác gì tùng lâm các phương. Vào lúc mới tạo dựng ban đầu, bọn thổ phỉ hay đến khuấy nhiễu, ý toan xâm chiếm, cụ Minh luôn nhẫn nhục nên tiêu trừ được thói dữ. Những kẻ trước kia chiếm đoạt bao nhiêu đất đai của nhà chùa đó, chẳng lâu sau nhà cửa suy bại, chẳng thể giữ được, phải bán cho người khác, người khác cũng chẳng giữ được, lại bán ngược lại cho viện. Do đào kênh ngòi, khai quật được những pháp khí như bát, linh v.v. mới biết là nền đất của đạo tràng được long thần thủ hộ, kẻ chiếm đoạt đều chẳng gặp được chuyện tốt lành, lại phải trả về cho chủ cũ.

Kẻ ngu không biết nhân quả, thường muốn chiếm tài sản nhà chùa, chẳng biết long thiên nổi giận, ngấm ngầm bị chiết phước, tổn thọ, bị tổn hại thật nặng. Luận trên nhân quả thì người đời còn nhẹ, chứ tăng chúng càng nặng nề hơn. Nhưng người đời có gia đình nên quả báo dễ thấy, chứ tăng chỉ có một thân, khó thấy được báo ứng. Phàm là tăng sĩ trụ trong viện này ai nấy đều phải thật sự vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, nghiêm trì giới cấm, dốc sức tu tịnh nghiệp. Như thế thì sống làm phước điền cho thế gian, mất sẽ dự vào Liên Trì Hải Hội. Nếu không suốt ngày ăn no kềnh, chẳng dụng tâm chút nào thì nhân cách của kẻ đó trở thành hạ lưu. Nếu lại còn phá trai phạm giới, bại hoại cửa Phật sẽ thành quyến thuộc của ma vương, là dòng giống địa ngục. Viện này do tâm lực của hai thầy Minh Thiền, An Tịnh và thí chủ tạo thành, an trụ trong đây chẳng chịu tu trì thì khác nào xâm chiếm thường trụ!

Cổ đức nói: "Một hạt gạo thập phương, to như núi Tu-di, ăn rồi không tu đạo, mang lông, đội sừng đền." Nếu chỉ vì cái thân, thầm lén trộm cắp, thì khi một hơi thở ra không hít vào được liền đọa ngay vào địa ngục, lửa từ trên đùa xuống, lửa từ dưới bốc lên, trải trăm ngàn kiếp thường bị lửa đốt, không cách gì thoát ra được.

Há chẳng rất đáng sợ ư? Trưởng lão An Tịnh đau đáu nghĩ thuở "pháp nhược ma cường" (pháp suy yếu, ma tà mạnh mẽ), muốn khơi dậy tâm tu tập mạnh mẽ của tăng chúng, muốn tiêu trừ ý niệm xâm chiếm của người thế tục ngõ hầu người ngoài đời thì ngũ phước đều vẹn đủ, tốt đẹp về sau, tăng chúng thì tam học viên minh, chấn hưng tông phong. Vì thế soạn ra bài ký lưu lại huấn dụ này để mong viện này vĩnh viễn hưng thạnh không bị suy tàn, thường hoằng dương pháp đạo thì pháp giới chúng sanh đều được hưởng lợi ích.

22. Bi ký thuật duyên khởi của con đường Giáp Thọ

Tứ Minh[812] có nhiều quả núi đẹp, nhưng Thái Bạch đẹp nhất. Trường tuyển Phật Thiên Đồng ở ngay trên quả núi này. Từ năm Vĩnh Khang nguyên niên (300) đời Huệ Đế nhà Tây Tấn, tổ sư Nghĩa Hưng kết chòi tranh ở đây tiềm tu, cảm được sao Thái Bạch[813] biến thành một đứa bé trai làm kẻ hầu. Từ đấy trở thành đạo tràng lớn, vì thế núi này có tên là Thái Bạch, chùa có tên là Thiên Đồng (đứa trẻ nhà trời). Đến đời Đường thì các vị sư như Pháp Duệ, Tâm Kính v.v. hoằng đạo trực chỉ của Thiền tông khiến chùa càng thêm to lớn. Từ đấy về sau, hơn 1.300 năm, pháp đạo thường hưng thạnh, tông phong chẳng suy sụp, đến nay vẫn được coi là chùa hàng đầu của nhà Thiền. Ấy là vì đời nào cũng có người gánh vác pháp đạo vậy, thật đúng là "được cuộc đất tối thắng thì mới có thể hoằng dương đạo tối thắng, tạo lập chuyện phi thường ắt phải đợi người phi thường". Địa linh lẫn nhân kiệt đều hội đủ, đấy là đại nhân duyên chứ không phải ngẫu nhiên!

Từ chùa Thiên Đồng đi theo phía trái chừng một dặm là Linh Lung Nham, thế núi quanh co lạ lùng như khắc, như vẽ, phàm là kẻ tao nhân mặc khách đến chơi nơi đây, không ai chẳng khởi lên ý niệm thoát tục. Từ đây đi quanh co lên trên, ngang qua một khe suối lớn và một khe suối nhỏ thì đến Bàn Đà Thạch, lên cao nữa là động Ngộ Tâm, ngọn Phi Lai, đài Bái Kinh, động Quán Âm, động Thiện Tài, đường đi độ chừng hai dặm nhưng qua mấy khúc quanh, mắt dõi nhìn ngàn dặm, quả thật như lên Đông Nhạc, lên núi Thái, huống chi dõi nhìn biển cả, trời

[812] Núi Tứ Minh ở phương Tây Nam huyện Cận, tỉnh Chiết Giang, trải dài qua các huyện Từ Khê, Cận, Phụng Hóa, Tân Xương, Tứ Minh, Thượng Ngu, Dư Diêu v.v.. Rặng núi này gồm nhiều ngọn cao ngất, nhưng đặc biệt là trên ngọn Phù Dung có bốn cái hang, lúc trời trong, từ dưới nhìn lên trông giống như những vuông cửa sổ được ánh mặt trời, mặt trăng soi qua, nên gọi là Tứ Minh.

[813] Thái Bạch chính là Kim Tinh (Venus), còn được biết dưới những tên khác như sao Hôm, sao Mai, hoặc Trường Canh hay Khải Minh.

nước hòa lẫn vào nhau, khiến lòng dạ con người rộng mở, tựa hồ chẳng phải là người trong thế gian nữa. Nhưng con đường ấy chưa được mở mang, đi lên thật khó, rất đáng tiếc nuối!

Cư sĩ Mộng Pha Châu Khánh Vân túc căn sâu dày, hạnh tu tập hiện đời thanh cao, đời đời tiếp nối đức hạnh, nhiệt tâm làm chuyện công ích. Vào mùa thu năm Quý Hợi, tuổi đúng sáu mươi, liền đến Thiên Đồng làm các Phật sự để cầu cho ông bà đã khuất cùng sanh về Tây Phương, quyến thuộc hiện đời đều tăng phước thọ. Một bữa, ông đến chơi Linh Lung Nham, thấy cảnh núi đẹp đẽ xinh xắn hết sức thỏa thích, nhưng đường đi trắc trở, quá sức trái ý, bèn khẳng khái phát tâm đắp đường, phó thác cho bạn ông là Phương Bội Thân trông coi, lắng lòng nghỉ hưu để đốc thúc, qua mười tháng bèn hoàn thành. Con đường ấy khởi đầu từ Linh Lung Bồng cho đến động Thiện Tài thì ngưng, độ chừng hơn 150 trượng, phí tổn hơn 1.150 đồng. Lại dựng một tòa nhà đá, phí tổn là 400 đồng, cùng đặt tên cho con đường và tòa nhà đá ấy là Giáp Thọ. Qua khỏi khe suối lớn, con suối bên đường cũng đặt tên là Giáp Thọ.

Trộm nghĩ: Giáp chính là thủ (đứng đầu), đã gọi là Giáp Thọ thì không còn gì có thể cao hơn được nữa. Do con người sống trăm năm như bóng mặt trời lướt qua khe cửa sổ, lưu lại di tích ấy để đóng góp vào danh sơn ngõ hầu những ai đến đây đều trông thấy sẽ nói: "Các pháp thế gian sanh diệt vô thường, gọi là Giáp Thọ, há liền có thể bất sanh bất diệt hay sao?" Phải biết: Phật pháp không đâu chẳng tồn tại, há có thể lìa pháp thế gian để nói Phật pháp được ư? Nếu thấy biết tòa nhà ấy, đi trên con đường đó thì tòa nhà ấy, con đường ấy chính là Phật pháp bất sanh bất diệt vô thủy vô chung.

Xưa kia lúc tu nhân, đức Thế Tôn từng trải tóc lót chỗ lầy lội, chỉ vào đó nói: "Chỗ này nên lập một ngôi chùa." Khi ấy, trưởng giả Hiền Vu cầm cành cây cắm xuống chỗ Phật đã chỉ, nói: "Lập ngôi chùa xong." Khi ấy chư thiên rải hoa tán thán. Hãy nói xem dựng nhà đắp đường và cắm cành cây dựng chùa là giống hay là khác? Nếu nói là khác thì xưa nay há nào có hai; nếu bảo là giống thì há có nên chê là sanh diệt? Pháp vốn không sanh diệt, sanh diệt là do con người. Người có đủ con mắt thấy được tòa nhà này, con đường này, ắt sẽ ngay khi đó tự thấy được bản lai diện mục của chính mình, ấy tức là thọ, tột cùng đời vị lai cũng chẳng có cùng tận. Nếu không như thế thì hãy y theo kinh dạy, sanh tín, phát nguyện, niệm A-di-đà Phật cầu sanh Tây Phương, ắt nương theo Phật từ lực mau được chứng đắc. Ý nghĩa của chữ Giáp Thọ là như thế đó. Người có đủ con mắt sẽ chẳng cho lời tôi là sai lầm vậy.

23. Bi ký thuật duyên khởi Cư Sĩ Niệm Phật Lâm Liên Xã tại Cửu Giang[814]

Pháp niệm Phật chính là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp cả một đời của đức Như Lai, quả thật là đạo trọng yếu vô thượng thành thủy thành chung để mười phương ba đời chư Phật trên thành Chánh giác, dưới hóa độ chúng sanh. Nay Cư Sĩ Lâm này được lập ra bắt nguồn từ Viễn công (tổ Huệ Viễn) kết xã ở Đông Lâm, khởi xướng phong trào niệm Phật. Hơn một ngàn năm sau, cư sĩ Liễu Nghĩa hiểu sâu xa pháp này khế lý khế cơ bèn cực lực đề xướng, trùng hưng liên xã, theo đuổi dấu thơm. Tuy biết mình lẫn người trí tuệ cạn mỏng, mê hoặc sâu dày, nhưng chẳng nề hà, bởi lẽ con người có cùng một tâm này, tâm cùng một lý này, nếu cứ tích cực đề xướng sẽ được đồng thanh tương ứng, chẳng cần luận xưa nay, khó dễ! Do vậy chẳng ngại gian khổ, gắng công tiến hành, chẳng tiếc sức lực, ngõ hầu xa gần trông thấy đều cùng dấy tâm, đề xướng tiến hành cho đến trọn khắp vũ trụ, chứ nào phải chỉ mong ru rú trong một chỗ này mà thôi?

Hoằng dương Phật pháp thì đạo tràng là gốc, thoạt đầu ở nhờ am của người ta, không những không thể duy trì lâu dài, mà cuộc đất còn chật hẹp, tới lui bất tiện. Do vậy, vào năm Quý Hợi bèn biến nhà mình ở thành Niệm Phật Lâm, nguyện lực mạnh mẽ, cứng cỏi, lớn lao, sâu rộng ấy quả thật hiếm có. Nhà ấy bốn tầng, tầng trệt cho thuê làm tiệm bán gạo mỗi năm được hơn hai trăm đồng dùng làm chi phí cho Niệm Phật Lâm. Tầng hai làm nơi tiếp đãi và họp hành. Tầng ba làm đại điện, trong ấy thờ tượng Tây Phương Tam Thánh Tiếp Dẫn để luôn lễ bái, chiêm ngưỡng, ngõ hầu lâm chung dễ được cảm thông. Tầng bốn làm Tịnh Độ Diên Sanh Đường, bày đủ bài vị cha mẹ của những người đã quyên góp ngõ hầu người sống được tăng phước, tăng thọ, người mất được lên thẳng Liên Bang. Lại còn có lầu để làm chỗ xem kinh, tọa thiền.

Cư sĩ đã phát tâm ấy, những người cùng trong liên xã đều kính ngưỡng, ai nấy tùy sức đóng góp, hoặc là tạo tượng Phật, hoặc trần thiết trang nghiêm và sắm sửa đồ thờ. Phàm những gì cần dùng cho đạo tràng chẳng thiếu thứ gì. Từ đấy tu trì, giảng diễn đã có nơi, ắt thấy thiện tín nườm nượp đổ tới, xa gần đều bắt chước theo. Do vậy bèn bỏ phàm tình để liễu Phật tánh, vãn hồi kiếp vận thành thái bình, sống làm bậc hiền thánh, chết dự vào Liên Trì Hải Hội, ngõ hầu chẳng phụ ân Thế Tôn thuyết pháp, thiện tri thức các đời hoằng dương, một phen cư sĩ Liễu

[814] Cửu Giang là một thương cảng thuộc miền Tây Bắc tỉnh Giang Tây, nằm ngay trên sông Dương Tử, Lô Sơn thuộc phạm vi thành phố này.

Nghĩa tâm đại từ bi bỏ nhà, đề xướng, cũng như chẳng phụ chân như Phật tánh tâm mình sẵn có vậy!

Pháp môn Tịnh độ lý vốn cực rộng sâu chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu cùng tột, đừng nói chi hạng phàm phu sát đất chẳng thể suy lường được, ngay cả hàng Bồ-tát đã chứng pháp thân từ lâu cũng chẳng thể biết trọn. Do vậy, khi đức Thế Tôn nói pháp môn này, mười phương hằng hà sa số chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài đồng thanh tán thán khiến cho khắp mọi chúng sanh đều sanh tín tâm, lại còn khen ngợi nồng hậu đức Thích-ca Thế Tôn có thể làm chuyện hy hữu rất khó. Đức Thế Tôn cũng tự nói: "Ta ở trong đời ác ngũ trược, làm chuyện khó như thế này: Đắc vô thượng Bồ-đề, vì hết thảy thế gian nói ra pháp khó tin này, thật là rất khó!" Phổ Hiền Bồ-tát dạy Hoa Tạng hải chúng đều cùng dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh, nếu chẳng phải là đạo trọng yếu thành thủy thành chung há có thể được như vậy ư? Vì vậy ngàn kinh muôn luận chỗ nào cũng chỉ quy, vãng thánh tiền hiền ai nấy đều hướng về, như mọi ngôi sao chầu về Bắc Đẩu, như các dòng nước đổ vào biển Đông. Người niệm Phật tin được như thế mà nếu chẳng vãng sanh thì mặt trời, mặt trăng sẽ xoay ngược chiều, trời đất sẽ bị đổi chỗ, há có lẽ ấy chăng? Xin những ai thấy nghe hãy cùng gắng sức lên!

24. Bài ký về chuyện thếp vàng tượng Phật tiếp dẫn trong hang đá của Trung Am thuộc Bí Ma Nham núi Ngũ Đài

Ngũ Đài chính là chốn thánh đạo tràng thường trụ bao kiếp của Văn-thù Bồ-tát và một vạn Bồ-tát, kinh Hoa Nghiêm gọi là núi Thanh Lương, ấy chính là Phàm thánh đồng cư ở cõi này; nếu luận trên phương diện Bồ-tát thì nó chính là Thường tịch quang tịnh độ, hoàn toàn tách lìa hết thảy phiền hoặc, nhiệt não, rốt ráo thanh lương. Chùa Bí Mật ở Bí Ma Nham chính là do hòa thượng Mộc Xoa dùng chĩa ba bằng gỗ[815] để thể hiện ý chỉ "từ trời Tây qua Đông" của tổ sư. Phàm những ai được nghe tên không ai chẳng sanh tâm kính ngưỡng, mong mỏi, hâm mộ, huống chi những ai đã đích thân đến được nơi ấy? Cách chùa không xa có nơi gọi là Trung Am được tạo dựng bên vách núi, vách núi ấy cao mấy mươi trượng. Hang núi ấy khá cao sâu rộng rãi, bên trong đắp một tượng Phật tiếp dẫn

[815] Theo Hoành Xuyên Hòa Thượng Ngữ Lục, sách số 1.411 trong Vạn tục tạng kinh, tập 71, hòa thượng Bí Ma Nham mỗi khi trông thấy có vị tăng nào đi đến liền giơ chĩa ba bằng gỗ lên bảo: "Ma mị nào dạy ông xuất gia? Ma mị nào dạy ông hành? Nói được cũng bị đâm chết! Nói không được cũng bị đâm chết! Nói mau, nói mau! Bí Ma giơ chĩa ba, trắc nghiệm xem ông vốn là ai, nói được bị đâm chết, chẳng phụ tấm thân này!"

cao hơn hai trượng, hết sức viên mãn trang nghiêm. Đó là vì muốn cho những người đến đây đều lễ bái từ dung, đều cùng niệm thánh hiệu, lâm chung cùng được tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Đại sư Tư Thái trước khi xuất gia có đến nơi đây lễ Phật, phát nguyện thếp vàng tượng Phật. Sau khi xuất gia thọ giới cụ túc, bèn quyên mộ các thiện tín để thỏa nguyện này, tổng cộng dùng hơn hai trăm đồng, xin tôi phát huy đại lược ý nghĩa về sự khác biệt và giống nhau giữa chúng sanh và Phật, cũng như lòng từ phổ độ của đức Di-đà để chỉ dạy cho những người đến đây.

Trộm nghĩ: Một niệm tâm thể của chúng ta và Phật không khác, do mê chưa ngộ nên tâm tướng khác biệt một trời một vực. Dù tướng rất khác biệt nhưng thể vẫn chẳng khác, như thái hư không trống rỗng, sáng sủa, thông suốt, hoàn toàn không trệ ngại. Do mây sương, bụi bặm nên biến thành tướng tối tăm, bế tắc, nhơ bẩn. Phải biết, chính ngay trong lúc đang tối tăm, bế tắc, nhơ bẩn ấy, thể của nó vẫn trống không, sáng sủa, thông suốt y như cũ. Do vậy, chư Phật thương xót chúng sanh sẵn có chân như Phật tánh, chỉ vì mê trái mà cái tánh ấy đâm ra trở thành cái gốc để khởi hoặc tạo nghiệp, chịu khổ. Do vậy chỉ dẫn nhiều cách khiến cho chúng sanh trở về gốc, quay về nguồn. Cầu lấy một pháp hạ thủ dễ thành công cao thì không gì bằng tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương; bởi lẽ chúng sanh tín nguyện trì danh sẽ cảm được Phật Di-đà từ bi nhiếp thọ. Vì thế, bất luận thượng trung hạ căn đều được cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. So với việc cậy vào tự lực để đoạn sạch phiền hoặc rồi mới liễu sanh tử thì dù có hết năm cũng chẳng thể nói trọn được! Do vậy, Phật vì chúng sanh hiện đủ mọi thân để tạo nhân duyên đắc độ.

Phải biết, tượng này chính là chân thân của Phật, do chúng sanh căn cơ kém hèn nên thấy là tượng, chứ luận theo phía Phật thì thân và cõi chẳng hai, lý - trí như một, có pháp nào chẳng phải là chân thân của Phật, huống hồ bức tượng đẹp đẽ vạn đức trang nghiêm này. Bồ Y đồng tử[816] nói: "Một ngọn cỏ, một cái cây

[816] Bồ Y đồng tử là đứa trẻ mặc áo kết bằng cỏ bồ. Theo sách Ngũ Đài Sơn Linh Tích, thời Tống Thần Tông, Thái Úy Lã Huệ Khanh thông hiểu Phật pháp, từng chú giải bộ Hoa Nghiêm Pháp Giới Quán, nhân lúc nhàn hạ, du ngoạn núi Ngũ Đài, cùng thuộc hạ ngắm cảnh chỉ trỏ bàn bạc xôn xao rất cao hứng. Đoàn người vừa lên trên cao, chợt quang cảnh biến đổi đột ngột, trời đang quang đãng bỗng sương phủ mịt mù, cuồng phong ào ạt, chớp xẹt loang loáng, mưa như trút nước, sấm nổ inh tai. Đang trong lúc chớp xẹt sáng lòa, mọi người thấy trong mây như có hình rồng rắn bay vút lên, nhiều hình trạng dị thường khiến bọn họ kinh hoảng ngã lăn ra đất. Một lúc sau, trời lại tạnh ráo, quang đãng. Bọn người Lã Thái Úy chưa hết kinh sợ, chợt thấy có một đồng tử tóc xõa dài, mặc áo kết bằng cỏ bồ, để hở vai phải, đi tới hỏi: "Quan nhân thấy gì mà kinh hãi đến thế?" Họ Lã đáp: "Ta nghĩ chắc đời trước tạo ác nghiệp, sắp bị cơn

trong núi này đều đầy đủ đức tướng, trí tuệ của Văn-thù", há lẽ tượng Phật này lại chẳng đầy đủ trí tuệ, đức tướng của Như Lai ư? Chỉ vì chúng sanh căn cơ kém cỏi, đáng nên dùng hình tượng để đắc độ cho nên mới hiện hình tượng để vì họ thuyết pháp. Nếu có thể tin tưởng sâu xa lý này thì chẳng những tượng này chính là chân thân của Phật, mà hết thảy chúng sanh trong lục đạo, mỗi mỗi đều là chân thân của Phật. Hãy nên thương xót kẻ ngu mê, dùng nhiều cách chỉ dạy khiến cho họ cùng niệm danh hiệu Phật, cùng sanh về cõi Phật. Đợi đến khi thấy Phật nghe pháp, chứng Vô sanh nhẫn, mới biết chính mình vốn sẵn là Phật, đến nay mới tự chứng. Những kẻ cậy mạnh hiếp yếu, giết thân kẻ khác cho sướng cái miệng mình, tranh giành lẫn nhau, giết người ngập thành, ngập đồng, chẳng những không sanh lòng đau thương, lại còn cho đó là điều đắc ý, cái tội lỗi mê muội, trái nghịch ấy không cách gì ví dụ được. Tương lai phải chịu khổ cùng cực đến dường nào! Nghĩ đến đó quả thật rất đáng sợ. Vì thế hãy kính cẩn đem cái lý "toàn thể là Phật" này bảo cùng những kẻ mê trái cùng cực khiến cho họ lập tức tỉnh ngộ, chẳng phụ lòng từ hiện thân tiếp dẫn của đức Như Lai thì quốc gia may mắn lắm mà chúng sanh cũng may lắm thay!

25. Bài ký về chuyện vãng sanh của cư sĩ Nhạc Vận Sanh

---

mưa to giết chết!" Đồng tử cười: "Mưa to có gì mà đáng sợ? Không phải hết mưa rồi sao? Quan nhân đến Ngũ Đài cầu khẩn điều gì?" Họ Lã đáp: "Muốn thấy thắng tích của Bồ-tát Văn-thù." Đồng tử bảo: "Vì sao ông muốn thấy Bồ-tát Văn-thù? Đáp: "Tôi từng đọc Hoa Nghiêm, nhưng ý chỉ kinh rộng sâu, có những chỗ không hiểu được, nên nghĩ tưởng Đại sĩ Văn-thù, hy vọng ngài chỉ điểm một đôi điều. Nếu được như vậy, tôi sẽ chú giải kinh Hoa Nghiêm để kinh ấy được lưu truyền hậu thế, khải phát hậu nhân." Đồng tử bảo: "Diệu ý của chư Phật khéo thuận sự lý, giản dị, minh bạch, xem chú giải của người đời trước liền hiểu rõ, như phẩm Thập Địa chỉ giải thích dưới mỗi câu mấy dòng. Hiện thời dài dòng lan man, chú giải cả mấy trăm quyển, càng muốn giải thích ý Phật, càng xa cách ý Phật! Quả thật, càng giải cặn kẽ, càng khiến cho Phật giáo bị chi ly, vụn vặt." Họ Lã hỏi: "Xem dáng vẻ, ngươi bất quá chỉ là một đứa trẻ, sao lại dám lớn mật chê trách cao tăng đến thế?" Đồng tử cười xòa: "Quan nhân hiểu lầm rồi! Núi này, mỗi một ngọn cỏ, một cái cây không gì chẳng phải là cảnh thù thắng của Bồ-tát Văn-thù. Nhắn với những ai đến đây, chỉ cần trong sanh hoạt thường nhật gặp chuyện chẳng mê thì đấy chính là Đại sĩ Văn-thù thật sự. Cần gì phải dùng phàm tình để suy nghĩ loạn cả lên, thật xa cách cảnh giới Phật quá sức!" Lã Thái Úy nghe vậy, trong tâm giải ngộ, biết mình sai lầm, cúi đầu lạy tạ. Ngẩng đầu lên, liền thấy đồng tử đã biến thành Bồ-tát Văn-thù, cưỡi sư tử xanh, bay lên không trung. Thái Úy gặp Bồ-tát mà không biết, hối hận khôn cùng, trở về nhà, tận lực thờ kính, mong gặp lại Bồ-tát. Không lâu sau lại thấy đồng tử mặc áo bằng cỏ bồ, hiện trong khói hương, quở trách: "Không ngờ ngươi vẫn tham chấp vào hình tướng!" Lã Thái Úy thưa: "Con nghĩ người đời đều mong thấy được dung mạo Bồ-tát", rồi vẽ hình ngài. Vẽ xong, Bồ-tát biến mất.

Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham làm Phật, nhưng do mê trái tự tánh nên luân hồi sanh tử chẳng lúc nào xong. Như Lai muốn cho họ khôi phục bản tâm nên tùy thuận cơ nghi, tuyên nói đủ mọi pháp. Nhưng muốn cậy vào tự lực để tu trì, trong đời này chứng rốt ráo chân, đoạn tận hoặc để thoát khỏi luân hồi, hòng liễu sanh tử thì trong đời mạt, thật khó thấy được mấy ai. Chỉ có tu pháp môn Tịnh độ thì bất luận thượng trung hạ căn, già trẻ, trai gái, chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, dùng tâm chí thành niệm danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, kèm thêm chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, đến khi lâm chung bèn được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương, vạn người chẳng sót một ai. Do cậy vào Phật từ lực nên đạt được lợi ích lớn lao này, như do ngồi thuyền lớn bèn vượt được biển, chứ chẳng phải do bản lãnh của chính mình mà được như vậy. Vì thế các vị Bồ-tát, các tổ sư, các thiện tri thức nhiều đời đều cực lực đề xướng pháp này, bởi đây chính là đường tắt để liễu sanh thoát tử, là pháp trọng yếu để thành Phật đạo vậy!

Cư sĩ Nhạc Vận Sanh là cha ông Bộ Vân, tên là Thái Nguyên, tự là Vận Sanh, thờ cha mẹ chí hiếu, ưa thiện chuộng nghĩa, thiên tánh trung hậu, không gì chẳng thích đáng. Trong mấy năm gần đây, Bộ Vân sanh lòng chánh tín kha khá đối với Phật pháp, ăn chay niệm Phật, một mực chân thành, nghiêm cẩn. Nhân đấy, khuyên lơn cha mẹ cùng ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, cũng như giải nói những sách Tịnh độ rõ ràng, đơn giản dễ hiểu, khuyên họ thường xem. Cha ông biết tự tâm sẵn có Phật tánh, nhưng vì hoặc nghiệp ngăn lấp nên chẳng thụ dụng được; may là có pháp môn cậy vào Phật từ lực này khiến cho lũ chúng sanh căn cơ hèn kém như chúng ta, tuy thiện căn ít ỏi mà ngay trong đời này liền được vượt ngang ra khỏi tam giới, cao dự chín phẩm sen, còn may mắn nào hơn! Từ đấy tâm tâm ức niệm, mong được thỏa nguyện. Đến đầu tháng Bảy, cụ thị hiện bệnh nhẹ, sáng ngày mồng Tám dậy sớm, niệm Phật xong, dặn dò Bộ Vân mau sắm sửa tang phục, quan tài: "Ta sắp đi rồi!" Đợi tang phục, quan tài chuẩn bị xong xuôi, cụ bèn tắm gội, thay áo, đi nằm. Bộ Vân khuyên răn người trong nhà: "Đừng khóc lóc, kẻo cụ bị mất chánh niệm, hãy đồng thanh niệm Phật để giúp cụ vãng sanh." Lại khuyên cha trong tâm hãy niệm thầm theo. Tuy chẳng nghe tiếng nhưng miệng cụ vẫn máy động, lúc lâu sau thấy ngừng thì đã mất rồi. Lại niệm thêm ba giờ nữa mới bắt đầu than khóc. Vẻ mặt cha vẫn mỉm cười, trong nhà thoảng mùi hương lạ, để ba ngày mới liệm, tướng mạo hãy như còn sống. Cụ được vãng sanh là điều có thể đoan chắc. Bộ Vân cùng người nhà hằng ngày niệm

Phật trước bàn linh để cầu cụ được tăng cao phẩm sen, mau chứng Vô sanh hòng báo đáp ân cù lao, trọn hết phận con.

Lại nữa, ông Bộ Vân tài nhỏ chức kém, tiền lương ít ỏi, thờ cha mẹ nuôi vợ con khá chật vật, may nhờ chú họ là tướng quân Mao Thiếu Phủ bù đắp nhu cầu cho. Tang phục, quan tài, chi phí tang ma lần này đều do Thiếu Phủ bỏ ra. Thiếu Phủ chánh trực công bằng, liêm khiết sáng suốt, trong sạch, khí tiết cao cả, trung với nước, hiếu với cha mẹ, nghĩ đến tình thương yêu của người trước nên coi Bộ Vân như con, Bộ Vân cảm kích trước tình đùm bọc nên cũng coi Thiếu Phủ như cha. Nhân duyên ăn chay của Bộ Vân thật ra cũng do Thiếu Phủ mà ra. Nếu như Thiếu Phủ do Bộ Vân mà có thể dốc lòng tu tịnh nghiệp, ăn chay niệm Phật hầu sống dự vào bậc thánh hiền, mất về cõi Cực Lạc thì lợi ích đạt được càng rạng rỡ, trọn vẹn đẹp đẽ đôi đường. Do vậy bèn ghi lại để khuyên đời.

26. Bài ký về chuyện vãng sanh của phu nhân Uông Hàm Chương

Đạo nơi con người giống như nước ở trong đất, không đâu chẳng có, nhưng nếu không có công xoi đào chắc chắn khó thể phát hiện được nước. Tâm tánh của chúng sanh và tâm tánh của Phật không hai. Do vô minh ngăn lấp nên công đức của Phật tánh không cách gì hiển hiện được. Vì thế kinh Hoa Nghiêm nói: "Lạ thay, lạ thay! Hết thảy chúng sanh đều có đủ trí tuệ của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa được vọng tưởng thì nhất thiết trí, tự nhiên trí liền được hiện tiền." Những gì đức Như Lai đã nói trong cả một đời ngài đều là pháp dược nhằm đối trị vọng tưởng chấp trước. Một pháp niệm Phật cầu sanh Tịnh độ thật là viên đốn thẳng tắt, vì dùng quả địa giác để làm nhân địa tâm. Do vậy, nhân trùm biển quả, quả thấu tột nguồn tâm. Từ khi pháp được truyền qua Đông Chấn, hết thảy tứ chúng do niệm Phật được vãng sanh Tây Phương, triệt chứng Phật tánh sẵn có viên thành giác đạo chẳng biết là mấy ngàn vạn ức.

Phu nhân Uông Hàm Chương là người hôn phối đức hạnh của cư sĩ Giang Dịch Viên, túc căn sâu dày, bẩm tánh hiền thục, thờ cha mẹ, phụng dưỡng bố mẹ chồng, giúp chồng dạy con, tự mình nêu gương, gìn giữ nếp nhà, mọi chuyện đều đáng làm gương cho hàng khuê các. Bà lại mang tâm niệm nhân từ, vì thế thường hành bố thí cho kẻ nghèo thiếu, cứu vớt mạng loài vật. Những hành vi tốt lành ấy đều do cần kiệm mà thành. Nếu như thích buông tuồng, hoang phí, ắt lo cho chính mình còn không xong, huống gì cứu người lợi vật được ư? Dịch Viên lo dạy học nhiều năm, chỉ muốn vun bồi nhân tài chân chánh, chẳng tiếc tâm lực, do giảng

dạy mệt nhọc đến nỗi thành bệnh. Năm Dân Quốc thứ tám (1919), ngã bệnh không ngồi dậy được, thuốc men vô hiệu, tình thế thật nguy ngập. Có người bạn khuyên ông hãy lắng lòng niệm Phật, nhờ đó dần dần được khỏi bệnh. Do vậy bèn đọc khắp các kinh Phật, mới biết Phật là đại thánh nhân, dạy những chuyện chẳng thể nghĩ bàn, buồn tiếc mình trước kia không biết, nay may mắn được nghe. Do vậy khuyên cha mẹ, vợ và con cái cùng tu tịnh nghiệp. Do đó, phu nhân thành kính trì danh hiệu Phật, tụng kèm thêm các kinh chú như Di-đà, Phổ Môn, Đại Bi v.v., quyết chí cầu sanh Tây Phương.

Vào tháng Mười năm ngoái, bà bị bệnh, chính trong lúc đang đau khổ bèn phát đại nguyện mau được vãng sanh, thấy Phật nghe pháp, chứng Vô sanh nhẫn, rồi sẽ nương theo Phật từ lực trở vào Sa-bà cứu khổ cho chúng sanh, tâm cực khẩn thiết. Đêm cuối tháng, bà bảo với người săn sóc: "Trên lầu có Phật đường, tiếng mõ thật trầm ấm, nơi tường vách có kinh viết bằng chữ vàng, quang minh chói ngời, ngươi có thấy nghe hay chưa?" Vả nữa, ba hôm trước đó, bà mẹ chồng mộng thấy kim quang đầy nhà, trong quang minh có không biết là bao nhiêu Bồ-tát, ý bà cụ cho rằng con dâu bệnh sẽ chóng được lành. Nên biết, đấy đều là tướng trạng tịnh nghiệp thuần thục, tịnh cảnh hiện tiền. Bữa hôm sau, nhằm giờ Mùi ngày mồng 1 tháng 11, bà Uông ngồi xếp bằng, niệm Phật qua đời. Mất rồi, thần sắc đoan nghiêm, hoàn toàn không có tướng chết chóc gì, toàn thân đều lạnh nhưng đảnh đầu vẫn ấm. Khi trước hai đùi sưng phù, chẳng thể co duỗi được, đến lúc sắp mất lại như bình thường. Vì thế có thể ngồi xếp bằng qua đời như nhập thiền định.

Dịch Viên hướng dẫn con cái và các đạo hữu chí thành niệm Phật, giúp bà được vãng sanh. Qua năm tiếng đồng hồ mới bắt đầu xếp đặt tang ma, cúng lễ, tiếp đãi khách. Tang gia đã không dùng đồ mặn, mà khi người trong thôn muốn đến tế lễ chung, Dịch Viên bèn ngăn lại, mỗi ngày chỉ để một số người đến niệm Phật một lúc độ khoảng hai tiếng đồng hồ, một là để khỏi lãng phí, hai là có lợi ích thật sự cho vong linh, ba là khéo léo dẫn dụ mọi người cùng gieo thiện căn, bốn là để cho những ai nghe được phong thái ấy đều phổ biến ân Phật. Quả thật là phong cách tang lễ mới thật tốt lành, phàm những ai có tín tâm đều nên hành theo.

Sau khi tẩn liệm, Dịch Viên gởi thư đến chùa Pháp Vũ ở Phổ Đà kèm theo 100 đồng, xin Quang tùy nghi làm Phật sự hòng người mất chưa được vãng sanh liền được vãng sanh, đã vãng sanh thì sẽ được tăng cao phẩm sen. Quang bảo mười sáu người trong niệm Phật đường cử hành Phật thất, lại vì họ khai thị về lợi

ích của pháp môn niệm Phật cũng như lòng chân thành của cư sĩ Dịch Viên. Các sư nghe xong đều cạn lòng thành, tận lòng kính. Đến ngày 21, bà mẹ chồng cầu khẩn: "Con dâu mất đã nhiều ngày rồi, sanh về Tây hay chưa? Xin hãy báo mộng cho biết để an ủi lòng ta!" Đêm ấy, có một người bạn con bà cụ nằm mộng thấy thư từ nườm nượp gởi tới, bèn đem một lá thư lên Phật đường trên lầu để xem, thấy trong Phật đường treo một ngọn đèn lớn sáng tỏa bốn phía, sáng hơn đèn điện. Mở thư ra thấy có một bức vẽ, trong ấy vẽ một đóa sen lớn màu đỏ, trên hoa có đài tòa, dưới hoa ghi hai hàng chữ nhỏ, chẳng thể nhớ được. Chung quanh có bao nhiêu là hoa nhỏ, nước ở dưới hoa có màu như bạc. Ngày ấy chính là ngày viên mãn Phật thất ở Pháp Vũ. Được mấy điềm như thế đủ thấy bà quyết định vãng sanh.

Tâm chúng sanh và tâm của A-di-đà Phật xét về bản thể hoàn toàn tương đồng, nếu dùng tín nguyện ức niệm để cảm chắc chắn sẽ được thệ nguyện từ bi của Phật Di-đà nhiếp thọ. Do vậy, trong cõi này phát tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì trong ao bảy báu nơi Tây Phương liền mọc lên một đóa sen. Nếu tinh tấn chẳng lui sụt thì hoa sen ấy càng ngày càng to lớn, đến khi người ấy lâm chung, Phật và thánh chúng liền cầm hoa ấy tiếp dẫn vãng sanh. Phu nhân Kinh Vương đời Tống dốc lòng tu tịnh nghiệp, những người thiếp, thị nữ, không ai chẳng hành theo. Có một người thiếp không bệnh mà mất, phu nhân đêm nằm mộng thấy người thiếp đã mất ấy đến cảm tạ ân cần. Cô lại dẫn bà đi về phương Tây, thấy có một cái ao báu kích thước rộng lớn. Trong ao có một cái hoa to, quang minh thù thắng, người thiếp bảo: "Đấy là chỗ phu nhân sẽ sanh về. Tất cả những hoa chung quanh đều là hoa của những người được phu nhân giáo hóa hay được lần lượt truyền dạy mà phát tâm đấy!" Phu nhân tỉnh giấc, buồn vui chen lẫn. Không lâu sau, gặp đúng dịp sanh nhật, bà đứng niệm Phật qua đời.

Giấc mộng của người bạn ông Dịch Viên gần giống với chuyện này, nhưng phu nhân Uông không có được công phu và quyền lực giáo hóa chỉ dạy như phu nhân Kinh Vương nên cảnh tượng phải kém xa. Người bạn tịnh nghiệp chưa thuần thục nên chỉ thấy được bức vẽ, chứ chẳng thể đích thân thấy được cảnh. Dùng nhân như thế sẽ cảm được quả như thế. Nhân chẳng luống uổng, quả chẳng lãng phí, do vậy càng thêm tin tưởng. Nguyện những ai thấy nghe đều gắng sức lên!

27. Bài ký về chuyện vãng sanh của Dương Thái Phu Nhân mẹ ông Từ

Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham làm Phật. Bất luận trời, người, a-tu-la, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục, bất luận nam nữ, sang hèn, trí ngu, hiền tệ,

thăng trầm lục đạo, luân hồi chẳng ngơi, đều là do mê sâu hay cạn, do nghiệp thiện hay ác làm thành nhân duyên, nhưng một niệm Phật tánh chưa từng do vậy mà bị tăng hay giảm. Do mê không biết nên chẳng những không được thụ dụng, trái lại còn dùng sức công đức của Phật tánh làm cái gốc để khởi hoặc tạo nghiệp, do nghiệp cảm khổ, há chẳng đáng buồn lắm ư? Đức Như Lai xót thương dạy cho bỏ mê về với ngộ, đoạn hoặc chứng chân, cho đến khi tự chứng được Phật Tánh sẵn có mới thôi. Lại do chúng sanh không có sức đoạn hoặc, dẫu có tu trì cũng chẳng thể liễu thoát sanh tử ngay trong một đời này, thọ sanh lần nữa đa phần đều mê mất cho nên đến tận đời vị lai không có lúc nào được giải thoát. Do vậy, vì lòng đại từ bi, đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương để hết thảy dù phàm hay thánh đều cùng trong đời này cậy vào Phật từ lực liễu sanh thoát tử. So với những kẻ chuyên cậy vào tự lực thì khó dễ, chậm nhanh, khác biệt như trời với vực. Vì vậy từ cổ đến nay, tăng tục tứ chúng tu pháp môn này vãng sanh Tây Phương nhiều chẳng kể xiết, ngay cả mấy lúc gần đây cũng vẫn thường thấy.

Bà Dương Thái Phu Nhân mẹ của ông Từ ở huyện Thạch Đãi, tỉnh An Huy, chính là mẹ đẻ của cư sĩ Từ Quốc Trị, tánh tình hiếu thuận, hiền từ, mềm mỏng, hiền lành, minh mẫn, quả quyết, thờ cha mẹ, phụng dưỡng bố mẹ chồng, giúp chồng dạy con, chăm sóc nhà cửa, mỗi việc đều đáng làm gương mẫu cho bạn khuê các, làm bậc thầy mẫu mực cho hàng nữ lưu, chẳng thẹn sánh với những hàng liệt nữ, mẫu nghi, hiền nhân, minh trí thời cổ. Từ nhỏ đã tin Phật, đến già càng sốt sắng, có ba người con là Quốc Hoa, Quốc Quân và Quốc Trị, đều theo đuổi quan trường hay thương nghiệp. Quốc Trị sống ở Thiên Tân muốn được hầu hạ dưới gối dài lâu, nên vào năm Dân Quốc thứ 10 (1921) đón mẹ về Thiên Tân phụng dưỡng. Bà bèn ăn chay trường, thọ giới ưu-bà-di, từ đấy niệm Phật càng thêm tinh tấn. Bà thấy được chút điềm lành, nhưng tôi sợ có người ngu chẳng cầu nhất tâm chỉ chuyên mong mỏi tướng lành trở thành bệnh nên không ghi lại. Mùa thu năm ngoái, tỉnh An Huy vừa bị nạn lụt lẫn hạn hán, tỉnh trưởng đánh điện điều Quốc Trị về lo việc cứu tế, bởi tám năm ở tại kinh đô ông đã có thành tích trong chuyện này. Quốc Trị chẳng nỡ cách xa mẹ, phu nhân đem đại nghĩa quở trách, bắt ông phải đi cho nhanh để cứu giúp dân chúng đang bị tai họa. Quốc Trị ở đất Hoàn hơn năm, phu nhân bị bệnh, chẳng cho viết thư báo tin, sợ ông từ phương xa trở về sẽ lỡ làng việc cứu tế. Bà lại còn dặn dò Quốc Hoa, Quốc Quân quyên mộ, dốc hết tiền dành dụm ra để giúp đỡ, được Đại tổng thống đề tặng biển ngạch, tặng cho huy chương Từ Huệ. Năm Dân Quốc 11 (1922) việc cứu trợ xong

xuôi, chính quyền đất Hoàn[817] lưu giữ Quốc Trị, nên ông lại đón mẹ về phụng dưỡng tại Hoàn Thản. Năm ấy cụ đã 74 tuổi, tinh thần suy yếu, trong thân thích có người khuyên nên thôi ăn chay, phu nhân nói: "Ta thà ăn chay mà chết, chứ chẳng ăn thịt để được sống!"

Đến mùa xuân năm nay, bệnh ngày càng nặng, thần trí vẫn sáng suốt, niệm Phật không bỏ sót, bảo Quốc Trị rằng: "Thế sự gian khổ mẹ đã nếm đủ cả rồi nên chẳng luyến tiếc, trong tâm chỉ có mỗi một chuyện niệm Phật mà thôi!" Lại nói: "Mỗi một lần phát sốt, đau khổ dị thường, hễ tưởng đến thế giới Tây Phương Cực Lạc chợt cảm thấy mát mẻ liền." Ngày 21 tháng 2, thỉnh tăng chúng đến nhà niệm Phật để giúp vãng sanh, lại sai đem những quần áo, đồ đạc của chính mình bán hết để cúng dường tam bảo, hỏi Quốc Trị: "Ngày nào đi thì tốt nhất?" Quốc Trị đáp: "Ngày mốt là ngày ăn chay, ấy là ngày tốt nhất." Mấy tiếng sau, cụ nói: "Mẹ đã thấy Thích-ca Mâu-ni Phật và Phật, Bồ-tát đã thờ ở Thiên Tân, nhưng có mình đức Phật Tiếp Dẫn sao không thấy?" Quốc Trị đáp: "Đến lúc sẽ thấy." Ngày hôm sau, cụ lại niệm Phật theo chư tăng, đến rạng sáng ngày 23, vị sư niệm Phật là thầy Hải Phước nói: "Phu nhân thần chí, khí tượng như thường, chắc trong một hai ngày chưa đi đâu." Đến giờ Tỵ, Quốc Trị thỉnh hình Phật Tiếp Dẫn thờ trước giường nói: "A-di-đà Phật đến rồi!" Phu nhân nghe vậy vui mừng lớn lao, ngồi dậy chiêm ngưỡng, lớn tiếng niệm "nam-mô A-di-đà Phật" mấy câu, rồi ngồi kết ấn, mỉm cười qua đời. Quốc Trị và chư tăng cùng quyến thuộc vẫn lớn tiếng niệm Phật ba tiếng đồng hồ nữa rồi mới cử ai (cất tiếng khóc) và tắm rửa, thay áo. Mùi thơm ngào ngạt, có người bạn đến phúng điếu ở ngoài cửa đã ngửi thấy, khen là hy hữu. Ba ngày sau mới liệm, diện mạo so với lúc sống càng tươi tắn hơn, đảnh đầu vẫn còn hơi ấm, tứ chi mềm mại, đem xâu chuỗi đặt vào tay bèn gập ngón tay nắm lấy. Cao đẹp thay!

Như phu nhân có thể gọi là người túc căn sâu dày, đời này tu hành tinh thuần, lại được người con như Quốc Trị phụ trợ nhiều cách cho nên tịnh nghiệp chín muồi, toại nguyện vãng sanh. Những người trong đời không niệm Phật thì chẳng cần bàn đến, chứ như người chí tâm niệm Phật lúc sắp mất, con cái khóc lóc, tắm rửa, thay y phục v.v. khiến cho người sắp mất đâm ra bi thương, hoặc sanh sân hận, đến nỗi bị mất chánh niệm, vĩnh viễn luân hồi trong tam đồ lục đạo chẳng thể thoát ra. Những kẻ ấy cho đó là tận hiếu, chẳng biết đã mắc tội gây trở ngại cho cha mẹ, so với tội giết cha mẹ lại càng nặng hơn. Cả thế gian không biết như

[817] Hoàn là tên một nước nhỏ vào thời Xuân Thu, nằm ngay trong địa phận tỉnh An Huy nên An Huy cũng thường được gọi là Hoàn (có khi còn đọc là Hoán).

vậy, thật là bi thương! Quốc Trị bắt chước mẹ nhân từ thờ Phật, nên ăn chay trường, học Phật, nhiều lần đi cứu trợ thảy đều cạn kiệt tâm lực. Mùa hạ năm nay ông lên núi, kể lại hành trạng của phu nhân, xin tôi soạn bài ký để làm gương cho con cháu đời sau. Tôi viện cớ thô lậu, bận bịu để thoái thác, nhưng về sau ông lại viết thư khẩn cầu. Do vậy, tôi bèn thuật đại lược cuộc đời và kể khá tường tận những sự thực cuối đời để người làm mẹ, người làm con trong đời đều bắt chước theo.

28. Bài ký về chuyện cảm ứng của cư sĩ Lục Tây Lâm (đầu thu năm Dân Quốc thứ 15 - 1926)

Đại sĩ Quán Âm ân trọn khắp pháp giới, tùy loại hiện thân tầm thanh cứu khổ, đa phần được ngài gia bị sâu xa mà không hay biết. Tháng Năm mùa hạ năm nay, tôi đã ấn hành bộ Quán Thế Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng, gởi cho cư sĩ Tây Lâm Lục Thọ Từ ở Tô Châu. Ông ta đọc đến phần Cứu Khổ trong quyển thứ hai khôn ngăn cảm xúc, mới biết thuở nhỏ gặp cảnh hoạn nạn mà được sống còn đều là nhờ vào từ lực của Đại sĩ gia bị, nên bèn lược thuật chuyện ấy, gởi thư cho Quang như sau:

"Nhà con ở Thái Thương[818], thuở nhỏ mồ côi, nhờ bà nội, mẹ góa nuôi dạy. Mẹ ăn chay Quán Âm[819], thường tụng kinh Quán Âm, chú Đại Bi. Năm Hàm Phong thứ 10 (1860), con được 14 tuổi, gặp phải giặc cướp từ Quảng Đông nhiều phen công hãm các thành, cô là Hồ Thái Quân đem ba mạng trong nhà về quê sống tại nhà bà. Không lâu sau, thành lại bị vây hãm. Con mang cái tráp có bộ Đại Bi Sám[820]; đấy là do mẹ của cô là Trương Thái Quân sai con chép lại chú văn ấy. Do đó, đọc tụng thuộc không quên, hằng ngày niệm chừng đó biến. Đến khi cô đi nơi khác liền ở nhờ nhà người thân thích họ Mao ở Tam Đồ. Đến mùa thu, giặc dấy lên mạnh mẽ, mặc sức cướp bóc, đốt phá, giết chóc. Một hôm, vào buổi trưa gặp phải lúc giặc tràn đến, bà nội tuổi cao không trốn được, con theo mẹ trốn trong lùm trúc ở vườn sau, giặc cầm mâu đuổi theo sau, mẹ con vội vàng chạy ra

[818] Thái Thương là một thành phố nhỏ thuộc tỉnh Giang Tô.

[819] Đây là tập tục của vùng Giang Tô, ngoài trai kỳ thường nhật, mỗi năm người ta ăn chay thêm hai kỳ: Kỳ thứ nhất từ ngày mồng Một tháng Hai đến ngày 19 tháng Hai (ngày vía Quán Âm đản sanh), kỳ thứ hai từ ngày mồng Một tháng Chín đến 19 tháng Chín (ngày vía Quán Âm thành đạo).

[820] Tức Đại Bi Sám Pháp do ngài Tứ Minh Tri Lễ của tông Thiên Thai soạn vào đời Tống. Sám pháp được soạn theo bản kinh Đại Bi Tâm Đà-ra-ni do ngài Già-phạm-đạt-ma dịch, nội dung gồm đảnh lễ, quán niệm, sám hối, xưng dương Quán Thế Âm Bồ-tát và tụng chú Đại Bi để nguyện tiêu tai chướng, tăng trưởng phước tuệ, lâm chung vãng sanh Tây Phương Cực Lạc.

sông, gặp phải bộng cây liền rúc vào đó, thấy giặc đâm loạn vào đám trúc một hồi rồi bỏ đi, nghe sau lưng có tiếng người, nhìn lại thấy mấy tên giặc đứng bên bờ sông, phất cờ quát tháo, chừng như chẳng hề thấy mẹ con chúng con, chốc lát giặc bỏ đi, bèn chui ra. Đến nay nghĩ lại vẫn còn run rẩy khôn cùng!

Tháng Mười năm sau, lương thực sắp cạn, vay tiền 1.400 đồng, ngồi thuyền qua Hoàng Kính[821] để gặp ông tổ trong dòng họ là Trúc Lâu Ông. Chưa đến nơi, trời đã tối, thuyền phu đẩy con lên bờ, quăng hành lý lên bờ rồi chèo đi. Đêm tối cùng đường, không biết tính sao, khôn ngăn đau đớn! Bà lão trong thôn là Viên Thái Quân thương xót, cho ngủ đêm trong nhà. Ngày hôm sau, sai con dẫn đi gặp Trúc Lâu Ông. Ông vốn nghèo, lo việc công, chuộng việc nghĩa, dạy học có tiếng, nhờ vào nghề thuốc đắp đổi qua ngày. Vừa gặp cháu rất mừng rỡ, hứa sẽ tính cách, bảo đợi mấy ngày, nhưng hóa ra ở nhà họ Viên hơn một tháng. Đến khi ông tính toán ổn thỏa, bèn bảo ngồi tàu biển sang Thượng Hải, nhờ thân thích dẫn đến Thúy Vi Tăng Xá ở ngoài cửa Nam. Khi ấy, tướng quốc Lý[822] thống lãnh quân đội đóng ở đây, được tuyển làm người chép thuê. Sau khi giặc tan, bèn dời sang sống tại Tô Châu, gắng tạo thành gia nghiệp, khỏi trở thành thịt thối trong ngòi nước, may mắn thay! Cảm niệm ân đức của cô, bà Viên và tộc tổ (tức Trúc Lâu Ông), khác nào xương khô mọc thịt, trọn đời chẳng dám quên, nhưng vẫn chẳng biết là do sức cảm ứng của kinh chú. Nay đọc các sự tích trong bộ Đại Sĩ Cảm Ứng Tụng mới biết thoát lìa được mũi gươm, mũi tên, mỗi lần gặp phải nạn gấp liền gặp được thiện nhân, đấy đều là do mẹ con trì trai tụng kinh, cảm thần lực đại từ bi của Bồ-tát che chở mà ra.

Phẩm Phổ Môn chép: "Tâm niệm chẳng luống qua, diệt khổ trong các cõi. Trong khổ não nạn chết, thường làm chỗ nương tựa." Con tin đúng là như vậy nên bèn thuật lại mong sao hết thảy thiện tín chí thành niệm danh hiệu Bồ-tát và kinh Quán Âm, thần chú Đại Bi, sẽ tự có thể gặp chuyện dữ hóa thành chuyện lành, gặp tai nạn biến thành chuyện tốt, cũng như nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận phước cao, sống dự vào hàng thánh hiền, mất lên cõi Cực Lạc. Xin pháp sư thương xót lòng con ngu thành, soạn bài ký sự cảm ứng chép thêm vào bộ Văn Sao khiến cho khắp các đồng nhân đều sanh chánh tín, đều được gội từ ân."

---

[821] Hoàng Kính là một tiểu thị trấn cũng thuộc tỉnh Giang Tô, thuộc ngoại vi thành phố Tô Châu.

[822] Tướng quốc Lý chính là Lý Hồng Chương (1823-1901), một danh tướng trải các đời Hàm Phong - Đồng Trị - Quang Tự, ông đã giúp Tăng Quốc Phiên dẹp loạn Thái Bình Thiên Quốc.

Cư sĩ Tây Lâm xưa đã trồng cội đức, hạnh hiện đời thuần thục, nhiều năm qua ăn chay trường thờ Phật, tu trì tịnh nghiệp, tuổi đã tám mươi, tinh thần khỏe mạnh, hễ có chuyện công ích dù xa đến mấy dặm cũng đều đi bộ tới, những thứ xe kéo bằng sức người nhất quyết không chịu dùng. Mục lực thật tốt, viết được chữ nhỏ. Tháng Tư, Quang đến đất Tô, mấy lần trò chuyện cùng cụ, khiêm tốn, nhún nhường như cụ bây giờ chẳng có ai. Từ nhỏ cụ đã mấy lượt được Đại sĩ thầm gia bị nên mới có ngày hôm nay, nhưng vẫn chưa hiểu thấu suốt nguyên do. Như vậy, trong đời những người được thọ ân từ bi che chở mà không biết ắt phải là nhiều lắm! Ví như mặt trời rạng rỡ chiếu khắp muôn nước, người mù dù được ánh mặt trời sanh thành, nhưng chưa từng thấy được tướng ánh sáng, bèn bảo là "không có" thật là phụ ân chiếu soi quá lắm! Thương cõi đời ngu mê, nên chép thành bài ký.

29. Bài ký về chuyện Ô Vưu Sơn Tự dựng tàng kinh các (núi ở tại huyện Lạc Sơn, Gia Định, Tứ Xuyên)

Phật pháp không gì lớn lao chẳng bao trùm, không gì nhỏ nhặt chẳng nêu lên, lớn lao như mười phương pháp giới, nhỏ nhặt như một niệm tâm tánh của chúng sanh, khuôn mẫu tốt lành khiến đời yên dân lành, đường lối tốt đẹp để siêu phàm nhập thánh, không gì chẳng chỉ bày thấu triệt ngọn ngành, kết cuộc, lý do đến cùng cực vậy. Đạo ấy lớn lao, nghĩa lý nhỏ nhiệm, văn sâu, nghĩa rộng, nếu muốn xiển dương chỉ thú ấy thì cạn hết biển mực cũng chẳng thể diễn tả tột cùng chỗ mầu nhiệm. Nhưng nếu hiểu thấu được lẽ đạo viên đốn thì tìm lấy một chữ cũng không thể được, dù là bậc thánh nhân vẫn có chỗ không biết đến, há phàm tình có thể suy lường được sao! Do vậy, pháp này được thực hành rộng rãi, thiên địa quỷ thần không ai trái nghịch; cho nên xưa nay những người xuất sắc lỗi lạc không ai chẳng siêng năng tu trì, cực lực lưu truyền để mong cho mình lẫn người đều được lợi ích thật sự.

Nói chung, giáo điển trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai chia thành ba tạng, "tạng" có nghĩa là sâu kín, u viễn, vô cùng, vô tận. Phàm những kinh Tiểu thừa, Đại thừa, đức Phật đã nói đều gọi là kinh tạng; phàm những luật Đại thừa, Tiểu thừa, đức Phật đã chế đều gọi là luật tạng; phàm những bộ luận do các vị Bồ-tát, Thanh văn đã trước tác để thích kinh, tông kinh[823] đều gọi là luận tạng.

[823] Thích kinh là giải thích ý nghĩa từng đoạn kinh văn, hay từng câu, từng từ ngữ, còn "tông kinh" là chỉ phát huy tông chỉ, phương pháp tu hành được dạy bởi kinh. Chẳng hạn như bộ Vãng Sanh Luận (Vô Lượng Thọ Ưu-ba-đề-xá) chính là tông kinh, vì trong tác phẩm này, tổ

Những kinh sách này đều do thỉnh Phạn bản từ Phật quốc về cõi này phiên dịch ra tiếng Hán ước chừng hơn 5.000 quyển. Từ khi đại pháp truyền sang Đông, các tông quật khởi, đời nào cũng có cao nhân hoặc soạn sớ để giải thích kinh, hoặc do tông kinh mà tạo luận, cũng như các thứ ngữ lục, truyện ký. Phàm là những thứ trước thuật nhằm hoằng dương pháp đạo đều được ghép nối tiếp theo sau Đại tạng, gọi là Tục tạng. Nhưng trước thuật của cổ đức đa phần bị thất lạc, được nhập tạng chỉ là một hai phần trong trăm ngàn phần đó thôi, vậy mà cũng đã nhiều đến hơn 2.000 quyển; huống chi những tác phẩm chưa được nhập tạng nhưng được lưu hành rộng rãi trong cõi đời thì càng khó thể biết được số lượng. Núi nghĩa vòi vọi, biển pháp mênh mông, tùy theo thiên bẩm của mỗi người mà nghiên cứu đến cùng tận, không ai chẳng thấy được chân không, thấu triệt nguồn pháp, khôi phục lại Phật tánh sẵn có.

Ô Vưu Sơn Tự là nơi thù thắng trứ danh của Tây Thục (Tứ Xuyên), là đạo tràng hóa hiện của Quán Âm. Từ khi thượng nhân Huệ Tịnh đời Đường khai sơn đến nay trải hơn một ngàn năm, tông phong chẳng suy sụp, dù cung ngọc điện tía đã lùi vào dĩ vãng, nhưng thừa lẫn giới đều đề cao, dốc cạn lòng thành lễ tụng, xưa nay chẳng khác, há chẳng đáng gọi là "hễ địa linh ắt có nhân kiệt" hay sao? Đại sư Truyền Độ trụ trì núi này, phàm trăm thứ bị bỏ phế, suy sụp, sư đều dần dần tu bổ, đã dựng điện Di-đà để làm nơi chuyên tu tịnh nghiệp, lại dựng gác này để thờ tạng kinh Tần Già[824] vừa thỉnh, ngõ hầu làm căn cứ nghiên cứu Phật pháp. Tạng kinh này chữ nhỏ, chẳng tiện cho người già, mong rằng sau này có bậc đại thí chủ sẽ lên kinh đô thỉnh Đại tạng bằng tiếng Phạn để mọi người được đọc tụng nghiên cứu rộng rãi. Từ chỗ này đã có thể thấy được đại khái lòng thành vì pháp, vì người của sư.

Gác ấy gồm năm gian, hai tầng, hết sức trang nghiêm, phí tổn ước chừng ba ngàn mấy trăm đồng, đều là do đàn-việt xa gần cảm đức của sư Truyền Độ nên hoan hỷ bố thí. Xây dựng xong, gởi thư cho Quang sai soạn bài ký. Trộm nghĩ,

---

Thiên Thân chỉ nhấn mạnh những giáo nghĩa chánh yếu của kinh và đề ra năm môn tu niệm (ngũ quán môn).

[824] Tần Già tạng: Gọi đủ là Tần Già Bản Đại tạng kinh, do tinh xá Tần Già ấn hành. Vào năm thứ ba đời vua Tuyên Thống nhà Thanh (1911), tinh xá Tần Già ở Thượng Hải dùng lối in chữ rời (hoạt tự) để ấn hành Đại tạng, đến năm Dân Quốc thứ 9 (1920) mới hoàn thành, toàn tạng tổng cộng gồm 414 tập, chia thành 1.916 bộ. Bản này lấy bản in của Hoằng Giáo Thư Viện Nhật Bản làm gốc, tham khảo các bản khác như Kính Sơn tạng, Long tạng (Đại tạng kinh được ấn hành bởi vua Càn Long) cũng như các bản kinh được lưu hành riêng lẻ. Điểm đặc sắc của bản Hoằng Giáo là ghi chú tỉ mỉ những dị biệt giữa các bản trước đó, nhưng bản Tần Già lại lược bỏ những chỗ ghi chú ấy nên mất đi giá trị học thuật.

giáo pháp trong Đại tạng nghĩa lý vô tận, nhưng pháp chẳng thể tự hoằng, phải do con người hoằng pháp. Ví như vị trưởng giả cực giàu, có rất nhiều kho lẫm; nếu như con ông ta không biết đến sẽ không thể nào thụ dụng được, so với con nhà nghèo hèn nào có khác gì! Nếu như biết được, ắt sẽ tự dùng và chu cấp cho hết thảy mọi người, không ai chẳng được thỏa lòng mong muốn, mà kho tàng ấy vẫn chẳng bị giảm bớt mảy may. Bởi lẽ kho tàng này chính là vô tận tạng, lấy mãi không hết, dùng hoài chẳng cùng, đến tột cùng đời vị lai chẳng bị khánh kiệt. Nguyện hết thảy tứ chúng đều cùng thăm dò tạng báu này để tự lợi lợi tha, từng ngọn đèn nối tiếp nhau, sáng mãi không dứt, ngõ hầu chẳng phụ một phen Như Lai nói kinh, chư tổ hoằng pháp, thầy Truyền Độ dựng gác, đàn tín giúp đỡ tha thiết vậy. Phàm những ai cùng hàng với tôi đều hãy gắng lên.

30. Bài ký tháp phổ đồng ở Ô Vưu Sơn

Một niệm tâm tánh của chúng sanh và một niệm tâm tánh của Phật không hai. Do vọng chấp nên thành khác biệt như trời với vực, đức Như Lai thương xót, dạy tu quán *tứ niệm xứ*: một là quán thân bất tịnh, hai là quán thọ là khổ, ba là quán tâm vô thường, bốn là quán pháp vô ngã. Nếu quán thành thục thì ngã chấp bị phá, ngã chấp đã phá thì pháp chấp cũng mất. Hai hoặc kiến và tư do đấy liền đoạn, liền có thể siêu phàm nhập thánh, liễu thoát sanh tử, vãng sanh cõi Phật thanh tịnh, tu tập hạnh nguyện Bồ-tát để mong được trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh mới thôi. Có những kẻ căn cơ hèn kém, trong đời hiện tại chẳng thể đạt được như vậy thì đợi cho đến khi chết đi, hỏa thiêu thân xác, khiến cho họ hiểu rõ ngũ uẩn vốn không, tứ đại chẳng có, linh tánh chân thật được phô bày trọn vẹn triệt để, đã chẳng thuộc vào thấy - nghe - hay - biết, mà cũng chẳng thể nói là nhân, ngã, chúng sanh, thọ giả, ắt thoát khỏi nghiệp chất chứa, tự chứng chân thường. Vì thế, những người tại gia thông suốt thời xưa đa phần y theo cách tống táng này, chứ không riêng gì tăng chúng mới vậy.

Dùng cách này khiến cho người mất được giải thoát, lại còn khiến cho người sống ngộ được cái vốn không, lợi ích thật chẳng phải nông cạn. Đã thiêu hóa rồi, nếu là bậc đạo đức cao siêu ắt có xá-lợi kiên cố chẳng cháy, nếu không có xá-lợi thì xương hèn còn sót lại đều được đặt trong tháp phổ đồng, cũng giống như sống trong tùng lâm dự vào hải chúng, Phàm thánh đồng cư, nhờ vào đó để un đúc. Linh cốt đông đảo, ắt có người đã thần siêu thăng cõi tịnh vực, nghiệp giã biệt trần lao, sen nở hoa thượng phẩm, Phật thọ ký ngay trong một đời. Được sống cùng với người như vậy giống như con nhặng bám vào đuôi ngựa ký, cũng đi

được ngàn dặm; cũng như nước đổ vào biển cả đều mất tên gốc, cùng có một vị mặn. Đấy chính là duyên do của tháp phổ đồng vậy.

Chùa Ô Vưu ở Gia Định từ khi đại sư Huệ Tịnh đời Đường khai sơn đến nay đã hơn một ngàn năm; năm tháng đã lâu, tháp phổ đồng cũng nghiêng sụp, hư hoại. May được đại sư Truyền Độ trụ trì chùa này, tận lực chấn hưng Liên tông, đã dạy những người còn sống tu trì tịnh nghiệp để cùng sanh Tây Phương, lại muốn cho người mất được hưởng yên vui, cùng dự vào hải hội. Do vậy quyên mộ các thiện tín, hoàn thành chuyện này, sai Quang soạn bài ký nhằm phát huy ý nghĩa. Do vậy bèn tụng rằng:

Chúng sanh bị sống chết,
Đều do chấp có ngã,
Do vậy khởi tam độc,
Như bướm tranh vào lửa
Thử quán khi chưa sanh,
Nghĩ xem ta ở đâu?
Đến khi đã mất rồi,
Ta rốt cuộc là chi?
Đã không thuộc căn thân,
Cũng chẳng thuộc thức tâm,
Do căn không hay biết,
Thức tâm do vật dời,
Chúng sanh vì không rõ,
Theo vọng nên mê giác,
Lầm tâm vọng tưởng ấy,
Thường bị sanh tử buộc,
Như Lai rủ lòng từ,
Dạy quán ngã vốn không,
Đã biết ngã vốn không,
Chư pháp tiêu tan hết,
Huống lại qua lửa gột,
Tứ đại đều phân tán,
Ngũ uẩn vốn chẳng có,
Ngã còn do đâu hiện?
Từ đây chứng Vô Sanh,
Mới chạm mặt chân ngã,

Nguyện khắp các pháp giới,
Đều cùng thấy như vậy.

31. Bi ký thuật duyên khởi sáng lập tinh xá Bồ-đề

Pháp môn Tịnh độ là pháp môn thành thủy thành chung để mười phương ba đời chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Bởi lẽ các pháp môn được giảng trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai đều cần phải có công tu trì sâu xa thì mới đạt đến địa vị nghiệp tận tình không, mới có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Nếu hoặc nghiệp chưa tận thì sanh tử luân hồi quyết định khó thoát, dẫu có tu trì cũng chỉ được phước thế gian và tạo thành duyên chủng đắc độ trong đời vị lai mà thôi. Đấy chính là chỗ khó khăn của việc cậy vào tự lực để liễu sanh tử. Pháp môn Tịnh độ dùng tín sâu, nguyện thiết, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, kèm thêm giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, dùng tín nguyện của chính mình cảm lòng từ bi của Phật, cảm ứng đạo giao, cho nên khi lâm chung liền được Phật từ lực đích thân đến tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Vì vậy, bất luận hoặc nghiệp có hay không, bất luận công phu sâu hay cạn, chỉ cần tín chân, nguyện thiết thì dù là kẻ tội nghiệp sâu nặng vẫn có thể thoát khỏi tam giới, ngự lên chín phẩm sen, huống gì những người tu trọn giới thiện, định lẫn tuệ đều quân bình ư?

Pháp này hoàn toàn cậy vào Phật lực kèm thêm tự lực để liễu sanh tử, vì thế trong các pháp môn của cả một đời giáo hóa, nó được gọi là pháp môn đặc biệt, chẳng được dùng những pháp môn cậy vào tự lực thông thường để bàn luận. Ấy là vì dùng quả địa giác để làm nhân địa tâm, cho nên nhân bao trùm biển quả, quả thấu tột nguồn nhân. Do đó, ngàn kinh muôn luận đâu đâu cũng chỉ quy, vãng thánh tiền hiền ai nấy đều hướng về. Pháp này là đường tắt để liễu sanh thoát tử, là diệu pháp để siêu phàm nhập thánh vậy. Xét từ khi đại giáo truyền sang Đông, Viễn công ở Lô Sơn sáng lập liên xã cùng tăng tục 123 người tinh tu tịnh nghiệp đều được vãng sanh. Từ đấy về sau, đời nào cũng có cao nhân đề xướng, nhưng Thiên Thai, Thanh Lương, Vĩnh Minh, Đại Trí v.v. là những vị chẳng tiếc sức lực phát huy xiển dương mạnh mẽ nhất. Do vậy liên phong thổi khắp trong và ngoài nước. Do đây, những người thoát ngũ trược dự vào hải hội há có thể dùng toán số thí dụ để biết được số lượng ư! Gần đây thế đạo nhân tâm càng ngày càng đi xuống, phàm những ai có lòng lo cho đời muốn cứu giúp không ai chẳng dốc lòng nơi Phật pháp, đề xướng nhân quả báo ứng và kiêng giết, che chở loài vật, dốc chí tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương.

Cư sĩ Phó Dụ Trai xưa đã trồng cội đức, tánh hạnh thuần hòa, theo đuổi nghề buôn bán, chưa biết đến Phật pháp; năm ngoái sang thăm bạn ở đất Hàng, đêm nghỉ tại lan-nhã Thường Tịch Quang, nghe tiếng chúng tăng niệm Phật, khác nào được cam lộ rưới vào đảnh, đề-hồ thấm lòng, vui sướng vô ngần, không thể thí dụ được. Do vậy, xúc động túc căn liền muốn cùng những người cùng chí hướng tùy phần, tùy sức tu trì pháp này, bèn cùng các thương nhân Đinh Cam Nhân, Nghê Đại Xuân, Đàm Bộ Thiều, Nghiêm Tử Lương, Tôn Lương Thần, Phó Dụ Kinh, Phó Đình Phương, Trầm Tấn Dung, Kim Ích Như, Lâm Song Tuyền, Trần Tải Phong, Trang Hải Đào, Lý Thuật Sơ, Ngô tổ Xương, Đàm Tử Lâm, Đàm Thạch Khanh, Đàm Hải Thu, Đàm Trúc Hinh, La Trĩ Vân, Tạ Sùng Hoa, Điền Ngọc Thụ, Phó Mộng Bật, Đàm Triệu Quý v.v. tính lập một tòa tinh xá ở Tây Hồ - Hàng Châu, để làm nơi tùy sức tu trì trong hiện tại, về già chuyên tâm tu đạo. Ai nấy đều cho đó là lành, bèn tìm mua đất để xây cất, chưa đầy hai năm đã hoàn thành, nhân đó đặt tên là tinh xá Bồ-đề.

Khu đất rộng hai mẫu sáu phân bảy ly, gồm có hai phần. Phần trước là đại điện gồm năm gian, chính giữa thờ Tây Phương Tam Thánh, hai bên thờ mười tám vị La-hán, dùng nơi đó làm chỗ niệm Phật, lễ tụng. Phần sau là ngôi gác năm gian ba tầng, ba gian tầng trên, gian chính giữa thờ tôn tượng Tam Thánh, hai bên thờ bài vị tổ tiên của 24 người nói trên nhằm hiển thị ý dự vào liên trì, thường hầu Phật Di-đà, liền chứng được thể - dụng của vô lượng quang thọ, Phật tánh bất sanh bất diệt. Thứ tự trước sau lấy tuổi tác của những người ấy làm chuẩn. Hai gian bên và tầng giữa đều chia thành phòng ốc làm chỗ tịnh tu cho mọi người. Gian dưới làm nhà khách, hai bên làm Dưỡng Tâm Đường để bậc cao nhân triết sĩ tạm thời nghỉ ngơi. Tông chỉ của họ về đại cương gồm năm điều:

1) Tinh xá này vốn do xã hữu[825] ai nấy đều có công việc chẳng thể thường trụ chuyên tu, do vậy bèn lễ thỉnh bảy vị tăng có giới hạnh chân tâm tu đạo tu trì suốt năm. Mỗi ngày hai thời khóa tụng, ba thời niệm Phật để làm hướng dẫn tốt lành cho các xã hữu nhân lúc rảnh rỗi đến đây tu trì. Tiền chi phí ăn ở hoàn toàn do các xã hữu đảm nhiệm.

2) Tinh xá này do 24 người chung sức tạo dựng, cùng quản trị, quyền quản trị được kế thừa trong tương lai thì mỗi người chỉ được truyền một phòng, phải chọn người tánh chất tương ứng với Phật pháp, những con cháu khác đều nhất loạt

[825] Xã hữu: thành viên của liên xã.

chẳng được xen vào để tránh cái nạn chi phái đôi co, không thể an cư được, hoặc do mỗi người mỗi ý kiến khác biệt đến nỗi tranh chấp, chia lìa.

3) Tinh xá này vốn vì tự tu mà thiết lập, tánh chất khác biệt với các chùa miếu, chẳng được làm kinh sám Phật sự mang tính chất xã giao đối với người ngoài liên xã. Dẫu gặp dịp tết lễ, cũng chẳng để cho người khác tùy tiện đến thắp hương, chỉ có xã hữu hoặc là cầu thọ, hoặc là truy tiến thì không trở ngại gì.

4) Tinh xá này lấy chuyên tu tịnh nghiệp, thanh tịnh trì giới làm tông chỉ chánh yếu. Chẳng cho người ăn mặn, uống rượu vào cửa. Tất cả những chuyện như chơi cờ, đánh bài và những chuyện trái nghịch Phật pháp đều nhất loạt nghiêm cấm. Phàm các xã hữu, ai nấy đều nên tự gắng sức.

5) Tinh xá này vốn để cho các xã hữu tịnh tu mà thiết lập, thời hạn cư trụ tùy theo tâm ý, nhưng không được mang theo quyến thuộc nữ nhân và con nít v.v.. Nếu như gia quyến muốn đến chiêm lễ, tuy không phải là không được, nhưng phải ra về ngay trong ngày hôm ấy, quyết chẳng để cho phụ nữ ngủ lại để không trở ngại chuyện tinh tu, ngăn dứt lời dị nghị của thế gian, khiến cho hai chữ "Bồ-đề" được khuếch trương sáng rạng, rộng lớn thì may mắn lớn lao thay!

Đem toàn bộ công đức tu trì của tăng tục trên là cầu lịch đại tổ tông, cha mẹ hiện đời của mỗi người được tiêu trừ ác nghiệp từ vô thỉ, tăng trưởng thiện căn thù thắng, dự vào liên trì hải hội, chứng pháp thân sẵn có. Lại mong cho tất cả những vị sư niệm Phật trụ tại đây và các xã hữu cùng với các quyến thuộc tam chướng băng tiêu, ngũ phước như mây nhóm, sống dự vào hạng thánh hiền, mất trở về cõi Cực Lạc. Lại mong người thấy kẻ nghe ai nấy bắt chước hành theo, cùng chuyển phàm tâm trở thành thánh trí thì lễ nghĩa, nhân nhượng được hưng thạnh, can qua vĩnh viễn ngưng dứt, trung hậu, khoan thứ khởi lên, thấy ta và vật như nhau, khiến cho thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc. Phong thái thời Đường Ngu thạnh trị lại được thấy trong ngày nay, lời nói "ai nấy đều có thể trở thành Nghiêu - Thuấn, ai nấy đều có thể làm Phật" ắt sẽ được chứng nghiệm thật sự. Đây chính là bản tâm sáng lập tinh xá, đặt tên là Bồ-đề của các cư sĩ. Do vậy bèn trần thuật đại lược.

32. Bi ký ghi công đức sáng lập điện Tây Phương Tam Thánh (viết thay thầy Hoa Đức)

A-di-đà Phật chính là Vô Thượng Từ Phụ của chúng sanh trong pháp giới, là vị Đạo sư (bậc thầy dẫn đường) bậc nhất trong con đường ác hiểm nạn, lúc tu nhân đã phát ra bốn mươi tám thệ nguyện, lúc đắc quả bèn được quang thọ siêu

việt mọi số lượng. Ngự yên nơi Liên Bang, phân thân trọn khắp mười phương sát hải, nhiếp khắp hàm thức khiến họ ngay trong đời này chứng được tam đức Niết-bàn. Còn như hai vị Đại sĩ Quán Âm, Thế Chí thì hiện thân trong các cõi nước nhiều như vi trần, tầm thanh cứu khổ, thâu nhiếp người niệm Phật trở về Tịnh độ, phò tá Phật Di-đà độ thoát chúng sanh, ban vui dẹp khổ đều được rốt ráo. Ân đức của tam thánh sâu rộng vô lượng, dẫu dùng trời che đất chở để thí dụ cũng không thể sánh ví được một phần vạn, dẫu tan thân nát xương cũng không cách nào báo đáp được mảy may. Nạp tăng tôi thẹn làm đệ tử, chưa thể xiển dương lẽ đạo rộng lớn, muốn cho tăng chúng trong cả chùa chuyên tu tịnh nghiệp, toan dựng bảo điện Tam Thánh Thế Giới Cực Lạc, nhưng tài lực thiếu hụt, chẳng được như nguyện. May nhờ có tín sĩ Hồng Khánh Trai và vợ là Qua Diệu Phương xưa đã trồng cội đức dốc lòng tin tưởng Phật thừa, tấm lòng nhân từ, dốc lòng hoằng dương, hộ trì, hướng dẫn con gái là Vương Hồng Thị[826], cháu ngoại là Vương Thiên Tứ khẳng khái bỏ ra nhiều tiền để giúp thành toàn chuyện thù thắng này cho nên kim dung được tỏa sáng, pháp luân thường chuyển, công đức lợi ích làm sao diễn tả trọn vẹn được?

Kính mong tam thánh rủ lòng từ, ngấm ngầm hoặc rõ ràng gia bị khiến cho các vị thí chủ này và những vị trợ duyên ai nấy trong đời hiện tại tai chướng ngầm tiêu, hưởng đủ ngũ phước, lâm chung thể xác lẫn tinh thần đều tốt đẹp, cao đăng chín phẩm sen, tổ tiên đã mất đều thăng lên trời Cực Lạc, con cháu đời sau thảy đều nhân từ, sống lâu. Do vậy, bèn ghi lại duyên khởi cho khắc vào đá quý kiên cố để những người an cư tu hành sau này biết được sự rộng lớn của pháp môn Tịnh độ mà quyết chí cầu sanh, đạo tràng Tam Thánh vì nguyên do nào mà được thành lập thì phước đức cho những đàn-việt lắm thay!

33. Bi ký trùng tu miếu Địa Mẫu[827] của chùa Đông Chiếu ở Loa Đầu Miếu

Chở khắp vạn tượng, chẳng sanh phân biệt, sanh khắp muôn vật cho mọi người dùng mà chẳng cậy công, chẳng mong được báo đáp. Ân đức của đất có

[826] Cô con gái này họ Hồng, gả về làm dâu họ Vương nên gọi là Vương Hồng Thị.

[827] Địa Mẫu chính là Mẹ Đất trong tín ngưỡng dân gian Trung Hoa, được nhân cách hóa thành một vị nữ thần. Bà thường được thờ dưới dạng một vị thánh mẫu, danh xưng đầy đủ là: Vô Thượng Hư Không Địa Mẫu Huyền Hóa Dưỡng Sanh Bảo Mạng Nguyên Quân, hoặc chỉ gọi gọn là Địa Mẫu Nương Nương. Những người coi sóc Hỗn Độn Cổ Phụng Cung (miếu thờ Địa Mẫu ở trấn Ngọc Lý, huyện Hoa Liên, Đài Loan) thậm chí còn coi Địa Mẫu tương ứng với Thượng Đế sáng tạo trong thần thoại phương Tây, và xem những danh hiệu Hồng Mông Lão Tổ, Hỗn Độn Lão Tổ, Vô Cực Chí Tôn, Vô Cực Lão Mẫu đều là những biệt danh của Địa Mẫu Nương Nương.

thể nói là rộng lớn, trọn khắp, mênh mông, dày chắc, lâu dài, không thể nào diễn tả được. Thánh nhân lập pháp: phàm những ai đem pháp thí cho dân, siêng năng phụng sự đến chết, nhọc nhằn giữ yên đất nước, chế ngự tai họa, dẹp hoạn nạn lớn lao thì đều được lập miếu thờ phụng, huống gì đại địa là nơi cả đời chúng ta nương nhờ vào để sống, sao không lập riêng một ngôi điện vũ, thánh tượng trang nghiêm, thường dùng hương hoa, đèn đuốc cúng dường để bày tỏ chút lòng báo ân, thường nêu lòng thành hệt như thánh nhân đang ngự nơi đấy hay sao? Đấy chính là nguyên do tạo dựng miếu Địa Mẫu của chùa Đông Chiếu vậy.

Địa Mẫu chính là vị được kinh Phật gọi là thần Chủ Địa. Ấy là vì đất sanh trưởng muôn vật như mẹ nuôi dưỡng con cái nên thế tục gọi là Địa Mẫu, chứ không phải ngài chuyên hiện thân nữ. Theo phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm trong kinh Hoa Nghiêm thì có các thần Chủ Địa (thần cai quản cõi đất) nhiều như số các vi trần trong một cõi Phật. Tuy có những vị từ các thế giới phương khác đến, nhưng chỉ riêng đại địa nơi này cũng chẳng phải chỉ có một vị thần làm chủ, do mỗi vị đều có lãnh thổ riêng. Lại nữa, hễ ai thuộc vào hàng thần thánh đều có chuyện thăng lên, giáng xuống, tiến thoái, giống như quan liêu trong cõi đời: Tuy chức quan, danh hiệu quan vĩnh viễn không thay đổi, nhưng người đảm nhiệm có tiến thoái, nhậm chức hay từ quan, hoàn toàn không nhất định, không phải như Thương Hiệt, Khổng tử, Quan Đế, Văn Xương chuyên thuộc một người. Đồng sự Diệp Xương Vân do thấy miếu Địa Mẫu được tạo dựng đã lâu sắp bị sụp đổ bèn quyên mộ các thiện tín được bao nhiêu đó tiền, trụ trì Từ Khoan lại giúp cho một nửa, nên điện vũ, pháp tướng lại được xây dựng mới, muốn lập một tấm bia bèn xin tôi thuật những nghĩa chánh.

Kinh Dịch chép: "Địa Thế Khôn, quân tử dùng đức dày để chở vật." Người có thể suy nghĩ, xử sự giống như đại địa, thi ân chẳng cầu báo, bị nhục không ôm lòng hận, chỉ trọn hết thiên chức của chính mình, chẳng quản người khác thuận hay nghịch. Người như thế sống dự vào hàng thánh hiền, mất lên cõi Cực Lạc. Như Trì Địa Bồ-tát do làm cho mặt đất bằng phẳng nên tâm địa cũng được bình, chứng đắc viên thông, tương lai lại còn thành vô thượng đạo, giáo hóa hết thảy chúng sanh trong chín pháp giới như trời che khắp, như đất chở trọn, không một ai chẳng được un đúc dưỡng dục. Đấy chính là đại lợi ích của việc nhìn vào tượng Địa Mẫu, tu đạo, chứng tâm, thành Phật, nguyện những ai đọc đến đều chú ý.

34. Bài ký về chuyện vãng sanh của đại sư Kim Thái

Đại sư Kim Thái họ ngoài đời là Phương, người huyện Vu Đô, tỉnh Giang Tây, xưa đã có thiện căn, từ nhỏ đã kiêng giết, ăn chay. Đến khi ngoài ba mươi tuổi, chán ngán sâu xa ngũ dục nhiều khổ não, ba cõi không yên liền xuất gia tại chùa Báo Ân ở huyện Trường Đinh, tỉnh Phước Kiến. Sau khi thọ giới cụ túc, chuyên chí khổ hạnh, giữ chức Hương Đăng tại chùa Quang Hiếu ở Cám Châu (Giang Tây), tinh khiết, kiền thành, cung kính. Phàm những ai trông thấy đều khen ngợi lòng thành, tiếc của thường trụ như giữ tròng mắt, hằng ngày lấy chuyện lễ niệm tụng trì làm chánh, không để phí thời gian, được đại chúng trong chùa khâm phục, kính ngưỡng. Tiếp đó, sư muốn chuyên tu tịnh nghiệp bèn qua hang đá trong núi sâu ở Ninh Đô[828], gác tùng làm tòa, kết cỏ làm đệm, trồng khoai để ăn, chằm các mảnh giẻ làm áo, sự khổ hạnh của sư khó ai kham nổi. Sư điềm nhiên vui sướng, lấy đạo làm nguồn vui. Lâu ngày, có người đến thăm tặng cho tiền bạc đều khước từ không nhận, nhưng nếu áo rách, thức ăn thô tệ bèn nhận.

Sư bản tánh cô tịch, thanh khiết, chẳng thâu đồ chúng. Có người trọng đức sư, thay mặt thâu nạp cho sư bốn đồ đệ, nhưng thật ra không ở chung. Một người đồ đệ tên là Đức Duyên, chùa khá dư dả, nghĩ thầy thanh bần, ba bốn lượt cầu khẩn thầy thương xót tiếp nhận cúng dường. Không lâu sau, sư lại bỏ qua núi Liên Hoa, tự lấy ván dựng một gian thất nhỏ để sống. Đại chúng trong chùa tôn trọng đạo hạnh của sư, để sư được tự do. Sư suốt ngày đóng cửa tụng kinh niệm Phật, trừ hai bữa cơm sáng tối ra, tiếng mõ, tiếng khánh rền vang không dứt, mấy mươi năm hệt như một ngày. Do vậy, những vị tăng tục tin tưởng, hâm mộ, thường thành tâm cúng dường phẩm vật, nếu không khước từ được thì sư bèn đem cúng Phật, cúng tăng để tạo công đức cho họ, bản thân chỉ giữ lại mười đồng để làm chi phí hỏa táng khi lâm chung. Sư tự cam chịu thanh bần, giải thoát, không chấp như thế đó. Phàm những ai đến thăm hỏi, bất luận tăng tục, sư đều dạy nhiệm vụ trọng yếu là nhận hiểu Sa-bà ác trược, Cực Lạc thanh tịnh, hãy gấp cầu xuất ly, nhưng phải hiểu nhân biết quả, tu hành các điều thiện thế gian, cẩn thận giữ gìn giới cấm, tụng kinh niệm Phật, trong ngoài như một, từ đầu đến cuối không thay đổi thì mới có hy vọng. Ngoài ra không có một lời lẽ nào liên quan đến phước lạc thế gian.

Năm Dân Quốc thứ bảy (1918), tức năm Mậu Ngọ, sư được 74 tuổi, đầu tháng Mười thị hiện bệnh nhẹ, đến ngày mồng Bốn bỏ ăn uống, niệm tụng như thường đến khuya mới nghỉ. Rạng sáng ngày mồng Năm, đại chúng trong chùa không

[828] Ninh Đô là một huyện thuộc vùng Đông Nam tỉnh Giang Tây, nằm ngay phía Bắc thành phố Cám Châu, rất gần huyện Vu Đô.

thấy sư thức dậy, gõ cửa chỉ thấy yên lặng không đáp, vào thất xem thì thấy sư đã đoan tọa thị tịch. Tay trái vẫn cầm dẫn khánh hệt như đang niệm Phật mọi khi, đầu hơi cúi xuống, vẻ mặt tươi cười, không khác gì còn sống. Đại chúng trong chùa trông thấy khen ngợi khôn cùng, đều nói: "Sư bình nhật có công hạnh như thế, cho nên lúc ấy đạt được cảnh tượng như thế, thần thức sư siêu tịnh vực, gởi chất nơi hoa sen là điều chắc chắn không còn ngờ vực chi." Học trò sư là Đức Thân Sâm kể cho tôi nghe như thế. Nghĩ đến tăng nhân đời mạt thường hay lười nhác, chỉ tham lợi dưỡng, chẳng tu đạo nghiệp, người như sư thật có thể làm gương cho đời mạt, do vậy bèn soạn bài ký.

35. Bài ký về chuyện vãng sanh của cư sĩ Triệu Tôn Nhân

Triệu Tôn Nhân pháp danh là Bồi Canh, người ở thành phố Mã Đường Như Cao[829], tuổi ngoài ba mươi, theo đuổi nghề buôn bán, tánh tình thuần hòa, chân thật, không trá ngụy, làm việc quả quyết, thật thà. Mấy năm gần đây được nghe pháp môn Tịnh độ bèn sanh lòng tin tưởng sâu xa, hằng ngày lấy chuyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương làm chánh, gác qua chuyện buôn bán, chuyên làm chuyện từ thiện công ích hết sức tích cực. Do vậy, đề xướng lập ra Tế Sanh phân hội và Phật Kinh Lưu Thông Xứ. Hễ có các chuyện lành nào đều tận lực lo liệu, không chuyện gì không làm. Đối với đèn đường ở địa phương, đích thân ông sáng thâu về, tối đi thắp lên, chẳng nề mệt nhọc. Người cả một phương đều cảm phục lòng thành của ông. Ông dùng lòng thành để cảm, mọi người dùng lòng thành để ứng. Phàm khi ông quyên mộ, không ai chẳng thuận theo hầu viên thành ý nguyện cho ông.

Mùa đông năm Dân Quốc 15 (1926), ông mắc phải bệnh ngặt, vẫn gượng đè nén cơn bệnh đề xướng Phật thất để cầu thế giới thái bình, dự định khởi thất vào ngày mồng Hai tháng Chạp, đến ngày mồng Tám là viên mãn, thỉnh sư Phạm Thành chùa Tây Phương ở Quật Cảng[830] làm chủ thất, chi phí đều do thiện tín tự đóng góp, người dự hội niệm Phật hơn 40 người. Cư sĩ tuy đang bệnh nặng nhưng niệm Phật càng thêm tinh tấn như người không bệnh. Đến bảy giờ tối ngày mồng Sáu bèn ngồi niệm Phật qua đời. Những người đang tham dự hội càng thêm khẩn thiết niệm Phật, giúp cho ông được vãng sanh. Sau mấy tiếng đồng hồ, đỉnh đầu vẫn còn ấm, vẻ mặt chẳng khác gì lúc sống. Từ đây ta thấy được nguyện lực Di-đà, tâm lực chúng sanh, cả hai thứ đều chẳng thể nghĩ bàn. Ấy là vì chân như Phật

[829] Như Cao là một thành phố nhỏ thuộc tỉnh Giang Tô, giáp ranh Thượng Hải.
[830] Quật Cảng là một tiểu trấn thuộc huyện Như Đông, tỉnh Giang Tô.

tánh chúng sanh vốn sẵn có, chỉ nhờ vào nhân duyên để khải phát mà thôi! Như hạt giống đã gieo xuống đất, gặp mưa đúng thời bèn nảy mầm. Những kẻ trong cõi đời dùng sức chân như Phật tánh để hằng ngày theo đuổi tham sân si, giết trộm dâm, ví như đem châu ma-ni tùy ý tuôn ra các thứ báu quăng trong hầm xí, nên chẳng thể thụ dụng được, chẳng đáng buồn ư? Nghe đến phong thái của cư sĩ há chẳng thẹn đến chết ư?

36. Bài ký về chuyện vãng sanh của cư sĩ Sa Kiện Am

Ông Sa Kiện Am tên là Nguyên Bỉnh, người xứ Như Cao, tỉnh Giang Tô, phẩm hạnh, tu dưỡng, văn chương, đạo nghĩa thảy đều đáng nêu gương cho đời mạt. Cái học của ông trọng nơi tận lực thực hành chứ không chuộng từ chương, chí chuyên chú nơi tận hết bổn phận, chẳng hâm mộ vinh hoa, ân sủng. Vì thế, sau khi đỗ đạt bèn ở nhà thờ cha mẹ cho trọn hết phận con, chẳng ra làm quan. Thoạt đầu ông chẳng biết Phật là người như thế nào, kinh có nghĩa như thế nào, bèn theo đuổi những thuyết của Hàn, Âu, Trình, Chu, cho rằng Phật pháp có hại cho thánh đạo, chẳng có ích gì cho nước, cho dân. Đến sau cuộc quốc biến[831] năm Tân Hợi (1911), buồn bã khôn khuây, thường mang ý tưởng vượt thoát cõi đời, bèn thử đọc kinh Phật, thấy nghĩa lý tinh vi áo diệu, viên dung siêu thoát, mới biết Phật là vị đại thánh nhân, giáo pháp của ngài có những chuyện chẳng thể nghĩ bàn, như thoát ra khỏi hang tối được thấy mặt trời, khôn ngăn mừng rỡ, nhưng lại hết sức bi thương, tiếc cho mấy mươi năm chấp nhặt, hèn tệ. Từ đấy, âm thầm nghiên cứu, thọ trì đọc tụng để mong đích thân chứng được Phật tánh sẵn có, chẳng đến nỗi thường làm người luân hồi trong lục đạo.

Năm Dân Quốc 12 (1923), tức năm Quý Hợi, tuổi tròn hoa giáp (sáu mươi), tâm yếm thế càng thêm khẩn thiết, gặp đúng dịp pháp sư Đế Nhàn đến đất Như giảng A-di-đà Kinh Yếu Giải, đích thân được nghe giảng, biết được pháp môn Tịnh độ hoành siêu là đạo để bậc đại thánh Đẳng giác, tiểu phàm nghịch ác đều cùng trong đời này cậy vào Phật từ lực thoát khỏi Sa-bà lên cõi Cực Lạc, tùy theo căn tánh mà được chứng nhập. Do vậy bèn chuyên tu tịnh nghiệp để cầu vãng sanh. Năm sau, Thôi Ích Vinh lên núi quy y, có kể cho Quang nghe về học vấn, tu trì của cư sĩ, do vậy bèn nhờ ông Thôi đem bộ Văn Sao tặng cho ông ta. Năm sau nữa, Trần Chánh Hữu đem bản luận "Bài xích tệ ăn thịt uống rượu trong tang lễ" do ông Sa soạn đưa cho đọc, thấy trích kinh dẫn sử rõ ràng, khúc chiết, biết cái học của cư sĩ có căn bản, chí mong thành thánh thành hiền, tuy chưa gặp gỡ

[831] Tức cuộc cách mạng Tân Hợi, lật đổ Thanh Triều lập ra Dân Quốc.

nhưng tâm hai bên như đã có mối thần giao cách cảm. Mùa hạ năm ngoái, nghe Quang đến đất Hỗ (Thượng Hải) muốn đến gặp mặt, nhưng vì bệnh không ra khỏi cửa được nên chẳng thỏa nguyện, vẫn mong có ngày khác lên núi hỏi han. Đến lúc sắp lâm chung, chuyện trò cùng bè bạn vẫn lấy đó làm điều tiếc nuối. Nhưng đã sanh Tây Phương, thân cận Di-đà, dự vào hải chúng thì chẳng gặp được ông tăng chỉ biết có cơm cháo này há có thiếu sót chi!

Đến mùa thu, nách trái ông mọc cái ung, tiếp đó ho ra máu, đến mùa đông càng nặng. Thuốc Tây lẫn thuốc Tàu đều vô hiệu, há chẳng phải là do sức tu trì nên chuyển báo nặng đời sau thành báo nhẹ trong đời này để giải quyết cho xong túc nghiệp đấy chăng? Đến ngày 11 tháng Chạp, nằm bẹp trên giường không dậy được, bèn đem những trước tác lúc bình thời giao phó cho môn nhân là Hạng Bản Nguyên, Hoàng Văn Tuấn, dặn dò đại lược việc nhà, hơi hối hận chuyện trước kia đã phạm lỗi tán thành biến chùa Quảng Phước thành nơi họp hành, dời tượng Phật đi chỗ khác, sai con ông là Tấn bỏ ra 3.000 đồng sửa chữa Phật điện của Quảng Huệ Am ở Đông Môn để chuộc lỗi trước. Lại bảo quyến thuộc trong nhà ngày đêm thay phiên niệm Phật trước giường đến khi ông lâm chung cũng vẫn như thế, chẳng được tắm rửa, thay áo sẵn cũng như khóc lóc v.v.. Liệm bằng vải thô, đừng dùng trừu, đoạn[832]. Đám tang bất luận cúng quải hay đãi khách chẳng được dùng rượu thịt, "ta thường soạn luận trách đời, các ngươi chớ tùy thuận thói ác, hãm ta vào tội!" Lại thỉnh tăng trợ niệm để cầu cậy Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Lập hương án trước giường, thờ tượng Phật A-di-đà tiếp dẫn, mặt nhìn vào từ dung, miệng niệm, tâm nhớ, chuyên tinh nhất trí, không đề cập đến chuyện gì khác. Đêm 24, bệnh càng nguy ngập, tăng chúng đều đến trợ niệm, cư sĩ chánh niệm phân minh, hoặc niệm ra tiếng hoặc thầm niệm theo. Đến ngày 26, tuy chẳng nghe tiếng, miệng vẫn luôn mấp máy. Đến chiều, khí càng suy, người nhà và tăng chúng càng niệm khẩn thiết. Đến giờ Dậu, chợt qua đời, thoảng có mùi hương lạ. Đại chúng niệm Phật càng mạnh mẽ, hơn hai tiếng sau đỉnh đầu vẫn ấm, đến sáng hôm sau mới dứt tiếng niệm Phật để tắm rửa thay áo tẩn liệm, cất tiếng khóc. Con ông vâng lời dạy không trái nghịch, có thể nói là chân hiếu.

Ôi, cư sĩ Như có thể nói là túc căn sâu dày, kiến địa cao siêu, ngôn hạnh tương ứng, trong ngoài như một. Dựa theo mấy năm tu trì ấy và tín nguyện bình sinh, cảnh tượng khi lâm chung, có lẽ là trung phẩm thượng sanh đó chăng? Bởi lẽ ông hiếu dưỡng cha mẹ, làm điều nhân từ thế gian, đầy đủ tín nguyện thật sự, nhiếp

[832] Trừu (còn đọc là trù) là một loại vải lụa mỏng, mịn mặt, còn *đoạn* gần giống như vải satin hiện thời.

tâm tịnh niệm. Một khi được vãng sanh ắt đạt địa vị Bất thoái, chứng Vô sanh nhẫn, tu tập dần dần cho đến viên mãn Bồ-đề mới thôi, há còn tiếc nuối chi? Ở đây, tôi ghi lại tóm tắt những gì học trò ông là Hạng Bản Nguyên, con ông là Tấn, và học trò của tôi là Thôi Ích Vinh đã thuật, để sau này tập hợp thành Vãng Sanh Truyện và Ẩn Sĩ Sự Tích, nên mới có bài này.

37. Bài ký về chuyện thoát nạn của cư sĩ Trầm Dực Tiên

Phật xem hết thảy chúng sanh giống như con một, thương yêu không thiên vị, thường muốn độ thoát. Do hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham làm Phật, nên dù là kẻ nhất-xiển-đề hoàn toàn chẳng có tín tâm cũng không có một tâm niệm vứt bỏ. Nếu cơ duyên đã đến bèn tự có thể sanh lòng tin tưởng quy y, y giáo tu trì cho đến khi đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử. Do vậy kinh Lăng-nghiêm nói: "Mười phương Như Lai nghĩ thương chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con bỏ trốn, mẹ tuy có nhớ cũng không làm gì được! Nếu con nhớ mẹ như khi mẹ nhớ con thì mẹ con đời này qua kiếp khác chẳng hề xa nhau. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa. Như người nhiễm hương thân có mùi thơm." Kinh Pháp Hoa dạy: "Nếu có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sanh bị các khổ não, nghe đến danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát liền nhất tâm xưng danh thì Quán Thế Âm Bồ-tát liền ngay lập tức xem xét âm thanh ấy, khiến cho họ đều được giải thoát." Lại nói: "Vị Quán Thế Âm Bồ-tát này trong chỗ kinh sợ nạn gấp thường ban cho sự không sợ hãi, cho nên thế giới Sa-bà này đều gọi ngài là bậc Thí Vô Úy." Ấy là vì tâm chúng sanh và tâm Phật, Bồ-tát xét về thể hoàn toàn không khác, nhưng vì chúng sanh mê muội, trái giác hiệp trần, đến nỗi đây kia bị ngăn cách, chẳng được che chở. Nếu có thể trái trần hiệp giác, nhất tâm xưng danh sẽ tự nhiên cảm ứng đạo giao, được các ngài rủ lòng từ gia bị, dù gặp hiểm nạn cũng được không lo lắng. Cư sĩ Trầm Dực Tiên ở An Huy, trước kia không biết Phật, mùa xuân năm Bính Dần, xứ Kim Lăng mở pháp hội Kim Quang Minh, bèn dự hội tùy hỷ, đọc kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương[833], nhận thấy nghĩa lý tinh diệu, bèn nguyện

[833] Kinh Kim Quang Minh (Suvarnaprabhāsottama Sūtra) cùng với kinh Pháp Hoa, kinh Nhân Vương Hộ Quốc được coi là ba bộ kinh trấn giữ đất nước. Tụng kinh này sẽ được Tứ Thiên Vương hộ vệ quốc gia. Phẩm trọng yếu nhất của kinh này là phẩm Thọ Lượng. Trong phẩm này, Tín Tướng Bồ-tát nghi tại sao thọ mạng của Phật ngắn ngủi, chỉ có tám mươi năm, khi ấy, bốn phương Phật liền hiện thân nói tướng thọ mạng dài lâu của Phật. Phẩm trọng yếu thứ hai là phẩm Sám Hối, tán thán giáo pháp Kim Quang Minh và công đức của pháp sám hối Kim Quang Minh. Chú Thiện Thiên Nữ (Shri Devi) trong Thập Chú thuộc thời công phu buổi sáng trích từ kinh này. Kinh này gồm có năm bản dịch:

thường thọ trì. Nhân đó thỉnh một bộ, mỗi ngày tụng một quyển, mười ngày hết một bộ, đã hết bộ thì lại tụng từ đầu. Mùa hạ gia nhập quân đội ở đất Cám, việc quân bề bộn chẳng thể tụng kinh, chỉ thầm niệm thánh hiệu A-di-đà Phật và Quán Thế Âm Bồ-tát mà thôi. Tháng Tám mặt trận ở đất Cám tan vỡ, toàn quân chết sạch, chỉ mình ông ta được toàn thân mạng, mới biết Phật từ rộng lớn, cảm ứng không sai. Hiềm rằng bao nhiêu chúng sanh chẳng những không sanh lòng tin tưởng, trái lại còn hủy báng, đến nỗi vô duyên đại từ, đồng thể đại bi không cách nào tự nhận lãnh được. Ví như mặt trời rạng rỡ giữa trời, chiếu khắp muôn nước, kẻ đội chậu kia chẳng thấy được tướng ánh sáng, chẳng đáng thương ư? Về sau đọc được bộ Ấn Quang Văn Sao mới biết pháp môn Tịnh độ chính là đạo để hết thảy dù phàm hay thánh được liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, cậy vào Phật từ lực để vượt ngang ra khỏi tam giới, so với những pháp "thụ xuất" (vượt ra theo chiều dọc) cậy vào tự lực để đoạn hoặc chứng chân thì khó dễ khác biệt như trời với vực.

Đầu mùa đông trở về nhà, dọn riêng một tịnh thất để thờ Phật và thánh tượng Quán Âm, sáng tối lễ niệm để mong tiêu trừ túc nghiệp, tăng trưởng thiện căn, hầu sống làm người ba nghiệp thanh tịnh, chết ngự lên chín phẩm sen báu. Gởi thư cho Quang, xin viết bài ký, nhân đấy bèn đem nghĩa lý "Phật, Bồ-tát bình đẳng đại từ đại bi nghĩ thương chúng sanh, và chúng sanh do tin tưởng hay trái nghịch sai khác mà đến nỗi được che chở hay không" viết tặng cho, mong sao người không có lòng tin liền sanh chánh tín, người đã có lòng tin càng thêm gắng tu trì, chăm chú giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, khắc kỷ giữ lễ, dứt lòng tà, giữ lòng thành, vâng làm các điều thiện, không làm các điều ác, để sống làm hạng thánh hiền, mất dự vào cõi nước của Như Lai. Nếu ai nấy đều như vậy thì tranh chấp bị tiêu diệt, lễ nghĩa, nhân nhượng hưng thạnh, thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc, may mắn nào hơn? Nguyện những người thấy nghe đều tin tưởng chắc thật, tận lực thực hành.

---

1. Kinh Kim Quang Minh, bốn quyển do ngài Đàm-vô-sấm dịch vào thời Bắc Ngụy.

2. Kinh Kim Quang Minh Đế Vương, bảy quyển, do ngài Chân Đế dịch vào đời Trần.

3. Kinh Kim Quang Minh Cánh Quảng Đại Biện Tài Đà-la-ni, năm quyển, do ngài Da-xá-quật-đa dịch vào thời Bắc Chu (có thuyết nói do ngài Xà-na-quật-đa dịch).

4. Hiệp Bộ Kim Quang Minh Vương, tám quyển, do ngài Bảo Quý dịch và kết tập vào đời Tùy.

5. Kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương 10 quyển, do ngài Nghĩa Tịch dịch vào đời Đường.

Hai bản số 2 và 3 nay đã thất truyền, chỉ còn lại một phần. Bản của ngài Đàm-vô-sấm phổ biến nhất, kế đó là bản Kim Quang Minh Tối Thắng Vương của ngài Nghĩa Tịnh.

38. Bài ký trùng tu [cầu và đình thờ tượng] Quán Âm và sự linh cảm của Quán Âm Bồ-tát ở Đông Quan thuộc Vĩnh Xuân

Quán Âm Bồ-tát thệ nguyện hoằng thâm, từ bi rộng lớn, trọn khắp các cõi nhiều như vi trần, tùy loại hiện thân, tầm thanh cứu khổ, độ thoát chúng sanh. Do vậy mọi chỗ giao lộ, đường trọng yếu đa phần dựng miếu vũ để mong người qua lại trông thấy thánh tượng, sanh tâm cung kính, ngõ hầu đều được che chở. Huyện Vĩnh Xuân ở tỉnh Phước Kiến, xưa kia gọi là Đào Nguyên, núi sông đẹp đẽ, dân tình thuần phác. Cách ấp này mười dặm về phía Đông có một chỗ gọi là Đông Quan, giáp ranh với Nam An của Tuyền Châu, có con suối chảy ngang rộng bao nhiêu đó trượng. Thời Tống, dựng cây cầu bằng đá nhằm thuận tiện cho người đi đường. Nước chảy rất xiết, gặp khi mưa gió to, cầu liền bị nghiêng ngửa, hư hoại, cứ mỗi mười năm hoặc một trăm năm lại phải trùng tu cầu, [những lần sửa chữa được] chép đầy đủ trong huyện chí. Người trong ấp sùng mộ Phật giáo, lập đình chính giữa cầu thờ thánh tượng Quán Thế Âm Bồ-tát để người qua lại cùng gieo thiện căn.

Năm Quang Tự 34 (1908) đời Thanh, nhằm năm Mậu Thân, bị nạn lụt to, cầu hoàn toàn bị hủy diệt. Lúc cầu sắp bị phá hủy nhằm đúng nửa đêm, mưa gió dữ dội, đầu cầu có một người chủ tiệm tên là Trần X… đã ngoài 50 tuổi, rất ưa điều lành, tin Phật, đã ngủ say rồi, chợt nghe có tiếng gõ cửa rất gấp, kêu rất to: "Mau chạy lên cầu thỉnh tượng Bồ-tát ra", liền sực tỉnh. Tiếng gõ cửa càng gấp gáp hơn, liên tiếp gọi "đi mau!" Ông vội vàng mở cửa chẳng thấy ai cả, thấy thế nước cuồn cuộn, cây cầu lắc lư răng rắc, sắp sụp đến nơi. Mưa gió táp vào mặt chẳng quản, cứ chạy ào lên ngôi đình trên cầu bưng tượng Bồ-tát ra. Vừa rời khỏi cầu, nghe tiếng sụp đổ ầm ầm, đoạn chính giữa cầu đã bị sóng gió cuốn mất. Ông ta nói: "Thoạt đầu chẳng biết vì sao lại mạnh mẽ đến vậy, ắt là có thần giúp mới được như vậy. Ôi, lạ lùng thay!"

Một người trong ấp tên là Lý Nguyên Hiền có cha tên là Kế Như buôn bán ở Tinh Châu (Singapore), cửa nhà khá dư giả, nhiệt tâm làm chuyện công ích, bèn đề xướng quyên mộ trùng tu cầu với các bạn kiều bào ở Tinh Châu. Đến năm Giáp Dần (1914) thời Dân Quốc cầu mới xây xong. Đến năm Bính Thìn (1916) lại bị nạn gió lốc, ngôi đình trên cầu cùng gỗ lót cầu đều bị hủy hoại. Dân trong làng bèn rước Bồ-tát về thờ trong ngôi miếu gần đó; thế đạo rối loạn, suy tàn, chuyện xây cầu không ai nhắc đến nữa. Mẹ ông Nguyên Hiền là Hoàng Thái Phu Nhân đến miếu thắp hương, đi qua chỗ này, vô cùng cảm thương, ý muốn trùng tu. Đêm mộng thấy Bồ-tát hiện thân sắc vàng trang nghiêm rạng rỡ, bảo: "Chỉ có

bà mới có thể vì ta dựng lại cây cầu này và thờ phụng ta, hãy làm nhanh hòng để phước lại cho con cháu.” Nhìn từ đây đủ thấy Bồ-tát chỉ luôn tâm niệm lợi ích chúng sanh, vừa thấy được thánh tượng liền gieo thiện căn thành Phật cho tương lai. Vì thế ngài đặc biệt dạy sửa chữa cầu cũng như thờ phụng thánh tượng.

Phu nhân Thái bèn gởi thư khuyên ông Hiền hãy bỏ tiền dựng lại cầu, bèn cử người trong ấp là những ông X… trông nom. Đến tháng Hai năm Quý Hợi (1923) hoàn tất, nhân sĩ trong vùng soạn hoành phi, đối liễn ca tụng. Lại rước tượng Bồ-tát về thờ trong ngôi đình trên cầu. Do nhân duyên này, hương đèn càng thạnh. Người trông coi khi trước là ông X… gần đây đến Tinh Châu kể lại chuyện linh ứng của Bồ-tát, người trong ấp đều muốn lập bia nơi đình, một là để tỏ rõ dấu tích linh thiêng của Bồ-tát, hai là phát khởi nhiệt tâm cho người đời sau. Do thấy chuyện này có liên quan rất lớn đến thiện căn của người trong ấp nên Nguyên Hiền bèn gởi thư cho Quang xin soạn bi ký. Sách Luận Ngữ có câu: “Không phải cha như thế sẽ không thể sanh được con như thế.” Lại nói: “Muốn biết cha hãy nhìn vào con.” Cầu này thoạt đầu do ông Kế Như xướng suất trùng tu, tiếp đến do Hoàng Thái Phu Nhân trùng tu. Nguyên Hiền kính nối tiếp chí cha, tận vâng lệnh mẹ, chẳng tiếc khoản tiền lớn lao để mong vui lòng mẹ, lợi lạc người trong ấp. Tâm ấy cố nhiên khế hợp với tâm phổ độ chúng sanh của Bồ-tát. Người đời muốn được Bồ-tát gia bị, cầu được tiêu tai chướng, tăng phước thọ, hãy nên cầu nơi việc dốc sức hành hiếu hữu, lợi nhân lợi vật thì cầu gì mà chẳng được!

VII. TẠP TRƯỚC[834]

1. Diễn thuyết tại phân hội Phật giáo Triều Dương - Bài 1 (viết thay sư Liễu Thanh)

Đức Đại Giác Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni Phật ta trong trần điểm kiếp trước đã sớm thành Chánh giác, vì độ chúng sanh nên bao lượt hiện sanh, bao lần hiện diệt. Xét đến lần xuất thế này, nhằm năm Giáp Dần tức năm 26 đời Chu Chiêu Vương[835], giáng sanh nơi Trung Thiên Trúc trong cung vua Tịnh Phạn[836] nước Ca-tỳ-la-vệ. Mẹ ngài là phu nhân Ma-gia, nhằm ngày mồng Tám tháng Tư vào dạo chơi vườn Lâm-tỳ-ni[837], trông thấy cây Vô Ưu[838] nở đầy hoa, dùng tay phải vịn cành toan hái, đức Thế Tôn bèn sanh ra đời từ hông phải của mẹ. Phật một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất, mắt nhìn bốn phương, đi đủ bảy bước, nói: "Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn." Đến năm 19 tuổi, vào nửa đêm ngày mồng Tám tháng Hai cưỡi ngựa Càn Trắc (Kanthaka), vượt thành bỏ đi, vào thẳng núi sâu tu đạo xuất thế. Lại muốn chỉ rõ ngoại đạo đều chẳng phải là chánh pháp nên ngài lại đi khắp nơi trong suốt năm năm, tham học với khắp các tiên nhân. Sau đó, ngồi một mình quán tâm, ngày ăn một hạt mè hay một hạt lúa mạch, khổ hạnh sáu năm. Ngày mồng Tám tháng Chạp, đúng lúc sao Mai vừa mọc, ngước mắt nhìn chợt hoát nhiên đại ngộ, than rằng: "Lạ thay, lạ thay! Hết thảy chúng sanh có đủ đức tướng, trí tuệ của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng thì nhất thiết trí, tự nhiên trí, vô ngại trí liền được hiện tiền."

---

[834] Những bài viết không thuộc một thể loại nhất định được gọi chung là "tạp trước".

[835] Chu Chiêu Vương (Cơ Hà) làm vua từ năm 979 trước Công Nguyên đến năm 961 trước Công Nguyên, như vậy năm 26 đời Chu Chiêu Vương là năm 953 trước Công Nguyên. Nhưng Chu Chiêu Vương chỉ làm vua 19 năm, có lẽ nguyên bản sách này bị khắc sai. Theo ngu ý, có lẽ là Chu Mục Vương (960 trước Công Nguyên đến 923 trước Công Nguyên) thì đúng hơn, vì ông này làm vua đến 38 năm.

[836] Vua Tịnh Phạn (Śuddhodana), còn được phiên âm là Thủ-đồ-đà-na, Thâu-đầu-đàn-na, Duyệt-đầu-đàn, dịch nghĩa là Tịnh Phạn, Bạch Tịnh, hay Chân Tịnh. Theo kinh Khởi Thế, quyển 10, vua là con trưởng của Sư Tử Giáp (Simhahanu). Vua thọ 76 tuổi, và cũng được Phật khuyến hóa, nhiệt thành tu tập, đắc Sơ quả.

[837] Bản tiếng Hán ghi là Tỳ-lâm-ni, e rằng bị in sai vì vườn này có tên tiếng phạn Lumbini.

[838] Cây Vô Ưu (Aśoka) còn phiên âm là A-thâu-ca, A-thúc-ca, A-thư-ca, dịch ý nghĩa là Vô Ưu, tên khoa học là Jonesia Asoka Roxb, là một loài cây thuộc họ đậu, rất phổ biến tại chân núi Himalaya, Tích Lan và bán đảo Mã Lai. Thân cây mọc thẳng, lá kép hình giống lông vũ loài chim, hoa to từ sáu đến 10 cm, có màu đỏ tươi rất bắt mắt. Quả có hình nón, dài hơn 20 cm. Trong văn học Ấn Độ, loại cây này được tượng trưng cho điềm lành.

Phải biết, đức Thế Tôn xuất gia, tham học, khổ hạnh, ngộ đạo đều nhằm làm gương cho những người tu hành đời sau, chứ không phải trước đó ngài thật sự chưa ngộ, đến lúc ấy mới ngộ đâu! Chuyện này vào đúng năm Quý Mùi tức năm thứ hai đời Chu Mục Vương (năm 959 trước Công Nguyên). Từ đấy tùy thuận cơ nghi độ thoát chúng sanh, thuyết pháp 49 năm, giảng kinh hơn 300 hội, thiên - viên, đốn - tiệm, đại - tiểu, quyền - thật, quán sát căn cơ ban giáo pháp thích hợp khiến cho người nghe được lợi ích. Đến ngày Rằm tháng Hai năm Nhâm Thân tức năm thứ 52 (909 trước Công Nguyên) đời Chu Mục Vương, do hết thảy chúng sanh căn tánh chín muồi đều đã chứng đạo quả, người căn cơ chưa chín muồi cũng đã tạo được nhân duyên đắc độ, sự nghiệp một đời đã xong, liền thị hiện nhập Niết-bàn, phân pháp thân trượng sáu được sanh bởi định tuệ thành tám hộc xá-lợi kim cang bất hoại, phân bố khắp cõi trời, nhân gian dựng tháp cúng dường, khiến cho khắp mọi chúng sanh đều gieo thiện căn.

Đến năm Vĩnh Bình thứ bảy (64) tức năm Giáp Tý đời Hán Minh Đế, vua mộng thấy người vàng, phía sau cổ có viên quang[839], bay đến trước sân điện. Sáng ra hỏi quần thần đó là điềm lành gì? Thái sử Phó Nghị tâu rằng: "Tây Vực có vị thần hiệu là Phật, vị bệ hạ mộng thấy chắc là ngài đó!" Vua liền sai quan Bác Sĩ Vương Tuân, Trung Lang Tướng Tần Cảnh, Lang Trung Thái Âm v.v., mười tám người đi cầu Phật pháp, đến xứ Nhục Chi[840] gặp hai vị tôn giả Ca-diếp-ma-đằng,

[839] Viên quang: Quang minh tỏa ra quanh đầu Phật có hình tròn nên gọi là viên quang.

[840] Nhục Chi (Kusana): Tên một quốc gia tồn tại vào đầu thế kỷ thứ ba trước CN đến thế kỷ thứ năm, nằm vào phía Tây Bắc Ấn Độ, thuộc lưu vực sông Hằng. Theo Hán sử, thoạt đầu tộc người Nhục Chi sống ở vùng Đông Bắc Trung Quốc thuộc khu vực Đôn Hoàng, Kỳ Liên sơn. Đầu đời Hán, do tránh nạn Hung Nô xâm lăng họ phải thiên di sang Tây, thôn tính các tộc người Saka, Ô Tôn, Đại Hạ (Bactria), chiếm cứ phía Bắc sông A Mẫu, tự xưng hiệu là Đại Nhục Chi, những người còn ở lại vùng Đôn Hoàng (nay thuộc vùng phụ cận thành phố Tây Ninh) tự xưng là Tiểu Nhục Chi. Vua Đại Nhục Chi đóng đô tại thành Lam Tử phía Bắc A Phú Hãn (Afghanistan), giao cho năm vương hầu thuộc giống Đại Hạ cai quản vùng đất cũ. Mấy trăm năm sau, Quý Xương hầu là Khưu Tựu Khước (Kujura Kadphises) diệt bốn vương hầu kia, chiếm ngôi vua Đại Nhục Chi, đổi quốc hiệu là Quý Xương (Kushān), lại chinh phục An Tức (Parthia), thôn tính Kabul, tiêu diệt Kế Tân (Dardisthan), chiếm đóng vùng Ngũ Hà (Panjab) của Ấn Độ. Do vậy, sử gọi thời đại này là Quý Xương vương triều, nhưng người Hán vẫn gọi là Đại Nhục Chi. Con của Kujura là Wema Kadphises II lại chiếm lãnh Bắc Thiên Trúc, cử người làm giám quốc xứ Kiện-đà-la. Vua Wema đặc biệt chú trọng phát triển giao dịch, giao thương cả với La Mã, cho đúc tiền bằng kim loại. Do giao thương với Tây Phương, ở Quý Xương hình thành nền nghệ thuật Phật giáo chịu ảnh hưởng Hy Lạp, thường gọi là nền mỹ thuật Kiện-đà-la (Gandhara). Hậu duệ là vua Ca Nhị Sắc Ca (Kaniska) càng mở rộng lãnh thổ, đóng đô tại Purusapura, bảo hộ Phật giáo, kiến thiết chùa tháp. Vua lại còn nhóm họp năm trăm vị A-la-hán tại nước Ca-thấp-di-la để soạn bộ luận Đại Tỳ-bà-sa. Sự cống hiến của vua đối với

Trúc Pháp Lan, thỉnh kinh tượng Phật, muốn hóa độ phương này bèn thỉnh hai ngài cùng sang Trung Hoa. Đến năm Vĩnh Bình thứ 10 (67) mới về đến Lạc Dương[841], tạm ngụ tại Hồng Lô Tự[842], sau lập nơi đó thành già-lam[843]. Nhân vì dùng ngựa trắng chở kinh, ở nhờ Hồng Lô Tự, nên bèn đặt tên chùa là Bạch Mã Tự.

Vua hỏi ngài Ma-đằng: "Đức Đại Giác Thế Tôn vì sao chẳng sanh tại Trung Quốc?" Ngài Ma-đằng đáp: "Nước Ca-tỳ-la-vệ nằm chính giữa đại thiên thế giới, ba đời chư Phật đều sanh nơi đấy, những quốc độ ở chung quanh chừng mấy trăm năm hoặc hơn ngàn năm, thanh giáo[844] sẽ dần dần truyền đến. Cõi này thuộc phương Đông nhưng tự xưng là Trung Quốc vậy!" Do vua hết sức tôn sùng coi trọng Phật pháp là đạo mới truyền đến nên các đạo sĩ các núi thuộc Ngũ Nhạc[845] mang lòng ganh ghét.

Phật giáo chỉ kém vua A-dục. Các vị luận sư trứ danh như ngài Long Thọ, Mã Minh đều sống vào thời đại vua Ca Nhị Sắc Ca. Đại Nhục Chi nằm giữa Trung Ấn và Trung Hoa nên đóng vai trò môi giới đặc biệt giữa hai nền văn hóa. Các vị pháp sư đại đức nổi tiếng trong thời kỳ sơ khởi Phật giáo ở Trung Hoa đều là người Đại Nhục Chi như các vị Ca-diếp-ma-đằng, Chi-lâu-ca-sấm, Chi Diệu, Chi-cương-lương-tiếp… Các vị hoằng pháp nổi danh như Chi Lương, Chi Khiêm, Trúc Pháp Hộ, Chi Pháp Độ, Chi Đạo Căn, Chi Thi Luân đều có tổ tiên là người Đại Nhục Chi. Vào giai đoạn Trung Kỳ Phật giáo cũng có những vị pháp sư trứ danh xuất thân từ Đại Nhục Chi như Diệu Âm, Pháp Thắng, Đàm-ma-nan-đề, Phù-đà-bạt-ma, Di-đà-sơn, Đạt-ma-mạt-ma v.v..

[841] Lạc Dương nằm ở phía Tây tỉnh Hà Nam, do nằm phía Nam sông Lạc Thủy nên có tên này.

[842] Hồng Lô Tự vốn là một cơ quan đặc trách lễ tân của triều đình. Cơ quan này có nhiệm vụ tiếp đãi các sứ đoàn ngoại quốc đến kinh đô cũng như hướng dẫn nghi lễ triều đình cho sứ bộ và các quan ở ngoài về kinh chầu vua. Thoạt đầu, *tự* chỉ có nghĩa là một cơ quan hành chánh.

[843] Già-lam là gọi tắt của tiếng Phạn Sanghārāma, dịch nghĩa là chúng viên, tăng viên, tăng viện. Nghĩa gốc là nơi rừng hay vườn cây để chúng tăng ở, về sau dùng để chỉ chung chùa chiền của tăng chúng. Một ngôi tăng-già-lam phải có đủ bảy kiến trúc, gọi là thất đường già-lam. Tùy theo tông phái và thời đại mà bảy thứ kiến trúc này hơi khác biệt, nhưng thông thường gồm có: tháp (để thờ xá-lợi), kim điện (tức chánh điện thờ Phật), giảng đường, lầu chuông, tàng kinh lâu, tăng phòng và trai đường. Chánh điện và tháp luôn xây ở phía Nam. Riêng các tự viện Thiền tông lại quy định thất đường là Phật điện, pháp đường (tức giảng đường) nằm phía sau Phật điện, tăng đường (tức thiền đường hay còn gọi là vân đường, vừa làm chỗ tọa thiền vừa là chỗ nghỉ ngơi của tăng chúng. Nơi này bắt buộc phải thờ tượng Văn-thù Bồ-tát), khố phòng (nhà kho và nhà bếp), sơn môn (cửa tam quan), tây tịnh (nhà vệ sinh), dục thất (hoặc ôn thất, tức nhà tắm). Trong tăng đường, tây tịnh và dục thất cấm ngặt trò chuyện nên ba đường này được gọi chung là *tam mặc đường*.

[844] Do cõi Sa-bà dùng âm thanh làm Phật sự, tức là chúng sanh phải nhờ nghe tiếng thuyết pháp mới lãnh hội được giáo pháp nên gọi là "thanh giáo".

[845] Ngũ Nhạc gồm Đông Nhạc Thái Sơn (thuộc huyện Thái An, tỉnh Sơn Đông), Tây Nhạc Hoa Sơn (thuộc huyện Hoa Dương, thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây), Trung Nhạc Tung Sơn (thuộc thành phố Đăng Phong, tỉnh Hà Nam), Bắc Nhạc Hằng Sơn (thuộc huyện Hỗn Nguyên,

Đến năm Vĩnh Bình 14 (71), nhằm ngày mồng Một tháng Giêng, bàn định việc triều chánh xong, các đạo sĩ dâng biểu xin tỷ thí, vua chấp nhận. Đến ngày Rằm ở ngoài cửa Nam chùa Bạch Mã, dựng đài đặt kinh lên, dùng lửa để thử. Các kinh Đạo giáo đều bị cháy tiêu, tượng Phật và kinh thảy đều phóng quang. Ngài Ma-đằng thân vọt lên hư không, hiện các thứ thần biến. Ngay khi ấy tể quan, Nho gia, dân chúng, đạo sĩ, phi tần v.v. hơn một ngàn người xuất gia. Vua liền lập mười ngôi chùa, bảy ngôi chùa dành cho tăng, ba ngôi dành cho ni. Nhưng khi ấy, Đông và Tây chưa hoàn toàn thông thương, người qua lại còn ít, nên Phật pháp chỉ được lưu truyền ở phương Bắc. Đầu thời Tam Quốc có ngài Khang Tăng Hội mới bắt đầu hoằng hóa ở đất Ngô, đến đời Tấn mới truyền bá khắp toàn quốc, lại truyền khắp các nước Cao Ly, Nhật Bản, Tiêm La, An Nam, Diến Điện, Mông Cổ. Phật pháp khởi đầu từ đời Hán, khuếch trương vào đời Tấn, đến đời Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy thì ngày càng hưng thạnh.

Đến đời Đường thì Luật, Giáo, Thiền, Tịnh, Tánh, Tướng các pháp không gì chẳng trọn đủ. Vào thời Ngũ Đại, Phật giáo ở phương Bắc hơi suy, phương Nam vẫn còn hưng thạnh. Đến đời Tống thì khí tượng của pháp môn chẳng kém đời Đường. Đời Nguyên, người Mông Cổ vào ải lên ngôi vua, tôn sùng kính trọng Phật pháp chẳng kém những triều đại trước. Các vua đời Minh vẫn rất sùng tín Phật giáo, chỉ có triều Gia Tĩnh (1522-1566, niên hiệu của Minh Thế Tông) là sùng tín Đạo giáo, hơn 40 năm pháp vận hơi suy. Từ niên hiệu Vạn Lịch (1573-1620, niên hiệu của Minh Thần Tông) trở đi, lại hưng thạnh trở lại. Cho đến đời Thanh, càng hết sức tôn sùng kính trọng. Thế tổ Chương Hoàng Đế (Thuận Trị) chẳng xét thời cơ, kính tuân theo chế định của Phật, bãi bỏ lệ thí tăng độ điệp, cho được tùy ý xuất gia. Đương thời, cao nhân như rừng, lệnh ấy quả thật có ích. Từ đời Càn Long trở về sau, pháp đạo ngày càng kém, lại thêm giặc tóc dài, giặc Hồi tàn sát tăng lữ, thiêu hủy chùa chiền, pháp luân gần như ngừng xoay. Từ đấy, bậc triết nhân ngày càng hiếm hoi, bậc gương mẫu ngày càng ít ỏi, những phường kém cỏi, bại hoại, vô lại do chẳng phải thi làm tăng nên xen lẫn vào tăng chúng khá nhiều, buôn bán Như Lai, tạo đủ các nghiệp, khiến cho những người thấy biết nông cạn báng bổ đủ đường, đến nỗi có các hành vi sai trái như đuổi tăng, phá

---

tỉnh Sơn Tây) và Nam Nhạc Hành Sơn (thuộc huyện Hành Sơn, tỉnh Hồ Nam). Ngũ Nhạc đánh dấu ranh giới Trung Nguyên thời cổ và tương ứng với *ngũ hành* trong quan niệm Dịch Học. Theo truyền thuyết, Bàn Cổ (thủy tổ người Hán) sau khi chết, đầu và tứ chi hóa thành Ngũ Nhạc. Vì thế, Đạo giáo coi đây là những ngọn núi thiêng, đặc biệt sùng bái sơn thần những núi này.

chùa. Tuy do vô tri cho nên làm bừa, nhưng nói chung là vì tăng giới không có người, hạnh lẫn giải đều khuyết, chẳng thể dùng pháp để cảm hóa người khác mà ra.

Xét từ khi pháp được truyền sang Trung Quốc, vua chúa các đời không ai không sùng phụng. Chỉ có Tam Võ diệt Phật, nhưng rồi Phật pháp lại được hưng thạnh. Ví như mùa đông thời ngưng đọng kiên cố chính là để thành tựu cho lúc xuân - hạ nảy mầm tăng trưởng. Mặt trời giữa hư không, một tay bưng bít nổi sao? Ngửa mặt nhổ lên trời, bẩn ngược thân mình! Tam Võ là Ngụy Thái Võ Đế, Chu Võ Đế, Đường Võ Tông, thoạt đầu đều tin Phật pháp, hết sức tu tập. Ngụy Võ Đế tin lời sàm tấu mê hoặc của Thôi Hạo, Chu Võ Đế nghe lời sàm báng của Vệ Nguyên Tung, Đường Võ Đế tin lời vu báng của Lý Đức Dụ và đạo sĩ Triệu Quy Chân. Hủy diệt chưa bao lâu, người chủ trương, kẻ tán trợ đều mắc phải tai ương thật nặng. Ngụy Võ Đế phế giáo xong, chưa đầy năm sáu năm sau, Thôi Hạo bị diệt tộc mà chính vua cũng bị ám sát. Thái tử nối ngôi lại đại hưng Phật giáo. Chu Võ Đế phế giáo xong, Nguyên Tung bị biếm truất, chết đi; chưa tròn năm năm nhà vua thân mắc phải bệnh dữ, khắp thân lở lói, chết chưa được ba năm, Tùy Văn Đế học thiền lại đại hưng Phật giáo. Đường Võ Tông phế Phật giáo xong, chưa đầy một năm Quy Chân bị giết, Đức Dụ chết trong khi bỏ trốn, Võ Tông uống kim đan của đạo sĩ, lưng mọc ung nhọt chết tốt. Tuyên Tông lại đại hưng Phật giáo.

Tống Huy Tông lúc đầu cũng rất tin Phật giáo, sau nghe lời yêu vọng của đạo sĩ Lâm Linh Tố, bèn đổi tượng Phật theo hình tượng Đạo giáo, gọi Phật là Đại Giác Kim Tiên, gọi tăng là đức sĩ, bắt mặc áo đạo sĩ, phàm mỗi khi làm pháp sự phải đứng sau các đạo sĩ. Vua xuống chiếu không lâu, kinh thành bị lụt to hệt như hồ, biển. Vua tôi hoảng sợ, vua sai Linh Tố ngăn nước, càng ngăn nước càng dâng, chợt có đại thánh Tăng Già hiện nơi cung cấm, vua đốt hương van xin, ngài Tăng Già chống tích trượng lên mặt thành nước liền cạn ngay, do vậy vua bèn sắc truyền khôi phục quy chế cũ cho Phật giáo. Chưa đầy sáu bảy năm, cả cha lẫn con bị giặc Kim bắt đi, người Kim phong Huy Tông làm Hôn Đức Hầu, phong cho Khâm Tông làm Trọng Hôn Hầu. Huy Tông lẫn Khâm Tông đều chết ở thành Ngũ Quốc[846].

Phật chính là đại sư tam giới, là cha lành của bốn loài, là bậc thánh của các thánh, là trời của các trời, dạy người bỏ vọng về chân, trái trần hiệp giác, hiểu rõ

[846] Thành Ngũ Quốc nay thuộc huyện Y Lan, tỉnh Hắc Long Giang.

hoặc nghiệp huyễn vọng, khôi phục tâm tánh sẵn có, cảm ân, báo đức, hộ trì, lưu thông còn chưa xuể, há có thể cậy thế lực một thời để diệt con mắt tuệ của chúng sanh, cắt đứt con đường bằng phẳng của trời người, đào hầm sâu địa ngục để chuốc lấy báo ứng nhãn tiền, bao kiếp trầm luân, để lại tấm gương tầy đình cho đời sau chê cười ư? Kinh Thư chép: "Thuận lý dẫn đến điều lành, trái nghịch thì xấu, đều do ảnh hưởng." Nhân quả báo ứng cũng là mẫu mực thánh trong Nho giáo, nhưng chưa phát huy sâu xa đến cùng cực. Do vậy đa phần con người ám muội không hiểu rõ. Từ đời Hán đến nay đã hơn 1.800 năm, từ thiên tử cho đến thứ dân, người nương theo Phật pháp để minh tâm kiến tánh, liễu sanh thoát tử nhiều như cát sông Hằng. Đến nay nền Dân Quốc được xây dựng, danh nhân các giới đều biết Phật pháp là nguồn cội của đạo thế gian lẫn xuất thế gian nên bảo vệ, hộ trì, tán trợ.

Xứ Quảng Đông chúng ta chính là cuộc đất hoằng pháp thù thắng đã hơn một ngàn năm, một mạch Tào Khê[847] lưu truyền khắp trong nước ngoài nước. Linh Sơn ở Triều Châu là nơi thiền sư Đại Điên (sư húy là Bảo Thông, người họ Dương ở Triều Châu, tham học với thiền sư Nam Nhạc Thạch Đầu Hy Thiên được đại ngộ, bèn nối pháp ấy trụ tại Linh Sơn ở Triều Châu. Thứ sử Hàn Thoái Chi lúc đầu không tin Phật, thường viết văn bài xích, đến năm Nguyên Hòa 14 đời Đường Hiến Tông (819) vì can gián nhà vua làm lễ nghênh đón xương Phật nên bị biếm xuống Triều Châu. Do đó bèn qua lại với Đại Điên, mới sanh lòng tin tưởng đôi chút) đã nhiếp phục được bậc đại Nho báng Phật, là nơi đạo tràng thù thắng nhập Phật pháp.

Đến nay pháp vận tuy suy, đất vẫn còn thù thắng như cũ. Các vị cùng quy y thuộc tăng giới chúng ta ai nấy hãy nên lấy cổ nhân làm thầy, thấy người hiền mong được bằng, tinh tấn dũng mãnh, tận lực tu tịnh nghiệp, ngõ hầu tông phong chẳng đến nỗi suy bại sát đất, làm nhục pháp môn. Huống chi ngoại hộ đã có

[847] Tào Khê là một con sông ở Thiều Châu (nay thuộc phía Đông Nam huyện Khúc Giang, tỉnh Quảng Đông), phát nguyên từ núi Cẩu Nhĩ (tai chó), chảy về Tây hợp lưu cùng sông Tấu Thủy. Do sông chảy qua vùng mộ Tào Hầu nên còn gọi là Tào Hầu Khê. Năm Thiên Giám nguyên niên (502) đời Lương, người Bà-la-môn xứ Thiên Trúc tên là Tam Tạng Trí Dược đến cửa sông Tào Khê, uống nước biết nguồn sông là cuộc đất thù thắng, bèn khuyên người dân trong thôn dựng chùa. Do cuộc đất nơi ấy giống như vùng Bảo Lâm Sơn ở Ấn Độ nên đặt tên chùa là Bảo Lâm. Trí Dược tiên đoán 170 năm sau, sẽ có một vị nhục thân Bồ-tát khai diễn vô thượng pháp môn tại đây. Đến mùa xuân năm Nghi Phụng thứ hai (677) đời Đường, Lục tổ Huệ Năng xuống tóc, thọ giới cụ túc với ngài Ấn Tông tại đây. Do vậy, tổ còn được gọi là Tào Khê Cổ Phật hoặc Tào Khê Cao Tổ.

người thì nội tu không chướng ngại, há có nên không tự gắng sức để đẩy lùi cơn sóng hung cuồng nghiêng ngửa, nối tiếp huệ mạng sắp bị dứt, hòng báo ân Phật trong muôn một ư?

2. Diễn thuyết tại phân hội Phật giáo Triều Dương - Bài 2

Ngày hôm nay tăng tục vân tập, hội tốt lành rộng mở. Danh nghĩa, tông chỉ, sự nghiệp, lợi ích rốt cuộc là như thế nào? Xin trình bày đại lược! Nói đến danh nghĩa thì danh (tên gọi) là "Triều Dương Phật giáo phân hội". Về nghĩa thì Phật chính là giác: tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn thì gọi là Phật, chỉ cho đức giáo chủ Sa-bà Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật, chứ không phải mười phương hết thảy chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai. Giáo có nghĩa là lời thánh nhân dạy cho người dưới, là pháp để người trên thi hành, người dưới bắt chước theo. Phật thấy bổn giác diệu tánh của hết thảy chúng sanh không khác gì chính ngài, nhưng do nhân duyên mê nhiễm nên trở thành bất giác, huyễn khởi phiền não hoặc nghiệp, oan uổng chịu khổ quả sanh tử. Do vậy, đem cái lý chúng sanh vốn có do chính ngài đã chứng để thuận theo căn tánh của họ nói đủ mọi cách thiên - viên - đốn - tiệm, đại - tiểu - quyền - thật khác biệt, khiến cho họ từ tâm bất giác khởi lên trí thỉ giác, tu đức hữu công, tánh đức mới hiển hiện. Chân cùng, vọng tận, triệt chứng bổn giác. Giáo pháp của cả Đại tạng đều giảng về nghĩa này, các đệ tử Phật vĩnh viễn lấy đó làm khuôn phép. Đấy chính là nguyên do của giáo vậy. Hội là tụ (nhóm lại), là hợp lại. Muốn trên cầu Phật đạo, nếu không tụ hợp lục độ vạn hạnh thì không có cách gì hết. Muốn dưới là lợi lạc chúng sanh mà chẳng tụ hợp tam tông tứ giáo[848] sẽ không thể được. Nay hội này tụ hợp các vị đại đức thuộc hai giới tăng tục, đồng tâm tận lực duy trì pháp môn, chấn hưng Phật giáo, trên là

---

[848] Theo Hoa Nghiêm tông thì Đại thừa Phật giáo có thể chia thành ba tông như sau:

1. Pháp Tướng tông: Chủ trương hết thảy hữu lậu vọng pháp và vô lậu tịnh pháp từ vô thủy đến nay, pháp nào cũng đều có chủng tử trong a-lại-da thức, do gặp duyên huân tập, đều từ tự tánh khởi lên, chẳng dính dáng đến chân như.

Do vậy, từ nơi sắc pháp và tâm pháp, lập ra các danh tướng như *ngũ vị bách pháp, tam tánh nhị vô ngã, tứ trí tam thân* v.v… Du-già tông, Duy Thức tông v.v… thuộc về Pháp Tướng tông.

2. Phá Tướng Tông: Chủ trương hết thảy các pháp tịnh - nhiễm, phàm - thánh đều không, vốn vô sở hữu, như mộng, như huyễn. Vì thế, các giáo nghĩa như Bát Bất Trung Đạo, Tứ Cú Bách Phi v.v… phá hết thảy các pháp tướng. Tam Luận Tông thuộc về Phá Tướng Tông.

3. Pháp Tánh Tông: Chủ trương y Chân khởi vọng, Chân Như bất biến, chẳng ngại tùy duyên. Như nói Pháp Thân lưu chuyển ngũ đạo, Như Lai Tạng thọ khổ lạc v.v… hễ ngộ vọng chính là chân thì chân - vọng bất nhị. Tâm hết thảy chúng sanh chẳng do đoạn Hoặc mà được thanh tịnh, nó vốn sẵn thanh tịnh. Đấy chính là pháp tánh của tâm hết thảy chúng sanh. Thiên Thai Tông, Hoa Nghiêm Tông thuộc về Pháp Tánh Tông. Tứ giáo là Tạng, Thông, Biệt, Viên.

giúp cho nước nhà, dưới là giáo hóa đồng bào. Nhưng hội này cũng chính là hội tốt lành của đấng Pháp Vương, thuộc về hội pháp thí. Tông chỉ là "chỉnh lý pháp môn, bảo vệ tài sản của tăng, khiến cho tăng lẫn tục đều thấu hiểu trung hậu, khoan thứ, từ bi, vĩnh viễn hưởng hạnh phúc cộng hòa". Sự nghiệp là giáo dục những tăng sĩ còn nhỏ học tập kinh điển, cổ vũ, khuyến khích họ tiến lên, dốc sức tu tịnh nghiệp. Nếu là tại gia cư sĩ thì chú trọng mong cho họ chuyên niệm A-di-đà Phật, cầu sanh Tây Phương. Lợi ích là giữ gìn giới cấm của Phật, tự hành, dạy người thì phong tục tốt đẹp, con người thuận hòa, y giáo tu quán, đoạn hoặc chứng chân để siêu phàm nhập thánh.

Thầy thuốc trị bệnh hễ bệnh hòa hoãn thì vun bồi cái gốc, hễ bệnh cấp bách thì trị cái ngọn. Ngoại giới xâm đoạt chính là cái bệnh nơi đằng ngọn của pháp môn. Do đây là căn bệnh cấp bách nên lấy chuyện bảo vệ tài sản của tăng làm đầu. Nếu luận về đạo "gốc chánh nguồn trong" thì những người cùng một sắc áo với tôi nếu ai nấy đều tận lực giữ trọn thanh quy, dốc lòng tu tịnh nghiệp, nếu thân mình tự lập được đạo hạnh thì đức sẽ cảm hóa đồng nhân, những kẻ thường mưu tính xâm đoạt, bài xích sẽ đâm ra cung kính, cúng dường còn không kịp, cần gì phải bảo vệ nữa? Nếu hội Phật giáo dù có lập mà hạnh vẫn y như cũ thì người lành sẽ chán ghét, kẻ ác ắt sẽ có chứng cớ cho lời gièm báng "Phật giáo vô ích", càng thêm xâm đoạt, bài xích; dù có muốn bảo vệ cũng không cách gì thi thố được! Câu nói của Mạnh tử: "Phàm con người phải tự khinh thì sau đó người khác mới khinh mình được, nhà phải tự hủy rồi sau người ta mới hủy được, nước phải tự diệt rồi người ta mới diệt được", chính là nói đến ý này vậy. Phàm những ai cùng một sắc áo với tôi, xin hãy gắng sức, nội hộ đắc pháp thì những khinh dễ bên ngoài sẽ tự tiêu.

3. Diễn thuyết tại phân hội Phật giáo Triều Dương - Bài 3

Chư Phật, Bồ-tát bình đẳng tạo lợi ích cho các chúng sanh chẳng hề thiên vị, như trời che khắp, như đất chở trọn, như nhật nguyệt chiếu khắp, như mưa lành thấm trọn, hoàn toàn không có tâm phân biệt yêu ghét. Nhưng vì chúng sanh hướng về hay trái nghịch sai khác cho nên bị tổn thất hay được lợi ích khác biệt như trời với đất. Ví như con người sống trong vòng trời đất, do không giữ gìn sức khỏe hoặc do rét dữ, nắng gắt thành bệnh, hoặc do sa hầm xảy hố đến nỗi mất mạng, chỉ nên quy lỗi về chính mình, há có nên oán trời trách đất? Lại như mặt trời, mặt trăng giữa hư không, người mù tuy chẳng thấy được ánh sáng cũng vẫn được chiếu soi. Mưa đúng thời bình đẳng tuôn xuống, dẫu cây cỏ nhỏ khó thể mọc chọc trời cũng vẫn được tăng trưởng. Chiếu sáng và thấm ướt hệt như nhau,

nhưng mỗi loài được lợi ích khác biệt là vì mắt hư, rễ nhỏ mà ra. Những chuyện chẳng thể nghĩ bàn do thệ nguyện từ bi đem công đức của chính mình hồi hướng cho chúng sanh, ngầm un đúc, gia bị, và hiện thân trong sáu đường hòa quang đồng sự tạo đủ mọi phương tiện lợi ích chúng sanh, nếu không triệt chứng bản tâm, đọc hết Đại tạng làm sao thấy trọn biết hết cho được?

Nay tôi dùng một chuyện dễ thấy rõ ràng để luận, những ai có trí sẽ do một hiểu được nhiều, cảm nhận sâu xa ân Phật, buồn cho mình được nghe pháp tu trì quá muộn. Đang lúc này đây là lúc đã cách thời Nghiêu - Thuấn - Vũ - Thang - Văn - Võ ba bốn ngàn năm, thế đạo nhân tâm kém xa chẳng bằng thời cổ, nhưng do biết lục đạo luân hồi theo nghiệp thăng trầm, qua lại thiên đường - địa ngục, chuyển biến trong nhân gian - súc sanh, nên dù là kẻ cùng hung cực ác ương ngạnh khó giáo hóa, hoàn toàn không có tín tâm thì tâm họ cũng vẫn bị pháp này chiết phục. Dẫu coi rẻ mạng người nhưng trong tâm vẫn ngầm ẩn bóng dáng kiêng nhân sợ quả, nên chẳng đến nỗi mười phần bạo ác. Như các chư hầu thời Liệt Quốc, đem những thần thiếp yêu thương và bá tánh giết đi để tuẫn táng, giết cả mấy chục, mấy trăm người chẳng cho là sai trái, ngược lại còn cho đó là vinh, chẳng phải là họ nghĩ do đây mà được trội hơn người khác ư? Văn Vương ân trạch thấm đến xương khô chẳng biết mấy trăm năm, nhưng cái thói giết người tuẫn táng khắp cả thiên hạ, dù Lão, Trang, Khổng, Mạnh cùng ra đời cũng chẳng thể cứu vãn được phong tục đồi bại ấy! Từ sau khi Phật pháp truyền sang Đông, lý "sanh tử luân hồi nhân quả báo ứng" rạng ngời trong đời, đừng nói chi chư hầu, ngay đến kẻ quay mặt về Nam xưng Trẫm cũng chẳng dám làm. Nếu có làm thì cũng trọn chẳng dám cho là càng giết nhiều càng vinh.

Nếu không có pháp này, chỉ dùng thuyết "chánh tâm thành ý" để dạy con người dấy lòng trung thứ khoan hậu khăng khắng nghĩ con người như ruột thịt, như chính bản thân mình hòng chấm dứt tục tuẫn táng để toàn dân được sống sót thì tôi sợ rằng có khuyên cũng uổng công, thói ấy càng được thạnh hành hơn. Huống gì sau này Nho gia chỉ biết đường lối cai trị, hoàn toàn chẳng biết đến tự tâm, muốn bài trừ Phật pháp, cưỡng lập môn đình, đều bảo rằng "chết đi sẽ vĩnh viễn diệt mất, không có đời sau". Nếu không có lý "sanh tử luân hồi, nhân quả báo ứng" của đức Như Lai thấm vào lòng người thì trong đời sau nhân dân giữ được cái mạng một cách chánh đáng, chết yên lành sẽ hiếm hoi lắm. Đấy chính là pháp thiển cận nhất trong Phật pháp mà còn thắng được tàn bạo, trừ khử được giết chóc, huống chi những pháp lớn lao sâu xa viên đốn tột bậc ư? Thế trí phàm tình làm sao suy lường sự lợi ích của pháp ấy trong muôn một cho được!

4. Diễn thuyết tại phân hội Phật giáo Triều Dương - Bài 4

Chúng sanh là Phật chưa ngộ, Phật là chúng sanh đã ngộ. Bản thể tâm tánh bình đẳng như một, không hai, không khác, nhưng khổ - vui, thọ dụng cách biệt như trời với đất là do xứng tánh thuận tu hay trái tánh nghịch tu mà ra! Lý ấy rất sâu chẳng dễ tuyên nói. Muốn chẳng tốn lời nên bèn dùng thí dụ để giảng. Chư Phật tu đức đến cùng cực, triệt chứng Tánh Đức, ví như tấm gương báu tròn lớn thể chất là đồng, biết nó có quang minh, hằng ngày chuyên chú chùi, mài, đổ công chẳng ngừng thì khi bụi hết, ánh sáng sẽ hiện, dựng trên đài cao, hễ có hình ắt có bóng: Lớn như trời đất, nhỏ như hạt bụi nơi đầu sợi lông, sâm la vạn tượng đều hiện rành rành. Trong lúc vạn tượng cùng hiện ấy, gương vẫn trống rỗng, thông suốt, trọn chẳng có một vật gì. Tâm chư Phật cũng giống như thế: Đoạn hết phiền não hoặc nghiệp, đức tướng trí tuệ sẽ phơi bày trọn vẹn, đến tận cùng đời vị lai an trụ trong Tịch quang, thường hưởng pháp lạc, độ chín giới thoát lìa sanh tử, cùng chứng Niết-bàn.

Chúng sanh hoàn toàn mê tánh đức, không có mảy may tu đức, ví như gương báu phủ bụi, chẳng những không có mảy may quang minh nào, mà ngay cả chất đồng cũng bị phủ lấp chẳng còn hiện ra. Tâm chúng sanh cũng giống như thế. Nếu biết tấm gương bị bỏ phế chẳng hiện chất đồng ấy sẵn có quang minh chiếu trời soi đất, từ đấy chẳng chịu buông bỏ, ngày ngày chăm chú lau chùi, mài giũa. Thoạt đầu hơi lộ chất đồng, tiếp đó dần dần tỏa quang minh. Nếu vẫn cực lực mài sạch thì một mai hết sạch trần cấu, tự nhiên gặp hình bèn hiện bóng, chiếu trời soi đất. Nhưng quang minh ấy gương vốn sẵn có, chẳng phải đến từ bên ngoài, chẳng phải do mài mà được; nhưng không mài thì cũng không có cách nào đạt được. Chúng sanh trái trần hiệp giác, bỏ vọng theo chân cũng giống như thế. Dần dần đoạn phiền hoặc, dần dần tăng trưởng trí tuệ. Đến khi nào công hạnh viên mãn sẽ đoạn được cái không thể đoạn, chứng được cái không thể chứng, viên mãn Bồ-đề, trở về chỗ không thể đạt được, thần thông, trí tuệ, công đức, tướng hảo, hoàn toàn chẳng khác gì với mười phương ba đời hết thảy chư Phật. Tuy vậy chỉ là khôi phục cái sẵn có, hoàn toàn chẳng có gì là mới đạt được.

Nếu chỉ ỷ vào tánh đức, chẳng khởi tu đức thì đến hết đời vị lai sẽ thường chịu nỗi khổ sanh tử luân hồi, vĩnh viễn chẳng có ngày khôi phục cái gốc hoàn lại cái nguồn. Bọn ta đã là Phật tử thì phải hành Phật hạnh, tuy chưa thể phá rỗng toang vô minh, nhanh chóng khôi phục tánh thể để tiến thẳng vào quả hải Diệu giác, nhưng lẽ nào chẳng thể phát trọn ba tâm, dốc lòng tu tịnh nghiệp để cầu đoạn phiền hoặc nơi thân này, gởi tâm thức nơi Liên Bang, làm đệ tử Phật Di-đà, làm

bạn lành của Đại sĩ, an trụ tịch diệt, vẫy vùng trong cõi Phật, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh ư? Nếu chẳng tự gắng công, cứ đề cao thánh cảnh nhưng vẫn cam phận phàm ngu, chỉ e nửa đời tu trì siêng năng, nhọc nhằn, vẫn cam chịu bao kiếp trầm luân khổ sở. Mê muội tưởng lầm hạt châu nơi chéo áo chẳng quý, lên núi báu trở về tay không, dùng tánh chân như mầu nhiệm vô lượng công đức, trí tuệ, thần thông, tướng hảo để oan uổng gánh chịu vô lượng nỗi khổ cùng cực phiền não sanh tử luân hồi huyễn vọng, há chẳng phải là mất trí cuồng tâm, ghét thăng, thích đọa, sống làm thây đi thịt chạy, chết mục nát cùng cỏ cây ư? Ba đời chư Phật gọi người như vậy là "kẻ đáng thương xót"! Phàm những ai đồng hàng với tôi xin hãy nỗ lực.

5. Nói về chuyện bột ngọt có thể vãn hồi kiếp vận

Đối với con người ăn uống có quan hệ rất lớn. Được ăn thì sống, không ăn thì chết, nên mới nói: *"Thực vi dân thiên"*(Đối với dân, cái ăn giống như trời vậy). Nhưng trời đất đã vì con người sanh ra đủ loại hạt, đủ loại rau, đủ loại quả, những thứ để nuôi sống con người cũng rất nhiều. Chỉ vì miệng bụng mà bắt lấy những loài vật sống dưới nước, trên cạn, trên hư không giết ăn nhằm sướng miệng một lúc, hoàn toàn chẳng đoái hoài chúng nó và bọn ta cùng bẩm thọ tánh linh minh, cùng mang cái thân máu thịt, cùng biết đau đớn, khổ sướng, cùng biết tham sống sợ chết; nhưng do sức chúng cự không lại nên mới bị ta giết ăn. Lẽ nào chúng chẳng ôm oán kết hận mong báo thù trong đời vị lai ư? Thử nghĩ đi, há chẳng kinh sợ ư? Nỡ vì sướng miệng một chốc để rồi trong đời tương lai phải bị chúng nó giết chóc ư? Thiền sư Nguyện Vân nói:

Thiên bách niên lai oản lý canh,
Oán thâm tự hải, hận nan bình,
Dục tri thế thượng đao binh kiếp,
Đản thính đồ môn dạ bán thanh.

(Trăm ngàn năm qua trong bát canh,
Oán sâu tựa biển, hận khôn bình,
Muốn biết đao binh trong cõi thế,
Lắng nghe lò mổ giữa đêm thanh.)

Nghĩ kỹ lời ấy ắt sẽ ngộ. Hiềm rằng người đời quen thói ăn thịt, khuyên họ ăn chay, dù có tâm trắc ẩn cũng khó nghe theo, bởi lẽ không có mùi vị gì để giúp cho món ăn cả. Gần đây có nhà hóa học nổi tiếng là ông Ngô Uẩn Sơ, có tâm lo cho đời, muốn vãn hồi sát kiếp nên đặc biệt chuyên nghiên cứu tỉ mỉ mùi vị thức

ăn. Ông ta dùng chất cám lúa mạch ngâm ra thành mì căn, đem ủ nhiều ngày, chế thành bột nêm, bột ngọt dùng để tạo vị cho thức ăn. Ý tưởng này cũng rất tốt lành. Loại sản phẩm này tánh chất thuần hậu, hoàn toàn không phải là đồ mặn. Xin những người ăn chay hãy tùy tiện dùng.

Khi Quang mới nghe nói cũng chẳng dám tin. Một bữa, vợ chồng ông Lâm Địch Am cùng đến quy y, nhân đó kể cùng họ kết quả thảm thương của việc ăn thịt, thiên tai nhân họa đa phần là do sát sanh ăn thịt mà ra. Hiềm rằng người đời do miệng lưỡi quá lệ thuộc vào mùi vị, nên khó tiêu diệt được cội gốc vậy. Ông ta bèn nói: "Bột ngọt, bột nêm của ông Ngô chế ra rất ngon lành. Nếu bỏ một chút vào trong thức ăn thì thức ăn dở tệ cũng thành ra ngon lành." Do vậy, tôi bèn nhờ cư sĩ Quang Hài Giang Vị Nông và hai ba người bạn cùng đến xưởng đó, xem xét cách thức chế biến, bội phục sâu xa một phen khổ tâm của ông Ngô. Bởi lẽ thứ sản phẩm này một khi được lưu hành không những cứu giúp, che chở sanh mạng loài vật mà còn cởi gỡ oán kết cho đồng nhân, khiến cho con người cùng hết thảy các loài vật đều được chung sống trong vòng trời đất đến hết tuổi trời, lợi ích ấy lớn lao thay!

Mạnh tử nói: "Người làm mũi tên há chẳng nhân từ bằng người chế tạo áo giáp ư? Người chế tên chỉ sợ không làm tổn thương được người, người chế tạo áo giáp chỉ sợ người bị thương. Đồng cốt và người thợ làm quan tài cũng giống như thế, cho nên chọn lựa nghề nghiệp chẳng thể không cẩn thận"[849]. Trộm nghĩ: Sản phẩm này của ông Ngô, xét về tài nghệ đã đạt đến mức khéo léo, tuy ông ta lưu hành món này trong đời để kiếm lời nhưng thật ra cũng mang lòng lợi người, lợi vật, có lợi ích sâu xa cho việc cứu nước, cứu dân. Công ấy lớn lao thay! Từ thiền sư Thọ Thâm[850] nói:

Ẩm thực vu nhân nhật nguyệt trường,
Tinh thô tùy phận tắc cơ thương,

---

[849] Nguyên văn: *"Thỉ nhân khởi bất nhân vu hàm nhân tai? Thỉ nhân duy khủng bất thương nhân, hàm nhân duy khủng thương nhân. Vu, tượng diệc nhiên. Cố thuật bất khả bất thận dã!"* Chúng tôi dịch theo cách diễn giải nơi trang 440, thiên Công Tôn Sửu, sách Mạnh Tử của bộ Tứ Thư Bạch Thoại Giải Thích. Nói người đồng cốt và thợ làm quan tài cũng giống như thế là vì đồng cốt chỉ mong cầu cúng cho người ta khỏi chết, thợ đóng quan tài chỉ mong người ta chết cho nhiều, không thể nói đồng cốt nhân từ hơn thợ làm áo quan!

[850] Từ Thọ Hoài Thâm (1077-1132), là một cao tăng đời Tống, quê ở Lục An, phủ Thọ Xuân, tỉnh An Huy, xuất gia năm 14 tuổi. Vào đầu niên hiệu Sùng Ninh (1102-1106), sư yết kiến Trường Lô Sùng Tín thiền sư ở chùa Tư Thánh tại Gia Hòa (thuộc huyện Gia Hưng, tỉnh Chiết Giang), đắc pháp, nối nghiệp Ngài. Sư còn để lại bộ Từ Thọ Thâm Hòa Thượng Quảng Lục (4 quyển), tác phẩm này đã được đưa vào tập 73 của Vạn Tục Tạng Kinh.

Hạ hầu tam thốn thành hà vật?
Bất dụng tương tâm tế giảo lượng!

Tạm dịch:

Đời người ăn uống bao phen
Dở ngon tùy phận khỏi cơn đói lòng
Nuốt qua cổ họng là xong,
Tính toan tỉ mỉ nhọc lòng làm chi?

Huống chi lại có sản phẩm vật này phụ trợ thì hết thảy mọi người hãy đều nên ăn chay để giữ cho thân mình đời đời kiếp kiếp chẳng gặp sát kiếp, bậc minh triết quân tử ắt chẳng cho lời Quang là hủ bại vậy!

6. Nói về chuyện ông Nhạc Bộ Vân vì cha mẹ lập Phật đường

Một niệm tâm tánh của chúng sanh chẳng khác gì với Phật. Do mê trái nên chẳng thọ dụng được, đâm ra dùng sức công đức Phật tánh ấy để khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm, đến nỗi luân hồi tam đồ lục đạo, trọn chẳng lúc nào xong. Chẳng đáng buồn ư? A-di-đà Phật trong kiếp xưa đã phát ra bốn mươi tám đại nguyện, có một nguyện như thế này: "Nếu có chúng sanh xưng danh hiệu ta, cầu sanh về nước ta, dù chỉ mười niệm, nếu chẳng được sanh thì chẳng giữ lấy Chánh giác." Do vậy, biết Phật nghĩ đến chúng sanh như mẹ nhớ con, nếu như chúng sanh sanh lòng tin, phát nguyện, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương như con nhớ mẹ, thì tự nhiên khế hợp tâm Phật, cảm ứng đạo giao, trong đời này được Phật gia bị, nghiệp chướng tiêu diệt, các duyên thuận lợi, lâm chung được Phật tiếp dẫn mang nghiệp vãng sanh thế giới Cực Lạc. Từ đấy siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử; so với những kẻ cậy vào tự lực tu giới định tuệ mãi cho đến khi hoặc nghiệp hết sạch mới liễu sanh thoát tử thì khó dễ khác gì trời với vực.

Cư sĩ Nhạc Bộ Vân tín tâm chân thiết, bẩm tánh lại chí hiếu. Cha ông là Vận Sanh, tuổi già mắt lòa. Ông Vân chí tâm niệm Phật, lại khuyên cha niệm Phật, nên hai mắt được sáng lại. Do vậy cha mẹ đều niệm Phật lâu dài. Lại do công việc bận bịu, chẳng thể thường thăm viếng, hỏi han, ông bèn mời song thân lên tỉnh, thuê nhà để ở cho tiện hầu hạ, đặc biệt lập một Phật đường để làm chỗ tu trì cho cha mẹ. Chính mình và vợ con đều hầu cha mẹ niệm Phật để mong cha mẹ được vui lòng, cũng có thể nói là khéo thờ cha mẹ, khuyên dụ cha mẹ vào đạo vậy. Kinh Thi có câu: "Hiếu tử chẳng túng quẫn, vĩnh viễn ban cho ngươi", tất nhiên sẽ có người nghe được phong thái ấy bèn khởi tâm làm theo vậy!

7. Phổ khuyến yêu tiếc sanh mạng loài vật và dùng xà-phòng Thanh Minh chế tạo từ dầu thực vật để giảm sát nghiệp

Gần đây thiên tai nhân họa xảy ra quá nhiều, nhân dân tử vong càng nhiều, càng thảm hơn nữa. Há có phải là đạo trời bất nhân hay chăng? Thật ra chỉ là vì ác nghiệp trong bao kiếp và hiện đời của chúng ta chiêu cảm mà thôi. Chắc chắn không thể nào không có nhân mà lại có quả được, chắc chắn cũng không hề có chuyện làm nghiệp lành lại bị quả ác. Nhưng vì tri kiến phàm phu chẳng hiểu rõ nhân duyên đời trước nên tợ hồ cũng có chuyện không đáng được mà được. Nếu có thể nhìn rộng ra nhiều kiếp, nhiều đời thì mỗi một quả thiện ác ta nay phải gánh chịu đều như tiếng vọng ứng theo tiếng, như bóng theo hình, hoàn toàn chẳng sai lầm.

Nhưng trong các ác nghiệp, chỉ có sát là nặng nề nhất. Khắp thiên hạ, không ai chẳng tạo nghiệp sát. Dẫu cả đời chưa hề sát sanh, nhưng hằng ngày ăn thịt thì tức là hằng ngày sát sanh; do không giết thì chắc chắn không có thịt, bởi lẽ kẻ đồ tể, người săn bắn, kẻ bắt cá đều nhằm để cung cấp cho nhu cầu của người ăn thịt nên mới giết thay cho họ. Một cửa ải ăn thịt hay ăn chay quả thật là cái gốc thăng trầm của chúng ta và là cái gốc khiến thiên hạ bình yên hay loạn lạc, mối quan hệ ấy chẳng nhỏ đâu! Những ai tự biết thương thân và yêu thương nhân dân khắp cõi đời, muốn được trường thọ, an lạc, chẳng mắc phải tai họa ngoài ý muốn thì hãy nên kiêng giết, ăn chay, đó chính là diệu pháp bậc nhất để vãn hồi thiên tai nhân họa. Do một niệm tâm tánh của hết thảy chúng sanh chẳng khác gì với Phật, mà cũng chẳng khác gì chúng ta, chỉ vì ác nghiệp đời trước mà đọa trong dị loại. Vì thế, hãy nên sanh lòng thương xót lớn lao, há nên mặc tình giết ăn? Chớ như người đời vướng trong tập tục, thường lấy chuyện sát sanh ăn thịt làm vui, chẳng nghĩ những con vật bị giết hại ấy đau đớn oán hận đến mức độ nào. Cậy mạnh hiếp yếu, xem như chuyện đương nhiên, nhưng một khi đao binh dấy lên thì tình cảnh cũng giống như những con vật bị giết. Bọn giặc cướp thiêu đốt nhà các ông, gian dâm phụ nữ nhà ông, cướp đoạt tiền tài của các ông, giết thân mạng các ông, mà các ông vẫn chẳng dám thốt lời xấu ác đối với chúng vì sức không chống lại nổi. Loài vật đang sống mà bị giết cũng là vì chúng nó không chống cự lại được. Nếu như chống lại được, ắt chúng sẽ lập tức cắn xé con người mới đành. Sao con người không trong cảnh khổ ấy, hãy thử suy nghĩ lại? Loài vật và ta đều cùng tham sống sợ chết, ta đã sẵn có khí chất đội trời đạp đất, lẽ ra phải nên hỗ trợ quyền sanh thành dưỡng dục, khiến cho chim, thú, cá, rùa đều được sống yên, nỡ nào giết thân mạng chúng để thỏa thích bụng miệng ư? Do sát nghiệp cố kết đến

nỗi phát sanh đao binh là tai vạ do con người gây ra, cũng như những thiên tai lửa nước, hạn hán, lụt lội, đói kém, tật dịch, bão lốc, động đất, biển trào, sông tràn v.v., mỗi thứ liên tiếp giáng xuống.

Ví như người đời tặng quà tết cho nhau, ta tặng quà đi, người biếu đáp lại, hoàn toàn chẳng có chuyện không tặng gì lại được biếu, hoặc tặng rồi không được biếu lại. Nếu có xảy ra như thế, ắt phải có nhân duyên khác ngăn trở, chứ thật ra chẳng thể vượt ngoài chuyện qua lại đáp đền được. Trời thưởng hay phạt cũng giống như thế, huống chi là con người báo đền! Vì vậy kinh Thư chép: "Làm lành trăm điều lành giáng xuống; làm điều bất thiện, trăm điều tai ương giáng xuống." Kinh Dịch chép: "Nhà tích thiện ắt sự vui sướng có thừa, nhà tích điều bất thiện ắt tai ương có thừa!" Đạo trời khéo xoay vần, không gì qua rồi chẳng trở lại. Muốn tránh khỏi quả ác thì trước hết phải đoạn nhân ác, muốn được quả lành thì phải gieo nhân lành trước. Thiên lý, nhân tình hết sức xác đáng như vậy. Do vậy, những người có tâm lo cho thế đạo nhân tâm hiện thời không ai chẳng đề xướng kiêng giết, phóng sanh, ăn chay niệm Phật để xiển minh sự lý sanh tử luân hồi, nhân quả báo ứng v.v., ngõ hầu nhân dân khắp cõi đời đều được hưởng yên vui, cùng được giải thoát.

Dùng xà-phòng là chuyện phổ biến khắp cả trong nước lẫn ngoài nước, nhưng chất liệu để chế tạo là mỡ bò, mỡ lợn để tăng độ nhờn. Xà-phòng được sử dụng thật rộng rãi thì giết chóc cũng thật nhiều. Gần đây có cư sĩ Chu Văn Minh vốn dùng lòng từ bi của đức Như Lai hành phương tiện giảm giết chóc, đặc biệt phát minh ra loại xà-phòng Thanh Minh làm bằng chất liệu thực vật. Để tăng tính trơn mịn cho xà-phòng, ông dùng dầu dừa, loại xà-phòng này trừ chất dơ không thua gì loại xà-phòng chế từ mỡ động vật, mà giặt áo, tắm rửa vĩnh viễn chẳng lưu lại mùi tanh tưởi, nhơ uế. Chẳng những người ăn chay niệm Phật nên dùng, mà ngay cả hết thảy mọi người cũng đều nên dùng. Chỉ có ích không bị tổn hại thì ai chẳng nên dùng cơ chứ? Mong rằng khi loại xà-phòng này được phổ biến rồi thì những người làm xà-phòng bằng mỡ động vật đều đổi sang làm xà-phòng từ chất béo thực vật, tính ra mỗi năm trong nước lẫn ngoài nước giảm được sự giết hại sanh mạng không chỉ là trăm ngàn vạn ức.

Hiện thời mới bắt đầu tiến hành, ông Chu thấy tôi đề xướng những sự lý "kiêng giết, phóng sanh, nhân quả báo ứng" v.v. để mong cứu vãn thiên tai, nhân họa, nên xin tôi phát huy lòng thành giảm giết chóc này. Do vậy, tôi quên mình tệ kém, bèn trình bày tội lỗi của việc sát sanh ăn thịt và lợi ích trong hiện tại và tương lai của việc dùng xà-phòng chế từ chất béo thực vật này để mong người

người kiêng giết, nhà nhà ăn chay hòng vãn hồi ý trời, ắt sẽ thấy mưa thuận gió hòa, thời thế yên bình, được mùa, phong tục tốt đẹp, nhân dân hiền lương, đao binh chẳng khởi, trở lại cõi đời đại đồng hòng vui với thiên chân của chính mình thì may mắn nào hơn? Nếu chẳng vì lão tăng thường nói như vậy mà coi thường thì thiên hạ, quốc gia may mắn lắm thay!

8. Đề nghị biện pháp dự phòng để tiêu tai, bảo vệ sanh mạng

Phàm những gì được dự phòng trước thì sẽ được bền vững, còn những gì chẳng dự phòng sẽ bị hư phế, cho nên bậc thánh hiền thời cổ đều lo bình trị ngay khi chưa loạn, giữ gìn đất nước ngay từ khi còn chưa nguy, khiến cho khắp nhân dân dưới gầm trời cùng hưởng phước thái bình, nhưng gần như chẳng lưu lại dấu tích để hậu nhân có thể tán dương, tường thuật cho được. Người sống trong thuở ấy may mắn nào bằng? Mấy lúc gần đây nỗi thảm đao binh kiếp từ xưa tới giờ chưa hề nghe nói đến, lại thêm lụt, hạn, dịch bệnh, sâu rầy, bão lốc, địa chấn, đủ mọi thứ thiên tai, dân bị khổ sở chẳng kham nổi. Lại thêm thổ phỉ nổi dậy tứ bề, cướp bóc, trộm cắp không cách gì đề phòng, chế ngự được, không kêu gào vào đâu được. Người trong nhà lại còn tranh chấp, dấy lên chiến tranh lớn lao, tiếng đại bác như sấm, đạn vãi như mưa. Một khẩu đại bác vừa nổ đã tử vong vô số, huống gì nhiều khẩu đại bác bắn suốt ngày trong nhiều buổi. Lại thêm máy bay thường bay đến, rải dày đặc địa lôi, không cách giết người kỳ lạ nào là chẳng có. Dân chúng, binh lính bị đạn pháo hoặc lôi đạn bắn trúng, tan thân nát xương kể sao cho xiết? Những người dân ở đúng vào chỗ có chiến trường thì nhà cửa đồ đạc hoàn toàn chẳng còn gì nữa, nếu không bỏ chạy từ trước thì cũng bị cướp bóc, vợ con ly tán, trơ trọi lênh đênh, có kêu trời gào đất cũng chẳng được cứu vớt. Những cuộc đất phụ cận chiến trường và những chỗ binh lính tràn qua, nỗi thảm bị hãm hiếp, cướp bóc chẳng nỡ thấy nghe. Huống chi trời đã sanh ra dân, chẳng ban hạnh phúc cho nhân dân, lại khiến cho dân bị họa ương thì thật ra là cái tâm gì vậy?

Phải biết, đưa đến điều lành hay chuyện dữ xét về lý không sai sót, họa phước vô môn chỉ do con người tự chuốc lấy. Nếu tự mình không gây mối oan nghiệt, chắc chắn chẳng cảm được tai nghiệt từ trời. Đã trồng nhân ấy chắc chắn chẳng thể tránh khỏi được báo ấy. Kinh dạy: "Bồ-tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả." Sợ nhân thì chẳng tạo ác nghiệp, sẽ tự chẳng có ác quả. Sợ quả thì đã phải chịu ác quả bèn lại tạo ác nhân, ngay trong lúc phải chịu ác quả vẫn cứ đây kia tấn công nhau, báo hại lẫn nhau. Người đời tạo nghiệp, nói chung có ba điều là giết, trộm, dâm. Hai nghiệp trộm và dâm thì kẻ ngoan cố, ngu độn bị tình thế khống chế, còn

người hiền bậc trí thì lại bị nghĩa buộc ràng, vẫn chẳng đến nỗi quá quắt. Đối với nghiệp giết thì người khắp cõi đời bất luận trí ngu, hiền tệ, thật ít có ai chẳng phạm. Do miệng bụng tham vị ngon nên hoặc dùng trí đánh bắt, hoặc bỏ tiền ra cầu tìm, bắt lấy hết thảy những loài sống trên cạn, dưới nước, bay trên không mà cắt nấu đủ cách để sướng miệng ta, nuôi cái thân ta, cũng như dâng lên cha mẹ cho tận hiếu, cúng bái tổ tiên nhằm tưởng nhớ, tế thần thánh để cầu phước, đãi khách khứa cho thỏa dạ. Phàm những chuyện thuộc quan - hôn - tang - tế không gì chẳng lấy thịt để biện lễ. Nếu không dùng thịt thì tợ hồ khinh miệt lý, trái đức, không còn mặt mũi nhìn người khác, nào nghĩ đến chúng nó cùng một hình hài, cùng một linh tánh, cùng lánh dữ tìm lành, cùng một thói ham sống sợ chết, nỡ nào chỉ vì tâm tưởng tham ăn vọng khởi mà chẳng đoái hoài đến phương diện khẩn yếu khiến cho những loài vật kia bị nỗi khổ chém, chặt, cắt, nấu để cho thân tâm ta được an lạc, mọi sự đều toại ý ư? Không có gì khác ngoài lý do câu nệ thói đời, tập quen thành phong tục, chẳng suy xét sâu xa mà ra vậy!

Chỉ có đức Như Lai ta thấu suốt sự lý nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi, cho nên dạy hết thảy chúng sanh đừng tạo sát nghiệp, vì hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều là cha mẹ quyến thuộc của chúng ta trong quá khứ, đều sẽ thành Phật đạo trong tương lai. Vì vậy kinh Phạm Võng nói: "Nếu là Phật tử thì do Từ tâm bèn hành nghiệp phóng sanh, hết thảy người nam là cha ta, hết thảy người nữ là mẹ ta. Trong đời đời, không một ai chẳng phải là người sanh ra ta, do vậy lục đạo chúng sanh đều là cha mẹ ta, giết đi ăn thịt chính là giết cha mẹ vậy!" Nói "hết thảy nam tử, hết thảy nữ nhân" là gộp chung hết thảy chúng sanh trong lục đạo, chứ không phải chỉ nói riêng về con người. Do vậy, tiếp đó kinh dạy: "Trong đời đời, không một ai chẳng phải là người sanh ra ta, do vậy lục đạo chúng sanh đều là cha mẹ ta." Nếu nghĩ như vậy, lo cứu tế còn không xuể, nào dám giết hại! Kinh Nhập Lăng-già dạy: "Hết thảy chúng sanh từ vô thủy đến nay, trong sanh tử luân hồi chẳng ngơi, không ai chẳng từng làm cha mẹ, anh em, con cái, quyến thuộc, cho đến bè bạn, người thân ái, kẻ hầu hạ. Qua đời khác phải mang lấy thân chim, thú v.v. sao lại bắt ăn? Bồ-tát quán các chúng sanh giống như chính thân mình, nghĩ thịt đều từ những loài có sanh mạng, cớ sao lại ăn?"

Như Lai do đại từ bi muốn cho các chúng sanh đều được yên vui, vượt thoát sanh tử, nên đặc biệt nói sẵn pháp tự cứu, cứu người. Nếu đối với loài vật còn chẳng nỡ giết, mong chúng được sống an ổn, thì chắc chắn chẳng tàn hại nhân dân, khiến họ phải chịu các nỗi khổ sở đến nỗi tử vong. Chớ nói "con người và súc vật biến lẫn ra nhau, nhân quả tuần hoàn nào ai đích thân thấy được!" Phải

biết Phật pháp răn cấm nói dối, ắt Phật phải tự không nói dối lừa người. Người bậc thượng trong thế gian còn chẳng chịu nói dối để đánh mất phẩm hạnh, huống chi Phật là đại sư của ba cõi, là cha lành của bốn loài, há lẽ nào tự lập pháp rồi lại tự mình phạm pháp ư? Do vậy biết rằng lời Phật không có mảy may nghĩa nào đáng ngờ, huống chi bộ truyện Xuân Thu và hai mươi hai bộ sử cõi này chép rất nhiều sự tích thiện ác báo ứng và sanh tử luân hồi. Tiếc cho người đời đa phần không xem, hoặc dù có xem cũng không chịu suy xét kỹ, đọc loáng thoáng qua đến nỗi cùng bị hãm trong hầm sâu muôn trượng "chẳng biết nhân quả". Vì vậy phải chịu quả báo thảm thương đồng phận chiêu cảm này.

Hết thảy nhân dân không ai chẳng muốn an lạc, trường thọ, cửa nhà yên vui, nhưng hằng ngày cứ giết loài vật để ăn, khác nào xông vào hầm lửa tìm sự mát mẻ, uống rượu có chất trầm độc để cầu trường thọ đâu. Cái nhân đã làm tương phản cái quả mong cầu, làm sao đạt được? Năm nay nạn lụt, nạn hạn hán gần như khắp cả toàn quốc, mấy nơi lại trải qua đại chiến, gạo quý như ngọc, dân không lẽ sống. May còn hưởng chút bình yên, nhưng nguyên khí nhất thời khó thể khôi phục, oan hồn còn chưa được yên, do vậy lệ khí (khí ác, khí hung dữ) kết lại, khó tránh khỏi ôn dịch hoành hành. Bất Huệ thương xót đồng luân gặp phải thảm kiếp này, nghĩ muốn dứt trừ hậu hoạn, cho nên chẳng nề hà tầm thường, ngu độn, tuân theo sự từ bi cứu tế chúng sanh, đạo "coi đồng nhân như một" của đức Như Lai, trình bày phương pháp dự phòng để tiêu thiên tai dứt nhân họa. Nếu có thể mở rộng tầm mắt, thấu hiểu việc xương minh tâm "thương dân yêu vật" của thánh hiền xưa nay và đạo "xem hết thảy chúng sanh như con một" của đức Như Lai, đều cùng kiêng giết, bảo vệ sanh vật, ăn chay, niệm Phật, tận lực giữ vẹn luân thường, ai nấy tận hết bổn phận, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tự hành, dạy người để cầu khắp mọi giới cùng theo phong thái này. Nhân tâm đã xoay lại, ắt trời sẽ tự hòa, sẽ thấy mưa thuận gió hòa, dân giàu, của cải dư dật, từ thiện thạnh hành, can qua vĩnh viễn dứt bặt, lễ nghĩa hưng khởi, cường bạo chẳng dấy. Như vậy thì tuy là người trong đời về sau mà chẳng khác thuở Hy - Hoàng, còn gì vui bằng? Nếu ai nấy đều nương theo tâm lực này để vãn hồi lòng trời thì cũng chưa hẳn là không thể làm được. Vả nữa, chốn chiến trường tử thi phân hủy, đa phần vùi lấp khe ngòi, những xác chết đó bị tôm cá ăn vào, tích chứa oán hận và những chất từ tử thi rữa nát, ắt mang chất độc nặng nề. Nếu con người ăn phải những thứ tôm cá ấy ắt mắc phải tai ương tật dịch. Vì thế, sau mỗi trận đại chiến thường có đại dịch, đều là vì bụng miệng tham cầu mà nên nỗi. Huống chi, những con vật đó đã từng ăn thây người chết, nay con người sao lại nỡ ăn những thứ đó.

Nếu ăn thì có khác gì ăn thịt người cho mấy? Bất Huệ đã không có đạo lực, lại chẳng có tài lực, chỉ cậy vào lời nói suông để giãi bày tấm lòng ngu thành, cầu xin những vị rủ lòng đọc đến ai nấy đều đem lòng thương mình để thương loài vật, khiến cho loài vật cùng ta đều được an lạc sanh sống trong chốn trời cao đất dày thì may mắn lắm thay!

9. Bàn về nhân quả là căn bản của thánh giáo Nho và Thích

Nhân quả báo ứng là phương tiện lớn lao để bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh của thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian, nhưng thế nhân chẳng suy xét, đối với lời dạy của nhà Phật phần nhiều bài xích đủ cách, hoặc cho là nghĩa lý thiển cận rồi gạt phăng qua một bên, cậy vào thế trí biện thông của chính mình, chìm đắm dài lâu trong chốn tà kiến nhơ bẩn. Phàm những nghị luận đều chẳng phải là đạo căn bản để sửa mình trị người của thánh hiền, khiến cho điều thiện không được khuyến khích, điều ác không bị trừng phạt, dẫn đến mối tệ tranh giành danh lợi, quyền thế, địa vị, đến nỗi giết người ngập thành, ngập đồng chẳng ngưng. Ôi, đáng buồn thay! Ngôn luận, sự thực nhân quả báo ứng được thấy rất nhiều trong kinh sử. Trong kinh Thư thì ghi "thuận lý đưa đến điều lành, trái nghịch dẫn đến điều xấu chỉ vì ảnh hưởng, làm thiện trăm điều lành giáng xuống, làm điều bất thiện trăm tai ương giáng xuống". Nói như vậy chỉ là luận trên đời này và con cháu mà thôi.

Còn như ngũ phước, lục cực được nói trong sách Hồng Phạm nếu chẳng suy từ nhân đời trước, cứ quy hết vào sự cai trị của vua thì hóa ra là chuyện bàn luận vô căn cứ; há nào phải là nguồn cội của cái tâm dạy dỗ muôn đời của vua Vũ và Cơ Tử[851] ư? Ngũ phước gồm thọ (sống lâu), khang (mạnh khỏe), ninh (bình yên), du hiếu đức (yêu chuộng đức), khảo mạng chung (chết tốt lành); và lục cực gồm hung (xui xẻo), đoản (chết sớm), chiết (gian nan trắc trở), tật (bệnh hoạn), ưu (lo buồn), ác (xấu xí), nhược (yếu ớt), há có phải là do vua dùng quyền hành tạo ra được như thế hay chăng? Trong ấy, chỉ có giàu và nghèo là còn có thể do con người tạo ra, chứ những thứ khác đa phần là do túc nhân chiêu cảm. "Ác" chính là diện mạo xấu ác, chứ không có nghĩa là bạo ác. Nếu giải thích ác là bạo ác thì có nghĩa là vua có thể dùng oai quyền ép người ta phải trở thành bạo ác ư? Khổng tử khen ngợi kinh Dịch, trong phần Văn Ngôn, viết rằng: "Nhà tích thiện ắt điều

[851] Cơ Tử: Tác giả sách Hồng Phạm. Ông này sống vào đời Thương, là chú của vua Trụ, được phong làm quan Thái sử ở đất Cơ (nay thuộc Thái Cốc, tỉnh Sơn Tây). Từng dâng sớ can gián Trụ Vương, nhưng vua không nghe, lại bắt ông bỏ tù, mãi đến khi Chu Võ Vương diệt Trụ mới được thả khỏi tù. Theo truyền thuyết, về già, ông bỏ sang Triều Tiên sống.

tốt lành có thừa, nhà làm điều bất thiện ắt tai ương có thừa!" Trong phần Hệ Từ Truyện[852] có câu: "Xét từ cội nguồn đến chung cục cho nên biết: Nói đến sanh tử thì tinh khí là vật, du hồn là biến chuyển. Do vậy biết được tình trạng của quỷ thần[853]." Đấy chẳng phải là nói về nhân quả báo ứng sanh tử luân hồi hay sao?

Còn như những chuyện thiện ác báo ứng, sanh tử luân hồi trong Xuân Thu Tả Truyện[854] và hai mươi hai bộ sử nhiều không thể ghi hết, bộ Nhị Thập Nhị Sử Cảm Ứng Lục hai quyển chỉ ghi được một phần, hay mười phần trong trăm ngàn mà thôi. Do vậy biết rằng nếu nhà Nho không tin vào sự lý nhân quả báo ứng sanh tử luân hồi thì chẳng những trái nghịch kinh Phật mà thật ra còn trái nghịch thiên mạng, khinh rẻ lời thánh nhân nữa. Nếu không, sáu kinh sẽ chẳng phải là sách vở của Nho gia; Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, Chu, Khổng và những vị chép sử các đời đều là tội nhân dối đời lừa dân, có lẽ ấy chăng? Nếu không có nhân quả ba đời thì hóa ra trời ban phát cho con người không công bình, làm thiện uổng công, làm ác được lợi. Chỉ là do đời trước có công hay gây lỗi sai khác nên đời này hưởng thụ khác biệt. Do đó nói: "Vĩnh viễn hợp với lòng trời, tự cầu

---

[852] Hệ Từ là phần giải thích ý nghĩa của Quái Từ (Quái Từ là phần luận về ý nghĩa của mỗi quẻ trong kinh Dịch). Hệ Từ Truyện là phần giải thích ý nghĩa của Hệ Từ do Khổng tử soạn.

[853] Nguyên văn: *"Nguyên thủy yếu chung, cố tri sanh tử nhi thuyết, tinh khí vi vật, du hồn vi biến, thị cố tri quỷ thần chi tình trạng."* Theo bài viết Đạo giáo Nghiên Cứu của Cái Kiến Dân, giáo sư thuộc khoa Triết Học viện Văn Học Hạ Môn, thì câu *"nguyên thủy yếu chung"* đúng ra phải viết là *"nguyên thủy phản chung"*, phản là suy ngược lại, tìm đến tận cội nguồn. Như vậy, "nguyên thủy yếu chung" là truy cầu sự vật từ ban đầu cho đến kết thúc. Nói cách khác, "nguyên thủy yếu chung" là cách suy luận dựa trên tình trạng nguyên sơ của sự vật và tình trạng lúc chung cục của chúng để quy nạp lại mà phán đoán, nhận định. Theo chương Nội Nghiệp sách Quản Tử thì "tinh khí" phải hiểu là "hồn thần". Trịnh Huyền giảng câu *"tinh khí vi vật, du hồn vi biến"* như sau: "Tinh khí là thần, du hồn là quỷ." Tức là: Quỷ thần là hình thái do tinh khí biến hóa ra. Sách Lễ Ký cũng giảng: Thể phách tụ xuống đất thành quỷ, bốc lên không thành thần. Những thứ này có tri giác, hưởng thụ nhân gian cúng tế. Hàn Khang Bạch đời Tấn còn đi xa hơn, chú giải rằng: "Khí tụ lại hiển hiện thành vật chất là Thần, phân tán, ẩn kín thì gọi là Hồn." Trang Tử, Liệt Tử cho rằng Tinh Khí phải hiểu là hình hài thể chất, còn du hồn (linh hồn lãng đãng vô định) chính là tinh thần. Tổng hợp những cách giải thích này, ta có thể tạm hiểu như sau: "Xét từ cội nguồn lẫn chung cục, cho nên biết: Nói đến sanh tử thì tinh khí là thể chất, du hồn biến chuyển. Do vậy biết được tình trạng của quỷ thần." Nói cách khác, Khổng tử thừa nhận con người gồm hai phần: vật chất và linh hồn (nhà Phật gọi là thức) tồn tại sau khi xác thân đã hư hoại.

[854] Xuân Thu Tả Truyện còn gọi là Tả Thị Xuân Thu, hoặc chỉ gọi gọn là Tả Truyện. Gọi như vậy để phân biệt với kinh Xuân Thu (cũng là sử biên niên nước Lỗ) do Khổng tử san định. Đây là bộ biên niên sử cổ nhất Trung Hoa do sử quan Tả Khâu Minh (556 trước Công Nguyên – 451 trước Công Nguyên) biên soạn thời Xuân Thu (770-476 trước Công Nguyên), chủ yếu chép về lịch sử nước Lỗ và những sự kiện của các vua nhà Chu và chư hầu.

nhiều phước[855], họa phước vô môn, chỉ do con người tự chuốc lấy.” Do vậy kinh Phật mới dạy: “Muốn biết cái nhân đời trước thì hãy nhìn vào những gì được hưởng trong đời này; muốn biết cái quả của đời sau hãy nhìn vào những việc làm trong đời này.”

Hiểu rõ điều này thì khổ, sướng, hên, xui đều do tội phước của chính mình chiêu cảm, chứ không phải do trời giáng xuống, cũng chẳng phải do ai khác tạo ra. Do vậy, người quân tử chăm tu đức mình, hành xử thuận theo địa vị, trên chẳng oán trời, dưới chẳng trách người. Vì thế kinh dạy: “Bồ-tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả.” Do sợ nhân nên dùng giới định tuệ để chế phục cái tâm, khiến cho ý niệm tham sân si không do đâu khởi lên được. Khởi tâm động niệm, lời lẽ, hành vi, không gì chẳng phải là lục độ vạn hạnh, là đạo lợi người giúp vật, khi tích chứa đến cùng cực, công thuần thục thì phước tuệ vẹn cả đôi bề, triệt chứng tự tâm, dùng đó để viên thành Phật đạo. Chúng sanh chẳng biết quả do nhân chiêu cảm, niệm niệm cứ chăm chú phát khởi tham sân si, cho nên hành vi không gì chẳng phải là giết trộm dâm. Nhưng hai nghiệp dâm trộm thì bậc thượng trí bị nghĩa ràng buộc, kẻ hạ ngu do tình thế ngăn cản nên không đến nỗi quá đáng, chứ sát sanh ăn thịt có thể nói là chuyện đương nhiên. Do vậy, hoặc dùng trí để đánh bắt, hoặc dùng tiền của mong cầu, bắt hết thảy chúng sanh sống trên cạn, dưới nước, trên không, rồi giết chóc, cắt xẻ, nấu nướng cho sướng bụng miệng, nuôi thân thể ta, cũng như dùng để dâng lên cha mẹ, cúng kiếng tổ tông, tế lễ quỷ thần, đãi đằng khách khứa, chỉ cốt sướng mình, chẳng nghĩ đến nỗi khổ của chúng nó. Người khắp cõi đời thảy đều như thế! Sát nghiệp tích tụ lâu ngày sẽ phát sanh tai nạn đao binh, lụt lội, hạn hán, tật dịch v.v.. Nghiệp quả đã chín muồi thì không cách nào trốn tránh được, dẫu có sanh lòng sợ hãi cũng chẳng ích gì. Do vậy, đức Như Lai thương các chúng sanh, dạy yêu tiếc tánh mạng loài vật, chớ nên ăn thịt. Lòng thương dân ấy hết sức sâu xa, chứ nào phải chỉ yêu thương loài vật mà thôi ư?

Người cùng quê với tôi là cư sĩ Vương Ấu Nông xưa đã trồng cội đức, dốc lòng tin tưởng Phật thừa, bẩm tánh liêm khiết, phỏng theo “bốn điều biết” của Dương Chấn[856] để tu trì nghiêm minh, học theo “ba lượt phản tỉnh” của Tăng Tử,

---

[855] Đây là một câu trích từ kinh Thi: *“Vĩnh ngôn phối mạng, tự cầu đa phước.”* Trong Liễu Phàm Tứ Huấn Giảng Ký, hòa thượng Tịnh Không giảng như sau: “Vĩnh là vĩnh hằng, phối mạng là hợp với lòng trời.”

[856] Dương Chấn lúc làm Thái Thú đất Kinh Châu từng đề bạt Tú Tài Vương Mật giữ chức Ấp lệnh đất Xương. Về sau, khi Dương Chấn có việc đi qua Xương Ấp, Vương Mật chờ nửa đêm mang mười cân vàng đến biếu Dương Chấn để tạ ơn đề bạt. Dương Chấn cự tuyệt. Vương Mật nói: “Đêm khuya thanh vắng, không ai biết chuyện này, xin ngài hãy yên lòng.” Dương Chấn

bất luận ra làm quan hay ở nhà đều chuyên chú thương dân yêu vật, đau đáu nghĩ nỗi thảm đao binh mấy năm gần đây, muốn giải quyết vấn đề từ căn bản, nên cùng vợ ăn chay trường, lại còn cực lực đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, kiêng giết, bảo vệ sanh vật, ăn chay, niệm Phật, để mong sát nghiệp dứt, thiên hạ thái bình, phong tục nhân hậu được thạnh hành, nhân dân yên vui. Lại muốn cho con cháu đời đời tuân giữ thành quy củ, bèn xin tôi phát huy nghĩa lý cùng tột của nhân quả, khiến cho con cháu có cái để noi theo, cũng có thể gọi là "người biết được cái gốc" vậy! Thiên hạ loạn lạc là do gia đình không khéo dạy, khiến cho những đứa có thiên tư quen thói cuồng vọng, đứa không thiên tư cam bề ngu độn. Hai loại này đều chẳng phải là phước cho quốc gia xã hội. Do đó biết, dạy con là cái gốc của bình trị, dạy con gái lại càng thiết yếu nhất, bởi lẽ hiền nữ ngày nay mai kia sẽ là hiền thê, hiền mẫu của người. Con người được hiền mẫu giáo dục, được hiền thê phụ trợ, há có ai chẳng thành hiền nhân ư? Vì thế mới nói: "Dạy con gái chính là căn bản để thiên hạ thái bình vậy!"

10. Phổ khuyến kiêng giết ăn chay để vãn hồi kiếp vận

Thế nhân quen thói tàn nhẫn lắm thay, chuyện gì cũng lấy sát sanh để thành lễ, chẳng biết như vậy là sai. Hết thảy chúng sanh cùng ta sống trong vòng trời đất, đồng có cái thân huyết nhục, đồng bẩm thụ tánh tri giác, cùng biết tìm lành tránh dữ, tham sống sợ chết. Huống chi kinh Phật thường nói: "Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham làm Phật, đều trong vô lượng kiếp đến nay, đây kia làm cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc của nhau." Há có nên vì muốn báo ân, báo đức, cầu phước, cầu thọ, hoặc tế lễ thiên địa, thần thánh, và cúng giỗ tổ tông, họ hàng, hoặc phụng dưỡng cha mẹ, hoặc đãi đằng bè bạn, hoặc vì sướng khoái bụng miệng ta, bồi bổ thân thể ta, mà chuyện gì cũng đều giết các sanh mạng để mong bày tỏ tấc lòng thành của ta, thỏa thích tâm ta, chẳng nghĩ đến chúng nó bị các nỗi khổ cùng cực, chẳng đoái nghĩ đại ân thân thuộc đời trước vậy.

Vả nữa, thiên địa lấy hiếu sanh làm đức, Nho gia vâng giữ ý niệm "cùng là ruột thịt, vật giống hệt như ta", sao chẳng sanh tâm trắc ẩn nhân từ yêu vật mà cứ quen thói bạo hành mạnh ăn thịt yếu? Phải yêu thương loài vật thì mới có thể thương dân được, hễ thương dân ắt phải yêu thương loài vật. Nếu đối với dị loại

---

quở: "Trời biết, đất biết, ta biết, ông biết, sao lại nói là không ai biết, ông hãy đem vàng về đi!" Dương Chân cả đời liêm khiết, thanh bạch, nên được xưng tụng bằng mỹ hiệu Quan Tây Phu Tử. Câu nói "trời biết, đất biết, ta biết, ông biết" của Dương Chấn về sau này được gọi bằng từ ngữ "Dương Chấn tứ tri".

còn chẳng nỡ giết thì chắc chắn chẳng nỡ giết hại người dân là đồng loại của ta. Nếu coi giết hại loài vật là chuyện bình thường, ắt sẽ giết người ngập thành ngập đồng chẳng những không thương xót, ngược lại còn coi đó là sung sướng, khoái trá. Ấy là vì hễ thói giết chóc vừa tăng trưởng thì cái tâm nhân từ bị mất ngay! Còn như tế lễ thiên địa, thánh nhân, há chẳng thể dùng nếp, gạo thơm[857], rau, quả để tỏ lòng thành, cần gì cứ phải sát hại mạng loài vật?

Chúng ta sống trong vòng trời đất, được trời đất che chở thì phải nên tích đức, làm điều nhân để bổ khuyết quyền dưỡng dục của trời đất. Nếu luận về chuyện báo ân, dù có tan xương nát thân cũng khó thể báo đáp được muôn một, há những loại thịt trâu, dê, lợn… tanh tưởi, hôi dơ có thể dùng để báo ân được ư? Huống chi Thiên đế và người cõi trời thanh tịnh, thơm tho, thanh khiết há lẽ nào còn hâm hưởng[858] những mùi vị ô trược, hôi nhơ ấy chăng? Ấy chính là dùng cái tâm tham lam cốt thỏa bụng miệng của chính mình để suy lường tâm trời đất. Lại xem trời đất như những quỷ thần ở trên không, dưới nước thì vu báng, miệt thị, khinh nhờn, ô nhục thiên địa quá đáng. Ngay như hai kỳ tế lễ Xuân Thu ở thánh miếu văn võ, các tỉnh, phủ, châu, huyện đều giết trâu, dê, lợn v.v. để cúng tế, coi đó là báo ân đáp đức, sùng thánh trọng đạo.

Quang Tự nguyên niên (1875) đời Thanh, tại Văn Miếu thuộc tỉnh thành Thiểm Tây, một ngày trước bữa tế mùa thu, tôi đến đó lễ yết. Trong điện Đại Thành, những con trâu, dê, lợn v.v. đều bày trên giá, để nguyên con, chỉ mổ bỏ ruột gan mà thôi. Mùi tanh hôi, tình trạng thê thảm gai mắt nhức mũi, chẳng nỡ thấy nghe. Khi ấy tôi vừa mới theo đòi học vấn, vẫn còn bắt chước Hàn, Âu báng Phật, mà đã khôn ngăn than thở sườn sượt: "Có nên rốt cục biến lòng kính trọng thánh nhân rốt cuộc thành sự khinh nhờn thánh nhân đến mức độ cùng cực như thế này chăng?" Cứ thử bảo những người tế lễ ấy ngủ lại qua đêm trong điện để họ nhìn cho quen mắt, mũi ngửi cho quen mùi, ắt họ sẽ cật lực cự tuyệt chẳng chịu ở. Huống gì là bậc đại thánh nhân "Tổ Thuật Nghiêu Thuấn, Hiến Chương Văn Vũ, Vạn Thế Sư Biểu"[859] trăm đời của Nho gia lại cam lòng hâm hưởng những vật ô uế chẳng thể kham nổi ấy ư?

---

[857] Nguyên văn là tắc, tức là một thứ lúa thân dài đến hơn một trượng, là một giống lúa chín sớm nhất, ngày xưa cho là thứ lúa quý nhất trong trăm giống lúa. Ở đây tạm dịch là "gạo thơm".
[858] Hâm hưởng: Quỷ thần hưởng đồ cúng tế bằng cách ngửi hơi nên gọi là "hâm hưởng".
[859] Mỹ hiệu tôn xưng Khổng tử của Nho gia, ngụ ý: Khổng tử là bậc vâng giữ, tiếp nối đạo của Nghiêu, Thuấn, phỏng theo, tỏ rõ quy chế, luật pháp của Văn Vương và Võ Vương, xứng đáng là bậc thầy gương mẫu cho muôn đời.

Lại như ở phía Đông ngoài cửa miếu là chỗ để giết trâu, tôi trông thấy một cái nồi lớn, nước chứa trong ấy ô trược chẳng thể kham nổi vì nó là nước để rửa trâu. Nghĩ đến liền muốn phát ói. Than ôi, bẩn thỉu đến thế mà dùng làm lễ để kính thánh nhân được sao? Nếp, tẻ không thơm tho, do minh đức bèn thành thơm tho, sao không dùng nếp, gạo thơm, rau, quả để tỏ lòng chí thành? Hơn hai ngàn huyện trong thiên hạ, mỗi năm hai lần khinh nhờn văn võ nhị thánh[860], khiến cho mấy vạn sanh linh đều lâm vào tử địa, thật là khinh thánh giết vật quá lớn! Sao không có bậc đại nhân tôn kính thánh nhân, yêu tiếc sanh mạng loài vật ra mặt thay đổi vĩnh viễn lệ cũ, lập ra cách thức mới, khiến cho oai linh của hai vị thánh chẳng bị những thứ đó xông sực ô uế, mấy vạn sanh mạng chẳng bị làm thịt để làm thức ăn cho những người tế lễ? Thánh nhân ôm lòng thương dân yêu vật, nào muốn chính mình bị ô uế, khinh miệt, lại còn làm cho mấy vạn sanh linh cùng lâm vào tử địa ư?

Quan Đế lúc còn sống thì tinh trung lòa nhật nguyệt, hạo khí ngút trời đất, phú quý chẳng dâm, nghèo hèn chẳng thay đổi, oai vũ chẳng khuất phục được, mất đi làm thần cai quản núi Ngọc Tuyền. Thời Tùy Văn Đế, đại sư Trí Giả đến Ngọc Tuyền[861], Quan Đế bèn vận dụng thần lực xây dựng chùa miếu, lại cầu được truyền giới để làm cái gốc cho đạo Bồ-đề, và phát nguyện ủng hộ Phật pháp (xem Quan Đế Toàn Thư và Ngọc Tuyền Tự Chí). Vì thế, các tùng lâm trong thiên hạ đều gọi ngài là Già-lam Bồ-tát, cùng với Vi-đà Bồ-tát trấn giữ sơn môn. Hơn một ngàn năm qua, hộ quốc, hộ dân, được tôn lên địa vị đế vương, há cam lòng nhận lãnh những con trâu, dê, lợn v.v. còn sống ô uế chẳng kham nổi, cho chúng nó là những thứ ngon lành để hâm hưởng ư? Dẫu là bọn tham ăn hèn tệ cùng cực trong thế gian cũng chẳng đành lòng ngửi những thứ hôi nhơ ấy, mà lại bảo là Quan Đế ưng chịu ư? Sao lại coi hai vị thánh nhân văn võ hèn tệ cùng cực đến như thế ấy? Than ôi, buồn thay! Nếu như có bậc đại nhân hiểu rõ lý lẽ, thực hành lòng kính thật sự dấy lên sửa bỏ thói quen hèn hạ khinh thánh hại vật ấy, tôi sẽ thơm thảo đảnh lễ, chúc tụng khôn ngằn.

Còn như cúng bái tổ tông cố nhiên nên dùng nếp, gạo thơm, rau, quả để tỏ lòng kính, cần gì phải giết chóc hoặc mua từ hàng đồ tể? Cổ nhân cúng tổ tiên còn cầu thóc lúa từ nơi người nhân, nay vì trọn hết lòng thành tưởng nhớ người trước mà khiến cho những loài vật kia đều chịu nỗi thảm bị giết hại cắt xẻ, chẳng những đánh mất lòng nhân trắc ẩn của chính ta mà còn đánh mất sâu xa đạo tôn

[860] Tức Khổng tử và Quan Công.
[861] Núi Ngọc Tuyền nằm ở phía Đông Nam huyện Đương Dương, tỉnh Hồ Bắc.

kính tổ tiên. Lấy giết chóc để tỏ lòng kính, ấy là đại nghịch! Huống chi tổ tông chẳng phải là bậc thánh nhân đã đoạn hoặc chứng chân, ắt phải luân hồi trong lục đạo tam đồ, chẳng vì họ làm phước để họ được siêu thăng thì là đã đánh mất đạo của người đời sau, há có nên mặc tình sát sanh gây nên chuyện "đã té giếng còn bị quăng đá" nữa ư?

Còn như phụng dưỡng cha mẹ, thức ăn rau quả há chẳng đủ vị ngọt bùi mà cần phải ăn thịt, hãm cha mẹ vào cảnh đời đời kiếp kiếp bị giết để đền trả mối nợ oan uổng vì được ta hiếu dưỡng hay chăng? Nếu chẳng biết sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo thì còn dung thứ được. Nay đã hiểu rõ chuyện người và súc sanh tuần hoàn, báo ứng, những chuyện ấy được thấy thấu triệt trong hai mươi bốn bộ sử và các sách vở, mà vẫn cố chấp thói quen hèn tệ chẳng chịu sửa đổi, cứ mong cho chính mình và cha mẹ cùng chịu báo này, kẻ như vậy chẳng phải là mất trí cuồng tâm, đem phê sương, trầm độc dâng cho cha mẹ mà mong được trường thọ, yên vui ư? Đáng buồn thay! (Những sự tích nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo trong sử chép rất nhiều. Muốn biết đại khái thì hãy xem sáu câu vấn đáp về vấn đề "thân diệt, tinh thần vẫn còn" trong ba trang từ 43 đến 45 của bộ Dục Hải Hồi Cuồng sẽ biết đại lược. Lại nữa, Phật Bồ-tát muốn làm cho con người kiêng giết, phóng sanh nên dùng lòng đại từ bi, thị hiện thân trong dị loại, giết rồi mới biết là thánh nhân thị hiện, khiến cho con người chẳng dám giết các loài vật để ăn ngõ hầu đây kia cùng được giải thoát. Chuyện như vậy rất nhiều, chẳng thể ghi trọn, nên xem trang ba mươi "Vật loại hiện tướng" (hiện thân trong loài vật) trong quyển một của bộ Quán Thế Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng sẽ biết đại khái. Nguyện những người xem đến đều sanh chánh tín).

Nói đến chuyện đãi đằng bạn bè, vốn nhằm để thỏa lòng, phô bày tình cảm, sao lại dùng chuyện sát sanh thê thảm để giúp cho bữa tiệc thanh khiết ấy? Loài vật cùng với ta và bạn ta chẳng hề có nỗi oán giết cha, sao lại xẻ thịt chúng bày thành tiệc để giúp cho khách khứa vui sướng? Cứ thử nghĩ đến tiền nhân hậu quả thì dù có ăn cũng chẳng thể nuốt trôi được. Người đời cưới vợ sanh con vốn để tiếp nối dòng giống, đó là chuyện tốt lành nhất, nếu như ăn thịt thì không còn gì hung hiểm hơn được. Ta muốn cho vợ chồng giai lão, con cháu đầy đàn mà làm cho những con vật kia chịu nỗi bi thương lìa bầy, hoặc bị nỗi thảm dao xẻ; đêm thanh suy nghĩ, yên lòng được chăng? Lại người ta cứ mỗi khi gặp dịp vui như chúc thọ, cưới vợ, sanh con v.v. nếu vô ý nói đến những chữ chết, tang v.v., chủ nhân không vui, nếu có chuyện như làm vỡ đồ đạc chẳng hạn liền cho là bất tường. Cớ sao giết các sanh mạng, cắt, chặt, nấu, nướng, cho đến xé ăn, lại ngược ngạo

coi là vui, là lễ, là tốt lành, may mắn? Thật ra, ấy là cái tâm gì vậy? Chính là làm theo thói quen không suy nghĩ đó thôi!

Nếu nói đến chuyện để tự cung phụng mình thì lại càng không nên giết. Nên nghĩ rằng, ta sanh trong thế gian có công đức gì đối với nhân dân, có phước trạch gì đối với tổ tông, cha mẹ, nay được nhờ phước ấm của tổ tông, cha mẹ che chở sâu dày, chẳng cực lực làm lành để tăng thêm phước cho tổ tông, cha mẹ, lại cứ mặc tình sát sanh ăn thịt, chẳng những bất lợi cho mình, mà còn gây liên lụy cho tổ tông, cha mẹ. Huống chi ta bẩm thụ di thể từ cha mẹ, hằng ngày dùng loài vật để bồi bổ, lâu ngày khí chất sẽ biến đổi theo, thật đáng sợ! Nay tôi nêu chứng cứ đại lược ngõ hầu người biết yêu thương chính mình sẽ tận lực dứt bỏ thói tham ăn ngon ấy. Sách Vạn Thiện Tiên Tư chép: "Đàn bà có thai ăn thịt thỏ thì con bị môi sứt, ăn thịt sẻ thì mắt lé, ăn cua thì phần nhiều con bị đẻ ngang, ăn ba ba thì cổ ngắn đầu teo, ăn cá chình, lươn thì phần nhiều khó sanh, ăn thịt ếch thì phần nhiều con bị câm ngọng." Sách Đại Đới Lễ[862] chép: "Ăn thịt thì dũng cảm nhưng hung hãn, ăn ngũ cốc thì trí tuệ, nhưng khéo léo; đều là khí chất bị chuyển biến theo khí chất của từng loài, từng vật vậy." Khí chất do cha mẹ để lại cho ta vì ăn thịt mà dần dần bị biến đổi ngấm ngầm thành khí chất của loài vật, đấy là đại bất hiếu. Từng thấy người ta chữa trị kẻ cứa cổ nhưng chưa đứt khí quản bằng cách cắt thịt chim hay thịt gà sống đắp vào chỗ bị thương, khi lành rồi chỗ ấy bèn mọc lên lông gà. Tuy đắp ở bên ngoài nhưng chỗ ấy vẫn là thể chất của súc vật. Như vậy suốt cả đời ăn thịt để bồi đắp bên trong há chẳng đáng kinh sợ hoảng hốt ư? Như vậy là gìn giữ di thể được bẩm thụ từ cha mẹ đó sao? Huống chi chất thịt đều chứa chất độc, do lúc bị giết hận tâm kết lại cho nên người ăn thịt phần nhiều hay sanh ghẻ chốc, khi ôn dịch lưu hành hay mắc bệnh truyền nhiễm. Người ăn chay thường ít mắc phải những chứng ấy. Phàm muốn giải thoát oán nghiệp, giữ gìn thân thể thì không thể không biết chuyện này.

[862] Đại Đới Lễ tức là sách Lễ Ký. Nguyên thủy, Lễ Ký là một trong sáu kinh trọng yếu của Nho gia do Khổng tử biên tập vào thời Xuân Thu Chiến Quốc. Sau khi Tần Thủy Hoàng đốt sách Nho, chôn học trò, Lễ Ký chỉ còn sót lại 130 thiên, được Lưu Hướng thu thập. Đới Đức đời Hán đã rút gọn 130 thiên ấy thành 85 thiên, nên người đời sau gọi là Đại Đới Lễ Ký. Về sau, cháu của ông là Đới Thánh lại rút gọn bộ Đại Đới Lễ Ký một lần nữa thành 46 thiên, thêm vào các thiên Nguyệt Lệnh, Minh Đường Vị và Nhạc Ký, thành bộ Lễ Ký gồm 49 thiên, với danh xưng Tiểu Đới Lễ Ký. Bộ Lễ Ký được lưu hành hiện thời chính là bộ Tiểu Đới này. Các thiên sách Đại Học, Trung Dung được rút ra từ bộ Lễ Ký, hợp với Luận Ngữ, Mạnh Tử tạo thành Tứ Thư. Tuy mang tên gọi là Lễ Ký, nhưng sách này không chỉ nói đến lễ nghi, chế độ, mà còn bao gồm của những quan điểm nhân nghĩa đạo đức, xử thế thời cổ.

Nếu nói "tam sanh ngũ đỉnh[863], nhờ vào loài vật để tỏ lòng thành; nếu như ông vừa nói thì pháp do cổ thánh hiền đã lập đều sai trái hết hay sao?" Đáp: Thánh hiền thuận theo thói tục mà lập pháp, lúc đầu chẳng phải là thật nghĩa rốt ráo. Nay đã biết chuyện luân hồi của người và súc sanh thì cố nhiên phải bỏ quyền theo thật, há nên chấp quyền bỏ thật, tổn thương đức hiếu sanh của trời đất, chôn vùi lòng nhân bất nhẫn của chính mình. Huống chi nhờ vào vật để tỏ lòng thành thì sao không mượn nếp, gạo thơm, rau, quả mà cứ phải dùng những vật máu thịt ô uế? Há chẳng phải là nói trời, đất, đức Khổng, đức Quan thích vật nhơ uế, ghét những món thanh khiết ư? Không có gì khác ngoài quen thói chẳng biết là sai đó thôi! Đến như việc cúng tổ, phụng dưỡng cha mẹ, đãi khách, tự dùng, hễ nhìn lại sẽ biết rõ là sai, đều thay đổi thói cũ, nên chẳng nói rõ.

Nếu như lại nói: "Nếu như ông nói thì hoàn toàn chẳng sát sanh ăn thịt, ắt loài vật sẽ đầy dẫy trọn khắp thế giới, biết làm sao đây?" Đáp: Những thứ con người ăn đều là do con người làm cho nó sanh sôi nảy nở. Những loài lợn, dê, gà, vịt kia nếu như nhốt riêng các loài đực cái, trống mái thì chưa quá mười năm, chúng nó sẽ vĩnh viễn không tồn tại nữa. Huống chi những giống cọp, báo, chó sói, rắn, rết, con người đều chẳng ăn sao từ cổ đến nay chúng chẳng đầy khắp thế giới vậy? Phải biết, nếu người ăn thịt nhiều thì người ta lập ra cách để những giống lợn, dê, gà, vịt v.v… sanh trưởng cho nhiều, thật ra quá nửa đều là vì bụng miệng tham muốn, chẳng tiếc mạng loài vật, phải theo nghiệp thọ báo, thác sanh trong những loài vật ấy để bị người ta giết ăn.

Do vậy, kinh Lăng-nghiêm nói: "Tham lẫn ái cùng nảy nở. Do tham chẳng thể ngưng dứt nên các loài noãn, thai, thấp, hóa trong thế gian cậy mạnh hiếp yếu, ăn nuốt lẫn nhau. Người ăn dê, dê chết thành người, người chết thành dê, như thế cho đến mười thứ sanh loại, chết chết sống sống ăn nuốt lẫn nhau." Kinh Phạm Võng dạy: "Nếu là đệ tử Phật thì do từ tâm bèn hành nghiệp phóng sanh, hết thảy người nam đều là cha, hết thảy người nữ đều là mẹ ta. Đời đời ta chẳng bao giờ không sanh ra từ họ." Vì thế lục đạo chúng sanh đều là cha mẹ ta, giết để ăn thịt chính là giết cha mẹ. Kinh Lăng-già dạy: "Hết thảy chúng sanh từ vô thủy đến nay luân hồi chẳng ngơi trong sanh tử, không ai chẳng từng làm cha mẹ, anh em, con cái, quyến thuộc cho đến bạn bè, người thân yêu, kẻ hầu hạ, sang đời khác

[863] Theo Nho lễ, để cúng tế phải dâng ba thứ thịt là bò (hoặc trâu), lợn, dê gọi là "tam sanh" (ba loại động vật dùng để hiến tế). "Ngũ đỉnh" là các thứ cỗ cúng phải được nấu thành năm món (thuở xưa dùng những cái đỉnh đồng không có nắp để đựng vật cúng). Về sau từ ngữ "tam sanh ngũ đỉnh" được dùng để chỉ cỗ bàn cúng tế hậu hĩnh.

mang thân chim, thú v.v.. Sao lại bắt lấy chúng để ăn thịt?" Trong các kinh Đại thừa, những câu nói như vậy nhiều lắm, khó thể trích đủ.

Quán lời Phật dạy, có thể biết rằng cái họa sát sanh ăn thịt rất sâu, con người và súc vật tuần hoàn, giết ăn lẫn nhau. Nếu vẫn chấp mê chẳng ngộ thì trở thành "kẻ đáng thương xót" như đức Như Lai đã gọi. Phải biết kiếp đao binh đều do sát sanh phát khởi. Một ngày trong thế gian chẳng biết giết mấy vạn vạn triệu. Do ác tâm sát sanh ăn thịt và tâm oán hận của những con vật bị giết kết thành kiếp đao binh. Mười mấy năm qua, trong nước ngoài nước chiến tranh, người bị tử vong số đến vạn vạn. Huống hồ thiên tai liên tiếp giáng xuống, lụt lội, hạn hán, ôn dịch, bão lốc, động đất, biển trào, sông tràn, thổ phỉ, đạo tặc, các thứ tai nạn xảy ra dồn dập, thóc gạo đắt đỏ, dân không lẽ sống. Bọn ta gặp phải thời đại này mà vẫn chẳng phát lòng tự thương xót, tâm tự thương mình xót người để mong vãn hồi kiếp vận thì còn quý báu gì để dự vào trong số mục tam tài, là "vạn vật chi linh" nữa ư? Nỡ dùng tâm tánh "sẵn đủ Nghiêu Thuấn, có thể thành Phật" để trầm luân bao kiếp dài lâu trong biển nghiệp ăn giết lẫn nhau không thể thoát ra được thì chẳng đáng buồn ư?

11. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn tàng về hành trạng của Phùng Bình Trai Nghi Nhân[864]

Con người sống trong thế gian dù thiện hay ác đều phải có người phụ trợ thì mới thành được như vậy! Dẫu là bậc thánh bẩm sanh vẫn cần phải có hiền mẫu, hiền thê phụ trợ cho đạo đức của vị ấy, huống gì những kẻ kém hơn ư? Do vậy, Thái Nhậm dạy con từ lúc còn nằm trong thai (thai giáo) nên sanh ra Văn Vương có thánh đức. Vì thế, kinh Thi khen ngợi Văn Vương nêu gương đức hạnh từ vợ cho đến anh em, đức ấy lan truyền ra cả nước. Nhưng đấy mới chỉ là luận theo phía Văn Vương, chứ nếu bàn về đức của bà Thái Tự[865] thì cố nhiên đức ấy cũng phụ trợ cho đạo của Văn Vương. Như hai ngọn đèn chiếu lẫn nhau bèn càng thấy sáng sủa, hai tay rửa lẫn nhau thì mới được sạch sẽ. Cứ xét theo câu trong bài thơ Tư Tề Thái Nhậm "Thái Tự kế thừa danh tiếng tốt đẹp"[866] thì có thể biết được

[864] Nghi Nhân: Thời Minh, Thanh, vợ các quan thuộc ngạch Ngũ phẩm được phong là Nghi Nhân. Bà Nghi Nhân này họ Phùng, pháp danh là Bình Trai.
[865] Thái Tự là vợ của Văn Vương
[866] Đây là đoạn đầu bài thơ Tư Tề trong kinh Thi, nguyên văn: *"Tư Tề Thái Nhậm, Văn Vương chi mẫu, tư mị Thái Khương, kinh thất chi phụ, Thái Tự tự huy âm, tắc bách tư nam."* Theo chú giải được đăng tải trong trang nhà Trung Quốc Khổng tử Võng (không rõ tác giả) thì đoạn thơ này phải hiểu như sau: "Thái Nhậm phong thái đoan trang, mẹ đẻ của Văn Vương. Thái

[đức của các bà]. Do vậy mới nói: "Đời thiếu hiền nhân là do cõi đời thiếu hiền mẫu và hiền thê!" Ấy là vì vợ có thể ngầm giúp chồng, mẹ có thể dạy con cái từ lúc còn trong thai; huống chi mấy năm đầu đời, hằng ngày ở bên mẹ, thân cận tấm gương tốt lành, thường được răn dạy, nên tánh tình bị chuyển biến mà không biết không hay, có những điều chẳng mong mỏi mà đạt được. Tôi thường nói: "Người nữ là cái gốc của việc tề gia trị quốc." Lại thường nói: "Quyền trị quốc bình thiên hạ, hàng nữ nhân chiếm quá nửa", chính là vì ý này vậy.

Bởi lẽ những kẻ thiên tư cao nếu được hiền mẫu un đúc, hiền thê phụ trợ sẽ tự có thể ý thành tâm chánh, làm sáng tỏ đức sáng, an trụ nơi chí thiện. Nếu khốn khó thì riêng thân mình thiện, nếu hiển đạt sẽ khiến cho thiên hạ cùng thiện. Kẻ thiên tư bình thường thì cũng có thể tuân thủ quy củ, làm một người dân lành giữ phận, quyết chẳng đến nỗi vượt lý nghịch phận, làm quấy, làm gian, làm nhục người sanh ra mình, gây hại cho đời. Tiếc cho người đời mơ màng, chẳng lấy chuyện "trọn vẹn luân thường, tuân thủ bổn phận" để dạy con gái. Nếu hằng ngày chỉ lo trau chuốt, ngoài ra không nhắc tới chuyện gì khác, mai kia làm vợ người ta, làm mẹ người ta, chẳng những không thể giúp chồng dạy con trở thành thiện sĩ, mà trái lại còn dạy con trở thành kẻ ác. Do vậy nói: "Chuyện dạy dỗ con gái quan trọng hơn việc dạy con trai rất nhiều!" Những lời tôi nói như "dạy con gái là cái gốc để tề gia trị quốc" và "quyền trị quốc bình thiên hạ, nữ nhân chiếm hơn một nửa" chính là lời chân thật vậy.

Gần đây cái học mở rộng, con gái đi học đa phần bị những giáo viên chẳng biết dạy về cái gốc làm cho lầm lạc. Do vậy chẳng chú trọng "giữ vẹn luân thường, tuân thủ bổn phận, giữ yên cửa nhà, giúp chồng dạy con", ai nấy đều muốn nắm chánh quyền, làm quan to, suy tính vượt phận, tập thành thói cuồng vọng, cũng là điều đáng cảm khái. Nếu như có bậc trưởng dân cực lực đề xướng khiến cho họ vun bồi trong gia đình, ngõ hầu đạt được hiệu quả của việc tu tề trị bình một cách không hay không biết, trọn không dấu vết thì may mắn chi bằng? Do vậy, tôi có cảm xúc rất sâu đối với hành trạng của bà Phùng Nghi Nhân.

Nghi Nhân chính là người vợ đức hạnh của cư sĩ Bao Bồi Trai, bản tánh khác lạ, từ thuở nhỏ mẹ ít phải nhọc công dạy dỗ, lúc chưa lập gia đình thì hiếu thảo với cha mẹ, xuất giá rồi bèn hiếu dưỡng bố mẹ chồng, lại còn hết sức tin tưởng Phật pháp, tu trì nghiêm cẩn. Thoạt đầu, ông Bao chẳng cho như vậy là đúng,

---

Khương đức cao đáng trọng, làm bậc chủ phụ trong vương thất. Thái Tự kế thừa danh tiếng tốt đẹp, nuôi dưỡng con cháu thật đông đảo." Thái Khương chính là bà nội của Văn Vương.

nhưng lâu ngày cũng bị cảm hóa bèn ăn chay trường niệm Phật, vì ông Bao tư chất thông minh, đặc biệt thấu đạt, lại hằng ngày ở chung với Nghi Nhân là người cung cách đoan trang, thầm lặng, giữ bổn phận, trọn vẹn luân thường. Tánh bà cảm động được người, cho nên ngấm ngầm cảm hóa được người mà chẳng hay chẳng biết. Ông Bao là bậc quân tử minh triết, tánh trong sạch như nước. Lúc ông làm quan, mỗi khi có thu nhập gì, nếu không biết rõ lai lịch, bà vẫn sợ có chỗ lầm lẫn nhân quả, bèn nghiêm sắc mặt khuyên răn, tra hỏi tường tận nguồn gốc để khỏi phụ lòng mới thôi. Bà lại thường khuyên con đừng tham dự vào chánh trường, nhưng vẫn sợ con có khi khó tránh khỏi, nên lại bảo: "Tiền trong chốn chánh trường thì chỉ có lương bổng trả cho công việc hằng ngày là được nhận. Ngoài ra, đều là tiền trái phận, rốt cuộc cũng phải đền trả, chẳng thể không thận trọng!"

Gương thơm thờ cha mẹ, giúp chồng, trông nom gia đình, dạy con, và những hành vi tốt lành như kiêng giết, phóng sanh, giúp đỡ người bị tai nạn, khốn khó, tận lực sám trừ túc nghiệp, dốc sức tu tịnh nghiệp của Nghi Nhân đều đáng làm gương cho đời. Thậm chí trước khi mạng chung ba ngày, bà còn thiết tha dặn dò đừng làm đám tang rình rang, bảo con dùng quan tài xấu, vải thô, bởi lẽ cái chân thật đã đi mất rồi, há nên phí phạm tiền bạc cho cái thân huyễn vọng này, trái nghịch cả trời lẫn vật ư? Huống chi, xét về nguồn gốc thì tơ, lụa đều do giết chóc mà có, dùng những thứ ấy để tống táng càng tăng thêm tội nghiệp, rất trái nghịch với đạo thân ái vậy. Một hai ngày trước khi lâm chung, bà thị hiện các sự đau khổ, dường như cảm thấy khó kham được nổi, nhưng vừa được thấy quang minh của Phật bèn kết ấn qua đời. Ấy là vì túc căn sâu dày, hạnh trong đời này thuần thục. Lại được ông Bao hiểu sâu ý nghĩa trọng yếu, bèn bảo người nhà cùng trợ niệm, hoàn toàn chẳng nhắc đến những chuyện quyết biệt (giã biệt mãi mãi), mà cũng chẳng để lộ nỗi thương tâm, đau khổ chút nào. Lại thỉnh những bạn gái thông hiểu pháp thường đến khai thị cho bà. Sáu vị tỳ-kheo trợ niệm liên tục, cho đến ngày hôm sau mới nhập liệm, chẳng hề khóc lóc, khiến cho thần thức người chết chẳng nảy sanh ái luyến, được toại nguyện vãng sanh. Như vậy có thể nói là ông Bao đã thành tựu tịnh nghiệp đến cùng cực cho Nghi Nhân vậy.

Kinh Pháp Hoa dạy: "Thiện tri thức là đại nhân duyên, là vì họ chỉ dạy ta, khiến cho ta thấy được Phật." Nghi Nhân cố nhiên là thiện tri thức của ông Bao, mà ông Bao cũng là thiện tri thức của Nghi Nhân. Có thể nói rằng thiện gặp được thiện, cùng được lợi ích rành rành. Như Nghi Nhân đáng coi là bậc thầy cho nữ giới trong đời này, việc trợ niệm lúc lâm chung và những hành động của ông Bao đáng làm gương tốt lành cho người nhà cũng như con cháu của những ai tu tịnh

nghiệp. Vì thế, tôi nêu bày ra để khuyên lơn những ai yêu thương người thân, chứ không chép đầy đủ chi tiết về những sự thật khác.

12. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của tác phẩm Khang Mẫu Vãng Sanh Kỷ Niệm San (viết thay cho Khang Ký Dao)

Ân cha mẹ dù trọn đời cũng không thể báo được, hiếu là đạo lớn lao không gì ở ngoài nó được. Đại giáo của Như Lai lấy hiếu làm gốc, Bồ-tát thấy các chúng sanh trong lục đạo đều là cha mẹ quá khứ, là chư Phật trong vị lai. Vì thế ngài Địa Tạng có lời nguyện: "Độ hết chúng sanh mới chứng Bồ-đề, địa ngục chưa trống thề chẳng thành Phật." Phạm Võng Giới Kinh coi hiếu thuận là pháp đạt đạo tột bậc, không những dạy phải hiếu thuận với phụ mẫu, sư tăng, tam bảo, mà còn dạy đối với hết thảy chúng sanh phải sanh tâm từ bi, tâm hiếu thuận, dùng phương tiện cứu giúp, che chở, kiêng giết, phóng sanh, vì hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc của ta trong quá khứ. Do vậy nói, đạo hiếu của Phật giáo trước là thấu đến vô thủy, sau là đến tột cùng vị lai, không gì chẳng bao gồm trọn vẹn. Vì thế ngài Liên Trì nói: "Cha mẹ được lìa trần cấu thì đạo của con mới thành tựu."

Những kẻ cậy vào đạo hiếu chăm sóc phụng dưỡng trong đời này để bài báng Phật pháp bất hiếu chính là chấp nhặt khư khư vào kiến giải "ếch ngồi đáy giếng" của chính mình, cho nên mới đưa ra lời bàn luận mù quáng của kẻ chưa từng thấy được biển cả ấy. Phận làm con cố nhiên phải tỏ bày đức của cha mẹ, biểu lộ bằng cách chú trọng nơi tận tụy thực hành, cho nên phải khắc kỷ giữ lễ, dứt lòng tà, giữ lòng thành, biết lỗi phải sửa, thấy điều nghĩa ắt làm, hiểu nhân biết quả, kiêng giết, phóng sanh, chớ làm các điều ác, vâng làm những điều lành, sanh tín phát nguyện trì danh hiệu Phật, tự hành dạy người cùng sanh Tịnh độ. Làm được như thế, dù người ta chẳng biết đến đức của cha mẹ người ấy, nhưng do kính ngưỡng đức của người ấy cũng sẽ ngưỡng mộ đức của tổ tông, cha mẹ người ấy, cho là đã ngầm tu từ lâu cho nên mới có được người nối dõi như thế. Nếu không, dù tổ tông, cha mẹ có đức tốt đẹp ai nấy đều biết, nhưng vì con cái bất tiếu[867], ắt người ta sẽ ngờ: Cha mẹ, tổ tông kẻ đó dẫu có đức cao đẹp, nhưng chắc là vẫn có chuyện ác ngấm ngầm. Nếu không, trong nhà đức hạnh tốt đẹp ấy sao lại nảy sanh ra thứ con cháu bất tiếu như thế đó?

Do vậy biết rằng: Lập thân, hành đạo chính là nêu tỏ đức của cha mẹ, tổ tông. Phận làm con phải chú trọng lòng kính, cẩn thận dè dặt, tận lực thực hành như thế

[867] Bất tiếu: Con cái không xứng đáng, không nối được phẩm hạnh của cha mẹ, tổ tiên.

nào để khỏi nhục lây người sanh ra mình, còn như những chuyện điếu văn, bài minh ca tụng của danh nhân đều là chuyện đằng ngọn. Đức của mẹ ông Khang có thể thấy đầy đủ qua điếu văn, qua những bài minh, cho nên tôi chẳng mất công nhắc lại. Tôi chỉ muốn nói đến chuyện ông Khang do tâm hiếu thuận, khéo giữ gìn di thể[868] của cha mẹ, chẳng để cho một lời nào, một hành vi nào, hoặc khởi tâm động niệm có chút nào trái nghịch chánh lý, đánh mất đạo hiếu! Lời lẽ tuy tợ hồ chung chung không sâu sát, nhưng nó thật sự chính là đạo "gốc chánh nguồn trong" của cả Nho lẫn Thích. Nếu ông Khang và những người đọc cuốn sách này ai nấy đều càng thêm gắng sức thì thiên hạ, quốc gia may mắn lắm thay, chứ nào phải riêng mình Khang mẫu được vẻ vang!

13. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của tác phẩm Giang Mẫu Quách Thái Phu Nhân Tây Quy Sự Lược

Khổng tử nói: "Tánh thì gần giống nhau, nhưng do dạy dỗ, đào luyện mà thành ra khác nhau[869]." Lại nói: "Chỉ có bậc thượng trí và kẻ hạ ngu là không thay đổi." Mạnh tử tuy hiền nhưng vẫn phải thuận theo thế tục, nương theo sự giáo huấn mà thay đổi. Bậc thượng trí, kẻ hạ ngu hiếm lắm, bao nhiêu chúng sanh do tập theo thói lành mà thành lành, tập theo thói ác bèn thành ác, những người chẳng bị thiện ác lay động chỉ là một hai phần trong trăm ngàn vạn ức phần. Cư sĩ Giang Vị Nông đoan trang, khiêm tốn, có phong cách của cổ nhân, tu trì thành khẩn nghiêm mật, chỉ mong được lợi ích thật sự, hoàn toàn không có những tập khí đàm huyền thuyết diệu, ham cao chuộng xa. Quang tuy khâm phục, kính nể ông Giang thiên tánh thuần hậu, chuyên dốc, nhưng vẫn đoán trong gia đình ông sự un đúc ắt phải có chỗ thật vượt trội mọi người. Đến khi trông thấy những sự thực đại lược về việc quy Tây của phu nhân mới biết tư cách của cư sĩ chịu ảnh hưởng rất sâu từ mẹ. Do vậy biết rằng, đời phải có hiền mẫu thì mới có hiền nhân!

Những vị thánh mẫu thời xưa dạy con từ thuở còn trong thai, bởi lẽ un đúc từ lúc mới bẩm thụ thể chất mới mong tập quen thành tánh. Thế gian dùng chữ Thái Thái để gọi nữ nhân là vì ba vị thánh nữ Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự, vị nào cũng giúp chồng dạy con, mở ra vương nghiệp 800 năm của nhà Chu, cho nên người ta mới dùng chữ Thái Thái để xưng tụng nữ nhân. Quang thường nói:

---

[868] Di thể ở đây có nghĩa là cái thân ta do chính cha mẹ ban tặng, để lại cho ta nên gọi là "di thể".

[869] Nguyên văn: *"Tánh tương cận dã, tập tương viễn dã."* Câu nói này xuất phát từ thiên Dương Hóa, sách Luận Ngữ. Chúng tôi dịch theo cách giải thích của sách Tứ Thư Bạch Thoại Chú Giải.

“Quyền trị quốc bình thiên hạ, nữ nhân chiếm quá nửa.” Lại thường nói: “Dạy dỗ con gái chính là cái gốc để tề gia trị quốc bình thiên hạ”, đấy là nhằm khuyên dạy trọn hết đạo làm vợ, giúp chồng dạy con mà nói như thế. Chẳng giống như nữ giới ngày nay, đa phần chẳng giữ bổn phận, vọng động muốn nắm lấy chánh quyền, làm đại sự, chẳng biết vun bồi từ gia đình. Đấy chính là “gồm thâu sắt của khắp chín châu muôn nước cũng chẳng thể đúc được một mối lầm lỗi lớn lao ấy”. Do vậy thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống, thiên tai nhân họa cứ thấy xảy ra liên tiếp. Tuy là do chúng sanh đồng phận ác nghiệp chiêu cảm, nhưng thật ra chính là vì trong gia đình đánh mất sự giáo dục mà nên nỗi.

Cho nên những kẻ có thiên tư quen thói cuồng vọng, những kẻ không có thiên tư trở thành người dân ương ngạnh. Nếu như ai nấy đều được mẹ hiền uốn nắn thì người người đều có thể trở thành thiện sĩ, hễ túng quẫn thì riêng một mình ta thiện, lúc hiển đạt thì khiến cho người khác đều cùng được thiện, đâu đến nỗi trên không có đạo để hướng dẫn, dưới chẳng có pháp tắc để tuân thủ, tệ hại, khinh nhờn trăm mối nảy sanh, dân không lẽ sống. Cao đẹp thay bà mẹ ông Giang! Thoạt đầu dùng việc hiếu dưỡng bố mẹ chồng, dạy dỗ nghiêm nhặt, tụng kinh, niệm Phật để giáo hóa con. Cư sĩ Vị Nông lại càng mở rộng lời mẹ giáo huấn, chuyên tinh nghiên cứu Phật học, đem lợi ích của Tịnh độ khuyên dụ mẹ từ trước. Đến khi mẹ lâm chung, lại trợ niệm nhiều cách hòng mẹ được nương vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Có thể nói là người dốc lòng thờ mẹ, hoàn toàn chẳng có gì phải tiếc nuối.

Nhưng ông vẫn chưa thấy thế là đủ, lại muốn cho những người con hiếu cháu từ trong cõi đời đều dùng đạo này để thành tựu cho cha mẹ. Hễ cha mẹ còn sống thì uyển chuyển khuyên dụ khiến cho họ đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Cha mẹ đã mất thì tận lòng thành, cạn lòng kính nhất tâm niệm Phật, để cầu cho cha mẹ được cao thăng phẩm sen, mau chứng Vô sanh mới thôi. Đấy chính là ý nghĩa ẩn kín của tác phẩm Tây Quy Sự Lược, cho nên tôi mới đặc biệt nêu rõ ra.

14. Sự tích vãng sanh của ưu-bà-di Trần Liễu Thường và nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của Phật tánh

Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng Phật và chúng sanh tâm hạnh, thọ dụng, tuyệt chẳng giống nhau, vì sao thế? Do Phật thì trái trần hiệp giác, còn chúng sanh thì trái giác hiệp trần. Phật tánh tuy đồng, nhưng mê ngộ thật khác, cho nên sướng khổ, thăng trầm khác biệt một trời một vực. Nếu có thể suy xét kỹ

nghĩa lý "tam nhân Phật tánh" thì không mối nghi nào chẳng phá, không ai chẳng muốn tu tập. Tam nhân chính là chánh nhân, liễu nhân và duyên nhân.

1) Chánh nhân Phật tánh chính là diệu tánh sẵn có ngay nơi cái tâm của chúng ta, là pháp thân chân thường được chứng bởi chư Phật. Đây chính là cái "tại phàm chẳng giảm, nơi thánh không tăng, ở trong sanh tử chẳng nhiễm, ngự Niết-bàn chẳng tịnh". Chúng sanh triệt để mê trái, nhưng chư Phật rốt ráo viên chứng. Mê chứng tuy khác, tánh thường bình đẳng.

2) Liễu nhân Phật tánh chính là chánh trí được phát sanh bởi chánh nhân Phật tánh; do từ tri thức hoặc từ kinh giáo được nghe đến nghĩa lý chánh nhân Phật tánh bèn liễu ngộ. Biết do nhất niệm vô minh chướng lấp nguồn tâm, cho nên chẳng biết bản thể của cảnh giới lục trần vốn không, tưởng là thật có, bèn khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm. Do hoặc tạo nghiệp, do nghiệp chịu khổ, đâm ra làm cho chánh nhân Phật tánh biến thành cái gốc để khởi hoặc tạo nghiệp chịu khổ. Từ đấy liễu ngộ, bèn muốn bỏ vọng theo chân, ngõ hầu khôi phục bản tánh.

3) Duyên nhân Phật tánh, duyên là trợ duyên. Đã liễu ngộ thì cần phải tu tập đủ mọi thiện pháp hòng tiêu trừ hoặc nghiệp, tăng trưởng phước tuệ, khiến cho đích thân chứng được rốt ráo cái lý sẵn có mà mình đã ngộ mới thôi.

Xin dùng thí dụ để làm sáng tỏ. Chánh nhân Phật tánh giống như vàng trong quặng, như lửa ẩn trong gỗ, như ánh sáng từ nơi gương, như mầm nằm trong hạt ngũ cốc, tuy sẵn có, nhưng nếu chẳng hiểu rõ và trải qua những duyên như chưng luyện, xoi dùi, dồi mài, vun trồng, mưa thấm ướt v.v. thì chất vàng, lửa, ánh sáng, mầm… vĩnh viễn chẳng có ngày phát sanh. Do vậy biết, tuy có chánh nhân nhưng nếu không có duyên để hoàn thành thì chẳng thể thọ dụng được. Do vậy đức Phật thấy hết thảy chúng sanh đều là Phật, muốn khiến cho họ được giải thoát. Chúng sanh do chẳng liễu ngộ nên chẳng chịu tu tập thiện pháp, đến nỗi luân hồi sanh tử bao kiếp dài lâu chẳng thể thoát ra được. Do vậy, đức Như Lai rộng bày phương tiện tùy cơ chỉ dạy, dắt dìu ngõ hầu chúng sanh bỏ vọng theo chân, trái trần hiệp giác.

Pháp môn tuy nhiều, nhưng ba môn giới định tuệ bao trọn không sót. Vì thế kinh Lăng-nghiêm chép: "Nhiếp tâm là giới, nhân giới sanh định, nhân định phát tuệ. Đấy gọi là tam vô lậu học." Nhưng trong ba thứ này, giới là quan trọng nhất, bởi lẽ giữ được giới thì không làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, hạnh gần với Phật, ắt tâm chẳng cách xa Phật cho lắm. Do đó trong kinh Phạm Võng, đức Như Lai bảo đảm cho chúng sanh như sau: "Ta là Phật đã thành, các ông là Phật

chưa thành. Nếu tin được như vậy thì giới phẩm đã đầy đủ." Lại nói: "Chúng sanh nhận lãnh giới của Phật liền nhập vào địa vị Phật, địa vị giống với bậc Đại Giác, thật sự là con chư Phật." Do vậy, pháp trì giới chính là đạo quan trọng bậc nhất để siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Nếu như chúng sanh chẳng đầy đủ Phật tánh, dẫu tu tập đủ mọi thiện pháp, cũng chẳng có lẽ nào thành Phật được. Như đá không chứa vàng, băng không có lửa, ngói chẳng có ánh sáng, cát chẳng có mầm, dù có các duyên chưng luyện, xoi dùi, dồi mài, gieo trồng, mưa tưới v.v., tuy trải qua bao kiếp, mỗi thứ ấy vẫn chẳng thể sanh ra vàng, lửa, ánh sáng, mầm mộng v.v.. Nếu biết nghĩa này, ai lại chịu dùng cái tánh sẵn có Bồ-đề, Niết-bàn, để lầm lạc tạo phiền não sanh tử, nhường cho chư Phật và thánh nhân tam thừa riêng hưởng sự vui chân thường, còn tự mình cam chịu nỗi khổ huyễn vọng nữa ư! Nhưng nếu ước theo cách dạy dỗ thông thường thì ở địa vị phàm phu muốn liễu sanh tử thật chẳng phải là chuyện dễ dàng. Nếu ước theo pháp môn đặc biệt "tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh độ" thì ngay trong một đời này đều được liễu thoát. Nếu thật sự đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha thì trong vạn người chắc chắn chẳng sót một ai. Chúng sanh đời mạt chỉ có thể nương tựa vào một pháp này. Do đó, pháp vận càng về cuối thì pháp này càng thích hợp căn cơ, thiện tri thức đề xướng càng khẩn thiết, những chứng nghiệm do chân thật tu trì bèn được vãng sanh đôi khi vẫn thấy.

Ưu-bà-di Liễu Thường là vợ kế của cư sĩ Liễu Viên Trần Tích Châu ở huyện Vô Vi tỉnh An Huy, họ Hồ, bẩm tánh từ thiện, dốc lòng tin tưởng Phật pháp. Thoạt đầu, Tích Châu không biết Phật pháp, người con trưởng là Thiên Thọ khá thông minh, mất năm 14 tuổi. Ông cho rằng mình suy nghĩ, xử sự không có lầm lỗi gì lớn lao, sao lại bị như thế này, bèn đối với sự nhân quả báo ứng, sanh tử, luân hồi, nhất loạt cho là không có. Phu nhân biết chẳng thể phá được kiến chấp ấy, bèn thầm lặng tu trì, chẳng để cho ông ta biết. Không lâu sau, phu nhân có thai, lúc sắp đến kỳ sanh nở, chợt mắc bệnh nặng. Trong 29 ngày không thể nói năng, ăn uống, trở mình được, thân nóng như lửa, mình gầy như que củi. Danh y bó tay, không còn hy vọng sống còn nào! Một tối, bà mộng thấy một bà lão cầm một cành sen dài, bảo: "Ngươi do túc nghiệp nên mắc phải ác bệnh này, may là có thiện căn, cho nên ta từ Nam Hải đến an ủi ngươi!" Bèn dùng cành sen phẩy từ đầu xuống chân, bảo: "Phủi đi nghiệp chướng, khéo sanh con ngoan." Bà chợt cảm thấy thân tâm mát mẻ, liền giật mình, tỉnh dậy, khỏe mạnh trở lại. Hôm sau sanh con, đứa bé đầy đặn mập mạp chẳng khác gì những đứa được sanh bởi người mẹ khỏe mạnh; bèn đặt tên là Thiên Dân, đến nay đã 15 tuổi rồi. Do vậy, Tích

Châu mới biết lòng từ rộng lớn của Phật, lý sự nhân quả ba đời chân thật chẳng dối! Từ đấy vợ chồng đều ăn chay, niệm Phật, nỗ lực tu trì. Đối với chuyện cứu giúp người nghèo cùng, hoạn nạn, trai tăng, sửa chùa, tặng thiện thư, thí quan tài, thảy đều tận lực làm.

Tích Châu quy y với Quang, pháp danh là Liễu Viên, phu nhân gởi thư xin quy y, nhân đó bèn đặt pháp danh là Liễu Thường. Năm Dân Quốc thứ chín (1920), vợ chồng con cái cả thảy năm người cùng thọ giới Bồ-tát tại chùa Pháp Nguyên ở Bắc Kinh. Mùa xuân năm ngoái, phu nhân muốn đến Phổ Đà gặp Quang, nhân đó bèn triều bái núi Cửu Hoa trước. Trở về đất Hỗ (Thượng Hải) nhằm đúng lúc chiến cuộc ở Phụng Thiên - Trực Lệ nổ ra nên chẳng thể đi được, thường lấy chuyện đó làm điều tiếc nuối. Quang an ủi: "Chí tâm niệm Phật thì ngày ngày được cùng Phật Di-đà và thánh chúng gặp gỡ, sao lại tiếc nuối vì không gặp được ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo này?" Do gặp phải cơn kinh sợ sâu xa nên thân thể gầy yếu, lâu ngày chẳng hồi phục được. Tích Châu xin Quang khai thị, Quang dạy hãy nghĩ lùi bước, hãy tưởng như đã chết, nên lại được lành mạnh.

Mùa xuân năm nay, lại mắc bệnh suy nhược, chẳng thiết ăn uống. Ngày 28 tháng 2 đang trong lúc niệm Phật thấy hai đồng tử cầm lá phan dài, trên đề bốn chữ *"Tây Phương tiếp dẫn"*, bà bảo Tích Châu rằng: "Đối với tôi đây là điềm rất may, còn đối với ông thì không may, bởi tôi đã về Tây rồi thì trong nhà không ai chăm sóc; nhưng người niệm Phật chẳng tham sống, chẳng sợ chết!" Nhân đó thỉnh bốn vị tăng tụng kinh lễ sám niệm Phật suốt 28 ngày để cầu nguyện hễ tuổi thọ chưa hết thì chóng lành, thọ đã hết sẽ mau sanh Tây Phương. Từ đó thân tâm vui sướng, trọn không bệnh khổ. Đến đầu tháng Tư, lại cảm thấy không thoải mái, biết kỳ hạn về Tây đã đến, bèn nhất tâm niệm Phật để cầu mau được sanh. Ngày mồng Năm, cả nhà đều niệm Phật. Lại thỉnh sư tăng thay phiên nhau niệm liên tục, ngày đêm tiếng niệm Phật không ngớt, phu nhân chỉ thầm niệm theo. Đến trước Ngọ ngày mùng Sáu liền bảo người nhà chuẩn bị đồ tắm rửa. Tắm xong, mặc áo sạch, đến Phật đường lễ bái, dâng cúng hương hoa. Trở về bèn sai dời giường hướng về Tây, nằm nghiêng bên hông, chỉ chuyên niệm Phật, hoàn toàn chẳng nhắc đến chuyện quyết biệt. Đến giờ Hợi, thấy Phật hiện đến, bà muốn ngồi dậy lễ bái, do vậy người nhà bèn đỡ ngồi lên. Bà chắp tay cúi đầu và nói: "Còn ba ngàn câu niệm Phật nữa, niệm xong sẽ đi." Toàn gia cùng tăng tục hơn 30 người đều lớn tiếng niệm. Phu nhân bèn lớn tiếng niệm Phật qua đời, mặt lộ vẻ mỉm cười, trong nhà thoảng mùi hương lạ. Cả nhà đều chẳng lộ vẻ bi ai, lại

niệm Phật hai tiếng nữa rồi mới sắp đặt ma chay. Ngày hôm sau, khâm liệm vào giờ Ngọ, đảnh đầu vẫn còn nóng ấm[870], tứ chi mềm mại, mùi thơm vẫn còn.

Ôi, có thể nói là phu nhân xưa đã có thiện căn, đời này gặp thiện duyên, chẳng bị tình yêu thương thế gian trong đời hiện tại phá hoại chánh niệm, chỉ cậy vào tiếng niệm Phật của nhiều người để thành tựu tịnh tâm. Vì thế được cảm ứng đạo giao nhờ Phật tiếp dẫn, lìa khỏi cõi khổ này, lên Lạc Bang kia, may mắn chi bằng? Một cửa ải lâm chung thật là khẩn yếu. Đời có kẻ ngu trong lúc cha mẹ, quyến thuộc lâm chung, bèn bi thương, đau đớn, khóc lóc, tắm rửa, thay áo, chỉ cốt sao đẹp mắt người đời, chẳng tính kể đến chuyện gây hại cho người chết. Người không niệm Phật thì không nói làm chi, chứ người mang chí hướng khẩn thiết vãng sanh, lúc lâm chung gặp phải hạng quyến thuộc này đa phần đều bị phá hoại chánh niệm, vẫn phải ở lại thế giới này.

Trợ niệm lúc lâm chung ví như kẻ yếu đuối trèo núi, sức mình chẳng đủ, may có sức của người đằng trước lôi, người đằng sau đẩy, người hai bên nâng đỡ nên bèn có thể lên đến được đỉnh cao chót vót. Lâm chung chánh niệm rõ ràng bị phá hoại [bởi những chuyện như] tình yêu thương của quyến thuộc, dời đổi chỗ v.v.. Ví như dũng sĩ trèo núi, sức mình sung mãn, nhưng thân hữu, người quen biết đều đem những vật của họ giao cho đội vác. Đội vác quá nhiều nên sức kiệt, thân nhọc, nhìn vách núi lùi bước. Lẽ được mất này tuy do người khác gây ra, nhưng thật ra cũng do nghiệp lực thiện ác của chính mình từ trong kiếp trước đã thành toàn hay phá hoại người khác mà ra. Phàm những người tu tịnh nghiệp hãy nên thành toàn chánh niệm cho người khác và bảo cho quyến thuộc biết sẵn về lẽ lợi hại, khiến cho ai nấy đều biết quan trọng ở chỗ thần thức sẽ đạt được, chứ chẳng phải ở chỗ dễ coi thuộc về phương diện tình cảm thế gian, để khỏi phải lo lắng nữa. Do nhận được tin báo tang, tôi liền nêu ra ý nghĩa ẩn kín của Phật tánh và việc trợ niệm cũng như thuật đại lược hành trạng của phu nhân để mong sao người tu tịnh nghiệp biết rồi sẽ bắt chước theo.

15. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn tàng của thất Đại Từ Bi

Thất Đại Từ Bi chính là phòng ngủ của phu nhân Chu, mẹ ông Vương. Phu nhân Chu mẹ ông Vương chính là người vợ đức hạnh của Sơn Âm Xử Sĩ Vương Sở Thần ở Chiết Giang, là mẹ đẻ của hai cư sĩ Tâm Tam và Vi Nghiễm. Phàm đại từ bi chính là nhà của Như Lai, sao phu nhân lại trộm lấy tên này? Trong hội

[870] Xin các tịnh nghiệp hành nhân đừng quá chú ý thăm dò hơi nóng trên thân người lâm chung khiến người sắp chết đau đớn hay sanh ái luyến, khó thể vãng sanh.

Pháp Hoa, đức Như Lai dạy những thiện nam tử, thiện nữ nhân hoằng kinh phải vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai, rồi giải thích: "Nhà của Như Lai là tâm đại từ bi đối với hết thảy chúng sanh. Áo Như Lai là tâm nhu hòa, nhẫn nhục. Tòa của Như Lai là hết thảy pháp không." Lại nói bài tụng rằng: "Đại từ bi là nhà, áo nhu hòa nhẫn nhục, các pháp không làm tòa. Ở nơi ấy thuyết pháp." Hễ đã vào nhà ấy, chắc chắn không lẽ nào chẳng mặc áo, ngồi tòa. Phu nhân đã lấy "Đại Từ Bi" để đặt tên cho thất thì ba pháp hoằng kinh ấy có thật sự tồn tại hay chăng?

Đáp: Nghĩa này nên dùng thuyết *lục tức* để luận. Nếu luận về viên chứng rốt ráo thì chỉ có mình đức Phật. Nếu luận về Lý tức Phật thì hết thảy chúng sanh không ai tâm chẳng sẵn đủ. Phu nhân do Danh tự mà khởi Quán hạnh để cầu chứng nhập Tương tự, Phần chứng. Xin trình bày đại lược! Phu nhân năm 26 tuổi mới về với ông Vương, nhà ông Vương khá giàu có, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tánh ưa bố thí, đã một mình dựng một ngôi miếu hai chái để thờ Quán Thế Âm và thần Thiên Y, ấy là vì muốn cho Đại sĩ tầm thanh cứu khổ, Thiên Y ngầm tiêu các bệnh vậy. Hằng năm lại còn thường thí trà, thí thuốc, thí đèn, thí áo; đối với mỗi chuyện phóng sanh, tiếc chữ[871], đều lập hội để đề xướng. Trong họ hàng, nhờ vào ông để nổi lửa nấu cơm hằng ngày mười mấy nhà, tiền chi phí cho con em trong họ đi học rất nhiều. Vì thế gia đạo nghèo đi. Chuyện này tuy do ông Vương thực hiện, nhưng thật ra là do phu nhân ngầm giúp cho thành tựu. Nếu phu nhân không có tâm đại từ bi, tâm nhu hòa nhẫn nhục, và chẳng biết thật nghĩa của "hết thảy các pháp không" ắt sẽ sớm trì kéo, ngăn trở. Nếu không thì cũng sẽ liều mạng tranh giành, há để cho gia đạo rốt cuộc nghèo đi, nửa đời phải sống trong nghèo hèn, cùng quẫn ư?

Lại nữa, phu nhân sau khi đã về nhà chồng liền ăn chay, vĩnh viễn dứt bỏ thức ăn tanh hôi (đồ mặn). Phàm những thứ như dầu mè, trái cây có mùi thơm v.v. cũng không ăn, chỉ uống nước trắng, chỉ mặc áo vải thô, những thứ lụa là, áo cừu, vải the, son, phấn, trâm, xuyến đều bỏ hết. Ngày thì dệt cửi, khâu vá, đêm thì lễ Phật, tụng kinh, suốt năm chẳng ra khỏi cửa, trầm mặc, ít nói. Thân thích đến chơi, thăm hỏi xong, liền bàn về sự lý nhân quả báo ứng. Thờ bố mẹ chồng trọn hiếu, giúp đỡ chồng vẹn đức, dạy con đúng cách. Thế gian lấy gương các bà Thái

[871] Xưa kia, người Tàu rất coi trọng chữ viết vì đối với họ, chữ Hán là văn tự ghi chép những giáo huấn, đạo đức, luân lý của thánh hiền. Những mảnh giấy có viết chữ Hán đều được thâu nhặt, cất giữ cẩn thận. Nếu giấy đã dơ rách thì thiêu đốt nơi lò sạch, đem tro đi chôn, hay đổ xuống sông.

Khương, Thái Nhậm, Thái Tự để khen ngợi nữ nhân nên gọi nữ nhân là Thái Thái, đa phần đáng thẹn; còn như phu nhân thì chẳng thẹn với danh xưng ấy!

Sau 15 năm, ông Vương mất, Tâm Tam và Vi Nghiễm đều còn bé, phu nhân trên thờ mẹ già, dưới nuôi con thơ, trải đủ nỗi gian nan, cay đắng dường như quên bẵng xưa kia mình giàu có. Đến khi con đến tuổi theo học, bà liền bán sạch quần áo, trang sức [đã mang về nhà chồng] lúc vu quy để lo tiền học cho con. Bà giạm hỏi Lâu Thị cho Tâm Tam, chưa cưới thì Lâu Thị đã bị mù, thân tộc đều khuyên nên thoái hôn, phu nhân tuyệt chẳng nghe. Cưới xong, bà dặn dò Tâm Tam phải khéo chăm sóc, không được ruồng rẫy. Phu nhân thoạt đầu mỗi ngày tụng thầm Tâm Kinh số biến nhất định; sau khi ở góa bèn nhất tâm niệm Phật để cầu thoát khỏi Sa-bà, sanh về Cực Lạc.

Năm Tuyên Thống nguyên niên (1909), bà đã 60 tuổi, giữa tháng Ba, mẹ chồng mất; phu nhân đích thân lo liệu tống táng, nhọc nhằn, buồn thương thành bệnh. Qua 40 ngày, hình dung khô gầy, nhưng thần khí cực sáng suốt. Hai ngày trước khi lâm chung, dặn dò Tâm Tam và Vi Nghiễm chuẩn bị áo tang, quan tài, nói: "Sau trưa mai ta sẽ đi", nhân đó răn con: "Mong các con hãy tấn đức tu nghiệp, gắng làm người hoàn toàn. Trang Tử nói: 'Buồn không gì lớn bằng cõi lòng đã chết'[872]. Các con hãy hiểu ý ấy thì tâm ta mới yên." Bình thường khi niệm Phật phu nhân đều thầm niệm. Đến lúc này, trông bà hết sức an nhiên, thư thái. Tâm Tam hỏi mẹ thấy gì, bà bảo: "Đừng quấy rối chánh niệm của ta", dặn con thắp đèn lồng trước cửa thất, rồi ngồi yên qua đời. Mất rồi, hai tay vẫn mềm mại như khi còn sống.

Ôi, bình thời chí nguyện như thế đó, lâm chung an tịnh như thế này, được vãng sanh Tây Phương là điều có thể đoan chắc. Quán kinh lấy "hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu mười thiện nghiệp và thọ trì tam quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi và phát tâm Bồ-đề, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả" làm chánh nhân của tịnh nghiệp. Trong mười một việc này, hành được một việc, dùng tín nguyện sâu, hồi hướng vãng sanh đều được như nguyện. Huống chi hơn 30 năm, phu nhân khắc khổ tinh ròng tu tập, vĩnh viễn dứt được thói quen của nữ giới, tận lực giữ khuôn phép khuê các,

[872] Nguyên văn: *"Ai mạc đại vu tử tâm."* Câu này trích từ sách Trang Tử, thiên Điền Tử Phương: *"Phù ai mạc đại vu tử tâm, nhi nhân tử diệc thứ chi"* (Buồn không gì lớn lao bằng cõi lòng đã chết, ngay cả cái chết của con người cũng chẳng bằng). "Tử tâm" tức là cõi lòng nguội lạnh, không mong cầu điều gì, thờ ơ, hờ hững, không quan tâm đến gì nữa. Dĩ nhiên sẽ không thể lo tấn tu đức hạnh, đạo nghiệp.

20 năm qua nhất tâm niệm Phật, chán nhàm ngũ trược sâu xa, mong sanh về Liên Bang. Lúc lâm chung con hỏi còn sợ bị nhiễu loạn, chẳng được sanh về Tịnh độ thì sẽ phải sanh về nơi đâu!

Nếu như phu nhân chẳng biết hết thảy pháp đều là không, chẳng có lòng nhu hòa, nhẫn nhục và tâm đại từ bi thì lúc mới vu quy, ắt sẽ hằng ngày chăm chút trang điểm, chỉ chuyên chú ăn ngon, mặc đẹp, há chịu cơm rau, áo vải, cam chịu đạm bạc giống như một vị lão đầu-đà trong chốn núi sâu ư? Như bà hành thí xả đến nỗi nhà cửa sa sút chẳng hối hận thì vẫn chưa phải là khó, giạm hỏi nhằm dâu mù mọi người đều khuyên thoái hôn vẫn kiên quyết không nghe, lại càng thương xót. Đấy đều là những chỗ hé lộ lòng đại từ bi, nhu hòa, nhẫn nhục. Ai nấy đều cho đó là khó khăn, nhưng phu nhân trọn chẳng nghĩ là khó, vì đã biết hết thảy pháp đều là không. Nếu không biết như vậy, những tướng nhân ngã chẹn ngang trong ngực, quyết chẳng thể coi người khác như chính mình, coi phú quý như phù vân, vui giữ phận nghèo, lấy pháp làm niềm vui. Đến lúc cuối cùng biết trước lúc mất, con hỏi thấy được gì vẫn răn "đừng nhiễu loạn chánh niệm", bảo treo đèn ngoài cửa thất Đại Từ Bi rồi liền ngồi qua đời. Trong tâm bà cố nhiên đã đem những tình mẹ con yêu thương, danh dự thế gian gạt bỏ hết sạch. Chuyện này thật ra thuộc loại "châm kim xuống ngay đảnh đầu, trừ phi da dày ắt thấy đau ngay". Hai tay mềm mại biểu thị sử dụng tánh đức nghèo và bệnh để làm chứng cớ cho lòng từ bi, nhẫn nhục. Ôi, như phu nhân có thể nói là người hoàn thiện đôi bề. Trong đời hiện thời, giáo huấn "giữ yên cửa nhà" bị buông lỏng chẳng được đề cao, nếu chẳng có người phát tâm đại từ bi dùng thân làm gương hòng giữ vững giáo huấn ấy thì còn biết nhờ vào đâu? Cổ nhân nói: "Dùng lời lẽ để dạy thì còn bị tranh cãi, chứ dùng thân để dạy thì mọi người đều vâng theo."

Đối với cả Nho lẫn Phật, phu nhân đều kham nêu gương. Bà chính là bậc nương theo bản nguyện làm bậc mẫu nghi chốn khuê các, làm bậc thầy gương mẫu cho nữ lưu. Tôi bẩm tánh cương trực, học thức nông cạn ngoài da, vì thế tự chôn sống ngoài hải đảo để mong giấu dốt, hầu tránh khỏi tội khiên, nhưng cư sĩ Tâm Tam lại lầm tưởng tôi là bậc tri thức, nên mới gởi thư thỉnh giáo. Do vậy tôi chẳng biết kiêng dè, buông lời thẳng thừng, ngỡ ông ta nhất định tuyệt giao, ngờ đâu ông lại bội phục, ắt là trong gia đình khéo được dạy dỗ. Ông vẫn tiếc là chưa thể biểu lộ đức đẹp, lòng trinh của mẹ nên bèn viết rõ tâm hạnh, tu trì của thân mẫu xin tôi thuật bày. Vì thế, tôi bèn phát huy những nghĩa lý ẩn kín để những người làm cha mẹ và làm thân phụ nữ trong cõi đời biết cách học theo, ai nấy khéo dạy dỗ con gái để mai kia giúp chồng dạy con. Nếu là những đứa có thiên

tư sẽ đều là bậc hiền sĩ thân lành giác ngộ cõi đời, nếu là đứa không có thiên tư thì cũng là người dân lành vâng giữ quy củ, ắt là thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc, hết sức cầu chúc vậy!

16. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín về sự thực vãng sanh của phu nhân Diêu nhà họ Mã

Quyến thuộc trong thế gian đều có nhân duyên, Bồ-tát nương nguyện còn chúng sanh theo nghiệp. Thiện ác đều do từng loại mà tụ hợp, chủng tánh trọn chẳng sai. Hiếu Kinh nói: "Muốn biết cha hãy nhìn vào con." Dịch Truyện ghi: "Mọi thứ tụ họp theo từng loài, vật chia ra thành bầy." Vì thế ngài Duy-ma-cật ở Tây Thiên, đại sĩ Phó, cư sĩ Bàng ở cõi này, cả nhà đều triệt ngộ tự tánh, tự chứng Vô sanh, đến đi tự tại, đắc đại giải thoát. Gần đây, danh nhân các giới mở rộng tầm mắt, đều cùng tôn sùng Phật pháp, ngầm chuyên tu trì. Cư sĩ Mã Thông Bạch ở Đồng Thành, tỉnh An Huy chính là bậc đại gia trong giới văn học hiện thời, trước thuật rất phong phú. Thoạt đầu cũng tiêm nhiễm ý kiến của Hàn, Âu, Trình, Chu, chẳng những không biết Phật là người như thế nào, lại còn chẳng biết nhất niệm tâm tánh của chính mình và Phật xét về bản thể trọn chẳng có hai. Đến khi về già, học thức ngày càng tiến, kiến địa ngày càng cao, mới biết Phật là bậc đại thánh nhân, giáo pháp của ngài có những chuyện chẳng thể nghĩ bàn. Từ đấy hằng ngày tụng kinh Kim Cang, trì thêm danh hiệu Phật để mong lìa trọn vẹn tứ tướng, triệt chứng nhất tâm, thoát khỏi ngũ trược ngay trong một đời này.

Cô con gái thứ ba của ông tên là Quân Cán khá thông minh, thông hiểu văn chương, có phong thái của bậc liệt nữ thời cổ, ông Thông Bạch rất thương yêu, nhưng đối với Phật pháp cô ta hoàn toàn không tin tưởng. Về sau bị bệnh rất khổ chẳng thể chịu đựng được; Thông Bạch thương xót, đối trước cô niệm kinh Kim Cang. Cô vừa nghe tiếng tụng kinh thân tâm liền an lạc, đến khi tiếng tụng kinh dứt lại thấy đau khổ. Thông Bạch liền vì cô niệm kinh suốt đêm. Cô chợt ngồi dậy bảo đừng niệm nữa, giống như người khỏe mạnh. Lại nói: "Đối với những đạo lý kinh Kim Cang đã nói, con đều ngộ được." Cô lại muốn hiện tướng đại nhân, nói pháp Vô sanh để hết thảy những ai thấy nghe đều gieo căn lành, bèn giả vờ nói nhà cửa chật hẹp, muốn đến y viện dưỡng bệnh; bởi lẽ Thông Bạch và người con rể tên Phương Thời Giản cùng trú ngụ tại kinh đô, thuê nhà cùng ở nên chẳng thể rộng rãi, u nhã được. Thông Bạch thấy con đã quyết chí, bèn bảo chồng cô ta đưa vào Đức Quốc Y Viện, chọn gian phòng tốt đẹp nhất cho cô nằm. Cô bảo chồng và y tá đi ra hết, rồi bèn ngồi chắp tay qua đời. Ôi chao lạ lùng thay!

Cô này cũng giống như cô Linh Chiếu con gái cư sĩ Bàng, đợi cha vừa rời khỏi tòa liền tọa thoát ngay nơi tòa ấy, nào có khác gì?

Lý Mộc Công vốn hoàn toàn không tin Phật, nghe Thông Bạch kể nhân duyên ấy, cả nhà bèn quy y tam bảo. Phẩm Phổ Môn nói: "Nên dùng thân nào để độ được, bèn hiện thân ấy để thuyết pháp", há chẳng tin ư? Chồng cô ta là Thời Giản, dù được hiện tướng ấy, kiến giải vẫn cứ hẹp hòi, đối với hành trạng của cô ta lại còn vùi lấp đi, tội lỗi ấy chẳng nông cạn. Nay được cháu ông Thông Bạch là Hỗ Đình đem chuyện vãng sanh của bà thím và con bà ta là Căn Vĩ xót xa chỉ bày, mới biết Thông Bạch và vợ con ông ta đều có lai lịch lớn chẳng phải là chuyện ngẫu nhiên.

Căn cứ theo hành trạng, vợ ông Bạch họ Diêu, húy là Trạch Nhuận, được gia đình dạy dỗ cẩn thận từ nhỏ, thông hiểu đạo làm vợ, thờ cha mẹ, bố mẹ chồng một niềm kính cẩn. Mẹ chồng bệnh nặng, bà cắt thịt đùi hòa với thuốc, cầu khẩn với trời. Nhà vốn thanh bần, Thông Bạch dạy học, phu nhân thay chồng lo liệu việc nhà hết sức cần kiệm, nên chồng khỏi phải lo nghĩ. Dạy con cái đúng phép tắc, được xóm giềng khen ngợi. Mấy chục năm qua, trải bao nhiêu biến động trong đời, chán nhàm vô thường sâu xa, liền chuyên tu tịnh nghiệp để cầu thoát khỏi Sa-bà, sanh về Cực Lạc. Tuổi ngoài bảy mươi vẫn khỏe mạnh. Đầu mùa thu năm nay, thị hiện chút bệnh nhẹ, ăn uống giảm dần, nhưng sớm khuya lễ bái, trì tụng chưa từng gián đoạn chút nào. Đến ngày mồng Bốn tháng Tám, vừa mới đi nằm thì ngực bị nghẹn hơi, bảo con gái là Quân Vỹ và cháu dâu là Tôn Hiếu Đạt thay mình tụng kinh. Hiếu Đạt chính là vợ của Hỗ Đình; là người hằng ngày thường cùng bà tu tập tịnh nghiệp khuyến khích lẫn nhau, nên thường chầu chực bên bà để phụ trợ. Đến đêm mồng Chín, phu nhân thấy chư Phật quang minh rạng rỡ, bèn phục trên gối lễ bái.

Lại thấy đức Quán Âm duỗi tay ra, bèn nắm lấy tay Bồ-tát, liên tục xưng niệm danh hiệu Bồ-tát không ngừng, bảo Hiếu Đạt tụng kinh Di-đà. Hiếu Đạt tụng đến đoạn kinh nói về các thứ trang nghiêm trong cõi Phật, bà nói: "Cảnh giới như vậy rành rành ngay trước mặt, ta thấy chẳng khác gì kinh nói cả!" Người nhà vây quanh niệm Phật theo, có người nuốt lệ, phu nhân quở trách: "Sao lại như thế? Gây phiền lụy cho ta!" Đến giờ Ngọ ngày mồng Mười, môi còn khẽ động, thoạt lâu sau bèn qua đời, vẻ mặt vàng tươi. Phía chân mày và trán sáng láng như gương, trên đảnh khí nóng tỏa ra ngoài cách đầu gần cả thước như thể đang được nung nấu. Ấy chính là biểu hiện của tịnh nghiệp thuần thục, thân tâm thanh tịnh vậy.

Phàm muốn học Phật pháp trước hết phải tận lực giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận. Xét những việc hiếu dưỡng cha mẹ, bố mẹ chồng, cũng như dạy con thì đấy chính là như Quán kinh nói "hiếu dưỡng cha mẹ, hành điều nhân từ thế gian". Bà nhàm chán vô thường sâu xa, chuyên tu tịnh nghiệp, lại được người cùng chí hướng khuyến khích hỗ trợ, có thể nói là những nghĩa "chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm" và "phát tâm Bồ-đề, khuyến tấn hành giả" đều đầy đủ cả. Đã có đủ chánh nhân tịnh nghiệp của ba đời chư Phật thì chắc chắn cảm được cái quả "cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tịnh độ". Những kẻ trong cõi đời chẳng trọn hết bổn phận để giữ vẹn lòng hiếu, lòng từ, lầm lẫn muốn cậy vào Phật từ lực để mang nghiệp vãng sanh thì Phật lực, pháp lực tuy chẳng thể nghĩ bàn, nhưng vì tâm địa của chính mình bất chánh và trái nghịch với chánh nhân tịnh nghiệp của ba đời chư Phật nên chắc chắn khó đạt được cái quả "vĩnh viễn lìa các sự khổ, thường hưởng những sự vui". Người tu tịnh nghiệp hãy nên lấy đó làm gương!

17. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của chuyện cư sĩ Liễu Nghĩa Tào Vân Tốn thí nhà để lập Niệm Phật Lâm

Phật pháp rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, lý vốn tự tâm, tuy hạng phàm phu sát đất vẫn chẳng thiếu sót mảy may nào, nhưng đạo vượt khỏi những tình kiến thông thường, nếu chẳng phải là mười phương chư Phật sẽ chẳng thể hiểu biết trọn vẹn. Nếu luận sâu sát về pháp khế lý khế cơ thì chỉ có tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thật là bậc nhất. Đạo tự lợi lợi tha, chỉ có phước đức chẳng trụ vào tướng để bố thí mới bằng được mười phương hư không. Cư sĩ Liễu Nghĩa đã nghe được pháp môn Tịnh độ, công huân thù thắng, dẫu là kẻ phàm phu sát đất trọn đủ hoặc nghiệp, chỉ cần có thể sanh lòng tin phát nguyện trì danh hiệu Phật như con nhớ mẹ, tâm tâm tiếp nối, quyết định cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Do vậy, bèn phát tâm đại Bồ-đề, tu hạnh tối thù thắng. Lại muốn cho pháp giới hữu tình đều cùng được lợi ích, vì thế bèn dốc cạn tinh thần sức lực đề xướng tán dương. Con người có cùng một tâm này, tâm có cùng một lý này, đã được phát huy chỗ uyên áo thì không ai chẳng muốn được lợi ích.

Do vậy, thiện tín dự hội nhiều đến mấy trăm người, đều đầy đủ tín nguyện, dốc sức tu tịnh nghiệp. Cư sĩ mừng rỡ khôn ngăn, liền đem căn nhà của mình đang ở hiến cúng hết, biến nơi đó vĩnh viễn thành Cư Sĩ Niệm Phật Lâm. Ý ông chỉ muốn mình và người đều cùng tu tịnh nghiệp, cùng trong một đời này vãng sanh Tây Phương, và hết thảy thiện tín xa gần, kẻ thấy, người nghe đều cùng phát

khởi cho trọn khắp hoàn vũ, tồn tại vĩnh viễn chẳng suy mất. So với chuyện cầu danh dự trong thế gian và phước báo nhân thiên thật khác biệt một trời một vực. Những người cùng liên xã cảm kích trước thạnh tình ấy, thầm sợ rằng nếu chẳng lập chứng cứ sau này sẽ bị mất đi, khiến cho tấm lòng một phen lợi người của cư sĩ bị biến thành đoạn diệt. Do vậy, bèn báo lên huyện lập giấy tờ, khắc bia đặt trong Niệm Phật Lâm, không chỉ nhằm để tán dương thạnh đức của cư sĩ mà quả thật còn nhằm để phát khởi nhiệt tâm cho người thấy nghe.

Lại do Bất Huệ tu tông này đã lâu nên bèn gởi thư, sai viết lời tựa dẫn giải ngõ hầu người đọc nghe đến phong thái ấy bèn khởi tâm, lần lượt truyền dạy, hoằng dương, theo chiều dọc là đến tận đời vị lai, theo chiều ngang là trọn khắp mười phương, khiến cho lời đức Như Lai dạy "hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật" đều thành sự thực, chẳng đến nỗi còn có chỗ tiếc nuối. Bất Huệ vâng theo thạnh tình ấy, kính cẩn trình bày đại lược những chỗ khó dễ, nhanh chậm trong việc y theo hết thảy pháp môn và pháp môn Tịnh độ tu hành hòng liễu sanh tử, chứng Vô sanh, ngõ hầu ai nấy tự xét sức lực của mình mà tu hành, chẳng đến nỗi bị tổn hại vì theo pháp chẳng khế hợp căn cơ, luân hồi dài lâu trong tam đồ lục đạo, không thể thoát ra được.

Hết thảy các pháp môn được nói trong giáo pháp một đời của đức Như Lai không pháp nào chẳng nhằm làm cho chúng sanh đoạn phiền hoặc liễu sanh tử, chứng Vô sanh nhẫn thành Phật đạo. Nhưng căn cơ của chúng sanh bất nhất, cho nên mỗi người đạt được lợi ích khác biệt. Những ai có túc căn sâu dày thì có thể đoạn sạch được kiến tư ngay trong một đời này, vượt thoát tam giới, tiến lên học theo đạo Bồ-tát "trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh" để cầu viên mãn Bồ-đề, may mắn gì hơn? Nếu như căn cơ kém cỏi hơn đôi chút, dẫu có sức thiền định sâu, triệt ngộ tự tâm, nhưng chưa đoạn được kiến tư, ắt vẫn phải luân hồi y như cũ. Huống gì từ đời này sang đời khác, làm sao có thể tự bảo đảm được? Hễ bị phước làm mê, ắt đọa thẳng vào tam đồ. Kẻ kém hơn thì còn gì để nói nữa! Đấy là chỗ khó khăn của việc dùng tự lực để liễu sanh tử vậy.

Đức Như Lai sớm biết chúng sanh đời mạt không có sức đoạn hoặc, nên đặc biệt mở ra một pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, khiến cho hàng Pháp thân đại sĩ và hạng phàm phu đầy dẫy triền phược cũng như tội nhân ngũ nghịch thập ác cực nặng đều cùng trong một đời này vãng sanh Tây Phương. Đã vãng sanh Tây Phương thì liễu sanh thoát tử siêu phàm nhập thánh, ai nấy tùy theo khả năng của chính mình mà ngộ chứng. Tâm từ bi vỗ về, nuôi dạy ấy dù có lấy thiên địa phụ mẫu cũng chẳng thể sánh ví được muôn một. Bởi lẽ pháp môn

này cậy vào sức tín nguyện niệm Phật của chính mình để cảm sức từ bi nhiếp thọ của Phật, cảm ứng đạo giao, cho nên chẳng cần đoạn phiền hoặc mà mang nghiệp vãng sanh. So với cách cậy vào tự lực thì khó dễ dù có hết cả năm cũng chẳng thể nói trọn. Người niệm Phật nếu biết được nghĩa này sẽ tự chết được cái tâm chụp giựt, chuyên tu pháp môn này, chẳng đến nỗi ham cao chuộng xa, bị những lời lẽ của kinh giáo hay tri thức lay chuyển để rồi bỏ pháp này tu những pháp khác. Xin khắp những ai thấy nghe đều tin tưởng chắc chắn!

18. Bày tỏ những ý nghĩa ẩn kín của lời tựa chúc thọ cho tiên sinh Cừu Trác Đình và phu nhân

Con người sống trong vòng trời đất hình vóc nhỏ nhoi thay! Sao lại có thể sánh cùng trời đất xưng là tam tài? Ấy là do con người đồng một tâm này, tâm cùng một lý này, ai nấy có thể là Nghiêu Thuấn, ai nấy đều có thể làm Phật. Do có đủ công năng, đức dụng tán trợ quyền sanh trưởng, dưỡng dục của trời đất, giữ gìn giềng mối càn khôn, nên mới mang danh xưng tốt lành ấy. Nếu kẻ nào chẳng tự gắng sức đào luyện, cam bề phàm ngu, sống làm thịt đi thây chạy, chết mục nát cùng cỏ cây, sống có hại cho xã hội quốc gia, chết chịu khổ trong tam đồ ác đạo, thì chính là vì không cẩn thận trong hành vi mà nên nỗi, chứ chẳng phải vì thiên chân Phật tánh sẵn đủ có gì sai khác. Vì vậy Khổng tử nói: "Về tánh chất thì gần giống như nhau, nhưng do đào luyện mà thành ra sai khác." Như nói đến "tán trợ quyền sanh trưởng, dưỡng dục của trời đất, gìn giữ giềng mối càn khôn" nào phải chỉ là nói về những ai có địa vị. Dẫu là thất phu, thất phụ đi nữa, ai nấy đều có thể dốc sức thực hiện. Nếu có thể chánh tâm thành ý, tự tu sửa cái thân để làm sáng tỏ minh đức, lòng thành bên trong thấu tỏ ra ngoài, tất nhiên người trong nhà, láng giềng, làng xóm, thân thích, bầu bạn thảy đều thấy được, cảm nhận được, ngấm ngầm được cảm hóa, thay đổi mà không hay không biết. Vì thế, khi trong làng có một vị thiện sĩ thì làng ấy càng thêm thuần hòa, nghiêm cẩn, yên tịnh, như Trần Thật Uyển đời Hán giáo hóa chàng quân tử trên kèo nhà khiến đạo tặc trong làng ấy tuyệt tích, người cô có đạo nghĩa nước Lỗ muốn bảo vệ đứa con nối dõi của anh mình khiến cho quân địch nước Tề lập tức lui binh[873]. Đấy chính

[873] Theo Liệt Nữ Truyện, thiên Tiết Nghĩa, khi quân Tề sang đánh nước Lỗ, thấy một người đàn bà quê tay ẵm một đứa con, tay dẫn một đứa nữa bỏ chạy. Quân Tề đuổi theo, chợt người đàn bà ấy bỏ đứa bé đang bồng xuống, ẵm lấy đứa kia chạy, mặc cho đứa nhỏ khóc lóc chạy theo. Quân Tề lấy làm lạ, bắt người đàn bà lại tra hỏi. Bà ta nói: "Đứa lớn là con của người anh tôi đã mất, đứa nhỏ là con ruột." "Sao bà lại bỏ con dứt ruột đẻ ra để cứu con anh mình?" Bà ta đáp: "Con tôi là tình riêng, còn con anh tôi là nghĩa chung. Nếu bỏ nghĩa chung để lo cho tình riêng thì vua chẳng dung, quan chẳng tha thứ, người nước Lỗ chẳng nhìn đến tôi nữa. Bỏ

là đầu mối để thất phu, thất phụ tán trợ quyền sanh trưởng, dưỡng dục của trời đất, giữ gìn giềng mối vậy.

Mạnh tử nói: "Nghèo cùng thì riêng thân mình thiện, hiển đạt thì làm cho thiên hạ cùng thiện", đấy chính là hướng theo đa số mà luận vậy. Trong cõi đời ngày nay, thế đạo nhân tâm đều đã suy vi đến cùng cực, chỉ cầu tự tư tự lợi, gạt bỏ đạo đức nhân nghĩa không ngó ngàng đến gần như hết thuốc chữa. Nhưng thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm. Nếu như ai nấy đều đứng lên gánh vác trách nhiệm này, ai nấy đều giữ phận sống yên, biết nhân hiểu quả, hiếu cha mẹ, kính anh, đôn đốc tông tộc, nghiêm túc dạy dỗ con cái khiến cho chúng trở thành người lương thiện thì chỉ trong mười mấy năm, trong đời ai cũng là hiền nhân. Người hiền tạo ích lợi cho nhau, ắt sẽ cảm được thiên hòa[874], thiên tai, nhân họa nào còn có nữa. Do vậy, biết rằng xiển minh nhân quả, khéo dạy con cái chính là căn bản để thiên hạ thái bình.

Như vợ chồng ông Cừu Trác Đình ai nấy đều biết là người có nhiệt tâm thạnh đức, dùng tấm lòng vô tư, chí thành, hiếu thuận cha mẹ, kính trọng anh, nuôi nấng các cháu, chu cấp kẻ bần cùng, chấn hưng trường học, tin tưởng sâu xa vào Phật pháp và nhân quả, tế độ u hồn, cứu giúp sanh mạng, là gương sáng cho xóm làng, làm bậc mô phạm cho đồng nhân, khiến cho con cái, dâu, cháu đều hiền hiếu, gia đạo hưng vượng, con cháu đông đầy[875]. Nhưng không ai biết đức ấy, tâm ấy vốn do từ vô lượng kiếp đến nay phụng hành lời dạy "không làm các điều ác, vâng làm các điều lành, đối xử với mọi người bằng lòng nhân bình đẳng, tự lợi lợi tha" của đức Phật, lại thêm từ khi sanh ra đã được hiền phụ, hiền mẫu un đúc, giáo hóa, dưỡng dục mà thành ra như vậy.

Tiên sinh và phu nhân sắp đến bảy mươi, đồng nhân muốn chúc hai cụ sống lâu trăm tuổi, bèn kính cẩn chép lại những hành trạng hai cụ để góp phần chúc thọ, lại xin Bất Huệ tùy hỷ tán trợ. Trộm nghĩ, trong lời tựa đã nêu bày đầy đủ đức của tiên sinh và phu nhân, nếu chỉ viết suông những câu văn bóng bảy để tán tụng thì chẳng những Bất Huệ tôi không thể làm được mà cũng không nên làm

---

con đau đớn lắm chứ, nhưng thà bỏ con để trọn nghĩa, chứ vô nghĩa làm sao nhìn mặt người nước Lỗ cho được?" Tướng Tề bèn đóng quân lại, sai sứ tâu với vua Tề: "Chưa thể chinh phạt nước Lỗ được! Người dân nơi biên cảnh còn trọng đạo nghĩa như thế, chẳng chịu để lòng riêng tư làm hại đến lẽ công chánh, huống chi triều thần, đại phu!" Vua Tề nghe theo, cho rút quân.

[874] Thiên hòa: Nói tắt của "thiên thời, địa lợi, nhân hòa" tức thời cơ tốt đẹp, thuận lợi về mặt vị trí (hiểu theo nghĩa rộng là về mặt vật chất) và con người đồng lòng đoàn kết.

[875] Nguyên văn *"lân chỉ trình tường"* (dấu chân lân hiện điềm lành). Điển tích này xuất phát từ bài thơ Chu Nam trong kinh Thi, ca ngợi con cháu Văn Vương đông đảo đức hạnh. Về sau, mỗi khi mừng ai sanh con trai, người Hoa thường tặng bức liễn có bốn chữ này.

như thế. Do vậy, bèn suy xét nơi cái gốc để viết ra những lời lẽ nhằm phát huy những nghĩa lý còn bị ẩn kín. Phải biết, tuổi thọ của con người vốn vô thủy vô chung, do chân như diệu tánh bị phiền não hoặc nghiệp che lấp mà tùy nghiệp thăng trầm trong lục đạo luân hồi, nên tuổi thọ rút ngắn chẳng thể kham diễn tả được nổi. Đức Như Lai thương xót bèn nói pháp đoạn hoặc chứng chân để họ hoàn lại cái gốc, trở về nguồn, siêu phàm nhập thánh. Trong ấy, pháp hạ thủ dễ thành công cao thì chỉ có tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương là bậc nhất. Con cụ Cừu là Tố Doanh lập An Dưỡng Đường để làm chỗ cho song thân tu tịnh, thật đã hiểu được đại thể của việc chúc thọ. Đợi đến khi song thân trăm tuổi, vãng sanh Tây Phương chứng vô lượng thọ thì mới là thật nghĩa rốt ráo của người con hiếu tôn kính cha mẹ, mới đáp được lòng thành ngưỡng mộ của đồng nhân ca tụng đức chúc thọ cha mẹ (Tố Doanh hiệu là Bội Tịnh).

19. Nêu bày nghĩa lý ẩn kín về hành trạng của phu nhân Lâm mẹ ông Tôn

Một niệm tâm tánh của chúng ta và ba đời chư Phật trọn chẳng khác gì, nhưng trí ngu, sướng khổ khác biệt một trời một vực là do sự tu tập trong đời trước và đời này có thiện ác, thuận nghịch mà ra. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Nếu muốn biết rõ hết thảy tam thế Phật, nên quán pháp giới tánh: hết thảy duy tâm tạo.” Nói “pháp giới tánh” chính là nói đến tánh chân như mầu nhiệm mà chúng sanh và Phật đều cùng có, nơi Phật chẳng tăng, nơi chúng sanh chẳng giảm, trong sanh tử chẳng nhơ, chứng Niết-bàn chẳng tịnh, hằng cổ hằng kim, chẳng dời, chẳng biến, trạm tịch thường hằng, như như bất động. Tánh ấy tôn quý nhất, vì thế dù chúng sanh có mê đến cùng cực thì Như Lai vẫn hoàn toàn chẳng có một niệm buông bỏ, vẫn giáo hóa nhiều cách cốt sao họ khôi phục được bản tánh. “Hết thảy duy tâm tạo” chính là nói tu tập thuận hay nghịch. Thuận tu thì là người, là trời, là Thanh văn, là Duyên giác, là Bồ-tát, đến tối cực là viên thành Phật đạo, an trụ Tịch quang; còn nghịch tu thì đọa vào tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, cùng cực là đọa mãi trong địa ngục A-tỳ trải trần điểm kiếp, chịu các sự khổ cùng cực, không do đâu thoát lìa được. Do vậy, ta thấy mười pháp giới đều do sự tu tập xưa nay mà ra, cho nên Khổng tử mới nói: “Xét về tánh thì gần giống nhau, nhưng do sự đào luyện mà khác xa nhau.” Hiểu rõ điều này mà chẳng bỏ mê theo ngộ, trái trần hiệp giác, thận trọng tu tập thì là chuyện chưa bao giờ có vậy! Đạo để bỏ mê theo ngộ, trái trần hiệp giác cố nhiên chẳng phải là một mối; tìm lấy một pháp hạ thủ dễ thành công cao, dùng sức ít được hiệu quả nhanh thì chỉ có mình pháp môn Tịnh độ là được như vậy.

Phu nhân Lâm là mẹ đẻ của ông Tôn Khánh Trạch, xưa đã trồng cội đức, bẩm tánh hiền thục, hiếu thảo cha mẹ, tôn kính chồng, dạy con, cai quản việc nhà, chu cấp kẻ nghèo cùng, túng thiếu, cứu giúp sanh mạng, đều đáng làm bậc thầy khuôn mẫu cho nữ giới. Bà lại còn dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tu trì tịnh nghiệp, từ trẻ đến già không hề phế bỏ. Huống chi đã mang thân nữ khó thể đi xa tham học với bậc cao nhân, lại sống ở Ngọc Điền[876], rất ít bậc thượng sĩ hoằng pháp, mà vẫn suốt đời khăng khắng tu trì thì chính là do nhiều kiếp huân tu tạo thành vậy.

Xét khi xưa, lúc phu nhân về với ông Tôn, nghèo cùng không đủ ăn, cần cù, vất vả quá người làm công. Tuổi trung niên trở đi, nhà cửa mới dần dần dư dả, có năm người con, mười mấy đứa cháu, tôi tớ rất đông. Lẽ ra nên an nhàn hưởng thụ, nhưng bà vẫn chịu thương, chịu khó như cũ, chỉ mặc áo vải thô, chẳng mặc lượt là, giặt giũ, chằm vá, chẳng nỡ bỏ đi. Thấy người khác đói rét khác nào chính thân mình đang khổ, ắt phải thí tiền cho cơm thì tâm mới yên. Có ai đến cầu xin bèn vui vẻ cho ngay. Đối với côn trùng, kiến bọ, đều răn người nhà chớ gây tổn thương; đối với rắn, rết, độc vật cũng dạy tìm cách đuổi đi, trọn chẳng chịu gây thương tổn cho chúng. Ấy là vì muốn cho con cháu đời đời giữ đạo cần kiệm nhân từ, lấy chính thân mình làm gương, ngõ hầu con cháu hành theo. Bình thời cụ hay đem chuyện nhân quả báo ứng răn dạy con cháu, thường bảo: "Lợi người thật ra là lợi mình, hại người khổ hơn hại mình rất nhiều. Phàm suy nghĩ, xử sự, nói năng đều phải quy vào phương diện từ thiện mới nên. Nếu các ngươi làm được như thế thì mới khỏi gây thẹn cho người sanh ra mình. Nếu không, dù phú quý tột bậc vẫn là đại oan gia ô nhục tổ tông." Do vậy, con cháu cụ đa số đều thuần hậu, kính cẩn, chẳng nhiễm thói tục hiện thời.

Chuyện lạ nhất là vào mùa đông năm ngoái, khi chiến tranh nổ ra, Khánh Trạch đưa mẹ đi xa lánh nạn tại nhà họ hàng. Trong lúc ra đi, mọi người tâm lo lắng sợ sệt, phu nhân sai đem cái rương đựng quần áo cũ theo, nhưng chẳng nói rõ duyên do. Đến tháng Chạp cụ mất, dùng ngay quần áo ấy để khâm liệm. Tuy nói là cụ tuổi đã tám mươi tám, chẳng thể không dự đoán được, nhưng tâm địa cụ an tường, chẳng bị ngoại cảnh nhiễu loạn, từ chỗ này ta có thể thấy được. Trong lúc phu nhân lâm chung, Khánh Trạch đang đốc suất người nhà đồng thanh niệm Phật, chợt như phát cuồng, xé rách giấy dán cửa sổ. Ngay khi ấy, có hai con bướm to như bàn tay theo cửa sổ chui vào, sắc vàng chen lẫn những vằn đen trắng, rực rỡ phi thường, bay quanh quẩn trong nhà. Người nhà xua đuổi rốt cuộc vẫn không

[876] Huyện Ngọc Điền nằm ở vùng Tây Bắc tỉnh Hà Bắc. Thời đầu Dân Quốc, đường sá nơi ấy rất hiểm trở.

đuổi được. Độ hơn nửa ngày, tẫn liệm xong xuôi, khiêng linh cữu sang gian nhà khác, bướm cũng chấp chới bay theo quan tài. Đến khi linh cữu đã đặt yên, bướm mới bay ra khỏi nhà, hướng về Tây bay đi. Khi ấy nhằm tiết tháng Chạp, huống hồ đất phương Bắc đang rét căm căm làm sao có bướm được? Khi đó người trong nhà và thân quyến bảy mươi mấy người đều kinh ngạc, cho là điềm lành chưa từng thấy nghe. Ấy chính là do thạnh đức, tịnh tâm của phu nhân chiêu cảm hòng biểu thị điềm lành lìa khỏi Sa-bà, sanh về Cực Lạc, nhưng vì người đời căn cơ hèn kém nên bèn thị hiện thành bướm, chứ nào phải là bướm thật!

Khánh Trạch thuật đại lược tâm hạnh của mẹ, xin Quang phát huy ý nghĩa để khuyên đời. Ôi, con xiển dương đức của mẹ, cố nhiên là bổn phận nên làm; nhưng xiển dương đức mẹ mà chẳng tu đức thực hành cẩn thận thì còn tệ hơn vu báng lỗi ác cho mẹ. Vì thế Hiếu Kinh coi lập thân hành đạo, lưu danh hậu thế, khiến cha mẹ vẻ vang là tột cùng của đạo hiếu. Những vị như Khổng tử, Mạnh tử v.v. chưa từng thấy họ thuật bày đức của cha mẹ, mà thiên hạ hậu thế không ai chẳng tôn cha mẹ các ngài là bậc thánh phụ, thánh mẫu. Muốn phô bày đức của cha mẹ chẳng thể không biết điều này! Hiếu thế gian như thế có thể nói là tột bậc, nhưng chẳng có ích gì cho linh thức của cha mẹ. Nếu luận theo Phật pháp thì hễ cha mẹ còn sống bèn khuyến dụ cha mẹ nhập đạo, ngõ hầu họ bỏ mê theo ngộ, trái trần hiệp giác, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Cha mẹ đã mất thì chí thành niệm Phật, hồi hướng cho cha mẹ, cúng quải, đãi khách nhất loạt chẳng dùng đồ mặn, ngõ hầu cha mẹ chưa vãng sanh liền được vãng sanh, đã vãng sanh liền tăng cao phẩm sen. Đấy chính là đạo trọng yếu của đức Như Lai để phổ độ chúng sanh khiến họ khôi phục Phật tánh vốn có. Phận làm con muốn báo ân cha mẹ, xiển dương đức của cha mẹ thì suốt đời phải phụng hành để rộng cảm hóa, chỉ dạy. Lợi ích ấy chỉ có Phật mới biết được, chứ ngôn ngữ, văn tự chẳng thể hình dung được nổi.

20. Nêu bày ý nghĩa ẩn kín trong chuyện vãng sanh của phu nhân Tôn mẹ ông Thôi

Đạo thành minh của thánh nhân, pháp chân thường của đức Như Lai, thất phu, thất phụ đều kham biết được, làm được; bởi lẽ con người có cùng một tâm này, tâm cùng một lý này. Phàm thánh tuy khác, tâm thể chẳng khác! Vì thế nói: "Thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được ý niệm bèn thành thánh. Ai cũng có thể làm Nghiêu Thuấn, ai cũng có thể làm Phật." Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, do mê trái nên oan uổng hứng chịu nỗi khổ sanh tử luân hồi. Phật coi lục đạo chúng sanh đều giống hệt như con một. Huống chi những người

sanh lòng tin, phát nguyện, kiền thành trì Phật hiệu, hành đủ mọi điều thiện thế gian, kiêm trì kinh, tụng chú, chí thành hồi hướng để cầu được vãng sanh, có ai chẳng cảm ứng đạo giao được Phật tiếp dẫn lìa cõi Sa-bà sanh sang Cực Lạc?

Thôi mẫu Tôn phu nhân là người vợ đức hạnh của xử sĩ Thôi Chú Xuyên, là mẹ đẻ các ông Tường Cưu, Tường Côn, Tường Hồng, tánh tình trầm mặc, thuần hậu, xử sự cần kiệm, khoan hòa, hiếu thuận cha mẹ, giúp chồng, chăm sóc việc nhà, dạy con, giúp nghèo, cứu nguy, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, thảy đều đáng nêu gương cho hàng khuê các, là bậc thầy khuôn mẫu cho nữ giới. Nếu chẳng phải là xưa đã có thiện căn, há có được như thế hay chăng? Cụ lại còn dốc lòng tin tưởng Phật pháp, chân thành thọ tam quy ngũ giới. Tuổi ngoài bảy mươi bèn chuyên tinh tu tịnh nghiệp. Con cụ là Tường Hồng lại giúp đỡ mẹ nhiều cách, cho nên bà cụ biết trước lúc mất, chánh niệm vãng sanh, đáng gọi là bậc trượng phu trong giới nữ, là hoa sen nở trong lửa, chẳng cô phụ ơn Phật giáo hóa, chẳng phụ bạc tánh linh của chính mình. Những kẻ tu mi trượng phu trong cõi đời, lắm tài, lắm nghệ, tự cậy mình phi phàm, đến khi lâm chung nghiệp thức mịt mờ, chẳng có gì để trông cậy được, vẫn cứ y như cũ luân hồi trong tam đồ lục đạo, há chẳng đáng buồn quá đỗi ư?

Nếu như nói, thường thấy chép trong sách vở những bậc suốt đời tu trì, định lực lẫn tuệ lực đều sâu, tông lẫn thuyết đều thông, giải hạnh tương ứng, rất nhiều vị chẳng giải quyết được sanh tử, vẫn phải thọ sanh. Lẽ đâu Thôi mẫu (phu nhân Tôn) chỉ do năm sáu năm công phu bèn được vãng sanh, liễu sanh tử? Có chứng cứ gì mà biết bà cụ quyết định được vãng sanh?

Đáp: Ông chưa biết duyên do liễu sanh tử có chuyện nhờ vào Phật lực và tự lực vậy! Hết thảy pháp môn đều cậy vào tự lực, còn pháp môn Tịnh độ hoàn toàn cậy vào Phật lực. Cậy vào tự lực mà kiến tư chưa hết sạch thì sẽ không có cách nào thoát lìa sanh tử được; cậy vào Phật lực nếu tín nguyện chân thật, thiết tha, ắt được mang nghiệp vãng sanh. Ví như vượt biển, một đằng do tự nổi, một đằng do ngồi thuyền, tuy cùng đến bờ kia, nhưng khó dễ, an nguy khác biệt vời vợi như trời với vực. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật dạy về ba thứ chánh nhân tịnh nghiệp: một là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu thập thiện nghiệp; hai là thọ trì tam quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi; ba là phát tâm Bồ-đề, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả. Mười một việc này nếu có được một hai việc, kèm thêm tín nguyện niệm Phật thì đều được vãng sanh. Huống chi Thôi mẫu làm được gần đủ? Hơn nữa, chúng sanh ngũ nghịch thập ác khi lâm chung tướng địa ngục hiện, có thiện tri thức dạy niệm

Phật hoặc được mười tiếng hoặc chỉ được mấy tiếng rồi liền mạng chung, cũng vẫn có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh trong hạ hạ phẩm. Huống chi Thôi mẫu năm sáu năm qua ngày đêm đều hệ niệm ư?

Nói đến chứng cứ thì lúc lâm chung chẳng khởi ái luyến, thầm lặng niệm Phật, giơ tay tỏ vẻ tôn kính, ngồi ngay ngắn qua đời. Mấy tướng lành ấy chính là tướng vãng sanh; huống chi mất rồi, toàn thân đã lạnh, đảnh đầu vẫn còn ấm. Đến khi nhập liệm, diện mạo giống như còn sống. Căn cứ theo thuyết "đảnh thánh, nhãn sanh thiên" như kinh luận đã nói thì cụ được vãng sanh còn ngờ chi nữa?

Nếu nói: "Cảnh ấy, sư chưa đích thân thấy, làm sao biết không phải là do con bà cụ thêu dệt?" Đáp: Thêu dệt thì trong đời cố nhiên là có, ấy là do không biết nhân quả nên mới làm như thế. Tường Hồng muốn cho đồng nhân cùng sanh tín tâm, cùng tu tịnh nghiệp, cùng sanh Tây Phương, ngõ hầu mẹ ông ta được tăng cao phẩm sen, quyết chẳng phạm tội đại vọng ngữ khiến cho cả mẹ lẫn bản thân đều mắc phải tội nặng tột bậc "chưa đắc đã nói đắc, chưa chứng đã nói chứng, đem phàm lạm thánh" vậy!

21. Nêu bày ý nghĩa ẩn kín của bộ sách Từ Bi Kính

Sát kiếp thê thảm trong thời gần đây xưa nay chưa từng nghe thấy. Xét đến nguyên do đều do ăn thịt mà ấp ủ thành, nghĩa là: ăn thịt là nhân gây nên sát kiếp, sát kiếp là cái quả của việc ăn thịt, rồi quả lại tạo nhân, nhân lại cảm quả, xoay vần giết lẫn nhau để ăn thịt, trọn chẳng có lúc nào ngưng, chẳng đáng buồn ư? Nỗi thảm sát kiếp ai nấy cùng kinh sợ, nhưng nỗi thảm sát sanh ăn thịt, ai nấy cùng vui! Thật chẳng khác gì tự giết mình để ăn thịt và tự giết cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc để ăn thịt vậy. Do đó, kinh Nhập Lăng-già dạy: "Hết thảy chúng sanh từ vô thủy đến nay, luân hồi trong sanh tử chẳng ngơi. Không ai chẳng từng làm cha mẹ, anh em, con cái, quyến thuộc, thậm chí bè bạn, người thân ái, kẻ hầu hạ, qua đời khác phải thọ những thân cầm thú. Sao lại bắt lấy những con vật trong số ấy để ăn thịt?" Lỗi hại của sự ăn thịt chẳng thể kể xiết!

Các thiện sĩ ở Tuyền Châu[877] muốn vãn hồi sát kiếp nên lập ra Đại Đồng Phóng Sanh Hội. Phóng sanh chính là muốn cảm phát lòng từ bi của mọi người, từ đó chẳng nỡ ăn thịt. Đã không ăn thịt thì hiện tại chẳng tạo sát nghiệp, tương lai chẳng phải chịu sát báo. Tuy nói là yêu tiếc sanh mạng loài vật, nhưng thật ra là nhằm bảo vệ sẵn cho bản thân mình. Nếu mọi người cùng mang chí này, khó

[877] Tuyền Châu là một thành phố thuộc vùng duyên hải Đông Nam tỉnh Phước Kiến, nhìn thẳng qua đảo Đài Loan.

gì chẳng cảm được thiên hòa. Nếu người phóng sanh cứ phóng sanh, kẻ ăn cứ ăn thì những con vật được thả chỉ hữu hạn, những con vật bị ăn là vô cùng, tiêu trừ sát nghiệp cho cá nhân phóng sanh thì được, chứ chưa thể tiêu trừ sát nghiệp cho những người đồng phận được. Vì thế, thâu tóm những lời lẽ khuyên răn rõ ràng dễ hiểu của cổ nhân, soạn thành bộ sách đặt tên là Từ Bi Kính (gương từ bi) lưu truyền khắp trong làng xóm, ngõ hầu người thấy nghe đều dấy lòng từ bi, đều cùng kiêng giết, đều cùng ăn chay hòng vãn hồi kiếp vận, cùng hưởng thái bình. Do vậy tôi bèn lược thuật lỗi hại của việc ăn thịt để phụ trợ. Nguyện những ai ăn thịt sẽ nghĩ loài vật như chính mình, nghĩ chính mình [đang lâm cảnh khổ] giống như loài vật, nghĩ như thế lâu ngày ắt sẽ bị sức ép đến nỗi ăn thịt cũng chẳng dám, há còn vì mong cầu thỏa mãn bụng miệng đến nỗi tế thần, cúng giỗ tổ tiên, phụng dưỡng cha mẹ, đãi khách nếu dùng món chay là không được, cứ phải sát sanh mới được ư?

22. Trình bày nghĩa lý ẩn kín của việc xây kèm tháp của ni sư Thanh Liên thuộc am Đại Thành vào phần mộ cha mẹ họ Đường

Ai cũng đều có thể là Nghiêu Thuấn, ai cũng đều có thể làm Phật, bởi con người có cùng một cái tâm này, tâm cùng một lý này. Những kẻ không làm được đều là hạng tự cam phận kém hèn, chẳng nỗ lực cho nên mới không làm được, chứ không phải là thật sự không thể làm được. Lễ Kinh nói: "Uống ăn, trai gái là điều con người ham muốn nhất; chết chóc, nghèo khổ là điều con người chán ghét nhất." Nhưng đã có chí làm Nghiêu Thuấn, làm Phật thì chẳng đem điều chán ghét nhất đổi lấy điều ham muốn nhất. Do vậy Khổng tử nói: *"Chí sĩ, nhân nhân vô cầu sanh dĩ hại nhân. Hữu sát thân dĩ thành nhân*[878]*"* (Bậc có chí, người có đức hạnh tốt đẹp chẳng cầu sống để làm hại đến lòng nhân, có người hy sinh để thành tựu điều nhân). Mạnh tử nói: "Sống cũng là điều ta ham muốn, mà nghĩa cũng là điều ta ham muốn. Nếu hai điều ấy chẳng cùng trọn vẹn được thì bỏ cái sống để giữ lấy cái nghĩa."

[878] Theo từ điển Từ Hải, thiên Vệ Linh Công của sách Luận Ngữ có câu: *"Hữu sát thân dĩ thành nhân"*, và giải thích: Phàm những ai vì chánh nghĩa mà hy sinh đều gọi là "thành nhân". Sách Tứ Thư Bạch Thoại Chú Giải Giảng: "Người có chí gọi là chí sĩ, người có đức hạnh tốt đẹp gọi là nhân nhân. Chí sĩ nhân nhân trọn chẳng vì ham sống mà làm hại đến điều nhân, chỉ bỏ mạng giết thân để thành tựu điều nhân vậy. Sát thân thành nhân là hy sinh bản thân nhỏ bé của chính mình để làm lợi cho mọi người." Chúng tôi dịch câu này theo cách giải thích của bộ Tứ Thư Bạch Thoại Chú Giải.

Đối với bà ni Thanh Liên ở am Đại Thành tôi có cảm xúc sâu xa. Ni sư vốn vợ ông X… ở Tây Giao, Võ Tấn[879], xuống tóc từ lúc còn trẻ, tinh tu phạm hạnh, được thiện tín xa gần kính ngưỡng. Năm Hàm Phong thứ 10 (1860) đời Thanh, giặc vây hãm Thường Châu, ni sư mặc ca-sa lễ Phật, nhảy xuống ao trước am. Đến khi giặc tràn đến, thôn lẫn am đều thành cuộc đất hoang vắng. Mấy ngày sau có hai ông Uông và Thiệu ngầm trở về thăm dò, thấy xác ni sư nổi trên mặt ao. Hai ông ngưỡng mộ đức đẹp, tiết tháo trong sạch của ni sư nên đợi đến lúc đêm khuya, vớt xác lên, chôn tạm dưới nền am. Mười sáu năm sau, nhằm lúc Quang Tự cải nguyên[880] (1875), cha của ông Đường Đà là Tuân Chi mất, mẹ ông Đà là bà cung nhân Trâu[881] tom góp được mấy chục ngàn đồng mua đất làm phần mộ, tức là nền am Đại Thành khi ấy. Người trong thôn muốn bán đất bèn lén đem hài cốt ni sư đem chôn trong khu mộ địa bà Trâu vừa tậu, đắp thành một nấm mộ nhỏ. Cung nhân Trâu xét kỹ nguồn cơn, chẳng những không tỵ hiềm, trái lại còn sanh lòng tin tưởng, ngưỡng mộ. Mỗi dịp tế lễ, tảo mộ, anh em ông Đà cũng cúng tế mộ ni sư luôn. Thuở ấy, cung nhân Trâu tuổi còn đang thanh xuân, cam phận nghèo, thủ tiết, vì chồng nuôi dạy con cái, gia kế chẳng dư dật, phải siêng năng khâu vá, thêu thùa, giặt giũ quần áo cho người ta để sống qua ngày. Khi ấy, anh của ông Đà là Quang Thịnh mười một tuổi, ông Đà mới chỉ lên năm, em gái vừa lên ba, lênh đênh cô khổ không sao nói nổi. Cung nhân Trâu gắng sức bươn chải nuôi dạy con khiến cho anh em ông Đà đều thành người có đức hạnh tốt đẹp. Hoàn cảnh của bà tuy khác với ni sư Thanh Liên, nhưng đức đẹp, trinh tâm chẳng thua kém ni Thanh Liên. Đến năm Quang Tự thứ 28 (1902), cung nhân Trâu qua đời, được hợp táng cùng ông Tuân Chi. Anh em ông Đà đi làm việc nơi khác, hơn hai mươi năm chưa cùng tế lễ, tảo mộ.

Đến năm Dân Quốc thứ 10 (1921), anh ông Đà từ quan trở về quê, ông Đà cũng thường từ Thượng Hải trở về đất Thường cùng nhau tế lễ, tảo mộ, tìm mộ phần ni sư không được, hỏi chủ đất thì được biết do không tiện cho việc cày cấy, đã dời sang ruộng dâu. Ông Đà bàn cùng anh là Quang Thịnh: "Hiện thời vẫn còn có người biết được đức của ni sư, cho nên còn có ý niệm bảo vệ, gìn giữ phần mộ. Nếu không tính kế, sau này khó tránh được nỗi thảm mộ bị dời, xương cốt bị bộc lộ. Huống chi hai vị Uông và Thiệu mạo hiểm để chôn lén, hằng năm mẹ chúng ta dẫn anh em mình đi cúng tế. Nếu bỏ qua việc này không quan tâm đến thì chẳng

[879] Võ Tấn là một thị trấn trực thuộc thành phố Thường Châu, tỉnh Giang Tô.
[880] Vua mới lên ngôi, đổi niên hiệu, gọi là "cải nguyên".
[881] Thời Minh - Thanh, vợ các quan tứ phẩm được gọi là *cung nhân*. Bà cung nhân này họ Trâu nên gọi là cung nhân Trâu.

những phải thẹn với hai vị Uông và Thiệu mà còn đắc tội rất lớn đối với mẹ chúng ta; làm sao bọn ta chịu đựng được nổi!" Do vậy bèn lựa ngày tốt, dời về chôn chung trong phần mộ cha mẹ. Lại còn lập một tòa tháp đá, viết chữ to *"Đại Thành Am Thanh Liên Ni Sư Chi Tháp"* (Tháp của ni sư Thanh Liên thuộc am Đại Thành), đề ở mặt sau rằng: *"Ni sư đắp ca-sa tuẫn nạn, chí hạnh của ngài đáng tưởng nhớ, nên dời di cốt về chôn trong mộ phần cha mẹ chúng tôi, chỉ mong người đời cùng nhau gìn giữ."* Ý của ông Đà là tính kế lâu dài phòng sau này con cháu dời đi nơi khác, hoặc không còn ai nối dõi, không thể không cầu người đời gìn giữ cho.

Có kẻ can gián, cho là không hợp lẽ, ông Đà nói: "Bà ni này chính là vị tăng tu hành chân thật trong nhà Phật. Lúc còn sống được xa gần kính ngưỡng, khi giặc sắp tràn đến, liền đắp ca-sa tự nịch[882], chẳng kém những bậc đức đẹp, nghĩa sĩ thời cổ cho lắm. Huống chi mẹ tôi rất khâm phục ni sư, thường bảo anh em tôi cúng tế. Nay đem chôn trong phần mộ của cha mẹ cũng giống như thỉnh cao tăng về nhà cúng dường, có gì là không được? Hơn nữa, vị ni sư này đức đẹp, tiết tháo trong sạch, có lẽ đã siêu phàm nhập thánh, nếu cha mẹ chúng tôi thường được thân cận sẽ được nương nhờ từ lực ngài liền được cao siêu tam giới, gởi thân nơi chín phẩm sen. Do vậy lòng cha mẹ tôi được vui sướng!" Mạnh tử coi 'phú quý chẳng dâm, bần tiện chẳng đổi chí, oai vũ chẳng khuất phục' là bậc đại trượng phu. Như bà ni đây thoạt đầu bỏ điều ham muốn lớn lao là "ăn uống, trai gái" để trường trai thờ Phật, tinh tu phạm hạnh, khi mất thì có tiết tháo lớn lao "tự giết mình để thành tựu điều nhân, bỏ mạng sống để giữ nghĩa", ngõ hầu chẳng phụ tánh linh của chính mình, chẳng gây tỳ vết cho sự giáo hóa của Phật, nêu gương cho trời người, dứt thói tục suy đồi đời mạt, chẳng đáng gọi là bậc trượng phu trong nữ giới hay sao? Ni sư đáng để Đường Đà dựng tháp, lại còn cầm "y câu"[883] cầu khắp các danh nhân đề lời tán thán hòng phát huy u quang nơi đức hạnh ngầm kín của bà ta, mong sao thế đạo khỏi suy đọa vậy. Do đó tôi bèn nêu bày nghĩa lý ẩn kín như thế đó.

23. Bày tỏ ý nghĩa ẩn kín của việc lập trường học trong nhà thờ ông Đường Hiếu Tử

[882] Tự nịch: Gieo mình xuống nước tự tử, còn gọi là tự trầm.
[883] "Y câu": Cái móc cài y ca-sa. Ở đây được dùng chỉ hành trạng, đức hạnh của vị xuất gia.

Mạnh tử nói: "Ai cũng có thể là Nghiêu Thuấn." Lại nói: "Đạo của Nghiêu Thuấn chỉ là hiếu đễ mà thôi!" Hữu Tử[884] nói: "Quân tử chăm lo nơi cái gốc, gốc được lập thì đạo sanh. Hiếu đễ chính là cái gốc của lòng nhân vậy." Như vậy, thành Nghiêu Thuấn, đạt lòng nhân chẳng ngoài tận lực hành hiếu đễ, thoạt đầu chẳng có gì là lạ lùng, đặc biệt, huyền diệu, gian nan khốn khổ đến nỗi dù muốn làm cũng không thể làm được! Ai nấy phải nên gắng sức để khỏi phụ đức tánh chỉ riêng con người là "vạn vật chi linh", sánh cùng thiên địa gọi là tam tài. Trời đất thật rộng, thật lớn, con người chỉ có cái thân bảy thước mà lại có thể xưng ngang hàng với trời đất là vì có thể tán trợ sự sanh trưởng, nuôi nấng của trời đất, kế tục chí hướng, sự nghiệp của thánh hiền. Nếu không, cứ mưu mẹo, quỷ quyệt, bại hoại luân thường, gây loạn phong tục, gây ô nhục cho cả trời đất lẫn nhân loại thì hình dáng tuy là người, nhưng thật ra chẳng bằng cầm thú. Cầm thú chẳng biết lễ giáo, còn con người biết lễ giáo, biết lễ mà trái nghịch thì phải ở dưới loài cầm thú. Con người như vậy sống làm loài cầm thú mặc áo đội mũ, chết ắt đọa trong tam đồ ác đạo.

Con người sao lại khổ sở dùng cái tư chất làm Nghiêu Thuấn, làm bậc nhân từ, để cam lòng mãi mãi làm loài chúng sanh đáng thương trong súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, thật ra là do cái tâm gì vậy? Không có gì khác cả, đều là do giáo dục trong gia đình chưa tới nơi tới chốn, cũng như do chính mình chẳng nỗ lực mà nên nỗi. Gần đây phong tục Âu Tây dần dần lan đến, những kẻ theo tân học chán cái cũ, thích cái mới, ùa theo như ngựa chạy quàng. Phàm những chỗ hay vì nước vì dân của người Âu thảy đều chẳng học, còn những chỗ khinh miệt lễ nghĩa, loạn luân thường của họ lại dốc sức học đòi. Rốt cuộc phế kinh, phế luận, căm ghét lòng hiếu v.v. không gì chẳng làm, chỉ muốn cho con người hoàn toàn chẳng khác gì cầm thú mới thôi. Những người có lòng lo cho thế đạo nhân tâm, ai nấy đều ôm lòng lo lắng.

Ông Đường Đà ở Võ Tấn muốn cứu vãn phong tục suy đồi, thấy sự tích của tiên tằng tổ[885] là Đường Hiếu Tử, tức An Bang Công, tuy đã được phô tỏ, chép trong ấp thừa (sổ bộ trong làng), nhưng chưa lập miếu thờ, người biết đến cũng ít nên bèn lập miếu, khắc bia để tỏ rõ đức. Lại lập một trường tiểu học trong miếu thờ, đặt tên là Đường Hiếu Tử Từ Hiệu (trường học trong nhà thờ ông Đường

[884] Hữu Tử (khoảng 518 trước Công Nguyên), tên Nhược, tự là Tử Nhược, người ở Phì Thành, là học trò của Khổng tử, từng đề xướng thuyết "dùng lễ, coi trọng hòa hiếu". Do ông này khí chất, hình dáng rất giống Khổng tử, nên sau khi Khổng tử mất, các môn sinh khác rất kính trọng ông.
[885] Tằng tổ: ta gọi là ông cố.

Hiếu Tử) để những con em nhà nghèo nơi ấy đến học, ngõ hầu trông thấy tên nghĩ đến nghĩa, học đòi tiền nhân, giữ vẹn cái gốc, trọng luân thường, tận hết bổn phận. Ban đầu thì hầu hạ, phụng dưỡng cho cha mẹ được an thân, kế đến là lập thân hành đạo để cha mẹ được vẻ vang. Đã có hiếu thì ắt sẽ có thể dốc sức tu tập hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ v.v.. Đã thực hiện được cái đạo làm người thì cái đạo làm Nghiêu Thuấn, làm bậc nhân từ cũng đạt được, mà cái đạo "tán trợ quyền sanh trưởng, dưỡng dục của trời đất, kế tục chí hướng, sự nghiệp của thánh hiền" cũng có thể tùy phần mà đạt được. Ý của ông Đà là như thế đó. Do vậy chẳng từ nhọc nhằn, bán chữ để lo liệu, thật có thể nói là người dốc lòng nơi cái gốc, trọng luân thường, đề cao đức, hâm mộ nghĩa, ông Đà là người hiền vậy. Cháu ông ta là Doãn Trung cũng tùy sức khuyến trợ, đủ thấy trong họ Đường có lắm người hiền.

Tuy thế, ông Đà hiền là có nguyên do. Xét ra, khi ông Đà mới được năm tuổi, cha là cụ Tuân Chi qua đời, khi ấy anh ông Đà là Quang Thịnh mười một tuổi, em gái mới ba tuổi, gia cảnh nghèo nàn, lênh đênh cô khổ không sao nói nổi. Mẹ ông là cung nhân Trâu hằng ngày siêng năng khâu vá, thêu thùa, giặt quần áo thuê để kiếm sống qua ngày hầu nuôi dạy con khiến cho anh em ông Đà đều thành người vẹn đức. Bà lại vì chồng mua đất làm nơi chôn cất. Lập xong, người trong thôn dời di cốt của ni sư Thanh Liên thuộc am Đại Thành vào chôn trong đó. Cung nhân Trâu hỏi han kỹ, biết ngọn ngành, chẳng những không lấy đó làm điều tỵ hiềm, trái lại còn sanh lòng kính ngưỡng sâu xa. Hằng năm cúng tế, tảo mộ, dạy hai con đến tế mộ ni sư. Đến khi cung nhân mất đi, chủ đất dời hài cốt ni sư chôn đi nơi khác. Anh em ông Đà cảm lòng từ của mẹ, lại sợ sau này mất dấu, nên đem về chôn trong phần mộ của cha mẹ, lại dựng tháp để biểu lộ đức cao đẹp, tiết tháo thanh khiết của ni sư. Khi chồng mất, phu nhân Trâu tuổi còn rất trẻ, cam phận nghèo cùng, thủ tiết nuôi dạy hai con, kính ngưỡng ni sư đem thân tuẫn pháp[886] giống như Từ Mẫu nước Ngụy[887], người cô có nghĩa đất Tề, đức đẹp, trinh

[886] Tuẫn pháp: vì pháp mà hy sinh.

[887] Theo Thái Thượng Cảm Ứng Thiên Hội Biên, Từ Mẫu là người xứ Mạnh Dương, thời Chu Ngụy, là vợ sau của Mang Liễu, sanh được ba người con. Năm người con của đời vợ trước đều không ưa bà. Bà đối xử thật tốt với con chồng, chúng càng thêm căm ghét. Bà dạy con mình chẳng được so bì với con bà vợ trước, thứ gì cũng dành phần hơn cho con chồng. Chẳng lâu sau, đứa con thứ hai của người vợ trước phạm tội, bị xử tội chết. Từ Mẫu hết sức thương xót, sáng tối chạy vạy tìm cách cứu giúp. Có người bảo: "Nó đã không thương bà quá đáng như thế! Sao còn phải nhọc nhằn lo toan như thế?" Bà đáp: "Dẫu con không thương mình, tôi vẫn phải cứu nó. Nếu không như thế, con người vợ trước có khác gì không có mẹ. Vì sợ nó cô đơn nên cha nó phải lấy vợ kế. Kế mẫu làm vợ người ta mà chẳng thương con vợ trước thì có gọi là Từ Mẫu được chăng? Thương con mình, bỏ mặc con chồng, có đáng gọi là nghĩa hay chăng?

tâm đáng làm gương cho đời. Vì thế, khiến cho ông Đà tuổi quá năm mươi vẫn chẳng giảm lòng quyến luyến, ngưỡng mộ, muốn tỏ rộng lòng hiếu để báo ân mẹ, nên mới lập nhà thờ này, lập trường học trong ấy để dạy con em nhà nghèo trong làng, hòng làm căn cứ để vãn hồi thế đạo nhân tâm. Có thể nói là dốc lòng thờ mẹ, trọn hết đạo con.

Do vậy, tôi bèn phát huy ý nghĩa ẩn tàng ngõ hầu hiếu hạnh của An Bang Công và đức ngầm của cung nhân Trâu đều được tỏ rõ, khiến cho người thấy nghe thảy đều phát tâm. Hiếu Kinh nói: "Đại hiếu là kinh của trời, nghĩa của đất, hạnh của dân." Do vậy nói rằng: "Một lời, một hạnh chẳng hợp đạo đều là bất hiếu!" Vì thế mới nói: "Hiếu đễ là cái gốc của lòng nhân. Đạo của Nghiêu Thuấn chỉ là hiếu đễ mà thôi!" Phàm những ai làm con không thể không suy nghĩ sâu xa, cực lực hành theo vậy.

24. Duyên khởi của Hội Nghiên Cứu Phật Học Cao Châu, tỉnh Quảng Đông (viết thay cho ông Hà Kiếm Tinh)

Phật pháp không gì lớn chẳng bao trùm, không gì nhỏ nhặt chẳng nêu. Y theo pháp này tu tập thì chẳng những có thể đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử, mà đối với đạo "cách vật trí tri, chánh tâm thành ý, tu tề trị bình, làm sáng tỏ minh đức, đạt đến chí thiện" nếu như thấu hiểu Phật pháp sẽ bớt được nửa công sức mà đạt hiệu quả gấp bội. Bởi lẽ những gì thánh nhân thế gian đã nói chỉ nhằm dạy con người trọn hết bổn phận, chỉ có bậc thượng trí mới có thể tuân theo trọn vẹn, chứ nếu là kẻ căn tánh trung hạ ắt sẽ hờ hững bỏ qua. Phật dạy tường tận sự lý nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi và "hết thảy chúng sanh đều sẵn đủ Phật tánh, đều có thể thành Phật", khiến cho kẻ thượng trí ắt mong chứng được điều mình sẵn có, kẻ hạ ngu cũng chẳng dám phóng túng buông tuồng kẻo chuốc lấy tội khổ trong vị lai, thế tất nhiên sẽ cải ác hướng thiện, mong thành thánh thành hiền, dẫu ở trong nhà tối, phòng kín vẫn thường như đối trước Phật, trời.

Đức Như Lai dùng tam quy, ngũ giới thập thiện để thâu nhiếp khắp hàng tại gia nam nữ. Tu được ngũ giới thập thiện sẽ thắng được hung tàn, dứt bỏ giết chóc, bỏ tồi tệ, khôi phục thuần hòa, mãi mãi lìa khỏi ác báo tam đồ, thường hưởng khoái lạc trời người. Pháp nông cạn nhất còn được như thế, huống chi là pháp sâu xa nhất. Vì thế biết đức Như Lai là đại sư của tam giới, là cha lành của bốn loài,

---

Bất từ, bất nghĩa, có đáng sống trên đời nữa chăng? Dẫu nó không thương tôi, tôi quên được nghĩa hay sao?" Có người thuật chuyện với vua Ngụy, vua cảm động bèn hạ lệnh ân xá. Từ đấy năm đứa con chồng đều thương bà như mẹ ruột. Bà dạy dỗ tám đứa con đều thành tài, về sau đều thành đại phu khanh sĩ nước Ngụy.

là bậc thánh của chư thánh, là trời của các trời. Do vậy vua thánh tôi hiền, người thông hiểu, bậc thấu đạt không ai chẳng y giáo tu tập, hộ trì, lưu thông bởi lẽ hết thảy các pháp lấy tâm làm gốc, chỉ có Phật pháp dạy rõ rốt ráo cái tâm. Xét từ thời Đông Hán, đại giáo từ phương Tây truyền qua. Gần hai trăm năm, chỉ lưu truyền ở phương Bắc. Đến thời Tam Quốc, ngài Khang Tăng Hội cảm hóa được Tôn Quyền, người phương Nam mới bắt đầu được thấm nhuần sự giáo hóa của Phật. Đến đời Tấn, Phật pháp truyền khắp toàn quốc và Cao Ly, Nhật Bản v.v.. Đến đời Đường, các tông đều có đủ, có thể sánh bằng Tây Thiên.

Mấy trăm năm qua, pháp đạo lưu thông, cao nhân như rừng, chép trong các truyện ký không biết bao nhiêu mà kể. Pháp phái Tào Khê phát xuất tại đất Việt Đông[888] ta, truyền tâm ấn của Phật, không ai chẳng sùng mộ. Do vậy, biết đất Việt (Quảng Đông) tuy là nơi biên địa, nhưng lại có đại nhân duyên đối với đại pháp của Như Lai. Do vậy Thiền tông hưng khởi mạnh mẽ, trong hai chúng tại gia cũng vẫn có nhiều người triệt ngộ cái mình sẵn có, minh tâm kiến tánh. Đến các đời Tống, Nguyên, Minh, pháp đạo chẳng suy. Vào cuối thời Minh, đột nhiên Phật pháp hưng khởi mạnh mẽ, ngài Hám Sơn do hoằng pháp bị sàm báng, phải tội đày đi Việt Đông, nhờ đó trung hưng Tào Khê. Khi ấy giặc giã tứ bề, bá tánh khốn khổ, quan Chế đài[889] chẳng biết tính cách nào, ngài Hám Sơn dùng lời giảng giải dẹp tan. Đọc bộ Hám Sơn Niên Phổ và Niên Phổ Sớ sẽ biết dân đất Việt gội ân đức đại sư rất sâu.

Đến khi có nhà Thanh, tôn sùng, kính trọng Phật pháp thật mạnh mẽ, Thế tổ (Thuận Trị) tuân theo chế định của Phật, bãi trừ lệ thí tăng và quy chế cấp độ điệp, cho tùy ý xuất gia. Đương thời cao nhân như rừng, lệnh ấy khá hữu ích, nhưng điềm khiến cho Phật pháp suy vi thật sự đã bắt đầu từ đây. Từ đó về sau, hơn một trăm năm, Phật pháp vẫn còn hưng thạnh. Từ thời Gia Khánh - Đạo Quang trở đi, bậc triết nhân ngày càng hiếm, người nêu gương càng kém, quốc gia chẳng chú trọng đề xướng, tăng lữ suy đồi chẳng gắng sức. Lại thêm vào thời Hàm Phong - Đồng Trị, chiến tranh liên miên, bậc tiền tu đã mất, đám hậu côn (con cháu) cũng chẳng nghe thấy ai, đến nỗi nhiều kẻ thô bỉ, bại hoại, vô lại trà trộn vào pháp môn. Hàng nho sĩ tại gia nếu không có tri kiến lỗi lạc không ai chẳng cho Phật pháp là ung nhọt, cho là vô ích đối với nhân dân, quốc gia, nhưng đại kinh đại pháp "cách vật trí tri, chánh tâm thành ý, tu tề trị bình và đoạn hoặc chứng chân liễu sanh thoát tử" của đức Như Lai nếu không nghiên cứu nào ai biết được. Những kẻ theo

[888] Đất Quảng Đông còn gọi là Việt Đông.
[889] Chế đài: chức quan văn đứng đầu một tỉnh thời Minh - Thanh, sau đổi thành Tổng đốc.

tân học xuất hiện, lầm lạc cậy vào ý mình, mặc tình gièm báng, khinh nhờn, đến nỗi những kẻ hủy chùa, đuổi tăng nối nhau dấy lên. Mấy năm gần đây, nhân sĩ các giới mở rộng tầm mắt, biết Phật là đạo độc nhất vô nhị trong thế gian, chẳng những không xung đột với hết thảy triết học, khoa học, chính trị, luật pháp, mà còn có thể giúp cho hết thảy triết học, khoa học, chính trị, pháp luật đều đạt được lợi ích thật sự. Do vậy, phàm những ai có chí muốn tự thấy được bản lai diện mục và vãn hồi thế đạo nhân tâm không ai chẳng nghiên cứu Phật pháp, thọ tam quy để chánh tam nghiệp, vâng giữ ngũ giới, tu thập thiện, ăn chay, niệm Phật, kiêng giết, phóng sanh, những chuyện xưa kia bị chê bai là hạnh của kẻ ngu phu, ngu phụ, nay vĩ nhân, danh sĩ đều làm. Do vậy, mọi nơi đều lập ra hội nghiên cứu Phật học, Phật kinh lưu thông xứ (nơi phát hành, truyền bá kinh Phật). Suy đồi cùng cực ắt sẽ khôi phục, bỉ cực ắt thái lai. Nay thế đạo nhân tâm đã suy hãm đến cực điểm, nếu chẳng dùng "nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi và hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật" để giáo huấn, quyết khó thể thâu được hiệu quả. Do một niệm tâm tánh của chúng ta bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến, hễ gặp ngộ tịnh duyên bèn chứng tam thừa và Phật pháp giới. Hễ theo mê nhiễm duyên bèn thành nhân thiên và bốn ác thú pháp giới. Tuy mười pháp giới thăng trầm, sướng khổ khác xa như trời với đất, nhưng tâm tánh sẵn có tại phàm chẳng giảm, nơi thánh chẳng tăng. Nếu hiểu chắc chắn nghĩa này, dẫu táng thân mất mạng quyết chẳng chịu bỏ ngộ tịnh duyên, chọn lấy mê nhiễm duyên để rồi bao kiếp luân hồi, không thể thoát ra. Do vậy, biết những pháp nhân quả báo ứng sanh tử luân hồi trị được cả gốc lẫn ngọn, là đại đạo để phàm lẫn thánh cùng theo, là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian, xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Trong thời buổi hiện tại, nếu bỏ pháp này thì dẫu cho Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, Chu, Khổng cùng xuất thế cũng chẳng biết làm sao!

Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm, Phật pháp cao vời bị điêu tàn đã lâu, xuất gia lẫn tại gia đều đang trong mộng mị. Những đồng nhân lập ra hội nghiên cứu Phật học và Phật kinh lưu thông xứ để những người có chí tự lập, lập người tùy theo thiên tư của mình mà tu trì. Người sâu xa bèn thấy sâu xa, khó gì chẳng đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử. Người nông cạn sẽ thấy nông cạn, cũng có thể sửa lỗi làm lành, mong thành thánh thành hiền, vãn hồi thế đạo nhân tâm, thúc đẩy đạo đức của nhân quần, cố nhiên phạm vi chính trị và tôn giáo chẳng giẫm chân nhau, mà cũng chẳng mâu thuẫn nhau. Một lòng thành khăng khăng, xin hãy rủ lòng soi xét.

25. Duyên khởi của Thượng Hải Phật Học Biên Tập Xã

Tâm tánh chính là căn bản để hết thảy phàm thánh trong mười pháp giới đọa địa ngục hay sanh lên trời, chứng chân, thành Phật. Nhân quả là phương tiện lớn lao để hết thảy thánh nhân thế gian, xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Nhưng tâm tánh này ai nấy vốn tự có đủ, chân thường tịch chiếu, mầu nhiệm chẳng thể diễn tả được. Chỉ do mê chưa ngộ nên chẳng những không thọ dụng được, trái lại còn dùng sức tâm tánh này để khởi hoặc tạo nghiệp; do nghiệp đọa khổ, xoay vần trầm luân, mê muội, luân hồi sáu nẻo đến tận đời vị lai, trọn không có lúc thoát ra được, khiến cho đức Thích-ca Mâu-ni Thế Tôn ta rủ lòng thương xót, khởi lòng vô duyên từ, vận lòng đồng thể bi, chẳng lìa Tịch quang, thị hiện giáng sanh trong thế gian, tinh tu phạm hạnh, thành Đẳng chánh giác. Do vậy Phật than: "Lạ thay, lạ thay! Hết thảy chúng sanh đều đầy đủ trí tuệ, đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng thì nhất thiết trí, tự nhiên trí, vô ngại trí liền được hiện tiền."

Bởi đó, tùy cơ thuyết pháp khiến cho chúng sanh được độ thoát. Nhưng do căn khí sai biệt nên pháp không có tướng nhất định, hoặc tiệm, hoặc đốn, hoặc quyền, hoặc thật, hoặc hiển, hoặc mật, hoặc tánh, hoặc tướng, cốt sao đều được triệt ngộ, triệt chứng diệu chân như tánh "tại phàm chẳng giảm, nơi thánh không tăng, suốt ngày tùy duyên, nhưng suốt ngày bất biến" mới thôi. Do tâm tánh này về thể tuy bất biến, nhưng dụng lại thường tùy duyên, do thuận theo mê nhiễm duyên dày hay mỏng sai khác mà thành sáu phàm pháp giới. Do nương theo ngộ tịnh duyên sâu cạn khác biệt mà thành bốn thánh pháp giới. Đã biết thể thường bất biến, do mê ngộ, thuận nghịch nên tướng dụng khác biệt vời vợi, ai không muốn bỏ mê nhiễm duyên, thuận theo ngộ tịnh duyên, khôi phục thiên chân sẵn có, viên thành vô thượng giác đạo ư? Mười pháp giới mỗi mỗi đều chẳng ra ngoài nhân quả, muốn lìa khổ được vui siêu phàm nhập thánh thì cố nhiên nên chọn lựa cẩn thận.

Lại sợ chúng sanh nghiệp nặng chướng sâu, dù có trồng thiện căn, được sanh trong trời người, nhưng chưa đoạn hoặc ắt phải tạo nghiệp, một khi đọa vào ác đạo, chẳng có lúc hết khổ. Vì vậy do tâm đại từ bi, đức Phật đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh độ để phàm phu đầy dẫy phiền não trong đời hiện tại liền thoát khỏi Sa-bà, sanh về Cực Lạc, cùng với các vị Bồ-tát thuộc những địa vị Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác như Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền v.v. cùng tụ hội một chỗ, thân cận Phật Di-đà để dần dần chứng được đạo quả. Ôi, ân Thế Tôn có thể nói là tột bậc, dẫu trời che đất chở cũng khó ví

được chút phần! Đến khi chúng sanh căn cơ phù hợp đã hết, sự ứng hiện của Như Lai phải thôi dứt, nhưng lòng đại bi lợi sanh trọn chẳng cùng tận. Do vậy các đại đệ tử phân bố xá-lợi, kết tập kinh tạng hòng lưu thông khắp pháp giới, để tất cả đều được thấm nhuần pháp. Đến thời Đông Hán, đại giáo mới bắt đầu truyền sang Trung Hoa. Nhưng do phong khí chưa được mở mang nên chỉ lưu truyền ở phương Bắc, đến năm Xích Ô thứ tư (241) đời Tôn Ngô, tôn giả Khang Tăng Hội khai hóa ở Kiến Nghiệp[890], được xá-lợi của Như Lai giáng lâm, khiến Tôn Quyền hết sức tín ngưỡng bèn dựng chùa xây tháp để hoằng dương pháp hóa. Pháp được lưu truyền ở phương Nam từ đó. Đến đời Tấn, pháp được truyền khắp các nước Cao Ly, Nhật Bản, Diến Điện, An Nam, Tây Tạng, Mông Cổ. Từ đấy trở đi, ngày càng hưng thạnh. Đến đời Đường có đủ các tông, có thể nói là cực thạnh. Thiên Thai, Hiền Thủ, Từ Ân hoằng Giáo, Lâm Tế, Tào Động, Quy Ngưỡng, Vân Môn, Pháp Nhãn hoằng tông, Nam Sơn nghiêm tịnh tỳ-ni (luật), Liên Tông chuyên tu Tịnh độ. Như những chức vụ thuộc các ty sở của các bộ, như công dụng của sáu căn giúp đỡ lẫn nhau. Ấy là vì giáo là lời Phật, tông là tâm Phật, luật là hạnh Phật. Ba thứ tâm, ngữ, hạnh quyết khó thể tách rời, ước theo chỗ chuyên chú mà lập những danh hiệu ấy. Chỉ có mình pháp Tịnh độ thoạt đầu là phương tiện để phàm phu nhập đạo, chứ thật ra là chỗ quy túc rốt ráo của các tông. Vì thế kẻ sắp đọa A-tỳ còn được dự vào phẩm cuối, bậc chứng bằng với chư Phật vẫn mong vãng sanh.

Khi Như Lai tại thế, ngàn căn cơ đều được dưỡng dục, vạn phái chầu về; đức Phật diệt độ rồi, bậc hoằng pháp Đại sĩ mỗi vị hoằng dương một tông, để mong thâm nhập một môn thì các pháp đều thông. Ví như ngàn hạt châu nơi cái lưới của Thiên đế, mỗi một hạt châu chẳng lẫn vào nhau, nhưng một châu lại nhập vào trong khắp ngàn hạt châu, ngàn hạt châu được nhiếp trong một hạt châu, hòa lẫn vào nhau nhưng chẳng xen tạp, riêng biệt nhưng chẳng tách rời. Kẻ câu nệ hình tích cho là hết thảy pháp, mỗi pháp đều khác biệt. Người khéo hiểu thấy hết thảy pháp, pháp nào pháp nấy viên thông. Như bốn cửa thành, gần cửa nào bèn vào bằng cửa đó, cửa tuy bất đồng, nhưng vào trong thành rồi chẳng khác gì nhau. Nếu biết ý này thì há phải đâu chỉ có những lý chắc thật rất sâu do chư Phật, chư tổ đã nói mới là pháp để quy chân đạt gốc minh tâm kiến tánh? Khắp cả thế gian, hết thảy ấm, nhập, xứ, giới, đại v.v. mỗi mỗi đều là pháp để quy chân đạt gốc

[890] Kiến Nghiệp chính là Kim Lăng (Nam Kinh) ngày nay. Cái tên Kiến Nghiệp đã có từ thời Hán Hiến Đế (181-234); trước đó, đất này được gọi là Kim Lăng dưới thời Sở Oai Vương, Tần Thủy Hoàng đổi thành Mạt Lăng, Hán Hiến Đế đổi tên thành Kiến Nghiệp.

minh tâm kiến tánh. Đã thế, mỗi mỗi đều là chân, là gốc, là tâm, là tánh. Vì vậy, kinh Lăng-nghiêm coi ngũ ấm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, thất đại đều là Như Lai tạng diệu chân như tánh. Do vậy nói "không một pháp nào chẳng phải là Phật pháp, cũng như không một ai chẳng phải là Phật".

Hiềm rằng chúng sanh, châu trong chéo áo trọn chẳng biết hay; ôm của báu đi ăn xin, chịu nghèo khổ oan uổng, dùng tâm Như Lai tạo nghiệp chúng sanh, dùng pháp giải thoát để chịu khổ luân hồi, chẳng đáng buồn ư? Vì vậy, bậc hoằng pháp Đại sĩ chẳng nề khổ sở, dùng đủ mọi phương tiện chỉ bày, hướng dẫn, khiến cho họ hiểu chắc thật sự lý nhân quả của mười pháp giới, triệt ngộ tự tánh của cái tâm để rốt ráo viên chứng. Từ Đường tới Tống, sang Nguyên, sang Minh rồi đến Thanh, trọn một ngàn năm, thanh giáo chẳng suy. Tuy chẳng hưng thịnh bằng đời Đường, vẫn có thể nói là chỉ kém hơn đôi chút. Từ thời Hàm Phong - Đồng Trị trở đi, chiến tranh liên miên, đói kém liên tiếp, cao nhân ngày càng hiếm hoi, kẻ tầm thường ngày càng đông đảo, quốc gia chẳng rảnh rang để đề xướng, tăng lữ không có sức chấn hưng. Do vậy, những vị cao nhân tại gia vì chưa từng nghiên cứu, lầm lạc học theo thói cũ của họ Âu, họ Hàn, khiến cho Phật pháp suy bại sát đất.

Đến cuối đời Thanh, học giới mở rộng, những người thiên tư cao đều xem đọc kinh Phật, mới biết cái gốc đạo là đây, bèn đều lắng lòng nghiên cứu. Đến khi Dân Quốc thành lập, pháp luật, quy chế đổi mới, quyền tự do tôn giáo được ghi trong hiến pháp. Hơn mười năm qua, phong khí rộng mở. Phàm vĩ nhân thuộc các giới chính khách, quân sự, học thuật, thương nghiệp, đa phần đều nghiên cứu Phật pháp, ăn chay, niệm Phật. Các vị cư sĩ Cố Liên Thừa, Triệu Vân Thiều v.v. muốn khiến cho đồng nhân cùng được thấm nhuần pháp lợi nên tính lập Phật Học Biên Tập Xã tại ngõ Trường Khang đường Bắc Kinh ở Thượng Hải. Phàm những luận thuyết giải thích rõ tâm tánh, nêu rõ nhân quả, lợi ích của việc kiêng giết, phóng sanh, những chuyện cảm thông của việc niệm Phật vãng sanh, cùng những giải thích kinh luận sâu xa uyên áo, những sự tu trì của bậc nhân sĩ cao đẹp đều thâu thập, biên tập, mỗi tháng ra một số để hiến cho người đương thời, ngõ hầu những người không biết Phật pháp sẽ do đây được biết, kẻ biết Phật pháp đôi chút sẽ do đây dần dần hiểu biết thù thắng hơn. Nếu có thể tuân theo ngôn giáo của Phật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, trọng lòng kính, giữ lòng thành, gột tâm rửa lòng thì không những thiên tai, nhân họa sẽ do đây được tiêu diệt, mà phong tục lại thuần hậu, tốt đẹp, hưởng mãi thái bình. Sẽ thấy triệt ngộ duy tâm,

đích thân thấy được Phật tánh, xa lìa nhân khổ quả khổ tam giới, chứng nhân vui, quả vui Nhất thừa, để khỏi phụ chân như diệu tánh sẵn có trong tâm này vậy.

26. Đề từ và duyên khởi của hội Thường Trai

Tâm tánh của chúng sanh bằng với chư Phật, do thiện nghiệp hay ác nghiệp mà quả báo chia thành con người hay súc sanh. Con người có tri thức, súc sanh chẳng có tài khéo. Cậy mạnh hiếp yếu, bèn giết chúng ăn thịt. Con nhà thành đạt còn chẳng vay nợ nặng, há nên giết thân chúng chỉ để sướng miệng, oán hận cố kết, trải bao kiếp đền trả lẫn nhau. Thử suy nghĩ đến đó, trong tâm đau thương. Vì vậy bèn nhóm họp đồng nhân cùng lập ra hội này. Phàm trăm chuyện thù tiếp đều dùng đồ ăn chay, lập riêng quy ước và thuật duyên khởi, nguyện khắp cả những ai thấy nghe đều dốc lòng nghĩ chúng sanh như ruột thịt, coi chúng như chính bản thân mình.

Vốn là vì hết thảy những chúng sanh trên không, dưới nước, trên cạn, không một loài nào chẳng biết đau đớn, sướng khổ, không một loài nào chẳng biết tham sống sợ chết, không một loài nào chẳng phải là cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, bằng hữu, thân thích trong vô lượng kiếp của chúng ta. Hơn nữa, trong đời vị lai không con vật nào chẳng thể gieo sâu thiện căn, tu trì tịnh nghiệp, đoạn hoặc chứng chân, viên thành Phật đạo; chỉ vì ác nghiệp đời trước, phải đọa trong dị loại. Do vậy, hãy nên sanh lòng thương xót che chở, khiến chúng đều được sống yên vui, há nên cậy mạnh hiếp yếu, hoặc dùng trí bắt lấy, hoặc dùng tiền mua lấy những loài ấy để cung cấp cho bụng miệng? Chúng nó tuy sức không chống cự lại được, nhưng cố nhiên tâm oán hận cố kết, cho nên trong đời đời kiếp kiếp lần lượt giết lẫn nhau. Vì thỏa bụng miệng một chốc để rồi thân mạng bị giết nhiều kiếp. So với chuyện tự giết mình còn khốc liệt hơn vạn phần. Sao lại khổ sở chuốc lấy chuyện tai ương, họa hại; sao lại ngu mê cùng cực đến thế?

Xưa kia, nước Lỗ có hai gã dũng sĩ, nghe tiếng nhau nhưng chưa gặp gỡ, một ngày kia gặp được nhau, mua rượu cùng uống. Một gã nói: “Không có thịt uống rượu chẳng vui, hãy đi mua thịt.” Gã kia đáp: “Thịt của tôi với anh đây nè, cần gì tìm nữa!” Gã trước cho rằng kiến giải ấy rất cao, liền trật áo cắt thịt mình để đôi bên cùng ăn. Gã sau lại cắt thịt mình để đáp tạ gã trước, dương dương tự đắc, cho là tình giao du của chúng ta quả thật là tha thiết. Cắt thịt, ăn thịt nhau mãi đến chết! Phàm những ai thấy nghe đều than hai gã ấy ngu quá. Người đời do ăn thịt nên tạo các sát nghiệp, đến nỗi bao kiếp tàn sát lẫn nhau, so với bọn dũng sĩ kia càng khốc liệt hơn nữa. Do không có con mắt tuệ, chẳng biết hậu báo, đâm ra đắc

ý, tự kiêu, khoe khoang, chê trách người ăn chay là mê tín và bạc phước. Thế tục quen thói, điềm nhiên chẳng biết là sai. Vì thế trong kinh Đại thừa như Phạm Võng, Lăng-nghiêm, Lăng-già v.v. đức Như Lai đã bày tỏ cùng cực lỗi họa của việc sát sanh ăn thịt, có thể nói là lòng chân từ đại bi nhổ gốc, lấp nguồn vậy.

Cõi đời gần đây, sát kiếp thê thảm, ngàn xưa chưa từng nghe thấy. Huống chi những tai nạn nước, lửa, tật dịch, bão tố, động đất, hạn hán, lụt lội v.v. không lúc nào chẳng có. Nói chung là do sát nghiệp làm duyên khởi, khiến cho thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống. Do vậy thiên tai, nhân họa tiếp nối nhau dấy lên, như đứng trước gương chẳng trốn được bóng. Đồng nhân lo lắng, muốn làm cho người đời cùng vâng giữ chuyện kiêng giết, ai nấy đều ăn chay. Bất luận chúc thọ, cầu phước, quan - hôn - tang - tế, đãi khách, nhóm bạn v.v. đều dùng tiệc chay, một là để trọn vẹn cái tâm trắc ẩn của ta, hai là mong cho những vị thần thánh ta tôn thờ và tổ tông, cha mẹ, bè bạn, thân thích của ta dứt trừ sát nghiệp, tăng trưởng thiện căn, chứ không phải chỉ riêng lo cho hết thảy loài vật sống trên không, dưới nước, trên cạn. Lại mong đây kia bắt chước nhau cho đến khắp cả làng, cả nước và toàn thiên hạ, ắt thấy phong tục tốt đẹp thuần hậu, dân giàu nước mạnh, cùng hưởng sự giáo hóa đại đồng, vĩnh viễn dứt bặt thói tranh đua, chim thú, cá, rùa đều được yên vui, ngõ hầu con người đứng cùng trời đất xưng tên là tam tài, cũng như nghĩa lý "*càn* là đại phụ, *khôn* là đại mẫu, nhân dân và ta cùng là ruột thịt, loài vật cũng giống như ta" chẳng đến nỗi chỉ là nói suông, chẳng có mảy may thật nghĩa nào!

27. Duyên khởi quyên mộ xây dựng Tịnh Độ Đường tại Liễu Thị, Lạc Thanh[891]

Tam giới không yên giống như nhà lửa, các khổ đầy dẫy thật đáng sợ hãi, chúng sanh ngu si thường sống trong ấy, dẫu chịu khổ sở cùng cực vẫn chẳng cầu thoát lìa. Dù sẵn có Phật tánh, nhưng do mê trái nên tánh ấy lại biến thành cái gốc để khởi hoặc tạo nghiệp, đến nỗi trải trần điểm kiếp không do đâu giải thoát được. Chẳng đáng buồn ư? Huống chi nay thế đạo nhân tâm chìm đắm đến cùng cực, sát kiếp thê thảm suốt từ xưa đến nay chưa từng nghe thấy. Lại thêm trào lưu tân học bác không nhân quả, bài xích đạo nghĩa của thánh hiền, chê là cổ hủ, mặc sức đề xướng ý kiến ức đoán của chính mình. Người đui dẫn lũ mù kéo nhau vào lửa, đến nỗi thiên tai, nhân họa, liên tiếp giáng xuống. Dân đen ngây ngô thật đáng

[891] Lạc Thanh là một huyện thuộc miền Đông Nam tỉnh Chiết Giang. Liễu Thị là một trấn thuộc Lạc Thanh.

thương xót! Do vậy, những người có tâm lo cho thế đạo mạnh mẽ dấy lên chí lớn muốn cứu giúp dân, bởi lẽ những nghiệp quả ấy đều vì chỉ biết tự tư tự lợi, chẳng biết nhân quả ba đời thiện ác báo ứng, cho là người chết đi thần thức liền diệt, nào có linh hồn theo nhân duyên tội phước mà thọ sanh trong trời người hay tam đồ ác đạo. Nếu thiện ác đều đồng bị diệt mất như nhau, sao không mặc sức mà làm cho sướng khoái thân tâm? Do vậy hăm hở tranh nhau làm những chuyện nghịch trời trái lý, tổn người lợi mình và sát hại sanh mạng hòng sướng bụng miệng, chẳng kiêng dè, áy náy chi!

Nếu biết nhân quả ba đời ắt sẽ sợ phải thọ báo, chẳng dám nảy sanh chút ý niệm ấy, há còn thực hiện những chuyện ấy hay sao? Do vậy, sự lý nhân quả ba đời sanh tử luân hồi do đức Phật ta đã nói chính là huệ nhật trong đêm dài, niệm Phật cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc chính là thuyền từ trong biển khổ sanh tử. Muốn vãn hồi kiếp vận mà bỏ pháp này thì không còn cách nào cả. Do vậy, những vị tăng tục đại tâm các nơi đều miệt mài đề xướng Phật học ngõ hầu thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Cư sĩ Hồ Thiên Bộc ở Lạc Thanh dựng một tòa Tịnh Độ Đường tại Hồng Kiều, khai giảng vào ngày Rằm tháng Tám, muôn người đều vui vẻ, khen là chưa từng có. Các thiện sĩ ở Liễu Thị ngưỡng mộ khôn cùng, cũng muốn lập một chỗ như vậy nơi thành phố của họ để ai nấy đều được thấm nhuần pháp. Ngoài những khoản đóng góp do những người đề xướng bỏ ra, họ còn tính quyên mộ bốn phương nên cư sĩ Bao Hựu Vũ xin Quang viết sớ.

Trộm nghĩ, một pháp nhân quả chính là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh; một hạnh niệm Phật quả thật là đạo thông đạt để mười phương ba đời chư Phật làm cho các chúng sanh được thoát khổ trong hiện đời. Bỏ pháp này thì tà kiến không do đâu diệt được, lợi ích thật sự sẽ không thể nhờ vào đâu để đạt được. Khế lý, khế cơ lợi ích khó thể nghĩ lường! Khẩn thiết mong những vị đại nhân có sức ai nấy đều tán trợ, khiến cho Phật đường hoàn thành, giảng hội được khai diễn dài lâu, nhân tâm xoay chuyển, kiếp vận mau dứt, ngõ hầu thắng hung tàn, trừ khử giết chóc, phong cách "đối xử với hết thảy mọi người bằng lòng nhân từ" lại được thấy trong ngày nay. Công đức lợi ích ấy ắt sẽ có thọ lượng bằng với mười phương hư không, không ngọn bút nào có thể diễn tả được nổi!

28. Bài văn cung thỉnh pháp sư Tịnh Quyền giảng kinh Pháp Hoa (viết thay giám viện chùa Pháp Vũ)

Cúi mình trộm nghĩ: Tri kiến của Như Lai ẩn náu trong tâm chúng sanh, nếu chẳng do đức Phật nói ra, ai có thể tự ngộ được? Hết thảy các kinh được nói trong cả một đời đức Thích-ca, chỉ có mình kinh Pháp Hoa bàn thông suốt nghĩa ấy. Giơ tay, cúi đầu đều thành Phật đạo; xử sự, nói năng đều thuận chánh pháp. Chỉ minh châu trong chéo áo, thoát khỏi hiểm nạn nhà lửa. Đứa con ăn mày nghèo cùng côi cút lênh đênh là con đích thật của ông trưởng giả. Từ đất dày vô minh, đạt được suối ngọt pháp tánh, từ ngay tâm của chúng sanh chỉ ra Như Lai Tạng. Những điều ấy nếu chẳng được giảng diễn, ai hòng biết được?

Kính nghĩ: Tịnh công đại pháp sư xưa đã lãnh nhận lời Phật phó chúc làm sứ giả của Như Lai thường hoằng đại giáo, lợi lạc khắp muôn loài. Dùng đại trí tuệ phát đại biện tài khiến cho đá tảng cũng phải gật đầu, hoa trời rơi đầy đất. Vãn bối ngưỡng mộ phong cách đức hạnh đã lâu, chưa được một lần gặp gỡ. Duyên kém, chướng dày, thẹn thùng chi xiết! Do vậy, chủ nhân tệ tự tính trong mấy tháng mùa hạ năm sau thỉnh ngài giảng diễn kinh Pháp Hoa. Vốn biết tọa hạ vận lòng bi đồng thể, khởi lòng từ vô duyên, nên mới mạo muội khẩn cầu, chỉ mong ngài lặng im chấp nhận, ắt hội Linh Sơn khi xưa sẽ lại được thấy, ai nấy đều cùng chiêm ngưỡng. Vào dịp ấy ai ai cũng đều vào được Phổ Môn của đức Quán Âm. Cúi mong ngài rủ lòng từ bi thì pháp môn may mắn lắm mà chúng sanh cũng may mắn lắm. Thưa lên cùng ngài, hết sức khẩn cầu mong mỏi đến cùng cực vậy!

29. Bài văn cung thỉnh pháp sư Tịnh Quyền giảng Di-đà Sớ Sao (viết thay trụ trì chùa Pháp Vũ)

Cúi mình trộm nghĩ: Viên giác diệu tâm hữu tình ai nấy đều có, nhưng tu trì để chứng đắc mấy ai biết phải nên như thế nào. Kính nghĩ: Tịnh công đại pháp sư xưa đã nhận lãnh lời Phật phó chúc thừa nguyện tái lai, khai tri kiến Như Lai, nối tiếp đạo pháp của tông Thiên Thai. Đế quán viên dung, thiền tịnh nhất trí, dắt tam thừa cùng chứng chín phẩm, dẫn ngũ tánh cùng chứng duy tâm. Vãn bối ngưỡng mộ cao phong đã lâu, nhưng thật ít dịp được thân cận. Hổ thẹn làm người giữ gìn môn đình chùa Pháp Vũ, trọn chẳng có trí lực để hoằng dương pháp đạo. Xét kỹ thời tiết, cơ nghi đời hiện tại, chỉ có Tịnh độ là thích hợp căn cơ nhất. Nghĩ rằng giảng Di-đà Sớ Sao, ngoài ngài ra ắt không ai có thể đáp ứng lòng mong mỏi của đại chúng được! Khẩn cầu ngài chẳng trái bổn thệ, rủ lòng thuận theo hạ tình, đến tháng Bảy năm sau chống tích trượng vào núi hoang, khiến cho tứ chúng trăm ngàn người được gởi lòng nơi bí tạng. Dùng biện tài huyền diệu cuồn cuộn như dòng sông để phô trọn bản hoài của đức Như Lai, khiến cho bản kinh không ai hỏi tự nói này, lời sớ phô rõ cả lý lẫn sự này đều được sáng tỏ thì chẳng những

chốn núi hoang được may mắn sâu xa mà pháp môn cũng may mắn sâu xa thay! Chỉ xin ngài từ bi lặng yên chấp thuận. Thưa lên cùng ngài, hết sức tha thiết, mong mỏi đến cùng cực vậy!

30. Quảng cáo khai trương tiệm bán đồ chay của Ninh Ba Công Đức Lâm

Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật đời vị lai. Lập phương cách cứu giúp, che chở còn e chẳng kịp, lẽ nào chỉ nhằm sướng bụng miệng ta mà giết thân mạng chúng sao? Phải biết những loài vật bay trên không, lặn dưới nước đều có cùng một tâm linh minh giác tri như ta, nhưng vì túc nghiệp sâu nặng cho nên hình thể rất khác biệt, miệng chẳng nói được. Nhìn vào tình trạng tìm tòi cái ăn, trốn tránh cái chết sẽ tự hiểu chúng nó chẳng khác gì con người. Chúng ta nương vào sức túc phước, may mắn được sanh trong loài người, tâm có trí khôn, lẽ ra phải giữ vẹn tình cha trời mẹ đất, coi dân như ruột thịt, xem loài vật như chính mình, hòng khỏi phụ cái tiếng sánh cùng trời đất xưng là tam tài, phụ trợ quyền sanh trưởng dưỡng dục của trời đất, khiến cho dân lẫn loài vật đều được sống yên, cùng được trời đất che chở, cùng hưởng niềm vui sống hết tuổi trời thì mới nên!

Nếu chẳng cảm nhận đức hiếu sanh của trời đất, cứ mặc tình giữ ý niệm tham ăn, tham uống, cậy ta mạnh lấn hiếp loài yếu, ăn thịt chúng nó cho thỏa bụng mình, ắt đến ngày nào đó phước xưa đã hết, sát nghiệp hiện tiền, muốn chẳng bị đổi đầu thay mặt, lần lượt bị chúng nó giết ăn, há có được chăng? Huống chi thịt có chất độc do lúc chúng bị giết hại tâm oán hận cố kết lại. Vì thế những khi ôn dịch lưu hành, người ăn chay rất ít bị truyền nhiễm. Hơn nữa, thịt là thứ uế trược, ăn vào khí huyết dơ, tinh thần tăm tối, phát triển nhanh nhưng chóng suy, là đầu mối dễ nảy sanh bệnh tật nhất. Đồ chay là phẩm vật tinh khiết, ăn vào khí chất trong sạch, trí óc sáng sủa, khỏe mạnh lâu dài, lâu già, do có nhiều khả năng bồi bổ. Đây tuy là lời bàn thông thường về phép vệ sinh, chứ thật ra chính là lời luận cùng tột tánh. Do tập tục quen thói đến nỗi mê muội chất chứa, không thể phản tỉnh được.

Phải biết, nhân từ đối với dân thì phải thương yêu loài vật, tàn nhẫn đối với loài vật quyết khó thể nhân từ đối với dân, do tập tánh khiến ra như thế. Vì vậy, khi vua thánh cai trị cõi đời, chim, thú, cá, rùa đều sống yên vui. Thánh vương dùng đạo sáng dạy dân, chất keo dính (để bẫy chim), gậy gộc, đạn, cung đều bỏ hết. Thử nghĩ xem, từ xưa đến nay, phàm những kẻ tàn nhẫn, tham tàn, dòng dõi đa phần tuyệt diệt; người nhân từ cứu giúp con cháu ắt thạnh vượng. Kẻ làm ác,

Khổng tử phán đoán kẻ ấy vô hậu; kẻ mặc tình ăn thịt, Như Lai dự ký ắt phải đền trả. Xin chớ nói suông "xa lánh chuyện bếp núc", đấy chính là lời nói quyền biến thuận theo thế tục. Hãy nên vĩnh viễn dứt những thứ hôi tanh thì mới là thật nghĩa xứng lý.

Gần đây, nỗi thảm sát kiếp quả thật là nghìn xưa chưa từng nghe thấy. Nếu suy xét kỹ càng căn nguyên thì đều là do ăn thịt mà ra. Những bậc lo cho đời ai nấy đều muốn nhổ rễ lấp nguồn, mà Công Đức Lâm được sáng lập ở vùng Thân Giang (Thượng Hải - Giang Tây) là chỗ đã dựng lá cờ đầu. Các vị hương thân[892] như quan Đạo doãn họ Hoàng, quan Trấn sử họ Vương, quan Tri sự họ Khương, ông Trương Nhượng Tam, và ông Ngô Đông Sơn v.v., các vị sa-môn như pháp sư Đế Nhàn, Khai Như, Liễu Dư v.v. cùng thương xót cho sát kiếp trong cõi đời, tính gieo trồng nhân, thọ, hạnh phúc, bèn dấn mình vào chốn bụi trần miền Thân Giang, tự đặt mình làm người xướng suất cho vùng Ninh Ba, lập ra Công Đức Lâm này, đề xướng tiệc chay khiến cho người dân trong vùng mỗi dịp quan - hôn - tang - tế đều dùng tiệc chay, đãi khách, nhóm bạn đều dùng món chay. Dùng hành động nấu nướng nhỏ nhoi thay cho người khác này để tạo thành phương tiện vãn hồi kiếp vận lớn lao. Chuyên mang chí lợi sanh, hoàn toàn chẳng phải chỉ để kiếm lời; do vậy bèn mời những thợ khéo chế biến món ngon để đáp ứng nhu cầu quan - hôn - tang - tế tiệc tùng của người dân trong vùng, hoặc đến Công Đức Lâm này để dùng, hoặc gởi đến tận nhà cho họ thụ dụng. Trả công ít nhiều, nồng hậu hay sơ sài đều tùy ý. Phàm những ai đoái tưởng tới, quyết chẳng phụ lòng. Khẩn thiết mong thiện tín chốn quan trường hay thương mãi đều phát tâm kiêng giết, bảo vệ sanh vật, cùng bỏ ăn mặn, cùng nhau ăn chay, khiến cho từ phong (gió từ) từ đây được thổi khắp, ngõ hầu sát kiếp từ đây tiêu diệt. Sẽ thấy thời thế hòa bình, được mùa, dân giàu, vật mạnh, vĩnh viễn không có thiên tai nhân họa, hưởng mãi yên vui thái bình. Đấy chính là thâm tâm của các vị như Đạo Doãn phát khởi Công Đức Lâm này, cho nên tôi sáng tối thắp hương niệm Phật khẩn cầu, mong sao các nơi bắt chước theo. Do vậy bèn trần thuật duyên khởi.

31. Bài Tiểu Tham[893] dành cho lễ cử hành pháp hội Thủy Lục (viết thay cho bạn)

---

[892] Hương thân: các vị thân sĩ (có địa vị, tiếng tăm, đạo đức) trong một vùng.

[893] Tiểu Tham: Dụng ngữ của nhà Thiền, có nghĩa là tùy thời thuyết pháp, khác với bài thuyết pháp theo quy củ nhất định trong pháp đường ("Đại Tham"). Tiểu Tham không có nơi chốn nhất định. Mỗi tối, sau khi đánh chuông thu không, vị phương trượng thấy chúng nhiều hay ít, bèn quyết định thuyết pháp tại tẩm đường (nhà nghỉ), pháp đường hay phương trượng. Lời

Chỉ một niệm tâm Bồ-đề này chính là thường trụ vô lượng thọ, khiến cho khắp các chúng sanh trong pháp giới công đức tánh tu đều thành tựu. Kính trông: Trai chủ của Vô Giá Thắng Hội là Thái Thái Tần Định Thánh túc căn sâu dày, bẩm tánh hiền thục, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, quy y tam bảo, tu chân trong cõi tục, làm bậc mẫu nghi trong chốn khuê các, tùy duyên hiểu đạo, làm bậc thầy khuôn mẫu cho nữ giới. Thường nhàm lìa Sa-bà, không chỉ lo tính kế quay về cho riêng mình, một dạ vui cầu Cực Lạc mà thường muốn phổ độ quần manh. Nay gặp lúc tuổi bước vào độ lục tuần (sáu mươi), sao Vụ[894] sáng ngời giữa trời, xa lìa những thói quen thế tục, đến thẳng đạo tràng viên thông, tận lực tạ từ những lễ nghi chúc tụng, ăn mừng của hàng thân thích bằng hữu, mà mở hội lớn cho thánh phàm trong pháp giới. Dùng lòng thành của chính mình để cảm từ lực của tam bảo khiến cho chồng lẫn mình đều được nghiệp chướng ngầm tiêu, các duyên đều tốt lành: Lúc còn sống hưởng được năm điều phước như sách Hồng Phạm[895] đã nói, khi lâm chung lên ngay thượng phẩm trong chín phẩm sen, con vinh, cháu quý, hưởng tốt lành dài lâu trong đời, đạo tốt đẹp, thời thế yên vui, cả nước đều hưởng vui mừng. Chứ nào phải chỉ nhằm làm cho những vị tổ tiên, những người đã mất trước của họ Vương, họ Tần đang được lập trai hội cầu siêu đây đều cùng được sanh Tịnh độ.

Kính mong mười phương pháp giới, tứ sanh lục đạo, hết thảy hàm thức cùng chứng chân thường. Vốn là dùng cái tâm "tự lập, lập người" của Nho gia để hành chuyện "tự lợi, lợi người" của Bồ-tát. Chỉ vì do tâm sẵn có Phật nên nguyện đem lại tuổi thọ cho mọi người. Ôi, tánh sẵn có phước thọ mầu nhiệm khó thể diễn tả, khác nào như biển cả, như núi non, cùng tận ba đời không sanh diệt, vượt khỏi hai tầng ải nghĩ - bàn.

32. Bài Tiểu Tham dành cho các vong linh (viết thay)

---

thuyết pháp thường đề cập đến những điều trọng yếu cũng như những chuyện đúng sai vụn vặt trong ngày. Đến thời Nam Tống, Tiểu Tham mới được phát triển thành loại định kỳ thuyết pháp, có nghi thức nhất định. Do pháp hội Thủy Lục này được tiến hành thay cho tiệc sinh nhật, nên gọi là Thọ Diên.

[894] Tức sao Vụ Nữ, ngôi sao tượng trưng cho nữ giới, còn gọi tắt là sao Nữ (là một ngôi sao trong Nhị Thập Bát Tú), thuộc chùm sao Huyền Vũ (gồm các sao Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Nguy, Thất, Bích). Sao Nữ còn có tên khác là Tu Nữ, Chức Nữ. Thật ra, sao Nữ là một chòm sao gồm bốn ngôi sao nhỏ ở phương Bắc. Đạo giáo coi ngôi sao này là con rùa thiêng của Huyền Thiên Thượng Đế (tức Huyền Vũ Chân Quân).

[895] Thật ra Hồng Phạm là một chương sách của Kinh Thư, nhưng thường được tách riêng ra như một cuốn sách. Tương truyền tác giả của thiên sách này là Cơ Tử.

Tam giới vốn chẳng phải là pháp nào khác, chỉ là do nhất tâm tạo ra. Hiểu các pháp đều do tâm thì siêu phàm chứng giác nào có khó gì! Xét nghĩ như vị cư sĩ X… đang được làm chay để cầu siêu đây xưa đã có linh căn, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, thông minh, trí tuệ, hiểu thấu suốt, ôn hòa, hiền lành, cung kính, cần kiệm. Lòng hiếu thuận phát xuất từ thiên tánh, lòng nhân từ thấu khắp người vật. Suy nhân tính quả, dùng tâm nghiệm phước, ắt cư sĩ sẽ hưởng thọ dày, tước cao để rộng mở mối kinh luân. Ngờ đâu tuổi mới vừa nhược quan (hai mươi tuổi) đã chết yểu, liền mất thân mạng. Chắc là do tình yêu thương cha mẹ tha thiết, muốn cho cha mẹ cùng được sanh Tịnh độ nên mới thị hiện vô thường, hòng khích động cái tâm xuất thế cho cha mẹ để thành tựu lòng hiếu "không lòng hiếu thế gian nào lớn lao hơn được"! Có thể nói là "tuy bất hiếu nhưng lại chính là đại hiếu, do vô thường chứng được chân thường" hòng báo ân cha mẹ cũng như cảnh tỉnh đồng luân, hiện thân thuyết pháp, hay khéo không gì sánh ví được.

Nào ngờ lại làm cho tâm cha mẹ thương yêu con càng thêm chân thành, thiết tha, chỉ sợ tịnh nghiệp của ông chưa chín muồi chẳng thể vãng sanh, bèn đến đạo tràng viên thông, lập Vô Ngại Hội, cứu tế khắp các cô hồn. Do công đức này sẽ khiến cho ông nếu chưa vãng sanh liền được vãng sanh, đã vãng sanh ắt tăng cao phẩm vị. Như vậy là muốn cho ông hiếu đệ nhất nghĩa, ngự lên tòa sen thượng phẩm, thấy Di-đà nơi tự tâm, chứng Vô sanh trong đương niệm, lập bày tiệc chay thơm thảo, lại dạy pháp yếu.

Phải biết, trước khi được cha mẹ sanh ra, vốn không hề có tướng nam hay nữ; sau khi tứ đại chia lìa, chỉ có mỗi một cái tâm linh tri. Do huyễn nghiệp buộc ràng nên chẳng thể liễu thoát ngay lập tức. Nếu phàm tình mau chóng dứt bặt, triệt để gánh vác nào có khó chi? Tướng do nghiệp mà huyễn sanh, nghiệp do tâm mà vọng khởi. Tâm nếu chẳng sanh, nghiệp bèn tiêu diệt. Nghiệp tận tình không, hoàn lại cội, quay về nguồn. Ví như mây tan giữa không trung, vầng mặt trời nhanh chóng hiển hiện bản thể; nước đổ vào biển cả, sông ngòi và biển sâu rộng nào khác chi nhau? Trọn mười phương không thiếu, không thừa, tột cùng ba đời bất sanh bất diệt.

Lý ấy tuy ngộ dễ dàng, chứng được thật khó! Hãy nên phát tâm tín nguyện, cầu sanh Tây Phương, nhất định cậy vào sức của Phật Di-đà mau chóng lìa ngũ trược. Từ đây hầu cận Như Lai, tham dự vào hải chúng, nghe pháp thọ ký, khai tri kiến Phật, đoạn hoặc chứng chân, đạt được cái vốn sẵn viên thông. Rồi cậy vào từ lực của Phật, nương theo nguyện luân của chính mình hiện sắc thân trọn khắp pháp giới khiến cho những kẻ mê cùng được lên bờ giác. Ôi, lâu đài gần

nước được thấy vầng trăng trước, hoa cỏ hướng về mặt trời sớm gặp được tiết xuân. Từ khi được ngài Biến Cát (Phổ Hiền) chỉ dạy, dẫn về Tịnh độ, hải chúng đều phế bỏ chuyện đi về phương Nam[896].

33. Bài Tiểu Tham dành cho vong linh trong trai hội Thủy Lục (viết thay cho bạn)

Sa-bà vốn là cõi nước khổ đau, sanh tử luân hồi thật đáng đau thương, nhổ trừ rễ ái trở về Tây, nhiệt não bao kiếp nhanh chóng biến thành mát mẻ. Kính trông vị được cầu siêu trong trai hội này là tiên sinh Thiệu Cầm Đào, xưa đã trồng cội đức, giữ hạnh trong sáng; đọc sách hiểu lý, nêu gương điển hình trong chốn trần ai, học đạo yêu người, giúp việc chánh trị trong chốn quan phủ, buôn bán qua lại khiến cho nước giàu mạnh, ai nấy đều được hưởng gió mát từ hai ống tay áo; giúp nạn phò nguy, tâm riêng nêu một vầng trăng sáng. Lại còn dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tôn sùng, kính trọng tam bảo. Tuy chưa chuyên tu định tuệ, nhưng thật đã hợp với từ bi. Sắp bước vào tuổi tri mạng (50 tuổi), liền vứt bỏ thân huyễn; đây là chuyện đáng đau lòng nên nhờ cánh tay vàng của Phật giúp đỡ. Do vậy, hiếu nam là những vị tên… cùng với các quyến thuộc tính làm lễ truy tiến, mở ra hội lớn Vô Giá.

Phải biết, tâm - Phật - chúng sanh, ba thứ không sai biệt, do mê hay ngộ bất đồng cho nên thăng hay trầm thật khác. Nghĩ ngài xưa đã nêu gương "gió mát, trăng trong" tốt lành, vốn là nương oai thần của Pháp thân bát-nhã. Hiểu được điều này sẽ tự dứt được cái tâm cuồng nhận lầm hình bóng, khởi chánh trí phản chiếu, mới biết đầu vốn chẳng mất, Phật tự viên thành. Chẳng lìa niệm này, nhập thánh siêu phàm, vĩnh viễn lìa khỏi huyễn khổ hư vọng, thường hưởng pháp lạc chân thường. Lý tuy có thể đốn ngộ, sự khó thể viên mãn ngay. Hãy nên phát thâm tâm tín nguyện cầu sanh Tịnh độ, chắc chắn sẽ được đức Từ Phụ Quang Thọ dẫn về Liên Bang. Từ đây thần thức siêu thăng cõi Thanh Thái[897], nghiệp tạ từ trần lao, sen nở hoa thượng phẩm, Phật thọ ký ngay trong một đời. Sau đấy sẽ

---

[896] Trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, ngài Văn-thù (Diệu Cát Tường) dạy Thiện Tài đồng tử lần lượt đi về phương Nam tham học với 53 vị thiện tri thức để học cách thành tựu Bồ-tát đạo. Vị thiện tri thức thứ 53 là ngài Phổ Hiền (Biến Cát) dạy Thiện Tài dùng mười đại nguyện vương Phổ Hiền để hồi hướng vãng sanh Cực Lạc. Câu này ý nói: Sau khi được ngài Phổ Hiền chỉ dạy quy tâm về Tịnh độ, đại chúng nhất tâm tu tập tịnh nghiệp, không cần phải tham học với khắp các tri thức để tìm một pháp môn nào khác thích hợp với căn cơ nữa!

[897] Thanh Thái: Tên khác của cõi Cực Lạc. Kinh A-di-đà Phật Cổ Âm Thanh Vương gọi cõi Cực Lạc là Thanh Thái.

nương theo nguyện luân của chính mình, trở vào Sa-bà, nghịch - thuận - ẩn - hiển độ thoát chúng sanh, khiến cho hữu tình khắp pháp giới cùng chứng Phật tánh thường trụ, khiến cho tấm lòng hiểu lý yêu người, tiết tháo gió mát trăng trong theo chiều dọc cùng tột ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương. Như vậy mới có thể gọi là chẳng cô phụ ân Phật giáo hóa, chẳng phụ bạc tánh linh của chính mình, siêu quần bạt tụy, thật sự là bậc đại trượng phu. Ôi, băng và nước tánh ướt nào hai? Chúng sanh và Phật vốn cùng một tâm giác, chỉ cần quay trở lại nhìn vào tự tánh liền đạt được của quý báu vô giá sẵn có.

34. Bài Tiểu Tham dành cho vong linh trong lễ cầu siêu cha mẹ ông Tổng nhung[898] Trương trấn Định Hải (viết thay)

Nhất niệm chân như tâm tánh sáng ngời trọn đại thiên, ngộ mê tuy khác, bản thể vẫn là thiên nhiên. Kính trông: Vị được sắc phong là lão đại nhân Trương… lúc sanh tiền tích thiện tu đức, xử sự nhân nghĩa, cho nên khi mất rồi, con cháu nối tiếp nhau hưởng mãi phước lành, gương đức luôn như mới, trâm anh tiếp nối mãi mãi, làm bậc đứng đầu trong chốn cổ quăng[899], làm nanh vuốt cho nước nhà. Nay pháp hội rộng mở, kính cẩn cầu siêu.

Phải gấp hiểu rõ: Lúc sống tích đức nên nay mới có cái tâm hưởng sự cầu siêu. Tánh vốn như như, chẳng dời, chẳng biến, thường tịch, thường chiếu, lìa niệm, lìa danh, viên mãn vô lượng công đức, trọn đủ vô biên diệu dụng. Phàm chẳng thể làm cho tâm ấy giảm tổn, thánh chẳng thể làm cho tâm ấy tăng thêm, chẳng phải sắc, chẳng phải không, trải khắp mười pháp giới chẳng khác, bất sanh, bất diệt, tận cùng ba đời thường hằng. Tâm được diễn tả là "linh quang riêng chiếu, thoát khỏi căn trần, thể lộ chân thường, chẳng câu nệ vào văn tự, tâm tánh vô nhiễm, vốn tự viên thành, chỉ lìa được vọng niệm thì chính là như như Phật". Nếu hiểu được như thế sẽ tự nhiên thấy được thiên chân Phật tánh, thẳng đến vô thượng Bồ-đề. Nếu như chưa thể làm được như vậy thì hãy cậy vào đại bi nguyện lực của Phật A-di-đà vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nếu phát trọn vẹn ba tâm thì ngay khi đó sẽ lên được chín phẩm, hoa nở thấy Phật, chứng Vô sanh

[898] Tổng nhung là tên một chức quan võ đời Thanh, còn gọi là Tổng binh. Từ năm 1663 trở đi, chức quan cai quản binh bị toàn một tỉnh được quy về tay quan Tuần vũ là chức quan văn. Tổng binh là người trực tiếp chỉ huy quân lính theo mạng lệnh của quan Tuần vũ. Tuy không có phẩm trật nhất định, nhưng Tổng binh là người có thế lực nhất trong một phủ hay một tỉnh. Một viên quan Tổng binh có thể chỉ huy từ một vạn đến một vạn rưỡi quân. Dưới triều Thanh, cả nước Trung Hoa chỉ có chừng 83 Tổng binh.

[899] Cổ là bắp đùi, quăng là cánh tay (từ khủy tay đến bàn tay). Từ ngữ "cổ quăng" được dùng để chỉ những bầy tôi thân cận hữu ích của vua.

nhẫn. Mới biết từ trước thăng trầm sáu nẻo, tích thiện tu đức, cho tới bây giờ đến dự pháp hội, nghe pháp, hưởng thụ sự dâng cúng. Nhất niệm tâm tánh vốn từ đầu đã thanh tịnh không bị nhiễm ô, vốn tự sẵn đủ hằng sa công đức. Ôi, đường Tây phương rộng rãi thênh thang, thẳng bước về nhà chẳng cần hỏi lối. Do tự mình chẳng về, chứ hễ về liền được, gió trăng quê cũ há ai tranh?

35. Văn tế ông Thịnh Dần Hoài (viết thay sư Liễu Dư)

Nhân ngày… tháng… năm…, bạn phương ngoại[900] là Liễu Dư kính cẩn dùng lễ hương, trà, cỗ chay đến tế trước vong linh ông Thịnh Dần Hoài như sau:

Như ông tuy sanh mà bất sanh, duyên hội họp bèn sanh. Tuy ông diệt nhưng chẳng diệt, duyên hết bèn diệt. Nếu triệt ngộ tự tâm thì sanh diệt khác gì hư không. Nếu chưa thấu hiểu cái sẵn có, đến đi nào khác trăng trong nước? May nhờ túc nhân sâu dày, bẩm tánh chân thành; điều đáng than thở là duyên với Phật hãy còn sơ sài, tiếc chưa được nghe bí quyết "hoành siêu Tịnh độ". Luận nơi nhân hiện tại, ông sáng suốt, liêm khiết, công bình, chánh trực, lai báo[901] ắt tại cung điện chư thiên, hoặc nhà vương công, phiệt duyệt[902]. Tuy tạm hưởng huyễn phước nhân thiên, khó khỏi hoa tàn, trăng khuyết. Xin hãy đem phước đời hồi hướng Cực Lạc tịnh vực, ắt được từ phụ Di-đà duỗi cánh tay sắc vàng nghênh tiếp. Từ đấy giã biệt mãi mãi đời ác ngũ trược, thường hưởng ngũ thanh, ngõ hầu chẳng phụ tình tôi quen biết ông đã lâu, cũng an ủi tôi lúc cuối cùng chưa nói lời thành thật cùng ông được. Thượng hưởng!

36. Văn tế cư sĩ Hàn Sơn Hy (viết thay cho thường trụ Pháp Vũ, cư sĩ phẩm hạnh đoan chánh đáng đứng đầu giới thương nhân)

Ôi, tâm ông trung hậu, hiền từ, tốt lành; hạnh ông liêm khiết, đoan chánh, sống trong cõi trần nắm giữ quyền chánh, gió đức trọn khắp mọi xứ, khiến kẻ xa xỉ liền cần kiệm, kẻ yếu ớt trở thành mạnh mẽ, kẻ hung ác biến thành hiền lành, kẻ phóng đãng hết cuồng, dốc lòng tin tưởng Phật thừa, lắm cách hoằng dương, hộ trì, tán trợ. Xét ngược lại 84 năm trước, vốn chưa từng sanh; còn như hiện tại đây, lại nào đã mất. Đến đi tuy không có tướng nhất định, chủ nhân ông vốn tự lộ

[900] Bạn phương ngoại: Tăng sĩ quen biết cùng người tại gia thường xưng là "phương ngoại hữu". Chữ "phương ngoại" ngụ ý đã tách ngoài cõi đời.
[901] Lai báo: quả báo trong đời kế tiếp đời này.
[902] "Phiệt duyệt" là từ ngữ chỉ những dòng họ, gia đình quyền quý, có danh vọng. Theo Thiều Chửu, viết công trạng vào ván hay giấy, dán ngoài cửa, phía bên trái gọi là *phiệt*, bên phải gọi là *duyệt*. Sách Sử Ký giảng: "Nêu rõ thứ bực là phiệt, số ngày tích lại gọi là duyệt."

rành rành. Nếu suy nhân để nghiệm quả thì nếu chẳng hưởng phước chốn cung trời, chắc cũng hầu đấng Nguyện Vương nơi thế giới Cực Lạc. Phải biết, phước trời dễ hết, sự vui Cực Lạc đến tận cùng vị lai trọn chẳng phải cầu! Kính xin hãy phát trọn ba tâm, lên thẳng thượng phẩm, ngõ hầu triệt chứng cái mình sẵn có, để vĩnh viễn làm thuyền bè cho chúng sanh đang chìm đắm trong biển khổ. Thượng hưởng!

37. Văn tế bà nội ông Hồ Gia Khoa (viết thay)

Than ôi, nghĩ tổ mẫu ta, mẫu đức đáng làm thầy, mỗi khi nghĩ đến lòng liền bi thương! Nêu gương lành cho nữ giới, làm bậc hướng dẫn tốt lành cho chốn khuê các, quả thật đã học được hạnh của ba bà thái đời Chu, hai bà phi của vua Ngu[903], nuôi nấng vỗ về đứa cháu bất tiếu chu đáo, thiết tha như trời che đất chở chẳng sót. Những mong cháu học thành tài, lập được đức; ra làm quan sẽ là bậc phù tá nước nhà, sống trong làng xóm sẽ thành gương mẫu. Ngờ đâu cháu bất tài, lại không tu đức, chẳng học thành điều gì. Ngửa lên trông trời, cúi xuống nhìn đất, hổ thẹn khôn cùng. May nhờ đi khắp nơi học lung tung, đọc tràn lan, gặp được văn từ phổ độ chúng sanh của Như Lai, mới biết một niệm tâm tánh của chúng ta cùng với chư Phật thật chẳng hai chẳng khác, hằng cổ hằng kim, chẳng chuyển dời. Chỉ vì mê trái, chạy theo cảnh sanh tham, khởi hoặc tạo nghiệp, đến nỗi phải thọ quả báo trong tam đồ lục đạo, nhưng thật ra bổn tánh chẳng giảm hào ly.

Pháp môn tu trì vô lượng vô biên đều chẳng thích hợp bằng cậy vào Phật từ lực hoành siêu tam giới (siêu thoát tam giới theo chiều ngang). Vì nếu có thể sanh lòng tin, phát nguyện, dùng tâm chí thành niệm "Nam-mô A-di-đà Phật", cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, quyết định cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn vãng sanh trong ao bảy báu cõi Tây Phương. Ngũ nghịch thập ác, lâm chung tướng địa ngục hiện, niệm Phật mấy tiếng liền được tiếp dẫn dự vào hạ phẩm hạ sanh. Huống chi tổ mẫu ta đức đẹp, hạnh lành, đôi bề trọn vẹn. Tưởng nghĩ: Vua

[903] Ba bà Thái là Thái Khương, Thái Tự và Thái Nhậm. Vua Ngu tức là vua Thuấn (thuộc dòng họ Đường Ngu). Hai bà phi này tên là Nga Hoàng và Nữ Anh. Khi vua Thuấn đi tuần du lâu ngày chưa về, hai bà theo dấu tìm nhà vua, thuyền bị gió đánh lênh đênh trên hồ Động Đình. Nghe tin vua đã mất ở Thương Ngô, hai bà nhìn mặt nước hồ Động Đình mênh mông, vịn những cành trúc bên núi Động Đình, khóc than đến chảy cạn máu mắt mà chết. Tương truyền giống trúc tại vùng Động Đình ngày nay có vằn trắng là do nước mắt của hai bà vẩy vào (thường gọi là trúc Tương Phi). Do hai bà thường được gọi là Quân Phi, Tương Phi nên núi Động Đình được đổi tên thành Quân Sơn. Hiện còn mộ của hai bà tại đó.

Vũ là bậc đại thánh, chẳng cứu nổi thần thức ông Cổn[904] đọa trong Vũ Uyên, hóa làm con Hoàng Nãi (con ba ba có ba chân) khôn ngăn buồn vui lẫn lộn, như cuồng như si. Bởi lẽ "Tây Phương có bậc đại thánh nhân", lời ấy thốt từ đức Chí Thánh Tiên Sư Trọng Ni đất Lỗ. Kính nguyện tổ mẫu ta hãy tin chắc chắn, đừng nghi ngờ, thì ngay lập tức được nhờ cậy Phật từ. Lại nguyện tổ phụ ta và ông bà nhiều đời cùng phát tâm sợ hãi nỗi khổ sanh tử để cảm Phật từ bi, y theo đó tu trì, ngõ hầu dẫn nhau cùng dự vào Liên Trì hải hội, thân cận Phật Di-đà, hầu hạ thánh chúng. Nhờ đấy triệt ngộ Phật tánh sẵn có để viên chứng vô thượng đại Bồ-đề. Thượng hưởng!

38. Tán dương tượng Phật A-di-đà

Buồn thay, chúng sanh không nơi nương tựa, lẻ loi lênh đênh như đứa con bỏ trốn, dù nghe Phật pháp y giáo tu hành, tự lực yếu kém, khó phá vô minh. Cao đẹp thay, đức Thế Tôn tâm từ bi tha thiết, bốn mươi tám nguyện, bình đẳng nhiếp ba căn, khiến cho khắp chúng sanh tín nguyện trì danh, cậy Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Dùng quả địa giác làm nhân địa tâm, cảm ứng đạo giao như nam châm hút kim. Như Lai ân đức dẫu khen ngợi hết kiếp chẳng trọn. Chỉ mong hàm thức đều nương theo Phật nguyện.

39. Bài tán dương bức hình Quán Âm ở đầu cuốn sách Quán Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng

Cao đẹp thay Đại sĩ, thệ nguyện khó thể tuyên nói, vận lòng bi đồng thể, khởi lòng từ vô duyên, tầm thanh cứu khổ, tùy loại hiện hình, hiện mọi sắc thân ứng khắp hữu tình, vô tình. Nếu có chúng sanh gặp các khổ nạn, vừa xưng danh ngài, liền thấy cứu giúp. Giàu, thọ, con cái, hễ có sở cầu, lễ bái, cúng dường, tùy nguyện đáp ứng. Vì sao xưng danh liền được cảm thông? Vì tâm Bồ-tát đã chứng chân không từ thuở lâu xa. Cái tâm vô tâm ấy khế hợp tâm chúng sanh và tâm của Phật. Chúng sanh mê trái, chẳng được thọ ân. Do gặp tai nạn dốc lòng khẩn thiết, vừa phát lòng thành, bèn cảm ứng đạo giao. Như trăng trong mát sáng tỏ giữa trời, hiện bóng trong mọi dòng nước, không đâu chẳng trọn. Nếu như chẳng tín, không thể cảm được. Như nước đục ngầu, xao động, bóng trăng chẳng tỏ. Lỗi tại nơi

[904] Ông Cổn là cha vua Vũ, theo truyền thuyết ông Cổn là hậu duệ của Hoàng Đế. Khi Đế Nghiêu làm vua, ông Cổn trông nom việc phòng lụt, nhưng càng đắp đê ngăn lụt, lụt lội càng dữ dội hơn. Khi vua Thuấn kế nghiệp vua Nghiêu đã xử tử ông Cổn vì tội tắc trách trong nhiệm vụ, sai ông Vũ tiếp tục công việc trị thủy. Khi chết, ông Cổn hóa thành con ba ba có ba chân sống trong vực núi Vũ Uyên. Nhờ trị thủy thành công, Đại Vũ được vua Thuấn truyền ngôi cho.

nước, phải đâu trăng không chiếu! Nếu nước trong lặng, ắt hiện sáng ngời. Cũng như nắng xuân nảy nở các mầm; gặp phải thứ rễ khô, càng thêm mục nát. Mưa ngọt xối khắp, thảo mộc cùng được tốt tươi. Chỉ có thứ không rễ chẳng thể sanh thành.

Yếu chỉ nhập đạo, tín là bậc nhất, muốn được ngài từ bi cứu giúp, không tin chẳng được! Kính nghĩ Bồ-tát sao lại có thể được như thế? Là vì có nguồn cội sâu xa, nên mới được như vậy. Nguồn cội sâu xa là gì? Ngài đã viên chứng ba giác, hiệu là Chánh Pháp Minh, phước tuệ cùng đủ, tuy trụ Tịch quang, bi nguyện chưa thỏa, lại hiện thân Bồ-tát phù tá Pháp Vương. Trong mười pháp giới thân, không thân nào chẳng hiện. Theo chiều dọc cùng tột ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương, công đức của Bồ-tát khó thể tán dương trọn hết. Nêu bày đại lược, làm ánh sáng trong đêm dài; riêng cầu cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh ở Giang Tây, đọc khắp kinh điển trong Đại tạng, soạn thành bài tán tụng, cung kính mô phỏng vẽ thánh tượng để lưu truyền trọn khắp pháp giới, khiến cho hàm thức đều được che chở.

40. Bài tán dương bức hình vị tăng bị điên[905]

Kẻ gian Tần Cối nhận hối lộ gây rối nước, rối dân, khiến thầy ta nhọc lòng cầm chổi quét. Một cây chổi chống đỡ trời đất, mấy câu pháp ngữ trấn càn khôn. Tiếc là gã chìm đắm đã quá sâu đậm, tuy được chỉ dạy chẳng buồn hỏi han, đến nỗi thần hồn đọa A-tỳ, tượng sắt muôn đời quỳ trước mộ họ Nhạc[906]!

41. Tịnh Độ Vấn Đáp và Lời Tựa

---

[905] ông tăng bị điên (phong tăng) ở đây chính là hòa thượng Tế Điên.

[906] Thừa tướng Tần Cối nhà Tống từng được ngài Tế Điên cảnh tỉnh nhưng vẫn gian ngoan không chừa, cấu kết với Tống Cao Tông hãm hại Nhạc Phi. Trong khi đại quân của Nhạc Phi đang đại thắng, đánh cho tướng Kim là Ngột Truật thất điên bát đảo, chiếm lại rất nhiều đất đai đã mất vào tay quân Kim, thừa thắng vượt Trường Giang (sông Dương Tử) vây hãm Biện Kinh. Vua Kim cho người mua chuộc Tần Cối, Cao Tông cũng sợ Nhạc Phi chiến thắng sẽ đem Huy Tông và Khâm Tông (đang bị giam lỏng ở Biện Kinh) về lại đất Tống nên cùng nhau một ngày hạ đến 12 tấm kim bài buộc Nhạc Phi phải bãi quân. Nhạc Phi bị tước hết binh quyền mà Tần Cối vẫn chưa hả dạ, lại còn vu cáo Nhạc Phi mưu phản và ra lệnh cho Đại Lý Tự (cơ quan tư pháp của triều Tống) xử tử Nhạc Phi. Nhạc Phi chết, quân Kim chiến thắng quân Tống dễ dàng. Như vậy có khác nào Tần Cối đã hai tay dâng giang sơn nhà Tống cho quân Kim, thế nên người Trung Hoa hết sức căm ghét Tần Cối, tạc hình tượng Tần Cối bằng sắt quỳ trước cửa miếu thờ Nhạc Phi. Người đến lễ miếu Nhạc vương gia (Nhạc Phi) thường dùng chày sắt đập trên đầu Tần Cối. Tương truyền, loại bánh dầu cháo quẩy (du xao quỷ: quỷ chiên dầu) chính là mô phỏng hình ảnh vợ chồng Tần Cối đang bị quỷ sứ chiên trong chảo dầu nơi địa ngục.

Lớn lao thay giáo pháp Tịnh độ, tâm này làm Phật, tâm này là Phật, pháp trực chỉ nhân tâm phải thua pháp này về mặt kỳ đặc (đặc biệt, lạ lùng). Mười niệm, một niệm liền lên Bất thoái. Dù trải bao kiếp tu chứng vẫn ngưỡng mộ phong thái cao xa của pháp này, độ khắp thượng trung hạ căn, thống nhiếp Luật, Giáo, Thiền tông. Mưa đúng thời nhuần thấm mọi vật, như biển cả thâu nạp muôn sông. Hết thảy pháp Thiên, Viên, Đốn, Tiệm, không gì chẳng lưu xuất từ pháp giới này; hết thảy hạnh Đại, Tiểu, Quyền, Thật, không hạnh nào chẳng quy hoàn pháp giới này. Chẳng đoạn hoặc nghiệp, được dự vào Bổ xứ. Ngay trong một đời này, chứng đại Bồ-đề. Chúng sanh chín pháp giới lìa pháp này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo, mười phương chư Phật bỏ pháp này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần sanh. Do vậy, Hoa Tạng hải chúng đều tuân theo mười đại nguyện vương, hội Pháp Hoa xưng niệm một tiếng đều chứng thật tướng các pháp. Lực dụng lớn lao như thế, chư Phật cùng tuyên dương; phát huy tột bậc đến như vậy, chư tổ đều cùng như thế. Thật có thể nói là lời cực đàm (bàn luận đến tột cùng) của cả một đời giáo hóa, là đại giáo Nhất thừa vô thượng vậy! Chẳng trồng cội đức, dù trải bao kiếp cũng khó được gặp gỡ. May được nghe ngóng, un đúc, gắng sức tu trì, sợ lũ cuồng đồ vô tri kia chê là thiển cận, cho nên y giáo khen ngợi, thuật bày để họ phụng hành vậy.

Hỏi: Pháp môn niệm Phật người ngu cũng tu được, Luật, Giáo, Thiền tông kẻ trí còn khó hiểu được, sao lại nói pháp này thống nhiếp các pháp kia?

Đáp: Muốn biết nghĩa này, cần phải hiểu kỹ sự lớn nhỏ, hơn kém giữa Phật lực và tự lực thì hết thảy nghi hoặc sẽ ào ạt tiêu tan, cởi gỡ ngay. Phật và chúng sanh tâm tánh tuy đồng, nhưng nếu luận về lực dụng thì khác biệt vời vợi như trời với đất. Ấy là vì chúng sanh có đủ vô lượng phiền não ác nghiệp, nên công đức, trí tuệ chẳng thể hiện tiền. Phật đầy đủ vô lượng công đức, trí tuệ, phiền não ác nghiệp hết sạch không còn sót. Phật và chúng sanh mê ngộ bất đồng, cho nên lực dụng hơn kém thật khác. Luật, Giáo, Thiền tông đều cậy vào tự lực để liễu thoát sanh tử, vì thế trải kiếp dài lâu vẫn khó thoát khỏi. Pháp môn niệm Phật hoàn toàn cậy vào Phật lực kiêm thêm tự lực để liễu thoát sanh tử, vì thế hết một đời này liền lên Bất thoái.

Hỏi: Tự lực, Phật lực nghĩa như thế nào, xin giảng rõ cho!

Đáp: Luật, Giáo, Thiền tông thoạt đầu phải hiểu sâu xa giáo lý, y giáo tu hành, công tu hành sâu, đoạn hoặc chứng chân mới thoát sanh tử, nếu chẳng hiểu giáo lý thì là tu mù luyện đui. Nếu không, được chút ít đã cho là đủ, liền bị ma dựa, phát cuồng. Dẫu cho hiểu lý, công sâu, cũng phải đoạn hoặc. Nếu còn mảy may

chưa đoạn sạch thì vẫn y như cũ chẳng thoát khỏi vòng khổ. Đến khi nào hoặc nghiệp hết sạch mới có thể lìa khỏi sanh tử, nhưng vẫn còn cách địa vị Phật rất xa. Lại phải trải qua bao kiếp tấn tu mới có thể viên mãn Phật quả. Ví như thứ dân sanh ra thông minh, trí tuệ, đọc sách học văn nhọc nhằn nhiều năm, học vấn đã thành, thi đậu làm quan. Do có tài năng lớn, cho nên từ chức nhỏ được thăng lên dần, cho đến làm tể tướng, làm quan cực phẩm, không thể thăng lên được nữa. Trong quần thần địa vị bậc nhất, nhưng nếu so với thái tử, sang hèn một trời một vực, huống gì sánh với hoàng đế? Suốt đời làm bầy tôi, phụng hành mạng vua, cúc cung tận tụy, giúp vua cai trị quốc gia. Nhưng địa vị tướng quốc ấy thật chẳng dễ dàng, nhọc nhằn cả nửa đời người, nai lưng chịu đựng, rồi đến rốt cuộc chẳng qua chỉ như vậy. Nếu học vấn tài năng hơi kém cỏi hơn, chẳng đạt được như vậy ắt có đến trăm ngàn vạn ức người! Đấy là tự lực. Học vấn tài năng ví như hiểu sâu giáo lý, y giáo tu hành. Địa vị đến chức Tể tướng ví như công tu hành sâu dày, đoạn hoặc chứng chân. Chỉ có thể xưng là thần, chẳng dám xưng là vua (Bầy tôi nhất định chẳng dám xưng là vua. Bầy tôi muốn làm vua trừ phi thác sanh trong cung vua, làm hoàng thái tử. Tu các pháp môn khác cũng có thể thành Phật, nhưng so với pháp Tịnh độ thì khác biệt còn gấp nhiều lần sự khác biệt giữa ngày và kiếp. Người đọc phải khéo hiểu ý này, đừng chấp chặt vào từ ngữ. Nhưng theo như phần cuối kinh Hoa Nghiêm, Đẳng giác Bồ-tát còn dùng mười đại nguyện vương để hồi hướng vãng sanh, rất giống với ý nghĩa thác sanh trong hoàng cung, làm hoàng thái tử. Pháp môn Tịnh độ có được kinh Hoa Nghiêm giống như biển cả dung nạp vạn con sông, như thái hư bao trùm vạn tượng. Cao đẹp thay, lớn lao thay!) ví như tuy thoát sanh tử, nhưng còn chưa thành Phật. Những kẻ học vấn chưa đầy đủ, chẳng thể đạt được như vậy rất đông; ví như những người chưa đoạn sạch hoặc, chẳng thể thoát khỏi biển khổ sanh tử rất nhiều.

Trong pháp môn niệm Phật, dẫu chưa hiểu giáo lý, chưa đoạn hoặc nghiệp, chỉ cần tín nguyện trì danh cầu sanh Tịnh độ, lúc lâm chung quyết định được Phật đích thân rủ lòng tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Khi đã sanh về Tây Phương, thấy Phật nghe pháp, ngộ Vô sanh nhẫn, ngay trong một đời này quyết định bổ vào địa vị Phật. Đây là Phật lực lại kiêm tự lực. Nói "tín nguyện trì danh" chính là do tự lực có thể cảm được Phật. Thệ nguyện nhiếp thọ, rủ lòng từ tiếp dẫn chính là Phật lực có thể ứng với ta. Do cảm ứng đạo giao cho nên được như thế. Nếu lại hiểu sâu xa giáo lý, đoạn hoặc chứng chân thì phẩm vị vãng sanh càng cao, viên thành Phật đạo càng lẹ. Do vậy Văn-thù, Phổ Hiền, Hoa Tạng hải chúng, Mã Minh, Long Thọ, tổ sư các tông đều nguyện vãng sanh. Ví như thác sanh trong

hoàng cung, vừa ra khỏi thai mẹ đã sang quý lấn át quần thần, đấy là nhờ vào sức vua. Đến khi khôn lớn, học vấn, tài năng mỗi mỗi đều đầy đủ, bèn có thể kế thừa ngôi vua, bình trị thiên hạ, hết thảy bầy tôi đều phải nghe chiếu dụ. Đấy chính là vương lực, tự lực đều cùng có.

Pháp môn niệm Phật cũng giống như thế, chưa đoạn hoặc nghiệp, cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, liền thoát khỏi sanh tử. Ví như thái tử mới sanh đã sang quý lấn át quần thần. Đã được vãng sanh thì hoặc nghiệp tự đoạn, quyết định bổ vào địa vị Phật, như thái tử khôn lớn, thừa kế ngôi vua, bình trị thiên hạ. Lại nữa, những vị đã đoạn hoặc nghiệp như Mã Minh, Long Thọ, tổ sư các tông, những vị đã đạt tới địa vị Bổ xứ như Văn-thù, Phổ Hiền, Hoa Tạng hải chúng đều nguyện vãng sanh. Ví như thuở xưa, trấn giữ chốn biên cương quê mùa, chẳng thể kế thừa ngôi báu; nay sống tại Đông Cung chẳng bao lâu sẽ đăng cực (lên ngôi vua). Xin hãy bỏ sạch thói cũ, đối với pháp môn này sanh lòng tín nguyện cùng cực, chuyên tinh tu tập thì vô tận phiền não nhanh chóng đoạn sạch chẳng khó khăn gì, vô lượng pháp môn tự nhiên chứng nhập. Viên thành vô thượng Phật đạo, độ thoát vô biên chúng sanh như trao bằng khoán ra lấy lại vật cũ. Hãy nên cố gắng, hãy gắng sức lên!

42. Vì tại gia đệ tử lược nói tam quy, ngũ giới, thập thiện

Buồn thay chúng sanh từ vô thủy đến nay luân hồi lục đạo, lưu chuyển tứ sanh, không được cứu giúp, không nơi quay về, không chỗ nương nhờ. Như con côi mất cha, như người cùng quẫn tan cửa nát nhà. Đều là do phiền não ác nghiệp, cảm lấy khổ quả sanh tử này; đui mù không có con mắt tuệ, chẳng thể tự thoát. Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót, thị hiện sanh trong thế gian vì chúng sanh thuyết pháp, dạy thọ lãnh tam quy làm cái gốc để đổi tà về chánh, dạy trì ngũ giới để làm nguồn đoạn ác tu thiện, dạy hành thập thiện để làm cái gốc thanh tịnh ba nghiệp thân - khẩu - ý. Từ đây, không làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Ba nghiệp đã tịnh thì sau đấy mới có thể tuân tu đạo phẩm hòng trái trần hiệp giác, chuyển phàm thành thánh, đoạn cội rễ tham sân si phiền não, thành đại đạo giới định tuệ Bồ-đề. Vì thế, đức Phật nói ra pháp tứ đế, thập nhị nhân duyên, lục độ, ba mươi bảy phẩm trợ đạo v.v. vô lượng pháp môn. Lại muốn cho chúng sanh mau thoát sanh tử, chóng thành Phật đạo, nên bèn nói pháp môn niệm Phật Cầu Sanh Tịnh độ, khiến họ chẳng mất nhiều sức lực lại được thành tựu ngay trong đời này. Ôi, ân Thế Tôn có thể nói là cùng cực, dẫu thiên địa phụ mẫu cũng chẳng đủ để sánh ví. Bất Huệ thọ ân rất sâu, không cách nào báo đền.

Nay các ông nghe lầm lời người, chẳng nề hà cách xa mấy ngàn dặm đến đây, muốn thờ tôi làm thầy; nhưng tôi tự xét mình vô đức, đôi ba lượt khước từ, các ông vẫn chẳng nghe theo. Nay bất đắc dĩ đem ý nghĩa đức Như Lai xuất thế thuyết pháp độ sanh thuật đại lược cùng các ông, cũng như đem tam quy, ngũ giới thập thiện và pháp môn Tịnh độ giải thích đại lược ý nghĩa, khiến cho các ông có cái để học theo, có cái để tuân thủ. Tứ đế cho đến ba mươi bảy phẩm trợ đạo không phải là những pháp mà trí lực các ông có thể biết được, vì thế lược đi không viết. Nếu các ông y giáo phụng hành thì đấy chính là tôn Phật làm thầy, huống gì Bất Huệ! Nếu chẳng y giáo phụng hành thì ân Bất Huệ còn phụ bạc, huống chi ân Phật?

1. Tam quy (chữ quy (歸) còn viết là quy (皈), quy (皈) là trở về với cái trong trắng, theo ý nghĩa chuyển nhiễm thành tịnh vậy): Một là quy y Phật, hai là quy y pháp, ba là quy y tăng. Quy là gieo vào, trở về, y là nương gởi. Như người té xuống biển, chợt có thuyền đi tới bèn lội đến bên thuyền, đấy là ý nghĩa của chữ "quay về, gieo vào". Lên thuyền ngồi yên là nghĩa "nương nhờ". Sanh tử là biển, tam bảo là thuyền. Chúng sanh quy y liền lên bờ kia. Đã quy y Phật, thờ Phật làm thầy thì từ hôm nay trở đi cho đến lúc mạng chung, chẳng được quy y thiên ma, ngoại đạo, tà quỷ, tà thần. Đã quy y pháp, lấy pháp làm thầy thì từ nay trở đi cho đến lúc mạng chung, chẳng được quy y điển tịch của ngoại đạo (pháp chính là kinh Phật và các pháp môn tu hành, "điển tịch" chính là kinh sách vậy). Đã quy y tăng, thờ tăng làm thầy thì từ hôm nay trở đi cho đến lúc mạng chung, chẳng được quy y đồ chúng ngoại đạo.

2. Ngũ giới: Một là chẳng sát sanh, hai là chẳng trộm cắp, ba là chẳng tà dâm, bốn là chẳng nói dối, năm là chẳng uống rượu.

Loài vật cũng như ta ham sống sợ chết, ta đã ham sống thì lẽ nào loài vật lại muốn chết hay sao? Cứ theo đó mà suy thì có nên giết hại sanh mạng hay chăng? Hết thảy chúng sanh luân hồi trong sáu nẻo, tùy theo nghiệp lành, dữ sẽ bị thăng lên, giáng xuống, vượt lên hay chìm xuống. Trong nhiều kiếp, ta cùng với chúng thay phiên làm cha mẹ, con cái; phải nên nghĩ cách cứu vớt, lẽ nào nỡ giết hại? Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật trong đời vị lai. Nếu ta đọa lạc thì còn mong được họ cứu giúp! Hơn nữa, đã tạo nghiệp sát ắt sẽ đọa ác đạo, đền trả nợ cũ, giết hại lẫn nhau chẳng biết bao giờ mới thôi. Lấy đó mà suy, sao dám giết hại? Nguyên do của sát sanh là vì ăn thịt. Nếu đã biết nhân duyên như trên vừa nói sẽ tự chẳng dám ăn thịt nữa. Kẻ ngu còn cho thịt là ngon, chẳng hề biết thịt vốn do tinh huyết tạo thành, trong chứa đầy phẩn, tiểu, ngoài lẫn chất

dơ, tanh tưởi, hôi bẩn, ngon ở chỗ nào? Thường nên quán bất tịnh thì ăn vào ắt sẽ phát ọe!

Thêm nữa, chúng sanh gồm có con người, cầm thú, giòi tửa, cá, tôm, muỗi mòng, rận, rệp. Hễ có sanh mạng thì đều là chúng sanh, chẳng thể bảo hễ con vật lớn thì chẳng nên giết, con vật nhỏ thì giết được. Kinh Phật đã dạy tường tận về lợi ích công đức của việc tránh sát sanh và phóng sanh. Người đời không đọc được những kinh ấy thì nên xem tác phẩm Vạn Thiện Tiên Tư của tiên sinh An Sĩ ắt sẽ biết được đại khái.

Chẳng trộm cắp: Thấy giới này liền nghĩ được nghĩa, nếu chẳng cho thì chẳng lấy. Chuyện này người biết liêm sỉ bèn có thể không phạm, như bàn tỉ mỉ thì nếu ai chẳng phải là bậc đại thánh, đại hiền đều khó khỏi không phạm. Dùng của công vào việc tư, tổn người lợi mình, cậy thế đoạt của, dùng mưu đoạt vật, ganh tị sự phú quý của người khác, mong cho người khác nghèo hèn, phô trương làm lành để lấy tiếng, gặp các việc lành tâm không sốt sắng. Hoặc như khi lập nghĩa học (trường học làm nghĩa, không thu học phí) lại chẳng chọn thầy nghiêm khiến cho con em người khác bị lầm lạc. Hoặc khi thí thuốc men, chẳng xét thật giả khiến người ta bị hại mạng. Phàm thấy nạn gấp mặc kệ chẳng cứu ngay; lề mề, hời hợt, thờ ơ đến nỗi làm hỏng việc, chỉ làm tắc trách cho xong việc, lãng phí tiền tài người khác, trong lòng chẳng coi là khẩn yếu. Những điều như thế đều gọi là trộm cắp vậy. Do các ông đang sống trong thiện đường[907] nên trích ra những điều tốt lành hay tệ hại để nói đại lược vậy.

Chẳng tà dâm: Người đời nam nữ lập gia đình sanh con đẻ cái thì trên là vì phong hóa, dưới là để có người thờ phụng tổ tiên. Vợ chồng hành dâm không phạm vào điều cấm, nhưng phải nên kính nhau như khách, chỉ cốt tiếp nối giòng giống để có người thờ cúng tổ tiên, chẳng nên vì khoái lạc mà chạy theo lòng dục đến nỗi mất mạng. Tuy là vợ mình nhưng nếu tham lạc quá thì cũng là phạm giới, nhưng tội ấy vẫn còn nhẹ, nhỏ. Nếu chung chạ bừa bãi với người chẳng phải là vợ mình thì gọi là tà dâm, tội ấy rất nặng! Hành tà dâm là đem cái thân người làm chuyện súc sanh, khi báo hết mạng dứt, trước sẽ đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, sau sanh trong súc sanh đạo ngàn vạn ức kiếp chẳng thể xuất ly. Hết thảy chúng sanh đều do dâm dục sanh ra cho nên giới này khó giữ dễ phạm; ngay cả bậc hiền đạt có lúc còn vấp ngã, huống là kẻ ngu. Nếu lập chí tu trì thì trước hết phải hiểu rõ lợi hại và phương pháp đối trị: Như thấy rắn độc, như gặp oán tặc, sợ hãi e dè thì

[907] Thiện đường: cơ quan hay tổ chức nhân đạo (charity).

dục tâm tự tắt. Phương pháp đối trị đã được ghi nhiều trong kinh Phật, nếu người đời chẳng có duyên xem đến thì nên xem cuốn Dục Hải Hồi Cuồng của tiên sinh An Sĩ ắt sẽ biết được đại khái (lợi là cái lợi do chẳng phạm, hại là họa hại do phạm giới này vậy).

Chẳng nói dối: Tức là lời nói đáng tin, chẳng thốt ra lời dối trá. Nếu thấy nói chẳng thấy, chẳng thấy bảo thấy, lấy dối làm thật, có nói là không v.v., phàm khi tâm và miệng chẳng tương ứng, muốn dối gạt người thì đều là nói dối cả. Nếu lại có kẻ chưa đoạn hoặc mà bảo là đã đoạn hoặc, tự chưa đắc đạo bảo là đắc đạo thì gọi là đại vọng ngữ, tội ấy rất nặng, sau khi mạng chung quyết định đọa thẳng vào địa ngục A-tỳ, trọn chẳng có kỳ ra. Hiện nay có nhan nhản những kẻ tu hành nhưng chẳng hề biết đến giáo lý Phật pháp cho nên phải thống thiết răn đe, rất quan trọng vậy.

Bốn điều trên đây chẳng luận là xuất gia hay tại gia, đã thọ giới hay chưa thọ giới, hễ phạm phải đều có tội lỗi vì thể tánh [của những sự ấy] là ác. Người chẳng thọ giới tội lỗi một tầng, người đã thọ giới tội nặng gấp đôi: ngoài tội làm điều ác còn thêm tội phạm giới. Nếu trì mà chẳng phạm thì công đức vô lượng vô biên. Vì vậy cần phải gắng công giữ giới!

Chẳng uống rượu: Là vì rượu có thể làm mê loạn lòng người, hư hoại hạt giống trí tuệ, uống vào khiến người điên đảo, hôn cuồng, làm điều xằng bậy nên Phật chế giới cấm hẳn. Phàm người tu hành đều chẳng được uống. Thêm nữa, đối với các thứ hành, hẹ, giới (nén) (薤 đọc là giới, là một loại tỏi nhỏ), tỏi… năm thứ hăng nồng (ngũ huân), mùi vị hôi hám, thể chất chẳng thanh khiết. Ngũ huân hễ ăn chín thì phát sanh lòng dâm, ăn sống thì thêm nóng giận, phàm là kẻ tu hành đều chẳng được ăn. Tuy nhiên, đối với người chưa thọ giới này thì uống rượu, ăn ngũ huân đều chẳng bị tội, còn nếu đã thọ giới rồi còn uống rượu, còn ăn ngũ tân thì mắc một tầng lỗi, tức là tội phạm giới Phật. Phật đã cấm ngăn mà các ông lại phạm nên có tội (ngũ huân[908]: Tây Vực có đủ năm thứ, ở đây (Trung Hoa) chỉ có bốn loại).

[908] Huân, gọi đủ là huân tân (hăng nồng và cay), chỉ những thứ thực vật có mùi hôi nồng, có vị cay. Theo kinh Phạm Võng Bồ-tát Giới quyển hạ, ngũ huân (thường gọi phổ biến hơn là ngũ tân) gồm đại toán, cách thông, từ thông, lan thông và hưng cừ (hành, hẹ, tỏi, kiệu và củ nén). Theo luật Tứ Phần quyển 15, luật Thập Tụng quyển 17, luận Câu Xá quyển 14 và 18, Pháp Uyển Châu Lâm quyển 93, đều chép Phật cấm rượu và ngũ tân. Theo lão hòa thượng Diễn Bồi, rượu ở đây bao gồm tất cả những thứ có men gây say, dù là loại bia nhẹ hay sâm-banh, vang nhẹ đều không được uống; các loại cây dù không thuộc trong danh sách ngũ tân nhưng hăng nồng như boa-rô (tỏi tây), hành tây… chẳng hạn cũng không nên dùng. Hiện thời tại hải ngoại

3. Thập Thiện: Một là chẳng sát sanh, hai là chẳng trộm cắp, ba là chẳng tà dâm, bốn là chẳng nói dối, năm là chẳng nói thêu dệt, sáu là chẳng nói đôi chiều, bảy là chẳng ác khẩu, tám là chẳng keo tham, chín là chẳng nóng giận, mười là chẳng tà kiến.

Trong những giới này, ba giới đầu tiên là thân nghiệp; bốn giới giữa là khẩu nghiệp; ba giới sau cùng thuộc về ý nghiệp. Nghiệp là sự. Nếu giữ gìn chẳng phạm thì gọi là thập thiện, nếu vi phạm chẳng giữ được thì gọi là thập ác. Thập ác chia ra làm thượng, trung, hạ; sẽ cảm thân trong ba ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Thập thiện cũng chia ra làm thượng, trung, hạ, được thân trong ba đường lành: trời, người, a-tu-la. Nhân lành cảm quả lành, nhân ác cảm quả ác, quyết định không nghi, tơ hào chẳng lầm. Những điều "giết, trộm, dâm, nói dối" đã giảng trong phần nói về ngũ giới.

Nói thêu dệt là nói lời vô ích, phù phiếm, bóng bảy, đẹp đẽ, bàn soạn chuyện dâm dục khiến người ta nghĩ bậy v.v.. Nói đôi chiều là đến người kia nói chuyện người này, hướng đến người này nói chuyện kẻ kia, khêu gợi thị phi, đòn xóc hai đầu. Ác khẩu là ngôn ngữ thô ác như đao, như kiếm, phơi bày những điều xấu người ta muốn giấu, chẳng biết kiêng dè. Nếu lại còn mạo phạm đến cha mẹ người thì gọi là đại ác khẩu, tương lai sẽ mắc quả báo súc sanh. Đã thọ Phật giới thì nên cẩn thận chớ phạm. "Keo tham" (xan tham) là chẳng chịu thí của cải của chính mình cho người thì gọi là keo, đối với của cải của người ta chỉ muốn đoạt về mình thì gọi là tham. Nóng giận là phẫn hận, giận dữ: thấy người đạt được điều gì thì lo buồn, phẫn nộ; thấy người bị mất mát, lòng khoan khoái sung sướng. Nóng giận cũng có nghĩa là cậy thế lực, buông lung tâm tánh, khinh rẻ cả người lẫn vật. Tà kiến: chẳng tin làm lành được phước, làm ác mắc tội; nói là không có nhân quả, chẳng có đời sau; khinh miệt lời của hiền thánh, hủy kinh giáo của Phật.

Thập thiện này bao gồm hết thảy mọi sự, nếu có thể tuân hành thập thiện thì không ác chi chẳng dứt được, không điều lành chi chẳng tu. Tôi sợ kẻ sơ tâm chẳng thể hiểu rõ nên nay nêu đại lược một hai việc:

---

có một số giảng sư chủ trương không kiêng ngũ tân, thậm chí còn bảo chuyện kiêng ngũ tân là do cổ đức Trung Hoa bịa đặt ra, chứ trong giới luật không có! Không rõ những luận thuyết ấy căn cứ vào đâu, vì luật Tứ Phần và luật Thập Tụng đều nói rất rõ chuyện này. Trong các tự viện Trung Hoa khi xưa, trước cổng Tam Quan thường có tảng đá hay bia đá khắc chữ to *"bất hứa huân tửu nhập sơn môn"* (chẳng cho người uống rượu, ăn thứ tanh hôi vào sơn môn). Bia ấy thường được gọi là Cấm Bi Thạch, Giới Đàn Thạch, Huân Tửu Bi.

a. Một là nên hiếu thuận phụ mẫu, chẳng trái, chẳng nghịch, mềm mỏng, uyển chuyển, khuyên cho cha mẹ nhập đạo, bỏ mặn, ăn chay, trì giới, niệm Phật, cầu sanh Tây Phương liễu thoát sanh tử. Nếu cha mẹ tin nhận thì không điều lành nào lớn hơn nữa! Nếu như cha mẹ nhất quyết chẳng làm theo thì cũng chớ ép buộc, vì sẽ mất đạo hiếu; chỉ nên đối trước Phật thay cha mẹ sám hối tội lỗi, đó mới là điều nên làm. Với anh em bèn hết dạ, với vợ chồng thì tận kính, với con cái thì cực lực giáo huấn khiến cho chúng tốt lành. Cẩn thận chớ mặc tình kiêu hãnh quen thói đến nỗi thành phường trộm cướp. Đối với xóm giềng làng nước nên hòa mục, nhún nhường, vì họ nói nhân quả, thiện ác khiến họ đổi ác, hướng lành; đối với bằng hữu thì tận tín; với tôi tớ thì từ ái. Đối với việc công cũng tận tâm hết sức như làm việc tư. Hễ thấy người thân, kẻ quen biết thì gặp cha bèn nói về lòng từ, gặp con liền nói về hiếu.

b. Về làm ăn tuy là bỏ vốn kiếm lời, cũng chẳng nên dùng đồ giả, gạt gẫm người khác.

Nếu phong hóa này được thạnh hành ở một làng, một ấp sẽ tiêu được cái họa loạn khi chưa chớm, đến nỗi hình phạt thành ra vô dụng thì có thể nói là ngoài nội tận trung, sống ở nhà mà tham dự quyền cai trị vậy.

43. Dạy bà tỳ-kheo-ni X… (bà này là người xuất gia thuộc dòng dõi thế gia, viết thay cho bạn)

Quang âm nhanh chóng, thời thế đổi dời trong từng sát-na, chẳng ngừng nghỉ dẫu chỉ một niệm. Đấy chính là tạo vật hiện tướng lưỡi rộng dài vì khắp hết thảy chúng sanh như bà với tôi mà nói "mạng người vô thường, vinh hoa chẳng tồn tại dài lâu, hãy gấp đi theo diệu pháp vô thượng để khỏi bị trầm luân". Bà đã nhàm bỏ vinh hoa cõi thế, phát tâm xuất gia, ắt phải nỗ lực siêng tu, chớ nên chần chừ để ngày tháng trôi qua. Một hơi thở ra khó thể giữ lại, thở ra không hít vào được nữa liền thuộc vào đời sau. Hãy nghĩ hình chất tuy thuộc ngũ lậu[909], nhưng tâm tánh vốn đủ tam đức. Đau đáu gột rửa tập khí nữ nhân từ bao kiếp, tận lực trì thánh hiệu Di-đà, quán cõi Sa-bà này trược ác còn hơn chuồng xí, tin cõi Cực Lạc kia chính là quê nhà ta vốn sẵn có. Chẳng cầu những phước lạc trời người đời này, đời sau, chỉ nguyện báo hết mạng tận được Phật tiếp dẫn vãng sanh. Sáng

[909] Lậu có nghĩa là rò rỉ, đánh mất, hàm nghĩa do phiền não nên bị rơi rụng trong tam giới. Thông thường có tam lậu, lục lậu, thất lậu. Ở đây nói đến ngũ lậu nhằm ám chỉ năm món lậu chính trong thất lậu, tức: 1. Kiến lậu (các thứ tà kiến) 2. Căn lậu (các phiền não nơi sáu căn). 3. Ác lậu (những phiền não sanh khởi do ác duyên bên ngoài như vua ác, bạn ác…) 4. Thọ lậu (phiền não tạo bởi các cảm thọ sướng, khổ, xả) 5. Niệm lậu (phiền não do tà niệm sanh khởi).

sao chiều vậy, niệm đâu nghĩ đấy, niệm cực công thuần, cảm ứng đạo giao, đến lúc lâm chung ắt được thỏa nguyện. Đã sanh về Tịnh độ đốn ngộ Vô sanh, nhìn lại phú quý thế gian khác nào ánh nắng dợn, hoa đốm trên không, hệt như ngục tù, biển độc.

Nhưng muốn sanh Tịnh độ trước hết phải đối trị nhiễm tập (những tập khí nhơ uế). Kinh Phật thường dạy: "Phú quý khó học đạo, nữ nhân cũng khó học đạo." Ấy là vì kẻ phú quý, kiêu mạn thành tánh, xa xỉ đầy lòng, còn chưa thể khiêm cung tiếp nhận sự vật để tự chăn giữ chính mình, sao có thể dứt nghĩ, quên duyên, hư tâm cầu đạo? Nữ nhân chỉ cậy bóng sắc, thường ôm lòng ghen ghét, chẳng biết dẫu là hạng sắc nước hương trời vẫn cứ là đãy phân, túi da y như cũ. Đã tham luyến thân huyễn, sao ngộ được diệu tánh? Nhằm trị bệnh này, đức Như Lai dạy tu quán tứ niệm xứ: một là quán thân bất tịnh, hai là quán thọ là khổ, ba là quán tâm vô thường, bốn là quán pháp vô ngã. Quán này nếu thành thì tập khí yêu mến cái thân, ỷ thế sẽ tiêu diệt không còn sót, chẳng khác lò lớn nung tan mảnh tuyết. Bà vốn là nữ nhân phú quý xuất gia, phàm những tập khí kiêu ngạo, xa hoa, đẹp đẽ, bóng bảy phải triệt để vứt bỏ, chẳng để cho mảy may nào chứa chấp trong lòng thì tương lai mới có phần thoát khổ. Hiện thời pháp yếu ma mạnh, thầy lành bạn tốt thật chẳng dễ được, phải nên tôn kính cổ nhân, lấy cổ nhân làm thầy. Tỳ-kheo-ni Truyện, Thiện Nữ Nhân Truyện, Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục hãy nên thường đọc kỹ, ngõ hầu có cái để học theo, không do đâu bị đọa vào bè ma. Gần đây tăng - ni đa phần không đúng pháp, chớ nên lạm thâu đồ chúng, hoại loạn Phật pháp, đấy thật là điều thiết yếu nhất. Hãy nên tận lực giữ gìn thanh quy, tận lực tu tịnh nghiệp, sống làm gương cho nữ nhân, chết dự vào Liên Trì, mới khỏi phụ công trốn khỏi hầm lửa vạn trượng, đích thân làm đệ tử Như Lai. Hãy gắng sức lên, chớ quên lời ta!

44. Giới Đường Tiểu Thực Bảng[910]

Thể tam đức viên dung được tỏ lộ bởi giới; thân do tứ đại huyễn thành, sống nhờ ăn uống. Tiến đến Bồ-đề hoàn toàn nhờ vào giới độ; tinh tu đạo phẩm ắt phải

[910] Ta thường gọi tiểu thực là "bữa lỡ", tức bữa ăn nhẹ trước bữa ngọ. Đây là bài Cảnh Sách được treo trong giới đường để chư tăng quán niệm khi dùng bữa lỡ. Thông thường, giới đường đối diện với trai đường, là nơi ở dành cho hàng sa-di tu tập để cầu được thọ giới cụ túc.

dựa vào cái ăn. Các ông đã phát tâm vô thượng đạo, muốn đắc tam tụ tịnh giới[911], hãy nên dốc cạn tâm lực gieo lòng thành lễ sám. Các vị thầy ngoài giới đường và các vị hộ pháp chỉ sợ các ông thân tâm nhọc mệt, đạo nghiệp khó thể hoàn thành, nên trước bữa cơm trưa, đặc biệt lập ra bữa tiểu thực để các ông đỡ lòng hòng được yên ổn. Phải biết bữa ăn này về thể chính là thiền duyệt[912], vô sanh vô diệt, chính là sắc, chính là không, giống như cơm thơm của ngài Tịnh Danh (Duy-ma-cật) thì hoặc mới tiêu được đôi chút. Nó chính là chất kim cang[913] trong kinh Hoa Nghiêm, dù kiếp hoại thì kim cang vẫn không hoại. Nếu các ông hiểu được như vậy thì tam luân thể không, liền giác được lục trần, nhất niệm chẳng sanh, mười cõi tiêu mất. Thức ăn, pháp, tâm, cảnh mỗi mỗi bình đẳng. Giống như hư không hợp với hư không, như nước đổ vào nước, biến mất nhưng chẳng hoại, trở thành một thể. Như vậy mới xứng là người trì tịnh giới, mới gọi là người báo đáp được ân. Nếu không, hạt gạo to như núi làm sao ăn cho tiêu được, tương lai chắc phải có ngày khoác lông đội sừng đền, các ông ai nấy hãy cố gắng!

45. U Minh Giới Điệp[914]

(Bốn chữ "hiện tọa đạo tràng" chỉ Phổ Đà mới có thể dùng, những chỗ khác nên dùng chữ "tầm thanh cứu khổ")

Thể của tâm vốn tịnh, nhân mê vọng mà phiền hoặc bèn sanh. Thế giới vốn trong sạch, do huyễn nghiệp mà trược ác liền nhanh chóng hiện ra. Một phen mê

---

[911] Tam tụ tịnh giới (tri-vidhāni śīlāni), chỉ giới pháp của Bồ-tát Đại thừa, còn gọi là tam tụ thanh tịnh giới, tam tụ viên giới. Tụ có nghĩa là họp thành loại. Do ba tụ giới pháp này vô cấu thanh tịnh, nhiếp trọn các giới Đại thừa vô ngại viên dung nên gọi là tam tụ tịnh giới, gồm:

1. Nhiếp luật nghi giới (samvara-śīla): Đoạn hết thảy ác, ngăn dứt các ác (chỉ ác môn) như ngũ giới, bát giới, thập giới, cụ túc giới v.v..

2. Nhiếp thiện pháp giới (kuśala-dharma-samgrāhaka-śīla): Bao gồm hết thảy Bồ-đề đạo giới, thuộc tu hành môn trong luật nghi. Đem tất cả điều lành từ thân - khẩu - ý hồi hướng vô thượng Bồ-đề, thường siêng tinh tấn, cúng dường tam bảo, tâm không phóng dật, nhiếp thủ các căn, hành lục ba-la-mật v.v.. Nếu phạm lỗi bèn như pháp sám trừ.

3. Nhiếp chúng sanh giới (sattvārtha-kriyā-śīla), còn gọi là nhiêu ích hữu tình giới, dùng từ tâm nhiếp thọ, lợi ích chúng sanh, tức là lợi sanh môn trong luật nghi.

[912] Thiền duyệt: Sự vui sướng, an vui khi nhập thiền.

[913] Kim cang (vajra): Còn dịch âm là phạt-xà-la, bạt-xà-la, bạt-triết-la, phạ-nhật-ra, phạt-triết-la, bạt-nhật-la. Thông thường, kim cang được hiểu là chất cứng rắn nhất trong các kim loại, hoặc loại bảo thạch quý báu nhất, không gì phá hoại được, đốt không cháy, xuyên thủng các vật. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương quyển 9 nói kim cang có các đặc tính xuyên thủng mọi vật, thanh tịnh, cứng rắn, tối thắng, khó suy lường, hiếm có, trong suốt, trang nghiêm, không phân biệt v.v..

[914] Khi truyền giới cho người đã mất, giới điệp cấp cho vong linh được gọi là U Minh Giới Điệp.

thì mãi mãi mê, từ kiếp này sang kiếp khác trầm luân trong cõi sanh tử, chìm mất trong trần lao. Quán chiếu chưa khởi, sao biết được ngũ uẩn vốn không?

Tham nhiễm thành tánh, nào rõ lục trần chính là giác. Ôm bảo châu vô giá oan uổng chịu khốn khổ, sẵn đủ Phật tánh thường trụ lại cam chịu luân hồi. Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót thị hiện thành Chánh giác, chế ra giới pháp, trên từ tam thừa thập địa, dưới đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, phàm những ai có tâm thảy đều nên thọ trì. Ấy là vì hết thảy chúng sanh đều đầy đủ trí tuệ, đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng thì nhất thiết trí, tự nhiên trí liền được hiện tiền. Do sức của tam tụ tịnh giới này, ngay lập tức dứt ác ngừa quấy, bỏ vọng theo chân, dơ hết, sáng hiện, vi trần vỡ, kinh lộ ra, cái tâm nghiệp thức biến thành Như Lai tạng, khôi phục chân tâm thường trụ chẳng dời chẳng biến, chứng pháp tánh tịch diệt không giảm không tăng; nhập địa vị chư Phật, làm con đấng Pháp Vương, đến tận cùng đời vị lai độ thoát chúng sanh, ngõ hầu mình cùng người đều thành giác đạo. Cao quý thay đức Thế Tôn! Dùng giới độ sanh, khiến cho lìa khổ được vui, khiến cho phàm phu trở thành thánh. Từ ân bát ngát, pháp lợi mênh mông. Dẫu thiên địa, phụ mẫu cũng chẳng thể sánh ví được muôn một.

Nay có tín sĩ X… sống trong huyện… phủ… tỉnh… của Trung Hoa Dân Quốc, thuộc Nam Thiệm Bộ Châu trong tứ thiên hạ, thờ Phật, tu nhân, siêu tiến vong linh vãng sanh liên bang, kính vì hương linh… sanh năm… tháng… ngày… giờ… hưởng thọ… tuổi, trong ngày… tháng… năm… đột nhiên qua đời. Đau đớn nghĩ: Thân lìa trần thế, thần thức vào chốn u minh, chưa liễu nhất tâm, khó thoát lục đạo. Muốn cậy nhờ Phật lực dẫn dắt thần thức vãng sanh Cực Lạc, nên đến chùa này, xin thuyết giới để trước hết gột sạch căn thân. Do vậy, kính vâng theo lời Phật sắc truyền, lập đàn tác pháp, phụng thỉnh Sa-bà Giáo Chủ Thích-Ca Thế Tôn, Cực Lạc Đạo Sư A-di-đà Phật, Phật Thuyết Phạm Võng Bồ-tát Giới Kinh, U Minh Giáo Chủ Địa Tạng Bồ-tát, Hiện Tọa Đạo Tràng Đại Sĩ Quán Âm, thập phương tam thế vô tận tam bảo giáng đàn chứng minh, rủ lòng từ gia bị khiến cho giới pháp vô tác mầu nhiệm tốt lành từ đảnh môn nhập vào thân tâm, thành tựu pháp khí, tiếp nối hưng thạnh dòng giống Phật.

Do vậy, trước hết dạy vong linh quy y tam bảo, phản tà quy chánh, kế đó dạy sám hối nghiệp chướng, thanh tịnh căn thân. Tiếp đó, dạy phát tứ hoằng thệ nguyện, thượng cầu hạ hóa. Sau đó mới vì vong linh nói tam tụ tịnh giới khiến cho thân - khẩu - ý nghiệp có chỗ nương tựa. Từ đấy đoạn ác tu thiện, tự lợi lợi tha. Nếu tự có thể mạnh mẽ không ngừng nghỉ, sẽ phá được ngũ trụ, thoát khỏi

nhị tử, viên mãn tứ hoằng, chứng tam đức nào có khó gì! Phải biết, Sa-bà trược ác, gặp phải duyên bèn gây chướng đạo; Cực Lạc thanh tịnh, thấy cảnh tâm bèn sáng tỏ. Đem công đức thọ giới vô thượng này hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Phát trọn vẹn ba tâm, xưng danh mười niệm, chắc chắn được Phật Di-đà đích thân tiếp dẫn, thánh chúng đều đến đón. Trong khoảng khảy ngón tay liền sanh sang cõi kia, gởi thân nơi thai sen, vĩnh viễn lìa các khổ, nghe pháp thọ ký, đốn chứng Vô sanh. Rồi từ đó nương theo nguyện luân của chính mình, trở vào Sa-bà, ứng trọn khắp các căn cơ, hiện thân hình tùy theo từng loại để thành tựu trọn các duyên, xiển dương pháp "tự tánh chính ngay nơi tâm", khiến cho chúng sanh trong khắp pháp giới đều cùng vào trong Di-đà nguyện hải, đáng gọi là Phật tử tối thượng, là bậc đại trượng phu thật sự. Tác pháp đã xong, cấp cho điệp văn. Nhờ công đức này liền được sanh về Tịnh độ.

46. Dạy Trần Sanh (ông này sống nhờ tại trường học Hóa Vũ ở Phổ Đà, cha ông ta dạy học tại trường này)

Mạnh tử cho rằng bậc quân tử có ba điều vui[915] còn hơn làm vua thiên hạ, điều thứ ba chính là được dạy dỗ bậc anh tài trong thiên hạ. Có thể thấy rằng chuyện giáo dục anh tài rất lớn lao, trách nhiệm rất nặng, quan hệ thật chẳng phải nông cạn. Ấy là vì nếu bậc anh tài được giáo dục sẽ nối tiếp được thánh nhân đời trước, chỉ bảo cho người học đời sau, giữ yên đất nước, khiến đời yên dân lành. Nếu không được giáo dục thì bậc thượng do không có khuôn phép để noi theo nên chẳng thể siêu quần xuất chúng, trở thành một kẻ tầm thường; còn bậc hạ sẽ bầu bạn với kẻ gian, đàn đúm với kẻ trộm cướp, làm quấy, làm ác, hoặc hãm thân trong phường gian thần tặc tử mà chẳng tự biết. Bất Huệ khi trẻ chẳng nỗ lực, đến già chẳng thành trò trống gì, trên phụ tấm lòng sư phụ dạy dỗ, dưới bị mất đi niềm vui giáo dục bậc anh tài. Chỉ mong anh tài trong thiên hạ đều được giáo dục, cùng hưởng cái tâm vui sướng ấy, chưa từng một ngày nào quên đi điều đó.

Ông tướng mạo xuất chúng, thông minh hơn người, nếu chịu phát phẫn học hỏi, tương lai nhất định đạt đại thành tựu chẳng thể suy lường được! Chỉ sợ ông ham chơi, luống uổng thời gian, đến nỗi tài vén mây ngút trời trở thành cái tài

[915] Theo Mạnh tử, người quân tử có ba điều vui trọng yếu trong cuộc đời:

1. Hiếu kính cha mẹ, gia đình hòa thuận, cha mẹ anh em cùng vui hưởng niềm vui thiên luân.

2. Dùng lương tâm đối xử người khác, bỏ nhiều lấy ít, nghiêm khắc với bản thân, khoan dung với người, hành xử chẳng thẹn với trời.

3. Giáo dục bậc anh tài không mệt mỏi.

quẩn quanh trong gang tấc. Bài thơ đã nói chiều qua, sợ ông chưa thể nhớ được, nên hôm nay chép lại đưa cho ông, mong giúp phần tạo nên cái tâm phát phẫn học hành cho ông ngõ hầu trở thành bậc đội trời đạp đất vô song trong cả cõi đời. Thơ rằng:

Thiếu niên thanh xuân tự quá câu,
Song tiền sự nghiệp cánh hà như,
Dục vi thiên hạ vô song sĩ,
Tu độc nhân gian vạn quyển thư,
Vũ lộ nan tư khô căn thảo,
Phong lôi đản hóa hữu lân ngư,
Tương Như[916] *bất phẫn đề kiều chí,*
Yên đắc cao thừa tứ mã xa.

(Tạm dịch:
Tuổi xuân như bóng bạch câu[917],
Bên song sự nghiệp biết đâu mà lường?
Muốn thành thiên hạ vô song,
Hãy nên đọc lấy muôn vàn quyển văn,
Cỏ khô rễ đẫm sương vô ích,
Cá có vảy sấm gió mới thành,
Bên cầu phẫn chí ghi thề,
Tương Như mới có ngựa xe dập dìu!)

Lại nói:

---

[916] Tư Mã Tương Như (170 trước Công Nguyên - 118 trước Công Nguyên) là một văn nhân hữu danh thời Tây Hán, chuyên viết Từ và Phú. Ông tên tự là Trường Khanh, người Thành Đô, Thục Quận (nay là tỉnh Tứ Xuyên). Thích đọc sách múa kiếm, thời trẻ được Hán Cảnh Đế thường cho theo hầu bên kiệu. Cảnh Đế không thích thơ phú nên ông bèn cáo bệnh từ quan, qua đất Lương là đất phong của Lương Hiếu Vương, tụ họp cùng những danh gia thời ấy như Trâu Dương, Mai Thừa v.v… viết ra bài Tử Hư Phú rất nổi tiếng. Lương Hiếu Vương chết, Tương Như quay về đất Thục, đi qua Lâm Cung gặp được người con gái góa là Trác Văn Quân. Cô này nghe khúc Phụng Cầu Hoàng do Tương Như gảy, say mê bỏ nhà trốn theo về Thành Đô. Do Tương Như quen ăn tiêu phung phí nên không bao lâu gia sản khánh kiệt, bị mọi người khinh rẻ, phẫn chí, khi qua cầu Thăng Tiên ở Thành Đô, Tương Như đã căm phẫn viết lên trụ cầu: *"Chẳng ngồi xe cao bốn ngựa kéo, chẳng thèm đi qua cầu này nữa!"* Khi Hán Vũ Đế lên ngôi, đọc bài Tử Hư Phú vô cùng tán thưởng bèn triệu Tương Như ra giữ chức Trung Lang Tướng.

[917] Theo Hiện Đại Hán Ngữ Từ Điển của Vương Đồng Ức, Câu là con ngựa non chưa đầy hai tuổi, hoặc những con ngựa non khỏe mạnh cao từ năm đến sáu thước. Ngựa non chạy khá nhanh nên thường được dùng để ví với thời gian như trong câu thành ngữ *"bạch câu quá khích"* (con ngựa non trắng chạy qua khe cửa), ý nói: Mới thấy đó đã qua mất rồi.

Tam xích Long Tuyền, vạn quyển thư,
Lão thiên sanh ngã ý hà như?
Sơn Đông tể tướng, Sơn Tây tướng,
Bỉ trượng phu hề ngã trượng phu!

(Long Tuyền[918] ba thước, sách vàn muôn,
Trời sanh ra tớ, há chuyện suông?
Sơn Đông tể tướng, Sơn Tây tướng[919],
Người trượng phu, ta cũng trượng phu!)

Hai bài thơ ấy của cổ nhân nhằm khích lệ tấm lòng anh tài, có thể nói là thân thiết, khẩn thiết đến cùng cực không chi hơn được nữa. Mong ông hãy đọc kỹ, nghĩ chín chắn thì may mắn lắm thay!

47. Dạy những nghĩa lý về pháp môn Tịnh độ và cách đối trị nóng giận

Đức Như Lai ra đời vốn nhằm làm cho các chúng sanh đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử mãi cho đến khi thành Phật mới thôi. Nhưng vì chúng sanh căn tánh không đều nhau, cho nên Như Lai phải thuận theo cơ nghi, nói ra hết thảy các pháp đại - tiểu, quyền - thật, thiên - viên, đốn - tiệm. Pháp tuy đủ mọi loại bất nhất, nhưng đều nhằm để thành thục thiện căn cho chúng sanh, khiến cho họ rốt ráo thành Phật. Nhưng đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử há phải dễ dàng ư? Nếu chẳng phải thuộc hai loại người, tức là hạng đã gieo trồng hạt giống từ trước đến nay chín muồi và hàng pháp thân thị hiện, thì dù có tu trì cũng chẳng thể ngay trong đời này, hoặc trong một hai đời giải quyết nhanh chóng được. Kẻ căn cơ độn dù trải qua kiếp số lâu xa vẫn khó thể liễu thoát bởi lẽ chỉ cậy vào tự lực. Như Lai nghĩ thương chúng sanh tự lực liễu thoát khó khăn, nên bèn đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh độ tín nguyện niệm Phật cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật thì tuy là tội nhân ngũ nghịch thập ác cực nặng sắp đọa địa ngục A-tỳ vẫn được vãng sanh. Huống chi những ai không làm các điều ác, vâng làm các điều thiện ư? Huống gì những Phật tử thọ trì tam quy, đầy đủ các giới ư?

---

[918] Long Tuyền: Tên một thanh gươm báu thời cổ. Tương truyền kiếm ấy được đúc từ huyện Long Tuyền thuộc tỉnh Chiết Giang nên mới có tên như vậy. Cho đến nay, huyện Long Tuyền vẫn rất nổi tiếng về nghề đúc kiếm và binh khí.

[919] Đây là một thành ngữ ý nói: Ta và người không hề kém cạnh nhau. Tỉnh Sơn Đông nổi danh là có nhiều danh thần, đại tướng từ thời cổ. Có thể tạm nêu: Y Doãn, Quản Trọng, Yến Anh, Gia Cát Lượng, Vương Mãnh, Vương Đạo, Phòng Huyền Linh v.v.. Ngay cả người sáng lập ra nước Tề thời Chiến Quốc là Khương Tử Nha và người lập ra nước Lỗ là Chu Công Đán cũng là người Sơn Đông.

Pháp môn Tịnh độ thích hợp khắp ba căn, chính là để tiếp dẫn căn khí thượng thượng, và là tiếp dẫn kèm thêm hạng trung hạ. Kẻ ngu thường hay chê pháp này là thiển cận, Tiểu thừa nói chung là vì do chưa đọc kinh luận Đại thừa, chưa gặp được bậc thông suốt có đầy đủ con mắt, dùng cái tâm điên đảo, chấp trước của chính mình để dò lường đạo thông suốt từ ban đầu cho đến chung cục của Như Lai. Như kẻ mù nhìn mặt trời, như kẻ điếc nghe sấm, cố nhiên bọn họ chẳng thấy, chẳng nghe, cho nên mới bình luận lầm lạc. Phải biết, một pháp tín nguyện niệm Phật chính là lời tuyên thuyết phát xuất tâm từ bi triệt để phổ độ chúng sanh của đức Như Lai; chỉ có các vị Bồ-tát như Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền v.v. mới có thể gánh vác rốt ráo. Bọn họ thấy ngu phu, ngu phụ đều có thể niệm Phật bèn coi pháp này là thiển cận, là Tiểu thừa, có khác gì thấy ngôi sao treo nhỏ tí trên không trung bèn cho trời là nhỏ nhoi, thấy con trùng bé xíu bò trên đất bèn cho là đất cỏn con hay chăng?

Nếu có thể tin tưởng được pháp này thì chính là nhiều đời nhiều kiếp đã gieo sâu thiện căn. Nếu có thể dùng lòng tín nguyện sâu xa trì danh hiệu Phật, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối thì chính cái tâm phàm phu ấy sẽ biến thành Như Lai tạng, như người nhiễm mùi hương thân có mùi thơm. Hiện tại được tiếp xúc với khí phận của Phật, lúc lâm chung lẽ nào chẳng cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn hay sao? Những pháp như nhiếp tâm niệm Phật và tùy phận tu trì, tùy duyên hóa đạo, cũng như duyên do của Thiền tông, Tịnh tông, Phật lực, tự lực lớn nhỏ, khó dễ đã được trình bày tường tận trong Ấn Quang Văn Sao, xin hãy lắng lòng đọc kỹ ắt sẽ tự biết, nên ở đây không ghi lại cặn kẽ.

Chỗ quan trọng trong việc tu hành chính là đối trị tập khí phiền não, tập khí ít đi một phần thì công phu tiến thêm được một phần. Có người càng ra sức tu hành, tập khí càng dấy động là vì chỉ biết tu trì theo mặt sự tướng, chẳng biết phản chiếu hồi quang, kiên quyết trừ khử những vọng tình trong tâm họ mà ra. Nếu ngay trong lúc bình thời đã đề phòng sẵn, thì lúc gặp cảnh đụng duyên, phiền não sẽ chẳng phát khởi. Nếu bình thời biết được thân tâm ta đây hoàn toàn thuộc về huyễn vọng, cầu lấy thực thể, thực tánh của ngã hoàn toàn chẳng thể được thì đã không có ngã, nào còn có nhân cảnh (cảnh nơi nhân), nhân nhân (đối tượng con người nơi nhân) mà hòng sanh khởi những chuyện phiền não. Đây chính là phương pháp giải quyết tối thiết yếu từ trên căn bản vậy! Nếu như chẳng thể hiểu chắc thật *ngã không*, hãy nên nương theo pháp *ngũ đình tâm quán* mà đức Như Lai đã dạy để đối trị (ngũ đình tâm nghĩa là dùng năm pháp này để điều hòa, ngưng lặng cái tâm, khiến cho tâm an trụ, chẳng bị chuyển theo cảnh nữa). Có

nghĩa là chúng sanh nhiều tham thì hành *bất tịnh quán*, chúng sanh nhiều sân thì hành *từ bi quán*, chúng sanh nhiều tán loạn thì hành *sổ tức quán*, chúng sanh ngu si thì hành *nhân duyên quán*, chúng sanh nhiều chướng thì hành *niệm Phật quán*.

Tham có nghĩa là thấy cảnh bèn dấy lòng yêu thích, chúng sanh trong Dục giới đều do dâm dục mà sanh, dâm dục do ái sanh. Nếu có thể quán sát mỗi mỗi kỹ càng thân mình, thân người từ ngoài vào trong thì chỉ thấy hờm đất, mồ hôi, đờm rãi, tóc, lông, móng, răng, xương, thịt, máu, mủ, đại tiện, tiểu tiện, thối như xác chết, bẩn như chuồng xí, ai có thể sanh lòng tham ái đối với vật này cho được. Tham ái đã dứt thì tâm địa thanh tịnh. Dùng tâm thanh tịnh niệm danh hiệu Phật, như chất ngọt được trộn lẫn, như vải trắng ăn màu, dùng nhân địa tâm khế hợp quả địa giác, sự giảm được nửa mà công gấp bội, lợi ích khó nghĩ suy!

Sân là thấy cảnh khởi tâm bực bội, chán ghét. Người phú quý thường hay nóng giận. Phàm mọi chuyện muốn được như ý phải có người để sai bảo, hễ hơi chút sai trái liền sanh phẫn nộ, nhẹ thì buông lời dữ ác, nặng thì roi vọt vụt đánh, chỉ cốt khoái ý mình, chẳng đoái hoài người khác đau lòng. Lại nữa, tâm sân nếu khởi lên thì vô ích cho người, tổn hại cho mình, nhẹ thì cũng khiến cho tâm ý bực bội, xáo động, nặng thì gan lẫn mắt đều bị tổn thương. Hãy nên giữ sao cho trong tâm thường có một khối nguyên khí thái hòa thì bệnh tật tiêu diệt, phước thọ tăng trưởng. Xưa kia vua A-kỳ-đạt (A-xà-thế) cả đời thờ Phật, giữ vững năm giới, khi lâm chung do người hầu cầm quạt đuổi ruồi, quạt lâu mệt mỏi, hôn trầm, đánh rơi cây quạt rớt trúng mặt vua, tâm vua sanh phiền hận, ngay lập tức mạng chung. Do một niệm ấy liền mang thân mãng xà. Do sức túc phước, còn biết được nhân ấy bèn cầu sa-môn dạy cho tam quy ngũ giới, liền thoát thân mãng xà, sanh lên trên trời. Do vậy biết thói nóng giận gây hại rất lớn. Kinh Hoa Nghiêm dạy: "Một niệm sân tâm khởi, trăm ngàn cửa chướng mở." Cổ đức nói: "Sân là lửa trong tâm, cháy trụi rừng công đức. Muốn học đạo Bồ-đề, nhẫn nhục phòng tâm sân."

Như Lai dạy chúng sanh nhiều sân tu từ bi quán như sau: Xem hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai. Đã là cha mẹ trong quá khứ thì nên nghĩ đời trước họ có ân đức sanh thành, dưỡng dục, thẹn chưa thể báo đáp, há có nên vì chuyện trái ý nhỏ nhặt bèn ôm lòng phẫn nộ ư? Đã là vị lai chư Phật ắt sẽ rộng độ chúng sanh. Nếu ta chưa giải quyết được sanh tử, vẫn mong họ đến độ thoát. Chẳng những chuyện trái ý nhỏ nhặt không nên nổi nóng, dẫu là chuyện táng thân mất mạng cũng chỉ sanh hoan hỷ, chẳng sanh sân hận. Vì vậy, lúc Bồ-tát xả đầu, mắt, tủy, não, đều xem người xin những thứ ấy như thiện tri thức, coi như ân nhân, coi như người thành tựu đạo Bồ-đề vô thượng cho mình.

Xem phẩm Thập Hồi Hướng trong kinh Hoa Nghiêm sẽ tự biết. Lại nữa, một niệm tâm tánh của chúng ta và chư Phật không hai, chỉ vì mê trái bổn tâm, chấp chặt ngã kiến nên hết thảy các duyên đều thành đối đãi, như cái bia để bắn đã lập thì các mũi tên đều nhắm vào. Nếu biết được tâm ta vốn là tâm Phật, Phật tâm không, vô sở hữu, giống như hư không: sâm la vạn tượng không gì chẳng bao gồm; cũng như biển cả: trăm sông mọi nguồn nước không gì chẳng dung nạp; như trời che chở khắp, như đất nâng bình đẳng, chẳng coi chuyện che chở, nâng đỡ là đức. Nếu ta do chuyện nghịch ý nhỏ nhặt bèn sanh nóng giận thì chẳng những khiến cho tâm lượng chính mình thành hẹp hòi, mà còn tự đánh mất cả đức. Tuy có đủ Phật tâm lý thể nhưng khởi tâm động niệm toàn là xử sự theo phàm tình, coi vọng là chân, biến tớ thành chủ; suy nghĩ như thế há không hổ thẹn ư? Nếu bình thời thường nghĩ như thế thì tâm lượng sẽ rộng lớn, không gì chẳng dung được, coi muôn loài như chính mình, chẳng thấy đây kia. Điều nghịch xảy đến còn thuận chịu được, huống gì những chuyện trái ý nhỏ nhặt mà lại sanh nóng giận ư?

Ngu si nghĩa là hoàn toàn không có tri thức, tức là nói thế nhân đối với cảnh duyên thiện ác chẳng biết đều là do túc nghiệp chuốc lấy, do hành vi trong hiện tại cảm lấy, lầm lạc bảo là không có nhân quả báo ứng, và những chuyện đời trước, đời sau v.v.. Hết thảy chúng sanh không có con mắt tuệ, nếu không chấp đoạn thì lại chấp thường. Chấp đoạn là nói con người bẩm thụ khí chất của cha mẹ mà sanh ra, trước lúc được sanh ra vốn chẳng có vật gì, đến lúc chết rồi, hình hài đã mục nát thì hồn cũng phiêu tán; làm gì có đời trước cũng như đời sau! Những nhà Nho câu nệ, hẹp hòi cõi này đa phần nói như thế. Chấp thường là nói con người thường làm người, súc vật thường làm súc vật; chẳng biết nghiệp do tâm tạo, hình tùy tâm chuyển.

Thời cổ có kẻ cực độc từ ngay nơi thân ấy biến thành mãng xà, có kẻ cực tàn bạo, ngay từ chính nơi thân ấy biến thành cọp. Ngay trong lúc nghiệp lực đang mạnh mẽ, dữ dội, còn có thể biến đổi được hình thể, huống chi nhằm lúc sau khi chết đi, trước lúc được sanh ra, thức do nghiệp lôi kéo mà chuyển biến ư? Do vậy, đức Phật nói mười hai nhân duyên chính là lời luận bàn xuyên suốt cả ba đời. Nhân trước ắt cảm lấy quả sau, quả sau ắt có nhân trước. Báo ứng thiện ác, phước họa xảy đến đều do tự mình làm, tự mình chịu, nào phải trời giáng xuống! Chẳng

qua do hành vi của người ấy mà trời đứng ra làm chủ mà thôi.[920] Sanh tử tuần hoàn chẳng có cùng cực, muốn khôi phục bổn tâm để liễu sanh tử mà bỏ tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì chẳng thể được. Ba thứ tham sân si là căn bản của sanh tử, ba thứ tín nguyện hạnh chính là diệu pháp để liễu sanh tử. Muốn bỏ ba thứ ấy thì cần phải tu ba pháp này, ba pháp này tu đắc lực thì ba thứ ấy tự tiêu diệt. Pháp quán sổ tức không nhất thiết phải dùng, bởi lẽ trong lúc niệm Phật nhiếp tai lắng nghe thì sự nhiếp tâm ấy tương tự sổ tức, nhưng lực dụng khác sổ tức một trời một vực. Về pháp quán trong khi niệm Phật chỉ cần xem Ấn Quang Văn Sao và những trước thuật Tịnh độ sẽ tự biết.

Hỏi: Nếu như nói: "Dẫu táng thân mất mạng cũng chỉ sanh hoan hỷ, chẳng sanh nóng giận", thì giả sử như có người ác đến hại mình cũng chẳng bận tâm, mặc cho họ giết chóc ư?

Đáp: Phàm người tu hành có người là phàm phu, có vị là Bồ-tát đã chứng pháp thân. Lại có người lấy việc duy trì thế đạo làm chủ, có người lấy liễu giải tự tâm làm chủ. Nếu chỉ nhằm liễu giải tự tâm và là bậc Bồ-tát đã chứng pháp thân thì giống như trên đã nói: Coi muôn vật và ta như nhau, sống chết hệt như nhau. Nếu là kẻ phàm phu, lại muốn duy trì thế đạo thì suy nghĩ nên giống như Bồ-tát từ bi lớn lao, sâu xa, không gì chẳng dung nạp, nhưng xử sự thì vẫn phải y theo lẽ thường của thế gian, hoặc làm chuyện ngăn cản, chế ngự để nhiếp phục, hoặc dùng nhân từ để cảm hóa. Sự việc chẳng nhất loạt giống nhau, nhưng tâm nhất quyết chẳng được có lòng sân độc, kết thành oán hận. Những điều chỉ dạy trong đoạn văn phía trước chính là để dạy người "dùng chuyện giả dụ nhằm tiêu diệt tập khí nóng giận". Nếu pháp quán này thành thục thì tập khí nóng giận tự diệt. Dẫu gặp phải cảnh hại thân thật sự cũng vẫn giữ được tấm lòng thản nhiên, hành đại bố thí. Nhờ vào công đức ấy liền sanh về Tịnh độ. So với chuyện giết chóc lẫn nhau, bao kiếp dài lâu báo đền thì chẳng phải là cách biệt như trời với đất ư?

48. Biện định về sự sai ngoa trong việc sát sanh tế lễ tại Chiêu Văn Cổ Hội (tức hội tế lễ Chiêu Minh Thái Tử ở Y Huyện, tỉnh An Huy)

Thế tục mê hoặc, coi ác là thiện, xem tạo nghiệp là tu phước, đa số là như vậy! Chuyện mắt nhìn thê thảm, tâm đau xót nhất không gì bằng chuyện mở hội tế thần. Nhà giàu có sang cả ắt giết những con vật lớn để tế, một là để cầu được

[920] Tức là đứng ra làm thực hiện họa phước ứng với nhân quả chứ không phải trời cố ý giáng họa hay ban phước.

nhiều phước, hai là để phô phang sự giàu có. Dẫu cho nhà nghèo cùng, nhỏ nhoi cũng phải giết gà, giết vịt để mong thần thường ban ân che chở, khiến cho phước thọ tăng trưởng, mọi chuyện như ý. Chẳng biết trời đất lấy hiếu sanh làm đức, thần thánh làm chủ tể các sự cho trời đất, lẽ nào tâm họ lại trái nghịch trời đất, vì bản thân hưởng một kỳ tế lễ lại khiến cho vô số sanh mạng cùng chịu nỗi khổ cắt chặt, há còn đáng gọi là một vị chánh thần thông minh chánh trực, thưởng thiện phạt ác nữa ư?

Nguyên do là vì kẻ ngu phu tham ăn mượn danh tế thần giết chóc loài lớn, loài nhỏ cho sướng khoái bụng miệng, tập quen thành thói, chẳng biết là đã tạo thành đại ác nghiệp. Nói là "để tế thần" chứ thần có ăn đâu? Huống chi đã gọi là thần thì ắt phải có đức thông minh chánh trực, ắt phải lấy chuyện làm thiện hay làm ác làm chuẩn mực để giáng phước hay gieo tai ương. Lẽ nào sát sanh cúng ta, tức là làm ác thì ta cũng giáng phước; không sát sanh cúng ta chính là làm thiện thì ta cũng giáng họa hay sao? Nếu như vậy thì tâm hạnh của vị thần ấy có khác gì bọn vô lại tiểu nhân đầu đường xó chợ đâu? Sao còn xứng danh là một vị thần thông minh chánh trực được nữa? Đã là vị thần thông minh chánh trực chắc chắn chẳng làm chuyện yêu ma quỷ quái, không tuân theo chuyện đạo đức nhân nghĩa ấy.

Huống chi thái tử Chiêu Minh là vị thâm nhập Phật pháp, triệt ngộ tự tánh, nhận lãnh đại giới của Phật, cả đời ăn chay ư? Xét ra, thái tử họ Tiêu, tên là Thống, tên tự là Đức Thí, là con trưởng của Lương Võ Đế. Lúc sống thông duệ, nhân từ, khoan thứ, cung kính, cần kiệm, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tận lực tu tịnh nghiệp, xem khắp các kinh, thấu đạt sâu xa đế lý, thọ giới Bồ-tát, vốn thường ăn chay. Trong cung lập riêng một điện Huệ Nghĩa, chiêu tập danh tăng giảng luận huyền áo. Ngay cả Võ Đế cũng ăn chay nhiều năm, cúng tổ tiên thì dùng bột mì để chế thành những con vật hiến tế. Sở ngộ, sở chứng của thái tử vượt trỗi Võ Đế gấp mười lần, xưa nay trong hàng cư sĩ chẳng thấy được mấy người. Sự tích, lời lẽ của ngài chép trong bộ Lương Thư và Quảng Hoằng Minh Tập cùng Cư Sĩ Truyện[921].

[921] Thái tử Chiêu Minh (499-529), con trưởng của Lương Võ Đế (Tiêu Diễn) thời Nam Triều. Tánh linh mẫn, thông duệ, lên ba tuổi đã đọc thông Hiếu Kinh, Luận Ngữ, Ngũ Kinh Nho giáo. Năm Thiên Giám nguyên niên (502) được phong Hoàng Thái Tử. Thái tử tín phụng Phật giáo, thọ giới Bồ-tát, giữ giới nghiêm cẩn, đọc rộng các kinh, thấu hiểu ý nghĩa sâu xa. Lập cung Huệ Nghĩa để quy tụ danh tăng giảng luận kinh điển. Thái tử nhân ái, ra lệnh bỏ hình ngục, suốt hai năm không hề chứa nữ nhạc trong cung, thường thích giảng luận kinh sách cùng những bậc danh sĩ. Trong Đông Cung chứa đến ba vạn bộ sách. Tháng Ba năm Đại Thông thứ ba, thái

Há lẽ nào khi sống trì giới, nhân từ như thế, chết đi bèn trở thành vị thần tham muốn ăn thịt, nếu người ta sát sanh để tế thì bèn giáng phước, nếu không, bèn giáng họa hay sao? Ấy là vì thế nhân chỉ nghĩ ăn thịt là ngon, bèn dựa vào ý kiến tham ăn những thứ hôi nhơ tanh tưởi của chính mình nghĩ rằng thần cũng giống như thế. Từ đấy, đây kia bắt chước nhau, chẳng biết là sai. Ví như giòi tửa ăn phân, cho là thiên tiên cũng sẽ tham vị ngon lành này, bèn thường muốn dâng cúng để cầu được ban tặng phước khánh. Những con vật bị giết ấy phần nhiều đều là những người đời trước sát sanh tế thần ngõ hầu chính mình được ăn thịt nay phải đền trả quả báo sát sanh. Những kẻ ngu cứ nghe nói sát sanh tế thần bèn hoan hỷ, hớn hở, cho là làm phước, chẳng biết tương lai bị biến thành những sanh mạng ấy, lúc bị người ta giết, có miệng mà chẳng nói được, không cách gì trốn thoát. Huống hồ đối với bậc cao nhân lỗi lạc thâm nhập Phật pháp, nhận lãnh đại giới của Phật, cả đời ăn chay lại đặt điều trắng trợn "ngài là hạng tham ăn thịt", để rồi giết vô số sanh mạng cúng tế. Cái tội trái trời nghịch lý, vu khống miệt thị thánh hiền càng đáng bị trong đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn làm những loài vật bị giết hại ấy, há chẳng đáng buồn quá đỗi ư?

Cư sĩ Lô Trí Duệ ở Y Huyện thuộc tỉnh An Huy thương xót cho nỗi thảm sát sanh tế thần trong làng mình, sợ hãi sâu xa rằng hạng ngu nhân vô tri do vì sát sanh mà tương lai phải tự thọ báo, xin tôi giảng rõ chân lý để chỉ dạy, ngõ hầu bậc quân tử hiểu rõ lý cùng nhau thổi gió từ văn hồi kiếp vận, khiến cho hết thảy sanh mạng có linh thức đều được an nhàn sanh trưởng, loài nào loài nấy hưởng hết tuổi trời trong vòng trời đất. Do vậy bèn thuật bày duyên do, mong sao bọn

---

tử mắc bệnh, đến tháng Tư thì mất, hưởng thọ 31 tuổi. Trong triều, ngoài nội không ai chẳng thương tiếc, vua ban thụy hiệu là Chiêu Minh. Di trước còn có Văn Tập 20 quyển, Cổ Kim Điển Cáo Văn Ngôn Chánh Tự 10 quyển, Anh Hoa Tập 10 quyển, Văn Tuyển 10 quyển.

Lương Thư là biên niên sử triều Lương.

Quảng Hoằng Minh Tập gồm 30 quyển được ngài Đạo Tuyên (596-667) soạn vào năm Lân Đức thứ nhất (644), được xếp vào tập 52 của *Đại chánh tân tu đại tạng kinh*. Sách này ghi chép những chuyện trọng yếu trong đạo Phật. Trước đó, ngài Tăng Hựu soạn bộ Hoằng Minh Tập ghi chép những sự kiện hộ pháp từ đời Đông Tấn đến Tống, Tề, Lương. Đến đời Đường, ngài Đạo Tuyên soạn Quảng Hoằng Minh Tập để chép tiếp từ thời Lục Triều đến đời Đường, ghi lại tiểu sử của hơn 300 nhân vật. Nội dung bao gồm những chuyện hưng phế của Phật giáo Trung Hoa cho đến đời Đường và những nội dung thảo luận, tranh biện Phật pháp trong các thời, cũng như những luận thuyết, văn thư, thi phú, chiếu lục v.v. của những nhân vật Phật giáo hữu danh.

Cư Sĩ Truyện gồm 56 quyển, do Bành Thiệu Thăng (Bành Tế Thanh) soạn vào đời Thanh, chép ngôn hạnh của hơn 200 vị cư sĩ nổi tiếng từ thời Hậu Hán đến thời Càn Long nhà Thanh, bắt đầu bằng các vị Mâu Dung, An Huyền… cho đến Chu An Sĩ, Tri Quy Tử kèm thêm phần bình luận của Uông Đại Thân.

họ biết mình hết sức sai trái, tận lực sửa đổi để làm nền móng cho thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc. Đã biết sát sanh tế thần là sai thì chuyện sát sanh để cúng tổ tiên, phụng dưỡng cha mẹ, đãi khách, tự cung phụng mình là sai trái cũng không cần phải khuyên dạy nữa. Nếu có thể vui vẻ lãnh hội thì lợi ích ấy chỉ có mình đức Phật mới biết được, xin hãy suy nghĩ kỹ!

49. Bài chúc tụng nhân việc khánh thành ngôi chùa mới của Thế Giới Phật Giáo Cư Sĩ Lâm

Chân như Phật tánh mọi hàm thức đều có, hiềm vì chẳng biết, mê cái đầu nên phát cuồng bỏ chạy[922]. Vì vậy, đức Thế Tôn ta thị hiện sanh trong thế gian khiến cho khắp các chúng sanh ai nấy ngộ được tánh thiên (bầu trời tánh đức). Do căn cơ bất nhất khiến cho cách giáo hóa bất đồng, bèn mở ra Luật, Giáo, Thiền, Mật, Tịnh tông. Các tông khác đều là tự lực, còn Tịnh tông kiêm thêm Phật lực, liễu thoát ngay trong hiện đời, thật là bậc nhất. Pháp môn lớn lao thay! Thông trên thấu dưới, Đẳng giác, nghịch ác cùng hướng về, cùng hành theo. Pháp truyền sang Đông Độ, mở đầu tại Lô Sơn, một ngàn mấy trăm năm hoằng truyền khắp cõi. Xuất gia tứ chúng, tại gia bốn loại, những người được vãng sanh nhiều khó thể kể xiết. Gần đây vận đời ngày càng suy hoại, muốn vãn hồi ngọn sóng cuồng loạn, ngoại trừ Phật ra thì không thể dựa vào ai khác được. Các đại cư sĩ cực lực đề xướng lập ra ngôi Cư Sĩ Lâm mới đứng sừng sững tại đất Hỗ (Thượng Hải), các tông đều hoằng nhưng chú trọng Tịnh độ, pháp nào cũng viên thông, noi theo quy củ chư tổ. Quang vốn là một ông tăng tầm thường, không có sức hoằng pháp noi theo dấu thơm ấy, tâm thật vui sướng, dốc tấm lòng ngu thành của tôi để chúc tụng: Theo chiều ngang trọn khắp, theo chiều dọc tột cùng thảy đều bắt chước theo!

50. Bài tụng phổ hồi hướng việc quyên mộ khắc kinh Hoa Nghiêm

Lớn lao thay kinh Hoa Nghiêm, là vua trong các kinh, pháp môn và công đức hai thứ đều chẳng thể lường. Đức Như Lai thành Chánh giác, nói thẳng vào pháp đã chứng. Những người dự pháp hội ấy đều là Pháp thân Bồ-tát. Tuy Nhị thừa cũng tham dự, vẫn chẳng thấy chẳng nghe, huống gì các phàm phu lại được dự nghe, un đúc hay sao? Do tấm lòng đại từ bi, đức Phật thâu tóm chỗ cạn cợt vào chỗ sâu nhất, chỗ quy tông cuối cùng [của kinh Hoa Nghiêm] dạy thân cận đức Di-đà. Chỉ có mình pháp lạ lùng, đặc biệt này là phàm thánh đều nên tuân hành,

[922] Kinh Thủ-lăng-nghiêm, quyển 4 có chép chuyện chàng Diễn-nhã-đạt-đa ở thành Thất-la soi gương trông thấy cái đầu của chính mình bèn hoảng sợ, phát cuồng, bỏ chạy.

thâu nhiếp trọn vẹn Đẳng giác và quần manh trong lục đạo. Người độn căn đời mạt đoạn hoặc thật khó, người tín nguyện niệm Phật quyết định ngự lên chín phẩm sen. Sức công đức của kinh này hệt như châu ma-ni, tùy ý tuôn ra các thứ báu thảy đều phù hợp các ý nguyện. Các thiện tín giúp khắc kinh ai nấy đều ước nguyện khác nhau, cầu siêu cho người thân hoặc cầu phước, không ai chẳng được cảm thông. Cầu con liền được con, cầu sống lâu liền được sống lâu, túc chướng đều tiêu diệt, việc làm đều như ý. Ví như ánh nắng xuân rọi đến, cây cỏ đều tươi tốt; cũng như mặt trời mọc lên giữa trời, mọi việc đều nhờ đó được thành. Dẫu cầu phước thế gian rốt cuộc cũng thành nhân xuất thế, như bệnh gặp được thuốc tiên, ngay khi ấy liền thành chân tiên. Nguyện những người thí tiền của sở nguyện đều đạt được. Đến ngày xả báo, cùng sanh về cõi Cực Lạc, diện kiến Phật A-di-đà, được Phật đích thân thọ ký, chứng Vô sanh pháp nhẫn, làm công việc Phật làm. Muốn thuật công đức trải bao kiếp khó thể tán dương, những ai tin nhận được đều cùng chứng vô lượng quang!

51. Đề từ cho tập sách Hám Sơn Đại Sư Lục Vịnh

(Khế Chân là pháp danh của Lý Quốc Tùng)

Đại sư Hám Sơn đại quyền thị hiện, công hoằng pháp sâu dày, bị kẻ đố kỵ vu hãm, phải đầy đi làm lính thú đất Quảng Châu, chế ngự được họa loạn. May gặp quan Thái sử nhìn ngài bằng con mắt đặc biệt, hoằng pháp Tào Khê, nối lại huệ mạng đã đứt; thuyết pháp xứng cơ, tệ lớn tiêu diệt; hộ quốc an dân công vượt trội ngài Văn Hiến; mất rồi nhục thân chẳng hoại, chẳng biến đổi. Đất Việt (Quảng Đông), đất Cám (Giang Tây) tranh giành, đưa nhục thân về bên Tào Khê. Lục tổ, Thất tổ lừng danh trong ngạn ngữ đương thời, Phật nhật thêm sáng, làm thành lũy pháp. Trước thuật hoằng truyền, nhật nguyệt sáng ngời; Đại tạng lưu thông, tiếc rằng chỉ được một nửa[923], bị lạc mất thì nhiều, cũng có khi xuất hiện. Diệu kệ Lục Vịnh, bút pháp mạnh mẽ, văn nghĩa siêu diệu, càng đọc càng phơi phới. Hơn ba trăm năm, may sao chẳng bị tàn khuyết. Phật tử Khế Chân tìm được tác phẩm này tại cửa tiệm ở đất Hỗ (Thượng Hải), muốn biểu lộ chí hướng mênh mông của đại sư, nên cho in thành những tập sách nhỏ, cậy Quang đề từ để nêu khuôn phép. Do vậy, bèn lược thuật đại cương để mong cho những người thông sáng sau này được thấy nghe.

52. Đề tại Tâm Phật Các

[923] Ý nói những trước tác của đại sư Hám Sơn được đưa vào Đại tạng và Tục tạng quá ít.

(Cư sĩ Tiền Dưỡng Nguyên ở Giang Tô xin đề từ cho ba mục Tâm Phật Các. Trước nay chưa từng gặp gỡ, sợ ông ta chấp lý phế sự, lầm nhận tin tức, chánh tà hỗn loạn, nhân đấy bèn kéo dài thành ba bài ca, mong sao ông ta sẽ trừ bỏ được màng mộng, trừ sự lòa tối, chánh à phân minh, lý sự viên dung. Đối với luật lệ thanh vận tôi không hiểu rõ, mong hãy nhìn vượt ra ngoài chữ nghĩa, lời lẽ, thì may mắn lắm thay!)

Chúng sanh, Phật bình đẳng chỉ một tâm này, do mê ngộ bất đồng nên thăng trầm. Muốn khôi phục chân như Phật tánh sẵn có, phải phụng sự đấng Đại Giác viên chứng. Kiền thành lễ kính tội nghiệp diệt. Khẩn thiết ức niệm phước tuệ sâu. Một mai hoặc tận, Thường quang hiện. Soi tỏ thiên địa và xưa nay.

53. Đề Minh Tâm Kiến Tánh Trai[924]

Đêm vắng, trai phòng thanh tĩnh, kiệt lực tham cứu. Tham đến thấu triệt trước lúc cha mẹ chưa sanh ra, tứ đại, ngũ uẩn đều rớt mất. Lục căn, thất tình đều tiêu vong. Phiền hoặc hết sạch, biển lặng sóng. Chân thường hiển lộ, mặt trời sáng rực giữa trời. Hiểu được tâm thấu được gốc như thế, chẳng phụ mang tên tự là Dưỡng Nguyên.

54. Đề từ cho sách Tiên Phật Hợp Tông

Tiên - Phật khác tông, sao hợp được? Một đằng tham cứu cái tâm, một đằng chấp vào cái vỏ. Trường sanh rốt cuộc cũng phải kết thúc. Vô sanh rốt ráo chẳng diệt mất. Nếu bảo tam giáo là một nhà thì tôn ty trong một nhà thật rõ ràng. Giống như trong cùng một thân người đây, há có thể lẫn lộn giữa đầu và chân ư? Phải biết chúng sanh và Phật tâm bình đẳng, trăm ngàn đạo khác chưa giác ngộ thấu triệt, riêng mình đức Phật đại giác Thích-ca ta viên chứng tâm này thật siêu việt, lại thương chúng sanh trong pháp giới mê trái tâm này như anh chàng Diễn-nhã, nên tùy cơ rộng diễn các pháp môn, lắm cách gỡ niêm, cởi trói. Hoặc Thiền, hoặc Giáo, hoặc Luật Nghi, rốt ráo đều đưa về một chỗ, nếu trong đương niệm lìa được năng sở thì trăng rạng giữa trời, nước dồn vào khe.

Nếu như căn độn, cơ chưa chín, nên lấy Tịnh độ để nương tựa. Như Lai tâm triệt để đại bi, rất sợ trung hạ căn luân lạc mãi, nói pháp chẳng thể nghĩ bàn này, khác nào diệu dược a-già-đà. Sanh tín, phát nguyện trì danh Phật, chỉ cầu lâm chung sanh Cực Lạc, như con nhớ mẹ không gián đoạn, cảm ứng đạo giao khó

[924] Trai ở đây là một căn nhà riêng, hay gian nhà yên tĩnh để đọc sách, hoặc để dọn mình trước khi tế lễ.

suy lường! Được Phật tiếp dẫn liền vãng sanh, vĩnh viễn tạ từ biển ác khổ sanh tử, thấy Phật, nghe pháp, ngộ Vô sanh. Viên minh ngũ nhãn, tuyệt màng mộng. Nương Phật từ lực và nguyện luân của chính mình, trở vào Sa-bà độ ngũ trược, khiến cho khắp vô tận các hàm thức khôi phục nguồn tâm, đều thành Phật. Đấy chính là bậc đại trượng phu lỗi lạc, thật sự có bản lãnh tự lợi lợi tha. Một pháp nhiếp khắp hết thảy pháp, pháp ước lược chính là pháp rộng rãi, pháp rộng rãi chính là pháp ước lược. Phật pháp rộng lớn không ngằn mé, điều thiện nhỏ nhặt nào trong thế gian cũng bao hàm, chỉ có phép trường sanh luyện đan trọn chẳng có một lời nào dạy con người học. Hãy thử đọc bộ Hộ Pháp Luận của ngài Thiên Giác, ngài phê phán thẳng thừng, sắc bén, văn từ, lý lẽ rộng rãi, há nào phải nhà Nho riêng xu nịnh Phật, mà chỉ là thấy điều thiện bèn đề cao, không chi không thích đáng.

Một bộ sách Tiên Phật Hợp Tông là do tà nhân hủy báng Phật nên xuyên tạc xằng bậy, trích dẫn lời Phật, bẻ cong ý nghĩa để chứng minh phép luyện đan: Chất trầm độc và cam lộ đựng trong cùng một bát! Ma kinh Huệ Mạng cũng giống như thế, đọc vào bị mù chánh nhãn. Những phường như vậy còn chẳng phải là đồ đệ của Lão tử, đã tước sạch thể thống đạo đức, huống gì đối với tối thượng thừa của đức Như Lai, làm sao họ có thể liễu giải rồi sanh lòng cung kính tận lực tuân thủ? Họ lầm lạc dùng ý nghĩ nhặm lẹ của chính mình để vu báng, kẻ đui dẫn lũ mù đi vào vạc lửa. Giá như có bậc đại lực vì khắp thế gian này gõ mõ gỗ, khiến cho họ ra khỏi nẻo tà trở về đường chánh, ai nấy thân tâm được giải thoát. Nếu cho là lời tôi chẳng đáng nghe, cứ mặc tình bay lên trời và hóa thành hạc. Ông xem đó: Người có trí trong thế gian, ai lại đem ma-ni bắn sẻ vàng. Kiếp xưa nếu đã gieo thiện căn thật sự quyết chẳng bỏ lời dài dòng này, nắm tay kéo đi cũng không được, chấp thuận hay không mặc lòng ông châm chước!

55. Vì chủ rạp hát X… thượng đường[925]

[925] Thượng đường là thuật ngữ trong Thiền Lâm có nhiều nghĩa khác nhau:

1. Lên tòa nói lời khai thị tại thuyết pháp đường. Thường do vị trụ trì tự viện (hoặc một vị trưởng lão) đảm nhiệm, có nhiều loại như đán vọng (giảng trong mồng Một, ngày Rằm), ngũ tham (mồng 5, 10, 20, 25)? v.v..

2. Các nghi lễ trong lễ nhậm chức của vị tân trụ trì.

3. Thượng đường thuyết pháp xong, tới trai đường thọ cúng dường gọi là thượng đường trai.

4. Gian trên của tăng đường gọi là thượng đường, các gian khác gọi là hạ đường. Thông thường, từ ngữ "thượng đường" được hiểu theo nghĩa thứ nhất. Ở đây, tổ giảng thượng đường cho một chủ rạp hát nên dùng nhiều thuật ngữ của nghệ thuật tuồng.

Tam giới vốn là một hý trường (sân khấu diễn tuồng), mọi người hãy gấp trở về quê nhà, đừng đợi đến khi chiêng, trống đều ngưng bặt, chẳng biết nẻo về, phải bơ vơ oan uổng. Pháp không có tướng nhất định, gặp được duyên nào bèn đề cao pháp ấy. Sơn tăng một gậy tùy thân, chẳng ngại gặp sân khấu bèn diễn tuồng, ứng theo căn cơ người đến hỏi khiến cho họ biết đường trở về nhà. Phải biết, tánh thấy - nghe - hay - biết trong một niệm hiện tiền của chúng ta và tánh tịch diệt thường trụ của mười phương ba đời hết thảy chư Phật không hai, không khác. Chỉ vì tâm mê chạy theo cảnh, trái giác, hiệp trần, đến nỗi luân hồi lục đạo, trọn chẳng có lúc ra. Do thiện nghiệp mà tạm được thăng lên nhân thiên, theo ác nghiệp phải đọa vĩnh viễn trong tam đồ. Vạc sôi, lò than, thai lừa, bụng ngựa, hứng chịu muôn nỗi khổ, một linh tánh vĩnh viễn bị mê muội. Tưởng cái thân nghiệp báo trong lục đạo là bổn mạng nguyên thần của chính mình, cậy vào Phật tánh hằng cổ hằng kim chẳng dời chẳng biến để hứng chịu nỗi khổ thoạt chìm, thoạt nổi, chợt thăng, chợt đọa. Hoa trong gương, trăng dưới nước trọn không có thật tướng, chẳng khác gì diễn tuồng trên sân khấu, kép, đào, hề, vua, quan, hầu cận thay vai, nhưng bản lai diện mục chủ nhân ông chẳng biến đổi mảy may.

Tiếc cho chúng sanh mê ngay trong cuộc, coi huyễn là chân, trái bỏ cái mình sẵn có, bị luân hồi oan uổng. Chư Phật, Bồ-tát thương xót, dùng như huyễn tam-muội du hý thần thông chẳng thể nghĩ bàn thị hiện sanh trong thế gian để đồng sự với họ, ứng cơ thuyết pháp, hát lên ca khúc trở về quê hương, chỉ ra con đường trở về nguồn cội, khiến họ đều hiểu cảnh, minh tâm, trái trần, hiệp giác, tự thấy được bản lai diện mục, triệt chứng Phật tánh chân thường. Lại sợ kẻ căn cơ kém cỏi, chưa thể nhanh chóng thoát khỏi trần lao, nếu thọ sanh khó tránh khỏi bị đắm chìm như cũ, liền mở ra phương tiện lớn lao, dạy họ vãng sanh Tây Phương, thoát khỏi sân khấu trở về ngồi yên trong nhà, vĩnh viễn lìa khỏi các khổ, chỉ hưởng những sự vui. Tuy nhiên, nhân mừng dịp vui trai hội, bèn khen một câu, diễn trò một chút (dộng trượng nói): Ôi!

Phùng trai nhược hội khất phạn nhân,
Kham hiện thần thông du hý thân.

(Gặp hội xin cơm kìa mấy kẻ,
Hãy hiện thần thông du hý thân.)

56. Lời chúc dành cho dịp xuất bản nguyệt san Đại Vân

Nhà lửa hừng hực, ngọn lửa thật mạnh. Lại còn tà thuyết giúp thêm uy thế, bác không nhân quả, ai nấy mưu toan tự lợi, anh em trong nhà đánh nhau, trọn

chẳng đoái hoài, kiêng dè. Xót thay đồng bào không được che chở, dẫu muốn thoát lìa chẳng biết về đâu. Bèn có bậc Khai sĩ (Bồ-tát) riêng phát hoằng thệ, đề xướng Phật pháp để cứu tế. Ví như mây to tuôn xuống mưa lớn, khiến cho lửa dữ tắt ngay lập tức. Nhân quả tuần hoàn nêu cặn kẽ lý ấy, dạy "lợi người chính là lợi mình", khiến cho biết được tự tâm và Phật đồng thể, hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, phải nên nâng đỡ như anh, như em. Cạnh tranh tiêu diệt, lễ nghĩa, nhân nhượng hưng khởi, tấn tu tịnh nghiệp, thổi khắp liên phong. Sống dự bậc thánh, mất lên cõi Phật. Chỉ mong báo này lưu thông khắp cõi, mong mấy lời chúc tụng này thích hợp với những điều báo đang đề cao.

57. Diễn từ hoan nghênh hội Phật giáo Đông Doanh (Nhật Bản) đến thăm núi

Như Lai đại pháp trọn khắp pháp giới, tam thừa lục phàm không đâu chẳng nương tựa, bổn ý đức Phật là khiến cho khắp tất cả đều được thành Phật. Do căn cơ bất nhất, đối bệnh phát thuốc, Đại - Tiểu, Quyền - Thật, Thiên - Viên, Đốn - Tiệm, Tông, Giáo, Luật, Mật đều thích nghi. Như bốn cửa thành vào bằng cửa nào đều được, theo đường về nhà đỡ tốn tâm lực. Bình, mâm, thoa, xuyến vốn cùng là vàng; trăm ngàn pháp môn chẳng lìa tự tâm. Chứng được tự tâm thì gọi là thành Phật; đạt cái không thể đạt được, viên mãn ba giác. Nhưng các pháp ấy đều cần tự lực, nghiệp tận tình không mới đạt được lợi ích thật sự. Kẻ lợi căn sẽ đạt được ngay trong hiện đời; nếu độn căn kém cỏi, trải bao kiếp khó đạt được. Do vậy đức Như Lai riêng rủ lòng từ mẫn, mở ra môn Tịnh độ để cứu vớt hết thảy, bất luận thượng thánh cùng với hạ phàm đều cùng trong đời này lên chín phẩm sen. Pháp tuy vô lượng nhưng năm tông này nhiếp trọn. Cầu lấy pháp ổn thỏa, chỉ có Tịnh độ là tối thắng. Dùng quả địa giác làm nhân địa tâm, nhân quả bao gồm trọn khắp, mầu nhiệm không gì sánh bằng. Do vậy, kinh luận không gì chẳng tán dương rộng rãi, những người gánh vác pháp đạo làm cho khắp mọi người quyết định thành tựu.

Đại pháp truyền sang Đông gần hai ngàn năm, Luật, Giáo, Thiền, Mật hoằng truyền khắp cõi. Một tông Tịnh độ bắt nguồn từ Lô Sơn, mãi cho đến nay hết sức hưng thạnh. Một nước Nhật Bản tuy ở phía Đông, núi sông un đúc, đời nào cũng có bậc cao hiền. Xét từ thời Đông Tấn, pháp truyền sang cõi ấy, từ đấy người sang đây học chẳng đếm nổi số, tam giáo ngũ tông, Đông Lâm, Nam Sơn, Kim Cang, Bí Mật đều do từ đây mà truyền. Những trước thuật của cổ đức phần nhiều được bảo tồn, khiến cho các nước cầu pháp tìm được cửa. Bởi lẽ đó, nhân tài đông đảo, bờ cõi tuy nhỏ lại xưng hùng toàn cầu.

Năm ngoái hội Phật giáo Nhật Bản mời sang thăm viếng, tiếp đãi ân cần, quà tặng nồng hậu. Năm nay đến thăm núi, thẹn chẳng có vật báu để biếu khách quý hầu thỏa tấm lòng. May có bộ sách mới tên là Quán Âm Tụng, nhờ đây biểu lộ chút lòng thành, dùng làm quà tặng. Từ ân của Đại sĩ trọn khắp pháp giới, chuyện nhỏ nhặt như thế này làm sao thể hiện lòng cảm kích cung kính cho được? Chỉ nguyện các vị đều vốn sẵn lòng từ của Phật, giúp vua hoằng pháp, chỉ thực thi lòng nhân từ. Phàm những gì thuộc về quốc dân đều coi như một thể, chẳng phân chia khu vực, chẳng có chút riêng tư. Người đã được gội ân, trời tự mến đức mà ban điều lành, đạt được phước vĩnh cửu chẳng sai. Người giàu tặng của, người nhân tặng lời, thẹn chẳng thật có hai thứ ấy, chỉ dâng lời suông. Chú trọng đến quyền thế, lợi lộc, trải bao kiếp bị trừng phạt; chú trọng đến đạo nghĩa Bồ-đề ắt sẽ thành tựu. Lời nói suông chẳng trống rỗng, pháp đạo lưu thông, các nước bắt chước theo, tiếng tăm vô cùng!

58. Bài minh trên bia mộ của Hoàng Thái Phu Nhân mẹ ông Lý

Sách Luận Ngữ chép: "Thiên hạ loạn lạc, thất phu có trách nhiệm", bởi lẽ thiên hạ do mỗi một nhà hợp thành. Nếu chồng vợ từng nhà đều biết đạo nghĩa cũng như nhân quả, giữ vẹn bổn phận, trọng luân thường, tận tụy thực hành chẳng thiếu sót thì con cái do họ sanh ra sẽ quen thấy quen nghe, như nước trút vào đồ đựng, như vàng được đúc khuôn, tánh tình tự thành hiền thiện, ắt chẳng đến nỗi bạo ác, phóng túng, coi làm ác là chuyện đương nhiên. Nhưng con người có hiền hay không là nhờ nơi mẹ, so với cha thì con chịu ảnh hưởng của mẹ nhiều hơn lắm. Do lúc trong thai bẩm thụ khí chất của mẹ, lúc nhỏ được mẹ chăm nom nên chẳng mong như vậy mà lại thành vậy. Vì thế Chu Tử viết sách Tiểu Học, trong chương mở đầu bèn nói về chuyện thai giáo. Văn Vương, Võ Vương, Chu công, Khổng, Mạnh đều nhờ hiền mẫu gầy dựng cái gốc nên thành đức đạt tài trở thành thánh nhân. Do vậy, biết rằng quyền của đàn bà giúp chồng dạy con thật ra chẳng kém gì đạo trị nước yên dân của đàn ông. Nhưng cõi đời hiểu lầm, thực hành ngược ngạo, chẳng dốc sức nơi đây lại lo tham chánh làm quan. Nào có khác gì cầm đao phía lưỡi bén, chẳng bị đứt tay ngay lập tức ư?

Ông Lý Nguyên Hiền thuộc giới buôn bán, có phong cách của nhà Nho, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tận lực hành đạo hiếu hữu, chuộng thiện, ưa thí, ấn tống thiện thư. Quang đoán trong gia đình ông về mặt giáo dục ắt phải có người lỗi lạc. Nay ông gởi cho xem hành trạng của mẹ, xin Quang viết lời minh cho bia mộ, mới biết mình đoán không lầm. Căn cứ theo bài tường thuật thì phu nhân họ Hoàng, người làng Thủy Ma, huyện Vĩnh Xuân, lúc nhỏ mẹ chẳng phải nhọc công

dạy dỗ, tánh tình nhân hiếu, từ hòa, hiểu việc đời sâu xa. Năm 26 tuổi lấy ông Lý Kế Như. Ông Như mồ côi từ nhỏ, nhà nghèo, lênh đênh trơ trọi. Phu nhân vui theo mạng trời, siêng năng dệt cửi kiếm sống để ông Như yên tâm kinh doanh, khỏi phải bận tâm việc nhà hòng tạo thành sự nghiệp. Thường mấy năm mới quay về, vợ chồng kính trọng nhau như khách. Thoạt đầu không có con, bèn nuôi con nuôi là Nguyên Xuân, xem như do chính mình đẻ ra. Về sau sanh được Nguyên Hiền và con gái là Cầm Nương, đều thương yêu như nhau, trọn chẳng hề phân biệt thân sơ. Đến khi hai con khôn lớn, nhà đã hơi khá giả, phu nhân vẫn siêng năng, tiết kiệm, ôn hòa như cũ. Ông Như thấy thế, vui vẻ, bảo với hai con: "Nhà ta được như ngày nay đều là do mẹ các con siêng năng tiết kiệm, chăm chút giữ gìn mà được vậy!"

Cuối thời Quang Tự nhà Thanh, ông Như quay về dựng nhà, gã thổ phỉ ở địa phương biết ông giàu có, toan nuốt trộng, bèn kiện lên quan. Phàm những việc thuê nhân công, mua vật liệu, tính toán chi dụng đều do phu nhân đích thân trông nom. Do phu nhân bình thời giúp nạn cứu nghèo, giúp đỡ kẻ mồ côi, góa bụa, sửa cầu, chữa đường, chấn hưng công ích, khiến xóm làng cảm động, bội phục, cho nên thiện nhân quân tử đều muốn cứu giúp. Gã thổ phỉ sợ mọi người giận dữ, khó thể xâm phạm nên đành ỉm việc ấy đi. Do đây mà biết được tài đức, kiến thức của phu nhân vậy. Đến khi ông Như mất đi, phu nhân liền trì trai niệm Phật, dạy các cháu đọc sách. Cầm Nương sớm góa bụa, nhà nghèo, cụ liền cho đón về nhà nuôi, khuyên răn những đại nghĩa như thủ tiết nuôi con côi, và tụng kinh niệm Phật, mẹ con giúp nhau tu trì làm lệ thường. Tuổi già, cháu chắt quanh quần dưới gối. Nguyên Hiền lại kế tục nghề cha, phu nhân càng ráo riết khuyên răn chớ tự mãn, hãy khiêm tốn, chẳng để cho người trong nhà kiêu ngạo, xa hoa và sát sanh. Phàm ra ngoài đều cầm theo tiền bạc để mong gặp người nghèo cùng thì chu cấp cho. Thói ưa thiện chuộng thí xuất phát từ thiên tánh. Cụ làm chuyện lành rất nhiều, tạm nêu một hai chuyện:

Cầu Đông Quan trong ấp là con đường trọng yếu trong ấp, bị gió lốc phá hủy, gặp lúc thế đạo loạn lạc, không ai hỏi đến. Phu nhân đi qua đó, nôn nao thương cảm, lập tức bảo Nguyên Hiền chọn ngày tu bổ, phí tổn lớn lao nhưng không tiếc nuối chút nào. Cầu xây xong, nhân sĩ trong ấp làm hoành phi, câu đối ca tụng. Nguyên Hiền buôn bán ở Tinh Châu (Singapore). Năm Dân Quốc thứ 10 (1921), do địa phương không yên ổn, bèn đón mẹ xuống phương Nam. Hoa kiều ở Tinh Châu muốn lập y viện Hoa Kiều (bệnh viện của kiều bào người Hoa), phu nhân liền quyên ra một vạn đồng để xướng suất. Về sau phí tổn lớn quá, không thể thực

hiện được, phu nhân sai đem khoản tiền ấy để lo cho việc bình thiếu[926] và trường học trong ấp. Cụ thường sợ hai con chẳng thấu hiểu ý, bèn nói: "Không phải là mẹ không mong nhà mình giàu có, nhiều lần đem những khoản tiền lớn ra làm việc nghĩa chính là vì các con trừ họa, tích đức đấy, hãy khéo hiểu ý mẹ!"

Đến năm Dân Quốc 12 (1923), tức năm Quý Hợi, nhằm giờ Thân ngày 19 tháng 5, cụ mất tại chỗ trú ngụ bên Tinh Châu. Cụ sanh vào giờ Tuất ngày mồng 2 tháng 10 năm Kỷ Mùi, nhằm năm Hàm Phong thứ chín (1859), hưởng thọ 65 tuổi. Vào ngày… tháng… năm Dân Quốc 16 (1927) hợp táng với Kế Như tại núi Đại Bằng ở ấp nhà. Hai con trai, một con gái, tám cháu trai, năm cháu gái, chắt năm đứa. Ôi, như phu nhân có thể nói là giữ đức hạnh người nữ, giúp đỡ chồng, làm thầy nữ giới, nêu gương cho bạn khuê các, trọn hết đạo làm mẹ, chẳng nhục đấng sanh thành! Nếu những kẻ làm mẹ trong cõi đời đều được như phu nhân thì nào đến nỗi người trong nhà đánh nhau, giết hại lẫn nhau khiến cho vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống, cũng như đủ mọi thiên tai thường thấy xảy ra. Tôi thường nói: "Quyền trị quốc bình thiên hạ, nữ nhân chiếm quá nửa." Lại nói: "Dạy con là cái gốc để trị quốc bình thiên hạ, nhưng dạy con gái lại càng thiết yếu!" Ấy là vì đời thiếu hiền nhân là do cõi đời thiếu hiền mẫu. Có hiền nữ ắt sẽ có hiền thê, hiền mẫu; có hiền thê, hiền mẫu thì chồng con họ chẳng thành hiền nhân cũng hiếm hoi lắm! Những ai muốn vãn hồi thế đạo, chánh nhân tâm hãy nên dốc sức nơi việc này.

Minh rằng: Cao đẹp thay cụ Lý! Bẩm tánh hiền thục, nhân hiếu từ hòa vốn sẵn tánh trời. Giúp chồng dạy con thảy đều thích đáng. Phước do đức lớn, họa do lìa nhân từ. Cứu nạn giúp nghèo, giúp đỡ kẻ mồ côi, góa bụa. Phàm có chuyện nghĩa không gì chẳng hỷ xả. Dựng cầu lợi người, phí tổn lớn lao chẳng tiếc. Y viện chưa lập, đem tài khoản giúp người cùng quẫn. Biết giàu chiêu họa, nhiệt tâm làm việc nghĩa, tích đức để làm kế sách vĩnh viễn chẳng bị suy sụp. Dốc lòng tin Phật pháp, tu trì nghiêm cẩn, mẹ con đồng tâm, nêu gương nữ giới. Nhờ công đức này cầu sanh Tịnh độ, do lòng thành chiêu cảm, được Phật đón rước. Vị hiền mẫu này xứng mặt anh thư; nếu mẹ nào cũng được như thế đời sẽ tự thái bình. Cảm cõi đời cạnh tranh, càng ngưỡng mộ tấm gương tốt lành, nên viết những nét chánh để làm gương soi đời.

[926] "Bình thiếu" là mua trữ sẵn gạo để chờ lúc gạo tăng giá vì mất mùa, chiến tranh chẳng hạn, bèn tung ra bán cho dân với giá bình thường khiến cho giá gạo không tăng lên được.

59. Bài ca ngợi nhân dịp mừng cư sĩ Phan Đối Phù sắp được bảy mươi tuổi

Cao đẹp thay cư sĩ! Nương đại nguyện luân thị hiện trong cõi đời trược ác này, hiện thân tể quan, nhẹ gảy khúc đàn, gió nhân chở đạo, đến khi về hưu, tu trì càng sâu. Ban ân cho kẻ nghèo khốn, thí khắp gạo tiền. Hưng khởi chốn tịnh cư, khôi phục đạo tràng cổ, kiêng giết, phóng sanh, khuyên dạy siêng gắng. Nghĩ đến kiếp vận, không dùng những cách trên đây sẽ chẳng thể cứu giúp được. Tuổi thọ sắp được bảy mươi, tuổi càng cao càng khỏe. Tâm tâm Di-đà, thường trụ chẳng dời, làm sứ giả của Như Lai phù tá Pháp Vương, dẫn khắp đồng nhân cùng lên Lạc Bang.

60. Ca tụng hạnh cao đẹp của cư sĩ Vương Hân Phủ

Ông Vương Ư Mục xưa đã trồng cội đức, bẩm tánh chuyên dốc, giữ hạnh nghiêm cẩn, hiếu dưỡng cha mẹ, đối xử hòa mục từ ái với tông tộc, cảm hóa xóm làng, chuyển biến thói tục thành thuần thục. Lúc làm quan nắm quyền chỉ chăm chú làm lợi cho dân, cai quản bảy ấp, mọi người đều ca tụng là bậc chí nhân. Mỗi khi xử án, chẳng cần rườm lời, cứ thật lý, thật tình xử cho thích nghi, thượng quan tin cậy, hạ dân cảm kích. Trong cuối đời Thanh, không ai được tiếng bằng ông; nhưng vì bản tánh chất phác, chẳng bận tâm bợ đỡ, khiến cho chức phận đến cuối cùng vẫn chỉ là quan huyện. Mong tận thiên chức, không màng tiếng tăm, chỉ nội việc này cũng đủ tỏ tấm lòng trong trắng. Tuổi tri mạng (50 tuổi) từ quan, mong tận hiếu dưỡng, hưng khởi học vấn, giữ vẹn bổn phận, nêu gương cho đời. Đến tuổi vãn niên, lịch duyệt càng sâu, dốc sức tu tịnh nghiệp, mong thoát khổ luân. Đến khi lâm chung, quả nhiên thỏa túc nguyện, được sanh Tây Phương, có thể nghiệm thấy qua hơi nóng trên đảnh đầu. Nhìn hình tượng ông, đọc hành trạng của ông, thật là gương cao tột cho cõi đời. Do vậy chọn lấy những nghĩa chánh yếu, viết thành bài tụng để mong nêu tấm gương lành cho con, cho cháu.

61. Ca ngợi chuyện quy Tây của Tưởng Thái Phu Nhân mẹ ông Vương

Xét nghĩ đức đẹp đáng ca ngợi của cụ Vương: từ hòa, an tường, vui vẻ, hòa thuận, làng nước đều nghe tiếng. Trên học theo hai bà Phi[927] và ba bà Thái, con cháu hiền thiện, đáng bậc mẫu nghi. Con cả tên là Chấn, hiếu từ bậc nhất, phàm có chuyện lành gì thảy đều giúp sức. Khi xưa, trông thấy con liền biết được mẹ,

[927] Tức hai bà Nga Hoàng và Nữ Anh đã được nhắc đến trong chú thích trong bài 37 "Văn tế bà nội ông Hồ Gia Khoa".

bởi không có mẹ như vậy, sao có con như vậy? Dốc sức tu sự thiện thế gian, thâm tín Phật thừa, mẹ con đồng lòng niệm Phật cầu vãng sanh. Tuổi quá bát tuần (80), thân tâm mạnh mẽ, nhớ Phật niệm Phật chẳng tạp, chẳng loạn. Đến khi lâm chung chánh niệm phân minh, qua đời tốt lành, theo Phật về Tây. Ngự lên chín phẩm sen, địa vị chứng Bất thoái, lưu lại gương đẹp này vĩnh viễn cho các ngươi.

62. Ca ngợi chuyện quy Tây của Uẩn Không Trương Phu Nhân *(bà này vốn tên là Uẩn Tuyên, pháp danh là Uẩn Không)*

Lúc nói ngũ uẩn đương thể là không. Hiểu rõ ý nghĩa này, hoặc nghiệp tiêu dung. Bẩm tánh nhân ái, thương dân yêu vật, từ bi hỷ xả, thảy đều bộc lộ. Tu chân trong cõi tục, sống trong cõi trần học đạo, phát trọn ba tâm chuyên trì Phật hiệu. Tinh thành cùng cực bèn cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn, vượt ngang ra khỏi Nhẫn Giới (cõi Sa-bà). Đoái tưởng, dặn dò dâu, con phải nên thường niệm. Tự lợi lợi tha, từ chỗ này có thể thấy được! Kính khuyên những ai thấy nghe đều phát tín tâm, ngõ hầu đều chứng diệu nhân ngay trong đời hiện tại.

63. Ca ngợi hạnh đẹp của Dương Thái Phu Nhân mẹ ông Vương

(Mẹ ông Vương Cửu Linh ở Vân Nam, tánh tình tịnh định, không chấp trước. Một vị cư sĩ nói: "Phu nhân đời trước đã từng tham thiền, ngộ nhưng chưa chứng")

Tâm tánh của chúng sanh giống như chư Phật. Mê hay ngộ, hướng về hay chống trái đều có duyên do. Cao quý thay cụ Vương, túc căn rất sâu, hiếu hữu từ thiện, đức dày nêu gương cho nữ giới, tướng mạo như núi, tánh tình như đá, quyết định, phán đoán không ai dò biết được. Tuy chưa đọc sách tâm vẫn hợp đạo, biểu hiện, lời lẽ đều thuộc về những nghĩa lý trọng yếu. Khổ vui, tốt xấu, hiểm lành, thuận nghịch đều xem bình đẳng, có sức trấn tịnh. "Xét quả nghiệm nhân thì đời trước đã từng học thiền, ngộ nhưng chưa chứng", lời ấy khá đúng! "Đại chúng chịu khổ, há ta hưởng vui riêng? Thăng trầm tùy duyên", đích thị là phong thái nhà Thiền (Cửu Linh khuyên mẹ niệm Phật vãng sanh, bà đáp: "Đại chúng chịu khổ, há ta hưởng vui riêng? Ta chỉ mặc cho thăng trầm tùy duyên mà thôi"). Chỉ biết tự lực, chẳng biết Phật lực, nên đến nỗi đối với Tịnh độ đánh mất lợi ích lớn lao. Con đã tin sâu, thay mẹ tu trì, ắt sẽ nhờ vào lòng từ của đức Phật gởi thân nơi ao sen. Một khi lên được cõi Tịnh, triệt chứng duy tâm, mới có thể nương nguyện phổ độ quần luân.

64. Ca tụng điềm lành do chép kinh của phu nhân Cung Viên Thường

Phu nhân của cư sĩ Khoái Nhược Mộc là bà Cung Viên Thường trường trai thờ Phật, tu trì nghiêm cẩn. Năm Dân Quốc thứ năm (1916), chích máu cánh tay chép các kinh chú Di-đà, Địa Tạng, Đại Bi, Vãng Sanh v.v. để cầu tiêu trừ túc nghiệp, lâm chung vãng sanh. Đến ngày viên mãn, vào lúc quá nửa đêm, đi nằm chưa ngủ, chợt thấy phía cuối chân giường hiện ra một viên quang to như cái mâm, sáng hơn ánh chớp, cả hơn một giờ mới biến mất. Đã thấy tướng lành ấy bà càng thêm tinh tấn, mấy năm sau, niệm Phật qua đời. Nhược Mộc bèn kiểm lại những kinh do bà đã chép bằng máu, cho là chuyện này có thể khơi gợi tín tâm nên liền vẽ hình, viết lời thuật rõ, gởi một phần cho Quang. Do vậy Quang bèn ca tụng rằng:

Tuyệt thay phu nhân Cung, xưa trồng đại thiện căn, chí muốn chấn hưng nữ giới, thị hiện sanh trong nhà nổi tiếng, bẩm tánh hiếu hữu, từ ái. Từ nhỏ mẹ đã ít phải nhọc công dạy dỗ, thờ cha mẹ, phụng dưỡng bố mẹ chồng, trong ngoài không bị chê trách. Giúp chồng dạy con cái, mỗi mỗi đều hợp lễ, vận xấu, vận tốt chẳng phiền hay vui. Do tri mạng nên mới được như thế. Đến khi nghe Phật pháp, dốc sức quay trở lại nghe nơi tánh nghe, muốn chứng lẽ thật viên thường, chép kinh để nối tiếp viên âm, giơ lưỡi dao vô tình, chích máu từ cánh tay, khiến cho máu phàm phu hoàn toàn trở thành lời đấng Thiện Thệ. Phàm thánh vốn bất nhị, kinh và máu hòa vào nhau chẳng khác. Do vậy khế hợp chân trí, tánh quang bèn tiết lộ. Tánh quang vừa viên vừa thường, há đâu vừa nhỏ vừa ngắn ngủi? Phải biết có đủ vô minh thì không thể thấu tỏ toàn thể. Cậy vào sức tu trì ấy, hồi hướng sanh Tịnh độ, lâm chung được Phật tiếp dẫn, gởi thân trong sen báu. Thấy Phật chứng Vô sanh, tu Phổ Hiền hạnh nguyện, lúc trí đoạn rốt ráo, tánh quang mới hiện hoàn toàn. Ông Khoái tiếc cho người đời đa phần chưa giác ngộ, nhờ vào bức thụy ứng đồ (bức tranh mô tả điềm cảm ứng tốt lành) này để dẫn nhập người đời bước vào Như Lai địa.

65. Nêu bày ý nghĩa ẩn tàng của việc khuyên trì kinh Kim Cang

Mười pháp giới thánh - phàm, chúng sanh - Phật, cao - thấp bất đồng, khổ - vui thật khác biệt, nhưng bản thể của cái tâm đều tịch chiếu thường hằng, chẳng sanh, chẳng diệt, linh minh tinh diệu, không biến, không dời. Nói "con người cùng một tâm này, tâm cùng một lý này; hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh" là vì lẽ này vậy. Phải biết cái tâm này chẳng liên can đến nhân - quả, tu - chứng, phàm - thánh, chúng sanh - Phật, nhưng nhân - quả, tu - chứng, phàm - thánh, chúng sanh - Phật đều được kiến lập trên cái tâm này. Ấy là vì thể tuy bất biến, dụng thường tùy duyên. Hễ theo ngộ tịnh duyên bèn thành tứ thánh pháp giới,

nếu theo mê nhiễm duyên liền thành lục phàm pháp giới. Dù ngộ tịnh đến cùng cực viên mãn Bồ-đề, an trụ trong Tịch quang, hay mê nhiễm đến tột cùng vĩnh viễn đọa trong A-tỳ, chịu các nỗi khổ cùng cực, căn thân khí giới[928] cố nhiên phải khác biệt một trời một vực, nhưng bản thể của tâm đều hoàn toàn chẳng có tăng thêm hay bị tổn hoại trong những thời gian ấy. Nếu biết được nghĩa này, ai lại chịu dùng cái tâm có thể thành Phật đầy đủ pháp lạc này để làm chúng sanh vĩnh viễn oan uổng hứng chịu nỗi khổ sanh tử luân hồi?

Kinh Kim Cang là diệu pháp để triệt chứng tự tánh ngay nơi tự tâm của hết thảy chư Phật, là con đường tắt để hết thảy chúng sanh rốt ráo siêu phàm nhập thánh. Vì thế nói: Hết thảy chư Phật và pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác của chư Phật đều phát xuất từ kinh này. Kinh Hoa Nghiêm ghi: "Lạ thay, lạ thay! Hết thảy chúng sanh đều có đủ trí tuệ của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa được vọng tưởng thì nhất thiết trí, vô sư trí, vô ngại trí liền được hiện tiền." Do vậy kinh này nhiều lần răn cấm trụ vào pháp, chấp vào tướng, bởi lẽ trụ vào pháp chấp vào tướng thì tuy có tu tập, vẫn trọn chẳng thể thoát ra ngoài vọng tưởng, chấp trước. Nếu toàn thể đã thuộc trong vọng tưởng, chấp trước thì trí tuệ Như Lai còn do đâu hiển hiện triệt để được nữa? Do vậy, kinh dạy phát tâm Bồ-đề độ thoát hết thảy chúng sanh, khiến cho họ nhập Vô dư Niết-bàn hòng diệt độ, nhưng lại chẳng thấy có một chúng sanh nào được diệt độ. Bởi lẽ, tâm chúng sanh vốn sẵn có Vô dư Niết-bàn, nhưng do mê chân chạy theo vọng nên biến thành phiền não nghiệp khổ, chứ tự ban đầu nào bị mất đi. Đã được chỉ dạy bèn bỏ vọng theo chân, thì phiền não nghiệp khổ lại trở thành Vô dư Niết-bàn, chứ nào phải đến bây giờ mới có! Ước theo trí thì gọi là trí tuệ Như Lai, ước theo lý thì gọi là Vô dư Niết-bàn. Tên gọi tuy khác, thể vốn là một. Do tâm trụ vào thật tướng, chẳng trụ nơi huyễn tướng, nên bên trong chẳng thấy ta là người độ, vì vậy không có ngã tướng; ngoài thì chẳng thấy có người khác và chúng sanh được độ nên không có nhân tướng và chúng sanh tướng; chính giữa chẳng thấy Vô dư Niết-bàn để đạt được nên không có thọ giả tướng. Bốn tướng đã không thì tam luân thể không, cho nên vạn hạnh khởi như mây nhóm, chẳng chấp vào một pháp nào. Do đó chẳng trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp để hành các hạnh như bố thí v.v.. Bố thí đứng đầu lục độ vạn hạnh nên kinh chỉ nêu hạnh đầu tiên để làm chuẩn cho những hạnh khác. Lời Phật hay khéo, chẳng cần

[928] Khí giới là một thuật ngữ của Hoa Nghiêm tông, chỉ hoàn cảnh bên ngoài để cho chúng sanh hữu tình nương vào đó mà tồn tại, như sơn hà, đại địa v.v.. Nói cách khác, khí giới còn gọi là y báo, căn thân là chánh báo.

phải rườm lời! Như vậy thì sóng trào biển hạnh, mây bủa trời từ, chẳng hề khoe khoang, làm mà không thấy mình làm thì trên khế hợp quả giác của Như Lai, dưới khế hợp tự tánh của tự tâm, cho nên thọ trì bốn, ba, hai, một câu kệ, công đức bằng với mười phương hư không. Người đời chẳng biết nhìn vào chỗ lìa tướng vô trụ, bèn bảo kinh này phá tướng, chẳng biết kinh này chính là vô thượng diệu tướng dạy người rộng hành lục độ vạn hạnh, thượng cầu hạ hóa, khởi lòng từ vô duyên, vận lòng bi đồng thể. Phải biết lợi ích thật sự nơi Phật pháp ắt phải do chẳng chấp trước, do vô trụ mà đạt được. Muốn chẳng chấp trước, chẳng trụ mà không tận hết lòng thành, cạn hết lòng kính thì không được. Tận hết lòng thành, cạn hết lòng kính chính là đạo trọng yếu để tu tập Phật pháp thành thủy thành chung vậy. Đại sư Chân Đạt muốn khiến cho người thọ trì đều dấy tâm hoan hỷ, thành kính, bèn thỉnh cư sĩ Uông Hồng Tảo chép kinh theo lối chữ khải để ấn hành lưu thông, và kèm thêm bài ca tụng công đức đằng sau ngõ hầu người thọ trì đều đạt được sở đắc như tiền nhân.

66. Nêu bày ý nghĩa ẩn kín của ba mươi hai ứng thân Quán Thế Âm Bồ-tát

Quán Thế Âm Bồ-tát thệ nguyện hoằng thâm, từ bi rộng lớn, tuy đã thành Đẳng chánh giác, nhưng lại thị hiện làm Bồ-tát. Tuy đã thị hiện thân Bồ-tát, lại còn hiện đủ mọi sắc thân trong mười phương pháp giới, tầm thanh cứu khổ độ thoát chúng sanh. Hiện thân trong mười pháp giới, không thân nào chẳng hiện, khiến cho hết thảy chúng sanh xưng danh chí kính trong hiện tại lìa được những huyễn khổ đang phải gánh chịu, tương lai được thành tựu sự vui chân thật là thành Phật. Ngài có nhân duyên sâu đậm nhất đối với thế giới Sa-bà này, vì vậy trong phẩm Phổ Môn, Vô Tận Ý Bồ-tát nghe xong nhân duyên Quán Thế Âm Bồ-tát có được danh hiệu như vậy, lại hỏi đến chuyện Bồ-tát dạo qua thế giới này, phương tiện thuyết pháp; đức Phật bèn nói đại lược ba mươi hai ứng thân để chỉ dạy đại khái. Ba mươi hai ứng thân là trong bốn thánh pháp giới thuộc mười pháp giới, chỉ lược nêu ba thân pháp giới Phật, Bích-chi Phật (tức Duyên giác) và Thanh văn (thân Bồ-tát chính là bổn vị nên chẳng nhắc đến). Trong sáu phàm pháp giới thì về loài trời, nêu đại lược sáu thân: Phạm Vương, Đế Thích, Tự Tại Thiên, Đại Tự Tại Thiên, Thiên Đại Tướng Quân, Tỳ-sa-môn Thiên[929] mà thôi. Với loài

[929] Tỳ-sa-môn (Vaiśravana), dịch nghĩa là Đa Văn, hoặc Chủng Chủng Văn Thiên, là một trong bốn Đại Thiên Vương, lãnh nhiệm vụ thủ hộ phương Bắc cõi Diêm-phù-đề. Cung điện của ngài ở mặt Bắc tầng trời thứ tư ngang hông núi Tu-di. Ngài thống lãnh loài dạ-xoa, la-sát v.v.. Thường thủ hộ đạo tràng, nghe giảng Phật pháp nên mới có tên là Đa Văn. Ở Ấn Độ, ngài còn

người thì nêu mười lăm thân: tiểu vương, trưởng giả, cư sĩ, tể quan, bà-la-môn, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, đồng nam, đồng nữ, các thân phụ nữ thuộc hàng trưởng giả, cư sĩ, tể quan, bà-la-môn. Trong tám bộ thì trời đã được nêu trong phần trước, nên ở phần này không kể ra nữa, chỉ có rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, lại còn có Chấp Kim Cang Thần[930]. Tám thân này thì thân tu-la thuộc vào tu-la pháp giới, kỳ dư đều thuộc

---

được coi là vị thần Chiến Thắng nên rất được vua chúa sùng bái. Ngài thường được tạc tượng mặc giáp trụ, đạp trên hai con quỷ, tay trái bưng bảo tháp, tay phải cầm gậy báu.

[930] Càn-thát-bà (Gandharva) là một trong những thiên chúng thuộc quyền cai quản của Đông phương Đề-đầu-lại-tra thiên vương (Dhṛtarāṣṭra), là nhạc thần của Đế Thích, thích ngửi mùi hương, nên thường được dịch nghĩa là Hương Thần.

Khẩn-na-la (Kimnara) cũng là nhạc thần, có đầu chim hình người.

Ma-hầu-la-già (Mahoraga) là loại rắn lớn, có thần thông, nhưng thường hay bị chim ca-lâu-la bắt ăn thịt.

Chấp Kim Cang Thần (Vajrapani): Trong Mật Giáo, Chấp Kim Cang Thần là danh xưng chung của những vị Kim Cang thần, do các vị này tay thường cầm Kim Cang Xử nên có danh xưng như thế. Danh xưng của các vị thường được hiểu như sau:

1. Mười sáu vị Chấp Kim Cang Thần trong hội Thành Thân thuộc Kim Cang Giới Mạn Đồ La, gồm: Hư Không Vô Cấu Kim Cang, Kim Cang Luân, Kim Cang Nha, Tô Rị Đa (Diệu Trụ) Kim Cang, Danh Xưng Kim Cang, Đại Phận Kim Cang, Kim Cang Lợi, Tịch Nhiên Kim Cang, Đại Kim Cang, Thanh Kim Cang, Liên Hoa Kim Cang, Quảng Nhãn Kim Cang, Chấp Diệu Kim Cang, Kim Cang Kim Cang, Trụ Vô Hý Luận Kim Cang, Hư Không Vô Biên Du Bộ Kim Cang. Theo sách Kim Cang Đảnh Du Già Tam Thập Thất Tôn Xuất Sanh Nghĩa thì mười sáu vị Chấp Kim Cang Thần này do tâm Bồ-đề mạnh mẽ của hết thảy Như Lai hóa hiện, biểu thị lúc đức Như Lai tu hành có vi trần tâm chướng phiền não, Phật dùng trí tuệ sắc bén như chất kim cang đập tan, thành tựu trí môn nhiều như vi trần. Do dùng trí tuệ kim cang đối trị phiền não nên các vị Kim Cang này được tạc hình tướng dữ tợn, hung ác.

2. Tứ Chấp Kim Cang: Lại gồm hai thuyết:

a. Những vị Kim Cang thần thủ hộ bốn cửa đàn Quán Đảnh, tức là Trụ Vô Hý Luận Kim Cang ở phương Đông Nam, Hư Không Vô Cấu Kim Cang ở phương Tây Nam, Vô Cấu Nhãn Kim Cang ở phương Tây Bắc, Bị Tạp Sắc Y Kim Cang ở phương Đông Bắc. Sách Đại Nhật Kinh Sớ giảng: "Đàn Quán Đảnh hình vuông tượng trưng cho Tâm Vương Kim Cang Giới. Trụ Vô Hý Luận chính là tam thế vô ngại trí giới nơi bản tánh vốn thanh tịnh. Hư Không Vô Cấu là nương vào trí giới không chướng ngại, dứt trừ mọi hý luận, thanh tịnh như hư không. Vô Cấu Nhãn là giống như hư không hễ không có cấu chướng thì thấy được hết thảy, giống như bát-nhã lìa hết thảy tướng, nhưng không gì chẳng thấy nghe hay biết. Bị Tạp Sắc Y giống như người mắt sáng tự tại làm mọi việc, xem thấy hết thảy các căn duyên, khéo léo chỉ dạy."

b. Bốn vị đại thần Đất, Nước, Gió, Lửa trong Kim Cang Giới Hiện Đồ Mạn Đồ La. Những vị thần này đứng ở bốn góc hội Thành Thân, tay cầm Kim Cang xử nên gọi là Chấp Kim Cang Thần.

3. Mười chín vị Chấp Kim Cang Thần trong pháp hội Đại Nhật, là quyến thuộc của Phật Tỳ-lô-giá-na, gồm: Hư Không Vô Cấu, Hư Không Du Bộ, Hư Không Sanh, Bị Tạp Sắc Y, Thiện Hạnh, Trụ Nhất Thiết Pháp Bình Đẳng, Ai Mẫn Vô Lượng Chúng Sanh Giới, Na La Diên Lực, Đại Na La Diên Lực, Diệu, Thắng Tấn, Vô Cấu, Nhẫn Tấn, Như Lai Giáp, Như Lai

thiên pháp giới, hoặc thuộc súc sanh, hoặc thuộc quỷ. Lục phàm pháp giới chỉ thiếu địa ngục pháp giới.

Nhưng đây là nói tóm lược, chứ không phải là Bồ-tát không hiện thân trong chốn đó để cứu khổ. Phải biết, ba mươi hai ứng thân chẳng qua là nói sơ lược đại khái để nêu ví dụ cho những thân khác, nếu nói tường tận thì chẳng thể kể trọn hết được. Bồ-tát hưng khởi lòng từ vô duyên, vận lòng bi đồng thể, tùy cơ ứng hiện, thần biến khôn ngằn, nếu hiểu được ý thì diệu nghĩa sẽ phô bày trọn vẹn. Nếu cứ khư khư chấp nhặt vào tích để luận thì đã đánh mất sự hay khéo "chẳng động chân tế, hiện các oai nghi, trọn không tính nghĩ, không gì chẳng thích đáng, như một vầng trăng in bóng khắp ngàn con sông, ngàn con sông đều hiện toàn vẹn bóng trăng, một mùa xuân tăng trưởng khắp mọi cây cỏ, mỗi loài đều được hưởng ánh nắng xuân" của Bồ-tát vậy! Nhưng Bồ-tát chẳng chỉ hiện thân hữu tình, [mà còn hiện những thân vô tình] như núi, sông, thành trì, lầu, đài, nhà cửa, cầu, bến, đường sá, cây cối, thóc lúa, tùy theo cơ duyên thảy đều thị hiện. Ngài Di Sơn đã nói: "Đời tật dịch hiện làm cỏ thuốc, thuở đói kém hiện làm gạo thóc", đủ chứng tỏ tấm lòng từ bi của Bồ-tát.

Đại sư Tông Thiền tại chùa Châu Cương thuộc Cao Đường, Phiên Ngung[931], Quảng Châu nghĩ đến ân đức của Bồ-tát rộng lớn, trọn khắp, thiết tha, nên bèn dựng một căn gác để thờ thánh tượng. Trong ấy thờ bổn tượng Quán Âm, hai bên thờ tượng ba mươi hai ứng thân. Ba mươi hai người như cư sĩ Bổn Nguyện v.v., ai nấy đều tùy sức mình bỏ tiền ra giúp, công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn. Trộm nghĩ: Trong kiếp quá khứ, một người nữ tu bổ tháp Phật, ba mươi hai người giúp cho mới thành. Sau họ đều cùng được sanh lên Tam Thập Tam Thiên, người đề xướng trở thành Đế Thích, người giúp đỡ trở thành những vị trời thuộc tám cõi trời ở bốn phương. Đại sư Tông Thiền, cư sĩ Bổn Nguyện v.v. chẳng cầu phước báo nhân thiên, chỉ nguyện người đề xướng, người trợ giúp và những người chiêm lễ, cúng dường trong hiện tại, vị lai đều được ngay trong hiện đời phước rạng tuệ

Câu Sanh, Trụ Vô Hý Luận, Như Lai Thập Lực Sanh, Vô Cấu Nhãn và Kim Cang Thủ Bí Mật Chủ. Những vị này tượng trưng cho một khía cạnh đại trí đức của Như Lai. Nếu xét kỹ, 18 vị đầu là biệt đức, Kim Cang Thủ Bí Mật Chủ là tổng đức. Kim Cang Thủ Bí Mật Chủ là giáo lệnh luân thân của Phổ Hiền Bồ-tát theo kinh Kim Cang Phong Lâu Các Du Già Du Kỳ.

[931] Phiên Ngung là một khu vực hành chánh thuộc miền Đông Nam của tỉnh lỵ Quảng Châu thuộc tỉnh Quảng Đông, nằm ngay trên bờ sông Châu Giang. Xưa kia, Phiên Ngung thuộc cấp huyện, đã được tổ chức thành quận lỵ vào năm thứ 33 đời Tần Thủy Hoàng (214 trước Công nguyên). Năm 204 trước Công Nguyên trở thành kinh đô nước Nam Việt của Triệu Đà. Thời Đường - Tống, Phiên Ngung bị sát nhập vào huyện Nam Hải, đến năm 1949 mới tái lập huyện Phiên Ngung như cũ.

cao, dự vào bậc thánh hiền cao quý; lâm chung tình không nghiệp tận, lên thẳng cõi Cực Lạc, thấy Phật, nghe pháp, chứng Vô sanh nhẫn, trở về Sa-bà độ thoát chúng sanh mà thôi! Lại cầu mưa thuận gió hòa, dân yên vật mạnh, binh đao dứt, thiên hạ thái bình, lễ nghĩa, nhân nhượng hưng khởi, phong tục thuần mỹ. Do vậy bèn nêu bày ý nghĩa ẩn tàng như thế đó.

67. Đề từ cho bộ Gia Ngôn Lục

Tịnh độ đại pháp môn lớn lao không gì ở ngoài nó được, như trời che khắp, như đất chở trọn. Bậc Đẳng giác muốn thành Phật còn phải cậy nhờ pháp này; kẻ nghịch ác sắp đọa A-tỳ mười niệm lên cõi sen, thích hợp khắp với căn cơ chín pháp giới, đều cùng đảnh lễ kính vâng, sướng thỏa tâm độ sanh của Phật, duy nhất không còn pháp thứ hai nào nữa! Tôi do sức túc nghiệp, từng làm một gã nhất-xiển-đề, bắt chước bọn Âu, Hàn v.v. ngu xuẩn không sao chữa được. May là bị bệnh mấy năm, lúc ấy mới suy nghĩ kỹ càng: Các bậc thánh hiền xưa nay lẽ đâu đều vô tri cả? Bọn họ đều cùng tôn thờ, ta nào dám chê bai? Dẫu bậc thánh vẫn có chỗ không biết, nhưng bọn họ vẫn đủ sức làm thầy bọn Âu, Hàn. Từ đó quy y Phật, xuống tóc, khoác áo thâm. Tự lượng túc nghiệp sâu xa, Tông, Giáo mình đều chẳng thích hợp, chỉ có cậy vào Phật lực mới hòng thỏa lòng mong, nên chuyên tâm tu tịnh nghiệp hầu được dự vào Liên Trì.

Gần mười mấy năm qua, người khác đều lầm hỏi đến, lời đáp cũng giống như thế ấy, chẳng dám vượt phận tí nào. Ông Từ Úy Như ở Hải Diêm[932] cho những lời lẽ ấy thiết thực, gần gũi, hai ba lượt đem in ở Bắc Kinh, Thượng Hải. Lời lẽ tuy chất phác, nhưng mọi người chẳng giận, tìm đọc càng nhiều, có nhiều người sanh chánh tín. Cư sĩ Lý Viên Tịnh túc căn càng sâu dày, chú thích các kinh luận, xiển minh Như Lai tâm, sau đó vì hao tổn tinh thần, yếu bệnh mỗi ngày càng thêm nặng, bèn bỏ nơi rộng lớn chọn lấy chỗ ước lược, lập chí nối gót Đông Lâm. Lại muốn lợi lạc hàng sơ cơ, tạo thành quy củ, châm ngôn cho họ, nên bèn trích yếu

[932] Hải Diêm là một huyện thuộc phủ Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang. Từ Úy Như (1878-1937): Tên tự là Văn Úy, hiệu Tàng Nhất, thuộc dòng dõi thế gia ở Hải Diêm, Chiết Giang, là một cư sĩ hữu danh thời cận đại. Ông theo mẹ tụng kinh lễ Phật từ nhỏ, sau quy y với ngài Đế Nhàn theo lời dạy của tổ Ấn Quang, tự đặt trách nhiệm hoằng truyền, ấn hành kinh Phật. Ông xuất bản những lá thư của tổ Ấn Quang lần đầu tiên vào năm 1918 nhờ đọc được những lá thư ấy trên tờ Phật Học Tùng Báo do cư sĩ Cao Hạc Niên đăng tải. Từ đó, suốt đời ông tận lực sưu tập và biên tập những lá thư, trước tác của ngài Ấn Quang để tạo thành các bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, Tục Biên và Tam Biên. Về sau ông sáng lập Bắc Kinh Khắc Kinh Xứ, Thiên Tân Khắc Kinh Xứ v.v.. Năm 1937, quân phiệt Nhật chiếm cứ Hoa Bắc, ông cùng các cư sĩ thuộc hội Phật giáo Thiên Tân tận lực cứu giúp những người dân tản cư lánh nạn. Do quá nhọc nhằn, ông ngã bệnh và mất trong năm ấy, thọ 60 tuổi.

những lời trong bộ Văn Sao, phân thành từng loại để biên tập, cũng như tự bỏ ra tịnh tài in tặng những ai hữu duyên, mong cho hết thảy mọi người đều gắng sức mong thành thánh, thành hiền, giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, ai nấy đều hoàn thành tánh thiên của chính mình, vâng làm các điều thiện, tiêu trừ sạch các điều ác, tín nguyện siêng năng niệm Phật, cầu lên được chín phẩm sen, lâm chung Phật đến tiếp dẫn, đều được như trăng in bóng trên sông, ngay lập tức vãng sanh Tây Phương, vĩnh viễn thoát vực sâu sanh tử. Thấy Phật ngộ Vô sanh, dần dần đạt đến phước tuệ trọn vẹn. Do vậy thỉnh tôi viết mấy câu để rộng lưu truyền. Lời quê lọt vào mắt nhã, uổng chuốc lấy tiếng cười chê, thương xót. Mặt dày mày dạn dâng tấm lòng ngu thành, mong ai nấy đều xét tỏ tường. Nếu chưa vượt lên được bậc Đẳng giác thì cũng dự vào hàng Hồi hướng vậy.

68. Đề từ cho sách Phật Thuyết Luân Chuyển Ngũ Đạo Tội Phước Báo Ứng Kinh Tập Giải

Bản tánh của chúng sanh vốn không sanh diệt, do mê trái nên luân chuyển bao kiếp. Tam giới không yên ví như nhà lửa, các khổ đầy dẫy, thoát lìa không được, luân chuyển năm đường trọn không lúc ngừng, giống như bánh xe, xoay vần lên cao, xuống thấp. Phật xuất hiện trong thế gian nêu tỏ nguyên do: Do trái nghịch giác nên luân chuyển chẳng ngơi, muốn được ngưng nghỉ phải hiểu nhân quả, tận lực tu định tuệ, diệt trừ nhân ngã. Tình kiến nhân ngã đã không, kiến hoặc tư hoặc đoạn sạch mới vĩnh viễn lìa khỏi sự bỏ thân trong tam giới được[933]! Sự lý ấy tuy cực thắng diệu, nhưng chỉ có bậc thượng thượng căn mới có thể đích thân đạt được. Nếu như độn căn, kém cỏi, đừng nói là trong một đời này, dẫu cho ngàn vạn đời cũng khó thành được. Tội phước báo ứng Phật đã nêu rõ, tam đồ cố nhiên là ác, nhưng nhân thiên cũng hiểm, do vì có phước phần nhiều là nền móng của họa. Thiện báo đạt được ấy chính là cái mở lối cho chuyện làm ác. Đức Thế Tôn đại từ, nhằm dứt nỗi lo, bèn mở ra Tịnh độ, khiến cho khắp tất cả đều đắc độ. Nếu sanh lòng tin sâu xa và phát nguyện thiết tha, kiền thành trì Phật hiệu ắt sẽ thành tựu ngay trong đời này.

Kinh này nói đại lược sự luân chuyển trong ngũ đạo, tội phước báo ứng, nhân lẫn quả đều cùng tỏ bày. Do đọc kinh này sẽ biết cái khổ sanh tử, muốn giải quyết

[933] Nguyên văn: *Nhân ngã tình không, kiến tư hoặc tận, phương vu tam giới, vĩnh ly sanh hấn.* Hấn là cắt cổ muông thú để lấy máu bôi lên chuông, trống. Trước khi, Phật giáo truyền sang Trung Hoa, người Hán vẫn tin chuông trống nếu không bôi máu loài thú sẽ không kêu. Do giết những loài thú này khi chúng còn đang sống nên gọi là "sanh hấn". Chúng tôi dịch gượng chữ "sanh hấn" thành sự bỏ thân trong câu này.

cho xong sanh tử phải tu Tịnh độ. Ông Vương Ước Chi có lòng đại từ, xiển minh sự lý rõ ràng như chỉ ra những đường chỉ trong lòng bàn tay. Trong đời gần đây, sớ giải kinh Phật rõ ràng, thấu đạt như thế thật chẳng ai hơn được! Thương cõi đời trầm mê, bác không nhân quả, mạnh ăn thịt yếu, cạnh tranh nhân ngã, đến nỗi dân chúng như đọa trong nước, lửa, càng nóng, càng sâu, nên làm thế nào đây? Hoằng truyền kinh này, giải thích nghĩa lý tường tận, như nhóm họp người mù lại khiến cho chúng được thấy rõ. Cũng như gương sáng chiếu khắp muôn hình tượng, hình chia tốt xấu chứ bóng không hai. Biết cái nhân ở nơi mình sẽ cẩn thận hành vi, cải ác hướng thiện, mong được yên vui, dứt thói cạnh tranh, đôn đốc thực hành nhân nhượng, thói tục biến thành thuần phác, chỉ đề cao đạo.

Công đức của ông Vương thật khó nghĩ bàn, lợi ích của việc in tặng vĩnh cửu chẳng suy. Cùng đẩy lùi con sóng cuồng loạn, nương dòng chánh đạo, ngõ hầu đồng luân yên vui dài lâu. Nhưng ông Vương chú giải ý nghĩa của kinh chưa nói đến tịnh nghiệp, tuy có dẫn chứng nhưng không phát huy, lại cho là khéo nói, chỉ e người đọc không hiểu được nghĩa này, do vậy tôi bèn nêu rõ để họ biết được lối ra. Hết thảy giáo điển do đức Như Lai đã nói đều dạy: "Kiến tư chưa tận, sanh tử khó tránh." Chỉ có Tịnh độ chuyên cậy vào Phật lực, như con thơ dại cậy mẹ chăm sóc, như vượt biển cả phải cậy tàu thuyền, lên thẳng bờ kia, thân tâm thản nhiên. Nếu hiểu lầm nghĩa này, muốn tự trôi nổi, chẳng những tốn sức lại còn lo bị chìm.

Kính khuyên người đọc tin sâu nhân quả, đem tinh lực ấy hướng về việc cầu sanh Tịnh độ, hành trọn vẹn hiếu hữu, tận hết bổn phận, lấy thân mình nêu gương cho người, cảm hóa xa gần, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, khắc kỷ, giữ lễ, dứt lòng tà, giữ lòng thành. Làm được như vậy thì gọi là Phật tử thật sự, sống dự vào dòng thánh, chết sanh về cõi Phật. Phật pháp rộng lớn, phủ khắp trời người, chỉ có pháp Tịnh độ này nhiếp thâu toàn vẹn mọi căn cơ, Đẳng giác đại thánh hay nghịch ác tiểu phàm đều được bình đẳng nhiếp thọ, khiến cho lên sen chín phẩm. Biết cõi Sa-bà luân chuyển năm đường, biết nước Cực Lạc chín phẩm an vui, bình thản, thiện duyên đều trọn, ác duyên đều diệt, trừ kẻ si ra, ai không tự gắng! Thân cận Phật Di-đà, theo gót hải chúng, chứng Vô sanh nhẫn, địa vị gần bậc cực thánh. Muốn khôi phục bản tánh chỉ có pháp này là trọng yếu, bỏ pháp này tu pháp khác không ai hòng đạt được!

69. Bài ca tụng việc nghiền vàng để vẽ những hình tượng thuộc phẩm Phổ Môn

Lớn lao thay đức Quán Thế Âm, triệt chứng pháp giới tạng, nương đại bi nguyện lực, hiện khắp các sắc tướng, tầm thanh cứu khổ, tùy theo lòng cảm mà ứng hiện trọn khắp. Như vầng trăng giữa trời, vạn con sông đều in bóng. Ấy là vì tâm chúng sanh và tâm Bồ-tát không hai, do vì trái nghịch giác nên bèn thành khác biệt. Đã gặp phải các tai nạn, bèn ngưỡng cầu ngài rủ lòng cứu giúp. Ngay trong tâm niệm ấy liền khế hợp nguồn chân giác. Vì thế vừa khởi lên một niệm, niệm danh hiệu Bồ-tát thì liền ngay trong niệm ấy được cứu khỏi tai nạn, hình phạt.

Trên núi Linh Thứu, đức Thế Tôn rộng nói kinh Pháp Hoa, Vô Tận Ý Bồ-tát cung kính gạn hỏi ý nghĩa danh hiệu [đức Quán Thế Âm], đức Thế Tôn bèn lược nói chuyện hiện thân cứu khổ. Nêu lên một hạt bụi trong đại địa, lược giảng chút phần ý nghĩa. Do vậy các chúng sanh đều có được chỗ nương tựa. Như trời đất che chở, như cha mẹ nuôi nấng. Xưa có một vị thiện sĩ, muốn rộng nêu lòng từ của Bồ-tát bèn nghiền vàng để chép phẩm Phổ Môn cũng như vẽ nghi dung cứu khổ. Niên đại đã lâu xa, may vẫn thường giữ được. Do vậy, đến khi ông Ngô Điệp Khanh đích thân được nhận lãnh, muốn khơi gợi niềm chánh tín cho người khác bèn xin tôi viết mấy lời, nguyện cho chúng sanh khắp pháp giới đều cùng chứng lý thật tướng. Thế nên tôi quên mình hèn tệ, nêu bày đại lược các nhân duyên, mong sao người thấy kẻ nghe đều lên được trời đệ nhất nghĩa.

VIII. PHỤ LỤC

1. Bài ký về chuyện Quán Âm Bồ-tát ứng tích tại chùa Viên Quang, Nam Ngũ Đài Sơn (núi này cách tỉnh thành Thiểm Tây bảy mươi dặm)

Bài ký về sự thị hiện ứng tích văn từ điển nhã, tường thuật sự việc tinh tường. Tiếc rằng diệu lực vô tác chẳng thể nghĩ bàn của Bồ-tát còn chưa được phát huy. Lượng tôi chẳng nề kém tệ, gượng soạn một bài tán để đặt ở trước, mong sao sự lý viên dung, thể lẫn dụng cùng được nêu tỏ. Nguyên do chúng sanh có thể cảm, nguyên do thánh có thể ứng đều được nêu bày, ngõ hầu người sau đọc đến liền phát tâm Bồ-đề, thấy người hiền mong được bằng, lấy tâm đức Quán Âm làm tâm mình, lấy việc của ngài Quán Âm làm việc của mình, để rồi cũng là đức Quán Âm trong đời vị lai. Tuy văn từ chẳng bóng bảy, trang nhã, nhưng ý nghĩa cũng đáng chấp nhận được. Tán rằng:

Đại sĩ Quán Âm trong vô lượng kiếp, thành Phật đã lâu. Vì độ chúng sanh chẳng lìa Tịch quang, hiện thân Bồ-tát. Lại còn ứng khắp quần cơ, hiện hình trong lục đạo. Dùng ba mươi hai ứng thân, mười bốn vô úy, bốn vô tác diệu lực chẳng thể nghĩ bàn, tầm thanh cứu khổ, độ thoát quần manh. Nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp. Khác nào trăng in bóng trên ngàn con sông, mùa xuân tăng trưởng muôn cây cỏ. Tuy trọn chẳng tính nghĩ, nhưng chẳng sai sót mảy may. Ấy là vì triệt chứng duy tâm, tỏ trọn tự tánh. Vận lòng bi đồng thể, khởi lòng từ vô duyên, lấy niệm của chúng sanh làm tâm, lấy hết cảnh trong pháp giới làm lượng. Do vậy biết vô tận pháp giới vô lượng chúng sanh đều ở trong tâm tịch chiếu của Bồ-tát. Cho nên được mây bủa cửa từ, sóng trào biển bi, hễ cảm liền ứng, không nguyện nào chẳng thỏa!

(Thích Thánh Lượng đảnh lễ kính cẩn viết. Từ đây trở đi là phần ký về sự thị hiện ứng tích)

* * *

Hang Đại Sơn Nham là chỗ rồng rắn ở, lâu năm biến thành yêu tinh, mặc tình gieo hung tác nghiệt, ăn nuốt không ngừng, gây họa lây cho dân chúng, biến ra hình thù quái dị bay lên, không ai chế ngự nổi. Nếu không phải bậc ứng thân Đại sĩ thì ai có thể cứu tế cho được! Vòi vọi thay diệu trí thần lực chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng trong cảnh chẳng nghĩ bàn, gượng dùng văn từ để ghi chép, thuật lại sự tích ngõ hầu gây lòng tin sâu xa cho những bậc quân tử cả ngàn năm sau. Xưa kia vào thời Tùy, trong niên hiệu Nhân Thọ (601-604), núi này có độc long, do nó có sức thần thông tạo bởi nghiệp lực, nên biến hình thành người mặc áo lông (đạo

sĩ), cầm đan dược đi bán ở Trường An, trá xưng tiên thuật để lừa kẻ ngu tục, bảo thuốc ấy linh lắm, uống vào lập tức bay lên trời. Than ôi, người dân vô tri nhẹ dạ tin lời ấy, phàm kẻ uống thuốc ấy bay lên trời không biết là bao nhiêu! Nào có biết sẽ bị rớt xuống sào huyệt của đạo sĩ ấy để thỏa bụng miệng hắn?

Dân cư một phương vẫn mê chẳng ngộ, chỉ có đức Đại sĩ ta do sức bi nguyện, hiện thân tỳ-kheo, kết cỏ làm am, sống trên đảnh núi ấy, dùng sức diệu trí hàng phục yêu quái thần thông ấy, dùng gió thanh tịnh trừ khử nhiệt não cho nó. Ý niệm từ bi thấm đến, độc khí ngầm tiêu, rồng được thanh lương ở yên trong hang núi. Dân chúng nhờ đức ấy đều giữ được mạng sống. Chuyện quái dị xưa kia chẳng còn thấy nữa. Do vậy sự thi ân linh ứng ấy thấu đến triều đình. Vì sư có công đối với đất nước, có ân đối với dân nên lập chùa trên đảnh núi để đáp tạ. Đại sĩ dùng gió từ, mưa pháp cứu khắp hàm linh, huệ nhật sáng ngời thanh tịnh, phá các tối tăm. Do vậy, người quyền quý[934] ngưỡng mộ, kẻ bình dân khâm phục phong cách, cắt lưới ái để quy chân, bỏ trâm anh để nhập đạo. Đại sĩ thường ngồi trên tảng đá, vượn núi, thú hoang quây quần bên tòa, trăm loài chim tụ họp đông nghịt, đậu lặng lẽ như đang nghe pháp âm, một lúc lâu sau mới bay đi.

Ô hô! Dựng chùa vừa được một năm thì vào ngày 19 tháng 6, Đại sĩ đột nhiên thị hiện vô thường, điềm nhiên nhập diệt. Mùi hương lạ ngập thất, sương sầu phủ kín trời, chim thú kêu ai oán, núi rừng đổi sắc. Lúc đó mọi người trong chùa nghe triều đình sai sứ đem hương ban xuống, phụng chỉ phúng điếu, phong tặng để đề cao phước ngầm. Lúc làm lễ trà-tỳ[935], trời đất tối tăm, trong khoảnh khắc ấy, nơi ấy hóa thành cõi bạc, chợt nghe trên không trung vang lên tiếng tiêu, tiếng trống, núi non lay động, mây lành phủ trùm, hương lạ ngào ngạt. Từ trên ngọn núi phía Đông chợt hiện ra cái cầu vàng, trên cầu thiên chúng đứng thành hàng, ai nấy cầm tràng phan và rải hoa vàng phơi phới chẳng rơi xuống đất. Cuối cùng trên ngọn Nam Đài, trăm thứ báu chói ngời, nhiều không biết xuể, xông lên tận trời không ngằn mé! Trong đó, Bồ-tát hiện tướng tự tại đoan nghiêm, từ dung vĩ đại, rực rỡ, anh lạc, thù y[936], gió trời hiu hiu, sáng ngời trước mắt. Khi ấy, hai chúng tăng tục một ngàn một trăm mấy mươi người đều thấy dung nghi thật sự, buồn vui lẫn lộn, không ai chẳng khóc lóc chiêm lễ, quy y, xưng danh hết sức cung kính. Lúc ấy

[934] Nguyên văn là "tấn thân" (搢紳), cắm cái hốt vào đai, mô tả cách phục sức của quan lại. Do đó, chữ "tấn thân" được hiểu theo nghĩa rộng là giới quan lại cũng như con cháu nhà quan.
[935] Trà-tỳ (jhāpeti): Đôi khi còn phiên âm là đồ-tỳ, xà-tỳ, xa-tỵ, tà-duy, có nghĩa là hỏa thiêu, tức là dùng lửa thiêu hủy thi hài, rồi thâu nhặt di cốt.
[936] Thù y: Thù là một đơn vị đo lường thời cổ, bằng 1/24 lạng. Thù y là thứ áo cực nhẹ, trong kinh Phật thường dùng chữ "thù y" để chỉ áo của chư thiên vì nó rất nhẹ.

mới biết là Đại sĩ Quán Âm thị hiện ứng tích vậy. Thanh khí, dị hương đọng lại cả tháng.

Quan Tả bộc xạ[937] là ông Cao tấu trình đầy đủ sự việc, hoàng thượng xem tờ biểu, than thở hồi lâu, thu thập di cốt lập tháp, đích thân viết biển đề, ban hiệu là Quán Âm Đài Tự, ban tặng ruộng đất rừng núi mỗi chiều rộng trăm dặm. Mỗi năm ban ngự hương để chư tăng làm lễ cúng tôn sùng pháp hóa rộng lớn. Đến năm Đại Lịch thứ sáu (771) đời Đường, đổi tên chùa thành Nam Ngũ Đài Sơn Thánh Thọ Tự. Thời Ngũ Đại chiến tranh liên miên, điện vũ thuộc các đài đều bị thiêu hủy, chỉ còn tàn tăng, nhà nát ở lẫn cùng gỗ đá. Đến mùa hạ năm Thái Bình Hưng Quốc thứ ba (978) đời Tống, trước sau sáu lần hiện những điềm lành như mây lành có hình tròn năm màu. Vị tăng chủ trì là Hoài Vĩ tường trình đầy đủ lên quan Phủ doãn, được quan tâu lên triều đình. Triều đình bèn sắc tứ bảng vàng, đề là Ngũ Đài Sơn Viên Quang Tự. Do vậy tu sửa, xây thêm điện báu, đắp vẽ tượng Bồ-tát. Ráng khói hương cùng vàng, ngọc đua sáng; điệu mõ cùng tiếng gió thổi qua rặng tùng cùng diễn nhiệm mầu. Nhà cửa trong các đài trên dưới đều xây dựng mới, trụ trì tiếp nối hương đèn chẳng dứt. Từ quang chiếu sáng, đá ươm mây lành, mưa pháp thấm đẫm, nước thành cam lộ.

Cách mấy trăm bước về phía Nam của Đài, có một thạch tuyền, chảy vào một cái ao hình vuông, sắc vị ngọt sạch, trừ được nhiệt não, làm tươi nhuận sự khô kháo. Mở rộng ra thời tràn ngập sa giới (các cõi nước nhiều như cát), thâu hẹp lại thì ao đá lặng trong. Có lúc hạn hán gắt gao, người nghênh thỉnh đứng nối tiếp nhau bên đường, đều được cảm ứng như lòng mong, châu quận đều ghi rõ chuyện này trong sách vở. Hữu tình được hưởng phước, cây cỏ đượm ân. Từ xưa đến nay, tiếng tăm chẳng mất. Ôi, đại thánh dùng sức bi nguyện phước phủ một phương, mà dân một phương ấy cũng chẳng quên ân phước từ bi. Mỗi dịp Thanh Minh và nhằm ngày kỵ vào mùa hạ, chẳng ngại xa xôi trăm dặm, trèo leo khó khăn, hiểm trở, đều mang tấm lòng thanh tịnh noi dấu chân lên đến nơi, nào phải chỉ trăm ngàn vạn? Dìu già, dắt trẻ, đông nghịt đường nẻo, kéo dài hơn cả tháng. Ai nấy đều dùng hương hoa, âm nhạc, lọng lụa, tràng phan, vật dụng cần dùng để cúng dường. Rồi đầu mặt đảnh lễ, hết sức cung kính chiêm ngưỡng hình tượng, đi nhiễu, tán thán, không ai chẳng gột tội, được phước, trừ chướng, đượm ân, nào uổng

[937] Tả bộc xạ là một chức quan văn. Thời Hán, chức quan này là tùy viên của Thượng thư lệnh (chuyên coi sóc về xét duyệt tấu chương, chiếu biểu, có thể hiểu giống như chức Chánh thư ký Văn phòng Nội các bây giờ). Từ thời Tùy - Đường trở đi, Bộc xạ tương đương chức Tể tướng, và chia làm Tả bộc xạ và Hữu bộc xạ.

công bôn ba leo trèo. Vị tăng trong chùa là Pháp Nhẫn lo rằng năm tháng đã lâu, dấu thiêng bị chìm mất, nên đem các tấm bia hư vỡ nhờ ghi chép lại, Phổ Minh cố từ tạ nhưng chẳng được, thật xấu hổ chẳng phải là tay văn tài. Nếu gặp được bậc hiền sĩ sửa đổi cho đúng, chẳng hợp lẽ hơn ư?

Thái Bạch Sơn Thích Phổ Minh kính cẩn soạn vào ngày Rằm tháng Giêng năm Chí Nguyên thứ bảy (1270) tức năm Canh Ngọ. Nhật Đô viện chủ Thích Trừng Uyên lập bia.

2. Ghi lại lời sờ voi (nói mò) về niệm Phật tam-muội

(Nguyên cảo của sư Liễu Dư đã bị lược bớt do Phật Học Tùng Báo bỏ lầm mấy câu, vì thế sao lục nguyên văn)

Năm Bính Ngọ tôi yểm quan tại chùa Bảo Khánh ở Từ Khê[938], tạ tuyệt duyên đời, tu tập tịnh nghiệp. Gặp đúng dịp vị chủ giảng trong chùa là pháp sư Đế Nhàn giảng Di-đà Sớ Sao gần chỗ bế quan. Tôi bèn bắt chước chuyện Khuông Xung khoét vách[939] khi xưa, đục một lỗ nhỏ nơi vách phòng bế quan, chẳng lìa đương xứ thường dự giảng tòa. Từ đấy niệm Phật càng cảm thấy thân thiết. Phật hiệu vừa khởi lên vọng niệm hoàn toàn tiêu, khắp thân mát mẻ, trong lòng cảm thấy vui sướng, khác nào cam lộ rưới đảnh, đề-hồ thấm tâm. Sự vui sướng ấy không gì sánh ví được! Một ngày nọ có khách đến quan phòng hỏi:

- Tôi đã tu trì pháp niệm Phật hơn 20 năm, đối với việc sanh lòng tin phát nguyện tu trì, không gì không chân thành, thiết tha, nhưng nghiệp sâu chướng nặng, rốt cuộc vẫn chưa thể đạt đến cảnh giới nhất tâm bất loạn. Trộm xét căn tánh tôi chỉ đáng mang nghiệp vãng sanh, tuy trong đời này pháp niệm Phật tam-muội tôi không dám mong mỏi, nhưng pháp nào có thể đạt được, tướng nào sẽ đạt được [nơi tam-muội ấy] xin thầy hãy vì tôi mà dạy cho!

Tôi nói:

---

[938] Từ Khê là một huyện thuộc phủ Khánh Nguyên tỉnh Chiết Giang.

[939] Theo sách Tây Kinh Tạp Kỷ (không rõ tác giả là ai, có thuyết nói là Lưu Hâm đời Hán, có thuyết lại nói là Cát Hồng đời Tấn), Khuông Xung tự Trĩ Khuê, người xứ Đông Hải (nay là Tam Lăng Trấn, Thương Sơn), nhà rất nghèo, chăm học nhưng không có đèn đuốc, bèn khoét một lỗ nhỏ trên vách để đọc nhờ đèn hàng xóm. Trong xóm có một nhà giàu sở hữu rất nhiều sách, Khuông Xung bèn đi làm thuê cho nhà ấy không lấy tiền công để được đọc sách. Sau này đỗ đạt, giữ chức *Bác sĩ cấp sự trung* chuyên giảng kinh sách cho hoàng tộc và bá quan, cũng như từng giữ chức *Thái tử thiếu bảo* chuyên dạy hoàng tử. Có lúc ông từng làm quan đến chức Thừa tướng đời Hán Nguyên Đế. Điển cố *"Khuông Xung tạc bích thâu quang"* (Khuông Xung khoét vách trộm ánh sáng) được dùng để chỉ gương hiếu học.

- Cảnh tướng của tam-muội chỉ có chứng mới hiểu rốt ráo được, như người uống nước, nóng lạnh tự biết. Tôi đã chưa chứng làm sao tuyên nói được?

Khách cố kèo nài chẳng thôi, tôi nói:

- Nếu luận về pháp thì phải trong lúc đang niệm Phật, liền xoay trở lại quán niệm ấy, chuyên chú một cảnh, đừng để rong ruổi theo bên ngoài. Niệm niệm chiếu soi nguồn tâm, tâm tâm khế hợp Phật thể. Quay trở lại niệm nơi cái niệm của chính mình, quay trở lại quán chính sự quán của mình. Hễ niệm liền quán, hễ quán liền niệm, sao cho toàn bộ niệm chính là quán, ngoài niệm không có quán; toàn bộ quán chính là niệm, ngoài quán không có niệm. Quán và niệm tuy giống như nước với sữa, vẫn chưa đạt đến cội nguồn. Phải hướng về một niệm "Nam-mô A-di-đà Phật" mà thể cứu (suy xét cho thấu hiểu) từng tầng một, khăng khắng chăm chú hướng đến. Càng thể cứu càng tha thiết, càng hướng đến càng thân thiết, cho đến khi lực cực công thuần, đột nhiên niệm rớt mất, chứng nhập cảnh giới "không niệm - không gì chẳng niệm". Như câu nói: "Linh quang riêng chiếu, thoát khỏi căn trần, thể lộ chân thường, chẳng chấp vào văn tự. Tâm tánh vô nhiễm, vốn tự viên thành, chỉ lìa vọng niệm chính là như như Phật", chính là nói về ý này vậy!

Công phu đến mức này là đắc pháp niệm Phật, cảm ứng đạo giao rất dễ đắc lực. Tướng ấy giống như mây tan giữa hư không, bầu trời xanh lộ ra hoàn toàn, đích thân thấy được bản lai vốn không có gì để thấy được. Vô kiến chính là chân kiến, hữu kiến là đọa vào trần. Đến mức độ này thì sắc núi, tiếng suối đều là đệ nhất nghĩa đế, quạ kêu sẻ hót không gì chẳng phải tối thượng chân thừa, sống động hoạt bát nơi các pháp, chẳng trụ một pháp nào. Ánh sáng rực rỡ chiếu ngời các cảnh, nhưng trọn chẳng có một vật nào. Nói đến dụng của nó thì như mặt trời buổi mai mọc lên từ phía Đông, tròn trịa chiếu sáng ngời. Nói đến thể thì như vầng trăng rạng rỡ lặn bên phía Tây, thanh tịnh tịch diệt, vừa chiếu vừa tịch, vừa tịch vừa chiếu, cùng tồn tại, cùng biến mất, dứt bặt đối đãi một cách viên dung. Ví như tuyết phủ ngàn quả núi, biển dung nạp muôn mạch nước, chỉ là một sắc, trọn chẳng có vị gì khác. Không vướng mắc, tự tại, tự như. Luận về lợi ích thì hiện tại tuy chưa lìa Sa-bà, đã thường dự hải hội; lâm chung lên ngay thượng phẩm, đốn chứng Phật thừa. Chỉ có người trong nhà mới biết được chuyện trong nhà, đem ra nói với kẻ ở ngoài cửa chắc chắn sẽ bị báng bổ, đó là điều không còn nghi ngờ gì nữa.

Lại hỏi:

- Con người trong sanh hoạt thường nhật thường gặp đủ mọi duyên, làm sao có thể "lọt vào mắt là Bồ-đề, chuyện gì cũng là đạo được?"

Đáp:

- Tâm sanh thì đủ mọi pháp sanh, tâm diệt thì mọi thứ pháp diệt. Vạn cảnh chẳng ngoài một tâm, một tâm dung thông vạn cảnh. Nếu hiểu rõ tâm thể vốn không, nào ngại bao trùm vạn tượng? Phải biết vạn tượng như huyễn, sanh diệt chỉ là một tâm; các duyên không trói buộc, vốn tự giải thoát. Sáu trần không ác, vẫn đồng Chánh giác. Tâm và cảnh như một, nào có vướng mắc? Chẳng thấy sự sự vô ngại pháp giới trong kinh Hoa Nghiêm đó sao? Nói: "Hết thảy các cõi nước trong mỗi một trần, hết thảy tâm trong mỗi một tâm. Trong mỗi một tâm, một trần, lại lần lượt có đủ lẫn nhau, trùng trùng vô tận không chướng ngại. Vì vậy khí giới[940], sợi lông, hạt bụi, đài mây, lưới báu đều tuyên biển tánh, đều diễn chân thừa. Theo chiều dọc cùng tột ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương. Tìm một chỗ chừng bằng đầu sợi lông không phải là đạo cũng không thể được! Vì vậy pháp gì, chuyện gì không gì không phải là đại tịch diệt trường. Tâm tâm niệm niệm đều khế hợp biển tát-bà-nhã (nhất thiết trí). Duy tâm diệu cảnh, duy cảnh diệu tâm, lìa tứ cú, tuyệt bách phi, dứt bặt đối đãi một cách viên dung, làm sao có thể nghĩ bàn cho được?" Những điều vừa nói trên đây như người mù sờ voi, tuy chẳng lìa voi, chỉ sợ chẳng phải là toàn thể con voi! Ghi lại để dâng cho các vị xem xét.

3. Khuyên thiêu hủy dâm thư

(Cư sĩ Trương Thụy Tăng ở Duy Dương cho khắc lại sách Cách Ngôn Liên Bích, nhờ Quang giảo đính. Do nguyên văn sách ấy chất phác, sơ lược, rất khó gây cảm động lòng người, nên bèn sửa chữa cho văn lẫn nghĩa đều suông sẻ, thông suốt. Cư sĩ muốn lưu truyền rộng rãi, khuyên Quang nên đăng kèm vào bộ Văn Sao; do vậy bèn lược thuật duyên khởi để khắc thêm vào phần Phụ Lục, mong người đọc chẳng thấy tôi ăn theo sự tốt đẹp của người khác mà chê cười. *Thích Ấn Quang ghi*)

Sau thời Tam Đại[941], cõi đời lắm tà kiến, nhưng loại tà kiến gây hại cho thế đạo nhân tâm nhất thì không gì bằng tiểu thuyết dâm từ. Bởi lẽ kinh truyện của thánh hiền chỉ sợ chẳng thể làm cho sự ngu mê của thiên hạ được tỉnh giác, nhưng

[940] Khí giới ở đây là khí thế gian, tức cảnh bên ngoài, bao gồm cõi nước, thế giới v.v., tức y báo.
[941] Tam Đại là ba triều đại Hạ, Thương và Chu.

tiểu thuyết dâm từ lại chỉ sợ không thể phá hoại được liêm sỉ của dân chúng. Vì vậy, tiểu thuyết ra đời thì phong hóa dâm ô liền mạnh mẽ, hễ dâm từ hưng thịnh thì trinh đức bị suy. Dẫu không có tâm thẹn ghét, há bằng lòng làm chuyện cầm thú, nhưng nếu con em thông minh, phụ nữ linh mẫn một phen xem đến những sách ấy sẽ đều bị mê hoặc. Thoạt đầu thì thấy từ chương bóng bẩy, cho là hay khéo, kế đến là tâm tình bị chuyển biến theo văn chương, chẳng tự chống chọi được, đến nỗi rốt cuộc cam lòng đem cái thân "mong thành thánh thành hiền, yên nhà yên nước" để khoét ngạch, vượt tường, cắp hương, trộm ngọc, hoàn toàn chẳng hề tiếc nuối, đều là vì bị những tà thư làm mê hoặc vậy. Chất độc của những sách ấy còn quá mứt ướp phê sương[942], hãm người còn thảm hơn hầm sâu tuyết phủ, khiến cho con người diệt lý, loạn luân, giảm phước, tổn thọ, tan nhà, diệt thân, ô nhục tổ tiên, tuyệt tự. Đến khi chết đi, thần thức còn bị đọa trong địa ngục, chịu các sự khổ cùng cực trải kiếp dài lâu, không do đâu được thoát ra. Chẳng đáng buồn ư?

Phàm những ai viết các sách ấy và kẻ buôn bán những sách ấy, tội còn nặng hơn tội đứng đầu bè lũ phản nghịch, cầm đầu loạn tặc, ắt bị phép nước tru lục, luật trời chẳng tha! Kính khuyên những vị danh tiếng vĩ nhân đang nắm quyền và hết thảy những bậc nhân từ quân tử có tâm lo cho thế đạo, phàm trông thấy những kẻ như vậy đều tận tụy khuyên họ nên đổi nghề, phàm thấy những sách ấy và những ván khắc sách ấy đều sốt sắng khuyên thiêu hủy sạch hết đi. Hễ có sức thì tự mình đảm nhiệm, nếu không có sức thì khuyên nhiều người cùng làm.

Lại mong lần lượt chỉ dạy lẫn nhau, khiến cho ai nấy đều bắt chước theo, ngõ hầu thế gian vĩnh viễn không còn có những sách ấy nữa, nhân dân đều đôn đốc giữ vẹn luân thường mới thôi! Ắt sẽ thấy Phật, trời che chở như mây nhóm, tai chướng băng tiêu, thân tâm yên vui, cửa nhà được hưởng tốt lành giàu sang, mạnh khỏe bình yên, thân hiện đời hưởng ngũ phước như Cơ Tử đã nêu [trong thiên sách Hồng Phạm], tước vị tăng cao, hậu duệ được hưởng trăm điều lành như đã nói trong bài Y Huấn[943]. Riêng đem bốn điều hại của việc cất chứa những tiểu thuyết và mười cách thiêu hủy dâm thư ghi tường tận ở phần sau, mong sao những

[942] Nguyên văn "mật tiễn phê sương" (trái cây làm thành mứt, ướp lẫn chất arsenic) ngon ngọt, nhưng ăn vào sẽ bị trúng độc chết.

[943] Y Huấn là một thiên sách của Y Doãn. Theo thiên Thương Thư trong kinh Thư, nhân ngày giỗ vua Thành Thang, Y Doãn giáo huấn các quan, trong đó có câu: *'Tác thiện giáng chi bách tường, tác bất thiện giáng chi bách ương'* (làm điều lành thì trăm điều tốt lành giáng xuống, làm điều chẳng lành thì trăm tai ương giáng xuống). Bài răn ấy được gọi là Y Huấn (giáo huấn của ông Y Doãn), và thường được biết đến dưới danh xưng 'Y Huấn chi bách tường'.

người có tâm lo cho thế đạo nhận lấy hành theo (bốn điều hại, mười cách thiêu hủy xin xem trong Cách Ngôn Liên Bích).

4. Phương thuốc thần diệu để cai thuốc phiện

(Ngàn vạn phần chẳng được thêm một vị thuốc nào khác vào, hễ thêm vào thì bài thuốc không còn linh nghiệm nữa)

Nha phiến gây hại, những người bị mắc hại chẳng biết là bao nhiêu. Những đồng bào có chí thường muốn cai nghiện nhưng khổ vì không có phương thuốc tốt lành. Gần đây, những thuốc hoàn để cai thuốc phiện bán trên thị trường phần nhiều bỏ thêm chất độc ma-phi (morphine), tuy có thể đè nén được cơn thèm thuốc, nhưng người dùng bị hại càng quá hơn nữa. Nay phương thuốc thần diệu này giản tiện dễ chế biến, có lợi không gây hại, chỉ mong sao những ai có chí cai hút nha phiến đều mau chiếu theo toa mà uống, bách phát bách trúng, muôn vàn phần chớ coi thường!

*** Toa thuốc:**

Cam thảo (radix glycyrrhizae) tám lạng[944].

Xuyên bối mẫu (bulbus fritillariae cirrhosa) bốn lạng.

Đỗ trọng (eucommia ulmoides oliver) bốn lạng.

Thuốc gồm ba vị, dùng sáu cân (60 lạng) nước trong, sắc còn một nửa, đem thuốc lọc qua vải để bỏ bã, bỏ thêm một cân đường đỏ tốt làm thành cao. Mỗi lần uống ba tiền, chiêu với nước ấm.

*** Cách uống:**

Ba ngày đầu mỗi ngày dùng một lạng thuốc cao, bỏ thêm một tiền thuốc phiện. Ngày thứ tư, năm, sáu, cứ mỗi một lạng thuốc cao, bỏ thêm tám phân[945] thuốc phiện. Ngày thứ bảy, tám, chín, cứ mỗi lạng chỉ thêm sáu phân. Đến ngày thứ mười, mười một, mười hai, cứ mỗi lạng bỏ thêm bốn phân thuốc phiện. Đến ngày mười ba, mười bốn, mười lăm, mỗi một lạng thêm hai phân thuốc phiện. Đến ngày mười sáu, mười bảy, mười tám, mỗi lạng thêm một phân thuốc phiện. Sau ngày mười tám cứ mỗi lạng thêm một phân thuốc phiện. Lại uống bảy ngày, sau đấy không cần thêm thuốc phiện vào nữa. Uống xong thuốc cao này, bệnh nghiện

---

[944] Một lạng (lượng) gồm 10 tiền, tùy theo địa phương mà chênh lệch từ 36g đến 40g. Hiện thời, tại Trung Hoa Đại Lục quy định một lạng là 50g, trong khi Đài Loan và Hương Cảng quy định một lạng là 37.429g (theo Wikipedia).

[945] Một phân là 1/10 tiền, khoảng từ 3.7g đến 0.5g (tùy theo dùng hệ thống đo lường của Trung Quốc hay Đài Loan).

tự dứt, không khó chịu cũng như chẳng bị hết thảy bệnh vặt. Thật là phương thuốc kỳ diệu. Cai nghiện xong, chớ hút lại. Yêu tiếc quang âm, bảo dưỡng tinh thần, hết sức cầu mong. Trong lúc đang uống thuốc cai nghiện, phải kiêng chất chua.

*** Biện pháp phòng ngừa:**

Nếu đang cai nghiện mà nảy sanh những bệnh tật khác thì với mỗi lạng thuốc cao, chiếu theo kỳ hạn mà tăng thêm một phân thuốc phiện, chớ bỏ quá nhiều, tự nhiên bệnh lành, vạn người chẳng sót một ai. Phương thuốc này trị lành rất nhiều người, có kẻ mỗi ngày hút hai ba lạng thuốc phiện, uống vào một liều đều dứt được cơn nghiện. Chẳng những không sanh bệnh tật, tinh thần lại còn mạnh mẽ, cực kỳ linh nghiệm.

5. Nguyên bạt (lời bạt cho bộ Tăng Quảng Văn Sao)

Pháp sư Ấn Quang, pháp danh Thánh Lượng, biệt hiệu Thường Tàm (thường hổ thẹn), là người huyện Cáp Dương tỉnh Thiểm Tây, trụ tích tại lầu tàng kinh của chùa Pháp Vũ, Phổ Đà, đời hiếm người biết đến. Năm Giáp Dần (1914), cư sĩ Cao Hạc Niên đem mấy thiên trong Văn Sao của sư đăng tải trong Phật Học Tùng Báo, Úy tôi nhận lấy đọc, chắp tay hoan hỷ, than là chưa từng có! Đại pháp suy kém, lúc này là cùng cực, chẳng ngờ trong đời còn có bậc có đủ chánh tri chánh kiến như thầy tôi. Tiếp nối huệ mạng của Phật chính là đây. Văn của sư không một chữ nào không có lai lịch, sự thâm nhập được hiển lộ, phù hợp khéo léo với thời cơ, quả thật là thuốc tốt lành thích ứng căn bệnh trong đời mạt pháp vậy. Mùa xuân năm Mậu Ngọ (1918), suốt năm đã thu thập, dò hỏi được 22 thiên văn chương, bèn đem in ở kinh đô, đó là bộ Sơ Biên. Quay về yết kiến sư tại Phổ Đà, thu thập được khá nhiều bản cảo, lại được những người quen biết, bè bạn sao lại những thư của sư gởi cho xem. Mùa thu năm Kỷ Mùi (1919), lại đem những bản đã sao lục hay giữ được gồm 38 thiên in thành bộ Tục Biên. Mùa đông năm ấy, đi cứu tế trở về Nam, tăng tục miền Nam tìm đọc sách ấy càng nhiều, bèn thương lượng với Thương Vụ Ấn Thư Quán in lại để lưu truyền rộng rãi. Lại được ông Trương Vân Lôi ra sức thu góp rộng rãi, cùng với Úy tiếp tục thu thập bản cảo, tổng cộng tăng thêm 34 thiên. Do ba vị Chu Mạnh Do, Chu Xích Manh, Hoàng Ấu Hy kết hợp bộ Sơ Biên và Tục Biên, phân loại sắp xếp theo thứ tự, giảo duyệt cặn kẽ, so với hai lần in trước lại càng hoàn thiện hơn. Sách soạn thành, kính cẩn ghi lại duyên khởi như thế đó.

Trọng Đông (giữa mùa Đông) năm Canh Thân (1920),
Từ Văn Úy ở Chiết Tây kính đề.

6. Công đức in tạo kinh tượng

(Hoằng Nhất Thích Diễn Âm dạy đại cương, Hoằng Thật Vưu Tích Âm diễn dịch)

Chúng sanh trầm luân trong biển khổ, ắt phải nhờ vào thuyền từ cứu tế, sau này sẽ có lúc được độ thoát. Phật pháp hóa đạo trong thế gian hoàn toàn cậy vào kinh tượng để duy trì hầu truyền đăng cho vô tận đời sau. Do bởi lẽ ấy, phàm những ai có thể phát tâm đối với kinh Phật, tượng Phật, hoặc khắc, hoặc chép, hoặc tạc, hoặc đắp, hoặc thếp vàng, hoặc vẽ vời; các cách in tạo như thế hoặc cạn kiệt tâm mình, một mình ra sức lo liệu, hoặc vì sức mình chẳng đủ bèn khuyên rộng rãi mọi người, hoặc lưu thông những kinh tượng người khác đã in tạo để cúng dường, hoặc thấy người khác vừa in tạo bèn tán trợ hoặc hoan hỷ thì công đức của những người ấy đều thật rộng, thật lớn, chẳng thể dùng toán số tầm thường để tính toán được. Vì sao vậy? Phật lực vô biên khéo dẹp các khổ, chúng sanh vô lượng nghe pháp khó lắm. Nay những người gây công đức in tạo ấy khai thông cầu pháp, hoằng dương sự giáo hóa rộng lớn, thí rộng khắp bè báu, giúp khắp những ai hữu duyên. Tâm lượng ấy rộng lớn quả thật chẳng thể nghĩ bàn. Vì vậy công đức ấy cũng rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn. Kính đem những lời vốn do kinh dạy, nêu đại lược mười lợi ích lớn, kính cẩn dùng lời văn nông cạn để lần lượt trình bày như sau:

Một là các thứ tội lỗi đã tạo trước đây hễ nhẹ bèn lập tức tiêu diệt, nặng thì cũng chuyển thành nhẹ.

Tham sân si là chủng tử tạo nghiệt, thân khẩu ý là cơ quan để làm ác. Đêm thanh tự kiểm điểm, đời này đã phạm nhiều tội chẳng thể tính được. Nếu gộp những tội đã phạm trong nhiều đời thì tội nghiệp đã tạo nhiều như núi băng nơi xứ lạnh, chẳng thể không sợ hãi! Tuy nhiên, tội tánh vốn không, nếu dấy động tâm cơ chuộc tội, thệ nguyện lưu thông thánh kinh, trang nghiêm tượng Phật, thì núi băng tội ác một khi gặp phải huệ nhật lẽ nào chẳng tiêu giảm không dấu vết ư?

Hai là thường được cát thần (thiện thần) ủng hộ, hết thảy tai nạn ôn dịch, nước, lửa, giặc cướp, đao binh, lao ngục đều chẳng bị hứng chịu.

Những thứ ác báo trong nhân gian không gì chẳng phải là do ác nghiệp đã tạo trong nhiều đời. Thiện lực trong một niệm có thể xoay chuyển được lòng trời. Tu hành thiện nghiệp phải bắt đầu từ chuyện thuận tiện, dễ làm nhất là công đức thù thắng do in tạo kinh tượng mà làm, sẽ cảm động những vị thần tốt lành nên được

họ hộ vệ. Điều này quả thật có mối quan hệ lợi ích lẫn nhau. Bởi lẽ dù là thần đạo hay thiên đạo, nói theo Phật pháp, đều bị túc nghiệp sai sử, chưa thoát khỏi cái nhân khổ luân chuyển bao kiếp. Do vậy, khi đức Như Lai thuyết pháp thường có vô số thiên thần cung kính ủng hộ. Khi ngài A-nan kết tập kinh, tứ đại thiên vương nâng án. In tạo kinh tượng là chuyện chư thiên long thần hoan hỷ phi thường. Do công đức này cảm được những vị thần tốt lành thường ủng hộ cho, hết báo thân này lìa các tai ách. Đây là chuyện phải như vậy chứ không phải nhờ may mắn mà được cát thần ủng hộ đâu!

Ba là oán đối đời trước đều được lợi ích nơi pháp, được giải thoát, vĩnh viễn tránh khỏi nỗi khổ tầm thù báo phục.

Hết thảy các thứ hành vi ngang ngược kết oán như tranh giành, ghen ghét, dối trá, vu hãm, cướp đoạt, tàn sát… trong thế gian không gì chẳng bắt nguồn từ ý niệm tự tư tự lợi. Phật pháp lấy phá trừ ngã chấp làm công trình bậc nhất để cứu khổ, gột sạch nạn. In tạo kinh tượng lợi ích khắp nhân gian, là công đức pháp thí chẳng thể nghĩ bàn, ảnh hưởng rất rộng. Một giọt mưa pháp thừa sức dập tắt lửa sân oán đối nhiều đời, hóa thù thành ân, chuyển họa thành phước, quyền ấy có bao giờ chẳng do chính ta thực hiện?

Bốn là dạ-xoa, ác quỷ chẳng thể xâm phạm. Rắn độc, cọp đói chẳng làm hại được.

Hạnh xấu keo tham là cái nhân sâu xa khiến đọa lạc trong quỷ đạo, lửa sân vô minh là điềm gây nên tai ương độc trùng. Kết oán nhiều đời, tầm thù trăm kiếp. Ác duyên chưa chín muồi, mặc ý tiêu dao; đến khi cơ hội đã tới, nhờ ai giải cứu? Quỷ mị xâm hại, cọp rắn bức bách. Nghiệt do mình tự gây, chẳng phải là chuyện ngẫu nhiên. Người tu kinh sợ, in tạo kinh tượng, hành sám hối tội sẵn. Do vậy dù có ác duyên cũng đều tiêu trừ được. Nếu lâm vào hiểm địa liền hóa thành đường bằng phẳng.

Năm là tâm được an ủi, ngày không hiểm sự, đêm không ác mộng, vẻ mặt tươi sáng, khí lực sung mãn, việc làm tốt lành, thuận lợi.

Trần thế đông người, mười phần có đến bảy tám phần gặp cảnh kinh hãi, ưu phiền, nghi ngờ, buồn bã, áo não, oán hận, thống khổ. Trong một đời chúng ta, trong mười phần có đến bảy tám phần lâm vào cảnh kinh hãi, ưu phiền, nghi ngờ, buồn bã, áo não, oán hận, thống khổ. Ấy là vì chấp ngã, những gì ở ngoài ta đều đứng vào vị trí đối lập, một mình kháng cự mọi người, nguy ngập hết sức. Huống chi dục tâm khó thỏa giống như hang sâu. Vô sự lại tự khuấy rộn mình, không

gió cũng nổi sóng. Đấy chính là lý do "hình là đầm tội, thân là gốc khổ" vậy! Phật pháp khéo diệt các gốc khổ, những người in tạo kinh tượng sẽ được đượm pháp vị mà thông sáng, hoặc ngầm được gia bị trở thành thông suốt, nhanh lẹ, các chướng tiêu sạch, tâm yên, thần khỏe, thân sắc tươi nhuận là chuyện chắc chắn vậy!

Sáu là chí tâm phụng pháp, dẫu không mong cầu tự nhiên cơm áo dư dật, gia đình hòa mục, phước thọ dài lâu.

Cư xử với người, thấy biết chỉ một niềm chân thật, hễ có việc gì cần làm bèn làm ngay, không suy tính, không mong cầu. Phát tâm thật chân thành, thiết tha, vận dụng hết sức lực, tự nhiên thành tựu thật cao trỗi. Đối với việc in tạo kinh tượng, chí thành ngút trời, người chí tâm phụng pháp thực hiện bằng lòng chân thiết khẩn khoản như thế, dẫu chẳng tính đến công đức mà công đức đạt được quả thật không hạn lượng. Ở đây chỉ nói lên một phần phước thế gian người ấy đạt được mà thôi, tự nhiên mỗi một điều đều đạt đầy đủ, không chút khiếm khuyết. Nếu lại có người tâm ôm hy vọng rồi mới làm điều thiện, do phát tâm không chân thiết, kết quả liền nhỏ nhoi, mỏng manh, ấy là điều có thể đoan chắc. Tuy nhiên, một niệm lành, một đồng nhỏ nhặt đều chẳng luống uổng, đều có vô lượng quả thù thắng. Ví như một hạt thóc gieo xuống đất màu mỡ, một biến thành trăm, sau năm lần biến đổi, bèn hóa thành trăm vạn triệu. Người tạo công đức hoằng pháp há chẳng thể có kế sách lớn lao, không có quyết tâm như vậy sao?

Bảy là lời nói việc làm khiến trời người hoan hỷ, đến bất cứ đâu thường được nhiều người dốc lòng thành yêu mến hâm mộ, cung kính lễ bái.

Đời trước mang lòng ganh ghét, thốt lời phỉ báng, nêu chuyện ác của người, bộc lộ chỗ dở của người, thỏa ý một chốc, chết đi trầm luân trăm kiếp, thảm khổ muôn bề, chịu đủ hết thảy ác báo. Một mai sanh trong nhân gian, nhân duyên xấu hèn, đi đến bất cứ đâu đều bị chán ghét, làm bất cứ chuyện gì đều không kết quả. Nhưng người hoằng dương Phật pháp đã gieo nhân lành từ đời trước, giữ tấm lòng báo ân, mang tâm niệm lợi lạc mọi người, hoặc tịnh tam nghiệp tạo công đức chép kinh vẽ tượng, hoặc bỏ ra nhiều tiền để làm công đức in kinh tạo tượng, sẽ đạt được phước thù thắng chẳng thể tính lường. Hiện tại hết thảy mọi người kính yêu người ấy, vốn là do công đức hoằng pháp trong đời trước mà ra. Sau này, hết thảy những người khiến đại chúng vui mừng, kính trọng, quả thật cũng là do công đức hoằng pháp trong hiện tại mà ra. Trồng cây gai được gai góc, trồng sen được ngó sen, mỗi một hậu quả đều do mình gieo trồng vậy.

Tám là ngu chuyển thành trí, bệnh tật thành khỏe mạnh, khốn đốn chuyển thành hanh thông. Làm thân phụ nữ thì đến khi báo hết, nhanh chóng chuyển thành thân nam.

Đời trước keo lận trong việc dạy dỗ, cũng như phóng túng buông lời báng pháp, mặc sức hủy báng người có đức thì tội nặng trầm luân ắt phải chịu về sau. Lại còn bị quả báo nhiều kiếp ngu xuẩn, vô tri. Đời trước vì bụng miệng tham lam nên mặc sức giết hại muông thú, chim chóc, cũng như từng làm phường chài, đồ tể, thợ săn, đầu bếp, cũng như từng nắm quyền chế tạo hung khí, hỏa khí, độc dược v.v. trợ giúp cho sát nghiệp hung ác của người khác được thành tựu thì sau khi tội nặng trầm luân đã trả hết, lại còn phải bị quả báo nhiều kiếp tàn phế, bệnh ngặt. Đời trước tham dục không nhàm, chỉ biết bóc lột người để béo thân mình, keo tiếc tàn tệ, chẳng chịu mở túi tiền chu cấp thì sau khi trả hết tội nặng trầm luân, lại còn bị quả báo nhiều kiếp bần cùng khốn khổ, tai ách. Đời trước tri kiến hẹp hòi, mang tâm dua vạy, xảo ngôn bóng bẩy, giấu giếm, thêu dệt dối trá, lựa dịp đưa đẩy, đo lường thiếu hụt, chần chừ, lười nhác, dựa dẫm thành tánh, phiền não cấu nặng nề, oán hận, phẫn nộ dễ phát, tâm đố kỵ sâu dày, tình dục lừng lẫy thì sau khi trả hết tội nặng trầm luân, lại còn phải nhiều kiếp mắc báo làm thân nữ. Chỉ có Phật pháp khéo cởi gỡ các ràng buộc. Biển khổ vô biên, quay đầu lại là bờ; núi tội muôn nhận[946], dứt niệm liền không. Do vậy, nhờ công đức vô thượng của việc kiền thành lưu truyền kinh Phật, trang nghiêm tượng Phật, tội tích lũy từ quá khứ tự nhiên giảm trừ, phước thù thắng trong vị lai ngầm được viên mãn thành tựu.

Chín là vĩnh viễn lìa ác đạo, thọ sanh trong thiện đạo. Tướng mạo đoan chánh, thiên tư siêu việt, phước lộc thù thắng.

Hết thảy hàm linh xả thân, thọ thân, qua lại trong sáu đường như bánh xe quay. Ngàn đời vạn kiếp thường trong cảnh mộng, làm thiện không ngừng, tội hết ắt thăng lên. Kiêu căng phóng túng quên gốc, gieo nhân đọa lạc. Làm ác lắm nỗi, phước hụt, thọ tổn trăm ngàn vạn lần, ác báo thật đáng kinh hãi! Địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh đọa trong ba đường ác, muôn kiếp trầm luân. Khó được dễ mất, thân người như vậy đó! Tạo nghiệp thập thiện, tu hành ngũ giới, sanh trong trời người, túc phước chẳng nhẹ. Chư Phật Như Lai thương lẫn xót đều sâu, rộng thuyết pháp cho, đầu tiên chú trọng việc nhiếp tâm, chánh niệm vô tác, lìa cấu vượt trần. Vì thế in tạo kinh tượng thì khế hợp tâm Phật, chỉ mang ý nguyện nhỏ

[946] Nhận: Đơn vị đo lường thời cổ, một nhận bằng khoảng chừng tám thước Tàu.

nhặt này đã gieo nhân phước. Từ đấy về sau, làm bậc tái lai, các phước trọn đủ, lỗi lạc siêu quần.

Mười là có thể làm các thứ thiện căn cho hết thảy chúng sanh, dùng tâm chúng sanh làm đại phước điền, đạt vô lượng quả thù thắng. Sanh ở nơi đâu cũng thường được thấy Phật nghe pháp, mãi cho đến khi Tam Huệ rộng mở, tự chứng Lục Thông, mau được thành Phật.

Thời đức Phật có những người trong một thành khó thể nhiếp hóa, Phật nói những người ấy có duyên với ngài Mục-liên. Do đó bèn sai ngài Mục-liên qua đấy, dân chúng toàn thành quả nhiên đều dốc lòng nhận lãnh sự giáo hóa. Các đệ tử hỏi Phật về nhân duyên, Phật dạy: "Trong kiếp xưa, Mục-liên từng làm tiều phu, một ngày nọ lên non đốn củi, kinh động vô số ong bay tán loạn, thế thật hung hăng toan đến xâm phạm. Mục-liên răn chúng đừng hành hung, lại còn khuyên nhủ: 'Các người đều có Phật tánh, mai này nếu ta thành đạo, sẽ độ các ngươi'. Nay dân chúng trong thành ấy chính là hậu thân của bầy ong khi đó. Do Mục-liên từng phát một niệm độ hết thảy nên có duyên với họ." Gieo nhân trong nhiều kiếp trước, một mai cơ duyên chín muồi, thu được quả thù thắng chẳng thể nghĩ bàn này. Do đây mà thấy, chúng ta trong nhiều đời trải qua nhiều thời đại, nơi nơi từng tiếp xúc vạn loại, mỗi mỗi đều có duyên với ta. Tâm địa hết sức linh diệu của mỗi một chúng sanh đều có thể làm phước điền vô thượng cho ta và người cùng được lợi. Ta đã gieo rắc hạt giống phước đức trong tâm điền của mỗi một chúng sanh thì mỗi một chúng sanh đều có đại duyên với ta. Trong tâm điền của hết thảy chúng sanh đã kết vô lượng quả phước to lớn. Tuy nói là thành tựu quả phước lớn lao vô lượng đời không hết, nhưng nói đó chính là gieo nhân cho phẩm vị diệu trang nghiêm trong thời kỳ đạo quả thành thục cũng không phải là không đúng. Vả nữa, chúng ta trước hết phải đối trị sao cho tâm điền của chính mình thanh khiết để tiếp nhận vô thượng pháp bảo của mười phương ba đời chư Phật Như Lai, tạo thành chủng tử để thoát thai đổi cốt, chuyển phàm thành thánh. Thân ta có đại nhân duyên với mười phương ba đời chư Phật Như Lai. Mỗi một công đức thù thắng nơi biển nguyện của chư Phật đều nhiếp trong tâm ta, nguyện của ta và nguyện của Phật không sai biệt. Từ nguyện của chư Phật cùng nhiếp thọ, nhân trùm biển quả, quả thấu nguồn nhân, vô biên phước thù thắng được kết tạo trong chân tâm in tạo kinh tượng hoằng pháp lợi sanh ngày hôm nay. Phổ nguyện hết thảy hiện tại, vị lai hữu duyên khéo tìm phước điền, khéo kết thắng duyên, chớ mặc cho diệu dụng quang âm cực hảo hiện tiền như nước cuồn cuộn trôi qua trước mắt, chảy qua dưới chân.

6.1. Cơ hội in tạo kinh tượng

Công đức do in tạo kinh tượng đã lược thuật như trên. Nhưng khi nào, chỗ nào thích hợp để thực hiện hành động gieo phước này? Đã riêng nghiên cứu cho tiện việc tận lực làm, nay kính lược thuật như sau:

Chúc thọ:

Sanh vốn vô sanh, vô sanh mà sanh. Tuổi thọ của pháp thân vốn không có hạn lượng, huyễn thân hiện tại vốn do nghiệp báo mà có. Báo hết liền diệt, chẳng khác gì hoa đàm (udumbara) một lần hiện, thọ bao nhiêu mới đủ? Nay vì tùy thuận thế tục thường tình, bèn mở cửa phương tiện chúc thọ. Phàm trong nhà mình, hoặc vì người trưởng thượng, hoặc vì người ngang hàng, hoặc vì bản thân, lúc cử hành lễ chúc thọ, chớ nên sát sanh đãi khách, lãng phí tiền bạc, lầm lạc tạo oán nghiệp, cũng chớ tham luyến hư danh chẳng đáng để coi là khinh hay trọng, dâng văn, hiến thơ, tiếp nhận những thứ xưng tụng quá mức. Soạn những thứ văn chương hư giả ấy, đối với đại chúng chính là dối trá, thêu dệt, tự hỏi lòng mình chắc thẹn mướt mồ hôi! Do vậy, không gì tốt bằng bỏ sạch hết thảy lề thói đời thường ưa chuộng, theo đuổi việc ấn tạo kinh tượng (có sức thì khắc kinh, tạo tượng; không sức thì chép kinh, vẽ tượng). Trên thì để báo bốn ân nặng, dưới cứu khổ tam đồ. Đã đạt được vô lượng phước khánh, còn lưu lại làm kỷ niệm vĩnh viễn. Hành động thù thắng này hàng cư sĩ được trọng vọng càng nên dốc lòng đề xướng, để lại gương tốt cho nhiều người nhìn vào. Nếu hàng thân thích bằng hữu cử hành lễ khánh chúc cũng nên khuyên họ làm theo cách này để tạo phước thù thắng. Đôi bên sẽ đạt được công đức chẳng thể tính lường được!

Ăn mừng:

Một niệm vọng động khởi lên dục ái, từ trong cái vốn là không, huyễn hiện sắc thân, suốt cả cuộc đời chỉ thấy trăm nỗi khổ chen nhau nung nấu, các oán quẩn quanh bức bách. Người nghe pháp tỉnh giác mới hổ thẹn đau khổ không xuể, nào có gì đáng gọi là vui. Chồng vợ, cha con, không gì chẳng do nợ cũ lôi kéo, trói buộc. Yên vui, giàu có, sang quý, vinh hiển, toàn là cảnh giới chôn sống. Trong tầm mắt của đấng Pháp Vương, đâu đâu cũng đáng buồn. Nay vì nhiều bề lôi kéo, nên bèn mở ra cửa phương tiện cho việc ăn mừng. Phàm lúc trai cưới vợ, gái lấy chồng, sanh con đẻ cái, lúc được thăng tấn chức vị, lúc khánh thành nhà mới, khai trương công ty, cửa hàng, cửa tiệm, phàm lúc trăm việc kinh doanh có lời, cũng như hết thảy các dịp thế tục coi là vui mừng, việc do nơi mình, hãy nên giảm bớt số tiền ăn mừng, dùng số tiền đó làm công đức thù thắng khắc kinh, tạo

tượng. Như thân thích bằng hữu biểu lộ lòng chúc mừng hãy nên tuyên bố sẵn ý chỉ đã định trước để họ biết mà làm theo. Đem nhiều chuyện thuộc bên trong phạm vi hoằng pháp để nêu khuôn phép cho nhiều người. Từ giai cấp trí thức mở ra phong thái này để thay đổi thói tục, khiến được hưởng ứng nhanh chóng rộng sâu là điều có thể đoan chắc. Nếu là chuyện vui thuộc phía thân thích, bè bạn cũng nên lựa dịp hướng dẫn để họ khỏi làm chuyện vô vị, giảm bớt tiền của để làm chuyện mong mình lẫn người đều được lợi này.

Tránh tai nạn:

Thiên tai, nhân họa, không đời nào chẳng có. Tai ương chia thành lớn nhỏ, đều là do biệt nghiệp và đồng nghiệp của hết thảy chúng sanh chiêu cảm mà ra. Chữ tai (災) tạo từ chữ thủy (水) và chữ hỏa (火), biểu thị chúng xảy đến với khí thế mãnh liệt, một khi đã phát ra khó thể thâu thập. Tai ương có nhiều loại khác nhau như đao binh, ôn dịch, đói kém, hoặc lao ngục, hoặc lo bị lụt lớn khiến ruộng, nhà đều bị ngập chìm, trôi mất. Nếu đại địa rung nứt thì thành ấp bị sụp đổ. Ngoài ra, hết thảy tất cả phong tai, hỏa tai hủy diệt, cũng như hết thảy chuyện có kết quả bi thảm đột ngột chẳng thể dự phòng được, đều gọi chung là tai họa. Mắt nhìn tâm kinh hãi. Nghĩ đến hoạn nạn phải dự phòng. Luận về phương cách tránh né thì chẳng thể trong một ngày là xong. Nay vì làm lợi ích hết thảy hữu tình nên đặc biệt mở ra cửa phương tiện phòng tránh tai ương: Bất luận sống gần núi, gần nước, hay sống trên đồng bằng, tất cả những thứ nhân và cảnh sanh ra những tai ách đặc biệt lạ lùng, cũng như đao binh, giặc cướp, dịch lệ, hỏa hoạn, lao ngục, cùng là hết thảy tai họa do oán đối nhiều đời tầm thù báo oán, hoặc vì cha mẹ, sư trưởng, và các quyến thuộc cùng với thân thích bằng hữu cầu đảo tránh khỏi tai họa, hoặc vì hết thảy chúng sanh cùng sống trong cõi đời phát tâm đại từ bi, thay họ cầu đảo khỏi bị tai họa, hoặc vì hết thảy chúng sanh trong tứ sanh lục đạo hiện tại, vị lai phát tâm đại Bồ-đề, thay họ cầu đảo tránh tai họa thì biện pháp thực tế có hiệu quả thù thắng nhất là nên lấy việc lưu truyền kinh Phật, trang nghiêm tượng Phật làm hành động tốt đẹp bậc nhất. Vì lẽ nào vậy? Do mười phương ba đời chư Phật nghĩ thương chúng sanh vậy. Vì tai ách trong tam giới chỉ có sức oai thần của Phật mới có thể khéo tiêu trừ được. Vì do người hoằng pháp dốc lòng thành và do thâm tâm hoằng nguyện từ bi cứu bạt của chư Phật ngầm cảm thông vậy.

Cầu nguyện:

Nếu động chẳng ngừng thì nước lặng đều hóa thành sóng cuộn, nếu tĩnh lặng chẳng khuấy đảo thì sóng gió trở thành nước lặng. Tướng nước như thế đó, tâm cảnh cũng giống như vậy. Bất biến tùy duyên, đương thể của chân như trở thành sanh diệt; tùy duyên bất biến, đương thể của sanh diệt chính là chân như. Hễ mê thì mộng tưởng điên đảo, chỗ tiếp xúc bèn thành chướng ngại; hễ ngộ thì rốt ráo Niết-bàn, thanh lương ngay khi đó. Trong đạo tràng bất động, vốn sẵn có hết thảy, nào khiếm khuyết gì để phải cầu cho có? Nay vì khuyến tấn nhiều người, nên đặc biệt mở ra cửa phương tiện cầu đảo này. Phàm vì chính mình và vì lục thân quyến thuộc lo sợ tuổi thọ ngắn ngủi mà cầu tăng thọ, vì khó có con nối dòng mà cầu sanh nở, cho đến cầu tật bệnh mau được lành, cầu gia trạch bình yên, cầu cởi gỡ oán thù, cầu doanh nghiệp thuận lợi, cầu hết thảy chuyện làm được như ý (nhưng những hành vi thương tổn đạo đức và những nghề nghiệp chẳng thích hợp với Phật đạo đều phải nên loại trừ ra), cầu đất nước hòa bình, cầu thế giới hòa bình, cầu cho hết thảy chúng sanh trong pháp giới hồi tâm hướng thiện, lìa các ma nạn, cho đến hết thảy những người nghe pháp cầu tăng trưởng trí tuệ, cầu chứng niệm Phật tam-muội, cầu lúc lâm chung không có các khổ ách, tâm chẳng điên đảo, vãng sanh Cực Lạc, hãy đều nên làm công đức chép kinh, in kinh, tạo tượng, vẽ tượng này. Chí thành cầu đảo, rốt cuộc mỗi một việc gì đều được thỏa nguyện.

Sám hối:

Trong bài Khuyến Phát Bồ-đề Tâm Văn của pháp sư Tỉnh Am có câu: "Đức Thích-ca Như Lai ta lúc ban đầu mới phát tâm, do vì chúng ta nên hành đạo Bồ-tát trải vô lượng kiếp chịu đủ các khổ. Lúc ta tạo nghiệp, Phật bèn buồn thương, phương tiện giáo hóa, nhưng ta ngu si, chẳng biết tin nhận. Ta đọa địa ngục, Phật càng đau buồn, muốn thay ta chịu khổ, nhưng do ta nghiệp nặng nên chẳng thể cứu bạt. Ta sanh trong loài người, Phật dùng phương tiện dạy gieo thiện căn, đời đời kiếp kiếp theo sát bên ta, tâm chưa tạm bỏ. Lúc Phật mới xuất thế, ta còn trầm luân. Nay được thân người, Phật đã diệt độ. Tội gì mà phải sanh nhằm đời mạt pháp, chướng nào chẳng thấy được thân vàng?" Đấm ngực, gập mình tự hỏi, há còn chỗ nào để chẳng kinh hoàng, run sợ nữa ư! Nay vì tiêu trừ tội chướng nên đặc biệt mở ra cửa phương tiện sám hối này. Tu trì giới hạnh là một phương pháp tối thiết yếu mà chúng sanh đời mạt dùng để vượt thoát biển khổ sanh tử. Muốn tu giới hạnh hãy nên tham cầu nơi các pháp điển trong luật tạng. Đệ tử tại gia hãy nên đọc kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, Tại Gia Luật Yếu Quảng Tập, Ưu-bà-tắc Giới Kinh, Bồ-tát Giới Bổn Kinh Tiên Yếu, Phạm Võng Kinh Hợp Chú, còn giới luật xuất gia thì chẳng thể ghi hết. Sau đấy mới hiểu rõ hết thảy tội lỗi ở chỗ nào.

Đối với những chuyện chẳng lành mình đã làm trước kia tự hối sâu xa, muốn sám hối, mở cửa diệt tội, mở ra con đường đổi mới thì lưu truyền kinh Phật, trang nghiêm tượng Phật là phương cách hữu hiệu nhất. Lúc làm công đức này, chí thành sám hối để chuộc tội khiên, những nghiệp bất thiện đã làm trước kia sẽ có thể tiêu diệt lập tức. Nếu sám hối thay cho người khác thì dùng phương pháp này vẫn thích hợp.

Siêu độ cứu bạt:

Cây muốn lặng nhưng gió chẳng ngừng, con muốn phụng dưỡng nhưng cha mẹ chẳng còn nữa! Những người làm con cái trong khắp thiên hạ muốn đáp tạ ân cha mẹ dưỡng dục nhưng không biết làm thế nào, ôm nỗi buồn đau vô hạn. Nhưng thân thể cha mẹ ta tuy đã diệt mất, vẫn còn có cái chẳng bị diệt mất cùng thân thể, đó là vật gì vậy? Chính là linh tánh. Linh tánh ấy xả thân thọ thân, bị túc nghiệp sai sử, chỗ nào nặng sẽ đọa vào chỗ ấy, khó tự làm chủ được. Tuần hoàn qua lại tam đồ lục đạo từ kiếp này sang kiếp khác, trọn không có lúc ra. Than ôi, nhà lửa tam giới há nên lưu luyến! Lành thay, đại sư Liên Trì đã nói: "Cha mẹ được lìa trần cấu thì đạo con mới thành tựu!" Do vậy, kẻ khéo báo ân cha mẹ hãy thường kiền thành tu pháp xuất thế khiến cho cha mẹ sanh ra ta trong đời này nhờ vào nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn của ta để thoát lìa biển khổ sanh tử, ấy là điều ta mong mỏi bậc nhất; và làm cho cha mẹ đã sanh ra ta trong trăm ngàn kiếp hiện còn đang vướng mắc trong lục đạo chịu khổ vô lượng đều được nhờ vào nguyện lực, phương tiện chẳng thể nghĩ bàn của ta mà thoát lìa biển khổ sanh tử, đó là điều mong mỏi bậc nhất. Do nghĩ đến thâm ân của cha mẹ nhiều đời bèn nghĩ cách báo đáp triệt để. Do nghĩ cha mẹ nhiều đời trầm luân trong lục đạo nên thấy chúng sanh trong lục đạo đều là cha mẹ, nghĩ lục đạo chúng sanh khi chưa được độ hết liền thề chẳng thành Phật. Bất luận giác ngộ trước hay giác ngộ sau, ai nấy đều có đại sự nhân duyên chưa báo đáp ân cha mẹ. Nay tìm lấy một pháp thiển cận dễ hành nên đặc biệt mở ra cửa phương tiện siêu độ cứu bạt này. Phàm gặp phải lúc cha mẹ vừa mất, hoặc kỷ niệm bốn mươi chín ngày sau khi mất, kỷ niệm giỗ đầu cho đến đã mất mấy năm, kỷ niệm vô số chu niên, hoặc nhằm ngày mất, hoặc nhằm sanh nhật của người đã mất, hoặc minh thọ[947] mà kỷ niệm, đều nên cử hành công đức in tạo kinh tượng. Đối với ông bà nội, ông bà ngoại cùng hết thảy người ngang hàng, người vai vế nhỏ hơn, cũng nên làm công đức này để tạo phước ngầm cho họ. Nếu lúc thân thích, bằng hữu mất cũng nên dùng loại công

[947] Ngày sanh nhật của người già đã mất gọi là Minh Thọ.

đức hoằng pháp này để thay thế cho hết thảy lễ số vô ích. Công đức đạt được sẽ vô hạn lượng!

Những điều như trên vừa nói chẳng qua chỉ là nói đại khái. Ngoài những điều này, cơ hội gieo phước chẳng thể kể trọn. Muốn hiểu trọn vẹn, hãy đọc nhiều kinh điển sẽ tự biết.

6.2. Phương pháp in tạo kinh tượng

Chép kinh:

Phàm các kinh trong Đại tạng và các luật, luận, cho đến trước tác của hết thảy đại đức từ xưa đến nay: trường thiên, đoản văn, câu đối, đề từ, bài tụng, đều có thể cung kính biên chép. Hoặc thương lượng với người thông đạt Phật pháp, châm chước lượng định hết thảy cho thật ổn thỏa, tốt lành. Nếu chính mình chẳng thể biên chép được, có thể nhờ người làm giùm, nếu tự mình chép được thì tự chép là hơn. Về cách chép thì không bó buộc phải chú trọng tinh xảo, đẹp đẽ như thế nào, chỉ cần đàng hoàng, tề chỉnh, chớ nên cẩu thả, nguệch ngoạc. Pháp sư Ấn Quang ở Phổ Đà Sơn nói: "Chép kinh nên như tấn sĩ viết văn sách, mỗi một nét bút chớ có cẩu thả, gián đoạn. Lối chữ phải tuân theo lối viết chánh thức[948]." Sư lại nói: "Cổ nhân viết một chữ, lễ ba lạy, đi nhiễu ba vòng, xưng danh hiệu Phật mười hai câu." Huấn dụ từ bi ân cần, khiến người xúc cảm sâu xa. Kính sao chép lại để khuyên người thực hiện công đức chép kinh.

Vẽ tượng:

Phàm tượng Phật hay Bồ-tát đều có thể vẽ được, hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc ngồi, hoặc đứng, hoặc vẽ bằng mực, hoặc dùng màu vẽ đều được cả. Vẽ bao lớn, vẽ nhân vật như thế nào, nên coi kỹ trong nội điển sẽ dễ hiểu được cách vẽ nhất. Phải giống như khi học vẽ chưa có mảy may căn bản gì, hạ bút dè dặt, không hề buông tuồng. Đừng khinh dễ mà vẽ, kẻo chuốc lấy tội lỗi khinh nhờn.

Khắc kinh, in kinh:

Hoặc khắc mộc bản, hoặc in bằng lối sắp chữ, hoặc thạch ấn, đều có thể châm chước lượng định mà làm. Hoặc bỏ tiền thỉnh những kinh điển đã in xong từ những nơi phát hành kinh, đem gởi tặng người hữu duyên để lưu truyền hoặc khuyến hóa rộng rãi. Hoặc có lúc gặp người khác quyên góp thì bỏ tiền tán trợ, để tạo công đức thấy nghe tùy hỷ, đều có thể gieo các thứ thiện căn, đắc đại lợi

[948] Tức là viết chữ chân phương, rõ ràng, không viết tắt, không bớt nét, không viết theo lối thảo.

ích. Có loại giấy bóng láng khiến mực bị nhòe, chớ dùng. Nếu tham tiền mà dùng thì công đức so với việc dùng giấy của nước nhà sẽ bị giảm gấp mười. Không thể không biết!

Khắc tượng, in tượng:

Nếu có được hình tượng Phật, Bồ-tát do các nhà danh họa vẽ thì hãy nên tìm cách lưu truyền vĩnh viễn. Rộng hành nhiếp hóa thì không gì bằng chế bản ấn loát. Hoặc thỉnh thợ khéo điêu khắc lên bản gỗ cứng rắn, hoặc khắc vào đá, hoặc chế bản đồng, bản kẽm và bản pha lê đều tốt cả.

6.3. Dạng thức văn phát nguyện

Loại văn phát nguyện này nên chép vào sau kinh tượng. Cách thức rất nhiều, chẳng thể thuật trọn. Nay nêu đại lược sáu cách như sau:

Tả kinh:

Ngày… tháng… năm… đệ tử tên là… kính chép kinh… bao nhiêu bộ. Đem công đức này nguyện Chấn Đán Trung Quốc[949] và các nước trên thế giới mưa thuận gió hòa, sung túc, yên ổn, tai nạn tiêu trừ, can qua vĩnh viễn ngưng dứt, cùng được gội ân Phật giáo hóa, cùng chứng Bồ-đề (Lời chúc nguyện hoàn toàn có thể tùy ý biến đổi linh động, ở đây chỉ nêu lên một cách thức mà thôi).

Vẽ tượng:

Ngày… tháng… năm… đệ tử tên là… cung kính bỏ chút của cải nhỏ mọn, thỉnh họa sư tên là… kính vẽ hình tượng Phật… (Bồ-tát…) bao nhiêu bản. Nguyện thân thể con yên vui, mạnh khỏe, của cải đầy đủ. Đời hiện tại vĩnh viễn lìa khỏi những suy não, lâm chung vãng sanh Tây Phương. Lại nguyện đem công đức này hồi hướng pháp giới chúng sanh cùng vượt khỏi bờ mê, đều thành Phật đạo.

Khắc kinh:

Ngày… tháng… năm… cư sĩ… (hoặc những danh xưng thích hợp khác) nhằm sanh nhật bao nhiêu tuổi. Bọn đệ tử chúng con tên là… đều vui mừng, bèn trộm phỏng theo lệ người xưa chép kinh chúc thọ, kính khắc kinh… và ấn tống bao nhiêu bộ để mở rộng hoằng nguyện cũng như cầu tăng thêm tuổi thọ. Kính xin tam bảo chứng tri.

[949] Tùy theo mỗi xứ sở mà thay đổi danh xưng cho phù hợp!

In kinh:

Ngày… tháng… năm… là sanh nhật của con trai (thứ mấy); đệ tử tên là… kính thí tiền để ấn tống kinh… bao nhiêu bộ hầu kết pháp duyên. Cùng nguyện những chúng sanh không con trong pháp giới đều sanh được con trai phước đức trí tuệ, kế tục hưng thạnh gia nghiệp, hoằng tuyên Phật pháp, lợi khắp hữu tình, dằng dặc tiếp nối mãi đến tận đời vị lai.

Khắc tượng:

Ngày… tháng… năm… bọn đệ tử tên là… bỏ tiền chung nhau để khắc tượng Phật… (hoặc tượng Bồ-tát….) và in ra bao nhiêu bản đó. Chỉ mong chúng con tội chướng tiêu trừ, phước tuệ tăng trưởng, sớm chứng niệm Phật tam-muội, cùng sanh về Cực Lạc liên bang phổ độ chúng sanh, cùng viên thành chủng trí.

In tượng:

Ngày… tháng… năm… đệ tử tên là… kính thí tiền để ấn tống tượng Phật… (hoặc tượng Bồ-tát…) bao nhiêu bản đó, lại nguyện nhờ công đức này vì mẹ tên là… (hoặc vì người khác thì bèn đổi danh xưng cho phù hợp) sám trừ những tội… Những tội như thế nguyện đều tiêu diệt. Nếu chẳng trừ được thì nguyện xin chịu thay, khiến cho bệnh khổ trong hiện tại đều mau được yên lành. Nếu đại hạn khó tránh khỏi thì rốt ráo lên An Dưỡng. Kính xin tam bảo chứng minh nhiếp thọ.

Như muốn xem rộng rãi những dạng thức phát nguyện xin hãy xem bộ Linh Phong Tông Luận. Sách này do chùa Pháp Tạng tại Chuyên Kiều, Đông Hương, Dương Châu khắc bản, giá hai đồng, đều có gởi bán tại thư cục chánh ở Thượng Hải, và Phật Kinh Lưu Thông Xứ (nơi phát hành kinh Phật) ở đường Bắc Kinh nơi Bắc Nê Thành Kiều tại Thượng Hải, Phật Kinh Lưu Thông Xứ thuộc chùa Ngọa Phật tại Bắc Kinh và những chỗ lưu thông kinh Phật trứ danh khác. Giá khoảng chừng hai đồng. Quyển đầu bộ sách này toàn chép những nguyện văn, nếu có thể đọc thông thuộc những nguyện văn ấy thì chẳng những có thể thông thạo cách thức viết nguyện văn mà còn có thể quán thông nghĩa lý tinh diệu của Phật pháp. Kính khuyên những bậc có chí chớ nên xem thường. Lại nữa, phát nguyện tuy là chuyện của chính mình, nhưng phải kèm thêm những lời lẽ "hướng đến trọn khắp chúng sanh", có như thế thì nguyện lực trọn khắp, công đức càng lớn lao hơn!

6.4. Lúc chép, lúc vẽ nên chú ý

Lúc chép kinh, vẽ tượng nên dứt rượu thịt, tắm gội, mặc áo sạch, quét dọn bàn ghế, thắp hương lễ Phật rồi mới nâng bút. Như vậy sẽ đạt được công đức thù thắng, được đại lợi ích. Vì thế, pháp sư Ấn Quang nói: "Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp thì phải cầu từ nơi cung kính. Có được một phần cung kính thì tiêu được một phần tội nghiệp, tăng một phần phước tuệ." Trong Ấn Quang Văn Sao, lại có bài luận *Cạn kiệt lòng thành mới được lợi ích thật sự*[950] giảng về điều này rất tường tận rõ ràng, xin hãy đọc bài ấy. Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao nói ở đây là bản Tăng Quảng do Trung Hoa Thư Cục ở Thượng Hải ấn hành. Phân cục các nơi đều có, có thể đến thư cục gần nơi mình ở để thỉnh.

6.5. Kết luận

Xem những điều vừa đã nói trên đây về việc chép vẽ khắc in kinh Phật, tượng Phật, có những tác dụng thù thắng, mầu nhiệm như thế và có những phương pháp ứng dụng như thế đó. Vậy chúng ta hãy nên tùy thời tùy sức y theo những phương pháp ấy hoan hỷ phụng hành. Những người gia cảnh giàu có dư dả, có thể đảm nhiệm việc khắc in kinh tượng. Nếu chi dùng chẳng dư dật, cũng có thể tự mình sao chép, chụp ảnh, hay vẽ, và lượng sức mình đến đâu mà thỉnh những kinh tượng đã in xong để thí lại cho người khác hầu kết thiện duyên, tăng phước tuệ. Dù chỉ thí một bộ kinh, thí một tờ ảnh Phật mà xuất phát từ tấm lòng chí thành khẩn thiết thì công đức cũng vô lượng. Lại nữa, bất luận nam nữ trẻ già được thấy bài văn này mà sanh hoan hỷ, hớn hở, dấy tâm chí thành, tâm rộng lớn, tùy thời, tùy chỗ, hướng về người khác tuyên nói những sự tiêu tai cứu nạn, gieo phước được lợi ích do lưu truyền kinh Phật, trang nghiêm tượng Phật giống như trên đã nói để chỉ bảo, hướng dẫn đại chúng chẳng chán, chẳng mệt mỏi. Tuy gặp phải kẻ vô tri hủy báng, ngăn trở, vẫn chẳng so đo, chẳng nhụt chí, một khối chân thành hoằng dương đại pháp như vậy giống như vàng ròng thuần túy, càng được nung luyện qua lửa mạnh màu sắc, vẻ tươi đẹp càng chói ngời. Lòng tinh thành đến cùng cực thì thiên địa quỷ thần đều bị cảm động. Huống gì những kẻ vô tri, đều cùng sẵn có thiên lương, trọn chẳng có dịp cảm hóa được ư? Lại nữa, đạo thích thành tựu điều tốt đẹp cho người khác, khen ngợi người làm lành, hết thảy mọi người đều có thể làm được. Bất luận lúc nào, chỗ nào, hễ thấy hay nghe, có người ngẫu nhiên phát tâm làm công đức hoằng pháp, chẳng cần biết họ đã làm, đang làm hay sẽ làm, mỗi mỗi ta đều có lời hoan hỷ tán thành để ôn tồn phủ dụ, khuyến khích họ, khiến cho tâm hướng thiện của người ấy càng thêm kiên cố,

[950] Xin xem bài luận này trong quyển thứ hai, bài số 7.

mạnh mẽ, khiến cho tâm hâm mộ điều thiện của người khác đều cùng sôi nổi. Công đức vô thượng chẳng tốn một phân tiền này ai nấy đều làm được! Bài văn phổ khuyến phát tâm làm công đức in tạo kinh tượng này lưu truyền tới đâu bất luận người thấy kẻ nghe đều tùy theo thuận tiện mà làm. Những kẻ ồn ào đề xướng thuyết "không có tài lực thì làm được gì" chính là kẻ nói ra những lời tự phụ bạc mình, ruồng rẫy người, tự lầm, lầm người vậy. Đức Như Lai có tướng lưỡi mỏng, sạch, rộng, dài, thè ra trùm khắp khuôn mặt, đấy chính là tướng lưỡi phước đức hy hữu, thật sự do công đức vạn kiếp ngàn đời khen ngợi, tùy hỷ mà có. Người chí thành hoằng pháp tùy thời, tùy chỗ, lựa thời cơ khéo léo chỉ dạy, phương tiện hay khéo, người siêng năng vận dụng tướng lưỡi rộng dài này, ai dám bảo là chẳng thể dùng công đức thù thắng mầu nhiệm này để trừ khử tướng tội nghiệp của chúng sanh, đạt phước vô lượng!

7. Những điều cần chú ý để giảm thiểu tội lỗi khi lật giở xem đọc kinh sách (phụ chú)

Người học khi xem đọc những sách vở tầm thường, mỗi khi phải giở sang trang, thường dùng móng tay khêu góc trang sách lên, khiến cho trang giấy bị hư hao, vết tay ngang dọc, thật là trái đạo tôn trọng giữ gìn vậy. Thói quen xấu ấy áp dụng cho những sách vở tầm thường nhưng hữu ích cho thân tâm thì đã phạm tội lỗi, huống hồ kinh sách Phật học là bè báu để vượt khỏi biển khổ sanh tử, thiên thần địa kỳ đều cùng cung kính ủng hộ, lại có thể mặc tình khinh nhờn, ngạo mạn, chẳng yêu mến, gìn giữ ư? Chúng sanh đời mạt phước lượng giảm mỏng dần, được hưởng dùng các vật thật khó khăn, vật chất ngày càng kém. Những loại giấy sản xuất gần đây thật kém xa khi trước. Nếu thường giở xem, giấy dễ bị rách nát. Áp dụng thói quen đã tích tập ấy vào kinh sách Phật học thật là đại bất kính, hãy nên gấp răn ngừa. Hễ trông thấy người khác làm như thế, hãy nên dùng lời khéo khuyên bảo khiến cho họ hối cải thì công đức rất lớn. Lại có người dùng đầu ngón tay thấm nước miếng chấm vào trang giấy để lật. Tuy chất giấy chưa chắc bị hao tổn, nhưng màu mực, màu trắng tinh của góc trang giấy dễ bị bẩn. Hơn nữa, dùng nước miếng ô uế để bôi lên kinh Phật thì cái tội khinh nhờn thật chẳng thể trốn tránh được. Huống chi những kẻ có bệnh, nước miếng thấm vào sách, dễ làm cho những người tụng đọc sau này bị lây bệnh truyền nhiễm. Gây phiền lụy cho người, thật là tổn đức, phải nên kiêng dè! Trộm nghĩ, sách Phật lưu truyền trong thế gian là vô thượng bảo điển nhằm nuôi dưỡng huệ mạng của con người, độ con người thoát khổ. Người đọc càng phải nên chú tâm gìn giữ, yêu tiếc, mong sách được lưu truyền lâu dài trong đời, cứu bạt nhiều người, lợi khắp kẻ hữu duyên. Ai nấy

lúc lật giở trang sách, hãy nên dùng lòng bàn tay từ bên cạnh sách mà lật nhẹ nhàng, chẳng nên lỗ mãng, hãy nên thận trọng. Thoạt đầu cảm thấy chưa quen, lâu ngày sẽ có thể tùy lòng sử dụng. Thêm nữa, lúc sắp mở quyển sách ra, thì phải quét dọn sạch sẽ bụi bặm trên bàn. Trang bìa kinh sách nên bọc bằng giấy hay bằng vải đều được.

8. Bài thơ vịnh ngài Tam tạng Nghĩa Tịnh đời Đường qua Tây Vực thỉnh kinh *(đính kèm bài thơ này để thấy niềm may mắn được thấy nghe pháp)*

Thời đại Tấn, Tống, Tề, Lương, Đường
Cao tăng cầu pháp lìa Trường An
Đi trăm vị, về chưa được mười,
Gian nan đời sau nào thấu hiểu!
Đường xa ngất trời, rét căm căm,
Sông, cát mù trời, sức mòn lụn,
Đời sau chẳng tường nông nỗi ấy,
Cứ nghĩ được kinh thật dễ dàng!

9. Nêu tỏ ý nghĩa in tạo kinh văn (trích từ bộ An Sĩ Toàn Thư)

Tuy có thức ăn ngon, nhưng không ăn sẽ chẳng biết là ngon. Tuy có đạo tột cùng, không học chẳng biết là hay. Trong thiên hạ, cái dễ mất nhất là thân người, cái khó được nghe nhất là Phật pháp. Nếu đức Như Lai không xuất thế thì trên cõi trời, trong cõi người đều như trong đêm dài, chẳng những kẻ tầm thường bị hạn cuộc trong cái nhìn của chính mình, ngay cả nhà Nho cũng bị quẩn quanh trong những gì chính mình nghe được. Ngước mặt nhìn trời, cho là chỉ có mặt trời, mặt trăng, chẳng biết còn có các cõi nước nhiều như vi trần; cho rằng lúc mới sanh ra dân thì bắt đầu từ Bàn Cổ[951], chẳng biết từ bao nhiêu kiếp đến nay đã

[951] Bàn Cổ: Theo thần thoại Trung Quốc là người tạo dựng ra trời đất muôn loài từ thuở thế giới còn hỗn độn sơ khai. Do vậy, Đạo giáo đã tôn phong Bàn Cổ là hóa thân của Ngọc Thanh Nguyên Thủy Thiên Tôn (một trong Tam Thanh của Đạo giáo). Theo đó, khi vũ trụ còn là một khối hỗn độn, Bàn Cổ bèn tự nhiên sinh ra. Suốt 18.000 năm, Bàn Cổ dùng rìu để tách rời trời đất, những chất nhẹ và trong sạch bay lên thành trời, những chất nặng nề, dơ bẩn chìm xuống thành đất. Sợ trời đất lại sụp xuống trộn lẫn vào nhau lần nữa, Bàn Cổ liền đầu đội trời, chân đạp đất, khiến trời mỗi ngày cao lên một thước, thân Bàn Cổ cũng mỗi ngày cao thêm một thước. Sau 18.000 năm, Bàn Cổ chết đi, những bộ phận trên thân ông ta biến thành vạn vật trong vũ trụ: Chân tay thân mình biến thành núi non, bắp thịt biến ruộng phì nhiêu, máu biến thành sông ngòi, gân xương biến thành đường lớn, răng lợi biến thành ngọc thạch, da lông biến thành cây cỏ v.v.. Có nhà nghiên cứu cho rằng, truyền thuyết Bàn Cổ bắt nguồn từ truyền thuyết

trải qua vô biên kiếp số. Chỉ nghĩ thiên đế, thiên tiên là chí tôn không ai sánh được, chẳng biết họ là thượng đẳng phàm phu luân hồi trong lục đạo. Khi thân mất đi rồi, cho là hình đã diệt thần bèn tiêu, chẳng biết nhất điểm linh quang đời đời chẳng mê lầm. Cha mẹ quyến thuộc mất đi bèn cho rằng: Chẳng biết làm như thế nào? Nào biết pháp môn này dù có trải qua ngàn đời vạn kiếp, vẫn tự có cách đáp đền. Thấy người lành trắc trở, tiểu nhân đắc chí, bèn cho là đạo trời khó thể nương tựa, nào hay do túc nghiệp chiêu cảm, chẳng sai sót tơ tóc. Giáo điển của đức Như Lai lớn lao thay! Thật đáng gọi là thuyền từ để vượt biển, là đuốc báu cho đường tối, là nhũ mẫu cho trẻ thơ, là thóc gạo trong năm đói kém. Cho nên lúc ngài A-nan kết tập, Phạm Vương, Đế Thích đều cầm giữ phan lọng, Tứ Đại Thiên Vương đều vâng giữ bốn chân tòa cao. Sách vở thế gian há phảng phất được một phần vạn ư? In tạo há phải dễ dàng ư?

10. Bài văn cùng thệ nguyện trong Tây Tư Xã của pháp sư Chứng Thông

Long Hưng nguyên niên (1163), năm Quý Mùi, mồng Tám tháng Tư, thầy trò trong nhà họ Thích và toàn bộ đại chúng trong hội đều quy mạng thế giới Cực Lạc A-di-đà Phật, Bồ-tát hải chúng, nguyện các ngài vận lòng từ rộng lớn, rủ lòng quán sát cho chí hướng nhỏ nhặt của chúng con. Bọn chúng con (tên là…) nghĩ mình túc phước sâu dày, sống tại Trung Hoa, cung kính xem bảy bộ kinh trong Đại tạng, thuần bàn về Tịnh độ, y chánh trang nghiêm, công đức thắng diệu. Nhìn lại nơi đây: Ba ác tám nạn, nhiều điều bất thiện nhóm họp; sanh lão bệnh tử, thọ mạng ngắn ngủi; tự lực tu hành, khó tiến dễ lùi! Bậc thánh hiền đời trước thương xót chúng con nên lập ra pháp môn niệm Phật này, giảng sâu nhưng dễ đạt, khêu gợi, khuyến khích cầu sanh. Hiền thánh xưa nay những vị hoằng đạo này sách vở chất như núi. Tăng tục bốn phương kết thành liên xã, đời nào cũng chẳng thiếu người. Mười phương chúng sanh sanh về cõi ấy nhiều như mưa rào. Do vậy, chúng con tánh tình thanh cao tự nhiên phát khởi, chẳng ước hẹn lại giống nhau, chí đã quy hướng, đều cùng gởi lòng nơi Tây cảnh. Đã niệm niệm chẳng quên mong hết báo thân này, quyết được vãng sanh; chúng con vẫn lo tánh tình, thói quen bất đồng, việc đời trói buộc, miệng bàn Cực Lạc, ý luyến Sa-bà, chẳng hiểu sự lý, hạnh nguyện bị khuyết, sáng cầu như nhau, tối về cách biệt. Do vậy, cẩn thận chọn ngày tốt lành, tụ hội gieo lòng thành, rập đầu trước phạm dung, lập lời hoằng thệ này. Ngửa mong đức Từ Tôn duỗi cánh tay sắc vàng, xoa đảnh chúng

---

Bàn Qua của những dân tộc bản địa (như người Việt cổ chẳng hạn) sống ở hạ lưu Trường Giang trước khi người Hán tràn vào Trung Nguyên.

con, động lưỡi sen hồng, ngầm thọ ký cho con, khiến cho con từ đời này trở đi chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, chẳng gặp tà sư, chẳng mất chánh niệm. Ngày mạng chung không bệnh, không khổ, thân tâm vui sướng, theo gót Như Lai cùng về An Dưỡng, hoa sen sớm nở, ngộ Vô sanh nhẫn, đi khắp mười phương cõi nước phụng sự chư Phật, cứu vớt chúng sanh khổ sở khiến đều cùng thành vô thượng đạo. Hư không có cùng tận, nguyện con chẳng cùng tận. Nếu ai thấy nghe, đều thấm đượm lợi lạc!

11. Cách lưu thông kinh sách hữu ích cho thế đạo nhân tâm

1) Toàn thí lưu thông (lưu thông bằng cách bố thí hoàn toàn). Khẳng khái bỏ ra khoản tiền lớn để in ra nhiều bộ, hoàn toàn thí tặng, chẳng lấy đồng nào, công đức rất lớn. Chuyện này chỉ người có sức mới làm được. Nếu không có sức thì in ké vài phần hoặc thay người ta giảo duyệt chữ, hoặc thay người ta quyên mộ, hoặc hoan hỷ tán thán khiến tâm bố thí của người ta vững vàng thì cũng có công đức không gì lớn hơn.

2) Bán thí lưu thông (lưu thông bằng cách cúng thí một phần). Hoặc giúp tiền mua giấy, hoặc giúp tiền in, hoặc giúp trình bày, sửa chữa, hoặc đăng quảng cáo, hoặc giúp chuyên chở, tùy tiện phát tâm, dùng nguyện nhỏ nhoi của mình để giúp cho hành vi thù thắng này được thành tựu, đều gọi là thí, còn gọi là bán thí. Tuy gọi là bán thí, nhưng nếu xuất phát từ lòng chí thành hoan hỷ, làm chuyện này không kiêu căng, không khiếp sợ, thệ nguyện trọn vẹn, công đức sẽ thù thắng.

3) Kỳ phước lưu thông (lưu thông do cầu phước). Cầu danh, cầu lợi, cầu con, cầu thọ, nếu có thể tùy sức ấn thí thì sở nguyện ắt trọn. Nếu do cha mẹ mắc bệnh cầu mau được lành, hứa nguyện in thí, lòng chí thành cảm động thiên địa. Nguyện này vừa phát liền thấy linh ứng.

4) Sám hối lưu thông. Con người chẳng phải là thánh hiền, ai mà không lỗi! Nhưng thiên đạo họa dâm chẳng phạt tội người hối lỗi. Con người phải biết sửa lỗi và sớm sám hối tội bèn lưu thông kinh điển để chuộc tội. Tận lực kiên quyết hành như thế thì túc chướng tự tiêu.

5) Báo ân lưu thông. Con cái chịu ân sâu của cha mẹ, cây muốn lặng nhưng gió chẳng ngừng, sức con phụng dưỡng được nhưng cha mẹ chẳng còn. Đau buồn nhưng biết làm như thế nào? Chỉ nên ấn tống kinh điển đã có thể tạo phước ngầm

cho người khuất, tận hết lòng hiếu thuận. Thật mong con cái trong khắp cõi đời đang ôm mối hận suốt đời[952] hãy đều tận lực thực hành.

6) Mẫn thương lưu thông (thương kẻ chết non mà lưu thông). Không duyên không oán chẳng thành cha con. Duyên tận bèn lìa, oán tiêu sẽ đi. Đứa con dĩnh ngộ khác lạ tuổi trẻ chết yểu, ở đâu cũng có chuyện như thế. So với chuyện lãng phí tiền bạc để làm chuyện vô vị thì chẳng bằng in kinh tạo tượng để giúp cầu siêu, cứu bạt. Phàm những bậc cha anh hiền thiện rất nên khởi xướng phong khí này.

7) Cát khánh lưu thông (lưu thông kinh điển khi gặp dịp vui mừng, may mắn). Gặp những chuyện như thành danh được lợi, dựng nghiệp, xây cất, nhậm chức, thăng cấp, cưới hỏi, sanh con, tiệc thọ v.v. đều nên kiêng giết để khỏi tạo oan nghiệt. Hãy nên in kinh điển để kéo dài phước trạch.

8) Quỹ tống lưu thông (lưu thông bằng cách biếu tặng). Lễ mừng, lễ tiễn, lễ gặp mặt... những thứ qua lại để thể hiện tình cảm phải dùng đến lễ vật đều có thể thay bằng kinh sách. Phổ nguyện những bậc hiền đạt trong nước nêu gương. Tương lai sẽ có hiệu quả thay đổi phong tục không ai hay biết.

9) Tuyên giảng lưu thông. Phàm những ngày mồng Một, Rằm hay ngày nghỉ, ở nhà thì tập hợp người nhà, trong làng thì tụ họp người làng, tùy theo trình độ mỗi người mà dẫn kinh điển làm chứng cứ để phương tiện tuyên nói, khiến người thất học cũng được thấm pháp, khiến cho sự giáo hóa lớn lao của bậc tiên thánh được phổ cập trong dân chúng, hiện tướng lưỡi rộng dài, phát vô ngại biện tài. Đây cũng là thiên chức phải nên thực hiện trọn vẹn của bậc tiên giác vậy.

10) Hàm độc lưu thông (lưu thông qua thư từ, bút thiếp). Bạn bè thân thiết qua lại nên giảm trừ những loại hư văn vô ích. Trước hết nên dẫn những lời vàng ngọc lập thân xử thế của bậc tiên triết để khuyến khích lẫn nhau, tận hết lòng thành "mượn đá nơi núi khác để làm hòn đá mài"[953]. Tùy trình độ, tùy nhược điểm của mỗi người mà khuyên cho được lợi ích. Cuối thư liệt kê những kinh sách hữu ích cho người ấy gồm bao nhiêu loại để người ấy lấy đó làm chuẩn mực để xử thế.

---

[952] Ý nói nỗi hận day dứt suốt đời vì không thể phụng dưỡng cha mẹ khi cha mẹ còn sống.
[953] Điển tích này lấy ý từ câu kinh Thi *'Tha sơn chi thạch, khả dĩ vi thác'* (hòn đá lấy từ núi khác, có thể dùng làm đá mài): Ý nói bạn bè mượn những điều hay lẽ phải của người khác để khuyên răn, rèn giũa cho nhau.

11) Thiện tả lưu thông (lưu thông kinh điển bằng cách viết chữ đẹp). Người viết chữ đẹp hễ có ai cầu xin thư pháp bèn tuyển những câu chí lý, mẫu mực trong kinh sách để viết. Nhờ đó để sửa ngay lòng người, duy trì thế đạo, công đức ấy rất lớn. Chép được trọn thiên sách hoặc toàn bộ, cho lưu hành trong đời thì công đức ấy càng vô lượng.

12) Phiên ấn lưu thông (lưu thông bằng cách in lại, in thêm cho nhiều những kinh điển, tranh tượng đã được in). Kinh điển có lợi cho thế đạo nhân tâm, nếu không có bản quyền thì hãy tom góp tiền bạc in lại để rộng lưu truyền khiến cho cả cõi đời thực hành nhân nghĩa, chẳng đến nỗi bị bỏ phế, lao ngục trong thiên hạ trống rỗng, ấy chẳng phải là nền móng trăm năm muôn kiếp đó ư?

13) Mậu dịch lưu thông (lưu thông kinh điển, tranh tượng bằng cách buôn bán). Đối với những thiện thư do các nhà xuất bản hoặc do các hàn sĩ buôn bán bèn lưu hành rộng rãi để mở rộng mậu dịch, hoặc phát hành trong các nơi cử hành pháp hội thù thắng, hoặc bán trong các đô hội lớn nhằm tạo thuận tiện cho độc giả thì chẳng những là tạo phước mà còn được thêm tiền tài.

14) Lữ hành lưu thông. Gần đây đường tàu thủy phát triển, đường xe lửa giao thông ngày càng thuận tiện, xa xôi ngàn dặm sớm chiều đã đến nơi. Lữ hành đã thuận tiện, lữ khách ngày càng đông. Người truyền đạo hoặc lựa dịp truyền bá trên đường đi, hoặc mang những truyền đơn lưu thông kinh điển phát theo đường đi để mọi người được nhiều lợi ích bởi mưa pháp.

15) Quảng cáo lưu thông. Buôn bán lợi dụng quảng cáo thì sự mậu dịch ngày càng phát đạt. Bậc Đại sĩ nên dùng cách thức tuyên truyền pháp mới mẻ này để giúp cho việc lưu thông đại pháp. Tùy thời nghiên cứu ngành quảng cáo học, ngõ hầu việc lưu truyền rộng rãi đạt được hiệu quả rộng lớn.

16) Công duyệt lưu thông (lưu thông bằng cách lưu hành nơi công cộng cho mọi người cùng đọc). Được kinh điển mà cất trên gác cao sẽ mắc tội; để suông trên bàn chẳng để cho đại chúng biết đến thì cũng mắc tội. Những kẻ có căn cứ học vấn, dùng vô ngại biện tài, thích vì nhiều người tuyên nói những khuyết điểm của kinh điển thì dầu chẳng thể nói là có tội, nhưng cũng chẳng thể bảo là không lỗi. Hoằng dương đại pháp, giáo hóa chỉ dạy rộng rãi thì không gì hay bằng lập những thư viện kinh sách công cộng tại các nơi.

Mười sáu cách lưu thông trên đây dựa theo những nguyên tắc do các bậc tiên hiền đã định, hãy châm chước theo thời đại mà thực hiện.

(Trọn bộ Tăng Quảng Chánh Biên)

Dịch cảo bản xong ngày 14 tháng 03 năm 2006
Giảo duyệt hoàn tất ngày 26 tháng 11 năm 2006

Chí Tâm Hồi Hướng

Nguyện sanh về cõi Tây Phương,
Hoa sen chín phẩm là cha mẹ mình.
Hoa nở gặp Phật chứng vô sanh,
Các vị Bồ-tát bạn lành với ta.

Trong quá trình chuyển ngữ, chắc chắn không thể tránh khỏi những sai sót không nên có, chúng con xin thành tâm đê đầu sám hối. Ngưỡng mong những vị thức giả từ bi thương xót phủ chánh và nhuận sắc để bản dịch này được hoàn thiện hơn. Nếu như việc làm không lượng sức này có chút công đức nào, đều xin hồi hướng đến Bổn sư Thích Giải Thắng, tọa chủ Bửu Quang Tự, quận 7, Sài Gòn, lịch đại tổ tiên, phụ mẫu, thân bằng quyến thuộc và những đạo hữu thân quý như Minh Tiến, Huệ Trang, Vạn Từ... đã tận tụy sửa chữa, giảo duyệt bản dịch, trình bày bản in. Cũng xin cảm tạ và hồi hướng công đức này đến các liên hữu thuộc Cổ Tấn Báo Ân Niệm Phật Đường, Tịnh tông học hội Los Angeles, Tịnh tông học hội Úc Châu, pháp sư Ngộ Sanh, đạo hữu Tuệ Tâm và hết thảy hữu tình hàm thức. Nguyện tất cả đều cùng được sanh về Liên Bang, thân cận Phật Di-đà, viên thành Phật đạo.